

**Trường Đại học Tài chính - Marketing, Tp. HCM**



TS. Nguyễn Công Hoan

# **TUYỂN ĐIỂM DU LỊCH VIỆT NAM**

*(Dành cho sinh viên ngành Du lịch, QTDVDL&LH)*

**TP. HỒ CHÍ MINH, NĂM 2021**

## MỤC LỤC

CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ TUYẾN, ĐIỂM DU LỊCH VÀ KHÁI QUÁT ĐÔI NÉT VỀ DU LỊCH VIỆT NAM.....	7
1.1. Những vấn đề chung về tuyến, điểm du lịch.....	7
1.1.1. Một số khái niệm cơ bản về tuyến, điểm, khu du lịch .....	7
1.1.2. Vai trò của các tuyến, điểm, khu du lịch đối với sự phát triển du lịch Việt Nam.....	9
1.1.3. Điều kiện để hình thành và phát triển tuyến, điểm, khu du lịch.....	10
1.1.4. Các nhóm tiêu chí chính cho các tuyến, điểm, khu du lịch.....	13
1.1.5. Phân loại các nhóm tiêu chí chính cho các tuyến, điểm, khu du lịch.....	13
1.1.6. Phân loại tuyến, điểm, khu du lịch Việt Nam .....	15
1.1.7. Tổ chức không gian phát triển du lịch theo vùng.....	17
1.2. Giới thiệu chung về du lịch Việt Nam .....	18
1.2.1. Tài nguyên du lịch tự nhiên .....	18
1.2.2. Đặc điểm xã hội và tài nguyên du lịch nhân văn .....	20
1.2.3. Tài nguyên du lịch nhân văn .....	21
1.2.4. Hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ du lịch .....	23
1.2.5. Hệ thống cơ sở hạ tầng xã hội.....	25
1.3. Hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch .....	26
1.3.1. Cơ sở lưu trú du lịch .....	26
1.3.2. Cơ sở Nhà hàng ăn uống du lịch.....	26
1.3.3. Cơ sở dịch vụ lữ hành, cung cấp thông tin, tư vấn du lịch.....	26
1.3.4. Phương tiện vận chuyển khách du lịch và dịch vụ trên phương tiện .....	26
1.3.5. Cơ sở dịch vụ tại khu, điểm hấp dẫn du lịch.....	26
1.4. Nguồn lực về lao động.....	27
CHƯƠNG 2: TUYẾN ĐIỂM DU LỊCH VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG.....	31
2.1. Khái quát chung về vùng du lịch đồng bằng sông Cửu Long.....	31
2.1.1. Tài nguyên du lịch tự nhiên .....	31
2.1.2. Tài nguyên du lịch nhân văn .....	32
2.1.3. Cơ sở vật chất kỹ thuật - cơ cấu hạ tầng phục vụ du lịch đồng bằng sông Cửu Long .....	33
2.1.4. Các tuyến điểm du lịch và loại hình du lịch vùng du lịch đồng bằng sông Cửu Long .....	35
2.2. Một số tuyến điểm du lịch chủ yếu vùng du lịch đồng bằng sông cửu long.....	36
2.2.1. Một số tuyến nội tỉnh Long An.....	36
2.2.2. Một số tuyến nội tỉnh Tiền Giang .....	40
2.2.3. Một số tuyến nội tỉnh Bến Tre .....	44

2.2.4. Một số tuyến nội tỉnh Đồng Tháp.....	47
2.2.5. Một số tuyến nội tỉnh Vĩnh Long.....	52
2.2.6. Một số tuyến nội tỉnh Trà Vinh.....	53
<i>Chùa Nôdol</i> .....	55
2.2.7. Một số tuyến nội tỉnh An Giang.....	56
2.2.8. Một số tuyến nội thành phố Cần Thơ.....	63
2.2.9. Một số tuyến nội tỉnh Hậu Giang.....	66
2.2.10. Một số tuyến nội tỉnh Sóc Trăng.....	68
2.2.11. Một số tuyến nội tỉnh Kiên Giang.....	71
2.2.12. Một số tuyến nội tỉnh Bạc Liêu.....	74
2.2.13. Một số tuyến nội tỉnh Cà Mau .....	76
2.3. Các tuyến du lịch xuyên vùng đồng bằng sông Cửu Long .....	79
2.3.1. Tuyến du lịch gắn với mạng lưới giao thông .....	79
2.3.2. Tuyến du lịch gắn với sản phẩm du lịch chuyên đề .....	79
2.3.3. Tuyến du lịch liên vùng và quốc tế .....	80
<b>CHƯƠNG 3: TUYẾN, ĐIỂM VÙNG DU LỊCH ĐÔNG NAM BỘ.....</b>	<b>82</b>
3.1. Khái quát chung về vùng du lịch Đông Nam Bộ .....	82
3.1.1. Tài nguyên du lịch tự nhiên .....	82
3.1.2. Tài nguyên du lịch nhân văn .....	84
3.1.3. Cơ sở vật chất kỹ thuật – cơ cấu hạ tầng phục vụ du lịch.....	84
3.1.4. Các điểm tuyến du lịch và loại hình du lịch vùng du lịch Đông Nam Bộ.....	85
3.2. Một số tuyến điểm du lịch chủ yếu vùng du lịch Đông Nam Bộ.....	86
3.2.1. Một số tuyến điểm du lịch nội tỉnh thành phố Hồ Chí Minh .....	86
3.2.2. Một số tuyến điểm du lịch nội tỉnh Bình Dương .....	97
3.2.3. Một số tuyến điểm du lịch nội tỉnh Bình Phước .....	102
3.2.4. Một số tuyến điểm du lịch nội tỉnh Đồng Nai.....	105
3.2.5. Một số tuyến điểm du lịch nội tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu .....	108
3.2.6. Một số tuyến điểm du lịch nội tỉnh Tây Ninh .....	117
3.3. Các tuyến điểm du lịch xuyên vùng Đông Nam Bộ.....	121
3.3.1. Các tuyến điểm du lịch xuyên vùng Đông Nam Bộ với các tỉnh Tây Nguyên .....	121
3.3.2. Tuyến điểm du lịch xuyên vùng Đông Nam Bộ với vùng du lịch Nam Trung Bộ .....	121
3.3.3. Tuyến điểm du lịch xuyên vùng Đông Nam Bộ với vùng du lịch Tây Nam Bộ.....	121
3.3.4. Các tuyến điểm du lịch đường sông.....	121
3.3.5. Các tuyến điểm du lịch chuyên đề .....	122
3.4. Các tuyến điểm du lịch liên vùng và quốc tế .....	122

CHƯƠNG 4: TUYẾN, ĐIỂM DU LỊCH VÙNG DU LỊCH TÂY NGUYÊN.....	124
4.1. Khái quát chung về vùng du lịch Tây Nguyên.....	124
4.1.1. Tài nguyên du lịch tự nhiên .....	124
4.1.2. Tài nguyên du lịch nhân văn .....	126
4.1.3. Cơ sở vật chất kỹ thuật – cơ cấu hạ tầng phục vụ du lịch.....	129
4.1.4. Các tuyến điểm du lịch và loại hình du lịch vùng du lịch Tây Nguyên .....	132
4.2. Một số tuyến điểm du lịch chủ yếu vùng du lịch Tây nguyên .....	134
4.2.1. Các tuyến du lịch nội tỉnh Kon Tum.....	134
4.2.2. Các tuyến du lịch nội tỉnh Gia Lai .....	138
4.2.3. Các tuyến du lịch nội tỉnh Đắk Lắk .....	142
4.2.4. Các tuyến du lịch nội tỉnh Đắk Nông.....	147
4.2.5. Các tuyến du lịch nội tỉnh Lâm Đồng .....	148
4.3. Các tuyến du lịch xuyên vùng Tây Nguyên .....	153
4.3.1. Tuyến du lịch Kon Tum - Pleiku - Buôn Ma Thuật - Gia Nghĩa.....	153
4.3.2. Các tuyến liên vùng và quốc tế .....	154
CHƯƠNG 5: TUYẾN ĐIỂM DU LỊCH VÙNG DU LỊCH NAM TRUNG BỘ .....	156
5.1. Khái quát chung về vùng du lịch duyên hải Nam Trung bộ .....	156
5.1.1. Tài nguyên du lịch tự nhiên .....	156
5.1.2. Tài nguyên du lịch nhân văn.....	156
5.1.3. Hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật – cơ cấu hạ tầng phục vụ du lịch vùng du lịch Nam Trung bộ 157	
5.1.4. Các tuyến điểm du lịch và loại hình du lịch vùng du lịch Nam Trung bộ .....	157
5.2. Một số tuyến điểm du lịch chủ yếu vùng du lịch vùng duyên hải Nam Trung bộ.....	158
5.2.1. Các tuyến Du lịch nội tỉnh Bình Thuận .....	158
5.2.2. Các tuyến Du lịch nội tỉnh Ninh Thuận .....	164
5.2.3. Các tuyến Du lịch nội tỉnh Khánh Hòa .....	169
5.2.4. Các tuyến Du lịch nội tỉnh Phú Yên.....	177
5.2.5. Các tuyến Du lịch nội tỉnh Bình Định.....	181
5.2.6. Các tuyến Du lịch nội tỉnh Quảng Ngãi .....	188
5.2.7. Các tuyến Du lịch nội tỉnh Quảng Nam.....	192
5.2.8. Các tuyến Du lịch nội thành phố Đà Nẵng .....	200
5.3. Các tuyến du lịch xuyên vùng du lịch vùng duyên hải Nam Trung bộ.....	206
CHƯƠNG 6: TUYẾN ĐIỂM DU LỊCH VÙNG DU LỊCH BẮC TRUNG BỘ .....	209
6.1. Khái quát chung về vùng du lịch Bắc Trung bộ.....	209
6.1.1. Tài nguyên du lịch tự nhiên .....	209

6.1.2. Tài nguyên du lịch nhân văn .....	213
6.1.3. Hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật – cơ cấu hạ tầng phục vụ du lịch vùng du lịch Bắc Trung bộ	216
6.1.4. Các tuyến điểm du lịch vùng du lịch Bắc Trung bộ.....	219
6.2. Một số tuyến điểm du lịch chủ yếu vùng du lịch Bắc Trung bộ .....	220
6.2.1. Tuyến điểm du lịch nội vùng tỉnh Thanh Hóa .....	220
6.2.2. Tuyến điểm du lịch nội vùng tỉnh Nghệ An.....	226
6.2.3. Tuyến điểm du lịch nội vùng tỉnh Hà Tĩnh.....	229
6.2.4. Tuyến điểm du lịch nội vùng tỉnh Quảng Bình.....	232
6.2.5. Tuyến điểm du lịch nội vùng tỉnh Quảng Trị.....	236
6.2.6. Tuyến điểm du lịch nội vùng tỉnh Thừa Thiên Huế.....	241
6.3. Tuyến điểm du lịch xuyên vùng du lịch vùng Bắc Trung bộ.....	261
<b>CHƯƠNG 7: TUYẾN ĐIỂM DU LỊCH VÙNG DU LỊCH ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG VÀ DUYÊN HẢI ĐÔNG BẮC.....</b>	<b>265</b>
7.1. Khái quát chung về vùng du lịch đồng bằng sông Hồng và duyên hải Đông Bắc .....	265
7.1.1. Tài nguyên du lịch tự nhiên .....	265
7.1.2. Tài nguyên du lịch nhân văn .....	267
7.1.3. Cơ sở vật chất kỹ thuật – cơ cấu hạ tầng phục vụ du lịch.....	270
7.1.4. Các tuyến điểm du lịch và loại hình du lịch vùng du lịch ĐBSH&DHĐB.....	273
7.2. Một số tuyến điểm du lịch chủ yếu vùng du lịch đồng bằng sông Hồng và duyên hải Đông Bắc .....	275
7.2.1. Một số tuyến điểm du lịch nội vùng đồng bằng sông Hồng và duyên hải Đông Bắc .....	275
7.2.2. Các tuyến du lịch nội vùng thành phố Hà Nội .....	280
7.2.3. Các tuyến du lịch nội vùng tỉnh Bắc Ninh .....	301
7.2.4. Các tuyến du lịch nội vùng tỉnh Hải Dương .....	304
7.2.5. Các tuyến du lịch nội vùng tỉnh Hưng Yên.....	310
7.2.6. Các tuyến du lịch nội vùng tỉnh Quảng Ninh.....	317
7.2.7. Các tuyến du lịch nội vùng thành phố Hải Phòng.....	327
7.2.8. Các tuyến du lịch nội vùng tỉnh Hà Nam .....	333
7.2.9. Các tuyến du lịch nội vùng tỉnh Nam Định.....	336
7.2.10. Các tuyến du lịch nội vùng tỉnh Ninh Bình.....	341
7.2.11. Các tuyến du lịch nội vùng tỉnh Thái Bình .....	351
7.3. Các tuyến du lịch xuyên vùng các tỉnh .....	355
7.3.1. Các tuyến du lịch xuyên tỉnh.....	355
7.3.2. Các tuyến du lịch phụ trợ .....	355
7.3.3. Các tuyến du lịch chuyên đề .....	355

CHƯƠNG 8: TUYẾN ĐIỂM DU LỊCH VÙNG DU LỊCH TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ.....	358
8.1. Khái quát chung về vùng du lịch Trung du và miền núi Bắc bộ.....	358
8.1.1. Tài nguyên du lịch tự nhiên .....	358
8.1.2. Tài nguyên du lịch nhân văn .....	359
8.1.3. Cơ sở vật chất kỹ thuật – Cơ cấu hạ tầng phục vụ du lịch .....	359
8.1.4. Các tuyến điểm du lịch và loại hình du lịch vùng du lịch Trung du và miền núi Bắc Bộ .....	360
8.2. Một số tuyến điểm du lịch nội vùng và loại hình du lịch vùng du lịch Trung du và miền núi Bắc Bộ .....	361
8.2.1. Một số tuyến du lịch nội vùng tỉnh Hòa Bình.....	361
8.2.2. Một số tuyến du lịch nội vùng tỉnh Lai Châu.....	366
8.2.3. Một số tuyến du lịch nội vùng tỉnh Sơn La.....	368
8.2.4. Một số tuyến du lịch nội vùng tỉnh Yên Bái .....	371
8.2.5. Một số tuyến du lịch nội vùng tỉnh Lào Cai .....	373
8.2.6. Một số tuyến du lịch nội vùng tỉnh Điện Biên.....	378
8.2.7. Một số tuyến du lịch nội vùng tỉnh Thái Nguyên .....	383
8.2.8. Một số tuyến du lịch nội vùng tỉnh Bắc Kạn .....	386
8.2.9. Một số tuyến du lịch nội vùng tỉnh Cao Bằng .....	390
8.2.10. Một số tuyến du lịch nội vùng tỉnh Lạng Sơn.....	397
8.2.11. Một số tuyến du lịch nội vùng tỉnh Bắc Giang .....	400
8.2.12. Một số tuyến du lịch nội vùng tỉnh Tuyên Quang .....	406
8.2.13. Một số tuyến du lịch nội vùng tỉnh Hà Giang.....	409
8.2.14. Một số tuyến du lịch nội vùng tỉnh Vĩnh Phúc .....	415
8.2.14. Một số tuyến du lịch nội vùng tỉnh Phú Thọ.....	420
8.3. Một số tuyến tham quan du lịch liên vùng.....	424
8.4. Các tuyến du lịch quốc gia và quốc tế .....	424
8.4.1. Các tuyến du lịch quốc gia.....	424
8.4.2. Các tuyến du lịch quốc tế.....	425
KẾT LUẬN.....	427
TÀI LIỆU THAM KHẢO .....	429

# CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ TUYẾN, ĐIỂM DU LỊCH VÀ KHÁI QUÁT ĐÔI NÉT VỀ DU LỊCH VIỆT NAM

Sau khi học xong chương này, sinh viên có các kiến thức sau:

- Hiểu được khái niệm du lịch, điểm tham quan, tuyến, khu du lịch
- Hiểu được các loại hình tài nguyên du lịch như tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch nhân văn.
- Hiểu được điều kiện hình thành và phát triển tuyến, điểm, khu du lịch thuộc quốc gia hay địa phương.
- Nắm rõ các tiêu chí để hình thành điểm, khu, tuyến du lịch và từ đó biết được các vùng du lịch ở Việt Nam.
- Nắm được khái quát chung về du lịch Việt Nam về điều kiện tự nhiên, điều kiện nhân văn, tài nguyên du lịch Việt Nam, nguồn nhân lực, cơ sở lưu trú, hạ tầng cơ sở - kỹ thuật, dịch vụ ăn uống phục vụ du lịch.
- Nắm được các tiêu chí cơ bản để phân vùng du lịch Việt Nam hiện nay.

## 1.1. Những vấn đề chung về tuyến, điểm du lịch

### 1.1.1. Một số khái niệm cơ bản về tuyến, điểm, khu du lịch

#### 1.1.1.1. Khái niệm du lịch

Theo Luật Du lịch Việt Nam, năm 2005 có nêu “*Du lịch là các hoạt động có liên quan đến chuyến đi của con người ngoài nơi cư trú thường xuyên của mình nhằm đáp ứng nhu cầu tham quan, tìm hiểu, giải trí, nghỉ dưỡng trong một khoảng thời gian nhất định*”<sup>1</sup>. Do đó, Hơn nữa, trong những năm gần đây việc khai thác du lịch cần phải thống nhất đồng bộ, có kế hoạch bảo vệ môi trường xanh, trong, sạch tại các điểm du lịch cũng như quy hoạch các điểm du lịch theo hướng bền vững. Do đó, “*Du lịch bền vững là sự phát triển du lịch đáp ứng được các nhu cầu hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu về du lịch trong tương lai*”<sup>2</sup>.

Theo khoản 1 Điều 3 Luật Du lịch Việt Nam 2017 sửa đổi và bổ sung có nêu về du lịch như sau: “*Du lịch là các hoạt động có liên quan đến chuyến đi của con người ngoài nơi cư trú thường xuyên trong thời gian không quá 01 năm liên tục nhằm đáp ứng nhu cầu tham quan, nghỉ dưỡng, giải trí, tìm hiểu, khám phá tài nguyên du lịch hoặc kết hợp với mục đích hợp pháp khác*”<sup>3</sup>.

#### 1.1.1.2. Khái niệm điểm tham quan

Theo Luật Du lịch Việt Nam Điều 4, khoản 5 năm 2005 đã nêu: “*Tham quan là hoạt động của khách du lịch trong ngày tới thăm nơi có tài nguyên du lịch với mục đích tìm hiểu, thưởng thức những giá trị của tài nguyên du lịch*”<sup>4</sup>. Đây là khái niệm nói về lượng khách đến tham quan nơi có cảnh quan thiên nhiên, di tích văn hóa, lễ hội hoặc một nghi lễ, hoặc văn hóa sắc tộc của một dân tộc thiểu số ở vùng du lịch của Việt Nam nhằm đáp ứng nhu

<sup>1</sup> Khoản 1, Điều 4, Luật Du lịch Việt Nam, năm 2005r

<sup>2</sup> Khoản 18, Điều 4, Luật Du lịch Việt Nam, năm 2005

<sup>3</sup> Khoản 1, Điều 3, Luật Du lịch Việt Nam, năm 2017

<sup>4</sup> Khoản 5, Điều 4, Luật Du lịch Việt Nam, năm 2005

cầu văn hóa tâm linh, thưởng thức cảnh quan thiên nhiên hoặc theo một thói quan hoặc một nhu cầu nào đó của con người.

#### 1.1.1.3. Khái niệm về tuyến du lịch

Theo Luật Du lịch Việt Nam Điều 4, khoản 9 năm 2005 đã nêu: *Tuyến du lịch là lộ trình liên kết các khu du lịch, điểm du lịch, cơ sở cung cấp dịch vụ du lịch, gắn với các tuyến giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy, đường hàng không*<sup>5</sup>.

#### 1.1.1.4. Khái niệm về điểm du lịch

Theo Luật Du lịch Việt Nam năm 2005 có nêu “*Điểm du lịch là nơi có tài nguyên du lịch hấp dẫn, phục vụ nhu cầu tham quan của khách du lịch*”<sup>6</sup>. Để trở thành một điểm du lịch hấp dẫn đạt chuẩn quốc gia hoặc địa phương phải có những tiêu chuẩn và tiêu chí về diện tích, số lượng khách đến tham quan trung bình mỗi năm, cơ sở vật chất đáp ứng nhu cầu phục vụ cho du khách tối thiểu và các dịch vụ du lịch bổ sung khác phục vụ cho khách đến tham quan như: dịch vụ lưu trú, ăn uống, cảnh quan, di tích lịch sử văn hóa – nghệ thuật, các chương trình văn hóa nghệ thuật, lễ hội, những nghi lễ mang tính linh thiêng chương trình vui chơi giải trí... thỏa mãn nhu cầu văn hóa tinh thần của du khách.

Theo khoản 7 Điều 3 Luật Du lịch Việt Nam 2017 sửa đổi và bổ sung có nêu về du lịch như sau: “*Điểm du lịch là nơi có tài nguyên du lịch được đầu tư, khai thác phục vụ khách du lịch*”<sup>7</sup>.

#### 1.1.1.5. Khái niệm về khu du lịch

Theo Luật Du lịch Việt Nam, Điều 4, khoản 7, năm 2005 có nêu: “*Khu du lịch là nơi có tài nguyên du lịch hấp dẫn với ưu thế về tài nguyên du lịch tự nhiên, được quy hoạch, đầu tư phát triển nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách du lịch, đem lại hiệu quả về kinh tế - xã hội và môi trường*”.

Bất cứ một địa phương hay quốc gia nào cũng muốn đầu tư vào các khu du lịch của mình, với mong muốn khai thác tài nguyên nhân văn, tài nguyên thiên nhiên sẵn có.

Theo khoản 6 Điều 3 Luật Du lịch Việt Nam 2017 sửa đổi và bổ sung có nêu về du lịch như sau: “*Khu du lịch là khu vực có ưu thế về tài nguyên du lịch, được quy hoạch, đầu tư phát triển nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách du lịch. Khu du lịch bao gồm khu du lịch cấp tỉnh và khu du lịch cấp quốc gia*”<sup>8</sup>.

#### 1.1.1.6. Khái niệm về tài nguyên du lịch

Theo Luật Du lịch Việt Nam, Điều 4, khoản 4, năm 2005 có nêu: “*Tài nguyên du lịch là cảnh quan thiên nhiên, yếu tố tự nhiên, di tích lịch sử - văn hoá, công trình lao động sáng tạo của con người và các giá trị nhân văn khác có thể được sử dụng nhằm đáp ứng nhu cầu du lịch, là yếu tố cơ bản để hình thành các khu du lịch, điểm du lịch, tuyến du lịch, đô thị du lịch*”. Nhưng Tài nguyên du lịch nó bao gồm cả tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch nhân văn đã và đang và sẽ được khai thác nhằm phục vụ cho hoạt động du lịch. Do đó, trong Điều 13, Khoản 1 của Luật Du lịch Việt Nam, năm 2005 có ghi:

*Tài nguyên du lịch tự nhiên gồm các yếu tố địa chất, địa hình, địa mạo, khí hậu, thủy văn, hệ sinh thái, cảnh quan thiên nhiên có thể được sử dụng phục vụ mục đích du lịch.*

*Tài nguyên du lịch nhân văn gồm truyền thống văn hóa, các yếu tố văn hoá, văn nghệ dân gian, di tích lịch sử, cách mạng, khảo cổ, kiến trúc, các công trình lao động sáng tạo*

<sup>5</sup> Khoản 9, Điều 4, Luật Du lịch Việt Nam, năm 2005

<sup>6</sup> Khoản 8, Điều 4, Luật Du lịch Việt Nam, năm 2005

<sup>7</sup> Khoản 7, Điều 3, Luật Du lịch Việt Nam, năm 2017

<sup>8</sup> Khoản 6, Điều 3, Luật Du lịch Việt Nam, năm 2017



*của con người và các di sản văn hoá vật thể, phi vật thể khác có thể được sử dụng phục vụ mục đích du lịch.*

Đề khai thác các tài nguyên du lịch, các tài nguyên du lịch không chỉ thuộc quyền sở hữu nhà nước mà còn có thể thuộc quyền sở hữu của tổ chức, hoặc cá nhân.

Theo khoản 4 Điều 3 Luật Du lịch Việt Nam 2017 sửa đổi và bổ sung có nêu về du lịch như sau: *“Tài nguyên du lịch là cảnh quan thiên nhiên, yếu tố tự nhiên và các giá trị văn hóa làm cơ sở để hình thành sản phẩm du lịch, khu du lịch, điểm du lịch, nhằm đáp ứng nhu cầu du lịch. Tài nguyên du lịch bao gồm tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch văn hóa”*<sup>9</sup>.

Do đó, đối với tài nguyên du lịch văn hóa thì tại khoản 15, 17 Điều 3 Luật Du lịch Việt Nam 2017 sửa đổi và bổ sung có nêu về du lịch như sau<sup>10</sup>:

- Du lịch cộng đồng là loại hình du lịch được phát triển trên cơ sở các giá trị văn hóa của cộng đồng, do cộng đồng dân cư quản lý, tổ chức khai thác và hưởng lợi.

- Du lịch văn hóa là loại hình du lịch được phát triển trên cơ sở khai thác giá trị văn hóa, góp phần bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống, tôn vinh giá trị văn hóa mới của nhân loại”

Đối với tài nguyên du lịch tự nhiên thì tại khoản 16 Điều 3 Luật Du lịch Việt Nam 2017 sửa đổi và bổ sung có nêu: Du lịch sinh thái là loại hình du lịch dựa vào thiên nhiên, gắn với bản sắc văn hóa địa phương, có sự tham gia của cộng đồng dân cư, kết hợp giáo dục về bảo vệ môi trường.

Theo khoản 1, điều 15 Luật du lịch Việt Nam 2017 có nêu: Tài nguyên du lịch tự nhiên bao gồm cảnh quan thiên nhiên, các yếu tố địa chất, địa mạo, khí hậu, thủy văn, hệ sinh thái và các yếu tố tự nhiên khác có thể được sử dụng cho mục đích du lịch.

Theo khoản 2, điều 15 Luật du lịch Việt Nam 2017 có nêu: Tài nguyên du lịch văn hóa bao gồm di tích lịch sử - văn hóa, di tích cách mạng, khảo cổ, kiến trúc; giá trị văn hóa truyền thống, lễ hội, văn nghệ dân gian và các giá trị văn hóa khác; công trình lao động sáng tạo của con người có thể được sử dụng cho mục đích du lịch.

### **1.1.2. Vai trò của các tuyến, điểm, khu du lịch đối với sự phát triển du lịch Việt Nam**

Các tuyến, điểm, khu du lịch có vai trò quan trọng trong việc phát triển thêm mạng lưới hoạt động du lịch, đa dạng hóa các loại hình sản phẩm du lịch vừa mang tính đặc thù của vùng, miền, loại hình du lịch của địa phương và quốc gia nơi có tuyến, điểm, khu du lịch của nước ta. Từ các yếu tố đó tạo nên sức hút của khách du lịch đến tham quan, lưu trú, ăn uống, giải trí, tiêu dùng các dịch vụ du lịch, nhằm đa dạng hóa các sản phẩm du lịch phục vụ du khách.

Các tuyến, điểm, khu du lịch tại mang tầm quốc gia hoặc địa phương sẽ tạo ra giá trị mới về kinh tế từ các hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch. Đồng thời, tại các tuyến điểm, khu du lịch đem vào khai thác du lịch sẽ đóng góp một phần kinh tế lớn từ các hoạt động kinh doanh, dịch vụ du lịch cho quốc gia và địa phương. Nguồn thu từ các dịch vụ từ khách du lịch đến tham quan, lưu trú, ăn uống, mua các sản phẩm thủ công mỹ nghệ, từ các sản phẩm đặc trưng của địa phương, các loại hình vui chơi giải trí và các dịch vụ khác nơi khai thác sản phẩm du lịch.

<sup>9</sup> Khoản 4, Điều 3, Luật Du lịch Việt Nam, năm 2017

<sup>10</sup> Khoản 15, 17, Điều 3, Luật Du lịch Việt Nam, năm 2017

Khu, tuyến, điểm du lịch có những mối quan hệ hữu cơ, phụ thuộc vào nhau hết sức khách quan. Sự tác động của con người vào mối quan hệ phụ thuộc lẫn nhau giữa các khu, tuyến, điểm du lịch nếu theo phương pháp tiếp cận khoa học dựa trên quy hoạch chiến lược phát triển dựa trên cân đối cung cầu du lịch, phụ thuộc đầu tư một cách hợp lý và cân bằng các kết quả khả quan, mang lại hiệu quả kinh tế, xã hội và mức sinh hoạt cao.

### **1.1.3. Điều kiện để hình thành và phát triển tuyến, điểm, khu du lịch**

#### **1.1.3.1. Điều kiện để hình thành tuyến, điểm, khu du lịch**

##### **Điều kiện hình thành tuyến du lịch**

Theo trong Mục a, b, Khoản 1, và khoản 2, Điều 25, Luật du lịch Việt Nam năm 2005, có nêu về tiêu chuẩn tuyến du lịch quốc gia và địa phương như sau:

##### *Đối với tuyến du lịch quốc gia*

Để đạt các tiêu chuẩn trở thành tuyến du lịch quốc gia là các tuyến du lịch phải có sự nối kết với các khu, điểm du lịch quốc gia và có tính liên vùng trong nước và quốc tế. Đồng thời, tuyến du lịch đó phải đảm bảo môi trường, cảnh quan và các cơ sở dịch vụ phục vụ cho khách du lịch trong suốt tuyến du lịch.

- Nối các khu du lịch, điểm du lịch, trong đó có khu du lịch, điểm du lịch quốc gia, có tính chất liên vùng, liên tỉnh, kết nối với các cửa khẩu quốc tế;

- Có biện pháp bảo vệ cảnh quan, môi trường và cơ sở dịch vụ phục vụ khách du lịch dọc theo tuyến.

##### *Đối với tuyến du lịch địa phương*

Để đạt các tiêu chuẩn trở thành tuyến du lịch địa phương là các tuyến du lịch phải có sự nối kết với các khu, điểm du lịch trong phạm vi của địa phương và phải đảm bảo môi trường, cảnh quan và các cơ sở dịch vụ phục vụ cho khách du lịch dọc theo tuyến du lịch mà lịch trình chương trình đã đưa ra.

- Các khu du lịch, điểm du lịch có sự kết nối trong phạm vi địa phương;

- Có biện pháp bảo vệ cảnh quan, môi trường và cơ sở dịch vụ phục vụ khách du lịch dọc theo tuyến.

##### **Điều kiện hình thành điểm du lịch**

Theo trong Mục a, b, Khoản 1 và 2, Điều 24, Luật du lịch Việt Nam năm 2005, có nêu về tiêu chuẩn điểm du lịch quốc gia và địa phương như sau:

##### *Đối với điểm du lịch quốc gia*

Để được công nhận là một điểm du lịch cấp quốc gia, hoặc địa phương thì điểm du lịch phải đạt đủ các điều kiện, tiêu chuẩn của điểm du lịch được công nhận là điểm du lịch quốc gia:

- Có tài nguyên du lịch đặc biệt hấp dẫn đối với nhu cầu tham quan của khách du lịch;

- Có kết cấu hạ tầng và dịch vụ du lịch cần thiết, có khả năng bảo đảm phục vụ ít nhất một trăm nghìn lượt khách tham quan một năm.

##### *Đối với điểm du lịch địa phương*

- Có tài nguyên du lịch hấp dẫn đối với nhu cầu tham quan của khách du lịch.

- Có kết cấu hạ tầng và dịch vụ du lịch cần thiết, có khả năng bảo đảm phục vụ ít nhất mười nghìn lượt khách tham quan một năm.

##### **Điều kiện hình thành khu du lịch**

Để được công nhận là một khu du lịch cấp quốc gia hoặc địa phương thì khu du lịch đó phải đạt đủ các điều kiện sau đây:

### *Đối với khu du lịch quốc gia*

- Có tài nguyên du lịch đặc biệt hấp dẫn với ưu thế về cảnh quan thiên nhiên, có khả năng thu hút lượng khách du lịch cao.

- Có diện tích tối thiểu một nghìn héc ta, trong đó có diện tích cần thiết để xây dựng các công trình, cơ sở dịch vụ du lịch phù hợp với cảnh quan, môi trường của khu du lịch; trường hợp đặc biệt mà diện tích nhỏ hơn thì cơ quan quản lý nhà nước về du lịch ở trung ương trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

- Có kết cấu hạ tầng, cơ sở vật chất - kỹ thuật du lịch đồng bộ, có khả năng bảo đảm phục vụ ít nhất một triệu lượt khách du lịch một năm, trong đó có cơ sở lưu trú và dịch vụ du lịch cần thiết phù hợp với đặc điểm của khu du lịch.

### *Đối với khu du lịch địa phương*

- Có tài nguyên du lịch hấp dẫn, có khả năng thu hút khách du lịch

- Có diện tích tối thiểu hai trăm héc ta, trong đó có diện tích cần thiết để xây dựng các công trình, cơ sở dịch vụ du lịch

- Có kết cấu hạ tầng, cơ sở vật chất - kỹ thuật du lịch, cơ sở lưu trú và dịch vụ du lịch cần thiết phù hợp với đặc điểm của địa phương, có khả năng bảo đảm phục vụ ít nhất một trăm nghìn lượt khách du lịch một năm.

Theo khoản 1, điều 26 Luật du lịch Việt Nam 2017 có nêu về điều kiện công nhận khu du lịch cấp tỉnh bao gồm:

- Có tài nguyên du lịch với ưu thế về cảnh quan thiên nhiên hoặc giá trị văn hóa, có ranh giới xác định;

- Có kết cấu hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật, dịch vụ đáp ứng nhu cầu lưu trú, ăn uống và các nhu cầu khác của khách du lịch;

- Có kết nối với hệ thống hạ tầng giao thông, viên thông quốc gia;

- Đáp ứng điều kiện về an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

Theo khoản 2, điều 26 Luật du lịch Việt Nam 2017 có nêu về điều kiện công nhận khu du lịch cấp quốc gia bao gồm:

- Có tài nguyên du lịch đa dạng, đặc biệt hấp dẫn với ưu thế về cảnh quan thiên nhiên hoặc giá trị văn hóa, có ranh giới xác định;

- Có trong danh mục các khu vực tiềm năng phát triển khu du lịch quốc gia được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

- Có kết cấu hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật, dịch vụ chất lượng cao đồng bộ đáp ứng nhu cầu lưu trú, ăn uống và các nhu cầu khác của khách du lịch;

- Có kết nối với hệ thống hạ tầng giao thông, viên thông quốc gia;

- Đáp ứng điều kiện về an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

### **1.1.3.2. Điều kiện để phát triển tuyến, điểm, khu du lịch**

#### **Điều kiện phát triển tuyến du lịch**

Phải có khả năng thực hiện kết nối các điểm du lịch tạo thành những hành lang di chuyển khách du lịch thông qua phương tiện vận chuyển, hình thức vận động du lịch khác nhau một cách hợp lý. Nơi đó có các khoản chi phí thấp nhất từ các thị trường khách du lịch, các cửa khẩu quốc tế đến các điểm, khu du lịch và khả năng tạo thành những hành lang lộ trình kết nối giữa các điểm, khu du lịch với nhau. Phải có hệ thống cơ sở hạ tầng về giao thông đường không, đường thủy, đường sắt, đường bộ, đường biển.

Tuyến du lịch phải có đủ điều kiện về kỹ thuật cho phương tiện vận chuyển du lịch hoặc khách du lịch bộ hành đi lại thuận lợi và an toàn cho cả phương tiện và khách du lịch.

Tổ chức hình thành phát triển tuyến du lịch phải được cơ quan chuyên ngành thực hiện và được các cơ quan quản lý trực tiếp thẩm định cho phép sử dụng và khai thác tài nguyên du lịch.

Có phương án tổ chức và gìn giữ, đảm bảo trật tự an toàn, an ninh cho khách du lịch theo hành lang của tuyến du lịch. Đối với các tuyến du lịch đặc thù còn có các điều kiện riêng:

- Tuyến du lịch dành cho khách du lịch leo núi, khám phá, thám hiểm, đi bộ (trekking tour) ở những vùng núi non hiểm trở, vườn quốc gia và khu bảo tồn thiên nhiên đảm bảo:

- + Người dẫn đường, hoặc hướng dẫn viên địa phương thông thạo địa hình, có kinh nghiệm xử lý các tình huống có thể xảy ra với khách du lịch như: rắn cắn, thú rừng, sốt rét; phải biết sơ cứu cấp cứu ban đầu đối với khách du lịch khi bị nạn và ốm dọc đường, phải có túi thuốc dự phòng mang theo.

- + Tuyến du lịch được kết nối từ khu, điểm du lịch này đến điểm, khu du lịch khác hợp lý về thời gian, cung đường, tránh tình trạng để khách du lịch nghỉ qua đêm không có nơi cư trú.

- + Phải tổ chức mua bảo hiểm bắt buộc cho khách du lịch đi theo tuyến du lịch hoặc mua bảo hiểm trọn gói tour du lịch thông qua tổ chức du lịch.

- + Phải cấm biển báo và sơ đồ tuyến tránh lạc đường.

- Tuyến du lịch hình thành phát triển theo các lạch suối, lòng sông, lòng kênh rạch phù hợp cho các loại hình du lịch mạo hiểm, sinh thái, thể thao, cảm giác mạnh.

- Tuyến du lịch địa hình dành cho khách du lịch đi ô tô địa hình, xe gắn máy, xe đạp theo loại hình du lịch mạo hiểm, thể thao.

### **Điều kiện phát triển điểm du lịch**

Căn cứ vào định nghĩa về điểm du lịch và tài nguyên du lịch trong Luật Du lịch Việt Nam năm 2005 thì việc hình thành phát triển điểm du lịch phải có những điều kiện bắt buộc và cần thiết như sau:

- Có ít nhất 1 loại tài nguyên du lịch (tài nguyên du lịch thiên nhiên hoặc tài nguyên du lịch nhân văn) hấp dẫn, có khả năng thu hút khách du lịch trong và ngoài nước.

- Nằm trong quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia hoặc địa phương và phải được Bộ chủ quản quản lý chấp nhận về mặt pháp lý.

- Phải có sự đồng ý của tổ chức hoặc cá nhân sở hữu có quyền sở hữu, sử dụng đối với tài nguyên du lịch đó.

- Phải có mặt bằng không gian diện tích đủ rộng để tiếp đón ít nhất 2 đoàn khách du lịch đi tập thể với số lượng 40 khách du lịch cùng một lúc, và có các vị trí đỗ xe tương ứng.

- Phải có thị trường khách và không gian liên kết nhằm tạo ra giá trị về kinh tế và hiệu quả xã hội mà trước hết thông qua du lịch, tham quan, bồi dưỡng, nâng cao dân trí, nhân sinh quan... cho các đối tượng khách du lịch đến tham quan.

- Phải có thị trường, đối tượng khách du lịch trong nước và quốc tế, có đủ không gian lưu thông, hành lang liên kết du lịch với các thị trường du lịch, với các cửa khẩu và các điểm.

- Phải có hướng dẫn viên hoặc thuyết minh viên am hiểu sâu về lịch sử, địa lý, văn hóa, và hiểu về điều kiện hình thành và phát triển, giá trị tài nguyên của điểm du lịch.

### **Điều kiện phát triển khu du lịch**

- Phải nằm trong không gian lưu thông hợp lý và phù hợp với thị trường, đối tượng du lịch hưởng thụ, nghỉ cuối tuần, nghỉ hè và hoàn toàn khả năng, điều kiện để kiến tạo và tổ chức hành mạng lưới hành lang liên kết hay lộ trình kết nối với các thị trường du lịch. Đối tượng khai thác chủ yếu của khu du lịch và các điểm khu du lịch cửa khẩu, điểm du lịch và các khu du lịch khác.

- Khu du lịch cấp quốc gia, hoặc cấp địa phương phải nằm trong khu quy hoạch tổng thể du lịch quốc gia hoặc của địa phương phải nằm trong vùng phát triển kinh tế vùng, địa phương theo những định hướng chiến lược phát triển du lịch thống nhất chung của quốc gia, địa phương.

- Khu du lịch phải được tổ chức hình thành khu du lịch nhất thiết phải có dự án và luận chứng kinh tế kỹ thuật và phải qua thẩm định theo trình tự quy định của pháp luật. Khu du lịch chỉ được tổ chức hình thành, khai thác kinh doanh được cấp có thẩm quyền theo phân cấp của Nhà nước cho phép phát triển để hoạt động.

- Khu du lịch đó phải có mặt bằng, không gian diện tích đất hoặc mặt nước đủ rộng để cấu trúc, thiết kế hình thành hệ thống cơ sở kỹ thuật vật chất phục vụ du khách theo hướng đa năng, đa dịch vụ đa sản phẩm như khu lưu trú, khu vui chơi giải trí, khu thể thao, khu ăn uống, khu tham quan, khu tổ chức hội nghị, hội thảo và giao lưu văn hóa. Khu du lịch đó, không gò bó về không gian và thuận lợi cho việc làm trẻ hóa kéo dài hấp dẫn của khu du lịch.

- Khu du lịch hoạt động không hạn chế thời gian trong năm, và có thể khai thác quanh năm phục vụ đối tượng du khách trong và ngoài nước.

#### **1.1.4. Các nhóm tiêu chí chính cho các tuyến, điểm, khu du lịch**

##### **1.1.4.1. Khái niệm về tiêu chí**

*Tiêu chí:* là tập hợp các yếu tố như các quy tắc, phương thức được chấp thuận, có tính nguyên tắc chỉ đạo, dùng để phân phối, phân loại, đánh giá sự vật hiện tượng.

*Điều kiện:* các yêu cầu cần thiết phải được xác định một hiện tượng, một sự vật hay để thực hiện một điều gì đó (Ví dụ xây dựng và phát triển một khu du lịch phải có đầy đủ về tài nguyên du lịch, không gian diện tích, được quy hoạch đầu tư và phát triển.)

*Tiêu chuẩn:* Là các chỉ số (Mức độ giá trị, yêu cầu) được lập bởi các cấp có thẩm quyền hoặc được công nhận rộng rãi, được lượng hóa bằng những số đo cụ thể và được dùng để đánh giá số lượng, trọng lượng, thể tích, giá trị hay chất lượng của một vật thể, thực thể, một sự việc, một hiện tượng với mục đích đánh giá xếp loại, xếp hạng hay đáp ứng được những yêu cầu và tiêu chí nhất định.

#### **1.1.5. Phân loại các nhóm tiêu chí chính cho các tuyến, điểm, khu du lịch**

##### **1.1.5.1. Tiêu chí tuyến du lịch**

*Tiêu chí tuyến du lịch quốc gia*

Các tuyến du lịch có đặc điểm là được tổ chức dọc theo hệ thống giao thông ngoài ra khi tiến hành lập quy hoạch tổng thể phát triển du lịch cho quốc gia và vùng thì các tuyến du lịch được phân hạng theo các tuyến du lịch nội vùng, tuyến du lịch quốc gia, tuyến du lịch quốc tế.

- Được thể hiện trong quy hoạch hoặc điều chỉnh quy hoạch tổng thể du lịch thuộc cấp quốc gia hoặc vùng là tuyến du lịch quốc gia.

- Tuyến du lịch phải nối các điểm du lịch, khu du lịch có tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch nhân văn, đặc biệt là có những tài nguyên du lịch đặc biệt hấp dẫn và nằm trên địa bàn nhiều tỉnh, có sự kết nối phục vụ hoạt động du lịch.

- Tuyến du lịch quốc gia phải có sự gắn nối hệ thống giao thông quốc gia giữa các vùng du lịch thuận lợi cho việc đón, trả, vận chuyển thực hiện tốt chương trình du lịch quốc gia.

- Tuyến du lịch phải có hệ thống cơ sở đón tiếp khách, đón tiếp nhiên liệu, bảo dưỡng phương tiện vận chuyển, cơ sở y tế phục vụ cho chương trình du lịch đang thực hiện cho cả độ dài hoặc ngắn của tuyến du lịch.

#### *Tiêu chí tuyến du lịch địa phương*

- Các điểm du lịch, tuyến du lịch phải có sự nối kết về tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch nhân văn, và các tuyến, điểm du lịch đặc biệt hấp dẫn nằm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

- Tuyến du lịch địa phương phải gắn với hệ thống giao thông của địa phương thuận tiện cho việc đón, trả khách du lịch trên cùng tuyến du lịch của địa phương theo đúng lịch trình du lịch.

- Tuyến du lịch địa phương phải có hệ thống cơ sở đón tiếp khách, tiếp nhiên liệu và bảo dưỡng phương tiện vận chuyển, có các cơ sở y tế phù hợp với độ dài của tuyến du lịch địa phương theo chương trình du lịch.

#### **1.1.5.2. Tiêu chí điểm du lịch**

##### *Tiêu chí điểm du lịch quốc gia*

Để xác định là điểm du lịch quốc gia, cần phải có những tiêu chí cụ thể như tiêu chí về mặt pháp lý, tiêu chí về cơ sở vật chất, tiêu chí về đối tượng khách tham quan, tiêu chí về các dịch vụ bổ sung khác như:

- Có ranh giới được xác định cụ thể trong văn bản pháp lý có liên quan như hồ sơ quy hoạch, quyết định công nhận điểm tài nguyên của bộ chủ quản...

- Có tài nguyên du lịch đặc biệt hấp dẫn có sức thu hút khách du lịch trong nước và quốc tế về các hoạt động tham quan, thưởng ngoạn, tìm hiểu về văn hóa, các loại hình vui chơi giải trí, mua sắm và các dịch vụ phục vụ khách du lịch khác.

- Có cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất đáp ứng nhu cầu tham quan, thưởng ngoạn, tìm hiểu của du khách trong và ngoài nước.

##### *Tiêu chí điểm du lịch địa phương*

- Có ranh giới được xác định cụ thể trong văn bản pháp lý có liên quan như hồ sơ quy hoạch, quyết định công nhận điểm tài nguyên của bộ chủ quản...

- Có tài nguyên du lịch đặc biệt hấp dẫn có sức thu hút khách du lịch đặc biệt là khách du lịch trong nước về các hoạt động tham quan, thưởng ngoạn, tìm hiểu về văn hóa, các loại hình vui chơi giải trí, mua sắm và các dịch vụ phục vụ khách du lịch khác.

- Có cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất đáp ứng nhu cầu tham quan, thưởng ngoạn, tìm hiểu của khách du lịch trong và ngoài nước, đặc biệt là khách du lịch trong nước.

#### **1.1.5.3. Tiêu chí khu du lịch**

Để có thể hình thành hoặc công nhận là khu du lịch cần phải có những tiêu chí nhất định, các tiêu chí chung cho cả hai loại hình khu du lịch quốc gia hoặc địa phương do Việt Nam công nhận như:

##### *Tiêu chí cho các khu du lịch quốc gia*

- Tiêu chí về tài nguyên du lịch bao gồm tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch nhân văn được khai thác phục vụ cho du khách trong nước và quốc tế. Đặc biệt, khu du lịch phải có tài nguyên du lịch đặc biệt hấp dẫn, nổi trội về cảnh quan thiên nhiên, về một loại hình văn hóa, và có khả năng thu hút một lượng lớn khách du lịch quốc tế và khách nội địa.

- Tiêu chí về không gian du lịch với diện tích mặt đất và mặt nước theo tiêu chuẩn quốc gia đủ rộng để phục vụ tốt các hoạt động du lịch ngoài trời, trong nhà và cả những không gian trên mặt nước của khu du lịch cho các loại hình du lịch trên mặt nước.

- Tiêu chí về đầu tư phát triển các loại hình du lịch trên cạn và dưới nước nhằm đa dạng các hoạt động du lịch, có khả năng khai thác đối đa các loại hình du lịch. Nơi đây có khả năng kêu gọi đầu tư từ các nhà đầu tư trong nước và quốc tế về các hạng mục kinh doanh du lịch tại khu du lịch.

- Tiêu chí về năng lực phục vụ nhu cầu tham quan tại các khu du lịch là rất lớn được xác định qua số lượng khách đến khu du lịch. Khu du lịch phải được khai thác quanh năm không hạn chế về mặt thời gian, lượng khách đến, và luôn mở rộng mạng lưới hoạt động dịch vụ du lịch, đối tượng khách.

- Tiêu chí về khả năng đóng góp thu nhập cho ngành du lịch quốc gia thông qua các hoạt động du lịch như khai thác các loại hình phương tiện vận chuyển, cơ sở lưu trú, dịch vụ ăn uống, dịch vụ tham quan, dịch vụ mua sắm và các loại hình dịch vụ bổ sung khác trong du lịch nhằm tăng thêm thu nhập của quốc gia từ du khách quốc tế và nội địa.

#### *Tiêu chí khu du lịch địa phương*

- Tiêu chí về tài nguyên du lịch bao gồm tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch nhân văn hấp dẫn được khai thác phục vụ cho du khách trong nước. Đặc biệt, khu du lịch phải có tài nguyên du lịch đặc biệt hấp dẫn, nổi trội về cảnh quan thiên nhiên, về một loại hình văn hóa, và có khả năng thu hút một lượng lớn khách du lịch trong nước.

- Tiêu chí về không gian du lịch với diện tích mặt đất và mặt nước theo tiêu chuẩn đủ rộng để phục vụ tốt các hoạt động du lịch ngoài trời, trong nhà và cả những không gian trên mặt nước của khu du lịch cho các loại hình du lịch trên mặt nước.

- Tiêu chí về đầu tư phát triển các loại hình du lịch trên cạn và dưới nước nhằm đa dạng các hoạt động du lịch, có khả năng khai thác đối đa các loại hình du lịch. Nơi đây có khả năng kêu gọi đầu tư từ các nhà đầu tư trong nước và quốc tế về các hạng mục kinh doanh du lịch tại khu du lịch.

- Tiêu chí về năng lực phục vụ nhu cầu tham quan tại các khu du lịch là rất lớn được xác định qua số lượng khách đến khu du lịch. Khu du lịch phải được khai thác quanh năm không hạn chế về mặt thời gian, lượng khách đến, và luôn mở rộng mạng lưới hoạt động dịch vụ du lịch, đối tượng khách.

- Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật tương đối đồng bộ, đáp ứng nhu cầu du lịch của du khách trong nước.

- Tiêu chí về khả năng đóng góp thu nhập du lịch địa phương thông qua các hoạt động du lịch như khai thác các loại hình phương tiện vận chuyển, cơ sở lưu trú, dịch vụ ăn uống, dịch vụ tham quan, dịch vụ mua sắm và các loại hình dịch vụ bổ sung khác trong du lịch nhằm tăng thêm thu nhập của quốc gia từ du khách nội địa.

### **1.1.6. Phân loại tuyến, điểm, khu du lịch Việt Nam**

Hệ thống tuyến, điểm, khu du lịch được hình thành với những yếu tố hấp dẫn có khả năng thu hút khách du lịch là những tuyến, điểm, khu du lịch quốc gia hoặc địa phương.

#### **1.1.6.1. Hệ thống tuyến du lịch Việt Nam**

Tuyến du lịch được hình thành dựa trên các yếu tố về địa lý và giao thông và phải có sự gắn kết tương đồng, bổ trợ về tài nguyên, nguồn lực và sản phẩm du lịch. Đồng thời, hệ thống tuyến du lịch dựa trên cơ sở phát triển về hệ thống giao thông, tài nguyên du lịch nhân

văn và tài nguyên du lịch tự nhiên, và nhu cầu thị trường đã hình thành các tuyến du lịch sau:

- Tuyến du lịch đường sắt xuyên Á, đường sắt Bắc- Nam là tuyến du lịch quốc tế đường bộ liên kết các vùng du lịch, điểm du lịch quan trọng của cả nước.
- Tuyến du lịch đường biển qua các cảng nối kết các trọng điểm du lịch quốc gia như vịnh Hạ Long, Đà Nẵng, Huế, Khánh Hoà và Thành phố Hồ Chí Minh.
- Tuyến du lịch hành lang Đông - Tây từ các tỉnh thuộc vùng du lịch Bắc Trung Bộ qua cửa khẩu quốc tế Lao Bảo sang Lào, Thái Lan và các nước thuộc khối ASEAN.
- Tuyến du lịch Vân Nam - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh.
- Tuyến du lịch sông Mê Kông là tuyến du lịch đường sông nối vùng du lịch sông nước đồng bằng sông Cửu Long với các tỉnh thuộc lưu vực sông Mê Kông gắn các nước tiểu vùng Mê Kông mở rộng.
- Tuyến du lịch “Con đường huyền thoại theo đường Hồ Chí Minh” từ Nghệ An đến Thành phố Hồ Chí Minh gắn kết các điểm du lịch quan trọng dọc theo vùng phía Tây của đất nước.
- Tuyến du lịch “Con đường di sản miền Trung” là tuyến hành trình qua các di sản thế giới và những điểm du lịch văn hóa quan trọng khác của Việt Nam từ Kim Liên (Nghệ An) đến Đà Lạt (Lâm Đồng).
- Tuyến du lịch "Con đường xanh Tây Nguyên" là tuyến hành trình qua các tỉnh khu vực Tây Nguyên.
- Tuyến du lịch đường biên liên kết các điểm du lịch quan trọng thuộc các tiểu vùng du lịch vùng núi phía Bắc của vùng du lịch Bắc Bộ theo quốc lộ 4A,B,C,D.
- Tuyến du lịch duyên hải Bắc Bộ theo quốc lộ 10 nối các điểm du lịch thuộc tiểu vùng Nam Bắc Bộ với các điểm du lịch thuộc tiểu vùng du lịch duyên hải Đông Bắc.
- Tuyến du lịch các tỉnh miền núi, trung du phía Bắc nhằm phối hợp xây dựng tuyến du lịch về cội nguồn từ Phú Thọ- Yên Bái - Lào Cai.
- Tuyến du lịch “Vòng cung Tây Bắc” từ Hà Nội - Hòa Bình - Sơn La - Điện Biên - Lai Châu - Lào Cai - Hà Nội.
- Tuyến du lịch về nguồn Việt Bắc đến các tỉnh Vĩnh Phúc - Thái Nguyên - Tuyên Quang - Hà Giang - Cao Bằng - Lạng Sơn - Bắc Cạn... là các tuyến du lịch văn hóa các dân tộc thiểu số kết hợp sinh thái núi cao.

#### **1.1.6.2. Hệ thống điểm du lịch Việt Nam**

Hiện nay, để hình thành điểm du lịch quốc gia dọc chiều dài của đất nước cần phải được xác định dựa vào hệ thống quy hoạch phát triển du lịch trên địa bàn điểm du lịch của từng địa phương. Các điểm du lịch quốc gia cần được phân thành ba nhóm: điểm du lịch sinh thái, điểm du lịch văn hóa và điểm du lịch sinh thái kết hợp văn hóa. Do đó, để xác định là một điểm du lịch quốc gia chủ yếu dựa trên cơ sở đánh giá về vị trí, quy mô, đặc điểm tài nguyên và mức độ hấp dẫn du lịch của điểm đó có phù hợp và đạt tiêu chuẩn của một điểm du lịch quốc gia đặt ra. Tuy nhiên, việc đánh giá xác định đối với hệ thống điểm du lịch quốc gia còn rất định tính và đạt được ở mức độ tương đối do vậy cho đến nay chưa có điểm du lịch được công nhận là điểm du lịch quốc gia, cũng vậy hệ thống điểm du lịch địa phương chưa được công nhận một cách chính thức theo quy định của Luật Du lịch.

Hệ thống điểm du lịch địa phương: được hình thành trên cơ sở khai thác các giá trị tài nguyên du lịch ít nổi trội hơn về tính đặc sắc cũng như quy mô so với các tài nguyên du lịch có giá trị cấp quốc gia.



### **1.1.6.3. Hệ thống khu du lịch Việt Nam**

Hệ thống khu du lịch căn cứ vào tiềm năng, điều kiện và yêu cầu phát triển, đảm bảo khả năng cạnh tranh nhằm phát triển du lịch. Trong thời gian qua, đã đề xuất danh mục hệ thống 21 khu du lịch quốc gia trong đó có 04 khu du lịch tổng hợp ưu tiên tập trung quy hoạch và đầu tư phát triển nhưng đến nay vẫn chưa phát triển hoàn chỉnh. Trong số 21 khu du lịch quốc gia được đề xuất thì chỉ mới có một số khu hoạt động có hiệu quả tương xứng với tầm vóc là khu du lịch quốc gia như khu du lịch Hạ Long - Cát Bà; khu du lịch văn hoá Hội An gắn với Mỹ Sơn... Một số khu du lịch quốc gia được quy hoạch như thác Bản Giốc, Phú Quốc, Hạ Long - Cát Bà...

### **1.1.6.4. Hệ thống đô thị du lịch Việt Nam**

Chiến lược phát triển hệ thống đô thị du lịch kết hợp hệ thống điểm, khu du lịch. Trong thời gian tới, Việt Nam có 12 đô thị du lịch được hình thành và phát triển bao gồm: Sa Pa (Lào Cai), Hạ Long (Quảng Ninh), Đồ Sơn (Hải Phòng), Sầm Sơn (Thanh Hóa), Cửa Lò (Nghệ An), Huế (Thừa Thiên Huế), Hội An (Quảng Nam), Nha Trang (Khánh Hòa), Phan Thiết (Bình Thuận), Đà Lạt (Lâm Đồng), Vũng Tàu (Bà Rịa – Vũng Tàu), Hà Tiên (Kiên Giang). Do đó, cần phải có những tiêu chí cụ thể, các cơ chế, chính sách về quy hoạch, đầu tư và quản lý phát triển theo đúng nghĩa nhằm phát triển tốt để đạt hiệu quả cao từ các đô thị du lịch này trong tổng thể phát triển du lịch Việt Nam.

## **1.1.7. Tổ chức không gian phát triển du lịch theo vùng**

### **1.1.7.1. Mục tiêu phát triển du lịch theo vùng**

- Cần khai thác các đặc thù về tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch nhân văn để phát triển các sản phẩm theo vùng.
- Cần có chiến lược phát triển được mỗi vùng ít nhất có một sản phẩm đặc trưng.
- Cần có kế hoạch liên kết vùng nhằm phát triển các sản phẩm tổng hợp, có sức cạnh tranh cao.

### **1.1.7.2. Quan điểm phát triển du lịch theo vùng**

- Khi phân vùng du lịch thường gắn với phân vùng kinh tế, các hành lang kinh tế quan trọng của mỗi vùng kinh tế. Mỗi vùng hoạt động du lịch là một phần của hoạt động kinh tế. Các định hướng phát triển kinh tế vùng sẽ là định hướng chung cho phát triển du lịch vùng.

- Cần lấy đặc điểm tài nguyên du lịch làm yếu tố cơ bản để tạo vùng. Khai thác đặc điểm tài nguyên để phát triển các sản phẩm du lịch đặc thù cho từng vùng. Các địa phương trong một vùng phải có đặc điểm tài nguyên tương đối giống nhau và phân biệt so với vùng khác.

- Hệ thống giao thông phải thuận tiện ở mức độ nhất định nhằm liên kết du lịch giữa các địa phương trong vùng.

- Có khả năng phát triển du lịch theo cùng một cơ chế. Các địa phương trong một vùng có cùng cơ chế chính sách phát triển kinh tế - xã hội nói chung và du lịch nói riêng.

### **1.1.7.3. Căn cứ phát triển du lịch theo vùng**

- Sự phân bố và các đặc điểm của tài nguyên du lịch theo lãnh thổ.
- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hệ thống đô thị và đặc biệt là hệ thống cửa khẩu, sân bay quốc tế, hệ thống cảng biển...
- Tổ chức các vùng kinh tế, văn hóa, địa lý, khí hậu sinh thái... Việt Nam.
- Tổ chức lãnh thổ du lịch Việt Nam của Chiến lược và QHTT phát triển Du lịch Việt Nam đến năm 2010.

- Định hướng phát triển du lịch Việt Nam theo vùng của Chiến lược phát triển Du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

- Thực tế phát triển du lịch Việt Nam thời gian qua và nhu cầu phát triển du lịch những năm tiếp theo. Trên cơ sở quan điểm, mục tiêu và các căn cứ phát triển vùng, lãnh thổ du lịch. Việt Nam được tổ chức thành 7 vùng du lịch, gồm:

1. Tuyến điểm du lịch vùng du lịch đồng bằng sông Cửu Long
2. Tuyến điểm du lịch vùng du lịch vùng Đông Nam bộ
3. Tuyến điểm du lịch vùng du lịch Tây nguyên
4. Tuyến điểm du lịch vùng du lịch vùng duyên hải Nam Trung bộ
5. Tuyến điểm du lịch vùng du lịch vùng duyên hải Bắc Trung bộ
6. Tuyến điểm du lịch vùng du lịch đồng bằng sông Hồng và duyên hải Đông Bắc
7. Tuyến điểm du lịch vùng du lịch Trung du và miền núi Bắc Bộ

## **1.2. Giới thiệu chung về du lịch Việt Nam**

### **1.2.1. Tài nguyên du lịch tự nhiên**

#### **1.2.1.1. Điều kiện tự nhiên**

##### **Vị địa lý và địa hình**

Việt Nam nằm ở trung tâm Đông Nam Á có vị trí thuận lợi giao lưu giữa khu vực Châu Á - Thái Bình Dương với phần còn lại của thế giới. Các dạng địa hình đa dạng tạo nên nhiều nét độc đáo hấp dẫn du lịch.

- Cảnh quan, danh lam thắng cảnh: Việt Nam có các vùng núi với phong cảnh đẹp đã được phát hiện và khai thác phục vụ mục đích du lịch như cao nguyên Lâm Viên (Lang Biang) với thành phố Đà Lạt (Lâm Đồng), Sa Pa, Bắc Hà (Lào Cai), Tam Đảo (Vĩnh Phúc), Hạ Long (Quảng Ninh), Ba Vì (Hà Nội), và các vùng hồ tự nhiên và nhân tạo như hồ Ba Bể (Bắc Kạn), hồ Hoà Bình (Hoà Bình), hồ Thác Bà (Yên Bái), hồ Đồng Mô (Hà Nội)... Đặc biệt, Đà Lạt và Sa Pa ở độ cao trên 1.500 m so với mặt nước biển được mệnh danh là thành phố trong sương mù, mang nhiều sắc thái của thiên nhiên vùng ôn đới đã được xây dựng thành điểm du lịch tham quan nghỉ mát từ cách đây trên dưới 100 năm.

- Hệ thống hang động: các hang động ở nước ta chủ yếu là các hang động nằm trong các vùng núi đá vôi có kiểu địa hình karst rất phát triển. Vùng núi đá vôi ở nước ta có diện tích khá lớn, tới 50-60 nghìn km<sup>2</sup> chiếm gần 15% diện tích tự nhiên cả nước, và chủ yếu tập trung ở các tỉnh Tây Bắc từ Lai Châu - Sơn La. Ở vùng Đông Bắc là các khối đá vôi từ Hà Giang, Cao Bằng đến biên giới Việt -Trung; khối đá vôi Hoà Bình -Thanh Hoá nối Tây Bắc với Bắc Trung Bộ; ở miền Trung là khối đá vôi Kẻ Bàng - Khe Ngang, khối đá vôi Ngũ Hành Sơn. Ở miền Nam, núi đá vôi chỉ có ở khu vực xung quanh thị xã Hà Tiên và một số đảo nằm rải rác trong địa phận vùng biển Kiên Giang. Hiện nay, Việt Nam có khoảng 200 hang động có khả năng khai thác phục vụ du lịch, nơi có nhiều cảnh đẹp lộng lẫy, tráng lệ, kỳ ảo, có sức hấp dẫn đặc biệt. Ngoài ra, nhiều hang động còn là nơi lưu giữ những di chỉ khảo cổ, những di tích lịch sử - văn hoá có giá trị, nên càng trở nên hấp dẫn đối với du khách như động Phong Nha (Quảng Bình), động Hương Tích (Hà Nội), Tam Cốc - Bích Động (Ninh Bình), hang Pác Bó (Cao Bằng), động Nhị Thanh, Tam Thanh (Lạng Sơn), động Ngườm Ngao (Cao Bằng) các hang động ở vịnh Hạ Long (Quảng Ninh) v.v... Trong số những hang động ở nước ta, đặc sắc nhất phải kể đến động Phong Nha nằm trong VQG Phong Nha - Kẻ Bàng được UNESCO công nhận là di sản thiên nhiên thế giới năm 2003.

- Các bãi biển: Với chiều dài hơn 3.260 km đường bờ biển, Việt Nam là một trong những quốc gia có lợi thế về khai thác và sử dụng bãi biển đẹp trên thế giới trong lĩnh vực

du lịch, nghỉ dưỡng. Hiện cả nước có khoảng 125 bãi biển được đưa vào khai thác và phục vụ du lịch. Chất lượng các bãi biển tương đối cao (độ dốc, độ mịn, độ trong nước biển...), phân bố trải đều từ Bắc vào Nam. Trong số các bãi biển, tiêu biểu là các bãi biển Trà Cổ, Sầm Sơn, Cửa Lò, Thuận An, Lăng Cô, Non Nước, Sa Huỳnh, Văn Phong, Nha Trang, Ninh Chữ, Cà Ná, Mũi Né, Long Hải, Vũng Tàu, Hà Tiên. v.v... Trong đó, có những bãi biển đẹp và có độ dài khoảng 17 km với bãi cát rộng, bằng phẳng tới mức lý tưởng như bãi biển Trà Cổ ở Quảng Ninh, và các bãi biển khác nằm rải rác ở cả hai miền Nam – Bắc.

- Các đảo và quần đảo ven bờ: Việt Nam có khoảng 2.773 hòn đảo lớn nhỏ với nhiều bãi biển và phong cảnh đẹp còn nguyên vẹn vẻ hoang sơ, môi trường trong lành và những điều kiện tự nhiên rất thuận lợi để phát triển các loại hình du lịch biển. Tiêu biểu nhất là các đảo Cái Bàu, Quan Lạn, Cát Bà, Cù Lao Chàm, Côn Đảo, Phú Quốc... và các đảo nằm trên vịnh Hạ Long thuộc tỉnh Quảng Ninh đã được đầu tư và khai thác nhằm phát triển thành những điểm du lịch hấp dẫn và có sức cạnh tranh trong nước và quốc tế.

- Các di tích danh thắng: Với địa hình thiên tạo nằm trong các vùng, miền của cả nước đã tạo nên những giá trị hình tượng nghệ thuật gắn với các sự tích và truyền thuyết của người dân địa phương và những câu chuyện cổ tích. Do đó, những danh thắng đó đã trở thành những di tích tự nhiên và thu hút một lượng lớn du khách đến tham quan như hòn Phụ Tử, núi Vọng Phu, hòn Trống Mái, hòn Đá Chông; hang Từ Thức, thác Bản Giốc, hồ Ba Bể (một hồ nước ngọt tự nhiên được hình thành do những hố sụt ở vùng núi đá vôi), hồ Lắc, hồ Tơ Nung (hồ nước ở vùng miệng núi lửa cổ xưa), cùng nhiều di tích núi lửa khác hiện còn tồn tại ở Tây Nguyên. Các di tích danh thắng tự nhiên làm tăng thêm tính hấp dẫn và trải nghiệm cho các hoạt động du lịch của địa phương và quốc gia.

### **Khí hậu**

Đặc điểm khí hậu thuận lợi cũng trở thành yếu tố quyết định về tài nguyên du lịch tự nhiên để hình thành các khu nghỉ dưỡng du lịch lý tưởng. Khí hậu ẩm áp quanh năm đặc biệt là khí hậu biển nhiệt đới có sức thu hút du lịch quanh năm ở vùng duyên hải Nam Trung Bộ và Nam Bộ. Khí hậu của hai miền Bắc và miền Nam cũng có sự khác biệt. Miền Bắc với khí hậu 4 mùa rõ rệt Xuân – Hạ - Thu – Đông tạo nên sắc thái đa dạng của thiên nhiên cũng hấp dẫn du lịch đối với khách đến từ những vùng lãnh thổ không phân mùa rõ rệt. Miền Nam hai mùa rõ rệt là mùa khô và mùa mưa thuận lợi cho việc khai thác các loại hình du lịch.

### **Tài nguyên nước**

- Nước mặt: Với hệ thống sông ngòi, hồ tự nhiên, hồ nhân tạo dày đặc là lợi thế cho phát triển du lịch. Các hồ được sử dụng để tắm mát, dạo chơi trên mặt nước và các hoạt động thể thao nước như bơi lội, đua thuyền, lướt ván. Các hồ tự nhiên và nhân tạo như Ba Bể, Thác Bà, sông Đà, Sơn La, Phú Ninh, Trị An, Dầu Tiếng.v.v...; các dòng sông vừa hùng vĩ, vừa thơ mộng như sông Hồng, sông Đà, sông Mã, sông Lam, sông Hương, sông Đồng Nai, hay hệ thống sông Mê Kông... đều là những nguồn cung cấp nước ngọt và tài nguyên du lịch có giá trị.

- Nước khoáng: với hơn 400 nguồn nước khoáng tự nhiên ở các hồ nước khoáng, suối nước nóng là tài nguyên thiên nhiên của Việt Nam rất quý giá để triển khai các loại hình du lịch tham quan, nghỉ dưỡng, chữa bệnh. Nguồn nước khoáng có chất lượng cao đã đáp ứng tốt nhu cầu an dưỡng, chữa bệnh cho khách du lịch. Đặc biệt nguồn nước khoáng nóng với phần lớn (trên 80%) có nhiệt độ trên 35oC, là tài nguyên giá trị để phát triển du lịch nghỉ dưỡng, đặc biệt hấp dẫn vào mùa đông lạnh ở miền Bắc. Nhiều nguồn nước

khoáng nổi tiếng ở Việt Nam như Mỹ Lâm (Tuyên Quang), Thanh Thủy (Phú Thọ), Kim Bôi (Hoà Bình), Tiên Lãng (Hải Phòng), Kênh Gà (Ninh Bình), Nước Sốt (Hà Tĩnh), Mỹ An (Thừa Thiên-Huế), Phú Ninh (Quảng Nam), Thạch Bích (Quảng Ngãi), Tháp Bà (Khánh Hòa), Vĩnh Hảo (Bình Thuận), Bình Châu (Bà Rịa – Vũng Tàu).. đã được khai thác phục vụ khách du lịch từ nhiều năm nay.

### **Tài nguyên sinh vật**

Nguồn tài nguyên sinh vật ở nước ta có giá trị hấp dẫn du lịch bởi tính đa dạng sinh học, bảo tồn được nhiều nguồn gen, loài quý hiếm đặc trưng cho vùng nhiệt đới, trong đó có nhiều loài đặc hữu.

Các khu rừng, vườn quốc gia đặc dụng là tiềm năng du lịch lớn. Đến năm 2009 trên phạm vi cả nước đã có 30 vườn quốc gia, 69 khu bảo tồn thiên nhiên và 45 khu rừng với tổng diện tích là 2,2 triệu ha bằng 10,5% diện tích đất lâm nghiệp và gần 6% diện tích lãnh thổ Việt Nam. Các vườn quốc gia là nơi tập trung với đa dạng sinh học cao, trong đó có nhiều loài động thực vật đặc hữu, quý hiếm. Theo kết quả điều tra nghiên cứu ở Việt Nam đã phát hiện được khoảng 11.000 loài thực vật và gần 2.000 loài động vật. Sự hiện diện của các loài động thực vật đặc hữu quý hiếm là yếu tố quan trọng để hệ thống các vườn quốc gia Việt Nam trở thành những điểm thu hút khách du lịch như các vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng đã được UNESCO công nhận là di sản tự nhiên thế giới, VQG Cát Bà, Cát Tiên là các khu dự trữ sinh quyển và VQG Ba Bể đang hoàn tất hồ sơ đề nghị UNESCO công nhận di sản thiên nhiên thế giới (cùng với thắng cảnh Hương Sơn)...

Một số hệ sinh thái đặc biệt rất tiêu biểu cho thiên nhiên của vùng nhiệt đới đã được khai thác phục vụ cho mục đích du lịch như các hệ sinh thái rừng ngập mặn Cà Mau, hệ sinh thái rạn san hô ở Quảng Ninh, Hải Phòng, Khánh Hoà, Bình Thuận, Bà Rịa - Vũng Tàu... hay như các hệ sinh thái đất ngập nước điển hình như Tràm Chim (Đồng Tháp), Xuân Thủy (Nam Định), đã được quy hoạch thành các khu bảo tồn chim di cư ở Việt Nam và khu vực Đông Nam Á.

Tài nguyên sinh vật của Việt Nam với tính đa dạng sinh học cao, có giá trị nhiều mặt. Sự đa dạng về loài nhưng số lượng cá thể của các loài ít, không tập trung và không gian sinh sống bị thu hẹp cùng với ý thức và nhận thức của con người trong đó có khách du lịch về bảo tồn đa dạng sinh học kém nên tài nguyên sinh vật đang bị đe dọa.

### **Các di sản thiên nhiên**

Hiện nay, ngoài những di sản thiên nhiên do quốc gia công nhận, còn có những di sản thiên nhiên được tổ chức UNESCO công nhận như vịnh Hạ Long (Quảng Ninh), vườn quốc gia Phong Nha -Kẻ Bàng (Quảng Bình), cao nguyên đá Đồng Văn (Hà Giang) thuộc mạng lưới các công viên địa chất toàn cầu là những địa danh nổi tiếng đã và đang thu hút khách du lịch trong nước và quốc tế. Trong đó, Vịnh Hạ Long được bầu là một trong 7 kỳ quan thiên nhiên thế giới mới vào năm 2011. Đồng thời, Việt Nam đang hoàn tất hồ sơ để trình lên Hội đồng Di sản Thế giới thuộc UNESCO xem xét công nhận tiếp 2 di sản thiên nhiên thế giới nữa là thắng cảnh Hương Sơn, và vườn quốc gia Ba Bể trong thời gian sắp tới.

## **1.2.2. Đặc điểm xã hội và tài nguyên du lịch nhân văn**

### **1.2.2.1. Đặc điểm về dân cư, dân tộc**

#### **Dân cư**

Dân số Việt Nam có khoảng 96,2 triệu người theo số liệu điều tra ngày 01/04/2019, và dân số Việt Nam chiếm 1,27% dân số thế giới, đứng thứ 15 trên thế giới, là một quốc gia có số dân đông đứng thứ 3 trong khu vực Đông Nam Á. Mật độ dân số trung bình của cả

nước là 314 người/km<sup>2</sup>. Về cơ cấu dân số, nam giới chiếm 49,5%, nữ giới chiếm 50,5%, thành thị chiếm 35,92%, nông thôn chiếm 64,08%. Sự phân bố dân cư ở Việt Nam là không đồng đều theo các vùng, cũng như theo các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Vùng đồng bằng Sông Hồng có diện tích nhỏ nhất, chỉ chiếm 6,63% cả nước, nhưng có dân số đông nhất, chiếm 22,77% cả nước, với mật độ dân số cao nhất là 932 người/km<sup>2</sup>.

### **Dân tộc**

Việt Nam gồm có 54 dân tộc anh em cùng chung sống, trong đó người Kinh (Việt) chiếm đa số (khoảng 84% dân số), chủ yếu sống tại các đô thị lớn. Các dân tộc anh em khác sống rải rác khắp nơi trên toàn quốc. Hiện cả nước có 11 dân tộc có số dân trên 10 vạn người là Thái, Hmông (phần lớn ở Tây Bắc), Tày, Nùng, Mường, Dao (chủ yếu ở Việt Bắc), Gia Rai, Ê Đê, Bana (Tây Nguyên), Khome (Tây Nam Bộ), Hoa (Bắc Bộ, Nam Bộ).

Các dân tộc sinh sống trên lãnh thổ Việt Nam có truyền thống lao động cần cù, sáng tạo với nhiều ngành nghề cổ truyền, nhiều kỹ năng độc đáo và các hoạt động văn hoá-văn nghệ đặc sắc. Mỗi dân tộc có bản sắc riêng, tất cả đã tạo nên một nền văn hóa Việt Nam đa dạng và phong phú. Sự đa dạng thành phần các dân tộc là kho tàng vô giá có thể khai thác phục vụ phát triển du lịch với giá trị trải nghiệm du lịch hấp dẫn, sinh động, độc đáo và vô tận. Yếu tố dân tộc đặc thù ở Việt Nam trở thành nguồn lực quan trọng thúc đẩy phát triển du lịch.

### **Đặc điểm về kinh tế - xã hội**

Trong suốt một thập kỷ qua, nền kinh tế nước ta tăng trưởng tương đối ổn định, giá trị năm sau luôn cao hơn năm trước. Trong đó, khối ngành Công nghiệp và Xây dựng có tốc độ tăng trưởng cao nhất; tiếp đến là khối Dịch vụ; và thấp nhất là khối Nông – Lâm - Thủy sản. Kinh tế tăng trưởng với tốc độ cao và ổn định là tiền đề để tăng thu nhập và nâng cao đời sống cho nhân dân kích thích nhu cầu du lịch đồng thời tăng nguồn lực đầu tư cho phát triển dịch vụ du lịch. Có thể nói sự tăng trưởng về kinh tế những năm qua chuẩn bị nguồn lực quan trọng cho phát triển du lịch trong giai đoạn tới. Sự phát triển kinh tế tạo điều kiện cho đảm bảo an sinh xã hội và nâng cao đời sống tinh thần, mở rộng hoạt động giao lưu văn hóa, hoạt động thể thao, du lịch. Điều kiện về kinh tế - xã hội quyết định đến xu hướng phát triển du lịch trong nước và mức độ sẵn sàng đón tiếp khách du lịch quốc tế đến cũng như gia tăng du lịch ra nước ngoài.

### **1.2.3. Tài nguyên du lịch nhân văn**

#### **1.2.3.1. Các di sản, di tích lịch sử - văn hoá**

Việt Nam với bề dày lịch sử dựng nước và giữ nước để lại hệ thống di tích với mật độ dày đặc và thể loại phong phú gồm các đền, đình, chùa, miếu mạo, lăng tẩm, di tích cách mạng qua 2 cuộc kháng chiến... có giá trị rất lớn thu hút khách du lịch. Tính đến cuối tháng 11/2011 cả nước có 3.125 di tích cấp quốc gia và 15 di sản văn hóa được UNESCO vinh danh ở các cấp độ khác nhau. Hệ thống di tích lịch sử - văn hóa đang được tiếp tục đánh giá, xếp hạng để bảo tồn và phát huy giá trị đang là tài nguyên du lịch trọng yếu để xây dựng thành những sản phẩm du lịch độc đáo của Việt Nam, có sức cạnh tranh cao trong khu vực.

#### **1.2.3.2. Các lễ hội**

Văn hóa Việt Nam với bề dày lịch sử dựng nước và giữ nước, với sự đa dạng bản sắc văn hóa của 54 dân tộc đã tạo nên sự đa dạng các loại hình lễ hội. Các lễ hội luôn gắn với đời sống văn hóa, phong tục tập quán của các tộc người, hoặc lễ hội gắn kết với điều kiện tự nhiên, khí hậu tạo nên bức tranh đa dạng và phong phú của lễ hội. Hàng năm cả nước có khoảng trên 7000 lễ hội (Lễ hội dân gian, lễ hội truyền thống, lễ hội hiện đại, lễ hội tôn giáo,

lễ hội các dân tộc). Trong đó, có trên 3.000 lễ hội dân gian thể hiện rõ bản sắc độc đáo của văn hóa Việt Nam và trở thành tài nguyên du lịch đặc sắc có sức cuốn hút không chỉ đối với khách quốc tế mà cả khách nội địa, khách hành hương, tín ngưỡng... Lễ hội tiêu biểu như lễ hội Đền Hùng, lễ hội Chùa Hương, lễ hội Bà Chúa Xứ An Giang, lễ khao thẻ tế lính ở đảo Lý Sơn (Quảng Ngãi), lễ hội Chọi Trâu Đồ Sơn, lễ hội Nghinh Ông... Lễ hội đương đại như lễ hội bắn pháo hoa Đà Nẵng, lễ hội hoa Đà Lạt, lễ hội cà phê Buôn Mê Thuật, lễ mừng ngày giải phóng miền Nam Việt Nam... Lễ hội đã trở thành những sự kiện văn hóa, du lịch của quốc gia, của vùng và của địa phương. Hệ thống các lễ hội đang được lồng ghép trong các sản phẩm du lịch và trở thành yếu tố đặc sắc để quảng bá về đất nước, con người, văn hóa và du lịch Việt Nam.

#### **1.2.3.3. Nghề và làng nghề truyền thống**

Bên cạnh các di tích lịch sử - văn hóa, các lễ hội... các làng nghề truyền thống là dạng tài nguyên du lịch quan trọng, hấp dẫn, đặc sắc và mang tính bản sắc văn hóa đặc trưng của từng vùng, miền, địa phương. Lịch sử ra đời, hình thành và phát triển, sự tinh tế, khéo léo và sản vật của làng nghề như các nghề đúc đồng, kim hoàn, nghề gốm, nghề mộc, mây tre đan, nghề dệt... ở Việt Nam đang là tài nguyên hấp dẫn sống động thu hút khách du lịch.

Các nghề nổi tiếng ở thành thị và nông thôn Việt Nam như: Nghề chạm khắc đá ở Hải Dương, Thanh Hoá, Đà Nẵng; nghề đúc đồng ở Ngũ Xá (Hà Nội), Trà Đúc (Thanh Hoá), Điện Phương (Quảng Nam); nghề kim hoàn ở làng Định Công (Hà Nội); Châu Khê (Hải Dương); nghề gốm ở Bát Tràng (Hà Nội), Hương Canh (Vĩnh Phúc), Thổ Hà (Bắc Ninh), Lò Chum (Thanh Hoá), Chu Đậu (Hải Hưng), Phước Tích (Huế), Biên Hoà (Đồng Nai); nghề mộc ở làng Đông Giao (Hải Dương), làng Giáp (Phủ Thọ), La Xuyên, (Nam Định); nghề dệt, thêu ren truyền thống ở làng Bưởi (làng Trích Sài xưa), Nghi Tàm, Nghĩa Đô, Trinh Tiết, Triều Khúc, La Khê, Vạn Phúc (Hà Nội)...; nghề sơn mài và khảm ở Hà Vĩ, Hà Thái, Duyên Trường...; nghề khảm trai, khảm xà cừ ở Hà Nội, Nam Định, Bình Dương. Hoạt động du lịch gắn với các làng nghề những năm gần đây có xu hướng tăng đi liền với loại hình du lịch cộng đồng, du lịch nông thôn. Tuy nhiên, trong xu hướng thị trường, nhiều làng nghề bị thương mại hóa và đang mắc phải tình trạng ô nhiễm và hỗn tạp giữa không gian của nghề và không gian sống của dân cư. Các yếu tố truyền thống không được bảo tồn đúng quy cách. Hoạt động du lịch đến làng nghề vì vậy cũng rất tự phát, còn đơn giản và chưa phát huy hết giá trị của làng nghề. Đặc biệt, các làng nghề truyền thống trở thành sản phẩm du lịch điếm đến lý tưởng cho du khách trong và ngoài nước.

#### **1.2.3.4. Ẩm thực**

Sự đa dạng về văn hóa, dân tộc, lối sống và sự giao thoa văn hóa của các dân tộc, các nước trên thế giới đã tạo nên nhiều món ăn, đồ uống đặc sắc của Việt Nam phù hợp với rất nhiều tộc người trên thế giới. Mỗi một vùng đất, một dân tộc Việt Nam có các món ăn đặc trưng riêng. Các món ăn nổi tiếng như Nem, Giò, Chả, Phở, Cao Lầu, Hủ Tiếu.. không thể thiếu trong các thực đơn thiết khách của các chương trình du lịch. Du khách quốc tế đến Việt Nam thường thưởng thức các món ăn Việt Nam, trải nghiệm văn hóa dùng bữa trong bữa ăn, món ăn với nhiều gia vị được chế biến rất đa dạng và khéo léo đang trở thành thế mạnh của Việt Nam hấp dẫn khách du lịch quốc tế. Ẩm thực Việt Nam đã trở thành tài nguyên du lịch và sản phẩm du lịch nổi trội thu hút khách trong chương trình du lịch.

#### **1.2.3.5. Các công trình nhân tạo**

Một số công trình văn hóa, kiến trúc có giá trị du lịch như thủy điện Sơn La, Hòa Bình, Yaly, Thác Bà, Dầu Tiếng nhưng chưa được khai thác hiệu quả phục vụ mục đích du

lich. Một số công trình kiến trúc từ thời Pháp có giá trị như Nhà hát Lớn Hà Nội, các biệt thự cổ, các lăng tẩm ở Huế... đã trở thành tài nguyên du lịch được khai thác phục vụ du lịch trong nhiều năm qua. Gần đây các khu du lịch tổng hợp như Tuần Châu, Đại Nam, Bà Nà, Thiên Đường Bảo Sơn, Đầm Sen, Làng văn hóa - du lịch các dân tộc Việt Nam... Đang trở thành những điểm hấp dẫn khách du lịch trong và ngoài nước. Hệ thống bảo tàng cũng thu hút được sự quan tâm của khách du lịch nhưng chưa phát huy được nhiều trong việc phát triển du lịch, do chưa tạo được sự nổi bật, điểm nhấn thu hút khách du lịch.

#### **1.2.3.6. Các yếu tố dân tộc học**

Điều kiện sinh sống, đặc điểm văn hoá, phong tục, tập quán, hoạt động sản xuất với những sắc thái riêng của các dân tộc trên địa bàn cư trú của các dân tộc là đối tượng quan trọng của nhu cầu tham quan, tìm hiểu du lịch. Việt Nam có 54 dân tộc, trong đó có tới 53 dân tộc thiểu số chủ yếu sinh sống và cư trú ở các vùng miền núi xa xôi. Nhiều dân tộc vẫn giữ nguyên được những nét sinh hoạt văn hoá truyền thống của mình, đặc biệt là các dân tộc Tày, Nùng, Thái, Mường ở miền Bắc; các dân tộc Chăm, Gia Rai, Ê Đê, Ba Na ở miền Trung và Tây Nguyên; và các dân tộc Khome, Hoa ở đồng bằng sông Cửu Long, đều có những truyền thống văn hoá có giá trị cao có thể khai thác phục vụ phát triển du lịch.

#### **1.2.3.7. Các sự kiện văn hoá, thể thao**

Các sự kiện văn hoá, thể thao, các cuộc triển lãm các thành tựu kinh tế quốc dân, các hội chợ, các liên hoan phim ảnh quốc tế, ca nhạc quốc tế hay dân tộc, các lễ hội... cũng là những đối tượng hấp dẫn du khách. Những năm gần đây, Việt Nam đăng cai nhiều sự kiện văn hoá, thể thao khu vực như SEA games 22, Tiger Cup, AFF Cup, Hoa hậu hoàn vũ lễ hội bắn pháo hoa quốc tế tổ chức tại thành phố Đà Nẵng ...nhằm tạo uy tín với các quốc gia trên thế giới, cũng nhằm thúc đẩy loại hình du lịch MICE chủ yếu dựa trên dạng tài nguyên du lịch đặc biệt này.

### **1.2.4. Hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ du lịch**

#### **1.2.4.1. Hệ thống giao thông**

Tổng chiều dài mạng lưới đường bộ của nước ta là trên 256.684 km, trong đó có 17.288 km quốc lộ, 23.520 km tỉnh lộ, còn lại là đường địa phương (đường huyện, đường xã, đường đô thị, đường chuyên dùng). Sự phân bố các đường bộ này giữa các tỉnh là không đồng đều. Mật độ cao nhất được xác nhận ở các vùng châu thổ sông Hồng và Đông Nam Bộ (phía Nam) đồng thời mật độ rất thấp ở miền Trung và ở vùng núi phía Tây Bắc. Mạng lưới quốc lộ có ý nghĩa quan trọng đối với hoạt động du lịch là:

Quốc lộ 1 nối với 8 thành phố du lịch (Hà Nội, Huế, Đà Nẵng, Nha Trang, Phan Thiết – TP.Hồ Chí Minh, Cần Thơ và Rạch Giá); Quốc lộ 2 nối Hà Nội – Việt Trì, Đền Hùng, Hà Giang, cửa khẩu Thanh Thủy và Đồng Văn; Quốc lộ 2 và quốc lộ 70 nối Hà Nội – Yên Bái - Lào Cai; Quốc lộ 3 nối với Hồ Ba Bể và vườn quốc gia Ba Bể, Cao Bằng và cửa khẩu Tà Lùng sang Trung Quốc; Quốc lộ 4 (A,B,C,D) nối các tỉnh biên giới phía Bắc; Quốc lộ 5 nối Hà Nội - Hải Phòng; Quốc lộ 6 nối Hà Nội - Hoà Bình; Quốc lộ 7 nối quốc lộ 1 với cửa khẩu Mường Xén sang Lào; Quốc lộ 8 nối quốc lộ 1 với cửa khẩu Cầu Treo sang Lào; Quốc lộ 9 nối quốc lộ 1 với cửa khẩu Lao Bảo sang Lào (hành lang Đông -Tây); Quốc lộ 10 nối các tỉnh duyên hải Đông Bắc với Thanh Hóa; Quốc lộ 13 nối thành phố Hồ Chí Minh, các tỉnh Đông Nam Bộ với Bình Phước sang Campuchia qua cửa khẩu Hoa Lư; Quốc lộ 14 nối Đà Nẵng, Kon Tum, Pleiku, Buôn Ma Thuột, TP. Hồ Chí Minh; Quốc lộ 18 nối Hà Nội, Vịnh Hạ Long, đến biên giới với Trung Quốc; Quốc lộ 19 nối Quy Nhơn, Pleiku, và Campuchia; Quốc lộ 20 nối Phan Rang, Đà Lạt, TP. Hồ Chí Minh; Quốc lộ 51 nối TP. Hồ

Chí Minh-Vũng Tàu; Quốc lộ 22 nối TP. Hồ Chí Minh với Campuchia qua cửa khẩu Mộc Bài.

Mạng lưới đường bộ cả nước có khoảng 7.200 cây cầu, trong đó, có hơn 2200 cầu trên các tuyến quốc lộ và 630 cầu trên các tuyến tỉnh lộ có tải trọng yếu. Mạng lưới đường sắt có 7 tuyến với tổng chiều dài 3.142,9 km, trong đó có 2.632 km chính tuyến với các tuyến quan trọng. Tuyến đường chính nối Hà Nội - TP. Hồ Chí Minh với chiều dài 1.726 km, toàn ngành có 302 đầu máy, 1.063 toa tàu chở khách và 4986 toa tàu chở hàng. Cả nước hiện có trên 90 cảng biển lớn nhỏ với tổng số chiều dài 22.000m cầu tàu, 1 triệu m<sup>2</sup> kho và 2,2 triệu m<sup>2</sup> bãi. Một số cảng nằm sâu trong nội địa, luồng ra vào dài và có độ sâu hạn chế chỉ tiếp nhận được tàu nhỏ. Tuy vậy cho tới nay vẫn chưa có cảng tàu du lịch thực thụ, các bến đỗ chuyên phục vụ du lịch. Hàng không Việt Nam đã mở nhiều đường bay quốc tế trực tiếp và gián tiếp tới gần 30 điểm quốc tế và cũng khai thác nhiều đường bay trong nước tới hầu hết các thành phố, thị xã trên khắp lãnh thổ Việt Nam.

#### **1.2.4.2. Hệ thống cấp điện và cấp, thoát nước**

Hệ thống cấp điện trong cả nước từ các thủy điện, khí đốt và than để tạo cân bằng cung cấp điện năng và mạng lưới phân phối. Tiêu thụ điện năng hiện nay ở nước ta là 230 kwh/người. Năng lực của hệ thống chuyển tải điện cũng thấp, sự phân phối điện thiên về các trung tâm đô thị, 50% cư dân nông thôn chưa có điện. Mục tiêu sẽ đạt 167 tỷ kwh vào năm 2020 như vậy có thể đạt 1.300-1.900 kwh trên đầu người vào năm 2020.

Chiến lược cấp nước đô thị Việt Nam đang phấn đấu đạt các tiêu chuẩn cấp nước bình quân quốc tế bằng cách cấp đủ nước sinh hoạt cho toàn bộ các khu vực đô thị và khu công nghiệp. Hiện có khoảng 200 nhà máy xử lý nước với tổng công suất xử lý là 2,7 triệu m<sup>3</sup>/ngày, tăng khoảng 40% so với công suất xử lý 1,9 triệu m<sup>3</sup>/ngày năm 1990. Tất cả các tỉnh, thành và khoảng 40 thị trấn huyện lỵ hiện đã được cấp nước.

Nhìn chung hệ thống cấp điện, cấp và thoát nước của Việt Nam đang trong giai đoạn đầu phát triển đuổi theo nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong đó đáp ứng yêu cầu du lịch đòi hỏi cao hơn do vậy là thách thức lớn. Cấp điện thiếu vào các mùa cao điểm, không ổn định và thiếu an toàn. Cấp nước chưa đầy đủ, chưa phủ khắp các địa bàn, đặc biệt các vùng sâu, vùng xa, hải đảo. Xử lý nước thải, chất thải và thoát nước chưa được quy hoạch và được giám sát đúng mức nên xảy ra tình trạng ô nhiễm cục bộ. Đối với phát triển du lịch các điều kiện về hệ thống cấp điện, cấp nước, thoát nước và xử lý chất thải, nước thải cần đầu tư tương xứng để đổi mới cả công nghệ và phủ kín các địa bàn phát triển.

#### **1.2.4.3. Hệ thống thông tin, truyền thông**

Hệ thống thông tin viễn thông ở Việt Nam những năm qua có bước phát triển vượt bậc cả về hạng tầng viễn thông, phương tiện và dịch vụ đi kèm. Hạ tầng và công nghệ viễn thông được đầu tư tiên kịp với khu vực và quốc tế với hệ thống cáp quang, truyền hình cáp, truyền số liệu công nghệ 3G và sự tham gia của Vệ tinh VINASAT từ năm 2008 có thể nói hệ thống thông tin, truyền thông của Việt Nam đạt trình độ phát triển trong khu vực. Tuy nhiên về các dịch vụ thông tin, viễn thông phục vụ dân sinh nói chung và phục vụ du lịch nói riêng vẫn chưa đảm bảo sức cạnh tranh so với khu vực thể hiện ở giá dịch vụ và chất lượng dịch vụ cũng như nội dung, chất lượng thông tin liên quan đến phục vụ khách du lịch.

#### **1.2.4.4. Hệ thống dân cư đô thị**

Hệ thống đô thị có vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế dịch vụ nói chung và du lịch nói riêng. Hiện nay các trung tâm du lịch ở Việt Nam đều là đô thị trung tâm quốc gia và vùng như Hà Nội, Hải Phòng, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Cần Thơ... Sự gia tăng



đô thị hóa những năm gần đây tạo sức ép về sinh hoạt, giá cả, việc làm và giao thông đô thị. Một mặt dân số đô thị tăng lên nhanh chóng góp phần quan trọng vào hoạt động dịch vụ ở các đô thị lớn trong đó có đội ngũ lao động phục vụ du lịch. Hoạt động dịch vụ du lịch ở trung tâm đô thị trở thành hình mẫu cho các địa phương khác học tập. Mặt khác cũng do sức ép đô thị cùng với thu nhập tăng lên, dân cư tại các đô thị lớn như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh... có thu nhập trung bình khá trở lên có nhu cầu đi du lịch ngày càng nhiều.

Với dân số trên 86 triệu dân, trong đó trên 26% sống tại các đô thị, trong xu hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa đi liền với đô thị hóa thì dân số thành thị tiếp tục tăng, phần đông có thu nhập trung bình khá trở lên và hình thành lực lượng nòng cốt phát triển kinh tế dịch vụ đô thị trong đó có du lịch và trở thành tầng lớp tiên phong tiêu dùng dịch vụ và đi du lịch.

## **1.2.5. Hệ thống cơ sở hạ tầng xã hội**

### **1.2.5.1. Các công trình thể thao**

Phần lớn các địa phương đều có sân vận động và các nhà thi đấu, tuy nhiên chất lượng và quy mô còn khác nhau. Ở quy mô nhỏ hơn có các sân chơi thể thao quần chúng được khai thác tương đối quy củ ở các thành phố lớn. Các công trình có sức chứa lớn như Khu Liên hợp Thể thao Mỹ Đình (Hà Nội), Sân vận động Thiên Trường (Nam Định), Nhà thi đấu đa năng Vĩnh Phúc, Hải Dương, cung thể thao Tiên Sơn (Đà Nẵng)... và các công trình khác tuy chưa đủ năng lực và tính đồng bộ để tạo điểm nhấn thu hút các sự kiện thể thao lớn tầm quốc tế nhưng có thể đăng cai các sự kiện khu vực như SEA Games 22 năm 2003, AFF Cup... Sự tham gia của các công trình thể thao góp phần quan trọng cho thúc đẩy du lịch MICE đồng thời tạo hình ảnh cho Việt Nam.

### **1.2.5.2. Các công trình văn hoá**

Các công trình văn hóa có tầm cỡ mới thấy ở các thành phố lớn như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng. Các nhà hát thu hút nhiều khách du lịch đặc biệt là khách quốc tế như rạp múa rối nước Thăng Long. Các loại hình nghệ thuật truyền thống vốn có sức hấp dẫn du lịch cao, tuy nhiên chưa được quan tâm đầu tư phục vụ khai thác phát triển du lịch. Các bảo tàng quan trọng đối với du lịch hiện nay là: Bảo tàng cách mạng, Bảo tàng Hồ Chí Minh, Bảo tàng Lịch sử Quân đội, Bảo tàng Lịch sử, Bảo tàng Dân tộc học, Bảo tàng Mỹ Thuật (Hà Nội), Bảo tàng Thành phố Hồ Chí Minh (Thành phố Hồ Chí Minh) và Bảo tàng Chàm (Đà Nẵng).

Các địa phương đều có bảo tàng tỉnh, tuy nhiên số lượng và chất lượng hiện vật còn yếu, đặc biệt công tác chuyên môn như giới thiệu, trình bày, thuyết minh, diễn giải và bảo trì, duy tu còn nhiều bất cập. Các công trình khác như thư viện, các viện nghiên cứu còn chưa được quan tâm đầu tư phục vụ phát triển du lịch.

### **1.2.5.3. Các công trình vui chơi giải trí**

Các khu vui chơi giải trí hiện nay tập trung chủ yếu ở các đô thị lớn, chủ yếu là Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Bình Dương... Các khu vui chơi giải trí này chủ yếu thu hút khách du lịch nội địa. Các khu vui chơi giải trí tại các khu resort ven biển cũng thu hút được đáng kể khách quốc tế, tuy nhiên thị trường khách nội địa vẫn là đối tượng chính. Hiện nay tại các trung tâm thương mại lớn cũng xuất hiện các khu vui chơi giải trí phục vụ nhiều lứa tuổi, đặc biệt là trẻ em. Các khu giải trí thể thao gắn với du lịch như sân Golf gần đây được phát triển. Nhưng nhìn chung các loại hình dịch vụ giải trí còn rất đơn sơ, nghèo nàn chưa thu hút được khách quốc tế.

### **2.5.4. Các cơ sở dịch vụ xã hội khác**

Các cơ sở dịch vụ xã hội khác như ngân hàng, bảo hiểm, chăm sóc sức khỏe... những năm gần đây được mở rộng phát triển phục vụ khách du lịch. Tuy nhiên, chất lượng dịch vụ và mức độ sẵn sàng, chu đáo và đặc biệt giao tiếp ngôn ngữ với khách quốc tế hạn chế vì vậy chưa đáp ứng được nhu cầu của khách tại điểm đến.

### **1.3. Hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch**

#### **1.3.1. Cơ sở lưu trú du lịch**

Hệ thống khách sạn, nhà nghỉ, nhà trọ, bungalow được đầu tư phát triển ở khắp mọi nơi, đặc biệt là khách sạn tại đô thị, các khu điểm du lịch, resorts ven biển và các khu nghỉ dưỡng trên núi. Các cơ sở lưu trú du lịch phần lớn có quy mô nhỏ. Nhiều khách sạn, resorts mới đầu tư những năm gần đây có chất lượng cao đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn quốc tế. Hiện tại cả nước có trên 237.000 buồng khách sạn với trên 12.000 cơ sở lưu trú các loại. Với hệ thống cơ sở lưu trú có tốc độ tăng trưởng như hiện nay hoàn toàn đáp ứng nhu cầu du lịch gia tăng trong thời gian tới. Hệ thống khách sạn cao sao và các khu resorts sang trọng có xu hướng tăng tỷ trọng góp phần nâng cao giá trị gia tăng cho ngành phục vụ lưu trú.

#### **1.3.2. Cơ sở Nhà hàng ăn uống du lịch**

Do nhu cầu phát triển du lịch cũng như nhu cầu ăn uống của người dân và du khách, một số năm gần đây đã phát triển xây dựng mới, sửa chữa, nâng cấp hệ thống nhà hàng phục vụ du lịch nói riêng và phục vụ dân cư với các món ăn Âu – Á – Phi ... đáp ứng nhu cầu ăn uống của mọi người. Các loại nhà hàng độc lập và nhà hàng trong hệ thống khách sạn, khu resort đã phần nào đáp ứng nhu cầu ăn uống của du khách, cũng như phong cách phục vụ và hình thức bày trí món ăn mang tính nghệ thuật dân gian được lồng ghép trong các bữa ăn tạo giá trị trải nghiệm đặc sắc cho khách du lịch. Mặt khác, Ẩm thực của các vùng miền được đưa vào các bữa ăn nhằm giới thiệu với du khách về ẩm thực Việt Nam mang đậm văn hóa, bản sắc Việt Nam.

#### **1.3.3. Cơ sở dịch vụ lữ hành, cung cấp thông tin, tư vấn du lịch**

Hệ thống các công ty lữ hành, văn phòng du lịch xuất hiện ở khắp mọi nơi, tập trung nhiều ở các trung tâm du lịch lớn như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh. Các đại lý du lịch đóng vai trò rất quan trọng trong việc cung cấp thông tin, tư vấn và quảng bá du lịch thông qua chức năng bán lẻ. Các dịch vụ lữ hành cho tới nay chỉ cung cấp bởi các công ty lữ hành thông qua hệ thống văn phòng đại lý du lịch. Các điểm cung cấp thông tin du lịch miễn phí tại sân bay hoặc trung tâm du lịch lớn do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cung cấp. Tại khu, điểm du lịch hệ thống cung cấp thông tin du lịch, biển chỉ dẫn... ở hầu hết các địa phương còn rất thiếu thốn. Khách du lịch trong nước và quốc tế tìm kiếm thông tin chính xác về nơi ăn, nghỉ, giải trí, đi lại... rất khó khăn vì vậy thường khó lên kế hoạch, trả giá cao hơn thực tế và không thỏa mãn sự mong đợi.

#### **1.3.4. Phương tiện vận chuyển khách du lịch và dịch vụ trên phương tiện**

Dịch vụ trên phương tiện du thuyền, đường sắt cũng được bổ sung những năm gần đây để phục vụ khách du lịch nhưng chưa phổ biến và chưa đủ tiện nghi đáp ứng nhu cầu của khách. Dịch vụ tại các trạm dừng nghỉ đường bộ còn thiếu thốn nhiều.

#### **1.3.5. Cơ sở dịch vụ tại khu, điểm hấp dẫn du lịch**

Các dịch vụ phổ biến mới dừng ở dịch vụ hướng dẫn, thuyết minh, dẫn đường, bán hàng lưu niệm và một số dịch vụ cá nhân khác. Các dịch vụ bổ sung phục vụ các nhu cầu đa dạng của khách du lịch nhìn chung tại điểm đến còn rất nghèo nàn, đặc biệt chưa kết nối các mục đích du lịch của khách với mục đích tìm hiểu văn hóa, lối sống bản địa và các hoạt động thưởng thức văn hóa, nghệ thuật, hoạt động giao lưu khác.

#### 1.4. Nguồn lực về lao động

Việt Nam là quốc gia đông dân trên thế giới. Dân số năm 2010 cả nước có 86.927.700 người, đứng thứ 3 trong khu vực Đông Nam Á (sau Ấn Độ và Phi-líp-pin) và đứng thứ 13 trên thế giới. Du lịch là ngành kinh tế dịch vụ, vì vậy nhu cầu về nhân lực là rất cần thiết. Việt Nam giai đoạn 2011-2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, dự báo nhu cầu nguồn nhân lực du lịch đến năm 2020 là trên 4 triệu, trong đó khoảng 1,5 triệu là lao động trực tiếp.

#### TÓM TẮT CHƯƠNG 1

*Trong chương này, sinh viên làm quen với các khái niệm được đề cập trong bài bao gồm:*

*Giúp sinh viên hiểu sâu hơn về các khái niệm du lịch, điểm tham quan, tuyến du lịch, khu du lịch, điểm du lịch.*

*Giới thiệu cho sinh viên hiểu được sự hình thành và phát triển của các khu, du lịch thuộc quốc gia, cũng địa phương.*

*Giới thiệu cho sinh viên hiểu được sự hình thành và phát triển của các điểm du lịch thuộc quốc gia, cũng địa phương.*

*Giới thiệu cho sinh viên hiểu được sự hình thành và phát triển của các tuyến du lịch thuộc quốc gia, cũng địa phương.*

*Giới thiệu một số tiêu chí chính cho các khu du lịch, tuyến du lịch, điểm du lịch hiện nay cần phải đạt những loại tiêu chí nào, và điểm khác biệt giữa các tiêu chí cho mỗi loại trên.*

*Giới thiệu đôi nét về du lịch Việt Nam về điều kiện tự nhiên, điều kiện nhân văn, tài nguyên du lịch, cơ sở vật chất – kỹ thuật.*

*Giới thiệu về cơ sở lưu trú, dịch vụ ăn uống, khu vui chơi giải trí, mua sắm, tham quan.*

*Sinh viên sẽ nắm được hiện nay nước ta có bao nhiêu vùng du lịch, và các vùng du lịch đó được phân định như thế nào? mỗi vùng du lịch gồm có bao nhiêu tỉnh, có đặc điểm về tài nguyên du lịch và các điểm tham quan du lịch nào hấp dẫn.*

#### CÂU HỎI ÔN TẬP

Câu 1: Anh/Chị hãy nêu khái niệm tuyến, điểm, khu du lịch?

Câu 2: Anh/Chị hãy nêu sự hình thành và phát triển tuyến du lịch quốc gia?

Câu 3: Anh/Chị hãy nêu sự hình thành và phát triển tuyến du lịch địa phương?

Câu 4: Anh/Chị hãy nêu sự hình thành và phát triển điểm du lịch địa phương?

Câu 5: Anh/Chị hãy nêu sự hình thành và phát triển điểm du lịch quốc gia?

Câu 6: Anh/Chị hãy nêu sự hình thành và phát triển khu du lịch quốc gia?

Câu 7: Anh/Chị hãy nêu sự hình thành và phát triển khu du lịch địa phương?

Câu 8: Anh/Chị hãy nêu khái niệm về tiêu chí, điều kiện tuyến, điểm, khu du lịch?

Câu 9: Anh/Chị hãy nêu phân nhóm tiêu chí tuyến, điểm du lịch?

Câu 10: Anh/Chị hãy nêu phân loại các vùng du lịch Việt Nam?

Câu 11: Anh/Chị hãy giới thiệu đôi nét về tài nguyên du lịch tự nhiên và du lịch nhân văn Việt Nam?

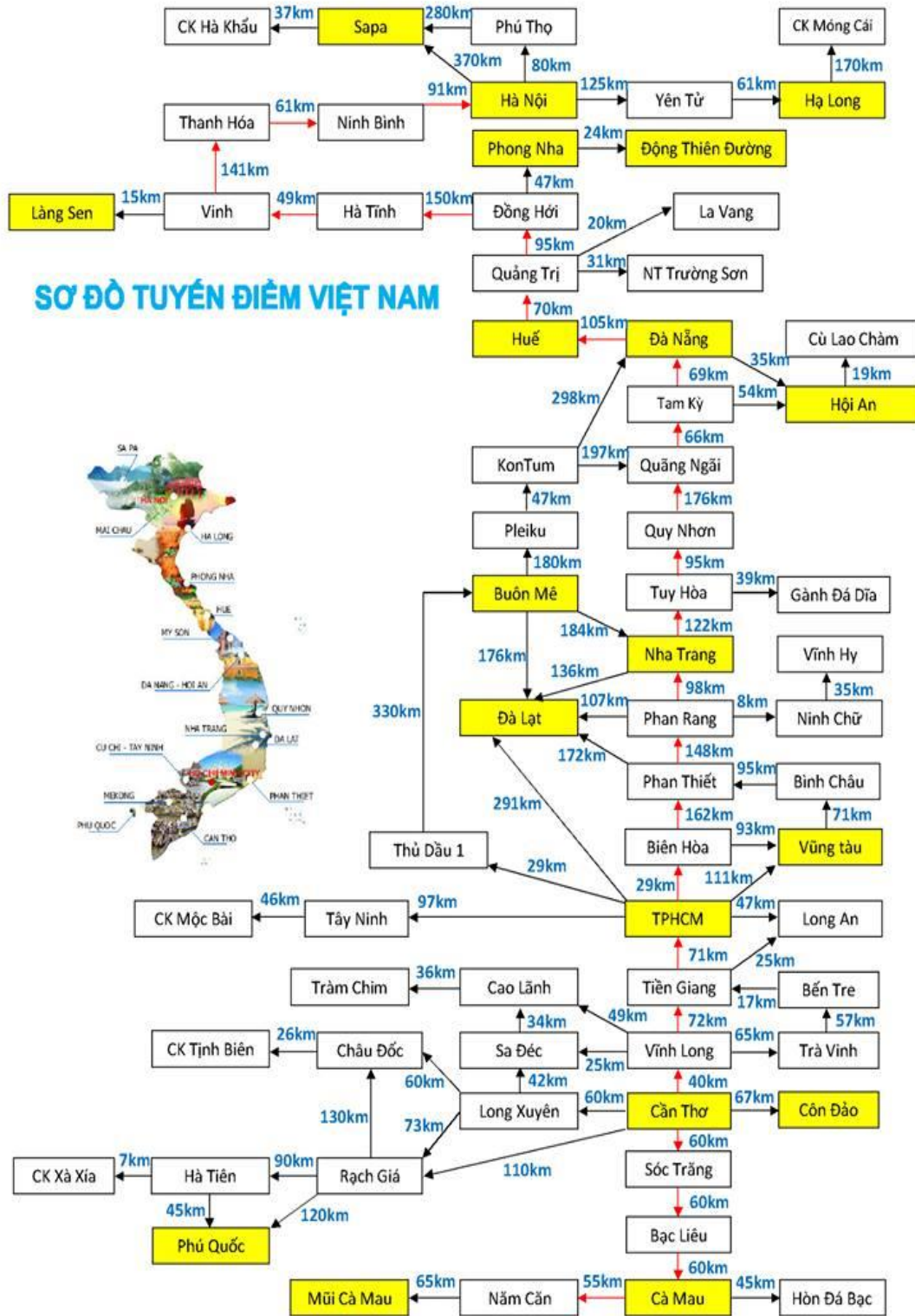
Câu 12: Anh/Chị hãy nêu một số cơ sở lưu trú, dịch vụ ăn uống, tham quan, mua sắm và các dịch vụ bổ sung khác ở Việt Nam?

# Bản đồ 1: BẢN ĐỒ DU LỊCH VIỆT NAM



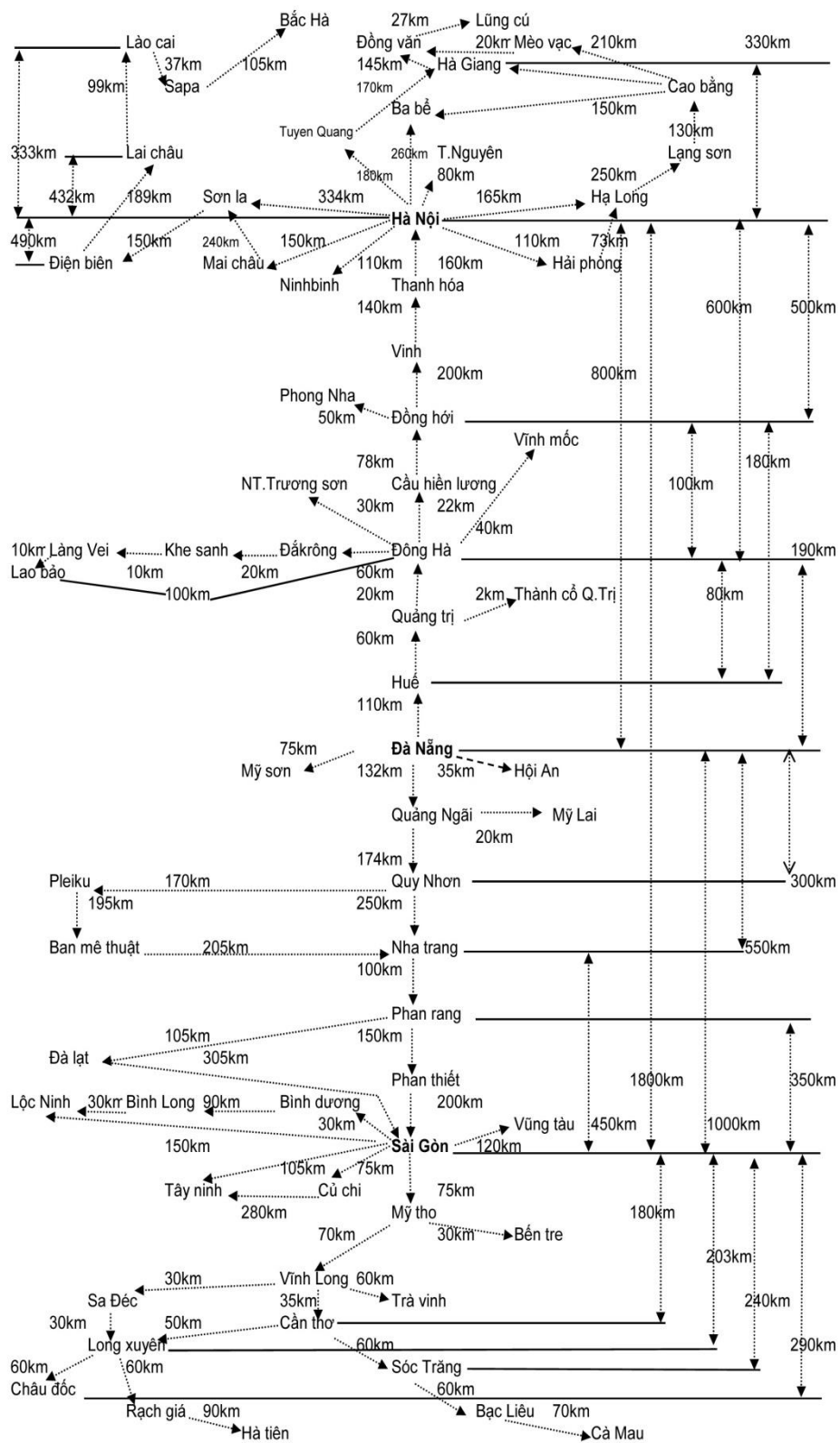
Nguồn: <http://dulichvietnam.info/a/b/c/d/e/thong-tin-dulich/ban-do-vietnam.htm>

Bản sơ đồ 1.1: Sơ đồ tuyến, điểm du lịch Việt Nam



Nguồn: [http://dulichvietnam.info/a/b/c/d/e/thong\\_tin\\_dulich/ban\\_do\\_vietnam.htm](http://dulichvietnam.info/a/b/c/d/e/thong_tin_dulich/ban_do_vietnam.htm)

Bản sơ đồ 1.2: Sơ đồ tuyến, điểm du lịch Việt Nam tính bằng km



Nguồn: Dulichkinhdo.com.vn

## CHƯƠNG 2: TUYẾN ĐIỂM DU LỊCH VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

Sau khi học xong chương này, sinh viên có các kiến thức sau:

- *Hiểu được các loại tài nguyên du lịch tự nhiên được khai thác vào du lịch đường sông, biển, đường bộ và hàng không thuộc các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long.*
- *Hiểu được tài nguyên du lịch nhân văn được khai thác vào du lịch đến với các lễ hội, nghệ thuật, các di tích lịch sử văn hóa của các địa phương các tỉnh, thành phố thuộc đồng bằng sông Cửu Long.*
- *Nắm được khái quát chung về tài nguyên du lịch mỗi tỉnh thuộc vùng du lịch đồng bằng sông Cửu Long về điều kiện tự nhiên, nhân văn, cơ sở vật chất – kỹ thuật, cơ sở lưu trú, dịch vụ ăn uống, điểm tham quan chính của mỗi tỉnh.*
- *Hiểu được các tuyến du lịch nội tỉnh và du lịch vùng thuộc đồng bằng sông Cửu Long.*
- *Nắm được các loại du lịch tiêu biểu được khai thác trong hoạt động du lịch thuộc vùng.*

### 2.1. Khái quát chung về vùng du lịch đồng bằng sông Cửu Long

#### 2.1.1. Tài nguyên du lịch tự nhiên

Vùng đồng bằng sông Cửu Long là một phần của châu thổ sông Mekong có diện tích tự nhiên khoảng 40.553,1 km<sup>2</sup><sup>11</sup>, có vị trí nằm liền kề khu vực Đông Nam Bộ, phía Bắc giáp Campuchia, phía Tây Nam là vịnh Thái Lan, phía Đông Nam là biển Đông. Mật độ dân số trung bình là 429 người/km<sup>2</sup>. Lượng nước trung bình hàng năm của sông Mekong cung cấp khoảng 4.000 tỷ m<sup>3</sup> nước và khoảng 100 triệu tấn vật liệu phù sa cung cấp cho các đồng lúa của toàn khu vực. Đây là vùng có khí hậu cận xích đạo nên thuận lợi phát triển ngành nông trồng lúa nước và cây lương thực khác. Vùng đồng bằng sông Cửu Long được hình thành từ những trầm tích phù sa và bồi dần qua những kỷ nguyên thay đổi mực nước biển, qua từng giai đoạn kéo theo sự hình thành những giồng cát chạy dọc theo bờ biển. Những hoạt động hỗn hợp giữa sông và biển đã hình thành những vạt đất phù sa phì nhiêu, màu mỡ dọc theo ven sông lẫn dọc theo một số giồng cát ven biển và đất phèn trên trầm tích đất mặn trũng thấp như vùng Đồng Tháp Mười, tứ giác Long Xuyên – Hà Tiên và bán đảo Cà Mau.

Vùng đồng bằng sông Cửu Long được thiên nhiên ưu đãi với hệ thống sông ngòi chằng chịt, đa dạng sinh học cao với các khu rừng nguyên sinh, vùng đất ngập nước, rừng ngập mặn, nhiều cồn đất nhô lên rộng và dài, lượng phù sa màu mỡ trở nên vùng đất tốt thích ghi với các loại cây ăn trái... Là nơi ở thích hợp cho nhiều loài chim đến sinh sống và cư ngụ trở thành những sân chim lớn của vùng...được ví như “vườn địa đàng” là những tiềm năng vô tận để phát triển du lịch sinh thái.

Đồng bằng sông Cửu Long là khu vực có tiềm năng phát triển du lịch, độc đáo. Nơi đây được thiên nhiên ưu đãi với hệ thống sông ngòi chằng chịt, có dòng sông Mêkông bồi đắp phù sa màu mỡ, hệ thống kênh rạch chằng chịt giao thoa cùng núi rừng với các khu rừng nguyên sinh, vùng đất ngập nước... tạo nên nhiều vườn cây trái xanh tươi, nhiều sân

<sup>11</sup> Tổng cục Thống kê Việt Nam, *Diện tích, dân số và mật độ dân số năm 2012 phân theo vùng*, 2012

chim là những tiềm năng vô tận để phát triển du lịch sinh thái, miệt vườn, sông nước; biển đảo Hà Tiên và Phú Quốc (Kiên Giang) với hàng trăm đảo nhấp nhô giữa biển khơi gió lộng; phong cảnh Thất sơn Bảy núi (An Giang); rừng đước Năm Căn, đất mũi Cà Mau,... đã đi vào lịch sử như một huyền thoại; cùng với đó là những cánh đồng lúa mênh mông... thật sự đã cuốn hút và hấp dẫn du khách.

Bên cạnh đó, tài nguyên nhân văn nơi đây cần được khai thác dựa trên yếu tố văn hóa tộc người, phong tục tập quán, lễ nghi, lễ hội, các di tích lịch sử rất có giá trị về mặt lịch sử, văn hóa, nghệ thuật, khoa học, di chỉ khảo cổ eo..mang đậm nét văn hóa đặc trưng của người Việt, Hoa, Khmer, Chăm... của người dân sống nơi đây.

Hiện nay, các sản phẩm du lịch chủ đạo của đồng bằng sông Cửu Long là tham quan miệt vườn, du lịch sinh thái ở hầu hết các địa phương trong vùng, là tham quan sông nước, chợ nổi (chợ nổi Cái Bè- Tiền Giang, chợ nổi Cái Răng - Cần Thơ, chợ nổi Ngã bảy Phụng Hiệp - Hậu Giang nhưng do di dời đi nơi khác nên lượng khách du lịch đến thăm quan rất ít, chợ nổi Ngã Năm – Sóc Trăng). Du lịch biển đảo tại khu vực này không có điều kiện phát triển tốt do phù sa sông Mekong, tuy nhiên đảo Phú Quốc với điều kiện thiên nhiên hết sức ưu đãi là lợi thế quan trọng cho loại hình sản phẩm này, không chỉ của riêng đồng bằng sông Cửu Long mà còn có vị trí đặc biệt quan trọng đối với cả nước. Mặc dù có hệ sinh thái tự nhiên tương đối đặc thù tại một số khu vực như các vùng đất ngập nước, rừng tràm (ví dụ ở vùng Đồng Tháp và bán đảo Cà Mau), nhưng hoạt động du lịch sinh thái còn phát triển hết sức hạn chế, chưa xây dựng được những sản phẩm du lịch sinh thái đúng nghĩa và hấp dẫn.

### **2.1.2. Tài nguyên du lịch nhân văn**

Vùng đồng bằng sông Cửu Long của Việt Nam gồm 12 tỉnh An Giang, Bến Tre, Bạc Liêu, Cà Mau, Đồng Tháp, Hậu Giang, Kiên Giang, Sóc Trăng, Long An, Tiền Giang, Trà Vinh, Vĩnh Long và 1 thành phố trực thuộc trung ương đó là thành phố Cần Thơ. Với dân số sinh sống khoảng 17.330.900 người gồm nhiều dân tộc như Kinh, Khmer, Hoa, Chăm... chiếm hơn 18% dân số của cả nước và 21% diện tích của cả nước. với những nét văn hoá độc đáo thể hiện qua các lễ hội, làng nghề, di tích văn hoá lịch sử...trở thành nguồn tài nguyên du lịch nhân văn giá trị. Nơi đây được thiên nhiên ưu đãi với hệ thống sông ngòi chằng chịt, đa dạng sinh học cao với các khu rừng nguyên sinh, vùng đất ngập nước...tạo nên nhiều vườn cây trái xanh tươi, nhiều sân chim... là những tiềm năng vô tận để phát triển du lịch sinh thái.

Để định hướng và chiến lược khai thác và sử dụng tài nguyên thiên nhiên có hiệu quả vùng ĐBSCL trở thành sản phẩm du lịch mang tính bền vững là hết sức cần thiết, nhằm phát huy thế mạnh của từng khu vực, cải thiện khả năng cạnh tranh chung, nâng cao sức hấp dẫn của toàn vùng một cách toàn diện về kinh tế, văn hoá - xã hội, an ninh quốc phòng và môi trường. Do đó, cần thiết phải lập đề án quy hoạch phát triển du lịch cho toàn vùng với tầm nhìn xa hơn trong mối liên hệ du lịch cả nước và toàn khu vực.

*Du lịch tham quan sông nước, miệt vườn kết hợp nghỉ tại nhà dân:* Du khách có thể vừa thăm quan làng nghề truyền thống để học hỏi, tham quan quy trình sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm của làng nghề; cộng đồng kết hợp nghỉ tại nhà dân và tham gia các hoạt động sinh hoạt hàng ngày với người dân đang trở thành sản phẩm du lịch đặc thù tại các tỉnh Tiền Giang, Vĩnh Long, Long An...



- *Du lịch sinh thái, tham quan nghiên cứu các hệ sinh thái đa dạng của vùng*: cần khai thác, bảo tồn và phát huy tác dụng kèm theo bảo vệ môi trường nơi có tài nguyên du lịch sinh thái như: các hang động, du lịch sinh thái biển, nông nghiệp, du lịch rừng, biển...

- *Du lịch nghỉ dưỡng biển đảo cao cấp (tại Phú Quốc, Hà Tiên)*: Xây dựng các hệ thống sản phẩm du lịch biển nhà nhĩ cao cấp đáp ứng nhu cầu khách quốc tế, cạnh tranh được trong khu vực về nghỉ dưỡng, tham quan thắng cảnh biển, xây dựng những khu du lịch vui chơi giải trí tầm cỡ quốc tế và khu vực, chất lượng cao, khu vui chơi giải trí cao cấp, các sự kiện văn hóa, thể thao gắn với biển đảo. Đồng thời, cần tạo nên những sản phẩm du lịch đặc thù ở Phú Quốc là lặn biển, thăm làng nghề nuôi trai bán ngọc, làng nghề làm rượu sim, nước mắm, trồng tiêu. Tổ chức các trò chơi, vui chơi giải trí dưới sông, dưới biển mang đậm nét văn hóa dân gian vùng sông nước và biển đảo.

- *Du lịch thưởng thức các món ăn đặc sản địa phương từ thiên nhiên*: Các món ăn của người dân ĐBSCL đã tạo nên hương vị riêng của mình đối với du khách trong và ngoài nước, cùng với các sản vật địa phương. Phát triển dịch vụ ẩm thực nhằm giới thiệu đến du khách trong và ngoài nước về văn hóa ẩm thực, coi ẩm thực địa phương là sản phẩm du lịch đặc thù của vùng, miền quan trọng cấu thành nên thương hiệu du lịch của địa phương.

- *Du lịch tìm hiểu văn hóa*: Cồn Ốc- Bến Tre; Cồn Tân Lộc, làng cổ Long Xuyên – Cần Thơ; Văn Giáo, làng Chăm Phum Xoài, di tích khảo cổ Ốc Eo...- An Giang; di tích khảo cổ Ốc Eo Gò Thành – Tiền Giang..

- *Du lịch tham quan miệt vườn sông nước, du lịch cộng đồng*: đây là sản phẩm “nổi tiếng ở các tỉnh ĐBSCL và là sản phẩm thường gặp ở ĐBSCL. Đối tượng tham quan chủ yếu là miệt vườn, đi thuyền tham quan chợ nổi Cái Bè, Phụng Hiệp, Cái Răng, Ngã Năm... và các khu du lịch do người dân tư đầu tư với các hoạt động chủ yếu là thưởng thức trái cây, ẩm thực, tham quan làng nghề làm bánh tráng, nấu rượu, làm kẹo dừa...

- *Du lịch tham quan văn hóa, lịch sử*: các di tích gắn với ác cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, các di tích lịch sử và di tích gắn với danh nhân trong thời kỳ Pháp thuộc.

- *Du lịch lễ hội, tín ngưỡng*: hàng năm, các tỉnh đồng bằng Sông Cửu Long có nhiều lễ hội đặc trưng vừa mang yếu tố văn hóa, vừa mang yếu tố tâm linh như lễ hội vía Bà Chúa Xứ, đua bò Bảy Núi, lễ hội Ok Om Bok và đua ghe ngo, lễ hội nghinh ông Nam Hải, Chon Chnam Thmay (lễ đón năm mới của người Khmer), lễ hội trái cây, lễ hội lúa gạo...

- *Du lịch thương mại, công vụ (MICE)*: là loại hình phù hợp nhất ở Cần Thơ và Phú Quốc có đủ cơ sở vật chất và sản phẩm dịch vụ chất lượng cao phù hợp với các sự kiện, hội thảo quốc tế, các chuyến nghỉ mát...

### **2.1.3. Cơ sở vật chất kỹ thuật - cơ cấu hạ tầng phục vụ du lịch đồng bằng sông Cửu**

#### **Long**

*Hệ thống giao thông*: vùng ĐBSCL có hệ thống giao thông đặc thù, bị chia cắt bởi nhiều kênh rạch chằng chịt và nhiều sông lớn, trong đó rộng nhất là sông Tiền và sông Hậu. Tuy nhiên do điều kiện kinh tế xã hội phát triển tương đối tốt và sự quan tâm đầu tư của nhà nước, nên hệ thống hạ tầng giao thông cũng được cải thiện tốt trong thời gian qua. Những dự án giao thông quan trọng, đặc biệt là các cây cầu lớn qua sông Tiền, sông Hậu đã và đang được thi công xây dựng góp phần quan trọng thúc đẩy thông thương và phát triển.

Đường bộ: có các quốc lộ 1, 50,62, 30,54,57,60,61,63,80,91,91B, các tuyến N1, N2 và hệ thống các tỉnh lộ, huyện lộ. Mặc dù những năm qua hệ thống này đã được sửa chữa, nâng cấp nhiều lần nhưng nhìn chung vẫn chưa thực sự đáp ứng được nhu cầu phát triển

nhanh chóng hiện nay. Dự án cải tạo nâng cấp quốc lộ 1 cũng đang được triển khai, trước mắt là đường cao tốc Tp.Hồ Chí Minh – Trung Lương, cửa ngõ đường bộ với vùng. Khi hoàn thành dự án, việc giao thông đường bộ sẽ thuận tiện dọc quốc lộ 1 từ Tp.Hồ Chí Minh qua Cần Thơ tới Cà Mau. Sắp tới tuyến đường cao tốc Tp.Hồ Chí Minh đi Cần Thơ cũng sẽ trở thành hiện thực.

**Đường thủy:** Giao thông đường thủy là phương pháp truyền thống và quan trọng nhất đối với người dân ĐBSCL hiện nay. Hệ thống đường sông vùng phát triển tương đối đều khắp, chủ yếu tập trung ở phía Đông và phía Nam với tổng chiều dài tuyến đường sông là 2.035 km, trong đó có 432 km ở khu vực Tp.Hồ Chí Minh. Cảng Sài Gòn, Cần Thơ đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế, trong đó có du lịch. Dọc đường biên giới với Campuchia, kênh Vĩnh Tế là tuyến giao thông đường thủy quan trọng. Kênh Chợ Gạo kết nối Tiền Giang với Tp. Hồ Chí Minh là tuyến đường thủy có mật độ cao nhất cả nước, là tuyến đường buôn bán trao đổi hàng hoá giữa vùng với cả nước và quốc tế quan trọng nhất hiện nay.

Với đường bờ biển dài trên 736 km nhưng hiện nay các tiềm năng vẫn chưa được khai thác hợp lý. Ngoài 2 cảng Cái Cui (Cần Thơ) và Phú Quốc (Kiên Giang) bằng tàu biển thường không vào cảng mà tàu neo đậu ngoài khơi rồi chuyển tiếp bằng tàu nhỏ vào bờ.

**Đường không:** Khách du lịch tới vùng ĐBSCL bằng đường hàng không hiện nay thông qua sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất – cảng hàng không quốc tế lớn nhất Việt Nam từ đó bay tiếp tới Cà Mau, Phú Quốc, Rạch Giá. Sân bay Trà Nóc là sân bay duy nhất trong vùng có đường bay thường nhật với Hà Nội. Trong các sân bay trong vùng, hiện chỉ có sân bay Cần Thơ có khả năng tiếp nhận máy bay cỡ lớn (trên 100 khách), các sân bay khác có đường băng nhỏ điều kiện kỹ thuật cũng chưa đáp ứng được việc vận hành trong các điều kiện phức tạp. Theo quy hoạch, trong vùng sẽ có 2 sân bay quốc tế là Cần Thơ và Phú Quốc (sau khi xây dựng mới tại Dương Tơ).

**Hệ thống cấp nước sạch:** Nguồn cung cấp chủ yếu cho vùng ĐBSCL là nguồn nước mặt từ các sông trong khu vực, nguồn nước ngầm chỉ có tính bổ trợ. Tổng công suất các nhà máy cấp nước trên địa bàn hiện đảo bảo được khoảng 60-70% nhu cầu nước sinh hoạt do dân cư đô thị với tiêu chuẩn 80-150 lít/người/ngày; 50-70 các trung tâm xã, khu dân cư tập trung được cấp nước với công suất khoảng 40-60 lít/người/ngày.

**Hệ thống cấp điện:** Việc vấp điện của Tiểu vùng Mekong hiện nay chủ yếu dựa vào mạng lưới điện quốc gia với trạm biến áp 500KV ở Phú Lâm, các trạm 220/110KV, trạm 110/15KV, trạm 66/15KV được bố trí phù hợp với nhu cầu phát triển từng khu vực. Để đáp ứng nhu cầu về điện, nhà nước đã đầu tư xây dựng các nhà máy thủy điện, nhiệt điện xung quanh khu vực (nhiệt điện Ô Môn II 740MW, Ô Môn IV 720MW, Phú Mỹ 600MW, nhiệt điện Hiệp Phước, Nhà Bè 675MW ...) Dự án nhiệt điện lớn đã được xây dựng ở Cà Mau là một thuận lợi rất lớn với ĐBSCL. Dự án này đã làm giảm đáng kể hao tổn đường dây do phải truyền tải điện tới các vùng sâu của ĐBSCL.

**Hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường:** Ở vùng nông thôn, tình trạng môi trường nước thải còn tồi tệ hơn. Nguồn nước mặt bị ô nhiễm chất đạm, vi khuẩn, và thuốc trừ sâu rầy do sản xuất nông nghiệp và chất thải của con người và thú vật. Việc sử dụng không đúng cách một số lượng to lớn hóa chất và thuốc trừ sâu rầy trong việc sản xuất nông nghiệp đã gây ra tình trạng ô nhiễm hóa chất nghiêm trọng trên cả nước. Hóa chất độc hại kể cả POPs được tìm thấy trong môi trường, thực phẩm, máu và sữa mẹ. Nhiều hóa chất độc hại có nồng độ rất cao so với nồng độ của dioxin. Hầu hết các khu đô thị bị ô nhiễm do

nguồn nước thải gây ra, nhất là các vùng chung quanh khu kỹ nghệ, nhà máy nhiệt điện, các khu công nghiệp, làng nghề... Vì không có một hệ thống thu gom và đổ rác thích ứng, rác được đổ bất hợp pháp xuống sông ngòi. Tất cả các loại rác kể cả rác y tế được đổ vào các bãi rác lộ thiên mà không được phủ kín mỗi ngày. Các bãi rác này không được thiết kế, xây cất, và điều hành một cách cẩn thận và đúng tiêu chuẩn làm gây ô nhiễm cho các vùng xung quanh.

#### **2.1.4. Các tuyến điểm du lịch và loại hình du lịch vùng du lịch đồng bằng sông Cửu Long**

- *Tuyến du lịch bằng đường không*: đến các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long bằng đường không: Khách quốc tế muốn đến thăm các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long thông qua cảng hàng không sân bay Trà Nóc – Cần Thơ hoặc sân bay Tân Sơn Nhất – TP. Hồ Chí Minh. Đối với các cụm cảng hàng không trong nước, du khách có thể đi đến các cụm cảng hàng không Rạch Giá và Phú Quốc thuộc tỉnh Kiên Giang; và một số cụm cảng hàng không khác trong tuyến liên vùng một cách thuận lợi như tuyến TPHCM – Cần Thơ; TPHCM – Rạch Giá; TPHCM – Cà Mau; TPHCM – Phú Quốc.

- *Tuyến du lịch bằng đường bộ*: Tuyến đường bộ xuyên Việt theo quốc lộ 1 từ miền Bắc đến tận tỉnh Cà Mau là con đường huyết mạch với chiều dài cung đường hơn 2000km. Do đó, Vùng đồng bằng Sông Cửu Long với 12 tỉnh và 1 thành phố Cần Thơ có đường quốc lộ 1 xuyên Việt đi qua nhiều tỉnh và thành phố nên nó rất thuận tiện cho du khách đến tham quan, thưởng thức các sản phẩm du lịch từ sông nước, biển đảo nơi đây. Đó là các tuyến TP. Hồ Chí Minh – các tỉnh ĐBSCL theo quốc lộ 1A, QL 62, QL 80, QL 90, đường Hồ Chí Minh.

- *Các tuyến du lịch bằng đường biển*: Để phát triển du lịch bằng đường biển trở thành phương tiện lưu thông huyết mạch cho những du khách thích khám phá du lịch sinh thái, du lịch biển bằng tàu du lịch, hoặc bằng thuyền đánh cá, tàu chuyên chở khách và tàu chở hàng hóa đi từ Hà Tiên hoặc Rạch Giá ra đảo ngọc Phú Quốc và ngược lại. Ngoài ra, du lịch biển xuyên qua các nước trên tàu 4-5 sao đang phát triển mạnh trong đó có Việt Nam và du khách quốc tế như tuyến Hạ Long – Phú Quốc và ngược lại, hoặc trong tương lai có tuyến du lịch Phú Quốc đến với các nước khác trên thế giới.

- *Tuyến du lịch bằng đường sông*: Du khách đến các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long rất thích khám phá các vườn trái cây, xem chợ nổi trên sông, đi thăm các cò, hoặc du thuyền trên sông để xem cuộc sống mưu sinh của người dân nuôi thủy hải sản trên các kênh rạch, sông lớn – nhỏ là điều thú vị của du khách. Hệ thống sông, lớn có sông Tiền Giang, sông Hậu Giang, sông Vàm Cỏ Đông và Vàm Cỏ Tây, sông Cổ Chiêng, sông Năm Căn... hoặc các kênh rạch dọc ngang tạo nên hệ thống sông dày đặc phù hợp với tuyến du lịch trên sông, tuyến theo sông Mê Kông. Để khai thác du lịch từ tài nguyên thiên nhiên cần phải có chiến lược phát triển bền vững tránh sự ô nhiễm, môi trường, ảnh hưởng đến sức khỏe, hệ sinh thái của người dân nơi đây trong tương lai.

- *Tuyến du lịch biển, đảo*: dành cho du khách thích khám phá biển, đảo, hệ sinh thái biển, rừng nguyên sinh tại đảo Phú Quốc và những đảo nhỏ khác tại các tỉnh khác.

- *Tuyến du lịch sinh thái rừng, biển, đồng bằng*: du lịch sinh thái miệt vườn ĐBSCL với đa dạng cây ăn quả, cây thuốc, hoặc cây lúa phục vụ cho công tác nghiên cứu về sự biến đổi về gen phục vụ nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp.

- *Tuyến du lịch lễ hội* từ sản phẩm thiên nhiên: hàng năm có nhiều lễ hội truyền thống, hiện đại, tôn giáo, các dân tộc như lễ hội Lúa gạo, trái cây,...

- *Cụm du lịch trung tâm vùng đồng bằng Sông Cửu Long*: gồm thành phố Cần Thơ và các tỉnh An Giang, Kiên Giang và Hậu Giang với sản phẩm nổi trội của vùng là du lịch tham quan sông nước, du lịch với mục đích thương mại, du lịch lễ hội và du lịch nghỉ dưỡng biển cao cấp. Đặc biệt, nơi đây có khu du lịch quốc gia đảo Phú Quốc và điểm du lịch quốc gia thị xã Hà Tiên thuộc tỉnh Kiên Giang, điểm du lịch quốc gia như Núi Sam, Cù Lao Ông Hồ thuộc tỉnh An Giang, điểm du lịch quốc gia thành phố Cần Thơ cũng là những điểm du lịch hấp dẫn.

- *Cụm du lịch bán đảo Cà Mau*: gồm các tỉnh Cà Mau, Bạc Liêu và Sóc Trăng với các sản phẩm du lịch quan trọng là tham quan điểm cực Nam của Tổ quốc rừng U Minh – Năm Căn – Mũi Cà Mau; du lịch sinh thái tại các khu rừng ngập mặn và du lịch văn hóa, lễ hội gắn với văn hóa dân tộc Khmer tại Sóc Trăng. Đặc biệt, nơi đây có khu du lịch quốc gia Năm Căn thuộc tỉnh Cà mau và điểm du lịch quốc gia Lưu niệm Cao Văn Lầu thuộc tỉnh Bạc Liêu.

- *Cụm du lịch trọng điểm duyên hải phía Đông*: gồm các tỉnh Tiền Giang, Bến Tre, Vĩnh Long và Trà Vinh với các sản phẩm chủ đạo là du lịch sông nước, miệt vườn, du lịch các cồn nghỉ tại nhà dân, tham quan làng nghề, di tích lịch sử cách mạng. Đặc biệt là khu du lịch quốc gia Thới Sơn thuộc địa bàn tỉnh Tiền Giang – Bến Tre gắn với du lịch miệt vườn Thới Sơn

- *Cụm du lịch trọng điểm Đồng Tháp Mười*: Bao gồm 2 tỉnh Long An và Đồng Tháp với sản phẩm du lịch khai thác từ tài nguyên thiên nhiên chủ đạo là du lịch sinh thái tại các khu rừng đặc dụng ngập nước nội địa Đồng Tháp Mười. Đặc biệt, khu du lịch quốc gia Happyland thuộc tỉnh Long An, và điểm du lịch Quốc gia Tràm Chim thuộc tỉnh Đồng Tháp là những điểm du lịch trọng điểm trong những năm tới cần có biện pháp khai thác và sử dụng một cách hiệu quả và mang tính bền vững.

## **2.2. Một số tuyến điểm du lịch chủ yếu vùng du lịch đồng bằng sông cửu long**

### **2.2.1. Một số tuyến nội tỉnh Long An**

Tỉnh Long An có diện tích là 4.493,8 km<sup>2</sup>, dân số là 1.446,2 nghìn người (2010). Trung tâm hành chính của tỉnh là Thành phố Tân An, 1 thị xã là Kiến Tường, và các huyện là Bến Lức, Cần Đước, Cần Giuộc, Châu Thành, Đức Hòa, Đức Huệ, Mộc Hóa, Tân Thạnh, Tân Trụ, Thạnh Hóa, Thủ Thừa, Vĩnh Hưng, Tân Hưng. Long An có một nền văn hóa đa dạng và lâu đời của nhiều dân tộc chung sống, trong đó đông nhất là người Việt (Kinh), Khmer, Hoa, Tày... Long An đông dân, chủ yếu là người Việt (Kinh) và đồng bào gốc Khmer ở phía tây tỉnh. Long An có 4 tôn giáo được đông người theo là đạo Phật, Kitô, đạo Cao đài và đạo Tin lành.

*Điều kiện tự nhiên*: Long An là cửa ngõ của đồng bằng sông Cửu Long, phía bắc giáp tỉnh Tây Ninh và nước Cam-pu-chia, phía đông giáp Tp. Hồ Chí Minh, phía nam giáp tỉnh Tiền Giang và phía tây giáp tỉnh Đồng Tháp. Là một tỉnh nông nghiệp, đất Long An màu mỡ trải ra trên hai triền sông của hai con sông lớn sông Vàm Cỏ Đông và Vàm Cỏ Tây. Ở phía bắc tỉnh có một số gò, đồi thấp, còn lại thì bằng phẳng. Phần đất phía tây thuộc vùng trũng Đồng Tháp Mười. Long An có một mạng lưới sông, ngòi, kênh rạch chằng chịt nối liền nhau, chia cắt địa bàn tỉnh thành nhiều vùng. Thực ra Long An chưa phải là đồng bằng sông Cửu Long, mà chỉ là đồng bằng sông Vàm Cỏ, giữa hệ thống sông Đồng Nai và hệ

thống sông Cửu Long. Long An có khí hậu nhiệt đới gió mùa, hai mùa mưa và mùa khô rõ rệt, nhiệt độ trung bình năm 27,4°C, mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10, lượng mưa trung bình 1.620mm/năm. Long An có đường quốc lộ 1A chạy qua thành phố Tân An, có quốc lộ 62 tới cửa khẩu Bình Hiệp sang Cam-pu-chia, có quốc lộ 50 từ Mỹ Tho (Tiền Giang) qua huyện Cần Đước, Cần Giuộc tới Tp. Hồ Chí Minh. Long An cách thành phố Hồ Chí Minh 47km.

*Tiềm năng phát triển du lịch:* Long An hấp dẫn khách du lịch chủ yếu do giá trị nhân văn của nền văn hoá Óc-Eo, một nền văn hoá đã hình thành và phát triển trên châu thổ sông Cửu Long từ thế kỷ 1 đến thế kỷ 6 sau Công nguyên do tiếp nhận tinh hoa văn hoá Ấn Độ. Gần 20 di tích tiền sử và gần 100 di tích văn hoá Óc Eo đã được phát hiện với 12.000 hiện vật đã thu thập. Ngoài ra Long An có trên 40 di tích lịch sử cách mạng, công trình kiến trúc và danh lam thắng cảnh quan trọng như: cụm di tích Bình Tả (Đức Hoà), di tích lăng mộ và đền thờ Nguyễn Huỳnh Đức, di tích đền Rạch Cát, ngôi nhà trăm cột...

### **Các điểm tham quan du lịch tỉnh Long An**

#### *Cụm di tích Bình Tả*

Cụm di tích Bình Tả nằm trong một quần thể di tích từ thời tiền sử tới sơ sử được phân bố theo các trục lộ cổ và sông Vàm Cỏ Đông, cụm di tích này thuộc nền văn hoá Óc Eo - Phù Nam có niên đại từ thế kỷ thứ 1 đến thế kỷ thứ 7 sau Công nguyên, tại ấp Bình Tả, xã Đức Hoà Hạ, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An. Cụm di tích kiến trúc nghệ thuật và khảo cổ Bình Tả (gồm Gò Xoài, Gò Đồn và Gò Năm Tước) cách thị xã Tân An 40km về phía đông bắc. Có ba di tích trong cụm đã được khai quật: di tích Gò Năm Tước, Gò Xoài và Gò Đồn được phân bố trên một địa bàn tương đối gần nhau. Ngôi đền Gò Xoài nằm ở độ sâu 1,70 - 1,90m có thể coi là địa điểm hành lễ của dân Phù Nam. Đặc biệt trong bộ sưu tập 26 hiện vật bằng vàng phát hiện ở Gò Xoài có một bản bằng chữ Phạn cổ khắc trên một lá vàng mỏng ghi câu kinh Phật giáo. Nhiều hiện vật được khai quật tại đây có giá trị như các tượng thần Siva, thần giữ đền, tượng Vinu, các linh vật Linga, Yoni.

Nhiều mảnh gốm mịn Óc Eo, mảnh kim loại, đá quý, sa thạch và hàng loạt di chỉ khác về con người từ thời tiền sử xung quanh ngôi đền, trong khoảng bán kính 10km đã được phát hiện. Các kiến trúc được phát hiện tại cụm di tích Bình Tả là các đền thờ thần Siva, thuộc tôn giáo Bà La Môn, xuất hiện ở Ấn Độ vào thế kỷ thứ nhất trước Công nguyên được truyền bá mạnh mẽ vào miền Nam Đông Dương từ đầu Công nguyên. Nằm trong một tổng thể di chỉ khảo cổ ở Đồng Tháp Mười và vùng phù sa cổ Đức Hoà (Long An), di tích Óc Eo - Bình Tả được xây dựng nhằm mục đích tôn giáo đồng thời cũng đóng vai trò là một trung tâm chính trị, văn hoá của Nhà nước Phù Nam - Chân Lạp thời cổ đại.

#### *Chùa Tôn Thạnh*

Chùa Tôn Thạnh là ngôi chùa cổ nhất của tỉnh Long An, do thiền sư Viên Ngộ xây dựng vào năm Gia Long thứ 7 (1808) với tên chùa Lan Nhã (đến năm 1841 đổi tên thành chùa Tôn Thạnh). Ngôi chùa thuộc ấp Thanh Ba, xã Mỹ Lộc, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An, cách trung tâm huyện Cần Giuộc khoảng 3km. Thiền sư Viên Ngộ húy Tánh Thành thuộc Thiền phái Lâm Tế chi phái Liễu Quán đời thứ 39, từ nhỏ đã một lòng thành tâm hướng Phật với mong muốn cứu khổ cứu nạn chúng sinh. Năm 1846, sau khi nhịn uống nước suốt 49 ngày, ngài đã viên tịch tại chùa. Hiện nay, trong khuôn viên chùa về phía tây còn có bảo tháp thờ Viên Ngộ đại sư.

Theo sách Đại Nam Nhất Thống Chí thì Tôn Thạnh là ngôi chùa “rường cột trắng lợt, vàng son huy hoàng”, nổi tiếng nhất đất Gia Định khi xưa. Trải qua bao thăng trầm lịch sử,

hiện chùa đã được chỉnh trang, tôn tạo với quần thể kiến trúc bao gồm tiền điện, chánh điện, nhà giảng đạo, đông lang, tây lang có lợp ngói âm dương rất bề thế. Chùa Tôn Thạnh vẫn giữ được nét cổ xưa qua hệ thống cột kiêu tứ tượng ở chánh điện, các hoành phi câu đối chữ Hán sơn son thếp vàng và nhiều pho tượng Phật cổ quý hiếm có từ những năm đầu thế kỷ 19. Đặc biệt là pho tượng Bồ Tát Địa Tạng bằng đồng được đúc tại chùa. Tương truyền, khi hoàn thành chùa Tôn Thạnh, đại sư Viên Ngộ đã cho đúc tượng Địa Tạng Bồ Tát bằng đồng để thờ. Sau nhiều lần đúc mà tượng vẫn bị khiếm khuyết, đại sư liền cắt ngón tay út của mình cho vào nồi đồng đang nóng chảy để tượng được viên mãn. Tượng Bồ Tát Địa Tạng cao 110cm, ngồi trên mình con thanh sư, tay phải ở tư thế kết ấn, tay trái đặt ngửa ngang ngực, lòng bàn tay chứa hạt minh châu. Điện Phật chùa được bài trí tôn nghiêm. Bàn thờ giữa tôn trí tượng đức Bổn sư Thích Ca, tượng Di Đà Tam Tôn (đức Phật A Di Đà, Bồ tát Quan Thế Âm, Bồ Tát Đại Thế Chí), tượng Đản Sanh, tượng Di Lặc, tượng Hộ Pháp. Các bàn hai bên thờ tượng Bồ Tát Địa Tạng, Thập bát La Hán...

Ở nhà Tổ của chùa có đặt thờ bài vị các vị Tổ dòng thiền Liễu Quán: Tổ Thiệt Diệu – Liễu Quán (đời thứ 35), Tổ Tế Nhơn – Hữu Bùi (đời thứ 36), Tổ Đại Bửu – Ngọc Sâm (đời thứ 37), Tổ Đạo Tứ – Quảng Thanh (đời thứ 38) và Tổ Tánh Thành – Viên Ngộ (đời thứ 39). Đặc biệt, chùa Tôn Thạnh chính là nơi cụ Nguyễn Đình Chiểu từng sống, viết văn, dạy học, bốc thuốc cứu người và hoạt động cách mạng (từ năm 1859 đến 1861). Cũng tại đây, ông đã viết bài Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc hào hùng và hoàn thành nốt những chương đoạn cuối cùng của truyện thơ nổi tiếng Lục Vân Tiên. Hiện, bên phải chùa Tôn Thạnh còn lưu giữ hai tấm bia kỷ niệm được xây dựng vào năm 1973 và 1997 để lưu lại dấu tích của nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu. Ngày 27/11/1997, chùa Tôn Thạnh đã được Bộ Văn hóa – Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) xếp hạng di tích văn hóa lịch sử cấp Quốc gia.

#### *Làng cổ Phước Lộc Thọ*

Làng cổ Phước Lộc Thọ có tổng diện tích khoảng 55.000m<sup>2</sup>, tập trung số lượng nhiều nhà cổ và có không gian rộng lớn nhất cả nước, thuộc ấp 2, xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, cách trung tâm thành phố Tân An hơn 30km về phía đông bắc. Nơi đây có một dòng sông yên bình, êm ả, thơ mộng chảy qua mang tên Vàm Cỏ Đông đã đi vào thơ ca, lịch sử và cũng từng là nơi sinh sống của người Phù Nam thuộc nền văn hóa Óc Eo cổ xưa. Làng cổ Phước Lộc Thọ mê hoặc du khách bởi nét cổ kính của các ngôi nhà xưa với nhiều kiểu kiến trúc cổ đặc trưng của dân tộc Việt Nam. Hầu hết các ngôi nhà ở đây đều được chủ nhân sưu tầm từ Huế, Đắk Lắk, Gia Lai, Đắk Nông, Quảng Nam... và các tỉnh miền Tây. Đây cũng là không gian lý tưởng để du khách thư giãn, tĩnh tâm và hòa mình vào với thiên nhiên.

Làng cổ được chia làm hai khu riêng biệt: khu tham quan và khu ăn uống, giải trí. Khu tham quan có 22 căn nhà cổ cũng được chia thành các khu vực với những nét đặc trưng riêng biệt. Khu đầu tiên là 15 ngôi nhà gỗ, trong đó có 5 ngôi nhà rường cột theo kiểu dáng miền Tây rộng 5 gian, 3 chái, toàn bộ sử dụng loại gỗ căm xe. Mỗi đòn, kèo, cột trong những ngôi nhà rường được chạm khắc công phu với những đường nét chạm trổ tinh tế. Nhà gỗ có số cột nhiều nhất trong khu này là 114 cột và ít nhất là 36 cột với lối kiến trúc xưa vừa lạ vừa đẹp mắt. Nội thất bên trong được trang trí rất đa dạng, bao gồm các hình khắc: Tứ linh, bát bửu, mai - điều - trúc - tước, ngô đồng - phụng, liễu - mã, liên - áp, nho - sóc, lựu - thừ... Khu bên cạnh là 1 ngôi nhà được xây dựng theo kiểu miền Trung (kiểu Tử lâu tứ giác bát dền), mang đậm dáng dấp cung đình. 6 ngôi nhà còn lại là những ngôi nhà sàn bằng gỗ, mang phong cách đặc thù của Tây Nguyên. Trong mỗi ngôi nhà đều trưng bày rất nhiều

đồ vật, cổ vật quý từ vật dụng sinh hoạt hàng ngày của vua chúa, quan quân, địa chủ, người dân như: phản, xe ngựa, điện thoại, máy hát đĩa, chén, đĩa sừng bò tốt, ngà voi... đến các đồ vật mang tính tâm linh của văn hóa người Việt. Ngoài ra, trong làng cổ Phước Lộc Thọ còn có một ngôi chùa được mô phỏng theo chùa Một Cột tại Hà Nội. Rời khu tham quan tới khu giải trí của làng cổ Phước Lộc Thọ, du khách sẽ được chiêm ngưỡng hơn 250 nghìn cây hoa lan các loại được nhập từ Thái Lan, gần 20 cây cổ thụ hàng trăm tuổi và nhiều hòn non bộ được đặt giữa các hồ với thiết kế đa dạng, phong phú.

Năm 2012, làng cổ Phước Lộc Thọ đã được Sách Kỷ lục Việt Nam xác lập kỷ lục là nơi sở hữu nhiều nhà gỗ cổ, hoa văn phong phú, đa dạng nhất Việt Nam. Làng cũng đã được Sở Văn hóa, Thể Thao và Du lịch tỉnh Long An công nhận là điểm du lịch và mở cửa đón khách tham quan, vui chơi giải trí, dã ngoại, chụp ảnh cưới, tổ chức tiệc cưới. Năm 2013, làng cổ Phước Lộc Thọ đã được chứng nhận trong top 100 điểm du lịch ấn tượng nhất Việt Nam.

#### *Khu bảo tồn đất ngập nước Láng Sen*

Láng Sen nằm trong vùng Đồng Tháp Mười, thuộc địa bàn 2 xã Vĩnh Lợi và Vĩnh Đại, huyện Tân Hưng, tỉnh Long An, là vùng sinh thái đa dạng, tiêu biểu cho vùng đầm lầy ngập nước với quần thể động thực vật hoang dã, có nhiều loài trong Sách đỏ Việt Nam. Khu bảo tồn đất ngập nước Láng Sen được thành lập vào tháng 1 năm 2004, có diện tích tự nhiên 5.030ha, lấy địa điểm Cái He làm trung tâm của vùng lõi. Khu bảo tồn có một giới hạn tự nhiên khá đặc biệt là cù lao rộng 1.500ha được bao bọc bởi sông Vàm Cỏ Tây với nhiều sinh cảnh thích hợp cho động thực vật ưa nước và nơi dễ khôi phục các hệ sinh thái đồng cỏ, bãi ăn của nhiều loài chim nước. Sự duy trì thảm thực vật ven sông, đồng cỏ tự nhiên ngập nước theo mùa, đầm lầy và gia tăng diện tích tràm trồng đã làm phong phú quần thể động thực vật cư trú nơi đây.

Kết quả khảo sát sơ bộ cho thấy, hiện Láng Sen có 156 loài thực vật hoang dã, trong đó có 152 loài xác định được tên khoa học thuộc 60 họ, bao gồm: khuyết thực vật 7 loài, song tử diệp 88 loài và đơn tử diệp 57 loài. Căn cứ vào dạng sinh trưởng, 152 loài thực vật hoang dã ở Láng Sen bao gồm 26 loài cây thân gỗ, 15 loài cây thân bụi, 101 cây thân thảo, 8 loài dây leo, 2 loài ký sinh.

Về động vật, Láng Sen có 112 loài chim; 149 loài động vật có xương sống thuộc 46 họ, trong đó có 13 loài nằm trong Sách đỏ Việt Nam như: trăn đất, rắn ráo, chim bạc má, ác là... Láng Sen còn có cá chạch, cá thát lát, cá rô, cá lia thia, cá linh, cá mè, chột, lìm kìm trê, lươn, ếch, rắn, rùa, tôm...

Láng Sen nằm giữa vùng Đồng Tháp Mười nên du khách đến đây sẽ cảm nhận được không khí trong trẻo, yên bình của vùng sông nước. Những ồn ào, bụi bặm nơi phố thị nhanh chóng tan biến dưới cái nắng nhẹ nhàng và gió mát lành thổi từ những cánh rừng tràm bao bọc xung quanh khu bảo tồn. Ngồi trên chiếc xuồng máy, hàng trăm thẳng tắp chạy dọc hai bờ kênh sẽ dẫn du khách vào bên trong khu đất ngập nước Láng Sen. Điểm dừng chân đầu tiên là cánh đồng sen rộng 50ha, thi thoảng, du khách sẽ bắt gặp những đàn cò trắng thay phiên nhau đáp xuống đồng sen kiếm mồi. Tiếp tục theo những con kênh dọc ngang đến cánh đồng lúa, du khách sẽ không khỏi kinh ngạc khi bắt gặp những đàn chim từ đâu túa ra, lấp lánh trên mặt nước.

Đến khu bảo tồn đất ngập nước Láng Sen, du khách còn có dịp thưởng thức ẩm thực đồng quê đặc trưng của vùng sông nước như: ốc luộc, cá trê chiên, cá lóc đồng nướng trui ăn với lá sen non, canh chua cá linh nấu với bông điên điển...

Láng Sen là một vùng đất ngập nước với hệ thống sông rạch tự nhiên và sự đa dạng về địa mạo so với các vùng ngập nước khác của Đồng Tháp Mười. Đây là một trong những yếu tố tự nhiên góp phần cho sự đa dạng về nơi sống, về loài và cảnh quan tự nhiên. Nếu được quản lý và bảo vệ tốt thì Láng Sen sẽ góp phần đáng kể vào việc bảo tồn sự đa dạng sinh học của vùng hạ lưu sông Mê Kông, bảo vệ nguồn gen của các động thực vật quý hiếm, phục vụ công tác nghiên cứu khoa học, hoạt động du lịch sinh thái.

### **2.2.2. Một số tuyến nội tỉnh Tiền Giang**

Tỉnh Tiền Giang có diện tích là 2.484,2 km<sup>2</sup>, dân số là 1.677,0 nghìn người (2010). Trung tâm hành chính của tỉnh là Thành phố Mỹ Tho, 1 thị xã là Gò Công, và các huyện là Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công Tây, Gò Công Đông, Tân Phước, Tân Phú Đông. Long An có một nền văn hóa đa dạng và lâu đời của nhiều dân tộc chung sống, trong đó đông nhất là người Việt (Kinh), Khmer, Hoa, Tày... Long An đông dân, chủ yếu là người Việt (Kinh) và đồng bào gốc Khmer ở phía tây tỉnh. Long An có 4 tôn giáo được đông người theo là đạo Phật, Kitô, đạo Cao đài và đạo Tin lành.

*Điều kiện tự nhiên:* Tiền Giang nằm ở đồng bằng sông Cửu Long, phía bắc giáp Long An, phía tây giáp với Đồng Tháp, phía đông tiếp giáp với cửa Soài Rạp và biển Đông, phía nam giáp Bến Tre. Khí hậu Tiền Giang chia thành hai mùa rõ rệt: mùa mưa và mùa khô. Nhiệt độ trung bình năm 27°C. Mạng lưới giao thông của tỉnh rất thuận tiện với 2 loại hình chính: đường bộ và đường thủy. Mỹ Tho cách Vĩnh Long 70km, cách Thành phố Hồ Chí Minh 70km, Cần Thơ 103km, Châu Đốc 179km, Rạch Giá 182km và cách Hà Tiên 272km. *Đường bộ:* Đường bộ chính của Tiền Giang là quốc lộ 1A, chạy xuyên qua các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long. Trạm xe khách Mỹ Tho nằm trên đường Ấp Bắc cách trung tâm thành phố khoảng 3 - 4km. Từ Tp. Hồ Chí Minh, tại bến xe Miền Tây có các tuyến xe khách đi các tỉnh Tiền Giang, Vĩnh Long, Châu Đốc, Cà Mau, Tây Ninh, Cần Thơ, và một số địa danh khác. *Đường thủy:* Từ Tiền Giang có thể đi thành phố Hồ Chí Minh hoặc sang Phnom Pênh bằng đường sông. *Tàu cao tốc:* Tàu cao tốc từ thành phố Hồ Chí Minh khởi hành hàng ngày đi Mỹ Tho và Cần Thơ. *Tàu du lịch vòng quanh Mỹ Tho:* Tàu du lịch trên sông Mê Kông đưa du khách đến các điểm du lịch nổi tiếng nhất thuộc Mỹ Tho như: Cù lao Tân Phong, Cồn Thới Sơn.

*Tiềm năng phát triển kinh tế và du lịch:* Là tỉnh đồng bằng, địa hình Tiền Giang chia thành ba vùng rõ rệt: vùng cây trái ven sông Tiền, vùng Đồng Tháp Mười và vùng ven biển Gò Công. Tiền Giang có 32km bờ biển, hàng năm đánh bắt rất nhiều cá và hải sản; đất đai phì nhiêu, là một trong những vựa lúa lớn của đồng bằng sông Cửu Long. Tiền Giang là nơi hội tụ đủ loại sản vật và hoa trái nổi tiếng như mận hồng đào Trung Lương, vú sữa Vinh Kim, xoài cát, cam sành, ổi xá lị Cái Bè...Tiền Giang có hệ thống khách sạn, nhà hàng đầy đủ tiện nghi, nhiều món ăn đặc sản nổi tiếng của miệt vườn vùng sông nước Cửu Long.

### **Các điểm tham quan du lịch tỉnh Tiền Giang**

#### *Chùa Vĩnh Tràng*

Vĩnh Tràng là ngôi chùa thờ phật lớn nhất tỉnh Tiền Giang, được xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia năm 1984. Chùa mang dáng vẻ kiến trúc châu Á pha lẫn châu Âu. Chùa nằm trên đường Nguyễn Trung Trực, xã Mỹ Phong, cách trung tâm thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang khoảng 3km. Chùa Vĩnh Tràng xưa vốn là chỉ là cái am nhỏ, mái lá vách đất, do tri huyện Bùi Công Đạt phát nguyện xây cất vào đầu thế kỷ 19 để di dưỡng tinh thần sau khi về hưu. Khi ông mãn phần, hòa thượng Huệ Đăng vận động tín đồ xây dựng thành



ngôi đại tự, theo lối kiến trúc của chùa Giác Lâm ở Gia Định, nhưng to lớn hơn với 178 cây cột, 2 sân thiên tinh, 5 lớp nhà và hoàn thành vào năm 1849 với tên Vĩnh Trường, xuất phát từ hai câu đối: “Vĩnh cửu đối sơn hà / Trường tồn tề thiên địa”. Người dân vùng lân cận đến nay vẫn quen gọi là chùa Vĩnh Tràng. Năm 1907, Hòa thượng Trà Chánh Hậu cho sửa chữa phần chánh điện, pha trộn cả nét kiến trúc Á - Âu. Năm 1930, Hòa thượng Minh Đăng cho trùng tu toàn diện để chùa có diện mạo như ngày hôm nay.

Chùa được xây dựng theo dạng chữ “Quốc” của Hán tự, như các chùa Hoa nhưng chùa Vĩnh Tràng có những hoa văn theo kiểu thời Phục Hưng, vòm cửa theo kiểu La Mã, bông sắt theo phong cách Pháp, nền lát gạch men Nhật Bản. Riêng chữ Hán được viết theo kiểu chữ triện cổ kính, còn chữ quốc ngữ viết theo lối chữ Gô-tích. Nhìn tổng quan bên ngoài, kiến trúc chùa là sự giao thoa giữa Á và Âu một cách lạ mắt nhưng hài hòa. Tuy nhiên, kiến trúc bên trong chùa vẫn mang đậm lối kiến trúc điêu khắc truyền thống Việt Nam.

Ngôi chùa gồm có bốn hạng mục nối tiếp nhau (tiền đường, chánh điện, nhà tổ, nhà hậu), có diện tích 14.000m<sup>2</sup>, dài 70m, rộng 20m, xây bằng xi măng và gỗ quý, nền đúc cao 1m, xung quanh xây tường vững chắc. Riêng mặt trước của tiền đường thì được xây dựng theo lối kiến trúc hài hòa Âu - Á với những hàng cột thanh mảnh, vòm cong và hoa văn nhiều màu sắc. Đi vào bên trong ta sẽ thấy một màu vàng óng ánh được thếp trên các hình chạm, trên các tượng phật. Đáng chú ý hơn cả là những đôi long trụ trong ngôi chính điện, đó là những cây cột tròn to, bằng gỗ quý kiến trúc theo kiểu "thượng thu hạ cách". Phía trong ngôi chính điện và nhà tổ làm theo kiểu Trung Quốc nhưng vẫn giữ được nét kiến trúc Việt Nam, nói hai ngôi này là một khoảng nhỏ có hòn non bộ ở giữa. Đứng trên hòn non bộ nhìn về mặt sau ngôi chánh điện, hai bên nhà cầu, mặt trước nhà tổ, ta sẽ thấy lối kiến trúc Rôma với những hàng đá hoa màu sắc sặc sỡ kiểu Pháp được trang trí trên thành nóc, trên những cột xây bằng xi măng kiểu cách.

Chùa có 3 tượng đồng (Di Đà, cao 98cm, Quan Âm và Thế Chí cao 93cm) được tạo tác giữa thế kỷ 19; bảy bộ bao lam tuyệt đẹp thếp vàng chạm hình Bát tiên, thần Mặt trời và thần Mặt trăng, do các nghệ nhân địa phương chạm trổ công phu vào khoảng 1907-1908. Ngoài ra, còn có chiếc đại hồng chung mang tên Pháp Bảo Chuông cao 12cm, nặng khoảng 150kg được đúc giữa tháng 5 năm 1854 trên thân có khắc chữ "Vĩnh Trường Tự". Rất tiếc là chuông không còn sử dụng được vì nằm lâu dưới nước trong thời gian bị thất lạc. Trong chùa hiện nay còn hơn 20 bức tranh sơn thủy rất giá trị. Tuy ảnh hưởng tranh vẽ Trung Quốc nhưng những bức vẽ này mang đậm nét dân gian Việt Nam, in hình "mai, lan, cúc, trúc", hình phong cảnh Việt Nam rất nên thơ. Đó là công trình của Long Giang cư sĩ phác họa năm 1904. Những bức hoành, câu đối trong chùa được điêu khắc chữ nổi thếp vàng như những chữ "Hoàng kim bửu điện" được khắc từ 1851 đến nay vẫn còn khá đẹp. Không giống bất kỳ tam quan một ngôi chùa nào khác, hai cổng chùa Vĩnh Tràng được xây dựng theo lối cổ lâu và được ốp bằng nhiều mảnh sành, sứ với những màu sắc óng ánh theo chủ đề “long, lân, quy, phụng”, “ngư, tiều, canh, mục”, chim hoa và các điển tích phật giáo, cho thấy tay nghề điêu luyện của những người thợ tài hoa. Chùa có kết cấu năm mái nhô cao, tượng trưng cho ngũ hành (kim, mộc, thủy, hỏa, thổ) theo quan niệm của phương đông. Xung quanh chùa là những vườn cây cảnh trồng nhiều loại hoa thơm cỏ lạ, những hồ nước thơm ngát hương sen và những cây cỏ thụ che trùm bóng mát, tạo nên sự hài hòa tuyệt vời giữa khung cảnh thiên nhiên với không gian kiến trúc, khiến chùa thêm cổ kính, thâm nghiêm. Nổi bật giữa hoa viên là pho tượng phật Di Đà cao 24m (bê 6m, tượng 18m). Tượng màu trắng, diễn tả Phật đang đứng trông nom chúng sinh các cõi. Tượng Phật được

nhiều người địa phương cho là biểu tượng của ngôi chùa hiện nay. Theo các chuyên gia văn hóa thì vẻ đẹp của chùa tập trung ở nghệ thuật tạo hình và có thể xem chùa Vĩnh Tràng là sự phản ánh lịch sử mỹ thuật của đất Tiền Giang. Hàng ngày, ngoài thiện nam tín nữ phật tử đến chiêm bái, còn có nhiều khách du lịch đến tham quan chùa Vĩnh Tràng; đông đảo nhất là vào các ngày rằm, mùng một, và các ngày lễ của đạo và ngoài đời.

#### *Cù lao Thới Sơn*

Cù lao Thới Sơn là một vùng trồng nhiều cây ăn trái, nằm ở hạ lưu sông Tiền, thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Sự hấp dẫn, quyến rũ của Thới Sơn ở chỗ đến mảnh đất này là lánh xa sự ồn ào, nhộn nhịp của phố phường. Du khách đến Thới Sơn, xuống đò chèo xuôi theo những con rạch ngoằn ngoèo giữa hai hàng dừa nước rậm rạp hay những cây thủy liễu (bần) ven rạch nghiêng mình chào đón du khách. Nếu muốn tản bộ theo những con đường đá uốn lượn, băng qua những vườn cây trái xum xuê, bạn có dịp ngồi nghỉ trong những nhà vườn uống trà mật ong thơm ngọt và nghe đàn ca tài tử. Đêm Thới Sơn thật huyền diệu với trăng thanh, gió mát, sóng nước mênh mang. Du khách có thể ngồi thuyền lướt nhẹ trên sông ngắm trăng lên, hoặc cùng bạn ngồi đối ẩm nghe giọng ca mượt mà, sâu lắng của thôn nữ.

Những ngôi nhà của người dân Thới Sơn vẫn giữ được nét cổ kính, xưa cũ. Điểm du lịch của nhà ông Tám Cho là một tiêu biểu về kiểu nhà xưa. Ngôi nhà của ông được xây dựng với hàng cột gỗ, mỗi mái nhà có chín cây đòn tay bố trí theo thuật phong thủy: Kiên - Trừ - Mãn - Bình - Định - Cháp - Phá - Nguy - Thành. Trong nhà, cách bài trí cũng theo phong cách cổ với chiếc tủ thờ càn xà cù lóng lánh, tràng kỷ chạm trổ tinh xảo, cùng với đôi liễn chạm câu đối sơn son thếp vàng... Xung quanh nhà là vườn cây cảnh với nhiều cây bonsai được trồng tỉa công phu. Đến Thới Sơn, du khách có dịp tham quan quy trình làm kẹo dừa, bánh tráng bằng phương pháp thủ công, chọn mua những đồ mỹ nghệ, đồ dùng sinh hoạt gia đình làm từ cây dừa. Bên cạnh chương trình du lịch sinh thái, du khách có dịp thưởng thức nhiều món đặc sản của vùng sông nước: cá nướng, lẩu cá kèo, cá lóc hấp bầu, cá tai tượng chiên xù. Lượng du khách đến với Thới Sơn ngày càng tăng, đặc biệt là du khách nước ngoài. Thới Sơn thu hút được du khách là nhờ có nhiều sản phẩm du lịch độc đáo, đa dạng, mới lạ, phong cách phục vụ chu đáo. Thới Sơn là một trong nhiều điểm du lịch hấp dẫn ở Tiền Giang.

#### *Du lịch trên sông Tiền*

Tuyến du lịch sông Tiền đưa du khách đến những vùng quê ven sông. Cây trái bốn mùa, kênh rạch chằng chịt là điểm thu hút du khách. Tuyến chợ nổi Cái Bè, du khách chứng kiến cảnh mua bán của người dân vùng sông nước, bao nhiêu loại trái cây, ghe, thuyền khắp nơi của đồng bằng đổ về. Ngoài sự nhộn nhịp, sung túc của chợ nổi là nét hào phóng của cư dân vùng sông nước. Nổi tuyến với chợ nổi, du khách đến thăm vườn cây ăn trái xanh tươi, dùng chân ở các nhà vườn để nghỉ ngơi trong bầu không khí êm ả ở Cù lao Tân Phong, xã Đông Hoà Hiệp. Hoặc có thể viếng thăm làng nghề bánh tráng, cốm, kẹo truyền thống đến những ngôi nhà cổ đã tồn tại hàng trăm năm. Từ Cái Bè, du khách có thể đến Cái Môn (Bến Tre) và Bình Hoà Phước (tỉnh Vĩnh Long). Vườn cây ăn trái 4 mùa, các khu nhà nghỉ dưỡng ven sông, dân dã thu hút khách quốc tế tham quan và nghỉ dưỡng. Du khách có thể hoà mình với sinh hoạt của người dân như gặt lúa, bắt cá, thả lưới, giăng câu... Tham quan các cơ sở sản xuất, mua sắm và thưởng thức tại chỗ các mặt hàng đặc sản địa phương

#### *Chợ nổi Cái Bè*

Chợ Cái Bè là chợ đầu mối lớn nhất ở miền Tây Nam Bộ, thuộc thị trấn Cái Bè, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, nằm ở đoạn sông Tiền Giang giáp gianh giữa ba tỉnh Tiền Giang, Vĩnh Long và Bến Tre. Chợ diễn ra trên sông, họp suốt ngày đêm trên quy mô lớn. Hàng hoá rất đa dạng, phong phú, nhiều vườn cây ăn trái lớn nhất tỉnh Tiền Giang với các loại trái cây ngon nổi tiếng như cam sành, cam mật, xoài cát, ổi xá lỵ, quýt đường...

Khách du lịch đến với Cái Bè ngày một đông bởi thị trấn này có những dãy phố nằm dọc theo bờ sông, lúc ẩn lúc hiện dưới hàng dừa nước và những rặng bần mà nhìn xa ngỡ như một bức tranh thủy mặc. Cái Bè mang một vẻ đẹp thuần quê, thắm đằm chất miệt vườn. Ở đây, vườn nối tiếp vườn, sông nối tiếp sông, kênh rạch đan xen nhau. Phương tiện giao thông ở Cái Bè hoàn toàn bằng đường thủy. Chợ Cái Bè diễn ra trên sông, ghe thuyền đi lại như mắc cửi. Chợ họp suốt ngày đêm trên một quy mô lớn, có đủ các ghe thuyền từ miệt vườn xa xôi về đây bán hàng và mua hàng. Chính vì vậy mà hàng hóa ở chợ rất phong phú và đa dạng, từ hàng vải, đồ gia dụng cho đến hàng gia cầm, thủy hải sản... cho tới cả đồ ăn, thức uống cũng không thiếu. Khu vực buôn bán trái cây nằm ở vàm chợ nổi, dọc theo cù lao Tân Long, dài tới cả cây số. Ghe thuyền từ thành phố Hồ Chí Minh, Long An, An Giang, Cần Thơ, Cà Mau tới để mua hàng. Ghe tam bản chở đầy trái cây: chôm chôm đỏ rực, xoài màu vàng ửng, sầu riêng thơm nồng, dưa hấu xanh tươi... từ sáng sớm đã được chở đến. Khi bình minh vừa lên cũng là lúc khu chợ nổi đã nhộn nhịp như một thành phố nổi trên sông. Những chiếc xuồng nhỏ bán hàng rong như cơm, phở, hủ tiếu, đồ tạp hóa chạy luồn lách theo các mạn ghe, mạn tàu để bán hàng. Ngồi trên thuyền, du khách có thể thưởng thức ngay tô hủ tiếu nóng hổi, hay ly cà phê thơm phức vào buổi sáng... Khu chợ nổi Cái Bè là trạm trung chuyển trái cây và các sản vật đi khắp mọi miền (sang cả Trung Quốc). Giá cả ở đây rẻ đến bất ngờ. Khu vực bán các loại củ, quả chạy dài từ ngã ba Nhà Thờ đến cửa Vàm Long Hải. Khu này thường có loại ghe lớn có trọng tải từ 5-10 tấn từ các tỉnh khác chở hàng đặc sản từ tỉnh mình về đây bán rồi lại mua hàng ở đây chở về tỉnh mình. Khu bán gạo, cám thì nằm riêng biệt ở một khúc sông. Nét độc đáo của chợ nổi là ghe thuyền bán thứ gì thì treo thứ ấy lên đầu ngọn sào để người mua biết, không phải rao mời. Khi mặt trời khuất sau rặng cây phía xa xa thì cũng là lúc "thành phố nổi" lên đèn. Ban đêm chợ nổi đèn đóm sáng trưng trông như sao sa. Có những chiếc ghe treo những chiếc đèn lồng nhỏ ở trước mũi thuyền trông thật sinh động. Đến với chợ nổi Cái Bè, du khách sẽ cảm nhận được nhiều điều thú vị và khám phá nhiều điều mới lạ của chốn sông nước miền Tây.

#### *Trại rắn Đồng Tâm*

Trại rắn Đồng Tâm là một trung tâm nuôi rắn lấy nọc xuất khẩu, kết hợp trồng cây dược liệu và nghiên cứu điều trị rắn cắn cho nhân dân đồng bằng sông Cửu Long, cách Tp. Mỹ Tho khoảng 9km. Tiền thân là Xí nghiệp 408, Trại rắn Đồng Tâm còn có tên gọi Trung tâm Nuôi trồng Nghiên cứu Chế biến Dược liệu Quân khu 9. Không những là nơi điều trị bệnh nhân bị rắn độc cắn mà trại rắn Đồng Tâm còn là điểm tham quan độc đáo, nằm trong tour du lịch Mỹ Tho - cù lao Thới Sơn - trại rắn Đồng Tâm. Tại đây, du khách tận mắt chiêm ngưỡng hàng trăm loại rắn khác nhau, từ những loài rắn hiền lành (rắn nước, rắn gáo,...), đến các loài rắn độc (hổ ngựa, rắn hổ cạp nong, hổ mai gầm,...), những loài động vật quý hiếm như trăn, cá sấu, ba ba, cáo, gấu...Hiện mỗi năm có khoảng 30 - 40 ngàn du khách quốc tế và trong nước đến tham quan nơi đây. Để ngày càng thu hút khách du lịch, Sở Thương mại - Du lịch tỉnh Tiền Giang đang phối hợp cùng trại rắn Đồng Tâm đầu tư nâng cấp toàn khu trại rắn, trồng cây xanh, bổ sung nhiều con thú quý hiếm khác... Dự kiến, khi hoàn thành mỗi năm trại rắn sẽ đón khoảng 10- 15 ngàn lượt du khách đến tham quan.

### 2.2.3. Một số tuyến nội tỉnh Bến Tre

Tỉnh Bến Tre có diện tích là 2.360,2 km<sup>2</sup>, dân số là 1.256,7 nghìn người (2010). Trung tâm hành chính của tỉnh là Thành phố Bến Tre và các huyện là Châu Thành, Chợ Lách, Mỏ Cày, Giồng Trôm, Bình Đại, Ba Tri, Thạnh Phú, Mỏ Cày Bắc. Long An có một nền văn hóa đa dạng và lâu đời của nhiều dân tộc chung sống, trong đó đông nhất là người Việt (Kinh), Khmer, Hoa, Tày.

*Điều kiện tự nhiên:* Bến Tre là một tỉnh đồng bằng cuối nguồn sông Cửu Long, tiếp giáp với biển Đông, có bờ biển dài 60km. Phía bắc giáp Tiền Giang, phía tây và tây nam giáp Vĩnh Long, phía nam giáp Trà Vinh. Địa hình ở đây bằng phẳng, rải rác có những cồn cát xen kẽ với ruộng vườn, không có rừng cây lớn, bốn bề sông nước bao bọc rất thuận tiện cho giao thông vận tải cũng như thủy lợi. Bến Tre có khí hậu nhiệt đới gió mùa: mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10, các tháng còn lại là mùa khô. Nhiệt độ trung bình năm từ 26°C - 27°C. Lượng mưa trung bình năm từ 1.250 - 1.500mm. Bến Tre cách Mỹ Tho 14km và cách Tp. Hồ Chí Minh 85km.

*Tiềm năng phát triển kinh tế và du lịch:* Bến Tre hình thành bởi 3 cù lao lớn: cù lao Bảo, cù lao Minh và cù lao An Hóa do 4 con sông lớn là Tiền Giang, Ba Lai, Hàm Luông, Cổ Chiên chia cắt. Là tỉnh có nhiều sông, rạch, Bến Tre có điều kiện thuận tiện để phát triển du lịch xanh, bởi ở đó còn giữ được nét nguyên sơ của miệt vườn, giữ được môi trường sinh thái trong lành trong màu xanh của những vườn dừa, vườn cây trái rộng lớn. Bến Tre là vựa lúa lớn của đồng bằng sông Cửu Long với nhiều sản vật và hoa quả: lúa, ngô, khoai, dứa, chôm chôm, măng cầu, vú sữa, sầu riêng. Bến Tre giàu thủy sản với các loại: cá thiều, cá mòi, cá cơm. Cây công nghiệp có dừa, thuốc lá, mía, bông. Đặc biệt Bến Tre là xứ sở của dừa (gần 40.000 ha trồng dừa), nổi tiếng với đặc sản kẹo dừa Bến Tre, bánh tráng Mỹ Lồng, bánh phồng Sơn Đốc. Làng nghề Cái Mơn hàng năm cung ứng cho thị trường hàng triệu giống cây ăn quả và cây cảnh nổi tiếng khắp nơi.

#### **Các điểm tham quan du lịch tỉnh Bến Tre**

##### *Đình Bình Hòa*

Đình Bình Hòa là một trong 20 ngôi đình lớn và đẹp của tỉnh Bến Tre và cũng là ngôi đình cổ nhất ở cù lao Bảo (gồm một phần huyện Châu Thành, huyện Giồng Trôm, huyện Ba Tri và Tp. Bến Tre, nằm ở thị trấn Giồng Trôm, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, cách TP. Bến Tre 16km về phía đông nam. Đình được xây dựng vào năm 1831 bằng những nguyên vật liệu đơn sơ như cây, lá... Năm 1903, ban khánh tiết của đình đã đứng ra tổ chức, vận động nhân dân đóng góp công sức, tiền của để xây dựng lại đình với quy mô lớn hơn và sau 10 năm (1903 - 1913) thì hoàn thành công trình. Đình được xây dựng bằng chất liệu chính là gỗ tứ thiết, kết cấu gắn bằng mộng, chốt. Năm 2012, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bến Tre đã phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Giồng Trôm tổ chức trùng tu, tôn tạo di tích kiến trúc nghệ thuật đình Bình Hòa và sau 01 năm thi công, công trình đã hoàn tất với tổng diện tích 9.000m<sup>2</sup>, bao gồm các hạng mục chính là: nhà võ ca, thiêu hương, chính điện, tiền sảnh, hành lang, hậu đường, miếu Quan Thánh.

Điểm nổi bật trong kiến trúc của đình chính là nghệ thuật chạm khắc gỗ độc đáo, tinh xảo, kết hợp chặt chẽ giữa yếu tố nghệ thuật cung đình với nghệ thuật tôn giáo và được dân gian hóa ở mức độ nhất định thể hiện ở những đề tài lân, long, quy, phụng, chim muông, hoa lá... trên những vì, kèo, xuyên, trính, hoành phi... Toàn bộ những tác phẩm điêu khắc, chạm trổ mỹ thuật ở đình Bình Hòa là di sản văn hóa quý báu, phục vụ công tác nghiên cứu

khoa học, đồng thời cũng là sản phẩm du lịch đặc sắc thu hút du khách đến tham quan, chiêm ngưỡng. Hiện đình còn lưu giữ hơn 100 hiện vật điêu khắc gỗ, gồm những bức hoành phi, liễn đối, bao lam, phù điêu, hương án, đồ lễ bộ... Hàng năm, tại đình diễn ra lễ cúng đình vào Rằm tháng Giêng và Rằm tháng Chạp. Đình Bình Hòa được Bộ Văn hóa – Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) công nhận là di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia ngày 7/1/1993.

#### *Cồn Phụng (Cồn Đạo Dừa)*

Cồn Phụng có di tích Đạo Dừa trên diện tích chừng 1.500m<sup>2</sup> trong tổng diện tích 50ha, dân cư sống chủ yếu bằng nghề làm đồ thủ công mỹ nghệ từ cây dừa và trồng cây ăn trái, nằm trên một cù lao nổi giữa sông Tiền thuộc xã Tân Thạch, huyện Châu Thành, ngay cửa ngõ tỉnh Bến Tre, cách trung tâm thành phố Bến Tre 12km (đường bộ) và 25km (đường sông). Đến Cồn Phụng du khách có thể đi xuống máy dọc cồn thăm các cơ sở sản xuất kẹo dừa, sản xuất đồ lưu niệm từ cây, vỏ trái dừa... lên xe ngựa thăm vườn cây ăn trái, dùng chân ngồi nghỉ dưới ngôi nhà lợp lá dừa để uống trà với mật ong và quất, thưởng thức các món ăn trái cây miền nhiệt đới, nghe nhạc đờn ca tài tử Cồn Phụng hiện được bảo tồn nguyên trạng các hạng mục kiến trúc được xây dựng từ thời giáo chủ Đạo Dừa là Nguyễn Thành Nam: sân 9 con rồng; tháp Hoà bình (cửu trùng đài) - nơi ông Đạo Dừa ngồi giảng kinh pháp và truyền bá đạo giáo, toà tháp có kiến trúc lạ mắt với những mảng đắp chạm rồng, phượng được gắn bằng những mảnh vỡ của bát đĩa, ấm chén; một đình lớn. Nguyễn Thành Nam tự xưng là "Xứ giả của hòa bình", chủ trương mang lại hoà bình từ mọi tôn giáo, sống bằng hoa trái (không ăn các sản vật khác). Tại đây có nhiều món đồ lưu niệm: từ những chiếc mặt nạ xanh đỏ, khung ảnh, chiếc xe ba gác, đèn đồ dùng nhà bếp như chén, bát, muỗng, thìa... hầu hết được chế tác từ dừa.

#### *Cồn Qui*

Cồn Qui - một cồn đất rộng 65ha, nằm trên sông Tiền Giang giữa 2 xã Tân Thạch và Quới Sơn thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, cách trung tâm thành phố Bến Tre 22km đường sông. Cồn Qui là các khu vườn trồng cây ăn trái như: sa-pô-chê, nhãn, bưởi... Đạo chơi sông Tiền, du khách thường ghé vào Cồn Qui để thưởng thức trái cây thơm ngon và các loại tôm cá. Cồn Qui là cồn nhỏ nhất của Bến Tre, được khai thác từ những năm đầu thập kỷ 1960. Vào năm 1955, ông Phạm Cao Thăng là người đầu tiên đến đây khai hoang lập ấp. Ông trồng nhiều cây bần để giữ đất không bị trôi. Hàng năm, nhờ lượng phù sa bồi đắp nên Cồn Qui ngày càng được mở rộng. Vì vậy, ngày càng có nhiều hộ dân đến đây sinh sống và khai thác đất trồng hoa màu và nhiều loại cây ăn trái

Là vùng đất mới nên Cồn Qui vẫn còn giữ được những nét hoang sơ. Những bông bần trắng tím là đóa mặt nước, đung đưa trong gió. Những rặng dừa nước xanh um chạy dọc triền sông đến hút mắt, lá lơi trong sóng. Những mái nhà lá đơn sơ thấp thoáng trong những vườn cây nặng trĩu trái. Những cô thôn nữ mặc áo bà ba, quẩy mạnh mái chèo hoặc điều khiển máy đui tôm chở trái cây ra chợ bán...

#### *Cồn Tiên*

Cồn Tiên có diện tích 7ha, là một bãi cát đẹp, ở trên sông Hàm Luông thuộc xã Tiên Long, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, cách trung tâm Tx. Bến Tre 23km (đường bộ), 15km (đường sông). Hàng năm vào ngày 5 tháng 5 âm lịch, hàng vạn người đến tắm và vui chơi. Khu này dự kiến sẽ liên doanh xây dựng thành làng du lịch trong tương lai.

#### *Lễ hội Nguyễn Đình Chiểu*

Hàng năm vào ngày 1/7 dương lịch, tại cụm đền thờ, mộ nhà thơ tại xã An Đức, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre làm lễ dâng hương, đọc văn tế cụ Nguyễn Đình Chiểu, ngâm thơ Nguyễn Đình Chiểu. Nguyễn Đình Chiểu (1822 – 1888) tuy không sinh ra ở Bến Tre nhưng đã dành phần lớn cuộc đời sống và lao động nghệ thuật tại mảnh đất này. Ông vừa là thầy thuốc, nhà giáo, lại vừa là nhà thơ với nhiều tác phẩm thơ ca yêu nước đặc sắc, có sức ảnh hưởng sâu rộng đối với các tầng lớp nhân dân. Để tỏ lòng thành kính và biết ơn Nguyễn Đình Chiểu, hàng năm, vào ngày 1/7 – ngày sinh của ông, nhân dân tỉnh Bến Tre tổ chức lễ hội Nguyễn Đình Chiểu theo đúng nghi thức lễ hội truyền thống với nhiều hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao đặc sắc. Đây cũng được chọn là Lễ hội truyền thống văn hóa của tỉnh Bến Tre nhằm giáo dục truyền thống yêu nước cho các thế hệ hôm nay và mai sau. Phần lễ được tổ chức long trọng với lễ dâng hương và lễ mít tinh tại khu di tích Nguyễn Đình Chiểu. Sau khi bài “Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc” được xướng lên trong không khí trang nghiêm là các hoạt cảnh diễn lại tích Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga trong tác phẩm “Lục Vân Tiên” nổi tiếng của nhà thơ. Phần hội cũng không kém phần sôi nổi với nhiều hoạt động như: bốc thuốc miễn phí, thi nấu ăn, kéo co, đập niêu, biểu diễn trống hội, Liên hoan đờn ca tài tử, thi hóa trang các nhân vật trong truyện “Lục Vân Tiên”, ngâm thơ, múa lân, thi đấu võ thuật,... Đến với Lễ hội truyền thống văn hoá tỉnh Bến Tre, du khách còn có dịp tham quan triển lãm ảnh về thành tựu kinh tế - xã hội của tỉnh Bến Tre và các tác phẩm văn thơ của Nguyễn Đình Chiểu cũng như tìm hiểu về thân thế và sự nghiệp văn chương của nhà thơ.

Lễ hội Nguyễn Đình Chiểu được tổ chức hàng năm gắn với ngày sinh của ông là một ngày hội lớn, niềm tự hào của người dân xứ dừa. Qua lễ hội nhằm tuyên truyền, học tập, kế thừa những giá trị tư tưởng, nhân cách, đạo đức của nhà giáo, thầy thuốc, nhà thơ yêu nước Nguyễn Đình Chiểu, góp phần tích cực vào việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, truyền thống văn hóa địa phương.

#### *Sân chim Vàm Hồ*

Sân chim Vàm Hồ thuộc địa phận hai xã Mỹ Hoà và Tân Xuân, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre, cách Tx. Bến Tre khoảng 52km, cách Tp. Hồ Chí Minh 120km đường bộ, 100km đường thủy. Vàm Hồ là vùng đất ngập mặn, nhiều loại cây hoang dã mọc thành rừng, là nơi trú ngụ của hàng nghìn con cò, vạc và nhiều loại chim khác. Quần thể chim ở sân chim Vàm Hồ gồm: 84 loài thuộc 35 họ và 12 bộ. Khách đến tham quan mỗi năm trên 2.000 lượt người, đông nhất là vào thời gian chim về cư trú sinh sản từ tháng 4 đến tháng 10 âm lịch. Vàm Hồ là vùng đất ngập mặn, nhiều loại cây hoang dã mọc thành rừng. Ở tầng cao có dừa nước (trước đây rất nhiều, nên nơi này còn gọi là Cù lao Lá), chà là, đước, mắm, là nơi lý tưởng cho chim ở. Ở tầng thấp có cây ô rô, cóc kèn, lau sậy... là thảm thực vật cho cò, vạc làm tổ sinh sản. So với các sân chim ở đồng bằng sông Cửu Long, sân chim Vàm Hồ còn rất trẻ. Chim mới về Vàm Hồ từ tháng 5/1986. Đây chính là đàn chim trước ở Cù lao Đất, xã An Hiệp, huyện Ba Tri di cư tới đây.

Hàng ngày, cứ tầm 4, 5 giờ chiều, nhìn về hướng tây, từ phía chân trời xa xa, những chấm nhỏ li ti di động ngày càng rõ dần, giây lát sau là đàn cò hàng ngàn con đang vỗ cánh bay qua sông Ba Lai, lượn lờ dưới ánh hoàng hôn rồi nhẹ nhàng đáp lên thảm rừng chà là xanh biếc. Ở Vàm Hồ, ngoài vũ điệu ngoạn mục của hàng ngàn cánh cò, cánh vạc, ngôn ngữ cũng có âm điệu đặc trưng của các loài chim hoang dã khác kết hợp với cây lá xào xạc như tiếng con chim cuốc gọi đàn giữa đêm hè tĩnh mịch, tiếng bìm bịp kêu như một điệp khúc gọi con nước lớn, tiếng chim vịt kêu chiều chiều và nhiều loài chim nhỏ sống trong các lùm

cây gàn vục nước như cuốc ngực trắng, trích, cúm nùm, chàng nghịch, bìm bịp, thằng chài, chèo chẹt, bông lau, chèo bẻo đuôi cò, chim vịt... Những khi trời mưa gió lớn, sấm sét chim bay lên trời che kín một vùng trời rộng lớn, ước tính có trên 500.000 con, nhiều nhất là họ cò: cò trắng, mỏ đen, mỏ vàng; cò ngang, cò ruồi, vạc, quắm trắng, diệc xám..., đặc biệt có năm còn có loài diệc mốc. Vào mùa sinh sản, trên các ngọn đước, tổ chim treo oằn, các cành cây. Tới thăm sân chim Vàm Hồ, du khách được đi dạo đường rừng, bơi xuồng len lỏi trong rừng ngập mặn, tham quan khu căn cứ kháng chiến, đi qua những chiếc cầu tre lắt léo, ngã lưng trên chiếc võng đung đưa dưới tán lá rừng, hít thở không khí trong lành của dòng sông Ba Lai.

#### **2.2.4. Một số tuyến nội tỉnh Đồng Tháp**

Tỉnh Đồng Tháp có diện tích là 3.375,4 km<sup>2</sup>, dân số là 1.670,5 nghìn người (2010). Trung tâm hành chính của tỉnh là Thành phố Cao Lãnh, 1 thành phố Sa Đéc và 1 thị xã Hồng Ngự và các huyện là Tân Hồng, Tam Nông, Thanh Bình, Tháp Mười, Cao Lãnh, Lấp Vò, Hồng Ngự, Châu Thành, Lai Vung. Đồng Tháp có một nền văn hóa đa dạng và lâu đời của nhiều dân tộc chung sống, trong đó đông nhất là người Việt (Kinh), Khmer, Hoa, Ngái... Ở Đồng Tháp có nhiều tôn giáo như Cao Đài, Hòa Hảo, Phật giáo và Công giáo. Tính cách người dân Đồng Tháp mang đậm nét đặc trưng chung của đồng bằng Nam Bộ: cần cù, hiền lành, phóng khoáng, cởi mở và giàu lòng mến khách.

*Điều kiện tự nhiên:* Đồng Tháp nằm trong khu vực đồng bằng sông Cửu Long, là một trong ba tỉnh của vùng Đồng Tháp Mười, phía bắc giáp Cam-pu-chia, phía nam giáp Vĩnh Long và Cần Thơ, phía tây giáp An Giang, phía đông giáp Long An và Tiền Giang. Tỉnh có hệ thống sông, ngòi, kênh, rạch chằng chịt; nhiều ao, hồ lớn. Sông chính là sông Tiền (một nhánh của sông Mê Kông) chảy qua tỉnh với chiều dài 132km. Dọc theo hai bên bờ sông Tiền là hệ thống kênh rạch dọc ngang. Đường liên tỉnh giao lưu thuận tiện với trên 300km đường bộ và một mạng lưới sông rạch thông thương. Đồng Tháp nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới, chia 2 mùa rõ rệt: mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 11 và mùa khô từ tháng 12 đến tháng 4 năm sau. Nhiệt độ trung bình 26,6°C. Thành phố Cao Lãnh cách quốc lộ 1A 36km, cách Tp. Hồ Chí Minh 162km. Nằm trên bờ sông Cao Lãnh (một nhánh nhỏ của sông Tiền tách ra sau 15km lại chảy vào sông Tiền), ở ngay sát Đồng Tháp Mười mênh mông, từ xa xưa Cao Lãnh đã là một đô thị sầm uất và là trung tâm kinh tế của Đồng Tháp. Có tuyến xe khách trực tiếp từ Tp. Hồ Chí Minh, Mỹ Tho, Cần Thơ, Vĩnh Long và Long Xuyên tới Cao Lãnh. Thành phố Sa Đéc cách Tp. Hồ Chí Minh 143km, nằm ở nút giao giữa Vĩnh Long và Long Xuyên.

*Tiềm năng phát triển kinh tế và du lịch:* Là một tỉnh nông nghiệp, Đồng Tháp sản xuất nhiều lương thực và các loại nông, thủy sản có giá trị xuất khẩu. Đất đai Đồng Tháp màu mỡ bởi phù sa do hai con sông Tiền và sông Hậu cung cấp hàng năm, xóm làng trù phú giữa bốn bề cây cối xanh tươi. Vì thế Đồng Tháp được biết đến như một vựa lúa của cả nước. Ở đây có giống lúa nổi một loài lúa mọc tự nhiên từ tháng 4, tháng 5 đến tháng 10 thu hoạch mà không cần chăm bón. Đồng Tháp cũng là vùng đầy triển vọng về các loại cây công nghiệp ngắn ngày như mía, bông, thuốc lá, đậu tương và cây ăn trái như xoài Cao Lãnh, nhãn Châu Thành, quýt Lai Vung, bưởi Phong Hòa, chôm chôm, vú sữa, măng cầu có quanh năm. Vùng đất Đồng Tháp Mười ngày xưa nổi tiếng hoang vu với lùm bưng, trăn, đìa, bàu, với bạt ngàn đưng, lác, năng, sen, súng và lau, sậy,... Đây là giang sơn của các loài động vật hoang dại như: rắn, rùa, chuột ếch, chim muông, cua, cá sấu. Giờ đây về thăm

Đồng Tháp du khách như trở về với cội nguồn thiên nhiên bởi bầu không khí trong lành, mát mẻ của những cánh đồng lúa phì nhiêu, đi trên những chiếc xuồng ba lá trên sông rạch để đến với khu di tích cụ Phó Bảng Nguyễn Sinh Sắc, đài liệt sĩ, khu di tích Gò Tháp, di tích kiến trúc cổ Kiến An Cung, vườn chim thiên nhiên lạ mắt ở Tháp Mười, vườn sếu quý hiếm ở Tam Nông, khu căn cứ Xẻo Quýt, làng hoa kiểng Tân Qui Đông, các vườn cây ăn trái Cao Lãnh, Châu Thành, Lai Vung, Thạnh Hưng...

### **Các điểm tham quan du lịch tỉnh Đồng Tháp**

#### *Bảo tàng Đồng Tháp*

Bảo tàng Đồng Tháp là nơi để du khách tìm hiểu về giá trị lịch sử, văn hóa, con người Đồng Tháp trong cuộc sống, sinh hoạt cũng như trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc. Bảo tàng Đồng Tháp tọa lạc tại phường 4, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Đến tham quan Bảo tàng Đồng Tháp du khách vẫn thấy những tòa nhà kiến trúc kiểu Pháp, đây là cơ quan đầu não của giới quan chức người Pháp trước kia như: quận đường Cao Lãnh, sau đó là trụ sở ngụy quân tỉnh Kiến Phong (dinh cò, dinh quận, trại lính, trại giam)... Trước đây, quận Cao Lãnh được người Pháp đánh giá là vùng đất có vị trí địa lý hành chính phục vụ cho chiến lược quân sự, chính trị, kinh tế quan trọng ở Nam Kỳ. Đối với nhân dân Đồng Tháp thì quận Cao Lãnh là cửa ngõ ra, vào vùng Đồng Tháp Mười - căn cứ kháng chiến của nghĩa quân, mỗi ngôi nhà, mỗi thước đất, mỗi hàng cây nơi đây đều mang dấu tích lịch sử cách mạng trong hai thời kỳ đấu tranh giải phóng dân tộc. Với bề dày lịch sử và truyền thống đấu tranh cách mạng tại nơi này, năm 1978 Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã quyết định chọn cụm di tích này là cơ quan Bảo tồn Bảo tàng tỉnh nhằm làm cho nơi đây trở thành nơi giáo dục truyền thống cho các thế hệ hôm nay và mai sau.

Năm 1999, Bảo tàng Đồng Tháp đã được khởi công xây dựng, nằm ngay cạnh Cụm di tích Dinh Cò Tây, Nhà thầy thuốc Lư, phòng tra tấn và phòng biệt giam. Bảo tàng Đồng Tháp được khánh thành ngày 29/12/2000 và được công nhận là di tích lịch sử, văn hóa cấp tỉnh vào ngày 5/9/2008. Nằm trong khuôn viên khoảng 11.000m<sup>2</sup>, Bảo tàng được chia làm 2 khu: Nhà trưng bày và khu ngoài trời.

+ Nhà trưng bày gồm 2 tầng với diện tích sử dụng trưng bày hơn 1.400m<sup>2</sup> với hàng nghìn hiện vật gốc và nhiều tài liệu khoa học thể hiện các chuyên đề chính:

- Thiên nhiên – Đất nước – Con người Đồng Tháp trong quá trình khai hoang mở đất;
- Hình ảnh anh hùng của quân và dân Đồng Tháp trong cuộc chiến tranh chống Pháp và Mỹ;

- Nét sinh hoạt văn hóa của cư dân đồng bằng sông Cửu Long.

Bên cạnh đó đây còn là nơi lưu giữ nhiều di chỉ văn hóa Óc Eo của Vương quốc Phù Nam được khai quật tại Gò Tháp và nhiều cổ vật, hiện vật các loại, được nhân dân đóng góp, tặng Bảo tàng cất giữ, trưng bày như: cổ vật gốm sứ có niên đại từ thế kỷ 11-20, hòm tiền thời Gia Long thông bảo và Minh Mạng thông bảo...

+ Khu ngoài trời trưng bày chiến lợi phẩm trong thời kỳ chiến tranh như máy bay, các loại súng lớn...

Bảo tàng Đồng Tháp với lối kiến trúc Đông - Tây kết hợp, nằm hòa quyện trong không gian cây xanh, mặt tiền hướng ra bờ sông Cao Lãnh, yên tĩnh và thơ mộng, làm tăng thêm sự thư giãn, thoải mái cho du khách khi tham quan bảo tàng.

#### *Chùa Kiến An Cung*

Chùa Kiến An Cung hay còn gọi là chùa Ông Quách tọa lạc tại phường 2, trung tâm thành phố Sa Đéc, Chùa được khởi công xây dựng từ năm Giáp Tý (1924) đến mùa



thu năm Đinh Mão (1927) thì làm lễ khánh thành. Chùa do một nhóm người Hoa ở tỉnh Phúc Kiến (Trung Quốc) định cư tại Sa Đéc dựng nên để thờ cúng tổ tiên và dạy dỗ con cháu, cũng là để liên kết cộng đồng, hội họp, bàn bạc việc buôn bán, trao đổi thông tin...Chùa quay mặt ra rạch Cái Sơn, được xây theo kiểu chữ “Công” uy nghi, bề thế, gồm 3 gian, trong đó gian giữa rộng nhất là điện thờ (Kiến An Cung) gian bên tả là trụ sở tập hiền, gian bên hữu là trường. Bên tả và bên hữu bằng nhau. Toàn bộ chùa không có kèo, chỉ có đòn tay rập mộng lại chịu lực trên những cột gỗ tròn làm trụ. Mái chùa lợp ngói theo gợn sóng rồng, trải nền cho những ngọn sóng cong vút lên cao, tạo mái ngói theo chữ “ngũ hành”. Sáu đầu ngọn sóng là sáu cung điện thu nhỏ. Mái ngói được làm rất công phu, gồm 3 lớp: mặt trên là ngói, mặt giữa là gạch, cuối cùng là ngói. Chùa là một công trình kiến trúc được sắp đặt khéo léo với nghệ thuật chạm khắc tinh vi, không chỉ nhằm tăng thêm vẻ mỹ quan mà còn có ý nghĩa giáo dục, khuyên con người tránh dữ làm lành. Hai bên vách tô điểm những hình thập diện phong trần và nhiều chuyện xưa ý nghĩa thâm trầm. Ở mặt chính trên vách chùa có trang trí những cây cối, chim, thú, tượng người ghép bằng mảnh gốm màu thu nhỏ tạo thành những bức tranh nằm theo đường gờ lắp kính. Mái trước cửa ra vào có 4 chậu hoa bằng gỗ sơn son thếp vàng, giữa có tấm hoành phi “Kiến An Cung”. Trên cửa ra vào có 6 con lân gỗ thếp vàng, ở mỗi mặt của cánh cửa có vẽ cảnh sinh hoạt của vua chúa và các quan ngày xưa. Hai bên cửa chính có hai câu đối trang trí hoa văn xung quanh, nền chạm hoa mai và hạc thếp vàng rực rỡ. Cửa chính có các bức tranh theo lối thủy mặc, nét hoạ uyển chuyển, sắc bén, còn cửa hai bên lại có chạm khắc bông sen, chim thú thật sinh động...

Trước cửa chánh điện có hai con kỳ lân bằng đá xanh to lớn, miệng ngậm trái châu, chạm khắc tinh xảo. Hai bên tả, hữu là 2 vị thần Thiện – Ác. Bước vào bên trong là sân lộ thiên nhỏ để dành làm chỗ cúng tế. Những cột lớn trong chánh điện, các tấm hoành phi, bao lam, đối liễn đều được chạm trổ hoa lá, chim muông lộng lẫy, tôn nghiêm. Chánh điện chùa thờ Ngọc Hoàng Thượng Đế, Quan Công (Quan Vân Trường). Phía trong chánh tâm là bệ thờ ngài Quảng Trạch (Ông Quách Thánh Vương Công). Ông Quách là người quê huyện An Khê, tỉnh Phúc Kiến, người có công giúp Tống Thái Tổ chinh phạt Nam Đường và xây dựng đất nước nhà Tống. Hằng năm chùa có 2 ngày lễ tế: ngày 22-2 và ngày 22-8 âm lịch. Mỗi 3 năm có thiết lập trai đàn, cúng cầu siêu cho bá tánh quá vãng và cầu cho quốc thái dân an. Đây là công trình văn hoá có một lối kiến trúc độc đáo, lộng lẫy và trang nghiêm đã được Bộ Văn hóa Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) công nhận là di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia năm 1990.

#### *Khu di tích cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc*

Khu di tích mộ Cụ Nguyễn Sinh Sắc tọa lạc ở số 123/1 Phạm Hữu Lầu, phường 4, thành phố Cao Lãnh, là một quần thể kiến trúc văn hoá độc đáo, được Bộ Văn hoá xếp hạng di tích cấp quốc gia ngày 9/4/1992. Đây là công trình ghi ơn cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc, nhà nho yêu nước và là thân phụ Chủ tịch Hồ Chí Minh. Là một cậu bé hiền lành, thông minh, hiếu học nhưng mồ côi cha mẹ từ nhỏ, Nguyễn Sinh Sắc được nhà nho Hoàng Xuân Đường nhận làm con nuôi và cho học hành từ tế. Sau đó, ông vào Vinh tham dự kỳ thi Hương và đỗ cử nhân. Lúc này, ông được cụ Hoàng gả con gái của mình là Hoàng Thị Loan làm vợ. Về sau, ông đỗ Phó bảng và ra làm quan cho nhà Nguyễn. Cuối đời, ông sinh sống và làm nghề dạy học, bốc thuốc tại làng Hòa An, tỉnh Đồng Tháp.

Khu di tích mộ cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc được khởi công xây dựng vào tháng 8/1975 và khánh thành vào tháng 12/1977. Với diện tích 3,6 ha, Khu di tích được chia thành

ba khu vực chính gồm: Khu lăng mộ Cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc, Nhà sàn Bác Hồ và Ao sen. Ngôi mộ Cụ Phó bảng quay về hướng đông, có mái hình cánh sen cách điệu giống hình dáng bàn tay xòe úp xuống; trên mái đắp nổi tượng chín con rồng, tượng trưng cho các tỉnh Đồng bằng Sông Cửu Long luôn che chở và bảo vệ ngôi mộ người chí sĩ yêu nước. Mộ được ốp bằng đá hoa cương, nền mộ bằng đá mài hình lục giác không đều, mở rộng dần ra hai bên và phía trước. Trên mộ có một đỉnh trầm bằng đá Ngũ Hành Sơn, ngày đêm khói hương thơm ngát. Khuôn viên lăng mộ có nhiều loại cây cảnh, hoa trái quý hiếm được bà con khắp cả nước mang về trồng lưu niệm, đặc biệt là cây khế gần 300 tuổi (nằm bên trái mộ) và cây sộp hơn 300 tuổi (nằm bên phải mộ). Phía trước mộ là Ao sen hình ngôi sao 5 cánh, chính giữa sừng sững một đài sen trắng cách điệu cao gần 7 m, tượng trưng cho cuộc đời thanh bạch, lương tâm trong sáng của Cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc, và đó cũng là biểu tượng cho quê hương Đồng Tháp. Rời lăng mộ Cụ Nguyễn, du khách sẽ được tham quan khu nhà lưu niệm trưng bày nhiều hiện vật, tư liệu liên quan đến cuộc đời và sự nghiệp của Cụ, nhất là thời gian Cụ ở Cao Lãnh và vùng đất Nam Bộ và khu nhà sàn Bác Hồ được phục chế nguyên mẫu như nhà sàn của Bác ngay tại Phủ Chủ tịch ở Hà Nội. Tại đây du khách cũng có thể cảm nhận và hình dung được cuộc đời thanh đạm của Bác, góc làm việc, nơi nghỉ ngơi của Bác sau giờ làm việc...

Hàng năm, cứ vào ngày 27/10 âm lịch, nhân dân các vùng lân cận lại hội tụ về đây tham dự lễ giỗ Cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc trong không khí trang nghiêm, đậm đà bản sắc dân tộc, thể hiện truyền thống “Uống nước nhớ nguồn”. Tỉnh Đồng Tháp đã quyết định nâng ngày giỗ Cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc hằng năm lên thành lễ hội cấp tỉnh.

#### *Xèo Quýt – Khu di tích lịch sử - sinh thái rừng tràm*

Xèo Quýt - một căn cứ giữa lòng dân được bảo tồn nguyên trạng: nhà hầm, công sự, hầm bí mật... giúp cho du khách biết được khung cảnh của cuộc sống khắc nghiệt thời chống Mỹ, thuộc 2 xã Mỹ Hiệp và Mỹ Long, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Cách thành phố Cao Lãnh tỉnh Đồng Tháp chừng 30km, theo quốc lộ 30, là một khu rừng tràm rộng hơn 20ha được tỉnh Đồng Tháp quy hoạch, bảo tồn trở thành khu di tích cách mạng, trong khung cảnh thiên nhiên rừng tràm. Nơi đây từng là căn cứ của cơ quan Tỉnh ủy Kiên Phong trong kháng chiến chống Mỹ (từ cuối năm 1959). Những khoảnh rừng tràm tự nhiên đã che chở cho cán bộ, chiến sỹ bám trụ tiến hành các hoạt động cách mạng đến ngày toàn thắng 30/4/1975. Cũng như rừng tràm ở Đồng Tháp Mười, ở U Minh thượng, U Minh hạ đã gắn liền với lịch sử hào hùng mở nước, giữ nước, mang đến vẻ đẹp hấp dẫn cho các thế hệ hôm nay.

Đến thăm rừng tràm vào mùa nước nổi, du khách có dịp tham quan di tích bằng xuồng chèo tay mới thấy hết vẻ đẹp. Chiếc xuồng ba lá đưa du khách len lỏi giữa các thân tràm bao bọc bằng nhiều lớp vỏ vàng ươm mỏng như tờ giấy cuộn thuốc lá, thở hít bầu không khí ẩm lạnh thơm mùi hoa, mùi nhựa tràm, nghe những âm thanh thiên nhiên vang trong tĩnh lặng. Nơi nào nước sâu dùng chèo, nước nông thì chống sào, đôi lúc phải bám gốc cây đẩy xuồng tiến về phía trước. Cảnh rừng như bức tranh trôi êm ả. Độc đáo và khác lạ ở đây là trên các thân tràm có loài cây dây leo *bòng bong* đeo bám dày đặc làm tăng thêm độ che phủ phía dưới. Tiếng chim ngân nga, tiếng cá quẫy nước, tiếng reo thích thú của du khách. Thiên nhiên tràn đầy sức sống. Rừng tràm Xèo Quýt tuy không lớn nhưng từ đây du khách có cơ sở để liên tưởng đến hình ảnh những khu rừng tràm rộng lớn nổi tiếng ở Đồng Tháp Mười.

Xèo Quýt - một căn cứ nằm giữa dày đặc đồn bốt địch, bom đạn ác liệt trong những trận càn nhưng vẫn đứng vững giữa lòng dân chỉ với những căn nhà hầm, công sự, hầm bí mật... rất đơn sơ như nó vốn có. Du khách có dịp hiểu thêm khung cảnh thực của cuộc sống khắc nghiệt thời chống Mỹ - dấu ấn về cuộc chiến tranh ác liệt.

### *Làng hoa kiểng Sa Đéc*

Làng hoa Sa Đéc bên bờ sông Tiền quanh năm lộng gió, màu mỡ phù sa, ngập tràn ánh nắng, là xứ sở của hàng trăm loài “kỳ hoa dị thảo”, thuộc địa phận xã Tân Qui Đông, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp. Làng hoa kiểng Sa Đéc - một trong những trung tâm hoa kiểng của miền Nam, rộng khoảng 60ha với 600 hộ và 3.600 lao động chuyên trồng hoa và cây cảnh. Khi cánh én bay về báo hiệu mùa xuân đã đến, cũng là lúc làng hoa kiểng Sa Đéc vào hội. Từng đoàn tàu, xe tấp nập đổ về. Dù các loài hoa, kiểng khoe sắc hời hả theo nhau chảy về thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh bạn để khoe sắc, khoe màu trong những ngày Tết cổ truyền của dân tộc. Du khách có thể thấy, ở đây các loại cây kiểng quý hiếm, tuổi thọ hàng trăm năm. Có những loại cây rất bình dị gần gũi với đời sống người lao động như: khế, cau, bùm sùm, sung, si, mai... qua bàn tay khéo léo, cần mẫn, tài hoa, với tâm hồn nghệ sĩ của các nghệ nhân đã trở thành những cây kiểng quý, có hình dáng đẹp, lạ. Ở làng hoa này - ngôi làng có 4 mùa Xuân, dù bất cứ tháng nào, trong năm du khách cũng được ngắm thỏa thích cả một rừng hoa với đủ màu sắc, hương thơm. Đặc biệt, nơi đây còn lưu giữ được khoảng 50 giống hoa hồng: hồng nhung đỏ thắm, mượt mà; hồng Gò-rơ-da màu tím sen; hồng Cơ-lê-ô-bát màu hồng phấn; hồng Cô - kết màu gạch tôm, hồng Bờ-ri-đích-bạt-đo màu gạch tôm đậm; hồng Phọt-ti-ni trong đỏ ngoài vàng; hồng Ê-li-da-bét phon phớt; hồng Mác-ca-ra màu cam; hồng Mét-sai màu trắng; hồng Công-phi-đan màu vàng hột gà...Hoa kiểng không chỉ cho màu sắc, hương thơm mà còn dùng để trang trí nội thất, tạo cảnh quan cho công viên, cơ quan, công sở, công trình văn hoá, nhà ở. Ngoài ra một số loài có dược tính dùng để chữa bệnh. Làng hoa kiểng Sa Đéc, một trong những điểm du lịch hấp dẫn, chắc chắn sẽ làm thỏa lòng du khách khi đến với tỉnh Đồng Tháp sen hồng.

### *Vườn Quốc gia Tràm Chim*

Vườn Quốc gia Tràm Chim - một Đồng Tháp Mười thu hẹp với hệ sinh vật phong phú, đa dạng của vùng đất ngập nước, thuộc địa phận 7 xã: Tân Công Sinh, Phú Đức, Phú Thọ, Phú Thành A, Phú Thành B, Phú Hiệp và thị trấn Tràm Chim, huyện Tam Nông. Vườn Quốc gia Tràm Chim có diện tích 7.588ha. Đây là một Đồng Tháp Mười thu hẹp với hệ sinh vật phong phú đa dạng của vùng đất ngập nước, là nơi sinh sống của nhiều loài thực vật, gần 200 loài chim nước, chiếm khoảng 1/4 số loài chim có ở Việt Nam, trong đó có nhiều loài chim quý hiếm trên thế giới. Loài chim điển hình nhất và được nhiều người biết đến ở đây là sếu đầu đỏ. Đến đây, du khách được tận mắt ngắm nhìn những con sếu đầu đỏ - một trong số 15 loài sếu còn tồn tại trên thế giới đang có nguy cơ diệt chủng. Sếu to cao trên 1,7m, bộ lông xám mượt, cổ cao, đầu đỏ, đôi cánh rộng.

Khác với nhiều loài chim trong vùng, sếu chỉ kiếm ăn trên mặt đất nên vào mùa nước nổi ở Đồng Tháp Mười chúng phải đi kiếm ăn ở nơi khác. Vì vậy, chỉ có thể xem sếu từ tháng 12 đến tháng 6 năm sau. Vườn quốc gia Tràm Chim đã được Nhà nước đầu tư, nâng cấp, mở rộng thành một bảo tàng thiên nhiên, một trung tâm du lịch sinh thái hấp dẫn. Nhiều tổ chức bảo tồn thiên nhiên quốc tế cũng tài trợ để bảo vệ tràm chim quý hiếm này. Đây chính là điểm hẹn lý tưởng cho du khách bốn phương.

### 2.2.5. Một số tuyến nội tỉnh Vĩnh Long

Tỉnh Vĩnh Long có diện tích là 1.479,1 km<sup>2</sup>, dân số là 1.026,5 nghìn người (2010). Trung tâm hành chính của tỉnh là Thành phố Vĩnh Long, 1 thị xã Bình Minh và các huyện là Long Hồ, Mang Thít, Tam Bình, Trà Ôn, Vũng Liêm, Bình Tân. Vĩnh Long có một nền văn hóa đa dạng và lâu đời của nhiều dân tộc chung sống, trong đó đông nhất là người Việt (Kinh), Khmer, Hoa, Gia Rai. Người Khmer trong tỉnh tuy chiếm tỉ lệ nhỏ (2%), nhưng nơi đây vẫn mang đậm nét truyền thống văn hóa lễ hội của người Khmer.

*Điều kiện tự nhiên:* Thị xã Vĩnh Long cách thành phố Hồ Chí Minh 136km về phía tây nam. Tỉnh Vĩnh Long là trung tâm và là hình ảnh thu nhỏ của đồng bằng sông Cửu Long bởi sự đa dạng và trù phú của vùng đất giữa hai dòng sông lớn Tiền Giang và Hậu Giang. Phía bắc tỉnh Vĩnh Long giáp Tiền Giang, tây bắc giáp Đồng Tháp, đông giáp Bến Tre, đông Nam giáp Trà Vinh, phía nam giáp Hậu Giang, Sóc Trăng, tây nam giáp Cần Thơ. Địa hình Vĩnh Long tương đối bằng phẳng, sông rạch chằng chịt, giao thông thuận tiện. Trên địa bàn tỉnh có quốc lộ 1A và quốc lộ 53 đi ngang qua, đây là cầu nối giao thông quan trọng giữa Tp. Hồ Chí Minh và Tp. Cần Thơ. Vĩnh Long có khí hậu nhiệt đới 2 mùa. Mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau, mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10. Nhiệt độ trung bình năm là 27°C, lượng mưa trung bình năm từ 1.300-1.500mm. Bến xe khách liên tỉnh cách trung tâm thành phố khoảng 5km. Có các tuyến đi bến xe miền Tây Tp. Hồ Chí Minh, Tp. Cần Thơ, Mỹ Tho, Long Xuyên, Sa Đéc, Rạch Giá và các nơi khác trong khu vực đồng bằng sông Cửu Long.

*Tiềm năng phát triển kinh tế và du lịch:* Là tỉnh ở giữa đồng bằng sông Cửu Long, Vĩnh Long có đất đai màu mỡ do được sông Tiền và sông Hậu bồi đắp phù sa hàng năm. Trồng trọt là một thế mạnh của tỉnh. Bên cạnh cây lúa (90% diện tích đất trồng lúa), hàng năm người dân Vĩnh Long còn thu hoạch hàng trăm ngàn tấn trái cây như cam, nhãn, quýt, bưởi, dứa... và chăn nuôi gia súc, gia cầm. Vĩnh Long có nhiều đình, chùa như đình Long Thanh, tịnh xá Ngọc Viên, chùa Phước Hậu, chùa Tiên Châu, chùa Saghamañgala...

#### **Các điểm tham quan du lịch tỉnh Vĩnh Long**

##### *Cầu Mỹ Thuận*

Cầu Mỹ Thuận được xem là cây cầu dây văng lớn nhất Việt Nam, được khởi dựng ngày 06/7/1997, khánh thành ngày 21/5/2000. Cầu bắc qua sông Tiền, nối hai tỉnh Vĩnh Long và Tiền Giang. Tổng chiều dài của cầu là 1.535 m, hai cầu dẫn mỗi bên 11 nhịp, mỗi nhịp 40 m. Chiều dài phần cầu chính là 650 m, chia thành 3 nhịp, hai nhịp bên mỗi nhịp dài 150 m, nhịp giữa dài 350 m. Độ cao thông thuyền là 37,5 m. Mặt cầu rộng 23,6 m chia thành 4 làn xe cơ giới ở giữa và hai làn cho người đi bộ và xe thô sơ hai bên. Cầu Mỹ Thuận là công trình hợp tác giữa các chuyên gia, kỹ sư và công nhân của hai nước Australia và Việt Nam, một công trình giao thông có kiểu dáng kiến trúc duyên dáng trên quốc lộ 1A, thu hút khách du lịch mọi miền.

##### *Chùa Tiên Châu*

Chùa Tiên Châu do Hoà thượng Đức Hội lập vào khoảng thế kỷ 19 trên một khu đất rộng, thoáng mát. Chùa còn có tên là chùa Di - Đà hay Tô Châu. Chùa nằm trên cù lao An Bình thuộc xã An Bình, huyện Long Hồ, đối diện với thị xã Vĩnh Long, bên kia bờ sông Cổ Chiên. Chùa Tiên Châu hiện nay giữ được quy mô của năm Kỷ Hợi (1899), gồm bốn nóc: tiền đường, chánh điện, trung đường và hậu tổ. Các khu vực vừa kể làm theo kiểu tứ trụ, được nối rộng theo kiểu ngang dọc nhờ các kèo đấm, kèo quyết. Bộ giàn trò bằng gỗ quý,

mái ngói âm dương, xung quanh đóng vách bỏ kho. Nội điện chùa Tiên Châu được trang trí đẹp đẽ. Giữa tứ trụ là một khánh thờ, bên trong có một pho tượng Phật Di Đà bằng đất sét lớn. Hai bên là khánh thờ thần Già Lam, khánh thờ Tổ Sư Bồ Đề Đạt Ma, Thập Điện Minh vương, Ngọc Hoàng Thượng Đế, Nam Tào - Bắc Đẩu, Địa Tạng, Chuẩn Đề, Hộ Pháp, Tiêu Diện Đại Sĩ. Kiến trúc mặt tiền và cổng chùa hiện nay được xây dựng từ năm 1961 - 1963.

#### *Cù Lao An Bình và Bình Hòa Phước*

Cù Lao An Bình và Bình Hòa Phước nổi giữa sông Tiền, đối diện với thành phố Vĩnh Long, Cù Lao gồm bốn xã: An Bình, Bình Hoà Phước, Hoà Ninh và Đồng Phú, thuộc huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Cù lao rộng khoảng 60km<sup>2</sup>, đất đai màu mỡ và trù phú, nước ngọt quanh năm, dân cư trồng nhiều cây ăn trái như: chôm chôm, xoài, nhãn, sầu riêng, sả, sôm... Các điểm du lịch trên cù lao này là: Vườn cảnh Bonsai của ông Sáu Giáo tại ấp Bình Thuận xã Hoà Ninh với hàng trăm loài cây cảnh: mai vàng, mai chiếu thủy, lài... xung quanh nhà là vườn nhãn và ao nuôi cá tai tượng, loại cá thịt ngon. Nhà sàn ông Mười Đầy: nhà sàn cất bằng gỗ trên rạch Ninh Hoà, phía sau nhà là vườn nhãn, bưởi, sả, sôm. Nhà ông Mười Đầy là một trong số điểm tham quan ở cù lao này. Ngôi nhà xưa ông Hai Hoàng được xây cất theo kiến trúc Pháp có sân rộng và phía sau là vườn chôm chôm và nhãn. Đây là nơi ăn trưa và nghỉ đêm của du khách. Các vườn trái cây đặc sản khác Vườn chôm chôm ông Chín Hoán, vườn chôm chôm ông Chín Cần, vườn nhãn tiêu ông Tám Hồ, và vô số các vườn trái cây khác. Vườn bưởi trên cù lao Mỹ Hoà huyện Bình Minh, cách Vĩnh Long 30km, chuyên trồng bưởi năm roi, loại bưởi ngon nổi tiếng của vùng đồng bằng sông Cửu Long.

#### **2.2.6. Một số tuyến nội tỉnh Trà Vinh**

Tỉnh Trà Vinh có diện tích là 2.295,1 km<sup>2</sup>, dân số là 1.005,9 nghìn người (2010). Trung tâm hành chính của tỉnh là Thành phố Trà Vinh, và các huyện là Càng Long, Cầu Kè, Tiểu Cần, Châu Thành, Trà Cú, Cầu Ngang, Duyên Hải. Trà Vinh có một nền văn hóa đa dạng và lâu đời của nhiều dân tộc chung sống, trong đó đông nhất là người Việt (Kinh), Khmer, Hoa, Tày...

*Điều kiện tự nhiên* : Trà Vinh nằm ở hạ lưu sông Mê Kông được bao bọc bởi sông Tiền và sông Hậu, phía bắc giáp tỉnh Bến Tre và Vĩnh Long, phía tây và tây nam giáp Sóc Trăng, phía đông giáp biển Đông, bờ biển dài 65km. Đất Trà Vinh là một dải đồng bằng ven biển bao gồm vùng châu thổ được hình thành lâu đời và những vùng đất trẻ mới bồi. Độ cao trung bình từ 2 đến 3m so với mực nước biển. Trà Vinh có hàng trăm gò, giồng đất và một mạng lưới sông rạch và kênh đào chằng chịt đã tưới tiêu và cung cấp phù sa cho cây trồng. Trà Vinh nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa cận xích đạo, nóng ẩm quanh năm. Khí hậu chia 2 mùa: mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 11, mùa khô từ tháng 12 đến tháng 4 năm sau. Nhiệt độ trung bình năm từ 25°C – 27°C, hiếm khi có bão. Thành phố Trà Vinh xây trên bờ rạch Trà Vinh, cách bờ sông Tiền (Cổ Chiên) 3km. Tỉnh có các đường quốc lộ 53, 54, 60 nối giữa các huyện thị trong tỉnh và với các tỉnh xung quanh. Từ Trà Vinh đi Vĩnh Long 66km, đi Tp. Hồ Chí Minh 205km, đi Bến Tre, Mỹ Tho 110km.

*Tiềm năng phát triển kinh tế và du lịch*: Là một tỉnh đồng bằng giáp biển, nền kinh tế của Trà Vinh chủ yếu là nông ngư nghiệp: trồng lúa, đánh bắt hải sản, kinh tế vườn, nuôi tôm cá... Trà Vinh là vùng đất cây cối xanh tươi, kênh rạch dọc ngang và những giồng đất liên tiếp nhau như sóng bê, vì thế phong cảnh đổi thay hữu tình. Các làng và vườn cây kéo dài trên các giồng. Toàn tỉnh có hơn 140 ngôi chùa của cộng đồng người Khmer, bên cạnh

50 ngôi chùa của người Việt (Kinh) và 5 ngôi chùa của cộng đồng người Hoa, vùng đất Trà Vinh có nhiều nét văn hoá mang đậm màu sắc của dân tộc Khmer. Các chùa nổi tiếng gồm có chùa Âng, chùa Sam-rông-ek, chùa Cò, chùa Hang...

### **Các điểm tham quan du lịch tỉnh Trà Vinh**

#### *Đền thờ Bác Hồ*

Đền thờ Bác Hồ được xã Long Đức xây dựng vào năm 1970, cách trung tâm thành phố Trà Vinh khoảng 5km về phía bắc, thuộc ấp Vĩnh Hội, xã Long Đức, thị xã Trà Vinh. Ngay sau khi nghe tin Bác mất, người dân Đức Long đã bàng hoàng và nguyện chung một lòng xây dựng đền thờ Bác Hồ ngay trên mảnh đất quê hương của mình để ngày đêm hương khói cho Người và để củng cố thêm niềm tin vào con đường cách mạng mà Người đã chọn. Đền thờ được xây dựng vào những ngày mưa bom bão đạn, việc xây dựng đền thờ Bác Hồ đã là một kỳ tích, ban đầu chỉ là những vật liệu đơn sơ như tre lá. Từ khi ngôi đền được xây dựng, quân và dân Trà Vinh thường xuyên chống trả những cuộc càn quét dữ dội của quân địch nhằm phá hủy ngôi đền, nhưng đền thờ Bác vẫn được giữ gìn và bảo vệ đến ngày miền Nam giải phóng.

Từ ngày đất nước thống nhất, đền thờ Bác được tu sửa lại với nhiều hạng mục công chào, nhà dưng chân, nhà truyền thống, đài tưởng niệm. Đền thờ được xây dựng theo kiểu hình khối vuông, nóc bánh ú, mái lợp lá, nền lát xi măng. Những di vật trong đền thờ hiện có: Ba bộ lư đồng vuông, một lư hương tròn, 2 lục bình bằng đồng, 5 tấm màn chần, 2 đôn sứ hình voi, Chân dung Bác Hồ (chất liệu sơn dầu), 1 bộ bình trà, 2 bàn thờ gỗ khảm xà cừ, 1 tủ thờ gỗ khảm xà cừ...Nhiều nhà lãnh đạo Đảng, Nhà Nước, các đoàn khách trong nước, quốc tế đã viếng, tham quan ngôi đền. Khu di tích này đã được công nhận là di tích lịch sử cách mạng cấp quốc gia.

#### *Chùa Âng*

Chùa Âng là một trong những ngôi chùa cổ nhất trong hệ thống chùa Khmer ở Trà Vinh. Chùa Âng nằm cách Trung tâm thành phố Trà Vinh khoảng 7km, ẩn mình trong rừng cây cổ thụ của ao Bà Om. Chùa tọa lạc trên khu đất rộng 4ha, thuộc phường 8, thành phố Trà Vinh. Chùa có kiến trúc cổ, độc đáo, hài hoà trong cảnh sắc thiên nhiên. Chùa Âng đã được Bộ Văn hoá Thông tin công nhận là di tích văn hoá của quốc gia. Cổng chùa được trang trí tượng chằn, tiên nữ, chim thần theo mô - típ truyền thống, chùa Âng có hào nước sâu bao bọc xung quanh và một tháp năm ngọn. Đây là nơi lưu giữ tro xương các vị trụ trì đã qua đời. Theo truyền thuyết, chùa Âng được xây dựng vào cuối thế kỷ 10. Nhưng qua sổ sách lưu lại, kể từ vị trụ trì đầu tiên, ngôi chùa có trước năm 1715, được trùng tu năm 1842. Nền chùa Âng cao 2m gồm 2 bậc. Rộng nhất là ngôi chính điện, nơi tập trung các tác phẩm nghệ thuật tiêu biểu. Cửa chùa mở về hai hướng đông và tây. Bên ngoài, trên đầu sáu cây cột trước chính điện, có chạm khắc hình tiên nữ, chim thần. Mái chùa lợp ngói, có ba tầng, được chống đỡ bởi 12 cột bằng gỗ quý, mái trên cùng dốc và cao hơn hai mái kia. Mỗi đầu hồi được đóng kín bằng một tấm gỗ hình tam giác, chạm khắc hình vị chủ thiên đội mũ và hoa hướng dương tinh xảo. Các diềm mái có hình rồng cách điệu, đầu chúc xuống, thân uốn theo dốc mái. Các vẩy uốn cong ngược lên làm cho dáng mái chùa như cao hơn.

Bên trong chính điện là gian phòng thờ Phật Thích ca, cũng là nơi tiến hành các nghi thức tôn giáo của Phật giáo Nam tông. Bệ thờ Phật rộng gần 30m<sup>2</sup> gồm bốn bậc. Tượng Phật chính cao 2,1m. Xung quanh có 50 tượng Phật khác nhỏ hơn (bằng đá hoặc gỗ). Ba phía vách chính điện có hàng chục tranh vẽ cuộc đời đức Phật. Trần chính điện được trang trí bốn bức bích họa lớn theo chủ đề: Phật đản sinh, xuất gia, đắc đạo, nhập niết bàn. Với ưu thế

giao thông thuận lợi, chùa Ẩng lại nằm liền kề Nhà bảo tàng văn hóa dân tộc Khmer và ao Bà Om, tạo thành một quần thể di tích thu hút nhiều du khách đến tham quan.

### *Chùa Hang*

Chùa Hang là ngôi chùa Khmer cổ và được xem là một trong những chùa đẹp nhất ở tỉnh Trà Vinh. Chùa tọa lạc trên mảnh đất rộng 10 ha, có nhiều cây cổ thụ và là nơi hội tụ của nhiều loại chim, tọa lạc tại khóm 3, thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, và cách trung tâm thành phố Trà Vinh khoảng 5km về hướng nam. Từ thị xã Trà Vinh đi 5km theo hướng nam, qua cổng ngăn mặn Tầm Phương du khách sẽ đến chùa Hang. Chùa còn có tên là Mông Rầy (Kamponyixprde), nhưng người dân ở đây quen gọi là chùa Hang vì kiến trúc cổng chùa giống cái Hang. Khuôn viên chùa rộng, một nửa diện tích là rừng tự nhiên, cây cao rậm rạp, là nơi hội tụ của nhiều loài chim. Cổng chính hướng ra phía bờ sông, cổng phụ xây dựng vòm cuốn, tường rất dày. Hai bên cổng chính là hai tượng Yak to bằng người thật. Yak là chằn tinh, mắt lồi, nanh dài, mặc áo giáp, cầm gậy, rất hung ác nhưng được Phật cải hóa, cho làm bảo vệ.

Vai trò của chùa trong sóc (làng) rất quan trọng, nhà chùa đảm nhiệm phần giáo dục đạo đức và bảo tồn truyền thống văn hóa nghệ thuật. Thanh niên Miên có vài năm tu ở chùa mới kể như thành nhân, một điều kiện để dễ kiếm vợ. Trong khuôn viên chùa có trường học cho trẻ em rất qui mô. Trong chùa còn có khoảng hai chục nhà sàn nhỏ, mỗi nhà chỉ vừa đủ chỗ cho một người, là nơi để đàn ông Miên vào mỗi người một nhà, ở lại cả tháng để cầu nguyện và làm trong sạch linh hồn.

Sân Chùa Hang trước kia có đàn doi đông vô kể, Tết Mậu Thân (1968) một quả bom rơi trúng chùa, 62 người chết, 57 người bị thương, chùa hư hại nặng, đàn doi khiếp đảm bay mất. Ngày nay đàn cò đã trở về cả ngàn con, mỗi chiều đậu trắng cây, có ngày chùa nhật vài chục cò con, các sư nuôi cho cứng cáp rồi thả. Chỉ riêng đàn doi là mất tích hẳn.

### *Chùa Nôdol*

Chùa Nôdol hay còn gọi là chùa Cò hay chùa Giồng Lớn, thuộc ấp Giồng Lớn, xã Đại An, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh, cách thành phố Trà Vinh khoảng 40 km về phía nam. Đây là ngôi chùa cổ to lớn có nét kiến trúc đặc sắc của nền văn hoá Khmer ở Trà Vinh, bao gồm cổng chùa, ngôi chính điện, tháp dựng cốt, nhà tăng, nhà hội...Khu vực chính điện với những mái uốn cong theo hình đuôi rồng, có những đỉnh tháp nhọn hình ngọn núi Xômê và những hình tượng quen thuộc như Riehu, thần 4 mặt Mohabrom, chim thần Kâyno, Mahaknôt... Chùa được bao bọc bởi những rặng tre, hàng cây sao, dâu. Người dân quen gọi là chùa Cò vì hơn một trăm năm nay khuôn viên chùa (khoảng 3 ha) đã là nơi cư trú của hàng ngàn con chim các loại như: cò, công cộc, bò câu... trong đó đông nhất là họ nhà cò với rất nhiều loại: cò trắng, cò quắm, cò đầu đỏ, cò đầu vàng, cò mỏ vàng, cò mỏ đen...

### *Ao Bà Om*

Ao Bà Om còn gọi là ao Vuông vì có hình vuông khá chuẩn, mỗi cạnh áng chừng 200m. Mặt nước ao trong và phẳng lặng. Ao Bà Om thuộc xã Lương Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, nằm dọc theo quốc lộ 53, cách trung tâm thị xã Trà Vinh khoảng 7km về hướng tây nam. Đây là một thắng cảnh nổi tiếng của Trà Vinh và khu vực đồng bằng sông Cửu Long. Xung quanh ao là gò cát cao rợp bóng cây cổ thụ sao, dâu; rất nhiều cây với phần rễ trôi lên mặt đất tạo thành những hình dạng độc đáo. Không khí quanh ao trong lành và mát mẻ. Đến đây bạn sẽ được nghe những truyền thuyết ly kỳ và hấp dẫn về ao Bà Om. Năm 1994, bộ Văn hóa Thông tin đã quyết định công nhận ao Bà Om là một di tích, danh thắng cấp quốc gia.

## *Bãi biển Ba Động*

Biển Ba Động thuộc địa phận xã Trường Long Hoà, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh; cách trung tâm thị xã Trà Vinh khoảng 55km, đã được khai thác từ rất sớm. Trước đây, người Pháp đã cho xây trên bãi biển đẹp nhất của Trường Long Hòa một khu nghỉ mát để thường xuyên đến nghỉ và tắm biển. Du khách sẽ được ngắm cảnh hoàng hôn trên biển hay bình minh vừa ló dạng, mắc võng nằm nghe rừng dương rì rào cùng gió biển... Biển Ba Động đẹp bởi vẫn còn giữ được nét hoang sơ với cát trắng nước trong, không khí trong lành và yên tĩnh trên những đụn cát "nhấp nhô", với những hàng phi lao xanh vút và bãi cát phẳng lì trải dài đầy hấp dẫn. Nhiều công trình, hạng mục, cơ sở hạ tầng đã được đầu tư phục vụ cho việc khai thác tiềm năng du lịch ở biển Ba Động như cầu Long Toàn, Kinh Xáng, bãi Đồn, phà Láng Chim...

### **2.2.7. Một số tuyến nội tỉnh An Giang**

Tỉnh An Giang có diện tích là 3.536,8 km<sup>2</sup>, dân số là 2.149,5 nghìn người (2010). Trung tâm hành chính của tỉnh là Thành phố Long Xuyên, 1 thành phố Châu Đốc, 1 thị xã Tân Châu và các huyện là An Phú, Phú Tân, Châu Phú, Tịnh Biên, Tri Tôn, Chợ Mới, Châu Thành, Thoại Sơn. An Giang có một nền văn hóa đa dạng và lâu đời của nhiều dân tộc chung sống, trong đó đông nhất là người Việt (Kinh), Khmer, Chăm, Hoa.

*Điều kiện tự nhiên:* An Giang là một tỉnh miền Tây Nam Bộ, bắt đầu từ chỗ sông Mê Kông chảy vào nước ta được chia làm đôi. Phía đông An Giang giáp Đồng Tháp, phía đông nam giáp Tp. Cần Thơ, phía tây nam giáp Kiên Giang, phía tây và tây bắc giáp nước Campuchia. Khác với các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, bên cạnh vùng đồng bằng phù sa, An Giang còn có một miền núi nhỏ, dài 30km, rộng 13km. Đó là dãy Bảy Núi (Thất Sơn) ở các huyện Tịnh Biên, Tri Tôn. Phía tây tỉnh, chạy song song với biên giới là kênh Vĩnh Tế, được đào năm 1823 nối từ Châu Đốc đến Hà Tiên. An Giang nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, nhiệt độ trung bình năm 27°C, cao nhất 35°C - 36°C vào tháng 4 - 5, thấp nhất từ 20°C - 21°C vào tháng 12 và tháng 1. Lượng mưa trung bình 1400 - 1500mm, có 2 mùa rõ rệt: mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 11, mùa khô từ tháng 12 đến tháng 4 năm sau. An Giang có các môi giao thông thường xuyên với Cà Mau, Tp. Cần Thơ, Tp. Hồ Chí Minh, Rạch Giá và những địa danh khác trong khu vực đồng bằng sông Cửu Long. Thành phố Long Xuyên cách Cần Thơ 62km, Mỹ Tho 125km và Tp. Hồ Chí Minh 190km. Thành phố Châu Đốc cách Hà Tiên 96km, Cần Thơ 117km, Mỹ Tho 179km và Tp. Hồ Chí Minh 245km.

*Tiềm năng phát triển kinh tế và du lịch:* An Giang là tỉnh đứng đầu cả nước về sản lượng lúa (trên 2 triệu tấn), ngoài cây lúa còn trồng bắp, đậu nành và nuôi (trồng) thủy sản nước ngọt như cá, tôm... An Giang còn nổi tiếng với các nghề thủ công truyền thống như lụa Tân Châu, mắm Châu Đốc, mộc Chợ Thủ, bánh phồng (Phú Tân), khô bò và các mặt hàng tiêu dùng. Đặc biệt là nghề dệt vải thủ công lâu đời của đồng bào Chăm và nghề nuôi cá bè đặc trưng của vùng sông nước.

An Giang được nhiều du khách biết đến với các lễ hội độc đáo như lễ hội miếu Bà Chúa Xứ, Chôl Chnam Thmây, Dolta và hội đua bò..., các danh lam thắng cảnh: núi Sam, miếu Bà Chúa Xứ, Núi Cấm và hệ thống hang động Thủy Đài Sơn, Anh Vũ Sơn, Sơn viên Cô Tô, đồi Túc Dụp anh hùng trong chống Mỹ và nhiều di tích lịch sử, kiến trúc nghệ thuật khác.

### **Các điểm tham quan du lịch tỉnh An Giang**

*Bia Thoại Sơn*



Bia Thoại Sơn do Nguyễn Văn Thoại (Thoại Ngọc Hầu) dựng năm 1822 và là một trong hai công trình di tích lịch sử và bia ký nổi tiếng ở Việt Nam dưới chế độ phong kiến còn lưu lại đến ngày nay. Bia Thoại Sơn nằm dưới chân núi Sập, trong đình Thoại Sơn thuộc thị trấn Núi Sập, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang, cách thành phố Long Xuyên khoảng 28km. Bia đá có chiều cao 3m, ngang 1,2m, bề dày 0,2m. Mặt bia chạm 629 chữ mô tả công trình đào kênh Thoại Hà và nói lên tình cảm của Thoại Ngọc Hầu với triều đình, với nhân dân.

Vào đầu thế kỷ 19, vùng Thoại Sơn rất hoang vu, mịt mù cây rừng cỏ dại. Lạch nước tuy có sẵn nhưng nhỏ hẹp, bùn đọng, cỏ lấp, thuyền qua lại không nổi. Con sông Đông Xuyên (nay là Long Xuyên) chỉ kéo dài đến Ba Bần, mọi giao thông của tàu thuyền từ Long Xuyên và đồng bằng sông Cửu Long muốn sang Rạch Giá, Hà Tiên hay ngược lại đều phải đi đường biển vòng xuống Cà Mau. Năm 1817 khi Thoại Ngọc Hầu về trấn thủ Vĩnh Thanh, sau khi khảo sát thực tế, nghiên cứu địa hình vùng tứ giác Long Xuyên, ông chủ trương đào kênh Đông Xuyên - Rạch Giá, đầu kênh tại Ba Bần (Ba Dầu hiện nay). Chủ trương đào kênh của ông được vua Gia Long chấp thuận và vào mùa xuân 1818, việc đào kênh được khởi công. Kênh đào theo lạch nước cũ nên sau một tháng đã hoàn thành. Bề ngang kênh 61m, chiều dài tới Rạch Giá là trên 30km và là con kênh đào sớm nhất ở miền Nam. Nó có vị trí quan trọng cho giao thông vận tải đường sông và phát triển nông nghiệp của huyện Thoại Sơn. Khi công trình đào kênh hoàn tất, vua Gia Long rất khen ngợi ra lệnh lấy tên Thoại Ngọc Hầu đặt tên cho sông là Thoại Hà (Sông Thoại). Trên bờ phía đông của Thoại Hà có một ngọn núi, tục gọi là núi Sập, vua liền cho đổi tên là Thoại Sơn (Núi Thoại) để tặng thưởng công lao khó nhọc của Thoại Ngọc Hầu. Để ghi dấu một kỷ niệm trọng đại trong cuộc đời mình, Thoại Ngọc Hầu soạn một bài văn khắc vào bia đá. Năm Minh Mạng thứ ba (1822), Thoại Ngọc Hầu long trọng làm lễ dựng bia tại miếu thờ Sơn thần (nay là ngôi đình thờ ông làm Thành Hoàng) bên triền núi Sập.

#### *Cụm di tích núi Sam*

Di tích núi Sam thuộc xã Vĩnh Tế, TP. Châu Đốc, tỉnh An Giang không chỉ là cảnh đẹp thiên nhiên, tại đây có nhiều di tích kiến trúc, văn hóa đã khắc sâu vào tâm linh người dân đồng bằng Nam Bộ. Núi Sam cao 284m nằm ở vùng đồng bằng, có đường nhựa dài khoảng 5km cho xe chạy vòng quanh lên tận đỉnh núi. Núi Sam cùng các ngọn núi khác vùng Bảy Núi là những điểm nhấn tạo nên cảnh quan tự nhiên rất thơ mộng ở miền tây nam của Việt Nam, giáp với biên giới Cam-pu-chia.

Núi thấp có nhiều đường mòn, nhiều ngã lên xuống, ít cây cỏ thụ. Theo truyền thuyết, núi có nhiều linh hiển, nên có nhiều chùa thờ Phật đã dựng lên tại đây gần 2 thế kỷ. Đồng bào khắp nơi hành hương về đây cúng lễ rất đông. Có đến 200 ngôi đền, chùa, am, miếu nằm rải rác ở chân núi, sườn núi và cả trên đỉnh. Trên đỉnh núi có một pháo đài được xây dựng từ thời Pháp. Dưới chân núi có Lăng Thoại Ngọc Hầu (Nguyễn Văn Thoại), một tướng triều Nguyễn có nhiều công đức với nhân dân địa phương trong việc tổ chức đào hai con kênh quan trọng ở An Giang: kênh Vĩnh Tế dài 90km nối sông Hậu với Hương Thành (Hà Tiên) và ra vịnh Thái Lan; kênh Chính An nối sông Hậu qua sông Tiền; đắp lộ lớn Châu Đốc - Long Xuyên. Tất cả những công trình quan trọng ấy đều hoàn tất trước khi Thực dân Pháp xâm lược Nam Kỳ (1858). Tại đây còn có miếu bà Chúa Xứ, chùa Tây An, vườn Tao Ngộ, đồi Bạch Vân...

#### *Chùa Ông Bắc*

Chùa Ông Bắc còn được gọi là Quảng Đông Tỉnh Hội Quán nằm trên đường Phạm Hồng Thái thuộc phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, là một di tích kiến trúc chính thống của người Việt gốc Hoa với các di vật cổ có giá trị cao. Chùa được xây dựng cách đây trên 100 năm bởi những người Hoa từ tỉnh Quảng Đông (Trung Quốc) để làm nơi hội họp, sinh hoạt. Đến năm Giáp Ngọ 1887, ông Quảng Thành Lợi và Hòa Mậu Xương là hai người Hoa giàu có trong vùng, đứng ra vận động đồng hương và người dân tín ngưỡng đóng góp tiền của khởi công sửa chữa. Qua 4 năm xây dựng, đến năm Mậu Tuất 1891, chùa được hoàn thành và trở thành một công trình kiến trúc nghệ thuật đẹp và tiêu biểu của thành phố Long Xuyên. Chùa có diện tích 400m<sup>2</sup>, kiến trúc theo hình chữ Quốc (囯). Mái chùa lợp ngói đại ống tráng men xanh, trên cạnh nóc chùa chạm khắc hình bát tiên, voi, rồng, phượng, cá... cùng những bức phù điêu, hoa văn cổ mang sắc thái nghệ thuật nhà Nguyễn pha lẫn kiến trúc nghệ thuật Trung Quốc. Khung bao cửa chính ra vào chùa được xây bằng những tảng đá xanh chạm khắc tinh xảo, tường gạch trát vôi, nền lát gạch hoa. Nội thất chùa có cấu trúc phong thủy, thoáng mát, trên đỉnh cao tứ giác có nhiều bức chạm trổ đẹp, hình tam cấp tượng trưng cho ba cõi: Thiên, Địa, Nhân. Trong chùa có 3 khánh, một tủ thờ sơn son thiếp vàng, một chuông đồng, đỉnh đồng... Bên hông chùa còn có ba bia đá ghi bằng chữ Hán kể lại lịch sử xây dựng chùa. Người được thờ tại chính điện là Bắc Đế, bên trái thờ Thiên Hậu, bên phải thờ Quan Công. Ngoài ra Phật Thích Ca, Địa Tạng Bồ Tát, Ngọc Hoàng Thượng Đế ... cũng được thờ tại đây. Tất cả tập hợp thành một bản sắc văn hóa của người Hoa đã hòa nhập lâu đời vào nền văn hóa Việt Nam. Chùa đã được công nhận di tích lịch sử - văn hoá cấp quốc gia vào tháng 6/1987.

#### *Chùa Tây An*

Chùa Tây An (Tây An cổ tự) mang dáng dấp của những ngôi chùa Ấn Độ, có kiến trúc hài hoà với cảnh trí thiên nhiên, tạo một vẻ đẹp lộng lẫy. Chùa là một trong cụm di tích ở chân núi Sam thuộc xã Vĩnh Tế, TP. Châu Đốc, tỉnh An Giang. Chùa do một vị quan triều Nguyễn đời Minh Mạng (1820) là Tổng đốc Nguyễn Nhật An xây dựng theo lời nguyện của ông khi được triều đình phái đi Cao Miên. Theo lời nguyện này, nếu ông đi thành công, khi về sẽ dựng một ngôi chùa thờ Phật tại chân núi Sam. Cát chùa xong bằng tre, ông thỉnh vị Hoà thượng đầu tiên là Nguyễn Văn Giác, pháp hiệu là Hải Tịnh đến trụ trì. Năm Thiệu Trị thứ 7 (1847), chùa lại thỉnh thêm một vị Hoà thượng nữa tên là Đoàn Minh Huyền, pháp hiệu là Pháp Tang đến trụ trì. Vị Hoà thượng sau này ngoài việc tu hành còn có tài làm thuốc trị bệnh cho nhân dân rất hiệu quả nên sau khi ông mất, đồng bào suy tôn hoà thượng với danh hiệu là Phật thầy Tây An và danh hiệu này vẫn được nhân dân gọi đến ngày nay.

Chùa được sửa chữa nhiều lần theo thời gian trụ trì của các vị hoà thượng. Chùa kiến trúc theo kiểu Ấn Độ với các vật liệu bền chắc như gạch ngói, xi măng. Chính điện là ngôi chùa chính giữa cao 18m, thờ tượng Phật Thích Ca, còn hai bên là lầu chiêng và lầu trống. Trước chùa có 3 vọng cửa: cửa giữa tam quan thờ tượng Phật Quan Âm, hai cửa hai bên có hai bảng đề "Tây An cổ tự", bên trong tam quan là sân chùa có một cột cờ cao 16m. Dưới bậc thang chùa có đúc bạch tượng và hắc tượng, vai có đắp nổi hai vị thần tiên ngồi bên trên mặt trăng lưỡi liềm, hai bên là hai hành lang, phân biệt cho tín đồ nam nữ. Chùa theo phái Đại thừa, có tới 11.270 tượng lớn nhỏ bằng gỗ. Ngày rằm tháng riêng, rằm tháng 7 và tháng 10 âm lịch là ngày nhân dân đến cúng lễ đông nhất.

#### *Chùa Xà Tôn (Xvay-ton)*

Chùa Xà Tôn (Xvay-ton) là một ngôi chùa thờ Phật nổi tiếng (theo phái tiểu thừa), nằm ở thị trấn Tri Tôn, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang. Đây là ngôi chùa tiêu biểu cho nghệ

thuật kiến trúc chùa tháp của đồng bào Khmer vùng Đồng bằng sông Cửu Long, Nam Bộ. Đối với đồng bào Khmer vùng Đồng bằng sông Cửu Long và An Giang, chùa là nơi thờ Phật, là trung tâm văn hóa, nơi gìn giữ những phong tục, tập quán, kiến trúc, điêu khắc, nghệ thuật dân tộc cổ truyền; nơi thanh niên và bà con dân tộc Khmer đến tu học để trở thành người có tri thức, đức hạnh và chăm chỉ lao động. Các vị cao niên người Khmer và các vị sư sãi ở đây cho biết, chùa Xà Tôn đã được xây dựng cách đây hơn 200 năm. Lúc đầu, chùa được dựng bằng gỗ, lợp lá, nền đất. Ngày xưa vùng Tri Tôn còn hoang vu, rậm rạp, dân cư rất thưa thớt. Trên những ngọn cây to cao nhiều cành, nhiều lá có từng đàn khỉ (Xvay) đu vào nhau, nối đuôi nhau mà chuyền đi (ton). Bà con Khmer dựng chùa thờ Phật ở đây và đặt tên chùa là Xvay-ton (biến âm thành Xà Tôn cho dễ đọc).

Năm 1896 và 1933, chùa Xà Tôn được xây dựng lại bằng gạch ngói, cột bằng gỗ cam-xe, nền chùa đắp cao 1,8m được xây bằng đá xanh. Giống như các chùa Khmer khác ở Đồng bằng sông Cửu Long, chùa Xà Tôn cũng theo cùng một quy cách bố cục và kiến trúc thống nhất. Chính điện chùa Xà Tôn nằm ở trung tâm khu đất của chùa, được xây theo hướng đông tây có nóc nhọn và hai mái cong gọi hình ảnh nằm dài uốn cong của rắn thần Naga, tượng trưng cho sự bất diệt, dũng mãnh. Mái chính điện được dựng cao dần theo tam cấp, lợp ngói đỏ, xanh, vàng, trông rực rỡ dưới nắng. Chung quanh ngôi chính điện là các dãy tháp, kiểu thức thanh nhã tinh tế, vút dần lên cao, với các tượng nhỏ chung quanh và trên đỉnh là tượng thần Bayon bốn mặt bằng đá (thần sáng tạo). Trong các tháp này là hài cốt đã hỏa táng của các nhà tu hành ở chùa. Phía trước chùa có hồ lớn trồng hoa sen, hoa súng; bên trái chùa là hàng dừa trĩu quả và các cây cỏ thụ cảnh là là rủ bóng xuống hàng tháp. Trong ngôi chính điện có tượng Phật lớn ngồi trên bệ cao. (Chỉ có một tượng Phật cao gần mái đặt ở chính điện). Trên các bức tường chung quanh có nhiều hình vẽ kể lại cuộc đời của Phật và các môn đồ, nhưng nay đã phai màu. Đằng trước tượng Phật còn có nhiều tượng nhỏ bằng bạc, bằng gỗ khá đặc sắc. Chính điện là nơi hành lễ, thuyết pháp, còn nơi học, nơi ở của các vị sư là những dãy nhà khác, có phần nhỏ hơn nhưng cũng có hai mái cong gập lại, có nóc nhọn và có hình tượng thần rắn Naga. Hằng năm ở chùa Xà Tôn có 5 ngày hội lớn: Lễ hội Chol Chhnam Thmay là lễ năm mới vào tháng Tư; lễ Pisát Bôchia là lễ nhớ ơn Phật, lễ Phật sinh vào rằm tháng Tư âm lịch; lễ Chol Neasa là lễ cấm ba tháng sư không ra khỏi chùa (từ rằm tháng Sáu đến rằm tháng Chín âm lịch); lễ Pha Chum Bênh, còn gọi là Đôlta là lễ thanh minh cúng ông bà, lễ tỏ lòng biết ơn tổ tiên; lễ Kà Thận là lễ sắm quần áo cho sư sãi, sắm vật dụng cho chùa hay cho trường làng. Vào những ngày đó, bà con Khmer đến chùa lễ Phật rất đông vui.

Những ngôi chùa Khmer như ngôi chùa Xà Tôn với hình tượng rắn thần Naga - biểu tượng cho sự Bất diệt, với các ngôi tháp có tượng thần Bayon bốn mặt - thần sáng tạo là những nét độc đáo, cổ kính của các làng Khmer ở Đồng bằng sông Cửu Long, Nam Bộ.

### *Thánh đường Mubarak*

Thánh đường Mubarak được xem là một thánh đường tiêu biểu có lối kiến trúc hết sức độc đáo mang đậm tính tôn giáo của cộng đồng người Chăm theo đạo Hồi. Thánh đường nằm ở xã Phú Hiệp, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang, cách thành phố Long Xuyên khoảng 62km. Mubarak được thiết kế bởi kiến trúc sư Mohamet Amin, nhìn từ xa giống như các đền thờ cổ của Ba Tư, Ấn Độ với công chính hình vòng cung, uy nghi trước khoảng sân rộng. Trên nóc thánh đường có một tháp lớn hai tầng hình bầu dục, dưới chân tháp có hình trăng lưỡi liềm và ngôi sao, tượng trưng cho đạo Hồi. Bốn góc trên nóc thánh đường đều có bốn tháp nhỏ, giữa nóc có hai tháp bầu tròn nhô cao.

Từ cửa chính của thánh đường trở ra hai bên, mỗi bên có hai vòm hình vòng cung nhọn đầu, mỗi vòm cách nhau khoảng 2,4m. Bên hông thánh đường, phía tay trái và tay phải, mỗi bên cũng có sáu vòm hình vòng cung nhọn đầu. Không gian bên ngoài thánh đường hết sức rộng lớn và thoáng mát. Bên trong thánh đường, do đặc điểm của đạo Hồi nên không có tượng thờ bất kỳ vị thần thánh nào, nhưng phải có hậu tẩm, là nơi chức sắc đứng hướng dẫn tín đồ làm lễ. Bốn bề của bức vách bên trong thánh đường được tô điểm bởi màu trắng và xanh, nền được lát gạch, trần nhà treo những chùm đèn điện sáng rực.

Hàng năm, thánh đường tổ chức 3 kỳ lễ lớn: lễ sinh nhật giáo chủ Muhammed ((người sáng lập đạo Hồi) vào ngày 12/3 Hồi lịch, lễ Roja (lễ hành hương đến thánh địa La Mecque) vào ngày 10/12 Hồi lịch, lễ Ramadan (tháng ăn chay) kéo dài từ ngày 1 đến 30/9 Hồi lịch. Trong những ngày lễ lớn này, người Chăm tề tựu về hành lễ tại thánh đường rất đông, tạo thành nét sinh hoạt văn hóa truyền thống hết sức độc đáo và thú vị của cộng đồng người Chăm ở đây. Với những nét kiến trúc nghệ thuật độc đáo, mang đậm màu sắc tôn giáo của người Chăm và những lễ hội truyền thống mang tính đặc trưng của đạo Hồi mà thánh đường Mubarak đã được Bộ Văn hóa - Thông tin công nhận là kiến trúc nghệ thuật vào ngày 5/12/1989.

#### *Miếu Bà Chúa Xứ*

Miếu Bà Chúa Xứ được lập vào năm 1820, có lối kiến trúc theo kiểu chữ "quốc", tọa lạc tại xã Vĩnh Tế, TP. Châu Đốc, tỉnh An Giang. Trong miếu thờ tượng Bà Chúa được tạc bằng đá xanh. Theo truyền thuyết, miếu Bà do dân xây dựng để cúng bái vì tin vào sự linh thiêng của Bà. Lại có truyền thuyết cho rằng, Thoại Ngọc Hầu đã đứng ra xây dựng theo lời trần trời của vợ (bà Châu Vĩnh Tế).

Lúc đầu miếu cất bằng tre, lá. Năm 1962, miếu lợp ngói âm dương. Đến năm 1972, ngôi miếu được xây lại, năm 1976 công trình mới hoàn thành. Miếu Bà Chúa Xứ kiến trúc theo kiểu chữ "quốc", có 4 mái hình vuông, nóc lợp bằng ngói ống màu xanh. Nhà để tượng cũng 4 mái hình vuông. Trong miếu thờ tượng Bà Chúa được tạc bằng đá xanh có giá trị nghệ thuật cao. Tượng tạc vào thế kỷ 6, theo mô típ tượng thần Vinus thường thấy ở các nước Lào, Cam-pu-chia, Ấn Độ. Hội Bà Chúa Xứ được tổ chức hằng năm rất lớn vào các ngày cuối tháng 4 âm lịch. Hàng vạn người đổ về đây dự lễ tẩm tượng Bà, lễ dâng hương cầu phúc lành...

#### *Lăng Thoại Ngọc Hầu*

Lăng Thoại Ngọc Hầu thuộc xã Vĩnh Tế, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang. Lăng Thoại Ngọc Hầu là một trong số nhiều di tích ở chân núi Sam, thuộc xã Vĩnh Tế, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang. Tại đây có đền thờ ông Thoại Ngọc Hầu, mộ ông cùng hai phu nhân được xây vào thập niên 30 của thế kỷ 20. Thoại Ngọc Hầu tên thật là Nguyễn Văn Thoại, một danh tướng nổi tiếng của triều Nguyễn. Ông sinh ngày 25/11/1761 tại Diên Phước, tỉnh Quảng Nam, được phong tước Ngọc Hầu. Ông mất ngày 06/6/1829. Khung cảnh uy nghiêm của lăng Thoại Ngọc Hầu gợi cho du khách những hoài cảm về người xưa, về công đức của những bậc tiền bối, gây ấn tượng sâu xa, lay động lòng người cho những gì không thể tìm lại được của quá khứ. Phía trước lăng là khoảng sân rộng. Hai bà vợ của ông được chôn cất tại đây. Bà Nhất phẩm Châu Vĩnh Tế chôn phía tay phải, bà Nhị phẩm Trương Thị Miệt chôn phía tay trái, mộ ông nằm chính giữa. Trong Long Đình là bản sao bia "Thoại Sơn", bia "Vĩnh Tế Sơn". Trước Long Đình là hai con nai đắp bằng xi măng. Hai cửa lớn vào lăng rộng, hình bán nguyệt, kiến trúc theo lối cổ, liền với bức tường kiên cố dày 1m, cao 3m. Sau lăng là đền thờ trên nền cao hơn. Sau lưng đền thờ là sườn núi Sam tạo thành thế vững

chắc kiên cố, tôn lên nét cổ kính uy nghi. Vào lăng, du khách sẽ được chiêm ngưỡng tượng Thoại Ngọc Hầu cao khoảng hai mét cùng những áng văn chương lồng lẩy, vớ liễn đối, hoành phi, văn bia, văn tế... gọi lại hình ảnh nước non một thời oanh liệt.

Thoại Ngọc Hầu được triều đình nhà Nguyễn phong tước hầu cử vào khai phá trấn giữ An Giang. Ông đã tập hợp lưu dân hai tỉnh Quảng Nam - Quảng Ngãi về ở các vùng Ông Chường (Chợ Mới), Núi Sập (Thoại Sơn), Châu Đốc, Long Xuyên... Ông là người tổ chức đào kênh Thoại Hà (con kênh có bề ngang 20 tầm - chừng 51m, dài 31.744m) và kênh Vĩnh Tế dài hơn 90km. Đào hai con kênh ấy trong thời kỳ công cụ lao động thô sơ và bằng tay, chân quả là việc làm thần kỳ. Sau khi hoàn tất việc đào kênh, Thoại Ngọc Hầu cho vẽ bản đồ trình triều đình Huế, được vua khen ngợi ban sắc chỉ cho lấy tên người mà đặt cho tên kênh là Thoại Hà (kênh Thoại) và lấy tên vợ chính của ông là Vĩnh Tế đặt cho kênh Vĩnh Tế. Để đánh dấu những công trình này, Thoại Ngọc Hầu cho dựng bia làm kỷ niệm: bia Thoại Sơn, Vĩnh Tế Sơn. Đồng thời trước ngày dựng bia, Ông cho nhiều toán người đi dọc hai bờ kênh, từ Châu Đốc đến Hà Tiên tìm hái cốt những dân binh tử nạn mang về cải táng hai bên tả và hữu khuôn lăng. Trong buổi lễ long trọng dựng bia kỷ niệm có đọc bài "Tế nghĩa trũng văn", do Thoại Ngọc Hầu đứng ra chủ lễ. "Nghĩa trũng văn" là bài thơ tế cô hồn tử sĩ, khắc ghi công lao và sự thương tiếc đối với binh sĩ, sưu dân đã bỏ mình trong công cuộc đào kênh. Du khách có dịp đến Thất Sơn - An Giang nhớ đến viếng thăm lăng mộ Thoại Ngọc Hầu, ngắm dòng kênh Vĩnh Tế xanh biếc hiền hòa.

#### *Núi Cẩm*

Núi Cẩm nằm trong cụm Thất Sơn ở miền Tây Nam Bộ, thuộc địa phận xã An Hào, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang. Ở đây có tượng Phật Di Lặc lớn nhất Việt Nam. Núi Cẩm mang vẻ đẹp hoang sơ, kỳ bí. Trên núi có chùa Phật Lớn, miếu Sơn Thần, chùa Vạn Linh, tượng Phật Di Lặc lớn nhất Việt Nam, là điểm du lịch rất hấp dẫn.

Ngay tại chân núi có một ngôi miếu thờ Sơn Thần mà ai qua đó cũng dừng lại thắp nhang. Hai bên đường lên núi là rừng cây rậm rạp. Vượt qua đoạn đường lên núi vất vả, đôi lại du khách được thấy một khung cảnh đẹp như tranh: dòng thác đổ từ trên cao xuống các tầng đá xếp chồng lên nhau làm bọt nước bắn tung tóe, tiếng thác đổ vang vọng trong gió núi, lúc xa lúc gần; những khối thạch nhũ lâu năm ở động Thủy Liêm tạo thành những hình thù làm cho người xem tha hồ tưởng tượng, những đám mây bay ngang che khuất ánh mặt trời tạo cảm giác những hình thù vừa thấy như biến mất... Tiếp tục cuộc hành trình du khách tới chùa Phật Lớn. Ngôi chùa nằm trong không gian tĩnh mịch, chìm đắm bên những gốc bô đề cổ thụ nhuốm màu thời gian hơn một thế kỷ. Gần đó là bức tượng Phật Di Lặc, trắng toát cao gần 34 mét, tư thế ngồi đang mỉm cười nhìn du khách. Cách đó khoảng 100 mét là chùa Vạn Linh với ngôi bảo tháp bề thế. Du khách có dịp trèo lên đỉnh tháp chùa Vạn Linh đắm mình với phong cảnh Núi Cẩm. Không có cái dáng dấp hùng vĩ và trùng điệp như những dãy núi ở Trường Sơn - Tây Nguyên, nhưng ngoài vẻ đẹp hoang sơ, kỳ bí, Núi Cẩm ở An Giang còn là một báu vật mà thiên nhiên đã ban tặng cho vùng đất phía tây nam của Việt Nam.

#### *Rừng tràm Trà Sư*

Rừng tràm Trà Sư nằm ở xã Văn Giáo, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang, cách TP. Châu Đốc khoảng 20km và cách biên giới Việt Nam - Campuchia 10km. Là khu rừng ngập nước tiêu biểu cho vùng Tây sông Hậu, nơi sinh sống của nhiều loài chim nước, động vật hoang dã và thủy sinh vật thuộc hệ thống rừng đặc dụng Việt Nam. Từ thành phố Châu Đốc, rẽ trái khoảng 17km đến thị trấn Nhà Bàng thuộc huyện Tịnh Biên. Từ đây, đi theo đường

tỉnh lộ 948 đến Km số 6, du khách tiếp tục rẽ trái đi theo một con đường nhỏ dài khoảng gần 4km là đến rừng trà Trà Sư. Tại trạm tiếp đón, du khách có thể thuê những chiếc xe đạp đôi để tận hưởng thú vui cưỡi xe đạp thăm thú rừng trà. Đoạn đường này chỉ dài khoảng 5 – 6km. Phía trên là màu xanh của ngọn trà, bên dưới nương nước thỉnh thoảng nghe tiếng cá vẫy đuôi tạo nên những âm thanh là lạ. Đến khi con kênh dài với dòng nước mát lạnh và dãy rừng trà xa tít, ngăn ngắt màu xanh hiện ra trước mắt, du khách sẽ không đi bằng xe đạp được nữa mà phải dùng ghe, xuồng nhỏ để dễ dàng len lỏi giữa các con rạch khám phá khu rừng. Ngồi trên xuồng, nhẹ nhàng từng nhịp chèo khua trên dòng nước, ngắm hàng chục loài chim hót véo von trên ngọn trà, du khách sẽ ngỡ như đang lạc vào xứ sở thần tiên.

Du khách đến rừng trà Trà Sư, mỗi lúc lại thêm ngỡ ngàng và thích thú, vì được nhận ra bao điều kỳ diệu của thiên nhiên mà cây rừng đang gìn giữ trong sắc lá và hương trà ngào ngạt. Với diện tích gần 850ha, rừng Trà Sư là nơi trú ngụ của 70 loài chim thuộc 13 bộ và 31 họ, trong đó có 2 loài chim quý hiếm đã được ghi vào sách Đỏ Việt Nam là giang sen (*Mycteria leucocephala*) và diêng diêng (*Anhinga melanogaster*). Đối với loài thú đã thống kê được 11 loài thuộc 4 bộ và 6 họ. Các bộ có số loài nhiều nhất là dơi (15 loài) và gặm nhấm (4 loài), trong đó có loài dơi chó tai ngắn quý hiếm cũng đã được ghi vào sách Đỏ Việt Nam. Riêng bò sát, ếch, nhái cũng có tới 25 loài, 2 bộ, 10 họ, trong đó có cả rắn hổ mang, cạp nong. Ngoài ra, rừng còn có 10 loài cá xuất hiện quanh năm và 13 loài chỉ xuất hiện vào mùa lũ, trong đó có 2 loài cá có giá trị khoa học và đang đứng trước nguy cơ bị tuyệt chủng là cá còm và cá trê trắng. Không chỉ phong phú về động vật, Trà Sư còn là nơi tụ họp của 140 loài thực vật thuộc 52 họ và 102 chi, trong đó có 22 loài cây gỗ, 25 loài cây bụi, 10 loài dây leo, 70 loài cỏ, 13 loài thủy sinh, 11 loài sinh cảnh, 78 loài thuốc và 22 loài cây cảnh. Chính sự đa dạng và phong phú về tài nguyên khiến rừng trà Trà Sư trở thành điểm đến lý tưởng đối với các nhà nghiên cứu và những người ham mê khám phá thiên nhiên hoang dã. Mùa nước nổi là quãng thời gian thích hợp nhất để đến với rừng trà. Du khách đi thuyền xuyên rừng sẽ được ngắm cánh rừng biếc xanh bạt ngàn mênh mông, nở đầy những bông hoa trà trắng tinh khiết trong nắng sớm, hương trà thoảng đưa nhẹ nhàng khiến tinh thần trở nên thư thái, lâng lâng. Tưởng như tất cả những sắc màu tụ tập về đây, sóng sánh trong sắc nước. Những cây thủy liễu uốn mình mềm mại trong làn nước trong, vài ba chú cá bơi lội tung tăng và ánh mặt trời không ngừng nhảy múa trên mặt nước phản chiếu những sắc màu kì lạ. Lúc thì màu xanh ve chai, khi thì bạc lấp lánh, có nơi lại ửng vàng màu hồ phách. Thật khó biết ẩn trong màu nước ấy chứa bao nhiêu loài thủy sinh, nào những chiếc lá lấm tấm màu tím lả lẫm; nào những thân trà lất lay bông trắng trong màn nước dập dờn; nào rừng sen lá xanh thắm, bông đỏ tươi khoe nở; những khóm bông điên điển vàng rập rờn như đàn bướm; thảm rong đuôi chồn sóng sánh uốn mình trong sóng nước với những đoá hoa nhỏ xíu ánh vàng màu nắng; hay những thảm bèo tai tượng ôm kín các gốc trà mọc san sát nhau... Vừa ngắm cảnh đẹp, du khách có thể vừa tự tay hái các loại rau muống, rau dứa, điên điển... trước khi đi sâu vào rừng khám phá thế giới của các loài chim.

Nếu du khách có nhu cầu muốn phiêu lưu trong chốn rừng hoang, muốn tạm thời quên hết lo âu của cuộc sống bộn bề, muốn một mình sống với thiên nhiên, hãy đến rừng trà Trà Sư với biết bao điều thú vị đang đón chờ để có thêm nhiều kỷ niệm đẹp trong cuộc sống. Đây là vùng đất lạ mà quen, bởi con người nơi đây luôn thân thiện và hiếu khách, sẽ mang lại cho du khách cảm giác như đang dạo chơi trong chính không gian của riêng mình.

*Khu di chỉ Óc Eo*

Khu di chỉ Óc Eo Thành cổ Óc Eo là một thương cảng thời trung cổ bị chìm dưới đất, được phát hiện khi nhân dân đào kênh xáng Ba Thê thuộc vùng núi Sập - Ba Thê, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Đây là một địa danh được nhiều người trong và ngoài nước biết đến: là một khu di tích cổ rộng lớn, gắn liền với vết tích vật chất của vương quốc Phù Nam, một quốc gia hùng mạnh ở vùng Đông Nam Á cách nay khoảng hai nghìn năm. Ngoài khu vực được xem là “thành phố Óc Eo” có diện tích 4.500ha, còn có một vài vùng ở miền Tây Nam Bộ như: Đồng Tháp Mười, Châu Đốc, Kiên Giang... mà cho đến nay vẫn còn nhiều điều bí ẩn đối với các nhà nghiên cứu, khảo cổ. Hiện nay, khu di chỉ Óc Eo không những đón được rất nhiều nhà sưu tầm, khảo cổ đến nghiên cứu, tìm hiểu mà còn hấp dẫn được rất nhiều du khách trong và ngoài nước đến đây để xem di vật, vết tích được phát hiện để biết thêm về một thời kỳ phát triển rực rỡ của vùng đất An Giang ngày xưa nói riêng và Đồng bằng sông Cửu Long nói chung.

### **2.2.8. Một số tuyến nội thành phố Cần Thơ**

Thành phố Cần Thơ có diện tích là 1.401,6 km<sup>2</sup>, dân số là 1.197,1 nghìn người (2010). Thành phố Cần Thơ có các quận Ninh Kiều, Bình Thủy, Cái Răng, Thốt Nốt, Ô Môn và các huyện là Phong Điền, Cờ Đỏ, Vĩnh Thạnh, Thới Lai. Cần Thơ có nhiều nét đặc sắc, độc đáo của văn hoá đồng bằng Nam Bộ được kết hợp hài hoà các sắc thái văn hoá truyền thống của người Việt, Khmer, Hoa...

*Điều kiện tự nhiên:* Thành phố Cần Thơ nằm ở trung tâm đồng bằng sông Cửu Long, giữa một mạng lưới sông ngòi kênh rạch. Cần Thơ tiếp giáp với 5 tỉnh: phía bắc giáp An Giang và đông bắc giáp Đồng Tháp, phía nam giáp Hậu Giang, phía tây giáp Kiên Giang, phía đông giáp Vĩnh Long. Cần Thơ có nhiều hệ thống sông ngòi kênh rạch như sông Hậu, sông Cần Thơ, kênh Thốt Nốt, rạch Ô Môn... Khí hậu Cần Thơ điều hoà dễ chịu, ít bão. Quanh năm nóng ẩm, không có mùa lạnh. Mùa mưa kéo dài từ tháng 5 đến tháng 11, mùa khô từ tháng 12 tới tháng 4 năm sau. Nhiệt độ trung bình là 27°C. Cần Thơ cách Vĩnh Long 34km, Long Xuyên 62km, Sóc Trăng 63km, Mỹ Tho 104km, Rạch Giá 116km, Châu Đốc 117km, thành phố Hồ Chí Minh 169km và Cà Mau 179km. *Đường bộ:* Các tuyến đường lớn chạy qua tỉnh là quốc lộ 1A, quốc lộ 91 đi An Giang; quốc lộ 80 đi Kiên Giang. Bến xe buýt cách trung tâm thành phố khoảng 2km về phía tây bắc, dọc theo đường Nguyễn Trãi. *Đường thủy:* Cần Thơ là trung tâm giao thông thủy bộ của cả vùng Nam bộ, nối liền với Cam-pu-chia. Thành phố có cảng quốc tế Cái Cui khá lớn tiếp nhận tàu 5.000 tấn. *Đường không:* Sân bay Trà Nóc.

*Tiềm năng phát triển kinh tế và du lịch:* Thành phố Cần Thơ có 3 bến cảng có thể tiếp nhận tàu trên 10.000 tấn phục vụ cho việc xếp nhận hàng hóa dễ dàng. Từ xa xưa Cần Thơ đã được coi là trung tâm lúa gạo của miền Tây Nam bộ, hiện nay là một trong những nơi sản xuất và xuất khẩu gạo chính của cả nước.

Với đất đai phì nhiêu, bên cạnh thế mạnh về cây lúa và cây ăn quả các loại, Cần Thơ còn có nguồn thủy sản khá phong phú, chủ yếu tôm cá nước ngọt và chăn nuôi: lợn, gà, vịt. Các ngành công nghiệp hiện có chủ yếu là điện năng (nhà máy điện Trà Nóc, 33.000 kw); kỹ thuật điện, điện tử, hoá chất, may, da và chế biến nông sản, thủy sản... là thế mạnh của tỉnh.

#### *Đình Bình Thủy*

Đình Bình Thủy, tên cũ là đình Long Tuyền, tọa lạc trên đất phường Bình Thủy, quận Bình Thủy, Tp. Cần Thơ. Đình Bình Thủy là một công trình có giá trị về kiến trúc ở miền tây Nam Bộ, vùng đất mới khai phá với những mảng chạm, những họa tiết trang trí,

khắc gỗ rất tinh tế và sinh động mang nhiều nét kiến trúc dân tộc. Từ trung tâm Tp. Cần Thơ du khách đi khoảng 5km theo đường Nguyễn Trãi qua đường Cách Mạng Tháng Tám và Lê Hồng Phong là tới đình. Đình được dựng vào năm 1844, khi đó bằng tranh tre. Năm 1852 đình được vua Tự Đức phong sắc. Năm 1909 đình được xây lại, mái lợp ngói, gồm hai khu: khu đình chính và khu "lục ập". Khu đình chính có năm ngôi nhà. Hai nhà vuông là tiền đình và chính điện, ba nhà nối hai nhà vuông với nhau. Khu "lục ập" gồm một nhà hát và khu nhà chuẩn bị đồ cúng lễ. Bên ngoài đình có hai miếu lớn thờ thần Nông và thần Hồ, gần cổng có hai miếu thờ thần Rừng và thần Khai kênh dẫn nước. Đình có kiến trúc khác với các đình ngoài Bắc: ngôi tiền đình và chính điện hình vuông, mỗi chiều có 6 hàng cột, mỗi hàng 6 cột. Các cột trong chính điện được chạm khắc hình rồng, hoa mẫu đơn quanh. Chánh điện có ba mái chông lên nhau theo kiểu kiến trúc "thượng lầu hạ hiên". Trên nóc có gắn tượng người, kỳ lân, cá hoá rồng. Đình thờ bốn cảnh thành hoàng và thờ các vị có công với nước như Đinh Công Tráng, Nguyễn Trung Trực, Bùi Hữu Nghĩa, Võ Huy Tập,... Hàng năm nhân dân địa phương tổ chức các ngày lễ thượng điền, hạ điền tại đình rất đông vui với các trò chơi dân gian như thả vịt, kéo co, nữ công gia chánh... được duy trì cho đến nay và được đông đảo nhân dân tham gia.

### *Bến Ninh Kiều*

Bến Ninh Kiều nằm ở hữu ngạn sông Hậu, đường Hai Bà Trưng, phường Tân An, Quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ. Tên "Ninh Kiều" là kỷ niệm một chiến thắng của nghĩa quân Lam Sơn do Lê Lợi chỉ huy. Trên bến sông suốt ngày tấp nập tàu, thuyền xuôi ngược chở đầy những sản vật vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Bên bến Ninh Kiều là cảng Cần Thơ tàu thuyền tấp nập ra, vào. Gần bến Ninh Kiều có chợ Cần Thơ - một trung tâm buôn bán lớn ở miền Tây Nam Bộ. Nơi đây, hấp dẫn khách du lịch là nhà hàng nổi trên sông, bạn có thể vừa thưởng thức các món ăn đặc sản, vừa ngắm cảnh sông nước.

### *Nhà cổ Bình Thủy*

Ngôi nhà cổ năm gian hai mái, kiến trúc kiểu Pháp được gia đình họ Dương xây vào năm 1870, Nhà cổ Bình Thủy nằm trên đường Bùi Hữu Nghĩa phường Bình Thủy, quận Bình Thủy, Tp. Cần Thơ. Kiến trúc nhà kiểu Pháp với nền nhà cao hơn mặt sân 1m; có bốn bậc thang hình cánh cung tảo nhã, nối kết nhà với khoảng sân rộng, trần cao, trang trí hoa văn, mở nhiều cửa lớn nhỏ với khung sắt khá đơn giản giúp nhà thông thoáng, mặt tiền trang trí phù điêu đắp nổi... Toàn bộ gạch bông hoa hồng đỏ - đen lát nền nhà với hàng rào sắt đúc bảo vệ khuôn viên đều được đặt và trở từ Pháp sang. Đây là mẫu nhà cổ hiếm hoi còn sót lại khá nguyên vẹn giúp các nhà nghiên cứu tìm hiểu đời sống sinh hoạt, văn hoá cũng như tiến trình phát triển dưới tác động khác nhau lúc giao thời giữa hai thế kỷ của cư dân ĐBSCL. Đề hội nhập với thiên nhiên, nhà luôn gắn với vườn (vườn chiếm hơn 6.000/8.000m<sup>2</sup> toàn khuôn viên), rộng bề ngang nhưng không sâu. Hầu hết tiền sảnh để tiếp khách mà không chia thành các phòng nhỏ, có hai cửa hậu thông ra phía sau, sân rộng lát gạch Tàu có đủ hòn non bộ, chậu kiểng, cổng tam quan, khu nuôi thú...

Ngày xưa, người ta xử lý chống mối và giữ độ lạnh trong nhà rất độc đáo, bằng cách rải đều dưới nền hơn 10cm muối hột, không dùng xi măng để xây mà dùng keo o dước, toàn bộ hệ thống vì kèo bao lơn cùng 16 cây cột lớn đường kính 180cm - cao từ 4m đến 6m được nối kết không phải bằng đinh mà bằng mộng - ngoàm; luật đối xứng có âm có dương, có tả có hữu, có trước có sau được gia chủ đặc biệt chú ý. Giữa tiền sảnh, nơi trang trọng nhất dùng để bàn thờ, khán thờ tổ tiên ông bà cùng cặp liễn nên nhũ chữ nổi, sau đó là giường thờ, tủ chè, sập gụ, trường kỷ, cặp thành vọng cao hơn 3m... Tất cả đều do bàn tay



của các nghệ nhân Bắc - Trung - Nam tạo ra với kích thước lớn bằng gỗ quý được phủ sơn son thiếp vàng hoặc cần xà cừ, chạm khắc rất tinh tế theo chủ đề sinh hoạt sông nước miền Tây Nam Bộ hoặc: Tam Đa - Tứ Quý, Mai - Lan - Cúc - Trúc, Phúc - Lộc - Thọ, Long - Lân - Quy - Phượng... Đặc biệt, ngôi nhà cổ còn chứa trong nó một "kho đồ cổ" quý giá được gìn giữ từ bao đời nay như hai bộ bàn ghế xuất xứ từ Vân Nam - Trung Quốc, mặt bàn bằng đá cẩm thạch, vân xanh, đường kính 1,5m, dày hơn 6cm, bộ xa lông kiểu Pháp đời Louis 15 mặt bàn bằng đá cẩm thạch sắc xanh, chùm đèn bạch đăng TK18, cặp đèn treo TK19... Thú chơi đồ cổ của gia đình họ Dương đất Bình Thủy đã lấy lòng "lục tinh". Vào thập niên 70, chỉ cần bỏ ra 2-3 cây vàng mua được căn nhà lâu giữa phố chợ thì có người trả cho bình thượng ngọc men xanh cao 1,2m những 25 cây vàng, sau khi đã trừ hàng chục cây vì ai đó đã giắt vàng quanh miệng bình làm ảnh hưởng đến lớp men. Ly kỳ hơn là chuyện mua ngà voi trên Sài Gòn những năm 40 rồi vua muối đất Bạc Liêu Trần Trinh Trạch đòi nhượng lại với giá "bao nhiêu cũng được" nhưng họ Dương không chịu bán mà rước về Bình Thủy... Về đẹp cổ kính của ngôi nhà đã khiến ông đạo diễn khó tính này thật sự sùng sốt và khẳng định chính ngoại cảnh nội thất của ngôi nhà sẽ nâng thêm giá trị cho bộ phim. Sau này, đạo diễn JJ. Annaud tâm sự: những ngày ở tại nhà cổ Bình Thủy là ngày rất đẹp trong cuộc đời làm phim của ông.

### *Chợ nổi Cái Răng*

Chợ nổi Cái Răng chuyên mua bán nông sản, các loại trái cây của vùng, Chợ nổi Cái Răng thuộc quận Cái Răng, Tp. Cần Thơ, cách bến Ninh Kiều 30' bằng canô. Cái Răng là một trong những chợ trên sông nổi tiếng ở miền Tây Nam Bộ. Chợ chuyên mua bán các loại trái cây, nông sản của vùng. Sáng sáng, hàng trăm chiếc thuyền lớn bé đậu san sát. Bán sản vật gì người ta treo sản vật đó (treo bèo) lên cây sào (cây bèo) trên mũi thuyền. Vậy là không cần phải rao hàng như các chợ trên đất liền (thực tế cũng không thể rao khi tiếng sóng, tiếng máy nổ liên tục, và khó có thể áp mạn với xuồng khác để xem bán hàng gì).

Do nhu cầu của người đi chợ nên không chỉ có các xuồng trái cây, nông sản phẩm mà còn có nhiều loại dịch vụ khác: phở, hủ tiếu, cà phê, quán nhậu nổi... Các xuồng dịch vụ (thường là thuyền nhỏ) len lỏi rất tiện nghệ áp mạn phục vụ khách đi chợ tận tình và chu đáo, ngay cả khi sóng rập rình. Sự độc đáo của chợ nổi đã để lại nhiều ấn tượng cho du khách nước ngoài, họ quay phim chụp ảnh liên tục, đôi khi thích thú reo lên "ô", "a" một cách tự nhiên, thú vị.

Chợ Cái Răng thường họp khá sớm, thường từ lúc mờ sáng và đến khoảng 8, 9 giờ thì vãn. Những ghe bầu lớn thường chuyên thu mua trái cây để chở đi các nơi, kể cả sang Cam-pu-chia và Trung Quốc. Lại cũng có những ghe bầu chở các mặt hàng khác cung cấp cho bà con miệt vườn: xăng dầu, muối mắm, thuốc tây, bánh kẹo, nhu yếu phẩm...

Trên miền sông nước của 12 tỉnh miền Tây Nam Bộ, cái xuồng là phương tiện đi lại chủ yếu của mỗi gia đình, giống như chiếc xe đạp, xe máy của người dân ở các thành phố. Phần lớn các xuồng đều gắn máy "đuôi tôm", thỉnh thoảng mới gặp những xuồng trèo tay và thậm chí cả những xuồng trèo bằng... chân một cách điệu nghệ.

### *Vườn cò Bằng Lăng*

Vườn cò Bằng Lăng - một trong những sân chim lớn nhất nơi miệt vườn chín dòng sông, thuộc phường Thới Thuận, quận Thốt Nốt, Tp. Cần Thơ. Trên đường từ Cần Thơ về thành phố Long Xuyên (An Giang), qua khỏi phường Thốt Nốt chừng 5km là đến vườn cò Bằng Lăng. Đi dọc theo bờ sông nhỏ, dưới những hàng cây rợp bóng trước một vùng nước trắng mênh mông như biển, đó là ruộng lúa đã gặt xong vào mùa nước nổi. Du khách đến

thăm vườn cò sẽ được thấy hàng trăm, hàng ngàn, hàng vạn con cò (cò trắng, cò xám, cò đen, cồng cộc) chao cánh và sà xuống những cành trúc la đà, đong đưa theo gió, rồi rít gọi đàn. Trong vườn còn có một cái tum dựng chĩa ra bờ ruộng, làm bằng tre, cao chừng 3m, thoát trông như một khán đài mà từ đó du khách có thể dõi nhìn khắp vườn cò, tìm hiểu cảnh sinh hoạt của đàn cò đông đúc giữa vùng đồng quê thanh bình của đồng bằng sông Cửu Long.

### **2.2.9. Một số tuyến nội tỉnh Hậu Giang**

Tỉnh Hậu Giang có diện tích là 1.601,1 km<sup>2</sup>, dân số là 758,6 nghìn người (2010). Trung tâm hành chính của tỉnh là Thành phố Vị Thanh, 1 thị xã Ngã Bảy và các huyện là Phụng Hiệp, Vị Thủy, Long Mỹ, Châu Thành A, Châu Thành. Hậu Giang có một nền văn hóa đa dạng và lâu đời của nhiều dân tộc chung sống, trong đó đông nhất là người Việt (Kinh), Khmer, Hoa, Chăm...

*Điều kiện tự nhiên:* do tỉnh Hậu Giang được tách ra từ tỉnh Cần Thơ cũ. Phía bắc tỉnh Hậu Giang giáp Tp. Cần Thơ, tỉnh Vĩnh Long phía đông giáp tỉnh Sóc Trăng, phía nam giáp tỉnh Bạc Liêu và phía tây giáp tỉnh Kiên Giang. Tỉnh Hậu Giang nằm ở trung tâm đồng bằng sông Cửu Long, giữa một mạng lưới sông ngòi, kênh rạch chằng chịt như: sông Hậu, sông Cái Tur, kênh Quản Lộ, kênh Phụng Hiệp, kênh Xà No, kênh Xáng Nàng Mau. Khí hậu điều hoà, ít bão, quanh năm nóng ẩm, không có mùa lạnh. Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 11, mùa khô từ tháng 12 tới tháng 4 năm sau. Tỉnh Hậu Giang có hệ thống giao thông đường thủy, đường bộ (quốc lộ 1A, quốc lộ 61) thuận tiện nối liền các mạch giao thông với các tỉnh ĐBSCL nên có khả năng giao lưu và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội các tỉnh vùng Nam Sông Hậu và cả vùng ĐBSCL. Đặc biệt tuyến đường bộ nối Tp. Vị Thanh, thị trấn Một Ngàn và Tp. Cần Thơ, là cầu nối quan trọng giữa Tp. Cần Thơ với tỉnh Kiên Giang và Bạc Liêu.

*Tiềm năng phát triển kinh tế và du lịch:* Thành phố Vị Thanh cách Tp. Cần Thơ khoảng 60km. Từ xa xưa vùng đất này đã là một trong những trung tâm lúa gạo của miền Tây Nam Bộ, hiện nay vẫn là một trong số địa phương sản xuất và xuất khẩu gạo lớn nhất trong cả nước. Đất đai phì nhiêu, có thể mạnh về cây lúa và cây ăn quả các loại, Hậu Giang còn có nguồn thủy sản khá phong phú, chủ yếu tôm cá nước ngọt và chăn nuôi gia súc. Nhiều ngành công nghiệp mạnh trên địa bàn như chế biến nông, thủy sản; cơ khí; hàng tiêu dùng. Hậu Giang nổi tiếng với chợ nổi Phụng Hiệp, di tích Long Mỹ, vườn cò độc đáo tại xã Xà Phiên, khu di tích Tỉnh ủy.

### **Các điểm tham quan du lịch tỉnh Hậu Giang**

#### *Di tích Long Mỹ*

Long Mỹ là vùng căn cứ cách mạng của tỉnh Hậu Giang và khu Tây Nam Bộ trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, thuộc huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang nằm cách thị xã Vị Thanh khoảng 28km, cách thành phố Cần Thơ khoảng 60km. Long Mỹ là vùng đất ở giữa vùng đất U Minh và vùng sông nước Hậu Giang. Là vùng rừng tràm, bản cách đây khoảng 200 năm. Đến năm 1920, Long Mỹ mới bắt đầu được khai phá để ngày nay trở thành vùng quê trù phú, đồng lúa bạt ngàn, cây trái trĩu quả. Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, Long Mỹ là vùng "chiến địa" giành nhau từng tấc đất giữa ta và địch. Đến với Long Mỹ, du khách ghé thăm khu đền thờ Bác Hồ ở xã Lương Tâm do Đảng bộ và quân dân Long Mỹ lập nên từ năm 1969 khi Bác mất. Đền được trùng tu khang trang trên một khu đất rộng 1ha. Hàng năm vào các ngày 19/5 hay 2/9 đông đảo du khách trong và

ngoài tỉnh đến đây tham quan, tưởng niệm. Long Mỹ còn có khu "di tích chiến thắng 75 tiểu đoàn nguy" tại xã Vĩnh Viễn được xây dựng trên diện tích rộng gần 2ha, bao gồm nhiều công trình phục vụ du khách tham quan tìm về quá khứ oanh liệt của cha ông ngày trước. Nơi đây còn có các khu vui chơi, giải trí.

Đến với Long Mỹ, du khách ghé thăm khu đền thờ Bác Hồ ở xã Lương Tâm do Đảng bộ và quân dân Long Mỹ lập nên từ năm 1969 khi Bác mất. Đền được trùng tu khang trang trên một khu đất rộng 1ha. Hàng năm vào các ngày 19/5 hay 2/9 đông đảo du khách trong và ngoài tỉnh đến đây tham quan, tưởng niệm. Long Mỹ còn có khu "di tích chiến thắng 75 tiểu đoàn nguy" tại xã Vĩnh Viễn được xây dựng trên diện tích rộng gần 2ha, bao gồm nhiều công trình phục vụ du khách tham quan tìm về quá khứ oanh liệt của cha ông ngày trước. Nơi đây còn có các khu vui chơi, giải trí. Đến Long Mỹ, du khách sẽ có dịp vào thăm vườn cò độc đáo được hình thành từ năm 1986 tại xã Xà Phiên, với hàng chục ngàn con cò các loại cùng 30 loài chim đặc trưng của sông nước miền Nam. Giữa khung cảnh trời mây, sông nước, sinh vật thiên nhiên cây cỏ hiền hoà, du khách vừa thưởng thức trái cây được hái tại vườn vừa lắng nghe chim muông ca hát. Long Mỹ sẽ là một tour du lịch sinh thái và văn hoá hấp dẫn.

#### *Khu di tích căn cứ Tỉnh ủy*

Toàn bộ khu di tích được xây dựng trên khoảng đất vườn rộng 6ha, được bao bọc bởi bốn chiến hào: kênh Xáng, Lái Hiếu (phía đông nam), kênh Cả Cường (phía đông bắc), kênh cũ (phía tây bắc) và kênh Bà Bái (phía tây nam). Khu căn cứ Tỉnh ủy còn gọi là căn cứ Bà Bái, nằm ở địa phận ấp Phương Quới, xã Phương Bình, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang. Trong chiến dịch tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân năm 1975 của toàn miền Nam, các đồng chí trong Ban Chấp hành tỉnh Đảng bộ cũng từ đây đi theo các mũi tiến công về Cần Thơ, Vị Thanh và các trọng điểm khác của "Vùng IV chiến thuật", đánh chiếm sân bay Trà Nóc, dinh tỉnh trưởng Cần Thơ. Vào hồi 11h30 ngày 30/4/1975, tiếng nói đầu tiên của UBND cách mạng được phát lên sóng của đài phát thanh Cần Thơ. Khu di tích bao gồm: hội trường, nơi diễn ra các cuộc hội nghị quan trọng của tỉnh ủy Cần Thơ, rộng 151m<sup>2</sup>, được làm từ các vật liệu chính là: tràm, đước, sắn và mù u... Bên trong hội trường là văn phòng làm việc của ban thường vụ và đồng chí Bí thư. Từ năm 1980, nhà này được sử dụng để trưng bày các hiện vật về di tích. Ngoài ra còn hàng chục các lán trại của các cơ quan trực thuộc, nhưng hiện nay không giữ được do vật liệu xây dựng mang tính dã chiến, nhanh bị phá hỏng. Năm 1986, tỉnh Cần Thơ (cũ) đã trùng tu khu di tích. Toàn bộ cột của hội trường và hai hầm tránh pháo được đúc bằng bê tông cốt sắt, nhưng hình dáng, màu sắc và qui cách giống hệt như xưa.

#### *Chợ nổi Phụng Hiệp*

Chợ nổi Phụng Hiệp thuộc thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang, chợ họp ở ngã bảy Phụng Hiệp. Chợ họp trên mặt sông nơi giao thoa của 7 rẽ ngã của 7 nhánh sông. Từ các ngã, thuyền bè tấp nập tụ về đây. Chợ ở trên mặt đất có những thứ gì, thì chợ nổi ngã 7 cũng đủ những mặt hàng mà người dân cần, từ cái kim sợi chỉ cho đến quần áo, thức ăn, rượu thịt... còn các loại trái cây thì nhiều vô kể. Từ chợ nổi, du khách sẽ được cập bến để lên chợ rần. Cái tên chợ rần Phụng Hiệp cũng đã rất quen thuộc với du khách quốc tế. Đến tham quan chợ rần, du khách sẽ được mời uống rượu rần và được xem những màn biểu diễn múa rần rất mạo hiểm. Chợ Phụng Hiệp quanh năm có rần, rùa, chim, sóc, kỳ đà ... phục vụ du khách.

## 2.2.10. Một số tuyến nội tỉnh Sóc Trăng

Tỉnh Sóc Trăng có diện tích là 3.311,8 km<sup>2</sup>, dân số là 1.300,8 nghìn người (2010). Trung tâm hành chính của tỉnh là Thành phố Sóc Trăng, 1 thị xã Vĩnh Châu và các huyện là Kế Sách, Mỹ Tú, Mỹ Xuyên, Thạnh Trị, Long Phú, Cù Lao Dung, Châu Thành, Ngã Năm. Ở Sóc Trăng người Việt (Kinh) chiếm 65% dân số của tỉnh, người Khmer chiếm 28%, khoảng 7% người Hoa nên tập quán sinh hoạt, văn hoá ở đây mang đậm màu sắc của ba dân tộc. Toàn tỉnh có 89 chùa Khmer, 47 chùa Hoa trong đó có những chùa nổi tiếng như chùa Mã Tộc (chùa Dơi), chùa Khleang, chùa Chruitim Chas, nhà Bảo tàng Khmer Sóc Trăng, chùa Đất Sét, chùa Chén Kiêu (Sà Lôn)...

*Điều kiện tự nhiên:* Sóc Trăng nằm ở cuối lưu vực sông Mê Kông, giáp các tỉnh Trà Vinh, Vĩnh Long, Hậu Giang, Bạc Liêu và biển Đông. Sóc Trăng có 72km bờ biển, 30.000ha bãi bồi. Khí hậu mang tính chất khí hậu đại dương hai mùa: mùa mưa từ giữa tháng 5 đến tháng 11 và mùa khô từ tháng 12 đến tháng 5 năm sau. Nhiệt độ trung bình cả năm 26°C - 28°C. Cách Tp. Hồ Chí Minh 231km, cách Tp. Cần Thơ 60km. Bến xe khách ở phía bắc thành phố trên đường Nguyễn Chí Thanh.

*Tiềm năng phát triển kinh tế và du lịch:* Sóc Trăng là tỉnh nông nghiệp chủ yếu trồng lúa (chiếm hơn 90% diện tích đất canh tác). Du khách đến đây sẽ thấy một vùng đất xanh tươi với những cánh đồng lúa mênh mông, những đầm nuôi tôm, những vườn cây trái xum xuê trĩu quả như vườn nhãn ven biển Vĩnh Châu, vườn chôm chôm, sầu riêng, cam, quýt... trên cù lao Dung, cồn Mỹ Phước.

### Các điểm tham quan du lịch tỉnh Sóc Trăng

#### *Chùa Đất Sét*

Đây là ngôi chùa duy nhất tại Sóc Trăng được xây dựng theo kiến trúc của người Việt, tọa lạc tại số 163A, đường Lương Đình Của, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Chùa Đất Sét có tên chữ là Bửu Sơn tự, được ông Ngô Kim Tây xây dựng vào năm 1906. Năm 1928, ông Ngô Kim Tông (1909 - 1970) (trụ trì đời thứ 4) được Phật báo mộng, đã dùng đất sét để đắp tượng thờ. Đầu tiên, ông lấy đất sét, phơi thật khô; bỏ vào cối giã nhuyễn; sàng lọc bỏ rễ cây, rễ cỏ; rồi trộn với bột hương và keo ô dước tạo thành một hỗn hợp dẻo để nặn tượng Phật. Suốt 42 năm miệt mài nặn tượng, ông đã tạo nên những công trình điêu khắc – tôn giáo bằng đất sét vô cùng quý hiếm.

Chùa Đất Sét không lớn lắm, mái chùa được chống đỡ bởi 24 cây cột, mỗi cây cột đều được trang trí hình rồng uốn lượn bằng đất sét từ nền điện lên đến mái vòm. Qua cổng chùa là đến chánh điện có mặt chính quay về hướng đông. Bên trong chánh điện có nhà tam giáo cộng đồng, một công trình kiến trúc độc đáo được xây đắp năm 1942. Nhà tam giáo có đặt tượng Adidã, Quan Thế Âm, Bồ tát Thích Ca, Ca diếp, Khổng Tử, Lão Tử... Sau chánh điện là các gian thờ Phật mẫu Diêu Trì, Ngọc Hoàng thượng đế... Trong khuôn viên chùa có các miếu nhỏ thờ ông hổ và ông tà, bàn thờ thiên phụ, địa mẫu. Hiện nay, tại chùa còn lưu giữ 1.991 tượng đất sét lớn nhỏ và các công trình nổi bật như: 3 chóp đỉnh lớn, mỗi chóp cao 1,5m; 7 lư hương nhỏ; toà sen 1000 cánh, mỗi cánh có một tượng Phật mang sắc thái biểu cảm riêng; 5 thú: Kim Lân, Thanh Sư, Bạch Hổ, Long Mã, Bạch Tượng; đặc biệt là 2 ngôi tháp: Đa Bảo và Bảo Tòa. Tháp Đa Bảo cao khoảng 4,5m bao gồm 156 con rồng nâng đỡ cho 13 tầng tháp và 208 cửa, mỗi cửa có 1 tượng Phật. Kế đó là tháp Bảo Tòa cao khoảng 2m, phía trên tháp có hình bát giác tượng trưng cho bát quái: càn - khảm - cấn - chấn - tốn - ly - khôn - đoài, dưới chân tháp có long - lân - quy - phụng và 12 con cá hoá

long châu quanh. Ngoài ra, trong chùa còn có 3 cây nhang lớn, mỗi cây cao 1,5m, nặng khoảng 50kg; một chùm đèn Lục Long Đăng có 3 chóp đỉnh với 6 con rồng lớn uốn cong, đuôi chụm vào nhau, đầu trở ra các phía; 8 cây nến lớn, trong đó 6 cây nến còn nguyên vẹn, mỗi cây nặng khoảng 200kg, cao 2,6m, ước tính có thể cháy liên tục trong vòng 70 năm. Hai cây nến còn lại, mỗi cây nặng khoảng 100kg, được thắp sáng từ ngày ông Ngô Kim Tông viên tịch (rằm tháng 7 năm 1970). Tháng 3/2011, chùa Đất Sét đã được UBND tỉnh Sóc Trăng công nhận là Di tích lịch sử - văn hóa (thuộc lĩnh vực kiến trúc – nghệ thuật) cấp tỉnh.

#### *Chùa Dơi*

Đây là ngôi chùa duy nhất thờ Phật Thích Ca của cộng đồng dân tộc Khmer Nam Bộ tại tỉnh Sóc Trăng., tọa lạc tại số Số 73B đường Lê Hồng Phong, phường 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, cách trung tâm thành phố khoảng 2km về hướng đông nam. Trong khuôn viên chùa Mã Tộc có hàng vạn con dơi sinh sống, vì thế chùa còn có tên là chùa Dơi. Dơi trong chùa thuộc loại dơi quạ, có trọng lượng từ 1 - 1,5kg với sải cánh rộng đến 1,5m. Ban ngày, dơi treo mình ngủ trên các cành cây trong phạm vi vườn chùa. Tuy là loài động vật ăn hoa quả nhưng đàn dơi này không bao giờ ăn quả chín trong vườn chùa. Khoảng 6h chiều, đàn dơi bay đi kiếm ăn và quay về chùa vào đúng 5h sáng hôm sau.

Chùa được xây dựng vào khoảng thế kỷ thứ 16 theo kiến trúc Khmer và đã được trùng tu nhiều lần. Ban đầu, chính điện của chùa dựng bằng tre lá, sau đó được xây lại bằng gạch, mái lợp ngói, bốn đầu mái cong vút chạm trổ hình rắn Naga, trên đỉnh mái có một ngọn tháp nhọn. Bao quanh chính điện là các hàng cột đỡ, mỗi cột có một tượng tiên nữ Kemnar chấp hai tay trước ngực. Trong chính điện có pho tượng Phật Thích Ca bằng đá nguyên khối đặt trên một tòa sen cao khoảng 2m và một pho tượng miêu tả Đức Phật cười trên rắn thần Muchalinda. Khắp trên các bức tường của chùa là những bức tranh miêu tả cuộc đời Đức Phật, từ lúc ra đời cho tới khi được khai minh rồi nhập Niết bàn. Ngoài chính điện, trong khuôn viên chùa còn có nhiều bảo tháp chứa di hài các sư trụ trì chùa và nhà hội Sa La với kiến trúc kiểu nhà rông, là nơi nghỉ ngơi, tu học của các sư sãi... Chùa Dơi còn là nơi lưu giữ nguyên vẹn các bộ kinh ghi trên lá cây thốt nốt, những hiện vật quý hiếm mang nhiều giá trị đặc sắc về văn hóa tín ngưỡng của vùng đất Nam Bộ. Phía sau chùa, có những ngôi mộ kỳ lạ, trên mỗi mộ có vẽ hình 1 con heo. Ngôi mộ đầu tiên được dựng lên cho con heo 5 móng (heo thường chỉ có 3 móng) chết vào năm 1996. Những con heo 5 móng được các nhà sư nuôi trong chùa như những vật nuôi trong nhà và khi chết, chúng sẽ được chôn tại đây. Hiện chùa vẫn còn nuôi 4-5 con heo 5 móng. Năm 1999, chùa Dơi đã được Bộ Văn hóa – Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) công nhận là Di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia.

#### *Chùa Kh'leang*

Chùa Kh'leang là ngôi chùa cổ nhất ở Sóc Trăng, có tuổi thọ gần 500 năm, được xây dựng vào khoảng năm 1533, gắn liền với những truyền thuyết về địa danh Sóc Trăng. Chùa tọa lạc ở số 71 đường Mậu Thân, khóm 5, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Ban đầu, chùa được xây cất bằng gỗ và lợp lá, rồi dần mới xây bằng gạch và lợp ngói, với trang trí, đường nét kiến trúc đẹp. Chùa Kh'leang được xây trên nền đất cao rộng, không gian thông thoáng, xung quanh có nhiều cây xanh đặc biệt là cây thốt nốt, loại cây đặc trưng của người Khmer, dưới mỗi gốc cây đặt những băng ghế đá dùng để nghỉ chân tạo cho du khách một cảm giác hết sức thoải mái, mát mẻ. Chùa được bao quanh bằng ba vòng rào với khoảng cách rộng. Trước chùa có hai tháp hình bầu dục ở hai bên tả hữu, dùng để hài cốt

các vị trụ trì. Cổng chùa được trang trí hoa văn cầu kỳ với màu sắc rực rỡ mang đậm phong cách văn hoá Chăm.

Bên trong chính điện có 16 cột bằng gỗ to, đen mượt được thiếp vàng thể hiện các hình ảnh nói về cuộc đời đức Phật, về sinh hoạt Phật pháp. Trên trần và tường được vẽ nhiều hình ảnh, hoa văn, thể hiện sự hoà hợp giữa Phật pháp và hội họa. Nơi chính điện là bức tượng Phật to ngồi trên toà sen lộng lẫy tạo nên sự uy nghiêm thanh thoát. Trong chùa còn trưng bày các vật dụng của người Khmer xưa như một cách bảo tồn và phát huy nét sinh hoạt căn hoá cổ xưa của dân tộc mình. Bộ mái chùa cũng được xây dựng theo kiểu tam cấp và mỗi cấp được chia thành 3 nếp. Nếp giữa lớn hơn nếp phụ ở hai bên và không có tháp nóc chùa. Mái chùa cũng được trang trí bằng các phù điêu hình chim thú cũng như là những hình ảnh tượng trưng cho triết lý nhà Phật. Có thể nói toàn bộ mái chùa là một công trình kiến trúc độc đáo thể hiện quan niệm, triết lý về mối giao hoà giữa Phật - Con người - Trời của người Khmer. Mỗi ngày, chùa Khleang đón rất nhiều đoàn khách đến thăm quan, đặc biệt là du khách nước ngoài.

### *Chợ nổi Ngã Năm*

Chợ nổi Ngã Năm là giao điểm của năm con sông đi năm ngả: Cà Mau lên, Vĩnh Quới vào, Long Mỹ, Thanh Trị qua, Phụng Hiệp xuống. Chợ nổi Ngã Năm nằm tại thị trấn Ngã Năm, huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng. Đây là một trong những chợ nổi có từ lâu và nhộn nhịp nhất ở vùng đồng bằng sông Cửu Long. Ghe tàu từ các nơi đến đây để mua bán, trao đổi đủ loại hàng hoá. Vào những ngày giáp tết Nguyên Đán, cảnh chợ càng nhộn nhịp, náo nhiệt hơn. Tờ mờ sáng sớm, chợ nổi Ngã Năm đã hoạt động, khu vực trung tâm của chợ nổi Ngã Năm, có đến hàng trăm ghe, tàu đủ loại đậu san sát nhau. Đứng trên bờ nhìn xuống, chợ nổi lung linh với đủ loại màu sắc của ánh đèn. Hàng hoá ở chợ nổi Ngã Năm hầu như không thiếu món gì. Nếu như khu vực dưới sông chủ lực là thực phẩm tươi sống, lúa gạo, trái cây... thì khu vực trên bờ các cửa hàng cũng đầy ắp tivi, đầu video, tủ lạnh, máy giặt...Đến nay chợ nổi Ngã Năm vẫn giữ được nét sinh hoạt đặc trưng văn hoá của chợ nổi khu vực đồng bằng Nam Bộ. Chợ nổi Ngã Năm là một địa chỉ du lịch hấp dẫn du khách trong và ngoài nước.

### *Lễ Ooc-Om-Bok và hội đua ghe ngo*

Nghi lễ được tổ chức vào tối 14 và ngày 15 tháng 10 (âm lịch) tại sân nhà; sân chùa. Thời điểm tổ chức lễ hội Ooc-Om-Bok là lúc thời tiết bắt đầu sang mùa khô, lúa ngoài đồng chín. Lễ hội có ý nghĩa tạ ơn Thần Mặt Trăng và cầu mong điều lành, may mắn; cầu mưa thuận gió hoà, mùa màng tươi tốt, nhà nhà ấm no hạnh phúc.

Lễ cúng trăng vào tối ngày 14 tháng 10 (âm lịch), thời gian hành lễ trước khi mặt trăng lên đến đỉnh đầu. Vị trí hành lễ đặt tại sân của từng nhà, sân chùa hay nơi rộng rãi không bị che khuất ánh trăng. Tại đây người ta chôn hai cây tre (hoặc tầm vông) làm trụ. Phía trên buộc một cây xà ngang dài chừng 3m, trang trí hoa lá (giống như một cổng chào). Phía dưới kê bàn đặt lễ vật. Lễ vật gồm có cơm nếp; các loại sản vật nông nghiệp có tinh bột (khoai lang, khoai môn, sắn); hoa trái (dừa, chuối, bưởi, cam...), bánh kẹo. Với lòng thành kính, mọi người ngồi chấp tay trước ban thờ, mặt hướng lên mặt trăng, một cụ già làm chủ lễ đọc lời khấn Thần Mặt Trăng, sự biết ơn của con người đối với thần, xin thần tiếp nhận lễ vật và ban phước lành cho họ. Sau khi cháy hết tuần hương, người già gọi trẻ con đến ngồi xếp bằng trước ban thờ. Cũng động tác chấp tay thành kính trước ban thờ Mặt Trăng, sau đó một cụ già dùng tay nhúm một ít cơm và lễ vật khác, đút vào mồm từng đứa trẻ, tay kia vỗ lưng và hỏi ước muốn của chúng năm nay là gì? Năm nào câu trả lời của các em suôn sẻ, lễ

độ, rành rọt thì người lớn tin rằng năm đó mọi điều tốt lành sẽ đến với họ. Cuối cùng mọi người hạ cổ cùng nhau hưởng lễ vật; trẻ nhỏ nô đùa, múa hát dưới trăng. Nếu có khách đến vào ngày này thì họ sẽ có quà bằng cơm dẹp. Tại các ngôi chùa Khmer đêm 14 tháng 10 còn có tục thả đèn nước trên sông và thả đèn gió bay lên trời. Theo quan niệm của người Khmer, tục thả đèn nước sẽ xua tan bóng tối, sự ô ứ và buồn bã, giữ lại sự bình yên trong phum, sóc. Nhiều hoạt động sân khấu truyền thống Khmer như đoàn Dù kê, Rô băm biểu diễn phục vụ khách hành hương chảy hội vào tối 14 này.

Theo phong tục cổ truyền của người Khmer, ngày hôm sau lễ cúng trăng (15/10) là tục đua ghe ngo. Trước khi đi dự thi, cộng đồng thường làm lễ tạ thần và tổ chức chiêu đãi những người tham gia cuộc thi. Đội đua gồm những trai tráng khoẻ mạnh, có kinh nghiệm, được lựa chọn rất kỹ từ trước. Mỗi đội có trang phục đẹp, mũ cùng màu. Tham gia cuộc đua có hàng chục chiếc ghe đại diện cho các chùa hay cộng đồng ở nhiều địa phương. Ban tổ chức chia các đội ghe tham dự thành hai nhóm A và B. Thông thường nhóm A là các ghe đã được xếp hạng trong mùa giải trước. Nhóm B là tất cả các ghe ngo còn lại.

Nhạc ngũ âm, tiếng trống, tiếng cồng và tiếng hò - hụi của các đội đua đang khởi động làm sôi động cả khúc sông. Trong đua ghe ngo, việc cầm lái, giữ lái để chiếc ghe đi đúng hướng, nhịp bơi của những mái chèo phải thật nhịp nhàng là những yếu tố quyết định đến tốc độ của chiếc ghe. Hội đua ghe ngo được tổ chức hàng năm ở thành phố Sóc Trăng, những năm gần đây có nhiều địa phương đến tham gia như Cần Thơ, Bạc Liêu, Cà Mau, Kiên Giang, thậm trí còn có đội ghe ngo đến từ nước bạn Căm Pu Chia. Điều này chứng tỏ lễ hội gắn liền với môn thể thao truyền thống này đang phát triển mạnh mẽ, trở thành sự kiện văn hoá truyền thống lớn ở Việt Nam.

### **2.2.11. Một số tuyến nội tỉnh Kiên Giang**

Tỉnh Kiên Giang có diện tích là 6.346,3 km<sup>2</sup>, dân số là 1.703,5 nghìn người (2010). Trung tâm hành chính của tỉnh là Thành phố Rạch Giá, 1 thị xã Hà Tiên và các huyện là Kiên Lương, Hòn Đất, Tân Hiệp, Châu Thành, Giồng Giềng, Gò Quao, An Biên, An Minh, Vĩnh Thuận, U Minh Thượng; 2 huyện đảo: Phú Quốc và Kiên Hải. Các dân tộc sống tại tỉnh Kiên Giang bao gồm có Việt (Kinh), Khmer, Hoa, Chăm...

*Điều kiện tự nhiên* : Kiên Giang là một dải đất nằm ở phía tây nam của Tổ quốc. Phía đông và đông nam của tỉnh Kiên Giang giáp với các tỉnh An Giang, Cần Thơ và Hậu Giang, phía nam giáp Cà Mau, phía bắc giáp Cam-pu-chia với đường biên giới dài 54km, ngoài ra còn có hơn 100 hòn đảo lớn nhỏ ngoài vịnh. Kiên Giang có khí hậu nhiệt đới gió mùa, nhiệt độ trung bình năm 27°C - 27,5°C; quanh năm không quá nóng và quá lạnh. Khí hậu 2 mùa rõ rệt, mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau, mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10. Đường bộ: Rạch Giá cách Cần Thơ 116km, Mỹ Tho 182km và cách Tp. Hồ Chí Minh 250km.

Đường không: Tỉnh hiện có ba sân bay Rạch Giá, Phú Quốc và Hà Tiên. Có 9 chuyến bay một tuần từ Tp. Hồ Chí Minh tới sân bay Rạch Giá, 34 chuyến bay một tuần tới sân bay Phú Quốc

*Tiềm năng phát triển kinh tế và du lịch* : Là một tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, Kiên Giang có những cánh đồng lúa phì nhiêu, có rừng vàng, biển bạc, có hải đảo và đồi núi với nguồn tài nguyên phong phú và đa dạng về nông sản, hải sản, khoáng sản và du lịch. Nằm ven vịnh Thái Lan, Kiên Giang lưu thông với quốc tế bằng đường biển rất thuận lợi. Nghề chính của tỉnh là nghề nông, nhưng nghề cá cũng rất phát triển. Biển Kiên Giang có

những bãi tôm và luồng cá rất lớn với nhiều loại cá ngon: thu, chim, nhám, bạc má, chép, he, cá thiều. Kiên Giang còn nổi tiếng về nghề làm nước mắm.

Kiên Giang có nhiều địa danh nổi tiếng đi vào lịch sử là rừng U Minh, Hòn Đất, Hà Tiên, Phú Quốc... Thiên nhiên đã ưu đãi cho Kiên Giang nhiều danh lam thắng cảnh như "Non nước Hà Tiên", "Biển trời Phú Quốc". Địa danh Hà Tiên (cách Rạch Giá 90km về hướng tây bắc) được đánh giá là nơi có nhiều cảnh đẹp (chỉ sau Hạ Long) với nhiều núi non hang động, chùa chiền, lăng mộ và nhiều hòn đảo gần xa.

### **Các điểm tham quan du lịch tỉnh Kiên Giang**

#### *Khu di tích lăng Mạc Cửu*

Khu di tích lăng Mạc Cửu thờ dòng họ Mạc mà khởi đầu là ông Mạc Cửu, người đã có công khai phá mảnh đất Hà Tiên. Khu di tích nằm trên đường Mạc Cửu dưới chân núi Bình San, thuộc phường Bình San, thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang, cách thành phố Rạch Giá khoảng 92km về phía tây bắc. Mạc Cửu là người Quảng Đông, Trung Quốc, vì không chịu được thuế và theo một số tập tục của nhà Thanh nên đã rời bỏ đất nước để ra đi buôn bán thương mại ở một số nước Đông Nam Á. Năm 1680, khi đến Hà Tiên, ông đã dừng lại ở đây để xây dựng và phát triển vùng đất này. Đến 8/1708, nhận thấy vị thế rất mạnh của nhà Nguyễn trong cuộc chiến mở mang bờ cõi phía Nam, Mạc Cửu đã dâng vùng đất Hà Tiên cho nhà Nguyễn và được Chúa Nguyễn là Phúc Chu chấp thuận và phong làm "Tổng trấn Hà Tiên". Mặc dù đã dâng Hà Tiên cho nhà Nguyễn, nhưng chúa Nguyễn Phúc Chu vẫn cho Mạc Cửu quyền tự chủ tại vùng đất này, duy trì truyền thống cha truyền con nối như một tiểu vương và 7 đời dòng họ Mạc đã đem hết công sức của mình để biến Hà Tiên thành một đầu mối giao thương của nước Đại Việt xưa với các nước trong vùng.

Khu di tích gồm phần đền thờ dòng họ Mạc và phần lăng mộ. Đền thờ nằm ở chân núi Bình San, được nhà Nguyễn cho xây dựng để tưởng nhớ công ơn khai phá mảnh đất Hà Tiên của dòng họ Mạc. Trước đền thờ là 2 ao lớn nở đầy hoa sen mà trước kia Mạc Cửu đã cho đào để lấy nước ngọt cho dân trong vùng dùng trong mùa khô hạn. Ở hai bên cổng đền thờ là 2 câu đối bằng chữ Hán Nôm do nhà Nguyễn ban tặng:

*Nhất môn trung nghĩa gia thịnh trọng*

*Thất diệp phiên hàn quốc sủng vinh*

*Tạm dịch: Một nhà trung nghĩa danh thơm cả họ*

*Bảy lá giậu che, cả nước mến yêu*

Bên trong cổng là một khoảng sân rộng cùng nhiều cây xanh quanh năm xào xạc tạo cho không gian đền thờ lúc nào cũng yên tĩnh và trầm mặc. Nằm bên phải đền thờ là nhà tiền hiền thờ những người trước ông Mạc Cửu đã đến Hà Tiên, bên trái là nhà hậu hiền thờ những người đến sau ông. Bên trong chính điện, bàn thờ ở giữa thờ ngài vị của ông Mạc Cửu và các hậu duệ của ông do những người dòng họ Mạc được coi như những tiểu vương tại Hà Tiên. Bên phải là bàn thờ các quan văn, quan võ dưới thời họ Mạc, bên trái là bàn thờ các phu nhân của dòng họ.

Đi theo một con đường bậc thang lên núi Bình San, du khách sẽ tới phần lăng mộ với hơn 60 ngôi mộ cổ được chia thành 4 khu riêng biệt: khu 1 là lăng mộ các tiểu vương dòng họ Mạc, khu 2 là lăng mộ các phu nhân, khu 3 là lăng mộ các quan và khu 4 là lăng mộ các thành viên khác của dòng họ Mạc. Lăng mộ ông Mạc Cửu nằm ở vị trí cao nhất trong khu 1, có hình bán nguyệt và được khoét sâu vào núi. Mộ được xây theo thuật phong thủy, lưng tựa vào núi, mặt quay ra biển và ở 2 bên mộ có 2 vị tướng bằng đá đứng canh giữ. Khi xây lăng



mộ cho cha, con trai trưởng của Mạc Cửu là Mạc Thiên Tích đã mang đá ở bên Malaixia về để lát.

Nằm trên đỉnh núi Bình San là đàn xã tắc, nơi hành lễ cúng tế trời đất của Hà Tiên xưa và nay. Nền đàn xã tắc có hình bát quái lớn màu đỏ, ở giữa màu đen, tâm vàng, trên đặt 1 lư hương lớn bằng đồng. Vào ngày 15/1 âm lịch hàng năm, các đàn cúng sẽ được lập nhưng mỗi năm lại khác nhau về giờ cúng. Núi Bình San đã được Bộ Văn hóa – Thông tin công nhận là thắng cảnh quốc gia vào 21/1/1989. Và để ghi nhận công lao của ông Mạc Cửu trong việc khai phá Hà Tiên cũng như kỷ niệm 300 năm vùng đất này được thành lập, UBND tỉnh Kiên Giang đã tổ chức lễ khánh thành tượng đài danh nhân Mạc Cửu cao 10m vào ngày 7/9/2008 tại quảng trường cạnh cầu Tô Châu - thị xã Hà Tiên.

### *Đảo Phú Quốc*

Đảo Phú Quốc là đảo lớn nhất Việt Nam, là hòn đảo lớn nhất trong số 22 hòn đảo của huyện đảo Phú Quốc, tài nguyên thiên nhiên phong phú, giàu tiềm năng du lịch. Đảo Phú Quốc nằm trong vịnh Thái Lan thuộc huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang. Thị trấn Dương Đông, thủ phủ của đảo cách thành phố Rạch Giá 120km và cách Hà Tiên 45km. Huyện đảo Phú Quốc bao gồm 22 hòn đảo lớn nhỏ, trong đó đảo Phú Quốc lớn nhất có diện tích 573km<sup>2</sup>, dài 50km, nơi rộng nhất (ở phía bắc đảo) 25km. Địa hình Phú Quốc rất độc đáo chạy dài từ Nam đến Bắc Đảo chập chùng 99 ngọn núi đồi lớn nhỏ. Dân cư sinh sống trên đảo lên đến trên 45.000 người. Ở đây ngoài đồi núi, còn có đồng bằng, rừng tự nhiên rộng 37.000ha với nhiều gỗ quý và chim muông. Phú Quốc được mệnh danh là hòn đảo ngọc bởi sự giàu có của thiên nhiên và tiềm năng du lịch phong phú, một vùng đất lạ với những cánh rừng nguyên sinh (có nhiều loại gỗ quý) tập trung ở khu vực phía đông bắc đảo.

Viên quanh đảo có nhiều bãi tắm đẹp như bãi Trường, bãi Kem, ghềnh Dầu, rạch Tràm, rạch Vẹm. Du khách có thể tắm biển, tắm suối, tắm sông rồi leo núi, vào hang, lên rừng nơi có thể quan sát cuộc sống của các loài động vật hoang dã. Đặc sản nổi tiếng của đảo là nước mắm Phú Quốc, hương vị ngọt thơm được chế biến từ loại cá cơm đặc biệt, có độ đậm cao (40°), hàng năm sản xuất được khoảng 6 triệu lít. Ngoài khơi biển Phú Quốc có rất nhiều các loại tôm, cua, cá,... Phú Quốc có tới 2.000 tàu đánh cá, sản lượng đánh bắt khoảng 35.000 tấn cá hàng năm.

Phú Quốc có các cảng An Thới, cảng Hòn Thơm, nơi cập bến của tàu bè trong nước và quốc tế để trao đổi hàng hoá. Đảo Phú Quốc là nơi có nhiều di tích lịch sử như khu căn cứ của người anh hùng Nguyễn Trung Trực, những kỷ vật của vua Gia Long trong những năm trôi dạt ra đảo (cuối thế kỷ 18), nhà tù Phú Quốc. Để đến Phú Quốc, du khách có thể đi bằng máy bay hoặc tàu biển. Nếu đi bằng máy bay, du khách có thể đi trên các chuyến bay thẳng khởi hành từ Tp. Hồ Chí Minh hết 60 phút hoặc từ Rạch Giá hết 40 phút. Nếu đi bằng tàu biển, từ thị xã Hà Tiên, du khách sẽ mất khoảng 8 giờ là ra đến Phú Quốc.

### *Bãi Dài*

Đảo Phú Quốc là hòn đảo lớn và đẹp nhất trong hệ thống các đảo lớn nhỏ thuộc huyện đảo Phú Quốc (Kiên Giang). Trên đảo có nhiều bãi tắm đẹp và hấp dẫn, trong đó có Bãi Dài. Bãi Dài có đường bờ biển dài khoảng 15km, bắt đầu từ Mũi Gành Dầu đến Rạch Cửa Cạn. Năm 2008, Bãi Dài đã được Hãng tin ABC News (Australia) giới thiệu là một trong những bãi biển đẹp, sạch nhất thế giới nhưng còn hoang sơ ít được biết đến. Bãi Dài chính là thiên đường với nắng vàng, nước mát và không gian du dương, tĩnh lặng đầy hoang sơ. Tất cả sẽ mang lại cho du khách cảm giác thật thư thái, tĩnh lặng; du khách sẽ quên đi bao mệt mỏi, lo toan của cuộc sống thường ngày. Du khách có thể đến Bãi Dài - Phú Quốc

bằng đường thủy hoặc bằng đường không. Nếu đi bằng đường thủy, du khách có thể theo tuyến Rạch Giá - An Thới hoặc Hà Tiên - Phú Quốc. Nếu đi bằng đường không, du khách có thể theo tuyến Rạch Giá - Phú Quốc hoặc Sài Gòn - Phú Quốc.

#### *Bãi Khem*

Nằm ở phía nam đảo Phú Quốc, cách Dương Đông 25km, cách cảng An Thới 5km, là bãi tắm đẹp, nổi tiếng cát trắng và mịn như bột. Ở bãi Khem, chen lẫn những bãi cát thỉnh thoảng nhô ra biển là những ghềnh đá nhấp nhô. Bãi Khem mang hình vòng cung với một viền cát trắng nổi bật giữa màu xanh cây rừng và biển khơi lồng lộng. Du khách tới đây có thể tắm biển, câu cá, bắt ốc và nổi lửa để thưởng thức các đặc sản này.

#### **2.2.12. Một số tuyến nội tỉnh Bạc Liêu**

Tỉnh Bạc Liêu có diện tích là 2.501,5 km<sup>2</sup>, dân số là 867,8 nghìn người (2010). Trung tâm hành chính của tỉnh là Thành phố Bạc Liêu, và các huyện là Hồng Dân, Vĩnh Lợi, Giá Rai, Phước Long, Đông Hải, Hòa Bình. Phần lớn dân cư Bạc Liêu là người Việt (Kinh), người Khmer chiếm 4,7% tập trung ở đông bắc Bạc Liêu và huyện Giá Rai; người Hoa chiếm 3,3%. Là vùng đất trù phú thịnh vượng, người dân Bạc Liêu hiền hoà, hiếu khách, có phong cách sống phóng khoáng đặc trưng của vùng Nam Bộ.

*Điều kiện tự nhiên:* Bạc Liêu là một tỉnh đồng bằng sông Cửu Long. Phía bắc giáp Sóc Trăng và Cần Thơ, Hậu Giang, phía đông nam giáp biển Đông, phía tây giáp Cà Mau và Kiên Giang. Là vùng đất trẻ được khai mở vào cuối thế kỷ 17 và được phù sa bồi đắp. Bạc Liêu có nhiều cánh đồng lúa bao la. Do hành trình của dòng hải lưu Bắc Nam, phù sa dồn lại tạo thành những giồng đất cát, nơi đây cây ăn trái mọc sum sê. Khí hậu Bạc Liêu có 2 mùa rõ rệt: mùa mưa và mùa khô. Bạc Liêu cách thành phố Hồ Chí Minh 280km, Cà Mau 67km, Sóc Trăng 50km và Cần Thơ 113km. Giao thông đường bộ rất thuận lợi. Có quốc lộ 1A chạy ngang qua tỉnh.

*Tiềm năng phát triển kinh tế và du lịch:* Thị xã Bạc Liêu được xây dựng bên rạch Bạc Liêu, cách biển 10km, là trung tâm lúa gạo và đầu mối giao lưu trong và ngoài tỉnh. Đất đai Bạc Liêu màu mỡ, dân cư đông đúc, chủ yếu sống bằng nghề trồng lúa, hoa màu, cây ăn trái, đánh bắt hải sản và nghề làm muối. Du khách đến Bạc Liêu sẽ hiểu thêm về giai thoại công tử Bạc Liêu lừng danh một thuở giàu có và chịu chơi. Đến Bạc Liêu du khách ghé thăm sân chim Bạc Liêu, những vườn nhãn dài hàng mấy chục kilomet mà hương vị của nó ít nơi nào sánh được, tháp cổ Việt Hưng, chùa Xiêm Cán, hoặc đi thăm những rừng đước, rừng tràm, căn cứ tự nhiên trong kháng chiến chống xâm lược.

#### *Khu bảo tồn thiên nhiên vườn chim Bạc Liêu*

Khu bảo tồn thuộc xã Hiệp Thành, thị xã Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu, cách thị xã Bạc Liêu 6km về phía nam, Với tính đa dạng sinh học rất cao, vườn chim Bạc Liêu đã được công nhận là khu bảo tồn thiên nhiên vào năm 1986. Trước kia, khu bảo tồn này là thảm rừng ngập mặn ven biển với hệ sinh thái ngập mặn tự nhiên rất phong phú và đa dạng. Do sự bồi tụ tự nhiên mà thảm rừng này ngày càng xa biển và chỉ còn sót lại một phần tạo thành vườn chim như hiện nay.

Với hệ sinh thái rừng ngập mặn tự nhiên trên diện tích khoảng 385ha, trong đó có 19ha rừng nguyên sinh, khu bảo tồn có 104 loài thực vật thuộc 50 giống, 46 bộ. Tầng cao của rừng là Trà Là (chiếm 50%), Giá (30%) còn lại là Cóc, Lâm Vò. Thảm thực vật thấp là cỏ và các loài giây leo. Đây cũng là nơi cư trú của khoảng 46 loài chim, trong đó có nhiều loài quý hiếm như Giang Sen, Diên Điện, Cò Ruồi...; 109 loài thực vật thuộc 90 chi của 46

họ; 150 loài động vật, trong đó có 58 loài cá, 7 loài ếch nhái, 10 loài có vú, 8 loài bò sát và một số động vật khác. Vườn chim Bạc Liêu là nơi làm tổ quan trọng của nhiều loài chim nước, điển hình là các loài le le, cò, diệc, vạc, cồng cộc, quắm đen và nhiều loài khác. Các loài chim thường tụ tập nhiều vào mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10. Chúng làm tổ trên cây đến khoảng tháng 1 rồi bay đi nơi khác và quay trở về đây vào tháng 5 hoặc tháng 6. Vườn chim luôn tạo ra những bất ngờ sững sốt cho du khách đến tham quan. Khi mới bước chân vào đây, du khách sẽ nhìn thấy ngay cảnh náo nhiệt của một sân chim tự nhiên. Những trứng chim nằm rải rác đó đây trên mặt đất như hòn cuội trắng. Thú vị nhất là đứng trên tháp canh cao bằng ngọn cây rồi mở màn ngắm cảnh. Đó là lúc đàn chim đi ăn xa về tổ. Từ hướng biển Đông tím rìm sắc chiều, từ cánh đồng Bạc Liêu vàng rượm lúa chín... những đàn chim lũ lượt bay về tổ. Chúng bay thật trật tự, tách biệt giữa sắc lông và chủng loại. Có đội hình thì như mũi tên lao về phía trước, đội hình khác thì mang hình trái tim, lại có đội hình lưa thưa tản mạn. Màu trắng tinh kia là của nhóm cò Ngang, màu đen như dầu hắc là của bọn Cồng Cộc. Chúng quần đảo đen đặc trên ngọn cây như che kín bầu trời. Rừng bỗng dấy ào ào như có bão với đủ loại âm thanh: tiếng gió rít, tiếng cánh vỗ, tiếng cây lá rùng mình, tiếng chim mẹ gọi con. Nếu có nhu cầu nghỉ đêm tại vườn chim, du khách sẽ có cơ hội thưởng thức bản hòa tấu réo rắt của thiên nhiên với tiếng rì rào của lá rừng, tiếng những loài chim ăn đêm đi kiếm mồi, tiếng xào xạc của gió chướng chớm mùa mon man rừng chồi hay tiếng mưa thu rả rạt nhẹ trên cành lá. Tất cả hòa quyện thành tiếng rừng, thành hơi thở của thiên nhiên nghe êm ái và hiền dịu vô cùng. Sáng ra tinh dậy đã nghe tiếng chim hót líu lo trong nắng sớm quê hương, du khách sẽ thấy tâm hồn mình thật trong veo và thanh thản lạ thường.

#### *Chùa Xiêm Cán*

Chùa Xiêm Cán là một ngôi chùa của người Khmer, có kiến trúc giống những ngôi chùa Khmer khác ở Trà Vinh và Sóc Trăng, thuộc xã Hiệp Thành, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu. Chùa được xây dựng vào đầu thế kỷ 20, chùa Xiêm Cán mang kiến trúc Angkor của người Campuchia, thể hiện ở những họa tiết độc đáo nơi mái vòm, tường, các hàng cột và cầu thang. Đối với chùa Khơ-me, chánh điện thường quay về hướng Đông vì họ cho rằng con đường tu hành của Phật đi từ Tây sang Đông. Bên trong chánh điện (hay còn gọi là sala) của chùa Xiêm Cán đã phản ánh tính thẩm mỹ rất cao của người Khơ-me với những họa tiết độc đáo. Ở vị trí trung tâm trên nóc sala trang trí hình ảnh đền Angkor Wat – nơi khởi nguồn của phong cách kiến trúc Khơ-me. Quan sát trên những hàng cột là phù điêu các tiên nữ và những quái vật. Theo triết lý của người Khơ-me, đó là những thử thách đối với Phật tử trên bước đường tu hành thành chánh quả. Trên mái vòm và cầu thang chùa đều chạm trổ họa tiết có hình rắn vì họ quan niệm rằng tâm lòng từ bi hỷ xả của Đức Phật đã thuần hóa được loài vật nguy hiểm này. Người Khơ-me tu theo thuyết của Phật Thích Ca nhưng theo hướng của Phật giáo Tiểu Thừa nên trong Chánh điện thờ Phật Thích Ca là chính. Một điều đặc biệt nữa là xung quanh 4 bức tường của chánh điện bày trí rất nhiều hình vẽ giải thích quá trình tu hành khổ luyện của Đức Phật từ lúc sinh ra, đến lúc làm Thái tử cho đến khi vào cõi Niết bàn. Đối diện chánh điện là cột trụ biểu, là hình tượng của con rắn 5 đầu, dùng để thắp nến vào những ngày lễ ngụ ý rằng giáo lý Phật pháp sẽ soi sáng cho nhân loại, giúp mọi người sống hướng thiện như chính loài rắn đã thiện.

#### *Chùa Minh*

Chùa Minh tọa lạc tại phường 3, thị xã Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu, với tên chữ là Vĩnh Triều Minh Hội Quán (nơi phụng tự của người Minh Hương), chùa Minh có lối kiến trúc

mang đậm chất cung đình Trung Quốc thời Minh. Chùa Minh được xây dựng từ năm 1890, do Hương Cả Trần Thiết Thuận, là người đứng đầu làng Vĩnh Hương khởi xướng (ngày nay là địa phận chợ Bạc Liêu). Nhìn tổng thể, chùa Minh có kiến trúc hình chữ Quốc. Từ bờ sông Bạc Liêu nhìn vào công tam quan được lắp ghép từ đá xanh rất công phu, du khách sẽ thấy cửa chính của chùa đề 3 đại tự “Vĩnh Triều Minh” chạm khắc trong đá, sơn son thếp vàng. Hai cột trụ chính trước tam quan được chạm khắc các họa tiết tinh xảo, tỉ mỉ theo thể “long ẩn vân”. Đặc biệt ở hai đầu rồng, các thợ chạm đã khắc miệng rồng ngậm viên ngọc trân châu. Những du khách khi đến đây tham quan đều ngạc nhiên đến sững sờ và cho là “độc nhất vô nhị” ở đồng bằng sông Cửu Long. Trên bức tường cửa chùa có chạm nhiều trích đoạn khung cảnh sinh hoạt cung đình xưa. Bên trong chùa có nhiều hiện vật cổ, rất quý hiếm như các cột bằng gỗ quý chạm khắc các phù điêu, bức hoành... với các họa tiết “lưỡng long tranh châu”, “kỳ lân hàm ngọc”... Ngoài ra còn có bộ lư đồng mắt tre và 16 loại binh khí chiến trận của các vị thành hoàng. Tại chính điện, khánh thờ “Quan Minh chính trực” được trang trí nhiều họa tiết cực đẹp, chạm lộng hình “lưỡng long tim nguyệt”. Lòng vào đó là các hình vẽ mai - lan - cúc - trúc - tùng... với các hoa văn vô cùng tinh xảo. Có thể khẳng định khánh thờ này là công trình nghệ thuật mang tính văn hóa cao. Bên hữu thờ Bồn Đầu Công Công (gọi tắt ông Bồn). Bên trên tượng thờ là bức hoành với nghệ thuật thư pháp bay bướm có bốn chữ “Đức Quán Càn Khôn” ghi năm 1897. Đây là bức hoành cổ nhất.

### **2.2.13. Một số tuyến nội tỉnh Cà Mau**

Tỉnh Cà Mau có diện tích là 5.331,6 km<sup>2</sup>, dân số là 1.212.1 nghìn người (2010). Trung tâm hành chính của tỉnh là Thành phố Cà Mau, và các huyện là Đầm Dơi, Ngọc Hiển, Cái Nước, Trần Văn Thời, U Minh, Thới Bình, Năm Căn, Phú Tân. Các dân tộc sống ở tỉnh chủ yếu là người Việt (Kinh), Hoa, Khmer, Tày.

*Điều kiện tự nhiên:* Cà Mau là tỉnh cực nam của Tổ quốc, có ba mặt giáp biển với 307km bờ biển. Phía bắc giáp Kiên Giang, phía đông bắc giáp Bạc Liêu, phía đông và đông nam giáp biển đông, phía tây và tây nam giáp vịnh Thái Lan. Cà Mau nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới, gió mùa, nóng ẩm. Mùa mưa bắt đầu từ tháng 5 đến tháng 8, các tháng khác ít mưa. Lượng mưa trung bình 2.500mm/năm. Nhiệt độ trung bình năm khoảng 26°C - 27°C. Cà Mau là vùng đất mới, bao gồm: đất phèn, đất mặn, đất than bùn và đất bãi bồi tạo nên những cánh đồng màu mỡ. Cà Mau có mạng lưới sông ngòi chằng chịt, 7 sông chính là sông Ông Đốc, Bảy Háp, Cái Lớn, Gành Hào, Đầm Dơi, Trèm Trẹm, Bạch Ngưu tạo thành các cửa sông lớn. Ngoài biển Cà Mau còn có đảo Hòn Khoai, Hòn Chuôi. Cà Mau có Sân bay Cà Mau, đường Quốc lộ 1A từ Cần Thơ, Sóc Trăng xuống, qua Bạc Liêu (114km), Cà Mau (180km), từ Cà Mau đến Năm Căn (qua Cái Nước) 55km. Đường quốc lộ 63 từ Cà Mau lên Rạch Giá 130km. Có tuyến xe khách từ bến xe miền Tây của thành phố Hồ Chí Minh tới Cà Mau. Hệ thống tàu thủy từ Cà Mau đi Tp. Hồ Chí Minh (mất 30 giờ), Rạch giá (12 giờ). Có phà đi rừng U Minh, Ngọc Hiển

*Tiềm năng phát triển kinh tế và du lịch :* Cà Mau có bờ biển dài nên khả năng đánh bắt cá tôm rất lớn. Nơi đây phát triển nhiều hồ nuôi tôm. Cà Mau có nhiều sông và mạng lưới kênh rạch chằng chịt nên đi lại và vận chuyển bằng ghe thuyền rất thuận tiện. Ngay trong rừng đước, rừng tràm, thuyền đi chỗ nào cũng được. Thành phố Cà Mau cách Cần Thơ 179km, cách thành phố Hồ Chí Minh 350km. Là một thành phố trẻ có tốc độ phát triển kinh tế nhanh trong những năm gần đây. Cảng biển quốc tế Năm Căn và các cảng cá khác, cùng với sân bay Cà Mau đã và đang được cải tạo để đưa vào sử dụng. Công trình Siêu thị

Cà Mau, một trung tâm thương mại lớn, có cửa hàng siêu thị, khách sạn 3 sao và văn phòng cho thuê.

### **Các điểm tham quan du lịch tỉnh Cà Mau**

#### *Đình Tân Hưng*

Đình Tân Hưng thuộc ấp Xóm Lớn, xã Lý Văn Lâm, Tp. Cà Mau, tỉnh Cà Mau, cách trung tâm Tp. Cà Mau 4km về phía nam, trên tuyến kênh rạch Rập, đường đi huyện Cái Nước. Đình được xây dựng năm 1907, trải qua thời gian chiến tranh, đình bị hư hỏng toàn bộ. Trên nền đó, người dân địa phương cho dựng một ngôi đình khác nhỏ hơn gồm một gian hai chái, mái lợp ngói âm dương, trên nóc đúc hai rồng châu. Phía trước đình có bức bình phong bằng gạch đắp hình hồ, hai bên có hai trụ gạch vuông, đình trụ đắp hình hai bông sen. Hai bên sân có hai miếu thờ nhỏ. Đình Tân Hưng là nơi treo cờ Đảng Cộng sản Đông Dương đầu tiên tại Cà Mau (năm 1930). Đây còn là nơi đóng quân của Bộ chỉ huy Mặt trận Tân Hưng, mặt trận chống Pháp tại Cà Mau. Đình được Bộ Văn hoá Thông tin công nhận là di tích năm 1992, sau khi được xếp hạng, di tích sẽ được qui hoạch xây dựng phần sân thành vườn hoa và xây bia lưu niệm. Riêng công trình nhà chính sẽ được sửa chữa trùng tu để tổ chức các sinh hoạt văn hoá, kể chuyện truyền thống.

#### *Chùa Quan Âm*

Chùa tọa lạc tại số 84/4 đường Rạch Chùa, phường 4, Tp. Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Kiến trúc chùa hiện nay do Hoà thượng Thiện Tường và Thiện Đức xây vào năm 1936. Trong chùa có bia dựng "Sắc tứ Quan Âm cổ tự" và tháp Hoà thượng Trí Tâm. Chùa do Hoà thượng Tô Quang Xuân dựng vào khoảng giữa thế kỷ 19, lúc bấy giờ chỉ là một am nhỏ để ngài tu hành và chữa bệnh cho dân. Sau ngài về tu ở chùa Kim Chương (Gia Định) lấy pháp hiệu là Trí Tâm. Năm 1842 vua Thiệu Trị sắc phong Hoà thượng cho ngài và sắc tứ cho chùa Quan Âm.

#### *Đảo Hòn Khoai*

Hòn Khoai là đảo đá, đồi và rừng còn gần như nguyên vẹn với nhiều loại gỗ quý, động thực vật phong phú, phong cảnh thiên nhiên hoang dã lôi cuốn, thuộc huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau, cách đất liền 14,6km, nằm về phía tây nam thị trấn Năm Căn. Nếu đi tàu 90CV từ Rạch Gốc (cửa ngõ của huyện Ngọc Hiển ra biển Đông), thì chỉ sau 3 giờ vượt biển, du khách đã có thể chiêm ngưỡng được Hòn Khoai - một trong những hòn đảo đẹp nhất miền cực nam của Tổ quốc. Thật ra địa danh Hòn Khoai không chỉ có một đảo; trái lại, ngoài hòn Khoai là đảo lớn nhất, còn có thêm 5 hòn đảo xinh xắn khác vây xung quanh.

Đến Hòn Khoai, ngoài việc du khách chiêm ngưỡng vẻ đẹp nên thơ của những bãi biển đầy đá cuội tròn như trứng ngỗng, du khách còn có dịp leo núi, băng rừng, trực tiếp ngắm nhìn một thảm rừng nguyên sinh cực kỳ quý hiếm ở nước ta với hơn 1.000 loại thực vật và hàng trăm giống chim thú vẫn còn nguyên vẹn. Trên đỉnh cao nhất của hòn Khoai, hiện nay vẫn còn một cây hải đăng do người Pháp xây dựng từ cuối thế kỷ 19. Nơi đây, vào những năm 40, khi bị thực dân Pháp lưu đầy ra Hòn Khoai, thầy giáo Phạm Ngọc Hiển đã lãnh đạo một nhóm tù nhân nổi dậy giết chết tên chúa đảo và chiếm ngọn hải đăng, làm nên chiến công Hòn Khoai lừng lẫy đến tận ngày nay. Ngọn hải đăng và địa danh Hòn Khoai đã được Nhà nước công nhận là di tích lịch sử trong cuộc kháng chiến chống Pháp, mà cụ thể là cuộc khởi nghĩa của thầy giáo Phạm Ngọc Hiển (sau này tỉnh Minh Hải đã đặt tên Ngọc Hiển cho huyện Năm Căn trước đây).

Từ trên ngọn hải đăng, du khách còn có dịp được các chiến sĩ biên phòng cho phép thông qua kính viễn vọng, nhìn một trong 5 hòn đảo vây quanh hòn Khoai là hòn Đồi Mồi

với thảm thực vật xanh biếc, giống hệt con đò trôi giữa biển xanh. Đặc biệt, bạn có thể hưởng kính viễn vọng về mũi Cà Mau để một lần trong đời được chiêm ngưỡng từ xa cái mũi đất thiêng liêng của tận cùng tổ quốc, mà không dễ có ai ngắm được nếu không ra Hòn Khoai.

### *Rừng U Minh*

Rừng U Minh nằm sát vịnh Thái Lan, thuộc hai tỉnh Kiên Giang và Cà Mau, là kiểu rừng rất đặc thù, được xếp hạng độc đáo và quý hiếm trên thế giới. Rừng U Minh gồm phần trên là U Minh Thượng, phần dưới là U Minh Hạ. Giữa U Minh Thượng và U Minh Hạ là sông Trẹm và sông Cái Tàu. Nơi đây thiên nhiên hùng vĩ và hoang sơ. Rừng U Minh được coi là nơi có giá trị sinh khối cao nhất so với các kiểu rừng với khoảng 250 loài thực vật, chủ yếu là cây tràm mọc khắp nơi, hơn 180 loài chim, hơn 20 loài bò sát... Sinh cảnh của rừng U Minh còn là hiện trường và hệ quả của tiến trình diễn biến động thái của những hoạt động kiến tạo địa chất.

### *Vườn Quốc gia Mũi Cà Mau*

Vườn quốc gia Mũi Cà Mau, phần trên đất liền thuộc địa phận hành chính của các xã: Đất Mũi, Viên An và Đất Mới, thuộc huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau, cách thành phố Cà Mau khoảng 100km và cách thành phố Hồ Chí Minh gần 400km về phía tây nam. Vườn quốc gia Mũi Cà Mau được thành lập năm 2003 khi Khu bảo tồn thiên nhiên Đất Mũi được chuyển thành Vườn quốc gia trong hệ thống các khu rừng đặc dụng của Việt Nam. Đây chính là điểm cực Nam nơi có cột mốc cuối cùng của Việt Nam trên đất liền. Vườn quốc gia Mũi Cà Mau có tổng diện tích tự nhiên là 41.862 ha, trong đó diện tích phần trên đất liền là 15.262 ha, diện tích phần ven biển là 26.600 ha. Có một điều thú vị là hàng năm diện tích mặt đất của vườn quốc gia này luôn được mở rộng một cách tự nhiên, mỗi năm Mũi Cà Mau lại lấn ra biển hàng chục mét. Đây cũng là một nét hấp dẫn thu hút nhiều du khách đến với vùng đất này.

Vườn Quốc gia Mũi Cà Mau có mục tiêu bảo tồn lâu dài mẫu chuẩn sinh thái có tầm quan trọng quốc gia, khu vực và thế giới; phục vụ các hoạt động tham quan, du lịch sinh thái và hợp tác quốc tế, xây dựng và thực nghiệm các mô hình bảo tồn và sử dụng bền vững tài nguyên rừng ngập mặn, phát huy giá trị và chức năng kinh tế của hệ sinh thái đất ngập nước; bảo vệ đa dạng sinh học. Đây là một vùng đất ngập mặn có hệ sinh thái rất đa dạng, với quần thể thực vật chiếm ưu thế là cây đước. Động vật có rất nhiều loài được ghi trong sách đỏ Việt Nam và sách đỏ của Hiệp hội Bảo tồn Thiên nhiên Quốc tế (IUCN). Ngoài ra có nhiều loài chim di trú từ các nơi trên thế giới về đây, trong đó có nhiều loài thuộc loại quý hiếm như chim Sen, Chăng bè. Việc Vườn Quốc gia Mũi Cà Mau thuộc Khu dự trữ sinh quyển thế giới đã góp phần quan trọng vào việc bảo tồn tính đa dạng sinh học của hệ sinh thái rừng ngập nước, bảo tồn các giá trị nhân văn phục vụ mục tiêu phát triển bền vững cũng như tăng thêm sức hấp dẫn đối với du khách gần xa đến thăm quan. Đây là một hệ sinh thái rừng ngập mặn tự nhiên có giá trị rất cao về đa dạng sinh học, cảnh quan thiên nhiên, môi trường, văn hóa và lịch sử; là một phần của Khu dự trữ sinh quyển thế giới Mũi Cà Mau được UNESCO công nhận vào tháng 5/2009

### *Mũi Cà Mau*

Mũi Cà Mau là nơi duy nhất trên đất liền Việt Nam du khách thấy mặt trời mọc trên biển Đông và lặn ở biển phía Tây, thuộc huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau, cách Tp. Cà Mau 118km bằng đường thủy. Đất mũi Cà Mau – nơi cực Nam của đất nước là vùng đất được khai phá vào cuối thế kỷ 17, đầu thế kỷ 18 gắn liền với cuộc sống quần tụ của ba dân tộc:

Việt, Hoa, Khmer. Do vậy mà có sự giao thoa những nét sinh hoạt văn hoá đa sắc tộc thể hiện qua nhiều phong tục, tập quán phong phú và đặc sắc. Với một vùng đất phù sa màu mỡ có những khu rừng ngập nước quanh năm; dưới tán rừng có nhiều loài chim, thú, thủy sản sinh sống đã tạo cho Cà Mau một cảnh quan đặc sắc mang nét riêng của vùng đất trẻ đầy hoang sơ, mới lạ.

Trước hết phải nói tới rừng ngập mặn với hệ động thực vật vô cùng phong phú. Đặc biệt bãi bồi đất mũi là vùng giao lưu của triều biển Đông và biển Tây, như một hiện tượng tự nhiên, hàng năm mở rộng diện tích ra biển tới vài trăm hecta. Cây mắm, cây bần, cây đước cứ theo thế mà phát triển mở rộng dần diện tích rừng ngập mặn đem lại nguồn lợi to lớn về tôm cá và nhiều loại thủy sinh khác. Nằm sâu trên đất liền là các loại rừng ngập nước với rừng tràm và các trảng cỏ ngập nước theo mùa. Với 239 loài thực vật cỏ rừng tràm và rừng ngập mặn, 36 loài thú thuộc 17 họ, 194 loài chim, 260 loài cá và nhiều loài lưỡng cư, bò sát, trong số đó có những loài quý hiếm như: khỉ đuôi dài, rái cá lông mượt, mèo cá, sóc chuột lửa, cá sấu hoa cà, rùa, kỳ đà hoa, trăn gấm. Từ Mũi Cà Mau có thể nhìn thấy cụm đảo Hòn Khoai trên biển, cách đất liền chừng 20km. Đây là cụm đảo đẹp gồm các Hòn Tượng, Hòn Sao, Hòn Khô, Hòn Lớn, Hòn Đồi Mồi. Lớn nhất và cao nhất là Hòn Khoai, rộng khoảng 4km<sup>2</sup>, đỉnh cao 318m, có ngọn hải đăng quan trọng của khu vực biển Đông, vịnh Thái Lan.

### **2.3. Các tuyến du lịch xuyên vùng đồng bằng sông Cửu Long**

#### **2.3.1. Tuyến du lịch gắn với mạng lưới giao thông**

Tuyến du lịch đường không : TPHCM – Cần Thơ; TPHCM - Rạch Giá; TPHCM – Cà Mau; TPHCM – Phú Quốc; các tuyến từ Cần Thơ đến các tỉnh khác.

Tuyến du lịch đường bộ: tuyến xuyên Việt theo QL1; tuyến TP. Hồ Chí Minh – các tỉnh ĐBSCL theo quốc lộ 1A, QL 62, QL 80, QL 90, đường Hồ Chí Minh.

Các tuyến đường biển: tuyến Hạ Long – Phú Quốc và ngược lại

Tuyến đường sông: theo sông Mê Kông

#### **2.3.2. Tuyến du lịch gắn với sản phẩm du lịch chuyên đề**

Tuyến du lịch về nguồn tìm hiểu văn hóa các dân tộc Khmer, Chăm, Hoa.. ở các tỉnh ĐBSCL.

Tuyến du lịch biển, đảo: Tham quan đảo Phú Quốc

Tuyến du lịch di sản: tham quan một số di tích của nền văn hóa Óc Eo tại các tỉnh ĐBSCL

Tuyến du lịch sinh thái rừng, biển, đồng bằng: sinh thái miệt vườn ĐBSCL, nghỉ dưỡng sinh thái biển.

Tuyến du lịch MICE, đô thị, mua sắm tại các tỉnh, thành phố, các vùng biên giới cửa khẩu thuộc các tỉnh ĐBSCL.

Tuyến du lịch làng nghề ở hầu hết các tỉnh ĐBSCL...

Tuyến du lịch cộng đồng và du lịch nông thôn, nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp

Tuyến du lịch trên sông hồ: sông Mê Kông, sông Hậu, sông Tiền, sông Vàm Cỏ Đông, Vàm Cỏ Tây...

Tuyến du lịch lễ hội: hàng năm có nhiều lễ hội truyền thống, hiện đại, tôn giáo, các dân tộc như lễ hội Lúa gạo, trái cây, Óc – Om – Bóc, đua ghe ngo...

### 2.3.3. Tuyển du lịch liên vùng và quốc tế

Tuyển du lịch liên kết khu vực: Cần Thơ – An Giang – Phnom Penh – Siem Riep;  
Tuyển du lịch liên kết khu vực: TP.HCM – An Giang – Phnom Penh – Siem Riep;  
Tuyển du lịch TP.HCM - Hà Tiên – Phú Quốc – Shihanouk Ville...

#### TÓM TẮT CHƯƠNG 2

*Trong chương này, sinh viên nắm được các nội dung sau:*

*Khái quát chung về tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch nhân văn thuộc vùng du lịch đồng bằng sông Cửu Long.*

*Khái quát chung về cơ sở vật chất – kỹ thuật phục vụ hoạt động du lịch.*

*Sinh viên sẽ hiểu và nắm rõ hơn về các loại hình du lịch ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long.*

*Giới thiệu tóm tắt đôi nét về điều kiện tự nhiên, điều kiện kinh tế, dân số, văn hóa và các dân tộc cư trú tại mỗi tỉnh, thành phố thuộc các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long.*

*Đồng thời, mỗi tỉnh, thành phố sẽ giới thiệu khái quát về các điểm đến tham quan bao gồm những danh lam thắng cảnh, nghệ thuật, lễ hội, phong tục tập quán của các dân tộc cùng cư ngụ tại đây.*

*Khái quát một số tài nguyên du lịch tự nhiên có thể khai thác các tuyến du lịch trên sông, biển của các tỉnh.*

*Giới thiệu một số tuyến điểm xuyên vùng du lịch của các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, cũng như các tuyến, điểm du lịch bằng đường sông, đường thủy.*

*Hiểu được các tuyến du lịch nội tỉnh và du lịch vùng thuộc đồng bằng sông Cửu Long.*

*Nắm được các loại du lịch tiêu biểu được khai thác trong hoạt động du lịch thuộc vùng.*

#### CÂU HỎI ÔN TẬP

Câu 1: Vùng du lịch đồng bằng sông Cửu Long có bao nhiêu tỉnh, thành phố?

Câu 2: Theo Anh/Chị các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long có những loại tài nguyên du lịch gì? Mỗi loại tài nguyên du lịch cho ví dụ minh họa?

Câu 3: Đặc điểm chung của vùng du lịch đồng bằng sông Cửu Long là loại hình du lịch gì? Giải thích tại sao?

Câu 4: Tuyển du lịch đồng bằng sông Cửu Long có các cửa khẩu quốc tế nào?

Câu 5: Hãy kể tên các cửa khẩu quốc tế? Các cửa khẩu đó thuộc địa phận tỉnh nào?

Câu 6: Hãy giới thiệu đôi nét về thành phố Cần Thơ?

Câu 7: Anh/Chị hãy nêu cho biết các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long có bao nhiêu sân bay nội địa? Bao nhiêu sân bay quốc tế? Hãy kể tên các sân bay đó?

Câu 8: Anh/Chị hãy nêu cụ thể một tour du lịch thăm các cồn thuộc 2 tỉnh vùng đồng bằng sông Cửu Long?



Câu 9: Anh/Chị hãy cho biết các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long có các loại hình nghệ thuật nào đặc thù?

Câu 10: Anh/Chị hãy cho biết rừng U Minh Thượng, U Minh Hạ thuộc các tỉnh nào ở đồng bằng sông Cửu Long?

## CHƯƠNG 3: TUYẾN, ĐIỂM VÙNG DU LỊCH ĐÔNG NAM BỘ

Sau khi học xong chương này, sinh viên có các kiến thức sau:

- Hiểu được các loại tài nguyên du lịch tự nhiên được khai thác vào du lịch đường sông, biển, đường bộ và hàng không thuộc các tỉnh, thành phố miền Đông Nam bộ.

- Hiểu được tài nguyên du lịch nhân văn được khai thác vào du lịch đến với các lễ hội, nghệ thuật, các di tích lịch sử văn hóa của các địa phương các tỉnh, thành phố thuộc miền Đông Nam bộ.

- Nắm được khái quát chung về tài nguyên du lịch mỗi tỉnh thuộc vùng du lịch tỉnh, thành phố miền Đông Nam bộ về điều kiện tự nhiên, nhân văn, cơ sở vật chất – kỹ thuật, cơ sở lưu trú, dịch vụ ăn uống, điểm tham quan chính của mỗi tỉnh.

- Hiểu được các tuyến du lịch nội tỉnh và du lịch vùng thuộc các tỉnh, thành phố miền Đông Nam bộ.

- Nắm được các loại du lịch tiêu biểu được khai thác trong hoạt động du lịch thuộc vùng.

### 3.1. Khái quát chung về vùng du lịch Đông Nam Bộ

#### 3.1.1. Tài nguyên du lịch tự nhiên

Vùng Đông Nam Bộ bao gồm 1 thành phố Hồ Chí Minh và 5 tỉnh: Đồng Nai, Tây Ninh, Bình Dương, Bình Phước, Bà Rịa – Vũng Tàu gắn với vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và hành lang du lịch xuyên Á. Diện tích: 23.605,2 km<sup>2</sup>; Dân số: 14.566,5 nghìn người; Mật độ: 617 người/km<sup>2</sup>. Vùng Đông Nam Bộ là cửa ngõ phía Bắc của TPHCM và các tỉnh ven biển miền Đông Nam Bộ với Campuchia, là mở đầu của hành lang du lịch xuyên Á, giữ vai trò quan trọng đối với du lịch Việt Nam.

Phía Bắc và phía Tây giáp Campuchia, phía Nam và Tây Nam giáp với đồng bằng sông Cửu Long, phía Đông Bắc giáp với Tây Nguyên, phía Đông và Đông Nam giáp với Nam Trung bộ và biển đông.

Vùng Đông Nam Bộ là khu vực tự nhiên chuyển tiếp từ vùng núi Nam Trường sơn xuống đồng bằng châu thổ sông Cửu Long. Các núi đá xâm nhập granit xuất hiện trên bán bình nguyên đất xám, đất đỏ dưới dạng các núi đơn độc, vươn cao trên đồng bằng: Núi Chứa Chan 839m (Đồng Nai), Núi Bà Rá 736m (Bình Phước), Núi Bà Đen 986m (Tây Ninh). Nhìn từ xa bán bình nguyên đất đỏ badan làm thành dải đất cao và chùng lên đồng bằng đất xám phù sa cổ.

*Khí hậu:* Nằm trong miền khí hậu phía Nam, Đông Nam Bộ có đặc điểm của một vùng khí hậu cận xích đạo với nền nhiệt độ trung bình 26°C, lượng mưa trung bình năm từ 1.500 – 2000mm, mưa nhiều từ tháng 5 đến tháng 11. Nhìn chung khí hậu của vùng có thuận tiện cho các hoạt động du lịch.

*Hệ thống giao thông:* Đường bộ: QL 1A, QL 13, QL 22, 22B, QL 51 đường Hồ Chí Minh nối với Tây Nguyên và các tỉnh Tây Nam Bộ. Đường sắt: tuyến đường sắt Bắc – Nam nối từ thành phố Hồ Chí Minh đến các tỉnh phía Bắc. Đường sông: Vùng Đông Nam Bộ có

các sơn lớn như hệ thống sông Đồng Nai ông Sài Gòn sông Thị Vải, ..là nơi tập trung các cảng chính của khu vực như cảng Sài Gòn, cảng Cái Mép, cảng Thị Vải...Đường không: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, sân bay Biên Hòa, Vũng Tàu, Côn Đảo.

*Hệ thống đô thị:* Thành phố Hồ Chí Minh là đô thị đặc biệt trực thuộc Trung ương. Các thành phố, thị xã tỉnh lỵ như: Vũng Tàu, Biên Hòa, Thủ Dầu Một, Tây Ninh, Bình Phước

*Cửa khẩu biên giới và các khu kinh tế cửa khẩu:* Cửa khẩu sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất là cửa khẩu hàng không lớn nhất khu vực phía Nam. Vùng có đường biên giới với Campuchia như: cửa khẩu Hoa Lư (QL 13- Bình Phước), cửa khẩu Mộc Bài (QL22 – Tây Ninh), Xa Mát (QL 22B- Tây Ninh). Khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài có vai trò quan trọng đối với phát triển kinh tế nói chung và du lịch nói riêng.

*Biển:* có nhiều bãi biển đẹp nhưng chỉ có hai bãi tắm chính. Bờ biển khu vực này thuộc các địa phương: Bà Rịa-Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh. Khu vực ven biển này có nhiều bãi biển đẹp là khu nghỉ mát nổi tiếng như: bãi Sau, bãi Dứa (Vũng Tàu). Vùng biển ấm, ngư trường rộng , hải sản phong phú Phát triển ngành khai thác và nuôi trồng thủy sản.

*Sông ngòi:* Hệ thống sông Đồng Nai là hệ thống sông lớn thứ ba Việt Nam. Lượng mưa trung bình 1.500 mm/năm, tương ứng khoảng 183 tỷ m<sup>3</sup>. Trong vùng có hai hồ chứa lớn là Dầu Tiếng và Trị An dung tích khoảng 3,6 tỷ m<sup>3</sup>. Ngoài ra còn có một số hồ nhỏ ở phía Đông. Như vậy, tổng lượng nước mặt dự trữ hiện tại hàng năm lên đến gần 4 tỷ m<sup>3</sup>. Nguồn nước ngầm có trữ lượng khá lớn, có tiềm năng thủy điện. Khu du lịch suối khoáng Bình Châu nằm cách thành phố Hồ Chí Minh 150 km. Từ TP. Hồ Chí Minh theo Quốc lộ 51 khoảng 100 km du khách sẽ xuống đến thành phố Bà Rịa. Du khách có thể thả bộ để hít thở bầu không khí tinh khiết, trong lành phảng phất mùi hương thơm cỏ cây. Thật thú vị khi nhìn thấy nước từ trong lòng đất tuôn ra, sôi sủi thành bọt, xung quanh những lùm cây đước cây trầm vẫn xanh tươi và có thể ngâm chân ở những con suối có nhiệt độ 400C. Muốn thưởng thức trứng gà luộc hồng đào đi tới giếng nước ở nhiệt độ 800C, bạn cho trứng vào giỏ rồi thả xuống ngâm chừng 10 phút sau vớt lên là dùng được.

*Tài nguyên sinh vật:* Rừng Nam Cát Tiên cách thành phố Hồ Chí Minh 160km về phía Bắc. Từ thành phố, bạn theo quốc lộ 20 (đường đi Đà Lạt) đến Km 125 (ngã ba Tân Phú) thì rẽ trái, đi thêm 24 km nữa đến bên phải, bạn vượt sông Đồng Nai là đến ngay cửa rừng. Nam Cát Tiên là tên gọi một vùng đất nằm gọn trong đoạn uốn khúc của sông Đồng Nai, tọa lạc ngay trên ranh giới của cả 3 tỉnh Đồng Nai, Bình Phước và Lâm Đồng. Còn khu rừng cấm Nam Cát Tiên là phần chót và cao nhất của huyện Tân Phú (Đồng Nai) có diện tích 36.000 ha đại diện cho cả hệ thực vật và động vật Nam Bộ.

*Vườn quốc gia Côn Đảo* được công nhận là khu bảo tồn thiên nhiên từ năm 1984 và được công nhận là vườn quốc gia từ năm 1993; có môi trường, tài nguyên rừng, biển còn tương đối nguyên vẹn, tiềm năng đa dạng sinh học cao, cảnh quan thiên nhiên ít bị tác động. Tổng diện tích được bảo vệ của vườn là 20.000ha, trong đó 14.000ha là biển và 6.000ha là rừng trên 14 hòn đảo. Rừng Côn Đảo xanh tốt um tùm với nhiều loại cây gỗ quý như bời lời, lát hoa, lát hoa, sao đen, cẩm thi, thiên niên kiện, săng đào, dầu lá bóng...

Khu dự trữ sinh quyển Cần Giờ còn gọi là Rừng Sác đã được UNESCO công nhận đây là khu dự trữ sinh quyển thế giới với hệ động thực vật đa dạng độc đáo điển hình của vùng ngập mặn, là một quần thể gồm các loài động, thực vật rừng trên cạn và thủy sinh, được hình thành trên vùng châu thổ rộng lớn của các cửa sông Đồng Nai, Sài Gòn và Vàm

Cỏ Đông, Vàm Cỏ Tây ... Bên cạnh đó các khu du lịch sinh thái khác của vùng: VQG Xa Mát ( Tây Ninh), VQG Bù Gia Mập (Bình Phước).

### **3.1.2. Tài nguyên du lịch nhân văn**

Là vùng có điều kiện kinh tế - xã hội phát triển phong phú đa dạng, là nhân tố quan trọng kích thích, thúc đẩy du lịch của vùng. Các hoạt động kinh tế của vùng có vai trò lớn trong việc cung cấp những nhu cầu cần thiết cho hoạt động du lịch như các đặc sản, quà lưu niệm. Là địa bàn cư trú của nhiều dân tộc, bên cạnh dân tộc Kinh còn có các dân tộc bản địa cùng sinh sống lâu đời, vẫn còn giữ được những giá trị văn hóa nghệ thuật, phong tục tập quán mang sức thái riêng như người Hoa, người Chơ Ro, người Ma, người S'tiêng... Tất cả các vùng đều có các di tích lịch sử văn hóa, tuy sự phân bố không đồng đều, song đây là nguồn tài nguyên nhân văn quan trọng trong việc khai thác du lịch của địa phương và quốc gia như:

*Di tích văn hóa – lịch sử:* Đền tưởng niệm Bến Dược - Củ Chi là khu vực tưởng niệm những anh hùng của Việt Minh và Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam trong Chiến tranh Đông Dương và Chiến tranh Việt Nam. Nhà tù Côn Đảo là một khu nhà tù tại Côn Đảo. Hệ thống nhà tù này được người Pháp xây dựng để giam giữ những tù phạm đặc biệt nguy hiểm cho chế độ thực dân Pháp như: tù phạm chính trị, tử tù... nơi đây thời Pháp thuộc đã giam giữ những nhân vật cộng sản và những người ái quốc chống lại chính phủ thuộc địa. Địa điểm nổi tiếng nhất trong khu nhà tù này là “chuồng cọp”. Tòa Thánh Tây Ninh là một cụm công trình gồm nhiều kiến trúc tôn giáo của đạo Cao Đài, nằm trên địa phận xã Long Thành Bắc, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, cách thị xã Tây Ninh 4 km về phía Đông Nam. Đây cũng là vùng Thánh địa thiêng liêng và nơi đặt Hội Thánh Cao Đài Tây Ninh. Bên cạnh đó còn có rất nhiều di tích văn hóa lịch sử khác: Khu lưu niệm Bác Hồ (Bến Nhà Rồng), Dinh Thống Nhất, chùa Thích Ca Phật Đài (Bà Rịa - Vũng Tàu), đền thờ Nguyễn Tri Phương (Đồng Nai), Trưng Ương Cục (R) (Tây Ninh),...

Tài nguyên du lịch nhân văn gắn với cụm di tích lịch sử văn hóa ở TP.HCM các di tích các mạng Trưng Ương Cục Miền Nam (Tây Ninh), căn cứ tà Thiết (Bình Phước), Chiến khu D (Đồng Nai).

*Lễ hội:* Lễ hội các dân tộc bản địa, lễ hội Nghinh Ông Vũng Tàu là một trong những lễ hội được Bộ văn hoá Thông tin và Tổng cục Du lịch chọn trong 15 lễ hội lớn của cả nước năm 2000. Lễ hội kéo dài trong ba ngày cá) bằng nhiều ghe thuyền trang trí lộng lẫy, thấp đèn sáng trưng. Tổ chức lễ tế Cá Ông, cúng Tiên Hiền, tế lễ Thần linh, cúng tế trong đình làng...

*Tài nguyên nhân văn khác:* Mười tám thôn Vườn Trầu (TP HCM), làng sơn mài Trương Bình Hiệp (Bình Dương), làng Gốm Sứ (Bình Dương), làng gốm và làng Bưởi ven sông Đồng Nai,...

### **3.1.3. Cơ sở vật chất kỹ thuật – cơ cấu hạ tầng phục vụ du lịch**

*Hệ thống giao thông đường bộ:* QL 1A, QL 13, QL 22, 22B, QL 51 đường Hồ Chí Minh nối với Tây Nguyên và các tỉnh Tây Nam Bộ.

*Đường sắt:* tuyến đường sắt Bắc – Nam nối từ thành phố Hồ Chí Minh đến các tỉnh phía Bắc

*Đường sông:* Vùng Đông Nam Bộ có các sông lớn như hệ thống sông Đồng Nai ông Sài Gòn sông Thị Vải, ..là nơi tập trung các cảng chính của khu vực như cảng Sài Gòn, cảng Cái Mép, cảng Thị Vải...

*Đường không:* Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, sân bay Biên Hòa, Vũng Tàu, Côn Đảo. Các tuyến đường bay trong nước và quốc tế giúp việc vận chuyển hành khách và hàng hóa thuận tiện.

Cửa khẩu biên giới và các khu kinh tế cửa khẩu cửa khẩu sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất là cửa khẩu hàng không lớn nhất khu vực phía Nam. Vùng có đường biên giới với Campuchia như: cửa khẩu Hoa Lư (QL 13- Bình Phước), cửa khẩu Mộc Bài (QL22 – Tây Ninh), Xa Mát (QL 22B- Tây Ninh).

*Hệ thống đô thị:* Thành phố Hồ Chí Minh là đô thị đặc biệt trực thuộc Trung ương, Các thành phố, thị xã tỉnh lỵ như thành phố Bà Rịa (Bà Rịa -Vũng Tàu), Biên Hòa (Đồng Nai), Thủ Dầu Một (Bình Dương), Tây Ninh (Tây Ninh), Đồng Xoài (Bình Phước).

Việc cung cấp điện cho các ngành kinh tế và sinh hoạt cũng giúp cho ngành du lịch phát triển, vùng có nhà máy thủy điện Trị An, Thác Mơ cung cấp điện bên cạnh đó các hồ cũng là điểm đến du lịch hấp dẫn cho du khách.

Cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch tập trung với mật độ cao, với hệ thống các khách sạn từ 3 sao trở lên, nhà hàng, công viên vui chơi giải trí, nhà hát, rạp chiếu phim tập trung ở thành phố Hồ Chí Minh đã tạo cho hoạt động du lịch ở đây trở thành trạm trung chuyển đến các tỉnh thành khác trong vùng cũng như các điểm du lịch lân cận.

Khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài có vai trò quan trọng đối với phát triển kinh tế nói chung và du lịch nói riêng.

### **3.1.4. Các điểm tuyến du lịch và loại hình du lịch vùng du lịch Đông Nam Bộ**

*Hệ thống khu du lịch:* Trong quá trình thực hiện quy hoạch, căn cứ tiềm năng, điều kiện và yêu cầu phát triển, đảm bảo khả năng cạnh tranh, Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam vùng Đông Nam bộ có 4 khu Khu du lịch quốc gia như khu du lịch núi Bà Đen (Tây Ninh), Khu du lịch quốc gia Cần Giò, Khu du lịch quốc gia Long Hải – Phước Hải, Khu du lịch quốc gia Côn Đảo.

Cảnh quan nghỉ dưỡng ven biển: Bình Châu, Long Hải, Vũng Tàu, Côn Đảo (thuộc tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu), Cần Giò (TP. Hồ Chí Minh).

Cảnh quan nghỉ dưỡng hồ: Hồ Trị An (Đồng Nai), Thác Mơ ..

Các vườn quốc gia: Nam Cát Tiên, Côn Đảo, Cần Giò...

Các tuyến du lịch văn hóa của các dân tộc S’Tiêng (Bình Phước), Mạ, Chơ Ro (Đồng Nai)...

Du lịch MICE gắn với văn hóa, lễ hội, giải trí, du lịch nghỉ dưỡng biển, du lịch giải trí cuối tuần, du lịch thể thao, du lịch mua sắm và du lịch gắn với cửa khẩu.

TP.Hồ Chí Minh gắn với khu rừng Sác Cần Giò và hệ thống di tích lịch sử - văn hóa nội thành

Hệ thống khu, điểm, đô thị du lịch: căn cứ đặc điểm tài nguyên du lịch và thực tế nhu cầu phát triển, định hướng quy hoạch phát triển các khu du lịch quốc gia, điểm du lịch quốc gia và đô thị du lịch.

*Có 4 khu du lịch quốc gia*

1. Khu du lịch quốc gia núi Bà Đen
2. Khu du lịch quốc gia Cần Giò
3. Khu du lịch quốc gia Long Hải – Phước Hải
4. Khu du lịch quốc gia Côn Đảo

*Có 5 điểm du lịch quốc gia*

1. Điểm du lịch quốc gia Tà Thiết
2. điểm du lịch quốc gia TW Cục Miền Nam
3. điểm du lịch quốc gia Cát Tiên
4. điểm du lịch quốc gia Hồ Trị An – Mã Đà
5. điểm du lịch quốc gia Củ Chi

*Có 1 đô thị du lịch: Vũng Tàu*

Ngoài ra chú trọng phát triển các điểm du lịch như Thác Mơ – Bà Rá (Bình Phước), Bình Châu, Phước Bửu, Núi Dinh (Bà Rịa – Vũng Tàu)

### **3.2. Một số tuyến điểm du lịch chủ yếu vùng du lịch Đông Nam Bộ**

#### **3.2.1. Một số tuyến điểm du lịch nội tỉnh thành phố Hồ Chí Minh**

Thành phố Hồ Chí Minh có diện tích là 2.095,5 km<sup>2</sup>, dân số là 7.396,5 nghìn người (2010). Thành phố có các Quận 1, Quận 2, Quận 3, Quận 4, Quận 5, Quận 6, Quận 7, Quận 8, Quận 9, Quận 10, Quận 11, Quận 12, Tân Bình, Bình Thạnh, Phú Nhuận, Thủ Đức, Gò Vấp, Bình Tân, Tân Phú và các huyện là Nhà Bè, Cần Giờ, Hóc Môn, Củ Chi, Bình Chánh. Thành phố có các dân tộc cùng chung sống chủ yếu người Việt (Kinh), Hoa, Khmer, Chăm.

*Điều kiện tự nhiên:* Lãnh thổ thành phố Hồ Chí Minh có tọa độ địa lý 10°22'13" – 11°22'17" vĩ độ Bắc và 106°01'25" – 107°01'10" kinh độ Đông. Phía bắc giáp tỉnh Tây Ninh, Bình Dương, phía đông giáp tỉnh Đồng Nai, phía nam giáp biển Đông và tỉnh Tiền Giang, phía tây giáp tỉnh Long An. Đất của thành phố chủ yếu là phù sa cũ và phù sa mới tạo lập nên. Trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh có hàng trăm sông ngòi, kênh rạch nhưng sông lớn không nhiều, lớn nhất là sông Sài Gòn mà đoạn chảy qua thành phố dài 106km. Hệ thống đường sông từ thành phố Hồ Chí Minh lên miền Đông và xuống các tỉnh miền Tây, sang Cam-pu-chia đều thuận lợi. Thành phố có 15km bờ biển. Khí hậu hai mùa rõ rệt, mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 11, lượng mưa bình quân năm 1.979mm. Mùa khô từ tháng 12 đến tháng 4 năm sau. Nhiệt độ trung bình năm 27,55°C, không có mùa đông. Thành phố Hồ Chí Minh là đầu mối giao thông của cả miền Nam bao gồm đường sắt, đường bộ, đường thủy và đường không với sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất. Từ thành phố đi Hà Nội có quốc lộ 1A, đường sắt Thống nhất và quốc lộ 13 xuyên Đông Dương.

*Tiềm năng phát triển du lịch:* Hiện nay thành phố Hồ Chí Minh là trung tâm du lịch lớn nhất nước, thu hút hàng năm 70% lượng khách quốc tế đến Việt Nam. Sở dĩ như vậy vì ngoài cơ sở hạ tầng khá tốt, giao thông tương đối thuận tiện, thành phố là một nơi có tài nguyên du lịch phong phú. Nơi đây là một vùng đất gắn liền với lịch sử đấu tranh giành độc lập của dân tộc kể từ khi thực dân Pháp đặt chân lên Việt Nam. Thành phố Hồ Chí Minh cũng là nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại ra đi tìm đường cứu nước (1911). Gắn liền với sự kiện đó, cảng Nhà Rồng và Bảo tàng Hồ Chí Minh là một di tích quan trọng, thu hút nhiều khách du lịch trong và ngoài nước. Các di tích cách mạng khác như địa đạo Củ Chi, hệ thống các bảo tàng, nhà hát, nhà văn hoá, các công trình kiến trúc thời Pháp là những điểm du lịch hấp dẫn. Gần đây thành phố đã đầu tư nhiều khu du lịch như Thanh Đa, Bình Quới, nhiều khu vui chơi giải trí như Đầm Sen, Kỳ Hoà, công viên Nước, Suối Tiên,... đã thu hút và hấp dẫn du khách. Hiện nay, thành phố đang tiến hành tôn tạo các di tích lịch sử, các công trình kiến trúc cổ, đầu tư cho hệ thống bảo tàng, khôi phục nền văn hoá truyền thống kết hợp với tổ chức các lễ hội, khôi phục văn hoá miệt vườn, làng hoa để phát triển một cách vững chắc ngành du lịch của thành phố. Với hơn 300 năm hình thành và phát triển, thành phố Hồ Chí Minh có nhiều công trình kiến trúc cổ như Nhà Rồng, đền Quốc Tổ, dinh Xã

Tây, Nhà hát lớn, Bưu điện, hệ thống các ngôi chùa cổ (chùa Giác Lâm, chùa Bà Thiên Hậu, chùa Tổ Đình Giác Viên...), hệ thống các nhà thờ cổ (Đức Bà, Huyện Sỹ, Thông Tây Hội, Thủ Đức...). Nhìn chung, một trong những đặc trưng văn hoá của 300 năm lịch sử đất Sài Gòn - Gia Định, nơi hội tụ nhiều dòng chảy văn hoá, là "cơ cấu kiến trúc" Việt - Hoa - châu Âu. Một nền văn hoá kết hợp hài hoà giữa truyền thống dân tộc của người Việt với những nét đặc sắc của văn hoá phương Bắc và phương Tây.

### **Các điểm tham quan du lịch tại thành phố Hồ Chí Minh**

#### *Hội trường Thống Nhất*

Dinh thống Nhất hay còn gọi là dinh Độc Lập tọa lạc tại số 106 Nguyễn Du, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh. Trước đây vào năm 1873 trên nền đất này là một toà biệt thự tên gọi là dinh Nô-rô-đôm- dinh của toàn quyền Đông Dương ở Sài Gòn. Năm 1954 Tổng thống Nguyễn Văn Xuân và đại gia đình họ Ngô đã ở và làm việc ngay trong dinh Nô-rô-đôm. Đến 27/2/1962 dinh Nô-rô-đôm bị máy bay ném bom hư hỏng nặng. Diệm đã cho phá huỷ toàn bộ dinh Nô-rô-đôm, xây dựng một dinh mới hoàn toàn gọi là dinh Độc Lập.

Dinh có diện tích sử dụng 4500m<sup>2</sup> trên khuôn viên đất rộng 120.000m<sup>2</sup> gồm 1 tầng hầm, 3 tầng chính, 2 tầng lửng, 1 sân thượng và lầu nghỉ mát gọi là lầu Tứ Phương. Dinh có 100 phòng, mỗi phòng có cách bài trí riêng theo nội dung từng phòng. Phòng khánh tiết có sức chứa 800 người... Dinh còn có 2 nhà triển lãm với tổng diện tích 2.000 m<sup>2</sup>, một khu nhà khách 33 phòng, nhà phát điện dự phòng công suất 350 KVA và nhiều điểm dịch vụ vui chơi giải trí khác như sân tennis, khu nhà sàn Tây Nguyên. Vào lúc 11h30' ngày 30/4/1975 xe tăng quân giải phóng đã tiến thẳng vào dinh Độc Lập, chính phủ Nguyễn Văn Xuân cùng tổng thống Dương Văn Minh đầu hàng vô điều kiện. Sau ngày giải phóng, dinh Độc Lập là trụ sở của Ủy ban quân quản thành phố. Hội nghị hiệp thương thống nhất đất nước đã họp ở đây vào tháng 12/1975 và dinh Độc Lập đã được đổi tên thành Hội trường Thống Nhất. Ngày nay, hội trường Thống Nhất đã trở thành khu di tích lịch sử văn hoá được đông đảo khách trong nước và nước ngoài đến tham quan.

#### *Bảo tàng Hồ Chí Minh (HCM)*

Bến Nhà Rồng hay khu lưu niệm Bác Hồ tọa lạc tại số 1 Nguyễn Tất Thành, quận 4, Tp. Hồ Chí Minh bên ngã ba sông Sài Gòn, đầu đường Nguyễn Tất Thành. Nơi đây ngày 5/6/1911, người thanh niên Nguyễn Tất Thành mà sau này là Chủ tịch Hồ Chí Minh đã xuống tàu "Đô đốc Latouche Tréville" ra đi tìm đường cứu nước. Nhà Rồng nguyên là trụ sở của đại diện hãng chuyên chở hàng hải Pháp (thuộc Công ty vận tải đường biển Pháp Messageries Maritimes) xây cất năm 1862 làm nơi ở cho viên tổng quản lý và là nơi bán vé tàu. Toà nhà có hình 2 con rồng trên nóc. Con tàu đầu tiên rời bến Nhà Rồng vào tháng 11 năm 1862. Ngày 3 tháng 9 năm 1979, Ủy ban nhân dân Tp. Hồ Chí Minh quyết định lấy Nhà Rồng là "Khu lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh" (tức Bảo tàng Hồ Chí Minh - Bến Nhà Rồng). Bên trong khu nhà lưu niệm có trưng bày nhiều hình ảnh và hiện vật về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch. Từ đó đến nay, Bảo tàng Hồ Chí Minh - Bến Nhà Rồng đã đón tiếp hàng chục triệu lượt khách trong và ngoài nước vào tham quan. Ngoài ra, tại đây thường tổ chức những cuộc vui lớn, biểu diễn nghệ thuật, nghe kể chuyện truyền thống, tổ chức lễ kết nạp Đảng, kết nạp Đoàn viên.

#### *Bảo tàng chứng tích chiến tranh*

Bảo tàng chứng tích chiến tranh được thành lập tháng 9-1975, tiền thân là nhà trưng bày tội ác chiến tranh Mỹ - Nguyễn, đặt tại số 28 Võ Văn Tần, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh. Bảo tàng trưng bày một số hiện vật, hình ảnh tội ác của Mỹ - Nguyễn trong chiến tranh với các chủ

đề: lính Mỹ tàn sát nhân dân, rải chất độc hóa học, tra tấn, tù đày, chiến tranh phá hoại miền Bắc. Các hiện vật như máy bay, đại bác, xe tăng, máy chém và hai ngăn "chuồng cọp" được xây dựng đúng kích thước như ở nhà tù Côn Đảo. Có các phòng trưng bày về: Chiến tranh biên giới Tây Nam, chiến tranh bảo vệ biên giới phía Bắc, vấn đề quần đảo Trường Sa, âm mưu của các thế lực địch. Bên ngoài, bảo tàng có những gian hàng trưng bày, giới thiệu sản phẩm văn hoá dân tộc Việt Nam, phòng rối nước Việt Nam. Hơn 20 năm qua đã có gần 6 triệu lượt người xem, trong đó có gần 1 triệu lượt khách nước ngoài, đông nhất vẫn là các du khách người Mỹ.

### *Bảo tàng Tôn Đức Thắng*

Bảo tàng Tôn Đức Thắng tạo lạc tại số 5 Tôn Đức Thắng, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh được thành lập nhân dịp kỷ niệm 100 năm ngày sinh Chủ tịch Tôn Đức Thắng (20/8/1888 - 20/8/1988) tại toà nhà vốn là tư dinh của Trần Thiệu Khiêm, Thủ tướng của chính quyền Sài Gòn trước năm 1975. Bảo tàng là nơi lưu giữ, nghiên cứu, trưng bày, giới thiệu, về cuộc đời và sự nghiệp của Chủ tịch Tôn Đức Thắng - nhà yêu nước lớn, một chiến sĩ kiên cường mẫu mực. Chủ tịch Tôn Đức Thắng là người Việt Nam duy nhất đã tham gia phản chiến trên chiến hạm tại biển Đen vào năm 1917, ủng hộ cuộc cách mạng vô sản đầu tiên trên thế giới thắng lợi - cách mạng tháng mười Nga. Là người kế tục chức vụ Chủ tịch nước Việt Nam sau khi Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời, từ năm 1969 đến năm 1980. Hiện nay, Bảo tàng có 7 phòng trưng bày với diện tích trên 700m<sup>2</sup>. Bảo tàng đã thể hiện một cách sinh động, khái quát về cuộc đời và sự nghiệp của Chủ tịch Tôn Đức Thắng qua hơn 600 hiện vật, tài liệu, hình ảnh.

### *Chùa Giác Lâm*

Chùa Giác Lâm là một trong những ngôi chùa cổ xưa nhất thành phố, chùa còn có tên là Cẩm Sơn hoặc Cẩm Điện, tọa lạc tại số 118 Lạc Long Quân, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh. Chùa được xây vào năm 1744. Phong cảnh nơi này đẹp như tranh với những vườn hoa và những cây cao. Nhiều người đến đây để sáng tác và ngâm thơ. Chùa đã được trùng tu nhiều lần: vào năm 1804 và 1909. Trên cổng có ba chữ Giác Lâm Tự viết bằng chữ Hán. Chùa còn được gọi là đình Giác Lâm vì có nhiều am với những người trụ trì thuộc dòng họ Lâm Tế, con cháu của những người truyền và phát triển đạo Phật ở Trung Quốc. Chùa Giác Lâm được xây dựng trên một diện tích rộng. Kiến trúc của chùa khá đặc sắc, đặc biệt là những cột chùa to lớn, màu nâu đậm, trên đó chạm những câu đối mạ vàng (có 143 cặp câu đối). Bao lam của chùa chạm các loại hoa mai, hoa cúc và chín con rồng. Chính điện thờ Phật Di Đà, dưới thờ Phật Thích Ca, Di Lặc, hai bên thờ Quan Thế Âm và Thế Thập Bát La Hán, Thập điện Diêm Vương, Tổ Sư Đạt Ma và tượng Long Vương. Có 113 pho tượng Phật bằng đồng và gỗ quý, đặt thờ tại đây được khoảng 200 năm. Kiến trúc của chùa mang đậm nét phương Đông, nghiêm trang, nhẹ nhàng, mỹ thuật. Đặc biệt tượng Phật Địa Tạng của chùa đẹp có tiếng. Chùa được công nhận là di tích lịch sử văn hoá quốc gia.

### *Nhà thờ Đức Bà*

Nhà thờ Đức Bà hay còn gọi là Nhà thờ Lớn là một công trình kiến trúc bê thế có hai tháp chuông cao, tại quảng trường mang tên "Công xã Paris", nơi trung tâm quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Công trình được khởi công xây dựng ngày 7/10/1877 và được khánh thành vào ngày 11/4/1880. Nhà thờ được thiết kế tại Pháp, thi công xây dựng do kỹ sư người Pháp tên là Bourad chỉ huy thực hiện. Tổng kinh phí xây dựng lúc bấy giờ là 2,5 triệu Frances do Thống sứ Nam kỳ cung cấp. Thánh đường có chiều dài là 133m tính từ cửa ngõ đến cuối phòng đọc kinh, chiều ngang 35m và cao 21m. Lúc đầu, hai tháp có chiều cao tính



từ mặt đất là 36,6m. Sau xây thêm hai chóp nhọn lầu chuông 21m nữa, do vậy chiều cao của tháp là hơn 57m (Tháp chuông làm năm 1895). Sáu đại hồng chung, nặng 25.850kg đặt dưới hai lầu chuông. Ngày 7 và 8 tháng 12 năm 1959, theo sự chấp thuận của toà thánh Vatican, nhà thờ làm lễ "xức dầu" đặt tên là "Vương Cung Thánh Đường".

#### *Nhà thờ Huyện Sỹ*

Nhà thờ Huyện Sỹ được xây cất năm 1902 do Đức cha Bouttier thiết kế, đặt tại số 1 Tôn Thất Tùng, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh. Đây là công trình được xem là một trong số hiếm công trình sử dụng vật liệu đá granít Biên Hoà, tại mặt tiền cũng như các phần đế và nhất là các cột chính điện. Loại đá này rất cứng nên không có các chi tiết trang trí truyền thống nhưng lại thể hiện ý muốn phô trương sự giàu có. Nhà thờ có phong cách kiến trúc tân Gothique. Chính điện có vòm chịu lực dạng cung nhọn, cửa sổ có vòm đỉnh nhọn và một số trang trí đặc thù khác. Tường có cửa sổ nhưng ánh sáng ít vào được bên trong do được sàng lọc. Hậu cung có mộ ông bà Huyện Sỹ (Lê Phát Đạt), tất cả bằng cẩm thạch kể cả tượng hai ông bà đang yên giấc ngàn thu. Huyện Sỹ là người giàu có nhất thời bấy giờ đã bỏ tiền ra xây cất nhà thờ nên là nhà thờ được đặt tên là "Nhà thờ Huyện Sỹ".

#### *Địa đạo Củ Chi*

Địa đạo Củ Chi là một di tích lịch sử cách mạng nổi tiếng, thuộc xã Phú Mỹ Hưng, huyện Củ Chi, cách trung tâm Tp. Hồ Chí Minh 70km về phía tây bắc. Địa đạo quả là kỳ quan độc nhất vô nhị: dài 250km chạy ngoắt ngoéo trong lòng đất, được làm nên từ dụng cụ thô sơ là lưỡi cuốc và chiếc ki xúc đất. Đường hầm sâu dưới đất từ 3 - 8m, chiều cao chỉ đủ cho một người đi lom khom. Căn hầm đầu tiên ở ngay bìa rừng có giếng ngầm cung cấp nguồn nước uống và sinh hoạt cho toàn khu vực địa đạo. Giếng sâu 15m, trong vắt. Hệ thống địa đạo gồm 3 tầng, từ đường "xương sống" tỏa ra vô số nhánh dài, nhánh ngắn ăn thông nhau, có nhánh trở ra tận sông Sài Gòn. Tầng một cách mặt đất 3m, chống được đạn pháo và sức nặng của xe tăng, xe bọc thép. Tầng 2 cách mặt đất 5m, có thể chống được bom cỡ nhỏ. Còn tầng cuối cùng cách mặt đất 8-10m hết sức an toàn. Đường lên xuống giữa các tầng hầm được bố trí bằng các nắp hầm bí mật. Bên trên nguy trang kín đáo, nhìn như những ụ mỗi đùn, dọc đường hầm có lỗ thông hơi. Liên hoàn với địa đạo có các hầm rộng để nghỉ ngơi, có nơi dự trữ vũ khí, lương thực, có giếng nước, có bếp Hoàng Cầm, có hầm chỉ huy, hầm giải phẫu... Còn có cả hầm lớn, mái lợp thoáng mát, nguy trang khéo léo để xem phim, văn nghệ. Du khách hãy một lần chui vào địa đạo, ta sẽ thấy rõ chiều sâu thăm thẳm của lòng căm thù, ý chí bất khuất của "vùng đất thép" và sẽ hiểu vì sao một nước Việt Nam nhỏ bé lại chiến thắng một nước lớn và giàu có như Hoa Kỳ? Ta cũng sẽ hiểu vì sao Củ Chi - mảnh đất nghèo khó lại đương đầu ròng rã suốt 20 năm với một đội quân thiện chiến, vũ khí tối tân mà vẫn giành thắng lợi. Cũng từ địa đạo này, cuộc hành quân Crimp (cái bẫy) của Mỹ với 3.000 quân bộ, cuộc hành quân Sedarfall gồm 12.000 lính, có xe tăng, máy bay yểm trợ tối đa, nhằm biến Củ Chi thành "khu tự do hủy diệt" đã bị đập tan. Củ Chi thật xứng danh "đất thép thành đồng" qua 20 năm bền bỉ chiến đấu.

Điều thú vị nữa khi về thăm mảnh đất anh hùng này là các hướng dẫn viên đều ăn mặc như hồi chiến tranh: nam mặc đồ giải phóng, mũ tai bèo; nữ mặc bà ba đen, quần khăn rằn và đi dép lốp. Sự có mặt của họ bên trong những bụi cây, ở mỗi khúc quanh khiến du khách có cảm giác đang được sống trong sự thật của Củ Chi thời đánh giặc. Cảm giác thời chiến rõ nét hơn khi đĩa sắn luộc, bát muối vừng được đưa mời khách du lịch. Những ly rượu bé xíu, trong vắt và nồng nàn được gọi đùa là nước mắt quê hương bên đĩa rau mốp

muối chua, giòn và ngon đến lạ. Bạn đừng quên nếm thử món rau mốp. Rau mốp là lương thực chính của quân dân Củ Chi ngày trước, còn giờ đây đang là đặc sản.

### *Làng du lịch Bình Quới*

Làng Du lịch Bình Quới nằm trên bán đảo Thanh Đa bên bờ sông Sài Gòn, cách trung tâm thành phố Hồ Chí Minh 8km. Với cảnh quan sông nước độc đáo, đây là khu du lịch tổng hợp lớn nhất tại thành phố Hồ Chí Minh. Tại đây có 55 phòng ngủ trang thiết bị hiện đại, ẩn mình dưới những tán cây rợp mát ven sông. Nhà hàng ở đây là địa chỉ tin cậy cho những cuộc liên hoan, chiêu đãi và rất nổi tiếng với những món nướng hay đặc sản Việt Nam. Hàng đêm tại khu du lịch có chương trình văn nghệ dân tộc độc đáo: “lễ hội Kỳ Yên”, “ca nhạc tài tử Nam bộ trên Ghe Hào”, “đám cưới truyền thống Việt Nam”, ca nhạc dân tộc... Các chương trình văn nghệ này đã cuốn hút đông đảo du khách trong và ngoài nước tới xem. Tại đây, du khách cũng có thể tham dự lướt ván, câu cá, quần vợt, bơi lội, và nhiều môn thể thao khác. Từ Bình Quới, du khách có thể du thuyền theo tuyến sông Sài Gòn đến thăm địa đạo Bến Dược, vườn trái Lái Thiêu hoặc về bến cảng Nhà Rồng.

### *Khu du lịch Suối Tiên*

Khu du lịch Văn hóa Suối Tiên nằm ở cửa ngõ Đông Bắc Sài Gòn, trên đường Xa lộ Hà Nội, phường Tân Phú, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh, được xây dựng cải tạo với mục đích kết hợp du lịch với giáo dục văn hoá lịch sử, nguồn cội dân tộc. Là một vùng đất đồi hình chữ S, rộng 200.000m<sup>2</sup>, chính giữa có dòng suối với nhiều mạch nước ngầm uốn lượn chảy xuyên qua suốt chiều dài 2.000m. Suối Tiên gồm 12 khu vực chính, vốn đầu tư 50 tỷ đồng. Hàng năm Suối Tiên đón từ 1,5 - 2 triệu lượt khách đến tham quan. Nét độc đáo của Suối Tiên là tính chất lịch sử, huyền thoại, các cụm mô hình ở đây được lấy ý tưởng từ các truyền thuyết, huyền tích của dân tộc và tư tưởng đạo học phương Đông. Với mơ ước về sự thái bình, an khang thịnh vượng, những nhà thiết kế xây dựng Suối Tiên thành 4 vùng đất theo truyền thuyết về tứ linh: Long, Lân, Qui, Phụng, mỗi vùng đất ứng với 1 hành trong ngũ hành: kim, mộc, thủy, hỏa lấy thổ làm trung tâm. *Kim Long Thổ* là thế giới của huyền thoại và truyện cổ tích. Qua Cầu Tứ Linh du khách gặp ngay Rồng khổng lồ dài 400m. Thủy cung ngầm trong lòng đất trưng bày hơn 500 loài sinh vật biển với đủ loại màu sắc sống động. Theo bụng Rồng đưa du khách đến Long Quy ẩn thủy gợi nhớ huyền tích rùa vàng dâng kiếm báu cho vua Lê. Đuôi Rồng là Đồi Âu Lạc - nơi Lạc Long Quân và Âu Cơ gặp nhau, Long Quân và Âu Cơ lấy nhau và sinh ra bọc trăm trứng nở thành trăm con, niềm tự hào dòng dõi con Rồng cháu Tiên của Người Việt. Sau đó du khách sẽ được đến Đảo Thiên nơi tưởng niệm Tổ tiên cùng các anh hùng dân tộc đã có công dựng nước và giữ nước, ở đây còn có sự tích Hội nghị Diên Hồng đời Trần, Qua cầu "Ô Thước" du khách sẽ đến Đảo Tiên - nơi gặp gỡ của đôi vợ chồng Ngưu Lang - Chức Nữ. *Mộc Lân Thổ* là một vùng đất nằm gần công chính, hướng bắc. Qua Cổng Thần Tiên du khách như bước vào một khu rừng nguyên sinh hùng vĩ, nằm cạnh bờ suối là những Cầu Kiêu, Giếng Tiên, Hang Tiên Sư, Thác nước Chín dòng, Đền thờ Phật Bà Quan Thế Âm Bồ Tát. Một thế giới hoang sơ thu nhỏ, đến đây ta sẽ có được những phút giây cực kỳ sáng khoái, thanh thản. Cạnh bên là sân khấuẾch thần, biểu hiện của sự may mắn, du khách có thể ghé qua đây để thưởng thức những tiết mục văn nghệ đặc sắc sau đó vào chơi Sân Patin với những đường băng uốn lượn trong vườn cây rợp bóng mát. *Thủy Quy Thổ* là một vùng đồng bằng rộng lớn với bạt ngàn rừng nhãn, nơi đây là địa điểm lý thú cho các cuộc picnic, cắm trại, sinh hoạt dã ngoại...*Hỏa Phụng Thổ* là vùng đất mang tên Hỏa Phụng Thổ bạt ngàn với những hàng dương, những thảm cỏ xanh. Nơi đây còn trưng bày hàng trăm loài thú quý hiếm làm cho bức tranh thiên

nhiên thêm sống động hơn. Xa xa là Tượng Phật Thích Ca tịnh tọa dưới cội bồ đề cao 20m. Đi thêm một chút là Sơn Cung, những danh lam thắng cảnh của đất nước như: Đèo Hải Vân, Vịnh Hạ Long, Hòn Phụ Tử, các hình tượng trong truyền thuyết dân gian tại các hang động... đều được tái hiện lại ở đây.

Không chỉ có những cụm mô hình gợi nhớ truyền thống dân tộc, Suối Tiên còn hấp dẫn với những trò chơi phong phú và hiện đại, từ những trò chơi thiếu nhi như nhà banh, thú nhún, ngựa gỗ, xe điện, xe lửa... đến các trò chơi mới lạ, phiêu lưu, mạo hiểm, ngoạn mục nhưng an toàn tuyệt đối như: Xe đạp trên không đưa du khách tham quan "Trại sấu" từ trên cao nhìn xuống với trên 1.500 con cá sấu; Với trò chơi Đu quay đứng du khách sẽ được nhìn toàn cảnh Suối Tiên từ độ cao 30m; Và sẽ không có gì thích thú hơn khi bay vào không gian bằng chiếc Boeing tự điều khiển ở độ cao 9m.

#### *Nhà hát thành phố Hồ Chí Minh*

Nhà hát thành phố Hồ Chí Minh có kiến trúc cổ kính, uy nghi với 1 tầng trệt, hai tầng lầu, 1800 ghế, không khí thoáng, hệ thống âm thanh ánh sáng hiện đại. Nhà hát thành phố Hồ Chí Minh tọa lạc trên con đường Đồng Khởi - trung tâm thành phố Hồ Chí Minh, bên cạnh là hai khách sạn lớn Caravelle và Continental. Đây là nơi tổ chức biểu diễn sân khấu chuyên nghiệp như: biểu diễn kịch nói, cải lương, ca nhạc, múa balê, dân tộc, ôpera cho tất cả các đoàn nghệ thuật trong và ngoài nước. Tại đây có thể tổ chức những buổi mít tinh, kỷ niệm những ngày lễ lớn, các hội thảo chuyên đề...

#### *Chợ Bến Thành*

Chợ Bến Thành nằm ở trung tâm thành phố. Chợ Bến Thành ngày nay có hình chữ nhật, trở bốn cửa ra quảng trường Quách Thị Trang và các con đường: Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh và Lê Thánh Tôn thuộc quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Trước khi Pháp xâm chiếm Sài Gòn năm 1859, có một chợ nhỏ nằm ở khu đất đồng lầy kề bên bờ sông Bến Nghé và sát thành Sài Gòn. Từ xuất xứ ấy mà chợ đã mang tên ghép là Bến Thành. Chợ được xây bằng gạch, khung gỗ, lợp tranh. Năm 1870, chợ bị cháy một phần. Năm 1911, chợ cũ bị phá đi, chợ mới được xây khang trang rộng rãi hơn và hoàn thành vào tháng 3/1914. Sau năm 1975, chợ Bến Thành lại được đầu tư nâng cấp to đẹp lên rất nhiều so với trước. Năm 1985, chợ Bến Thành được sửa chữa lại toàn bộ bên trong, bên ngoài, duy chỉ có dáng vẻ phía trước với tháp đồng hồ được giữ lại như xưa. Hình ảnh chợ Bến Thành với tháp đồng hồ thường được dùng làm biểu tượng cho thành phố. Chợ Bến Thành là một trung tâm buôn bán lớn không chỉ của TP Hồ Chí Minh mà còn của các tỉnh phía Nam. Chợ Bến Thành được mô tả trong sử cũ như sau: Đó là một "phố chợ nhà cửa trù mật ở dọc theo bến sông. Chỗ đầu bến này có lệ đến đầu mùa xuân gặp ngày tế mạ, có thao diễn thủy binh, nơi bến có đồ ngang chờ khách buôn ngoài biển lên. Đầu phố phía Bắc là ngòi Sa ngư, có gác cầu ván ngang qua, hai bên vách cầu có dãy phố ngói, tụ tập trăm thứ hàng hóa, dọc bến sông ghe buôn lớn nhỏ đến đậu nối liền". Thời ấy, đất Gia Định là một vùng nông nghiệp trù phú nên chợ Bến Thành đầy hàng hóa, nào gạo, cá khô, tôm khô, cau, đường... bán ra để mua tơ lụa, quả thô, nhang, quạt, trà, đồ sành sứ, thuốc uống, dược thảo... từ nước ngoài mang đến. Sở dĩ có tên là chợ Bến Thành là vì chợ gần bến sông và gần thành. Đây chính là khu vực mà nay dành cho thương cảng Sài Gòn. Sau cuộc nổi dậy của Lê Văn Khôi (1833-1835) phố chợ Bến Thành không còn sầm uất như trước. Chợ được xây bằng gạch, sườn gỗ, lợp tranh. Sau khi đánh chiếm Gia Định, thực dân Pháp đã cho lập một nhà lồng làm chợ ở ngay trên nền đất mà nay là trường Trung học Ngân Hàng 3. Ngôi chợ này bị cháy năm 1870, nhưng đã được trùng tu với sườn sắt. Trước nhà lồng chợ có con kênh rộng chạy đến

trước cửa tòa nhà nay là trụ sở của Ủy ban Nhân dân thành phố. Đến năm 1887-1888 thì con kênh này được lấp lại, làm cho khu vực Võ Di Nguy, Tôn Thất Thiệp trở nên náo nhiệt hơn. Đại lộ Nguyễn Huệ trước kia là đường kênh lấp. Chợ Bến Thành được chuyển đến vị trí ngày nay. Nhà lồng chợ được khởi công xây cất trên vùng đất trước đó là một ao sinh lầy gọi là ao Boresse. Thế là chợ Bến Thành xưa trở thành Chợ Cũ, còn chợ Bến Thành mới được gọi là Chợ Mới Sài Gòn. Ngôi chợ này được khởi công xây cất từ khoảng năm 1911 và khánh thành vào tháng 3 năm 1914. Ngày khánh thành có khoảng 100.000 người tham dự, có cả dân từ các tỉnh đổ về. Cuộc lễ diễn ra trong ba ngày 28, 29 và 30 tháng 3 năm 1914 với pháo bông, xe hoa. Hai con đường bên hông chợ mãi đến năm 1940 còn là bến xe đò miền Đông và miền Tây. Gần một trăm năm qua, chợ Bến Thành bao giờ cũng là một trung tâm thương mại, trung tâm phồn hoa náo nhiệt của thành phố Sài Gòn và các tỉnh Nam Bộ cũ. Dần dần nó trở thành một chợ lớn, nơi tập trung những mặt hàng quý hiếm của trong nước và nước ngoài. Sau ngày giải phóng, năm 1975, chợ Bến Thành được sắp xếp và cải tạo lại một cách gọn gàng và ngăn nắp hơn. Trong chợ Bến Thành ngày nay chúng ta có thể tìm thấy đủ loại hàng hóa, từ thực phẩm vật dụng hàng ngày, hàng nhập cảng cũng như hàng nội hóa, từ những mặt hàng thông thường đến những hàng xa xỉ phẩm.

Năm 1985, Ủy ban Nhân dân thành phố và Quận 1 đã cho chỉnh trang và sửa chữa lớn chợ Bến Thành. Nhà lồng chợ và các gian hàng, sạp hàng được sửa chữa và làm mới, duy chỉ có dáng vẻ phía trước với tháp đồng hồ được giữ lại như xưa. Chợ Bến Thành ngày nay có hơn 3.000 hộ kinh doanh. Chợ Bến Thành ngày nay lại được đầu tư nâng cấp to đẹp lên rất nhiều so với trước, để nó xứng đáng là một trung tâm buôn bán lớn ở phía nam đất nước. Hàng hoá chợ Bến Thành rất phong phú, bao gồm hầu hết các sản vật trong nước – đặc biệt là sản vật ở vùng đồng bằng sông Cửu Long – cùng các mặt hàng công nghệ hiện đại trên thế giới.

#### *Thảo Cầm Viên*

Thảo Cầm Viên Sài Gòn tọa lạc tại đường Nguyễn Bình Khiêm, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh là một trong những địa chỉ văn hoá của thành phố Hồ Chí Minh, nơi bảo tồn động thực vật có tuổi thọ đứng hàng thứ 8 trên thế giới. Thảo Cầm Viên bắt đầu xây dựng vào tháng 3/1864 trên một khu đất rộng 12ha nằm cạnh sông Rạch Lăng (phía đông bắc Sài Gòn) do một chuyên viên khảo cứu thực vật nhiệt đới người Pháp là ông J.B.Louis Pierre phụ trách. Công trình hoàn thành vào năm 1865, trong đó trồng nhiều loại cây quý ở trong nước và trên thế giới, nhập từ Ấn Độ, Thái Lan, Lào, Căm-pu-chia như cacao, cafe, vani, một vài giống mía gọi là Jardin Acclimater... Nhiều loại động vật lạ và quý hiếm được đưa về nuôi ở đây và nơi đây được gọi là Sở thú. Đến năm 1924, Sở thú được mở rộng thêm 10ha. Ngày 27/11/1927 Pháp cho xây dựng Viện Bảo tàng Blanchard de la Bross trong khuôn viên Sở thú theo thiết kế giống tháp cung điện mùa hè Bắc Kinh. Năm 1929, Pháp cho xây Temple Du Souvenir có kiến trúc giống như đền thờ lăng tẩm Huế. Trên lầu có thư viện khá rộng. Năm 1956, chính quyền Sài Gòn cho tu sửa và thiết kế lại, viện bảo tàng Blanchard de la Bross được đổi là Viện Bảo tàng Quốc gia Sài Gòn, sở thú đổi là Thảo Cầm Viên. Từ năm 1989, chuồng trại được cải tạo và mở rộng cho thích hợp với đời sống sinh thái của từng loại thú. Diện tích chuồng trại là 21.352m<sup>2</sup>. Năm 1990, Thảo Cầm Viên là thành viên chính thức của hiệp hội các vườn Đông Nam á. Năm 1991, khu hoa viên trong Thảo Cầm Viên được thiết lập lại sau nhiều năm bị bỏ hoang. Sau hơn 130 năm xây dựng, Thảo Cầm Viên đã trở thành một vườn thú lớn của cả nước với 590 đầu thú thuộc 125 loài; thực vật có 1.800 cây gỗ thuộc 260 loài, 23 loài lan nội địa, 33 loài xương rồng, 34 loại

bonsai và thảm cỏ xanh trên diện tích 20ha, chia ra làm nhiều khu: khu nuôi cầm thú, khu cây cảnh và phong lan, khu vui chơi... Thảo Cầm Viên hàng ngày đón hàng nghìn lượt khách đến tham quan.

### *Khu Du lịch Sinh thái Vàm Sát*

Khu Du Lịch Sinh Thái Rừng Ngập Mặn Vàm Sát ở xã Lý Nhơn huyện Cần Giờ, TP.HCM. Nó nằm giữa dòng chảy của hai con sông Vàm Sát, Lòng Tàu, mang trong mình những khoảng rừng đẹp nhất của khu dự trữ sinh quyển thế giới rừng ngập mặn Cần Giờ, thuộc huyện Cần Giờ, TP.HCM. Lịch sử của vùng đất này đã từng trải qua thời kỳ hoang hoá do ảnh hưởng của chất độc hoá học trong chiến tranh. Nhờ bàn tay con người, rừng đã dần hồi sinh và được trả về dáng vẻ uy nghiêm và sự rộng lớn vốn có trước đây. Theo đánh giá của các chuyên gia nước ngoài, rừng ngập mặn Cần Giờ là khu rừng được khôi phục, chăm sóc, bảo vệ và quản lý thuộc vào loại tốt nhất ở Việt Nam và thế giới. Với tổng diện tích 75.740 ha, rừng Cần Giờ là một quần thể động thực vật đa dạng, rất lý tưởng cho mục đích phục vụ nghiên cứu khoa học, du lịch sinh thái và nghỉ ngơi cho du khách. Kể từ khi thành lập vào năm 2000, Khu du lịch Sinh thái Vàm Sát đã xây dựng các điểm tham quan dựa trên môi trường tự nhiên sẵn có. Đầm Dơi là một trong những điểm tham quan thu hút sự quan tâm của du khách. Phong cảnh thiên nhiên đẹp như tranh vẽ. Đi sâu vào bên trong khu đầm, du khách sẽ bắt gặp lũ dơi quạ treo mình ẩn bên trong tán lá những ngọn đước cao. Dơi là loài khá nhạy cảm với môi trường. Chỉ nơi nào thật sự an toàn chúng mới đến cư ngụ. Thú tiêu khiển thú vị nhất ở Đầm Dơi chính là trò câu cua. Những con cua to càng chắc nịch sẽ giúp cho bữa ăn trưa của bạn ngon miệng hơn.

Thuyền máy sẽ tiếp tục đưa du khách đến điểm tham quan tiếp theo. Khu du lịch Vàm Sát có một trại cá sấu đang nuôi khoảng 40 con. Du khách đến đây để tham quan môi trường sống, tìm hiểu tập quán và cách săn mồi của chúng. Nơi đây cũng có một trò chơi khá ấn tượng: “Du thuyền câu cá sấu”. Thuyền câu là một chiếc xuồng đặc biệt bằng chất liệu composit có các khoang không khí giữ thăng bằng, bao bọc lưới B40 xung quanh. Người câu chỉ việc “thả mồi” và chờ chúng...táp. Tàu đưa du khách đến khu trung tâm để ăn trưa và nghỉ ngơi. Trong khi chờ buổi cơm trưa, bạn nên ghé qua thư giãn tại một hồ bơi độc đáo. Nếu bạn không biết bơi thì tại đây bạn bỗng có khả năng ... nổi lênh bênh, có muốn chìm cũng chẳng được. Lý do là vì độ mặn trong hồ khá cao 30% - gấp 10 lần của nước biển nên khối lượng riêng của cơ thể con người sẽ nhỏ hơn của nước trong hồ, thế là bạn tự nhiên nổi. Bạn có thể bơi theo mọi kiểu mình thích, thậm chí có thể vừa bơi vừa đọc báo nữa. Sau khi thư giãn, bạn sẽ dùng cơm trưa tại nhà hàng Vàm Sát. Những món ăn chủ yếu được làm từ sản vật sẵn có tại đây như tôm, cua, cá, sò, ốc... Hoặc nếu có nhu cầu, bạn có thể làm thêm món cá thối lòi béo ngay... Sau đó khách sẽ yên vị trên những chiếc võng đón làn gió mát rượi từ sông thổi lên. Do Khu du lịch Sinh thái rừng ngập mặn Vàm Sát nằm trong vùng lõi của khu dự trữ sinh quyển thế giới rừng ngập mặn Cần Giờ, việc tuân thủ các tiêu chuẩn về môi trường luôn được đưa lên hàng đầu trong chiến lược xây dựng và phát triển. Mọi hoạt động của Vàm Sát luôn theo sát ý kiến của các chuyên gia, các nhà sinh vật học để không làm hỏng môi trường tự nhiên.

Nhờ vào chiến lược đó, Vàm Sát đã xây dựng thành công một sân chim tự nhiên với diện tích hơn 100 ha. Dõi ống nhòm từ đài quan sát, bạn có thể thấy lũ chim đang đậu trên cành, chốc chốc lại vỗ đôi cánh trắng bay lên như thể đang làm duyên với du khách. Mùa hè là mùa chim làm tổ, đẻ trứng và chăm sóc chim non. Du khách có thể đi thuyền điện tham quan, hoặc nếu thích thì băng đồng vào thám hiểm. Cả cánh rừng chà là rộng 100 ha là lãnh

địa của chúng. Len lỏi qua những bụi chà là gay góc, du khách sẽ thấy các tổ chim, có ổ còn trứng, có ổ đã nở thành chim non trông thật sinh động. Khi nắng chiều dần tắt, những con bay đi kiếm ăn lũ lượt vỗ cánh trở về, dệt nên một bức tranh thiên nhiên đẹp lộng lẫy. Để phát triển thêm sân chim, những người bảo vệ rừng đang dùng phương pháp dẫn dụ bằng thức ăn để lôi kéo những bầy đàn khác về, trong đó có cả những loài chim có tên trong sách đỏ Việt Nam và thế giới. Ngoài sân chim, Vàm Sát cũng còn có khu bảo tồn động vật hoang dã như nai, heo rừng, trăn, rắn, kỳ đà...nhằm giúp du khách hiểu thêm về lịch sử của vùng đất này. Hệ thống đập nuôi trồng thủy sản ở khu vực Vàm Sát được xem là hoàn chỉnh và có hiệu quả nhất của cả huyện Cần Giờ, giúp cho những người giữ rừng nơi đây vừa trồng rừng, vừa chủ động được nguồn nước để nuôi thủy sản quanh năm. Do nguồn thức ăn dồi dào nên chim cò về nhiều, vì vậy sân chim phát triển được là điều dễ hiểu; Nguồn lợi của người dân gắn liền với nguồn lợi khai thác thủy sản và bảo vệ rừng nên việc bảo vệ môi trường là việc cần làm để bảo tồn hệ sinh thái vốn rất nhạy cảm này. Nhờ những thành quả đó, tháng 7/2003, Tổ chức Du lịch Thế giới (WTO) đã công nhận Khu Du Lịch Sinh Thái Rừng Ngập Mặn Vàm Sát là một trong 2 khu du lịch sinh thái phát triển bền của thế giới tại Việt Nam. Riêng khu vực sân chim và Đầm Dơi của Vàm Sát cũng đã được UBND thành phố phê duyệt khoanh vùng quy hoạch chim thú rừng tại rừng phòng hộ Cần Giờ nhằm mục đích bảo tồn và phát triển bền vững hệ sinh thái rừng ngập mặn, khu dự trữ sinh quyển, tạo nơi tham quan học tập, nghiên cứu và giáo dục cho nhân dân thành phố, du khách trong và ngoài nước. Đến Vàm Sát bằng thuyền buồm là một hình thức du lịch mới đầy hấp dẫn và thú vị đối với khách du lịch. Hành trình chuyến đi bắt đầu tại bến Bạch Đằng vào lúc sáng sớm khi đường như thành phố còn chưa thức giấc. Quý khách sẽ được tận hưởng một không khí thật trong lành, khoan khoái với gió sông và thỏa chí ngắm nhìn phong cảnh thiên nhiên hai bên bờ. Trên du thuyền quý khách sẽ được phục vụ ăn uống và tận hưởng cảm giác an lành. Và một điều hết sức thú vị đó là khi tham gia tour du lịch Khu sinh thái Vàm Sát quý vị sẽ được ngắm nhìn cảnh bình minh và hoàng hôn thật tuyệt diệu của thành phố trên thuyền buồm.

#### *Mười tám thôn vườn trầu*

Mười tám Thôn vườn trầu thuộc xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, ngoại vi Tp. Hồ Chí Minh, cách trung tâm thành phố chưa đầy 10km. Bà con sinh sống lâu đời ở đây coi trồng trầu là một nghề ăn nên làm ra. Do vậy mà, vườn nhà nọ nối với vườn nhà kia bằng một màu xanh bất tận của cây trầu. Bà con sinh sống lâu đời ở đây coi trồng trầu là một nghề ăn nên làm ra. Do vậy mà, vườn nhà nọ nối với vườn nhà kia bằng một màu xanh bất tận của cây trầu. Nghề nuôi ngựa, nuôi gà chọi cũng là một trong những nghề nổi tiếng ở đây. Buổi đầu Pháp xâm chiếm Nam Bộ, giữa tết năm Ất Dậu (1885), nhân dân Mười tám Thôn vườn trầu đã nổi dậy, khởi nghĩa giết đốc phủ Ca, một tên tay sai gian ác, rồi kéo quân vào Sài Gòn...Năm 1930 khi Đảng Cộng Sản Đông Dương ra đời thì Mười tám Thôn vườn trầu được chọn làm hậu cứ, nơi nuôi dưỡng các cán bộ lãnh đạo của Đảng, nơi cất dấu tài liệu bí mật của Đảng. Trong khoảng thời gian năm 1930 đến 1940, bà con Mười tám Thôn vườn trầu đã bảo vệ, che giấu, nuôi nấng nhiều chiến sĩ cộng sản, nhiều người con ưu tú của giai cấp công nhân, của dân tộc Việt Nam: Nguyễn Văn Cừ, Phan Đăng Lưu, Hà Huy Tập, Võ Văn Tần, Nguyễn Thị Minh Khai, Hoàng Quốc Việt, Lê Duẩn...Tin vào dân, dựa vào dân, Trung ương Đảng đã tổ chức ở đây ba cuộc họp quan trọng. Tháng 3 năm 1937 Trung ương Đảng họp hội nghị mở rộng kiểm điểm tình hình, bàn chủ trương biện pháp cụ thể, nhất là

công tác mặt trận và công tác đấu tranh hợp pháp để đẩy mạnh phong trào cách mạng tại ấp Tiến Lâm.

Cũng tại ấp này, tháng 3 năm 1938, Trung ương Đảng họp hội nghị toàn thể kiểm điểm ưu khuyết điểm về các mặt công tác: xây dựng Đảng, tổ chức quần chúng, xây dựng mặt trận. Và đề ra những chủ trương cụ thể nhằm phát huy thắng lợi đã giành được, đưa phong trào đấu tranh dân chủ lên một bước nữa. Từ ngày 6 đến ngày 8 tháng 11 năm 1939, hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 6 khai mạc tại ấp Tây Bắc Lân - Mười tám Thôn vườn trầu với sự tham gia của các đồng chí Nguyễn Văn Cừ (Tổng bí thư), Lê Duẩn, Phan Đăng Lưu, Võ Văn Tần... Hội nghị đã bàn toàn diện các chủ trương của Đảng trong tình hình mới. Đêm 23 tháng 11 năm 1940, khởi nghĩa kỳ bùng nổ. Cả một vùng rộng lớn nông thôn Nam Bộ rung chuyển trước sức nổi dậy, tiến công của quần chúng cách mạng. Ngày đó, bà con Mười tám Thôn vườn trầu tự vũ trang bằng gậy gộc, giáo mác đánh vào các cơ quan hành chính của thực dân Pháp. Do điều kiện chưa chín muồi, cuộc khởi nghĩa này đã thất bại. Thực dân Pháp dựng trường bắn ngay tại thị trấn Hóc Môn - chỗ ngã ba Giồng. Tại đây, những người con ưu tú của dân tộc, những cán bộ xuất sắc của Đảng: Nguyễn Văn Cừ, Võ Văn Tần, Phan Đăng Lưu, Nguyễn Thị Minh Khai... đã ngã xuống.

Ngày nay Hóc Môn vẫn còn những di tích lịch sử ghi dấu những giai đoạn lịch sử anh hùng của nhân dân Hóc Môn cùng nhân dân Nam Bộ đấu tranh anh dũng kiên cường với thực dân Pháp, để quốc Mỹ dành độc lập. Như: "Bia căm thù" ở Cầu Xáng, khu di tích.

*Đền tưởng niệm liệt sĩ Bến Dược - Củ Chi*

Đền được xây dựng để tưởng nhớ công ơn to lớn của đồng bào, chiến sĩ đã chiến đấu, hy sinh trên vùng đất Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định trong hai cuộc kháng chiến chống quân xâm lược chống Pháp và Mỹ. Trên vùng đất nổi tiếng của địa đạo Củ Chi năm xưa đánh Mỹ và ngay giữa lòng "tam giác sắt" một thời rền vang bom đạn, ngày nay, sau 20 năm giải phóng thành phố và thống nhất đất nước, đảng bộ và nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đã tạo dựng nên công trình: ĐỀN TƯỞNG NIỆM LIỆT SĨ BẾN DƯỢC - CỦ CHI, là một công trình dành cho thế hệ mai sau nhớ mãi, tri ân và tự hào. Đền tưởng niệm liệt sĩ Bến Dược, Củ Chi là một công trình tập hợp những đóng góp vật chất và trí tuệ của đồng bào, của lãnh đạo Thành ủy, ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và các bậc lãnh đạo trí thức, văn nghệ sĩ, nghệ nhân ... Mỗi người đóng góp bằng sự nhiệt tình của trái tim cháy bỏng, của đạo lý và trí tuệ trong sáng nhất để làm nên một quần thể kiến trúc đậm đà bản sắc dân tộc. Đền được xây dựng trên một vùng đất rộng 7 ha, khởi công vào ngày 19/5/1993 nhân kỷ niệm ngày sinh lần thứ 103 của Chủ tịch Hồ Chí Minh, vị lãnh tụ kính yêu của dân tộc, người sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Ngày 19/12/1995, đền tưởng niệm khánh thành giai đoạn 1 và bắt đầu đón tiếp những đoàn người trong nước và nước ngoài đến tưởng niệm, và trầm ngâm về một lẽ sống còn đã làm nên hồn thiêng dân tộc. Đền tưởng niệm được các nhà kiến trúc, những nhà xây dựng và những người tâm huyết tạo thành một quần thể kiến trúc hài hòa, thoáng đảng, mang bản sắc văn hóa Việt một cách tinh tế, dịu dàng như tâm hồn dân tộc Việt. Đền tưởng niệm liệt sĩ Bến Dược gồm có các hạng mục: *Cổng tam quan*: Cổng tam quan được kiến trúc theo phong cách cổ truyền của dân tộc với các hàng cột tròn, trên lợp ngói âm dương. Cổng có hoa văn, họa tiết, mái cong của những cổng đình làng nhưng được cách tân bởi những vật liệu mới. Chính giữa cổng tam quan là biển đề "Đền Bến Dược" và trên các thân cột là những câu đối của nhà thơ Bảo Định Giang:

*"Trải tấm lòng son vì đất nước;  
Đem dòng máu đỏ giữ quê hương."*

*" Lòng biết công ơn nhang thơm một nén,  
Đời còn bóng dáng sao sáng ngàn năm."*

**Nhà văn bia:** Nhà văn bia là một nhà vuông có hai mái, lợp ngói, ở giữa đặt một tấm bia đá cao 3m, ngang 1,7m, dày 0,25m, nặng 3,7 tấn. Tấm bia đá này được lấy từ một khối đá nặng 18 tấn ở Ngũ Hành Sơn, Tp. Đà Nẵng và được các nghệ nhân đục gọt, chạm khắc những hoa văn độc đáo của dân tộc. Bài văn được khắc vào bia đá với tựa đề "đời đời ghi nhớ" của nhà thơ Viễn Phương, được chọn trong một cuộc thi có 217 bài ở 29 tỉnh, thành phố. Bài văn bia thật sự là một áng hùng văn bất hủ, vừa thể hiện hào khí ngất trời của dân tộc ta, vừa nói lên cái tâm nhân hậu của dân tộc, cái hùng "bạt núi, san đèo" của nhân dân, cái nghĩa tình cao cả, đằm thắm của biết bao đồng chí, đồng bào đã không quản ngại gian khổ, hy sinh để làm nên những trang lịch sử vẻ vang, chói lọi.

**Đền chính:** Kiến trúc mang dáng dấp đền đài cổ của Việt Nam, vừa tôn nghiêm, vừa tĩnh mịch. Điện thờ bố trí theo hình chữ U: Trung tâm là bàn thờ Tổ Quốc, chính giữa có tượng Chủ tịch Hồ Chí Minh, phía trên ghi: Vì nước quên mình. Tổ quốc ghi công. Đời đời ghi nhớ. Tả, hữu là hai hương án thờ các bậc tiền hiền tiên liệt và đồng bào, chiến sĩ đã hy sinh, chưa tìm được tên. Dọc theo các bậc tường bên trái là tên liệt sĩ khối dân chính đảng, các bậc tường bên phải là tên liệt sĩ lực lượng võ trang.

Tên liệt sĩ được khắc vào bia đá hoa cương, chữ mạ vàng. Có 44.357 liệt sĩ được ghi tên trong đền, gồm Mẹ Việt Nam anh hùng, anh hùng, liệt sĩ, trong đó có 9.322 liệt sĩ là con em của 40 tỉnh, thành phố khác. Hằng ngày, có nhiều lượt người đến tìm tên của thân nhân và đồng đội, đã nghẹn ngào, xúc động vì đã tìm thấy được tên, biết được nơi an táng và những chi tiết khác của liệt sĩ do ban quản lý cung cấp.

**Tháp:** Thể hiện cho sự vươn lên đỉnh cao trong tương lai. Tháp có 9 tầng, cao 39m. Trên vách tháp có nhiều văn hoa, phù điêu thể hiện cuộc sống và chiến đấu của nhân dân Củ Chi "đất thép thành đồng". Đứng trên tầng cao của tháp, chúng ta có thể ngắm nhìn một phần của vùng căn cứ cách mạng mà địa danh đã đi vào lịch sử: vùng "tam giác sắc".

**Hoa viên:** Từ khu đất đầy hố bom, cằn cỗi do chiến tranh tàn phá, nay đền đã có một mảng hoa viên mượt mà, tươi đẹp, hoa nở quanh năm với nhiều loại cây kiểng quý do nhiều nghệ nhân và các nơi gửi tặng. Đặc biệt, các đồng chí lãnh đạo trung ương, thành phố và các tỉnh đã trồng lưu niệm nhiều loại cây quý ở đây.

#### *Di vật khảo cổ học tại huyện Cần Giờ*

Tại khu di tích khảo cổ, khu Bao Đồng thuộc xã Lý Nhơn, huyện Cần Giờ, thành phố Hồ Chí Minh. Đây là một di chỉ cư trú sản xuất gốm, đồng thời là một di chỉ mộ táng của người xưa. Nơi đây có trên 49.000 di vật khảo cổ đã được tìm thấy tại huyện Cần Giờ. Đó là các mảnh gốm. Gốm sản xuất tại đây là nồi gốm và bình gốm miệng chum, có khoét rãnh, gốm được gia công bằng kỹ thuật in đập với một dụng cụ có khoét nhiều rãnh, tạo các văn hoa và được nung ngoài trời. Ước tính niên đại của các di vật này khoảng 2.500 đến 3.000 năm. Đây là phát hiện quan trọng để tìm hiểu và nghiên cứu về các di tích mộ chum phát hiện tại huyện Cần Giờ từ trước tới nay.

#### *Lễ hội Nghinh Ông*

Lễ hội nghinh "Ông", hay là lễ cúng cá "Ông" (cá voi) gắn liền với tục thờ cá ông phổ biến từ đèo Ngang trở vào đến Hà Tiên, đảo Phú Quốc, là loại lễ hội nước lớn nhất của ngư dân. Lễ hội được diễn ra từ 15 đến 17 tháng 8 âm lịch, tại xã Cần Thạnh, huyện Cần Giờ, thành phố Hồ Chí Minh. Bằng nhiều tên gọi khác nhau như lễ rước cốt ông, lễ cầu ngư, lễ tế cá "Ông", lễ cúng "Ông", lễ nghinh "Ông", lễ nghinh ông Thủy tướng, nhưng tất cả đều



có chung một quan niệm rằng cá "Ông" là sinh vật thiêng ở biển, là cứu tinh đối với những người đánh cá và làm nghề trên biển nói chung. Điều này đã trở thành một tín ngưỡng dân gian phổ biến trong các thế hệ ngư dân ở các địa phương nói trên. Lăng ông Thủy tướng được vua Tự Đức ban sắc phong gọi là Nam hải Tướng quân. Tại đây hàng năm diễn ra lễ tế rất trang trọng của ngư dân Cần Giờ để tưởng nhớ công ơn cá "Ông".

Ngày 15/8 không khí lễ hội đã diễn ra nhộn nhịp ở bên ngoài lăng với nhiều hoạt động văn hoá sôi nổi. Sáng ngày 16/8, khoảng 10h, các vị trong hội lăng trong trang phục chỉnh tề làm lễ rước kiệu của Nam hải Tướng quân xuống thuyền rồng ra biển. Đoàn ghe nghinh xuất phát tại bến đò Cần Giờ - Vũng Tàu. Dọc theo đường rước, ngư dân sống trên biển và bà con hai bên phố bày lễ vật nghênh đón, khói nhang nghi ngút. Cùng với thuyền rồng rước thủy tướng, có hàng trăm ghe lớn nhỏ, trang hoàng lộng lẫy, cờ hoa rực rỡ tháp tùng ra biển nghênh ông. Trước mũi ghe là hương án và mâm lễ vật. Trên các ghe lớn nhỏ này có chõ hàng ngàn khách và bà con tham dự đoàn rước. Đoàn rước đi khoảng hai giờ thì quay về bến nơi xuất phát, rước ông về lăng ông Thủy tướng. Tại bến một đoàn múa lân, sư tử, rồng đã đợi sẵn để đón ông về lăng. Khi rước ông vào lăng, các nghi thức đón và tế diễn ra trang trọng, đúng với nghi thức cổ truyền. Các lễ cầu an, xây cầu đại bội, hát bội diễn ra tại lăng ông Thủy tướng. Ngoài lăng, có các hoạt động văn hoá văn nghệ. Vào khoảng 20 - 23h cùng ngày lễ cúng tế, hát bội vẫn tiếp tục diễn ra trong lăng. Sáng 17/8: từ 8h - 22h tại lăng ông Thủy tướng diễn ra lễ tôn vương ông Thủy tướng theo sắc phong. Lễ cúng có hát thờ. Sau phần lễ tôn ông theo sắc phong cũng là lúc chấm dứt lễ hội.

### **3.2.2. Một số tuyến điểm du lịch nội tỉnh Bình Dương**

Tỉnh Bình Dương có diện tích là 2695,2 km<sup>2</sup>, dân số là 1.619,9 nghìn người (2010). Trung tâm hành chính của tỉnh là Thành phố Thủ Dầu Một, 2 thị xã là Dĩ An, Thuận An, và các huyện là Bến Cát, Dầu Tiếng, Tân Uyên, Phú Giáo. Bình Dương có một nền văn hóa đa dạng và lâu đời của nhiều dân tộc Việt (Kinh), Hoa, Khmer, Tày.

*Điều kiện tự nhiên* : Bình Dương là một tỉnh ở miền Đông Nam Bộ, phía bắc giáp tỉnh Bình Phước, phía nam giáp Tp. Hồ Chí Minh, phía đông giáp tỉnh Đồng Nai, phía tây giáp tỉnh Tây Ninh. Tỉnh Bình Dương có các vùng đất đỏ trồng cao su và cà phê, vùng đất xám, nơi có đồng cỏ chăn nuôi và trồng hoa màu; vùng đồng bằng sông bồi, nơi có nhiều ruộng lúa, vườn cây ăn trái như Lái Thiêu, nổi tiếng với các loại: sầu riêng, măng cụt, chôm chôm, mít tố nữ... Có các con sông lớn chảy qua địa phận tỉnh là: sông Đồng Nai, sông Sài Gòn và sông Bé với nhiều kênh rạch, sông con, cung cấp nước tưới cho đồng ruộng và tạo điều kiện cho ghe thuyền đi lại thuận tiện. Khí hậu có hai mùa rõ rệt, mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau, mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10. Nhiệt độ trung bình năm 27°C. Giao thông của tỉnh Bình Dương khá thuận tiện, có tuyến quốc lộ 13 và quốc lộ 14 xuyên suốt tỉnh, nhiều đường liên tỉnh nối liền các vùng. Thành phố Thủ Dầu Một cách Tp. Hồ Chí Minh 30km, cách Hà Nội 1740km, Tây Ninh 129km, Biên Hòa (Đồng Nai) 40km.

*Tiềm năng phát triển kinh tế và du lịch*: Thành phố Thủ Dầu Một nằm trên tả ngạn sông Sài Gòn, là một vùng đất thuộc Gia Định xưa, có hơn 300 năm lịch sử. Nơi đây dân cư đông đúc, có nhiều ngành nghề thủ công truyền thống nổi tiếng như gốm sứ, sơn mài, điêu khắc gỗ... Bình Dương là tỉnh thuộc vùng phát triển kinh tế trọng điểm phía nam: Tp. Hồ Chí Minh - Đồng Nai - Bà Rịa - Vũng Tàu. Bình Dương là cửa ngõ phía bắc Sài Gòn, trước kia là vùng có chiến sự ác liệt và kéo dài trong cuộc chiến tranh với Pháp và Mỹ (nhất là ở huyện Bến Cát). Đến Bình Dương du khách có thể đi theo tuyến du lịch dọc sông Sài Gòn,

từ vườn trái Lái Thiêu lên thành phố Thủ Dầu Một, đến vùng hồ Dầu Tiếng. Các tuyến dọc sông Đồng Nai, theo quốc lộ 13, đường liên tỉnh 741 đến thăm các di tích và thắng cảnh của Bình Phước như Lộc Ninh, Thác Mơ, núi Bà Rá, Bù Đăng, Bù Đốp, Sóc Bom Bo, khu du lịch hồ Sóc Xiêm.

### **Các điểm tham quan du lịch tỉnh Bình Dương**

#### *Khu du lịch Lạc Cảnh Đại Nam Văn Hiến*

Khu du lịch Lạc Cảnh Đại Nam Văn Hiến với tổng diện tích 476ha, là một quần thể những hạng mục công trình các đền đài, thành quách, núi non, sông hồ, khách sạn, khu vui chơi giải trí... hướng tới mục tiêu du lịch tâm linh mang đậm sắc màu văn hóa, lịch sử dân tộc. Tọa lạc tại phường Hiệp An, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, cách Thành phố Hồ Chí Minh khoảng 30km về phía bắc. Nét nổi bật của khu du lịch Lạc Cảnh Đại Nam Văn Hiến là khu tâm linh với tổng diện tích 61ha. Trong đó, khu thờ tự được bao bọc bởi 2 con rông xanh với chiều dài mỗi con rông 270m là điểm nhấn mang ý nghĩa về văn hóa-lịch sử và vọng ngưỡng những tinh hoa của dân tộc Việt Nam qua 4.000 năm văn hiến. Trung tâm của khu thờ tự là đền Đại Nam với diện tích 5.000m<sup>2</sup>. Điểm nhấn của khu đền là tòa Kim Điện với gian chính điện thờ Đức Bản Sư Thích Ca Mâu Ni, Vua Hùng và Điều Ngự Giác Hoàng Trần Nhân Tông. Bên phải điện thờ Đức Thánh Trần Hưng Đạo, Mẹ Âu Cơ và Bách Gia Trăm Họ (bảng ghi 1039 dòng họ của các dân tộc Việt Nam). Bên trái điện thờ Bác Hồ, Tổ Đức và ban thờ 3 vị: Thành hoàng – Thần tài – Thổ địa. Toàn bộ tượng thờ trong Kim Điện và tượng đài hai vị anh hùng dân tộc Quang Trung và Lý Thường Kiệt trấn giữ bên ngoài điện đều được dát vàng. Kim Điện được xây dựng theo hình vuông tròn. Hình tròn trên nóc điện biểu trưng cho trời, có vẽ 108 con chim hạc với ý nghĩa: 54 con hạc tượng trưng cho 54 dân tộc Việt Nam ở cõi trần, 54 con hạc tượng trưng cho 54 dân tộc Việt Nam ở cõi âm. Chính giữa của mái vòm là điểm vọng âm. Đứng tại điểm vọng âm, âm thanh sẽ được khuếch đại truyền đi khắp Kim Điện. Hình vuông được thể hiện qua 4 vách của điện thờ, bao gồm 28 bộ cánh cửa với mỗi cánh cửa nặng 500kg. Trên nền 28 bộ cánh cửa được chạm trổ 28 bức tranh lịch sử tiêu biểu, đánh dấu cho các mốc son của lịch sử dân tộc bắt đầu từ cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng và kết thúc bằng thắng lợi rực rỡ của mùa xuân lịch sử 1975. Trong điện có đặt hai cây nến với tên gọi Đại Hoàng Đăng, mỗi cây có chiều cao 2,7m với đường kính 90cm, dự đoán có thể cháy trong suốt nhiều năm. Nhẹ nhàng uốn lượn quanh Kim Điện là dòng Bảo Giang xanh ngắt, có tổng chiều dài 720m. Xuôi theo dòng Bảo Giang, một phần đời sông người dân Việt Nam được tái hiện qua những ruộng bậc thang, những giàn bông bí, tiếng nước chảy róc rách từ khe núi, những đàn cá lượn trong dòng suối nhỏ trong vắt. Tất cả gợi cho chúng ta một cảm giác thư thái, an bình và giản dị của làng quê Việt Nam.

Phía sau khu đền Đại Nam là dãy Bảo Sơn hùng vĩ bao gồm 5 ngọn: Kim – Mộc – Thủy – Hỏa – Thổ, trong đó ngọn trung tâm cao 65,8m. Trấn giữ ở phía tây của dãy Bảo Sơn là miếu thờ thần Bạch Hổ, phía đông là miếu Thần Núi và Thần Nông. Đi sâu vào bên trong lòng núi, nhìn về phía tây là nơi thờ các vị tiên phật trong trời đất với: Phật mẫu chuẩn đề, Quan Âm Nam Hải, Quan Âm Bạch Y, Phật Di Lạc và Địa Mẫu; phía đông là nơi thờ các bậc anh tài của dân tộc Việt Nam qua các thời kỳ như: vua Ngô Quyền, trạng trình Nguyễn Bình Khiêm. Đây cũng là nơi tái hiện lại lịch sử dân tộc với những mốc son đáng nhớ trong công cuộc đấu tranh dựng nước và giữ nước, là nơi cư trú của hàng ngàn con chim yến, là biểu tượng của một vùng “đất lành chim đậu”. Vươn lên từ ngọn núi trung tâm của dãy Bảo Sơn là ngôi Bảo Tháp 9 tầng. Đây là nơi thờ phụng, thể hiện lòng biết ơn và sự

tôn vinh của thể hệ sau đối với tổ tiên và tiên nhân. Mỗi tầng của tháp mang những ý nghĩa khác nhau: Tầng một: thờ vong linh các anh hùng liệt sĩ và đồng bào tử nạn; Tầng hai: thờ các chiến sỹ vô danh đã quên thân vì nước; Tầng ba: thờ chủ tịch Hồ Chí Minh; Tầng bốn: thờ đức thánh Trần Hưng Đạo; Tầng năm: thờ các vị nữ trung hào kiệt từ thời dựng nước tới nay: Trưng Trắc - Trưng Nhị, Triệu Thị Trinh, Bùi Thị Xuân và Nguyễn Thị Định; Tầng sáu: thờ các vị có công với đất nước đã được phong thần; Tầng bảy: thờ 18 đời Vua Hùng; Tầng tám: thờ tam cội Hội đồng bao gồm: Hội đồng chư Phật, Hội đồng tứ phủ và Hội đồng Đất nước từ ngày dựng nước đến nay; Tầng 9: thờ Tổ quốc.

Một trong những điểm hấp dẫn khác của khu du lịch Lạc Cảnh Đại Nam Văn Hiến là vườn bách thú rộng 12,5ha. Đây là vườn thú mở đầu tiên tại Việt Nam với hơn 100 loài động vật có vú, chim chóc, bò sát và các loài cá cảnh chung sống hài hòa trong một môi trường sinh thái đa dạng. Đến đây du khách sẽ có cơ hội tận mắt chứng kiến những con thú được nuôi thả trong môi trường bán tự nhiên, đặc biệt có những loài quý hiếm lần đầu tiên xuất hiện tại Việt Nam như: sư tử trắng, hổ trắng, linh dương sừng xoắn, khỉ sóc Nam Mỹ... Ngoài ra, với vườn thú đêm lần đầu tiên xuất hiện tại Việt Nam, du khách có thể quan sát được đời sống, tập tính sinh hoạt, săn mồi vào ban đêm của các loài động vật hoang dã nhờ vào hệ thống đèn ánh trăng tại vườn thú. Bên cạnh đó, khu vui chơi giải trí hiện đại với hơn 40 trò chơi từ cảm giác nhẹ nhàng, thư giãn đến trò chơi cảm giác mạnh thử thách tinh thần, từ trò chơi mạo hiểm đến trò chơi khám phá những điều bí ẩn của thiên nhiên có thể đáp ứng mọi nhu cầu của du khách. Hầu hết các trò chơi này đều lần đầu tiên xuất hiện tại Việt Nam. Đặc biệt, biển nhân tạo Đại Nam với tổng diện tích 21,6ha bao gồm 2 khu vực: biển nước ngọt và biển nước mặn là nơi thư giãn rất lý tưởng cho du khách. Nước biển mặn Đại Nam được pha chế từ muối biển vùng Vĩnh Hảo – Tuy Phong – Bình Thuận và các khoáng chất hòa tan trong nước biển với độ mặn thích hợp, rất tốt cho sức khỏe. Sóng biển được tạo bằng hơi gió với 9 kiểu tạo sóng vô cùng độc đáo. Các trò chơi nước thú vị dành cho trẻ em, sân chơi thể thao dành cho người lớn cùng với những món ăn hải sản mang đậm phong vị biển, chắc chắn sẽ đem đến cho quý khách những phút vui chơi, thư giãn thật thoải mái. Nằm trong quần thể khu du lịch Lạc Cảnh Đại Nam Văn Hiến còn có hệ thống khách sạn mang những nét đặc trưng kết hợp của kiến trúc thành Cổ Loa và cung đình Huế, tạo cho du khách có dịp nhìn về quá khứ của cha ông ta thuở ban đầu thời kỳ dựng và giữ nước. Bên cạnh đó, khu mua sắm Đại Nam với diện tích hơn 8.000m<sup>2</sup> cùng nhiều mặt hàng đa dạng, phong phú sẽ đáp ứng được nhu cầu mua sắm của du khách. Với quy mô một khu du lịch như vậy, Lạc Cảnh Đại Nam Văn Hiến đang nắm giữ nhiều kỷ lục quốc gia: ngôi đền lớn nhất, khách sạn dài nhất, núi, sông nhân tạo dài nhất, biển nhân tạo rộng nhất, quảng trường lớn nhất, vườn thú có nhiều loại quý hiếm nhất và tốn kém nhất. Đây chính là công trình mang đậm ý nghĩa giáo dục, văn hóa, lịch sử.

### *Chùa Bà*

Chùa Bà có tên chính là Thiên Hậu Cung, là nơi thờ tự và tín ngưỡng của người Hoa ở Việt Nam, tọa lạc tại số 4 Nguyễn Du, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Chùa Bà được dựng vào khoảng giữa thế kỷ 19 bên bờ rạch Hương Chủ Hiếu. Năm 1880, chùa được xây thêm phần nhà hậu ở phía sau. Năm 1925, chùa được dời về vị trí hiện nay. Trong chùa thờ các vị thần thánh: Thổ công, Môn quan, Thiên Hậu Thánh mẫu, Ngũ hành nương nương (năm vị Thánh mẫu hành: Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ), vợ chồng Bôn Đầu Công (một vị tướng Trung Hoa). Hàng năm chùa Bà tổ chức lễ vía Bà rất linh đình vào ngày 23

tháng 3 âm lịch. Lễ hội thu hút người hành hương đông đảo vào hàng thứ ba ở Nam Bộ, sau lễ vía Bà Chúa Xứ núi Sam (An Giang) và lễ hội Bà Đen (Tây Ninh).

#### *Lễ hội chùa Bà Thiên Hậu (Bình Dương)*

Lễ hội chùa Bà của người Hoa thờ bà Thiên Hậu Thánh Mẫu, được tổ chức vào ngày 15/1 âm lịch tại thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Lễ hội chùa Bà của người Hoa thu hút rất đông khách thập phương tham dự. Chùa được các Bang người Hoa xây dựng vào khoảng nửa đầu thế kỷ 20. Vào ngày hội, chùa được trang hoàng cờ xí, đèn lồng rực rỡ từ Tam quan đến điện thờ bằng 12 chiếc đèn lồng tượng trưng cho 12 tháng trong năm, kết thúc hội được bán đấu giá lấy tiền làm việc từ thiện. Phần hội được tổ chức với nhiều loại hình nghệ thuật như đội múa lân, sư tử, hầu các nơi về thi múa, hóa trang mặt nạ, vừa múa vừa đấu võ. Cuối hội là lễ rước kiệu Bà rầm rộ diễu hành qua các phố trong thành phố Thủ Dầu Một.

#### *Chùa Hội Khánh*

Chùa Hội Khánh được Thiền sư Đại Ngạn (thuộc dòng Lâm Tế) khai sơn năm Cảnh Hưng thứ 2, đời Lê Hiển Tông, tức năm Tân Dậu (1741), tọa lạc tại số 35 đường Yersin, phường Phú Cường, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, cách thành phố Hồ Chí Minh 25km về phía nam. Lúc đầu chùa được xây trên một ngọn đồi cao, nhưng đến năm thứ 14 đời Tự Đức, tức năm Tân Dậu (1861), chiến tranh đã thiêu hủy toàn bộ ngôi chùa. Bảy năm sau chùa được Hòa thượng Chánh Đắc cho xây dựng lại dưới chân đồi, cách vị trí chùa cũ khoảng 100m về phía nam. Chùa đã được tôn tạo và trùng tu nhiều lần nhưng vẫn giữ được kiến trúc cổ mang màu sắc dân tộc. Giảng đường và Đông lang được xây lại năm 1917, Tây lang được xây lại năm 1984. Ngôi chánh điện được xây dựng trong hai năm 1990 và 1991. Gần đây nhất, ngày 29/2/1992, di tích chùa Hội Khánh đã được tổ chức trùng tu. Sau công tam quan cổ kính có chạm trở rồng phượng là khuôn viên chùa yên tĩnh, với nhiều cây cao bóng cả, trong đó đặc biệt có bốn cây dầu cao chót vót, cành lá sum suê, được trồng lúc chùa mới bắt đầu xây dựng, nay tuổi cây đã trên một thế kỷ. Trong chùa, toàn bộ diện tích chánh điện, giảng đường, Đông lang và Tây lang rộng đến 700m<sup>2</sup>. Ở chánh điện, các pho tượng Phật Thích ca, Địa Tạng... đều được tạc bằng gỗ, sơn son thếp vàng. Ba tấm bao lam chạm khắc Tứ linh, Tứ quý, Cửu long và Thập bát La hán rất tinh vi, có giá trị nghệ thuật cao. Hai bên tường của chánh điện có bộ tượng Thập điện Minh Vương và bộ Thập bát La hán. Các tác phẩm chạm khắc gỗ này được tạc vào những năm cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20 do nhóm thợ điêu khắc nổi tiếng ở Thủ Dầu Một thực hiện.

#### *Làng sơn mài Tương Bình Hiệp*

Làng sơn mài Tương Bình Hiệp từ nhiều thế kỷ nay nổi tiếng khắp cả nước, là chiếc nôi của ngành sơn mài mỹ thuật địa phương. Làng Tương Bình Hiệp thuộc xã Tương Bình Hiệp, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, cách trung tâm thị xã 7km về phía bắc. Vào nửa đầu thế kỷ 18, những người dân có nghề sơn mài truyền thống từ miền Trung, miền Bắc, ngược dòng sông Sài Gòn di cư đến lập nghiệp ở thị xã Thủ Dầu Một đã lập lên một ngôi làng nhỏ. Sau một thời gian khai khẩn đất hoang tạo lập nhà cửa, việc mưu sinh tạm ổn định, trong thời gian rảnh rỗi việc đồng áng, những người dân ở đây đã làm ra những bức sơn mài đầu tiên để tưởng nhớ quê cha đất tổ. Chính những bức sơn mài đó đã được những người giàu có trong vùng biết đến và họ đã đặt mua những bức tương tự để đem về trưng bày trong nhà, đồng thời tạo nên một nghề mới cho người dân trong lúc nông nhàn. Tiếng lành đồn xa, hàng đặt ngày càng nhiều, từng hộ dân đã chuyên sâu vào ngành nghề này và hình thành nên làng sơn mài Tương Bình Hiệp. Với những vật liệu bằng gỗ mít thô sơ, được

son nhiều lớp dầu sơn Phú Thọ, đánh đi đánh lại nhiều lần tạo nên một lớp men đen bóng, mỗi bức sơn mài Tương Bình Hiệp là cả một tác phẩm nghệ thuật có giá trị thẩm mỹ cao được các nghệ nhân tỉ mỉ, sáng tạo đến từng chi tiết. Để tạo nên một tác phẩm sơn mài sản xuất theo kiểu cổ truyền thường phải trải qua 25 công đoạn khắc khe, đòi hỏi mất nhiều công sức và thời gian. Có công đoạn phải làm đi làm lại tới 6 lần mới đạt yêu cầu như công đoạn hom, sơn lót. Riêng công đoạn sơn mỗi sản phẩm phải mất từ 3 - 6 tháng mới đảm bảo yêu cầu chất lượng. Trải qua nhiều thế hệ, sơn mài Tương Bình Hiệp vẫn giữ được nét đẹp truyền thống, đó là sự tinh xảo, nhẹ nhàng, thanh thoát, đậm đà tính cách Á Đông. Sơn mài Tương Bình Hiệp không chỉ là hàng hóa mỹ nghệ đơn thuần mà đã có rất nhiều sản phẩm đạt tới chất lượng cao về nghệ thuật. So với một số nơi khác, thì sản phẩm sơn mài Tương Bình Hiệp đa dạng hơn về mẫu mã, đặc biệt là chất lượng có phần ưu việt. Theo một số chuyên gia, sơn mài Tương Bình Hiệp chịu đựng được khí hậu vùng hàn đới Châu Âu, không bị bong nứt hoặc biến dạng. Ngày nay, các cơ sở sản xuất sơn mài đã có thể sản xuất nhiều sản phẩm đa dạng. Từ những hộ gia đình sản xuất theo dạng truyền thống, nhiều mô hình sản xuất lớn đã được hình thành. Bên cạnh sơn mài cổ điển vẫn được ưa chuộng, hàng loạt sản phẩm với mẫu mã hiện đại, phù hợp với nhu cầu của cơ chế thị trường được sản xuất tạo nên tính đa dạng, phong phú cho sản phẩm sơn mài. Ngoài ra, những vật liệu mới cũng đã được đưa vào sử dụng tạo nên sự độc đáo cho mặt hàng sơn mài nơi đây. Hiện nay, những sản phẩm sơn mài cần tre, nứa, vỏ cây... thay cho trai, ốc, vỏ trứng truyền thống của làng nghề đã định hình, được thị trường trong và ngoài nước chấp nhận, đặc biệt là những thị trường mỹ nghệ khó tính như: Mỹ, Pháp, Hà Lan. Trải qua bao thăng trầm của lịch sử, sơn mài Tương Bình Hiệp vẫn mang đậm nét văn hóa truyền thống, đậm đà bản sắc dân tộc. Sự phát triển rực rỡ về mọi mặt của sơn mài Tương Bình Hiệp trong những năm gần đây không chỉ là niềm tự hào của một làng nghề mà còn là di sản văn hóa đáng trân trọng của cả dân tộc.

#### *Nghề gốm sứ ở Bình Dương*

Các làng nghề gốm sứ ở Bình Dương tập trung chủ yếu ở các xã Hưng Định, Thuận Giao, Bình Hòa (thị xã Thuận An) và thị xã Thủ Dầu Một. Nghề làm gốm sứ Bình Dương ngày nay đã phát triển đến trình độ cao từ đồ gia dụng, đồ trang trí mỹ nghệ đến đồ sứ công nghiệp. Cùng với các làng nghề gốm sứ Bát Tràng, Tràng An, Biên Hòa... gốm sứ Bình Dương cũng đã nổi tiếng trong và ngoài nước. Bên cạnh hàng trăm cơ sở gốm sứ sản xuất theo phương pháp thủ công truyền thống với các lò nung bằng củi, than đá thì Bình Dương còn có một nhà sản xuất gốm sứ cao cấp với công nghệ và máy móc, dây chuyền sản xuất hiện đại. Đó là công ty TNHH Minh Long 1. Minh Long 1 được sáng lập vào năm 1970 bởi ông Lý Ngọc Minh, một nghệ nhân có niềm đam mê cháy bỏng với các sản phẩm gốm sứ. Ông là thế hệ thứ 3 trong một gia đình có truyền thống làm đồ gốm sứ mỹ nghệ. Học hỏi những kinh nghiệm và kỹ thuật sản xuất đồ gốm sứ từ những người đi trước cùng với việc không ngừng tìm tòi, học hỏi những kỹ thuật tiên tiến nhất, ông đã cho ra lò những sản phẩm với chất lượng cao. Chính những nỗ lực trên đã tạo nên tên tuổi Minh Long 1 ngày nay. Ngắm nhìn những bộ sưu tập sản phẩm gốm sứ với nhiều phong cách tương phản, vừa u buồn hoài cổ, vừa tươi tắn trẻ trung trong “giang sơn gốm sứ” của Minh Long 1 mới thấy hết tài năng và sự thăng hoa của người thợ gốm. Đặc điểm nổi trội của dòng gốm sứ cao cấp này là ứng dụng công nghệ vẽ màu trên nhiệt độ cao 1.250°C. Đây được coi là thành công duy nhất trên thế giới khi nhiều nhà sản xuất gốm sứ nổi tiếng trên thế giới hiện nay thường chỉ vẽ màu trên nhiệt độ 850°C. Công nghệ này khiến cho những đường nét vẽ tay của nghệ

nhân trên tác phẩm còn nguyên vẹn, sự dịch chuyển của màu sắc tạo cho sản phẩm có độ bóng, những hình ảnh chìm trong lớp men tạo ra chiều sâu của không gian 3 chiều trông rất sống động. Đôi mắt người thiếu nữ long lanh như biết nói, những cánh hoa tươi, những chú ếch đầy màu sắc như chuẩn bị nhảy ra khỏi chiếc bình... Đây chính là một trong những công nghệ rất khó thực hiện, vì khi vẽ ở nhiệt độ cao men sẽ bị nóng chảy, cấu trúc màu sắc sẽ bị thay đổi, đường nét trên gốm sứ bị dịch chuyển, khiến cho tác phẩm không thể đạt được đỉnh cao nghệ thuật. Sản phẩm gốm sứ Minh Long 1 không chỉ mang tính mỹ thuật mà còn an toàn cho sức khoẻ người sử dụng và cho đến nay nó đã chinh phục được những du khách khó tính nhất đến từ Nhật Bản, Mỹ, Châu Âu.

#### *Vườn cây ăn trái Lái Thiêu*

Vườn cây ăn trái Lái Thiêu thuộc thị trấn Lái Thiêu, Tx. Thuận An, tỉnh Bình Dương, cách thành phố Hồ Chí Minh khoảng 20km về phía bắc. Từ hàng trăm năm nay Lái Thiêu đã nổi tiếng là một vườn cây trái tuyệt diệu với tổng diện tích trồng cây 1.230ha và trở thành điểm du lịch xanh thích hợp với mọi lứa tuổi. Vườn cây Lái Thiêu được hình thành bởi một dòng sông chảy từ thành phố Hồ Chí Minh về tới huyện Thuận An của tỉnh Bình Dương thì rẽ thành hai nhánh, tạo thành một cù lao. Đất đai và cây trái ở đây quanh năm được bồi đắp và tưới mát bởi hai nhánh sông không bao giờ vơi này. Về với Lái Thiêu, du khách có thể rảo bộ trên lối nhỏ dẫn vào vườn mà chỉ vừa một người đi để hít căng lồng ngực hơi thở của đồng quê. Đi trong miệt vườn đầy bóng cây xanh này, du khách sẽ được tận hưởng không khí mát dịu với ánh nắng ban mai và ngọn gió lành phượng xa, thổi qua các cánh đồng phì nhiêu và dòng sông mát lạnh của đồng bằng Nam Bộ, được thả hồn trong khung cảnh thơ mộng để nghe tiếng lá thờ lao xao và tiếng tí tách của nước sông xấp xập mép vườn. Cái thú vị đặc biệt của miệt vườn này là hương thơm hòa quyện của hàng chục loại cây trái: sầu riêng, măng cụt, mít tố nữ, sa-pô-chê, măng cầu... đua nhau tỏa hương, quyến rũ, níu bước chân du khách. Nếu du khách muốn du ngoạn trên thuyền để cảm nhận cái chơi vơi của sông nước thì đã có sẵn những chiếc thuyền dưới bến. Du khách sẽ gặp những thuyền chèo trái cây thơm lừng và những chàng trai, cô gái Lái Thiêu vẫn còn mang dáng dấp chân quê, mời bạn mua hàng. Nếu muốn ở lại thưởng thức hương vị đặc biệt của trái cây vùng này, du khách có thể ngả lưng trên những chiếc ghế để sẵn dưới gốc cây và ngắm nhìn những trái mít tố nữ vàng ươm, thơm ngọt đến nao lòng, những trái sầu riêng gai góc nặng hàng cân chứa trong lòng ngọt bùi thơm mát. Trái cây ở đây có hương vị rất lạ, ai đã từng nếm thử một lần sẽ không thể nào quên.

#### **3.2.3. Một số tuyến điểm du lịch nội tỉnh Bình Phước**

Tỉnh Bình Phước có diện tích là 6.874,4 km<sup>2</sup>, dân số là 893,4 nghìn người (2010). Trung tâm hành chính của tỉnh là Thị xã Đồng Xoài, 2 thị xã là Bình Long, Phước Long, và các huyện là Đồng Phú, Lộc Ninh, Bù Đăng, Bù Đốp, Bù Gia Mập, Chơn Thành, Hớn Quảng. Bình Phước là nơi định cư và sinh sống của nhiều dân tộc khác nhau. Đồng bào dân tộc ít người chiếm 17,9%, đa số là người Xtiêng, một số ít người Hoa, Khmer, Nùng, Tày,... Vì thế Bình Phước có nhiều nét văn hóa của đồng bào dân tộc Xtiêng. Tỉnh có nhiều lễ hội truyền thống đặc sắc: Liên hoan văn hóa các dân tộc thiểu số vào tháng 12 hàng năm, thường có: lễ hội cầu mưa của người Xtiêng; lễ bỏ mả; lễ hội đâm trâu; lễ mừng lúa mới của đồng bào Khmer.

*Điều kiện tự nhiên* : Bình Phước là tỉnh miền núi thuộc vùng Đông Nam bộ. Ở vào vị trí tiếp giáp giữa đồng bằng và cao nguyên, phía bắc và tây bắc giáp Cam-pu-chia, phía

đông giáp các tỉnh Đắk Nông và Lâm Đồng, phía nam giáp các tỉnh Đồng Nai và Bình Dương, phía tây giáp tỉnh Tây Ninh. Đây là tỉnh có nhiều rừng. Ở đông bắc có ngọn núi Bà Rá cao 733m và dãy núi thấp quanh Lộc Ninh, còn lại là rừng bạt ngàn. Rừng rậm nhưng đất khá bằng phẳng. Phần lớn là đất đỏ nên trồng cây công nghiệp rất tốt. Bình Phước là nơi có nhiều rừng cao su lớn, vườn cây cà phê, điều, tiêu... Tỉnh có hai con sông chảy từ bắc xuống nam: phía tây là sông Sài Gòn, phân giới giữa tỉnh Bình Phước và Tây Ninh; giữa tỉnh là Sông Bé, có các nguồn từ phía bắc, đoạn dưới đi vào đất Biên Hoà, đổ vào sông Đồng Nai. Khí hậu chia 2 mùa: mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10, mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau. Phía bắc nhiều rừng, nên ẩm thấp hơn phía nam, lượng mưa trung bình hàng năm 2.110mm. Đường bộ chính là đường 13, từ thành phố Hồ Chí Minh đi Lái Thiêu - Thủ Dầu Một - Bến Cát (Bình Dương) rồi Chơn Thành - An Lộc - Lộc Ninh và rẽ phía tây 15km đến cửa khẩu biên giới Hoa Lư. Đường 14 từ ngã tư Chơn Thành đi thị xã Đồng Xoài, rồi lên tiếp Đắk Nông - Đắk Lắk - Gia Lai - Kon Tum - Đà Nẵng. Thị xã Đồng Xoài cách thành phố Hồ Chí Minh 128km.

*Tiềm năng phát triển kinh tế và du lịch:* Bình Phước là một trong những nơi có nhiều cảnh quan thiên nhiên và di tích lịch sử còn ít được biết đến. Đó là các thác Mơ, núi Bà Rá, thác số 4, đồng cỏ Bàu Lạch. Chính nơi đây trong những năm kháng chiến chống Pháp và Mỹ đã nổi lên bao địa danh lịch sử được chú ý như ban chỉ huy quân sự Miền, nhà giao tế Lộc Ninh, kho xăng Lộc Hòa, Lộc Quang. Đặc biệt tại xã Phú Riêng (huyện Phước Long) nơi ra đời chi bộ Đảng Cộng Sản đầu tiên vùng Đông Nam Bộ, cũng là nơi diễn ra cuộc nổi dậy của hai anh em Điều Mol và Điều Mól (dân tộc Xtiêng) vào năm 1933.

### **Các điểm tham quan du lịch tỉnh Bình Phước**

#### *Khu du lịch Sóc Xiêm*

Khu du lịch Sóc Xiêm nằm ở xã An Phú, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước, cách thị xã Đồng Xoài 70km và cách Tp. Hồ Chí Minh khoảng 120km về phía tây bắc. Nơi đây rất thích hợp cho loại hình du lịch nghỉ dưỡng bên hồ nước trong xanh, thơ mộng với những thác nước ở giữa vùng rừng đồi cao nguyên. Nằm trong vùng rừng đất đỏ Trà Thanh với bề mặt rộng 30ha, có nơi sâu tới 14m, hồ Sóc Xiêm như một đóa hoa rừng tươi sắc mang vẻ đẹp nguyên sinh thơ mộng. Hồ trước đây nguyên là một thung lũng với con suối nhỏ chảy qua không bao giờ cạn. Năm 1981, ông Tư Nguyễn lập một đội sản xuất cao su ở đây rồi cho đào xới, đắp bờ thành một hồ nước lớn, lấy nước tưới cho 116ha cao su. Dần dần nước dâng thành hồ bao gồm nước suối nguồn và nước từ các mạch nước ngầm phun lên. Bao quanh hồ Sóc Xiêm có hàng trăm ha rừng nguyên sinh và rừng cao su trên một không gian rộng lớn, vừa trầm tĩnh vừa hài hòa. Cái nắng hè như dội lại trước hồ nước trong xanh soi bóng mây trời giữa những cánh rừng cao su xanh ngút ngàn. Vào mùa cao su thay lá, từng thảm lá vàng trải rộng tạo thành một bức tranh mùa thu hữu tình. Bên cạnh hồ Sóc Xiêm quanh năm mát mẻ là thác Số 4 với 4 con thác chảy xiết ngày đêm, khiến khách bộ hành qua đây đều trầm trồ ca ngợi bàn tay của tạo hóa khéo điểm tô nét hùng vĩ cho nơi đây để rồi ban tặng cho con người một cảnh đẹp tuyệt vời. Khu du lịch hồ Sóc Xiêm là nơi tham quan nghỉ mát, cắm trại, hội thảo, giao lưu và là điểm hẹn lý tưởng cho các bạn thanh niên, các đôi nam nữ đến thưởng ngoạn cảnh đẹp và tự tình. Bạn có thể ngồi hàng giờ bên bờ hồ thoáng đặng hoặc bên bờ suối đẹp để tha hồ tâm sự, nô đùa và hát những bài tình ca mà không một ai đến quấy rầy. Trên ngôi nhà thủy tạ giữa hồ, bạn có thể vừa câu cá, vừa thả hồn theo tiếng chim hót riu rít, hòa mình vào không khí nguyên sơ của núi rừng. Cá ở hồ nhiều cả về số lượng lẫn chủng loại như cá rô, lìm kìm, lóc, lòng tong đá... Buổi chiều,

đứng bên hồ trong làn gió mát nhẹ nhàng, nhìn lên trời bạn sẽ thấy từng đàn chim theo nhau về tổ. Đêm về, giữa núi rừng tĩnh lặng, trong những căn nhà rông Tây Nguyên, bạn sẽ được ru vào giấc ngủ êm đềm bằng tiếng gió đưa cành cây xào xạc. Khi ban mai, trời lại lặng gió, làn nước phẳng lặng, sương còn vương vấn trên mặt hồ... Những du khách yêu thích thể thao có thể bơi lội hoặc lướt ca nô trên lòng hồ một cách thoải mái hoặc chơi bóng ném, cầu lông... tại sân chơi thể thao thác Số 4.

Đến với khu du lịch Hồ Sóc Xiêm, du khách còn được tham quan và tìm hiểu những dấu tích còn sót lại của khu sân bay qua các thời kỳ lịch sử khác nhau. Ngoài ra du khách có thể cưỡi ngựa hoặc đi xe theo đường mòn vào tận các lô cao su rộng hàng ngàn ha, gặp những người công nhân đang khai thác để trò chuyện hay vào tận các sóc Xoài, sóc Xiêm, sóc Xacô, sóc Lạc Sứ để gặp gỡ đồng bào dân tộc Xtiêng hiếu khách. Họ rất cởi mở, chân thành, nếu sẵn có rượu cần, thịt trâu sẽ đem ra mời du khách thưởng thức... Khu du lịch hồ Sóc Xiêm chắc hẳn sẽ làm vừa lòng những ai đã từng đến đây để rồi mỗi khi ra về chúng ta lại biết thêm những điều mới mẻ, có thêm những kỷ niệm ngọt ngào về vùng đất lịch sử hào hùng và thiên nhiên tươi đẹp này.

#### *Khu du lịch hồ Suối Lam*

Khu du lịch Suối Lam thuộc địa phận xã Thuận Lợi, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước, cách thị xã Đồng Xoài khoảng 13km. Nơi đây có một hồ nước quanh năm trong xanh, in bóng những rừng cây cao su tươi tốt xung quanh. Từ thành phố Hồ Chí Minh đến thị xã Đồng Xoài, rẽ trái theo tỉnh lộ 741 khoảng 10km đến ngã ba đường đất đỏ thì rẽ trái, chạy qua đường rừng cao su khoảng 3km, du khách sẽ thấy một hồ nước rộng mênh mông, xanh thẳm hiện ra trước mắt. Đó là hồ Suối Lam. Người dân ở đây cho biết, vào buổi sáng sớm, sương bay bằng láng trên mặt hồ được nước hồ phản chiếu tạo nên màu lam huyền ảo, vì vậy người ta gọi tên hồ là Suối Lam. Được bao bọc bởi những cánh rừng cao su thẳng tắp ngút ngàn tầm mắt và những vạt rừng trồng lâu năm, thoát nhìn Hồ Suối Lam hao hao giống Hồ Xuân Hương ở Đà Lạt. Mặt hồ rộng hơn 100ha luôn phẳng lặng như gương và trong xanh quanh năm. Quanh hồ có rất nhiều loài hoa dại nở, tôn vinh thêm nét đẹp nguyên sơ của hồ. Hồ sâu khoảng 4m, có nhiều loại cá nước ngọt như: chép, trắm, lóc, mè... Nếu thích làm ngư dân, du khách hãy chuẩn bị cần câu, chắc chắn sẽ câu được nhiều chú cá to. Ven hồ có những tảng đá to, rất thích hợp để ngồi buông câu. Ngoài ra du khách có thể cắm trại trong những rừng cây ven hồ, bơi hoặc chèo thuyền lên đênh trên mặt hồ để cảm nhận vẻ đẹp, sự trong lành của thiên nhiên với những âm thanh kỳ ảo vốn có của núi rừng, đặc biệt vào lúc ráng chiều, khung cảnh hồ thật yên tĩnh, đẹp như tranh vẽ. Bên hồ là các công trình phục vụ du khách, đáng chú ý nhất là nhà hàng nổi với nhiều món ăn đặc sản của núi rừng Bình Phước. Khu du lịch hồ Suối Lam là địa điểm tuyệt vời để du khách đến du lịch sinh thái, dã ngoại, kết hợp nghỉ dưỡng.

#### *Tết mừng lúa mới của người M'Nông (Lễ Cơm mới)*

Vào đầu vụ thu hoạch cuối tháng 7 đầu tháng 8 âm lịch, Người M'Nông thường chuẩn bị cho tết ngay từ ngày đầu tra hạt rồi chờ lúa chín. Tết được tổ chức ngay tại rẫy, mâm cơm được bày ra để cúng giàng (trời), sau đó mỗi người ra tuốt một nắm lúa bỏ vào trong bô gọi là "rước lúa về nhà". Khách khứa sẽ quay ra chúc chủ nhà những câu tốt lành, rồi chủ nhà mời tất cả ngồi quây quần quanh đống lửa ăn uống. Sau khi ăn uống xong, mọi người nổi cồng chiêng, nhảy múa cho tới khuya, có khi tới sáng hôm sau. Lúa thu hoạch được chia làm ba: một phần để ăn, một phần để sấm đồ đặc, một phần dành cho trâu bò cùng những con vật góp công cùng con người làm ra hạt lúa.



### *Vườn quốc gia Bù Gia Mập*

Vườn quốc gia Bù Gia Mập được coi là nơi bảo tồn các nguồn gen quý hiếm của hệ động, thực vật phong phú ở miền Đông Nam Bộ, thuộc xã Bù Gia Mập, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước, cách Tp. Hồ Chí Minh khoảng 200km về phía bắc. Với diện tích 26.032ha, đây là nơi có diện tích rừng lớn nhất tỉnh Bình Phước với đỉnh núi cao nhất là 700m so với mực nước biển. Hệ thống sông suối gồm các dòng suối Đăk Huýt chảy dọc theo biên giới Việt Nam - Campuchia, Đăk Sa, Đăk Ka và Đăk K'me. Hệ thực vật ở vườn quốc gia rất đa dạng và phong phú, quy tụ nhiều loài trong vùng Đông - Nam Á với 808 loài, 396 chi, 118 họ, 59 bộ của 5 ngành thực vật có mạch. Đặc biệt rừng nơi đây còn mang đậm nét của rừng nguyên sinh giàu trữ lượng với ưu thế của những cây họ dầu và nhiều cây họ đậu quý hiếm như cẩm lai, gõ đỏ, mun, lát hoa, gõ mật, thạch tùng, giáng hương, trắc và 278 giống cây dùng làm thuốc. Đây còn là nơi cư trú của các loài động vật hoang dã với 73 loài thú, trong đó có 59 loài được ghi trong sách đỏ Việt Nam như gấu chó, báo gấm, sói lửa, bò tót, bò rừng, gấu ngựa, voi, chà và chân đen..., 168 loài chim, trong đó 10 loài đang bị đe dọa tuyệt chủng như gà lôi, hồng hoàng, hồng tía, dù di phương Đông, cu xanh, niệc mỏ vằn, chim công, gà tiền mặt đỏ, chim yến hồng xám..., 30 loài bò sát. Do đặc trưng của rừng ẩm thường xanh, có rừng dầu rụng lá theo mùa, rừng lồ ô xen cây gỗ, nên vườn quốc gia cũng là nơi cư trú của nhiều loại động vật thuộc bộ linh trưởng như khỉ đuôi lợn, khỉ mặt đỏ, khỉ vàng, voọc ngũ sắc, voọc xám. Do địa nằm ở vị trí độc đáo là nơi giao lưu với 4 khu hệ có nguồn gốc địa lý khác nhau: hệ Myanmar - Ấn Độ, hệ Malaysia - Indonesia, hệ Trung Hoa - Himalaya và hệ thực vật bản địa bắc Việt Nam - Nam Trung Hoa, vườn quốc gia Bù Gia Mập bảo vệ rừng phòng hộ đầu nguồn cho các hồ chứa nước của các công trình thủy điện Thác Mơ và Càn Đôn, phục vụ nghiên cứu khoa học, giáo dục môi trường và phát triển du lịch sinh thái. Phía bắc và phía tây vườn quốc gia giáp suối Đăk Huýt, phía đông giáp tỉnh Đăk Nông, phía nam giáp với lâm trường Bù Gia Mập. Không chỉ có vậy, Bù Gia Mập còn là khu di tích lịch sử quan trọng trong thời kỳ kháng chiến chống chống Mỹ, gắn liền với các trận đánh ác liệt ở miền Đông Nam Bộ. Hệ động thực vật phong phú cùng hệ thống hang động Dak Nhen, Đờ Mi, Gióng Min nguyên sinh của vùng đất ba-dan nâu đỏ nơi đây đã thể hiện bao cảnh quan sinh thái đặc hữu của Bù Gia Mập. Những dòng suối lấp lánh nắng vàng luôn reo vang cùng với bản hòa tấu của chim muông, hoa lá, những dòng thác Đạt Mai, Sông Bé trên, Sông Bé dưới, Dak Tôn lớn, Dak Tôn nhỏ, Tà Lin quanh năm tung bọt trắng xóa che kín hang động bên trong được tạo thành bởi những khối đá nhiều vân sắc... Tất cả đã tạo nên một điểm du lịch sinh thái lý tưởng đối với những du khách ưa thích thể thao mạo hiểm và thiên nhiên hoang dã.

#### **3.2.4. Một số tuyến điểm du lịch nội tỉnh Đồng Nai**

Tỉnh Đồng Nai có diện tích là 5.903,4 km<sup>2</sup>, dân số là 2.569,4 nghìn người (2010). Trung tâm hành chính của tỉnh là thành phố Biên Hòa, 1 thị xã là Long Khánh, và các huyện là Tân Phú, Định Quán, Vĩnh Cửu, Thống Nhất, Xuân Lộc, Long Thành, Nhơn Trạch, Cẩm Mỹ, Trảng Bom. Đồng Nai có nhiều dân tộc sinh sống, phần lớn là người Việt. Ngoài ra có người Hoa, Xtiêng, Chơ Ro, Chăm, Mạ... Đồng Nai có một truyền thống dân gian khá phong phú, đặc biệt là văn hóa của đồng bào dân tộc ít người. Tôn giáo chủ yếu ở Đồng Nai là Phật giáo và Công giáo. Ngoài ra, một số ít người theo đạo Tin Lành, đạo Hồi, đạo Cao Đài, Hòa Hảo và là quê hương của một số loại nhạc cụ dân gian độc đáo: đàn đá Bình Đa, sáo trúc, chiêng đồng, thanh la, khèn bầu, khèn môi. Lối hát Tam Pót của dân tộc Mạ, một

loại hình hát kể có vần điệu được lưu truyền trong cộng đồng người Mạ ở huyện Định Quán hiện đang được khôi phục lại.

*Điều kiện tự nhiên* : Đồng Nai là tỉnh miền Đông Nam Bộ, cửa ngõ phía đông của Tp. Hồ Chí Minh, phía bắc giáp Lâm Đồng, phía đông giáp Bình Thuận, phía tây giáp Bình Dương, Bình Phước và Tp. Hồ Chí Minh, phía nam giáp Bà Rịa - Vũng Tàu. Tỉnh Đồng Nai nằm trên lưu vực sông Đồng Nai và một nhánh của nó là sông La Ngà, có sông Lá Buông chảy qua, có nhà máy thủy điện Trị An... Địa hình Đồng Nai gồm một số thung lũng, đồng bằng, gò, đồi thấp, tuy nhiên phần đất tiếp giáp với cao nguyên Lâm Viên và Di Linh thì tương đối cao. Phần lớn đất ở Đồng Nai là đất bazan, đất xám và đất phù sa cũ rất tốt cho việc trồng trọt. Bởi vậy Đồng Nai trồng nhiều cây công nghiệp (cây cao su, cà phê...), cây ăn trái và cây công nghiệp ngắn ngày. Khí hậu Đồng Nai có 2 mùa - mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10, mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau. Nhiệt độ trung bình năm 25,4°C - 27,2°C. Thành phố Biên Hòa cách Tp. Hồ Chí Minh 30km, cách Hà Nội 1.684km theo đường quốc lộ 1A, cách Đà Lạt (Lâm Đồng) 278km theo quốc lộ 20, cách Vũng Tàu (Bà Rịa - Vũng Tàu) 95km theo quốc lộ 51, cách Cần Thơ 198km. Đường sắt tuyến Bắc - Nam đi từ Hà Nội qua thành phố Biên Hòa đến Tp. Hồ Chí Minh.

*Tiềm năng phát triển kinh tế và du lịch*: Đồng Nai là tỉnh có công nghiệp phát triển, thu hút vốn đầu tư nước ngoài lớn thứ hai của khu vực miền Nam, chỉ sau Tp. Hồ Chí Minh. Xung quanh thành phố Biên Hòa có khu công nghiệp rộng lớn, nhiều nhà máy, xí nghiệp, công ty. Đồng Nai có nhiều nghề thủ công. Đồ gốm sứ Đồng Nai đẹp có tiếng trong nước. Đồng Nai có những rừng cao su, cà phê bạt ngàn, có rừng cấm Cát Tiên, một khu rừng nguyên sinh rộng lớn. Đến Đồng Nai du khách có thể tham gia những chuyến du lịch sinh thái trong các khu rừng hoặc vườn cây ăn quả, cũng như săn bắn, câu cá, du thuyền trên sông Đồng Nai, dã ngoại tại các thắng cảnh: hồ Long Ẩn, khu văn hoá Suối Tre, thác Trị An, rừng Mã Đà,... hay tham quan các di tích chiến tranh, nghiên cứu các di chỉ khảo cổ: mộ cổ Hàng Gòn, đàn đá Bình Đa... Đồng Nai còn nổi tiếng với nghề thủ công truyền thống như làng gốm Tân Vạn, ven sông Đồng Nai của người Việt, nghề đục đá truyền thống tinh xảo của người Hoa sống gần hồ Long Ẩn.

### **Các điểm tham quan du lịch tỉnh Đồng Nai**

#### *Chùa Bửu Phong*

Chùa Bửu Phong là ngôi cổ tự rêu phong cổ kính, có những pho tượng với những nét điêu khắc đặc biệt Á Đông, nằm trên ngọn núi Bửu Long, thuộc phường Bửu Long, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Bửu Long là ngọn núi thấp, qua 99 bậc đá là lên tới chùa. Chùa được xây dựng vào năm 1679, theo hình chữ "tam" gồm chính điện, giảng đường, nhà thờ tổ, ngoài ra còn có nhiều phòng Ni phái và nhà dưỡng tằng. Trong chùa có những pho tượng mang nét đặc biệt Á Đông và nhiều cổ vật như cặp nai vàng đời Nguyễn, đầu "phường cổ"(Nhà Phật), tượng Phật nằm, tháp Bửu Phong rêu phong cổ kính và Xá Lợi - một báu vật nhà Phật. Xung quanh chùa có Long Đầu Thạch (còn gọi là Hàm Rồng, Hàm Hồ) và đài Tam Thế Phật, đã từng là hầm bí mật nuôi giấu cán bộ cách mạng hoạt động ven đô trong chiến tranh. Lúc đầu chùa chỉ là thảo am nhỏ sau do Thiên sư Pháp Thông xây cất tôn nghiêm. Chùa được trùng tu mở rộng vào năm 1829 và các năm gần đây.

#### *Mộ cổ Hàng Gòn*

Mộ cổ Hàng Gòn Mộ cổ Hàng Gòn là di tích văn hoá đã được xếp hạng, tiêu biểu cho nền văn hoá cổ đại xuất hiện cách đây khoảng hơn 2.500 năm và có quy mô nhất tại Việt Nam còn được bảo tồn đến ngày nay. Mộ nằm ở độ cao 250m về phía tây tỉnh lộ 2

(Long Khánh đi Bà Rịa), cách thành phố Biên Hoà 80km, thuộc xã Hàng Gòn, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai. Mộ cổ Hàng Gòn do ông Bouchot J. một kỹ sư cầu đường người Pháp phát hiện vào năm 1927 khi mở đường liên tỉnh số 2 nối Long Khánh và Bà Rịa. Mộ cổ có kiến trúc gồm hai hàng trụ đá bao quanh một hầm mộ. Có 10 trụ đá cao từ 2,5 - 3m. Hầm mộ có dạng hình hộp kích thước 4,2 x 2,7m và cao 1,6m. Nét đặc biệt của ngôi mộ cổ là được ghép bởi những tấm đá hoa cương nặng hàng tấn, riêng nắp mộ ước tính khoảng 10 tấn. Có nhiều phiến đá lớn bằng phẳng, xếp cân đối, tinh vi, khoa học, biểu trưng cho nền văn minh của người xưa. Ngôi mộ này là một trong những di tích tiêu biểu cho loại hình ở Đông Nam Á. Từ năm 1992, mộ cổ Hàng Gòn được trùng tu và xây tường bảo vệ, lát gạch quanh hầm mộ để chống xói mòn và trồng nhiều cây xung quanh.

#### *Vườn quốc gia Cát Tiên*

Cát Tiên là tên gọi một vùng đất nằm gọn trong đoạn uốn khúc của sông Đồng Nai, thuộc địa phận của ba tỉnh Đồng Nai, Bình Phước và Lâm Đồng. Nơi đây có nòng tiên thường xuống hạ giới để vui đùa và tận hưởng dòng nước trong mát, nên được gọi là "Nam Cát Tiên". Đây là công trình khảo cổ có giá trị văn hoá, lịch sử và tín ngưỡng lớn để có thể xác định được sự tồn tại, nguồn gốc của một vương quốc đã bị lãng quên hơn 1.300 năm. Vườn Quốc gia Cát Tiên có tổng diện tích là 70.548ha, trong đó phần diện tích thuộc Đồng Nai: 39.108ha; phần diện tích thuộc tỉnh Lâm Đồng: 26.969ha; phần diện tích thuộc tỉnh Bình Phước: 4.469ha. Trụ sở Vườn Quốc gia Cát Tiên đặt tại huyện Tân Phú, Đồng Nai.

Khu vườn có cảnh thiên nhiên đa dạng: vừa có đồi, vừa có bãi ven sông, vừa có các trảng rộng lớn bằng phẳng, lại có các dòng chảy dốc. Vào mùa mưa các dòng suối hiền lành trở thành các dòng thác, nước đổ trắng xoá trên các triền đá lớn. Nhiều đoạn thác quanh co, lượn khúc tạo ra những bãi cát vàng rộng như các bãi tắm tự nhiên. Cát Tiên không những có cảnh quan ngoạn mục, lại nằm trong khu vực chuyển tiếp của khí hậu miền núi và đồng bằng nên Cát Tiên có khí hậu độc đáo. Địa hình có sông suối bao bọc làm cho khu rừng già vừa được giữ nguyên vẹn, vừa trở thành nơi qui tụ hầu hết các kiểu rừng đồng bằng Nam Bộ. Đây là khu rừng nguyên sinh tiêu biểu cho hệ sinh thái rừng ẩm nhiệt đới vùng thấp. Rừng có nhiều cây cổ thụ như bằng lăng, gõ đỏ. Hệ thực vật có hơn 1.362 loài thực vật bậc cao, hơn 440 loài cây gỗ quý, hàng trăm loại cây dược liệu, 133 loài hoa phong lan...

Về động vật có 62 loài thú, 121 loài chim, có những loài chim quý hiếm như trĩ lông đỏ, cò quắm xanh, tê giác một sừng, voi... Vườn Quốc gia Cát Tiên có tổng diện tích là 70.548ha, trong đó phần diện tích thuộc Đồng Nai: 39.108ha; phần diện tích thuộc tỉnh Lâm Đồng: 26.969ha; phần diện tích thuộc tỉnh Bình Phước: 4.469ha. Trụ sở Vườn Quốc gia Cát Tiên đặt tại huyện Tân Phú, Đồng Nai. Khu vườn có cảnh thiên nhiên đa dạng: vừa có đồi, vừa có bãi ven sông, vừa có các trảng rộng lớn bằng phẳng, lại có các dòng chảy dốc. Vào mùa mưa các dòng suối hiền lành trở thành các dòng thác, nước đổ trắng xoá trên các triền đá lớn. Nhiều đoạn thác quanh co, lượn khúc tạo ra những bãi cát vàng rộng như các bãi tắm tự nhiên. Cát Tiên không những có cảnh quan ngoạn mục, lại nằm trong khu vực chuyển tiếp của khí hậu miền núi và đồng bằng nên Cát Tiên có khí hậu độc đáo. Địa hình có sông suối bao bọc làm cho khu rừng già vừa được giữ nguyên vẹn, vừa trở thành nơi qui tụ hầu hết các kiểu rừng đồng bằng Nam Bộ. Đây là khu rừng nguyên sinh tiêu biểu cho hệ sinh thái rừng ẩm nhiệt đới vùng thấp. Rừng có nhiều cây cổ thụ như bằng lăng, gõ đỏ. Hệ thực vật có hơn 1.362 loài thực vật bậc cao, hơn 440 loài cây gỗ quý, hàng trăm loại cây dược liệu, 133 loài hoa phong lan...

Giữa dòng sông rộng lớn nổi lên các hòn đảo chạy dài theo con nước. Trên đảo, cây cỏ thụ mọc xen với đám cỏ rộng có thể làm nơi cắm trại, đốt lửa đêm lý tưởng. Dọc ven sông, theo lộ chính về phía tay trái là toàn bộ các kiểu rừng già, hỗn giao của các loại cây gỗ quý: gỗ, giáng hương, trắc, cẩm lai, gụ... Bên phải của con đường rừng là thác trời, một ghềnh thác kỳ thú nhất của Cát Tiên. Tiếp tục băng rừng, qua các thung lũng sâu sẽ đến Bàu Sấu, nơi chứa nước rộng nhất, nằm ở khu trung tâm của Vườn Quốc gia Cát Tiên. Lòng bàu chứa nhiều loại cá, đặc biệt có cả cá sấu nước ngọt. Ven bàu là nơi tập hợp của nhiều đàn chim lớn như công, trĩ, gà lôi, sếu, giang, mòng, két, le le, cù đen...

#### *Khu du lịch Bửu Long - hồ Long Ẩn*

Khu du lịch Bửu Long - hồ Long Ẩn thuộc phường Bửu Long, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, cách trung tâm thành phố 6km. Hồ Long Ẩn là một bức tranh thu nhỏ của Hạ Long. Vô số vách đá soi bóng trên mặt nước xanh tạo cho hồ vẻ đẹp hấp dẫn trong một cảnh sắc thiên nhiên mỹ lệ: núi cao, hồ rộng, hài hoà với các công trình kiến trúc nghệ thuật mang dấu ấn tôn giáo của nhiều thời đại. Đến Bửu Long, du khách sẽ lần lên ốc đảo cao 35m nằm giữa lòng hồ, nơi quần tụ của hàng chục loài chim quý hiếm, du ngoạn trên mặt hồ bằng tàu thủy, hoặc Pédallo Thiên Nga, tham quan con rồng đá phun nước khổng lồ, các tiểu cảnh nàng tiên cá, nhà rồng... của công viên Khổng Long khánh thành từ tháng 2 năm 1995.

Cạnh hồ là hai ngọn núi thấp, trên núi Bửu Long có ngôi chùa cổ Bửu Phong nổi tiếng nằm thấp thoáng sau cây bồ đề lớn; có hang đá Long Sơn Thạch Động hình dạng giống hàm ếch với nhiều nhũ đá rủ xuống đầy vẻ huyền bí. Sau khi tham quan hồ, leo núi văn cảnh chùa, vui thú với các trò chơi trên mặt nước, du khách còn có thể kết hợp về thăm làng bưởi Tân Triều nổi tiếng, tham quan nghề đục đá truyền thống mang dấu ấn nghệ thuật điêu khắc cuối thế kỷ 17 thuộc miền Lương Quảng, Trung Hoa của một cộng đồng nhỏ người Hoa sống gần hồ. Bửu Long với hồ Long Ẩn là nơi rất hấp dẫn khách du lịch muốn dã ngoại tìm đến thiên nhiên trong một ngày nghỉ thư giãn.

#### *Khám phá đảo Ó - Đồng Trường*

Đảo Ó và đảo Đồng Trường là hai hòn đảo nằm giữa lòng hồ Trị An, thuộc huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai, được đắm mình vào thiên nhiên trong lành, yên ả của mệnh mộng sông nước. Hiện nay hai đảo này được các hãng lữ hành tại TP.HCM khai thác đưa khách đến như một điểm du lịch sinh thái cuối tuần, khá hấp dẫn. Đảo Ó rộng 22ha, được Công ty Du lịch Đồng Nai đầu tư xây dựng nhiều hạng mục như: nhà nghỉ, nhà hàng, máng trượt nước, bãi tắm, bơi thuyền và nhiều khu giải trí khác. Đảo Đồng Trường rộng 22ha hãy còn lắm nguyên sơ, có trồng nhiều loại cây ăn quả ngon nổi tiếng của miền Đông Nam Bộ.

Nét độc đáo của hai ốc đảo này là gần TP.HCM (khoảng 65km), tiện cho du khách muốn đi du lịch trong hai ngày nghỉ cuối tuần (có thể sáng đi chiều về, hoặc ở qua đêm). Đến đây du khách sẽ được đắm mình vào thiên nhiên trong lành, yên ả và của mệnh mộng sông nước. Để đến đảo Ó - Đồng Trường, từ TP.HCM theo Quốc lộ 1A, đến ngã ba Trị An, rẽ trái 18km đến trung tâm thị trấn Vĩnh An (huyện lỵ Vĩnh Cửu), xuống bến thuyền Đồng Trường, đi thuyền máy chừng 30 phút, du khách sẽ đến đảo Ó.

### **3.2.5. Một số tuyến điểm du lịch nội tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu**

Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu có diện tích là 1.987,4 km<sup>2</sup>, dân số là 1.012,0 nghìn người (2010). Trung tâm hành chính của tỉnh là Thành phố Bà Rịa, 1 thành phố Vũng Tàu, và các huyện là Châu Đức, Xuyên Mộc, Tân Thành, Long Điền, Đất Đỏ, Côn Đảo. Toàn tỉnh có nhiều dân tộc sinh sống, phần lớn là người Việt (Kinh), Hoa, Khmer, Chơ Ro...

*Điều kiện tự nhiên và khí hậu* : Bà Rịa - Vũng Tàu giáp tỉnh Đồng Nai ở phía bắc, giáp tỉnh Bình Thuận ở phía đông, giáp huyện Cần Giờ của Tp. Hồ Chí Minh ở phía tây, còn lại phía nam và đông nam giáp biển. Địa hình của tỉnh bao gồm núi, đồi, đồng bằng nhỏ và các đồi cát, dải cát chạy vòng theo bờ biển. Đất Châu Thành là vùng phù sa cũ, ít dốc. Các huyện Long Điền, Đất Đỏ, Xuyên Mộc là vùng đồng bằng và đồi, núi ven biển. Bà Rịa - Vũng Tàu thuộc vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa. Nhiệt độ trung bình hàng năm 27°C, ít gió bão, giàu ánh nắng. Bà Rịa - Vũng Tàu có quốc lộ 56 đi Đồng Nai, quốc lộ 55 đi Bình Thuận, quốc lộ 51 đi huyện Cần Giờ (Tp. Hồ Chí Minh). Vũng Tàu cách Tp. Hồ Chí Minh 129km, cách Biên Hòa (Đồng Nai) 95km, cách Nha Trang (Khánh Hòa) 513km. Từ Tp. Hồ Chí Minh đến Vũng Tàu có 6 tuyến xe chất lượng cao xuất phát trước chợ Bến Thành, 30 phút có một tuyến, thời gian chạy từ 2 đến 3 giờ. Xe khách đi từ bến xe Miền Đông, thời gian từ 3 đến 4 giờ. Ngoài ra còn có tàu cánh ngầm Tp. Hồ Chí Minh - cảng Cầu Đá (Vũng Tàu), 30 phút một chuyến, chạy mất 1h15 phút.

*Tiềm năng phát triển kinh tế và du lịch*: Bà Rịa - Vũng Tàu có chiều dài bờ biển phần đất liền là 100km (trong đó 72km là bãi cát có thể sử dụng làm bãi tắm). Thềm lục địa tỉnh tiếp giáp với quần đảo Trường Sa, nơi đây chứa đựng hai loại tài nguyên cực kỳ quan trọng là dầu mỏ và hải sản. Bà Rịa - Vũng Tàu có nhiều hồ chứa nước loại lớn như Kim Long, Đá Đen, Đá Bàn, Châu Pha, Sông Soài, Lò Ô, Suối Giàu... Nhiều sông như sông Ray, sông Bà Đáp, sông Đông..., và có trên 200 con suối, đặc biệt suối nước nóng Bình Châu nóng 80°C là một tài nguyên nước khoáng quý. Vũng Tàu là một trung tâm du lịch lớn. Sự kết hợp hài hoà giữa quần thể thiên nhiên biển, núi cùng kiến trúc đô thị và các công trình văn hoá như tượng đài, chùa chiền, nhà thờ... tạo cho Vũng Tàu có ưu thế của thành phố du lịch biển tuyệt đẹp, đầy quyến rũ. Vũng Tàu không có mùa đông, do vậy các khu nghỉ mát có thể hoạt động quanh năm. Vũng Tàu có nhiều bãi biển đẹp như bãi Sau (Thùy Vân), bãi Trước (Tầm Dương), bãi Dâu (Phương Thảo), bãi Dứa (Hương Phong),... và nhiều di tích, thắng cảnh như Hải Đăng trên núi Nhỏ, núi Lớn, Bạch Dinh, Niết Bàn Tịnh Xá, Thích Ca Phật Đài, nhà lớn Long Sơn... đã thu hút nhiều du khách. Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có 4 khu vực có tiềm năng phát triển du lịch lớn: Thành phố Vũng Tàu hiện nay là một trong mười trung tâm du lịch lớn của Việt Nam; Vùng rừng quốc gia Côn Đảo; Bờ biển Long Hải và vùng núi Minh Đạm; Vùng rừng nguyên sinh Bình Châu - Phước Bửu và suối nước khoáng nóng Bình Châu. Ở đây, du khách có thể bách bộ, leo núi, tắm biển, vui chơi giải trí.

### **Các điểm tham quan du lịch tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu**

#### *Côn Đảo*

Côn Đảo - huyện Côn Đảo, thuộc tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, cách Tp. Vũng Tàu 180km, cách Tp. Hồ Chí Minh 230km. Côn Đảo là một quần đảo gồm 16 đảo lớn, nhỏ, có địa thế hùng vĩ, có tài nguyên thiên nhiên phong phú, có nhiều phong cảnh và bãi biển đẹp cùng với di tích nhà tù nổi tiếng. Du khách có thể đi bằng máy bay hoặc bằng tàu biển để ra Côn Đảo. Từ giữa thế kỷ 19 đến năm 1975, Côn Đảo bị biến thành một nhà tù khổng lồ, giam giữ hàng trăm nghìn người yêu nước Việt Nam. Tại đây, hơn 22.000 người con ưu tú của đất nước đã ngã xuống vì nền độc lập tự do của Tổ quốc. Các khu lao, chuồng cọp, chuồng bò, hầm xay lúa, bến Đầm, Cầu Tàu, nghĩa trang Hàng Dương... mãi mãi còn đó, thể hiện tinh thần anh dũng, ý chí kiên cường của con người Việt Nam. Côn Đảo là một chứng tích hùng hồn, tố cáo chế độ độc ác, tàn bạo của chủ nghĩa đế quốc, thực dân đối với phong trào yêu nước của dân tộc ta. Chúng ta đến thăm Côn Đảo, không chỉ đến thăm chứng tích "địa ngục trần gian" của thực dân đế quốc mà còn là đến với những hòn đảo đẹp luôn rực rỡ

sắc biển, màu trời, những hòn đảo xanh tươi của rừng núi, của lúa, của tiêu, của dứa và của các loài thú quý hiếm. Những địa danh trên Côn Đảo gắn liền với tài nguyên thiên nhiên phong phú của nơi đây. Đảo lớn nhất là Côn Sơn với trung tâm đảo là Côn Lôn. Hòn Cau cách Côn Lôn 8km, rộng 1,8 km<sup>2</sup> là nơi có nhiều cau rừng quả to gần như quả trứng gà, hạt đỏ như son. Hòn Tre Lớn, Hòn Tre Nhỏ có rừng tre dày, thân trắng và lớn như thân cây vầu, cây bương. Hòn Trai có nhiều trai ngọc quý. Hòn Trứng là nơi cư ngụ của nhiều loài chim biển. Hòn Bà cách Côn Lôn vài trăm mét có đỉnh núi cao 321m, trên có tảng đá to hình một người phụ nữ. Hòn Bảy Chanh cách Côn Lôn 7km có ngọn Hải Đăng xây năm 1884, tàu thuyền trên biển ở xa trên 70km còn nhìn thấy.

Nằm trong vùng khí hậu á xích đạo - hải dương nóng ẩm, nhiều nắng gió, Côn Đảo có hệ sinh thái hết sức phong phú và đa dạng. Rừng Côn Đảo xanh tốt um tùm với nhiều loại cây gỗ quý như bời lời, lát hoa, sao đen, cẩm thi, thiên niên kiện, săng đào, dầu lá bóng... Động vật ở Côn Đảo cũng có nhiều loài như chồn, sóc, kỳ đà, khỉ, hươu, nai, gà rừng..., đặc biệt có sóc mun toàn thân đen tuyền không thấy ở nơi nào khác trên đất nước ta. Ở đây có các loài chim quý hiếm như: chim điều mặt xanh, én biển... Vùng biển Côn Đảo có nhiều loài hải sản quý, có giá trị kinh tế cao như tôm hùm, cá hàng, cá giống, cá mập, cá heo, cá nhám, hải sâm, đồi mồi, vích... Cùng với việc khai thác thế mạnh về tài nguyên rừng, biển của Côn Đảo, người dân nơi đây đang phát triển việc trồng và chế biến những nông sản có giá trị hàng hoá cao như hồ tiêu, dứa, cây thuốc... Và cũng chính những mặt hàng có giá trị cao về nông, lâm, ngư nghiệp của Côn Đảo đã góp phần làm nên sự nổi tiếng của vùng đảo giàu đẹp này. Côn Đảo cũng đang phát huy thế mạnh du lịch của mình. Trên đảo Côn Sơn có sân bay Cỏ Ống là cầu nối quần đảo với đất liền, rất thích hợp cho sự đưa đón khách du lịch. Thị trấn có rất nhiều cây bàng nên vào những ngày nắng nóng vẫn rợp bóng xanh mát. Các bãi tắm ở Côn Đảo còn nhiều nét hoang sơ với môi trường trong lành, trong đó có những bãi rất đẹp như Hàng Dương, Phi Yến, Đầm Trầu... bằng phẳng, sạch sẽ, nước trong xanh, có thể nhìn rõ đáy cát. Không thể không nhắc đến một sự kiện lịch sử thú vị là năm 1284 nhà thám hiểm Marco Polo đã ghé qua Côn Đảo. Côn Đảo là địa danh du lịch hấp dẫn du khách trong và ngoài nước.

#### *Bảo tàng Côn Đảo*

Đây là nơi trưng bày những hình ảnh, hiện vật về các “cựu tù chính trị” bị giam giữ tại nhà tù Côn Đảo trong 2 cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ, số 10 Nguyễn Huệ, thị trấn Côn Đảo, huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Bảo tàng được khởi công xây dựng vào tháng 12/2009 và khánh thành ngày 6/9/2013, với tổng kinh phí đầu tư là 65,82 tỷ đồng. Nằm trong khuôn viên rộng hơn 20.000m<sup>2</sup>, bảo tàng có kiến trúc bao gồm một tòa nhà chính cao hai tầng và các công trình phụ trợ khác. Tòa nhà chính có phòng trưng bày, kho hiện vật, kho phục chế tư liệu hiện vật, hội trường và khu làm việc. Trong đó, phòng trưng bày có diện tích 1.700m<sup>2</sup>, trưng bày khoảng 2.000 tài liệu, hình ảnh, hiện vật khối, tư liệu giấy theo bốn chủ đề: Côn Đảo - thiên nhiên, con người; Địa ngục trần gian; Trận tuyến và trường học và Côn Đảo ngày nay. Bên cạnh đó còn có gian trưng bày những hiện vật, tư liệu, hình ảnh về nữ anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân Võ Thị Sáu, người con gái Đất Đỏ đã hy sinh trên mảnh đất Côn Đảo. Bảo tàng Côn Đảo cùng với các hạng mục của Khu di tích lịch sử Côn Đảo sẽ tạo thành hệ thống các điểm du lịch độc đáo ở Côn Đảo, giúp thế hệ trẻ thêm hiểu, thêm tự hào về truyền thống anh hùng, tinh thần yêu nước, ý chí kiên cường bất khuất của các thế hệ cha ông.

#### *Nhà tù Côn Đảo*

Nhà tù Côn Đảo nằm trên đảo Côn Lôn, huyện đảo Côn Đảo, được xây dựng vào tháng 3/1862, Côn Đảo là nhà tù đầu tiên mà thực dân Pháp thiết lập ở Việt Nam. Dưới quyền của thống đốc Nam Kỳ Dupré, hệ thống các cơ sở giam giữ tù nhân ở Côn Đảo được xây dựng dần dần từ năm 1862 đến 1945 gồm 4 trại giam và 15 nhà tù. Đến năm 1955, thiếu tá Aloise Blank bàn giao nhà tù Côn Đảo lại cho ngụy quyền Sài Gòn, chấm dứt gần một thế kỷ tội ác của thực dân Pháp. Trong 20 năm (1955-1975), Mỹ Ngụy đã tăng quy mô nhà tù lên 8 trại giam, mỗi trại rộng khoảng 10.000m<sup>2</sup>, có tường đá bao quanh, 6 dãy chuồng cộp và 45 xà lim. Ngoài khu vực các trại, còn có hàng chục sở tù như sở đập đá, sở lò vôi, sở rẫy là nơi người tù phải lao động khổ sai. Nhà tù Côn Đảo là địa ngục trần gian, nơi giam giữ và đày đọa những chiến sĩ cách mạng Việt Nam, nhưng những người tù cộng sản đã biến nơi đây thành trường học nung đúc tinh thần vô sản, đưa cách mạng Việt Nam đến ngày thắng lợi cuối cùng giải phóng quê hương. Ngày nay, hệ thống nhà tù Côn Đảo đã được trùng tu để trở thành một di tích lịch sử cách mạng, thu hút đông đảo khách tham quan. Mô hình các tù nhân chính trị trong trại giam cũng đã được dựng lại để du khách có thể hiểu rõ hơn về lịch sử của nơi đã từng một thời được coi là “địa ngục trần gian”.

#### *Nhà tưởng niệm nữ anh hùng Võ Thị Sáu*

Nhà tưởng niệm có lối kiến trúc dân dã đặc trưng của làng quê Việt Nam, nằm tại thị trấn Đất Đỏ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, cách thành phố Bà Rịa 12km về phía đông. Ngôi nhà được che xung quanh bằng các tấm ván gỗ, mái lợp ngói âm dương, nền bằng đất. Nhà dài 10m, rộng 3m gồm 2 phòng nhỏ. Phòng ngoài rộng 5m, ở giữa bài trí tủ thờ gia tiên, kê sát bên vách phải là bộ đồ ván gỗ nơi chị em Võ Thị Sáu thường nằm ngủ. Phòng trong là nơi nghỉ của ông bà song thân. Nối giữa 2 phòng là một hành lang nhỏ thông ra phía sau nhà. Cách ngôi nhà khoảng 50m về hướng đông là tượng đài chị Sáu đặt trang trọng tại khuôn viên bốn mùa bát ngát hương hoa sứ, ngọc lan, lêkima. Tượng đúc bằng đồng, cao 7m, diễn tả tư thế chị Sáu ung dung ra pháp trường với tà áo tung bay trong gió.

#### *Hải đăng Vũng Tàu*

Hải đăng nằm trên đỉnh núi Nhỏ thuộc thành phố Vũng Tàu, nằm ở độ cao 170m so với mực nước biển để báo hiệu, chỉ dẫn cho tàu thuyền qua lại cửa Cần Giờ, hải đăng Vũng Tàu là ngọn hải đăng được xây dựng sớm nhất ở Việt Nam. Thả bộ theo con đường nhỏ ven triền núi để lên cao hưởng không khí trong lành, mát mẻ là thú vui của cả người dân địa phương lẫn du khách khi đến với Vũng Tàu. Thú vị hơn nữa là khi leo lên đỉnh núi, du khách còn được thưởng ngoạn một công trình kiến trúc đặc sắc tại đây. Đó là ngọn hải đăng Vũng Tàu. Được xây dựng lần đầu tiên và khánh thành vào ngày 15/8/1862, sau đó được người Pháp xây lại vào năm 1913, hải đăng Vũng Tàu vẫn giữ nguyên được kiểu dáng, kiến trúc cổ điển. Kiến trúc ngọn đèn biển này là một tháp hình trụ, sơn trắng, cao 18m, đường kính 3m, bên trong có cầu thang xoắn ốc lên gần tới đỉnh và có lối dẫn ra ban công bên ngoài để quan sát toàn cảnh non nước Vũng Tàu. Trước đây khi chưa có điện, ngọn hải đăng hoạt động nhờ hệ thống dây thiêu, cứ ba giờ phải lên dây cốt một lần. Hiện nay, nó được thắp sáng bởi bóng đèn có công suất 500W, chiếu xa được gần 55km nhờ hệ thống lăng kính đồ sộ gồm những tấm kính ba cạnh hình tam giác bao quanh. Tháp đèn có hai lỗ thủng lớn gần nhau. Hệ thống quay nhờ motor với tốc độ 5 vòng/phút. Do đó, đêm đêm đứng ở Bãi Trước, du khách sẽ thấy hai luồng ánh sáng như hai đường thẳng quét tròn kế tiếp nhau trên nền trời tối sẫm. Ngọn hải đăng được nối liền với khu nhà ở của nhân viên bằng một đường hầm kiên cố. Xung quanh là khuôn viên với những cây sứ cổ thụ hàng chục năm tuổi tỏa

bóng mát rượi, thơm ngát. Hải Đăng Vũng Tàu không chỉ là người bạn tin cậy và trung thành của những người đi biển mà còn trở thành biểu tượng của thành phố biển Vũng Tàu.

#### *Khu di tích đình thần Thắng Tam*

Khu di tích nằm tại đường Hoàng Hoa Thám, phường Thắng Tam, thành phố Vũng Tàu, là một quần thể bao gồm đình thần Thắng Tam, miếu Ngũ Hành và lăng Cá Ông, khu di tích đình Thắng Tam ẩn chứa những giá trị văn hóa quý báu của cư dân miền biển Vũng Tàu. Đình thần Thắng Tam được xây dựng từ đời vua Minh Mạng thờ chung cả ba người đã có công xây dựng nên ba làng ở Vũng Tàu, đó là Phạm Văn Dinh, Lê Văn Lộc và Ngô Văn Huyền. Vào thời vua Gia Long, bọn hải tặc thường hay đột nhập cửa sông Bến Nghé đón đường cướp bóc tiền bạc, hàng hoá. Để bảo vệ thương thuyền của người Việt, vua Gia Long liền phái ba đội quân đi trên ba chiếc thuyền bảo vệ sự thanh bình của bờ biển cửa ngõ, và khai hoang lập ấp, làm ăn sinh sống. Khoảng năm Minh Mạng thứ 3 (1822), tình trạng hải tặc không còn nữa, nhà vua ban chiếu khen thưởng chức tước, phẩm hàm và phần đất mà ba đội quân có công khai phá cho họ. Từ ba vị trí của ba đội quân dần dần hình thành nên ba làng. Làng thứ nhất gọi là làng Thắng Nhất do ông Phạm Văn Dinh cai quản, làng Thắng Nhì do ông Lê Văn Lộc cai quản, làng Thắng Tam do ông Ngô Văn Huyền cai quản. Sau này, ba ông trở thành Tiên Hiền được thờ tại ba ngôi đình của ba làng nói trên.

Đình có kiến trúc theo lối nối tiếp gồm bốn ngôi nhà nối liền nhau bằng một lối đi bên hông, đó là Tiên Hiền – Hội Trường – Đình Trung – Sân khấu võ ca. Trong đình bài trí nhiều đồ lễ chạm trổ tinh xảo, sơn son thếp vàng lộng lẫy. Ngôi Tiên hiền được lợp bằng ngói âm dương, trên mái có hình “lưỡng long châu nguyệt” đắp nổi. Đầu các đòn tay, xà gò, cột đều chạm khắc hình rồng. Nội thất nhà Tiên Hiền bày 4 bàn thờ gồm bàn thờ thổ công, Tiên Hiền, Hậu Hiền và Tiên Vãng - Hậu Vãng. Hội trường là nơi sinh hoạt của các hội viên. Tiếp sau phần hội trường là ngôi Đình Trung có cấu trúc tương tự ngôi Tiên Hiền, bày 10 bàn thờ gồm bàn thờ Thần Nông, Thiên Y A Na, Ngũ Đức, Thánh Phi, Hậu Hiền, Hội Đồng, Phụ An - Cao Các, Thiên Sư, Ngũ Thờ và Ngũ Tự - Tiên Hiền. Còn sân khấu võ ca là nơi diễn tuồng, hát bội khi đình có lễ.

#### *Miếu Ngũ Hành*

Miếu Ngũ Hành, được xây dựng vào cuối thế kỷ 19 thờ năm bà nữ thần: Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ. Miếu Ngũ Hành được kiến trúc theo lối một gian hai chái, trên mái có hình “lưỡng long châu nguyệt”, trong miếu có 8 bàn thờ. Giữa chính điện là bàn thờ 5 bà Ngũ Hành và hai vị Thượng Đẳng Thần. Hai bên là bàn thờ 5 Cô và 5 Cậu. Tiếp theo bên trái là bàn thờ Quan Công, Quan Bình và Châu Xương là những bậc trung nghĩa, sẵn sàng cứu hộ những người đi biển khi họ gặp chuyện không may. Bên phải là bàn thờ Ông Địa – Thổ Công. Phía sau là bàn thờ Tiên Hiền và những người giàu lòng nhân ái, độ lượng trong làng.

#### *Lăng Cá Ông*

Lăng Cá Ông nằm bên phải khu di tích và được xây dựng cùng thời kỳ với miếu Ngũ Hành. Hiện nay trong lăng vẫn còn một phần của bộ xương Cá Ông khổng lồ do ngư dân Vũng Tàu vớt được từ hơn 100 năm trước. Lăng có kiến trúc theo lối cổ xưa, bên trong bày ba tủ kính lớn đựng xương Cá Ông và tương xứng với nó là ba bàn thờ. Hai bên có thêm hai bàn thờ của Bà Sáu (Thần Rùa) và tổ nhạc. Hiện nay, khu di tích đình thần Thắng Tam còn lưu giữ 12 sắc phong của vua Thiệu Trị và Tự Đức, trong đó có 6 sắc phong cho Đại Càn Quốc Gia Nam Hải (tức Cá Ông), 3 sắc phong cho Thiên Y A Na Diển Ngọc Phi và 3 sắc phong cho Thủy Long Thần Nữ.

#### *Đền Dinh Cô*



Thuộc thị trấn Long Hải, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Theo truyền thuyết kể rằng: cách đây 200 năm có một cô gái trẻ tên Lê Thị Hồng (tục danh là Thị Cách) quê ở Phan Rang trên đường đi qua đây thì thuyền gặp giông bão. Cô bị rớt xuống biển tử nạn, xác trôi dạt vào Hòn Hang. Nhân dân vùng này đã chôn cất cô trên đồi Cô Sơn và lập đền thờ gần biển. Từ đó cô luôn hiển linh, mộng báo điềm lành, diệt trừ dịch bệnh nên vào năm 1930 ngư dân trong vùng đã lập đền thờ và tôn xưng cô là Long Hải Thần Nữ. Lúc đầu Dinh Cô chỉ là một ngôi miếu nhỏ đơn sơ. Năm 1930 Dinh Cô được xây dựng khá khang trang và đến năm 1987 thì được xây dựng lại như hiện nay sau khi bị hỏa hoạn. Dinh Cô có diện tích trên 1.000m<sup>2</sup>. Cổng Tam quan vào Dinh Cô nằm dưới chân mũi Thùy Vân, đắp nổi “Long hổ hội”, phía trên có “Lưỡng long châu nguyệt” và song phụng châu. Lối lên điện Cô là 37 bậc tam cấp. Chính điện Dinh Cô bài trí 7 bàn thờ. Ngay trung tâm chánh điện là bàn thờ Bà Cô. Nổi bật với bức tượng Bà Cô cao hơn 0,5m, mặc áo choàng đỏ, viền kim tuyến lấp lánh, đội mũ gắn ngọc. Phía sau cạnh bàn thờ Bà Cô là bàn thờ Diêu Trì Phật Mẫu, Chúa Cậu (Nhị vị Công tử, tức là Cậu Tài, Cậu Quý), Ngũ Hành Nương Nương, Tứ Pháp Nương Nương (Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi, Pháp Điện), Ông Địa, Thần Tài. Ngoài chính điện, ngư dân còn lập bàn thờ Cửu Thiên Huyền Nữ, Chúa Ngọc Nương Nương, Chúa Tiên Nương Nương, Chư vị, Bà Mẹ Sanh, Chủ tịch Hồ Chí Minh và miếu thờ Hòa Tinh Thánh Mẫu, Quan Thánh Đế Quân, Quan Thế Âm Bồ Tát. Liên quan đến Dinh Cô là Mộ Cô, nằm trên đồi Cô Sơn, cách Dinh Cô chừng 1km. Mộ Cô là một nơi khang trang đẹp đẽ, thu hút nhiều người đến thăm viếng, chiêm bái, đặc biệt là trong dịp diễn ra lễ Nghinh Cô.

#### *Chùa Quan Thế Âm Bồ Tát*

Chùa Quan Thế Âm Bồ Tát nằm trên đường vòng núi Lớn, thành phố Vũng Tàu, cách bãi Dâu 500m, là một ngôi chùa nhỏ được xây dựng vào năm 1976, nhưng nổi bật ở giữa khu vực chùa là một pho tượng Phật Bà Quan Âm trắng toát. Pho tượng cao 16m làm bằng xi măng cốt thép sắt theo hình tượng một phụ nữ hiền hòa, đức độ, mặt hướng ra biển, tay cầm bình Cam Lô, đứng trên tòa sen. đây là một pho tượng đẹp và cũng là điểm tham quan của khách du lịch ở Vũng Tàu.

#### *Tượng chúa Jêsus*

Tượng chúa Jêsus nằm trên đỉnh núi Nhỏ, thành phố Vũng Tàu. Tượng được dựng vào năm 1972, cao 32m, đứng giang hai tay, mặt hướng ra biển. Trong lòng tượng có một cầu thang xoáy tròn ốc đi từ bệ lên cổ tượng gồm 133 bậc. Hai bên vai tượng được thiết kế như hai cái ban công, mỗi bên có đủ chỗ cho khoảng 6 người đứng ngắm cảnh thành phố Vũng Tàu.

#### *Bạch Dinh*

Bạch Dinh được Pháp xây dựng từ năm 1898 đến năm 1916 dùng làm nơi nghỉ mát cho toàn quyền Đông Dương Paul Doumer, tọa lạc tại số 10 đường Trần Phú, thành phố Vũng Tàu. Bạch Dinh được gọi là Villa Blanche theo tên con gái yêu của Paul Doumer. Nghĩa tiếng Việt của từ này lại trùng với dáng sắc bên ngoài của nó nên dân địa phương quen gọi là Bạch Dinh, tức là Biệt thự trắng. Sau đó nhiều đời toàn quyền Đông Dương vẫn thích dùng Bạch Dinh làm nơi giải trí nên được gọi là Dinh toàn quyền. Dưới thời Mỹ, Bạch Dinh cũng là nơi an nghỉ và hội họp của tổng thống và các tướng lĩnh Sài Gòn. đây cũng chính là nơi giam lỏng vua Thành Thái (từ 1909-1910), một vị vua có tư tưởng yêu nước, chống lại ách đô hộ của thực dân Pháp. Bạch Dinh nằm ở phía nam núi Lớn, trên pháo đài Phước Thắng cổ xưa, cao gần 30m so với mực nước biển. Từ tiền sảnh Bạch Dinh nhìn xuống, du khách sẽ có cảm giác như đang ở tầng lầu của một cao ốc xây dựng trên mặt nước

biển, có thể dõi tầm mắt bao quát cả trung tâm thành phố Vũng Tàu. Có hai lối lên Bạch Dinh. Một đường uốn quanh chạy dưới rừng cây giá ty, dành cho xe hơi lên tới tiền sảnh. Một đường đi bộ qua 146 bậc tam cấp cổ xưa, kín đáo nằm giữa hai hàng sứ cao niên. Bạch Dinh cao 19m, có ba tầng, mang đậm sắc thái kiến trúc của Pháp thời cuối thế kỷ 19. Tầng hầm dùng cho việc nấu nướng. Tầng trệt dùng làm khánh tiết. Tại đây còn bài trí những hiện vật cổ xưa dùng để trang trí nội thất như: Song bình Bách điều châu phụng, bộ tràng kỷ Hoàng Gia ghi niên đại Khải định năm 1921, cặp ngà voi Châu Phi dài 170cm, bộ tam đa ngũ thái Phúc - Lộc - Thọ. Tầng lầu thoáng đạt dành cho việc nghỉ ngơi. Dạo quanh Bạch Dinh, du khách không khỏi ngạc nhiên về tám bức tượng đá bán thân gắn trên một đường thẳng bao quanh ba mặt tường chính của toà nhà. Hầu hết tượng đều mang phong cách của nghệ thuật Hy Lạp cổ đại. Lúc bình minh hay khi chiều xế bóng, những bức tượng ký hoạ chân dung đối xứng trên nền chim công lấp lánh, trông thật tráng lệ và kỳ diệu. Với tất cả sự quyến rũ đó, Bạch Dinh không chỉ thoả mãn cho Paul Doumer mà các đời toàn quyền Đông Dương vẫn thích dùng Bạch Dinh làm nơi nghỉ ngơi, tĩnh dưỡng. Hiện nay, Bạch Dinh được dùng làm nhà bảo tàng, trưng bày các chuyên đề như: đồ gốm thời Khang Hy vớt được từ xác tàu cổ đắm tại khu vực Hòn Cau - Côn Đảo, súng thần công cùng nhiều hiện vật có giá trị khác được tìm thấy qua các đợt khai quật khảo cổ ở Bà Rịa - Vũng Tàu... đến Bạch Dinh, du khách có thể tận hưởng không khí trong lành của biển, vẻ đẹp kiêu diễm của Bạch Dinh hòa lẫn trong thiên nhiên cây cỏ, và được tận mắt thưởng ngoạn những cổ vật tiêu biểu, quý hiếm.

#### *Khu căn cứ cách mạng Minh Đạm*

Núi Minh Đạm thuộc địa phận huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, cách Tp. Hồ Chí Minh khoảng 150km, cách TP. Bà Rịa khoảng 30km. Núi Minh Đạm nơi có rừng cây um tùm, nhiều hang đá và là căn cứ kháng chiến của quân và dân Bà Rịa – Vũng Tàu trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ. Từ thành phố Bà Rịa, đi về hướng biển Long Hải chừng 30km, du khách sẽ gặp dãy núi có tên Minh. Núi Minh Đạm cao trung bình khoảng 200m (ngày xưa núi có tên là Châu Long và Châu Viên). Năm 1948, để nhớ ơn hai vị Bí thư và Phó bí thư huyện Long Điền là Bùi Công Minh và Mạc Thanh Đạm đã anh dũng hy sinh dưới chân núi, nên người dân đã đặt tên núi là Minh Đạm. Minh Đạm còn là tên gọi căn cứ kháng chiến của quân và dân Bà Rịa - Vũng Tàu trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ. Núi Minh Đạm có rừng cây um tùm xanh tươi. Trên núi có nhiều hang đá là nơi ăn ở, sinh hoạt, làm việc an toàn cho cán bộ, bộ đội. Mỗi hang đá mang tên của đơn vị đóng quân như: hang Huyện uỷ, hang Quân y, hang Quân giới.

Từ chân núi, một con đường trải nhựa ngoằn ngoèo đưa du khách lên tận đỉnh núi. Du khách sẽ ngỡ ngàng khi ở khoảng hai phần ba đoạn đường đèo, toàn cảnh biển Long Hải bao la, với khung cảnh biển một bên, núi đồi một bên thật hữu tình, thơ mộng hiện ra trong tầm mắt. Phía dưới là khu du lịch Thuỷ Dương và con đường nhựa uốn lượn dưới chân núi. Ôm lấy biển là rừng hoa anh đào đỏ thắm, tuyệt đẹp. Nhiều người thích chinh phục đỉnh núi bằng cách đi bộ, để được len lỏi dưới những tán cây, gộp đá, nghe tiếng chim kêu, tiếng suối chảy róc rách. Cái mệt nhọc dần tan biến sau khi bạn được rửa mặt, ngâm chân vào nước suối mát lạnh, tận hưởng bầu không khí trong lành của núi rừng. Năm 1993, Khu căn cứ Minh Đạm được Bộ Văn hoá Thông tin công nhận là Di tích Lịch sử cách mạng. Minh Đạm hôm nay đã trở thành điểm du lịch khá lý tưởng cho nhiều loại hình du lịch: leo núi, dã ngoại sinh thái và đặc biệt là nơi tìm hiểu lịch sử cách mạng, giáo dục truyền thống cho các thế hệ học sinh, sinh viên...

### *Khu bảo tồn thiên nhiên Bình Châu-Phước Bửu*

Khu bảo tồn thiên nhiên Bình Châu-Phước Bửu thuộc huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, với diện tích 11.293ha, rừng Bình Châu-Phước Bửu có thảm thực vật nguyên sinh vô cùng phong phú, gồm 113 họ, 408 chi, 661 loài, trong đó có nhiều loài rất quý hiếm. Động vật cũng rất đa dạng, có 70 họ, 29 bộ, 178 loài, trong đó 96 loài chim, 33 loài bò sát... Đây là khu rừng nguyên sinh ven biển duy nhất còn lại tương đối nguyên vẹn của Việt Nam. Địa hình rừng Bình Châu-Phước Bửu tương đối bằng phẳng. Ở phía tây có một vài ngọn núi cao từ 100 đến 150m và những quả đồi thoai thoải xen lẫn với những bàu nước ngọt tự nhiên. Các bàu, hồ nước ngọt hoang sơ ven biển như hồ Cốc, hồ Tràm, hồ Linh, bàu Bàng, bàu Nhám ngày nay được xây dựng thành những điểm tham quan du lịch, tắm biển nổi tiếng của huyện Xuyên Mộc. Giữa ngút ngàn rừng nguyên sinh nổi lên một bàu nước nóng với hơn 70 điểm phun nước lộ thiên. Vùng có mạch nước nóng hoạt động rộng chừng 1km<sup>2</sup>, tạo thành những cái hồ nước sôi lớn nhỏ. Vùng hồ rộng nhất là khoảng 100m<sup>2</sup> với độ sâu hơn 1m. Đây là điểm nóng nhất, nước lúc nào cũng sủi tăm, bốc hơi tạo thành một nôi xông hơi thiên nhiên khổng lồ. Nhiệt độ mặt nước khoảng 64°C, đáy nước là 84°C. Những chỗ nông, nước chỉ nóng khoảng trên 40°C, có thể ngâm chân tay để chữa bệnh. điều hấp dẫn, thú vị là tại khu vực nước nóng này cây cỏ vẫn xanh tươi sống cùng năm tháng tạo nên vẻ đẹp kỳ thú của thiên nhiên.

### *Suối khoáng nóng Bình Châu*

Suối khoáng nóng Bình Châu thuộc địa bàn xã Bưng Riềng, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, cách thành phố Hồ Chí Minh 150km. Năm 1928, một bác sĩ người Pháp tên là Salle trong chuyến khảo sát vùng Đông Nam Bộ đã phát hiện ra khu suối khoáng với vẻ đẹp thật hấp dẫn này. Kỳ diệu thay không biết tự bao giờ tại khu rừng tràm lớn, một hồ nước sôi khổng lồ cùng với bùn khoáng nóng với 70 điểm phun lộ thiên có nhiệt độ từ 37°C đến 80°C cứ tuôn trào vô tận cho đến ngày hôm nay. Suối khoáng nóng Bình Châu đã được các nhà khoa học công nhận bởi nguồn nước rất có giá trị trong việc chữa trị phục hồi sức khoẻ. Các khu vực dành cho việc nghỉ dưỡng chữa bệnh bằng suối khoáng nóng đã hình thành như khu hồ ngâm Suối Mơ, Hà Nội- Huế-Sài Gòn, khu giếng trời dành lược trứng bằng nước khoáng nóng, cụm tắm bùn khoáng... Tất cả đều nằm ẩn mình, yên tĩnh trong rừng cây xanh. Ngoài ra còn những cụm công trình khép kín trong dịch vụ giải trí thể thao dành cho du khách nghỉ cuối tuần như sân tập golf, bóng chày, hồ bơi và cả khu vườn Trăng với sân khấu 1.000 chỗ ngồi. Đi trên những dãy hành lang bằng gỗ bắc qua những điểm suối chảy trải dài quanh co chừng 1km, du khách sẽ thấy thật thú vị khi nhìn nước từ trong lòng đất tuôn ra, sôi sủi thành bọt và ngâm chân ở những con suối có nhiệt độ 40°C. Còn nếu muốn thưởng thức trứng gà lược hồng đào, bạn hãy đi tới giếng nước ở nhiệt độ 80°C, cho trứng vào giỏ rồi thả xuống ngâm chừng 10 phút sau vớt lên là dùng được.

Vào những buổi bình minh, nơi đây thật kỳ ảo. Cảnh sắc xung quanh như được phủ một làn sương mỏng từ hơi nước bốc lên. Du khách có thể thả bộ để hít thở bầu không khí tinh khiết, trong lành phảng phất mùi hương thơm cây cỏ. Từ phía xa vắng tiếng chim rừng líu lo đánh thức cả khu du lịch thức dậy đón một ngày mới bắt đầu. Trong nắng ban mai, những đàn bướm đầy màu sắc bay lượn trên những thảm cỏ tạo nên một khung cảnh rất yên bình. Để thưởng thức hết những hương vị của thiên nhiên Bình Châu, du khách hãy đi dạo hoặc đi bằng xe bò đến thăm suối Bàng cách đó 2km về phía đông hay tới thăm vườn thú có khá nhiều loại: gấu, khỉ, chồn, trăn, tắc kè, nhím, đại bàng. Cảnh khu rừng có một số gia đình người Châu Ro sinh sống, du khách có thể đi thăm làng và nghe các cụ già kể lại

truyền thuyết sự tích đầm nước sôi. Câu chuyện kể mối tình bi thương của cặp vợ chồng trẻ, vì một chút nông nổi mà phải chịu cô đơn mãi mãi. Khu du lịch nghỉ dưỡng Suối khoáng nóng Bình Châu đã được tổ chức Du lịch thế giới (WTO) bình chọn là một trong hai khu du lịch sinh thái bền vững nhất của Việt Nam.

#### *Bãi Trước (Tầm Dương)*

Bãi Trước còn được gọi là bãi Tầm Dương, có nghĩa là "Tìm ánh mặt trời", nằm giữa hai ngọn núi Lớn và núi Nhỏ của thành phố Vũng Tàu theo một đường vòng cung khá đều. Vào buổi bình minh và hoàng hôn, mặt trời đỏ rực như tan vào nước biển mênh mông, bãi Trước như một nửa vàng trắng tựa lưng vào đất liền, hai đầu là hai ngọn núi Tương Kỳ và Tao Phùng. Thiên nhiên đã ban tặng cho nơi đây phong cảnh sơn thủy hữu tình, là bến đậu cho những con tàu trở về sau những chuyến hải trình. Dọc Bãi Trước trồng rất nhiều dừa vì vậy trước đây nó còn có tên là vịnh Hàng Dừa. Giờ đây những hàng dừa vẫn rợp bóng và được điểm tô thêm màu xanh của những cây bàng, cây sứ. Bên dưới những bóng cây xanh rợp mát là một khu công viên đầy hoa dành cho khách bộ hành hóng mát... nghe tiếng sóng biển du dương. Nhiều toà nhà, khách sạn mới, hiện đại mọc lên càng tô điểm cho Bãi Trước một vẻ đẹp vừa xa xưa vừa hiện đại. Đêm về, đại lộ Trần Phú, Quang Trung rực sáng với hệ thống đèn cao áp. Trên nóc các tòa nhà cao lộng gió, những quán cà phê rực rỡ ánh đèn màu cùng những chiếc tàu neo đậu xa xa với vàng ánh sáng lan tỏa trên mặt biển tạo cho Bãi Trước một vẻ đẹp thật quyến rũ về đêm.

#### *Bãi Dâu*

Trước kia bãi Dâu còn được gọi là Vũng Mây do nơi đây có nhiều mây rừng, nằm ở phía tây núi Lớn và phía bắc trung tâm thành phố Vũng Tàu. Từ bãi Trước, theo đường Trần Phú, đi quá di tích Bạch Dinh chừng 3km là tới bãi Dâu. Bãi Dâu là một bãi biển kín gió với nhiều ghềnh đá kỳ thú, thơ mộng. Hai đầu bãi có nhiều mỏm đá lớn nhô ra ngoài biển, sau lưng bãi là địa hình lòng chảo được cây cối um tùm bao bọc tựa vào triền núi Lớn. Chân núi Lớn ở bãi Dâu dốc đứng và ăn ra sát biển. Giữa màu xanh thẳm của biển và cây rừng nổi bật tượng đức mẹ Maria cao gần 30m và những tòa nhà sáng trắng. Bãi Dâu là bãi biển đẹp, yên bình và dường như tách hẳn với không khí ồn ào, náo nhiệt của trung tâm thành phố Vũng Tàu.

#### *Bãi Dứa*

Bãi Dứa nằm ở khoảng giữa của bãi Trước và bãi Sau bên chân núi Nhỏ, gần mũi Nghinh Phong, thành phố Vũng Tàu. Người xưa kể lại rằng sở dĩ có tên bãi Dứa vì trước đây trên triền núi nhô ra biển có rất nhiều những cây dứa dại (một loại cây có hương thơm như gạo nếp hoặc nài hương) tỏa hương thơm ngát một vùng. Cũng có thể do mùi hương đó đã quyến rũ bước chân du khách và các lãng tử không thể rời xa nên bãi Dứa còn có tên gọi là bãi Lãng Du. Bãi Dứa là một trong những bãi biển đẹp và thu hút nhiều du khách của Vũng Tàu. Cái đẹp ở đây không ồn ào tấp nập mà là một vẻ đẹp mộng mơ, thắm kín. Biển len lỏi trong các hẻm núi, ghềnh đá, tạo nên các vũng biển nhỏ ôm ấp những mạch nước ngầm trong suốt, thoang thoang mùi thơm đồng nội. Phía trên triền núi bãi Dứa, dọc theo đại lộ Hạ Long là các nhà nghỉ, khách sạn theo kiểu biệt thự đầy đủ tiện nghi, những ngôi chùa, miếu với những khu cây cảnh đầy vẻ u tịch, thần bí. Nghỉ ngơi, du ngoạn nơi đây sẽ làm tâm hồn du khách nhẹ nhàng, thoải mái sau những ngày làm việc căng thẳng.

#### *Bãi Sau (Thùy Vân)*

Bãi Sau là một trong những bãi biển du lịch đẹp và lớn nhất của Việt Nam, nằm ở đông nam thành phố Vũng Tàu, dài khoảng trên 8km từ chân núi Nhỏ đến Cửa Lấp. Bãi

Sau còn được gọi là bãi Thùy Vân. Trước mặt là biển Đông, bãi Sau nằm tựa lưng vào những đồi cát trắng và rừng phi lao ngút ngàn. Chỉ cần một luồng gió nhẹ, những cành lá phi lao nhỏ li ti lại cùng reo lên bản nhạc lạ kì. Dưới rừng phi lao thấp thoáng những căn nhà nghỉ bằng gỗ, được thiết kế theo kiểu nhà rông Tây Nguyên với đầy đủ tiện nghi, vừa hiện đại, vừa dân dã. Mặt biển bãi Sau phẳng lặng vào mùa gió nam nhưng lại sóng to, gió lạnh vào mùa gió bắc. Với không khí trong lành, thoáng mát, cảnh đẹp hữu tình, bãi Sau sẽ tạo nên cảm giác thoải mái cho du khách sau những ngày làm việc mệt mỏi.

#### *Vườn quốc gia Côn Đảo*

Vườn Quốc gia Côn Đảo gồm 16 đảo lớn nhỏ và vùng biển xung quanh các đảo, thuộc địa phận huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, vườn Quốc gia Côn Đảo là một trong hai vườn quốc gia duy nhất tại Việt Nam bảo tồn cả rừng lẫn biển. Vườn có tổng diện tích gần 15.043ha, trong đó có 9.000ha biển và 6.043ha rừng. Rừng ở Côn Đảo chủ yếu là rừng nguyên sinh, thuộc hệ sinh thái nhiệt đới hải đảo với 882 loài thực vật, gần 150 loài động vật, trong đó nhiều loài quý hiếm chỉ có ở Côn Đảo như sóc đen Côn Đảo, thạch sùng có cánh Côn Đảo, vài loài chim chỉ có ở Côn Đảo như: chim điên mặt xanh, chim nhiệt đới, chim bồ câu Nicba, ghành ghi trắng. Chế độ dòng chảy Biển Đông với sự thay đổi hai mùa gió chính đã tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển ấu trùng sinh vật biển từ Côn Đảo đi về phía bắc và phía nam. Ngược lại, vùng biển này dễ dàng thu nhận nguồn phát tán từ các nơi khác. Do vậy, thành phần loài sinh vật biển ghi nhận ở đây tương đối đa dạng và phong phú với 285 loài san hô cứng, 84 loài rong biển, 202 loài cá, 153 loài thân mềm, 130 loài giun nhiều tơ, 110 loài giáp xác, 46 loài da gai. Bên cạnh đó, hệ sinh thái thảm cỏ biển - loài thực vật có hoa ngầm sống trong môi trường nước biển - rộng khoảng 200ha chiếm tới 9 loài trong 16 loài cỏ biển trên thế giới. Vùng biển Côn Đảo có đồi mồi, rùa da; các loài thú biển như cá voi đen, cá nược, đặc biệt có bò biển Dugong, một trong những loài còn rất ít trên thế giới. Đến với Côn Đảo, du khách sẽ có những ngày nghỉ tuyệt vời trong khung cảnh thiên nhiên hoang dã và tận mắt nhìn ngắm những động thực vật duy nhất trên thế giới còn tồn tại ở vườn quốc gia Côn Đảo, thăm nhiều di tích lịch sử có giá trị.

#### **3.2.6. Một số tuyến điểm du lịch nội tỉnh Tây Ninh**

Tỉnh Tây Ninh có diện tích là 4.049,2 km<sup>2</sup>, dân số là 1.075,3 nghìn người (2010). Trung tâm hành chính của tỉnh là Thành phố Tây Ninh, và các huyện là Tân Biên, Tân Châu, Dương Minh Châu, Châu Thành, Hòa Thành, Bến Cầu, Gò Dầu, Trảng Bàng. Toàn tỉnh có nhiều dân tộc sinh sống, phần lớn là người Việt (Kinh), Chăm, Khmer, Hoa. Có 3 dân tộc chính sinh sống tại đây, đó là người Việt(Kinh), Khmer và người Chăm. Tôn giáo ở Tây Ninh có đạo Phật, Công giáo và đạo Cao Đài. Tây Ninh là trung tâm của đạo Cao Đài với tòa thánh Cao Đài được xây dựng qui mô lớn tại huyện Hòa Thành, cách thành phố Tây Ninh 4km. Từ đây đạo Cao Đài được lan truyền sang các tỉnh miền nam và miền trung Việt Nam với số dân theo đạo khoảng hơn 2 triệu người

*Điều kiện tự nhiên:* Tây Ninh là tỉnh biên giới của miền Đông Nam Bộ. Phía bắc giáp 3 tỉnh của Cam-pu-chia với đường biên giới dài 240km, phía đông là tỉnh Bình Dương và Bình Phước, phía nam giáp Tp. Hồ Chí Minh và Long An. Tỉnh có hai cửa khẩu quốc tế là Mộc Bài và Xa Mát. Phía bắc tỉnh, từ thành phố Tây Ninh trở lên, có nhiều rừng núi trong đó núi Bà Đen cao 986m. Phía nam tỉnh khá bằng phẳng, gần như đồng bằng. Có hai con sông lớn chảy qua là sông Vàm Cỏ Đông và sông Sài Gòn. Sông Sài Gòn được chặn lại tạo nên hồ Dầu Tiếng, là công trình thủy lợi lớn nhất nước, tưới tiêu cho 17.500ha đất nông

nghiệp. Tây Ninh là nơi tiếp giáp vùng núi cao nguyên Nam Trung Bộ và đồng bằng sông Cửu Long, thuộc miền đất cao của Nam Bộ. Phần lớn là đất đỏ và đất xám, rất tốt cho việc trồng trọt, nhất là trồng rừng và trồng cây công nghiệp. Khí hậu tỉnh Tây Ninh thường nóng ẩm, ôn hòa quanh năm, nhiệt độ trung bình năm 26°C - 27°C, lượng mưa trung bình cả năm từ 1400 - 2000mm. Có hai mùa rõ rệt: mùa khô từ tháng 12 đến tháng 4 năm sau, mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10. Thành phố Tây Ninh cách Tp. Hồ Chí Minh 99km. Tuyến đường xuyên Á mới mở rộng (quốc lộ 22A) hai chiều sáu làn xe từ thành phố Hồ Chí Minh qua Trảng Bàng, Gò Dầu tới cửa khẩu Mộc Bài dài 73km. Hiện nay, khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài đang trở thành trung tâm thương mại lớn của Việt Nam và Cam-pu-chia. Tỉnh có quốc lộ 22B từ Gò Dầu qua thành phố Tây Ninh tới cửa khẩu Xa Mát.

*Tiềm năng phát triển kinh tế và du lịch:* Giữ vị trí nối giữa Tp. Hồ Chí Minh và thủ đô Phnôm Pênh (Cam-pu-chia), Tây Ninh là địa bàn chiến lược về kinh tế và quốc phòng, từng là căn cứ địa cách mạng miền Nam trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Ngày xưa đây là đất Phù Nam, sau đó thuộc phủ Gia Định (thời Nhà Nguyễn). Năm 1936 đặt phủ Tây Ninh gồm 2 huyện Tân Ninh và Quang Hóa, sau đổi thành tỉnh Tây Ninh. Các di tích, danh thắng của tỉnh có tòa thánh Tây Ninh, núi Bà Đen, hồ Dầu Tiếng, tháp cổ Bình Thạnh.

### **Các điểm tham quan du lịch tỉnh Tây Ninh**

#### *Lễ hội núi Bà Đen*

Hội xuân Núi Bà thường tổ chức vào ngày 15/1 âm lịch, không chỉ là sự tự do tín ngưỡng tôn giáo mà còn biểu hiện đậm đà bản sắc dân tộc, nhằm suy tôn Linh Sơn Thánh Mẫu. Núi Bà - thường được gọi là Núi Bà Đen do truyền thuyết, có một người con gái tên là Đênh (sau gọi chệch sang là Đen) sùng phật đạo, con một viên quan trấn thủ người Miên. Do từ chối ép duyên với con quan trấn vùng Trảng Bàng, nàng Đênh bỏ nhà trốn lên núi xuất gia cầu đạo và chết ở đó. Sau này triều đình nhà Nguyễn đã cho đúc tượng đồng đen và sắc phong cho bà là "Linh Sơn Thánh Mẫu". Hàng năm vào dịp xuân về, từ chiều 30 tết nguyên Đán đến suốt tháng Giêng, tháng Hai âm lịch - nhất là ngày rằm tháng Giêng, du khách trong tỉnh, thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh khác ở Nam Bộ đổ về hành hương, lễ bái và tham quan du lịch rất đông đúc. Đến lưng chừng núi khách vào lễ đền Linh Sơn Thánh Mẫu rồi nghỉ ngơi. Ai khoẻ chân lại tiếp tục đường mòn leo núi để lễ chùa. Nơi đây, nhà chùa có cơm chay đãi khách, khách cứ việc dùng rồi cúng tiền vào chùa, có hoặc không, nhiều hoặc ít tùy tâm. Thậm chí nếu khách muốn lưu lại chùa một, hai ngày vẫn được nhà chùa thết đãi nồng hậu - vì rằng ở chốn tu hành, đồng tiền không có nghĩa và người mộ đạo ai cũng như ai. Lên cao chút nữa, gần đỉnh núi là Miếu Sơn Thần. Dùng tại đây, du khách có cảm giác nhiều đám mây còn bay dưới chân mình và từ đây có thể ngắm toàn ảnh hồ nước Dầu Tiếng - Một công trình thủy lợi đẹp và lớn ở nước ta hiện nay. Những năm gần đây mỗi mùa Xuân tới, dân chúng Nam Bộ kéo tới lễ Điện Bà đông như nước chảy. Mọi người tin rằng lễ Điện Bà để cầu phù hộ, giải toả nhu cầu tâm linh, cũng nhân dịp du lịch ngắm phong cảnh hùng vĩ của Núi Bà.

#### *Tòa thánh Cao Đài Tây Ninh*

Đây là một cụm công trình kiến trúc, nghệ thuật, tôn giáo nổi tiếng của đạo Cao Đài và là trụ sở Trung ương của Giáo hội Cao Đài Tây Ninh. Tòa Thánh nằm tại xã Long Thành Bắc, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, cách thị xã Tây Ninh 4km về phía đông nam, cách TP. Hồ Chí Minh khoảng 100km về phía tây bắc. Được khởi công xây dựng vào năm 1933 và chính thức khánh thành vào năm 1955, tòa thánh Cao Đài Tây Ninh là nơi thờ Thiên

Nhãn - biểu tượng thiêng liêng của đạo Cao Đài. Ngoài việc thờ Thiên Nhân, đạo Cao Đài còn thờ Phật Thích Ca, Phật Bà Quan Âm, Chúa Giêsu, Khổng Tử, Lão Tử,... Theo kinh sách Cao Đài, tòa thánh tượng trưng cho Bạch Ngọc Kinh (nơi Thượng Đế ngự) tại thế gian. Tọa lạc trong khuôn viên rộng khoảng 40km<sup>2</sup>, toàn bộ tòa thánh Cao Đài Tây Ninh bao gồm gần 100 công trình kiến trúc lớn nhỏ khác nhau, được xây bằng bê tông cốt tre. Tòa thánh có 12 công, các công đều được chạm khắc hình Tứ linh (Long, Lân, Quy, Phụng) và hoa sen. Trong đó, chánh môn là cửa lớn nhất với cách trang trí khác biệt mang hình lưỡng long tranh châu, hoa sen cùng 3 cổ pháp: kinh Xuân Thu, bình Bát vu và Phát trần, thể hiện tinh thần tam giáo (Phật giáo, Đạo giáo và Nho giáo). Trên chánh môn có đắp nổi chữ "ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ" bằng chữ Quốc ngữ ở trên và chữ Hán ở dưới. Từ chánh môn, đi theo con đường dẫn thẳng về phía đông sẽ đến trung tâm khuôn viên của tòa thánh. Tại đây có 3 bảo tháp - nơi thờ ba vị: Đức Hộ Pháp, Đức Thượng Phẩm và Đức Thượng Sanh. Qua các tháp là sân Đại Đồng Xã, nơi có tượng Thái tử Siddharta cưỡi ngựa tìm Đạo, theo sau là người hầu cận Channa. Tiếp theo là Cửu Trùng Thiên (nơi đặt di cốt của các chức sắc đạo Cao Đài được phong từ bậc Tiên trở lên) có hình bát quái với 9 bậc và được sơn ba màu vàng, xanh, đỏ. Gần đó là cây bồ đề cổ thụ do Đại đức Thera Narada mang từ Ấn Độ sang tặng Tòa thánh vào năm 1953. Cách cây bồ đề không xa là hai khán đài - một ở phía đông gọi là Đông khán đài và một ở phía tây gọi là Tây khán đài - nơi tín đồ hành hương và du khách về xem rước Cộ mẫu vào 2 kỳ Đại lễ mỗi năm.

Qua khuôn viên, du khách sẽ tới tòa thánh. Nhìn tổng thể, tòa thánh mang hình tượng Long Mã bái sư - là con vật linh huyền thoại mang Hà đồ trên mình, gợi ý cho vua Phục Hy (người đầu tiên trong ba vị vua huyền thoại của Trung Quốc cổ) vẽ nên Bát Quái Tiên Thiên. Với chiều dài 97,5m, chiều rộng 22m, tòa thánh mang những đặc trưng tiêu biểu cho kiến trúc đền, chùa của tôn giáo Cao Đài, thể hiện sự hài hoà giữa mỹ thuật Á Đông và phương Tây. Chung quanh tòa thánh, cả bên trong và bên ngoài, có tất cả 156 cột tròn lớn nhỏ để chống đỡ các mái hiên ở hành lang.

Mặt tiền tòa thánh là khu vực Hiệp Thiên Đài như đầu Long Mã nhìn thẳng về phía tây. Hai bên lối vào tòa thánh là lầu chuông (bên trái) có tên Bạch Ngọc Chung Đài và lầu trống (bên phải) có tên Lôi Âm Cổ Đài. Cả hai lầu đều cao 27m, bao gồm 6 tầng với chiều cao khác nhau. Lối vào chính của tòa thánh có tên Tịnh Tâm Đài như miệng Long Mã há ra. Phía trên Tịnh Tâm Đài có một bao lon xây hình bán nguyệt, tên là Lao Động Đài. Trên Lao Động Đài là Phi Tượng Đài hay Thông Thiên Đài như cái trán của Long Mã với 2 cửa được coi như hai con mắt của Long Mã. Phía ngoài Thông Thiên Đài được đắp nổi biểu tượng Thiên Nhân. Qua 5 bậc thềm của Tịnh Tâm Đài là khu vực Tịnh Tâm Điện. Tầng trên của Tịnh Tâm Điện là lầu Hiệp Thiên Đài - nơi thờ 15 vị chức sắc cao cấp: Hộ Pháp, Thượng Phẩm, Thượng Sanh và 12 vị Thời Quân.

Nối tiếp với khu vực Hiệp Thiên Đài là Cửu Trùng Đài có hình dáng như phần thân của Long Mã. Khu vực này có 18 cột trụ chia làm hai phân, được trang trí hình rồng, chạm khắc tinh xảo. Các hàng cột này phân khu vực Cửu Trùng Đài thành 9 gian, mỗi gian có độ cao chênh nhau 18cm, gọi là "Cửu phẩm thân tiên". Đây là khu vực hành lễ của mỗi phẩm cấp tín đồ trong Cửu Trùng Đài. Riêng hàng cột ở giữa có cầu thang cuốn và bao lon, nơi chức sắc đứng để giảng đạo cho các tín đồ gọi là Giảng Đài. Ở 3 gian cuối khu vực Cửu Trùng Đài có đặt 7 ghé, giành cho 7 vị chức sắc cao cấp nhất của Cửu Trùng Đài. Cao nhất là ghé của Giáo Tông chạm hình rồng, tiếp theo là 3 ghé của 3 vị Chương Pháp chạm hình

phụng, cuối cùng là 3 ghé của 3 vị Đầu Sư chạm hình lân. Phía trên gian cuối của Cửu Trùng Đài có một đài cao 17m, gọi là Nghinh Phong Đài.

Nằm ở phía cuối tòa thánh là khu vực Bát Quái Đài hướng thẳng về phía đông, giống phần đuôi của Long Mã. Gian này có 8 cột trụ xếp thành hình Bát quái, ở giữa là quả địa cầu lớn tượng trưng cho vũ trụ với hình Thiên Nhân ở chính giữa và 3072 vì sao tượng trưng cho 72 quả địa cầu và 3000 thế giới ở xung quanh. Trong khuôn viên tòa thánh còn có nhiều công trình kiến trúc khác như: Hạnh Đường (nơi hội họp và mở khóa huấn luyện tu sĩ), Giáo Tông Đường, Hộ Pháp Đường, Nữ Đầu Sư Đường, nhà làm việc của cơ quan Hiệp Thiên Đài, nhà Vạn Linh, Bắc Tông, Trung Tông, Tàn Nhon, Khách đình, Thuyền Bát Nhã, bệnh viện, trường học, các xưởng thợ..., đặc biệt là Đền thờ Phật Mẫu, nơi thờ Cộ mẫu - Mẹ thiêng liêng của nhân loại và Bá Huê Viên ở phía đối diện đền. Thông tin thêm: Giờ lễ chính trong ngày tại tòa thánh được tổ chức vào 12h trưa. Du khách có thể thăm tòa thánh vào bất kỳ thời gian nào trong ngày nhưng cần lưu ý một số quy tắc chung như: khi vào không được mang giày dép, giữ gìn vệ sinh chung; chỉ được vào ở cửa hai bên: nam giới đi cửa bên phải và nữ giới đi cửa bên trái.

#### *Tháp cổ Bình Thạnh*

Tháp Bình Thạnh là ngôi đền tháp quý hiếm, tồn tại gần như nguyên vẹn, tiêu biểu cho kiến trúc thuộc hậu nền văn hóa Óc Eo, có niên đại xây dựng khoảng thế kỷ 8, nằm phía hữu ngạn sông Vàm Cỏ Đông, tọa lạc tại ấp Bình Phú, xã Bình Thạnh, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Nền tháp hình vuông, tháp cao 10m, mỗi cạnh 5m, các cạnh được xây dựng đúng bốn hướng. Cửa chính mở về hướng Đông, trước mặt là một bàu "hình vuông", ba mặt tây - nam - bắc đều có cửa giả được đắp nổi các hoa văn, trang trí tinh xảo. Cửa chính và ba cửa giả được xây nhô ra ngoài khung cửa. Mặt ngoài tháp trên cửa chính phía đông gắn trên "mi cửa" là một phiến đá lớn, hình chữ nhật cao 0,80 x 2m chạm nổi hình hoa cúc cách điệu, hai vách bên cửa chính cũng chạm nổi hai mảng phù điêu. Cùng với cách trang trí được xây lặp lại ở các phần thu nhỏ dần lên đỉnh tạo cho tháp có nhiều góc cạnh và các bức phù điêu được đắp nổi quanh tháp nên tôn tạo cho toàn bộ công trình tháp là một kiến trúc vững chắc và công phu. Tháp được hội nghiên cứu Đông Dương phát hiện năm 1886 và được xếp hạng di tích kiến trúc nghệ thuật năm 1993. Năm 1999 tháp cổ Bình Thạnh đã được trùng tu.

#### *Hồ Dầu Tiếng*

Hồ Dầu Tiếng là một biển nước mênh mông do con người tạo ra từ một công trình thủy lợi, thuộc xã Phước Minh, huyện Dương Minh Châu, cách thành phố Tây Ninh 20km. Hồ Dầu Tiếng là điểm du lịch nằm trong tuyến liên hoàn giữa thị xã Tây Ninh - Tòa thánh Tây Ninh - núi Bà Đen với diện tích 27.000 ha, có sức chứa 1,5 tỷ m<sup>3</sup> nước tưới cho đồng ruộng tỉnh và các tỉnh lân cận. Hồ Dầu Tiếng với khoảng không gian rộng lớn, sơn thủy hoà quyện, các ốc đảo tự nhiên lạ mắt, không khí trong lành, thoáng mát sẽ tạo cho du khách cảm giác thoải mái trong một chuyến du lịch.

#### *Vườn quốc gia Lò Gò - Xa Mát*

Vườn quốc gia Lò Gò - Xa Mát nằm trên địa phận 3 xã Tân Lập, Tân Bình, Hoà Hiệp thuộc huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh, cách thành phố Tây Ninh khoảng 30km về phía tây bắc. Với diện tích 18.765ha, nằm ở độ cao từ 5-10m so với mực nước biển và là khu vực có rừng che phủ lớn nhất tại tỉnh Tây Ninh, được chia thành ba phân khu. Trong đó, khu được bảo vệ nghiêm ngặt là 8.590ha, khu phục hồi sinh thái: 10.080 ha còn lại là khu hành chính dịch vụ. Lò Gò - Xa Mát có thảm thực vật rừng dạng khảm giữa rừng bán rụng lá, rừng rụng lá trên đất thấp và các dải hẹp rừng thường xanh ven sông suối và rừng tràm. Gần



biên giới với Campuchia là các dải rộng đồng cỏ đất lầy với các thảm cỏ lác. Hệ thực vật phong phú có giá trị như: các cây họ đậu: đậu nước, đậu cát, đậu chai, đậu song nòng, sao đen, nên mũ, một số loài đã có tên trong sách đỏ như: gõ cà te, giáng hương, mạc sưa. Khu hệ chim tại vườn quốc gia này rất đặc trưng, tại các sinh cảnh đất ngập nước đã ghi nhận nhiều loài chim nước quý hiếm như giang sen, già đẫy nhỏ và cò nhận, gà lôi lông tía, gà tiền mặt đỏ, chích chạch má xám. Ngoài ra, Lò Gò - Xa Mát còn là nơi dừng chân bay qua của loài sếu đầu đỏ, trên tuyến di cư về nơi sinh sản tại Campuchia. Lò Gò-Xa Mát được công nhận là một trong các vùng chim quan trọng của Việt Nam.

Trong chiến tranh chống Mỹ, Lò Gò - Xa Mát là cơ sở của Đài phát thanh Giải phóng miền Nam Việt Nam, đồng thời cũng là căn cứ cách mạng của quân giải phóng. Bởi vậy, khu vực này còn có ý nghĩa quan trọng về mặt lịch sử. Vườn quốc gia Lò Gò - Xa Mát nơi có con sông Vàm Cỏ bắt nguồn từ Campuchia chảy qua nên rừng ở đây có vai trò quan trọng trong việc phòng hộ đầu sông. Nhiều hộ dân cư sống phụ thuộc vào nguồn tài nguyên thủy sản của con sông này.

### **3.3. Các tuyến điểm du lịch xuyên vùng Đông Nam Bộ**

#### **3.3.1. Các tuyến điểm du lịch xuyên vùng Đông Nam Bộ với các tỉnh Tây Nguyên**

Là tuyến du lịch theo lộ trình quốc lộ 40, 14 và 24, 20, 27 và các điểm du lịch chính: Cửa khẩu quốc tế Bờ Y, các di tích lịch sử - văn hóa, thắng cảnh ở Kon Tum như Đăk Tô - Tân Cảnh, ngục Kon Tum, nhà thờ Gõ, Làng Văn hóa Kon Klor, Măng Đen...

- TP. HCM – Đắc Lắc – Gia Lai – Kon Tum
- TP. HCM – Đắc nông – Đắc Lắc – Gia Lai – Kon Tum
- TP. HCM – Đồng Nai – Đà Lạt – Đắc Lắc

#### **3.3.2. Tuyến điểm du lịch xuyên vùng Đông Nam Bộ với vùng du lịch Nam Trung Bộ**

- TP. HCM – Phan Thiết – Phan Rang – Nha Trang
- TP. HCM – Phan Thiết – Phan Rang – Nha Trang – Phú Yên – Quy Nhơn – Hội An – Đà Nẵng
- TP. HCM – Phan Thiết – Phan Rang – Nha Trang – Phú Yên – Quy Nhơn – Quảng Ngãi – huyện đảo Lý Sơn.
- TP. HCM – Phan Thiết – Phan Rang – Nha Trang – Đà Lạt
- TP. HCM với các di sản miền Trung

#### **3.3.3. Tuyến điểm du lịch xuyên vùng Đông Nam Bộ với vùng du lịch Tây Nam Bộ**

- TP. HCM – Long An – Tiền Giang – Bến Tre
- TP. HCM – Long An – Tiền Giang – Đồng Tháp
- TP. HCM – Long An – Tiền Giang – Vĩnh Long – Trà Vinh
- TP. HCM – Đồng Tháp – An Giang – Kiên Giang
- TP. HCM – Hà Tiên - Đảo Phú Quốc
- TP. HCM – Long An – Tiền Giang – Cần Thơ – Hậu Giang
- TP. HCM – Long An – Tiền Giang – Cần Thơ – Sóc Trăng
- TP. HCM – Cần Thơ – Sóc Trăng - Bạc Liêu – Đất Mũi

#### **3.3.4. Các tuyến điểm du lịch đường sông**

Đối với vùng Đông Nam bộ, do các dòng sông đều ngắn và dốc, lưu lượng dòng chảy không đồng đều trong năm..., vì vậy có thể khai thác phát triển các tuyến du lịch theo

đường sông Sài Gòn, Đồng Nai. Đặc biệt là khai thác tuyến đường biển đến thành phố Hồ Chí Minh và Vũng Tàu.

### 3.3.5. Các tuyến điểm du lịch chuyên đề

Với các tiềm năng du lịch đa dạng và phong phú của Vùng, cho phép tổ chức khai thác các tuyến du lịch chuyên đề như sau:

- Tuyến du lịch về nguồn Chiến khu D.
- Tuyến du lịch khám phá “rừng Nam Cát Tiên”.
- Tuyến du lịch sinh thái thể thao khám phá, mạo hiểm trên sông, biển...

### 3.4. Các tuyến điểm du lịch liên vùng và quốc tế

Việc khai thác các tuyến du lịch liên vùng và quốc tế của vùng Đông Nam bộ qua cửa khẩu Mộc Bài (Tây Ninh) và cửa khẩu Hoa Lư (Bình Phước) sang Campuchia rất quan trọng, một mặt đáp ứng nhu cầu đi lại, tham quan của nhân dân trong Vùng đến các vùng khác trong cả nước và quốc tế. Căn cứ vào vị trí địa lý, mối liên hệ liên vùng, căn cứ vào điều kiện của hệ thống cơ sở hạ tầng (đặc biệt là hệ thống giao thông) và các yếu tố kinh tế - xã hội khác liên quan.

## TÓM TẮT CHƯƠNG 3

*Trong chương này, sinh viên nắm được các nội dung sau:*

*Khái quát chung về tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch nhân văn thuộc vùng du lịch Đông Nam bộ.*

*Khái quát chung về cơ sở vật chất – kỹ thuật phục vụ hoạt động du lịch thuộc vùng Đông Nam bộ.*

*Sinh viên sẽ hiểu và nắm rõ hơn về các loại hình du lịch ở các tỉnh Đồng Nai, Bình Dương, Bình Phước, Tây Ninh, Bà Rịa – Vũng Tàu và thành phố Hồ Chí Minh.*

*Giới thiệu tóm tắt đôi nét về điều kiện tự nhiên, điều kiện kinh tế, dân số, văn hóa và các dân tộc cư trú tại mỗi tỉnh, thành phố thuộc vùng du lịch Đông Nam bộ.*

*Đồng thời, mỗi tỉnh, thành phố sẽ giới thiệu khái quát về các điểm đến tham quan bao gồm những danh lam thắng cảnh, nghệ thuật, lễ hội, phong tục tập quán của các dân tộc cùng cư ngụ tại đây.*

*Khái quát một số tài nguyên du lịch tự nhiên có thể khai thác các tuyến du lịch trên sông, biển của các tỉnh.*

*Giới thiệu một số tuyến điểm xuyên vùng du lịch của các tỉnh, thành phố, cũng như các tuyến, điểm du lịch bằng hàng không, đường sắt.*

*Đồng thời, thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu là hai điểm có số lượng khách du lịch quốc tế đến bằng đường biển ngày một nhiều hơn.*

## CÂU HỎI ÔN TẬP

Câu 1: Vùng du lịch Đông Nam bộ có bao nhiêu tỉnh, thành phố?

Câu 2: Theo anh/chị các tỉnh, thành phố vùng du lịch Đông Nam bộ có những loại tài nguyên du lịch gì? Mỗi loại tài nguyên du lịch cho ví dụ minh họa?

Câu 3: Anh/Chị hãy giới thiệu tour du lịch 1 ngày city tour thành phố Hồ Chí Minh?

Câu 4: Anh/Chị hãy giới thiệu tour du lịch 2 ngày 1 đêm city tour thành phố Hồ Chí Minh?

Câu 5: Đặc điểm chung của vùng du lịch Đông Nam bộ là loại hình du lịch gì? Giải thích tại sao?

Câu 6: Tại sao thành phố Hồ Chí Minh là địa điểm trung chuyển khách du lịch lớn của cả nước?

Câu 7: Anh/Chị hãy nêu cho biết các tỉnh, thành phố trong vùng có bao nhiêu sân bay nội địa? Bao nhiêu sân bay quốc tế? Hãy kể tên các sân bay đó?

Câu 8: Anh/Chị hãy nêu cụ thể một tour du lịch biển trong vùng du lịch Đông Nam bộ?

Câu 9: Anh/Chị hãy cho biết rừng Nam Cát Tiên, Rừng Sác thuộc các tỉnh nào? Giới thiệu khái quát một điểm trên?

Câu 10: Anh/Chị hãy cho biết Chiến khu D thuộc những tỉnh nào?

Câu 11: Tuyến du lịch Đông Nam bộ có các cửa khẩu quốc tế nào?

Câu 12: Hãy kể tên các cửa khẩu quốc tế? Các cửa khẩu đó thuộc địa phận tỉnh nào?

## CHƯƠNG 4: TUYẾN, ĐIỂM DU LỊCH VÙNG DU LỊCH TÂY NGUYÊN

Sau khi học xong chương này, sinh viên có các kiến thức sau:

- *Hiểu được về tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch nhân văn thuộc vùng du lịch Tây Nguyên.*
- *Hiểu được về cơ sở vật chất – kỹ thuật phục vụ hoạt động du lịch thuộc vùng Tây Nguyên.*
- *Sinh viên sẽ hiểu và nắm rõ hơn về các loại hình du lịch ở các tỉnh Tây Nguyên.*
- *Hiểu được các tuyến du lịch nội tỉnh và du lịch vùng thuộc về các điểm đến tham quan bao gồm những danh lam thắng cảnh, nghệ thuật, lễ hội, phong tục tập quán của các dân tộc cùng cư ngụ tại đây.*
- *Hiểu được các tuyến du lịch nội tỉnh và du lịch vùng tài nguyên du lịch tự nhiên có thể khai thác các tuyến du lịch trên sông, biển của các tỉnh.*
- *Hiểu được các tuyến du lịch nội tỉnh và du lịch vùng thuộc một số tuyến điểm xuyên vùng du lịch của các tỉnh, thành phố, cũng như các tuyến, điểm du lịch bằng hàng không.*
- *Hiểu được về các tuyến, điểm du lịch từ thành phố Đà Lạt là điểm có số lượng khách du lịch quốc tế đến bằng đường biển ngày một nhiều hơn.*
- *Nắm được các loại du lịch tiêu biểu được khai thác trong hoạt động du lịch thuộc vùng.*

### 4.1. Khái quát chung về vùng du lịch Tây Nguyên

#### 4.1.1. Tài nguyên du lịch tự nhiên

Năm tỉnh Tây Nguyên có vị trí chiến lược quan trọng về kinh tế, chính trị, quốc phòng an ninh đối với cả nước và khu vực Đông Dương. Toàn vùng Tây Nguyên nằm trên nền địa hình ở độ cao từ 250 - 2.500m so với mặt nước biển, và là đầu nguồn của 4 hệ thống sông lớn (sông Ba, sông Đồng Nai, sông Mê Kông và sông Serepok). Các tỉnh Tây Nguyên nằm tiếp giáp với các tỉnh như: Về phía Đông, Vùng Tây Nguyên có mối liên hệ chặt chẽ về kinh tế - xã hội với các tỉnh Duyên hải Nam Trung Bộ; Về phía Tây tiếp giáp và có mối liên hệ trực tiếp với các tỉnh Nam Lào và Đông Bắc Campuchia thông qua các cửa khẩu quốc tế đường bộ (cửa khẩu quốc tế Bờ Y - Ngã Ba Đông Dương, cửa khẩu Lệ Thanh); Về phía Nam tiếp giáp với Vùng Đông Nam Bộ và Vùng Đồng bằng Sông Cửu Long. Với vị trí địa lý như vậy, Vùng Tây Nguyên có điều kiện thuận lợi để mở rộng giao lưu phát triển kinh tế với nhiều vùng trong cả nước và quốc tế

Địa hình Tây Nguyên là một sơn nguyên, bao gồm các dãy núi cao trên 2.000m, tiếp đến là dãy núi thấp dưới 2.000m và các cao nguyên với độ cao từ 300- 800m thoải dần về phía Tây, Tây Nam và Nam. Vùng cao nguyên khoảng 2.637,7 nghìn ha (chiếm 47%); vùng núi có độ cao từ 800 - 2.598m có diện tích khoảng 1.536,14 nghìn ha (chiếm 34,5%); thung lũng giữa núi khoảng 1.037,8 nghìn ha (chiếm 17,5%).

Khí hậu Tây Nguyên nằm giữa 11<sup>0</sup> - 15<sup>0</sup> vĩ độ Bắc, Vùng Tây Nguyên có khí hậu nhiệt đới gió mùa, với 2 mùa mưa và khô rõ rệt. Tuy nhiên, do vị trí và hướng núi, do ảnh

hưởng của đai cao nên khí hậu Vùng Tây Nguyên bị phân dị khá nhiều tùy theo từng khu vực. Toàn Vùng có thể chia thành 3 tiểu vùng khí hậu tương ứng với 3 tiểu vùng địa hình, gồm Bắc Tây Nguyên (tương ứng với các tỉnh Kon Tum và Gia Lai), Trung Tây Nguyên (tương ứng với các tỉnh Đắk Lắk và Đắk Nông), Nam Tây Nguyên (tương ứng với tỉnh Lâm Đồng). Trung Tây Nguyên có độ cao thấp hơn và nền nhiệt độ cao hơn hai tiểu vùng phía Bắc và phía Nam. Do ảnh hưởng của đai cao, nên cứ lên cao 100 m thì nhiệt độ giảm đi 0,6 °C, do đó ở xấp xỉ trên cùng vĩ tuyến, nhiệt độ trung bình ở Pleiku (800m) thấp hơn ở Quy Nhơn 5<sup>0</sup>C; ở Buôn Ma Thuột thấp hơn Nha Trang 3<sup>0</sup>C; ở Đà Lạt (1.500m) thấp hơn Phan Rang (500m) 9<sup>0</sup>C...Ngoại trừ các vùng giữa núi, các bình nguyên (Cheo Reo - Phú Túc, Kon Tum) có nhiệt độ cao, nói chung càng lên cao các cao nguyên đều mát hơn. Nhiệt độ trung bình hàng năm ở các khu vực có độ cao 500 - 800m là 21 - 23<sup>0</sup>C; các khu vực có độ cao 800 - 1.100m, nhiệt độ không khí trung bình năm là 19 - 21<sup>0</sup>C; các khu vực có độ cao trên 1.500m nhiệt độ không khí trung bình của năm ổn định trong khoảng 18<sup>0</sup>C. Chênh lệch giữa tháng nóng nhất và lạnh nhất từ 3<sup>0</sup>C - 6<sup>0</sup>C. Nhiệt độ trung bình hàng năm của toàn Vùng là 24<sup>0</sup>C; lượng ánh sáng dồi dào, cường độ ổn định. Tổng lượng bức xạ mặt trời trung bình hàng năm 240 - 250 kcal/cm<sup>2</sup>. Số giờ nắng trung bình 2.200 - 2.700 giờ/năm. Biên độ dao động nhiệt giữa ngày và đêm khá lớn (mùa khô từ 15 - 20<sup>0</sup>C, mùa mưa từ 10 - 15<sup>0</sup>C). Lượng mưa ở Tây Nguyên phân bố không đều do ảnh hưởng của địa hình. Lượng mưa trung bình hàng năm của toàn Vùng khoảng 1.900 - 2.000mm, tập trung chủ yếu trong mùa mưa. Những sườn cao đón gió mùa Tây Nam như Pleiku, Bảo Lộc có lượng mưa (2.200mm - 2.500mm) lớn hơn lượng mưa các vùng thấp như Buôn Ma Thuột (1.700mm). Những nơi bị khuất đối với cả gió mùa Tây Nam và gió mùa Đông Bắc như trũng Cheo Reo có lượng mưa thấp nhất (1.200mm).

Tây Nguyên có 4 hệ thống sông lớn là Sesan, Serepok (đổ về sông Mê Kông), sông Ba (đổ về Tuy Hòa - Phú Yên) và sông Đồng Nai (đổ về Đồng Nai). Ngoài ra còn có một hệ thống sông suối nhỏ đổ xuống g vùng Duyên hải Nam Trung Bộ. Các hệ thống sông này đã cung cấp cho Tây Nguyên một lượng nước là 53,7 km<sup>3</sup>/năm; bình quân 972.000 m<sup>3</sup>/km<sup>2</sup>. *Sông Sesan và Serepok*: Tổng lượng nước hàng năm của 2 sông Sesan và Serepok là 30,3km<sup>3</sup>, trong đó sông Sesan chiếm 1/3. Độ sâu dòng chảy bình quân toàn lưu vực là 987mm ứng với mô đun dòng chảy là 31,3 lít/s/km<sup>2</sup>. Sự phân bố dòng chảy trên lưu vực không đều. Thượng nguồn sông Sesan có mô đun dòng chảy đạt 35 - 40 lít/s/km<sup>2</sup>, thượng nguồn Serepok nhỏ hơn 20 lít/s/km<sup>2</sup>.

Về hệ thực vật có trên 3.000 loài bậc cao, trong đó có hơn 1.000 loài cây cảnh, gần 1.000 loài dược liệu, 600 loài cây gỗ lớn. Một số nơi địa hình cao từ 1.000 - 2.000m nằm giữa hai tỉnh Đắk Nông và Lâm Đồng. Khu hệ thực vật càng đặc sắc hơn, có nhiều loài cây lớn như thông ba lá, thông nang, vù hương... Những nơi rừng chưa bị xâm hại, còn nhiều cây gỗ lớn và quý, cao hàng chục mét, đường kính lên đến trên 1m. Trên địa bàn một số huyện ở Đắk Lắk hiện còn loài thủy tùng cực kỳ quý hiếm, được xem là “hóa thạch sống” cần được bảo vệ nghiêm ngặt. Rừng là một tài nguyên lớn có ý nghĩa rất quan trọng đối với sự phát triển bền vững của Vùng Tây Nguyên. Với diện tích lớn (độ che phủ 54,6%), hệ động thực vật đa dạng, Tây Nguyên có điều kiện rất tốt để phát triển nghề rừng và công nghiệp rừng; đồng thời cũng là nơi giữ vai trò cân bằng sinh thái, là nguồn sinh thủy của hệ thống sông suối khu vực Miền Trung và Đông Nam Bộ. Những năm gần đây, để bảo tồn tài nguyên rừng, bảo vệ môi trường sinh thái, ở Tây Nguyên đã quy hoạch 14 khu bảo tồn và vườn quốc gia cùng với hàng chục khu bảo tồn nhỏ và rừng đặc dụng khác, với tổng diện

tích khoảng 460.000 ha (chiếm 8,3% diện tích tự nhiên toàn vùng).

Về hệ động vật, địa hình và thảm thực vật nằm trong một dải liên hoàn với Đông Bắc Campuchia và Nam Lào đã tạo nên một khu hệ động vật giàu về thành phần loài với số lượng lớn, được coi là khu vực phong phú bậc nhất về động vật hoang dã ở Đông Nam Á, là một trung tâm rất đáng chú ý về số loài đặc hữu, với 93 loài thú thuộc 26 họ và 16 bộ, 197 loài chim thuộc 46 họ và 18 bộ, gần 50 loài bò sát, 25 loài lưỡng thê, trên 50 loài cá nước ngọt và hàng nghìn loài côn trùng... Trong số 56 loài động vật có xương sống ở cạn được coi là hiếm ở Đông Dương, có tới 17 loài được Hiệp hội Quốc tế về Bảo vệ Thiên nhiên xếp vào danh sách các loài quý hiếm cần được bảo vệ như tê giác, voi, gấu, bò rừng, bò xám, bò tót, hổ, báo, hươu vàng, nai cà toong, vượn đen, gà lôi, công, trĩ.

Vùng Tây Nguyên có một số địa điểm có khí hậu ôn đới, mát mẻ quanh năm, là điều kiện tự nhiên lý tưởng để xây dựng các khu du lịch nghỉ dưỡng cao cấp như Tuyên Lâm, Đan Kia (Đà Lạt - Lâm Đồng), Măng Đen (Kon Tum). Đà Lạt được xây dựng trở thành thành phố nghỉ dưỡng từ những năm đầu thế kỷ 20. Hiện nay, thành phố Đà Lạt còn bảo tồn nhiều biệt thự kiểu Pháp như dinh Bảo Đại có giá trị về kiến trúc, cảnh quan du lịch. Khu du lịch sinh thái quốc gia Măng Đen – Kon Tum đã và đang được xây dựng trở thành khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng cao cấp của quốc gia.

Tây Nguyên được thiên nhiên ưu đãi nhiều danh lam thắng cảnh nổi tiếng, núi, cao nguyên, sông suối, thác nước, hồ... và cả hệ động thực vật hết sức phong phú, trong đó có nhiều khu bảo tồn thiên nhiên, vườn quốc gia... Những tài nguyên có giá trị để khai thác phát triển du lịch bao gồm: cảnh quan dọc các sông Đăk Bla, Pa Cô, Serepok, Krông Ana, Krông Nô, Đồng Nai...; hệ thống các hồ lớn và đẹp như Tuyên Lâm, Đan Kia Suối Vàng (Lâm Đồng), Hồ Lắk (Đăk Lắk), Biển Hồ (Gia Lai), các hồ thủy điện (Yaly, Đại Ninh...); hệ thống các thác nước như Dray Sap, Trinh Nữ, Diệu Linh, Phú Cường, Lưu Ly, Pongour, Cam Ly, Pren... Tất cả những cảnh quan thiên nhiên ấy đều có thể khai thác trở thành điểm tham quan hết sức lý tưởng.

Tây Nguyên còn có nhiều nguồn suối nước nóng, có suối nước nóng đến 55°C như suối Ram Phia, suối Kon Nit... tập trung ở Kon Đào, Ngọc Tụ (huyện Đăk Tô, Kon Tum), Đăk Ring, Ngọc Tem (huyện Kon Plông, Kon Tum); Đạ Long (huyện Đam Rông, Lâm Đồng)... Đây là những suối có chứa rất nhiều khoáng chất có tác dụng chữa bệnh hiệu quả.

#### **4.1.2. Tài nguyên du lịch nhân văn**

Đến năm 2012, dân số toàn Vùng tăng lên 5.214.2000 người, tăng 2,1% so với năm 2009, mật độ dân số trung bình là 95 người/km<sup>2</sup>. Tây Nguyên là vùng đất đa dân tộc, đa văn hóa, với rất nhiều đặc trưng, sắc thái của nhiều tộc người, nhiều địa phương trong cả nước hội tụ; đồng thời cũng là nơi có tốc độ tăng dân số và biến động về cơ cấu dân cư nhanh nhất cả nước. Một trong những nguyên nhân chính là do tình trạng di cư tự do kéo dài nhiều năm, đến nay vẫn còn diễn ra phức tạp. Tây Nguyên là nơi có cơ cấu dân tộc biến động rất nhanh. Toàn vùng hiện nay có 47 dân tộc (so với năm 1975 tăng thêm 33 dân tộc). Riêng 12 dân tộc thiểu số bản địa chiếm 25,8% dân số toàn vùng và có số dân không đồng đều. Đồng bào dân tộc thiểu số ở Kon Tum chiếm 53,1% dân số toàn tỉnh; Gia Lai khoảng 44%; Đăk Lắk khoảng 29,5%. Từ sau ngày giải phóng đến nay, một số dân tộc thiểu số (Tày, Nùng...) ở các tỉnh phía Bắc đã đến Vùng Tây Nguyên làm ăn sinh sống làm cho thành phần dân tộc của Vùng ngày càng đa dạng.

Các dân tộc này sinh sống chủ yếu ở vùng sâu, vùng xa, trong các thôn, làng. Người Kinh sinh sống chủ yếu ở thành phố, thị trấn, ven đường quốc lộ, tỉnh lộ, vùng kinh tế mới và khu vực các nông lâm trường quốc doanh. Đồng bào các dân tộc thiểu số bản địa của Vùng Tây Nguyên có kết cấu tương đối phức tạp, cư trú theo từng lãnh thổ, có quá trình phát triển không đồng nhất, đa dạng về ngôn ngữ, tâm lý, phong tục tập quán, tín ngưỡng, văn hóa nghệ thuật. Các dân tộc thiểu số bản địa Tây Nguyên thuộc hai nhóm ngôn ngữ chính là Nam Đảo (Malayô - Pôlinêdiêng) và Nam Á (Môn - Khơ me). Trong đó, đồng nhất là dân tộc Giarai (379.589 người), tiếp theo là Êđê (305.045 người), Bana (185.657 người), Cơho (129.759 người), Xơđăng (103.251 người), Mnông (89.980 người), Giê Triêng (32.024 người), Mạ (36.119 người), Churu (16.863 người), Raglai (1.210 người), Româm (357 người) và Brâu (347 người).

Trong giai đoạn vừa qua, tốc độ tăng trưởng kinh tế của Tây Nguyên khá cao, đặc biệt trong giai đoạn 2006 - 2010. Tốc độ tăng trưởng kinh tế của Vùng luôn cao hơn mức bình quân chung của cả nước. Khu vực Nông, Lâm, Ngư nghiệp phát triển khá ổn định và toàn diện. Sản lượng lúa vượt mức chỉ tiêu đề ra trong quy hoạch. Đến nay Tây Nguyên đã trở thành vùng sản xuất ngô hàng hóa lớn của cả nước. Cây công nghiệp phát triển nhanh, phát huy được lợi thế đất đai, bảo đảm quy hoạch và tăng hiệu quả kinh tế. Diện tích gieo trồng cây cà phê, cao su, điều, hạt tiêu, bông... có tỷ trọng lớn so với cả nước và có đóng góp lớn vào xuất khẩu nông nghiệp toàn quốc. Chăn nuôi tiếp tục phát triển, giống vật nuôi đã được cải tạo một bước. Cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch theo hướng hiện đại, các ngành phi nông nghiệp (công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ) đã phát triển nhanh theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa để thu hút lao động, nâng cao mức sống nhân dân. Tuy nông nghiệp vẫn có sự tăng trưởng và phát triển mới về chất, nhưng tỷ lệ tương đối trong cơ cấu GDP đã giảm xuống; tương ứng là khu vực phi nông nghiệp tăng lên. Tỷ trọng ngành nông - lâm - ngư nghiệp trong cơ cấu kinh tế Vùng đã giảm từ 53,6% năm 2000 xuống 52,8% năm 2005 và đạt mức 51,2% năm 2010.

*Các di tích lịch sử văn hóa, cách mạng:* Vùng Tây Nguyên còn lưu giữ được nhiều di tích lịch sử văn hóa và cách mạng, trong đó có nhiều di tích được xếp hạng quốc gia. Đây là những tài nguyên du lịch có giá trị để khai thác phục vụ phát triển du lịch, và được đông đảo du khách quan tâm và tìm hiểu. Kon Tum có nhiều di tích lịch sử xếp hạng quốc gia như di tích lịch sử Ngục Kon Tum, Ngục Đắk Glei, di tích lịch sử danh thắng Măng Đen, di tích lịch sử chiến thắng Đắk Tô - Tân Cảnh, di tích chiến thắng Plei Kần. Gia Lai có các di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia như: Tây Sơn Thượng Đạo, Nhà lao Pleiku, Làng kháng chiến Stor, Chiến thắng đường 7 sông Bờ. Ngoài ra còn có một số điểm di tích như chiến địa Plei Me lịch sử, bến đò A Sanh... Đắk Lắk có nhiều di tích lịch sử văn hóa và cách mạng được du khách quan tâm như Nhà Đày Buôn Ma Thuật, Bảo tàng Dân tộc Đắk Lắk, hang đá Đắk Tur (huyện Krông Bông), Đồn điền Ca Đa, Đình Lạc Giao, Chùa Sắc Tứ Khải Đoan, Tòa Giám mục Đắk Lắk, Tháp Yang Prong (huyện Ea Súp)...Đắk Nông gồm có Di tích lịch sử địa điểm lưu niệm N'Trang Gưh, Cụm di tích lịch sử N'Trang Long, Di tích lịch sử cách mạng căn cứ kháng chiến B4 - Liên tỉnh IV Nam Nung, Di tích lịch sử Ngục Đắk Mil, Di tích lịch sử địa điểm bắt đầu đường Hồ Chí Minh Nam Tây Nguyên - Nam Bộ. Lâm Đồng cũng có nhiều di tích văn hóa lịch sử như Dinh I, Dinh II, Dinh III, khách sạn Palace; chùa Linh Sơn, Linh Phong; Thiền viện Trúc Lâm; nhà thờ Chánh tòa, Cam Ly; khu mộ cổ của dân tộc Mạ, khu di chỉ khảo cổ Cát Tiên.

*Nếp sống nương rẫy:* Tây Nguyên là nơi sinh sống của 47 dân tộc anh em, trong đó có một số dân tộc bản địa như các tộc người: Bân, Xơ đăng, Giẻ Triêng, Bơ, Rơ măm, M'ông, Mạ, Cồ thuộc nhóm Môn - Khmer và các tộc người Giarai, Ê đê, Churu, Raglai thuộc nhóm Nam đảo. Người Kinh có mặt ở Tây Nguyên từ thế kỷ 19, cùng nhiều dân tộc miền núi phía Bắc di cư vào như Tày, Nùng, Thái, Dao, H'mông, Bru - Vân Kiều làm cho mối quan hệ và giao lưu văn hóa ở Tây Nguyên phong phú và đa dạng. Đặc trưng lớn nhất quy định những sắc thái văn hóa của Tây Nguyên là nếp sống nương rẫy, là nếp sống chủ đạo, bao trùm toàn bộ các tộc người. Toàn bộ đời sống vật chất và tinh thần của các dân tộc Tây Nguyên từ tín ngưỡng, phong tục, nghi lễ, đời sống tình cảm của con người cũng gắn bó với rừng núi và nương rẫy. Các dân tộc Tây Nguyên có những nét tương đồng và khá đặc trưng về quan niệm và ứng xử giữa thế giới người sống và người chết từ đó hình thành cả một hệ thống tập tục, nghi lễ, sinh hoạt văn hóa xung quanh thế giới người chết - tạo nên hiện tượng văn hóa dân gian - sinh hoạt văn hóa nhà mồ.

*Lễ hội:* Tây Nguyên là vùng đất có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống, mỗi dân tộc có những nét văn hóa, phong tục, tập quán riêng. Quy mô tổ chức và không khí của lễ hội dân gian, lễ hội văn hóa ở Tây Nguyên rất hoành tráng và sôi động, phổ biến nhất là lễ đâm trâu, lễ cúng lúa mới, lễ hội cồng chiêng... đã trở thành một sản phẩm du lịch văn hóa đầy sức hấp dẫn đối với du khách trong và ngoài nước. Lễ hội là sinh hoạt tín ngưỡng đánh dấu cho những hoạt động sản xuất nương rẫy từ khi gieo trồng cho đến khi mang lúa về kho. Trong các nghi lễ gắn chặt với sản xuất nông nghiệp, nghi thức hiến sinh là không thể thiếu được. Lễ hội đâm trâu là lễ hội đặc trưng của các dân tộc Tây Nguyên. Lễ hội mừng năm mới tổ chức hàng năm vào tháng 12 sau khi thu hoạch lúa nương là dịp đồng bào ăn mừng vụ mùa. Đây là lễ hội mang đậm nét văn hóa cộng đồng của các dân tộc Tây Nguyên. Lễ Bỏ Mả: Các dân tộc Tây Nguyên tổ chức Lễ Bỏ Mả cho người chết sau từ 1 - 3 năm. Lễ Bỏ Mả diễn ra từ tháng 1 đến tháng 3 hàng năm, sau khi thu hoạch vụ mùa xong, thời tiết mát mẻ, hoa rừng nở rộ. Lễ hội Đua Voi: diễn ra vào mùa xuân, là sinh hoạt văn hóa đặc trưng của Tây Nguyên, thường được tổ chức tại Buôn Đôn và bên dòng sông Serepok, nhằm nêu cao tinh thần quật cường của các dân tộc cũng như khả năng thuần phục và nuôi dưỡng loài voi. Lễ hội Cồng chiêng Tây Nguyên: Cồng chiêng Tây Nguyên gắn bó với cuộc sống người dân Tây Nguyên từ ngàn đời nay, là bằng chứng độc đáo, là nét đặc trưng của truyền thống văn hóa các dân tộc Tây Nguyên. Cồng chiêng là nhạc cụ nghi lễ, các loại nhạc cồng chiêng trước hết đáp ứng cho yêu cầu của mỗi lễ thức. Mỗi dân tộc ở Tây Nguyên có cách tổ chức cồng chiêng khác nhau, có ít nhất 3 phong cách âm nhạc cồng chiêng Tây Nguyên. Cồng chieeg của người Ê đê nhịp điệu phức tạp, tốc độ nhanh, cường độ lớn; cồng chiêng người M'Nông cường độ không lớn dù tốc độ khá nhanh; cồng chiêng Ba Na – Gia rai thiên về tính chất chủ điệu, bè trầm của cồng vang lên âm sắc vững chãi, hoành tráng.

*Không gian Văn hóa Cồng chiêng Tây Nguyên* đã được UNESCO công nhận là kiệt tác truyền khẩu và là di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại vào năm 2005.

*Lễ Cơm Mới:* Khi cây H'lung đầu buôn, cây Ê-táp giữa làng ra nụ, nở hoa, đó chính là lúc buôn làng tổ chức Lễ Cơm Mới. Lễ hội được tổ chức tại nhà riêng hoặc nhà Rông sau vụ thu hoạch của đồng bào Ba Na ở Gia Lai và Kon Tum. Lễ được tổ chức để tạ ơn thần lúa và lễ hội mừng mùa thu hoạch mới, cầu mong cho ruộng nương ngày càng nhiều thóc lúa. Dân làng cúng thần lúa bằng heo hoặc gà trước khi sử dụng lúa để ăn hoặc mang đi biếu. Lễ Cơm Mới được tổ chức đơn giản và không tốn kém.



*Văn hóa kiến trúc:* Nói đến Tây Nguyên, Nhà Rông, Nhà Dài là biểu tượng văn hóa cộng đồng các dân tộc Tây Nguyên, là nơi sinh hoạt tôn giáo, tín ngưỡng, nơi thể hiện các lễ hội tâm linh, nơi các thế hệ nghệ nhân già truyền đạt lại cho các thế hệ trẻ các giá trị văn hóa truyền thống; nơi lưu giữ các hiện vật truyền thống: công, chiêng, trống, vũ khí, đầu các con vật hiến sinh trong các ngày lễ. Bên cạnh giá trị vật chất, nhà Rông là nơi ẩn chứa các văn hóa tâm linh rất bền vững của các dân tộc Tây Nguyên. Vì vậy, nhà Rông Tây Nguyên vừa có giá trị văn hóa vật thể vừa có giá trị văn hóa phi vật thể.

Nhà Rông là di sản kiến trúc tiêu biểu, gắn với cư trú lâu đời của các dân tộc Tây Nguyên, với kiến trúc đa dạng, kiểu dáng hấp dẫn, hình thức trang trí đặc sắc, là “trái tim” của buôn, làng Tây Nguyên, là một thiết chế văn hóa tiêu biểu, độc đáo không pha trộn của các dân tộc Tây Nguyên.

#### **4.1.3. Cơ sở vật chất kỹ thuật – cơ cấu hạ tầng phục vụ du lịch**

*Đối với đường bộ bao gồm các quốc lộ 14, 14C, 19, 20, 24, 25, 26, 27, 28, 29, một số tỉnh lộ trong tỉnh và liên tỉnh phát triển và thuận lợi cho việc đi lại, giao thương kinh tế và văn hóa một cách thuận lợi. Đặc biệt, các tỉnh Tây Nguyên có đường biên giới với một số nước trong khu vực Đông Dương như Lào và Campuchia. Quốc lộ 14:* Đây là một đoạn của Đường Hồ Chí Minh, qua 4 tỉnh Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, dài 545,5 km, đạt tiêu chuẩn đường cấp III miền núi. Một số đoạn đi trong thành phố Kon Tum, thành phố Pleiku, thành phố Buôn Ma Thuột đạt tiêu chuẩn đường cấp II, với 4 làn xe. *Quốc lộ 19:* Xuất phát từ Quy Nhơn đi Pleiku - cửa khẩu Lệ Thanh rồi qua Campuchia. Đoạn qua tỉnh Gia Lai dài 180 km, trong đó có 18 km đi trên quốc lộ 14. Tuyến đường đạt tiêu chuẩn đường cấp III, IV miền núi, mặt bê tông nhựa. Dự án nâng cấp quốc lộ 19 thành đường cao tốc đang được triển khai. *Quốc lộ 20:* Xuất phát từ Dầu Giây đi Đà Lạt. Đoạn qua tỉnh Lâm Đồng dài 210,4 km. Tiêu chuẩn đường cấp III, IV miền núi, mặt bê tông nhựa. Đoạn từ cảng hàng không Liên Khương đến chân đèo Prenn đã được đầu tư nâng cấp thành đường cao tốc rộng 45m, dài 19,2km với 4 làn xe. Dự án đầu tư nâng cấp quốc lộ 20 thành đường cao tốc đang được triển khai. *Quốc lộ 24:* Từ quốc lộ 1A (huyện Mộ Đức - Quảng Ngãi) đi Kon Tum. Toàn tuyến dài 169km, đoạn qua tỉnh Kon Tum dài 99 km, đạt tiêu chuẩn đường cấp IV miền núi. *Quốc lộ 25:* Từ Tuy Hòa đi Chư Sê, đoạn qua tỉnh Gia Lai dài 111 km. Quốc lộ 25 đạt tiêu chuẩn đường cấp III - V miền núi, mặt láng nhựa 53 km, cấp phối 20 km và đất 38 km. *Quốc lộ 26:* Xuất phát từ Ninh Hòa (Khánh Hòa) đi Buôn Ma Thuột (Đắk Lắk). Tổng chiều dài toàn tuyến 151 km, chiều rộng từ 5m - 7m; số cầu trên đường 48, tải trọng 25 tấn, đạt tiêu chuẩn đường cấp III miền núi và đồng bằng; đoạn qua tỉnh Đắk Lắk dài 119 km. *Quốc lộ 27:* Là tuyến quốc lộ theo hướng Đông - Tây, kết nối các tỉnh Ninh Thuận (tại Phan Rang), Lâm Đồng (tại Đức Trọng) và Đắk Lắk (tại Buôn Ma Thuột). Tổng chiều dài của quốc lộ 27 gần 300km, đoạn từ Phan Rang đi Đức Trọng dài khoảng 120km, đoạn từ Đức Trọng đi Buôn Ma Thuột dài khoảng 170km. Đoạn qua tỉnh Đắk Lắk dài 84 km, qua Lâm Đồng dài 122,5 km, đạt tiêu chuẩn đường cấp III, IV, V miền núi, mặt bê tông nhựa. *Quốc lộ 28:* Nối vùng Nam Trung Bộ (tại Phan Thiết - Bình Thuận) với Tây Nguyên (tại Di Linh - Lâm Đồng) và kết thúc tại Gia Nghĩa (Đắk Nông). Toàn tuyến dài 197km; trong đó đoạn Phan Thiết - Di Linh dài 98 km, chỉ có 1 làn đường khá nhỏ hẹp, đường dốc quanh co, nhiều đoạn cua gắt; đoạn Di Linh – Gia Nghĩa dài 99 km, tiêu chuẩn đường cấp V, VI, đường láng nhựa. *Quốc lộ 29:* Là tuyến giao thông nối khu vực Trung Tây Nguyên (tại Đắk Lắk) với khu vực Nam Trung Bộ (tại Phú Yên). Về cơ bản, đạt tiêu chuẩn đường

cấp IV miền núi, gồm 2 làn xe, rộng 5,4m mặt đường và 7,5m nền đường. Toàn tuyến dài 182,5 km, đoạn qua địa phận Phú Yên dài 109 km, đoạn trên địa phận Đắk Lắk dài 73,5 km.

*Giao thông hàng không:* Hiện nay các tỉnh nội vùng Tây nguyên có một số sân bay nội địa, nhưng các cụm hàng không trong nội vùng không có tuyến bay nội vùng với nhau mà chủ yếu các chuyến bay ngoại tỉnh khác như TP.HCM, Hà Nội, Hải Phòng như hệ thống cảng hàng không Liên Khương, Buôn Ma Thuột, Pleiku. Cả vùng hiện nay có 3 cảng hàng không đang được khai thác sử dụng. Tuy nhiên, mức độ và năng lực vận chuyển còn hạn chế, chỉ có cảng hàng không Liên Khương là cảng hàng không quốc tế, nhưng tần suất và khả năng khai thác còn hạn chế. Các cảng khác như Buôn Ma Thuột, Pleiku chỉ là cảng hàng không nội địa.

Hiện nay, Cảng hàng không quốc tế Liên Khương có thể tiếp nhận các chuyến bay quốc tế với khả năng phục vụ 1,5 - 2,0 triệu lượt khách/năm. Các tuyến bay đang khai thác ở cảng hàng không Liên Khương: Air Mekong: Đà Lạt - Hà Nội, Đà Lạt - TP.Hồ Chí Minh và ngược lại; Vietnam Airlines: Đà Lạt - Đà Nẵng, Đà Lạt - Hà Nội, Đà Lạt - TP.Hồ Chí Minh và ngược lại; Đà Lạt - Cần Thơ - Đà Lạt (dự kiến); Đà Lạt - Singapore, Lào, Campuchia, Hàn Quốc (dự kiến). Cảng hàng không Buôn Ma Thuột (Đắk Lắk), mỗi ngày có 4 chuyến bay thường nhật từ Buôn Ma Thuột - TP.Hồ Chí Minh (và ngược lại); 2 chuyến Buôn Ma Thuột - Hà Nội (và ngược lại); 1 chuyến Buôn Ma Thuột - Đà Nẵng (và ngược lại); 1 chuyến Buôn Ma Thuột - Vinh (và ngược lại); 1 chuyến Buôn Ma Thuột - Phú Quốc (và ngược lại); 1 chuyến Buôn Ma Thuột - Côn Đảo (và ngược lại). Riêng cuối tuần vào các ngày thứ sáu và thứ bảy có 5 chuyến từ TP.Hồ Chí Minh - Buôn Ma Thuột và ngược lại. Cảng hàng không Pleiku (Kon Tum) đang khai thác các tuyến bay nội địa từ Pleiku đi TP.Hồ Chí Minh, Hà Nội, Đà Nẵng, Vinh và ngược lại thông qua các hãng hàng không Air Mekong và Vietnam Airlines.

*Giao thông đường thủy:* Đặc điểm địa hình của vùng Tây Nguyên có độ cao trung bình khoảng 500m so với mực nước biển, nên các sông suối ở đây thường ngắn và có độ dốc lớn, nước chảy xiết về mùa mưa và khô kiệt về mùa khô. Do đặc điểm này mà loại hình giao thông đường sông ở Tây Nguyên khai thác vận tải còn bị hạn chế, chỉ có vận tải nhỏ lẻ ở Đắk Lắk và Lâm Đồng, khó khai thác để phát triển du lịch.

*Nguồn điện:* Tính đến 2008, trên địa bàn vùng Tây Nguyên đã xây dựng và vận hành các nhà máy thủy điện Yaly, Sê San 3, Sê San 3A (Gia Lai, Kon Tum), Plei Krông (Kon Tum), Buôn Kuốp (Đắk Lắk - Đắk Nông), và khoảng gần 40 nhà máy thủy điện vừa và nhỏ với tổng công suất trên 3.100 MW. Sản lượng điện hàng năm ngoài việc đáp ứng nhu cầu trong Vùng còn cung cấp một lượng đáng kể cho lưới điện quốc gia thông qua đường dây và trạm truyền tải 500KV và 220KV. Ngoài ra, cung cấp điện cho các tỉnh Vùng Tây Nguyên còn có một số nhà máy thủy điện thuộc các tỉnh phụ cận như Vĩnh Sơn (Bình Định), Đa Nhim (Ninh Thuận), Đại Ninh (Bình Thuận), Thác Mơ (Bình Phước), Hàm Thuận (Bình Thuận) với tổng công suất 681MW. Điện phát của các nhà máy này chủ yếu phát lên mạng lưới 220KV quốc gia, và cấp điện cho một số phụ tải thuộc tỉnh Gia Lai, Lâm Đồng, Đắk Nông thông qua lưới 110KV.

*Lưới điện:* Hệ thống lưới điện cao thế của vùng Tây Nguyên bao gồm 3 cấp điện áp 500KV, 220kV và 110KV. Lưới điện 500kV: Tính đến 2008, Tây Nguyên có 2 trạm biến áp 500KV: trạm 500KV Pleiku và trạm 500KV Di Linh với tổng dung lượng là 900 MVA và có 1.090km đường dây 500KV. Trong năm 2010, đưa vào vận hành trạm 500KV Đắk Nông, lắp trước 1 máy công suất 450MVA. Hệ thống đường dây dẫn như sau: Đường dây Pleiku -

Đà Nẵng mạch đơn, vận hành từ năm 1994, dây 4ACsR-330, dài 259km. Đường dây Pleiku - Phú Lâm (TP.Hồ Chí Minh) mạch đơn, vận hành từ năm 1994 dây dẫn 4ACKP-330, dài 496km. Đường dây Pleiku - Dốc Sỏi - Đà Nẵng, mạch đơn, vận hành từ tháng 11/2004 dây dẫn 4ACSR-330 dài 295km. Đường dây Pleiku - Di Linh (Lâm Đồng) mạch đơn, vận hành từ năm 2007, dây dẫn 4ACSR-330 dài 312,5km.

Hệ thống cấp nước sạch: hệ thống cấp nước TP.Kon Tum đã được cải tạo và mở rộng lên công suất 12.000m<sup>3</sup>/ngày đêm. Các công trình cấp nước tại thị trấn các huyện Đăk Glei, Ngọc Hồi, Đăk Hà, Sa Thầy và Kon Plong thuộc tiểu dự án cấp nước sinh hoạt nông thôn đã hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng. Các nhà máy nước Pleiku công suất 15.000m<sup>3</sup>/ngày đêm, An Khê công suất 5.000m<sup>3</sup>/ngày đêm, Chupah công suất 2.000m<sup>3</sup>/ngày đêm. Hiện nay, đã có 7 hệ thống cấp nước sạch phục vụ cho nhu cầu sản xuất và đời sống của người dân, trong đó Nhà máy nước Buôn Ma Thuột công suất 49.000m<sup>3</sup>/ngày đêm; nhà máy nước Quảng Phú, nhà máy nước Buôn Hồ công suất 4.200m<sup>3</sup>/ngày đêm và các thị trấn Krông Păk, Krông Ana, M'Đrăk, Ea Sup, Ea Kar có nhà máy nước với công suất 300-1.000m<sup>3</sup>/ngày đêm. Nhà máy nước Gia Nghĩa có công suất 12.000m<sup>3</sup>/ngày đêm; nhà máy nước Đăk Mil công suất 5.000m<sup>3</sup>/ngày đêm; hệ thống cung cấp nước cho thị trấn Đăk Song quy mô nhỏ, công suất đạt 450m<sup>3</sup>/ngày đêm. Thành phố Đà Lạt được cấp nước từ nhà máy Suối Vàng, công suất 25.000m<sup>3</sup>/ngày đêm và nhà máy Đan Kia 2 công suất 6.000m<sup>3</sup>/ngày đêm; thành phố Bảo Lộc được cấp nước từ nhà máy nước Bảo Lộc, công suất 6.000m<sup>3</sup>/ngày đêm; huyện Lâm Hà được cấp nước từ nhà máy nước Lâm Hà với công suất 6.000m<sup>3</sup>/ngày đêm; tại các huyện Di Linh và Đức Trọng có các nhà máy nước với công suất 2.500m<sup>3</sup>/ngày đêm.

*Bưu chính:* Do có địa hình phức tạp nên viễn thông nông thôn đã kết hợp sử dụng cả ba phương thức: lắp đặt điện thoại cố định kéo cáp và dây thuê bao tới nhà thuê bao ở các vùng bằng phẳng và tập trung, còn đối với vùng sâu, vùng xa và vùng núi kết hợp hai phương thức sử dụng mạng viễn thông nông thôn vô tuyến và thông tin vệ tinh. Vì vậy, tính đến nay toàn vùng đã đạt tỷ lệ 100% xã có máy điện thoại. Trong vùng đã có hầu hết các mạng điện thoại di động lớn như Mobifone, Vinaphone, Viettel... Tất cả các huyện, thị xã, thành phố trong vùng đều đã có trạm thu phát sóng.

*Phát thanh:* Hiện nay, trên địa bàn Tây Nguyên, sóng phát thanh của Đài Tiếng nói Việt Nam đã phủ 85% diện tích địa lý với hầu hết trung tâm các huyện lỵ và thị trấn trong vùng. Các hệ sóng phát thanh của Đài bao gồm đủ 4 hệ phát thanh là VOV1 - hệ tin tức; thời sự tổng hợp; VOV2 - hệ thông tin, văn hóa, xã hội; VOV3 - hệ thông tin, giải trí và VOV4 - hệ phát thanh tiếng dân tộc.

*Truyền hình:* Đối với vùng Tây Nguyên, sóng truyền hình quốc gia được phủ thông qua việc tiếp và phát lại từ các đài phát thanh truyền hình các tỉnh, đài truyền hình quốc gia đặt tại thành phố Hồ Chí Minh, Phú Yên và Đà Nẵng. Bên cạnh phương pháp truyền dẫn sóng mặt đất truyền thống với công nghệ Analog và tương đương, kết hợp với công nghệ kỹ thuật số (chủ yếu ở khâu phát hình), một số đài Truyền hình địa phương đã đưa vào ứng dụng công nghệ truyền sóng mới (kỹ thuật số mặt đất - DTH), truyền hình cáp

Thương mại, dịch vụ: *Tại các đô thị lớn trong Vùng đã xuất hiện các trung tâm thương mại lớn, hệ thống siêu thị (Đà Lạt, Buôn Ma Thuột, Pleiku, Kon Tum), một mặt đáp ứng nhu cầu cho người dân địa phương và mặt khác đáp ứng nhu cầu mua sắm cho khách du lịch. Các địa phương trong Vùng đã chú trọng xây dựng các trung tâm thương mại cấp huyện, chợ cụm xã, cửa hàng thương mại ở các xã khu vực II, III; đặc biệt là xây dựng các*

*khu thương mại đường biên (Bờ Y - Kon Tum) phục vụ phát triển kinh tế và giao lưu thương mại.*

#### **4.1.4. Các tuyến điểm du lịch và loại hình du lịch vùng du lịch Tây Nguyên**

*Hệ thống khu du lịch:* Trong quá trình thực hiện quy hoạch, căn cứ tiềm năng, điều kiện và yêu cầu phát triển, đảm bảo khả năng cạnh tranh, Chiến lược phát triển du lịch vùng Tây Nguyên có 2 khu được ưu tiên tập trung quy hoạch và đầu tư phát triển, đó là Khu du lịch tổng hợp sinh thái nghỉ dưỡng Đankia Đà Lạt và Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng Hồ Tuyên Lâm. Do nguồn lực đầu tư còn hạn chế, cơ chế huy động nguồn lực chưa được hấp dẫn, vì vậy cho đến nay hệ thống các khu du lịch quốc gia vẫn chưa phát triển hoàn chỉnh.

Thời gian gần đây, do nhu cầu phát triển, một số khu du lịch hình thành xứng đáng với vai trò khu du lịch quốc gia như khu du lịch VQG Yok Đôn gắn với Buôn Đôn, khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng Măng Đen...

*Hệ thống các điểm du lịch:* Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam (1995 - 2010) xác định hệ thống các điểm du lịch quốc gia; trên cơ sở đó trong quy hoạch phát triển du lịch trên địa bàn từng địa phương cũng đã xác định các điểm du lịch địa phương. Các điểm du lịch được phân thành ba nhóm: điểm du lịch sinh thái, điểm du lịch văn hóa và điểm du lịch sinh thái kết hợp văn hóa. Việc xác định điểm du lịch quốc gia chủ yếu dựa trên đánh giá về vị trí, quy mô, đặc điểm tài nguyên và mức độ hấp dẫn du lịch

*Hệ thống tuyến du lịch:* Trên thực tế đã hình thành các tuyến du lịch Đường Hồ Chí Minh kết nối các trung tâm du lịch lớn của vùng (Kon Tum - Pleiku - Buôn Ma Thuột - Gia Nghĩa) theo đường Hồ Chí Minh và là một trong những tuyến du lịch quốc gia quan trọng. Đây có thể được coi là tuyến du lịch «*Con đường Xanh Tây Nguyên*» - là tuyến du lịch mang đầy đủ bản sắc của vùng Tây Nguyên.

Tuyến du lịch Đà Lạt - TP.Hồ Chí Minh theo quốc lộ 20 là tuyến tham quan cảnh quan, nghỉ cuối tuần.

Tuyến du lịch Buôn Ma Thuột - Pleiku - các tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ theo quốc lộ 19, kết hợp giữa các sản phẩm du lịch văn hóa, rừng núi Tây Nguyên với du lịch biển Duyên hải Nam Trung Bộ.

Tuyến du lịch Pleiku - Lệ Thanh - Bắc Campuchia - Lào - Thái Lan. Đây là tuyến du lịch kết nối giữa Tây Nguyên với các nước ASEAN và vùng Duyên hải Nam Trung bộ theo quốc lộ 19, kết hợp giữa các sản phẩm du lịch văn hóa sinh thái vùng núi và du lịch biển.

*Hệ thống đô thị du lịch:* Bên cạnh hệ thống các khu, tuyến, điểm du lịch, Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2010 đã định hướng phát triển 12 đô thị du lịch của cả nước, trong đó Vùng Tây Nguyên có một đô thị du lịch, đó là thành phố Đà Lạt. Mặc dù, trong thời gian vừa qua Đà Lạt đã phát triển mạnh du lịch nghỉ dưỡng, du lịch tham quan, hàng năm thu hút một số lượng lớn khách du lịch. Tuy nhiên, trong quá trình phát triển do không có các tiêu chí cụ thể, chưa có các cơ chế, chính sách về quy hoạch, đầu tư và quản lý phát triển đúng nghĩa nên mang lại hiệu quả chưa cao.

*Các cơ sở vui chơi giải trí:* Các khu du lịch, các khu vui chơi giải trí hiện nay là khâu yếu kém của các tỉnh Tây Nguyên nói riêng và cả nước nói chung. Về các khu, điểm du lịch tại Lâm Đồng, hiện nay toàn tỉnh có 32 khu, điểm tham quan du lịch đã được đầu tư và khai thác kinh doanh cùng với hơn 60 điểm tham quan miễn phí khác (các danh thắng tự nhiên, các công trình kiến trúc, cơ sở tôn giáo, làng nghề, làng dân tộc bản địa, di chỉ khảo cổ...) phục vụ nhu cầu tham quan, giải trí cho khách du lịch.

Vùng Tây Nguyên hiện có 47 dân tộc anh em sinh sống, mỗi dân tộc có những nét đặc trưng riêng về văn hóa, phong tục tập quán, lối sống... Chính vì vậy, Tây Nguyên là một kho tàng các giá trị văn hóa đặc sắc. Những giá trị văn hóa này đã tạo nên một Tây Nguyên huyền thoại mà không nơi nào có được, đó là những giá trị văn hóa nghệ thuật gắn với buôn làng, gắn với cộng đồng được thể hiện qua những Nhà Rông, Nhà Dài, Nhà Sàn, Nhà Mò; gắn với truyền thống, trang phục, lễ hội, nhạc cụ. mà đỉnh cao là:

*Không gian Văn hóa Cộng Chiêng Tây Nguyên* - di sản văn hóa phi vật thể Thế giới. Chính những giá trị di sản văn hóa đặc sắc của Tây Nguyên đã tạo ra sự khác biệt để khai thác xây dựng các sản phẩm du lịch mang đậm thương hiệu Tây Nguyên. Các sản phẩm du lịch cụ thể gồm:

*Tham quan nghiên cứu các giá trị kiến trúc nghệ thuật Tây Nguyên:* Nhà Rông - nơi sinh hoạt văn hóa cộng đồng, Nhà Dài - chế độ Mẫu hệ, Nhà Sàn, Nhà Mò; các buôn làng (Bản Đôn, Buôn M'Liêng, Làng Kon Klor.); Nhà thờ Gõ Kon Tum; kiến trúc cổ Pháp (các biệt thự cổ Đà Lạt).

*Tham quan nghiên cứu các giá trị kiến trúc nghệ thuật Tây Nguyên:* Nhà Rông - nơi sinh hoạt văn hóa cộng đồng, Nhà Dài - chế độ Mẫu hệ, Nhà Sàn, Nhà Mò; các buôn làng (Bản Đôn, Buôn M'Liêng, Làng Kon Klor.); Nhà thờ Gõ Kon Tum; kiến trúc cổ Pháp (các biệt thự cổ Đà Lạt).

*Nghiên cứu tìm hiểu các giá trị văn hóa dân gian, nếp sống nương rẫy của đồng bào Tây Nguyên.:* Nghiên cứu *Sử thi Tây Nguyên*; nghiên cứu tìm hiểu văn hóa, lối sống, tôn giáo, tập tục, truyền thống, trang phục, nhạc cụ, nông cụ. của các dân tộc Tây Nguyên.

*Tham quan các di tích văn hóa lịch sử gắn với truyền thống yêu nước của các dân tộc Tây Nguyên, gắn với hình ảnh Anh hùng Núp, Anh hùng NTrang Long:* Ngục Kon Tum, Ngục Đắk Glei, di tích lịch sử Măng Đen, di tích lịch sử chiến thắng Đắk Tô - Tân Cảnh, di tích chiến thắng Plei Kần; Nhà Đày Buôn Ma Thuật, Bảo tàng Dân tộc Đắk Lắk; Cụm di tích lịch sử N'Trang Long, Di tích lịch sử Ngục Đắk Mil..

*Du lịch thăm lại chiến trường xưa:* Là địa bàn chiến lược trong chiến dịch Đại thắng Mùa xuân 1975, khu vực Tây Nguyên thực sự là cái nôi của “*Các di tích lịch sử cách mạng, các di tích kháng chiến*”, do vậy có thể khai thác xây dựng các sản phẩm du lịch “*Thăm lại chiến trường xưa*” phục vụ các đối tượng khách là cựu chiến binh. Các địa danh gắn với những chiến thắng lịch sử của hai cuộc kháng chiến trên địa bàn Đắk Lắk, Đắk Tô - Tân Cảnh, Đèo Chuối, Giang Sơn, Đắk Tua, Thuận Mẫn, Buôn Hồ.

*Du lịch nghiên cứu sinh thái Tây Nguyên:* Tây Nguyên là một vùng giàu về tiềm năng rừng nguyên sinh với các hệ sinh thái đa dạng. Trên địa bàn Tây Nguyên có 6 vườn quốc gia và nhiều khu bảo tồn tự nhiên có tính đa dạng sinh học cao. Tây Nguyên còn nổi tiếng với tiềm năng sinh thái nông nghiệp nông thôn như các nông trường cà phê, cao su. Đây là những tài nguyên quý giá để phát triển các sản phẩm du lịch sinh thái - một thế mạnh của Tây Nguyên với các sản phẩm du lịch:

*Du lịch thám hiểm, nghiên cứu các hệ sinh thái vườn quốc gia:* Vườn quốc gia Kon Ka Kinh, Chư Mom Ray, Yokdon, Chư Yang Sin, Bidup - Núi Bà, Cát Lộc – Cát Tiên; các khu bảo tồn Ngọc Linh, Đắk Uy, Nam Ka, Nam Nung.

*Du lịch sinh thái gắn cộng đồng, du lịch có trách nhiệm với cộng đồng và môi trường:* Du lịch sinh thái cộng đồng Buôn Đôn, Buôn Joon, Buôn M'liêng, Làng Kon Klor, Buôn Go; các bản làng dân tộc người Bahnar và Jarai ở Đe Ktu, Đe Cop, Đe Đoa, Đe Ron...

*Du lịch sinh thái nông nghiệp nông thôn, du lịch trang trại đồn điền:* Tây Nguyên là vùng nổi tiếng cả nước với các đồn điền, nông trường cà phê, cao su, hồ tiêu, chè. Đây là một thế mạnh đặc trưng để phát triển du lịch sinh thái nông nghiệp nông thôn gắn với những nông trường cà phê ở Đắk Lắk, những đồi chè ở Bảo Lộc, những cánh rừng cao su ở Đắk Nông, những vườn hồ tiêu ở Gia Lai.; và gắn với các sản phẩm từ cà phê, ca cao, chè - những sản phẩm mang thương hiệu Tây Nguyên.

*Du lịch nghỉ dưỡng núi và hồ trên núi (khí hậu ôn đới trong lòng nhiệt đới):* Tây Nguyên có một số cao nguyên, núi cao có khí hậu ôn hòa quanh năm, cảnh quan đẹp. thích hợp cho nghỉ dưỡng phục hồi sức khỏe. Đây là một nét đặc trưng khác biệt về tài nguyên du lịch của Tây Nguyên so với các vùng khác. Do vậy, có thể khai thác các lợi thế này để xây dựng các *resorts nghỉ dưỡng núi, hồ cao cấp* (có thể tạo nên thương hiệu cho du lịch Tây Nguyên) nhằm phục vụ các đối tượng khách có thu nhập cao. Tại các khu *resorts* nghỉ dưỡng núi cao cấp này có thể xây dựng bổ sung các sản phẩm du lịch kết hợp như *tắm khoáng, tắm thuốc, vật lý trị liệu - phục hồi chức năng, chơi golf, casino...* Các khu vực có thể xây dựng các *resorts nghỉ dưỡng núi, hồ cao cấp* bao gồm Tuyên Lâm, Đan Kia Đà Lạt, Măng Đen...

*Du lịch nghỉ dưỡng núi và hồ* có thể đáp ứng cho các đối tượng khách có thu nhập cao, có thời gian lưu trú dài, sẵn sàng sử dụng các dịch vụ bổ trợ như chăm sóc sức khỏe, phục hồi chức năng. (có thể đến từ mọi quốc gia, đặc biệt là người cao tuổi Nhật Bản, Hàn Quốc, các thị trường Tây Âu, ASEAN).

*Du lịch thể thao mạo hiểm theo các chuyên đề đặc biệt (vượt thác, thám hiểm rừng nguyên sinh, leo núi, chinh khí cầu, nhảy dù, tàu lượn.):* Tây Nguyên có địa hình từ núi cao hiểm trở, nhiều đỉnh núi cao đến vùng cao nguyên rộng lớn, đã tạo nên nhiều thắng cảnh với những đỉnh núi cao, vực sâu, những thác nước hùng vĩ. Đây là những giá trị tài nguyên đặc trưng của Tây Nguyên và là điều kiện cần thiết để phát triển các loại hình du lịch thể thao mạo hiểm. Với những đặc điểm về địa hình đa dạng, có thể khai thác xây dựng các sản phẩm du lịch thể thao mạo hiểm như: *Du lịch leo núi chinh phục đỉnh cao* (đỉnh Ngọc Linh); *du lịch chinh khí cầu* (lượn trên bầu trời các cao nguyên...); *du lịch tàu lượn, nhảy dù* (ở những vùng thung lũng, cao nguyên có cảnh quan đẹp như Lang Biang - Đà Lạt.); *du lịch vượt thác, thám hiểm các vườn quốc gia...*

Các sản phẩm *du lịch thể thao mạo hiểm theo các chuyên đề đặc biệt* có thể đáp ứng cho các đối tượng khách là thanh thiếu niên (có thể cho cả lứa tuổi trung niên), thích khám phá, ưa mạo hiểm. (có thể đến từ mọi quốc gia, đặc biệt là các nước Úc, Niu Di Lân, Canada, Nhật Bản, ASEAN).

## **4.2. Một số tuyến điểm du lịch chủ yếu vùng du lịch Tây nguyên**

### **4.2.1. Các tuyến du lịch nội tỉnh Kon Tum**

*Tuyến 1: Thời gian 3 – 4 ngày: Tuyến du lịch TP.Kon Tum - Sa Thầy:* Đây là tuyến du lịch rất hấp dẫn với nhiều điểm du lịch lý thú của tỉnh Kon Tum. Ngoài các điểm du lịch ở TP.Kon Tum (Ngục Kon Tum, Nhà thờ gỗ, Cầu và Làng Văn hóa Kon Klor...), theo tuyến du lịch này du khách sẽ được tham quan nhà Rông Kon Rơ Bang, làng dân tộc Pleipanha, vườn quốc gia Chư Mom Ray, và đặc biệt là các khu nhà mồ dân tộc rất độc đáo - nét sinh hoạt truyền thống của dân tộc Bana. Hồ thủy điện Yaly cũng nằm trên tuyến du lịch này sẽ là một điểm du lịch tham quan thắng cảnh và nghỉ dưỡng hồ rất lý tưởng, bổ sung làm

phong phú thêm các sản phẩm du lịch của toàn tuyến và tăng thời gian lưu trú của du khách. Thời gian thực hiện tuyến du lịch này có thể kéo dài từ 3 - 4 ngày.

*Tuyến 2: Tuyến du lịch TP.Kon Tum - Đăk Tô - Đăk Lay:* Các điểm du lịch chủ yếu theo tuyến này là Di tích căn cứ 42 Đăk Tô - Tân Cảnh, rừng đặc dụng Đăk Uy, suối nước nóng Đăk Tô, ngục Đăk Lay và vùng núi Ngọc Linh. Với các nguồn tài nguyên phong phú theo dọc tuyến này có thể tổ chức nhiều loại hình du lịch như du lịch sinh thái, du lịch tham quan nghiên cứu, du lịch thể thao, nghỉ dưỡng. Tuyến du lịch này là tuyến hấp dẫn nhất của tỉnh Kon Tum và có khả năng kéo dài thời gian lưu trú của khách từ 3 - 4 ngày.

*Tuyến 3: Tuyến du lịch TP.Kon Tum - Kon Plông:* Theo tuyến du lịch này, du khách có thể tham quan các bản làng dân tộc Bana, khu bảo tồn - Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng quốc gia Măng Đen, thác Dak Senyle, và nghỉ ngơi vui chơi giải trí ở khu bãi tắm Baradi. Thời gian tham quan du lịch theo tuyến này từ 2 - 3 ngày.

Tỉnh Kon Tum có diện tích là 9.690,5 km<sup>2</sup>, dân số là 443,4 nghìn người (2010). Trung tâm hành chính của tỉnh là *Thành phố* Kon Tum, và các huyện Đăk Glei, Ngọc Hồi, Đăk Tô, Kon Rẫy, Kon Plông, Đăk Hà, Tu Mơ Rông, Sa Thầy.

Là tỉnh hiện có hơn 20 dân tộc sinh sống, 51% dân số của tỉnh là đồng bào dân tộc ít người, nhiều nhất là Ba Na, Xơ Đăng, Giẻ Triêng, Gia Rai, B' Râu, Rơ Mân... Phần lớn các dân tộc thiểu số sống bằng nghề làm nương rẫy và săn bắn. Kon Tum có một nền văn hóa đa dạng, nhiều màu sắc của cộng đồng các dân tộc Tây Nguyên. Cuộc sống buôn làng của đồng bào các dân tộc với những phong tục tập quán riêng biệt, nhiều lễ hội truyền thống đặc sắc như: lễ hội cồng chiêng, lễ đâm trâu, bỏ mả, mừng lúa mới...Kon Tum có một số chùa chiền, chũng viện, nhà thờ gỗ, được xây dựng từ lâu đời bên cạnh nhà rông truyền thống có lối kiến trúc độc đáo... Đến đây du khách sẽ thấy được sự hấp dẫn của một nền văn hóa Tây Nguyên, của các cảnh quan kỳ thú.

*Điều kiện tự nhiên:* Kon Tum là tỉnh ở phía bắc cao nguyên Gia Lai - Kon Tum, một trong 3 cao nguyên lớn của Tây Nguyên. Kon Tum có chiều dài biên giới 275km, tiếp giáp với hạ Lào và bắc Căm-pu-chia về phía tây, phía bắc giáp tỉnh Quảng Nam, phía đông giáp tỉnh Quảng Ngãi, phía nam giáp tỉnh Gia Lai.

Phần lớn lãnh thổ Kon Tum có địa hình thấp dần từ tây sang đông và từ bắc xuống nam. Vùng phía bắc tỉnh có dãy núi Hoa Cương cao nhất miền Nam; đỉnh Ngok Linh 2.598m, đỉnh Ngọc Phan 2.251m. Đây là nơi bắt nguồn của các sông Tranh, sông Thu Bồn, sông Trà Khúc, sông Ba. Kon Tum có trên 50% diện tích là rừng với các khu rừng nguyên sinh nơi có các loại gỗ quý, các lâm đặc sản và chim thú quý hiếm. Ngoài ra, Kon Tum còn có vùng đất bazan thích hợp với các cây công nghiệp như cao su, cà phê, chè, mía, dâu tằm... và các đồng cỏ thuận lợi để phát triển chăn nuôi đại gia súc. Kon Tum có khí hậu cao nguyên nhiệt đới gió mùa, nhiệt độ trung bình năm 23,4°C, lượng mưa trung bình năm 1.884mm. Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10, mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau.

Thành phố Kon Tum cách Tp. Buôn Ma Thuật 246km, cách Quy Nhơn 215km và cách Pleiku 49km. Đường quốc lộ 14 chạy dài từ tây Quảng Nam qua thành phố Kon Tum đi xuống Gia Lai - Đăk Lăk – Tp. Hồ Chí Minh; quốc lộ 24 nối Kon Tum với Quảng Ngãi.

*Tiềm năng phát triển du lịch:* Thành phố Kon Tum được xây bên bờ sông Đăk Bla, một nhánh của sông Pơ Kô, giữa một đồng bằng nhỏ cao 525m. Đây là trung tâm hành chính cũ của Pháp ở Tây Nguyên. Các cố đạo Pháp đã đến đây từ năm 1851.

Du khách đến Kon Tum sẽ có dịp đi thăm nhiều cảnh đẹp của vùng núi rừng Tây Nguyên như núi Ngok Linh, khu rừng nguyên sinh Chư Môn Ray, Sa Thầy, khu du lịch Đăk Tre ở

huyện Kon Plông, suối nước nóng Đăk Tô. Ngoài ra còn có nhà tù Kon Tum, ngục Đăk GLei, đường mòn Hồ Chí Minh, chiến trường Đăk Tô - Tân Cảnh, nơi đã ghi lại chiến tích hào hùng và vẻ vang của dân tộc.

### **Các điểm tham quan du lịch tại tỉnh Kon Tum**

#### *Chiến trường Đăk Tô - Tân Cảnh*

Chiến trường Đăk Tô - Tân Cảnh là nơi diễn ra trận đánh ác liệt trong chiến tranh chống Mỹ vào năm 1972, thuộc huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum, cách thị xã Kon Tum 42km về phía bắc. Đăk Tô trở nên một địa danh quen thuộc đối với các cựu chiến binh Mỹ đã từng tham gia cuộc chiến tranh tại Việt Nam muốn trở lại thăm chiến trường xưa. Du khách đến thăm quan sẽ thấy sừng sững giữa trung tâm thị trấn Đăk Tô đài tưởng niệm và tấm bia lớn ghi lại chiến tích lẫy lừng của chiến trường Đăk Tô - Tân Cảnh. Cách Đăk Tô 5km về phía nam là đồi Charlie cũng là một di tích chiến trường xưa của tỉnh Kon Tum.

#### *Nhà thờ gỗ Kon Tum*

Nhà thờ được làm hoàn toàn bằng gỗ cà chít, theo phong cách Roman kết hợp với kiến trúc nhà sàn của người Ba Na được hoàn thành năm 1918, nằm trên đường Nguyễn Huệ, Tp. Kon Tum. Đến với thành phố Kon Tum có một địa chỉ mà du khách không nên bỏ qua đó là nhà thờ Chánh Tòa bằng gỗ đẹp và độc đáo có tuổi đời gần trăm năm. Theo tư liệu lịch sử, vào những năm giữa thế kỉ 19, có một con đường dài 120 km tên gọi là con đường “Muối, gốm sứ và công chiêng” từ Quảng Ngãi lên Kon Tum. Con đường này hẻo lánh, hoang vu, gập ghềnh từ ngã ba Thạch Trụ, Quảng Ngãi qua Ba Tơ, đèo Viôlác là con đường buôn muối, gốm sứ và công chiêng hoặc các vật dụng giao thương giữa người Kinh và người dân tộc trong khu vực. Khi đó những người truyền giáo Pháp cũng đã theo con đường này để bắt đầu công cuộc truyền giáo của mình và bắt đầu xây dựng các nhà thờ bằng gỗ hoặc tre, tranh nhỏ để truyền đạo. Ngôi nhà thờ đầu tiên được xây dựng vào năm 1870. Cho đến khi bắt đầu đông giáo dân, linh mục Giuse Decrouille được giao cai quản xứ đạo Kon Tum. Vào năm 1913 ông quyết định xây dựng ngôi nhà thờ lớn với vật liệu là gỗ cà chít. Công việc xây dựng ngôi nhà thờ kéo dài đến năm 1918 mới hoàn tất. Dù đã trải qua bao biến thiên lịch sử, cho đến nay ngôi nhà thờ vẫn không hề bị hư hỏng mà vẫn vững chắc. Nhà thờ gỗ Kon Tum là một kiệt tác bởi được thiết kế theo kiến trúc Romantic, phối hợp hài hoà kiểu nhà sàn của người Ba Na nên đậm sắc thái văn hóa, tín ngưỡng người dân cao nguyên từ những đường nét họa tiết đến những điểm nhấn trên chất liệu. Nhà thờ là một công trình khép kín gồm: giáo đường, nhà tiếp khách, nhà trưng bày các sản phẩm dân tộc và tôn giáo, nhà rông. Ngoài ra còn có cô nhi viện, cơ sở may, dệt thổ cẩm, cơ sở mộc. Công trình này được xây dựng bằng gỗ do những người thợ mộc lành nghề đến từ Bình Định và Quảng Ngãi. Trần và tường nhà thờ được xây bằng đất trộn rom theo kiểu làm nhà truyền thống của người miền Trung. Trên tường rom là những bức tranh kính màu về Chúa, Đức Mẹ rực rỡ khi ánh nắng vùng cao xuyên qua.

Khu hoa viên của nhà thờ có bức tượng Đức Mẹ hai tay nâng bé Chúa Hải Đông được làm từ một thân gỗ nguyên sơ, tạc theo phong cách mộc mạc của các dân tộc Tây Nguyên. Chiếc thánh giá và các tượng trang trí bên ngoài lẫn bên trong nhà thờ như các con chiên, các tượng thánh bằng gốc rễ cây rừng làm không gian mang đậm màu sắc đại ngàn. Không xa nhà thờ Chánh Tòa là chủng viện Kon Tum do vị giám mục đầu tiên của giáo phận Kon Tum xây dựng từ năm 1935 đến năm 1938, cũng có kiến trúc tương tự như nhà thờ nhưng quy mô lớn hơn. Bước qua cổng, du khách cảm thấy thư thái với hai hàng cây sứ lâu năm tỏa bóng mát, thoảng hương thơm dịu dịu trên đường vào trong chủng viện. Trên



tầng hai của chủng viện có một phòng truyền thống trưng bày chi tiết về lịch sử truyền giáo tại Kon Tum từ giữa thế kỷ 19, gồm nhiều hiện vật, các bút tích... của những vị linh mục trên đường truyền đạo, các hình ảnh, tài liệu liên quan đến lịch sử hình thành và phát triển của giáo phận Kon Tum. Các hiện vật, bản đồ trưng bày trong chủng viện đều rất giá trị, được chạm khắc bằng gỗ tỉ mỉ. Có thể coi đây là một bảo tàng nhỏ về vật dụng sinh hoạt, nông cụ, vật thể văn hóa các dân tộc thiểu số đang sinh sống trên địa bàn tỉnh này.

#### *Khu du lịch sinh thái Măng Đen*

Là khu du lịch sinh thái hấp dẫn và giàu tiềm năng của tỉnh Kon Tum, tọa lạc tại huyện Kon Plong, tỉnh Kon Tum, cách thành phố Kon Tum hơn 50km về phía đông bắc. Từ thành phố Kon Tum, đi theo Quốc lộ 24 khoảng 54km đến trung tâm huyện Kon Plong, đi bộ thêm 1km nữa qua đèo Măng Đen, du khách sẽ đến khu du lịch sinh thái Măng Đen. Măng Đen theo tiếng M'Nông bản địa có nghĩa là vùng đất rộng lớn, bằng phẳng. Nằm ở độ cao hơn 1.000m so với mực nước biển trong vành đai khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, quanh năm mát mẻ, nhiệt độ trung bình năm từ 18 đến 20°C nên Măng Đen được mệnh danh là “Đà Lạt thứ hai” của Tây Nguyên. Bao quanh Măng Đen là những cánh rừng bạt ngàn với hệ động thực vật phong phú, đa dạng, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng như: sơn dương, hươu, chim trĩ, trĩn...; pơ mu, trầm dó, quế... Đặc biệt, nơi đây còn có rừng thông đỏ và thông pơ mu có tuổi đời 30 - 70 được trồng hai bên đường đèo Măng Đen. Điều kiện khí hậu ở Măng Đen rất thích hợp để trồng các loại nông sản, vì vậy ở đây có một khu vườn thực nghiệm trồng nhiều loại rau và hoa xứ lạnh. Bên cạnh đó còn có vườn thú nuôi nhiều loại thú rừng để phục vụ nhu cầu tham quan của du khách như: heo rừng, nai, gà, nhím...

Ngoài ra, Măng Đen còn có nhiều hồ nước trong xanh như: Toong Zori, Toong Pô, Toong Đam... và nhiều thác còn nguyên vẻ hoang sơ như: Paish, Dakke, Lô Ba. Đến đây, du khách có thể du thuyền trên hồ ngắm phong cảnh thơ mộng xung quanh, câu cá, tắm thác hay ghé nhà rông bên hồ để hòa mình vào vũ điệu cồng chiêng của đồng bào dân tộc thiểu số M'Nông, Xơ đăng, H'rê. Cư dân bản địa nơi đây vẫn còn lưu giữ được những bản sắc văn hóa truyền thống, phong tục tập quán riêng biệt cùng nhiều lễ hội đặc sắc. Khu du lịch sinh thái Măng Đen thuộc tuyến du lịch “Con đường xanh Tây Nguyên” được kết nối với tuyến du lịch “Con đường Di sản miền Trung” và “Con đường huyền thoại Hồ Chí Minh” để hình thành tuyến du lịch xuyên quốc gia “Con đường di sản Đông Dương”, nối các di sản thế giới của Việt Nam với các di sản thế giới của 2 nước Lào và Campuchia. Với tiềm năng phong phú và đa dạng, Măng Đen là một trong 3 khu vực phát triển kinh tế - xã hội trọng điểm của tỉnh Kon Tum. Khu vực này đã được Chính phủ phê duyệt quy hoạch thành khu du lịch quốc gia với 11 cụm, điểm du lịch sinh thái và nghỉ dưỡng hấp dẫn, phục vụ du khách trong và ngoài nước.

#### *Làng Ba Na*

Làng Ba Na là những nếp nhà sàn dựng trên nền đất hình vuông hay hình chữ nhật, cầu thang lên nhà thường là một thân cây gỗ, đục đẽo thành nhiều bậc khá công phu. Dân tộc Ba Na là một trong ba dân tộc bản địa đông người nhất ở Tây Nguyên, họ sống nhiều nhất ở tỉnh Kon Tum. Ba Na Kon Tum là tên cộng đồng người Ba Na tập trung ở thị xã Kon Tum. Theo tiếng Ba Na thì Kon nghĩa là làng, Tum nghĩa là hồ, ao. Kon Tum là làng có nhiều ao, hồ. Đến thăm làng Ba Na, du khách sẽ nhìn thấy những nếp nhà sàn dựng trên nền đất hình vuông hay hình chữ nhật, cầu thang lên nhà thường là một thân cây gỗ, đục đẽo thành nhiều bậc khá công phu. Người Ba Na là dân tộc đầu tiên ở Tây Nguyên biết dùng

chữ viết trong đời sống và dùng trâu bò để cày ruộng. Tuy nhiên họ cũng chưa biết tổ chức cuộc sống khoa học, gạo chỉ giã đủ ăn từng ngày. Trước đây người Ba Na có truyền thống săn bắn giỏi, tới gia đình nào bạn cũng có thể nhìn thấy có vài cái nỏ bằng gỗ rất chắc. Cũng như nhiều dân tộc khác ở Tây Nguyên, giữa sàn nhà người Ba Na là bếp lửa luôn luôn đỏ than. Bếp cũng là trung tâm sinh hoạt của mọi thành viên trong gia đình. Đàn ông Ba Na thường có vết sẹo ở ngực. Đó là vết tích do họ tự gây nên bằng cách lấy lửa hoặc than hồng dí vào ngực khi trong nhà có người chết, để tỏ lòng thương tiếc người quá cố.

#### 4.2.2. Các tuyến du lịch nội tỉnh Gia Lai

Tỉnh Gia Lai có diện tích là 15.536,9 km<sup>2</sup>, dân số là 1.300,9 nghìn người (2010). Trung tâm hành chính của tỉnh là *Thành phố Pleiku*, 2 thị xã là An Khê, Ayun Pa và các huyện Chư Păh, Chư Prông, Chư Sê, Đức Cơ, Ia Grai, Kbang, Krông Pa, Kông Chro, Mang Yang, Đăk Đoa, Ia Pa, Đăk Pơ, Phú Thiện, Chư Puh. Tỉnh Gia Lai có cộng đồng nhiều dân tộc chung sống, người Kinh chiếm 52% dân số, còn lại là người Gia Rai (33,5%), Ba Na (13,7%), Giê Triêng, Xơ Đăng, Cơ Ho, Nhăng, Thái, M'Nông... Gia Lai là một vùng đất có bề dày lịch sử với nền văn hóa cổ xưa mang bản sắc độc đáo của đồng bào các dân tộc, chủ yếu là Gia Rai và Ba Na thể hiện qua kiến trúc nhà rông, nhà sàn, nhà mồ, qua lễ hội truyền thống, qua y phục và nhạc cụ. Các lễ hội đặc sắc ở Gia Lai: lễ Pơ Thi (Bỏ Mả), lễ hội đâm trâu, múa xoang... trang phục ngày hội được trang trí hoa văn nhiều màu sắc thần bí, các điệu múa dân gian và âm thanh vang vọng của các loại nhạc cụ riêng của từng dân tộc như tù và, đàn đá, công chiêng... Đến Gia Lai du khách còn được xem những khu nhà mồ dân tộc với những bức tượng đủ loại và những nghi lễ còn rất hoang sơ với tôn giáo đa thần (Tô Tem) còn nhiều nét nguyên thủy.

*Điều kiện tự nhiên:* Gia Lai là một tỉnh miền núi - biên giới nằm ở phía bắc Tây Nguyên trên độ cao 600 – 800m so với mặt biển. Phía bắc Gia Lai giáp tỉnh Kon Tum, phía nam giáp tỉnh Đăk Lăk, phía tây giáp Cam-pu-chia với 90km là đường biên giới quốc gia, phía đông giáp các tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định và Phú Yên. Gia Lai có khí hậu nhiệt đới gió mùa cao nguyên, chia hai mùa: mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 11, mùa khô từ tháng 12 đến tháng 4 năm sau. Nhiệt độ trung bình năm 21°C - 25°C. Vùng tây Trường Sơn có lượng mưa trung bình năm từ 2.200 – 2.500mm, vùng đông Trường Sơn từ 1.200 -1.750mm. Tỉnh có trục quốc lộ 14 nối với Quảng Nam và các tỉnh Tây Nguyên, Đông Nam Bộ; trục quốc lộ 19 nối với các tỉnh duyên hải miền Trung từ Quy Nhơn đến Pleiku và đi các tỉnh đông bắc Cam-pu-chia; quốc lộ 25 nối với Phú Yên

*Tiềm năng phát triển du lịch :* Gia Lai là đầu nguồn của nhiều hệ thống sông đổ về miền duyên hải và Cam-pu-chia như sông Ba, sông Sê San và các con suối khác. Vùng đất Gia Lai có nhiều suối hồ, ghềnh thác, đèo và những cánh rừng nguyên sinh tạo nên những cảnh quan thiên nhiên hùng vĩ thơ mộng, mang đậm nét hoang sơ nguyên thủy của núi rừng Tây Nguyên. Đó là rừng nhiệt đới Kon Ka Kinh và Kon Cha Rang nơi có nhiều động vật quý hiếm; thác Xung Khoeng hoang dã ở huyện Chư Prông; thác Phú Cường thơ mộng ở huyện Chư Sê. Nhiều con suối đẹp như suối Đá Trắng, suối Mơ và các danh thắng khác như bến đò "Mộng" trên sông Pa, Biển Hồ (hồ Tơ Nưng) trên núi mênh mông và phẳng lặng - núi Hàm Rồng cao 1.092m mà đỉnh là miệng của một núi lửa đã tắt.

Gia Lai có truyền thống cách mạng hào hùng, có khu Tây Sơn Thượng, căn cứ địa của vua Quang Trung, là quê hương anh hùng Núp. Nhiều địa danh chiến trường xưa của Gia Lai như Pleime, Cheo Reo, La Răng, nhà tù Pleiku đã đi vào lịch sử.

## **Các điểm tham quan du lịch tỉnh Gia Lai**

### *Di tích lịch sử - văn hóa Tây Sơn Thượng đạo*

Quần thể Tây Sơn Thượng đạo gồm 6 di tích liên quan đến cuộc khởi nghĩa của người Anh hùng áo vải Quang Trung - Nguyễn Huệ, thuộc vùng rừng núi An Khê, thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai. Cuộc khởi nghĩa nông dân vĩ đại do anh em họ Nguyễn lãnh đạo bùng nổ năm 1771. Vùng núi rừng An Khê của Gia Lai trở thành căn cứ đầu tiên của cuộc khởi nghĩa. Chính từ căn cứ Tây Sơn Thượng đạo ở An Khê, đại quân của cuộc khởi nghĩa đã tràn xuống đồng bằng cùng nhân dân cả nước làm nên chiến thắng Đống Đa lẫy lừng, quét sạch 29 vạn quân xâm lược Mãn Thanh, giành lại độc lập cho tổ quốc. Đây là một trong những mốc son chói lọi nhất trong lịch sử truyền thống đấu tranh yêu nước của nhân dân các dân tộc Gia Lai. Các anh em nhà Tây Sơn mà tiêu biểu là Nguyễn Nhạc và Nguyễn Huệ đã lập được mối quan hệ anh em giữa người Kinh và người Thượng, tập hợp được các dân tộc Bắc Tây Nguyên ở vùng Tây Sơn Thượng đạo như người Ba Na, Gia Rai vào cuộc đấu tranh thống nhất đất nước. Ngày 14/6/1991, quần thể di tích lịch sử văn hóa, quần thể gồm 6 di tích liên quan đến cuộc khởi nghĩa của người Anh hùng áo vải Quang trung - Nguyễn Huệ: An Khê Đình, Gò Chợ, hòn đá Ông Bình, hòn đá Ông Nhạc, Vườn mít - Cánh đồng Cô Hầu, kho tiền - nền nhà ông Nhạc.

### *Biển hồ Tơ Nưng*

Biển hồ Tơ Nưng nguyên là một miệng núi lửa ngừng hoạt động đã hàng trăm triệu năm. Hồ có hình bầu dục, diện tích 230ha, nằm ở xã Biển Hồ, Tp. Pleiku, tỉnh Gia Lai. Con đường dẫn xuống hồ đẹp như tranh, hai bên là những rặng thông xanh ngắt. Cuối con đường, leo lên các bậc tam cấp bằng đá, du khách sẽ đặt chân vào ngôi nhà lòng rất thơ mộng được xây trên một đồi cao ăn ra lòng hồ. Nước hồ quanh năm đầy ắp, xanh trong có thể nhìn rõ từng đàn cá bơi lội dưới nước. Hồ có độ sâu từ 20 đến 40m. Đây là vựa cá, hàng năm cung cấp cho Pleiku hàng trăm tấn cá. Những chiếc thuyền độc mộc lướt trên mặt hồ thật êm ả. Phong cảnh xung quanh hồ thật ngoạn mục, từ những cây cối và các loài hoa khoe sắc ven hồ, ong bướm dập dìu tiếng hót của các loài chim lành lót mỗi buổi sớm mai. Kê đó là những cánh rừng bạt ngàn, những ngọn đồi uốn lượn trập trùng... Những chiếc thuyền độc mộc lướt trên mặt nước. Giữa mùa nắng nóng oi nồng mà ở đây rất dễ chịu: không khí trong lành và mát rượi. Đứng trước hồ nước mênh mông không khỏi nhớ đến câu thơ “Ngọn gió nóng qua sông thành ngọn gió mát”. Quả thực, biển hồ đã hấp thụ những cơn gió nóng nực để đem đến cho vùng đất cao nguyên bao la những cơn gió mát lành. Đây không chỉ là nguồn cung cấp nước sinh hoạt, nước cho cây trồng và vật nuôi cho một vùng rộng lớn mà còn cung cấp cho dân trong vùng hàng trăm tấn cá, tôm... mỗi năm. Nguồn lợi tự nhiên mà biển hồ mang lại vô cùng to lớn và quan trọng, nhất là đối với vùng cao nguyên ở độ cao gần ngàn mét so với mặt biển và hiếm nước. biển hồ với nhiều góc độ nổi lên như một viên ngọc bích giữa mênh mông đất đỏ Tây Nguyên.

Biển hồ gần quốc lộ 14 và quốc lộ 19 nên rất thuận tiện cho khách đến tham quan. Đứng bên hồ, du khách có thể phóng tầm mắt để nhìn bao quát cả một vùng: đây là những quả đồi đất đỏ badan, những đồi chè, những đồi cà phê trĩu quả. Kia là thành phố Pleiku - phố núi cao, phố núi đầy sương. Xa xa là những cánh rừng bạt ngàn, những ngọn đồi uốn lượn trập trùng. Du khách còn gặp ở đây những ngôi nhà rông cao vút. Trong vòng bán kính 6km về hướng nam là núi Hàm Rồng. Hàm Rồng là dương, dương từ khí núi, hiên ngang như tấm bình phong chắn gió. Ngược lại, biển hồ cũng là miệng một núi lửa nhưng khác là

âm sâu xuống lòng đất. Các nhà khảo cổ học đã thám sát, thăm dò và khai mở trang sử từ lòng đất này cho chúng ta biết về văn hóa biển hồ - nền văn hóa đặc sắc thời tiền sử...Biển hồ Tơ Nưng được ví như hạt ngọc của Pleiku, của cả Tây Nguyên và là một điểm du lịch quan trọng của tỉnh.

#### *Chùa Bửu Nghiêm*

Nơi thờ Phật và cũng là Văn phòng ban trị sự Phật giáo của tỉnh Gia Lai, tọa lạc tại đường Lý Thái Tổ, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai. Chùa nằm ở đường Lý Thái Tổ cách chợ Mới khoảng 200 m về hướng tây. Chùa được xây dựng vào năm 1964 với diện tích 3.565m<sup>2</sup>. Chùa đã qua nhiều lần trùng tu, như năm 1978 trùng tu ngôi chánh điện. Gần đây nhất là lần trùng tu quy mô lớn vào năm 2004 do Hoà thượng Từ Hương phụ trách.

Cổng chùa gồm có cổng chính và cổng phụ. Cổng phụ bên trái của cổng chính. Riêng cổng chính có tam quan, cột cổng làm bằng bê tông, cửa được làm bằng sắt tương đối kiên cố. Trên tam quan có hai cặp câu đối, nền vàng chữ đỏ. Toà tam bảo có kiến trúc ba tầng mái. Khuôn viên bên ngoài có hai tầng tháp hai bên, tháp bên phải bên trong có quả chuông nặng một tấn cao 1,60 m được đúc vào năm 1974. Trước là Phật Bà Quan Âm đứng giữa với chiều cao khoảng 2m làm cho khuôn viên chùa càng trở nên uy nghiêm. Tầng một chùa là nhà thờ tổ; nơi thờ Tổ Sư Đạt Ma cùng các Linh Nam và Linh Nữ. Tượng Phật Chuẩn đề Vương Bồ tát với 18 tay, được thờ ở vị trí chính giữa tầng. Trên tầng hai với một diện tích rất rộng là chánh điện thờ Phật Thích Ca, hai bên thờ Văn Thù và Phổ Hiền. Đây cũng là nơi giảng kinh thuyết pháp cho các phật tử mỗi khi đến ngày vía các chư Phật, các vị Tổ sư và ngày lễ của đất nước. Chùa Bửu Nghiêm đã đóng góp nhiều công tác phật sự quan trọng cho phật giáo tỉnh nhà. Hiện tại do Đại đức Thích Quang Phúc trụ trì.

#### *Vườn Quốc gia Kon Ka Kinh*

Vườn Quốc gia Kon Ka Kinh (diện tích 41.780ha) nằm về phía đông bắc tỉnh Gia Lai, cách thành phố Pleiku khoảng 50km, có phía bắc giáp với tỉnh Kon Tum và xã Đăk Roong huyện KBang (Gia Lai); phía nam giáp xã Hà Ra, xã AYun và xã Đăk Jơ Ta, huyện Mang Yang; phía đông giáp xã Đăk Roong, xã K Rong và xã Lơ Ku, huyện KBang và phía tây giáp xã Hà Đông huyện Đak Đoa (Gia Lai). Là điểm du lịch sinh thái lý tưởng, rất thích hợp với các du khách tới đây nghỉ ngơi, an dưỡng và nghiên cứu khoa học.

Năm 1986, Vườn quốc gia Kon Ka Kinh (diện tích khoảng 28.000ha) được đưa vào danh sách Các khu rừng đặc dụng nhằm bảo tồn rừng á nhiệt đới núi cao với các loài hạt trần. Năm 1999, Viện Điều tra qui hoạch rừng (FIPI) kết hợp với Tổ chức Chim quốc tế (BirdLife International) xây dựng dự án đầu tư thành lập Khu bảo tồn thiên nhiên Kon Ka Kinh và dự án này đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cùng UBND tỉnh Gia Lai phê duyệt. Ngày 25/11/2002, Khu bảo tồn thiên nhiên Kon Ka Kinh chính thức được chuyển đổi thành Vườn quốc gia Kon Ka Kinh với diện tích là 41.780ha theo Quyết định số 167/2002/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Thông qua cuộc họp các Bộ trưởng về tài nguyên môi trường được tổ chức tại Iagon (Mianma) vào ngày 18/12/2003, Vườn quốc gia Kon Ka Kinh đã được công nhận là vườn di sản ASEAN. Do đặc điểm đa dạng về địa hình, khí hậu và một số yếu tố khác hình thành nên rừng, Vườn quốc gia Kon Ka Kinh có một hệ thực vật rừng rất phong phú; nơi đây là điểm hội tụ các luồng thực vật như: Luồng thực vật thuộc khu hệ Bắc Việt Nam bao gồm các loài cây thuộc họ đậu, dâu tằm, na, giẻ, thầu dầu và mộc lan... Luồng thực vật thuộc khu hệ Vân Nam - Quý Châu và chân dãy núi Himalaya bao gồm các loài cây lá kim của ngành phụ hạt trần như: thông nạng, hoàng đàn

giả, kim giao, pơ mu... Luồng thực vật thuộc khu hệ Malaixia - Indônêxia bao gồm các loài cây thuộc họ dầu như: chò chai, chò đen, chò chỉ, cắ. Luồng thực vật Ấn Độ - Mianma bao gồm một số loài cây thuộc họ bàng như: choại; họ tử vi như: bằng lăng ổi. .. Bên cạnh đó, còn có một số loài đặc hữu như: bọ nẹt trung bộ, du moóc, hoa khế, hoàng thảo vạch đỏ, gõ đỏ, lọng hiệp, trác, thông đà lạt, xoay, song bột và một số loài quý hiếm khác được ghi vào sách đỏ Việt Nam và thế giới. Bên cạnh một hệ thực vật rừng phong phú như vậy, Vườn còn có một hệ động vật rừng đặc hữu cho cả Việt Nam và Đông Dương, bao gồm: 5 loài thú lớn như: vượn má hung, voọc vá chân xám, hổ, mang Trường Sơn và mang lớn. 7 loài chim như: khướu đầu đen, khướu mỏ dài, khướu kon ka kinh - loài mới được phát hiện cho khoa học trong vòng 30 năm trở lại đây ở khu vực châu Á, khướu đầu xám, trèo cây mỏ vàng, gà lôi văn và thầy chùa đít đỏ. 4 loài thuộc lớp bò sát ếch nhái: thằn lằn buôn lưới, thằn lằn đuôi đỏ, chàng Sapa, ếch gai sần. Ngoài những loài đặc hữu trên; hệ động, vật rừng ở Vườn quốc gia Kon Ka Kinh còn khoảng 38 loài thú quý hiếm khác; có giá trị bảo tồn nguồn gen, nghiên cứu khoa học và được ghi trong cả sách đỏ Việt Nam lẫn thế giới. Vườn quốc gia Kon Ka Kinh không chỉ được biết đến là một khu vực ưu tiên về bảo tồn đa dạng sinh học của cả Việt Nam, trong khu vực và quốc tế mà trong tương lai gần, nó còn trở thành một điểm du lịch sinh thái, hấp dẫn các du khách tới đây nghỉ ngơi, an dưỡng và nghiên cứu khoa học.

### *Làng kháng chiến Stor*

Làng Stor và Anh hùng Núp đã thực sự trở thành biểu tượng của "Đất nước đứng lên" mà tiếng vang còn vọng đến tận Tây Bán cầu, thuộc thị trấn KBang, huyện KBang, tỉnh Gia Lai. Cách thành phố Pleiku khoảng 70km về hướng đông, làng Stor là nơi anh hùng Núp được sinh ra và lớn lên, tại đây anh Núp đã phát động và lãnh đạo bà con dân làng đứng lên đánh Pháp, mô hình "làng kháng chiến" từ chiến trường Gia Lai ra đời. Làng Stor và Anh hùng Núp đã thực sự trở thành biểu tượng của "Đất nước đứng lên" mà tiếng vang còn vọng đến tận Tây Bán cầu.

Lịch sử Đảng bộ Gia Lai đã ghi: "Trước cách mạng tháng 8/1945, ông đã chỉ huy thanh niên Stor tổ chức dân làng chiến đấu chống Pháp xâm lược gìn giữ núi rừng, buôn làng..., bằng những vũ khí đơn sơ như: Chông tre, bẫy đá, cung tên... đã tiêu diệt hàng trăm tên địch, nêu tấm gương sáng chói cho các dân tộc Tây Nguyên noi theo, đứng lên chống giặc ngoại xâm, gìn giữ quê hương, đất nước. Từ tháng 9/1950 đến tháng 2/1951 quân Pháp đã tổ chức 10 cuộc hành quân đánh lên làng Stor, có lần (12/1950) chúng đã sử dụng tới một lực lượng gồm 400 quân vây quét, suốt lúa, phá rẫy, đốt làng, quyết phá cho được dấu tích làng Stor. Dưới sự lãnh đạo của chi bộ Đảng và thôn trưởng Núp, dân làng Stor đã dựa vào núi rừng hiểm trở, tổ chức đánh bại nhiều cuộc càn quét của địch." Cuộc đời cách mạng của ông đã trở thành thiên anh hùng ca bất tử, ông là người Tây Nguyên đầu tiên được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng LLVT nhân dân, là người được bạn bè quốc tế mến phục. Ngày 23/3/1993, làng Stor đã được Bộ Văn hóa – Thông tin cấp bằng di tích lịch sử văn hóa: Làng Kháng chiến Stor.

### *Thủy điện Yaly*

Công trình thủy điện Yaly nằm trên sông Sê San, thuộc địa phận tỉnh Gia Lai. Đây là công trình trọng điểm quốc gia lớn thứ 2 sau thủy điện Hòa Bình. Thác Yaly nổi tiếng ngày xưa, nay được thay bằng cảnh đẹp của đập dâng, đập tràn xả lũ và một hồ nước rộng lớn trong xanh nằm giữa núi rừng Tây Nguyên. Với diện tích bề mặt hồ rộng 64,5km<sup>2</sup> và dung

tích 1,03 tỷ m<sup>3</sup> (ứng với mực nước dâng bình thường 515m) công trình thủy điện Ialy đã được xây dựng tại đây. Thủy điện Yaly với công suất lắp đặt 720Mw và sản lượng điện trung bình năm 3,7 tỷ kwh. Quá trình xây dựng và vận hành nhà máy thủy điện Yaly đã ảnh hưởng to lớn đến đời sống kinh tế - văn hóa – xã hội... của Tây Nguyên nói chung và Gia Lai nói riêng. Đặc biệt nguồn điện đã đem lại ánh sáng cho bao buôn làng góp phần nâng cao dân trí cho đồng bào trong vùng. Trong tương lai, trên và dưới thủy điện Yaly dự kiến sẽ xây dựng thêm 4 nhà máy thủy điện khác: Sê San 3, Sê San 4, Plei Krông và Thượng Kon Tum. Sê San 3 và Sê San 4 là những nhà máy nằm phía hạ lưu của thủy điện Yaly. Ngày nay thác Yaly vẫn là điểm du lịch thú vị. Đến đây, du khách có dịp thăm nhà máy thủy điện, ghé bản làng dân tộc Gia Rai, đi thuyền ngược dòng sông Sê San ngắm cảnh núi và thung ngoạn không khí rừng núi Tây Nguyên.

### 4.2.3. Các tuyến du lịch nội tỉnh Đắk Lắk

Tỉnh Đắk Lắk có diện tích là 13.125,4 km<sup>2</sup>, dân số là 1.754,4 nghìn người (2010). Trung tâm hành chính của tỉnh là *Thành phố Buôn Ma Thuột*, 1 thị xã là Buôn Hồ và các huyện *Ea H'leo, Ea Súp, Krông Năng, Krông Buk, Buôn Đôn, Cư M'gar, Ea Kar, M'Drăc, Krông Păc, Krông Ana, Krông Bông, Lắk, Cư Kuin*. Đắk Lắk có một nền văn hóa đa dạng và lâu đời của nhiều dân tộc *Việt (Kinh), Êđê, M'Nông, Nùng, Tày*. Vùng đất này có nền văn hoá cổ truyền khá đa dạng của nhiều dân tộc đậm nét truyền thống và bản sắc riêng. Nơi đây còn lưu giữ nhiều pho sử thi truyền miệng rất độc đáo như sử thi Đam San dài hàng ngàn câu. Các luật tục cổ, kiến trúc nhà sàn, nhà rông và tượng nhà mồ còn chứa bao điều bí ẩn đầy hấp dẫn. Các loại nhạc cụ dân tộc từ lâu đời đã trở nên nổi tiếng và là niềm tự hào của cả vùng Tây Nguyên, của văn hoá dân gian Việt Nam: bộ đàn đá của người M'Nông (huyện Lắk), đàn T'rung, đàn Klông pút, đàn nước, kèn, sáo...

*Điều kiện tự nhiên:* Đắk Lắk là tỉnh có diện tích tự nhiên lớn trong cả nước. Vùng núi cao từ 1.000 – 1.200m chiếm 35% diện tích của tỉnh, nằm trên cao nguyên Đắk Lắk, một trong 3 cao nguyên lớn của Tây Nguyên, có độ cao trung bình 400 - 800m so với mặt nước biển, phía bắc và đông bắc giáp Gia Lai, phía nam giáp Lâm Đồng, phía tây giáp Căm-pu-chia và tỉnh Đắk Nông, phía đông giáp Phú Yên và Khánh Hòa. Vùng cao nguyên Buôn Ma Thuột cao 450m, chiếm 53,5%, đất đỏ màu mỡ, khá bằng phẳng thuận lợi cho phát triển cây công nghiệp dài ngày, chăn nuôi gia súc và trồng rừng. Đất trũng phù sa (12%) trồng lúa và đồng cỏ tự nhiên. Rừng Đắk Lắk có trữ lượng gỗ dồi dào và nhiều động vật quý hiếm như voi, hổ, báo, gấu, nai, heo rừng, bò rừng. Đắk Lắk có các hệ thống sông chính: sông Ba, sông Sêrêpôk (các nhánh Krông Bông, Krông Păc, Krông Ana, Krông Nô...) và một số nhánh sông nhỏ khác. Nhiều thác cao có nguồn thủy năng lớn, khai thác thủy điện như thác: Dray H'Linh, Buôn Kuốp. Nhiều hồ lớn như hồ Lắk, hồ Ea Kao, hồ Ea Súp, hồ Đakmin... cung cấp nước tưới và thủy sản nước ngọt cho toàn tỉnh. Khí hậu là tương đối ôn hòa, nhiệt độ trung bình năm 24°C, tháng nóng nhất và lạnh nhất chỉ chênh lệch trung bình 5°C. Thời tiết và lượng mưa phụ thuộc theo mùa. Mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau, nhiều gió và hơi lạnh, thời tiết khô hạn, nhiều khe suối khô cạn. Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10 trong năm, lượng nước rất lớn, nhiều năm bị ngập lụt ảnh hưởng đến giao thông.

Hệ thống mạng lưới giao thông khá thuận lợi, các quốc lộ 14 đi Pleiku - Gia Lai (180km), đi Đắk Nông và Tp. Hồ Chí Minh; quốc lộ 26 đi Nha Trang – Khánh Hòa (190km); quốc lộ 27 đi Đà Lạt – Lâm Đồng (395km). Thành phố Buôn Ma Thuột nằm ở

vùng đông dân nhất Tây Nguyên, trên độ cao 536m, cách Hà Nội 1.390km, cách Tp. Hồ Chí Minh 360km

*Tiềm năng phát triển du lịch:* Đến Đắk Lắk du khách có thể đi thăm thác Thủy Tiên, những hồ nước thơ mộng như hồ Lắk, hồ Buôn Triết, hồ Ea Kao; các khu rừng nguyên sinh - vườn quốc gia Yok Đôn, khu lâm viên Ea Kao, thăm Buôn Đôn nổi tiếng với nghề săn bắt và thuần dưỡng voi, các di tích lịch sử như tháp Chăm thế kỷ 13, biệt điện của cựu hoàng Bảo Đại, nhà tù Buôn Ma Thuột hoặc tìm hiểu đời sống văn hoá các dân tộc ít người. Hệ thống mạng lưới giao thông khá thuận lợi, các quốc lộ 14 đi Pleiku - Gia Lai (180km), đi Đắk Nông và Tp. Hồ Chí Minh; quốc lộ 26 đi Nha Trang – Khánh Hòa (190km); quốc lộ 27 đi Đà Lạt – Lâm Đồng (395km).

### **Các điểm tham quan du lịch tỉnh Đắk Lắk**

#### *Buôn Đôn*

Buôn Đôn thuộc xã Krông Na, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk, cách Tp. Buôn Ma Thuột 42km về phía tây bắc. Buôn Đôn từ lâu đã nổi tiếng không chỉ với cảnh quan của núi rừng, các phong tục mang đậm dấu ấn của vùng Tây Nguyên mà còn bởi truyền thống săn bắt và thuần dưỡng voi rừng. Buôn Đôn với những cánh rừng tự nhiên trùng điệp; dòng sông Sêrêpôk hùng dữ, nước đổ ào vang núi rừng. Đến Buôn Đôn là dịp được cưỡi voi leo núi, lội suối, bơi sông; bạn cũng có dịp tham dự nhiều thú vui hấp dẫn chỉ có ở nơi đây: bắn nỏ, nướng cá, uống rượu cần; sống trong những căn nhà đơn sơ, ẩm cúng dựng vắt vẻo trên các cây si cổ. Đặc biệt nếu bạn có mặt vào mùa xuân thì tháng ba là mùa lễ hội đua voi... Cảnh sắc thiên nhiên và cuộc sống bình dị nơi đây chắc sẽ làm du khách hài lòng với những ngày sáng khoái, thú vị. Chiến tranh đã lùi xa nhưng cũng để lại nhiều địa danh lịch sử như: "Bến đò Giao Liên", "Hòm thư chết", "Đường mòn Hồ Chí Minh".

#### *Buôn Jun*

Nằm tựa mình bên hồ Lắk, thuộc thị trấn Liên Sơn, huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk. trong xanh thơ mộng, buôn Jun mang một vẻ đẹp nguyên sơ hiền hòa của buôn làng Tây Nguyên, luôn giữ cho mình những bản sắc truyền thống đã được bảo tồn qua bao thế hệ. Đến buôn Jun, nhìn những ngôi nhà sàn theo kiểu kiến trúc cổ truyền của đồng bào Tây Nguyên nép mình dưới bóng cây xanh, ngắm các thiếu nữ buôn làng chăm chỉ cần mẫn bên khung dệt thổ cẩm... du khách sẽ ngỡ như mình đang ngược dòng thời gian trở về với khung cảnh thanh bình, nên thơ đậm chất huyền thoại đã từng in dấu ấn vào những bản trường ca thuở xa xưa. Mặc dù trải qua nhiều biến động của lịch sử, buôn Jun vẫn bảo lưu và phát huy được những nét đẹp văn hóa truyền thống, những phong tục tập quán cổ truyền mà tổ tiên để lại. Nếp sống và sinh hoạt của đồng bào dân tộc buôn Jun mang một nét đặc trưng riêng vốn đã được định hình từ hàng trăm năm trước. Về với buôn Jun, du khách sẽ được cưỡi voi ngắm cảnh núi non, buôn làng, hồ nước mênh mang lao xao sóng vỗ. Nếu một lần ở lại buôn Jun, còn gì thi vị hơn khi du khách được ngồi bên khung cửa nhà sàn, ngắm những đêm trăng đẹp như trong cổ tích, gió từ hồ Lắk thổi tới mang theo cái lạnh mơn man da thịt. Quây quần cùng mọi người bên chén rượu cần, du khách được nghe già làng kể về những truyền thuyết, huyền thoại của vùng đất này thuở hồng hoang. Cái cảm giác ngát ngậy, lâng lâng bởi men say rượu cần sẽ đưa du khách vào giấc ngủ nhẹ nhàng từ lúc nào không hay biết. Một thú vui khác nữa khi đến với nơi này là du khách được chèo thuyền trên hồ Lắk, thưởng thức cơm lam và những đặc sản của hồ Lắk như: cá, lươn, ốc cùng nhiều món ăn dân dã đậm đà hương vị của đồng quê cao nguyên.

#### *Chùa Khải Đoan*

Là ngôi chùa của những người Việt sinh sống ở Đăk Lăk. Chùa được xây dựng năm 1951-1953 trên một khu đất thoáng và rộng, nằm tại 89A đường Phan Bội Châu, phường Thống Nhất, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk. Chùa có kiến trúc theo kiểu chữ "tam", trước cổng là tam quan, giữa là chính điện, sau là nhà hậu tổ. Cổng tam quan gồm 2 tầng với ba vòm cửa cao 7m, rộng 10,5m. Điện Quan Âm xây tách biệt với bố cục chính của chùa, hình lục giác với 6 cột trang trí hình rồng mây. Chính điện rộng 320m<sup>2</sup>, được chia làm hai phần. Nửa phần trước kiến trúc theo kiểu nhà dài của Tây Nguyên có cột kèo, nhà rường của người Việt. Nửa sau xây theo lối hiện đại. Chính điện thờ Phật Thích Ca. Chùa có quả chuông nặng 380kg bằng đồng đúc năm 1954

#### *Mộ vua săn bắt Voi*

Mộ vua săn bắt Voi là lăng mộ của một vị tù trưởng đầy quyền lực và được nhân dân khắp vùng kính phục, thuộc huyện Buôn Đôn. Đây là ngôi mộ của người đã khai sinh ra Buôn Đôn, có công lớn trong buổi đầu tạo lập và phát triển nghề săn bắt và thuần dưỡng voi rừng nơi đây. Khunjunob, tên thật là N' Thu K' Nul, sinh năm 1828, một vị tù trưởng đầy quyền lực và được nhân dân khắp vùng kính phục, người đã khai sinh ra Buôn Đôn, có công lớn trong buổi đầu tạo lập và phát triển nghề săn bắt và thuần dưỡng voi rừng nơi đây. Ông đã săn được hàng trăm Voi, trong đó có một con Voi trắng (Bạch Tượng) mà ông đã mang tặng Hoàng gia Thái Lan năm 1861. Vua Thái Lan rất cảm phục và phong tặng ông danh hiệu Khunjunob (Vua Săn Voi). Cả đời mình, ông đã sống, làm việc, lãnh đạo dân làng Buôn Đôn, rồi chọn chôn này làm nơi yên nghỉ cuối cùng, thọ 110 tuổi. Sau khi ông trút hơi thở cuối cùng, thông tin về cái chết của ông nhanh chóng được truyền đi khắp vùng. Tang lễ của ông được tổ chức rất long trọng với đầy đủ các nghi thức truyền thống kéo dài nhiều ngày với sự tham dự của nhiều sắc tộc gần xa. Sau khi ông mất, việc hành lễ, bỏ mã, lập mộ cho ông do người cháu (gọi ông bằng cậu) tên là R' Leo K' Nul đứng ra lo liệu. Buôn Đôn lúc bấy giờ đã là một nhóm cộng đồng đa sắc tộc mà thành phần chủ yếu là các dân tộc M' Nông, Êđê và Lào nên R' Leo và dân làng đã quyết định xây dựng mộ ông dựa theo kiến trúc M' Nông - Lào kết hợp để thể hiện lòng biết ơn và tôn kính đối với vị tù trưởng quá cố. Kiến trúc nhà mồ theo văn hóa M' Nông - Lào của ngôi mộ ông thể hiện khá rõ qua mô-típ hình khối được trang trí bằng các búp sen trên bốn góc và đỉnh mộ. R' Leo K' Nul (cháu của Khunjunob) sinh năm 1877, là người kế quyền lãnh đạo buôn làng sau khi tù trưởng Khunjunob qua đời. Ở thời kỳ này, R' Leo tỏ ra là một nhà lãnh đạo xuất sắc, biết phát huy các thế mạnh vốn có của địa phương, góp phần không nhỏ trong việc duy trì và phát triển nghề truyền thống săn bắt và thuần dưỡng voi rừng. Đặc biệt, ông đã góp phần làm cho mối quan hệ của buôn làng với các nhóm dân tộc lân cận và triều đại phong kiến đương thời (Bảo Đại) ngày càng khắng khít. Ông cũng đã tặng Bảo Đại một Voi trắng và thành lập cho vị vua này một đội voi săn "Hoàng Gia Bảo Đại". Ông qua đời năm 1947, thọ 70 tuổi. Ba năm sau khi ông qua đời (1950), lễ bỏ mã cho ông được thực hiện và mộ ông được xây dựng theo kiến trúc đền tháp Campuchia. Đây là mẫu kiến trúc do vua Bảo Đại cho người sưu tầm và cử nhóm đại diện đến trực tiếp thi công. Ngôi mộ được hoàn thành với tổng chi phí ngang bằng giá trị 1 voi có ngà dài vào thời giá lúc ấy.

#### *Đèo Phụng Hoàng*

Đèo Phụng Hoàng là một cửa ngõ đi miền duyên hải Trung bộ, một thắng cảnh đẹp của thiên nhiên, nằm trên quốc lộ 26, giáp ranh giữa hai tỉnh Khánh Hòa và Đăk Lăk nơi từng có bóng dáng của những thương nhân người Kinh đi lại mua bán, nơi một thời Yersin đi qua tìm ra địa danh Đà Lạt, nơi vẫn còn mãi chiến công vang dội, những dải núi đẹp như



cánh chim tung trời rải cánh giữa đại ngàn. Nghe suối chảy róc rách, những cơn mưa bất chợt chỉ riêng xứ sở cao nguyên mới có, những ngôi nhà sàn, những khúc đường quanh co và ngọn núi Phụng Hoàng làm cho con người ta gần gũi với thiên nhiên hơn. Thắng cảnh đèo Phụng Hoàng đẹp tựa một bức tranh kỳ vĩ đã từng cuốn hút bao du khách khi ngược đồng bằng lên với cao nguyên.

### *Hồ Lắk*

Hồ Lắk nằm trên tuyến đường giao thông giữa thành phố Buôn Ma Thuột và Đà Lạt, thuộc thị trấn Liên Sơn, huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk, cách thành phố Buôn Ma Thuột khoảng 56km về phía nam theo quốc lộ 27. Hồ Lắk là một thắng cảnh đẹp của vùng Tây Nguyên. Hồ vừa là nơi cung cấp nhiều cá, vừa là hồ chứa nước ngọt không lồ cung cấp nước cho hàng trăm héc ta ruộng nương, đồng thời còn làm cho khí hậu ở đây thêm phần mát hơn. Qua đèo Lạc Thiện khoảng 10km, đến thị trấn Liên Sơn, rẽ tay phải vài trăm mét đã thấy ngôi nhà nghỉ mát của cựu hoàng đế Bảo Đại ngày xưa. Đây là nơi ông thường đến ngắm cảnh, săn bắn, nghỉ ngơi mỗi khi có dịp lên thành phố Buôn Ma Thuột. Ngôi nhà nằm trên đỉnh đồi cao nhìn ra mặt nước của hồ Lắk. Hồ rộng trên 500ha, được thông với con sông Krông A Na. Mặt hồ Lắk luôn xanh thắm, in bóng rừng thông trên các ngọn đồi ven hồ. Xung quanh hồ là các cánh rừng nguyên sinh rộng lớn với hệ động thực vật phong phú. Bên Hồ Lắk có buôn Jun, một buôn làng tiêu biểu của dân tộc M'Nông. Đến đây du khách có dịp ngao du trên lưng voi để ngắm buôn làng, tham quan núi rừng Tây Nguyên. Nếu nghỉ qua đêm sẽ được thưởng thức văn nghệ công chiêng của người M'Nông.

### *Thác Bảy Nhánh*

Thác Bảy Nhánh thuộc buôn N'DRêch, xã Ea Huar, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk, cách thành phố Buôn Ma Thuột khoảng 35km về hướng tây bắc. Thác Bảy Nhánh là một thắng cảnh đẹp, một điểm du lịch sinh thái tuyệt vời của tỉnh Đắk Lắk. Dòng Sêrêpôk chảy về đây gặp một ghềnh đá lớn chia làm 7 dòng sông nhỏ chảy qua các tầng đá tạo thành 6 hòn đảo giữa các nhánh sông, vì vậy gọi là thác Bảy Nhánh. Đứng trên cao nhìn xuống, thác Bảy Nhánh như một bàn tay khổng lồ có bảy ngón xò ra giữa ghềnh thác trắng xóa mà "cổ tay" là đầu thác rộng khoảng 500m, nước chảy hiền hòa êm ả quanh năm. Nơi rộng nhất của thác khoảng 2km. Nhánh thác thứ nhất được che bởi những rặng si già, nhánh thác thứ hai, ba, bốn cách "cổ tay" khoảng 25 – 30m là ghềnh đá lớn, rất phù hợp cho du khách ra tắm hoặc chụp ảnh lưu niệm. Nhánh thác thứ năm có bãi sạn, đá cuội được nước bào mòn xinh xắn như bãi sạn ở Nha Trang (Khánh Hòa). Nhánh thác thứ sáu là sáu bãi cát rộng, phẳng đẹp và khoảng 2ha đất canh tác là nơi dân cư trong vùng trồng cây công nghiệp và cây ăn trái. Sang nhánh thác thứ bảy là đến rừng nguyên sinh do Vườn Quốc gia YokDon quản lý với nhiều loại gỗ và thú quý hiếm. Đến thác Bảy Nhánh du khách sẽ được dạo mát trên cầu tre luôn lách qua các gốc si và rễ si già đan xen chằng chịt, nghỉ ngơi, uống rượu cần trên các sàn gỗ được dựng trên các cành si và nghe tiếng thác nước chảy róc rách, trong veo, mát mẻ dưới chân mình. Đây là nơi đua thuyền độc mộc lý tưởng vì mặt nước phẳng lặng, trong xanh với những bãi tắm đẹp có nhà dù lợp tranh. Chiều chiều đứng bên này nhìn sang bên kia thấy những đàn chim công khoe những bộ lông sắc sỡ vui múa với nhau thật đẹp mắt.

Đến thác Bảy Nhánh du khách chẳng những được tận hưởng cảnh quan tự nhiên của vùng sinh thái nơi đây mà còn có thể tiếp tục cưỡi voi tham quan Vườn Quốc gia YokDon để nghe kể về truyền thống săn bắt và thuần dưỡng voi rừng, được du thuyền vượt qua dòng Sêrêpôk, được ngủ nhà sàn, được giao lưu văn hóa công chiêng với đồng bào M'Nông. Đến đây du khách còn được thưởng thức những món ăn đặc sản như cơm lam, cơm đùm lá

chuối, gà nướng lá bưởi, kiến vàng bóp cải xanh, canh cá lăng nấu với lá giang. Du khách cũng có thể chọn mua một số quà lưu niệm về cho người thân như túi dệt thổ cẩm, mỹ nghệ gỗ, các loại gùi của đồng bào dân tộc...

### *Vườn quốc gia Yok Đôn*

Vườn quốc gia Yok Đôn là một trong những khu bảo tồn thiên nhiên lớn nhất nước ta với tổng diện tích 115.545ha, thuộc huyện Buôn Đôn và huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk, cách thành phố Buôn Ma Thuột 40km về phía tây bắc. Vườn quốc gia Yok Đôn là nơi ẩn chứa bao điều kỳ thú, hấp dẫn du khách và các nhà khoa học bởi sự phong phú và độc đáo của thiên nhiên hoang sơ. Những cánh rừng đại ngàn thuộc hệ sinh thái rừng khộp mang tính đặc trưng của rừng nhiệt đới Đông Nam Á, đan xen trong đó là các cánh rừng ẩm xanh tươi và rừng bụi với nhiều loại cây gỗ quý như giáng hương, cà te, cẩm lai, trắc, gỗ đỏ, sao lá tím...Địa hình nơi đây tương đối bằng phẳng, trong đó nổi lên các ngọn núi Yok Đôn và Reheng. Rừng nguyên sinh chiếm trên 90% diện tích toàn vườn là môi trường sống lý tưởng cho các loài động thực vật. Theo khảo sát của các nhà khoa học, Yok Đôn hiện có 67 loài thú, 196 loài chim, 46 loài bò sát, 15 loài lưỡng cư và khoảng 100 loài côn trùng sinh sống. Nguồn động vật hoang dã không những phong phú và đa dạng mà còn rất đặc trưng cho hệ động vật vùng Đông Nam Á.

Trong số 56 loài động vật quý hiếm của khu vực Đông Dương thì Yok Đôn có đến 36 loài và 17 loài được ghi trong sách đỏ thế giới như voi, trâu rừng, bò sừng xoắn, hươu sao, sơn dương, gà lôi, công, sáo, phượng hoàng... Đây còn là khu vực duy nhất ở Việt Nam có nhiều động vật quý tập trung với số lượng lớn như bò rừng, báo, nai cà tông, kỳ đà nước...Hệ thực vật ở đây rất phong phú và đa dạng với 464 loài, trong đó nhiều loài chỉ có ở khu vực Tây Nguyên. Nơi đây cũng tập hợp nhiều loài hoa quý hiếm, chỉ riêng hoa phong lan đã có trên 23 loài với đủ màu sắc tuyệt đẹp. Yok Đôn là khu vực duy nhất ở Việt Nam bảo tồn kiểu rừng kho cây họ Dầu. Trong những năm qua, các nhà khoa học đã tiến hành nhiều đề tài nghiên cứu về đa dạng sinh học của vườn quốc gia, nghiên cứu đặc điểm sinh thái các loài động vật hoang dã, nghiên cứu chuyên về các loài động vật hoang dã, nghiên cứu chuyên về từng loài động thực vật như voi, thú móng guốc, hổ báo Đông Dương, các loài chim... Bên cạnh công tác bảo vệ, duy trì và phát triển hệ sinh thái vườn quốc gia Yok Đôn, một trong những nhiệm vụ của Vườn phát triển các loại hình du lịch. Thời gian qua, Ban Quản lý vườn quốc gia đã tích cực phối hợp với ngành Du lịch Đắk Lắk tham gia phát triển các loại hình du lịch sinh thái, nghiên cứu, tham quan thám hiểm rừng nguyên sinh. Ngoài ra, vườn quốc gia Yok Đôn còn lưu giữ nhiều giá trị văn hóa đặc sắc của các dân tộc Tây Nguyên như: Êđê, M'Nông, Lào... Buôn Đôn hiện vẫn bảo tồn được khá nhiều kiến trúc nhà sàn truyền thống với những hình chạm khắc đẹp và công phu, thể hiện bàn tay khéo léo và óc sáng tạo tài tình của cư dân nơi đây. Buôn Đôn còn là vùng đất nổi tiếng với nghề săn bắt và thuần dưỡng voi. Khách đến đây sẽ được tận mắt xem các dụng cụ dùng để săn bắt voi và có thể cưỡi voi đi dạo giữa những cánh rừng đại ngàn hoặc cùng voi vượt qua dòng sông Sêrêpôk lại chảy từ đông sang tây trong khi hầu hết các con sông thường chảy từ tây sang đông rồi đổ ra biển. Bắt nguồn từ vùng núi Nam Đà (huyện Krông Nô) sông Sêrêpôk cuộn cuộn chảy qua huyện C'Drát về huyện Buôn Đôn, sông Sêrêpôk lững lờ trôi quanh khu vực vườn quốc gia Yok Đôn tạo thành vành đai tự nhiên bảo vệ khu rừng. Những thân cây si cạnh bờ sông mọc ra vô vàn cành, rễ tua tua đan chéo vào nhau tạo nên những "khu nhà sàn" độc đáo bằng rễ cành cho du khách trèo lên thưởng ngoạn cảnh sông nước, núi rừng. Khi màn đêm buông xuống, du khách được tham gia đêm lửa trại với những giai

điệu sôi nổi của các nhạc cụ đầy chất sáng tạo của vùng đất Tây Nguyên như cồng, chiêng, đàn Chình K'ram, sáo vồ, Đinh Puốc, T'rung... Bên cạnh tour cưỡi voi thăm Yok Đôn, Du lịch Đăk Lăk còn tổ chức các tour du lịch dã ngoại, đi bộ, cắm trại trong rừng hoặc thuê nhà nghỉ trong căn chòi nhỏ ven bờ sông để du khách hưởng thú ngắm phong cảnh rừng núi, sông nước khi hoàng hôn xuống.

#### *Hội đua voi ở Tây Nguyên*

Ngày hội đua voi ở Tây Nguyên phản ánh tinh thần thượng võ của người M'Nông, một dân tộc giàu đức tính dũng cảm, có kinh nghiệm trong những cuộc săn bắt voi rừng. Thời gian được tổ chức từ ngày 24 - 25/9 âm lịch, tại Buôn Đôn hoặc cánh rừng thưa ven sông Sêrêpôk (Đăk Lăk. Bãi đua là một dải đất tương đối bằng phẳng (thường là khu rừng ít cây to) đủ để 10 con voi giăng hàng đi cùng một lúc, bề dài từ 1-2km. Ngày hội đua voi là ngày vui lớn ở Tây Nguyên, nó phản ánh tinh thần thượng võ của người M'Nông, một dân tộc giàu đức tính dũng cảm, từng đối mặt với những tình huống hiểm nguy, căng thẳng trong những cuộc săn bắt voi rừng. Khung cảnh hùng vĩ của thiên nhiên Tây Nguyên - nơi diễn ra cuộc đua voi đặc sắc - đã làm tăng lên bội phần chất hùng tráng trong ngày hội cổ truyền của họ.

#### **4.2.4. Các tuyến du lịch nội tỉnh Đăk Nông**

Tỉnh Đăk Nông có diện tích là 6.515,6 km<sup>2</sup>, dân số là 510,6 nghìn người (2010). Trung tâm hành chính của tỉnh là *Thành phố Gia Nghĩa*, 1 thị xã là Buôn Hồ và các huyện Đăk Glông, Đăk R'lấp, Đăk Mil, Đăk Song, Krông Nô, Cư Jút, Tuy Đức. Đăk Nông có một nền văn hóa đa dạng và lâu đời của nhiều dân tộc Việt (Kinh), Êđê, Nùng, M'Nông, Tày...

*Điều kiện tự nhiên:* Tỉnh Đăk Nông được tách ra từ tỉnh Đăk Lăk cũ. Phía bắc tỉnh Đăk Nông giáp tỉnh Đăk Lăk, phía đông và đông nam giáp tỉnh Lâm Đồng, phía tây giáp tỉnh Bình Phước và nước bạn Căm-pu-chia. Tỉnh Đăk Nông nằm ở phía tây nam Trung Bộ, đoạn cuối dãy Trường Sơn, trên một vùng cao nguyên, độ cao trung bình 500m so với mặt biển. Địa hình tương đối bằng, có bình nguyên rộng lớn với nhiều đồng cỏ trải dài về phía đông. Phía tây địa hình thấp dần, nghiêng về phía Căm-pu-chia, phía nam là miền đồng trũng có nhiều đầm hồ. Có các hệ thống sông chính: sông Ba, sông Sêrêpôk (các nhánh Krông Bông, Krông Păk, Krông Ana, Krông Nô,..) và một số sông nhỏ khác, nhiều thác nước cao, thủy năng lớn. *Khí hậu* tương đối ôn hòa, nhiệt độ trung bình năm 24°C, tháng nóng nhất và lạnh nhất chỉ chênh lệch trung bình 5°C. Thời tiết và lượng mưa phụ thuộc theo mùa. Mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau, nhiều gió và hơi lạnh, thời tiết khô hạn, nhiều khe suối khô cạn. Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10 trong năm, lượng nước rất lớn, nhiều năm bị ngập lụt ảnh hưởng đến giao thông. Hệ thống mạng lưới giao thông khá thuận lợi, các quốc lộ 14 đi Buôn Ma Thuột – Đăk Lăk, đi Tp Hồ Chí Minh, đi Pleiku - Gia Lai (180km) ; quốc lộ 28 đi Di Linh (Lâm Đồng).

*Tiềm năng phát triển kinh tế và du lịch :* Đăk Nông có diện tích đất canh tác màu mỡ, chủ yếu là đất bazan, thuận lợi cho trồng cây công nghiệp, đặc biệt là cà phê, cao su, tiêu... Có nền văn hoá cổ truyền khá đa dạng của nhiều dân tộc đậm nét truyền thống và bản sắc riêng. Đăk Nông rất phù hợp với những du khách thích phong cảnh thác hùng vĩ, đêm lửa trại, với tiếng cồng chiêng và vị nồng của rượu cần. Dòng Sêrepok tạo nên nhiều thác ghềnh tuyệt đẹp, lúc hiền hòa, lúc dữ dội, tuyệt hơn cả là thác Gia Long tựa nàng sơn nữ ngủ quên với dáng vẻ hoang sơ và lãng mạn và thác Dray Nur tựa bức tường thành khổng lồ. Ngoài ra còn có thác Diệu Thanh, thác Ba Tầng và thác Dray Sáp hay còn gọi là thác Khói vì nơi đây

quanh năm lãng đãng khói nước bay.

### **Các điểm tham quan du lịch tỉnh Đắk Nông**

#### *Thác Dray Nur*

Thác Dray Nur là thác trung nguồn nằm trong hệ thống ba thác: Gia Long - Dray Nur - Dray Sáp của sông Sêrêpôk, tỉnh Đắk Nông. Thác Dray Nur là ngọn thác lớn nhất Tây Nguyên. Cách thác Gia Long chừng 3km, du khách được chiêm ngưỡng thác Dray Nur hùng vĩ không kém. Thác Dray Nur không rộng như thác Dray Sáp nhưng thế thác cao, dòng nước cũng mạnh hơn, nên khi đổ xuống tạo thành những cuộn sóng dâng trào.

#### *Thác Gia Long*

Thác Gia Long là thác thượng nguồn nằm trong hệ thống ba thác: Gia Long - Dray Nur - Dray Sáp của sông Sêrêpôk, tỉnh Đắk Nông. Đem ở thác Gia Long, du khách sẽ nghe thấy tiếng chim gọi bạn da diết, tiếng hoẵng rừng hú lên trong đêm. Xưa kia vua Gia Long lên xứ này đã tìm đến thác để tham quan, nghỉ ngơi. Ông đã cho xẻ núi, phá rừng làm một con đường rất đẹp dẫn vào thác, ông còn có ý định bắc một cây cầu treo qua thác, nhưng không hiểu vì sao mà cây cầu mới xây hai hồ đành bỏ dở, chứng tích vẫn còn đến ngày hôm nay.

### **4.2.5. Các tuyến du lịch nội tỉnh Lâm Đồng**

Tỉnh Lâm Đồng có diện tích là 9.772,2 km<sup>2</sup>, dân số là 1.204,9 nghìn người (2010). Trung tâm hành chính của tỉnh là *Thành phố Đà Lạt*, 1 thành phố Bảo Lộc, và các Lạc Dương, Đơn Dương, Đức Trọng, Lâm Hà, Bảo Lâm, Di Linh, Đạ Huoai, Đạ Tẻh, Cát Tiên, Đam Rông. Cả tỉnh có trên 20 tộc người, đông nhất là người Việt, sau đó là M'Nông, Mạ, Cơ Ho..Người dân ở quanh vùng Đà Lạt và Di Linh trồng rau và hoa cung cấp cho các tỉnh Nam Bộ.

*Điều kiện tự nhiên:* Tỉnh Lâm Đồng nằm trên cao nguyên thứ ba và cao nhất của vùng đất Tây Nguyên, cao nguyên Lâm Viên - Di Linh (cao 1.500m so với mặt biển), 70% diện tích là núi rừng, phía bắc giáp tỉnh Đắk Lắk, Đắk Nông, phía đông nam giáp các tỉnh Khánh Hoà, Ninh Thuận và Bình Thuận, phía tây giáp các tỉnh Bình Phước và Đồng Nai. Phía bắc tỉnh là núi đi từ đông sang tây, có đỉnh Yang Bông cao 1.749m. Sát ngay Đà Lạt, có các đỉnh Đan Sê Na cao 1.950m, Lang Bian cao 2.163m, Hòn Nga cao 1.948m. Giữa hai dãy núi này là nơi bắt nguồn của các dòng sông Đa Dung chảy vào Đồng Nai, sông Cái chảy ra Nha Trang. Phía nam của hai dãy núi là cao nguyên Lang Biang, trong đó có Tp. Đà Lạt ở độ cao 1.475m. Phía đông nam tỉnh có cao nguyên nhỏ Di Linh cao 1.010m, khá bằng phẳng và đông dân cư, là nơi đầu nguồn của sông La Ngà chảy vào Đồng Nai. Đà Lạt được mệnh danh là "thành phố của mùa Xuân". Ở đây rất mát mẻ, nhiệt độ trung bình cao nhất trong ngày 24°C và nhiệt độ trung bình thấp nhất trong ngày 15°C. Lượng mưa trung bình năm 1.755mm. Mùa khô từ tháng 12 đến tháng 3 năm sau. Mùa mưa từ tháng 4 đến tháng 11. Có nắng trong tất cả các mùa. Nhờ khí hậu đó, cả thành phố Đà Lạt như một vườn hoa trăm hương, ngàn sắc suốt quanh.

Lâm Đồng có đường bộ chính là quốc lộ 20 chạy xuyên qua tỉnh từ Đà Lạt, Bảo Lộc, Di Linh, Ma Đa Gui tới Đồng Nai. Ngoài ra tỉnh còn nằm trên trục đường quốc lộ 27: Thành phố Phan Rang Tháp Chàm (Ninh Thuận) – Lâm Đồng – Đắk Lắk (Buôn Ma Thuột), trục đường 28: Bình Thuận – Lâm Đồng (Di Linh) – Đắk Nông. Đà Lạt cách Biên Hòa (Đồng Nai) 278km, Hà Nội 1.481km, Tp. Hồ Chí Minh 293km, Nha Trang (Khánh Hòa) 205km. Về hàng không, Lâm Đồng có chuyến bay Đà Lạt – Tp. Hồ Chí Minh và ngược lại.

*Tiềm năng phát triển kinh tế và du lịch:* Từ Tp. Hồ Chí Minh, đi ô tô theo quốc lộ 20 chừng 300km là đến Đà Lạt. Con đường sẽ đưa du khách lên cao dần, cao dần và khi chạm vào Đà Lạt ở thác Prenn thì trước mặt du khách đã là ngút ngàn rừng thông hai lá, ba lá. Đi sâu vào thành phố Đà Lạt, du khách sẽ khám phá một "bảo tàng" của các thác nước, những hồ đẹp, thung lũng hoa và đồi cỏ.

#### *Chùa Linh Sơn*

Chùa Linh Sơn nằm trên đường Nguyễn Văn Trỗi, cách trung tâm thành phố Đà Lạt khoảng 700m về hướng tây bắc. Chùa có lối kiến trúc Á Đông giản dị với hai mái xuôi. Trên đỉnh mái có đắp đôi rồng uốn lượn theo thế "lưỡng long triều nhật". Hai bên bậc cấp dẫn vào chánh điện cũng có cặp rồng há miệng được khắc chạm công phu tượng trưng long thần hộ trì Phật pháp. Chùa Linh Sơn tọa lạc trên một ngọn đồi rộng 4ha, trồng trà, cà phê, bạch đàn, thông, tùng, trắc bách diệp, mai anh đào...Chùa được xây dựng từ năm 1936 và hoàn thành vào năm 1940. Cảnh chùa trang nghiêm, cổ kính. Con đường vào chùa rợp bóng những hàng thông và cây sao cao vút. Ngay trước sân chùa là tượng Quan Thế Âm đứng trên Đài Sen, bên trái chùa có ngôi bảo tháp cao ba tầng hình bát giác, còn bên phải sân chùa có những hòn giả sơn và bonsai tạo dáng thật đẹp. Nơi đây còn có một hồ nước nổi bật giữa đám cỏ xanh với những bông súng khoe sắc màu, những chú cá vàng nhón như bơi lội trông thật vui mắt. Bên trong chùa, điện Phật được bài trí trang nghiêm. Chánh điện thờ Đức Thích Ca Mâu Ni đang tham thiền nhập định trên tòa sen. Tượng được đúc vào năm 1952, bằng đồng, nặng 1.250kg. Ngoài ra chùa còn có phòng phát hành kinh sách và hàng lưu niệm. Trụ trì chùa từ năm 1964 đến nay là Hòa thượng Thích Từ Mẫn. Ban Trị sự Phật giáo tỉnh Lâm Đồng hiện đặt văn phòng tại đây.

#### *Hồ Xuân Hương*

Hồ được mang tên Xuân Hương từ năm 1953 như muốn làm sống mãi hình ảnh lãng mạn của nữ sĩ thơ Nôm Hồ Xuân Hương nổi tiếng Việt Nam thế kỷ thứ 19, nằm tại trung tâm thành phố Đà Lạt. Đây là hồ lớn ở Đà Lạt, rộng chừng 5km<sup>2</sup>. Hồ Xuân Hương có hình mảnh trăng lưỡi liềm, là nơi thơ mộng, cuốn hút khách nhàn du và cũng là nơi hò hẹn của những đôi bạn tâm tình. Mặt hồ phẳng lặng như tấm kính pha lê, soi bóng những hàng thông reo hát suốt ngày đêm. Những con đường quanh hồ rợp bóng cây tùng, tạo thêm vẻ thơ mộng cho hồ. Du khách có thể ngồi dưới gốc tùng buông lưới câu, hoặc đi chơi trên mặt hồ bằng những chiếc xe đạp nước mang dáng con thiên nga, hoặc dùng chân ở nhà thủy tạ với cách kiến trúc đặc biệt để thưởng thức những ly nước ngọt đậm đà hương vị Đà Lạt.

#### *Hồ Đa Nhim - Đèo Ngoạn Mục*

Hồ Đa Nhim - Đèo Ngoạn Mục nằm trên con đường từ Phan Rang lên Đà Lạt, thuộc huyện Đơn Dương, cách thành phố Đà Lạt 40km về hướng đông. Đèo này đượ ví như là một bức tranh thiên nhiên tuyệt đẹp với con đường vừa uốn lượn vừa gấp khúc. Từ trên đèo Ngoạn Mục nhìn xuống thấy bờ vực dốc đứng, sâu thẳm, lấp ló qua những chặng thông là con đường ngoằn ngoèo rắn lượn. Hai dải núi cao ôm bọc lấy thung lũng Phan Rang chạy ra tận biển. Những ngày đẹp trời có thể thấy đường bờ cát trắng và nhấp nhô những con sóng lăn tăn. Chính vì vậy, người ta gọi con đường này là đèo Ngoạn Mục. Có lẽ đến đây du khách sẽ thấy mình bé nhỏ trước cảnh thiên nhiên hùng vĩ và sẽ nhận thức được khả năng của con người trong việc chinh phục thiên nhiên. Nơi đây còn có nhà máy thủy điện Đa Nhim với 2 đường ống dẫn nước trông xa như 2 vệt sơn trắng giữa nền xanh biếc của núi rừng mà người đi Đà Lạt, từ Phan Rang lên đèo Ngoạn Mục bao giờ cũng cố để chiêm ngưỡng.

Buổi chiều phía Phan Rang rừng rục lửa tím như nho trên giàn chưa cất, chiều se lạnh mà trời xanh ngắt ngắt. Hồ Đa Nhim khi gió dừng thổi, lặng đến im lìm, không một giọt sóng, nước thì xanh thăm thẳm. Con đập thẳng tắp ngăn đôi bình nguyên Đơn Dương nối hai sườn núi dài 1.460m, cao sừng sững 38m, đáy rộng 180m, đỉnh còn 6m, tích nước từ hai sông Đa Nhim và Kronglet hòa vào. Hồ Đa Nhim có diện tích 9,7km<sup>2</sup>, ở độ cao xấp xỉ 1.042m. Nước từ hồ theo hai đường hầm bê tông xuyên núi dài 5km tới chóp núi thì ulla vào hai ống thép có đường kính 2m (càng xuống càng nhỏ dần còn 1m), vận hành bốn tuốcbin sản sinh thêm 7.880kW điện, đủ dùng cho cả tỉnh Ninh Thuận. Thời tiết ở Đa Nhim đan xen giữa ôn đới và nhiệt đới, nắng mưa luân chuyển như tính khí của cô gái mới yêu. Ở chân đèo Ngoạn Mục, mưa tuôn sương giăng mờ mịt, lúc đó hai rông bạc nhòa mờ... Nhưng đừng thất vọng, hãy kiên nhẫn đứng dưới tán xoan chờ một chút. Mưa tạnh, trời hứng mây tan, đôi rông bạc lại uốn khúc lộ từng đoạn lấp lóa trong màu xanh của núi rừng.

### *Hồ Tuyên Lâm*

Hồ Tuyên Lâm rộng hơn 360ha, nằm cách trung tâm thành phố Đà Lạt 5km về hướng nam, là địa điểm thích hợp cho các hoạt động thể thao, leo núi, chèo thuyền, câu cá. Từ một thung lũng hoang vu ở độ cao hơn 1.000m so với mặt biển, hồ Tuyên Lâm đã được cải tạo thành điểm nghỉ mát lý tưởng của vùng cao. Hồ nằm cách Đà Lạt 5km, gọn gàng giữa rừng thông mênh mông và dòng suối tía huyền thoại. Mùa khô ở vùng này kéo dài 6 tháng, không một hạt mưa, nhưng lòng hồ vẫn đầy ắp nước. Mặt hồ quanh năm xanh biếc, hiếm khi có sóng lớn. Rừng thông ba lá phủ kín những ngọn núi, quả đồi quanh đó, trải ngút ngàn tầm mắt. Tất cả cùng hòa quyện, vẽ nên bức tranh thiên nhiên yên tĩnh, thanh bình và thơ mộng lạ kỳ. Ai đến thăm Đà Lạt cũng ghé Thiền viện Trúc Lâm để từ trên đỉnh núi Phương Hoàng phóng tầm mắt về phía đông nam, chiêm ngưỡng thắng cảnh nổi tiếng được tạo bởi bàn tay con người này. Có người dành cả ngày để du ngoạn trên hồ, tận hưởng không khí trong lành, mát mẻ và sự tĩnh lặng quý báu. Trên bờ, khách có thể tìm hiểu những nét văn hóa của các dân tộc thiểu số nam Tây Nguyên với thịt nướng, cơm lam, rượu cần, đốt lửa trại; tham gia lễ hội công chiêng; ngắm nhìn những tác phẩm điêu khắc gỗ; thư giãn trên những ngôi nhà sàn, nhà dài lộng gió; bắn cung và thám hiểm rừng sâu. Cùng với trò chơi hóa trang thành các chàng trai, cô gái miền sơn cước, du khách thường rất hứng thú với các hoạt động thể thao nhẹ nhàng như bóng đá một gôn, bóng chuyền trên cát, nhà dù, câu cá, cưỡi voi, cưỡi ngựa. Hiện có 5 con voi đã thuần dưỡng đang sống tại khu du lịch Tuyên Lâm và khu dã ngoại Đá Tiên. Nhiều loại thú hoang mất dấu nhiều năm nay đã quay về như khi, sư tử mặt đỏ cùng nhiều động vật khác sống thành đàn. Năm 2001, có gần 100 nghìn khách tham gia các tour du lịch trên hồ, khoảng 15% là du khách quốc tế, chủ yếu là khách châu Âu. Họ thường chọn những chương trình thám hiểm rừng sâu để quan sát chim thú và ghi âm những âm thanh của núi rừng. Vào xuân, hồ Tuyên Lâm lấp lánh màu ngọc bích, tô đậm thêm nét thơ mộng, lãng mạn của Đà Lạt vốn đã xinh tươi.

### *Thác Prenn*

Cái tên Prenn gợi nhớ đến một thời kỳ xa xăm vào khoảng thế kỷ 15 - 17, khi vùng núi đồi nơi đây còn là ranh giới chiến trường của các cuộc chiến tranh xâm lăng và bảo vệ lãnh thổ. Thác nằm ngay dưới chân đèo Prenn - nơi cửa ngõ ra vào Đà Lạt, sát quốc lộ 20, cách trung tâm thành phố Đà Lạt 10km. Prenn gốc tiếng Chăm có nghĩa là "vùng xâm lăng", còn các dân tộc bản địa như Lat, Chil, Sré lại gọi kẻ xâm lăng là "người Prenn".

Từ thành phố Hồ Chí Minh theo đường 20 lên Đà Lạt phải qua đèo Prenn dài 10km. Đến chân đèo, đi khoảng 100m du khách sẽ được tận hưởng sự êm dịu và duyên dáng của

một bức màn nước đổ nhẹ từ độ cao 10m xuống một thung lũng nhỏ, xung quanh đầy hoa lá và đôi thông. Con đường xuống thác thật đẹp với những bậc đá ôm theo sườn đồi được bố trí một cách hợp lý. Một chiếc cầu cong nhỏ được bắc ngang qua hồ nước. Du khách hãy lên cầu đi sát tới bức màn nước để cảm nhận sự dịu dàng của thác Prenn. Du khách có thể men theo các con đường dẫn đến vườn thú, vườn lan hay thư thả dạo gót hoa viên ngắm nhìn những bông hoa khoe sắc, những căn chòi xinh xinh trên ngọn cây hoặc đứng đưa cùng cầu treo bắc ngang dòng suối nhỏ. Ở một góc độ khác, vườn đá Thái Dương với dự sắp xếp đầy ngẫu hứng tạo được một bất ngờ thú vị. Đặc biệt với hệ thống cáp treo, du khách có thể ngang qua dòng thác trong cảm giác phiêu bồng, tưởng như đang đi vào cõi thần tiên.

### *Ga Đà Lạt*

Ga Đà Lạt - tuyến đường sắt nối Đà Lạt với Tháp Chàm (Tourcham) - khánh thành năm 1938 đã được đánh giá là nhà ga đẹp nhất Đông Dương lúc bấy giờ. Đoạn đường sắt dài 84km với 16km đường răng cưa (Crémalière) được người Thụy Điển với nhiều kinh nghiệm về đồi núi thiết kế, đã cho phép du khách cùng con tàu leo qua những tầng dốc cao hay chui vào những đoạn đường hầm tối tăm, trong một cảm giác phiêu lưu thú vị khi thấy núi rừng hùng vĩ chậm chậm lướt qua tầm mắt... Nhưng do tình trạng chiến tranh những năm kháng chiến chống Mỹ, một vài đoạn trong tuyến đường không đảm bảo an ninh nên cả một tuyến đường sắt độc đáo đành phải bỏ hoang phế theo thời gian. Năm 1991, trong nỗ lực góp phần đa dạng hoá sản phẩm du lịch Đà Lạt, tuyến đường sắt nối Trại Mát với Đà Lạt dài 7km đã được khôi phục với chi phí cải tạo lên đến 11 tỉ đồng. Đến Trại Mát, du khách có thể vãng cảnh chùa Linh Phước gần đó và ngắm nhìn thành phố Đà Lạt từ trên cao khi cùng đoàn tàu uốn mình vòng vèo qua sườn núi, chiêm ngưỡng những cảnh sắc thiên nhiên biến hóa kì ảo trong tầm mắt, đặc biệt còn tận hưởng nguồn không khí trong lành của vùng cao nguyên.

### *Dinh I*

Dinh I nằm trên một ngọn đồi, cách trung tâm thành phố Đà Lạt chừng 4km về hướng đông nam. Là nơi vua Bảo Đại dùng làm Tổng hành dinh và làm việc cho các quan chức trong “lãnh thổ” của mình. Theo đường Trần Hưng Đạo đến ngã 3 Trại Hàm rồi rẽ phải đi tiếp đường Trần Quang Diệu, du khách sẽ đến được Dinh I. Nằm trên một ngọn đồi thơ mộng có độ cao 1.550m với những rừng thông bao quanh, dinh I là một công trình kiến trúc độc đáo mang dáng vẻ cổ kính, uy nghi và tao nhã khiến ai đã một lần đến đây đều phải trầm trồ cảm thán. Nguyên đây là nhà của một viên chức người Pháp tên Robert Clément Bourgery. Do thấy nơi đây khá đẹp lại yên tĩnh nên chính phủ Việt Nam do Bảo Đại làm Quốc trưởng đã mua lại từ tháng 8/1949 và sửa sang toàn bộ dinh cơ này. Khi xây dựng Dinh người ta phát hiện ra một đường hầm bí mật nhưng vua Bảo Đại đã chỉ thị dấu kín. Đường hầm này nằm ngay sau lưng Dinh I thông ra tận Dinh II, dài gần 4km với các nhánh rẽ vào các biệt thự 11, 16, 18, 26... cũng như các biệt thự xung quanh.

### *Dinh II*

Dinh II hay còn gọi là dinh Toàn quyền, là nơi ở và làm việc của Toàn quyền Decoux vào mùa hè hàng năm, từ tháng 5 đến tháng 10, tọa lạc trên một đồi thông cao 1.540m ở đường Trần Hưng Đạo, cách trung tâm thành phố Đà Lạt 2km về hướng đông nam. Dinh II được xây dựng từ năm 1933 là một tòa lâu đài tráng lệ gồm 25 phòng được bài trí cực kỳ sang trọng. Đứng ở nơi đây, du khách có thể nhìn thấy hồ Xuân Hương cách xa chừng 1km thấp thoáng qua những tán lá thông. Từ ngày chuyển Phủ Toàn quyền về đây làm việc,

Decoux đã cho xây dựng những đường hầm bí mật rất kiên cố nhằm bảo đảm an toàn tuyệt đối cho ông và gia đình. Đường hầm này được nối vào hầm chứa rượu với bề ngang chừng 1,5m và bề cao hơn 1m cùng nhiều góc ngách được đổ bê tông chắc chắn. Dưới thời Ngô Đình Diệm, Dinh II trở thành nơi nghỉ mát của gia đình Ngô Đình Nhu. Năm 1964, khi tướng Nguyễn Khánh lên nắm quyền trong bối cảnh chính trị đầy bất trắc, ông đã chọn Dinh II làm Tổng hành dinh trong mùa nghỉ mát và cho tu bổ, xây dựng thêm các đường hầm bí mật lên tận sườn đồi theo hướng đông nam và tây bắc phòng khi có đảo chính.

### *Dinh III*

Dinh III là tên gọi để chỉ biệt thự nghỉ hè của vua Bảo Đại, vị hoàng đế cuối cùng của triều Nguyễn đồng thời cũng là vị hoàng đế cuối cùng của các triều đại phong kiến Việt Nam, tọa lạc trên một đồi thông ở đường Triệu Việt Vương, cách trung tâm thành phố Đà Lạt chừng 2km về hướng tây nam. Được xây dựng từ năm 1933 gồm 25 phòng, Dinh III là một tòa dinh thự vô cùng trang nhã, gắn mình trong khung cảnh thơ mộng của một đồi thông ở độ cao 1.539m. Sau này khi người Pháp đưa Bảo Đại trở lại nắm quyền từ năm 1948 rồi thành lập “Hoàng triều Cương Thổ” vào năm 1950, nơi đây còn được gọi là Biệt điện Quốc trưởng. Do một may mắn của lịch sử, Biệt điện Quốc trưởng còn được bảo tồn gần như nguyên trạng khiến cho du khách đến đây có thể cảm nhận một bầu không khí vừa trang nghiêm lại vừa gần gũi, ấm cúng của một gia đình hoàng tộc bao gồm: căn phòng làm việc của vua Bảo Đại với những ấn tín quân sự, ngọc tỷ của Hoàng đế, quốc thư, quốc kỳ các nước có quan hệ ngoại giao, tượng bán thân của vua Bảo Đại và vua cha Khải Định, phòng của hoàng hậu Nam Phương, hoàng tử Bửu Long, công chúa Phương Mai, hình ảnh gia đình và những vật dụng thường ngày...

### *Núi Lang Bian*

Núi Lang Bian nằm trên địa bàn huyện Lạc Dương, cách trung tâm thành phố Đà Lạt 12km về phía bắc. Đây là địa điểm thích hợp cho các nhà dân tộc học, cho các du khách yêu văn hoá truyền thống đến nghiên cứu văn hoá của các dân tộc Nam Tây Nguyên. Núi Lang Bian còn được gọi là Núi Mẹ, gồm 2 ngọn, có độ cao 2.167m. Chuyện xưa kể rằng có một đôi trai tài gái sắc yêu nhau tha thiết - chàng K'lang và nàng Hơ Bian. Do lời nguyện thề hãn của hai bộ tộc mà hai người đã phải chia lìa. Nàng sau khi chết đã hóa thân thành dãy núi mà người dân tộc Hơ Ho-lạch gọi là Núi Mẹ và sữa từ bộ ngực của nàng đã tuôn tràn thành những dòng suối, dòng thác tươi mát cho đời. Từ đó hai ngọn núi được đặt tên là Lang Bian. Tỉnh Lâm Đồng có địa hình không bằng phẳng với 3 cao nguyên: Lang Bian-Đà Lạt, Đran-Liên Khương, Blao-Di Linh và một bình nguyên Đạ Huai-Cát Tiên. Cao nguyên Lang Bian vào đầu thế kỷ 19 vẫn còn là một vùng đất thưa dân, hiểm trở. Người bản địa tập trung trong một số làng, đông nhất là Dankia.

Qua một thế kỷ, diện mạo của cao nguyên Lang Bian thay đổi nhiều, trừ một vài nơi như vùng đồi Cù chống hạn. Từ trung tâm thành phố Đà Lạt, sau 15 phút đi bằng xe máy hoặc xe ô tô, du khách đã có thể đến chân núi Lang Bian huyền thoại nơi có những bản của đồng bào dân tộc Tây Nguyên như: dân tộc Lát, Chil (Cơ Ho)...Ngày nay người Lạch đến định cư ở đây nên buôn làng gắn bó với ngọn núi này. Từ tháng 11/1999, khu vực này đã được giao cho Công ty du lịch tỉnh Lâm Đồng, với tên gọi là khu du lịch Lang Bian. Địa hình của Lang Bian rất thích hợp cho kiểu du lịch dã ngoại để tìm một chút hơi lạnh của miền sơn cước. Tại chân núi có nhiều khu đón khách. Ngoài những cơ sở nghỉ ngơi cao cấp, còn có khu cắm trại và nhiều dịch vụ cần thiết cho du khách. Họ dừng lại đây để nghỉ dưỡng tham quan thắng cảnh. Một số cắm trại qua đêm, quây quần bên ánh lửa với chén rượu cần,



nghe những khúc hát cùng những âm thanh của nhạc cụ cổ truyền người Lạch. Họ ăn uống, ca hát, nhảy múa suốt đêm. Ban ngày xem các cô gái Lạch ngồi dệt thổ cẩm, du khách có thể mua những đặc sản của họ như chiếc gùi, những vóc thổ cẩm nhiều màu sắc. Một số đoàn gồm những thanh niên trẻ, khỏe, thích những trò chơi mới lạ, leo núi, chinh phục đỉnh Lang Bian, dù lượn... Đối với họ, chuyến đi còn là một thử thách của những người tham gia để vượt qua chính mình. Có ba cách lên tới đỉnh-nơi đặt logo Du lịch Đà Lạt: đi xe Uoát, đi bộ hoặc leo bằng dây. Ngoài ra còn có một đường xuyên rừng khoảng 2km cũng lên tới đỉnh. Vài năm gần đây, trên đỉnh Lang Bian có loại hình dù lượn, xuống núi bằng dây. Cảm giác thú vị nhất của du khách là được ngự trị trên đỉnh đồi Rađa cao hơn 2.000m, thả hồn theo những đám mây đang bồng bềnh trôi. Đứng ở đây có thể ngắm trọn vẹn thành phố Đà Lạt mộng mơ, hiện ra như một bức tranh thủy mặc, phía tây là hồ Dankia-Suối Vàng trông như một tấm lụa đào không lồ nổi bật giữa màu xanh bạt ngàn của núi đồi.

### **4.3. Các tuyến du lịch xuyên vùng Tây Nguyên**

#### **4.3.1. Tuyến du lịch Kon Tum - Pleiku - Buôn Ma Thuật - Gia Nghĩa**

*Đây là tuyến du lịch theo quốc lộ 14 xuyên suốt trục dọc của Vùng góp phần tích cực vào sự phát triển du lịch nói riêng, vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội vùng nói chung và là tuyến du lịch quan trọng nhất của Vùng. Đây chính là tuyến du lịch quốc gia mang thương hiệu “Con đường Xanh Tây Nguyên”, hoặc “Không gian Văn hóa Công chiêng Tây Nguyên”.*

- Lộ trình: Theo quốc lộ 14
- Các điểm tham quan chính: Các điểm du lịch thuộc các thành phố Kon Tum, Pleiku, Buôn Ma Thuật và thị xã Gia Nghĩa.
- Lộ trình: Theo quốc lộ 27 và 14 (kết nối với tuyến theo quốc lộ 14 đi Pleiku - Kon Tum).
- Các điểm tham quan chính: Các điểm du lịch thuộc thành phố Đà Lạt, thành phố Buôn Ma Thuật v.v..
- Lộ trình theo quốc lộ 14 và quốc lộ 27.
- Các điểm du lịch chính: Hệ thống điểm du lịch ở Gia Nghĩa, Di Linh
- Lộ trình: Theo quốc lộ 40, 14 và 24.
- Các điểm du lịch chính: Cửa khẩu quốc tế Bờ Y, các di tích lịch sử - văn hóa, thắng cảnh ở Kon Tum như Đăk Tô - Tân Cảnh, ngục Kon Tum, nhà thờ Gỗ, Làng Văn hóa Kon Klor, Măng Đen...

Đối với vùng Tây Nguyên, do các dòng sông đều ngắn và dốc, lưu lượng dòng chảy không đồng đều trong năm..., vì vậy có thể khai thác phát triển các tuyến du lịch theo đường sông với tính chất thể thao mạo hiểm, khám phá kết hợp sinh thái, bao gồm:

- Tuyến theo sông Đăk Krong (Kon Tum).
  - Tuyến theo sông Serepok (Đăk Lăk, Đăk Nông).
  - Tuyến theo sông Ba (Gia Lai).
  - Tuyến theo thượng nguồn sông Đồng Nai (Lâm Đồng).
- Với các tiềm năng du lịch đa dạng và phong phú của Vùng, cho phép tổ chức khai thác các tuyến du lịch chuyên đề như sau:
- Tuyến du lịch “Con đường Xanh Tây Nguyên”.
  - Tuyến du lịch khám phá “Không gian Văn hóa Công chiêng Tây Nguyên”.

- Tuyển du lịch tham quan hệ thống thác tự nhiên.
- Tuyển du lịch sinh thái thể thao khám phá, mạo hiểm...

### 4.3.2. Các tuyến liên vùng và quốc tế

Việc khai thác các tuyến du lịch liên vùng và quốc tế của vùng Đông Nam bộ qua cửa khẩu Mộc Bài (Tây Ninh) và cửa khẩu Hoa Lư (Bình Phước) sang Campuchia rất quan trọng, một mặt đáp ứng nhu cầu đi lại, tham quan của nhân dân trong Vùng đến các vùng khác trong cả nước và quốc tế. Căn cứ vào vị trí địa lý, mối liên hệ liên vùng, căn cứ vào điều kiện của hệ thống cơ sở hạ tầng (đặc biệt là hệ thống giao thông) và các yếu tố kinh tế - xã hội khác liên quan

#### TÓM TẮT CHƯƠNG 4

*Trong chương này, sinh viên nắm được các nội dung sau:*

*Khái quát chung về tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch nhân văn thuộc vùng du lịch Tây Nguyên.*

*Khái quát chung về cơ sở vật chất – kỹ thuật phục vụ hoạt động du lịch thuộc vùng Tây Nguyên.*

*Sinh viên sẽ hiểu và nắm rõ hơn về các loại hình du lịch ở các tỉnh Tây Nguyên.*

*Giới thiệu tóm tắt đôi nét về điều kiện tự nhiên, điều kiện kinh tế, dân số, văn hóa và các dân tộc cư trú tại mỗi tỉnh, thành phố thuộc vùng du lịch Tây Nguyên.*

*Đồng thời, mỗi tỉnh, thành phố sẽ giới thiệu khái quát về các điểm đến tham quan bao gồm những danh lam thắng cảnh, nghệ thuật, lễ hội, phong tục tập quán của các dân tộc cùng cư ngụ tại đây.*

*Khái quát một số tài nguyên du lịch tự nhiên có thể khai thác các tuyến du lịch trên sông, biển của các tỉnh.*

*Giới thiệu một số tuyến điểm xuyên vùng du lịch của các tỉnh, thành phố, cũng như các tuyến, điểm du lịch bằng hàng không.*

*Hiểu được về các tuyến, điểm du lịch từ thành phố Đà Lạt là điểm có số lượng khách du lịch quốc tế đến bằng đường biển ngày một nhiều hơn.*

#### CÂU HỎI ÔN TẬP

Câu 1: Vùng du lịch Tây Nguyên có bao nhiêu tỉnh?

Câu 2: Theo anh/chị các tỉnh, thành phố vùng du lịch Tây Nguyên bộ có những loại tài nguyên du lịch gì? Mỗi loại tài nguyên du lịch cho ví dụ minh họa?

Câu 3: Đặc điểm chung của vùng du lịch Tây Nguyên là loại hình du lịch gì? Giải thích tại sao?

Câu 4: Tuyển du lịch Tây Nguyên có những cửa khẩu quốc tế nào?

Câu 5: Hãy kể tên các cửa khẩu quốc tế? Các cửa khẩu đó thuộc địa phận tỉnh nào?

Câu 6: Tìm các tuyến du lịch mang yếu tố văn hóa dân tộc phục vụ khách trong nước và nước ngoài?

Câu 7: Anh/Chị hãy nêu cho biết các tỉnh, thành phố trong vùng có bao nhiêu sân bay nội địa? Bao nhiêu sân bay quốc tế? Hãy kể tên các sân bay đó?

Câu 8: Anh/Chị hãy nêu cụ thể một tour du lịch biển trong vùng du lịch Tây nguyên.

Câu 9: Anh/Chị thuộc các tỉnh nào? Giới thiệu khái quát một điểm trên?

Câu 10: Anh/Chị hãy cho biết tuyến du lịch đến các tỉnh cộng đồng thuộc những tỉnh nào?

Câu 11: Anh/Chị hãy giới thiệu tuyến du lịch từ TP.HCM đến Đà Lạt 3 ngày 2 đêm?

Câu 12: Anh/Chị hãy giới thiệu tuyến du lịch từ TP.HCM đến Đắc Lắc – Đắc Nông – Gia Lai – Kon Tum 5 ngày 4đêm?

## CHƯƠNG 5: TUYẾN ĐIỂM DU LỊCH VÙNG DU LỊCH NAM TRUNG BỘ

Sau khi học xong chương này, sinh viên có các kiến thức sau:

- *Hiểu được các loại tài nguyên du lịch tự nhiên được khai thác vào du lịch đường sông, biển, đường bộ và hàng không thuộc các tỉnh du lịch.*
- *Hiểu được tài nguyên du lịch nhân văn được khai thác vào du lịch đến với các lễ hội, nghệ thuật, các di tích lịch sử văn hóa của các địa phương các tỉnh.*
- *Hiểu được các tuyến du lịch nội tỉnh và du lịch vùng thuộc du lịch nổi văn bản luật.*
- *Nắm được các loại du lịch tiêu biểu được khai thác trong hoạt động du lịch thuộc vùng.*
- *Hiểu về tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch nhân văn thuộc vùng du lịch Nam Trung bộ.*
- *Khái quát chung về cơ sở vật chất – kỹ thuật phục vụ hoạt động du lịch thuộc vùng Nam Trung bộ.*

*Hiểu và nắm rõ hơn về các loại hình du lịch ở các tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận, Khánh Hòa, Phú Yên, Quảng Ngãi, Phú Hòa, Đà Nẵng.*

*Giới thiệu tóm tắt đôi nét về điều kiện tự nhiên, điều kiện kinh tế, dân số, văn hóa và các dân tộc cư trú tại mỗi tỉnh, thành phố thuộc vùng du lịch Nam Trung bộ..*

### 5.1. Khái quát chung về vùng du lịch duyên hải Nam Trung bộ

#### 5.1.1. Tài nguyên du lịch tự nhiên

Vùng duyên hải Nam Trung Bộ gồm TP. Đà Nẵng và 7 tỉnh: Quảng Ngãi, Quảng Nam, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận gắn với vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, hành lang du lịch Đông – Tây. Diện tích tự nhiên: 44.360,7 km<sup>2</sup>, dân số: 8.842,6 nghìn người, mật độ trung bình: 199 người/km<sup>2</sup>.

#### 5.1.2. Tài nguyên du lịch nhân văn

Du lịch nhân văn của vùng phong phú, có mức độ tập trung cao có giá trị về lịch sử, văn hóa so với các vùng du lịch khác. Tất cả các tỉnh đều có các di tích văn hóa lịch sử, tuy sự phân bố không đồng đều, nhưng đâu là nguồn tài nguyên du lịch nhân văn quan trọng để phát triển du lịch các tỉnh Nam Trung bộ. Đặc biệt, các tỉnh này đều có dấu ấn văn hóa Chăm Pa, có nhiều đền tháp còn nguyên vẹn, tạo nên nét văn hóa đặc trưng của vùng.

Vùng duyên hải Nam Trung Bộ có vị trí địa lý kinh tế rất thuận lợi, nằm trên trục các đường giao thông đường bộ, đường sắt, đường hàng không và biển, gần thành phố Hồ Chí Minh và khu tam giác kinh tế trọng điểm miền Đông Nam bộ; cửa ngõ của Tây Nguyên và của đường xuyên Á ra biển nối với đường hàng hải quốc tế. Các tài nguyên thiên nhiên gắn với biển đảo duyên hải, các di sản văn hóa gắn với văn hóa Sa Huỳnh và văn hóa Chăm Pa, Di tích gắn với khởi nghĩa Tây Sơn, di tích lịch sử Cách mạng, Bản sắc văn hóa các dân tộc ít người phía Đông Trường Sơn.

Các điểm tài nguyên nổi bật: Bà Nà, Sơn Trà (Đà Nẵng), Hội An, Mỹ Sơn, Cù Lao Chàm (Quảng Nam), Mỹ Khê, Trường Lũy, Lý Sơn (Quảng Ngãi), Phương Mai, Quy Nhơn (Bình Định), Vịnh Xuân Đài, Đầm Ô Loan (Phú Yên), Nha Trang, Cam Ranh, Trường Sa (Khánh Hòa), Cà Ná, Phan Rang (Ninh Thuận), Mũi Né (Bình Thuận). Tài nguyên du lịch biển, đảo và di tích lịch sử - văn hóa dân tộc là nguồn lực quan trọng, trong đó nổi bật là dải Đà Nẵng – Non Nước – Hội An (Quảng Nam – Đà Nẵng) và Nha Trang – vịnh Cam Ranh (Khánh Hòa) có thể phát triển thành điểm du lịch biển, đảo có tầm cỡ quốc tế.

### **5.1.3. Hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật – cơ cấu hạ tầng phục vụ du lịch vùng du lịch Nam Trung bộ**

*Hệ thống giao thông đường bộ:* hệ thống đường bộ có QL 1A, QL 19, QL 24, QL 25, QL 26, QL27, QL 28...và các tuyến đường tỉnh lộ khác.

*Đường sắt:* tuyến đường sắt Bắc – Nam chạy qua các tỉnh của vùng

*Đường không:* vùng có sân bay Đà Nẵng, Chu Lai, Tuy Hòa, Cam Ranh. Trong đó, sân bay quốc tế Đà Nẵng và Cam Ranh.

*Đường biển:* hệ thống cảng biển quan trọng cảng Đà Nẵng (Đà Nẵng), Chu Lai (Quảng Nam), Dung Quất, Kỳ Hà (Quảng Ngãi), Quy Nhơn (Bình Định), Nha Trang (Khánh Hòa), Phan Thiết (Phan Thiết).

*Hệ thống đô thị:* vùng có 1 thành phố trực thuộc trung ương là Đà Nẵng (đô thị loại 1), và các thành phố tỉnh lỵ: Tam Kỳ (Quảng Nam), Quảng Ngãi (Quảng Ngãi), Quy Nhơn (Bình Định), Tuy Hòa (Phú Yên), Nha Trang (Khánh Hòa), Phan Rang - Tháp Chàm (Ninh Thuận), Phan Thiết (Bình Thuận).

### **5.1.4. Các tuyến điểm du lịch và loại hình du lịch vùng du lịch Nam Trung bộ**

Du lịch biển đảo: du lịch tham quan các di tích (hệ thống di sản) kết hợp du lịch nghiên cứu bản sắc văn hóa (văn hóa Chăm, các dân tộc thiểu số ở Đông Trường Sơn), du lịch MICE

- Các địa bàn trọng điểm du lịch của vùng

+ Đà Nẵng – Quảng Nam gắn với Sơn Trà, Hải Vân, Hội An, Mỹ Sơn...

+ Bình Định – Phú Yên – Khánh Hòa gắn với các bãi biển Phương Mai, Đầm Ô Loan, vịnh Nha Trang, Cam Ranh..

+ Bình Thuận gắn với biển Mũi Né, đảo Phú Quý...

- Hệ thống khu, điểm, đô thị du lịch

có 9 khu du lịch quốc gia

1. Khu du lịch quốc gia Sơn Trà
2. khu du lịch quốc gia Bà Nà
3. khu du lịch quốc gia Cù Lao Chàm
4. khu du lịch quốc gia Mỹ Khê
5. khu du lịch quốc gia Phương Mai

6. Khu du lịch quốc gia vịnh Xuân Đài
7. khu du lịch quốc gia Bắc Cam Ranh
8. khu du lịch quốc gia Ninh Chữ
9. Khu du lịch quốc gia Mũi Né

có 7 điểm du lịch quốc gia

1. Điểm du lịch quốc gia Ngũ Hành Sơn
2. Điểm du lịch quốc gia Hoàng Sa (điểm dừng chân trên tuyến hàng hải quốc tế)
3. Điểm du lịch quốc gia Mỹ Sơn
4. Điểm du lịch quốc gia Lý Sơn
5. Điểm du lịch quốc gia Trường Lũy
6. Điểm du lịch quốc gia Trường Sa
7. Điểm du lịch quốc gia Phú Quý

Có 4 đô thị du lịch: Đà Nẵng, Hội An, Nha Trang, Phan Thiết

## **5.2. Một số tuyến điểm du lịch chủ yếu vùng du lịch vùng duyên hải Nam Trung bộ**

### **5.2.1. Các tuyến Du lịch nội tỉnh Bình Thuận**

Tỉnh Bình Thuận có diện tích là 7.810,4 km<sup>2</sup>, dân số là **1.176,9** nghìn người (2010). Trung tâm hành chính của tỉnh là Thành phố Phan Thiết, 1 thị xã là La Gi, và các huyện là **Tuy Phong, Bắc Bình, Hàm Thuận Bắc, Hàm Thuận Nam, Hàm Tân, Đức Linh, Tánh Linh và huyện đảo Phú Quý**. Bình Thuận có một nền văn hóa đa dạng và lâu đời của nhiều dân tộc. Toàn tỉnh có hơn 30 dân tộc chung sống, trong đó 6 dân tộc đông nhất là: Việt (Kinh), Chăm, Hoa, Ra Glai, Cơ Ho và Tày. Đặc biệt nơi đây còn lưu giữ nền kiến trúc của người Chăm rất phong phú với những tháp cao bằng đất nung, vừa thanh thoát, vừa bền vững với dáng đứng hiên ngang. Những tác phẩm điêu khắc Chăm như tượng các thần, các vị vua, hoàng hậu, vũ nữ,... đã thể hiện trình độ điêu luyện về kỹ thuật chạm, khắc, với những đường nét chắc, khoẻ, lãng mạn, giàu trí tưởng tượng. Trang phục, nhạc cụ, điệu múa, lời ca là những di sản quý của nền văn hóa cổ Sa Huỳnh và văn hóa Chăm cổ còn được đồng bào lưu giữ đến ngày nay. Các công trình kiến trúc cổ có đền, tháp, đình, chùa, lăng, miếu đan xen với các di tích khảo cổ học, di tích lịch sử cách mạng, các lễ hội truyền thống của người Việt, người Chăm... đã đem lại cho mảnh đất Bình Thuận những nét văn hóa riêng và độc đáo.

*Điều kiện tự nhiên:* Bình Thuận là một tỉnh duyên hải cực Nam Trung Bộ, phía đông bắc và bắc giáp tỉnh Ninh Thuận, phía bắc và tây bắc giáp tỉnh Lâm Đồng, phía tây giáp tỉnh Đồng Nai, phía tây nam giáp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, phía đông và đông nam giáp biển Đông. Địa hình của tỉnh có thể chia thành 3 vùng: vùng rừng núi, vùng đồng bằng và vùng ven biển. Bờ biển dài hơn 192km (từ mũi Đá Chẹt giáp Cà Ná - Ninh Thuận đến bãi bồi

Bình Châu - Bà Rịa Vũng Tàu), có nhiều nhánh núi đâm ra biển tạo nên các mũi: La Gan, Mũi Nhỏ, Mũi Rom, Mũi Né, Kê Gà, chia bờ biển thành những đoạn lõm, vòm, tạo ra những vùng cửa biển tốt như: La Gan - Phan Rí, Mũi Né - Phan Thiết, La Gi. Ngoài khơi có đảo Phú Quý rộng 23km<sup>2</sup> là cầu nối giữa đất liền với quần đảo Trường Sa. Các sông chảy qua tỉnh là sông La Ngà (từ cao nguyên Di Linh đổ xuống hồ Biển Lạc), sông Quao, sông Công, sông Dinh... Khí hậu nhiệt đới, ít chịu ảnh hưởng gió mùa đông bắc, khí hậu nóng, khô hạn. Nhiệt độ trung bình năm 26°C - 27°C, lượng mưa trung bình năm 800 - 1.150mm. Thành phố Phan Thiết cách Tp. Hồ Chí Minh 198km, cách Hà Nội 1.518km. Bình Thuận có quốc lộ 1A, đường sắt Bắc - Nam đi qua tỉnh, có quốc lộ 28 nối sang Lâm Đồng.

*Tiềm năng phát triển kinh tế và du lịch:* Là tỉnh có nhiều rừng, công nghiệp chế biến gỗ, chế biến hạt điều và sản xuất hàng thủ công là thế mạnh của tỉnh. Bình Thuận có bờ biển dài, ngoài khơi giàu hải sản như cá thu, nục, ngừ, com, mực. Kinh tế biển phát triển về đánh bắt hải sản, sản xuất nước mắm, hải sản đông lạnh, làm muối. Bên cạnh đó, nơi đây còn có nhiều bãi tắm cát trắng, nước trong xanh sạch sẽ cùng với những dãy núi trùng điệp, nối những bãi biển nên thơ bởi những dải đồng bằng bát ngát. Bình Thuận có nhiều điểm du ngoạn nổi tiếng như: Phan Thiết, Mũi Né, Hàm Tân, Đồi Dương... là những khu du lịch văn hoá - thể thao với các loại hình tắm biển, câu cá, du thuyền săn bắn và chơi golf.

### **Các điểm tham quan du lịch nội tỉnh Bình Thuận**

#### *Di tích trường Dục Thanh*

Di tích trường Dục Thanh là nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ở và dạy học năm 1910 trước lúc Người vào Sài Gòn để ra đi tìm đường cứu nước thuộc làng Thành Đức, nay là số 39 đường Trưng Nhị, thành phố Phan Thiết. Khi Nguyễn Thông qua đời nhiều chí sĩ nổi tiếng vẫn thường lui tới Ngọa Du Sào trong đó có Phan Chu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp... Được Phan Chu Trinh gợi ý, con trai của nhà yêu nước Nguyễn Thông là Nguyễn Quý Anh đã xây dựng tại đây ngôi trường tiểu học, đặt tên là Dục Thanh với chí hướng giáo dục thanh niên, nâng cao dân trí cho con em trong vùng và truyền bá tinh thần yêu nước cho thế hệ trẻ.

Năm 1909 Nguyễn Tất Thành (tên Chủ tịch Hồ Chí Minh lúc đó) trên đường vào nam đã tìm tới nhà yêu nước Trương Gia Mô ở Bình Thuận, người vừa mới được ra khỏi nhà tù thực dân Pháp. Trương Gia Mô giới thiệu Nguyễn Tất Thành với Nguyễn Quý Anh lúc đó đang làm hiệu trưởng trường tiểu học Dục Thanh. Số phận và con đường cách mạng buổi bình minh của cuộc đời đi tìm đường cứu nước đã đưa Người đến với ngôi trường nhỏ Dục Thanh nằm kín đáo sát con sông Cà Ty để giờ đây Dục Thanh trở thành một di tích lịch sử mà có lẽ không người Việt Nam nào không biết tới. Năm 1910 Nguyễn Tất Thành trở thành thầy giáo trẻ nhất. Năm đó Người tròn 20 tuổi. Tại đây Nguyễn Tất Thành đã nhận dạy Quốc Văn, Hán Văn và kiêm nhiệm môn thể dục. Ngoài ra thầy còn nhận dạy tiếng Pháp khi giáo viên Pháp vắng mặt. Ngày nay trong khu trường Dục Thanh còn giữ lại được gần như nguyên vẹn những kỷ vật cách đây gần một thế kỷ. Trong đó có nhà Ngự - nơi các thầy giáo và học trò ăn ở nội trú; Ngọa Du Sào; cây khế sau vườn - nơi thầy Thành

hay tưới nước cho vườn cây vào những buổi chiều. Khu di tích trường Dục Thanh đã trở thành một trong những nơi gắn liền với thân thể và sự nghiệp của chủ tịch Hồ Chí Minh, một con người đã trở thành danh nhân văn hóa thế giới, vô cùng gần gũi thân yêu đối với mỗi người Việt Nam.

### *Chùa Cổ Thạch*

Chùa Cổ Thạch (Chùa Hang) được dựng trong hang đá lớn đã có từ hơn 100 năm nay, bên cạnh những bãi đá bảy màu tuyệt đẹp, tọa lạc ở xã Bình Thạnh, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận, trên ngọn núi cao 64m, kề bên bãi biển Cà Dục. Chùa cách Tp. Phan Thiết 105km về hướng bắc. Lúc đầu chùa chỉ là một thảo am nhỏ do Thiền sư Bảo Tạng khai sơn vào khoảng giữa thế kỷ 19. Về sau chùa được xây dựng lại khang trang với tên gọi chùa Cổ Thạch. Sau đó chùa lại nhập với chùa Bình Phước và được trùng tu mở rộng. Chùa được trùng tu nhiều lần từ 1956 đến 1964. Đứng trên chùa Hang, du khách có thể phóng xa tầm mắt chiêm ngưỡng cả vùng bãi biển mênh mông xanh biếc với rất nhiều tảng đá xếp chồng lên nhau tạo thành nhiều hình thù đẹp mắt. Cách chùa Hang không xa là Hang Gió. Từ đây nhìn ra biển, bạn có thể thấy được bãi Cà Dục, bãi sỏi bảy màu (những viên sỏi trơn nhẵn có nhiều màu sắc khác nhau: từ trắng muốt, đen tuyền, xanh, vàng nhạt đến xám, nâu, rồi tím sẫm) uốn cong theo bờ biển xanh. Một làng du lịch Cổ Thạch mới được dựng lên với nhiều ngôi nhà xinh xắn theo kiểu nhà sàn để đón du khách về viếng chùa và thưởng ngoạn thắng cảnh.

### *Hòn Rôm*

Hòn Rôm có bờ biển sạch đẹp, nước biển trong xanh, êm ả lời ru của gió mon man qua những rặng dừa mát rượi, trĩu quả thuộc địa phận phường Mũi Né, Tp. Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận, Từ Hòn Rôm cách trung tâm Tp. Phan Thiết 26km về hướng đông bắc. Khi mùa khô đến, dưới cái nắng chói chang, cỏ dại trở nên vàng úa, nhìn từ xa giống như những đồng rơm khổng lồ. Những đồi cát vàng, cát trắng nối tiếp nhau nhấp nhô, gợn sóng và đồi cát thì biến dạng từng giờ... Tất cả đã tạo nên vẻ hoang sơ quyến rũ du khách đến đây để thưởng thức và khám phá vẻ đẹp tuyệt vời của cát. Những nhà nghỉ làm bằng tre mới mọc lên trên đồi cát ở Hòn Rôm với loại hình du lịch mới như trượt cát, tắm biển, đêm có đốt lửa trại hoặc theo ghe kéo lưới, câu mực trên biển.

### *Nhóm di tích tháp cổ Pô-Sha-Nư*

Nhóm di tích tháp cổ Pô-Sha-Nư, hay còn gọi là tháp Phú Hải, là cả một tổng thể kiến trúc đền tháp của người Chăm - thờ các tiểu tiên nữ con gái thần mẹ Pô Nagar, thuộc phường Thanh Hải, Tp. Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận. Đây là tuyệt tác của dân tộc Chăm để lại cho nhân loại. Nhóm tháp này gồm 3 tháp và nhiều tháp bị đổ khác nay chỉ còn lại phế tích và nền móng. Ba ngôi tháp hiện còn phân bố trên 2 tầng đất, quay mặt về hướng đông. Cả ba ngôi tháp đều là tháp vuông nhiều tầng, có niên đại thế kỷ 8, ở phong cách Mỹ Sơn E1 (phong cách kiến trúc Chăm cổ). Có một số yếu tố kiến trúc như cột trụ tròn ở các cửa giả, mi cửa... tương tự như ở các đền tháp Khmer. Nhóm tháp Chăm Pô-Sha-Nư tọa lạc trên một ngọn đồi có tên "Lầu Ông Hoàng", cách thành phố Phan Thiết 6km về phía đông bắc.



Hàng năm vào tháng giêng âm lịch, các lễ hội Rija Nuga, Poh Mbăng Yang được tổ chức dưới chân tháp. Nhân dân làm lễ cầu mưa, cầu xin những điều tốt lành. Bên cạnh khu tháp Pô-Sha-Nur là các di tích "Lầu Ông Hoàng", chùa Bửu Sơn, núi Cổ nơi có mộ nhà thơ yêu nước Nguyễn Thông. Tiếp tục cuộc hành trình dọc bãi biển đến đá Ông Địa, biển Mũi Né... du khách sẽ bị lôi cuốn vào bức tranh giàu hương vị biển mặn mà, độc đáo.

#### *Đền thờ Pôklông - Moh Nai*

Đền thờ được xây dựng để thờ vua Chăm Pôklông - Moh Nai, một trong những vị vua cuối cùng của Vương quốc Chăm pa trước khi Vương quốc này tan rã. Đền nằm trên đỉnh đồi cát thuộc thôn Lương Bình, xã Lương Sơn, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận, cách thành phố Phan Thiết khoảng 60km về phía bắc. Đối lập với nền nghệ thuật và kỹ thuật xây dựng tháp Chăm từ thế kỷ 17 trở về trước, từ thế kỷ 17 trở về những thế kỷ sau khi đất nước bị suy kiệt, nhân tài vật lực và kỹ thuật bị thất truyền mà việc thờ phụng tổ tiên và tôn giáo vẫn là nhu cầu thường trực nên người Chăm chuyển sang xây dựng dạng kiến trúc đền thờ như một ngôi chùa đương thời và sử dụng vật liệu gỗ, ngói, vôi như người Việt. Tiêu biểu cho dạng kiến trúc này là đền thờ vua Chăm Pôklông - Moh Nai. Đền thờ gồm có 5 gian thờ xây dựng theo hình chữ T. Dãy nhà 3 gian dùng để thờ phụng: gian giữa thờ tượng vua Pôklông - Moh Nai; gian bên phải thờ tượng bà thứ phi người Việt, công chúa con của một vị chúa Nguyễn, cùng một số tượng Kút con của bà; bên trái là gian thờ hoàng hậu Popia Som, vợ cả của vua, cùng một số tượng Kút chạm khắc đẹp là con của bà. Dãy nhà trước gồm 2 gian lớn để trống dùng làm nơi chờ đợi và thực hiện nghi lễ bên ngoài trước lúc vào đền thờ. Tượng vua Pôklông - Moh Nai được các nghệ nhân Chăm tạc bằng một khối đá xanh xám với nghệ thuật điêu khắc tinh tế. Pho tượng tả cảnh nhà vua đang ngự ở triều đình, đầu đội vương miện oai nghiêm. Đây là một trong những pho tượng Chăm có kích thước lớn còn tồn tại nguyên vẹn đến ngày nay. Hàng năm gia đình, dòng tộc hậu duệ nhà vua cùng đồng bào Chăm tổ chức nhiều nghi lễ tại đền thờ. Lớn nhất là dịp lễ hội Katê tổ chức vào tháng 7 Chăm lịch. Vào dịp lễ hội này tượng vua được đội vương miện thật bằng vàng, mặc áo đại lễ. Tượng hoàng hậu và thứ phi cũng được tắm rửa mặc áo, đội mũ. Đền thờ Vua Chăm Pôklông - Moh Nai đã được Nhà nước xếp hạng di tích lịch sử - nghệ thuật cấp Quốc gia vào năm 1991.

#### *Chùa Núi Tà Cú*

Chùa Núi Tà Cú mang vẻ cổ kính giữa miền duyên hải Bình Thuận tọa lạc trên núi Tà Cú, thuộc địa phận xã Tân Lập, huyện Hàm Thuận, cách thành phố Phan Thiết khoảng 30 km về phía đông nam. Núi Tà Cú cao 649m, chùa Núi Tà Cú nằm lưng chừng núi ở độ cao hơn 400m. Chùa Núi được xây dựng năm 1879, nhưng trước đó nhiều năm đã có chùa thờ Phật bằng mái tranh vách đất. Chùa Núi do nhà sư Trần Hữu Đức trụ trì, nơi xây dựng chùa do nhà sư chọn, ở đó quanh năm có cây xanh, suối chảy, chim vượn ở ngay cạnh chùa. Về sau, một chùa nữa được xây ở phía dưới, chùa Dưới này có tên là Long Đoàn và chùa cũ gọi là chùa Trên với tên gọi là Linh Sơn Trường Thọ, gọi chung là Chùa Núi. Toàn thể cảnh chùa là một tổng thể kiến trúc bao gồm: Tam Quan, điện thờ, tượng Phật, tháp mộ, hang

Tổ,... ẩn mình dưới rừng cây cỏ thụ xanh tươi bốn mùa. Từ dưới chân núi, leo lên hàng trăm bậc tam cấp theo những con đường ngoằn ngoèo giữa rừng già mới đến chùa. Ở đây quanh năm không khí trong lành, mát mẻ, hơi nước toát ra từ núi đá với không khí mát lạnh hấp dẫn trong mùa hè. Nhiệt độ trung bình từ 18 đến 22 độ C. Phong cảnh hùng vĩ nên thơ của núi rừng làm cho chùa Núi càng thêm nổi tiếng. Ngoài ra, chùa Núi còn có pho tượng Phật nằm không lồ: “Thích Ca nhập niết bàn” nằm ở vị trí cao nhất cách chùa khoảng 100m. Tượng Phật này thuộc vào pho tượng Phật hiếm có trong lịch sử Phật Giáo Việt Nam và là bức tượng lớn nhất Việt Nam lúc bấy giờ. Tác phẩm do kỹ sư Trương Đình Ý chủ trì vào năm 1962. Cách Pho tượng Phật nằm chừng 50m là nhóm Tam Thế Phật: A Di Đà, Quan Thế Âm Bồ Tát, Đại Thế Chí, cả 3 pho tượng đều có chiều cao khoảng 7m. Núi Tà Cú xưa kia là một ngọn núi lửa thuộc đệ nhất nguyên đại nên trong đất có vàng sa khoáng và sulfur, trong nước suối có hoạt chất của các loại rễ cây thuốc như ngũ gia bì, thần xạ, đỗ trọng bắc... rất tốt để chữa một số bệnh.

Chùa Núi Tà Cú hiện là một trong những điểm du lịch khá nổi tiếng ở Bình Thuận. Cảnh chùa cổ kính, tượng phật trầm tư và dấu thiêng của sư tổ từ buổi khai sơn cách đây trên một trăm năm luôn làm du khách ngỡ ngàng. Vào các mùa trong năm lúc nào cũng có khách thập phương đến viếng Phật, ngắm cảnh chùa và rừng núi, nhất là dịp Xuân về Tết đến và ngày giỗ Tổ Hữu Đức hàng năm (mùng 5 tháng mười âm lịch). Chùa Núi Tà Cú cùng với những cánh rừng trong khu Bảo tồn thiên nhiên đã được Nhà nước xếp hạng thắng cảnh cấp quốc gia năm 1993. Nơi đây đã có hệ thống cáp treo để đưa du khách lên xuống tham quan được thuận tiện hơn.

#### *Huyền thoại Linh sơn Tà Cú*

Vào năm Tự Đức thứ 33 (tức 1880), hoàng thái hậu là bà Từ Dũ lâm trọng bệnh, mất mù lòa nhưng các ngự y, danh y tài giỏi ở triều đều bất lực. Nhà vua châu tri khắp thần dân trong nước kêu gọi ai cứu được mẫu hậu sẽ trọng thưởng. Bởi tiếng đồn về danh đức, pháp thuật của sư tổ Hữu Đức từ lâu, nên quan thủ hiến đầu tỉnh Bình Thuận lập tức viết biểu tâu lên vua. Vua Tự Đức hạ chiếu sai sứ xin rước sư tổ về triều chữa bệnh cho Hoàng thái hậu. Nhưng vì đã nguyện không bao giờ xuống núi nữa nên sư tổ chỉ trao cho sứ thần thảo dược cùng cách sử dụng. Quả là linh nghiệm, sau khi uống hết các chú chuẩn đề và thuốc, Hoàng thái hậu vượt qua căn bệnh hiểm nghèo, nhanh chóng bình phục. Vua Tự Đức tỏ lòng cảm phục sư tổ ban sắc phong bốn chữ “Linh Sơn Trường Thọ” cho nơi sư tổ sáng lập và tu tịnh.

#### *Đảo Kê Gà*

Đảo Kê Gà được đánh giá là nơi có cảnh trí đẹp nhất vùng biển Hàm Thuận Nam, thuộc xã Tân Thành, huyện Hàm Thuận Nam cách đất liền 100m. Hòn đảo này Từ khi có chương trình "Đón ánh bình minh đầu tiên của thiên niên kỷ mới tại hải đăng Kê Gà", ốc đảo này đã trở thành một điểm du lịch mới, hấp dẫn. Đảo Kê Gà nằm trong một vùng biển, trời tuyệt đẹp, nước màu xanh ngọc, bờ biển cát trắng sạch sẽ, rừng dừa, thùy dương xanh mướt... Đặc biệt, ở đây còn có những ghềnh đá hoa cương trắng - hồng, nhọn như những ngọn chông... Tất cả tạo cho vùng biển Hàm Thuận Nam một vẻ quyến rũ nguyên sơ và yên

bình. Từ xa, bạn đã có thể nhìn thấy ngọn hải đăng cao vút trên đảo, được làm chủ yếu bằng đá hoa cương. Đây là ngọn đèn biển có phần tháp xây cao nhất Việt Nam: 41m. Tháp hình bát giác, có chân rộng 3m, đỉnh 2,5m, phát ánh sáng đi xa 22 hải lý. Để ra được đảo, bạn có thể đi bằng hai cách: dùng thuyền thúng hoặc thuê ghe của ngư dân. Nếu đi ghe, nên yêu cầu cho chạy một vòng quanh đảo để ngắm được toàn cảnh. Trên đảo, bạn sẽ được các anh "lính hải đăng" rất mến khách, vui vẻ, dẫn đi tham quan, kể cho nghe những mẩu chuyện về nghề "giữ mắt biển" đầy áp kỷ niệm của mỗi người. Sau đó, hãy thử bước lên 182 bậc thang, chinh phục đỉnh tháp, bạn sẽ được tận hưởng cảm giác lâng lâng khi ở trên cao, với cả một vùng biển trời nằm dưới tầm mắt..

### *Đảo Phú Quý*

Huyện đảo Phú Quý với diện tích rộng 32km<sup>2</sup> thuộc tỉnh Bình Thuận, nằm cách Tp. Phan Thiết 100km. Bờ biển với những dải cát trắng mịn, nước trong màu ngọc bích; bao quanh đảo là 9 hòn đảo nhỏ, đặc biệt là Hòn Tranh, Hòn Đen, Hòn Trứng... là những điểm du lịch sinh thái biển đầy hấp dẫn. Trên đảo Phú Quý có nhiều ngôi chùa lớn như chùa Linh Quang, chùa Cao và các danh lam thắng cảnh khác.

### *Khu du lịch sinh thái Đồi Sứ*

Khu du lịch sinh thái Đồi sứ thuộc thôn Thuận Thành, xã Thuận Quý, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận, có không khí trong lành, đượm nét hoang sơ, tinh khiết của núi, rừng, biển thích hợp với mọi lứa tuổi, Khu du lịch sinh thái. Đây là khu du lịch sinh thái đầu tiên được xây dựng theo quy hoạch tổng thể phát triển du lịch của huyện Hàm Thuận Nam. Nằm ở một góc của tam giác TP Hồ Chí Minh - khu công nghiệp Bình Dương - Hàm Thuận Nam. Đồi Sứ rất thuận tiện cho kỳ nghỉ cuối tuần.

Khu du lịch có tổng diện tích 14ha, trong đó khoảng 10ha là rừng phi lao, những đồi cát, một con đường xây bằng gạch chạy trên đồi cát được gọi là Tiểu Vạn Lý Trường Thành nhằm tạo cảnh quan sinh thái, khuôn viên còn lại xây dựng cơ sở hạ tầng có diện tích 8.000m<sup>2</sup>. Hiện tại, Đồi Sứ có 6 phòng Deluxe, 24 Bungalow và 10 phòng Standard được trang bị đủ tiện nghi. Đặc biệt trong tổng số 24 Bungalow có 10 Bungalow làm bằng gỗ theo kiểu nhà sàn của dân tộc Mường – Việt Nam. Ngoài ra, khu du lịch còn có một khu vườn bảo tồn rộng 3.000m<sup>2</sup> nuôi các loại thú như hươu sao, nhiều loại chim, gà tây, ngỗng, thỏ... và nhiều loại cây ăn trái như nhãn, xoài, chuối. Du khách có thể đi dạo và chụp hình trong vườn với các loài thú. Khi mặt trời còn le lói chân trời, du khách có thể rong ruổi trên chiếc xe đạp thể thao hay chầm chệ trên yên ngựa đến thăm mũi Khe Gà (còn gọi là Kê Gà) cách đó chừng 3km - nơi có ngọn hải đăng 100 tuổi. Bãi biển riêng biệt, sóng biển yên ả, không có đá ngầm và nước xoáy, du khách có thể câu cá, thư giãn hoặc thưởng thức ánh trăng dát vàng trên mặt biển tĩnh lặng, bên ánh lửa bập bùng.

Du khách có thể đi dọc bãi biển thêm 50km để đến Mũi Né (Phan Thiết) hay trở về Vũng Tàu để tạo một tour du lịch khép kín. Có thể nói, Đồi Sứ đã đánh thức tiềm năng vùng đồi cát hoang vu, tinh khiết thấp thoáng sau cánh rừng phi lao thơ mộng.

### 5.2.2. Các tuyến Du lịch nội tỉnh Ninh Thuận

Tỉnh Ninh Thuận có diện tích là 3.358,0 km<sup>2</sup>, dân số là 570,1 nghìn người (2010). Trung tâm hành chính của tỉnh là Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, và các huyện là Ninh Hải, Ninh Phước, Ninh Sơn, Bác Ái, Thuận Bắc, Thuận Nam. Bình Thuận có một nền văn hóa đa dạng và lâu đời của nhiều dân tộc. Toàn tỉnh có hơn các dân tộc chung sống như Việt (Kinh), Chăm, Ra Glai, Cơ Ho, Hoa. Là tỉnh có đông người Chăm sinh sống, Ninh Thuận mang đậm màu sắc văn hóa của dân tộc Chăm. Nền văn hóa ấy được thể hiện qua chữ viết, trang phục dân tộc, nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc, nghề gốm, dệt thổ cẩm. Nghệ thuật dân ca và múa Chăm đã trở thành di sản quý giá của nền văn hóa Việt Nam. Phong tục tập quán theo chế độ mẫu hệ của người Chăm vẫn được đồng bào địa phương gìn giữ và lưu truyền đến ngày nay. Đến nay, người Chăm vẫn giữ các nghi lễ như: lễ khai mương, đắp đê, lễ chặn đầu nguồn sông, lễ mừng lúa non, lễ xuống gặt, lễ mừng cơm mới... Đặc biệt một bộ phận người Chăm vẫn sống bằng nghề đánh cá, mà tục thờ cá voi ở tất cả các tỉnh ven biển ngày nay, chính là bắt nguồn từ tín ngưỡng của người Chăm.

*Điều kiện tự nhiên:* Ninh Thuận là tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ Việt Nam, phía bắc giáp tỉnh Khánh Hòa, phía tây giáp tỉnh Lâm Đồng, phía nam giáp tỉnh Bình Thuận và phía đông giáp biển Đông. Ninh Thuận được bao bọc 3 mặt là núi: phía bắc và phía nam tỉnh là 2 dãy núi cao nhô ra sát biển, phía đông là vùng núi cao của tỉnh Lâm Đồng. Địa hình có 3 dạng: miền núi, đồng bằng, vùng ven biển. Tỉnh có 2 hệ thống sông chính: hệ thống sông Cái, bao gồm các sông nhánh như sông Mê Lam, sông Sắt, sông Ông, sông La, sông Quao... và hệ thống các sông suối nhỏ phân bố ở phía bắc và nam tỉnh như sông Trâu, sông Bà Râu. Ninh Thuận nằm trong khu vực có vùng khô hạn nhất nước, khí hậu nhiệt đới gió mùa với các đặc trưng là khô nóng, gió nhiều và bốc hơi mạnh, không có mùa đông. Nhiệt độ trung bình năm 27°C, lượng mưa trung bình 705mm và tăng dần theo độ cao lên đến 1.100mm ở vùng miền núi. Một năm ở đây có 2 mùa: mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 11 và mùa khô từ tháng 12 đến tháng 4 năm sau. Thành phố Phan Rang nằm trên giao điểm của 3 trục giao thông chiến lược là đường sắt Bắc Nam, quốc lộ 1A, đường số 27 lên Đà Lạt (Lâm Đồng), Đắk Lắk (Buôn Ma Thuột). Thành phố Phan Rang cách Nha Trang 105km, Đà Lạt 110km, Tp. Hồ Chí Minh 350km và Hà Nội 1.382km.

*Tiềm năng phát triển kinh tế và du lịch:* Ninh Thuận đang hình thành các vùng sản xuất chuyên canh như: nho, thuốc lá, mía, đường, bông, hành, tỏi và nuôi trồng thủy sản. Ninh Thuận là một bức tranh hài hòa giữa đồng bằng, đồi núi và biển cả. Nằm trong cụm du lịch quốc gia thuộc tam giác Đà Lạt - Nha Trang - Phan Rang, Ninh Thuận có vườn quốc gia Núi Chúa và nhiều thắng cảnh đẹp như: bãi biển Ninh Chữ, bãi biển Cà Ná, đèo Ngoạn Mục, thủy điện Đa Nhim và di tích lịch sử quý giá là các tháp Chàm: Pôklông Garai, Pôrômê, Hoà Lai,... hầu như còn nguyên vẹn. Đến thăm nơi đây du khách có thể tham gia nhiều loại hình du lịch: tắm biển, nghỉ dưỡng, du thuyền, leo núi, săn bắn, tham quan các di tích lịch sử, hoặc tham dự các lễ hội của người Chăm.

#### **Các điểm tham quan du lịch nội tỉnh Ninh Thuận**

### *Làng gốm Bầu Trúc*

Làng gốm Bầu Trúc là một trong hai làng gốm cổ xưa nhất Đông Nam Á, và được coi như một bảo tàng mang đặc tính gốm truyền thống của dân tộc Chăm. Bầu Trúc còn Thôn Bầu Trúc có khoảng 400 hộ có đến 85% trong số đó vẫn thủy chung với nghề gốm nằm ven quốc lộ 1A Làng gốm Bầu Trúc thuộc thị trấn Phước Dân, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận, cách thành phố Phan Rang - Tháp Chàm 10km về hướng nam. Theo truyền thuyết, nghề làm gốm do vợ chồng ông tổ Poklong Chanh dạy cho phụ nữ trong làng từ ngàn xưa. Để tưởng nhớ công ơn của tổ nghề, bà con lập đền thờ tổ chức cúng tế Poklong Chanh vào dịp lễ hội Katê hàng năm. Đất đai vùng Bầu Trúc từ xa xưa đã dành sẵn cho cư dân kho báu để khai sinh và nuôi sống nghề gốm; đó là mỏ đất, mỏ cát riêng biệt mà chỉ phù sa sông Quao mới có: Đất mịn, dẻo lạ lùng; cát cũng rất mịn, hạt nhỏ li ti. Mỗi thứ đồ gốm, tùy công năng mà pha trộn cát với đất, nhưng trộn với tỷ lệ cát cao nhất, gốm ra lò vẫn bóng mịn, hầu như không sản phẩm nào rạn, nứt. Ở nhiều nơi người ta dùng bàn xoay để nặn gốm, còn các nghệ nhân gốm Chăm vẫn dùng đôi tay khéo léo để tạo nên những tác phẩm tuyệt vời với mẫu mã phong phú. Các hoa văn trang trí trên gốm Bầu Trúc là những đường khắc vạch hình sông nước, chấm vò sò và hoa văn thực vật; có cả hoa văn móng tay trên vai cổ gốm rất mộc mạc, gần gũi, nhẹ nhàng. Sản phẩm gốm được nung lộ thiên ở nhiệt độ khoảng từ 500 - 600<sup>0</sup>C trong vòng 6 giờ, sau đó được lấy ra để phun màu (loại màu này được chiết xuất từ trái dông, trái thị ở trên rừng) rồi được tiếp tục nung lại trong vòng 2 giờ. Vì vậy, gốm Bầu Trúc có màu đặc trưng vàng đỏ, đỏ hồng, đen xám, vệt nâu, tạo thành các sản phẩm gốm độc đáo, mang theo vẻ "lung linh của nền văn hóa Chăm-pa". Đến với làng gốm Bầu Trúc du khách sẽ thấy được vẻ đẹp riêng so với gốm những nơi khác. Nếu du khách muốn tự tay mình làm ra một sản phẩm, người dân nơi đây rất sẵn lòng hướng dẫn: Du khách sẽ từ việc đập đất khô cho tơi, nặn thành hình, trang trí, đến khâu nung sản phẩm.

### *Bãi tắm Ninh Chữ*

Bãi tắm Ninh Chữ có chiều dài 10km, bờ biển hình vòng cung bằng phẳng thuộc địa phận xã Khánh Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận. Bãi biển Ninh Chữ Cách thành phố Phan Rang – Tháp Chàm 5km về phía đông (theo hướng đường Ngô Gia Tự kéo dài xuống Ninh Hải), bãi biển Ninh Chữ là bãi tắm đẹp, xung quanh là rừng dương và các núi Đá Chồng, núi Tân An, núi Cà Đú... rất thích hợp cho các hoạt động du lịch như tắm biển, lướt ván, câu cá, du thuyền, leo núi, săn bắn. Khí hậu Ninh Chữ mát mẻ, nắng ấm quanh năm. Tại đây có khách sạn quốc tế Ninh Chữ (2 sao) của công ty du lịch Ninh Thuận và các dịch vụ khác phục vụ du khách.

### *Làng du lịch Cà Ná*

Làng du lịch Cà Ná nằm sát bờ biển, lưng dựa vào núi, mặt quay ra biển cách thành phố Phan Rang - Tháp Chàm 32km, cách thành phố Phan Thiết 114km. Làng du lịch Cà Ná, rất thuận tiện cho du khách đi đường bộ và đường sắt. Không khí trong lành mát mẻ, du khách ngồi xe ngựa tới các thắng cảnh của Cà Ná, Mũi Dinh, những hang động: hang Ông Phật, ghềnh Ông Nồng, giếng Đục, núi Bạc. Khách có thể tham gia môn thể thao leo núi

hoặc vào rừng dạo chơi, tắm biển, đi ca nô trên mặt biển ngắm nhìn trời mây, nước xanh và quang cảnh núi rừng. Một làng du lịch với những ngôi nhà nhỏ nhỏ đủ tiện nghi cho 2 người hoặc 4 người nghỉ lại đã mọc lên sát biển tạo thành một làng du lịch Cà Ná.

### *Lễ hội Katê*

Đây là lễ hội nhằm tôn vinh các vị Nam thần: Pô Klông Garai, Pô Rôme. Lễ hội Katê của người Chăm được tổ chức tại đền tháp Pô Nagar (thôn Hữu Đức), tháp Pô Klông Garai (phường Đô Vinh, tháp Chăm), tháp Pô Rôme (thôn Hậu Sanh), từ ngày 1 tháng 7 theo lịch Chăm (khoảng 25/9 - 5/10 dương lịch). Lễ hội Katê diễn ra trong 3 ngày trên một không gian rộng lớn, lần lượt từ đền tháp (Bi môn, Ka lan) đến làng (Paley) và từng gia đình (Nga wôm), tạo thành một dòng chảy phong phú, đa dạng. Đây là một lễ hội dân gian đặc sắc nhất trong kho tàng văn hoá của cộng đồng người Chăm. Lễ hội không chỉ gắn với đền tháp cổ kính - nơi lưu giữ những giá trị kỹ thuật và mỹ thuật cao nhất của nền văn hoá Chăm mà còn gắn tới lĩnh vực khác của văn hoá: đồ cúng tế, y phục, nhạc cụ; những bài thánh ca, ca ngợi các vị vua hiền có công với nước với dân. Lễ hội còn là dịp để những người tham dự được thưởng thức một nền nghệ thuật ca - múa - nhạc dân gian với phong cách độc đáo. Những người tham dự lễ hội được hoà cùng điệu múa của các cô thiếu nữ Chăm, say sưa cùng tiếng trống Gi năng, kèn Saranai. Lễ hội Katê là minh chứng về sự phong phú, đa dạng trong kho tàng văn hoá của đại gia đình các dân tộc Việt Nam. Lễ hội Katê của người Chăm ở Ninh Thuận diễn ra ở 3 đền tháp trong cùng ngày, cùng giờ. Các nghi lễ cơ bản giống nhau về nội dung, nghi thức hành lễ.

*Tiến hành lễ hội gồm có:* Thầy Cả sư trụ trì đền tháp làm chủ lễ; Thầy kéo đàn Kanhi hát thánh ca; Bà bóng dâng lễ vật lên các vị thần; Ông từ chủ trì lễ tắm tượng; Cùng một số tu sĩ Bà la môn phụ lễ. Lễ vật dâng cúng Katê tại đền tháp bao gồm: 1 con dê 3 con gà làm lễ tẩy uế ở tháp; 5 mâm cơm, canh cúng với thịt dê; 1 mâm cơm với muối vừng; 3 ổ bánh gạo và hoa quả. Ngoài ra còn có rượu, trứng, trầu cau, xôi chè...Lễ hội Katê gồm có 2 phần: Phần lễ và phần hội. Trình tự theo các bước: Ngày thứ nhất: đón rước y phục của nữ thần Pô Nagar ở thôn Hữu Đức ; Ngày thứ hai: lễ hội Katê ở các tháp Chăm. Lễ đón rước y phục (thường từ 7 giờ sáng); Lễ mở cửa tháp (diễn ra tại 3 đền, tháp tắm tượng thần (diễn ra trong 3 đền, tháp) ; Lễ mặc y phục cho tượng thần (tại 3 đền, tháp) ; Đại lễ (thường bắt đầu từ 9h sáng kéo dài đến 11h trưa tại 3 đền, tháp)

*Phần hội* Ngày thứ ba: Lễ hội Katê ở làng. Sau khi lễ hội Katê ở tháp kết thúc thì không khí lễ hội lại bùng lên ở các làng Chăm. Trước ngày lễ dân làng phân công nhau quét dọn đền thờ, ngôi nhà chung của làng, chuẩn bị sân khấu, sân bãi... Cùng thời gian đó một bộ phận khác lại chuẩn bị lễ vật cúng thần. Buổi sáng ngày thứ ba, một người làm lễ cúng Katê ở ngôi nhà chung của làng để cầu mong thần phù hộ cho dân làng làm ăn phát đạt. Mỗi làng Chăm thờ một vị thần riêng. Trong lễ cúng tế thần làng, chủ tế lễ không phải là chức sắc tôn giáo mà thường được dân làng tôn vinh hoặc người có uy tín và tinh thông phong tục tập quán. Ông thay mặt cho dân làng cúng lễ vật cho thần và cầu mong thần phù hộ cho dân làng. Nếu như lễ hội Katê nặng về phần lễ ở các đền tháp thì tại làng phần lễ đơn giản hơn

phần hội. Đó là các trò như thi dệt vải (làng Mỹ Nghiệp), thi đội nước, đá bóng, văn nghệ... Vào cuối buổi chiều thì cuộc vui kết thúc, hội Katê ở làng cũng vẫn. Mọi người về nhà để tiến hành lễ Katê gia đình.

*Lễ Katê ở gia đình hay ở làng:* Kết thúc lễ Katê ở làng là lễ Katê ở các gia đình mới bắt đầu. Nghi lễ này phụ thuộc điều kiện kinh tế của từng gia đình, nếu có thì tổ chức nếu không thì thôi. Chủ lễ cúng Katê là người trong gia đình hoặc là người lớn tuổi trong tộc họ. Vào ngày lễ, mọi thành viên trong gia đình đều có mặt đông đủ, cầu mong tổ tiên, thần linh phù hộ cho con cháu làm ăn phát đạt, gặp nhiều may mắn. Đây cũng là dịp ông bà, cha mẹ, giáo dục con cháu kính trọng tổ tiên. Cũng dịp này các gia đình đều chuẩn bị bánh trái mời người thân tới thăm viếng chúc tụng nhau. Cả làng đều ngập tràn niềm vui, thân thiện, tình đoàn kết xóm giềng. Hầu như tất cả đều quên đi những vất vả, lo âu của đời thường để tận hưởng những phút giây tràn đầy hạnh phúc.

### *Tháp Pôklông Garai*

Tháp Pôklông Garai được xem là trung tâm điểm rực rỡ nhất của nền văn minh Chăm, do vua Chế Mân chỉ đạo xây dựng từ cuối thế kỷ 13 đầu thế kỷ 14 đạt đỉnh cao trong kiến trúc, nghệ thuật điêu khắc của dân tộc Chăm. Tháp nằm ở phía tây thành phố Phan Rang-Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận gần ga xe lửa mang tên ga Tháp Chàm, cách trung tâm thành phố khoảng 7km. Đây là một nhóm gồm 6 tháp nay còn lại 4 tháp tương đối nguyên vẹn. Tháp chính thờ vua Pôklông Garai (1151 - 1205). Ông đã có nhiều công lao to lớn đối với dân tộc Chăm ở vùng đất phía nam mới được khai khẩn, nhất là trên lĩnh vực thủy lợi (đập Nha Trinh, đập Sông Cấm ở phía tây Phan Rang). Hơn thế nữa dưới triều vua Pôklông Garai trị vì, đất nước Chăm được hưng thịnh, nhân dân được ấm no. Theo truyền thuyết, đây là ông vua bị bệnh hủi nhưng rất dũng cảm. Tháp này còn khá nguyên vẹn có hình tứ giác. Tháp cao 21,59m. Trong quá trình khai quật nghiên cứu và tu sửa tháp trước kia người Pháp đã tìm thấy một số bát bằng vàng, bạc và đồ trang sức. Gần đây khi tu sửa tháp, ngành khảo cổ Việt Nam cũng tìm thấy một số bát vàng. Ở mỗi cạnh, mỗi tầng và mỗi mặt của từng tháp được trang trí bằng các họa tiết đá, gồm với đủ loại hình người, hình đuôi rồng, hình lá, hình bò thần... Tháp Pôklông Garai còn lại tương đối nguyên vẹn, quý và hiếm trên đất nước ta và trên thế giới về loại hình kiến trúc này và đã được Bộ Văn hóa thông tin công nhận di tích năm 1979.

### *Tháp Pôrômê*

Tháp Pôrômê được coi là một bản sao không hoàn hảo của tháp Pôklông Garai nằm tại thôn Hậu Sanh, xã Phước Hữu, huyện Ninh Phước. Công trình là một tổng thể hai tháp: tháp chính thờ vua Pôrômê và tháp phụ thờ Hoàng Hậu. Tháp Pôrômê tọa lạc trên một ngọn đồi cao, cách thị xã Phan Rang - Tháp Chàm 15km về phía nam. Tháp được xây dựng ở đất Champa vào cuối thế kỷ 16 đầu thế kỷ 17. Mặt chính của tháp quay về hướng đông, trên cửa chính có các tầng hình vòng cung, dưới các hình vòng cung được trang trí bởi hình tượng thánh Siva và hình ngọn lửa, ở các cửa giả có hình các vị thần bằng đá trong tư thế ngồi, khuôn mặt các vị thần mang đậm nét bản địa. Tháp có ba tầng mái tuân theo mẫu cổ, mỗi

tầng có 4 tháp góc, trên đỉnh mỗi tháp góc có trang trí búp sen bằng đá và hình ngọn lửa trang trí ở 4 góc. Trong mỗi hốc giả là hình ảnh một vị thần đang ngồi chấp tay trong tư thế cầu nguyện. Bên trong tháp chính có thờ hình tượng vua Pôrômê được tạo từ một Linga có 8 tay. Bên góc lối đi vào tháp có tượng thần bò Nadin được tạc từ một phiến đá xanh đen. Công trình ở phía sau tháp là nơi thờ hoàng hậu. Khu mộ táng của vua Pôrômê rất gần với công trình phụ này. Đây là nơi chôn cất do chính vua Pôrômê chọn. Năm 1992, tháp Pôrômê đã được công nhận di tích

#### *Tháp Hòa Lai*

Tháp Hoà Lai Tháp được xây dựng vào những năm đầu thế kỷ 9, trước đây gồm có 3 tháp, nhưng còn lại 2 tháp là tháp Bắc và tháp Nam thuộc địa phận thôn Ba Tháp, xã Tân Hải, huyện Ninh Hải. Tháp Bắc có 4 trụ bô tường, mỗi trụ được trang trí rất đẹp, phía dưới các trụ còn thể hiện những mảng điêu khắc đẹp và hình tượng chim Garuda giang rộng cánh. Trên mỗi đầu các trụ bô của các mái chĩa có các diềm mũ để trang hoàng. Các cửa giả được trang trí với những vòng cung và những hình người được thể hiện trong tư thế ngồi. Hình thức trang trí ở tháp Nam đơn giản hơn, cũng có 4 trụ bô tường với những đường nét bên dưới và những diềm mũ với các hoa văn trang trí ở mái chĩa, các cửa giả được trang trí vòng cung lớn nhưng không tỉ mỉ như tháp Bắc. Tháp có 3 tầng mái, mỗi tầng có một hốc giả trang trí bởi các vòng cung. Các tháp này sau một thời gian dài bỏ phế, người Chăm đã không cúng bái. Nay tháp đang được trùng tu và bảo quản.

#### *Khu du lịch Vĩnh Hy*

Vĩnh Hy được ví như nơi nối rừng với biển thuộc xã Vĩnh Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận. Nơi đây có làng chài Vĩnh Hy cạnh đó là ốc đảo Vĩnh Hy quây rũ bởi địa thế hiểm trở, một mặt là biển và 3 bề rừng núi bạt ngàn. Du khách có thể thám hiểm vịnh Vĩnh Hy với một chiếc thuyền nhẹ, chở được 4 người. Chèo thuyền men theo vách núi ăn ra sát biển, khách sẽ thăm thú được toàn bộ vịnh. Giữa làn nước trong xanh tĩnh lặng, từng đàn cá cơm bạo dạn bơi lội quanh thuyền. Xa xa về phía nam là những doi cát chạy dài, ôm cong bờ biển. Từ thị xã Phan Rang theo tỉnh lộ 702, du khách sẽ luôn qua những cung đèo xuyên rừng mai và khộp lá vàng, đặc trưng cho khí hậu khô nóng miền cực nam. Đầu đó một làng chài ẩn hiện, xóa tan sự tĩnh mịch của núi rừng, du khách có thể thả mình trong bãi tắm hoang sơ, vắng vẻ hoặc vào làng chài và tìm hiểu sinh hoạt của họ với những nghề làm mắm, hấp cá và cùng ngư dân kéo lưới, thưởng thức các đặc sản biển. Chuyến du khảo thú vị sẽ đưa du khách đến với làn nước mát lạnh của suối Lò Ô, bắt nguồn từ những dòng nhỏ, luôn lách trong các khe rừng rồi chụm lại đây. Hai bên suối là các phiến đá bằng phẳng, được che mát bởi những tán cổ thụ rậm rạp. Vào những ngày quang đãng, ánh sáng mặt trời bị khúc xạ bởi bọt nước trong không trung tạo nên cầu vồng rất kỳ thú.

#### *Vườn quốc gia Núi Chúa*

Vườn quốc gia Núi Chúa nằm phía đông bắc tỉnh Ninh Thuận, thuộc huyện Ninh Hải, cách thành phố Phan Rang - Tháp Chàm chừng 20km. Là nơi có hệ sinh thái rừng khô hạn đặc trưng hiếm thấy của Việt Nam được mệnh danh là “Rừng khô hạn châu Phi ở Việt



Nam” với nguồn tài nguyên động thực vật phong phú đa dạng về số lượng cũng như chủng loại, có tài nguyên rừng phong phú, đa dạng, diện tích rừng nguyên sinh khoảng 29.865 ha. Với khí hậu khô hạn, mưa ít, cát bỏng thế nhưng nằm trong quần thể Vườn Quốc gia Núi Chúa, "Hồ treo" trên vách núi đá, mặt hồ có đường kính 70 - 80m, quanh năm có nước trong xanh và nhiều động, thực vật sinh sống. Ven hồ có nhiều vĩa đá nổi nhô như một "hòn non bộ" do thiên nhiên tạo thành. Len lỏi trên những sườn núi cao, nhiều dòng suối chảy xiết, tung bọt trắng xóa, Suối Lò Ô là thắng cảnh nằm giữa vách núi đá với làn nước trong xanh, mát lạnh. Càng lên cao theo dốc núi, cây cối càng trở nên xanh tươi hơn, chủ yếu là cây bụi gai mọc liên kết thành từng mảng. Điều bất ngờ là ở khu vực này còn có một góc rừng mọc toàn là mai. Nấp mình bên khe đá, hút dinh dưỡng của đất khô cằn nhưng tét đến là mai nở vàng rực cả một góc núi, làm ngẩn ngơ những người đi rừng. Ở độ cao 1.000m, quần thể núi Chúa Anh và ba núi Chúa Em nhờ được hứng toàn bộ nước mưa nên nơi đây rất phong phú các loài động thực vật rừng. Núi Chúa Anh có độ cao 1.039m so với mặt biển, nơi có 1.265 loài thực vật bậc cao, đặc hữu quý hiếm; 306 loài động vật hoang dã, trong đó có nhiều loài được ghi vào sách đỏ: như chà vá chân đen, gấu ngựa, gấu chó, beo lửa...

### **5.2.3. Các tuyến Du lịch nội tỉnh Khánh Hòa**

Tỉnh Khánh Hòa có diện tích là 5.217,6 km<sup>2</sup>, dân số là 1.167,7 nghìn người (2010). Trung tâm hành chính của tỉnh là Thành phố Nha Trang, 1 thành phố Cam Ranh, 1 thị xã là Ninh Hòa, và các huyện là Vạn Ninh, Diên Khánh, Khánh Vĩnh, Khánh Sơn, Trường Sa, Cam Lâm. Bình Thuận có một nền văn hóa đa dạng và lâu đời của nhiều dân tộc. Toàn tỉnh có hơn 30 dân tộc chung sống, trong đó có các dân tộc đông nhất là: Việt (Kinh), Ra Glai, Hoa, Cơ Ho...

*Điều kiện tự nhiên* : Khánh Hòa là một tỉnh ven biển Nam Trung bộ, có quần đảo Trường Sa nằm ở điểm cực đông Việt Nam, nơi nhận được ánh nắng ban mai sớm nhất nước, phía bắc giáp tỉnh Phú Yên, phía tây giáp tỉnh Đắk Lắk và Lâm Đồng, phía nam giáp tỉnh Ninh Thuận. Địa hình Khánh Hòa thấp dần từ tây sang đông với những dạng núi, đồi, đồng bằng, ven biển và hải đảo. Hai sông lớn nhất chảy qua tỉnh là sông Cái (đổ ra biển tại Nha Trang) và sông Dinh. Trong đó huyện đảo Trường Sa quy tụ trên 100 đảo

Khí hậu vừa chịu sự chi phối của khí hậu nhiệt đới gió mùa, vừa mang tính chất khí hậu đại dương nên tương đối ôn hòa. Nhiệt độ trung bình năm 26,5°C.

Nha Trang cách Phan Rang 105km, cách Buôn Ma Thuột 190km, cách Đà Lạt 215km, cách Qui Nhơn 238km, cách thành phố Hồ Chí Minh 445km và Hà Nội 1.450km. Khánh Hòa có nhiều cảng biển trong đó cảng Cam Ranh thuộc vào loại cảng biển tốt nhất thế giới, có sân bay Nha Trang, sân bay Cam Ranh tiện lợi cho du khách đến Khánh Hòa. Nằm trên trục giao thông quan trọng quốc lộ 1A, đường sắt xuyên Việt nối Khánh Hòa với các tỉnh miền Nam và miền Bắc; quốc lộ 26 nối Khánh Hòa với Đắk Lắk và các tỉnh Tây Nguyên.

*Tiềm năng phát triển kinh tế và du lịch* : Nha Trang là một thành phố biển nằm trên đường quốc lộ số 1A. Bờ biển Khánh Hòa dài 200km, với trên 200 đảo lớn nhỏ, bãi cát trắng và nước biển trong xanh đã thu hút hàng ngàn khách du lịch trong và ngoài nước. Bãi

biển này nắng quanh năm và bầu trời luôn trong xanh, màu xanh Địa Trung Hải. Đại Lãnh - Vạn Phong - Nha Trang là một bờ biển dài với nhiều bãi biển đẹp kéo dài từ Đại Lãnh qua Nha Trang, Ninh Trữ tới Cà Ná (Ninh Thuận). Những bãi biển này chắc chắn sẽ tạo ra những ấn tượng sâu sắc cho khách du lịch. Sản xuất nông-công nghiệp phát triển tương đối toàn diện, phong trào nuôi tôm phát triển mạnh cùng với đánh bắt cá xa bờ. Khánh Hòa có nhiều tài nguyên, trong đó nổi tiếng là lâm sản (gỗ, kỳ nam, trầm hương), hải sản (cá, tôm...) và đặc biệt là yến sào. Khánh Hòa có 5 suối nước nóng có tác dụng chữa bệnh và khai thác nước uống.

### **Các tuyến tham quan du lịch nội tỉnh Khánh Hòa**

#### *Tháp Bà Pô Nagar*

Tháp Bà Pô Nagar là một công trình tiêu biểu cho nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc dân tộc Chăm, đã tồn tại trên 10 thế kỷ, nằm trên một ngọn đồi nhỏ, bên cửa sông Cái và quốc lộ 1A, thuộc phường Vĩnh Phước, phía bắc thành phố Nha Trang cách trung tâm thành phố Nha Trang chưa đầy hai cây số, nằm nép mình bên dòng sông Cái xinh đẹp, sát bên cầu Xóm Bóng, lại ở nơi khu thị tứ đông dân. Dường như bất cứ du khách nào đến Nha Trang cũng được đưa đi thăm Tháp Bà đầu tiên trong cuộc hành trình khám phá thành phố biển này. Tháp dưới vương triều Panduranga, cuộc di chuyển kinh đô đã diễn ra, việc xây dựng cụm tháp gồm 5 tháp lớn nhỏ khác nhau, hiện nay có một tháp đã bị mất dấu vết, và những tháp xây dựng đầu tiên đã bị tàn phá do chiến tranh. Năm 774 cụm tháp được vua Satysuaman tiến hành xây dựng lại và tiếp tục bị tàn phá. Cụm tháp hiện tại được xây dựng vào năm 965 bởi chính vua Jaya Indravarman I. Trong tháp chính cao 22.5m và đặt tượng nữ thần Pô Nagar bằng đá, đó là mẫu tượng trước kia làm bằng vàng đã bị cướp bóc. Tượng cao 2,6m có 10 tay ngồi trên một Yoni lớn vuông vức cạnh 1,5m. Do kỹ thuật xây dựng 10 thế kỷ trước mà cho đến nay chính những nhà nghiên cứu, chuyên môn vẫn chưa hiểu được là người Chăm đã làm cách nào để những viên gạch kích cỡ 20cm x 20cm cứ chồng khít lên nhau mà không cần một chất kết dính nào? Sự bền vững của cả 10 thế kỷ ấy đâu có bị lung lay bởi sự tàn phá của thiên nhiên nhưng không bị sụp đổ là điều đáng ghi nhận. Việc trùng tu Tháp Bà kéo dài từ năm 2000 đến năm 2003 đã hoàn tất, Tháp Bà đã trở thành một điểm nhấn văn hoá và là một nơi khách du lịch dừng chân khi đến Nha Trang.

Bên cạnh đó, một con đường nội bộ đã thi công dưới chân Tháp Bà, nhằm giúp cho khách tham quan có thể dạo chơi, ngắm nhìn sông Cái và đi trọn một vòng quanh tháp. Bên cạnh đó, hệ thống tường rào quanh tháp cũng vừa hoàn tất, những bậc thang lên tháp chính trong nhiều năm không sử dụng cũng đã được phục hồi. Tháp Bà là một điểm du lịch tháp Chăm độc đáo nằm ngay cửa ngõ thành phố Nha Trang.

#### *Khu du lịch Hồ cá Trí Nguyên*

Khu du lịch Hồ cá Trí Nguyên là bộ sưu tập các loài sinh vật biển theo mô hình mở, nằm trên đảo Bông Nguyên (hay còn gọi là Hòn Miếu) thuộc vịnh Nha Trang, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, cách trung tâm thành phố Nha Trang 5km về phía nam. Quý khách sẽ đi bằng thuyền máy từ cảng Cầu Đá sẽ đỡ rất nhiều thời gian của du khách sẽ đến

với khu du lịch hồ cá Trí Nguyên. Đến đây, du khách có thể đi dạo quanh hồ hay ngồi đón gió ngay trên thủy tạ, quan sát cảnh sinh hoạt của các loài sinh vật biển đủ sắc màu rực rỡ. Hệ thống hồ nuôi cá ở đây là một vùng hồ trên biển được ngăn lại bằng hệ thống kè đá san hô đủ cao để mực nước trong hồ bao giờ cũng ngang với mực nước biển, được chia làm 4 khu vực, có diện tích từ 150 - 200m<sup>2</sup>, trong đó hồ lớn nhất và nuôi nhiều loại cá nhất rộng đến 3ha. Lối đi giữa các hồ được lát đá hoặc bê tông. Dọc theo đường đi xung quanh hồ trồng nhiều loại cây như sứ trắng, hoàng lan, phi lao, bàng lá tròn...

Hồ thứ nhất là hồ ngoài trời - nơi nuôi các loại cá quen thuộc như cá thu, cá ngừ, cá nục, cá đuối... Nằm ẩn mình trong các hang đá là những con mực, tôm hùm, có con nặng đến 3kg. Hồ thứ hai là hồ trong nhà, nuôi các loại cá nhỏ nhưng thuộc loại quý và có giá trị nhất. Hồ thứ ba nuôi đồi mồi, rùa biển, trong đó có những con rùa nặng hơn 100kg. Hồ thứ tư rộng nhất, tiếp giáp với chân đồi và biển, nơi nuôi đủ các loại có từ loại nhỏ như cá cơm cho đến những loại cá nặng vài trăm kg. Trong hệ thống hồ nuôi cá này còn có những loài cá lạ và hiếm như cá ngựa, cá chép Nhật Bản, cá chim Napoleon, cá Picasso... Nơi đây như một đại dương thu nhỏ, không chỉ tạo cho du khách những giờ phút thư giãn, giải trí mà còn là dịp để tìm hiểu thêm về sự sống của các loài sinh vật biển. Sau khi tham quan hệ thống hồ nuôi cá tại tầng hầm, du khách tiếp tục lên tầng 1 để mua đồ lưu niệm hoặc thưởng thức các món đặc sản tại nhà hàng trên tầng 2. Điều thú vị là cả 3 tầng của khu tham quan này được đặt trong một kiến trúc độc đáo được thiết kế tựa hình một con tàu cổ dài 60m, cao 30m. Trên boong tàu có mô hình cột buồm và khẩu súng thần công. Đây là vị trí lý tưởng để du khách ngắm nhìn cảnh biển vịnh Nha Trang.

Cách khu du lịch hồ cá Trí Nguyên chừng vài trăm mét là bãi Sỏi – bãi tắm còn giữ được vẻ hoang sơ với phía trước mặt là biển, sau lưng là khu rừng với nhiều cây đại thụ và dây leo chằng chịt. Đây là nơi thích hợp với các hoạt động vui chơi, giải trí cho du khách.

### *Thác Yang Bay*

Thác Yang Bay nằm trong khu vực buôn Y Bay, xã Phước Thượng, huyện miền núi ở độ cao 600m so với đất liền, ngọn thác này được coi như là thượng nguồn của một nhánh sông từ trên cao nguyên đổ về sông Cái, Nha Trang. Yang Bay theo cách gọi của người dân tộc Raglai có nghĩa là “thác trời”. Từ Nha Trang, đi theo đường đến huyện Khánh Vĩnh, còn 4km tới thị trấn thì gặp xã Sông Cầu, theo con đường rẽ trái tiếp tục đi gần 5km nữa thì đến thác Yang Bay. Hiện nay, gần như không có một phương tiện công cộng nào đến thác ngoài xe hai bánh. Để mở con đường đến thác, có đoạn phải xẻ đôi núi ra khiến quang cảnh chung quanh thêm hấp dẫn. Thác từ trên cao, chen trong cánh rừng đại ngàn tạo ra những dốc thác khác nhau, mỗi dốc thác lại có nhiều hồ lớn nhỏ, nước trong veo, cá hồn nhiên bơi lội. Kết thúc cuộc hành trình của thác là một thác nhỏ với độ cao 10m trải dần xuống, chân thác là một hồ nước cạn, rộng mênh mông, có thể nhìn thấy lớp cát đá bên dưới

Nhưng sự hấp dẫn của Yang Bay còn ở ý tưởng chinh phục. Nhiều người đi trước đã tạo ra con đường nhô lên cao dần, phải vượt qua những mỏm đá cheo leo để đi lên đỉnh. Những người ít thích mạo hiểm thì không vượt thác mà vượt qua “hồ của thác”. Hồ nước

sạch, nước chỉ lưng chừng nửa mét. Xấn quân vượt qua là bước vào thế giới của đại ngàn bờ bên kia. Nơi đó có những cây đại thụ che rợp mát, dưới bóng cây là thảm lá rụng. Hiện nay, một đập tràn dài 30m đã được xây xong, tạo con đường băng qua thác và tạo ra một hồ bơi khá lý tưởng với độ sâu trung bình 1,2m, đảm bảo an toàn cho những ai chưa biết bơi. Ngoài ra cánh rừng bên kia thác cũng được chăm sóc để đẹp hơn và an toàn hơn cho những chuyến dã ngoại của du khách.

### *Khu du lịch Hòn Ngọc Việt*

Khu du lịch Hòn Ngọc Việt - Khu liên hợp du lịch và giải trí quốc tế VinPearl, không chỉ được nghỉ dưỡng và tắm biển mà còn có cơ hội được chăm sóc sức khỏe và tham gia các hoạt động nghệ thuật, vui chơi, giải trí, du lịch kết hợp thể thao nằm ở phía bắc đảo Hòn Tre, thuộc phường Vĩnh Nguyên, Tp. Nha Trang. Đảo Hòn Tre được biết đến nhờ những bãi tắm đẹp, hoang sơ với làn nước trong xanh, mát mẻ, với dải cát trắng mịn màng hòa quyện vào khung cảnh thiên nhiên bao la, thơ mộng. Trên các bãi tắm có những hàng chòi lá mà ở đó du khách có thể trải mình tắm nắng. Du khách cũng có thể tham gia các môn thể thao trên biển như: lướt ván, bóng nước, mô tô nước, lặn biển...

Hòn Ngọc Việt là khu du lịch biển đạt tiêu chuẩn quốc tế 5 sao, hiện đại vào loại bậc nhất Việt Nam. Nơi đây thu hút du khách không chỉ bởi nghỉ dưỡng và tắm biển mà còn bởi hệ thống cơ sở hạ tầng tuyệt đẹp, tiện nghi với thế phong thủy hữu tình: lưng dựa vào núi, mặt hướng ra biển cùng những dịch vụ chăm sóc sức khỏe và các hoạt động nghệ thuật, vui chơi, giải trí, du lịch kết hợp thể thao dành cho nhiều lứa tuổi khác nhau. Khu biểu diễn nghệ thuật ngoài trời có mái che hàng nghìn chỗ với âm thanh, ánh sáng tuyệt hảo là nơi trình diễn chương trình nhạc nước hàng đêm; Khu phố mua sắm và làng nghề với hơn 100 gian hàng lớn nhỏ trưng bày các đồ dùng cao cấp, hàng lưu niệm, các đồ dùng cần thiết cho vui chơi biển và các mặt hàng thủ công như: tranh thêu tay, đan lát, đồ gỗ, gốm sứ mỹ nghệ...; Trung tâm ẩm thực biển Việt Nam với đủ loại món ăn, tạo cho du khách có cơ hội thưởng thức nhiều loại món ăn từ cao cấp tới bình dân; Khu nhà hội nghị đa năng với sức chứa hơn 1.000 người, được sử dụng làm rạp chiếu phim, nhà hát, nhà hội nghị, hội thảo...; Công viên nước hết sức ấn tượng với dòng sông dài hơn 1.000m chạy qua khu Hải dương học, khu lặn biển và khu tái tạo lịch sử Việt Nam; một khu Spa lớn nhất Việt Nam với diện tích lên tới hơn 10.000m<sup>2</sup> nằm trong một rừng tre với những nhà trị liệu có mái gỗ độc đáo, là khu liệu pháp chăm sóc sắc đẹp, giữ gìn sức khỏe và thư giãn tinh thần, rất được du khách ưa chuộng. Đặc biệt, nơi đây có một núi nhân tạo (diện tích sử dụng bên trong hơn 4.000m<sup>2</sup>) với hệ thống 3 phòng chiếu phim 4D, khu xe điện đung, các phòng chơi game hiện đại vào loại bậc nhất thế giới và các trò chơi cảm giác mạnh như: đu quay, nhào lộn, các đoàn tàu tốc độ cao... Tất cả đã tạo cho Hòn Ngọc Việt trở lên hiện đại, đa dạng, trữ tình, mang một dấu ấn riêng, là điểm nhấn du lịch của Khánh Hoà nói riêng và cả nước nói chung, là điểm đến lý tưởng cho du khách trong và ngoài nước.

Trong những năm qua, Hòn Ngọc Việt luôn được chọn làm địa điểm tổ chức các cuộc hội thảo, hội nghị, các chương trình văn hoá lễ hội mang đẳng cấp quốc gia và quốc tế. Đặc biệt,

năm 2008, Hòn Ngọc Việt là nơi diễn ra cuộc thi Hoa hậu Hoàn Vũ lần đầu tiên được tổ chức tại Việt Nam.

### *Hòn Tằm*

Hòn Tằm là một điểm du lịch sinh thái biển đảo hấp dẫn, nơi đây vẫn còn lưu lại vẻ hoang sơ của thiên nhiên với thảm rừng nhiệt đới xanh mướt, bờ cát dài lãng mạn. Hòn Tằm là một trong những điểm đến hấp dẫn nhất của tỉnh Khánh Hòa. Bàn tay con người đã làm cho vẻ đẹp hoang sơ ấy càng trở nên hấp dẫn hơn. Có một con đường nhỏ bao quanh đảo, giúp cho du khách thích đi dạo sẽ có dịp ngắm nhìn trời mây non nước... Những chồi lá e lệ nằm dọc bờ cát trắng mịn cùng những tòa nhà thấp thoáng trong rặng cây khiến du khách vô cùng thích thú, và mong muốn được ngả mình nghỉ ngơi dưới bóng mát của những chồi lá ấy. Và trong làn nước biển trong xanh, khách có thể ngắm nhìn đàn cá bơi lội tung tăng, gần đến nổi tưởng như chỉ đưa tay xuống nước là có thể bắt được.

Đến Hòn Tằm, du khách được tận hưởng vẻ đẹp của Hòn Tằm từ trên cao trên những chiếc dù bay hoặc có thể đưa tốc độ cùng với những con sóng trên chiếc Jesty... có thể chơi bóng chuyền bãi biển, đua xuồng Kayak, leo núi... hoặc nằm dài trên những chiếc ghế ngắm mây trời và sóng biển. Sẽ chẳng có gì thú vị hơn khi được ngả người trên bãi cát ngắm hoàng hôn đỏ rực rắng chiều trên đảo mãi đến khi chúng chìm vào bóng tối. Hòn Tằm đã có những dịch vụ chuyên nghiệp và cao cấp, những phòng ngủ sang trọng có truyền hình vệ tinh, điện thoại. Phòng hội nghị có thể tổ chức được các cuộc họp khoảng 100 khách. Những trò chơi mới lạ, hấp dẫn luôn được khám phá, tìm tòi để đổi mới và đổi mới liên tục, đáp ứng yêu cầu của du khách. Ở Hòn Tằm có dịch vụ lửa trại dành cho du khách muốn nghỉ đêm trên đảo. Khu dã ngoại này có 200 chiếc lều rực rỡ xinh xắn. Tham gia đêm lửa trại, du khách sẽ được uống rượu cần, ăn đồ nướng, và hát hò suốt đêm.

### *Khu du lịch sinh thái Ba Hồ*

Khu du lịch sinh thái Ba Hồ nổi tiếng hấp dẫn du khách bằng vẻ đẹp thiên nhiên còn giữ nguyên nét hoang sơ, lãng mạn của sông hồ, rừng núi. Nó nằm trên địa phận huyện Ninh Hòa, cách thành phố Nha Trang gần 30km. Ba Hồ là một con suối cao trên 660m bắt nguồn từ đỉnh Hòn Sơn, chảy giữa hai triền núi đá xuống cánh đồng thôn Phú Hữu, xã Ninh Ích rồi đổ ra đầm Nha Phu. Suối mang tên Ba Hồ vì phía đầu nguồn, trên đường vượt núi, băng rừng để xuống với biển, có ba lần suối mở lòng ra ngay trên lưng núi, tạo liên tiếp ba cái hồ với cảnh quan thiên nhiên kỳ thú. Với chiều dài hơn 3km, du khách phải trải qua một cuộc hành trình không hề đơn giản nếu muốn khám phá hết cả 3 hồ.

Qua lối mòn, leo đến hồ thứ nhất du khách có thể đã cảm thấy nản lòng vì quá mệt, đến hồ thứ hai lại phải vượt qua những ghềnh đá mấp mô, những hang động đôi khi chỉ đủ một người chui lọt và khi đến được hồ thứ 3 thì du khách thực sự đã được “ném trái” đủ các cảm giác leo núi, vượt suối, đi theo đường mòn... Ngoài việc tận hưởng khí trời, du khách còn được chinh phục độ cao, được khám phá những hang động nhỏ, những thác nước tuôn trắng xóa... với những cảm giác vừa hồi hộp vừa thú vị. Sau chặng leo núi du khách có thể nghỉ ngơi dưới những tán cây rộng râm mát của khu rừng nguyên sinh hoặc vừa ngâm mình

trong làn nước trong vắt vừa thường ngoạn những giai điệu của núi rừng với tiếng chim hót ríu rít xen lẫn tiếng nước chảy róc rách từ những thác nước gần đó. Theo người dân địa phương, để có thể đi hết hành trình này phải mất gần 1 ngày. Nằm trên tuyến đường thuận lợi, cạnh các địa điểm du lịch khác như Đại Lãnh, Dốc Lết, Ninh Thủy... Ba Hồ là một điểm dừng chân lý thú dành cho du khách với đầy đủ các dịch vụ vui chơi, giải trí như khu ăn uống, giải khát, nhà nghỉ, các trò chơi trên sông.

#### *Khu du lịch Dốc Lết*

Khu du lịch Dốc Lết nằm ở địa phận bờ biển Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa, cách thành phố Nha Trang chừng 50km về phía bắc. Dốc Lết có những cồn cát trắng tinh chạy dài, cao hàng chục mét phía trên hàng dương, ngăn cách đất liền với biển. Đi từ thành phố Nha Trang theo quốc lộ 1A, đến ngã ba rẽ phải chừng 14km thì vào đến khu du lịch Dốc Lết. Từ đất liền, muốn ra được biển phải vượt qua cồn cát. Khi vượt khỏi cồn cát, du khách sẽ được đặt chân lên một bãi biển tuyệt vời với bờ cát trắng mịn, phẳng lì chạy dài ven biển dài gần 10km với nước biển trong xanh, tinh khiết với muôn ngàn lớp sóng nhẹ vỗ bờ chào đón. Từ bờ đi ra khoảng 100-110m, mực nước cũng chỉ tới ngực, thoải thoải ra xa dần, không sâu như các bãi biển khác, mặt nước chỉ lặn tẩn gợn sóng thật êm ả. Nước biển trong xanh và thật sạch bởi khu vực này không có con sông nào đổ vào. Sau những giờ nô đùa, vẫy vùng ngoài biển, du khách có thể nghỉ giải lao ở những căn chòi lộng gió, thưởng thức những món hải sản tươi như: tôm, gẹ, cua biển, ốc nhảy, tôm tích biển, ốc gai, sò lông biển, sò dương. Ban đêm ở đây thật yên tĩnh, du khách có thể tản bộ một vòng trên bờ biển cát trắng lung linh, xem ngư dân đánh cá, thả mực, câu gẹ, bắt nghêu và thử tài làm ngư phủ. Cảnh quan thiên nhiên trên bờ, vùng biển trước mặt của Dốc Lết đều hấp dẫn du khách. Nơi đây cũng rất gần vịnh Vạn Phong nổi tiếng, một trong những điểm du lịch quốc tế đã tiến hành khảo sát và đánh giá rất cao về tương lai phát triển du lịch của vùng này. Đến Dốc Lết, ngoài khu du lịch bờ biển, du khách có thể đi thăm làng chài, đồng muối Hòn Khói, vùng Hòn Hèo.

#### *Khu du lịch Hòn Chồng*

Khu du lịch Hòn Chồng thuộc phường Vĩnh Phước, thành phố Nha Trang, là một quần thể khối đá lớn với đủ loại hình thù, xếp chồng lên nhau chạy từ bờ cao xuống biển như có một bàn tay khổng lồ nào xếp đặt, tạo dựng trong một trò chơi xếp hình tinh nghịch. Đi giữa bãi đá còn nhiều tảng đá chồng chất kỳ lạ như cảnh hai hòn đá dựng đứng, giữa có chệch một hòn đá lớn như cái cổng qua một cụm đá khác. Cụm đá thứ hai có hình dáng một người phụ nữ ngồi trông ra biển, nằm dưới chân đồi phía đông, mang cái tên có ý nghĩa gần gũi với Hòn Chồng - đó là Hòn Vợ. Khu du lịch Hòn Chồng là nơi du khách có thể vừa tắm biển, lại có thể chơi trò leo núi, vừa ngắm cảnh biển. Nơi đây còn có nhiều sự tích dân gian lý thú xoay quanh sự tích Hòn Chồng, lạ nhất là trên một khối đá lớn nằm trên mỏm cao nhất của Hòn Chồng có in dấu một bàn tay khổng lồ hằn sâu trong đá, đủ cả lòng bàn tay và 5 ngón tay, như thể thuở mới tạo sơn, đá chưa kịp đông cứng lại, đã có một bàn tay khổng lồ nào bầu vịn vào, để lại dấu vết đến ngày nay.

Tục truyền rằng, thuở xưa ông khổng lồ ngồi câu cá nơi đây, có một con cá cũng khổng lồ cắn câu lôi đi, ông phải kéo lại, tay cầm cần câu, tay tì vào tảng đá lấy đà khiến bàn tay ấn vào đá và để lại dấu như đã thấy. Đứng trên Hòn Chồng nhìn ra là bầu trời xanh, biển biếc bao la, xa xa là Hòn Yến. Quay về bên phải xa tít là Cảng Cầu Đá, Hòn Tre và bờ biển Nha Trang dài tới 6km với hàng dừa, hàng phi lao xanh ngát trên bãi cát trắng phau. Khuất bên mũi đồi Lasan, nhô ra biển là cửa sông Nha Trang, bến cá Cù Lao sầm uất.

### *Trung tâm Du lịch Suối khoáng nóng Tháp Bà Nha Trang*

Trung tâm Du lịch Suối khoáng nóng Tháp Bà Nha Trang nằm tại 15 Ngọc Sơn, Ngọc Hiệp, cách trung tâm thành phố Nha Trang khoảng 4km về hướng Bắc. Đây là một loại hình dịch vụ chăm sóc sức khỏe độc đáo. Hệ thống dịch vụ phong phú, đa dạng, du khách có thể dễ dàng chọn cho mình một loại dịch vụ thích hợp. Nằm sau lưng Tháp Bà Ponagar cổ kính, trong khuôn viên rộng 3ha Trung tâm Du Lịch Suối Khoáng Nóng Tháp Bà - Nha Trang được tạo bởi thế núi thế sông hữu tình và bao phủ bởi rừng bạch đàn, đồi cây trái và cỏ hoa tự nhiên êm đềm và thơ mộng. Suối Khoáng Nóng Tháp Bà Nha Trang tự hào là nơi chia sẻ với cộng đồng món quà thiên nhiên vô giá này, là một gam màu mới góp phần làm rạng rỡ bức tranh du lịch Nha Trang - Khánh Hòa - Việt Nam. Ngày nay, trên thế giới, tắm bùn khoáng đã được xem là liệu pháp chăm sóc sức khỏe và làm đẹp da hiệu quả nhất từ thiên nhiên. Với hiệu quả đã được khẳng định không chỉ trong việc phục vụ nghỉ ngơi thư giãn, mà còn chữa được các bệnh xương khớp: gút, các bệnh về da, chàm vẩy nến và các bệnh về hệ thần kinh. Hệ thống dịch vụ tại Suối Khoáng Nóng Tháp Bà luôn được nâng cấp làm mới và phong phú đa dạng để mỗi du khách khi đặt chân đến đều có thể chọn cho mình một dịch vụ thích hợp, tận hưởng sự chăm sóc tuyệt diệu từ thiên nhiên như dịch vụ: V.I.P Spa, Ngâm Khoáng Tiên Sa, Tắm Bùn Đặc Biệt, Tắm Bùn Tập Thể, Hồ Bơi Khoáng Nóng, Hồ Bơi Khoáng Lạnh, On Tuyền Thủy Liệu Pháp, Massage, Thác Nước Khoáng...

### *Vịnh Cam Ranh*

Vịnh Cam Ranh được xem là một trong ba vịnh thiên nhiên tốt và đẹp nhất thế giới, thuộc TP. Cam Ranh, với diện tích vùng vịnh kín tới 60km<sup>2</sup> và độ sâu trung bình 18 - 20m nước. Vịnh Cam Ranh với vẻ đẹp nguyên sơ mang trải dài như một dải lụa xanh thắm, chỗ hẹp nhất khoảng 10km, rộng nhất 20km. Vịnh gần như khép kín bởi bán đảo Cam Ranh từ phía bắc chạy phủ kín cả phía đông, phía tây. Phía nam vịnh là đất liền, chỉ mở ra một cửa lớn - được ví như một cánh tay ôm lấy vịnh, tạo thành một vành đai nên mặt nước luôn êm đềm. Du thuyền trên vịnh như "đi trên thảm" bởi không có sóng lớn... Quanh năm nắng ấm chan hòa, bầu trời trong xanh tạo cho mặt vịnh một màu xanh rất dễ chịu. Thiên nhiên ở vịnh Cam Ranh đẹp gần như còn nguyên sơ: những bãi cát trắng vàng, trải dài mịn màng như chưa bao giờ có dấu chân người (cát ở Cam Ranh có hàm lượng silic và titan rất lớn, từng xuất khẩu sang Nhật Bản để chế tạo thủy tinh), dưới lòng vịnh có những rặng san hô và những đàn cá nhiều màu sắc rất đẹp mắt. Nhưng đẹp nhất vẫn là những quần thể ghềnh đá granit do sự xâm thực của gió, của nước biển đã tạo nên những hình thù chông chênh.

còn có nhiều bãi tắm hoang sơ tuyệt đẹp, bên cạnh những rừng dừa xanh cao vút, tạo nên nét đặc trưng của miền duyên hải Trung Bộ. Bán đảo Cam Ranh còn có một ưu thế lớn là trữ lượng nước ngọt đáng kể trong lòng đất (mặc dù ba phía là biển) khiến cho đất đai nơi đây trù phú, phủ kín bởi màu xanh tươi của cây trái. Nơi đây khi mùa xuân về, mai rừng nở rộ cả một khoảng trời. Bán đảo còn là nơi cư trú của nhiều loại thú rừng và không thể không kể đến những loại hải sản nổi tiếng xưa nay như: tôm hùm Bình Ba, sò huyết Thủy Triều... Vịnh Cam Ranh là nơi lý tưởng để tổ chức các loại hình du lịch biển quốc tế như: bơi thuyền, câu cá, lặn biển xem san hô, nghỉ dưỡng, chữa bệnh, leo núi... Xung quanh có núi bao bọc làm cho vùng biển luôn kín gió. Cam Ranh chỉ cách đường hàng hải quốc tế 1 giờ tàu biển (so với Hải Phòng cách 18 giờ). Cảng thương mại trong vịnh Cam Ranh có tên là cảng Đá Bạc tại thị trấn Ba Ngòi, vì vậy còn có tên là cảng Ba Ngòi.

#### *Vịnh Vân Phong*

Vịnh Vân Phong là một kỳ quan thiên nhiên với khí hậu ôn hòa, bãi biển đẹp, cát mịn, núi đồi hùng vĩ bao quanh thuộc huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa, cách thành phố Nha Trang khoảng 80km về phía bắc. Có một ngọn đồi cát dài 18km nằm giữa đất liền và hai hòn đảo, tạo ra vịnh Vân Phong với phong cảnh tuyệt đẹp. Cùng với những cánh rừng nhiệt đới hầu như còn nguyên vẹn, những rạn san hô đa sắc, đẹp sững sờ, có dấu tích sinh tồn của một khu rừng ngập mặn, hàng trăm sinh cảnh, muông thú đặc chủng và hàng chục ngàn loài thủy, hải sản quý là những ưu thế giúp Vân Phong có thể mạnh phát triển du lịch sinh thái rõ nét. Tổng cục Du lịch Việt Nam đã xếp Vân Phong vào "Vùng du lịch trọng điểm phát triển" trong kế hoạch dài hạn của ngành đến năm 2010. Vịnh Vân Phong cũng được Hiệp hội Biển thế giới công nhận là một trong bốn vịnh có vị trí du lịch biển lý tưởng nhất hiện nay. Nơi đây có thể tổ chức nhiều loại hình du lịch thể thao dưới nước và trên núi (lặn, lướt ván, thuyền buồm hoặc đi săn, leo núi, tắm nước khoáng...).

#### *Viện Hải Dương Học*

Viện Hải Dương Học nằm trên một khu đất cao ráo, rộng rãi tại số 1, Cầu Đá, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Nó được thành lập năm 1923, là một trong những cơ sở nghiên cứu khoa học được ra đời sớm nhất ở Việt Nam và được coi là cơ sở lưu trữ hiện vật và nghiên cứu về biển lớn nhất Đông Nam Á.

Đến thăm Viện, du khách sẽ được tận mắt xem Bảo tàng sinh vật biển với trên 20.000 mẫu vật của hơn 4.000 loại sinh vật biển và nước ngọt đã được sưu tầm, gìn giữ từ nhiều năm, bên cạnh những mẫu vật sống được nuôi thả trong những bể kính. Nói đến Viện Hải Dương Học, người ta không thể không nhắc đến một bộ phận hữu cơ của nó là bảo tàng Hải Dương Học - vốn rất nổi tiếng từ những năm 30 của thế kỷ trước với cái tên dân dã là "Hồ cá Hải học viện Nha Trang". Hiện nay, bảo tàng Hải Dương Học được tập trung đầu tư nâng cấp, mở rộng và phát triển thành một quần thể liên hoàn bao gồm các bể nuôi sinh vật biển phục vụ nghiên cứu, tham quan cũng như giáo dục cộng đồng, và một hệ thống nhà lưu trữ mẫu sinh vật biển lớn nhất nước. Có rất nhiều mẫu vật đã được gửi đến nhiều phòng thí nghiệm khác nhau ở nước ngoài, nhiều bảo tàng trên thế giới. Đến tham quan bảo tàng,



ngoài việc chiêm ngưỡng vẻ đẹp của hàng trăm loài sinh vật biển nhiệt đới, khách tham quan còn có thể xem xét tìm hiểu hơn 10.000 loài sinh vật ở biển Đông đang được lưu trữ. Bộ mẫu sinh vật biển bao gồm các loài hiện hữu ở biển Việt Nam, Campuchia và các vùng nước lân cận, trong đó có các loài thú biển quý hiếm đang có nguy cơ tuyệt chủng như Bò biển (Dugong). Đặc biệt, bảo tàng đang lưu giữ, bảo quản trưng bày bộ xương cá voi khổng lồ dài gần 26m, cao 3m đã bị chôn vùi trong lòng đất ở đồng bằng sông Hồng ít nhất hơn 200 năm. Đây thực sự là một di vật lịch sử tự nhiên vô cùng quý giá. Bảo tàng còn giới thiệu với du khách các đặc điểm tự nhiên của vùng biển Đông, giới thiệu những khoáng sản, tài nguyên quý giá, những cảnh quan môi trường vùng biển ven bờ, các hệ sinh thái giàu có như rừng ngập mặn, rạn san hô, thảm cỏ biển - để lưu ý nhắc nhở mọi người hãy nâng cao ý thức bảo vệ cảnh quan môi trường, nguồn lợi vì lợi ích của con cháu mai sau. bảo tàng Hải Dương Học đang trở thành trung tâm trưng bày giới thiệu và giáo dục truyền thống chinh phục khai thác và bảo vệ biển Đông của người Việt. Đây thực sự là một trung tâm di sản văn hóa biển rất đáng quý, cần phải bảo quản và phát triển.

#### **5.2.4. Các tuyến Du lịch nội tỉnh Phú Yên**

Tỉnh Phú Yên có diện tích là 5.060,6 km<sup>2</sup>, dân số là 868,5 nghìn người (2010). Trung tâm hành chính của tỉnh là Thành phố Tuy Hòa, 1 thị xã là Sông Cầu, và các huyện là Đồng Xuân, Tuy An, Sơn Hòa, Phú Hòa, Tây Hòa, Đông Hòa, Sông Hinh. Bình Thuận có một nền văn hóa đa dạng và lâu đời của nhiều dân tộc. Toàn tỉnh có hơn 30 dân tộc chung sống, Việt (Kinh), Chăm, Ê Đê, Ba Na.

*Điều kiện tự nhiên:* Phú Yên là một tỉnh thuộc vùng duyên hải Nam Trung bộ. Phía bắc giáp Bình Định, phía nam giáp Khánh Hòa, phía tây giáp các tỉnh Đắk Lắk và Gia Lai, phía đông giáp biển Đông. Phú Yên có đồi núi, đồng bằng ven biển và hơn trăm kilômét bờ biển đã tạo cho Phú Yên những cảnh quan thiên nhiên đẹp. Nơi có núi dốc chạy dài ra sát biển chia cắt dải đồng bằng và tạo ra những đầm, vịnh nước lợ ven biển như vịnh Cù Mông, vịnh Xuân Đài, đầm Ô Loan, Vũng Rô... Phú Yên có 3 sông chính chảy qua tỉnh: sông Ba (Đà Rằng), sông Kỳ Lô và sông Bàn Thạch. Địa hình Phú Yên có thể chia thành 2 khu vực lớn:

*Vùng núi và bán sơn địa (phía tây là sườn đông của dãy Trường Sơn Nam):* gồm các vùng huyện Sơn Hòa, Sông Hinh, Đồng Xuân và phần phía tây các huyện Sông Cầu, Tuy An, Tây Hòa, Đông Hòa. Đây là vùng núi non trùng điệp, song không cao lắm, có đỉnh Vọng Phu cao nhất (2.064m).

*Vùng đồng bằng:* gồm các vùng thành phố Tuy Hòa, các huyện Tuy An, Sông Cầu, Tây Hòa, Đông Hòa với những cánh đồng lúa lớn của tỉnh. Chịu ảnh hưởng của khí hậu đại dương nên khí hậu Phú Yên nóng, ẩm, mưa nhiều. Nhiệt độ trung bình hàng năm 26,5°C, cao nhất 39°C và thấp nhất 15,5°C.

*Tiềm năng phát triển du lịch:* Phú Yên có nhiều di tích và điểm du lịch như núi Nhạn ở ngay trong lòng thành phố Tuy Hòa, soi bóng xuống dòng sông Đà Rằng. Từ thành phố Tuy Hòa, đi về phía bắc, du khách có thể thăm sông Cầu, khu du lịch biển Long Thủy

một vùng thiên nhiên mênh mông với đầm Ô Loan nước trong vắt, các đảo ven bờ như Hòn Chùa, Hòn Yên, bãi Tiên, chùa Đá Trắng, ghềnh Đá Đĩa với những lớp đá xếp lên nhau. Đi về phía nam của Phú Yên là cảng Vũng Rô (cách thành phố 25km), bãi Xếp, bãi Tiên... Về hướng tây là khu rừng cấm Suối Trai, gò Thị Thùng nơi ghi lại chứng tích chiến trường của nhân dân Phú Yên, thác Yaly và thượng nguồn sông Hinh, suối nước nóng Phước Long, suối Tiên. Những món ăn đặc sản như tôm, cua, cá, sò huyết, ốc nhây... của Phú Yên sẽ đem lại cho du khách những hương vị khó quên.

### **Các điểm tham quan du lịch nội tỉnh Phú Yên**

#### *Tháp Nhạn*

Tháp Nhạn là nơi thờ phụng thần linh của người Chăm cổ nằm bên bờ bắc sông Đà Rằng, gần quốc lộ 1A, thuộc thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. Tháp Nhạn được xây dựng vào cuối thế kỷ thứ 11, đầu thế kỷ 12 trên một khu đất tương đối bằng phẳng gần đỉnh núi Nhạn. Chung quanh việc xây dựng ngọn tháp trên núi Nhạn, có truyền thuyết kể rằng, thuở ấy quân của ông Lương Phù Già (tức Lương Văn Chánh) giao tranh với quân Chăm (Chiêm Thành). Chiến trường diễn ra ở phần đất thành phố Tuy Hòa ngày nay. Quân của ông Phù Già đóng ở núi Nự, quân Chiêm đóng ở núi Nhạn để cố thủ. Cuộc chiến diễn ra vô cùng ác liệt không phân thắng bại. Để tránh thiệt hại về người và của cho lương dân, hai bên giao ước với nhau sẽ cùng xây tháp, bên nào hoàn thành trước thì thắng cuộc, còn bên thua cuộc sẽ phải tự động rút quân khỏi Phú Yên. Hai địa điểm được hai bên lựa chọn là: quân Chăm trên núi Nhạn, quân ông Phù Già trên núi Cỏ Rùa, một phần nhô ra của núi Nự.

Tháp Nhạn có phong cách kiến trúc như tháp Chăm Pô Nagar ở Nha Trang, đó là xây dựng theo hình thức tầng cao. Tháp có hình tứ giác với 4 tầng, càng lên cao càng thu nhỏ lại so với tầng dưới, nhưng vẫn theo phong cách tầng dưới. Tháp cao gần 23,5m, mỗi cạnh chân tháp dài 10m. Vật liệu xây dựng tháp đều bằng gạch nung với nhiều kích cỡ khác nhau tùy theo vị trí của từng mảng tường, từng tầng tháp và được xếp liền khít, không thấy mạch hồ song kết dính rất vững chắc. Những hàng gạch bên trên hơi lồi vào so với hàng gạch bên dưới cho đến khi khép kín vòm. Nóc của tháp gồm nhiều lớp xếp, phần chóp được cấu tạo bằng phiến đá nguyên tảng có hình búp sen cân đều. Đó là biểu tượng Linga của người Chăm. Trên đỉnh tháp, bốn mặt đều có bốn cửa sổ giả, tách biệt giữa phần trên và tầng dưới. Cửa chính ở hướng đông, phần trên cửa hình vòm, xây cuốn theo kiểu giạt cấp, trụ và xà ngang của cửa là khối đá vôi mềm, dễ đẽo gọt, đục chạm. Bên trong tháp, tường xây thẳng đứng cao vút từ phần đế tháp cho đến hết phần thân. Càng lên cao, tường càng thu nhỏ dần cho đến đỉnh, tạo thành hình chóp nón. Trên mặt tường tháp không có hoa văn trang trí, chỉ có một vài họa tiết hoa văn hình rồng được chạm khắc cách điệu bằng đá hoa cương đặt bên ngoài góc tháp. Trong lòng tháp không có bệ thờ, không có tượng, chỉ có một am nhỏ phía trước để thờ bà Thượng Đỉnh Chúa Thiết A Na Diễn Ngọc Phi được xây dựng từ thời Hậu Lê. Đặc biệt, dưới chân núi Nhạn về phía tây nam, ven bờ sông Chùa có một tảng đá cao 1,3m, mỗi cạnh rộng 0,9m, dưới chân có chạm hình cánh sen, trên khắc 3 chữ cổ (dạng chữ Phạn) thường gặp ở các tấm bia trụ cột trong các tháp Chăm. Chữ khắc ở 1/3 tầng đá. Có lẽ

đây là thư tịch duy nhất ở khu vực tháp còn lưu lại đến nay. Tháp Nhạn là công trình kiến trúc nghệ thuật có giá trị lịch sử cao của người Chăm và đây cũng là một thắng cảnh tiêu biểu của tỉnh Phú Yên. Tháp Nhạn đã được Bộ Văn hóa - Thông tin công nhận là Di tích kiến trúc - nghệ thuật cấp quốc gia vào ngày 16/11/1988.

#### *Địa đạo Gò Thì Thùng*

Địa đạo là kỳ tích của quân và dân Phú Yên trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước tại địa bàn xã An Xuân, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên, cách Tp.Tuy Hoà khoảng 45km về phía bắc. Địa đạo được khởi công xây dựng vào ngày 10/5/1964 và hoàn thành vào tháng 8/1965, địa đạo Gò Thì Thùng nối với vùng căn cứ địa cách mạng của tỉnh Phú Yên bởi các xã Sơn Long, Sơn Định (huyện Sơn Hòa). Đây là vị trí quân sự có tầm chiến lược, án ngữ cửa ngõ phía nam của vùng căn cứ, tạo cơ sở vững chắc cho bộ đội và dân quân du kích địa phương đánh tan nhiều cuộc tấn công của đế quốc Mỹ trong cuộc chiến tranh cục bộ, làm nên những chiến công vang dội lịch sử. Đặc biệt, với trận địa liên hoàn bao gồm: hầm chông, cọc nhọn, giao thông hào..., địa đạo Gò Thì Thùng đã giúp quân dân ta bẻ gãy kế hoạch “Năm mũi tên” trong cuộc phản công chiến lược mùa khô 1965 – 1966 của đế quốc Mỹ đánh vào đồng bằng Khu 5.

Nằm ở độ cao 400m so với mực nước biển, địa đạo Gò Thì Thùng có đường hầm dài 2km, sâu 4,5m, rộng 0,8m, cứ khoảng 15m lại có ngách cán chỏ làm chỗ tránh. Các lỗ thông hơi trong đường hầm được khoét từ dưới lên xuyên vào các hốc cây để tránh bị địch phát hiện. Miệng hầm được trổ từ dưới lên để khỏi bị lộ khi gần nắp hầm. Nắp hầm địa đạo được thiết kế giống hầm bí mật, dùng tre cật đan dày hoặc trồng cỏ lên trên, cứ 20m có một nắp hầm. Trong địa đạo có hệ thống hầm chỉ huy, hầm chứa lương thực, vũ khí, nước uống dự trữ... có thể chống được đạn pháo và bom loại nhỏ. Xung quanh địa đạo là hệ thống giao thông hào dài 10km. Ngày 3/2/2009, địa đạo Gò Thì Thùng đã được Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch công nhận là Di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia.

#### *Chùa Từ Quang*

Chùa có khu mộ tháp các hòa thượng được đánh giá là một trong những công trình có giá trị kiến trúc nghệ thuật độc đáo hàng đầu ở các tỉnh duyên hải miền Trung, tọa lạc trên núi Xuân Đài thuộc xã An Dân, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên, cách trung tâm thành phố Tuy Hoà khoảng 35km về phía bắc, cách quốc lộ 1A khoảng 500m. Chùa nằm trên núi, giữa một vùng toàn đá trắng nên còn được gọi là chùa Đá Trắng hay chùa Bạch Thạch. Chùa được xây dựng từ năm 1797 dưới triều vua Quang Toản (nhà Tây Sơn), do thiền sư Pháp Chuyên, đời thứ 36 phái Lâm Tế khai sơn. Trước đó, vào năm 1793, thiền sư đã dựng một thảo am tại đây để dịch kinh Hoa Nghiêm và bốn năm sau cho dựng chùa Từ Quang. Đến năm 1929, chùa bị hoả hoạn, các công tình kiến trúc bị thiêu rụi hoàn toàn. Sau đó, chùa được xây dựng lại theo nguyên mẫu chùa cũ và được trùng tu nhiều lần. Trên một khu đất rộng ở phía tây ngôi chùa có 8 ngôi tháp thờ các vị hòa thượng đã khai sáng và trụ trì chùa. Tại chùa còn có quả chuông Đại hồng nặng 330 cân, do hoà thượng Pháp Ngũ cho đúc ở Huế vào năm 1915. Đặc biệt, chùa đã từng là căn cứ của nhiều cuộc khởi nghĩa chống thực dân Pháp vào cuối

thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20. Nằm ở độ cao 100m so với mực nước biển, chùa có tổng diện tích khoảng 5.000m<sup>2</sup>, lưng dựa vào dãy núi Xuân Đài, mặt hướng về phía nam, nhìn ra con sông Cái (sông Ngân Sơn) và sông Nhân Mỹ. Đứng ở sân chùa, có thể nhìn bao quát cả một vùng sông, núi xanh biếc tuyệt vời. Xung quanh chùa là vườn xoài đã đi vào thơ ca Phú Yên như một sản phẩm đặc trưng của vùng đất này: “Xoài Đá Trắng, sản phường Lụa”. Hàng năm, đến vụ xoài, người dân thu hoạch, chuyển về kinh thành dâng Vua nên xoài Đá Trắng còn có tên là xoài Ngự, xoài Tiên cung. Chùa Từ Quang đã được Bộ Văn hóa - Thông tin công nhận là Di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia vào năm 1997.

#### *Bãi biển Mỹ Á (Long Thủy)*

Bãi biển Mỹ Á được xem là bãi tắm đẹp nhất Phú Yên, thuộc địa phận xã An Phú, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên. Bãi biển Mỹ Á có cát trắng phau phau trải dài theo mép nước. Nước biển ở đây trong xanh, đáy thoai thoải, trải dài dưới bóng dừa xanh mát. Rừng dừa Mỹ Á hết sức thơ mộng, có thể ru hồn khách lãng du trong những đêm trăng thanh gió mát. Ngoài khơi biển Mỹ Á là các đảo lớn, trong đó có đảo Hòn Chùa với diện tích 0,22km<sup>2</sup>, nơi có cảnh quan đẹp với hệ sinh thái biển phong phú thuận lợi cho các hoạt động du lịch biển.

#### *Ghềnh Đá Đĩa*

Ghềnh Đá Đĩa mặt đá giống như muôn ngàn chiếc đĩa xếp chồng bên nhau màu đen tuyền bên biển xanh thăm thẳm tung bọt biển trắng xóa. thuộc xã An Ninh Đông, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên. Nhìn Ghềnh Đá Đĩa người ta cho rằng từ hàng ngàn, hàng vạn năm trước, nơi đây núi lửa phun nham thạch, gặp nước biển cực lạnh, xảy ra phản ứng hóa học làm rạn nứt toàn bộ khối nham thạch khổng lồ tạo thành lớp lớp cột đá chen nhau, cao từ 60 - 80cm so với mặt biển. Mặt đá như muôn ngàn chiếc đĩa xếp chồng bên nhau màu đen tuyền. Du khách khắp nơi về thăm Ghềnh Đá Đĩa đi chân không trên đá nghe êm mát. Trai gái ngồi trên đá tự tình nghe gió rì rào và sóng vỗ. Xa xa là bãi Bàng - bãi tắm cát như tấm nệm trắng tinh chờ đón du khách. Đứng trên Ghềnh Đá Đĩa du khách sẽ thấy những ngư ông xô thuyền, dùng đá cuội ném cá. Từng đàn cá bơi trong màu nước trong veo bị tung đá bắn lên cao. Ngư ông nghiêng người cúi xuống nhặt những con cá bạc tròn múp, mình cong cong bỏ vào thuyền mang về. Nổi liền với Đá Đĩa là ngọn núi nhỏ xinh xinh được tạo bởi những cột đá hình đa giác. Du khách muốn đến đây phải băng qua ghềnh nhỏ. Một bên là vực sâu, sóng va vào đá ràn rạt, hất vệt bọt trắng lên cao. Bước thêm một đoạn nữa du khách sẽ thấy những cây xấu hổ, xương rồng trổ hoa nơi lưng chừng núi như bức tranh chấm phá kỳ ảo của thiên nhiên. Đến Đá Đĩa du khách sẽ bị cuốn hút bởi vẻ đẹp huyền hoặc.

#### *Vũng Rô*

Vũng Rô là một trong những vịnh đẹp nổi tiếng không chỉ của Phú Yên mà là của cả khu vực ven biển miền Trung, nằm cuối tỉnh Phú Yên, bên đường quốc lộ, cách thành phố Tuy Hòa 25 km. Vũng Rô được các dãy núi Đèo Cả, Đá Bia, Hòn Bà che chắn cả 3 hướng bắc, đông, tây. Phía nam là cửa biển có đảo Hòn Nưa cao 105m như một pháo đài canh gác cho tàu bè ra vào. Ven bờ Vũng Rô có nhiều bãi cát vừa và nhỏ, một số bãi có thể hình thành những khu nghỉ ngơi, tắm biển tuyệt đẹp như bãi Chùa, bãi Bàng, bãi Lau... Trong

lòng biển của Vũng Rô có nhiều loài hải sản, dưới đáy biển là những rạn san hô màu rất hấp dẫn cho các loại hình du lịch câu cá, bơi, lặn.

#### *Khu bảo tồn thiên nhiên Krông Trai*

Khu bảo tồn thiên nhiên Krông Trai là nơi có hệ sinh thái chuyển tiếp từ Tây sang Đông của dãy Trường Sơn nên hệ động thực vật ở đây phong phú đa dạng, thuộc địa phận hai xã Krông Trai và Krông Pa, huyện Sơn Hòa, cách thành phố Tuy Hòa 80km theo trục đường quốc lộ 25. Khu rừng cấm Krông Trai rộng khoảng 22 290ha. Theo thống kê Krông Trai có khoảng 236 loài thực vật, 50 loài thú, 182 loài chim và 22 loài bò sát, trong số đó có nhiều loài động và thực vật quý hiếm có giá trị cao cho nghiên cứu khoa học, tham quan tìm hiểu. Khu bảo tồn thiên nhiên Krông Trai còn là nơi bảo tồn các văn hóa truyền thống mang đậm bản sắc của các đồng bào dân tộc ít người như đồng bào Ê Đê, Ba Na với các lễ hội: đâm trâu, lễ bỏ mả, lễ hội mùa, kể khan, nghệ thuật nhà mồ. Với tài nguyên thiên nhiên phong phú, điều kiện ví trí thuận lợi kết hợp với văn hóa truyền thống, Khu bảo tồn thiên nhiên Krông Trai thuận lợi cho việc phát triển du lịch sinh thái, là nơi thu hút nhiều du khách trong và ngoài nước.

#### **5.2.5. Các tuyến Du lịch nội tỉnh Bình Định**

Tỉnh Bình Định có diện tích là 6.039,6 km<sup>2</sup>, dân số là 1.489,7 nghìn người (2010). Trung tâm hành chính của tỉnh là Thành phố Quy Nhơn, và các huyện là An Lão, Hoài Ân, Hoài Nhơn, Phù Mỹ, Phù Cát, Vĩnh Thạnh, Tây Sơn, Vân Canh, An Nhơn, Tuy Phước. Bình Định có một nền văn hóa đa dạng và lâu đời của nhiều dân tộc như Việt (Kinh), Chăm, Ba Na, Hrê. Bình Định là tỉnh có nền văn hóa lâu đời, nơi đây còn lưu giữ nhiều di tích kiến trúc văn hóa của người Chăm, đặc biệt là thành cổ Trà Bàn, nơi đã từng là cố đô của vương triều Chăm-pa. Các cụm thác Chăm có kiến trúc độc đáo như : tháp Dương Long, Bánh Ít, Cánh Tiên, tháp Đồi. Bình Định là quê hương của người anh hùng dân tộc Quang Trung – Nguyễn Huệ đã từng vào Nam đánh tan quân xâm lược Xiêm ở Xoài Mút, ra Bắc phá tan 29 vạn quân Thanh thống nhất đất nước. Bình Định còn là một cái nôi của nghệ thuật tuồng, dân ca bài chòi, của điệu múa trống trận Quang Trung độc đáo và môn phái võ Tây Sơn, thể hiện tính cách và sức sống mãnh liệt của người dân vùng đất này.

*Điều kiện tự nhiên:* Là một tỉnh duyên hải miền Trung, phía bắc giáp Quảng Ngãi, phía tây giáp Gia Lai, phía nam giáp Phú Yên, phía đông giáp biển Đông. Địa hình Bình Định đa dạng có vùng núi, vùng giáp núi, vùng đồng bằng và vùng bãi bồi ven biển. Bờ biển Bình Định dài hơn 100km với nhiều đảo lớn, nhỏ ngoài khơi. Nhiệt độ trung bình cả năm là 26°C - 28°C. Lượng mưa trung bình năm là 1.700 – 1.800mm. Mùa mưa từ tháng 8 đến tháng 12, tập trung 70 - 80% lượng mưa cả năm. Cách thủ đô Hà Nội 1.065km, cách Tp. Hồ Chí Minh 680km, Bình Định có đường giao thông thuận tiện, quốc lộ 1A chạy qua tỉnh, quốc lộ 19 nối Quy Nhơn với các tỉnh Tây Nguyên: Gia Lai và Kon Tum. Tàu Thống Nhất dừng tại ga Diêu Trì cách Quy Nhơn 11km. Sân bay Phù Cát cách Quy Nhơn 36km về phía bắc. Hiện nay ngày nào cũng có chuyến bay Quy Nhơn – Tp. Hồ Chí Minh và ngược lại. Cảng biển Quy Nhơn là một cảng lớn của khu vực Nam Trung bộ.

*Tiềm năng phát triển kinh tế:* Bình Định có nhiều đặc sản nổi tiếng gần xa như: tơ lụa, yến sào, tôm, cá, gỗ quý, trầm hương, dầu thực vật, gạo, đá ốp lát và hàng thủ công mỹ nghệ. Bình Định có nguồn tài nguyên thiên nhiên và nhân văn rất phong phú để phát triển du lịch. Có bờ biển dài với nhiều vũng, vịnh, bãi tắm đẹp và danh lam thắng cảnh như: Ghềnh Ráng, Bán đảo Phương Mai, bãi tắm Hoàng Hậu, Tam Quan, Đảo Yến, Quy Hòa, Bãi Dài.... Có suối nước nóng Hội Vân thuộc huyện Phù Cát.

### **Các điểm tham quan du lịch nội tỉnh Bình Định**

#### *Bãi biển Hoàng Hậu*

Bãi biển Hoàng Hậu được đánh giá là bãi biển đẹp nhất ở tỉnh Bình Định, nằm trong khu Ghềnh Ráng, cách trung tâm thành phố Quy Nhơn khoảng 3km về phía đông nam. Tương truyền rằng, trong những lần theo vua Bảo Đại đi kinh lý các tỉnh miền Trung, Nam Phương Hoàng Hậu đã chọn nơi đây làm bãi biển cho riêng mình. Và bãi biển Hoàng Hậu có tên gọi bắt nguồn từ đây. Bãi biển Hoàng Hậu đẹp một cách kiêu sa, đài các... như tên gọi của nó. Bất cứ ai đến đây cũng đều thấy ấn tượng bởi những hòn đá xanh tròn, nhẵn, trông giống như những quả trứng chim khổng lồ nằm xếp lên nhau trên bãi biển. Phía trước bãi là những bức tường đá thiên nhiên đứng che chắn sóng tạo nên vùng nước lặng. Sau bãi là những ngôi nhà nghỉ xinh xắn nổi bật giữa cỏ cây, hoa lá. Nhà hàng Hoàng Hậu được xây dựng đẹp và khang trang càng làm cho khung cảnh nơi đây thêm thơ mộng. Tại đây du khách có thể tắm biển, câu cá, leo núi, khám phá những nét đẹp quyến rũ của Ghềnh Ráng hoặc nghỉ ngơi, ngắm trời biển bao la, thưởng thức những đặc sản biển tươi ngon như ốc, sò, gẹ, cua, mực, tôm, cá...cùng nhiều món ăn độc đáo khác. Bãi biển Hoàng Hậu - món quà của thiên nhiên ưu đãi cho con người nơi đây.

#### *Bảo tàng Quang Trung*

Bảo tàng Quang Trung lưu giữ các hiện vật về những chiến tích của vua Quang Trung và trình diễn Nhạc võ Tây Sơn - một môn võ truyền thống của Bình Định, tọa lạc tại làng Kiên Mỹ, thị trấn Phú Phong, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định, cách trung tâm thành phố Quy Nhơn khoảng 45km về phía Tây bắc. Bảo tàng được khởi công xây dựng năm 1978 trên một khuôn viên rộng 95.000m<sup>2</sup> với lối kiến trúc vừa cổ kính, vừa hiện đại, bảo tàng Quang Trung là một không gian văn hoá bao gồm: khu vực bảo tàng, điện thờ Tây Sơn Tam kiệt, tượng đài Hoàng đế Quang Trung, nhà biểu diễn nhạc võ Tây Sơn, nhà rộng văn hoá các dân tộc Tây Nguyên...Khu vực bảo tàng bao gồm 9 phòng trưng bày với những chủ đề khác nhau, lưu giữ hàng nghìn tư liệu, hiện vật quý xuyên suốt qua các thời kỳ phát triển của phong trào khởi nghĩa Tây Sơn và Hoàng đế Quang Trung (1771 - 1789). Nguyễn Huệ là một anh hùng dân tộc có công dẹp loạn trong nước và đánh đuổi quân xâm lược. Năm 1788, ông thống lĩnh đại quân từ Phú Xuân (Huế) hành quân 35 ngày đêm ra Bắc đánh tan 29 vạn quân Thanh xâm lược, giải phóng Thăng Long (nay là Hà Nội). Nguyễn Huệ lên ngôi hoàng đế hiệu là Quang Trung. Đến với bảo tàng Quang Trung, du khách sẽ được nghe thuyết minh, giới thiệu về những chiến tích lẫy lừng và chiêm ngưỡng những hiện vật quan trọng in đậm chiến công hiển hách của các vị anh hùng áo vải như trống trận, công chiêng,

ấn tén hay 18 loại binh khí thô sơ giúp nghĩa quân Tây Sơn đi từ chiến thắng 5 vạn quân Xiêm trong trận Rạch Gầm - Xoài Mút đến trận đánh 29 vạn quân Thanh. Trên các bức tường còn khắc ghi tên, tuổi, quê quán của các quan văn, quan võ dưới triều đại Tây Sơn. Ngoài ra du khách còn được ngắm sắc phục đã được lưu giữ hàng trăm năm qua của các vị quan này.

Sau khi vượt qua cầu Cảnh, du khách sẽ đến **điện thờ Tây Sơn Tam kiệt** và các văn thần võ tướng nhà Tây Sơn được xây dựng trên chính ngôi nhà thuở sinh thời của ba anh hùng áo vải. Nơi đây ba anh em nhà Tây Sơn cất tiếng khóc chào đời, lớn lên và trở thành những lãnh tụ kiệt xuất của phong trào Tây Sơn. Đây cũng chính là nơi thờ thân sinh của ba anh em nhà Tây Sơn là ông Hồ Phi Phúc và bà Nguyễn Thị Đồng. Điện Tây Sơn tuy nhỏ nhưng trang nghiêm. Trước sân rộng có cổng tam quan, tiếp đó là nhà bia ghi công lao của Quang Trung - Nguyễn Huệ viết bằng chữ quốc ngữ. Chính điện gồm ba gian, gian giữa thờ Quang Trung - Nguyễn Huệ, có bức tranh ông cưỡi ngựa đặt trong khung kính, gian bên trái thờ Nguyễn Nhạc, gian bên phải thờ Nguyễn Lữ. Hai đầu hồi là ban thờ các văn thần võ tướng nhà Tây Sơn như: Trần Quang Diệu, Bùi Thị Xuân, Võ Văn Dũng, Ngô Thì Nhậm, Ngô Văn Sở, Trần Văn Kỳ... Hiện nay trong khu vườn cũ của gia đình anh em Tây Sơn vẫn còn lại **hai di tích cực kỳ quý giá là cây me cổ thụ và giếng nước xưa**, tương truyền có từ thời Hồ Phi Phúc. Cây me cổ thụ nằm bên trái điện Tây Sơn cành lá xum xuê che mát cả một góc vườn, có chu vi gốc cây tới 3,5m. Bên phải điện Tây Sơn là giếng nước, đường kính 0,9m, trước đây xây bằng đá ong và không sâu như bây giờ. Sau này dân làng vét sâu thêm và xây thành giếng cao hơn mặt đất 0,8m để làm giếng chung cho cả làng. Tới đây, du khách có thể ngồi nghỉ dưới gốc cây me, mức nước giếng mát uống để tăng thêm nhuệ khí hào hùng như những người anh hùng thuở trước.

Một điều mà du khách không thể bỏ qua khi đến với bảo tàng Quang Trung là thưởng thức nhạc võ Tây Sơn với một bộ 12 trống tượng trưng cho 12 con giáp. Một bài trống gồm ba hồi: xuất quân xung trận, hãm thành và ca khúc khải hoàn. Khi nghe bài trống này, du khách sẽ cảm thấy cảnh mưa rào thác đổ, khi nhặt khi khoan, khi dồn dập bức tim, khi hào hùng phấn chấn. Tương truyền ngày xưa, nhạc võ được đánh để kích thích tinh thần của nghĩa quân Tây Sơn. Ngoài ra, du khách còn được xem những màn biểu diễn võ cổ truyền độc đáo, thưởng thức văn hóa công chiêng Tây Nguyên với nhiều tiết mục múa đặc sắc, gợi nhớ lại những ngày đầu anh em nhà Tây Sơn khởi nghiệp từ vùng thượng đạo An Khê (Gia Lai). Về thăm Bảo tàng Quang Trung, du khách sẽ như được ngược dòng lịch sử để sống với tinh thần thượng võ, anh hùng, nghĩa hiệp, ý chí đấu tranh kiên cường, bất khuất, giữ gìn quê hương, đất nước qua lịch sử oai hùng của phong trào khởi nghĩa Tây Sơn và những chiến công hiển hách, lừng lẫy của Quang Trung – Nguyễn Huệ. Hàng năm cứ vào ngày 5/1 âm lịch, nhân dân quanh vùng lại tụ hội về bảo tàng để làm lễ tưởng niệm người anh hùng dân tộc Quang Trung (hay còn gọi là ngày lễ Đống Đa). Bảo tàng Quang Trung mở cửa tất cả các ngày trong tuần, buổi Sáng: 7h đến 11h; buổi Chiều: 1h30 đến 5h; Giá vé: 10.000 đồng/người, áp dụng thống nhất cho người Việt Nam và người nước ngoài.

### *Chùa Long Khánh*

Chùa Long Khánh được xây dựng dưới thời vua Lê Dụ Tông (thế kỷ 18), là nơi truyền bá tín ngưỡng Phật giáo trong vùng thời bấy giờ. Chùa tọa lạc tại số 141 đường Trần Cao Vân, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. Chánh điện bài trí tôn nghiêm, có tượng đức Phật Thích ca ở giữa bằng đồng, cao 2m, được đúc tại chùa năm 1960. Pho tượng đức Phật A-di-đà ở sân trước chùa cao 17m, được tôn trí vào năm 1972. Hiện nay chùa còn lưu giữ 2 hiện vật quý, đó là: Thái Bình Hồng Chung (chuông Hồng Thái) được đúc vào năm 1805, triều vua Gia Long; Tấm dấu biểu trưng "Long Khánh Tự" được in vào năm 1813 triều vua Gia Long.

### *Tháp Bánh Ít*

Thuộc xã Phước Hiệp, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định, trên đỉnh một quả đồi nằm giữa 2 nhánh sông Côn là Tân An và Cầu Gành, bên cạnh quốc lộ 1A, cách thành phố Quy Nhơn khoảng 20km. Đây là một quần thể gồm 4 tháp, đứng nhìn từ xa trông giống như chiếc bánh ít nên gọi là tháp Bánh Ít. Tháp chính cao 22m trông giống như chiếc bánh ít lá gai. Chung quanh tháp chính còn có ba tháp phụ, hình dáng thấp và nhỏ bé hơn nhiều. Trong ba tháp này có hai tháp giống như hai chiếc bánh ít ngọt và một tháp giống bánh ít mặn. Mỗi tháp là một kiến trúc riêng biệt mang sắc thái khác nhau. Trên đỉnh mỗi tháp đều có tượng thần Siva làm bằng đá. Gần tháp Bánh Ít là tu viện Nguyên Thiều với phật đài lộ thiên uy nghi trên một đỉnh đồi, nhìn xuống giải nước trong xanh của dòng Tân An thơ mộng, toàn bộ di tích tháp Chăm còn lại thì tháp Bánh Ít là quần thể kiến trúc độc đáo với nhiều dáng vẻ kiến trúc đa dạng, trang trí đẹp, có giá trị nghệ thuật cao.

### *Thành cổ Hoàng Đế*

Thành Hoàng Đế là nơi đặt đại bản doanh của nghĩa quân Tây Sơn trong giai đoạn đầu và sau đó là kinh đô của chính quyền trung ương Hoàng Đế Thái Đức - Nguyễn Nhạc. Thành Hoàng Đế nằm trên địa bàn xã Nhơn Hậu, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định, cách thành phố Quy Nhơn khoảng 27km về hướng bắc. Thành Hoàng Đế không lớn nhưng có nét đẹp riêng và đặc biệt là mang đậm kiến trúc Chăm-pa với ba vòng thành: thành nội, thành ngoại và Tử Cấm Thành. Thành ngoại là vòng thành ngoài cùng, hình chữ nhật nhưng các cạnh uốn lượn, không thẳng, có chu vi 7400m. Chân thành có chiều rộng hơn 10m, tường thành cao trên 6m và mặt thành rộng tới trên 4m Thành mở 5 cửa, trong đó tường thành phía nam mở hai cửa là cửa Vệ và cửa Tân Khai. Ba tường thành phía đông, tây, bắc thì mở ba cửa Đông, Tây và Bắc. Thành được đắp bằng đất, phía trong và ngoài bó đá ong. Thành nội có tên là Hoàng thành, được xây chéch về hướng tây nam của thành ngoại. Thành nội hình chữ nhật với chu vi 1600m, chân thành rộng từ 7-9m. Tường thành cũng được đắp bằng đất và bó đá ong hai mặt. Thành nội mở ba cửa trong đó cửa Tiền ở chính giữa tường thành phía nam nhìn thẳng ra cửa Vệ của thành ngoại. Tử Cấm Thành nằm ở trung tâm thành Hoàng Đế, là vòng thành trong cùng, hình chữ nhật, chu vi gần 600m. Tường thành cao 1,8m, riêng góc đông nam cao đến trên 3m, mặt thành rộng khoảng 1,5m. Thành có 4 cửa ở 4 hướng, trong đó cửa ở hướng nam là cửa chính với tên gọi cửa Nam Lâu hay cửa Quyền Bông.



Ngoài các vòng tường thành kiên cố, thành còn được phòng vệ bằng cả một hệ thống sông ngòi, núi, đồi, gò tự nhiên và nhân tạo bao bọc xung quanh. Sông Đập Đá tách ra ở Thiết Trụ (xã Nhơn Mỹ) rồi hợp lại ở Lý Tây (xã Nhơn Thành) bao bọc thành Hoàng Đế như một con hào tự nhiên, đồng thời là con đường thủy thuận lợi. Phía tây bắc thành còn dấu vết một bến thuyền xưa ở khu vực Bến Gỗ. Từ đó thuyền có thể theo dòng sông Quai Vạc trở lại sông Kôn rồi ngược lên Thượng Đạo hoặc xuôi theo sông Đập Đá, sông Đại An về phía đông ra cửa Thị Nại. Cùng với tuyến sông - hào, các gò núi quanh thành cũng đóng vai trò không nhỏ trong hệ thống phòng thủ. Phía nam thành có gò Vân Sơn, gò Tập - nơi trước đây dùng để luyện tập quân sĩ. Xa hơn gò Tập một chút là ngọn núi Long Cốt án ngữ phía trước cửa thành. Lối vào thành có hai chú voi bằng đá rêu phong đứng cách nhau hơn 20m, một hướng về phía đông, một hướng về phía tây. Đó là dấu tích thành Đồ Bàn của vương quốc Chăm-pa được vua Thái Đức Nguyễn Nhạc giữ lại khi xây dựng thành. Qua cổng thành, trong sân có những tượng lân đá rất sinh động. Vào đến khu vực Tử Cấm Thành, du khách sẽ có dịp chiêm ngưỡng một số di tích còn sót lại cho đến ngày nay như lầu Bát Giác, hòn Giã Sơn... Phân bố đối xứng hai bên lầu Bát Giác là hai hồ hình bán nguyệt đã được nạo vét, trả lại nguyên vẹn hình dạng một hồ tắm xưa với đường kính dài 17m, sâu 1,6m. Vách hồ là những tảng đá ong nâu xếp chồng lên nhau, được kết dính bằng đất sét hết sức khéo léo và đẹp mắt. Đặc biệt, trên vách hồ có gắn những khối san hô trắng cỡ bằng bàn tay và một số bệ đá. Đáy hồ phẳng, được lèn chặt bằng gạch, sau đó nén một lớp đất sét. Hai cạnh hồ khép góc có bậc cấp thoải thoải dẫn xuống hồ. Mép và vách hồ tắm vừa tầm tay để vịn khi lên xuống tạo sự thuận lợi, thoải mái cho người tắm. Hồ tắm hình bán nguyệt vừa đẹp về mặt hình họa vừa có chút gì lãng mạn tượng trưng cho tình yêu. Từ những chứng cứ khoa học, các nhà khảo cổ nghiêng về giả thuyết hồ có từ thời xây thành Đồ Bàn, được vua Chiêm Thành Chế Mân xây tặng công chúa Huyền Trân như một món quà tình yêu. Cách hồ bán nguyệt khoảng 50m là một giếng cổ hình lá đề. Thành giếng được xây bằng đá ong và đất sét. Có thể nước hồ tắm được lấy từ giếng này. Trải qua thời gian, giếng nước xưa giờ đây đã bị lấp bằng, chỉ còn là một hồ trũng. Ở góc thành còn có một giếng cổ hình vuông, lát đá ong mà nước đến bây giờ vẫn trong xanh dù cho thời gian, cây cỏ vô tình che lấp. Thành Hoàng Đế còn chứng kiến những trận đánh giữa nhà Tây Sơn và nhà Nguyễn, trong đó có trận đánh bao vây thành của hai tướng Tây Sơn là Trần Quang Diệu, Võ Văn Dũng với tướng Võ Tánh nhà Nguyễn vào tháng 5/1801. Biết cầm cự không nổi với quân Tây Sơn, Võ Tánh đã tự thiêu còn quan văn Ngô Tùng Châu uống thuốc độc tự tử. Sau khi triều đại Tây Sơn sụp đổ vào năm 1802, thành Hoàng Đế đã bị nhà Nguyễn san phẳng. Ngay trên mặt bằng của điện Bát Giác, nơi Vua Thái Đức thiết triều, Nguyễn Ánh đã xây lăng mộ và lầu Bát Giác thờ tướng bại trận Võ Tánh và Ngô Tùng Châu.

Tử Cấm Thành luôn rợp bóng cây xanh rất thơ mộng. Thấp thoáng sau tán cây cổ thụ là ngọn tháp Cánh Tiên từ thời Chăm-pa nghiêng mình e ấp đẹp tựa tranh vẽ. Trải qua sự tàn phá của thời gian, những cây cổ thụ với đủ loại: me, sung, bồ đề, khế... vẫn hiên ngang đứng đó như những chàng lính ngự lâm oai dũng bảo vệ cấm cung. Trải qua nhiều năm, thành cổ

Hoàng Đế được ví như một quyển sách cổ bị bỏ quên, để rồi nếu vô tình chạm đến và mở ra, du khách sẽ bị chinh phục bởi nét đẹp của những trang dĩ vãng, những dòng lịch sử hết sức giá trị. Không ai lý giải được vì sao cây me già trải qua hàng trăm mùa thay lá vẫn cao lớn, xanh tốt; bức tường thành đá ong cũ nát nhưng vẫn còn đong đầy nét độc đáo quyền rũ; cây sung hơn trăm năm tuổi vẫn luôn sai quả, trĩu cành; còn cái giếng vuông bằng đá ong đặc trưng của người dân địa phương luôn đầy nước mát lạnh... Những điều bí ẩn ấy đang chờ đợi những bước chân lữ khách đến tìm hiểu, khám phá. *Thành cổ Hoàng Đế đã được Bộ Văn Hóa - Thông tin xếp hạng di tích lịch sử quốc gia vào năm 1982.*

### *Thắng cảnh Hàm Hồ*

Hàm Hồ là một dải liên hoàn bậc thang gồm: suối, thác, hồ, sông, lạch trải dài gần 2km men theo vùng hạ lưu sông Kút, nằm ở thôn Phù Mỹ, xã Tây Phú, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định, cách thành phố Quy Nhơn khoảng 55km về phía tây bắc. Chuyện kể rằng cách đây hàng ngàn năm, ở vùng hạ lưu sông Côn - sông Kút không năm nào lại không bị hạn hán đe dọa. Vào một hôm hạn hán khốc liệt nhất, chứng kiến thảm họa đói khát của các buôn làng, Thần Mưa đã hiện ra, tạo sông, tạo suối, cứu vớt bao sinh linh và tạo nên một vùng hạ du hai con sông, nối Tây Nguyên hùng vĩ với biển Đông rộng lớn. Từ đó tên gọi Hàm Hồ được hình thành, bắt nguồn từ lễ tế thần linh "hô phong - hoá vũ" để cầu mưa.

Hơn nửa cây số bồng bềnh trên con thuyền dẫn vào khu du lịch Hàm Hồ, du khách sẽ thấy như trút bỏ được cả thế giới trần tục sau lưng. Chiếc thuyền nhẹ nhàng lướt đi trên dòng nước trong vắt, càng lúc càng đi sâu vào đường hầm xanh mượt. Những nhánh cây bụi ven bờ lòa xòa, giao tán, in bóng xuống dòng suối róc rách. Không gian được bao phủ một màu xanh mát mẽ. Chỉ có tiếng chim rừng, tiếng mái chèo khuấy nước và một cảm giác vô cùng yên ả. Ra đến vùng hồ, bầu trời xanh ngút ngàn, nước trong vắt tận đáy và những núi đá sừng sững sẽ đem lại cho du khách cảm giác bất ngờ, ngạc nhiên đến ngỡ ngàng. Đá dựng thành hàng như bức tường thành cao chót vót. Đá hiện ngang dựng đứng như một rừng grom. Đá tiếp đá trùng trùng như một đội nhuệ binh đầy hào khí. Vùng hồ nằm giữa hai triền núi đá như hai bức bình phong khổng lồ, xanh ngắt bởi cây rừng, thấp thoáng những bóng cổ thụ xoè ra mặt nước đượm màu trầm mặc. Những rặng hoa sim tím biêng biếc, những khóm lan rừng rực rỡ từ kẽ đá buông mình đu đưa theo làn gió soi bóng xuống mặt nước tựa gương, ánh lên bóng nước lấp lánh. Gió lồng lộng thoảng hương hoa rừng, từng làn sóng nước nhẹ nhàng, yên ả vỗ vào mạn thuyền cho du khách một cảm giác yên bình đến lạ. Đến với Hàm Hồ, du khách không chỉ đắm mình trong cảnh sắc núi non hùng vĩ mà còn được tận hưởng những tuyệt tác của thiên nhiên ngay dưới lòng sông. Với chiều sâu trên dưới 30m, lòng sông chỉ chít những trụ đá hoa cương muôn hình vạn trạng. Vào mùa nước cạn và những ngày trời trong xanh, khi những tia nắng ban mai rơi xuống, những khối đá ánh lên muôn màu lóng lánh, rực rỡ như hàng vạn viên kim cương khoe mình trên làn nước trong xanh. Mỗi trụ đá mang một hình dáng riêng, chấp cánh cho trí tưởng tượng của du khách: đá lớn, đá nhỏ, khối vuông, khối tròn, có những khối nhìn tựa đàn voi đang tắm, có những dãy trông như thể bày ngựa đang phi... Những tảng đá khổng lồ nhẵn thín này được

tạo thành bởi thời gian và dòng nước qua hàng triệu năm sẽ là điểm dừng chân thú vị của du khách sau một thời gian dài bồng bềnh trên chiếc thuyền bé nhỏ. Thấp thoáng trong rừng cây và rừng đá là những ngôi nhà sàn để du khách nghỉ ngơi, thư giãn và thưởng thức những món cá tươi ngon rất dồi dào ở đây như: cá đá, cá niềng, cá trắng, cá chép, cá ngựa, cá trôi... Mùa mưa, cá từ sông Kôn ngược dòng lên nguồn Đá Hàng để sinh đẻ và phải qua thác Hàm Hồ mới lên được nguồn. Tương truyền rằng xưa kia, hàng năm cá tề tựu về đây để vượt thác, con nào vượt được thì hóa rồng nên thác còn có tên gọi là thác Cá Bay hay thác Vũ Môn. Ngoài ra, trứng kiến vàng là một món ăn chỉ độc nhất vào sâu trong Hàm Hồ mới có. Đây vừa là thứ đặc sản hiếm có, vừa là phương thuốc chữa được nhiều bệnh tật. Nếu muốn, du khách có thể ở lại thêm một ngày, trèo đá, vượt thác, men theo những đường mòn hoang sơ dọc theo hai bờ sông Kút lên đến Thác Dốc, Hòn Trào, ngủ đêm tại đây để sáng hôm sau đón những tia nắng bình minh xuyên qua kẽ lá, phản chiếu trên mặt nước Hàm Hồ giữa muôn vãn âm thanh riu rít của tiếng chim muông hòa vào không gian huyền bí, gió hú mây ngàn. Bên cạnh đó, Hàm Hồ còn là căn cứ địa hiểm yếu của nghĩa quân Tây Sơn khi mới dựng cờ khởi nghĩa, của nghĩa quân Mai Xuân Thưởng trong phong trào Cần Vương chống Pháp cuối thế kỷ 19 và là nơi hoạt động của lực lượng cách mạng trong những năm chống Mỹ. Du ngoạn Hàm Hồ không chỉ để thưởng thức thắng cảnh còn nguyên sơ kỳ thú của một vùng đất "địa linh nhân kiệt" mà chúng ta còn được soi mình trong dòng lịch sử hào hùng của dân tộc trên mảnh đất Tây Sơn.

#### *Làng nghề rượu Bàu Đá*

Làng rượu Bàu Đá là nơi chế biến ra loại rượu thơm ngon nổi tiếng, sánh ngang với các sản phẩm rượu nổi tiếng khác của Việt Nam, thuộc địa phận thôn Cù Lâm Bắc, xã Nhơn Lộc, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định. Từ Tp. Quy Nhơn, theo quốc lộ 1A khoảng hơn 10km về hướng bắc, du khách sẽ đến huyện An Nhơn. Đi tiếp theo quốc lộ 19 khoảng 10km nữa về hướng tây, du khách sẽ tới xã Nhơn Lộc - quê hương của đặc sản rượu Bàu Đá, loại rượu từng được thi sĩ Tản Đà xưng tụng là “đệ nhị danh tửu”, có khoảng hơn 1.000 hộ nấu rượu trong lúc nông nhàn và vào các ngày lễ tết. Riêng thôn Cù Lâm Bắc có khoảng vài chục hộ sinh sống chủ yếu bằng nghề nấu rượu. Theo tương truyền, thuở xưa có một người phụ nữ tên Đẩu quê ở huyện Tây Sơn (Bình Định), lấy chồng về làng Bàu Đá và đem theo nghề nấu rượu gia truyền. Để có được rượu ngon, bà đã phải dùng nước đựng trong bầu của gia đình mình để nấu rượu, bởi vậy mà rượu mới thơm ngon và có hương rất riêng, khác hẳn các loại rượu khác. Sau khi bà mất, bà đã để lại công thức nấu rượu gia truyền cho người dân trong làng. Để tưởng nhớ công ơn của bà, người dân làng Bàu Đá đã lấy tên bà để đặt tên cho thứ rượu tuyệt hảo này, nhưng để không phạm húy, người ta đã gọi lái sang là Bàu Đá (bà Đẩu).

Theo các lão làng có kinh nghiệm lâu năm trong nghề nấu rượu Bàu Đá cho biết, để có một nồi rượu thơm ngon, người ta phải dùng gạo trè để nấu, mỗi mẻ là 5kg gạo, nấu đúng 6 tiếng đồng hồ và chỉ cất được từ 2,5 - 3 lít rượu. Về đồ nghề làm rượu, người ta sử dụng củ tre có hình cong, ruột đục rỗng để làm ống dẫn rượu từ lò ra chum. Chum đất hứng rượu

phải được bịt kín để tránh rượu bay hơi. Trong thời gian nấu, thông thường người ta chỉ để lửa liu riu, tuy nhiên, vẫn phải thường xuyên lắng nghe giọt rượu nhỏ nhanh hay chậm để thêm hay bớt lửa. Chính vì cách nấu cẩn thận này mà rượu Bàu Đá có hương vị rất tinh khiết và đậm đà. Hiện nay, rượu Bàu Đá Bình Định đã và đang được người tiêu dùng trong tỉnh, trong nước và du khách nước ngoài rất ưa chuộng vì chất lượng rượu không thua kém những sản phẩm rượu nổi tiếng khác như: Rượu làng Vân (Bắc Giang), rượu Sán Nùng (Lào Cai)... Để sản phẩm rượu Bàu Đá ngày càng nổi tiếng hơn, xã Nhơn Lộc đã đầu tư xây dựng các cơ sở hạ tầng, các khu bán đồ lưu niệm phục vụ khách tham quan, đặt biển hướng dẫn đến làng nghề trên quốc lộ 1A, quốc lộ 19 và tỉnh lộ 636B; đồng thời, phát triển làng nghề dưới hình thức làng nghề du lịch sinh thái.

### **5.2.6. Các tuyến Du lịch nội tỉnh Quảng Ngãi**

Tỉnh Quảng Ngãi có diện tích là 5.152,7 km<sup>2</sup>, dân số là 1.218,6 nghìn người (2010). Trung tâm hành chính của tỉnh là Thành phố Quảng Ngãi, và các huyện là Bình Sơn, Trà Bồng, Sơn Tịnh, Sơn Tây, Sơn Hà, Tư Nghĩa, Nghĩa Hành, Minh Long, Mộ Đức, Đức Phổ, Ba Tơ, Tây Trà và huyện đảo Lý Sơn. Toàn tỉnh có dân tộc cùng chung sống như Việt (Kinh), Hrê, Co, Xơ Đăng.

*Điều kiện tự nhiên:* Tỉnh Quảng Ngãi nằm ở vùng duyên hải miền Trung, lưng tựa vào dãy Trường Sơn, mặt hướng ra biển Đông, phía bắc giáp tỉnh Quảng Nam, phía nam giáp tỉnh Bình Định, phía tây nam giáp tỉnh Kon Tum. Bờ biển Quảng Ngãi dài 135km, ngoài khơi có đảo Lý Sơn. Địa hình có 4 vùng: vùng núi, vùng giáp núi, vùng đồng bằng và vùng hải đảo. Các sông chính chảy qua tỉnh là sông Trà Khúc, sông Trà Bồng, sông Vệ. Nhiệt độ trung bình năm từ 25,5°C - 26,5°C, nhiệt độ cao nhất lên đến 41°C và thấp nhất là 12°C. Mùa mưa từ tháng 9 đến tháng 12, mùa nóng từ tháng 4 đến tháng 8 và lạnh nhất từ tháng 1 đến tháng 3. Quảng Ngãi nằm ở vị trí chính giữa của đất nước (cách thủ đô Hà Nội 889km), Quảng Ngãi có đường sắt Bắc Nam và quốc lộ 1A chạy qua tỉnh, có quốc lộ 24A nối Quảng Ngãi với Tây Nguyên, Lào và vùng đông bắc Thái Lan.

*Tiềm năng phát triển kinh tế và du lịch:* Thành phố Quảng Ngãi được xây dựng trên bờ sông Trà Khúc. Từ xa xưa đã có những bánh xe nước to lớn quay suốt ngày đêm, vừa tô đẹp cho phong cảnh, vừa cấp nước cho các ruộng lúa, ruộng mía, nguyên liệu làm ra các loại đường cát, đường phèn, đường phôi, mạch nha, kẹo gương nổi tiếng đất nước. Quảng Ngãi có cảng Dung Quất, một cảng lớn có độ sâu lý tưởng đang được khởi công xây dựng. Trong tương lai Dung Quất sẽ trở thành một cảng dầu khí lớn nhất Việt Nam cùng với thành phố Vạn Tường hiện đại. Quảng Ngãi mảnh đất giàu tiềm năng đang chờ đợi đầu tư hơn nữa để trở thành một trong những trung tâm phát triển ở miền Trung và là điểm du lịch thu hút khách trong và ngoài nước.

Quảng Ngãi là tỉnh có nền văn hoá lâu đời, nhiều di tích lịch sử, văn hoá và danh lam thắng cảnh như cảnh đẹp núi Ấn, sông Trà Khúc, Cổ Luỹ Cô thôn rợp mát bóng dừa, bãi tắm Sa Huỳnh nước trong xanh, cát trắng, lộng gió, di tích kiến trúc thành cổ Châu Sa, nằm kề bên bờ bắc của sông Trà gần cửa biển, các di tích văn hoá Sa Huỳnh, mộ cụ Huỳnh Thúc Kháng... Đến Quảng Ngãi, du khách có dịp thăm lại chiến trường xưa, những di tích lịch sử như căn cứ địa Ba Tơ, chiếc nôi cách mạng ở miền Trung; di tích khởi nghĩa Trà Bồng, vùng đất của những rừng quế bạt ngàn; chứng tích tội ác chiến tranh Sơn Mỹ; chiến thắng Ba Gia; chiến thắng Vạn Tường, với nhiều dấu tích chiến trường xưa oanh liệt.

## **Các điểm tham quan du lịch nội tỉnh Quảng Ngãi**

### *Di tích lịch sử Sơn Mỹ*

Sơn Mỹ là nơi đã ghi lại tội ác dã man của đế quốc Mỹ đối với nhân dân Việt Nam, nằm trên địa bàn xã Tịnh Khê, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi. Ngày 16/3/1968, lính Mỹ đã giết hại hàng trăm dân thường vô tội ở đây trong một cuộc hành quân huỷ diệt. Di tích vụ thảm sát Sơn Mỹ gồm địa điểm thứ nhất ở xóm Thuận Yên (nay là xóm Khê Thuận), nơi lính Mỹ đã giết 47 người thuộc thôn Tư Cung. Địa điểm thứ hai ở xóm Mỹ Hội (nay là xóm Khê Hội), nơi lính Mỹ đã giết hại 97 người thôn Cổ Lũy. Di tích vụ thảm sát Sơn Mỹ cách thành phố Quảng Ngãi 13km về phía đông bắc. Ngày 16/3/1968, một cuộc hành quân huỷ diệt dã man chưa từng thấy, được quân xâm lược Mỹ mưu tính và thực hiện, đánh vào người dân Sơn Mỹ vô tội không một tác sát trong tay. Với chủ trương: đốt sạch, phá sạch, giết sạch chúng đã biến nơi này thành vùng đất chết. Vụ thảm sát Sơn Mỹ là đỉnh cao trong muôn vàn tội ác của đế quốc Mỹ đối với nhân dân Việt Nam trong cuộc chiến tranh xâm lược phi nghĩa, bị cả loài người lên án. Khu di tích vụ thảm sát Sơn Mỹ là một tổng thể các địa điểm nơi ghi dấu tội ác của giặc Mỹ đối với đồng bào ta: Khu chứng tích Sơn Mỹ, diện tích 2,4ha, nằm ở xóm Khê Thuận (thôn Tư cung, xã Tịnh Khê) cạnh tỉnh lộ 24B từ thành phố Quảng Ngãi đi Sơn Mỹ - Mỹ Khê - Sa Kỳ và cách cụm di tích ruộng ông Nhiều, tháp canh, đường làng khoảng 400m. Di tích nằm tách biệt với nhà dân bao gồm các di tích gốc đã được bảo tồn tôn tạo và các công trình về sau này mới được xây dựng như: nhà trưng bày bổ sung, nơi tiếp khách, tượng đài, tượng vườn. Cụm di tích: ruộng ông Nhiều, tháp canh, gốc cây gòn nằm ở xóm Khê Thuận và điểm di tích vườn ông Phạm Minh (Khê Đông), Phạm Hội (Khê Tây). Điểm di tích: hầm chống pháo của gia đình ông Lý Lệ, ông Ngô Mân tại xóm Mỹ Hội (thôn Cổ Lũy).

Các điểm di tích mộ chôn chung các nạn nhân bị thảm sát. Bên cạnh giá trị lịch sử, khu di tích Sơn Mỹ là nơi ghi tội ác điển hình của giặc Mỹ trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam, là nơi tưởng niệm 504 đồng bào ta đã ngã xuống. Sơn Mỹ còn có giá trị về du lịch: nó nằm trong tuyến du lịch Thiên Ấn (khu mộ cụ Huỳnh Thúc Kháng) - Châu Sa - Sơn Mỹ - Mỹ Khê - Dung Quất. Hàng năm có hơn 5 vạn người đến Sơn Mỹ tham quan. Hiện nay, mỗi tháng có gần 3.300 lượt khách đến tham quan.

Đến Sơn Mỹ hôm nay, du khách có thể dừng lại trước bức tượng để cảm nhận nỗi đau tột cùng của nạn nhân Sơn Mỹ ngày ấy. Bên trong nội thất Nhà Chứng tích, du khách có thể xem nhiều hiện vật còn được lưu giữ: đó là chiếc mâm thau cũ còn lỗ chỗ vết đạn, chiếc áo, đôi dép của một cháu bé bị bắn chết; các loại chén đĩa, xoong chảo bị bắn thủng vỡ, chiếc mõ tụng kinh của nhà sư Thích Tâm Trí còn tìm lại được. Trong những hiện vật đó còn tìm thấy chiếc kẹp tóc của cô Nguyễn Thị Huỳnh. Sau khi cô bị sát hại, người yêu cô đã tìm nhặt lại được chiếc kẹp tóc ấy, trân trọng giữ gìn nó suốt 8 năm trời trước khi giao nó cho Nhà Chứng tích. Bên ngoài khuôn viên chứng tích, rải rác đó đây trong các xóm thôn là những tấm bia dựng lên ở các địa điểm đã xảy ra các cuộc bắn giết. Đây là tháp canh ở rìa làng, bên con đường đất nhỏ xã Thuận Yên với 102 người bị bắn chết. Kia là cây gòn nơi 15

phụ nữ và trẻ em bị sát hại. Ở xóm Mỹ Hội, bây giờ bóng dừa đã vươn cao, ngoài kia biển xanh vẫn xua những đợt sóng bạc đầu vào bãi cát vàng sạch sẽ, duyên dáng, đúng là một cảnh đẹp có hạng ở Việt Nam. Giữa những khung cảnh trầm lắng thân thương ấy là tấm bia ghi dấu 97 người dân ở xóm bị tàn sát ngày nào. Khu chứng tích Sơn Mỹ thường xuyên đón khách đến tham quan. Họ là các thương gia, các nhà khoa học, khách du lịch đủ mọi quốc tịch, đặc biệt ngày càng có nhiều người Mỹ đến thăm nơi này tỏ lòng thông cảm với những nỗi đau sâu sắc của nhân dân Việt Nam trong chiến tranh.

### *Thành Châu Sa*

Thành Châu Sa là một thành cổ của người Chăm cổ xưa được đắp bằng đất, thuộc thôn Phú Bình, xã Tịnh Châu, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi. Theo các nhà nghiên cứu, Châu Sa là thành bằng đất duy nhất của người Chăm đã tìm thấy được.

Thành cổ này có tên là thành Đại La hay thành Châu Sa (vì nằm ở làng Châu Sa, nay là xã Tịnh Châu, huyện Sơn Tịnh) cách trung tâm thị xã khoảng chừng 7km về hướng đông bắc. Nếu như Đông Dương ở Quảng Nam là Kinh đô của người Chăm thế kỷ thứ 9, 10 thì Châu Sa là thành lũy kiên cố và cũng là "trung tâm kinh tế" ở vùng phía nam. Hiện dấu tích chỉ còn 3km, bờ thành rộng 4m, chiều cao 6m, chu vi chừng 4km được đắp bằng đất. Theo các nhà nghiên cứu, Châu Sa là thành bằng đất duy nhất của người Chăm đã tìm thấy được. Khuôn viên của thành được bao bọc bởi những bờ hào khá sâu. Thành còn có hai gọng thành (gọi là còng cua) nối thành nội với sông Trà (người Chăm rất giỏi thủy chiến nên thường xây dựng thành quách ở gần những con sông lớn). Châu Sa là địa điểm có nhiều ưu thế về phòng thủ nên được các nhà quân sự chọn làm điểm xây thành. Nơi đây vẫn còn sót lại những hào thành có hình bàn cờ nổi với Cổ Lũy vốn là tiền đồn của người Chăm. Vào những đêm tối trời chỉ cần đốt lên một ngọn lửa ở đây là quan quân ở thành Châu Sa sẽ nhận ra tín hiệu cấp báo có quân giặc tới. Ở gọng thành phía đông ngày xưa vốn là nơi sản xuất gốm. Qua khai quật người ta đã tìm thấy ở đây nhiều loại gốm với chủng loại văn hoá khác nhau. Ở vùng cửa biển Sa Kỳ và bên sông Vực Hồng vùng Thu Xà cũng tìm được những mảnh gốm có cùng niên đại với Châu Sa. Điều đó đã nói lên sự giao thương mở rộng giữa thành cổ với khu vực phụ cận qua mạng lưới đường thủy. Ngoài ra người ta cũng phát hiện ra nhiều hiện vật gốm cổ như thẻ bài để đeo trên người gọi là "cút". Các "cút" này dày 1cm, bề ngang 5cm và dài chừng 7-10cm. Cách thành Châu Sa chừng 500m có tháp cổ Gò Phổ là nơi hành hương của các tín đồ Bàlamôn vào những ngày lễ. Trong thành cổ người ta còn tìm thấy dấu vết của một kho lương thực khá lớn. Người có công phát hiện ra thành cổ này là khảo cổ kiêm kiến trúc sư người Pháp H.Parmentier (vào năm 1924). Năm 1988, qua một đợt khảo sát, PTS Lê Đình Phụng ở Viện Khảo cổ đã phát hiện thêm gọng phía tây của thành. Và Châu Sa không chỉ có thành nội mà còn có thành ngoại với phạm vi rất rộng. Năm 1994, Bộ Văn hoá Thông tin đã công nhận thành cổ Châu Sa là di tích lịch sử văn hoá quốc gia.

### *Bãi biển Mỹ Khê (ở Quảng Ngãi)*

Bãi biển Mỹ Khê là bãi tắm lý tưởng với không gian mênh mông, bãi cát mịn, thoải, được che chắn kín đáo, chạy dài 7km, phía sau là rừng dương xanh thắm, bên cạnh là con sông Kinh. Bãi biển thuộc thôn Cổ Lũy, xã Tịnh Khê, huyện Sơn Tịnh tỉnh Quảng Ngãi, cách thành phố Quảng Ngãi 12km về phía đông, nằm trên quốc lộ 24B, cách cảng Dung Quất 16km và gần cảng Sa Kỳ, cách khu chứng tích Sơn Mỹ 3km, bên cạnh là con sông Kinh mang vị ngọt của thượng nguồn đổ về và vị mặn của biển đem lại nhiều đặc sản biển phong phú. Hàng năm du khách đến bãi biển Mỹ Khê ngày càng đông. Ngoài việc nghỉ ngơi, tắm biển và hít thở bầu không khí trong lành, du khách còn có dịp thăm quan tưởng niệm khu chứng tích chiến tranh Sơn Mỹ. Tỉnh Quảng Ngãi đã có qui hoạch tổng thể khu du lịch Mỹ Khê với diện tích 342ha để xây dựng các khu vui chơi, giải trí và nghỉ ngơi như khách sạn Mỹ Khê, khu camping dành làm nơi cắm trại.

#### *Bãi biển Sa Huỳnh*

Bãi biển nằm sát quốc lộ 1A, ở cây số 985, thuộc xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi. Bãi biển rất thuận tiện cho du khách đến nghỉ ngơi, tham quan, có motel để du khách dừng chân nghỉ rồi tiếp tục hành trình. Từ Hà Nội du khách có thể đi ô tô hoặc xe lửa để tới Sa Huỳnh. Nếu đi xe lửa, tàu sẽ dừng tại ga Sa Huỳnh ở cây số 985. Bãi biển nằm sát quốc lộ 1A, thật là một điểm du lịch lý tưởng. Chính vì vậy ngành Du lịch đã cho xây dựng motel Sa Huỳnh để đón du khách dừng chân nghỉ lại đôi, ba ngày tắm biển cho lại sức, rồi tiếp tục hành trình. Nếu đi đường biển, du khách có thể xuất phát từ cảng Hải Phòng, cảng Sài Gòn hay bất cứ cảng nào thuận tiện cho du khách rồi cập bến cảng Sa Huỳnh.

#### *Huyện đảo Lý Sơn*

Đảo Lý Sơn giữ một vị trí chiến lược trên vùng biển Đông Việt Nam, chứa đựng tiềm năng du lịch phong phú và những tư liệu quý về quần đảo Hoàng Sa. Huyện đảo Lý Sơn nằm ở phía đông bắc của tỉnh Quảng Ngãi, cách đất liền 15 hải lý (khoảng 27km). Từ thành phố Quảng Ngãi, đi theo quốc lộ 24B khoảng 20km, du khách sẽ tới cảng Sa Kỳ thuộc xã Bình Châu, huyện Bình Sơn. Từ đây, du khách đi tàu cao tốc khoảng 1 tiếng sẽ đến huyện đảo Lý Sơn. Với diện tích khoảng 9,97km<sup>2</sup>, tổng chiều dài đường bờ biển trên 25km, huyện đảo Lý Sơn bao gồm 2 đảo nằm cách nhau khoảng 1,67 hải lý là đảo Lớn (Cù Lao Ré) thuộc địa phận 2 xã An Vĩnh, An Hải và đảo Bé (Cù Lao Bờ Bãi) thuộc địa phận xã An Bình. Ở phía đông của đảo Lớn còn có hòn Mù Cu. Theo các nhà địa chất, Lý Sơn được hình thành cách đây vài triệu năm do vận động phun trào nham thạch của núi lửa đã nâng những lớp đá trầm tích nhô khỏi mặt nước biển. Vết tích của núi lửa phun trào là những khối nham thạch nhiều hình dạng cùng lớp đất đỏ bazan màu mỡ trên đảo, tạo điều kiện cho hệ thực vật phát triển đa dạng. Huyện đảo Lý Sơn có 5 ngọn núi. Đứng trên đỉnh các ngọn núi này nhìn xuống, du khách sẽ thấy cảnh tượng thiên nhiên hùng vĩ với một bên là vách núi sừng sững, một bên là trời biển bao la. Lý Sơn còn là nơi lý tưởng để khám phá hệ sinh vật biển phong phú, đa dạng với những đàn cá tung tăng bơi lội hay những dải san hô sắc sỡ sắc màu...

Người dân trên đảo sống chủ yếu bằng nghề đánh bắt thủy hải sản và trồng hành, tỏi. Dạo quanh đảo, du khách có thể thấy những cánh đồng hành, tỏi xanh mơn mớn hay những

sân phơi tỏi trắng phau. Được mệnh danh là “Vương quốc tỏi”, nơi đây còn nổi tiếng với món gỏi tỏi mang đậm hương vị đồng quê. Đến đảo Lý Sơn, du khách còn có dịp tham quan nhiều di tích văn hóa, lịch sử như: chùa Hang, chùa Đục, hang Câu, miếu bà Chúa Ngọc, đình làng An Hải, dinh Bà Roi, giếng Vua, miệng núi lửa, di tích hải đội Hoàng Sa – Trường Sa, Âm Linh tự, các di chỉ văn hóa Chăm và Sa Huỳnh... Trong số đó chùa Hang, đình làng An Hải và Âm Linh tự là những di tích đã được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận là Di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia.

Lý Sơn còn chứa đựng một kho tàng sống động các truyền thuyết, chuyện kể, dân ca, lễ hội, lễ khao lề thế lính Hoàng Sa... Đặc biệt, nơi đây còn lưu giữ nhiều tư liệu về quần đảo Hoàng Sa; nhiều hiện vật bằng đá, gốm sứ Chăm, Đại Việt,.. khẳng định chủ quyền biển đảo Việt Nam từ xa xưa.

### *Núi Thiên Ấn và sông Trà Khúc*

Thiên Ấn là ngọn núi cao 100m, tựa hình một chiếc ấn, bốn phía sườn có hình thang cân, nằm ở tả ngạn sông Trà Khúc, thuộc xã Tịnh Ấn, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi. Giữa thiên nhiên thoáng đãng, ngọn núi như chiếc ấn của trời cao niêm cạnh dòng sông xanh nên người xưa gọi là Thiên Ấn Niêm Hà. Trên đỉnh núi có ngôi chùa cổ nằm dưới bóng cây cổ thụ, được Chúa Nguyễn Phúc Chu ban biểu ngạch vào năm 1716. Cũng trên đỉnh núi còn có một khu bảo tháp gìn giữ thi hài các vị sư tổ trụ trì và mộ nhà yêu nước Huỳnh Thúc Kháng (1876 - 1947). Núi Thiên Ấn là đệ nhất thắng cảnh và là "núi thiêng" của người Quảng Ngãi. Năm 1990 núi Thiên Ấn - chùa Thiên Ấn - mộ cụ Huỳnh đã được Bộ Văn hóa Thông tin xếp hạng di tích quốc gia.

### **5.2.7. Các tuyến Du lịch nội tỉnh Quảng Nam**

Tỉnh Quảng Nam có diện tích là 10.438,4 km<sup>2</sup>, dân số là 1.425,1 nghìn người (2010). Trung tâm hành chính của tỉnh là Thành phố Tam Kỳ, và 1 thành phố Hội An và các huyện là Đại Lộc, Điện Bàn, Duy Xuyên, Nam Giang, Thăng Bình, Quế Sơn, Hiệp Đức, Tiên Phước, Phước Sơn, Núi Thành, Bắc Trà My, Nam Trà My, Tây Giang, Đông Giang, Phú Ninh, Nông Sơn. Toàn tỉnh có dân tộc cùng chung sống như Việt (Kinh), Cơ Tu, Xơ Đăng, M'Nông, Co...

*Điều kiện tự nhiên:* Nằm ở giữa miền Trung Việt Nam, phía bắc Quảng Nam giáp tỉnh Thừa Thiên-Huế và thành phố Đà Nẵng, phía tây giáp nước Lào, phía nam giáp Quảng Ngãi, phía đông giáp biển Đông, ngoài khơi có đảo Cù Lao Chàm với ngư trường rộng lớn. Quảng Nam có nhiều đồi và núi (chiếm 72% diện tích) với nhiều ngọn núi cao: núi Lum Heo cao 2.045m, núi Tion cao 2.032m, núi Gole - Lang cao 1.855m (huyện Phước Sơn). Vùng đất thấp ven biển là đồng bằng châu thổ, chiếm gần 25% diện tích đất của tỉnh tập trung ở phía đông, trải dài hai bên quốc lộ. Các con sông lớn đều chảy từ dãy Trường Sơn ra biển Đông: sông Vu Gia, sông Thu Bồn, sông Tam Kỳ. Hai dòng sông Thu Bồn và Tam Kỳ vừa tô điểm cho Quảng Nam vừa là đường giao thông rất tiện lợi. Quảng Nam có 2 loại khí hậu khá rõ rệt: khí hậu của vùng nhiệt đới ven biển và khí hậu ôn đới vùng cao. Khí hậu nóng và khô từ tháng 2 đến tháng 4, nhiều mưa từ tháng 9 đến tháng 12. Nhiệt độ trung bình năm là 25°C. Lượng mưa trung bình hàng năm khoảng 2.000mm. Quảng Nam nằm trên tuyến đường sắt Bắc Nam, quốc lộ 1A, quốc lộ 14 (nối từ Đà Nẵng đến Kon Tum). Thành phố Tam Kỳ cách Hà Nội 864km.



*Tiềm năng phát triển kinh tế và du lịch:* Trong tiến trình lịch sử, vùng đất Quảng Nam và Đà Nẵng được tạo lập trên con đường phát triển về phía Nam của nhiều thế hệ người Việt. Các nhà khảo cổ học đã tìm thấy dấu tích văn hoá thời đại kim khí ở thế kỷ thứ nhất trước công nguyên, đó là nền văn hoá Sa Huỳnh, sau đó được người Chăm kế thừa và sáng tạo ra nền văn hoá Chăm. Vương quốc Chăm đã có hai thời kỳ cực thịnh với những cung điện, đền đài, thành quách uy nghi tráng lệ được xây dựng từ thế kỷ 1 đến thế kỷ 9. Năm 1306, vùng đất Quảng Nam trở thành đất của Đại Việt. Đây là đất sính lễ của vua Chế Mân dâng lên vua Trần Anh Tông khi cưới công chúa Huyền Trân về làm hoàng hậu Vương quốc Chăm. Năm 1471, dưới thời vua Lê Thánh Tông, Quảng Nam là tuyên thừa thứ 13 của Đại Việt. Năm 1570 - 1606 Nguyễn Hoàng (chúa Nguyễn sau này) khi làm lãnh trấn Quảng Nam đã coi Đà Nẵng là cửa ngõ yết hầu miền Thuận Quảng, biến nó thành đất dung nạp những người từ phía Bắc vào khai canh, lập ấp, mở mang sản xuất và dùng thương cảng Hội An khai thông giao lưu với bên ngoài... Năm 1832 được vua Minh Mạng đổi thành Quảng Nam.

Tỉnh Quảng Nam đã được thành lập từ năm 1831, là một tỉnh nông nghiệp. Có nhiều đặc sản nổi tiếng như chè Phú Thượng, quế Trà My, cội Hội An, đường mía Điện Bàn... Đến Quảng Nam, du khách sẽ được đắm mình vào thế giới cổ xưa với các đền, tháp ở Mỹ Sơn, Trà Kiệu, Bằng An, Chiên Đàn, Khương Mỹ; những công trình rêu phong ở phố cổ Hội An (trước đây là cảng Đại Chiêm), một trong những đô thị cổ nhất Đông Nam Á. Mảnh đất Quảng Nam còn ghi lại nhiều dấu tích của những năm kháng chiến trường kỳ. Đó là các di tích Núi Thành, địa đạo Kỳ Anh, đường mòn Hồ Chí Minh, căn cứ Chu Lai, chiến khu Trà My, chiến khu Hòn Tàu... Hội An và Mỹ Sơn được công nhận là di sản văn hóa thế giới từ tháng 12/1999.

### **Các điểm tham quan du lịch nội tỉnh Quảng Nam**

#### *Khu phố cổ Hội An*

Với những giá trị nổi trội mạng tính toàn cầu, tại kỳ họp thứ 23 từ ngày 29/11 đến ngày 4/12/1999 ở Marrakesh (Morocco), Ủy ban Di sản thế giới của UNESCO đã công nhận Đô thị cổ Hội An là Di sản văn hoá thế giới thuộc Tp. Hội An, tỉnh Quảng Nam. Khu phố cổ Hội An là mẫu hình tồn tiêu biểu về một cảng thị truyền thống Đông Nam Á trong giai đoạn thế kỷ 15 - 16. Cảng thị này có mầm mống sơ khai từ trước Công nguyên với nền văn hoá Sa Huỳnh được tiếp tục phát triển dưới thời Chăm (thế kỷ 2 sau CN - thế kỷ 15) và cực thịnh trong thời Đại Việt, Đại Nam (thế kỷ 15 - thế kỷ 19). Bên cạnh các di tích, di chỉ khảo cổ có niên đại trên 2000 - 3000 năm là một số lượng lớn di tích kiến trúc, chủ yếu làm bằng gỗ, có niên đại phổ biến từ thế kỷ 17 - 19. Năm 1999, đã có 1360 di tích, danh thắng với nhiều loại hình được thống kê. Đó là những đình, chùa, lăng, miếu, mộ, cầu, giếng, nhà thờ tộc, thánh thất, hội quán, nhà ở ... phân bố theo những trục đường truyền thống nhỏ hẹp, vừa mang đậm sắc thái địa phương Việt Nam, vừa thể hiện rõ sự giao lưu hội nhập văn hoá mạnh mẽ với các nước phương Đông và phương Tây. Liên tục trong nhiều thế kỷ, những giá trị văn hoá truyền thống của nhân dân Hội An cùng với phong tục tập quán, các sinh hoạt, vui chơi, giải trí, cũng như các món ăn xưa vẫn được giữ gìn, và phát huy tương đối tốt.

#### *Đền Long Hội An*

Đèn lồng truyền thống là một trong những sản phẩm độc đáo của Hội An - di sản văn hóa thế giới. Đến Hội An, ngoài việc tìm hiểu và chiêm ngưỡng phố cổ, thưởng thức cao lầu đặc sản hay tìm chút thư giãn với dòng nhạc cổ điển ... khi màn đêm buông xuống, du khách còn được tận hưởng những sắc màu lung linh huyền ảo, trữ tình của những chiếc đèn lồng giăng kín các ngã đường vào phố cổ. Có một chút gì như là sự hoài niệm về quá khứ, rất gần mà cũng rất xa, rất thật mà cũng rất mơ hồ. Đường như không khí của một thương cảng sầm uất đang hiện về, dưới ánh đèn lồng và dưới bóng những ngôi nhà cổ đầy chất thơ.

Đèn lồng Hội An từ lâu không chỉ đem lại cho phố cổ một nét riêng độc đáo mà còn là một mặt hàng quà lưu niệm hấp dẫn đối với du khách. Đèn lồng Hội An đa dạng về màu sắc, chất liệu, kiểu dáng và hình thù, từ hình tròn, bát giác, lục giác đến hình trái bí, củ tỏi giản đơn. Người Hội An rất tự hào về những chiếc đèn lồng do chính tay mình làm nên. Để làm lồng đèn, tre phải là tre già ngâm với nước muối 10 ngày để chống mối, một sau đó phơi khô, vót mỏng tùy theo kích cỡ của loại đèn. Vải bọc phải là vải xoa hoặc lụa tơ tằm, có độ dai để khi căng không bị rách và người thợ căng vải cần có kỹ thuật để thẳng góc ở những đoạn cong. Phải mất 4 ngày từ khi vót nan cho đến khi xong 2 chiếc đèn lồng cộng với công vẽ, trang trí. Vào đêm trăng rằm, những chiếc đèn lồng lung linh dưới ánh trăng treo trước cửa mọi nhà. Đường phố cổ khi đó không tiếng xe, không ánh đèn điện, những chiếc đèn lồng càng lộng lẫy khoe sắc trước sự ngạc nhiên, thú vị của hàng vạn khách du lịch. Đèn lồng Hội An khá đẹp, nhẹ và quan trọng là có thể thu gọn lại bằng cách xếp khung theo nếp để mang đi. Vì vậy không ít du khách mua vài chiếc đèn lồng như là sự lưu giữ kỷ niệm về một phố cổ nên thơ, đồng thời làm quà tặng thật ý nghĩa cho người thân. Đèn lồng Hội An đã trở thành nét văn hóa riêng của phố cổ.

#### *Cầu Nhật Bản (Chùa Cầu)*

Chùa được xây dựng vào khoảng cuối thế kỷ 16, đầu thế kỷ 17 do các thương nhân Nhật Bản thực hiện. Cầu bắc ngang con lạch chảy ra sông Thu Bồn giáp ranh giữa hai đường Nguyễn Thị Minh Khai và Trần Phú, thị xã Hội An, tỉnh Quảng Nam. Đây là cầu cổ duy nhất còn lại ở Hội An - cầu “Lai Viễn”. Cầu được người Hội An quen gọi là chùa Cầu, một di tích quen thuộc đã trở thành biểu tượng của đô thị Hội An.

Chùa Cầu là một di tích có kiến trúc khá đặc biệt. Mái chùa lợp ngói âm dương che kín cả cây cầu dài 12m. Chùa và cầu đều bằng gỗ sơn son chạm trổ rất công phu, mặt chùa quay về phía bờ sông. Hai đầu cầu có tượng thú bằng gỗ đứng chầu, một đầu là tượng chó, một đầu là tượng khỉ. Tương truyền đó là những con vật mà người Nhật sùng bái thờ tự từ cổ xưa. Phần gian chính giữa (gọi là chùa) thờ một tượng gỗ Bắc Đẩu Trấn Võ - vị thần bảo hộ xứ sở, ban niềm vui hạnh phúc cho con người, thể hiện khát vọng thiêng liêng mà con người muốn gửi gắm cùng trời đất nhằm cầu mong mọi điều tốt đẹp. Chùa được trùng tu vào các năm 1763, 1817, 1865, 1915, 1986.

#### *Chùa Ông*

Chùa Ông thờ Quan Vân Trường, một biểu tượng về trung - tín - tiết - nghĩa, nên còn có tên gọi là Quan Công Miếu, tọa lạc tại số 24 đường Trần Phú, thị xã Hội An, tỉnh Quảng

Nam. Chùa Ông được xây dựng năm 1653 và đã qua 6 lần trùng tu vào các năm: 1753, 1783, 1827, 1864, 1904, 1906. Chùa Ông được xây theo kiểu chữ “Quốc” do nhiều nếp nhà hợp lại. Các nếp nhà mái lợp ngói ống có men màu, bờ nóc được gắn hoa chanh đắp hình rồng, nghệ bằng các mảnh sứ màu. Hiện nay chùa còn lưu giữ được một số hiện vật quý như: biểu sắc phong, 30 bức hoành phi, trên 10 bộ câu đối, tượng Quan Công, Quan Bình, Châu Thương và nhiều văn bia. Chùa Ông là di tích kiến trúc tôn giáo có giá trị lớn đồng thời là điểm tham quan cho du khách trong và ngoài nước.

#### *Hội quán Phước Kiến*

Hội quán Phước Kiến do nhóm người Phước Kiến (Trung Quốc) đến Hội An sinh sống tạo dựng vào năm 1759, tọa lạc tại số 46 đường Trần Phú, thành phố Hội An,. Hội quán này là nơi thờ thần, Tiên hiền và hội họp đồng hương của những người Phước Kiến. Đến tham quan di tích này, du khách hẳn sẽ ngạc nhiên về bàn tay khéo léo của người xưa đã tạo nên một công trình nguy nga tráng lệ, vừa tinh xảo, vừa sâu lắng. Hội quán có kiến trúc kiểu chữ "Tam" kéo dài từ đường Trần Phú tới đường Phan Chu Trinh (sâu 120m) theo các trật tự: cổng - sân - hồ nước - cây cảnh - hai dãy nhà đông và tây - chính điện - sân sau - và hậu điện. Chính điện thờ Thiên hậu Thánh Mẫu (nữ thần cứu người đi biển gặp nạn), Quan Thế Âm Bồ Tát, Thần Tài, ba Bà Chúa sanh thai và 12 bà mẹ. Trong chùa còn có nhiều tượng thờ, trống đồng, chuông đồng, lư hương lớn, 14 bức hoành phi và nhiều hiện vật có giá trị khác. Hội quán Phước Kiến là một di tích tôn giáo tín ngưỡng, là điểm tham quan thu hút hàng vạn du khách trong và ngoài nước.

#### *Hội quán Quảng Đông*

Hội quán được Hoa Kiều Quảng Đông xây dựng vào năm 1885, thoát đầu để thờ Thiên Hậu Thánh Mẫu và Đức Khổng Tử, sau năm 1911 chuyển sang thờ Quan Công và Tiên Hiền, tọa lạc tại số 176 đường Trần Phú, thành phố Hội An. Nghệ thuật sử dụng hài hòa các chất liệu gỗ, đá trong kết cấu chịu lực và họa tiết trang trí đã đem lại cho hội quán vẻ đẹp đường bệ, riêng có. Hiện nay hội quán còn lưu giữ được nhiều hiện vật cổ như: 4 bức hoành phi lớn, 1 lư trầm lớn bằng đồng cao 1,6m rộng 0,6m, 1 cặp đôn sứ men ngọc Trung Quốc... Hàng năm, vào ngày Nguyên Tiêu (15/1 âm lịch) và vía Quan Công (24/6 âm lịch), hội quán lại tổ chức lễ hội rất linh đình, thu hút nhiều người tham gia.

#### *Kinh đô cổ của vương quốc Chăm-pa - Trà Kiệu*

Nằm trên bờ sông Thu Bồn, cách thánh địa Mỹ Sơn không xa. Trong văn bia Chăm đã lưu danh Kinh thành này dưới cái tên Simhapura - tức Kinh thành Sư tử. Về điêu khắc đá của Simhapura cổ xưa có thể tìm thấy hình bóng rục rờ của nó qua phòng chính giữa của Bảo tàng Chăm Đà Nẵng. Đây là thời cực thịnh của Vương quốc Chăm-pa từ thế kỷ thứ 4 đến thế kỷ thứ 10 – 12 mà cả thành đô Mỹ Sơn và kinh đô Trà Kiệu đều là minh chứng lịch sử nổi bật nhất. Nói đến Simhapura, trước đây người ta thường nói đến ngôi đền chính trong Hoàng thành. Mỗi cạnh của nó dài tới 10m, chiều cao có thể lên tới 40m. Nếu còn đến ngày nay, rõ ràng đây là ngôi tháp đồ sộ nhất trong hàng kiến trúc Chăm-pa ở vùng Đông Nam Á. Trong đền tháp này có một cái bàn thờ lớn hình vuông, mỗi cạnh 3m, cao 1,50m. Trên đó

tạo 12 vũ nữ Apsara đứng múa trước đài sen. Bàn thờ đó đã trở thành kiệt tác trong điêu khắc cổ xưa của thế giới còn lại tới hôm nay. Tất cả các đền thờ ở kinh đô Trà Kiệu đều thờ thần Siva và Visnu là hai chư thần bảo hộ cho các Vương triều Chămpa lúc bấy giờ. Chủ đề nổi bật của Trà Kiệu - Kinh thành Sur tử là các tượng đá Sur tử với nhiều tư thế sống động : đi, đứng, ngồi, nằm phủ phục, vươn mình, nhe nanh... mỗi tượng đều có bộ cục độc đáo từ hình khối đến sắc thái biểu cảm trên đôi mắt, khối ngực, bước chân khỏe khoắn, dáng đứng oai vệ... Mặt khác đây là sự hóa thân công đức của Visnu, vì có lần đáng tội thượng này hóa thành Sur tử để bảo vệ loài người, bảo vệ chư thần thoát khỏi nanh vuốt của quỷ dữ. Cũng qua những di chỉ tìm được trong các cuộc khai quật khảo cổ sau này, người ta đã hình dung được vẻ đẹp kỳ lạ của các kiến trúc Chăm về đền đài, cung điện, lầu đài, thành quách... đã làm cho kinh đô Trà Kiệu thêm hấp dẫn để trở thành trung tâm giao lưu kinh tế - văn hóa của Vương quốc Chămpa với các nước láng giềng như Campuchia, Ấn Độ.

### *Di sản văn hóa Mỹ Sơn*

Mỹ Sơn Mỹ Sơn là thánh địa Ấn Độ giáo của vương quốc Chămpa. Những đền thờ chính ở Mỹ Sơn thờ một bộ Linga hoặc hình tượng của thần Siva - Đấng bảo hộ của các dòng vua Chămpa. Di sản Mỹ Sơn thuộc địa phận xã Duy Phú, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam cách thành phố Đà Nẵng khoảng 70km về phía tây nam, cách Trà Kiệu khoảng 10km về phía tây trong một thung lũng kín đáo. Những dòng chữ ghi trên tấm bia sớm nhất ở Mỹ Sơn, có niên đại khoảng thế kỷ thứ 4 cho biết vua Bhadresvara đã xây dựng một ngôi đền để dâng cúng vua thần Siva- Bhadravarman. Hơn hai thế kỷ sau đó, ngôi đền đầu tiên được xây dựng bằng gỗ đã bị thiêu huỷ trong một trận hỏa hoạn lớn. Vào đầu thế kỷ thứ 7, vua Sambhuvarman đã xây dựng lại ngôi đền bằng những vật liệu bền vững hơn, còn tồn tại đến ngày nay. Các triều vua sau đó đều tu sửa các đền tháp cũ và xây dựng đền tháp mới để dâng lên các vị thần của họ. Với hơn 70 công trình kiến trúc bằng gạch đá, được xây dựng từ thế kỷ thứ 4 đến thế kỷ 13, Mỹ Sơn trở thành trung tâm kiến trúc quan trọng nhất của Vương quốc Chămpa. Vị thần được tôn thờ ở Mỹ Sơn là Bhadravarman, là vị vua đã sáng lập dòng vua đầu tiên của vùng Amaravati vào cuối thế kỷ 4 kết hợp với tên thần Siva, trở thành tín ngưỡng chính thờ thần - vua và tổ tiên hoàng tộc. Vào năm 1898, di tích Mỹ Sơn được phát hiện bởi một học giả người Pháp tên là M.C Paris. Vào những năm đầu thế kỷ 20 này, 2 nhà nghiên cứu của Viễn Đông Pháp là L.Finot và L.de Lajonquière và nhà kiến trúc sư kiêm khảo cổ học H. Parmentier đã đến Mỹ Sơn để nghiên cứu văn bia và nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc Chăm. Cho đến những năm 1903-1904 những tài liệu cơ bản nhất về văn bia ký và nghệ thuật kiến trúc Mỹ Sơn đã được L.Finot chính thức công bố. Tiền thân của quần thể kiến trúc Mỹ Sơn cổ kính này, theo văn bia để lại là một ngôi đền làm bằng gỗ để thờ thần Siva Bhadravarman. Nhưng đến khoảng cuối thế kỷ 6, một cơn hỏa hoạn đã thiêu cháy ngôi đền gỗ. Bức màn lịch sử đã được các nhà khoa học vén dần lên thông qua những văn bia ký và lịch sử nhiều triều đại xưa cho ta thấy Mỹ Sơn là khu thánh địa quan trọng nhất của dân tộc Chăm suốt từ cuối thế kỷ 4 đến thế kỷ 15. Bằng vật liệu gạch nung và đá sa thạch, trong nhiều thế kỷ người Chăm đã dựng lên một quần thể kiến trúc đền tháp độc đáo, liên hoàn:

Đền chính thờ Linga-Yoni biểu tượng của năng lực sáng tạo. Bên cạnh tháp chính (Kalan) là những tháp thờ nhiều vị thần khác hoặc thờ những vị vua đã mất. Mặc dù thời gian cùng chiến tranh đã biến nhiều khu tháp thành phế tích nhưng những hiện vật điêu khắc, kiến trúc còn lại cho đến ngày nay vẫn còn để lại những phong cách giai đoạn lịch sử mỹ thuật dân tộc Chăm, những kiệt tác đánh dấu một thời huy hoàng của văn hoá kiến trúc Chăm cũng như của Đông Nam Á.

Mỗi thời kỳ lịch sử, kiến trúc mang phong cách riêng, cũng như mỗi đền tháp thờ những vị thần, những triều vua khác nhau tạo nên đường nét kiến trúc đầy dấu ấn, nhưng nhìn chung tháp Chăm đều được xây dựng trên một mặt bằng tứ giác, chia làm 3 phần: Đế tháp biểu hiện thế giới trần gian, vững chắc. Thân tháp tượng hình của thế giới thần linh, kỳ bí mê hoặc. Phần trên cùng là hình người dâng hoa trái theo nghi lễ hoặc hình cây lá, chim muông, voi, sư tử... động vật gần gũi với tôn giáo và cuộc sống con người. Theo các nhà nghiên cứu tháp Chăm cổ, nghệ thuật kiến trúc tháp Chăm tại Mỹ Sơn hội tụ được nhiều phong cách; mang tính liên tục từ phong cách cổ thế kỷ 7 đến thế kỷ 8; phong cách Hoà Lai thế kỷ 8 đến thế kỷ thứ 9; phong cách Đồng Dương từ giữa thế kỷ 9; phong cách Mỹ Sơn và chuyển tiếp giữa Mỹ Sơn và Bình Định; phong cách Bình Định... Trong nhiều công trình kiến trúc còn lại khi phát hiện (1898) có tháp cao tới 24m, trong khu vực Tháp Chùa mà các sách khảo cổ, nghiên cứu về Mỹ Sơn có ký hiệu là tháp cổ Chăm, có 2 cửa ra vào phía Đông và phía Tây. Thân tháp cao, thanh tú với một hệ thống cột ốp. Xung quanh có 6 tháp phụ, toàn bộ ngôi tháp 2 tầng toả ra như cánh sen. Tầng trên, chóp đá sa thạch được chạm hình voi, sư tử, tầng dưới, mặt tường là hình những người cưỡi voi, hình các thiên nữ thủy quái. Nhưng ngôi tháp giá trị này đã bị không lực Mỹ huỷ hoại trong chiến tranh, năm 1969. Sau khi phát hiện ra khu tháp cổ Mỹ Sơn, nhiều hiện vật tiêu biểu trong đó đặc biệt là những tượng vũ nữ, các thần linh thờ phượng của dân tộc Chăm, những con vật thờ cũng như những cảnh sinh hoạt cộng đồng đã được đưa về thành phố Đà Nẵng đặt tại bảo tàng kiến trúc Chăm. Tuy không phải là nhiều, nhưng những hiện vật này là những tác phẩm nghệ thuật điêu khắc tiêu biểu, nó có giá trị văn hoá của một dân tộc, nhưng hơn thế nữa, nó là những chứng tích sống động, xác thực lịch sử của một trong những dân tộc trong cộng đồng Việt Nam giàu truyền thống văn hoá.

Mỹ Sơn đã được trùng tu bởi E.F.E.O (Ecole Francaise d'Extreme Orient) trong thời gian từ 1937 đến 1944, nhưng khu vực này đã bị bom Mỹ tàn phá nặng nề trong chiến tranh. Đến năm 1975, trong số 32 di tích còn lại, chỉ có khoảng 20 đền, tháp còn giữ được dáng vẻ ban đầu. Từ năm 1981 đến 1991, Mỹ Sơn được bảo quản và tu sửa từng phần với sự giúp đỡ về chuyên môn của công ty P.K.Z (Ba Lan). Phần lớn các tác phẩm điêu khắc ở Mỹ Sơn đã được người Pháp thu gom về Đà Nẵng vào những năm đầu thế kỷ 20 và được trưng bày tại bảo tàng Chăm. Khu di tích Mỹ Sơn đã được UNESCO công nhận là Di sản văn hóa thế giới tháng 12 năm 1999.

*Làng đúc đồng Phước Kiều*

Làng Phước Kiều thuộc xã Điện Phương, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Người thợ đúc Phước Kiều tạo ra nhiều chủng loại sản phẩm phục vụ cho việc tế lễ, hội hè và vật dụng sinh hoạt hàng ngày như: chuông đồng, chiêng, kiềng, mõ, phèng la, lư hương, chân đèn, bình cổ... và một số nhạc cụ bằng đồng. Các nhạc cụ này có âm thanh riêng biệt, rất đặc thù. Đó là ở kỹ thuật pha trộn tỷ lệ kim loại khác nhau trong quá trình đúc đồng mà chỉ có những người thợ lành nghề mới có thể làm được.

### *Cù lao Chàm*

Cù Lao Chàm là một trong số rất ít đảo của Việt Nam còn giữ được thảm thực vật có độ che phủ tương đối lớn, là nơi cư trú của nhiều loại động vật quý hiếm trên bờ, dưới biển, thuộc xã đảo Tân Hiệp, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam, cách Cửa Đại khoảng 15km, cách phố cổ Hội An khoảng 18km về phía đông. Từ cảng Cửa Đại (Hội An), chỉ mất khoảng 20 phút bành bồng trên những con sóng bằng tàu cao tốc du lịch vượt 18km đường biển, du khách sẽ đến với hòn đảo xinh đẹp Cù Lao Chàm. Du khách cũng có thể đến đây bằng thuyền gỗ trong vòng 2 tiếng đồng hồ, xuất phát từ bến Bạch Đằng nằm ngay trong khu phố cổ.

Theo các nhà địa chất, Cù Lao Chàm hay còn gọi là phần kéo dài về phía đông nam của khối đá hoa cương (granit) Bạch Mã - Hải Vân - Sơn Trà được hình thành cách đây khoảng 230 triệu năm. Hệ thống đứt gãy này đã tạo điều kiện cho sự mở rộng các thung lũng, làm nên nhiều hồ chứa nước trên sườn đồi và hàng trăm hang, hốc sâu.

Với diện tích khoảng 15km<sup>2</sup>, Cù Lao Chàm là một cụm đảo bao gồm 8 đảo lớn, nhỏ, nối tiếp nhau theo hình cánh cung, đó là: hòn Lao, hòn Dài, hòn Mỏ, hòn Khô Mẹ, hòn Khô Con, hòn Lá, hòn Tai, hòn Ông và trên đảo có hơn 3.000 cư dân sinh sống. Theo các nhà nghiên cứu, nơi đây là một trong số rất ít đảo của Việt Nam còn giữ được thảm thực vật có độ che phủ tương đối lớn. Rừng tự nhiên ở Cù Lao Chàm có khoảng 1.500ha với nhiều loại lâm sản quý như: gỗ biển, huỳnh, lim xẹt, kiền kiền, dẻ, chua, mây,...; dược liệu quý như: mã tiền, sơn máu, ngũ gia bì..., trong đó, có 2 loài cây thuốc nam quý hiếm nằm trong sách đỏ Việt Nam, đó là cây Cỏ nhung và Trâm hương; cây cảnh đẹp với hình dáng lạ mắt, có tuổi thọ vài ba trăm năm: tuế, vông nem... và nhiều loài phong lan nở hoa quanh năm, tiêu biểu là loài huyết nhung tím... Đặc biệt, ở sườn đồi phía đông của đảo, do địa hình dốc, vẫn tồn tại thảm thực vật cây bụi và những trảng cỏ với nhiều loại đặc trưng như: sến đất, huyết giác và cỏ cứng. Thảm thực vật có độ bao phủ lớn chính là nơi cư trú của nhiều loại động vật. Hiện Cù lao Chàm có khoảng 12 loài thú, 13 loài chim, 130 loài bò sát và 5 loài ếch nhái. Trong đó, có 2 loài được ghi vào Sách đỏ động vật Việt Nam là chim yến và khỉ đuôi dài.

Phần biển Cù lao Chàm cũng rất nổi tiếng với 6.700ha mặt nước, 165ha rạn san hô, bao gồm 188 loài, 61 giống thuộc 13 họ khác nhau, trong đó có 6 loài được ghi nhận đầu tiên ở nước ta, 500 thảm rong và cỏ biển, hơn 200 loài cá, 4 loài tôm hùm và 84 loài nhuyễn thể. Hệ sinh thái rừng và biển phong phú, Cù Lao Chàm được đánh giá là nơi có sự đa dạng sinh học hiếm có trên thế giới. Nếu có dịp đi tàu vòng qua phía đông đảo hòn

Lao, du khách vừa có dịp được ngắm nhìn những vách đá dựng đứng cao đến 100m thường xuyên bị sóng vỗ tạo thành thác, tường, đá chông, thác nước, đá đổ và các mạch nước ngầm thành hình các bàn cờ, rùa đá, đầu người... vừa có dịp được ngắm nhìn những tổ Yến bám chên vên trên vách đá trông giống như những chiếc tai màu trắng hay ngắm nhìn những đàn chim yến nhỏ bay tới tập từ cửa hang ra biển. Theo truyền thuyết người dân nơi đây kể lại, loài chim này hoá thân từ nàng Yến, một cô gái làng biển sống với cha mẹ già, bỗng gặp cơn hồng thủy cuốn trôi làng mạc, chỉ gia đình nàng sống sót trôi dạt vào đảo nhỏ, cha mẹ nàng đều ngất đi vì đói khát, kiệt sức. Để cứu cha mẹ, nàng lê đi khắp đảo tìm thức ăn, nước uống nhưng chỉ tìm thấy một lát khoai khô nhỏ nằm mắc kẹt trong khe đá, bèn đem về mớm cho cha mẹ. Cứu được cha mẹ thì nàng chết. Ba năm sau trên đảo xuất hiện một loài chim nhỏ cứ quanh quẩn trên mộ nàng, đó là loài chim yến.

Du khách cũng có thể tham gia một số tour du lịch khác như: tour “Khám phá Cù Lao Chàm” với hệ thống các hang động, suối đẹp và kỳ thú như: hang Bà, hang Tò Vò, hòn Bao Gạo, suối Tình, suối Mơ và nhiều ghềnh đá..., tour “Lặn biển ngắm san hô, xem cá nhiều màu sắc ở bãi Bắc, Hòn Dài”, tour vượt biển tham quan làng chài bãi Hương... hoặc có thể tắm biển và tận hưởng vẻ đẹp hoang sơ, tinh khiết tại các bãi biển đẹp như: bãi Ông, bãi Chông, bãi Làng, bãi Bìm... hay tham gia các loại hình thể thao biển như: lướt ván, dù bay, chèo thuyền kayak, thả diều, đua thuyền. Du khách yêu thích Cù Lao Chàm không chỉ bởi vùng biển nơi đây có cảnh sắc thiên nhiên tươi đẹp, có nhiều món ăn ngon như: yến sào, tôm hùm, ốc hương, hải sâm, ngọc trai, đồi mồi, cua đá, mực, vây cá, bào ngư, cá hồng, cá mú, yến sào, ốc xà cừ... và lưu giữ cả một kho tàng văn hóa - lịch sử giá trị trường tồn từ hàng nghìn năm mà còn bởi sự nồng hậu và phong cách thân thiện với môi trường của người dân địa phương. Dưới sự hướng dẫn, quản lý của chính quyền, người dân Cù Lao Chàm tuân thủ quy định không sử dụng túi ni lông, không xả rác... để giữ cho mảnh đất xanh này mãi sạch, đẹp.

Tại Cù Lao Chàm, du khách còn có dịp được tìm hiểu về giá trị văn hóa của những di tích thuộc nền văn hóa Sa Huỳnh, Chăm Pa, Đại Việt, có liên quan đến quá trình cư trú của cư dân cổ cách đây khoảng 3.000 năm, tham quan hệ thống hơn 20 công trình kiến trúc cổ gồm: đình, lăng, miếu, chùa, giếng cổ của cả người Chăm và người Việt được xây dựng cách đây vài trăm năm như: chùa Hải Tạng, giếng làng, lăng Ông, miếu Bà, miếu Tổ nghề yến. Đặc biệt, du khách sẽ được biết về kỹ thuật khai thác nước ngọt của cư dân Chăm cổ và biết về mối giao lưu, buôn bán giữa Cù Lao Chàm với các nước thuộc Trung Cận Đông, Đông Nam Á và Ấn Độ cách đây 1.000 năm trong hành trình con đường tơ lụa trên biển. Từ năm 2004, Cù Lao Chàm đã trở thành khu bảo tồn biển dưới sự giúp đỡ của Chính phủ Đan Mạch. Năm 2006, Cù Lao Chàm được công nhận là di tích lịch sử văn hóa quốc gia. Tháng 5/2009, Cù Lao Chàm chính thức được Ủy ban UNESCO công nhận là Khu Dự trữ sinh quyển thế giới.

*Bãi biển Cửa Đại*

Cửa Đại là một bãi tắm đẹp, thuộc phường Cẩm An, nằm cách đô thị cổ Hội An 5km về phía đông theo đường 608 nối dài. Đây là một bãi tắm lý tưởng, rộng khoảng vài chục héc ta với dải cát trắng mịn, nước trong xanh, sóng nhỏ và luôn được mặt trời chiếu sáng. Cửa Đại là nơi thích hợp để xây dựng khu du lịch với nhiều loại hình vui chơi giải trí hấp dẫn: tắm biển, thể thao nước, nghỉ dưỡng.

### **5.2.8. Các tuyến Du lịch nội thành phố Đà Nẵng**

Thành phố Đà Nẵng có diện tích là 1.283,4 km<sup>2</sup>, dân số là 1.926,0 nghìn người (2010). Thành phố có các quận Hải Châu, Thanh Khê, Sơn Trà, Ngũ Hành Sơn, Liên Chiểu, Cẩm Lệ và các huyện là Hoà Vang, Hoàng Sa. Thành phố có các dân tộc cùng chung sống như Việt (Kinh), Hoa, Cờ Tu, Tày...

*Điều kiện tự nhiên* : Thành phố Đà Nẵng nằm ở trung độ đất nước, phía bắc giáp tỉnh Thừa Thiên - Huế, phía tây và nam giáp tỉnh Quảng Nam, phía đông giáp biển Đông. Địa hình thành phố Đà Nẵng khá đa dạng: phía bắc là đèo Hải Vân hùng vĩ, vùng núi cao thuộc huyện Hòa Vang (phía tây bắc của tỉnh) với núi Mang 1.708m, núi Bà Nà 1.487m. Phía đông là bán đảo Sơn Trà hoang sơ và một loạt các bãi tắm biển đẹp trải dài từ bán đảo Sơn Trà đến bãi biển Non Nước. Phía nam có núi Ngũ Hành Sơn. Ngoài khơi có quần đảo Hoàng Sa với ngư trường rộng lớn. Nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới, chia 2 mùa rõ rệt, mùa mưa và mùa khô. Nhiệt độ trung bình năm từ 28°C– 29°C, bão thường đổ bộ trực tiếp vào thành phố các tháng 9, 10 hàng năm. Thành phố Đà Nẵng nằm trên trục đường bộ, đường sắt, đường thủy và đường hàng không của cả nước và khu vực. Đà Nẵng nằm trên tuyến đường sắt Bắc Nam và quốc lộ 1A, cách Hà Nội 763km. Từ Đà Nẵng có các chuyến bay đi Hà Nội, Hồ Chí Minh, Nha Trang, Buôn Ma Thuột, Pleiku. Có 5 đường bay quốc tế trực tiếp đến Đà Nẵng đã được mở từ Bangkok, Hong Kong, Siem Riệp, Đài Bắc và Singapore với 5 hãng hàng không: Vietnam Airlines, PB Air, Siem Riep Air way, Far Transportasion và Sil Airway.

*Tiềm năng phát triển kinh tế và du lịch* : Thành phố Đà Nẵng được thành lập từ năm 1888, từ xa xưa đã là hải cảng quan trọng của Việt Nam, nay là một trung tâm kinh tế, một thành phố lớn nhất miền Trung. Đà Nẵng không chỉ gắn bó mật thiết với Quảng Nam mà còn với cả miền Trung, Tây Nguyên, nam Lào, đông bắc Cam-pu-chia. Đà Nẵng có khu vực cảng Đà Nẵng với cảng biển Tiên Sa (cảng sâu) và 9 cầu cảng dọc sông Hàn, có sân bay quốc tế Đà Nẵng, có hệ thống thông tin liên lạc hiện đại. Đà Nẵng còn là nơi hội tụ các xí nghiệp lớn của các ngành dệt, sản xuất hàng tiêu dùng, công nghiệp chế biến, công nghiệp cơ khí, công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng. Đến với vùng đất Đà Nẵng, du khách sẽ có dịp đi thăm các danh lam thắng cảnh nổi tiếng như núi Bà Nà, Ngũ Hành Sơn, đèo Hải Vân, bán đảo Sơn Trà... và có thể bơi lội thoải thích ở các bãi biển đẹp, cát trắng mịn kéo dài hàng chục ki lô mét. Tiềm năng du lịch của vùng đất Đà Nẵng thật to lớn.

### **Các điểm tham quan du lịch nội thành thành phố Đà Nẵng**

#### *Bảo tàng điêu khắc Chămpa*

Bảo tàng điêu khắc Chămpa được xây dựng từ năm 1915 dưới sự bảo trợ của Viện nghiên cứu Viễn Đông Pháp tại Việt Nam. Năm 1936, Bảo tàng được mở rộng thêm và chính thức khánh thành vào năm 1939. Bảo tàng nằm ở điểm tiếp giáp của hai con đường Trưng Nữ Vương và Bạch Đằng, thành phố Đà Nẵng. Đây là bộ sưu tập cuối cùng về nghệ



thuật điêu khắc Chăm pa trên thế giới được đặt tại Đà Nẵng, trung tâm cũ của vương quốc Chăm pa. Bảo tàng điêu khắc Chăm pa xây phỏng theo mô típ của các kiến trúc Chăm pa, khối nhà trung bày màu trắng có đường nét trang trí tuy nhỏ nhưng đơn giản và duyên dáng. Hiện nay bảo tàng trưng bày khoảng 300 tác phẩm điêu khắc nguyên bản bằng chất liệu sa thạch, số ít là đất nung được sưu tập từ các đền, tháp Chăm nằm rải rác ở miền Trung từ Quảng Bình đến Bình Thuận. Đây là những đài thờ và các phù điêu trang trí trên các kiến trúc. Chúng được trưng bày trong 10 phòng mang tên các địa phương có hiện vật được phát hiện. Kiến trúc có niên đại từ thế kỷ 5 đến thế kỷ 15 theo chế độ mẫu hệ "*Mother of the country*".

### *Bãi biển Non Nước*

Bãi tắm Non Nước trải dài 5km, như một vòng cung xanh nằm dọc chân núi Ngũ Hành Sơn, bên thềm cát trắng, thuộc phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn. Bãi tắm Non Nước với các tổ chức có được từ độ sóng, khí hậu, thời tiết, độ mặn...nên phù hợp với các loại hình thể thao trên biển, nhất là môn trượt sóng (surfing). Vào năm 1993, tại đây đã diễn ra cuộc thi trượt sóng quốc tế với sự tham dự của gần 40 vận động viên đến từ nhiều nước trên thế giới. Đến với Non Nước, ngoài việc nghỉ ngơi, tắm biển, du khách còn có thể kết hợp viếng thăm thắng tích Ngũ Hành Sơn, nơi có những ngôi chùa cổ, các hang động, thâm nghiêm, hoành tráng; dạo quanh làng đá mỹ nghệ ngay dưới chân núi hoặc làm một cuộc du thuyền trên sông Cổ Cò để thả hồn cùng non nước Ngũ Hành Sơn. Quản lý và khai thác bãi tắm Non Nước hiện nay là Công ty Du lịch Non Nước. Công ty có cụm 3 khách sạn gồm hơn 100 phòng nghỉ ngay trước biển và các dịch vụ tắm biển, giải trí như: chụp ảnh lưu niệm, quầy bán hàng mỹ nghệ, massage, nhà hàng, sân tennis và một số dụng cụ tập thể dục, vui chơi trên biển...Ngoài ra, thành phố Đà Nẵng đã đưa vào hoạt động một khu du lịch liên hoàn bao gồm các loại hình khách sạn, nhà hàng ven biển, khu chiếu đài ngoài trời, phòng họp, phòng hội thảo, hồ bơi, các sân tennis phục vụ du khách.

### *Ngũ Hành Sơn*

Ngũ Hành Sơn thuộc phường Hoà Hải, quận Ngũ Hành Sơn, cách trung tâm thành phố Đà Nẵng khoảng 7km về phía đông nam. Ngũ Hành Sơn nằm trên một dải cát vàng chiều dài khoảng 2km, rộng khoảng 800m. Ngũ Hành Sơn không cao, sườn núi dốc đứng cheo leo, cây cỏ lơ thơ. Đá ở Ngũ Hành Sơn là loại đá cẩm thạch có nhiều màu: sáng đục, trắng sữa, hồng phấn, xám vân đỏ, nâu đen, xanh đậm..., không cứng lắm và là chất liệu rất tốt cho tạc tượng và đồ mỹ nghệ trang trí. Có nhiều truyền thuyết về sự hình thành Ngũ Hành Sơn, trong đó có truyện kể rằng: “Ngày xưa, nơi đây là một vùng biển hoang vu, chỉ có một ông già sống đơn độc trong một túp lều tranh. Một hôm, trời đang sáng bỗng nhiên tối sầm, giông bão nổi lên, một con giao long rất lớn xuất hiện vùng vẫy trên bãi cát và một quả trứng khổng lồ từ từ lăn ra ở dưới bụng. Sau đó giao long quay ra biển đi mất. Lát sau, một con rùa vàng xuất hiện, tự xưng là thần Kim Quy, đào cát vùi quả trứng xuống và giao cho ông già nhiệm vụ bảo vệ giọt máu của Long Quân. Quả trứng càng ngày càng lớn, nhô lên cao chiếm cả một vùng đất rộng lớn. Vỏ trứng ánh lên đủ màu sắc xanh, đỏ, trắng, vàng,

tím lấp lánh như một hòn gạch không lò. Một hôm, ông lão vừa chợp mắt thì nghe có tiếng lửa cháy, ông cầu cứu móng rùa - vật mà thần Kim Quy đã giao lại cho ông lúc ra đi và trong lòng trứng xuất hiện một cái hang rộng rãi, mát mẻ. Ông đặt lưng xuống ngủ thiếp luôn và không biết đang xảy ra một phép lạ: một cô gái xinh xắn bước ra từ trong trứng và nơi ông nằm là một trong năm hòn đá cẩm thạch vừa được hình thành từ năm mảnh vỏ của quả trứng...”. Ngũ Hành Sơn gồm có 5 ngọn: Thủy Sơn và Mộc Sơn ở phía đông, Thổ Sơn, Kim Sơn, Hoả Sơn ở phía tây. Trong tư duy triết học của Trung Hoa thì ngũ hành: Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ là những yếu tố cấu thành vũ trụ. Con số 5 là con số cực kỳ quan trọng trong tư duy và trong đời sống phương Đông vì vậy 5 ngọn Kim Sơn, Mộc Sơn, Thủy Sơn, Hỏa Sơn, Thổ Sơn tự trong mình nó đã hàm chứa những vẻ kỳ bí dị thường.

Lên thăm chùa chiền và hang động Thủy Sơn, du khách có thể đi bằng hai đường: đường tam cấp phía tây nam dẫn lên chùa Tam Thai có 156 bậc hoặc tam cấp phía đông dẫn đến chùa Linh Ứng có 108 bậc. Leo đến khoảng giữa đường tam cấp phía tây, quý khách sẽ gặp cổng ngoài của chùa Tam Thai nhưng hãy khoan vào chùa ngay mà nên rẽ trái, vòng hướng chùa Từ Tâm, chùa Tam Tâm và Phổ Đồng ra thăm Vọng Giang Đài chéch về phía phải chùa Tam Thai. Ở đây có một tấm bia bằng đá Trà Kiệu rộng 1m, cao 2m dựng trên một nền đế rộng. Trên mặt bia khắc 3 chữ Hán lớn “Vọng Giang Đài” (Đài ngắm sông) và một dòng chữ nhỏ ghi ngày tháng năm dựng bia “Minh Mạng thập bát niên thất nguyệt cát nhật” (Năm Minh Mạng thứ 18, tháng 7, ngày tốt). Đứng ở đây có thể nhìn thấy bao quát cả một vùng đồng ruộng mênh mông của Đà Nẵng, Quảng Nam và các con sông Trường Giang, Cẩm Lệ bao quanh. Lên đến chùa Tam Thai là du khách đã đến với một di tích quốc gia và cũng là di tích Phật giáo. Theo sử liệu, chùa được xây dựng cách đây ít nhất 300 năm. Năm 1825, Minh Mạng trong chuyến tuần du Ngũ Hành Sơn đã cho xây lại chùa Tam Thai và đến năm 1927 đã cho đúc 9 tượng và 3 chuông lớn. Vòng ra sau lưng chùa Tam Thai theo một con đường đất, du khách sẽ gặp một cổng vôi cổ kính không biết xây từ bao giờ, trên có 3 chữ Hán “Huyền Không Quan”. Đây là cửa vào động Hoả Nghiêm và động Huyền Không. Trong động Huyền Không có đường dẫn sâu xuống lòng đất. Lặn mò trong bóng tối khoảng 10m trước mặt bỗng bừng lên một khoảng không gian rộng, cao vợi vợi, ánh sáng mờ ảo, êm dịu. Động Huyền Không là hang lộ thiên nằm gọn trong lòng núi. Núi hình tròn nên mái động cũng hình vòm, nền bằng phẳng, không có măng đá và nhũ đá, trên vòm có 5 lỗ lớn nhỏ có thể trông thấy bầu trời bên ngoài. Vách động có bọt đá tạo nên những hình thù kỳ thú.

Từ sau chùa Tam Thai, du khách đi về phía đông sẽ gặp cụm hang động Trung Thai. Cụm này có động Thiên Phước Địa, hang Vân Nguyệt và động Vân Thông. Động Vân Thông nằm gọn trong lòng núi, hình tròn như đường ống chéch lên phía ngọn núi. Trong động có một tấm bia cổ, khắc 3 chữ “Ngũ Uẩn Sơn”, giữa động có một tượng Phật rất lớn. Sau lưng tượng là đường đi lên động, càng vào sâu càng hẹp và hướng lên đỉnh núi, phải bám vào các tảng đá mới bò lên được. Cuối động là miệng thông ra ngoài to bằng cái nong

(đường kính khoảng hơn 1m). Ánh sáng từ đỉnh dội vào trong động tạo ánh hào quang rực rỡ. Đứng trên đỉnh động có thể bao quát cả một vùng đồng ruộng, sông biển, xóm làng.

Cụm chùa chiền hang động Hạ Thai gồm có Vọng Hải Đài, chùa Linh Ứng, động Tàng Chân, động Ngũ Cốc, động Âm Phủ, Giếng Tiên. Vọng Hải Đài là điểm cao bên phải chùa Linh Ứng. Đứng ở đây du khách có thể phóng tầm mắt ra một vùng trời biển bao la với các hoạt động nhộn nhịp của ghe thuyền trên biển. Ở đây cũng có một tấm bia bằng đá Trà Kiệu, kích thước như ở Vọng Giang Đài, dựng vào năm Minh Mạng thứ 18 (1837). Chùa Linh Ứng ở ngọn Hạ Thai cũng là ngôi chùa có giá trị lịch sử cao, được xem là quốc tự và di tích Phật Giáo. Từ tam quan chùa Linh Ứng có đường đi xuống núi, rẽ phải sẽ gặp động Âm Phủ. Động cao, rộng, hình tròn sâu thẳm. Đường hang quay về phía tây, vách lởm chởm đá, ẩm ướt, mát lạnh. Xuống khoảng 30m ta sẽ gặp một hầm cao, ánh sáng vẫn lọt qua khe đá dội vào. Lần qua những cột đá lớn ta sẽ gặp một hang hẹp, lách qua ngách hầm còn có một vòm cao, một giếng sâu thông xuống lòng đất.

Trong núi có một cái hang cửa quay về phía tây nam, ăn sâu vào trong núi có tên là hang Cốc hoặc hang Bồ Đề. Ngách vào hang rất hẹp, chỉ đủ một người lách qua. Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, cán bộ, chiến sĩ và nhân dân địa phương đã coi hang Bồ Đề như là một địa đạo thiên nhiên, một địa điểm chống càn, bảo đảm an toàn trong mọi tình huống. Tại sườn phía bắc ngọn Thổ Sơn, về phía Đà Nẵng, có chùa Long Hoa. Chùa mới được xây dựng từ năm 1992, còn đơn sơ nhưng phong cảnh cũng rất hữu tình. Đặc biệt địa hình nơi đây trải dài rất thuận lợi cho việc tôn tạo cảnh quan để góp phần tô điểm thêm cho bức tranh toàn cảnh Non Nước - Ngũ Hành Sơn thêm phong phú. Trên vách đá bên cạnh ngôi chùa có một khối đá lớn cao chừng 30m có hình dáng gần giống hình tượng Phật Di Lặc. Theo Phật giáo thì Phật Di Lặc là Phật Vị Lai thuyết pháp tại hội Long Hoa nên chùa lấy tên là chùa Long Hoa. Chùa thờ Phật Di Lặc ở trước, phía sau cao hơn là Phật Thích Ca, hai bên là Bồ tát Quán Thế Âm và Địa Tạng. Trụ trì chùa hiện nay là Thượng tọa Thích Huệ Thường. Ngũ Hành Sơn được ví như hòn non bộ khổng lồ giữa lòng thành phố Đà Nẵng, không những là biểu tượng văn hoá trong tâm thức của mỗi người con quê hương Đà Nẵng mà còn là điểm đến hấp dẫn của du lịch Miền Trung - con đường di sản.

### *Bãi biển Bắc Mỹ An*

Bãi biển Bắc Mỹ An nằm trong địa phận phường Bắc Mỹ An, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng, cách trung tâm thành phố khoảng 7km về phía đông nam. Bãi biển có chiều dài bờ biển gần 4km, bãi cát trắng mịn, nước biển trong xanh và khu nghỉ mát Furama Resort đạt tiêu chuẩn 5 sao, Bắc Mỹ An được du khách biết đến như là một nơi nghỉ dưỡng biển ngang tầm quốc tế.

Trước năm 1975, Bắc Mỹ An chỉ là bãi tắm tự nhiên. Sau ngày thành phố giải phóng, nhà nước xây dựng ở đây một nhà nghỉ và một viện điều dưỡng để phục vụ nhu cầu an dưỡng của cán bộ công nhân viên chức của tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng (cũ). Khu vực Bắc Mỹ An có năm điểm được xem là bãi tắm đẹp gồm: bãi tắm T18, Mỹ Đa Đông 2, Mỹ Đa

Đông 3, Bắc Mỹ An và khu vực khách sạn Furama với sức chứa khoảng 8.000 khách/ngày. Ngoài khu du lịch Furama, tại bãi tắm Bắc Mỹ An còn có một số cơ sở dịch vụ của T18, Công ty Danatours và một số hàng quán của tư nhân dọc theo bãi biển với giá cả phải chăng. Vì vậy, du khách đến với bãi tắm Bắc Mỹ An, tùy theo hoàn cảnh và khả năng tài chính, có thể lựa chọn cho mình một địa điểm nghỉ ngơi thích hợp.

#### *Làng đá mỹ nghệ Non Nước*

Làng đá mỹ nghệ Non Nước là nơi sản xuất đồ mỹ nghệ bằng đá cẩm thạch nổi tiếng khắp trong và ngoài nước, thuộc phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng. Làng được hình thành vào thế kỷ 18 do nghệ nhân người Thanh Hóa tên là Huỳnh Bá Quát khai phá. Sang thế kỷ 19 thì cả làng đều sinh sống bằng nghề này. Nguyên liệu để làm ra các sản phẩm mỹ nghệ là đá cẩm thạch trước đây được khai thác ở núi Ngũ Hành Sơn. Đá núi Ngũ Hành Sơn nhiều vân ngũ sắc, vẻ đẹp cao sang, là mặt hàng được ưa chuộng trong xây dựng và kiến trúc. Từ đất đá vô cảm, người nghệ nhân làng đá mỹ nghệ đã thổi vào đó tâm hồn của con người. Quá trình này diễn ra ở nhiều công đoạn, và có cả những công đoạn vất vả, nhọc nhằn vô cùng nhưng niềm hạnh phúc trước một tác phẩm đã thành hình, thái độ ngưỡng mộ của người thưởng thức đã giúp cho người dân làng nghề mỹ nghệ này ngày càng gắn bó với công việc của mình. Sản phẩm mỹ nghệ bằng đá cẩm thạch khá phong phú: tượng Phật, tượng thánh, tượng người, tượng muông thú..., vòng đá đeo tay trơn láng đầy màu sắc chạm trổ tinh xảo, công phu. Đến Ngũ Hành Sơn, du khách có thể chọn lựa thoải mái khi mua những đồ lưu niệm bằng đá do bàn tay tài hoa của các nghệ nhân địa phương thực hiện.

#### *Bán đảo Sơn Trà*

Bán đảo Sơn Trà có các bãi biển đẹp gần như còn nguyên sơ, nước trong xanh, cát trắng mịn, sạch và rừng nguyên sinh với hệ động thực vật phong phú, thuộc địa phận quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng, cách trung tâm thành phố 13km. Ven biển của bán đảo Sơn Trà có nhiều bãi cát đẹp, trong đó có một số bãi tắm nổi tiếng như bãi Bắc (phía bắc bán đảo), bãi Nam và bãi Bụt (phía nam bán đảo). Sau lưng các bãi tắm này là rừng nguyên sinh với hệ động thực vật rất phong phú, nhiều loài vật, cây cối thuộc loại quý hiếm như loài vượn má đỏ, vích đã được đưa vào danh sách đỏ. Dưới các bãi biển này là các rặng san hô lớn và tuyệt đẹp, rất thuận lợi cho việc phát triển các loại hình du lịch lặn. Hiện nay, thành phố đang đầu tư tại đây khu du lịch Bãi Bụt với những ngôi nhà nghỉ trên sườn núi, ven biển; các loại hình du lịch lặn, và trong tương lai sẽ xây dựng một trung tâm hải dương học đồng thời phát triển thành một khu du lịch lớn với đầy đủ các loại hình dịch vụ phục vụ du khách. Du khách đến đây sẽ có dịp tận hưởng không khí trong lành, cảnh quan thiên nhiên kỳ thú, câu cá, câu mực, săn tôm hùm, tìm hiểu đời sống cư dân địa phương... Đến Đà Nẵng là cơ hội để khám phá bán đảo Sơn Trà với bao điều mới lạ.

#### *Khu bảo tồn thiên nhiên Sơn Trà*

Khu bảo tồn thiên nhiên Sơn Trà trên bán đảo Sơn Trà (hay còn gọi là Sơn Chà) là một quần thể rừng và biển đẹp nằm bên cạnh thành phố, được công nhận là khu bảo tồn

thiên nhiên quốc gia năm 1980, nằm trên địa phận quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng. Khu bảo tồn thiên nhiên Sơn Trà vừa có hệ sinh thái đất ướt ven biển vừa có thảm rừng nhiệt đới mưa ẩm nguyên sinh, được bảo vệ theo chế độ rừng cấm quốc gia. Tổng diện tích tự nhiên là 4.439 ha, trong đó diện tích rừng và đất lâm nghiệp là 4.180 ha, đất có rừng là 3.431 ha (rừng tự nhiên 2.806 ha, rừng trồng 625 ha), đất chưa có rừng 748 ha. Rừng nguyên sinh trên bán đảo là nơi giao lưu của hai hệ động thực vật tiêu biểu của hai miền Nam - Bắc, gồm 298 loài thực vật cao thuộc 271 chi, 90 họ, 64 loại gỗ lớn, 107 cây thuốc quý và nhiều giống lan rừng. Nổi tiếng là nơi có thảm thực vật đặc sắc, nguồn gen thực vật nhiệt đới của Sơn Trà rất đa dạng, phong phú với số lượng cá thể lớn có khả năng cung cấp giống cây bản địa phục vụ trồng rừng như: chò chai, dẻ cau, dầu lá bóng. Sơn Trà có hơn một trăm loài động vật với hàng chục loài quý hiếm nằm trong sách đỏ cần bảo tồn của thế giới như gà tiền mặt đỏ, trăn gấm, thủy sinh; trong đó voọc Chà Vá được xem là loài thú sinh trưởng đặc hữu của Đông Dương cần được bảo vệ. Tại đây có hơn 400 con voọc Chà Vá chân nâu được mệnh danh là Nữ hoàng của loài linh trưởng cùng với rất nhiều khỉ như khỉ đuôi dài, khỉ vàng (nên Sơn Trà được người Mỹ gọi là Monkey Mountain - Núi khỉ). Đi bộ xuyên rừng khám phá thiên nhiên núi rừng Sơn Trà với thảm động thực vật nhiệt đới phong phú, du khách có thể tận mắt chứng kiến có những cây gần ngàn năm tuổi hay ngắm nhìn bầy voọc đang tìm ăn trên các tầng cây hay bên bờ suối. Trên đỉnh Bàn Cờ (ở độ cao 625 m), du khách vừa được tận hưởng không khí mát dịu, trong lành của biển và núi, vừa có thể ngắm toàn cảnh trung tâm thành phố Đà Nẵng, Ngũ Hành Sơn, rặng Bà Nà - Núi Chúa...

Ngay dưới chân núi, du khách có thể đến bên suối Đá thơ mộng, hay hòa mình vào dòng nước mát lạnh của biển, ngắm nhìn những bãi cát vòng quanh bán đảo sạch sẽ và mịn màng, những tảng đá chông chát ven bờ bị bào mòn và được lau sạch bóng bởi nước triều đều đặn lên xuống. Cả một vùng bãi Bụt, bãi Rạng, bãi Nam, bãi Ôm, bãi Bắc... sẽ làm thỏa lòng du khách đến đây. Dừng chân tại bãi Bụt yên tĩnh với những khu nhà nhỏ xinh xắn để nghe sóng vỗ, dõi theo cánh bay của những con chim yến đi làm tổ hướng về các bờ đá chênh vênh hay nghỉ ở bãi Tiên Sa, nơi mà theo truyền thuyết là nơi có vẻ đẹp huyền rũ thu hút cả các cô tiên trên trời xuống tắm, là một trong nhiều lựa chọn. Ngoài ra, những bãi san hô tuyệt đẹp, đầy màu sắc nơi đây cũng vô cùng hấp dẫn. Khu rừng và biển thơ mộng này cách trung tâm thành phố Đà Nẵng chỉ khoảng 5km nhờ cầu Thuận Phước bắc qua sông Hàn, nối liền quận Hải Châu với bán đảo Sơn Trà. Núi rừng Sơn Trà đang chờ đón du khách đến khám phá để chìm đắm trong phong cảnh hùng vĩ mà lãng mạn, phóng khoáng mà tươi đẹp của một vùng bán đảo sơn thủy hữu tình.

#### *Khu du lịch Bà Nà - Núi Chúa*

Khu du lịch Bà Nà - Núi Chúa thuộc địa phận huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng, cách trung tâm thành phố khoảng 30km về phía tây nam. Khí hậu quanh năm mát mẻ, nhiệt độ trung bình vào mùa hè khoảng 18°C, Bà Nà - Núi Chúa là khu du lịch sinh thái-nghỉ dưỡng lý tưởng ở miền Trung. Bà Nà được coi là “lá phổi xanh”, là “hòn ngọc quý” về khí hậu mà thiên nhiên ban tặng cho Đà Nẵng. Du khách đến Bà Nà không chỉ được tận hưởng

không khí trong lành, xanh, sạch đẹp mà còn được chiêm ngưỡng những cảnh quan đẹp mà hiếm vùng nghỉ mát nào có được. Ở Bà Nà một ngày có 4 mùa riêng biệt: buổi sáng tiết xuân, buổi trưa vào hạ, buổi chiều se se sang thu và đêm về lạnh giá như giữa đông. Đầu thế kỷ 20, để phục vụ cho nhu cầu nghỉ ngơi của người Pháp tại miền Trung, nhiều nhà nghỉ, biệt thự, khách sạn đã mọc lên suốt dọc các triền núi, trên đỉnh Bà Nà và đỉnh Núi Chúa (đỉnh cao nhất ở đây với độ cao 1.487m so với mặt biển). Lúc đó Bà Nà nhanh chóng trở thành một trong những nơi nghỉ mát nổi tiếng và lớn nhất Đông Dương, thu hút nhiều du khách ngang tầm với Le Bockor (Campuchia), Cap Saint Jacques (Vũng Tàu), Tam Đảo, Sapa. Sau đó do chiến tranh tàn phá, nơi đây trở nên hoang phế và bị lãng quên theo thời gian.

Năm 1986, Bà Nà đã được Chính phủ công nhận là khu dự trữ thiên nhiên, đối tượng bảo vệ là rừng nhiệt đới và nhiều loại động thực vật quý hiếm.

Bà Nà có hệ động thực vật phong phú và đa dạng. Trong những cánh rừng nguyên sinh đại ngàn là nơi cư trú của 256 loài động vật, trong đó có 61 loài thú, 178 loài chim và 17 loài bò sát. Hệ thực vật ở đây có 543 loài gồm 136 họ và 379 chi. Bà Nà là nơi có nhiều loài động vật quý hiếm cư trú như trĩ sao, gấu đen châu Á, vượn bạc má hung... Với những ưu thế tuyệt diệu đó, Khu du lịch Bà Nà đã được tập trung xây dựng lại thành khu nghỉ dưỡng và du lịch cao cấp, có tính cạnh tranh cao trong khu vực, đặc biệt đầu tư vào hệ thống cáp treo, khu lưu trú, khu vui chơi giải trí... Một số khu biệt thự cổ kiểu Pháp, khu văn hoá Phật giáo, hầm rượu và hàng loạt khách sạn, biệt thự, quán bar, sân tennis, cầu lông, bida... đã dần khôi phục và tôn tạo.

Năm 2004, một bản sao của chùa Linh Ứng ở Ngũ Hành Sơn được xây dựng ở đây. Trên núi cao, chùa Linh Ứng linh thiêng với những nét kiến trúc tinh tế làm cho không khí thiêng môn thêm thanh tịnh, lòng người vẫn cảnh chùa thêm thanh tao. Cảm giác mệt mỏi dường như tan biến khi du khách được chiêm ngưỡng tượng Phật Thích Ca thuộc vào hàng lớn nhất châu Á. Tượng Phật cao 30m uy nghi giữa bốn bề lồng lộng mây trời, gió núi. Bên cạnh chùa Linh Ứng là những hầm rượu của người Pháp vẫn còn đó nay được sử dụng để chưng cất rượu và luôn mở cửa cho du khách vào tham quan, nhấp nháp một chút men cay. Du khách sẽ cảm nhận được như mình đang lạc vào trong mây, trong khi thời quang mây tạnh.

Để lên đỉnh núi Bà Nà du khách sẽ phải đi cáp treo, sẽ có dịp khám phá toàn cảnh Bà Nà từ trên cao nhìn xuống và ngắm cảnh trên các cabin, khi nhìn xuống du khách cảm nhận được toàn bộ cảnh đồi núi: Kỳ lục thế giới với độ dài của cáp treo 1 dây kỷ lục thế giới về cáp treo có độ cao chênh lệch nhất giữa 2 ga; Khí hậu giao chuyển từ mùa hạ mang mùa đông khi đi trên cáp.

### **5.3. Các tuyến du lịch xuyên vùng du lịch vùng duyên hải Nam Trung bộ**

- Tuyến du lịch Đà Lạt- TP. Hồ Chí Minh và các tỉnh phụ cận: Được thực hiện bằng đường bộ theo quốc lộ 20 và quốc lộ 1A; hoặc bằng đường không từ Liên Khương (Đà Lạt) đến Tân Sơn Nhất (TP. Hồ Chí Minh.)

- Tuyến du lịch Đà Lạt-TP.Hồ Chí Minh-Bà Rịa-Vũng Tàu-Long Hải (theo quốc lộ 20, 51 hoặc kết hợp cả đường không và đường bộ).
- Tuyến du lịch Đà Lạt-Di Linh-Phan Thiết Mũi Né-Long Hải-Bà Rịa-Vũng Tàu (theo quốc lộ 20, quốc lộ 27, quốc lộ 1A, tỉnh lộ 712...).
- Tuyến du lịch Đà Lạt-Phan Rang-Nha Trang-các tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ (theo quốc lộ 21 qua đèo Ngoạn Mục và quốc lộ 1A).
- Tuyến du lịch Đà Lạt-Nha Trang-các tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ (theo quốc lộ tỉnh lộ 723 qua đèo Khánh Vĩnh, quốc lộ 1A).
- Tuyến du lịch Buôn Ma Thuột-Nha Trang- các tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ (theo quốc lộ 26 và 1A).
- Tuyến du lịch Pleiku-An Khê-Quy Nhơn-các tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ (theo quốc lộ 19 và 1A).
- Tuyến du lịch Kon Tum-Kon Plông-Quảng Ngãi-các tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ (theo quốc lộ 24 và 1A).
- Tuyến du lịch Kon Tum-Đắk Tô-Đắk Lắk-Đà Nẵng-các tỉnh Miền Trung (theo quốc lộ 14 và 1A).
- Tuyến du lịch Lâm Đồng-Buôn Ma Thuột-Gia Lai-Kon Tum-Đà Nẵng-các tỉnh Miền Trung (theo đường Trường Sơn Đông).
- TP.HCM – Đồng Nai - Phan Thiết – Mũi Né
- TP.HCM – Phan Thiết – Mũi né – Phan Rang – Tháp Chàm
- TP.HCM – Phan Thiết – Nha Trang – Phú Yên
- TP.HCM – Nha Trang – Phú Yên – Bình Định – Quảng Ngãi
- TP.HCM – Nha Trang – Phú Yên – Bình Định – Quảng Ngãi – Thánh địa Mỹ Sơn
- Hội An – Đà Nẵng
- Tuyến du lịch Đà Nẵng – Hội An – Mỹ Sơn

## **TÓM TẮT CHƯƠNG 5**

*Trong chương này, sinh viên nắm được các nội dung sau:*

*Khái quát chung về tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch nhân văn thuộc vùng du lịch Nam Trung bộ.*

*Khái quát chung về cơ sở vật chất – kỹ thuật phục vụ hoạt động du lịch thuộc vùng Nam Trung bộ..*

*Sinh viên sẽ hiểu và nắm rõ hơn về các loại hình du lịch ở các tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận, Khánh Hòa, Phú Yên, Quảng Ngãi, Phú Hòa, Đà Nẵng.*

*Giới thiệu tóm tắt đôi nét về điều kiện tự nhiên, điều kiện kinh tế, dân số, văn hóa và các dân tộc cư trú tại mỗi tỉnh, thành phố thuộc vùng du lịch Nam Trung bộ..*

*Đồng thời, mỗi tỉnh, thành phố sẽ giới thiệu khái quát về các điểm đến tham quan bao gồm những danh lam thắng cảnh, nghệ thuật, lễ hội, phong tục tập quán của các dân tộc cùng cư ngụ tại đây.*

*Khái quát một số tài nguyên du lịch tự nhiên có thể khai thác các tuyến du lịch trên sông, biển của các tỉnh.*

*Giới thiệu một số tuyến điểm xuyên vùng du lịch của các tỉnh, thành phố, cũng như các tuyến, điểm du lịch bằng hàng không, đường sắt.*

*Đồng thời, và tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu là hai điểm có số lượng khách du lịch quốc tế đến bằng đường biển ngày một nhiều hơn.*

## CÂU HỎI ÔN TẬP

Câu 1: Vùng du lịch Nam Trung bộ.có bao nhiêu tỉnh?

Câu 2: Theo anh/chị các tỉnh, thành phố vùng du lịch Nam Trung bộ.có những loại tài nguyên du lịch gì? Mỗi loại tài nguyên du lịch cho ví dụ minh họa?

Câu 3: Đặc điểm chung của vùng du lịch Đông Nam bộ là loại hình du lịch gì? Giải thích tại sao?

Câu 4: Tuyến du lịch Nam Trung bộ có các cửa khẩu quốc tế nào?

Câu 5: Hãy kể tên các tên phố của trực thuộc các tỉnh trên của vùng du lịch Nam Trung bộ.?

Câu 6: Tại sao thành phố Đà Nẵng là địa điểm trung chuyển khách du lịch lớn của miền Trung?

Câu 7: Anh/Chị hãy nêu cho biết các tỉnh, thành phố trong vùng có bao nhiêu sân bay nội địa? Bao nhiêu sân bay quốc tế? Hãy kể tên các sân bay đó?

Câu 8: Anh/Chị hãy nêu cụ thể một tour du lịch biển trong vùng du lịch Nam Trung bộ.?

Câu 9: Anh/Chị hãy Giới thiệu khái quát một điểm du lịch tại Hội An?

Câu 10: Anh/Chị hãy cho Tháp Chàm thuộc những tỉnh nào?



## CHƯƠNG 6: TUYẾN ĐIỂM DU LỊCH VÙNG DU LỊCH BẮC TRUNG BỘ

Sau khi học xong chương này, sinh viên có các kiến thức sau:

- *Hiểu được các loại tài nguyên du lịch tự nhiên được khai thác vào du lịch đường sông, biển, đường bộ và hàng không thuộc các tỉnh, thành phố vùng du lịch Bắc Trung bộ.*

- *Hiểu được tài nguyên du lịch nhân văn được khai thác vào du lịch đến với các lễ hội, nghệ thuật, các di tích lịch sử văn hóa của các địa phương các tỉnh, thành phố thuộc vùng du lịch Bắc Trung bộ.*

- *Nắm được khái quát chung về tài nguyên du lịch mỗi tỉnh thuộc vùng du lịch tỉnh, thành phố vùng du lịch Bắc Trung bộ về điều kiện tự nhiên, nhân văn, cơ sở vật chất – kỹ thuật, cơ sở lưu trú, dịch vụ ăn uống, điểm tham quan chính của mỗi tỉnh.*

- *Hiểu được các tuyến du lịch nội tỉnh và du lịch vùng thuộc các tỉnh, thành phố vùng du lịch Bắc Trung bộ.*

- *Nắm được các loại du lịch tiêu biểu được khai thác trong hoạt động du lịch thuộc vùng.*

*Nắm được vùng du lịch Bắc Trung bộ có bao nhiêu di sản được UNESCO công nhận?*

### 6.1. Khái quát chung về vùng du lịch Bắc Trung bộ

Trong tổng số 17 di sản thế giới của Việt Nam được UNESCO công nhận tính đến năm 2012 thì đã có 5 di sản thuộc vùng Bắc Trung Bộ (gồm các di sản tự nhiên, văn hóa và phi vật thể) đó là: Quần thể di tích cố đô Huế, Vườn Quốc Gia Phong Nha Kẻ Bàng; Nhã nhạc cung đình Huế; Mộc bản triều Nguyễn và Thành nhà Hồ. Như vậy có thể thấy hệ thống các di sản là những tài nguyên du lịch giá trị nhất của vùng Bắc Trung Bộ. Hệ thống các di sản thế giới này tạo nên sự khác biệt lớn nhất của Bắc Trung Bộ so với các vùng khác trong cả nước.

#### 6.1.1. Tài nguyên du lịch tự nhiên

Bắc Trung Bộ là dải đất hẹp ngang, kéo dài từ dãy Tam Điệp ở phía Bắc tới dãy núi Bạch Mã ở phía Nam - là ranh giới tự nhiên giữa Bắc Trung Bộ và duyên hải Nam Trung Bộ, gồm các tỉnh: Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế. Diện tích tự nhiên của vùng: 52.534,2 km<sup>2</sup>; dân số: trên 10 triệu người; mật độ dân số trung bình: 206 người/km<sup>2</sup>.

Phía Tây là dãy núi Trường Sơn Bắc giáp với nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, phía Bắc giáp với vùng núi Tây Bắc và Đồng bằng sông Hồng, phía Nam giáp vùng Duyên hải Nam Trung Bộ, phía Đông là Biển Đông.

*Về vị trí tiếp giáp cụ thể:* Phía Bắc giáp với Hòa Bình, Ninh Bình, Sơn La; Phía Tây là sườn Đông dãy Bắc Trường Sơn giáp với CHDCND Lào, hiện giữa hai nước có 5 cửa khẩu quốc tế: Na Mèo, Nậm Cắn, Cầu Treo, Cha Lo, Lao Bảo và 3 cửa khẩu chính: La Lay (Quảng Trị), Hồng Vân và A Đớt (Thừa Thiên - Huế); Phía Đông hướng ra biển Đông thuận lợi cho việc phát triển các ngành kinh tế biển, tạo cơ hội mở rộng thị trường hàng hóa, mở

cửa hội nhập kinh tế quốc tế, đặc biệt với các nước trong khu vực Đông Nam Á; Phía Nam là thành phố Đà Nẵng, điểm cuối của hàng lang Đông Tây.

*Về vị trí giao thông:* Bắc Trung Bộ nằm trên trục giao thông xuyên Việt (kể cả đường bộ, đường sắt), và có nhiều tuyến đường ngang Đông Tây quan trọng; Có hệ thống đô thị ven biển (Thanh Hóa, Vinh, Hà Tĩnh, Đồng Hới, Huế) gắn liền với các khu công nghiệp, trung tâm thương mại, dịch vụ du lịch và các cảng biển (Nghị Sơn, Cửa Lò, Cửa Hội, Chân Mây, Hòn La.); Bắc Trung Bộ nằm tương đối gần đường hàng hải quốc tế, chịu sự ảnh hưởng trực tiếp của các vùng phát triển năng động trong khu vực Châu Á - Thái Bình Dương mở ra khả năng to lớn trong quan hệ về mọi mặt thông qua hệ thống đường biển.

*Khí hậu* Bắc Trung Bộ mang tính chất chuyển tiếp của khí hậu Bắc Bộ, vẫn có một mùa đông lạnh, nhưng ngắn hơn (90 ngày). Nhiệt độ thường cao hơn vùng đồng bằng Bắc Bộ 1-2°C. Nhiệt độ trung bình năm là 23-25°C, tổng lượng nhiệt 8.200 - 9.200°C, số giờ nắng 1.460 - 1.920 giờ. Tổng lượng mưa lớn, 1.500-2.500mm/năm. Vùng mưa nhiều nhất là Thừa Thiên Huế. Độ ẩm không khí là 82-87%. Diễn biến của khí hậu trong năm thường gây nên những biến cố như gió phơn Tây Nam (gió Lào), gây hạn hán, nóng bức (từ tháng 5 đến tháng 7). Tiếp đến là mưa tập trung, cường độ lớn vào các tháng 8,9. Mưa kèm theo bão Thái Bình Dương gây lũ lụt và phá hoại mùa màng, tài sản của nhân dân. Lợi dụng quy luật hoạt động của khí hậu nói trên, vùng Bắc Trung Bộ đã xây dựng lịch mùa vụ sớm hơn vùng đồng bằng Bắc Bộ từ 15 đến 30 ngày và tìm các biện pháp phòng tránh thiên tai.

Tiềm năng nước của vùng khá phong phú, nhưng biến động phức tạp. Vùng có 21 lưu vực sông, mật độ sông suối khá dày, đạt 9,75km/km<sup>2</sup>. Riêng vùng núi cao đạt 1km - 1,8km/km<sup>2</sup>. Nguồn nước chủ yếu là do mưa cung cấp, nên thủy chế sông cũng theo mùa. Do địa hình dốc, lưu vực nhỏ, nên sông ngắn, độ dốc lớn, dòng chảy nhỏ, việc sử dụng nước sông, suối có nhiều khó khăn. Muốn điều tiết nước, cần có hệ thống thủy lợi thích hợp, giữ nước trong mùa mưa, điều tiết nước cho mùa khô. Nguồn nước ngầm khá phong phú, đáng chú ý là nguồn suối khoáng, nước nóng. Hiện có 16 điểm suối khoáng được đánh giá là có thể sử dụng tốt cho an dưỡng, chữa bệnh, giải khát như suối khoáng Chà Khốt, Võ Âm (Thanh Hóa); Bản Khang, Bản Tạt (Nghệ An); Sơn Kim (Hà Tĩnh); Bang - Lê Thủy, Troóc, Đông Nghèn, Nô Bò (Quảng Bình); Tân Lam, Kim Cương, Hướng Hóa (Quảng Trị), Thanh Tân, Mỹ An, Hương Bình (Thừa Thiên - Huế).

*Tài nguyên đất* vùng Bắc Trung Bộ rất đa dạng về chủng loại và diện tích đất chưa sử dụng còn khá nhiều. Có 3 loại đất chính: đất đỏ vàng trung du miền núi gồm đất đỏ feralit, đất bô bazan. thích hợp cho trồng cây công nghiệp dài ngày hoặc khai thác nông nghiệp, trồng cây ăn quả, chăn nuôi gia súc; đất phù sa bồi tụ ven sông hoặc đồng bằng ven biển thích hợp với trồng cây lương thực, hoa màu, cây công nghiệp ngắn ngày; đất cát hoặc đất cát pha ven biển chất lượng kém chỉ sử dụng để trồng một số loại cây hoa màu, trồng rừng phi lao, bạch đàn chống gió và cát bay ven biển. Quỹ đất tự nhiên của vùng hơn 5 triệu ha, trong đó đã sử dụng 2,8 triệu ha (chiếm 54,4%), đất chưa sử dụng là 2,3 triệu ha (chiếm 45,6%). Trong 2,3 triệu ha đó có đất đồng bằng, đồi núi chiếm 1,9 triệu ha, đây chính là quỹ đất còn lại để khai thác cho các mục tiêu phát triển sản xuất lâm nghiệp, phủ xanh đất trống đồi trọc. Ngoài ra toàn vùng còn có 45,4 nghìn ha mặt nước chưa sử dụng. Đây là điều kiện để phát triển nuôi trồng thủy sản nước ngọt trong tương lai.

*Tài nguyên nước:* Bắc Trung Bộ là vùng có hệ thống sông ngòi khá dày đặc, nguồn cung cấp nước dồi dào, với trữ lượng thủy sản và môi trường thủy sản lớn, có nhiều cửa sông đổ ra biển với mực nước sâu thuận lợi để xây dựng cảng sông, cảng biển, đánh bắt và

nuôi trồng thủy sản. Sông ngòi ở đây ngắn và dốc thuận lợi để phát triển ngành công nghiệp thủy điện.

*Tài nguyên rừng:* là một trong những thế mạnh to lớn để vùng phát triển ngành lâm nghiệp. Tổng trữ lượng gỗ của Bắc Trung Bộ là 134.737 triệu m<sup>3</sup> và 1,5 triệu cây nứa, luồng, chiếm 17,9% trữ lượng gỗ và 25,4% trữ lượng tre nứa toàn quốc. Tài nguyên rừng của vùng chỉ đứng sau Tây Nguyên và đây chính là nguồn cung quan trọng về gỗ và lâm sản cho đồng bằng sông Hồng, cũng như đáp ứng một phần lĩnh vực sản xuất gỗ ở nước ta.

Ngoài cây luồng Thanh Hóa, Bắc Trung Bộ còn có nhiều đặc sản dưới tán rừng và tài nguyên động vật phong phú, có giá trị kinh tế (như song, trầm kì, các loại dược liệu quý, hươu, nai, khí...).

Tính đa dạng sinh học của vùng còn khá cao so với các vùng khác: gần như tỉnh nào cũng có vườn quốc gia như Bến En, Pù Mát, Vũ Quang, Phong Nha - Kẻ Bàng, Bạch Mã.

*Về tài nguyên biển:* Bắc Trung Bộ có bờ biển dài 670km với 23 cửa sông, trong đó có nhiều cửa sông lớn có thể xây dựng cảng phục vụ cho vận tải, đánh bắt cá như Nghi Sơn (Thanh Hóa), Cửa Lò, Cửa Hội (Nghệ An). Điều tra cho thấy có 3040 loài cá kinh tế với trữ lượng 620.000 tấn, có khả năng khai thác 270.000 tấn, trong đó cá nổi 52-58%, chiếm 20-27% trữ lượng khai thác của cả nước. Riêng tôm cũng có tới 30 loài tôm he, khả năng khai thác hàng năm 3.300 tấn, tôm hùm 350-400 tấn, mực 5000 tấn. Ven biển với 30.000ha nước lợ cửa sông, đầm phá có khả năng nuôi trồng thủy sản, cây công nghiệp, rừng ngập mặn.

*Tài nguyên khoáng sản:* Bắc Trung Bộ có nguồn khoáng sản phong phú và đa dạng mà nổi bật là một số loại có tỉ trọng lớn so với các vùng khác. So với cả nước, Bắc Trung Bộ chiếm 100% trữ lượng cromit, 60% trữ lượng sắt, 44% trữ lượng đá vôi. Một số khoáng sản có ý nghĩa quốc gia của vùng như đá vôi có ở hầu hết các tỉnh: 37,8 tỉ tấn (44%), quặng sắt (Thạch Khê - Hà Tĩnh): 554 triệu tấn (60%), cromit (Thanh Hóa) khoảng 3,2 triệu tấn, ngoài ra còn có mangan ở Nghệ An, titan ở Phú Bài (Thừa Thiên Huế). nhưng quy mô nhỏ, phân bố phân tán. Khoáng sản phi kim loại đáng kể là các mỏ đá quý như hồng ngọc, quartz ở Quỳnh Hợp, Quế Phong Nghệ An); đất sét trắng ở Quảng Bình, cát xây dựng, cát thủy tinh ở ven biển ven sông. Khoáng sản năng lượng ít, chỉ có than ở Khe Bó (Nghệ An), Đồng Đò (Thanh Hóa), nhưng trữ lượng ít. Nguồn khoáng sản phong phú, với một số mỏ có trữ lượng lớn, phân bố tập trung - là những thế mạnh góp phần không nhỏ vào việc hình thành các ngành công nghiệp của Bắc Trung Bộ.

Bắc Trung Bộ là khu vực chuyển tiếp giữa vùng du lịch Bắc Bộ và vùng du lịch Nam Trung Bộ, có nhiều tiềm năng cả về tài nguyên du lịch tự nhiên và nhân văn. Bắc Trung Bộ có đường bờ biển dài khoảng 670 km, bên cạnh ý nghĩa quan trọng trong công cuộc chiến đấu, phòng thủ, bảo vệ toàn vẹn chủ quyền lãnh hải quốc gia, khu vực này còn là địa bàn tập trung nhiều tài nguyên du lịch phong phú, trong đó nổi trội là các bãi biển với nhiều bãi tắm đẹp, thắng cảnh kỳ thú như: Sầm Sơn (Thanh Hóa); bãi biển Cửa Lò, Cửa Hội, Cửa Hiền, Quỳnh Lập, Quỳnh Phương, Bãi Lữ... (Nghệ An); bãi biển Xuân Thành, Thiên Cầm, Thạch Hải, Đèo Con (Hà Tĩnh); bãi biển Nhật Lệ, Bảo Ninh, bãi Đá Nhảy (Quảng Bình); bãi biển Cửa Tùng, Cửa Việt, huyện đảo Cồn Cỏ (Quảng Trị) và bãi biển Thuận An, Lăng Cô (Thừa Thiên- Huế). Nhìn chung chất lượng các bãi tắm ở khu vực Bắc Trung Bộ còn tương đối trong sạch, ít bị ô nhiễm. Vì vậy, các bãi tắm này đã và đang được đưa vào khai thác nhằm thu hút khách du lịch tới tham quan, nghỉ dưỡng, và tắm biển.

Các đảo ven bờ trong vùng vẫn giữ nguyên được dáng vẻ hoang sơ và có thể được xem xét đầu tư khai thác du lịch. Tuy nhiên ngoại trừ Cồn Cỏ, tất cả các đảo khác đều có

quy mô rất nhỏ. Một hạn chế lớn khác là tất cả các đảo Bắc Trung Bộ đều gặp khó khăn về nguồn nước ngọt cũng như khả năng tích trữ nước mưa.

*Tài nguyên du lịch hang động:* Hang động là một sản phẩm tự nhiên của quá trình phong hóa karst ở vùng núi đá vôi. Ở Việt Nam, quá trình karst nhiệt đới đã tạo nên nhiều hang động kỳ vĩ, với các nhũ đá, măng đá, sông suối ngầm. Trong số những hang động đã được phát ở vùng du lịch Bắc Trung Bộ có rất nhiều hang động đẹp, rộng, có khả năng khai thác phục vụ du lịch.

Thanh Hóa có vùng núi đá vôi với nhiều danh thắng hang động karst gắn với các truyền thuyết, di tích lịch sử văn hóa như động Từ Thức (Nga Sơn) hấp dẫn du khách, động Long Quang trên núi Hàm Rồng (TP. Thanh Hóa), động Hồ Công, động Tiên Sơn (Vĩnh Lộc), quần thể hang động ở Tĩnh Gia, động Bàn Bù hay còn gọi là Hang Ngán (Ngọc Lặc). Ngoài ra một số hang động khác như hang Con Moong (Thạch Thành), động Cây Đẳng (Cẩm Thủy), Lò Cao kháng chiến ở khu vực Bến En, hang Phi (động Ma) thuộc huyện Quan Hóa., là những điểm du lịch ngày càng hấp dẫn du khách.

Hệ thống hang động tại núi Cồ Luông thuộc Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hu, huyện Quan Hóa: Hang Cồ Luông thuộc địa bàn bản Khảm, cách quốc lộ 15A khoảng 500 mét, đường lên hang không quá dốc, cửa hang quay về sông Mã, trong hang nhiều nhũ đá với hình thù như đan vào nhau, những chiếc đàn đá độc đáo do thiên nhiên ban tặng. Kết hợp với hệ thống hang động trong Huyện như: hang Ma (hang Phi), hang Bà, hang chùa Ông Năm, hang chùa Bà Năm, hang Na (hang Tiên Nữ), tạo ra quần thể du lịch cho khách trong và ngoài huyện, khách nước ngoài đến thăm quan.

Tuy nhiên hang động nổi tiếng nhất vùng Bắc Trung Bộ cũng như cả nước là hệ thống hang động Phong Nha có tổng chiều dài hàng chục kilomet, được mệnh danh là Vương quốc hang động của thế giới. Cửa chính của hệ thống động này là động Khe Ry và động Én nằm ở độ cao khoảng 300m so với mặt nước biển. Các hang trong hệ thống này phân bố theo dạng cánh cây chạy theo hướng Đông Bắc - Tây Nam.

Hệ thống hang Vòm có tổng chiều dài trên 30km bắt nguồn từ hang Rục Cà Roòng, nằm ở độ cao 360m so với mặt nước biển và kết thúc là hang Vòm. Hệ thống hang Vòm nằm trên trục có hướng chung là Nam - Bắc. Sông Rục Cà Roòng lúc ẩn mình trong núi đá, lúc lại xuất hiện trên những thung lũng hẹp và sâu, cuối cùng đổ ra sông Chày ở cửa hang Vòm.

Động Phong Nha là động Tiên Sơn hay động Khô - một động đẹp nổi tiếng của khu vực Phong Nha - Kẻ Bàng, nơi có cảnh thạch nhũ và măng đá kỳ vĩ huyền ảo. Ngoài ra còn có động Thiên Đường được đánh giá là động lớn và dài hơn động Phong Nha. Đặc biệt, gần đây, đoàn thám hiểm người Anh mới phát hiện ra một trong những hang mới nhất đó là Sơn Đòng. Hang này được cho là hang động lớn nhất thế giới. Khoang lớn nhất ở Sơn Đòng có chiều dài hơn 5km, cao 200m và rộng 150m. Hang Thẩm Òm tại xã Châu Thuận huyện Quỳnh Châu; hang Bua thuộc xã Châu Tiến huyện Quỳnh Châu thuộc khu bảo tồn thiên nhiên Pù Huống - Nghệ An. Khu bảo tồn thiên nhiên Bắc Hương Hóa - Quảng Trị: mới phát hiện ra hang động đẹp tên là Brai, nếu được đầu tư thì sẽ là địa điểm thu hút khách du lịch đến thưởng ngoạn tuyệt tác của tự nhiên.

*Tài nguyên du lịch sông, hồ, suối nước nóng* Các dòng sông lớn ở vùng này, đặc biệt là hệ thống sông Mã, sông Lam, sông Thạch Hãn, sông La, sông Bến Hải, sông Gianh, sông Nhật Lệ, sông Hương... đã tạo điều kiện hình thành các tuyến du lịch trên sông. Đặc biệt, trên sông Hương đã phát triển loại hình du lịch trên sông phục vụ du khách, vừa

thường lãm cảnh đẹp của sông nước, vừa nghe nhạc cung đình Huế, thả đèn hoa đăng, Đây là loại hình du lịch hấp dẫn du khách, mang đậm nét đặc trưng của vùng.

Các hồ chứa nước lớn tự nhiên cũng như nhân tạo của vùng ngoài việc mang những giá trị lớn về thủy lợi thì còn là những điểm cảnh quan hấp dẫn. Trong vùng có nhiều điểm hồ có tiếng như hồ Tràng Đen, hồ vực Máu, đập bà Tuy (Nghệ An); hồ Kẻ Gỗ, hồ Thượng Tuy, hồ Cù Lây (Hà Tĩnh); hồ nước ngọt Bàu Sen tại Quảng Bình.

Tài nguyên suối nước nóng ở vùng Bắc Trung Bộ khá phong phú và đang dạng với độ khoáng hóa và nhiệt độ lý tưởng để xây dựng thành khu du lịch điều dưỡng, chữa bệnh có giá đối cả khu vực. Qua phân tích của các nhà chuyên môn thì nước khoáng ở vùng này có giá trị tốt đối với sức khỏe con người và có nhiều tác dụng dược lý, được đánh giá là quý hiếm và rất tốt trong việc chữa trị một số bệnh như các bệnh ngoài da, thấp khớp mãn tính, đường ruột, đau thần kinh tọa, bệnh tim mạch, thấp khớp, bệnh về đường hô hấp... Các suối nước nóng nổi tiếng của vùng là: suối khoáng nóng Giang Sơn, suối nước Mọc ở Nghệ An; Khe Nước Sốt ở địa bàn huyện Hương Sơn, Hà Tĩnh; suối nước khoáng nóng Bang ở Quảng Bình; khu du lịch nước khoáng nóng Mỹ An, Thanh Tân ở Thừa Thiên Huế.

*Tài nguyên du lịch sinh thái:* Du lịch sinh thái đã và đang phát triển nhanh chóng ở nhiều quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam, thu hút được các đối tượng khách du lịch có nhu cầu tham quan, nghỉ dưỡng. Bên cạnh việc mang lại lợi ích kinh tế thì du lịch sinh thái góp phần đảm bảo sự phát triển du lịch bền vững gắn với việc bảo tồn thiên nhiên và môi trường.

Tài nguyên du lịch sinh thái Bắc Trung Bộ là sự đa dạng sinh học cao, cũng như các hệ sinh thái đặc trưng với nhiều vườn quốc gia Bến En, Pù Mát, Vũ Quang, Phong Nha - Kẻ Bàng, Bạch Mã; khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông, Pù Huông, Kẻ Gỗ là những khu rừng nguyên sinh rộng lớn. Một phát hiện rất quan trọng của vùng này là ở Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng có 3 loài thú : Sao La, Mang Lớn và Mang Trường Sơn, trong đó Sao La và Mang Lớn là loài thú mới được phát hiện trên toàn cầu. Với tính đa dạng sinh học Phong Nha - Kẻ Bàng thuộc Bắc Trung Bộ có ý nghĩa như một bảo tàng sinh vật khổng lồ ở Việt Nam.

*Di sản thiên nhiên thế giới:* Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng thuộc huyện Bố Trạch và Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình, cách thành phố Đồng Hới khoảng 50 km về phía Tây Bắc, nằm ở một khu vực núi đá vôi rộng khoảng 200.000 ha. Nơi đây được ví như một bảo tàng địa chất khổng lồ có giá trị và mang ý nghĩa toàn cầu.

Bên cạnh giá trị về lịch sử địa chất, địa hình, địa mạo, Phong Nha - Kẻ Bàng còn được thiên nhiên ưu đãi ban tặng cho những cảnh quan kì bí, hùng vĩ. Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng ẩn chứa bao điều bí ẩn của tự nhiên, với hàng trăm hang động và các sông ngầm được tạo ra từ hàng triệu năm trước. Hệ động thực vật ở đây rất phong phú và đa dạng, nhiều loài nằm trong Sách đỏ Việt Nam và Sách đỏ thế giới

Với những giá trị đặc sắc về lịch sử hình thành trái đất, lịch sử địa chất, địa hình, địa mạo; cảnh quan kì vĩ, huyền bí; tính đa dạng sinh học của Vườn Quốc gia cùng với giá trị văn hóa - lịch sử đặc sắc, Phong Nha - Kẻ Bàng đã được UNESCO công nhận là Di sản thiên nhiên thế giới vào tháng 7/2003.

### **6.1.2. Tài nguyên du lịch nhân văn**

Vùng Bắc Trung Bộ là vùng có nhiều tiềm năng phát triển kinh tế biển, du lịch nhưng nhìn chung vẫn là vùng nghèo, cần được ưu tiên đầu tư để tạo bước đột phá về phát triển

kinh tế - xã hội và giảm nghèo. Cùng với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động cũng có sự chuyển dịch tương ứng. Tỷ trọng lao động khối nông - lâm - ngư nghiệp giảm mạnh trong khi tỷ trọng lao động khối công nghiệp - xây dựng và dịch vụ tăng nhanh chóng, đặc biệt là khối thương mại - dịch vụ.

Thu nhập bình quân đầu người tăng ổn định, tuy nhiên còn thấp so với mức trung bình cả nước. Kinh tế phát triển còn thiếu bền vững, tích lũy nội bộ từ nền kinh tế thấp (đặc biệt sau những khó khăn trong những năm vừa qua). Kết cấu hạ tầng chưa đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội. Hạ tầng, đặc biệt là giao thông còn thiếu đồng bộ, các công trình đầu mối giao thông quan trọng mới chỉ đang ở giai đoạn quy hoạch. Quy mô sản xuất công nghiệp còn nhỏ, chưa có sản phẩm mũi nhọn. Nông nghiệp còn nhiều khó khăn đặc biệt do các điều kiện tự nhiên không thuận lợi. Thương mại, dịch vụ còn nhiều khó khăn, đặc biệt là khó khăn trong phát triển sản phẩm du lịch chủ đạo là biển đảo do yếu tố thời vụ tác động bởi thời tiết.

Về văn hóa - xã hội, các thành tích về xóa đói giảm nghèo còn thiếu bền vững, chất lượng giáo dục phổ thông còn chưa đều giữa các khu vực, chất lượng các dịch vụ y tế chưa đáp ứng được yêu cầu của xã hội.

Vùng du lịch Bắc Trung Bộ là một trong những trung tâm văn hóa quan trọng của Việt Nam, có kho tàng các di sản văn hóa, bao gồm các di sản văn hóa phi vật thể và di sản văn hóa vật thể rất đặc sắc, vùng có tới 4 di sản văn hóa thế giới: Quần thể di tích cố đô Huế, Nhã nhạc cung đình Huế, Thành nhà Hồ, Mộc bản triều Nguyễn. Đây cũng là nơi sinh ra nhiều danh nhân văn hóa, chính trị Việt Nam như: Hồ Chí Minh, Nguyễn Du, Phan Bội Châu, Trần Phú, Võ Nguyên Giáp, Lê Duẩn... Với sự phong phú và đa dạng về tài nguyên du lịch nhân văn, Bắc Trung Bộ là vùng đất có tiềm năng du lịch quan trọng đặc biệt của cả nước. Bởi vậy, khai thác tiềm năng văn hóa các tỉnh Bắc Trung Bộ để phát triển du lịch có một ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc chuyển tải văn hóa của vùng thành sản phẩm du lịch phục vụ du khách.

*Di tích lịch sử, văn hóa, cách mạng, khảo cổ:* là vùng có nhiều tiềm năng du lịch với 5 di sản thế giới được tổ chức UNESCO công nhận, 3 di tích đặc biệt cấp quốc gia cùng 536 di tích cấp quốc gia khác, đặc biệt có nhiều di tích lịch sử cách mạng có giá trị. Đặc biệt phải kể đến: Khe Gát, hang Tám Thanh niên Xung phong, hệ thống di tích lịch sử A.T.P, địa đạo Vịnh Mốc, Thành cổ Quảng Trị, sông Bến Hải - cầu Hiền Lương, Đường 9 - Khe Sanh, Đường mòn Hồ Chí Minh, chiến khu Dương Hòa huyện Hương Trà và Chiến khu Hòa Mỹ huyện Phong Điền, địa đạo Khu ủy Trị Thiên... Nổi bật nhất là hệ thống di tích chiến tranh đồ sộ và độc đáo ở Quảng Trị, với nhiều di tích đặc biệt quan trọng làm nên bảo tàng sinh động về chiến tranh, là một sa bàn đầy đủ nhất để giới thiệu về chiến tranh Việt Nam, một cuộc chiến tranh khốc liệt nhất trong thế kỷ 20. Với nhiều du khách quốc tế, một trong những lý do để họ tìm đến Quảng Trị là để tìm hiểu và hồi tưởng về quá khứ. Hệ thống di tích chiến tranh cùng với các lễ hội cách mạng đặc sắc, có giá trị tinh thần lớn lao góp phần phát triển loại hình du lịch tham quan - hồi tưởng của vùng đất Bắc Trung Bộ.

Bắc Trung Bộ còn có rất nhiều di tích lịch sử, văn hóa, cách mạng có giá trị cho hoạt động du lịch, nổi bật như: Thành cổ Nghệ An, Truong Bồn, Ngã Ba Đồng Lộc, khu di tích tưởng niệm Nguyễn Du, thành Đồng Hới, Quảng Bình Quan, Lũy Thầy, Thành Champa Ninh Viễn, thành quách thời Trịnh - Nguyễn, thư quán Thuận Hóa ở Phú Hòa, làng Dương Nỗ, cầu Tràng Tiền, nhà thờ Phủ Cam, chùa Báo Quốc... Đặc biệt, hệ thống các di tích lịch sử văn hóa tại quê hương Chủ tịch Hồ Chí Minh có vị trí đặc biệt quan trọng trong hệ thống

tài nguyên nhân văn của tỉnh Nghệ An nói riêng cũng như toàn vùng nói chung là đối tượng thu hút được nhiều lượt khách du lịch trong và ngoài nước đến tham quan.

Bắc Trung Bộ không có nhiều các khu di tích văn hóa, tín ngưỡng như đền, chùa so với vùng đồng bằng sông Hồng, tuy nhiên tại đây cũng có nhiều những công trình có giá trị như chùa Thiên Mục (Thừa Thiên - Huế), chùa Hương Tích (Hà Tĩnh)... Đây cũng là những tài nguyên du lịch hết sức có giá trị đối với du lịch. Xu hướng xuất hành du lịch tâm linh về phía khu vực Bắc Trung Bộ của thị trường Hà Nội đã bước đầu xuất hiện và hứa hẹn mở ra một thị trường du lịch mới cho toàn vùng.

Khu vực có nhiều di tích lịch sử - văn hóa, cách mạng, khảo cổ có giá trị, nhưng việc đưa các di tích phục vụ khai thác du lịch còn chưa tốt do điều kiện cơ sở hạ tầng thấp kém, tình trạng các di tích hiện nay đang bị xuống cấp mà không được các cơ quan có trách nhiệm quan tâm thỏa đáng, không có biện pháp trùng tu, tôn tạo hoặc có trùng tu tôn tạo thì lại không đảm bảo được tính chân xác, nguyên vẹn của các di tích. Ngoài những di tích lớn nổi tiếng, còn lại đa số các di tích chưa được quan tâm đúng mức, gây ảnh hưởng đến hoạt động du lịch nói chung và hoạt động bảo vệ, trùng tu, tôn tạo các di tích nói riêng.

*Lễ hội truyền thống*: là loại hình sinh hoạt văn hoá, sản phẩm tinh thần của người dân được hình thành và phát triển trong quá trình lịch sử; là nét văn hóa đặc trưng riêng biệt, là linh hồn của mỗi vùng, địa phương. Bắc Trung Bộ là vùng có nhiều di tích lịch sử gắn với nhiều lễ hội truyền thống. Nhiều lễ hội có ý nghĩa lớn về mặt lịch sử, văn hóa, có tác dụng tích cực trong việc giáo dục truyền thống yêu nước và khôi phục phát triển những nét đẹp trong sinh hoạt văn hóa cổ truyền. Lễ hội ở Bắc Trung Bộ rất phong phú và đa dạng, mang nhiều màu sắc đặc trưng của từng tập tục, lễ thói riêng biệt, hình thành và phát triển theo 3 loại hình nổi trội.

*Lễ hội tín ngưỡng*: Thường là tín ngưỡng dân gian, thờ các thần thánh như thờ thành hoàng, thờ mẫu, thờ các thần liên quan đến các hoạt động kinh tế như nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp. Những lễ hội tiêu biểu như: lễ hội xã Thiệu Trung, tưởng niệm ông tổ nghề đúc đồng Khổng Minh Khổng, lễ hội xã Quảng Cư ở Sầm Sơn tưởng niệm bà Triệu - tổ sư nghề dệt sấm xúc, lễ hội đình Phú Khê xã Hoàng Phú – Hoàng Hóa – Tổ nghề hát, huyện Yên Thành tỉnh Nghệ An có lễ hội Đức Hoàng, huyện Nam Đàn có lễ hội Vua Mai Thúc Loan, tục thờ thần và lễ cầu ngư ở Hội thống; lễ hội Rằm tháng Ba Minh Hóa (Quảng Bình); lễ giỗ tổ nghề Kim hoàn, lễ húy kỵ ngài Khai canh Thế Lại Thượng; lễ tổ nghề thêu ở Thừa Thiên Huế...

*Các lễ hội văn hóa lịch sử*: thường gắn với việc tưởng niệm các nhân vật lịch sử của dân tộc đã có công trong việc đấu tranh, giữ gìn và bảo vệ tổ quốc như lễ hội Lam Kinh, lễ hội Lê Hoàn ở Thọ Xuân - Thanh Hóa; huyện Nghi Lộc - Nghệ An có lễ hội đền Nguyễn Xí; lễ hội chùa Hương Tích ở Hà Tĩnh; lễ hội đêm Thành Cổ Quảng Trị, lễ hội Trường Sơn huyền thoại...

*Lễ hội dân gian gắn với các hoạt động vui chơi*: Lễ hội đua thuyền truyền thống, lễ hội đua trái, lễ hội cầu ngư, lễ hội cầu mùa của người, hội bài chòi, lễ hội đập trồng của người Ma Coong; hội cướp cù, lễ hội truyền thống ngành ca nhạc Huế...

Ngoài các lễ hội truyền thống, Festival Huế được tổ chức hai năm một lần cũng là một hoạt động du lịch hết sức quan trọng và hấp dẫn của vùng Bắc Trung Bộ cũng như cả nước.

*Nghệ thuật biểu diễn - Ca múa nhạc*: Bắc Trung Bộ là vùng đất giàu giá trị văn hóa truyền thống với những làn điệu ca múa nhạc vừa mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc, lại vừa giàu sắc thái riêng. Dải đất này là xứ sở của những làn điệu dân ca thiết tha trữ tình

mang sắc thái dân gian như hò Sông Mã, hát sẩm xoan (Thanh Hóa); hát ví dặm, hát phường vải (Nghệ An); ca trù Cổ Đạm, hò chèo cạn Nhưông Ban (Hà Tĩnh); hò khoan Quảng Bình, hò bài chòi, ca trù (Quảng Bình là một trong những tỉnh có ca trù được công nhận là Di sản phi vật thể nhân loại cần được bảo vệ khẩn cấp); nhạc lễ cổ truyền, các làn điệu dân ca của dân tộc Vân Kiều (Quảng Trị); các điệu hò ru con, hò mái nhì - mái đẩy, hát chầu văn ở Thừa Thiên - Huế. Đặc biệt có nhã nhạc cung đình Huế - đã được UNESCO công nhận là di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại, là thể loại nhạc của cung đình thời phong kiến, được biểu diễn vào các dịp lễ hội trong năm của các triều đại nhà Nguyễn của Việt Nam. Gần đây dân ca ví, dặm Nghệ Tĩnh cũng đã được hoàn chỉnh hồ sơ đề nghị UNESCO vinh danh là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại. Đây cũng chính là một trong những tài nguyên du lịch hấp dẫn, có giá trị của cả vùng, Các làn điệu dân ca trữ tình, múa hát cung đình mang màu sắc dân gian sẽ mang lại những xúc cảm đặc biệt cho người nghe. Chính vì thế, ngành du lịch ở một số tỉnh Bắc Trung Bộ đã và đang đẩy mạnh khai thác đưa lễ hội truyền thống cùng với các hoạt động sinh hoạt văn hóa dân gian trong đó có ca múa nhạc truyền thống vào phục vụ du khách, làm phong phú thêm hoạt động du lịch của du khách.

*Ẩm thực:* Bắc Trung Bộ có những món ăn truyền thống dân dã, mang đậm hồn quê và đặc trưng của vùng: nem chua Thanh Hóa; cháo lươn Nghệ An; cam Xã Đoài - Nghệ An; cu đơ Hà Tĩnh; bưởi Phúc Trạch - Hà Tĩnh; bánh canh Quảng Bình; rượu Kim Long; cháo vạt giương và lòng thả (Quảng Trị); tôm chua, cơm hến, mè xừng, các loại bánh xứ Huế... Đây là những đặc sản nổi tiếng của vùng mà bất cứ du khách nào đến thăm cũng phải thưởng thức và mua về làm quà tặng cho gia đình, bạn bè và người thân.

*Làng nghề thủ công truyền thống:* là nơi tập trung nhiều làng nghề thủ công truyền thống với những sản phẩm chất lượng. Thanh Hóa nổi tiếng với nghề dệt chiếu cói ở Nga Sơn, nghề chế tác đá ở Đông Sơn; Nghệ An được biết đến với nghề làm gốm gia dụng bằng tay và bàn xoay ở Viên Thành (Yên Thành), nghề thêu đan của đồng bào các dân tộc Thái, Mường, H'mông. Nói đến Hà Tĩnh thì phải nhắc đến nghề chằm tơ ở Thạch Hương, nghề trồng Bắc Thai ở Thạch Hội, nghề gốm đất nung ở Cổ Đạm. Vào Quảng Bình biết đến làng nghề làm nón lá Ba Đồn và các làng mây tre đan truyền thống. Nghề nấu rượu ở Kim Long, nghề làm hương Đông Định, nghề bông vải sợi làng Lập Thạch, là những nghề truyền thống nổi tiếng ở Quảng Trị. Khác với các làng nghề thủ công ở các địa phương khác, các làng nghề thủ công truyền thống ở Huế gắn với nhu cầu của kinh đô triều Nguyễn với những sản phẩm tinh xảo, có giá trị nghệ thuật cao như nghề làm nón ở Tây Hồ, nghề kim hoàn ở Kế Môn, nghề dệt tơ ở Phú Cam và nghề chạm khắc gỗ ở Mỹ Xuyên.

### **6.1.3. Hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật – cơ cấu hạ tầng phục vụ du lịch vùng du lịch Bắc Trung bộ**

*Đường bộ:* Cho đến nay, đường bộ vẫn là loại hình giao thông quan trọng nhất đối với du lịch Bắc Trung Bộ nói riêng và cả nước nói chung. Ở Bắc Trung Bộ, 2 tuyến đường quan trọng nhất là Quốc lộ 1A và đường Hồ Chí Minh, đây là 2 tuyến quốc gia chạy từ cực Bắc tới cực Nam Tổ quốc.

Tổng chiều dài các tuyến quốc lộ (do Trung ương quản lý) và 2 nhánh đường Hồ Chí Minh trong vùng là 2706km. Các tuyến này gồm: QL1 (646km), QL7 (227km), QL8 (85km), QL9 (104km), QL 10 (47km), QL 12A (98km), QL 45 (124km), QL 46 (108km), QL 48C (123km), QL 49 (92km), đường Hồ Chí Minh Đông (582km) và đường Hồ Chí



Minh Tây 400km. Đa số các đường này có kết cấu mặt đường bê tông nhựa, ngoại trừ tuyến QL 10, QL 45 và QL 49. Chất lượng mặt đường nhìn chung tốt. Ngoài ra trong vùng có nhiều tuyến quốc lộ được trung ương ủy thác như:

Thanh Hóa: QL15A (86 km), QL 217 (196 km), QL 47 (61 km); Nghệ An: QL 15 A (135 km), QL48 (122km), QL 48 kéo dài (48km), QL 48C (25km); Hà Tĩnh: QL 8B (22km), QL 15A (75km); Quảng Bình: QL 12A (49km), QL 12C (51km + 18km), QL 15 (68 km); Quảng Trị: tổng các đoạn lẻ trên các quốc lộ được trung ương ủy thác là 377 km; Thừa Thiên - Huế: tổng các đoạn tuyến quốc lộ lẻ được trung ương ủy thác quản lí dài 105km.

Tổng chiều dài các tuyến đường tỉnh trong vùng là: Thanh Hóa (1023km), Nghệ An (739km), Hà Tĩnh (392km), Quảng Bình (317km), Quảng Trị (306km) và Thừa Thiên - Huế (404km). Nhìn chung ở phần lớn các tỉnh chất lượng mặt đường các tuyến đường tỉnh là trung bình và xấu, ngoại trừ Hà Tĩnh có tỷ lệ đường có chất lượng mặt đường tốt tương đối cao. Tuy nhiên một hạn chế là do tác động của thiên tai, bão lũ nên giao thông còn gặp nhiều khó khăn vào mùa mưa bão.

Trọng tâm phát triển hệ thống đường bộ vùng Bắc Trung Bộ là tập trung hoàn thiện việc nâng cấp trục quốc lộ 1 và các tuyến ngang kết nối với Lào.

Hiện nay các doanh nghiệp vận tải tư nhân cũng đã phát triển mạng lưới vận chuyên khách hiệu quả, chất lượng đa dạng trong cả vùng. Giao thông công cộng nội tỉnh tại các địa phương cũng phát triển tương đối tốt.

*Đường sắt:* Đường sắt trong khu vực có ý nghĩa quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội, tuy nhiên hiện nay năng lực vận tải vận chuyên đường sắt vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu của xã hội trong đó có du lịch. Hiện các đoàn tàu chạy trên tuyến Bắc Nam đều dừng nhận trả khách tại tất cả các ga lớn trong vùng. Ngoại trừ ở Hà Tĩnh do ga nằm cách quá xa trung tâm tỉnh, còn lại việc tiếp cận giao thông đường sắt ở các địa phương khác đều thuận lợi. Trong tương lai, nếu được đầu tư nâng cấp cả hạ tầng, toa xe và chất lượng dịch vụ thì đây sẽ là một phương tiện giao thông phục vụ du lịch hiệu quả và hấp dẫn.

*Đường thủy:* Giao thông đường thủy vùng Bắc Trung Bộ không phát triển mạnh, do trong vùng các dòng sông thường ngắn và không thuận lợi ngoại trừ sông Hương và sông Thạch Hãn. Chủ yếu các tuyến giao thông đường thủy chỉ có thể phục vụ khai thác các tuyến tham quan ngắn

*Đường biển:* Tuy có dải bờ biển dài, tuy nhiên giao thông đường thủy vùng Bắc Trung Bộ chưa phát triển do thiếu đầu tư, đặc biệt hệ thống hạ tầng phục vụ phát triển du lịch chưa được đầu tư xây dựng. Ngoại trừ cảng Chân Mây có đón một số chuyến tàu du lịch thì hoạt động này hoàn toàn chưa có ở các điểm khác trong toàn vùng. Một số cảng biển trong vùng có thể được nghiên cứu mở rộng khai thác phục vụ du lịch như Vũng Áng, Nghi Sơn, Cửa Việt, tuy nhiên tiềm năng khai thác hiệu quả rõ nhất, đặc biệt là đối với các tuyến quốc tế là cảng Chân Mây.

*Đường hàng không:* Vùng Bắc Trung Bộ có tương đối nhiều sân bay dân dụng so với các vùng khác trong cả nước. Hiện trong vùng có 4 sân bay, trong đó có một sân bay quốc tế Phú Bài (Thừa Thiên - Huế) và 3 sân bay nội địa là Thọ Xuân (Thanh Hóa) Đồng Hới và Vinh. Tuy nhiên thực tế chưa có các đường bay quốc tế thường xuyên đến vùng, đặc biệt sân bay quốc tế Đà Nẵng vừa mới được nâng cấp hiện cũng chưa được khai thác hết công suất nên trong tương lai gần việc phát triển các đường bay quốc tế trực tiếp tới Bắc Trung Bộ khó có khả năng trở thành hiện thực. Hiện nay hàng tuần có 4 chuyến Thọ Xuân -

TP Hồ Chí Minh, 21 chuyến Vinh TP Hồ Chí Minh và 14 chuyến Vinh - Hà Nội, 4 chuyến Hà Nội - Đồng Hới và 4 chuyến Đồng Hới - TP Hồ Chí Minh. Số chuyến bay đến Huế là nhiều nhất, hàng tuần có 21 chuyến đến Huế từ Hà Nội và 28 chuyến đến từ TP Hồ Chí Minh. Tuy nhiên giờ bay còn chưa thuận lợi, hoặc là quá sớm hoặc quá muộn, nên không thực sự phù hợp với cho việc xây dựng chương trình tour và việc đi lại của khách du lịch.

*Hệ thống cấp nước sạch:* Nguồn cung cấp chủ yếu cho vùng Bắc Trung Bộ là nguồn nước mặt từ các sông, hồ chứa trong khu vực, nguồn nước ngầm chỉ đóng vai trò bổ trợ. Tổng công suất các nhà máy cấp nước trên địa bàn hiện đảm bảo được khoảng 60 - 70% nhu cầu nước sinh hoạt cho dân cư đô thị với tiêu chuẩn 80 - 150 lít/người/ngày; khoảng 50-70 các trung tâm xã, khu dân cư tập trung được cấp nước với công suất khoảng 40 - 60 lít/người/ngày.

Tại các thị xã, thị trấn, hệ thống cấp nước sạch mới được xây dựng, chất lượng và công suất cũng chưa đáp ứng được nhu cầu sử dụng nước sạch của dân cư đô thị. Nguồn nước sạch tại các vùng nông thôn còn nhiều khó khăn hơn nữa, đặc biệt đối với các khu vực dân cư ven biển, nơi nguồn nước chủ yếu là nước ngầm.

Nguồn nước mặt hiện đã có tình trạng bị ô nhiễm ảnh hưởng đến chất lượng nguồn cấp. Đây là những vấn đề đặt ra trong cấp nước cho nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của toàn vùng, trong đó có du lịch.

*Hệ thống cấp điện:* Do đặc thù vị trí của vùng, nguồn cấp điện của vùng Bắc Trung Bộ tương đối tốt với các tuyến 500KV, 220KV và 110KV. Bên cạnh mạng lưới quốc gia, trong vùng cũng có nhiều dự án nhà máy điện quy mô lớn phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và du lịch. Tuy nhiên mạng trung áp và hạ áp tới các hộ gia đình, cụm dân cư và các khu vực phát triển du lịch còn khó khăn, đặc biệt tại các khu vực mới đưa vào đầu tư khai thác. Tuy nhiên những vấn đề then chốt với việc cấp điện cho khai thác phát triển du lịch tại Bắc Trung Bộ liên quan chủ yếu tới mạng cấp trung, hạ áp và vấn đề thiếu hụt nguồn điện chung của cả nước vào mùa khô.

*Hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường:* Nhìn chung hầu hết các tỉnh trên địa bàn chưa có nhà máy xử lý nước thải tập trung quy mô lớn, nước thải sinh hoạt và nước thải của các khu đô thị, làng nghề... không được gạn lọc, xử lý và được đổ xả trực tiếp ra môi trường, gây ô nhiễm nguồn nước nghiêm trọng ở các thành phố lớn và các lưu vực sông. Ở vùng nông thôn, tình trạng môi trường nước thải còn phức tạp hơn. Một số khu vực phát triển du lịch truyền thống từ hàng chục năm nay vẫn chưa giải quyết dứt điểm được vấn đề này, gây ảnh hưởng nghiêm trọng tới môi trường cũng như hình ảnh du lịch chung. Nguồn nước mặt bị ô nhiễm chất đạm, vi khuẩn, và thuốc trừ sâu rầy do sản xuất nông nghiệp và chất thải của con người và thú vật. Việc sử dụng không đúng cách một số lượng to lớn hóa chất và thuốc trừ sâu rầy trong việc sản xuất nông nghiệp đã gây ra tình trạng ô nhiễm hóa chất nghiêm trọng trên cả nước. Hóa chất độc hại kể cả POPs được tìm thấy trong môi trường. Hầu hết các khu đô thị xuất hiện hiện tượng ô nhiễm do nước thải, nhất là các vùng chung quanh khu sản xuất công nghiệp, làng nghề... Vì không có hệ thống thu gom và xử lý hiện đại, triệt để, nên rác đô thị chủ yếu chỉ được thu gom và xử lý chôn lấp tập trung. Tất cả các loại rác kể cả rác y tế được đổ vào các bãi rác lộ thiên và thường không được che phủ kín thường xuyên. Các điểm tập trung chất thải rắn này thường không được thiết kế, xây cất, và điều hành đúng quy trình và tiêu chuẩn nên làm ô nhiễm cho các khu vực xung quanh. Để phát triển hệ thống xử lý nước thải của vùng Bắc Trung Bộ được tốt thì cần phải có những thay đổi toàn diện, sâu rộng, và nhanh chóng nhằm cải thiện hệ thống xử lý nước

thải, rác thải trong việc bảo vệ môi trường hiện nay, bao gồm việc tăng cường khả năng quản trị, huấn luyện và giáo dục kỹ thuật xử lý nước thải và rác thải tới cộng đồng dân cư, và soạn thảo và ban hành các quy định cụ thể về bảo vệ môi trường phù hợp và có hiệu quả, đặc biệt chú trọng đầu tư, tuyên truyền các biện pháp quan trọng như phân loại rác tại nguồn và tái chế chất thải, rác thải kết hợp tăng cường sử dụng các biện pháp thu gom xử lý hiện đại, thân thiện với môi trường.

*Bưu chính viễn thông:* Hiện nay các mạng viễn thông hầu như đã phủ kín khu vực duyên hải ven biển, bao gồm viễn thông hữu tuyến, di động, internet băng thông rộng. Tuy nhiên ở khu vực phía Tây, với địa hình phức tạp, phát triển viễn thông còn nhiều khó khăn, ở nhiều khu vực chỉ có sóng Viettel. Khả năng truy cập internet 3G cũng chưa thật ổn định. Mạng lưới bưu chính cho đến nay vẫn được duy trì hiệu quả tới từng thôn xã trong khu vực. Tại các địa phương, bên cạnh các báo chí, ấn phẩm trung ương đều có các ấn phẩm báo chí địa phương, đài phát thanh truyền hình các tỉnh, huyện, thị thành. Ngoài hệ thống truyền hình công nghệ analogue, thì truyền hình số vệ tinh và truyền hình cáp đều được phát triển nhằm cung cấp dịch vụ phong phú, đa dạng cho người dân.

Cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch bao gồm các cơ sở lưu trú, ăn uống, thể thao, vui chơi giải trí, phương tiện vận chuyển và các tiện nghi phục vụ du lịch khác, là yếu tố tạo nên sự độc đáo, sự khác biệt của sản phẩm du lịch, tạo dựng hình ảnh riêng cho một khách sạn, một khu du lịch hay một điểm du lịch, vì vậy là một trong những tiêu chí cho sự lựa chọn của du khách

#### **6.1.4. Các tuyến điểm du lịch vùng du lịch Bắc Trung bộ**

*Du lịch tắm biển:* Đây là loại hình du lịch phổ biến nhất ở nước ta hiện nay, thu hút hầu hết các đối tượng khách du lịch và chiếm tỉ lệ cao trong tổng số khách du lịch nội địa của cả vùng. Du lịch tắm biển thường chỉ tập trung vào mùa hè ở những khu du lịch biển như Sầm Sơn (Thanh Hóa), Cửa Lò (Nghệ An), Thiên Cầm (Hà Tĩnh), Bãi Đá Nhảy, Nhật Lệ (Quảng Bình), Cửa Tùng, Cửa Việt (Quảng Trị), Thuận An, Lăng Cô (Thừa Thiên - Huế)... ở những khu du lịch này thường đông khách về mùa hè và hầu như không có khách trong mùa Đông. Phân đoạn thị trường này thường đi theo gia đình, theo nhóm...

*Du lịch về nguồn:* Các tỉnh Bắc Trung Bộ là địa bàn tập trung nhiều di tích chiến tranh, cách mạng có giá trị đặc biệt. Trong đó phải kể đến: Xuân Sơn, Nhật Lệ, đường 20 Quyết thắng, địa đạo Vịnh Mốc, thành cổ Quảng Trị, cầu Hiền Lương, đường 9 - Khe Sanh, đường mòn Hồ Chí Minh... những di tích này góp phần hình thành nên một bảo tàng sinh động về cuộc đấu tranh cách mạng anh dũng giành độc lập của dân tộc Việt Nam, cùng với đó là các lễ hội cách mạng đặc sắc, có giá trị tinh thần lớn lao để phát triển loại hình du lịch tham quan - hồi tưởng, du lịch hoài niệm chiến trường xưa.

*Du lịch tham quan - nghỉ dưỡng:* Loại hình này chủ yếu diễn ra ở các điểm danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử đặc biệt quan trọng như di sản văn hoá thế giới thành nhà Hồ (Thanh Hóa), kinh đô cổ ở Huế với hệ thống các điểm di tích văn hóa, lịch sử, các lăng tẩm của 13 đời vua nhà Nguyễn (Thừa Thiên - Huế)... Loại hình du lịch này thường thu hút đối tượng khách du lịch là những người lớn tuổi. Loại hình du lịch này có thể diễn ra quanh năm, tuy nhiên vào những tháng giá rét hoặc mưa cũng hạn chế khả năng đi lại của du khách.

*Du lịch sinh thái:* Mặc dù có nhiều tiềm năng, tuy nhiên hiện nay du lịch sinh thái chưa phát triển ở Bắc Trung Bộ. Du lịch sinh thái hiện nay chủ yếu mới chỉ là các hoạt động

tham quan hang động đơn thuần ở Phong Nha.

*Du lịch công vụ:* Đối tượng chính của loại hình du lịch này là cán bộ công nhân viên trong các cơ quan Nhà nước, các doanh nghiệp... thường kết hợp giữa công tác và du lịch. Khả năng chi trả của các đối tượng du lịch này cao, nên họ thường sử dụng các dịch vụ du lịch cao cấp hơn. Loại hình du lịch này cũng thường diễn ra quanh năm. Hiện nay, tại Nghệ An, Quảng Bình và Thừa Thiên - Huế... với lợi thế về các khu du lịch cao cấp, thường được các doanh nghiệp lựa chọn là điểm để phát triển loại hình du lịch công vụ, hay tổ chức các buổi hội thảo, hội nghị.

*Du lịch chữa bệnh:* Ở nước ta nói chung và ở khu vực Bắc Trung Bộ nói riêng loại hình du lịch này chưa phổ biến và mới chiếm tỉ lệ nhỏ trong tổng số khách du lịch nội địa. Đối tượng của loại du lịch này là người già... và thường tập trung ở những nơi có nguồn nước khoáng nóng với mục đích nghỉ ngơi và chữa bệnh. Một số điểm nước khoáng có giá trị trong vùng như nước khoáng nóng Giang Sơn-Đô Lương (Nghệ An), Sơn Kim-Hương Sơn (Hà Tĩnh), Bang-Lê Thủy (Quảng Bình), Thanh Tân-Phong Điền, A Roàng-A Lưới, Mỹ An, Thanh Phước (Thừa Thiên - Huế)... đều có thể khai thác trở thành những sản phẩm du lịch chữa bệnh có giá trị.

*Du lịch lễ hội - tín ngưỡng:* Trong mấy năm gần đây khách du lịch lễ hội - tín ngưỡng phát triển nhanh. Đối tượng chính của loại hình du lịch này là những người lớn tuổi, những người buôn bán kinh doanh... Mùa du lịch lễ hội - tín ngưỡng thường tập trung vào những tháng sau Tết Nguyên đán khi mà ở khắp nơi diễn ra các lễ hội, đồng thời vào thời gian này thương trường bớt biến động nên các nhà kinh doanh buôn bán thường đi đền chùa, lễ hội để cầu may, cầu phúc v.v..

*Du lịch đảo:* Toàn dải ven biển Miền Trung và vùng Bắc Trung Bộ nói riêng hiện có một số đảo nhỏ có thể khai thác phát triển du lịch. Có thể kể ra những địa điểm có tiềm năng như hòn Mê (Thanh Hóa), đảo Yến (Hà Tĩnh), đảo Ngư (Nghệ An), Cồn Cỏ (Quảng Trị), đảo Ngọc (Thừa Thiên - Huế).. Tuy nhiên phần lớn các đảo này có diện tích rất nhỏ, nguồn nước ngọt hạn chế, nên việc đầu tư khai thác cần được cân nhắc thận trọng.

## **6.2. Một số tuyến điểm du lịch chủ yếu vùng du lịch Bắc Trung bộ**

### **6.2.1. Tuyến điểm du lịch nội vùng tỉnh Thanh Hóa**

Tỉnh Thanh Hóa có diện tích là 11.133,4 km<sup>2</sup>, dân số là 3.406,8 nghìn người (2010) đứng thứ 3 cả nước sau Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội. Trung tâm hành chính của tỉnh là Thành phố Thanh Hóa, 2 thị xã là Sầm Sơn và Bỉm Sơn, và các huyện là Mường Lát, Quan Hóa, Quan Sơn, Bá Thước, Cẩm Thủy, Lang Chánh, Thạch Thành, Ngọc Lặc, Thường Xuân, Như Xuân, Như Thanh, Vĩnh Lộc, Hà Trung, Nga Sơn, Yên Định, Thọ Xuân, Hậu Lộc, Thiệu Hóa, Hoàng Hóa, Đông Sơn, Triệu Sơn, Quảng Xương, Nông Cống, Tĩnh Gia. Thanh Hóa có một nền văn hóa đa dạng và lâu đời của nhiều dân tộc. Toàn tỉnh có các dân tộc cùng sinh sống như Việt (Kinh) chiếm đa số và các dân tộc Mường, Thái, H'Mông, Thổ...

*Điều kiện tự nhiên:* Thanh Hoá là một trong những tỉnh lớn của Việt Nam, nằm ở vị trí cửa ngõ nối liền Bắc Bộ với Trung Bộ và Nam Bộ. Phía bắc Thanh Hóa giáp tỉnh Sơn La, Hoà Bình, Ninh Bình; phía nam giáp Nghệ An; phía đông giáp biển Đông, phía tây giáp Lào. Địa hình tương đối phức tạp, đa dạng, thấp dần từ tây sang đông gồm có vùng núi, trung du, đồng bằng, vùng ven biển. Khí hậu của tỉnh thuộc vùng chuyển tiếp giữa Bắc Bộ và Trung Bộ, nhiệt độ trung bình năm khoảng 23°C - 24°C. Nằm ở độ cao không lớn lại

nằm kề biển nên mùa đông ở đây không lạnh lắm, mùa hè dịu mát hơn. Giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy đều thuận lợi. Thành phố Thanh Hóa nằm trên trục đường quốc lộ 1A và đường sắt Bắc Nam dài, cách Hà Nội khoảng 153km, cách Ninh Bình khoảng 62km. Tỉnh nằm trong trục đường quốc lộ 15 đoạn Hòa Bình – Thanh Hóa – Nghệ An và có quốc lộ 217 đi sang nước bạn Lào.

*Tiềm năng phát triển kinh tế và du lịch:* Thanh Hóa là tỉnh có tiềm năng du lịch rất lớn và có thể đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách. Bờ biển dài trên 100km với nhiều bãi biển đẹp mà nổi tiếng nhất là Sầm Sơn. Đây là bãi biển phẳng, nước xanh như ngọc tràn ngập ánh nắng với nhiều điểm du lịch phụ cận như đền Độc Cước, hòn Trống Mái, chùa Cô Tiên, khu đầm lầy nước mặn Quảng Cư, Quảng Tiên có nhiều chim thú, cây cỏ và hải sản. Hàng năm có hàng triệu du khách tới Sầm Sơn để tắm biển và nghỉ ngơi. Huyện Nga Sơn sát tỉnh Ninh Bình có động Từ Thức, theo truyền thuyết là nơi Từ Thức gặp tiên. Động có rất nhiều điều kỳ thú do thiên nhiên tạo ra như Đường lên trời, Kho gạo, Kho khí, Chuông... Vườn quốc gia Bến En giáp tỉnh Nghệ An có phong cảnh núi hồ đẹp cùng những cây cổ thụ hàng ngàn tuổi và nhiều động vật quý hiếm. Đối với những du khách say mê lịch sử không thể bỏ qua di tích thành nhà Hồ mà kiến trúc của nó làm người ta liên tưởng tới những thành đá ở Ý và Hy Lạp, các di vật của người Việt cổ (Núi Đọ, Đông Sơn), khu di tích Lam Kinh. Ngoài ra tới đây du khách sẽ được thưởng thức chiêm ngưỡng những di sản văn hoá Việt Nam bao gồm các trò chơi dân gian, các làn điệu xứ Thanh, các lễ hội và nhiều hoạt động văn hoá khác. Chắc chắn Thanh Hóa sẽ là điểm dừng chân không thể bỏ qua đối với nhiều khách du lịch trong và ngoài nước.

### **Các điểm tham quan du lịch nội tỉnh Thanh Hóa**

#### *Động Từ Thức*

Động Từ Thức nằm ở xã Nga Thiện, huyện Nga Sơn, các thành phố Thanh Hóa khoảng 50km về phía đông bắc. Thuộc hệ thống núi đá vôi kéo dài từ Tam Điệp (Ninh Bình) đến cửa Thần Phù - Nga Sơn (Thanh Hoá), động Từ Thức trước kia được gọi là động Bích Đào. Lối vào động Từ Thức có khắc hai bài thơ chữ Hán ca ngợi vẻ đẹp thần tiên của động – một khắc trên phiến đá đặt dưới nền động của chúa Trịnh Sâm với bút danh Nhật Nam Nguyên, một khắc trên vách đá cao của Lê Quý Đôn. Ngoài cửa động còn có một miếu nhỏ gọi là miếu Sơn Thần. Bên trong động Từ Thức được chia làm hai phần: động trong và động ngoài. Động ngoài rộng rãi, sáng sủa. Trần động hình vòng cung giống như một chiếc bát úp khổng lồ, trên trần có một nhũ đá hình trái đào tiên rất đẹp. Dưới nền động còn lưu lại vết tích đền thờ Từ Thức và các nhũ thạch lấp lánh được ví như kho vàng, kho bạc... của nhân gian.

Động Trong là đi theo một hành lang hẹp, du khách sẽ vào tới động trong. Khắp trong động là những thạch nhũ muôn hình vạn trạng, lóng lánh sắc màu gợi lên những hình ảnh gắn liền với tình yêu của Giáng Hương và Từ Thức như: buồng tắm của Giáng Hương và thư phòng của Từ Thức, bàn cờ tiên, đôi chim thạch nhũ, mâm ngũ quả, dàn nhạc cụ... Cuối động có hai ngã rẽ, một ngã có những bậc đá đều nhau, theo truyền thuyết là đường lên cõi tiên; một ngã rẽ ăn sâu xuống lòng núi theo đường xoáy ốc là đường xuống địa ngục. Động Từ Thức đã được Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) công nhận là Di tích thắng cảnh cấp quốc gia vào năm 1992.

#### *Đền Bà Triệu*

Bà Triệu tên thật là Triệu Thị Trinh, nhưng nhân dân quen gọi là Bà Triệu với lòng kính cẩn. Năm 248 Bà và anh trai là Triệu Quốc Đạt lãnh đạo khởi nghĩa chống giặc ngoại

xâm nhà Ngô. Nhưng sau 1 năm cuộc khởi nghĩa thì vua Ngô đã sai tướng là Lục Giận sang nước ta đàn áp phong trào khởi nghĩa và Bà đã hy sinh. Nhân dân tưởng nhớ đến vị nữ tướng anh hùng, kiêu dũng và thương ngoạn cảnh, tưởng niệm vị nữ tướng anh hùng dân tộc. Đền thờ bà Triệu được dựng trên núi Gai (còn gọi là núi Ai) sát đường quốc lộ 1A, thuộc làng Phú Điền, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, cách Hà Nội 137km. Ngôi đền có từ lâu và đã được trùng tu và xây dựng lại nhiều lần, và kiến trúc hiện dạng hiện nay là được trùng tu từ thời nhà Nguyễn.

Đền hiện nay bao gồm các bộ phận: Qua công là hồ sen, bốn bề kè đá, tiếp là nhà Tiền đường gồm 5 gian, cột đá mài vuông cạnh. Phía sau là nhà Tiền đường và một khoảng sân nhỏ, hai bên tả hữu là nhà tiếp khách và sửa lễ. Cuối sân là 3 gian hậu cung, dựng trên mặt bằng cao hơn, dựa vào vách núi. Đối diện với đền trên là núi Gai, ở phía bên kia quốc lộ 1A là núi Tùng - nơi có lăng Bà Triệu. Hiện nay, lăng tháp vẫn còn, tuy đơn sơ, giản dị nhưng rất trang nghiêm. Nơi đây là điểm dừng chân cho khách bộ hành ra Bắc vào Nam.

#### *Khu di tích lịch sử Lam Kinh*

Thành Lam Kinh được xây dựng bởi vua Lê Thái Tổ (Lê Lợi), thành Lam Kinh còn có tên là Tây kinh. Thành Lam kinh thuộc xã Xuân Lam, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, cách thành phố Thanh Hóa 51km về phía tây theo tỉnh lộ 15A du khách sẽ gặp chiếc "nôi vàng". Đó là Lam Kinh, trên mảnh đất này là nơi bắt đầu của thời kỳ hậu Lê trong lịch sử Việt Nam, gắn liền với bản anh hùng ca đánh đuổi giặc Minh, thu giang sơn về một mối. Lam Kinh nằm trên đất huyện Thọ Xuân, một huyện đã sinh cho dân tộc Việt Nam hai đời Lê (Tiền Lê, Hậu Lê) - vùng đất mà cách đây gần một ngàn năm cụ tổ của Thái Tổ Cao Hoàng đế Lê Lợi thấy chim bay về đậu quây quần thành bầy, quyết định san đất dựng nhà.

Nơi đây có lăng Lê Thái Tổ và bia Vĩnh Lăng mô tả ngắn gọn, cô đọng toàn bộ sự nghiệp của vua Lê Thái Tổ do Nguyễn Trãi biên soạn; Hựu lăng - Lăng vua Lê Thái Tông; Lăng Khôn Nguyên - Lăng Hoàng Thái Hậu Ngô Thị Ngọc Giao (mẹ Vua Lê Thánh Tông); Chiêu Lăng - Lăng vua Lê Thánh Tông; Dụ Lăng - Lăng vua Lê Hiến Tông; Kính Lăng - Lăng vua Lê Túc Tông; Đền Lê Lai. Năm 1428, Lê Lợi cho dựng thành lũy ở Lam Sơn gọi là Lam Kinh và nơi đây còn được gọi là cố đô thứ hai của nhà Lê. Thành điện Lam kinh phía Bắc dựa vào núi Dầu (gọi là du sơn) mặt nam nhìn ra sông - có núi Chúa làm tiền án, bên tả là rừng Phú Lâm, bên hữu là núi Hương và núi Hàm Rồng chắn phía Tây. Khu Hoàng thành, cung điện và Thái miếu ở Lam Kinh được bố trí xây dựng theo trục Nam - Bắc trên một khoảng đồi gò có hình dáng chữ vương. Bốn mặt xây thành có chiều dài 314m, bề ngang 254m, tường thành phía Bắc hình cánh cung có bán kính 164m, thành dày 1m. Với khu di tích lịch sử, nơi khởi nguồn của những chiến tích hào hùng, nơi diễn ra Hội thề Lũng Nhai. Vào một đêm năm Bính Thân (1416), Lê Lợi cùng 18 người bạn thân làm lễ tuyên thệ đánh đuổi giặc Minh ra khỏi bờ cõi.

Lam Kinh là đây chiếc "nôi vàng" của những sự tích ngọc. Thế đất xoáy ốc, trước mặt có núi Chiêu làm hương án, tả có núi Rồng châu về, hữu có núi Hồ châu lại, tay phải Hồ Thủy, tay trái Long Sơn liên kết như chuỗi hạt châu phát ngôi Thiên tử. Dấu vết thành xưa chỉ còn 15 gian nền cung điện với những viên đá to, được chạm hoa sen và tám bia đá Vĩnh Lăng (Bia Lê Lợi) cùng với bia mộ của 12 đời vua kế tiếp.

Hàng năm vào dịp tháng 8 âm lịch, lễ hội Lam Kinh lại bắt đầu. Lễ hội đền Lê được tổ chức từ ngày 20-22 tháng 8 âm lịch và được tổ chức 3 năm 1 lần được cử hành trọng thể. Trong lễ hội còn có tiếng công chiêng âm vang rừng núi. Các điệu múa dân gian: Múa Xéc bùa, múa đèn Đông Anh, múa rồng uyển chuyển bay lượn. Các trò chơi: Ném còn, dựng cây

nêu, hát trò Xuân Phả náo nức lòng người.

### *Thành Nhà Hồ*

Thành nhà Hồ có rất nhiều tên gọi như: Thành An Tôn, Tây Đô, Tây Kinh, Tây Giai, Thạch Thành. Thành được Hồ Quý Ly cho xây dựng trong 3 tháng, từ tháng Giêng đến tháng Ba năm Đinh Sửu (1397) dưới triều Trần do quyền thần Hồ Quý Ly chỉ huy, người không lâu sau (1400) lập ra nhà Hồ. Thành xây trên địa phận hai thôn Tây Giai, Xuân Giai nay thuộc xã Vĩnh Tiên và thôn Đông Môn nay thuộc xã Vĩnh Long, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá.

Thành nhà Hồ gồm có la thành, thành nội và hộ thành hào. Thành nội được xây dựng trên một dải đất gần như hình vuông, cạnh đông – tây dài 877 m, nam – bắc dài 880 m, diện tích 771.760m<sup>2</sup>. Tường thành phía ngoài được xây bằng 7 hàng đá xếp ngang, 2 hàng đá chìm dưới đất tạo thành móng, 5 hàng nổi trên mặt đất. Kích thước của 5 lớp đá nổi trên mặt tính từ trên xuống là 0,4m - 0,6m - 0,8m - 1,0m - 1,1m. Các phiến đá nặng khoảng từ 10 đến 20 tấn. Theo như tính toán, thì toàn bộ phần tường đá có thể tích là 25.000m<sup>3</sup>, phần tường đất khoảng 80.000m<sup>3</sup>, tổng diện tích bề mặt đá đo được là 10.111.000 m<sup>2</sup>.

Thành nội có bốn cổng được xây dựng theo kiến trúc hình vòm gồm có: Nam, Bắc, Đông, Tây với độ cao trung bình từ 6 đến 8 m. Cổng Nam là cổng chính được xây ba cửa, còn các cổng khác chỉ có một cửa. Trong sách sử có ghi, thành nội có các công trình kiến trúc như: Điện Hoàng Nguyên, cung Nhân Thọ, cung Phù Cự, Đông cung, Đông Thái miếu, Tây Thái miếu. Hiện nay, thành nội chỉ còn là những di vật như: đôi rồng bậc thềm làm bằng đá với những nét điêu khắc rất tinh xảo, nền móng kiến trúc thành nội, đường lát đá Hoa Nhài, bi đá, đạn đá, đồ gốm sứ, khuôn viên cửa Nam và nhiều hiện vật có giá trị đặc trưng cho văn hóa Trần - Hồ.

Vương triều nhà Hồ đã để lại nhiều dấu ấn lịch sử của dân tộc như; lập đàn Xã Tắc năm Đinh Sửu (1397), đắp đàn Nam Giao và cử hành lễ tế năm Nhâm Ngọ (1402), tổ chức hai kỳ thi thái học sinh (trương đương với thi Đình) vào năm Canh Thìn (1400), Ất Dậu (1405). Cả hai lần có 190 người thi đỗ, trong số đó có danh nhân văn hóa thế giới Nguyễn Trãi – Người anh hùng dân tộc của đất nước Việt Nam.

Khu di tích thành nhà Hồ đã được xếp hạng là di tích kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia năm 1962, và ngày 27/06/2011, sau 6 năm đệ trình hồ sơ, Thành nhà Hồ đã được UNESCO công nhận là di sản văn hóa thế giới. Hiện nay, Thành nhà Hồ đã được thủ tướng chính phủ Việt Nam đưa vào danh sách xếp hạng 23 di tích quốc gia đặc biệt.

### *Sông Mã – Cầu Hàm Rồng*

Sông Mã bắt nguồn từ vùng núi Tây Bắc, chảy qua Lào vào địa phận tỉnh Thanh Hóa tại Mường Lát. Sông dài 480 km (đoạn chảy qua Thanh Hóa dài là 382km) chảy qua thành phố Thanh Hóa và đổ ra biển ở cửa Hới. Sông Mã có nhiều tên gọi khác nhau như Lỗi Giang, Ngự Giang, Tắt Mã Giang. Bên bờ sông Mã cách núi Hàm Rồng khoảng 1 km về phía tây nam là làng Đông Sơn nơi phát hiện ra nền văn hóa Đông Sơn vào năm 1924, và đã tìm thấy những chiếc trống đồng có niên đại 2.700 năm trước đây.

Núi Hàm Rồng chạy từ làng Dương Xá, xã Thiệu Dương, huyện Thiệu Hóa, men theo hữu ngạn sông Mã về đến chân cầu Hàm Rồng, dài khoảng trên 2km. Núi Hàm Rồng tức núi Long Hạm, tên cũ là Đông Sơn, vừa dài vừa uốn lượn uyển chuyển liên tiếp như hình rồng 9 khúc nhấp nhô, đến khúc cuối thì phình to ra như một cái đầu có miệng khổng lồ, vì thế, dân gian đặt tên là núi Hàm Rồng. Nơi đây là quần thể có núi, hang, động như động Long Quang (hang Mắt Rồng) bên ngoài thoáng đãng, có thể nhìn bao quát cả vùng,

phía trong còn có những bài thơ chữ Hán từ thời Hậu Lê ca ngợi thắng cảnh núi Rồng sông Mã. Hai bên cửa động có hai mắt rồng gọi là long nhãn. Vòng theo chân núi Hàm Rồng, ngược lên theo bậc đá dốc chừng 30m thì tới cửa Động Tiên Sơn. Động có 3 - 4 tầng thường được gọi là động 1, động 2, động 3. Trong mỗi động có nét đẹp độc đáo riêng. Ở đây nhũ đá tạo hình tuyệt đẹp gắn với những truyền thuyết như tích Phật, tích Tiên, “Hoa quả sơn”, “Hội bàn đào tiên”... Động Tiên Sơn là nơi lưu giữ những kiệt tác của tạo hoá với chính cung, thủy cung, đầy ắp cả kho huyền thoại in dấu trên từng phiến đá, nhũ đá, măng đá lấp lánh hoa cương...

Đầu thế kỷ XX, người Pháp đã xây dựng một cầu sắt nối liền hai mỏm núi đôi bờ sông Mã, nhưng do địa chất phức tạp nên họ đã thay bằng cầu treo thay vì cầu sắt và xây dựng vào năm 1904, và bị phá hủy năm 1946. Đến năm 1962, cầu Hàm Rồng mới được khởi công xây dựng và khánh thành vào ngày 19/05/1964, cầu dài 160 m, gồm 2 nhịp dầm thép, ở giữa là đường sắt, hai bên là đường ô tô và đường dành cho người đi bộ. Từ tháng 12/2000, sau khi cầu Hoàng Long khánh thành, cầu Hàm Rồng chỉ dành cho đường sắt. Trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cầu trở thành mục tiêu quan trọng mà máy bay Mỹ bắn phá, cầu bị phá hủy nhiều lần, và nơi đây cũng đã chứng kiến bắn rơi 107 máy bay Mỹ. Địa danh Hàm Rồng là một bảo tàng lịch sử ghi dấu những chiến công hiển hách của quân và dân Thanh Hóa trong những năm tháng ác liệt của cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ. Hàm Rồng đã trở thành biểu tượng hiên ngang, tượng trưng cho tinh thần bất khuất của dân tộc Việt Nam. Trên sườn núi Cánh Tiên, du khách có thể nhìn thấy dòng chữ "Quyết thắng", đã từng làm nhụt chí kẻ thù.

#### *Bãi biển Sầm Sơn*

Bãi biển Sầm Sơn thuộc thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa, cách thành phố Thanh Hóa 16km và cách Hà Nội 170km. Bãi biển Sầm Sơn là nơi tắm biển rất tốt và bắt đầu được khai thác cho mục đích tắm biển từ năm 1906 do người Pháp làm chủ. Bãi biển dài khoảng 6 km từ cửa Lạch Hới đến chân núi Trường Lệ, bờ biển phẳng với các bãi cát thoải thoải sóng êm, nước trong xanh và nồng độ muối vừa phải đã nhanh chóng trở thành nơi nghỉ mát nổi tiếng của Đông Dương.

Sầm Sơn có nhiệt độ trung bình năm khoảng 23oC, từ tháng 5 đến tháng 9 có nhiều độ trung bình từ 26-29oC, rất thích hợp cho việc nghỉ mát, tắm biển. Bãi biển Sầm Sơn có cảnh sắc thiên nhiên hùng vĩ, vùng biển bao la với những thắng tích và huyền thoại mang đậm chất nhân văn và lòng mến khách. Bãi biển Sầm Sơn là một trong những bãi biển rộng và đẹp ở phía bắc.

Từ những thập kỷ trước, đã có nhiều biệt thự nghỉ mát mọc lên ở đây. Vua Bảo Đại, ông vua cuối cùng của triều Nguyễn cũng xây biệt thự riêng ở Sầm Sơn. Sầm Sơn có nhiều cảnh đẹp: hòn Trông Mái, đền Độc Cước, núi Cô Tiên... Ở đây có nhiều hải sản quý như tôm he, cá thu, mực, cua... và các loại hoa quả. Hàng năm, nơi đây đón hàng chục vạn khách du lịch trong và ngoài nước đến nghỉ ngơi, tắm biển, đặc biệt là những tháng mùa hè.

#### *Đền Độc Cước*

Đền Độc Cước tọa lạc trên đỉnh núi mang tên hòn Cổ Giải thuộc dãy núi Trường Lệ ở thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa, ngay cạnh bãi tắm Sầm Sơn. Đền mang tên Độc Cước (nghĩa là một chân), gắn liền với sự tích chàng trai khổng lồ đã tự xé đôi thân mình để vừa đánh giặc quỷ biển ngoài khơi và đánh giặc trong đất liền cứu dân làng.

Du khách muốn lên đền phải qua 40 bậc đá. Đền được lập từ đời Trần (1225-1400), dựng lại vào thời Lê và đã qua trùng tu nhiều lần. Phía sau đền có Môn Lô dựng năm 1863 bằng gỗ.



Trong đền có tượng thần Độc Cước bằng gỗ chỉ có một tay, một chân. Chân tượng dựng vững chắc trên hòn đá tảng, tay tượng có cây búa ở tư thế đang vung về phía sau chiến đấu với loài quỷ biển. Đền có hai pho tượng ngựa đực bằng đồng, cặp tượng phỗng tạc bằng đá khối, nhiều câu đối chữ nho ca ngợi công đức của thần Độc Cước.

#### *Vườn quốc gia Bến En*

Vườn quốc gia Bến En được thành lập theo Quyết định số 33/CP của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (Nay là Thủ tướng Chính phủ), Ngày 27 tháng 01 năm 1992. Vườn quốc gia Bến En nằm ở phía Tây - Nam tỉnh Thanh Hóa, cách thành phố Thanh Hóa 46 km về phía Tây Nam, có tọa độ địa lý từ 19<sup>0</sup>28' đến 19<sup>0</sup>41' độ vĩ bắc, từ 105<sup>0</sup>20' đến 105<sup>0</sup>35' kinh đông, thuộc địa bàn 2 huyện Như Xuân và Như Thanh, Tổng diện tích tự nhiên là 38.153ha và diện tích vùng đệm là 31.172 ha 14.735ha.

Trong khu vực VQG có 4 dân tộc sinh sống là Kinh, Mường, Thái, Thổ. Dân cư chủ yếu sống bằng nghề nông (trồng lúa nước, chăn nuôi, làm rẫy...). Diện tích đất canh tác ít, dân cư tăng nhanh, tập quán canh tác lạc hậu nên vẫn sống dựa vào núi rừng, tác động tiêu cực đến tài nguyên của VQG.

Được bao bọc giữa vùng đồi núi của hai huyện Như Xuân và Như Thanh, Vườn quốc gia Bến En có tổng diện tích tự nhiên hơn 160 nghìn ha với 30 nghìn ha rừng vùng đệm; chịu ảnh hưởng của khí hậu nhiệt đới gió mùa, nhiệt độ trung bình ở đây chỉ ở mức 23 độ C do cấu trúc của địa hình rừng, núi và hồ nước nên khí hậu nơi đây mát mẻ quanh năm, rất thích hợp cho việc du lịch, nghỉ ngơi của du khách.

Vườn có hệ thực vật gồm 462 loài, 125 bộ. Đây là trung tâm phân bố của giống lim xanh, đặc hữu nổi tiếng ở Việt Nam, có cây tuổi thọ đến vài trăm năm với đường kính gần 3m. Ngoài ra còn có các loài cây gỗ quý hiếm như chò chỉ, vù hương, sến mật, vàng tâm, lim, xẹt, lát hoa, trai lý... ; những nhóm cây thân mềm như song, mây, giang, tre; họ cây có dầu như trẩu, sến, màng tang... Đặc biệt phong phú là có trên 300 loài cây dược liệu. Hệ động vật ở đây cũng rất đa dạng. Đây là nơi ẩn náu rất thuận lợi cho nhiều nhóm côn trùng, các loài chim, các loài gặm nhấm, móng guốc và các loài thú ăn thịt phát triển, sinh sôi với hơn 50 bộ, 177 họ, 216 giống và hơn 1.000 loài động vật, trong đó có 91 loài thú, 201 loài chim, 54 loài bò sát, 31 loài ếch nhái, 68 loài cá, 499 loài côn trùng. Ngoài ra còn có nhiều loài động vật quý hiếm nằm trong sách đỏ như voi, bò tót, gấu ngựa, báo lửa, khỉ mặt đỏ, vượn bạc má, rùa vàng...

Trong Vườn Quốc gia này còn có hồ Sông Mực với diện tích 4.000 ha, sâu hàng chục mét, hồ là thủy vực của bốn con suối lớn trong vùng. Hồ Sông Mực còn chia ra làm hai hồ, hồ Thượng rộng hơn 3.000 ha và hồ Hạ rộng chừng 800 ha.

Trên hồ có 24 hòn đảo lớn, nhỏ tạo nên một bức tranh sơn thủy hữu tình, với rừng cây xanh tốt, lại có thêm nhiều hang động kỳ ảo. Nơi đây cũng là nơi trú ngụ của các chim, nhiều loại động vật – thực vật quý hiếm do con người nuôi dưỡng phục vụ công tác nghiên cứu khoa học.

Ngoài khu vực hồ, đảo và rừng, Bến En còn có dãy núi đá vôi thuộc xã Hải Vân với một số hang động còn giữ được vẻ nguyên sơ...tạo nên những hang, động kỳ vĩ như: hang Ngọc có chiều dài khoảng 80m, rộng 8m, cao 2,5m, bên trong là thạch nhũ óng ánh muôn màu, muôn vẻ. Đặc biệt, ở giữa hang có một khối thạch nhũ lớn, lấp lánh như ngọc nên gọi là Hòn Ngọc. Nước từ vách đá trong hang chảy ra, tạo thành con suối nhỏ, trong mát, tiếng kêu róc rách suốt đêm ngày. Bên cạnh hang Ngọc là hang Cạn.

Nơi đây còn có một số đền miếu như đền Phủ Na ở xã Xuân Du, đền Khe Ròng ở xã

Hải Long, đền Phủ Sung ở xã Hải Vân. Đền Khe Rồng thờ một vị tướng của Lê Lợi trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn chống quân Minh đầu thế kỷ XV có tên gọi là Đức ông. Đền Phủ Sung thờ Liễu Hạnh thánh mẫu. Đến với Vườn Quốc gia Bến En, du khách sẽ được thưởng thức món cá quả nướng, uống rượu cần và được nghe những nét văn hoá cổ xưa, những câu ca dân gian về cội nguồn xa xưa cùng những người dân bản Mường, Thái, Dao. Du khách còn được thưởng thức món canh đắng - đặc sản của miền núi xứ Thanh. Với vị ngậm đắng của lá, vị cay của ớt, vị chua của mẻ, vị béo ngậy của thịt gà đã làm nên một hương vị khó quên mỗi khi thưởng thức.

### **6.2.2. Tuyến điểm du lịch nội vùng tỉnh Nghệ An**

Tỉnh Nghệ An có diện tích là 16.490,7 km<sup>2</sup>, dân số là 2.917,4 nghìn người (2010). Trung tâm hành chính của tỉnh là Thành phố Vinh, 2 thị xã là Cửa Lò và Thái Hòa, và các huyện là Diễn Châu, Quỳnh Lưu, Yên Thành, Đô Lương, Nghi Lộc, Hưng Nguyên, Nam Đàn, Thanh Chương, Tân Kỳ, Anh Sơn, Con Cuông, Nghĩa Đàn, Quỳnh Hợp, Quỳnh Châu, Quế Phong, Tương Dương, Kỳ Sơn. Tỉnh có nhiều dân tộc anh em cùng sinh sống như dân tộc Việt (Kinh), Khơ Mú, Thái, Thổ, H'Mông... mỗi dân tộc đều lưu giữ bản sắc văn hoá, tập quán riêng giàu truyền thống. Nghệ An là quê hương của nhiều làn điệu dân ca đặc sắc với hát dặm, hát ví (phường vải, phường cấy; ò ò ò...). Du khách đến vào dịp lễ hội ở Nghệ An đều có thể thưởng thức loại hình sinh hoạt văn hoá độc đáo này. Nghệ An là một tỉnh lớn ở phía bắc Trung bộ, phía bắc giáp Thanh Hóa, phía đông giáp biển Đông, phía tây giáp Lào, phía nam giáp Hà Tĩnh. Địa hình của tỉnh bao gồm núi, đồi và thung lũng, độ dốc thoải dần từ tây bắc xuống đông nam. Hệ thống sông ngòi dày đặc. Bờ biển dài 82km, có Cửa Lò là cảng biển quan trọng của miền Trung. Nghệ An là tỉnh nằm ở trong vùng chuyển tiếp khí hậu nên khí hậu vừa mang tính đông lạnh của miền Bắc, vừa mang tính nắng nóng của miền Nam. Nhiệt độ trung bình năm 23°C – 24°C. Giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy và đường hàng không đều thuận lợi. Quốc lộ 1 và tuyến đường sắt Bắc - Nam đoạn chạy qua tỉnh dài 94km. Thành phố Vinh cách Hà Nội 291km, là một thành phố công nghiệp, trung tâm kinh tế văn hoá, chính trị của cả vùng đất phía bắc miền Trung. Tỉnh có sân bay Vinh, có đường biên giới với Lào dài 419km.

Nghệ An là một mảnh đất đã sản sinh nhiều danh nhân lịch sử, nhà khoa bảng, nhà khoa học, nhà văn hoá nổi tiếng như Mai Hắc Đế, thi sĩ Hồ Xuân Hương... Nghệ An là quê hương của Chủ tịch Hồ Chí Minh, vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc Việt Nam, một nhà yêu nước lớn, một danh nhân văn hoá thế giới và anh hùng giải phóng dân tộc. Nghệ An có các di tích, danh lam thắng cảnh như khu du lịch núi Quyết, bảo tàng Xô Viết Nghệ Tĩnh, bãi biển Cửa Lò dài gần 10km, khu bảo tồn thiên nhiên Pù Mát...

#### **Các điểm tham quan du lịch nội tỉnh Nghệ An**

##### *Điểm du lịch Kim Liên – Nam Đàn*

Quê hương Chủ tịch Hồ Chí Minh thuộc xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Là nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh ra đời và sống những năm tháng niên thiếu cùng bà con nội ngoại thân thiết.

Từ thành phố Vinh theo quốc lộ 46 đến cây số 13 rẽ vào con đường đất đỏ rợp bóng cây bạch đàn và phi lao, đến làng Sen, tên chữ là Kim Liên (bông sen vàng) quê nội của Bác. Ngôi nhà của Chủ tịch Hồ Chí Minh sống thưở nhỏ dựng bằng tre và gỗ, 5 gian, lợp tranh. Trong nhà có những đồ dùng giống như các gia đình nông dân: phản gỗ, chõng tre, cái võng gai, bàn thờ, chiếc chum đựng nước... của gia đình cụ Phó Bảng Nguyễn Sinh.

Nhà được dựng năm 1901 do công sức và tiền của dân làng góp lại làm tặng ông Nguyễn Sinh Sắc, thân phụ của Chủ tịch Hồ Chí Minh khi ông Sắc đỗ Phó Bảng - sự kiện mang lại niềm tự hào cho dân làng. Ngôi nhà này được làm trên mảnh đất 4 sào đất công điền. Nơi đây Bác Hồ đã sống những năm tháng tuổi thơ từ 11 đến 15 tuổi và chứng kiến những buổi bình thơ về thời cuộc giữa thân phụ Người với bạn bè của ông là những nhà ái quốc nổi tiếng như: Phan Bội Châu, nhà nho Vương Thúc Quỳnh... Ngôi nhà nằm ẩn dưới rặng tre, vườn cây trái và vườn cây lưu niệm mà đồng bào cả nước và quốc tế kính tặng. Trước mặt ngôi nhà là ngọn núi Chung, nơi Bác thường thả diều, đọc sách. Giếng nước là nơi Bác thường chơi và câu cá với bạn bè.

Làng Chùa (Hoàng Trù) cách làng Sen 2km là quê ngoại của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Nơi Bác Hồ cất tiếng khóc chào đời và được mẹ nuôi dạy những năm tháng ấu thơ. Đây là một làng quê bình dị như bao làng quê của Việt Nam, nhưng lại nổi tiếng ở trong và ngoài nước. Ông nội Bác là cụ Nguyễn Sinh Nhâm sinh được 2 người con trai là Nguyễn Sinh Thuyết và Nguyễn Sinh Sắc. Khi phụ thân của Bác lên 4 tuổi thì mẹ qua đời, năm sau người cha cũng mất, hai anh em sống mồ côi nuôi nhau trong sự yêu thương của bà con lối xóm. Cụ Từ Hoàng Đường đã đon phụ thân của Bác về nuôi, dạy học và sau đó gả con gái thứ hai của cụ là bà Hoàng Thị Loan cho ông. Ngôi nhà nhỏ 3 gian là nơi sống của phụ thân và thân mẫu của Bác ở kế ngôi nhà 5 gian của gia đình cụ Hoàng Xuân Đường – ông ngoại của Người.

Ngôi nhà của cụ Hoàng Đường có 5 gian và hai chái. Trong đó ba gian ngoài thông với nhà thờ rất thoáng mát. Bộ phận kê ở gian thứ nhất là nơi cụ Đường dạy học; gian thứ hai có bộ tràng kỷ bằng tre, chiếc án thư với những dụng cụ dạy học như bút lông, nghiên mực... Gian thứ ba kê bộ phận là nơi nghỉ ngơi của thầy và trò. Hai gian còn lại là nơi nghỉ của cụ bà và nơi sinh hoạt chung của gia đình.

Ngôi nhà thờ nhỏ ba gian ở phía sau nhà ở của cụ Hoàng Đường (ông ngoại của Bác) được cụ Hoàng Đường lập ra từ năm 1881 để thờ cúng cố nội, ông nội và thân phụ. Nhà được tu sửa và lợp ngói từ 1930 như ta thấy hiện nay. Bàn thờ được bài trí giản dị, trang nghiêm. Trên đôi quyết trước nhà thờ có đôi câu đối về uy danh của dòng họ.

#### *Mộ Bà Hoàng Thị Loan*

Bà Hoàng Thị Loan (1868 - 1901) là người mẹ Việt Nam tiêu biểu có công nuôi dạy nên những người con yêu nước, trong đó có cậu bé Nguyễn Sinh Cung, sau này là Chủ tịch Hồ Chí Minh. Mộ bà Hoàng Thị Loan nằm trên núi Động Tranh, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Khu mộ với trung tâm là ngôi mộ của bà Hoàng Thị Loan được xây dựng từ ngày 19 tháng 5 năm 1984 đến ngày 16 tháng 5 năm 1985, nhân kỷ niệm ngày sinh lần thứ 95 của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Mộ bà được đặt trên lưng chừng dãy núi Đại Huệ khu vực thuộc xã Nam Giang, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Tại vị trí có độ cao chừng 100m so với mực nước biển. Nhìn tổng quát, ngôi mộ có hình một khung cửu khổng lồ. Xung quanh ngôi mộ được ốp bằng những phiến đá hoa cương và đá cẩm thạch. Nóc mộ được phủ lên bằng những hòn đá tự nhiên của núi Đại Huệ, phía trên có dàn bê tông che chắn có hình khung cửu được phủ đầy hoa giấy (được mang về trồng từ khu lăng mộ cụ Nguyễn Sinh Sắc tại Cao Lãnh - Đồng Tháp). Tại nền sân thượng hình bán nguyệt trước ngôi mộ, có dựng một tấm bia lớn tạc tiểu sử và công lao của bà Hoàng Thị Loan bằng đá đen. Hai bên tả hữu là đường đi lên và đường đi xuống được làm thành nhiều bậc đá khác nhau giống như hai giải lụa đào xoắn xuống từ khung cửu.

Từ chân núi Động Tranh, lối lên phần mộ Bà nằm ở bên trái phần mộ có 269 bậc (con số 69 là năm Bác Hồ mất - 1969), lối xuống bên phải phần mộ có 242 bậc (con số 42 là năm cậu Khiêm; đưa hài cốt mẹ về đây - 1942). Trước phần mộ xuống sân bia 33 bậc, con số 33 là tuổi đời của Bà. Phía trên mộ là dàn hoa cách điệu hình khung cửi. Hai cụm cây hoa giấy che mát phần mộ Bà được lấy giống từ Huế - nơi bà mất và khu lăng mộ của ông Nguyễn Sinh Sắc ở Đồng Tháp. Khe trước phần mộ trồng nhiều cây quý từ nhiều miền đất nước.

### *Đền Công*

Đền Công nằm ở núi Mộ Dạ, thuộc địa bàn xã Diễn An, huyện Diên Châu tỉnh Nghệ An, các thành phố Vinh theo quốc lộ 1A khoảng 30km về phía bắc. Ngôi đền được gọi là Đền Công nhưng ngụ ý nói Đền Công, vì Công theo tiếng Nghệ An nghĩa là Công. Tương truyền, khu vực núi Mộ Dạ xưa có nhiều chim công sinh sống, thế Núi Mộ Dạ trông xa giống hình một con chim công (hoặc con hạc) khổng lồ đang múa, đầu chim chính là nơi Đền Công tọa lạc. Hiện nay, vẫn chưa có tài liệu lịch sử nào xác định chính xác thời điểm khởi dựng Đền Công. Nhưng, dưới thời nhà Nguyễn, Đền đã được trùng tu nhiều lần, đặc biệt vào năm Giáp Tý (1864), vua Tự Đức ban sắc chỉ xây dựng lại Đền với quy mô như ngày nay.

Tương truyền, sau khi được Thần Kim Quy giúp xây thành và làm nỏ thần, Thục An Dương Vương hoàn toàn mất cảnh giác và đã mắc mưu của Triệu Đà. Năm 208, sau khi chiếm được nỏ thần, Triệu Đà đã cho quân tấn công bất ngờ nước Âu Lạc, Thục An Dương Vương thất thế phải rút lui về phương nam, khi đến biển Cửa Hiền (ở phía bắc chân núi Mộ Dạ) đã được Thần Kim Quy đón về với Thủy Thần. Nhân dân đã lập miếu thờ, nhưng mỗi khi màn đêm buông xuống, trên sườn núi Mộ Dạ xuất hiện đốm lửa lập lòe, người dân nghĩ rằng đó chính là linh hồn của Thục An Dương Vương nên họ đã lập đền thờ ông tại đây và gọi là Đền Công.

Đền Công được xây dựng theo kiểu chữ “Nhị”, tam quan có tầng cấp. Đền Công là một công trình kiến trúc đẹp, vững chắc, phù hợp với điều kiện thiên nhiên ở miền Trung, xung quanh có trồng nhiều cây xanh đan xen. Đền có kiến trúc theo kiểu chữ Tam, bao gồm tam quan, ba tòa Thượng, Trung và Hạ điện. Tam quan đồ sộ, có 3 cửa vào: cửa giữa có ba tầng, hai cửa bên có hai tầng, các cửa này đều được thiết kế theo kiểu vòm cuốn. Tòa Thượng điện – nơi đặt ban thờ Thục An Dương Vương và tòa Hạ điện đều có kiến trúc kiểu chồng diêm 4 mái, đầu đao cong vút. Tòa Trung điện – nơi đặt ban thờ Cao Lỗ, tướng giúp vua Thục chế tác nỏ thần, được kiến trúc theo kiểu chồng diêm 8 mái. Các công trình đều đồ sộ, cột to, tường dày vững chắc nhưng không thô vì các chi tiết, hoa văn được đắp, chạm tinh tế, toát lên vẻ đẹp nhẹ nhàng, thanh thoát.

Cách đền Công khoảng 50 m có một miếu nhỏ, thờ công chúa My Châu, gần cổng đền có bia đá cao 1,47m do Phó bảng Phạm Hy Lượng quê ở Quảng Xương, Thanh Hóa làm quan ở đây soạn niên hiệu Tự Đức (1874). Hàng năm, lễ hội đền Công diễn ra từ ngày 14 - 16/2 âm lịch là dịp để người dân trong vùng cũng như du khách thập phương đến Đền chiêm bái và tưởng nhớ công ơn Thục An Dương Vương, với các nghi lễ như: tế thần, rước kiệu thần, hát ví, hát phường vải, hát tuồng, chèo, đốt pháo bông, thả đèn hoa... Nơi đây còn có nhiều di vật quý: trống, chiêng, tượng thờ, đồ tế khí... Nơi đây còn lưu giữ nhiều tư liệu bằng chữ Hán trên các bức hoành phi, cột, trụ biểu nhắc nhở con cháu, muôn dân luôn nhớ ân đức vua Thục An Dương Vương sẽ đem lại nhiều điều thú vị cho du khách.

### *Điểm du lịch bãi biển Cửa Lò*

Thị xã Cửa Lò cách thành phố Vinh 16 km theo đường QL 1A, cách Hà Nội hơn 300 km, và cách thành phố Hồ Chí Minh khoảng 1400 km. Du khách đến bãi biển Cửa Lò bằng ba con đường: đường Núi Cấm, đường thị trấn Quán Hành (huyện Nghi Lộc) và đường Quán Bính. Nhưng ngắn nhất, thuận tiện nhất là đi theo đường rẽ tại khu vực núi Cấm (huyện Nghi Lộc), đường vừa mở, bên núi bên biển, xe chạy khoảng 30 phút. Bãi biển Cửa Lò là một trong những bãi biển đẹp ở Bắc Trung Bộ Việt Nam, với bãi tắm rộng dài hơn 10km, dọc đường Bình Minh (con đường rộng, thoáng nhất thị xã) được bao quanh bởi rừng phi lao bạt ngàn, rừng cây vừa chắn cát, vừa là điểm dạo chơi lý thú, cát trắng mịn, thoải, nước trong xanh, ấm và có độ mặn vừa phải từ 34-35‰, nhiệt độ vùng biển về mùa đông từ 18-20°C, mùa hè 25°C, đáy biển nông, bằng phẳng là điều kiện lý tưởng cho du lịch biển.

Cửa Lò nằm giữa quần thể du lịch - văn hóa xứ Nghệ và đang tiến dần đến "công nghiệp du lịch" nhưng thị xã biển này vẫn giữ được nhiều nét "hoang sơ". Nơi tiếp giáp Cửa Hội, Cửa Lò đang hình thành khu du lịch sinh thái. Mùa du lịch chính thường được khai trương vào dịp 30/4 và 1/5 hàng năm bằng Lễ hội Sông nước Cửa Lò với nhiều hoạt động văn hóa dân gian đặc sắc cùng với tiết mục bắn pháo hoa, mùa du lịch kết thúc vào cuối tháng 9. Hiện nay, Cửa Lò đang nghiên cứu xúc tiến loại hình dịch vụ nghỉ đông. Khách du lịch đến với bãi biển này năm 2010 đạt 1 triệu 850 nghìn lượt (trong đó có 3000 lượt khách quốc tế)

### **6.2.3. Tuyến điểm du lịch nội vùng tỉnh Hà Tĩnh**

Tỉnh Hà Tĩnh có diện tích là 6.025,6 km<sup>2</sup>, dân số là 1.229,197 nghìn người (2010). Trung tâm hành chính của tỉnh là thành phố Hà Tĩnh, 1 thị xã Hồng Lĩnh và 10 huyện đó là Cẩm Xuyên, Đức Thọ, Hương Khê, Nghi Xuân, Thạch Hà, Vũ Quang, Hương Sơn, Kỳ Anh, Cẩm Xuyên, Can Lộc và Lộc Hà, nơi đây có một nền văn hóa đa dạng và lâu đời của nhiều dân tộc. Các dân tộc sinh sống chủ yếu là người Kinh, Chứt, Thái, Mường, Lào... sống ở các huyện: Hương Sơn, Vũ Quang, Hương Khê với khoảng vài ngàn người sống ở miền núi.

*Điều kiện tự nhiên:* Hà Tĩnh cách thủ đô Hà Nội 340 km về phía nam, ở phía đông dãy Trường Sơn với địa hình hẹp, dốc và nghiêng từ tây sang đông. Hà Tĩnh trải dài từ 17°54' đến 18°50' vĩ Bắc và từ 103°48' đến 108°00' kinh Đông. Phía bắc giáp tỉnh Nghệ An, phía nam giáp Quảng Bình, phía tây giáp tỉnh Borikhamxay và Khammuane của Lào, phía đông giáp biên Đông. Hàng năm, Hà Tĩnh có bốn mùa rõ rệt. Mùa mưa từ tháng 8, tháng 9 và trung tuần tháng 11 lượng mưa chiếm 54% tổng lượng mưa cả năm và lượng mưa trung bình hằng năm từ 2500 ly đến 2650 ly. Mùa khô từ tháng 12 đến tháng 7 năm sau. Đây là mùa nắng gắt, có gió Tây Nam (thổi từ Lào) khô, nóng. Phía tây tỉnh là những dãy núi cao 1.500 m, đỉnh Rào Cọ 2.235 m. Hà Tĩnh có những bãi cát ven biển cùng với nhiều vũng, vịnh, tiêu biểu là cảng biển nước sâu Vũng Áng và bãi biển Thiên Cầm. Với nhiều sông lớn, nhỏ chảy qua như sông La và sông Lam, sông Ngàn Phố, Ngàn Sâu, Ngàn Trươi, Rào Cái. Tổng chiều dài các con sông khoảng 400 km, và tổng sức chứa 13 tỷ m<sup>3</sup>. Ngoài ra còn có hồ Kẻ Gỗ, hồ Sông Rác, hồ Cửa Thờ Trại Tiêu, Đập Đền Quốc Cỗ Đạm... ước 600 triệu m<sup>3</sup>.

Xứ Nghệ là tên chung của vùng Hoan Châu cũ (bao gồm cả Nghệ An và Hà Tĩnh) từ thời nhà Hậu Lê. Hai tỉnh này cùng chung một vùng văn hóa gọi là văn hóa Lam Hồng, có chung biểu tượng là núi Hồng - sông Lam. Hai tỉnh này có cùng phương ngữ- tiếng Nghệ, cùng kho tàng văn hóa dân gian, cùng ca câu hò ví dặm, cùng uống chung dòng nước sông

Lam. Núi Hồng Lĩnh với 99 ngọn cùng sông Ngàn Phố, sông Ngàn Sâu và sông La, sông Lam là nguồn cảm hứng cho các thể hệ thi nhân, nhạc sĩ. Núi Hồng Lĩnh là một trong số các địa danh được khắc vào Bách khoa thư cửu đỉnh hiện đang đặt tại cố đô Huế. Giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy đều thuận lợi với quốc lộ 1A và đường sắt Bắc Nam chạy xuyên qua tỉnh. Tỉnh cũng có cửa khẩu Kẹo Nưa thuận tiện cho việc giao lưu với các nước Lào, Thái Lan.

*Tiềm năng phát triển du lịch:* Hà Tĩnh có nhiều di tích lịch sử, văn hóa và thắng cảnh, quê hương của nhiều bậc danh nhân. Cảnh quan của tỉnh có thác Vũ Môn, vườn quốc gia Vũ Quang, hồ Kẻ Gỗ, suối nước nóng Sơn Kim, đèo Ngang, chùa Hương Tích, Hòn Bóc, Hòn Lám, các bãi tắm đẹp như Thiên Cầm, Đèo Con, Xuân Thành, Chân Tiên. Các thắng cảnh phần lớn đều phân bố dọc đường quốc lộ 1A và quốc lộ 8. Hà Tĩnh nổi tiếng về "Văn vật Hồng Lam" với các di chỉ khảo cổ rú Dầu, rú Rom, đồ sắt Vân Chàm, Minh Long, đồ đồng Đức Lâm, đồ gốm Cẩm Trang, đồ mộc Thái Yên, lụa Hạ, vải Hồ. Dãy Hoành Sơn còn lưu giữ lũng cổ đắp ghép từ thế kỷ thứ 4.

### **Các điểm tham quan du lịch nội tỉnh Hà Tĩnh**

#### *Khu lưu niệm đại thi hào Nguyễn Du*

Khu lưu niệm cụ Nguyễn Du thuộc làng Tiên Điền, xã Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, cách thành phố Hà Tĩnh khoảng 50km, các thành phố Vinh (Nghệ An) theo quốc lộ 1A khoảng 8 km, qua cầu Bến Thủy - cây cầu bắc qua sông Lam, nổi tỉnh Nghệ An với Hà Tĩnh, là đặt chân lên địa phận thị trấn Xuân An, huyện Nghi Xuân và đi tiếp quốc lộ 8B khoảng 4km nữa là du khách sẽ đến Khu lưu niệm cụ Nguyễn Du. Nguyễn Du (1765 - 1820) tên tự là Tố Như, hiệu là Thanh Hiên, nguyên quán tại làng Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, phủ Đức Quang, trấn Nghệ An (nay thuộc tỉnh Hà Tĩnh), Nguyễn Du sinh ra và lớn lên tại Thăng Long (Hà Nội ngày nay). Cha của cụ là Hoàng giáp Nguyễn Nghiễm và mẹ là Trần Thị Tần làng Hoa Thiềm, huyện Đông Ngạn, xứ Kinh Bắc (nay là tỉnh Bắc Ninh). Từ nhỏ Nguyễn Du đã được tiếp thu sâu sắc tinh hoa văn hoá của cả ba vùng: Xứ Nghệ - Thăng Long và Kinh Bắc. Chính vì thế, Nguyễn Du lớn lên trở thành người học rộng, tài cao, tinh thông cả Phật học và sành các môn thi, họa. Năm 19 tuổi, Nguyễn Du thi Hương và đậu Tam trường, cha ông đã gửi ông làm con nuôi một vị võ quan họ Hà ở Thái Nguyên.

Khu lưu niệm cụ Nguyễn Du được xây dựng để các nho sỹ, văn sỹ và du khách trong và ngoài nước yêu thích Truyện Kiều, ngưỡng mộ cụ Nguyễn Du - một Đại thi hào dân tộc, một Danh nhân văn hóa thế giới; đến thắp hương tưởng niệm. Đây là khu di tích văn hóa nằm trong quần thể di tích dòng họ Nguyễn Tiên Điền. Quần thể di tích này là một tổ hợp bao gồm nhiều di tích: đền thờ Đại Vương tiên sĩ Nguyễn Huệ; đền thờ Nguyễn Nghiễm, Nguyễn Trọng; đàn tế Nguyễn Quỳnh; 2 ngôi nhà Tư văn; khu mộ đại thi hào Nguyễn Du, bảo tàng Nguyễn Du và nhà thờ Nguyễn Du.

Ngôi nhà thờ Nguyễn Du được xây dựng vào năm 1825, ngay trên mảnh vườn nhà cụ thuộc xóm Tiên Giáp. Bên trong có bàn thờ xây bằng vôi cát, phía trên có treo bức hoành phi đề 4 chữ "Hồng sơn thế phả" do Hoàng Phủ Phái, tước trung hiệu đại phu đời nhà Thanh tặng vào năm thứ 55 triều Càn Long (1790) cùng bài vị bằng đá có khắc dòng chữ "Thanh Hiên Nguyễn Tiên Sinh". Tiếp theo nhà thờ Nguyễn Du là đền bảo tàng Nguyễn Du - nơi trưng bày nhiều tài liệu, hiện vật gốc quý liên quan trực tiếp đến cuộc đời và sự nghiệp của đại thi hào Nguyễn Du. Đến Khu lưu niệm cụ Nguyễn Du, du khách vừa có dịp được ngắm nhìn phong cảnh nơi đây vừa có dịp được tìm hiểu thêm về giá trị văn hóa lịch sử, tính nhân văn của quần thể di tích Nguyễn Tiên Điền. Đặc biệt, nếu đến đây vào những ngày đầu

xuân, du khách sẽ được thưởng thức những đêm thơ Nguyễn Du tại nhà Tư văn trong Khu lưu niệm Nguyễn Du.

#### *Khu di tích lịch sử Ngã ba Đồng Lộc*

Trong kháng chiến chống Mỹ, Ngã ba Đồng Lộc đã phải hứng chịu hàng ngàn trận bom của máy bay Mỹ và sự hy sinh cao cả của tiểu đội với 10 cô gái thanh niên xung phong, nằm ở giao điểm của tỉnh lộ số 2 và quốc lộ 15, thuộc địa phận huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh. Trong những năm kháng chiến chống Mỹ, ngã ba Đồng Lộc là cửa ngõ giao thông từ miền Bắc và đường mòn Hồ Chí Minh. Máy bay Mỹ đã tập trung khối lượng bom đạn rất lớn đánh phá ngã ba này và đoạn đường xung quanh. Trên một đoạn đường chưa đầy 20km đã phải hứng chịu 2.057 trận bom. Trong những năm kháng chiến chống Mỹ, ngã ba Đồng Lộc là cửa ngõ giao thông từ miền Bắc và đường mòn Hồ Chí Minh. Máy bay Mỹ đã tập trung khối lượng bom đạn rất lớn đánh phá ngã ba này và đoạn đường xung quanh. Trên một đoạn đường chưa đầy 20km đã phải hứng chịu 2.057 trận bom.

Chùa Hương Tích nằm ở dãy núi Hồng Lĩnh, thuộc địa phận xã Thiên Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh. Chùa được xây dựng vào đời Trần, là một trong hai ngôi chùa Hương nổi tiếng ở Việt Nam, nằm ở dãy núi Hồng Lĩnh, thuộc địa phận xã Thiên Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh. Hồng Lĩnh là thắng cảnh nổi tiếng ở Hà Tĩnh. Từ xưa, dãy núi 99 ngọn vút cao này đã được xếp vào 1 trong 21 danh thắng của nước Nam. Đặc biệt sự hiện hữu của chùa Hương Tích với nhiều kỳ quan liên kết đã xứng danh là "*Hoan Châu đệ nhất danh lam*".

#### *Chùa Hương "Phiên bản"*

Chùa Hương Tích ở Hà Tây thật ra chỉ là một "phiên bản" đây ý nghĩa của chùa Hương Tích trên núi Hồng Lĩnh thuộc xã Thiên Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh. Theo cuốn *Hương Sơn thiên trụ thiên phá*, một vị hoà thượng được lệnh của chúa Trịnh (sau khi đi tuần thú) xác định địa điểm và cho xây dựng chùa Hương Tích ở Hà Tây từ đời Lê Huy Tông dưới niên hiệu Chính Hoà (1680 - 1704). Trong khi theo sách *Hương Sơn báu quyển*, chùa Hương ở Hà Tĩnh là một động cao và khuất, thường có mây mù bao phủ. Chùa này được chính thức xây dựng từ đời Trần (có thể đồng thời với chùa Yên Tử). Khi Trần Nhân Tông lên tu ở chùa Hoa Yên (Yên Tử), trại trạng nguyên Bạch Liêu, quê huyện Yên Thành (phủ Diễn Châu), cũng dời nhà vào chân núi Hồng Lĩnh cho tiện việc thắp hương ở chùa Hương Tích. Vậy vì sao lại có thêm một chùa Hương "phiên bản" ở phía Bắc? Câu trả lời là vào thời Lê - Trịnh, các vua Lê - chúa Trịnh phần lớn có quê ở xứ Thanh (xem *Hoàng Lê nhất thống chí của Ngô Gia Văn Phái*) nên các phi tần, mỹ nữ đa số được tuyển chọn ở miền Hoan Châu. Hàng năm các cung phi, cung nữ Thanh - Nghệ thường chẩy hội chùa Hương trên núi Hồng Lĩnh vào ngày 18/02 âm lịch bằng đường thủy qua cửa Hội Thống (gần Cửa Lò bây giờ). Mỗi lần những "người đẹp" đi xa như vậy khiến chúa Trịnh rất phân vân (tuy đã bố trí lính vệ phục vụ dọc đường), do đó chúa Trịnh mới gọi một vị hoà thượng xác định địa điểm ở miền rừng núi Hà Tây để xây chùa Hương Tích thứ hai mà thờ vọng đề các "người đẹp" đi trẩy hội gần hơn (theo dẫn giải của ông Bùi Văn Nguyên, nguyên tổng thư ký Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam). Như vậy nhờ "sáng kiến" của chúa Trịnh mà nước ta có hai chùa Hương Tích.

#### *Chùa Hương gốc*

Nếu đường vào chùa Hương ở Hà Tây bắt đầu từ dòng suối Yên tấp nập những du thuyền thì lối vào chùa Hương ở Hà Tĩnh cũng từ mệnh môn hồ nước nhà Đờng (Đường) theo dòng suối rộng có tên là suối Hương Tuyền đi ngược lên. Nhưng do nhiều năm trước

trung tâm chùa Hương Tích mờ dần (ba lần chùa Hương này bị tàn phá bởi giặc Minh, thực dân Pháp và cháy rừng). Vì thế có nhiều khoảng thời gian chùa không, rừng quanh bởi không có sư về trụ trì. Chùa Hương vắng bóng du khách, suối Hương Tuyền chỉ dành cho người đi chớ đá núi về kê đập, xây hồ. Nhưng từ năm 1990 trở lại đây, cứ vào dịp 18/02 âm lịch hằng năm (đúng như lịch trăng hội chùa Hương ở Hà Tây) có hàng ngàn du khách đủ mọi lứa tuổi, tầng lớp từ Nghệ An, Hà Tĩnh, Thanh Hoá, Hà Nội, Hải Phòng, Yên Bái, Đà Nẵng... rẽ đường, vượt dốc núi dài gần tới 4.000m để tới chùa Hương.

#### *Bãi biển Thiên Cầm*

Biển Thiên Cầm là một vùng thiên nhiên hoang sơ, thuộc huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh, cách thành phố Hà Tĩnh hơn 20km. Nơi đây chỉ có tiếng sóng dội vào hang núi khiến những chuông đá, khánh đá vọng vang trở thành khúc nhạc muôn điệu như những tiếng đàn trời có tự ngàn xưa. Tục truyền xưa, vua Hùng trên đường xuống phương nam, đến đây nghe tiếng sóng vỗ vào hang núi vọng ra âm thanh như tiếng đàn bay lơ lửng trong không gian nên nhà vua đặt tên núi là Thiên Cầm (đàn trời). Bãi biển Thiên Cầm như hình cánh cung trải dài gần 3km bắt đầu từ núi Thiên Cầm đến núi Đầu Voi, cùng với Cùm Nậy (núi lớn) và Cùm Con (núi bé) tạo nên những phím đàn trời án ngữ dòng suối Kỳ La, để dòng suối trong vắt này uốn lượn rồi đổ ra biển. Bờ cát trắng chạy dài thoải thoải hàng trăm mét ra biển, nước biển trong vắt và âm vang đàn trời đã làm nên sự hấp dẫn của vùng biển này.

#### *Khu du lịch sinh thái Hồ Kẻ Gỗ*

Hồ là một cảnh đẹp nhân tạo nằm giữa các sườn đồi, thuộc huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh, cách thành phố Vinh 70km về phía nam. Công trình hồ Kẻ Gỗ được khởi công xây dựng năm 1976 và hoàn thành vào năm 1980. Hồ dài gần 30km, gồm 1 đập chính và 10 đập phụ với sức chứa 300 triệu m<sup>3</sup> nước. Ngày nay, hồ Kẻ Gỗ còn là một điểm tham quan du lịch hấp dẫn. Đến thăm hồ Kẻ Gỗ, du khách có thể tắm mát, câu cá, leo núi hay săn bắn trên các triền núi ven hồ. Hồ Kẻ Gỗ còn là nguồn cung cấp thực phẩm dồi dào cho các vùng lân cận. Cá tôm dưới đáy hồ rất to và thơm thịt. Con lớn nặng tới vài chục kg.

### **6.2.4. Tuyến điểm du lịch nội vùng tỉnh Quảng Bình**

Tỉnh Quảng Bình có diện tích là 8.065,3 km<sup>2</sup>, dân số là 849,3 nghìn người (2010). Trung tâm hành chính của tỉnh là thành phố Đồng Hới, và các huyện đó là Tuyên Hóa, Minh Hóa, Quảng Trạch, Bố Trạch, Quảng Ninh, Lệ Thủy. Tỉnh có các dân tộc sinh sống chủ yếu là Việt (Kinh), Bru - Vân Kiều, Chứt, Tày..

*Điều kiện tự nhiên:* Quảng Bình là tỉnh thuộc miền Trung, phía bắc giáp Hà Tĩnh, phía đông giáp biển Đông, phía tây giáp Lào, phía nam giáp Quảng Trị. Khí hậu mang tính chất nhiệt đới gió mùa, chia làm hai mùa: mùa khô và mùa mưa. Nhiệt độ trung bình năm khoảng 25°C - 26°C. Địa hình tương đối phức tạp, núi rừng sát biển tạo thành độ dốc cao dần từ đông sang tây. Quảng Bình có đồng bằng nhỏ hẹp và nhiều sông ngòi. Bờ biển dài 116km với hai cảng lớn: cảng Gianh và cảng Nhật Lệ. Giao thông tương đối thuận tiện. Thành phố Đồng Hới cách Hà Nội 489km đường bộ và 522km đường xe lửa

*Tiềm năng phát triển du lịch :* Nằm ở cửa ngõ đường vô xứ Huế, góit đầu lên đỉnh đèo Ngang thơ mộng, dải đất Quảng Bình trải ra như một bức tranh hoành tráng về non xanh nước biếc. Phong cảnh ở đây thật kỳ vĩ, sơn thủy hữu tình. Bờ biển Quảng Bình có những bãi cát vàng óng ánh dưới rừng dương xanh với nhiều bãi tắm đẹp, nước biển lung linh màu ngọc bích và chưa bị ô nhiễm. Tỉnh có các danh thắng nổi tiếng như động Phong Nha, động Tiên Sơn, rừng nguyên sinh trong khu bảo tồn Phong Nha - Kẻ Bàng, bãi biển



Nhật Lê, Đá Nhảy, Suối nước nóng Bang v.v... trong đó động Phong Nha là một trong những hang động lớn và đẹp nhất ở Việt Nam. Phong Nha – Kẻ Bàng là di sản thế giới thứ 5 của Việt Nam. Ngoài ra Quảng Bình ngày nay còn lưu giữ được nhiều di tích lịch sử, văn hóa của nhiều thời đại khác nhau. Và còn biết bao điểm du lịch hấp dẫn khác đang chờ đón du khách.

Quảng Bình là vùng đất văn vật, có di chỉ văn hoá Bàu Tró, các di chỉ thuộc nền văn hoá Hoà Bình và Đông Sơn, nhiều di tích lịch sử như: Quảng Bình Quan, Luỹ Thầy, Rào Sen, Thành Nhà Ngo, thành quách của thời Trịnh - Nguyễn, nhiều địa danh nổi tiếng trong hai cuộc kháng chiến chống xâm lược của dân tộc như Cự Nẫm, Cảnh Dương, Cha Lo, Cổng Trời, Xuân Sơn, Long Đại, đường Hồ Chí Minh v.v...

### **Các điểm đến du lịch tỉnh Quảng Bình**

#### *Di sản thiên nhiên thế giới Phong Nha - Kẻ Bàng*

Phong Nha - Kẻ Bàng thuộc huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình, cách thành phố Đồng Hới khoảng 50km về phía tây bắc. Từ Đồng Hới, ngược theo quốc lộ 1A khoảng 5km rẽ trái theo đường Trường Sơn đến xã Sơn Trạch, sau đó đi thuyền trên sông Sơn khoảng 30 phút thì tới nơi. Ngày 3 tháng 7 năm 2003, Phong Nha - Kẻ Bàng được UNESCO công nhận là Di sản Thế giới - Di sản thế giới thứ 5 của Việt Nam

Đây là một phần của khu vực núi đá vôi cổ nhất ở Châu Á được tạo lập từ hơn 400 triệu năm trước, gắn liền với các chu kỳ kiến tạo và phát triển chính của lịch sử trái đất. Diện tích của vùng núi đá vôi Phong Nha - Kẻ Bàng thuộc địa phận tỉnh Quảng Bình - Việt Nam khoảng 400ha. Quần thể đá vôi Phong Nha - Kẻ Bàng còn trải rộng tới phần đất thuộc tỉnh Khăm Muộn - CHDCND Lào, tạo thành một trong những vùng đá vôi nhiệt đới cổ đại nhất, rộng lớn nhất thế giới với những đặc tính nổi bật về địa mạo, địa chất có giá trị toàn cầu.

Phong Nha - Kẻ Bàng để lại dấu ấn về quá trình biến đổi địa chất đã và đang diễn ra tác động đến việc hình thành các dạng đất đai hoặc đặc điểm về địa hình, địa mạo. Nằm trên địa hình phức tạp ở Phong Nha - Kẻ Bàng còn có Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng. Diện tích Vườn quốc gia này là 85.754ha, trong đó chiếm 94% diện tích là rừng nguyên sinh. Tại vườn quốc gia này các nhà khoa học đã thống kê được 568 loài thực vật, 876 loài động vật với: 113 loài thú lớn, 81 loài bó sát và lưỡng cư, 72 loài cá, 259 loài bướm, 302 loài chim... trong đó nhiều loài động thực vật thuộc danh mục sách đỏ của Việt Nam và thế giới. Phong Nha - Kẻ Bàng còn có hệ thống hang động với tổng chiều dài gần 13.000m (phần đã được phát hiện), với hàng chục hang động lớn, nhỏ. Các hang động có chiều cao từ 10 đến 40m. Nhiều hang động trong số này mới chỉ dừng lại ở dạng phát hiện đánh dấu trên bản đồ, chưa khảo sát kỹ. Trong đó đầu tư khai thác du lịch chỉ một vài hang động: Phong Nha, Tiên Sơn, Hang Vòm... Hang động ở đây rất đa dạng, nhũ đá đẹp huyền ảo. Theo báo cáo khoa học của đoàn thám hiểm Hội Địa lý Hoàng Gia (nước Anh), chiều dài của hang Phong Nha phần xác định được là 7.729m. Hang động Phong Nha được đánh giá với “7 nhất”: sông ngầm đẹp nhất; cửa hang cao và rộng nhất; bãi cát, bãi đá ngầm đẹp nhất; hồ nước ngầm đẹp nhất; hang khô rộng và đẹp nhất; thạch nhũ kỳ ảo và tráng lệ nhất và hang nước dài nhất.

#### *Động Phong Nha*

Động Phong Nha còn có tên gọi khác là động Tróc, suy tôn là "Đông Dương đệ nhất động", thuộc vùng núi đá vôi Kẻ Bàng, xã Sơn Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình, cách thành phố Đồng Hới 60km, có rất nhiều nhánh với tổng chiều dài lên đến khoảng 20km. Nhưng hiện nay mới khám phá nhánh dài nhất là một phần của con sông ngầm có tên

là Nậm Aki mà sông Son là phần lộ ra mặt đất. Nó chui ngầm dưới đất ở vùng núi Pu-Pha-Đam cách đó hơn 20km về phía nam.

Trước cửa động, cảnh núi non sông nước quỳn rũ, thiên nhiên hùng vĩ với vô vàn hình ảnh kỳ thú hiện ra như kêu gọi trí tưởng tượng của con người. Vào mùa nước lớn, nước sông Son dâng cao che khuất cửa hang, thuyền du lịch không vào đây được. Tương truyền hơn một trăm năm về trước, ông vua trẻ Hàm Nghi đã ẩn mình ở đây cùng một số cận thần và ra lời kêu gọi Cần Vương.

Cửa động rộng khoảng 20m, cao 10m, có nhũ đá lô nhô. Boi thuyền qua cửa hang, động rộng như một cái bát úp trên mặt nước. Nước sông trong veo và phẳng lặng như mặt gương, càng vào sâu ánh sáng càng nhạt dần rồi mất hẳn. Xen lẫn với tiếng mái chèo như có tiếng chiêng văng lên. Người bản địa cho rằng đó là âm nhạc trong tiệc riệu của Thần Núi vọng ra... Tất cả hợp thành tiếng nhạc, lúc âm u như tiếng chiêng, lúc bập bùng như tiếng trống.

Phong Nha có trên 20 buồng với hành lang chính dài tới 1500m và nhiều hành lang phụ dài hàng trăm mét. Các hang ngoài cùng có trần cao hơn mặt nước rộng khoảng 10m. Các hang phía trong, từ hang thứ 4 trở vào trần hang cao đến 25-50m. Từ buồng thứ 14, du khách theo các hành lang khác đi sâu hơn nữa dưới mặt đất đến những buồng to hơn rộng hơn nhưng có phần nguy hiểm hơn, nơi mà quá trình phong hoá đá vôi vẫn còn tiếp tục. Thuyền ngược dòng độ 800m thì đến chỗ cạn gọi là hang nước cạn do nước biến đi nhường

Khó có thể mô tả vẻ đẹp hùng vĩ của những buồng, những hành lang đá vôi phủ đầy thạch nhũ long lanh dưới ánh đuốc của dòng sông ngầm. Du khách vừa xúc động vừa ít nhiều hồi hộp lo sợ khi thấy mình như đang nằm trong miệng một con quái vật khổng lồ: với những hình thù kỳ dị nguyên sơ mà trí tưởng tượng của con người tha hồ gán cho chúng biết bao huyền thoại, sự tích. Sau hàng chục cuộc thám sát khoa học của người Việt, người Pháp, người Anh... động Phong Nha vẫn còn đó với những điều bí ẩn.

#### *Động Tiên Sơn*

Động Tiên Sơn được phát hiện vào năm 1935, động Tiên Sơn (động Khô) là một thắng cảnh kỳ vĩ chẳng kém động Phong Nha với những phiến đá và cột đá cộng hưởng âm rất đặc biệt, nằm trong khối núi đá vôi Kẻ Bàng thuộc xã Sơn Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình, cao hơn cửa động Phong Nha khoảng 200m. Phong cảnh trong động Khô ví như chốn "bồng lai tiên cảnh". Hàng nghìn khối nhũ đá với nhiều màu sắc mọc tua tủa trong động. Vòm động cao thoáng, nổi rõ nhiều vân trắng như vàng bạc. Những hàng cột đá màu cẩm thạch nhiều dáng vẻ diệu kỳ khiến người ta ngây ngất như đang lạc vào thiên cung hay thủy cung. Động Khô có nét đặc biệt hơn động Phong Nha ở những phiến đá và cột đá cộng hưởng âm. Khi người ta gõ nhẹ vào thì nó sẽ phát ra những âm thanh lạ kỳ như vọng ra từ chốn sâu thẳm của lòng đất. Động Khô có chiều dài là 980m. Từ cửa động đi vào khoảng 400m có một vực sâu chừng 10m, và sau đó là động đá ngầm tiếp tục dài gần 500m. Hiện nay du khách có thể tham quan đến độ dài 400m.

#### *Hang Sơn Đoòng*

Hang Sơn Đoòng là hang động tự nhiên lớn nhất thế giới hiện nay, thuộc xã Sơn Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình, thuộc vùng lõi Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng. Đây là hang được ông Hồ Khanh, người xã Sơn Trạch (huyện Bố Trạch) phát hiện ra từ năm 1991, nhưng tới tháng 4/2009 mới được đoàn thám hiểm Hoàng gia Anh khám phá lần đầu tiên và tháng 7 cùng năm thì được công bố chính thức. Do có công tìm ra hang nên

Hồ Khanh được vinh dự đặt tên cho nó và ông đã chọn cái tên Sơn Đoòng do hang nằm ở vùng Hạ Đoòng, thuộc xứ Đoòng.

Hang Sơn Đoòng được hình thành khoảng 2 đến 5 triệu năm trước, khi nước sông chảy ngang qua vùng núi đá vôi thì bị vùi lấp theo một đường đứt gãy. Dòng nước làm xói mòn và tạo ra một đường hầm lớn trong lòng đất dưới dãy núi. Tại những nơi đá vôi mềm, phần trần sụp xuống tạo thành những lỗ hổng, lâu ngày thành các vòm hang khổng lồ.

Với chiều cao khoảng 200m, có nơi lên đến 250m, rộng 200m, chiều dài ít nhất là 8,5km, hang Sơn Đoòng đã vượt qua hang Deer ở Vườn quốc gia Gunung Mulu của Malaysia (với chiều cao 100m, rộng 90m, dài 2km) để trở thành hang động tự nhiên lớn nhất thế giới.

Đặc biệt, hang Sơn Đoòng có 2 lối vào - điều rất hiếm gặp đối với các hang động đã được khảo sát ở Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng. Vào sâu trong hang, du khách sẽ không khỏi choáng ngợp trước vẻ đẹp tráng lệ và hùng vĩ của vô số đại thạch nhũ, trong đó có nhiều cột nhũ đá cao tới 70m. Trong lòng hang, tại một điểm mà các nhà thám hiểm gọi là Vườn địa đàng, du khách sẽ bắt gặp một cánh rừng nhiệt đới kì vĩ, chan hòa ánh sáng với màu xanh ngút ngàn của cỏ cây và nhiều loài động vật như: chim, rắn, sóc, khỉ. Ngoài ra, trong hang còn có một dòng sông ngầm dài khoảng 2,5km. Dòng chảy của con sông đã mang đến những chiếc vỏ sò, tích tụ thành lớp trên lòng sông. Cách Vườn địa đàng không xa còn có “bộ sưu tập ngọc trai” khổng lồ bao gồm hàng vạn hòn đá tròn, nhỏ nằm lẫn giữa các kẽ đá trong lòng những chiếc ao cạn. Cứ vào mùa mưa, tinh thể canxi trong nước lại bao bọc những hạt cát nhỏ để tạo thành những “viên ngọc trai” khổng lồ, tô điểm thêm cho vẻ đẹp kỳ vĩ của hang động này.

Ngay sau khi được công bố, hang Sơn Đoòng đã nhanh chóng thu hút sự quan tâm, chú ý của nhiều hãng thông tấn lớn trên thế giới và đã được tạp chí National Geographic (Mỹ) đăng tải một số bài viết ca ngợi. Hang cũng đã được hãng tin BBC (Anh) bầu chọn là một trong những hang động đẹp nhất thế giới, trở thành niềm tự hào không chỉ của người dân Quảng Bình mà còn của cả người dân Việt Nam.

### *Bãi tắm Đá Nhảy*

Được công nhận và xếp hạng là danh thắng quốc gia với bãi tắm phẳng, nước trong, nằm dưới chân đèo Lý Hoà thuộc địa phận xã Hải Trạch, huyện Bố Trạch. Dưới chân đèo Lý Hoà, chỗ giáp giữa biển với núi có một bãi đá có rất nhiều đá to, nhỏ, thấp, cao. Mỗi khi có sóng xô, trông đá như những con cóc lớn nhảy trên sóng, tạo nên hàng loạt âm thanh rì rào khác nhau. Có lẽ vì vậy mà cái tên Đá Nhảy được ra đời từ đó để ghi dấu nét riêng của bãi biển này.

Đá Nhảy là một điểm du lịch hấp dẫn, một bãi tắm sạch, đẹp và có nhiều thắng cảnh với nhiều hang động kỳ thú. Đến Đá Nhảy, ấn tượng đầu tiên của du khách là một bãi tắm bằng phẳng, nước trong và sạch. Khách du lịch cùng một lúc vừa được bơi thuyền leo núi, săn bắn, vừa được dạo chơi trong rừng dương, tắm mình trong một bãi biển trong sạch, yên bình. Trong những năm gần đây, nhiều công trình khách sạn, nhà hàng, bãi đỗ xe... đã được xây dựng khang trang bên bờ biển Đá Nhảy để du khách có thể tắm biển, nghỉ ngơi thoải mái, nhất là sau những cuộc leo núi hay thăm động Phong Nha - Tiên Sơn, Đèo Ngang, Đồng Hới...

Đá Nhảy không chỉ là khu du lịch nghỉ mát lý tưởng vì có bãi tắm đẹp nằm dưới chân núi, mây nước hữu tình nên thơ mà biển nơi đây có nhiều rạn ngầm, đó chính là nơi cư trú của nhiều loại hải sản quý như tôm, cá, cua, mực, ốc... có thể chế biến những món đặc sản

biên hấp dẫn du khách. Cùng với Di sản Thiên nhiên thế giới Phong Nha - Kẻ Bàng và nhiều điểm tham quan du lịch khác của Quảng Bình, biển Đá Nhảy sẽ là nơi dừng chân lý tưởng đem đến cho du khách một cảm giác thật thoải mái và để lại nhiều ấn tượng tốt đẹp.

#### *Suối nước khoáng nóng Bang*

Suối khoáng Bang có nhiều tác dụng dược lý, được đánh giá là quý hiếm và rất tốt trong việc chữa trị một số bệnh cho con người, nằm ở xã Kim Thủy, huyện Lệ Thủy, cách thành phố Đồng Hới 60km về phía tây nam.

Từ Tp.Đồng Hới đi về phía tây nam 60km, hoặc từ đường Trường Sơn rẽ về phía tây khoảng 20km là đến khu du lịch sinh thái & suối nước khoáng Bang. Một vùng đồi núi xanh tươi rộng lớn trên 70ha với môi trường trong lành mát mẻ, cảnh quan kỳ thú và hấp dẫn đến kỳ lạ, thiên nhiên hoang dã và mộc mạc đầy quyến rũ. Đặc biệt, có con suối ngoằn ngoèo uốn lượn với dòng nước khoáng chạy thành dòng như là vô tận, vừa lộ thiên, vừa bí hiểm. Dòng nước khoáng càng đi lên đầu nguồn nhiệt độ càng cao đến 105<sup>0</sup>C, bốc toả hơi nước mờ ảo như những làn khói hư thực của chốn bồng lai. Nước khoáng Bang có nhiều tác dụng dược lý, được các nhà khoa học đánh giá là quý hiếm và rất tốt trong việc chữa trị một số bệnh cho con người. Công ty Du lịch Nước khoáng COSEVCO (thuộc Tổng Công ty Xây dựng miền Trung) đang quản lý, đầu tư và từng bước khai thác khu du lịch sinh thái và nguồn nước khoáng Bang này. Đường sá đi lại thuận tiện, các đường chính đều được trải nhựa. Điện lưới được cung cấp đầy đủ suốt ngày đêm. Công ty tổ chức các dịch vụ tắm nước khoáng ở ngoài trời và trong nhà, tắm bùn, vật lý trị liệu, ngâm chân, nghỉ dưỡng, luộc trứng, nhà hàng, nhà nghỉ, du ngoạn suối rừng và nhiều dịch vụ bổ ích khác đang triển khai. Nước khoáng Bang đóng chai đã có mặt ở hầu hết các tỉnh thành trong cả nước và lượng tiêu thụ ngày càng lớn vì những tác dụng tích cực của nó. Khách gần xa đến tham quan. Du khách ra Bắc hay vào Nam, nếu có dịp đến Quảng Bình nhớ ghé thăm và chiêm ngưỡng cảnh quan của Khu du lịch sinh thái & suối nước khoáng Bang. Dù chỉ một lần du khách sẽ có ấn tượng rất khó quên về cuộc du hành đến chốn núi non, khe suối đầy thi vị và khoáng cảm này.

#### *Quảng bình Quan*

Quảng Bình Quan là hệ thống thành lũy cổ được Chúa Nguyễn xây từ năm 1630 để bảo vệ kinh đô Phú Xuân, hiện nay đã được phục chế như nguyên bản, thuộc thành phố Đồng Hới. Đây là công trình kiến trúc gồm có cổng và hệ thống thành lũy. Do biến thiên của lịch sử và thời gian, Quảng Bình Quan đã bị hư hại nặng. Hiện nay, Quảng Bình Quan đã được phục chế lại như nguyên bản cách đây hơn ba thế kỷ. Du khách ra Bắc vào Nam, ngang qua địa phận tỉnh Quảng Bình sẽ được chiêm ngưỡng Quảng Bình Quan, một di tích kiến trúc có giá trị lịch sử và nghệ thuật, đã đi vào văn thơ.

#### **6.2.5. Tuyến điểm du lịch nội vùng tỉnh Quảng Trị**

Tỉnh Quảng Trị có diện tích là 4.747,0 km<sup>2</sup>, dân số là 600,5 nghìn người (2010). Trung tâm hành chính của tỉnh là thành phố Đông Hà, 1 thị xã Quảng Trị và 10 huyện đó là Vĩnh Linh, Gio Linh, Cam Lộ, Triệu Phong, Hải Lăng, Hướng Hóa, Đa Krông, Cồn Cỏ. Tỉnh có các dân tộc sinh sống chủ yếu là Việt (Kinh), Bru-Vân Kiều, Hoa, Tà Ôi.

*Điều kiện tự nhiên:* Quảng Trị là một tỉnh miền Trung Việt Nam, nơi có sông Bến Hải - cầu Hiền Lương, giới tuyến chia cắt hai miền Nam – miền Bắc Việt Nam trong gần 20 năm. Phía bắc tỉnh Quảng Trị giáp Quảng Bình, phía nam giáp Thừa Thiên-Huế, phía tây giáp tỉnh Savanakhét (Lào), phía đông giáp biển Đông với bờ biển dài 75km. Địa hình đa

dạng bao gồm núi, đồi, đồng bằng, cồn cát và bãi biển chạy theo hướng tây bắc - đông nam. Mạng lưới sông ngòi dày đặc, nhất là ở các huyện miền núi vì vậy tiềm năng thủy điện dồi dào. Khí hậu rất khắc nghiệt, có gió Tây Nam và gió Lào rất khô nóng. Quảng Trị cách Hà Nội 617km, cách Tp. Hồ Chí Minh 1.112km. Tỉnh có đường sắt Bắc Nam, đường quốc lộ 1A chạy qua. Đặc biệt có đường 9 nối với đường liên Á qua cửa khẩu Lao Bảo sang Lào.

*Tiềm năng phát triển du lịch:* Trong những năm chiến tranh chống Mỹ, Quảng Trị là một trong những mảnh đất nóng bỏng vì bom đạn. Ngày nay Quảng Trị là nơi có nhiều địa danh, di tích lịch sử cách mạng. Qua cầu treo Đakrông là đến đường mòn Hồ Chí Minh lịch sử còn in đậm kỳ tích oai hùng của nhân dân Việt Nam trong thời kỳ chống Mỹ. Thành cổ Quảng Trị là nơi gắn liền với chiến dịch lịch sử mùa hè 1972. Còn phải kể biết bao địa danh khác như nghĩa trang liệt sĩ Trường Sơn, địa đạo Vịnh Mốc, chiến trường Khe Sanh, căn cứ Cồn Tiên - Dốc Miếu, hàng rào điện tử Mắc-na-ma-ra... Quảng Trị còn có bãi tắm Cửa Tùng được mệnh danh là hoàng hậu của các bãi tắm Đông Dương.

### **Các điểm tham quan du lịch nội tỉnh Quảng Trị**

#### *Khu căn cứ quân sự Khe Sanh*

Khe Sanh nằm trên quốc lộ số 9 thuộc huyện Hướng Hoá, tỉnh Quảng Trị, cách thị xã Đông Hà 63km về phía tây. Khe Sanh nằm trong một thung lũng đất đỏ cao hơn mặt nước biển 400m, bốn bề là đồi núi trùng điệp. Năm 1965 - 1966, Quân đội Mỹ và Quân lực Việt Nam Cộng Hòa đã xây dựng Khe Sanh thành cứ điểm lớn nhất trong tuyến phòng thủ đường 9, một tuyến phòng thủ được coi là “bất khả xâm phạm”. Đây là một trong ba "mắt thần" (Khe Sanh, Làng Vây và Tà Cơn) của hàng rào điện tử McNamara. Tại Khe Sanh đã diễn ra những trận đánh lớn trong chiến dịch Đường 9 - Khe Sanh năm 1968, chiến dịch Đường 9 - Nam Lào năm 1971. Tổng thống Mỹ Giôn-Son đã từng yêu cầu Chủ tịch Hội đồng Tham mưu trưởng Liên quân Mỹ ký cam kết bằng máu quyết tâm giữ Khe Sanh.

Cụm căn cứ Tà Cơn với sân bay dã chiến đang lưu giữ nhiều hạng mục về chiến thắng năm 1968: nhà trưng bày, giao thông hào, hầm chỉ huy, hàng rào kẽm gai, đường băng, máy bay, pháo, xe tăng và nhiều hạng mục hạ tầng khác.

#### *Địa đạo Vịnh Mốc*

Địa đạo dài gần 2km gồm 3 tầng sâu dưới mặt đất, thuộc huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị, cách quốc lộ 1A 13km về phía đông, cách Cửa Tùng 6km về phía bắc. Nơi đây từng là pháo đài thép của miền Bắc XHCN trong suốt 7 năm liền chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ. Vịnh Mốc là nơi đầu tiên bị đế quốc Mỹ ném bom tàn phá trong cuộc chiến tranh bằng không quân đánh phá miền Bắc Việt Nam.

Địa đạo Vịnh Mốc là một trong những điểm hấp dẫn của tuyến du lịch nổi tiếng DMZ (khu vực phi quân sự), thu hút nhiều du khách trong và ngoài nước, đặc biệt là những cựu chiến binh Mỹ. Họ đến để chiêm ngưỡng kỳ tích độc đáo này, một chứng tích tiêu biểu về sự hy sinh chịu đựng và gan góc chiến đấu vì độc lập, tự do của người dân Vịnh Mốc nói riêng và người dân Việt Nam nói chung. Hàng ngàn dòng cảm tưởng của khách nước ngoài tỏ ra vô cùng thán phục tài trí, ý chí của người Việt Nam.

Địa đạo Vịnh Mốc được đào xong trong vòng 2 năm, với khoảng 6.000m<sup>3</sup> đất đá. Hệ thống đường hầm có tổng chiều dài gần 2km, chia thành 3 tầng: tầng một sâu dưới mặt đất khoảng 13m; tầng 2 khoảng 15m và tầng 3 sâu trên 23m; gồm 13 cửa ra vào đồng thời cũng là những cửa thông hơi (bảy cửa thông ra biển và sáu cửa đi lên đồi). Địa đạo được thiết kế như một làng dưới mặt đất với 94 căn hộ gia đình, có giếng nước ngọt đáp ứng sinh hoạt của người dân địa đạo, có hội trường đủ sức chứa khoảng 60 người, bảng tin, nhà hộ sinh, nhà

vệ sinh, phòng phẫu thuật, bếp Hoàng Cầm (loại bếp nấu được dưới lòng đất mà hạn chế khói bốc lên), kho gạo, trạm đặt máy điện thoại, đài quan sát, trạm gác, hầm tránh bom khoan.

Ấn tượng mạnh khi đặt chân lên vùng di tích Vịnh Mốc là dòng chữ lớn nằm trang trọng trong phòng trưng bày: "Tồn tại hay không tồn tại", rút ra từ tác phẩm nổi tiếng Hăm lét của nhà văn người Anh Xêchxpia. Câu này lại càng có ý nghĩa hơn và gây xúc động cho du khách khi đặt bên cạnh những tấm ảnh: một tấm chụp cảnh làng quê trù phú san sát nóc nhà vào tháng 2/1965; còn tấm ảnh kế bên cũng làng quê ấy, nhưng đã bị bom đạn kẻ thù hoàn toàn huỷ diệt trên mặt đất; tấm ảnh 11 cháu bé ra đời trong bóng tối của chiến tranh đang quây quần trong ánh sáng của ngày chiến thắng; tấm ảnh bốn o du kích xinh tươi trong chiếc áo sơ mi trắng lạc quan hát dưới hầm địa đạo và rồi cũng chính họ trong bộ cánh màu xanh người lính lại xuất hiện trên mặt đất điều khiển các khẩu pháo bắn trả kẻ thù. Chính sự tàn khốc của chiến tranh ở nơi đây đã làm cho con người ta muốn tồn tại chỉ có hai cách: hoặc là bỏ nơi đây mà đi, hai là chui xuống đất và người dân Vịnh Mốc đã chọn cách thứ hai. "Tồn tại hay không tồn tại" được người dân Vịnh Mốc trả lời bằng việc 17 công dân được sinh ra ngay dưới lòng địa đạo trong hai năm 1967-1968.

Đến địa đạo Vịnh Mốc hôm nay, nhìn những vườn cao su và hồ tiêu xanh mướt trên mảnh đất bazan màu mỡ, nhìn cảnh sắc biển trời mây non nước hiền hoà ấy, ít ai tưởng tượng được rằng hơn ba thập kỷ trước, ở nơi đây đã từng là một pháo đài thép của miền Bắc XHCN trong suốt bảy năm liền (1966 - 1972) chống lại cuộc chiến tranh phá hoại khốc liệt của đế quốc Mỹ. Vịnh Mốc không chỉ là địa đầu miền Bắc mà còn là địa điểm thuận lợi cho việc tập kết lương thực, vũ khí tiếp tế cho đảo Côn Cỏ, hòn đảo có vị trí quan trọng cho việc án ngữ vùng biển Vĩnh Linh (cách Vịnh Mốc 28km). Chính vì vậy, Mỹ đã trút hàng vạn tấn bom đạn xuống vùng đất này. Kẻ xâm lược tuyên bố : "Phải biến đất này trở về thời kỳ đồ đá!". Một cuộc chiến tranh huỷ diệt được tiến hành vì mục tiêu "Phải kéo được biên giới Hoa Kỳ đến tận vĩ tuyến 17 - ranh giới giữa hai bên bờ cầu Hiền Lương". Người ta ước tính rằng, trong một ngày, một người dân ở đây phải hứng chịu số bom đạn tương đương 500 quả đạn pháo hạng nặng.

Năm 1976, Bộ Văn hoá - Thông tin đã công nhận làng địa đạo Vịnh Mốc là di tích quốc gia và đưa vào danh mục các di tích đặc biệt quan trọng. Để đảm bảo an toàn cho du khách, Chính quyền địa phương đã cho tôn tạo, tu bổ, gia cố bằng bê tông các đoạn hầm bị sứt lở; mắc điện ở các lối đi trong địa đạo.

*Nghĩa trang liệt sĩ Trường Sơn*

Đây là nghĩa trang liệt sĩ quốc gia lớn nhất, được xây dựng tại đồi Bến Tắt, thuộc địa phận xã Vĩnh Trường, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị, cách thị xã Đông Hà khoảng 38km về phía tây bắc, quy tập phần mộ các thanh niên xung phong, bộ đội, dân công hỏa tuyến..., những người đã xây dựng và chiến đấu bảo vệ đường mòn Hồ

Chí Minh huyền thoại trong suốt thời kỳ kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Được xây dựng từ ngày 24/10/1975 và hoàn thành ngày 10/4/1977, nghĩa trang liệt sĩ Trường Sơn có tổng diện tích 106ha, trong đó 46ha đặt 10.327 ngôi mộ liệt sĩ chia làm 5 khu. Khu trung tâm nằm trên một ngọn đồi cao 32,4m có đài tưởng niệm bằng đá trắng cao vút uy nghiêm, rộng ruột và khuyết ba mặt, thể hiện nỗi mất mát vô cùng. Bốn khu đặt mộ liệt sĩ được xếp theo tỉnh, thành phố trải trên năm quả đồi. Xen kẽ các khu mộ là những cánh rừng. Lối đi được lát đá, gạch hoặc tráng xi măng, hoa nở bốn mùa hai bên. Mỗi khu đều có nhà tưởng niệm với kiến trúc phẳng phât hình ảnh các vùng quê đất nước.

Hàng năm nghĩa trang đón khoảng 20.000 lượt người trong nước đến viếng mộ liệt sĩ. Nhiều đoàn khách nước ngoài đã vượt hàng vạn dặm đến với nghĩa trang liệt sĩ Trường Sơn.

### *Thành cổ Quảng Trị*

*Thành cổ Quảng Trị* vừa là thành lũy quân sự, vừa là trụ sở hành chính của nhà Nguyễn trên đất Quảng Trị từ năm 1809 đến năm 1945, thuộc Phường 2, thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị, cách quốc lộ 1A 2km về phía đông.

Thành cổ Quảng Trị được xây dựng và đắp bằng đất từ đầu thời vua Gia Long (1802) tại làng Tiền Kiên, xã Triệu Thành, huyện Triệu Phong. Đến năm 1809, vua Gia Long cho dời thành đến xã Thạch Hãn (nay là phường 2, thị xã Quảng Trị). Năm 1837, vua Minh Mạng đã cho xây lại thành bằng gạch nung cỡ lớn, kết dính bởi vôi, mật mía và một số phụ gia khác. Thành có dạng hình vuông với chu vi gần 2.000m, cao 9,4m, chân thành dày 12m. Bao quanh tường thành là hệ thống giao thông hào rộng. Bốn góc thành có 4 pháo đài cao, chính giữa 4 mặt thành là các cửa: Tiền, Hậu, Tả, Hữu, mỗi cửa rộng 3,4m, được xây theo kiểu vòm cuốn, phía trên có vọng lâu, mái cong, lợp ngói. Trong nội thành có các công trình kiến trúc như: hành cung, dinh Tuần Vũ, cột cờ, dinh An Sát, dinh Lãnh Binh, Ty Phiên, Ty Niết... Trong thời kỳ chiến tranh, thực dân Pháp và đế quốc Mỹ đã biến thành cổ Quảng Trị thành khu quân sự và nhà lao giam giữ các chiến sĩ cộng sản yêu nước. Nơi đây đã từng chứng kiến nhiều cuộc chiến đấu ngoan cường của quân và dân ta, tiêu biểu là trận đánh của Quân Giải phóng miền Nam Việt Nam chống lại các đợt phản kích tái chiếm thành cổ Quảng Trị của ngụy quyền Sài Gòn trong suốt 81 ngày đêm mùa hè năm 1972 (từ 28/6 đến 16/9/1972). Trải qua sự tàn phá khốc liệt của chiến tranh, thành cổ chỉ còn lại dấu vết của một số đoạn thành, lao xá, cổng Tiền và cổng Hậu.

Từ năm 1993-1995, hệ thống hào, cầu, cổng, một số đoạn thành và cổng Tiền đã được tu sửa lại. Đặc biệt, một đài tưởng niệm lớn đã được xây dựng ở chính giữa thành cổ nhằm ghi nhớ công lao của những chiến sĩ giải phóng đã hi sinh vì sự bình yên của mảnh đất này. Góc phía tây nam thành là bảo tàng lưu giữ rất nhiều chứng tích chiến tranh. Ngày 12/12/1986, thành cổ Quảng Trị đã được Bộ Văn hóa – Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) xếp hạng là Di tích lịch sử cấp Quốc gia. Hiện nay, thành cổ Quảng Trị đã trở thành điểm đến thu hút nhiều du khách trong nước và quốc tế đến tham quan.

### *Đảo Cồn Cỏ*

Từ bãi biển Cửa Tùng thuộc huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị nhìn ra phía tây ta sẽ thấy một hòn đảo xanh lam nổi lên giữa biển như một chiến hạm đang trấn giữ ngoài khơi; đó chính là đảo Cồn Cỏ, còn có tên gọi khác là đảo Con Hồ, đảo Hòn Mệ. Đặc điểm: Đảo Cồn Cỏ cách bờ biển Vĩnh Linh khoảng 30km. Đảo như một tiền đồn giữa vĩ tuyến 17 trấn giữ phía đông Tổ quốc. Không chỉ là hòn đảo nổi tiếng kiên cường trong chiến tranh chống Mỹ, Cồn Cỏ còn là một trong những hòn đảo đẹp hiếm có của miền Trung. Từ đảo Cồn Cỏ nhìn về phía tây ta sẽ thấy rõ màu xanh của rừng dương ven biển Cửa Tùng và bãi cát trắng phau trước thềm địa đạo Vịnh Mốc. Phía tây nam là một dải bờ nam sông Bến Hải, xa nữa là dãy Trường Sơn tím nhạt chạy dài. Chính nhờ vị trí đó mà Cồn Cỏ giữ một ý nghĩa chiến lược cực kỳ quan trọng trong cuộc đọ đầu lịch sử khi đất nước ta còn chia cắt hai miền Nam- Bắc.

Đảo Cồn Cỏ có hình dạng tương đối tròn, diện tích khoảng 4km<sup>2</sup>, chu vi 8km, độ cao từ 5- 30m so với mặt nước biển, riêng giữa đảo có một đỉnh đồi nhô lên với chiều cao 63m. Tuy chỉ cách đất liền chưa đến 30km, nhưng với các phương tiện thông thường đã không thể

ra đảo được khi gặp gió cấp 6 trở lên. Ấy vậy mà trong những năm đánh Mỹ, hàng trăm chiến sĩ tự vệ của Vĩnh Linh đã quên cả hiểm nguy, bằng phương tiện thô sơ đã chở vũ khí, lương thực từ đất liền ra tiếp tế cho đảo. Rất nhiều người trong số đó đã vĩnh viễn nằm lại biển khơi vì gió to sóng lớn hoặc vì bom đạn ác liệt của kẻ thù. Thực vật trên đảo khá phong phú, đảo nhỏ nhưng vẫn có rừng, có đồi tranh rậm rạp chiếm 3/4 diện tích đảo. Rừng trên đảo có những loài cây lạ mà trong đất liền không có; có cây thân cao vắn vèo nhiều đốt; có cây thân thẳng, da nhẵn như cây ổi nhưng rất to cao, gỗ cứng và nặng, khi bị xây xát nhựa chảy ra có màu đỏ như máu nên gọi là cây “dầu máu”. Lại có loài khoai dại, lá to hơn cả lá chuối, góp phần giúp người che nắng, che mưa. Trên đảo còn có cả những rừng bàng, vào mùa thu, lá bàng đỏ ối cả một vùng như điểm tô cho đảo. Các giống cây ăn trái được thì có đu đủ, chuối, dứa da... Giống nào cũng xanh tốt, vừa cung cấp thực phẩm cho lính đảo, vừa làm nơi trú ngụ cho chim trời về góp vui với họ. Để làm phong phú thêm cảnh vật, môi trường trên đảo và cung cấp thêm nguồn thực phẩm cho đảo, năm 1989, Tỉnh đoàn Quảng Trị đã đem 4.000 cây dứa, tương đương cho 4.000 năm dựng nước và giữ nước ra trồng trên đảo. Đến nay, dứa đã xanh tốt và cho trái. Với tinh thần tự lực tự cường, các chiến sĩ canh giữ đảo còn trồng thêm rất nhiều loại rau, hoa và cây cảnh, mùa nào thức nấy, làm cho bộ mặt của đảo ngày càng thêm tươi đẹp. Thế giới động vật trên đảo tuy không nhiều về chủng loại nhưng cũng khá độc đáo. Trên trời thì có chim cu cườm, chim én thay nhau gửi đến con người những tín hiệu bình yên. Dưới đất thì có loài rắn lục xanh nhỏ nhưng rất độc, có thể dùng làm thuốc. Nhưng nổi tiếng nhất vẫn là loài cua đá to gần bằng bàn tay, là nguồn thực phẩm dồi dào và quan trọng trên đảo. Ngoài biển thì có giống rắn biển, còn gọi là con đên, dài khoảng một sải tay, độc không kém rắn lục, rượu ngâm đên là loại thuốc chữa đau lưng, nhức mỏi rất được nhiều người ưa chuộng. Dưới biển thì có hải sâm đen, trắng to bằng ngón chân cái, dài bằng gang tay, vừa là vị thuốc quý, vừa là món ăn cao cấp, được xếp ngang với yến sào. Ngoài ra, ở bờ biển Cồn Cỏ còn có loài ốc nón, luộc ăn rất ngon, vỏ ốc có thể tận dụng làm đồ trang sức, mỹ nghệ...

Cảnh quan trên đảo cũng luôn được cải tạo. Từ một hòn đảo nhỏ bị bom đạn cày xới không thương tiếc, đến nay đã có rất nhiều ngôi nhà khang trang, có sân chơi thể thao, có đường cấp phối. Từ đảo có thể liên lạc dễ dàng với đất liền bằng điện thoại. Các hạng mục hạ tầng cơ sở trên đảo đã và đang từng bước được hoàn thiện, đáng chú ý nhất là công trình bến đậu- âu tàu.

Trong thời gian tới, đảo Cồn Cỏ sẽ đón nhận những công dân đầu tiên từ đất liền ra định cư lập nghiệp để xây dựng Cồn Cỏ thành đảo Thanh niên- huyện đảo của tỉnh Quảng Trị. Cồn Cỏ đã và đang là một hòn đảo trù phú, một điểm du lịch hấp dẫn du khách gần xa.

### *Sông Bến Hải và cầu Hiền Lương*

Cây cầu Hiền Lương chia cắt đôi bờ sông Bến Hải, đã trở thành một chứng tích lịch sử về công cuộc kháng chiến vinh quang, hào hùng nhưng đầy gian khó của nhân dân Việt Nam, bắc qua sông Bến Hải thuộc huyện Vĩnh Linh. Sông Bến Hải đoạn trên thượng nguồn có tên là sông Rào Thanh, bắt nguồn từ dãy Trường Sơn chảy đến Cửa Tùng dài khoảng 100km. Lòng sông nơi rộng nhất khoảng 200m, tại vị trí cầu Hiền Lương rộng 170m. Đầu tiên cầu Hiền Lương được xây dựng bằng gỗ dành cho người đi bộ vào năm 1928. Sau nhiều lần sửa chữa nâng cấp, năm 1952, Pháp xây lại cầu bằng bê tông cốt thép gồm 7 nhịp và mặt cầu được lát bằng 894 miếng ván gỗ thông với chiều dài 178m. Theo Hiệp định Geneve 1954 về Việt Nam: sông Bến Hải và vĩ tuyến 17 được chọn làm giới tuyến quân sự tạm thời và cầu Hiền Lương bắc qua sông cũng chia làm hai nửa. Cho đến đại thắng mùa



Xuân 1975, đất nước hoàn toàn thống nhất, giới tuyến này chính thức bị xóa và đến năm 1995, Bộ Giao thông Vận tải quyết định nâng cấp Quốc lộ 1A, xây lại cầu mới ngay trên tuyến cầu cũ với vốn đầu tư gồm 40 tỷ đồng.

#### *Thắng cảnh Đakrông*

Là tên gọi chung cho một khu vực có khung cảnh thiên nhiên hùng vĩ, trữ tình của vùng núi phía tây Quảng Trị, thuộc huyện Đakrông. Khu danh thắng này có sông Đakrông xinh đẹp ẩn dấu trong mình những huyền thoại đầy chất sử thi và nhân văn, có cầu Đakrông duyên dáng giữa ngút ngàn trời mây, sông nước, núi rừng và có mỏ nước khoáng tự nhiên quý giá. Nơi đây còn là một điểm nút quan trọng của tuyến đường Hồ Chí Minh và quốc lộ số 9, con đường xuyên Á qua cửa khẩu quốc tế Lao Bảo - Đen Sa Vẳn.

#### *Bãi biển Cửa Tùng*

Biển Cửa Tùng hấp dẫn du khách với bãi biển đẹp, cát trắng, phẳng mịn, thuộc huyện Vĩnh Linh cùng các địa danh lịch sử như Vĩ tuyến 17, Cầu Hiền Lương, sông Bến Hải, Nghĩa trang liệt sĩ Trường Sơn... ở gần đó.

Cửa Tùng không chỉ là một địa danh lịch sử đơn thuần mà còn là một điểm du lịch nổi tiếng. Bãi biển Cửa Tùng đẹp, cát trắng phau, phẳng mịn, dịu dàng đón những cái hôn ngọt ngào của trời nước bao la. Nơi đây có tám mũi đất Badan đỏ au như ráng chiều cùng chạy xô ra biển, tạo thành một chiếc lược đồi mỗi khi vĩ, ngàn đồi chải mượt triệu lớp sóng xanh. Ngoài khơi xa, đảo Cồn Cỏ như một con rùa vàng ngoi lên khỏi mặt nước tím biếc gọi cho ta bao ý tưởng về huyền thoại thừa hoang sơ. Ở vào vị trí ấy, cửa Tùng có thể ví như "Nữ hoàng" tựa lưng vào làng biển Vĩnh Quang bốn mùa rợp xanh bóng mát tiêu chè và rừng phi lao rì rào trong gió. Vào những mùa hè khi cơn gió Lào thổi vào nóng hầm hập, khô khốc qua đồi đất miền Trung thì cửa Tùng thật sự là "Nữ hoàng giàu sang" với những chiếc áo choàng sắc sỡ đủ màu và một cơ thể trong lành tươi trẻ hấp dẫn không thua kém Sầm Sơn, Non Nước, Nha Trang hay Vũng Tàu. Cửa Tùng còn hấp dẫn du khách bởi lẽ - đến với cửa Tùng là đến với vĩ tuyến 17, Cầu Hiền Lương, sông Bến Hải, nghĩa trang liệt sĩ Trường Sơn, địa đạo Vịnh Mốc, đảo Cồn Cỏ anh hùng... Những cái tên lịch sử ghi dấu một chuỗi thời gian dài gian khổ và hào hùng của dân tộc để xóa đi ranh giới ngăn cách đất nước cho Bắc Nam sum họp một nhà. Những địa danh đó nay trở thành một quần thể du lịch độc đáo, biển Cửa Tùng thực sự trở thành đúng nghĩa với chiếc vương miện Nữ hoàng mà người đời ban tặng.

#### **6.2.6. Tuyến điểm du lịch nội vùng tỉnh Thừa Thiên Huế**

Tỉnh Thừa Thiên Huế có diện tích là 5.062,6 km<sup>2</sup>, dân số là 1.090,9 nghìn người (2010). Trung tâm hành chính của tỉnh là Thành phố Huế, 2 thị xã Hương Thủy, Hương Trà, và các huyện là Phong Điền, Quảng Điền, Phú Vang, Phú Lộc, Nam Đông, A Lưới. Bình Thuận có một nền văn hóa đa dạng và lâu đời của nhiều dân tộc Việt (Kinh), Tà Ôi, Cơ Tu, Bru Vân Kiều, Hoa.

*Điều kiện tự nhiên:* Thừa Thiên-Huế là một tỉnh nằm ở miền Trung Việt Nam, phía bắc giáp tỉnh Quảng Trị, phía nam giáp Tp. Đà Nẵng, tây nam giáp tỉnh Quảng Nam, phía tây dựa vào dãy Trường Sơn hùng vĩ và cũng là biên giới Việt-Lào, phía đông trông ra biển. Huế là một ngoại lệ về khí hậu so với Bắc và Nam. Nơi đây khí hậu khắc nghiệt và có sự khác nhau giữa các vùng trong tỉnh. Vùng duyên hải, đồng bằng của tỉnh có hai mùa rõ rệt: mùa khô từ tháng 3 đến tháng 8, trời nóng oi bức, có khi lên tới 39,9°C. Từ tháng 8 đến tháng 1 ở Huế là mùa mưa, bão lụt nhiệt độ thường là 19,7°C, có khi lạnh nhất 8,8°C. Vào

mùa này thường có những đợt mưa suốt ngày, có khi kéo dài cả tuần lễ. Vùng núi mưa nhiều, khí hậu mát, nhiệt độ thấp nhất 9°C, cao nhất 29°C. Du khách muốn đi du lịch ở Huế nên chọn đi vào mùa khô để có thể thăm thú được nhiều nơi. Giao thông đường bộ, đường sắt, đường hàng không, đường thủy đều thuận lợi. Thừa Thiên-Huế cách Hà Nội 654km, Tp. Hồ Chí Minh 1.051km, Đà Nẵng 85km. Tỉnh có sân bay Phú Bài nằm cạnh quốc lộ 1A và đường sắt xuyên Việt chạy qua tỉnh. Tuy nhiên mùa mưa ở Huế cũng có những nét thú vị riêng của nó. Bạn có thể cùng nhau đi dưới mưa cảm nhận cái không cùng của trời đất, những thi vị của tình yêu, cuộc sống. Hay vào những nhà hàng đặc sản, quán ăn bình dân thưởng thức những vị cay của món ăn Huế. Bởi điều đặc biệt và rất riêng của mưa Huế là mưa phùn, mưa kéo dài có khi suốt cả mấy tuần liền. Nếu bạn muốn trốn mưa Huế thì chỉ cần vào Đà Nẵng, phía Nam Huế khoảng 100km thì có thể bắt gặp lại sự ấm nóng bởi những tia nắng của mặt trời. Tuy vậy, trong mùa này, giữa những đợt mưa cũng có những ngày trời trong xanh tuyệt đẹp.

*Tiềm năng phát triển du lịch:* Huế là một trong những vùng có nhiều di sản văn hoá. Đến nay, không còn một vùng nào có một số lượng lớn các di tích mà những di tích này vẫn giữ được hình dạng vốn có của nó như ở cố đô này. Bờ phía Bắc của sông Hương là một di tích gồm những lầu đài được xây dựng theo kiểu phòng thủ tạo thành một đường vòng cung dài 11km. Công trình quý giá này gồm hơn 100 tác phẩm kiến trúc, đã thực sự phản ánh được cuộc sống của vua quan nhà Nguyễn. Giữa những quả đồi ở bờ Nam sông Hương là những lăng tẩm rất đẹp của các vua Nguyễn. Trong số đó nổi tiếng nhất là bốn lăng tẩm mà mỗi lăng được biết đến với cái tên phù hợp với tính cách của mỗi vua và kiểu kiến trúc của mỗi lăng. Đó là lăng Gia Long uy nghi, lăng Minh Mạng oai phong, lăng Tự Đức thơ mộng và lăng Khải Định tráng lệ.

Huế đồng thời còn là một trung tâm quan trọng của Đạo Phật. Ở Huế và những vùng lân cận vẫn còn tồn tại hàng chục chùa đã được xây dựng cách đây trên 300 năm và hàng trăm đền, chùa được xây dựng đầu thế kỷ 20. Ngoài ra, Huế còn được xem như là nơi bắt nguồn của nhạc cung đình, là nơi có nhiều món ăn truyền thống nổi tiếng và nghề thủ công tinh xảo. Là thành phố duy nhất trong nước vẫn còn giữ được dáng vẻ của một thành phố thời phong kiến và nguyên vẹn kiến trúc của một nền quân chủ. Huế đã trở thành một bảo tàng lớn và vô giá. Chính vì vậy, chính phủ đã xếp hạng các di tích ở cố đô Huế như là một tài sản vô cùng quý giá. Tháng 12/1993 quần thể các di tích văn hóa cố đô Huế đã được UNESCO xếp hạng là di sản văn hóa thế giới. Đến tháng 11/2003, UNESCO công nhận nhã nhạc Huế là di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại.

### **Các điểm tham quan du lịch nội tỉnh Thừa Thiên Huế**

#### *Huế - Di sản văn hoá Thế giới*

Tại phiên họp lần thứ 17 của Ủy ban Di sản thế giới (DSTG) từ ngày 6 đến 11/12/1993, UNESCO đã quyết định công nhận quần thể Di tích Huế là tài sản văn hoá chung của nhân loại. Ngày 2/8/1994, lễ trao văn bản công nhận đã được tổ chức trọng thể tại Hoàng cung Huế. Một sự kiện trọng đại trong lịch sử văn hoá Việt Nam, tài sản đầu tiên của Việt Nam được ghi tên vào danh mục Di sản thế giới, khẳng định giá trị mang tính toàn cầu của quần thể di tích Huế. Trong biên bản phiên họp lần thứ 17, Ủy ban Di sản Thế giới đã ghi về di sản Cố đô Huế như sau: “Quần thể Di tích Huế là kinh đô của nước Việt Nam thống nhất được xây dựng vào đầu thế kỷ 19. Nó kết hợp triết lý Đông Phương và truyền thống Việt Nam. Được hoà quyện vào môi trường thiên nhiên, vẻ đẹp và sự phong phú đặc biệt của kiến trúc và trang trí ở các toà nhà là một phản ánh độc đáo của đế chế Việt Nam

ngày xưa vào thời cực thịnh của nó”. Quần thể Di tích Huế trở thành Di sản Văn hoá Thế giới đã góp phần tích cực và xứng đáng trong việc đem lại vận hội mới cho ngành du lịch Thừa Thiên Huế nói riêng và du lịch Việt Nam nói chung. Sức hấp dẫn của một công trình đầu được ca ngợi bằng bao ngôn từ đẹp đẽ cũng không thể thay thế cho một lần đến chiêm ngưỡng. Bạn hãy một lần đến Huế để được tận mắt chứng kiến thành quả lao động của con người trên từng chi tiết chạm khắc hay những công trình đồ sộ đứng đó với thời gian hàng trăm năm...

*Kỳ Đài Huế:* Kỳ đài hay còn gọi là cột cờ được xây dựng vào năm Gia Long thứ 6 (1807), cùng thời gian xây dựng Kinh thành Huế. Đến thời Vua Minh Mạng, Kỳ đài được tu sửa vào các năm 1829, 1831 và 1840. Là một di tích kiến trúc thời Nguyễn, thuộc quần thể di tích Cố đô Huế, nằm ở chính giữa mặt phía nam của Kinh thành Huế, thuộc phường Thuận Thành, TP. Huế, tỉnh Thừa Thiên - Huế. Cùng với những thăng trầm của Kinh thành Huế, Kỳ đài là nơi chứng kiến nhiều sự kiện lịch sử quan trọng của đất nước. Thời Nguyễn, trong tất cả các dịp lễ tiết, châu mừng, tuần du hay cấp báo, Kỳ đài đều có hiệu cờ thông báo. Ngày 30/8/1945, trong lễ thoái vị của vua Bảo Đại, lá cờ đỏ sao vàng của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được kéo lên, kết thúc sự tồn tại của chế độ phong kiến Việt Nam.

Kỳ đài có hai phần: đài cờ và cột cờ. Đài cờ gồm ba tầng hình chóp cụt chữ nhật chồng lên nhau với chiều cao khoảng 17,5m. Tầng thứ nhất cao hơn 5,5m, tầng giữa và tầng trên cùng đều cao khoảng 6m. Ở phía trái Kỳ đài có một lối đi nhỏ để lên các tầng. Tầng giữa có một cửa vòm rộng 4m, tầng trên cùng có một cửa vòm rộng 2m. Mỗi tầng đều được xây lan can cao 1m, trang trí bằng gạch hoa đúc rỗng. Nền của ba tầng lát gạch vuông và gạch vờ Bát Tràng, có hệ thống thoát nước mưa xuống dưới. Cột cờ được dựng ở vị trí chính giữa tầng cao nhất của đài cờ. Cột cờ xưa được làm bằng gỗ, cao gần 30m. Năm 1904, do bị bão đánh gãy, cột cờ được đúc lại bằng gang và đến năm 1948, được dựng lại bằng bê-tông cốt sắt sau khi bị thực dân Pháp bắn gãy vào năm 1947. Cùng với Kinh thành Huế, Kỳ Đài luôn là điểm di tích thu hút đông đảo khách du lịch trong nước và quốc tế đến tham quan hàng năm.

### *Kinh thành Huế*

Kinh thành Huế nằm ở bờ bắc sông Hương và thuộc địa phận Tp. Huế, tỉnh Thừa Thiên - Huế. Kinh thành Huế được xây dựng theo kiến trúc của phương Tây kết hợp một cách tài tình với kiến trúc thành quách phương Đông. Huế từ xa xưa đã được các chúa Nguyễn chọn làm thủ phủ của xứ "*Đàng Trong*" và chính thức trở thành kinh đô dưới triều Tây Sơn. Trong gần 4 thế kỷ, Huế đã trở thành một quần thể di tích kiến trúc và thắng cảnh vĩ đại, tổng thể di tích này đã được UNESCO công nhận là di sản văn hoá thế giới.

*Kinh Thành Huế:* Do vua Gia Long xây dựng từ năm 1805 và sau này được vua Minh Mạng tiếp tục hoàn thành vào năm 1832. Tại đó các vua triều Nguyễn đã cho xây dựng khá nhiều thành quách, cung điện và các công trình của hoàng gia. Trải qua gần 200 năm khu kinh thành hiện nay còn hầu như nguyên vẹn với gần 140 công trình xây dựng lớn nhỏ. tổng thể kiến trúc của Cố đô Huế được xây dựng trên một mặt bằng diện tích hơn 500ha và được giới hạn bởi 3 vòng thành theo thứ tự ngoài lớn, trong nhỏ: Kinh Thành, Hoàng Thành và Tử Cấm Thành. Tổng thể kiến trúc này dùng núi Ngự Bình làm tiền án và dùng hai hòn đảo nhỏ trên sông Hương là Cồn Hến và Dã Viên làm 2 yếu tố phong thủy rồng châu hổ phục (*Tả Thanh Long, Hữu Bạch Hổ*) để bảo vệ Cố đô.

Kinh thành hình vuông với chu vi 10km, cao 6,6m, dày 21m, gồm có 10 cửa để ra vào. Xung quanh và ngay trên thành có thiết lập 24 pháo đài để phòng thủ. Ngoài ra còn có một cửa phụ thông với Trấn Bình Đài gọi là Thái Bình Môn.

*Hoàng Thành (Đại Nội):* Nằm ở khoảng giữa kinh thành là nơi đặt các cơ quan cao nhất của chế độ quân chủ và là nơi thờ tự các vua chúa đã quá cố. Hoàng Thành có mặt bằng gần vuông, mỗi bề khoảng 600m, xây bằng gạch, cao 4m, dày 1m, xung quanh có hào bảo vệ, có 4 cửa để ra vào, riêng Ngọ Môn chỉ dành để cho vua đi. Đại Nội gồm có hơn 100 công trình kiến trúc đẹp được chia ra nhiều khu vực:

- Từ Ngọ Môn đến Điện Thái Hoà: nơi cử hành các lễ lớn của triều đình.
- Triệu Miếu, Thái Miếu, Hưng Miếu, Thế Miếu và Điện Phụng Tiên: nơi thờ các vua chúa nhà Nguyễn.

- Phủ Nội Vụ: nhà kho tàng trữ đồ quý, xưởng chế tạo đồ dùng cho hoàng gia.

- Vườn Cơ Hạ và Điện Khâm Văn: nơi các hoàng tử học tập và chơi đùa.

*Từ Cấm Thành:* là vòng thành nằm trong Hoàng Thành ngay sau lưng Điện Thái Hoà. Từ Cấm Thành dành riêng cho vua và gia đình vua. Từ Cấm Thành được xây dựng năm 1804. Thành cao 3,72m xây bằng gạch, dày 0,72m, chu vi khoảng 1.230m, phía trước và phía sau dài 324m, trái và phải hơn 290m, bao gồm gần 50 công trình kiến trúc lớn nhỏ và có 7 cửa ra vào. Đại Cung Môn là cửa chính ở mặt tiền chỉ dành cho vua đi vào. Cần Chánh (nơi vua làm việc hàng ngày). Cần Thành (nơi vua ở), Cung Khôn Thái (chỗ ở của Hoàng Quý Phi). Duyệt Thị Đường (nhà hát), Thượng Thiện (nơi nấu ăn cho vua), Thái Bình Lâu (nơi vua đọc sách)...

Ngoài ra Huế còn nổi tiếng bởi khu lăng tẩm của các vua nhà Nguyễn. Bảy lăng, mỗi lăng mang một sắc thái riêng nhưng đều là những kỳ công tạo tác của con người phối hợp với cảnh trí thiên nhiên hùng vĩ tươi đẹp và thơ mộng của xứ Huế.

Cố đô Huế với sông Hương, núi Ngự và các cung điện lâu đài, lăng tẩm, đền, miếu, chùa chiền đã có hàng mấy trăm năm lịch sử giờ đây đang được nhân dân Việt Nam cùng cộng đồng Quốc tế đóng góp công sức và tiền của để tôn tạo tu bổ giữ cho kiến trúc cố đô Huế mãi mãi là di sản văn hoá của nhân loại.

#### *Điện Thái Hoà và sân Đại Triều Nghi*

Điện Thái Hoà xây dựng năm 1805 đời Gia Long; năm 1806, Gia Long chính thức tổ chức lễ đăng quang tại điện này, là trung tâm quan trọng nhất của kinh thành, tại đây tổ chức các buổi lễ đại triều, nằm ngay trên đường xuyên tâm Hoàng Thành nhìn thẳng ra cửa Ngọ Môn trong kinh thành Huế. Năm 1833, vua Minh Mạng xây dựng Điện Thái Hoà ở chỗ hiện nay trên một nền cao 2,32m, toà điện dài 44m, sâu 30,5m, cao 11,8m, chính tịch 5 gian, hai chái, tiền tịch 7 gian hai chái, hai nếp nhà ghép lại với nhau, cột sơn son, vẽ rồng vàng, giữa bờ nóc gắn mảnh sứ nhiều màu, mái lợp ngói Hoàng Lưu Ly. Ở gian chính giữa có treo một bức hoành khắc đại tự “Thái Hòa Điện”, phía trong là ngai vàng để trên bệ ba tầng, phía trên trần rủ xuống một cái bửu tán thiếp vàng, thêu hình viên long. Trên trần mỗi lồng căn có treo lồng đèn gương hình lục giác, bát giác, các cạnh đính gương ngũ sắc. Năm 1839, vua Minh Mạng cho sơn son thiếp vàng bộ tuồng gỗ điện làm tăng thêm phần huy hoàng cho ngôi điện lịch sử này. Năm 1899, vua Thành Thái cho lát gạch hoa theo kiểu Tây phương. Năm 1923, Khải Định cho làm hai lớp gương ở phía trước và phía sau. (Nguyên thủy Điện Thái Hoà để trống, chỉ có những bức sáo che).

Trong điện có trang hoàng một số ché và đồ xưa. Trước sân đặt một hàng đôn bằng đá chạm, trên mỗi đôn có một cái thống lớn trồng cây cảnh rất quý. Những người xây dựng

Điện Thái Hoà đã tạo được hai nét đặc sắc: mùa hè vào điện thấy mát, mùa đông thì trái lại, rất ấm. Ngồi trên ngai ở trung tâm nghe rất rõ những tiếng nói từ các nơi trong điện.

Sân rộng trước điện gọi là sân Đại Triều Nghi, lát đá Thanh, chia làm hai bậc: bậc trên dành cho các quan văn, quan võ án quan (từ Hàng tam phẩm trở lên chánh nhất phẩm). Hai bên sân có hai hàng trụ đá đề rõ phẩm trật để cho các quan xem đó mà sắp hàng cho thứ tự gọi là Phẩm Sơn.

Dưới cùng, gần cầu Trung Đạo còn một hàng nữa dành cho các kỳ cựu hương lão, thích lý đến châu trong những dịp khánh tiết. Hai góc sân có hai con Kỳ Lân bằng đồng thiếp vàng để trong lồng gương bằng gỗ sơn vàng. Hai con Kỳ Lân được trang trí ở hai góc sân có ý nghĩa là đời thái bình, đồng thời nó cũng là một biểu tượng nhắc nhở sự nghiêm chỉnh giữa chốn triều nghi.

Ngăn cách giữa cửa Ngọ Môn và sân Đại Triều Nghi là hồ Thái Dịch Đào năm 1833. Cầu Trung Đạo hai bên có lan can bắc qua hồ nối liền hai kiến trúc này với nhau. Ở hai đầu cầu Trung Đạo có dựng hai Phường Môn chạm nổi rồng năm móng (long vân đồng trụ), đường nét sắc sảo tinh vi. Tuy hai trụ bên đối xứng nhau nhưng một bên rồng vươn lên, một bên lao xuống vẫn tạo ra được sự sinh động hấp dẫn. Điện Thái Hoà là nơi tổ chức những lễ lớn của triều đình như lễ lên ngôi, lễ phong Hoàng Thái Tử, lễ tiếp đón sứ thần nước lớn, lễ Vạn Thọ... Mỗi tháng có hai lần thiết đại triều ở đây, thường triều chỉ tổ chức ở điện Cần Chánh sau Đại Cung Môn. Khi thiết triều, vua đội mũ cửu long, mặc hoàng bào, lưng đeo đai, tay cầm hốt trầm quế, chân đi hia, uy nghi ngồi trên ngai vàng, các quan tứ trụ và những hoàng thân, quốc thích được đứng hai bên trong điện, còn toàn bộ các quan đều sắp hàng đứng ở ngoài sân theo phẩm trật như đã nêu trên. Những buổi thiết đại triều thường tổ chức rất sớm, khi mặt trời lên thì thường đã xong.

#### *Cửu Đỉnh*

Cửu Đỉnh Cửu Đỉnh là chín cái đỉnh đồng lớn nhất Việt Nam đúc năm 1836 thời Minh Mạng, mỗi đỉnh có một tên riêng ứng với miếu hiệu của một vị hoàng đế thờ trong Thế Miếu, đặt dưới bóng Hiên Lâm Các, trước sân Thế Miếu ở phía tây nam Hoàng Thành, thuộc Tp. Huế, tỉnh Thừa Thiên - Huế. Cửu Đỉnh - chín cái đỉnh có những đặc điểm riêng:

Cao Đỉnh dành cho vua Thế Tổ Cao Hoàng Đế (tức Gia Long), Nhân Đỉnh dành cho Thánh Tổ Nhân Hoàng Đế (tức Minh Mạng), Chương Đỉnh, Anh Đỉnh, Nghi Đỉnh, Thuần Đỉnh, Tuyên Đỉnh dành cho các vua kế tiếp là Thiệu Trị, Tự Đức, Kiến Phúc, Đồng Khánh, Khải Định. Cho đến năm 1958 trong Thế Miếu chỉ có 7 án thờ nên mới dùng 7 đỉnh, còn hai đỉnh Dự và Huyền chưa dùng đến.

Mới nhìn 9 đỉnh hình như giống nhau, nhưng trong thực tế chúng đều khác nhau: khác nhau về trọng lượng, khác nhau về bộ chân, cũng như bộ quai ở trên. Nhưng cái khác nhau đặc biệt nhất là 17 hình chạm chung quanh mỗi đỉnh. Ứng với các án thờ bên trong Thế Miếu, Cửu Đỉnh từ hồi mới đúc xong đã được đặt vào chỗ như ta thấy hiện nay: Cao Đỉnh đứng giữa một mình ở hàng trước, các đỉnh khác đứng thẳng hàng ở phía sau theo vị trí cứ một cái bên trái thì đến một cái bên phải đối xứng nhau qua đỉnh trung tâm: Nhân Cương, Anh Nghi, Thuần Tuyên và Dĩ Huyền. Mười bảy hình chạm nổi chung quanh mỗi đỉnh gồm những gì tiêu biểu của đất nước từ Lạng Sơn xuống tận mũi Cà Mau và được qui lại trong các chủ đề: tinh tú, sông núi, biển cả, thuyền bè, xe cộ, các sản vật quý giá trên rừng, dưới biển của nước Việt Nam đầu thế kỷ 20. Minh Mạng đúc Cửu Đỉnh với mục đích tượng trưng đế quyền của dòng họ.

#### *Kích thước và khối lượng các đỉnh*

Tên	Cao toàn bộ	Chiều cao quai	Chân	Miệng	Nặng
Cao Đỉnh	2,50m	0,48m	1,05m	1,38m	2.601kg
Nhân Đỉnh	2,31m	0,42M	0,87m	1,36m	2.512kg
Chương Đỉnh	2,27m	0,41m	0,95m	1,35m	2.097kg
Anh Đỉnh	2,25m	0,42m	0,94m	1,37m	2.595kg
Nghi Đỉnh	2,31m	0,41m	0,89m	1,37m	2.575kg
Thuần Đỉnh	2,32m	0,42m	0,95m	1,36m	1.950kg
Tuyên Đỉnh	2,45m	0,54m	0,93m	1,37m	2.066kg
Dũ Đỉnh	2,34m	0,43m	0,96m	1,38m	2.018kg
Huyền Đỉnh	2,31m	0,41m	0,95m	1,41m	1.935kg

### *Cửu vị thần công*

Cửu vị thần công là chín khẩu súng thờ, tượng trưng cho những vị thần linh bảo vệ kinh thành, được đặt gần cửa Thẻ Nhơn và cửa Quảng Đức bên trong kinh thành Huế. Ngày 31/01/1803, Gia Long hạ lệnh thu hết tất cả đồ dùng bằng đồng của triều đại Tây Sơn đúc thành 9 khẩu súng. Đến cuối tháng Giêng năm 1804 thì công việc đúc hoàn thành. Người ta lấy tên bốn mùa: Xuân, Hạ, Thu, Đông và ngũ hành: Kim, Mộc, Thủy, Hoả, Thổ để đặt tên cho 9 khẩu súng. Tất cả chín khẩu đều được phong "Thần Oai vô địch thượng tướng quân". Mỗi khẩu dài 5,1m, nặng trên 10 tấn.

Thân súng chạm trổ tỉ mỉ, khắc danh hiệu, vị thứ, trọng lượng, cách dùng súng, bài ký về việc tranh chấp với Tây Sơn cùng việc thu đồng đúc súng. Chín khẩu súng này chưa hề dùng trong trận mạc, chúng chỉ có tính cách tượng trưng, xem như những vị thần linh bảo vệ kinh thành. Lúc mới đúc xong, Cửu vị thần công được đặt dưới chân Hoàng Thành, trước cửa Ngọ Môn. Đến đời Khải Định mới dời ra vị trí như ta thấy hiện nay.

### *Lăng Đồng Khánh*

Lăng Đồng Khánh được xây dựng trong 4 đời vua (1888 - 1923), được xây dựng trên vùng đất thuộc làng Cư Sĩ, nay là thôn Thượng Hai, xã Thủy Xuân, Tp. Huế. Vua Đồng Khánh tên là Nguyễn Phúc Ưng Đường, con trai cả của Kiên Thái Vương Nguyễn Phúc Hồng Cai (1845 - 1876). Đồng Khánh là anh trai cả của hai vị vua Kiến Phúc (1883 - 1884) và Hàm Nghi (1884 - 1885). Tháng 7/1885, khi Hàm Nghi rời kinh thành phát chiếu Cần Vương kháng Pháp, triều thần và chính phủ bảo hộ đưa Ưng Đường vào ngai vàng đang để trống, lấy niên hiệu là Đồng Khánh. Đồng Khánh làm vua được 3 năm (1886 - 1889) thì băng hà vào giữa tuổi 25.

Sau khi lên ngôi tháng 2/1888, Đồng Khánh cho xây dựng ở bên cạnh lăng mộ vua cha ngôi điện đặt tên Truy Tư để thờ cúng cha. Công việc đang triển khai thì vua Đồng

Khánh mắc bệnh đột ngột và qua đời. Vua Thành Thái lên kế vị và cho đổi điện Truy Tu thành Ngung Hy để thờ vua Đồng Khánh. Thi hài nhà vua được mai táng đơn giản trên quả đồi có tên là Hộ Thuận Sơn, cách Điện Ngung Hy 30m về phía tây. Toàn bộ khu lăng tâm được gọi là Tu Lăng, chịu ảnh hưởng của kiến trúc Tây Âu. Năm 1916, Khải Định - con trai của Đồng Khánh lên ngôi, cho tu sửa điện thờ, xây cất lăng mộ cho cha mình và cho đến tháng 7/1917, mới xong phần cơ bản và đến năm 1923 thì hoàn tất. Quá trình xây dựng lăng Đồng Khánh diễn ra trong 4 đời vua (1888 - 1923), vì vậy lăng Đồng Khánh mang dấu ấn hai trường phái kiến trúc của hai thời điểm lịch sử khác nhau.

Khu tâm điện: các công trình vẫn mang lối kiến trúc xưa, lối kiến trúc “Trùng Thiềm Điệp Ốc” (Nhà có nhiều bộ mái nối tiếp nhau). Chính điện và các nhà cửa phụ thuộc, vẫn là những hàng cột sơn son thếp vàng lồng lẩy với trang trí tứ linh, tứ quý,...Điện Ngung Hy có 24 đồ bản vẽ các bức tranh trong điện tích “Nhị thập tứ hiếu”, kể về những tấm gương hiếu thảo ở Trung Hoa. Trên các cỗ diêm, bờ nóc, bờ quyết của Điện Ngung Hy xuất hiện những phù điêu bằng đất nung với các trang trí rất dân dã như “Ngư ông đắc lợi”, “Gà chọi”. Việc xuất hiện hệ thống cửa kính nhiều màu và hai bức tranh,...đã nói lên ảnh hưởng của văn hoá Tây Âu.

Khu lăng: Kiến trúc lăng mộ hầu như được “Âu hoá” hoàn toàn từ đặc trưng kiến trúc, mô típ trang trí đến vật liệu xây dựng. Bi Đình là sự biến thể của kiến trúc Romance pha trộn kiến trúc Á Đông. Tượng quan viên cao, gày đắp bằng xi măng và gạch thay cho tượng đá ngói ác đao, gạch ca rô.

#### *Lăng Dục Đức*

Lăng có kiến trúc đơn giản và khiêm tốn. Đây cũng là nơi yên nghỉ của vua Thành Thái và Duy Tân, tọa lạc ở phường An Cựu, Tp. Huế. So với các lăng tâm khác của các vua nhà Nguyễn, lăng Dục Đức có kiến trúc đơn giản và khiêm tốn hơn. Khu lăng mộ hình chữ nhật có diện tích 3.445m<sup>2</sup>, bên trong không có Bi Đình và tượng đá. Vào lăng phải đi qua cổng tam quan khá lớn xây bằng gạch, trên có mái giả.

Vua Dục Đức tên thật là Nguyễn Phúc Ưng Chân sinh năm 1852, lên 2 tuổi được vua Tự Đức chọn làm con nuôi. Sau khi vua Tự Đức băng hà, theo di chiếu truyền ngôi, triều thần đã đưa Ưng Chân lên ngai vàng vào ngày 19/7/1883 và được gọi theo tên tự thối của mình là Dục Đức. Nhưng Dục Đức chỉ 3 ngày sau đã bị phế truất vì tội dám lược bỏ một đoạn văn trong di chiếu truyền ngôi của tiên đế và bị tống giam vào ngục. Ngày 24/10/1883 ông vua bất hạnh đã bị chết đói trong nhà ngục, thi hài được gói vào manh chiếu, giao cho vài tên lính gánh đi chôn, giữa đường gánh bị đứt dây, thi hài rơi giữa đường, mọi người đã chọn chỗ đất "thiên táng" đó làm nơi yên nghỉ vĩnh viễn của nhà Vua và mai táng qua loa.

Sau cửa là Bái Đình không có tượng đá mà chỉ xây lan can bằng vôi gạch. Kế đó là một cửa tam quan 3 tầng cũng xây mái giả và trang trí hình ảnh hoa lá bằng cách đắp nổi sành sứ.. Chính giữa Bái Thành có một nhà hình ốc được xây trên nền hình vuông mỗi cạnh khoảng 8m, mái lợp ngói hoàng lưu ly bên trong có bàn và sập đá thanh dùng để bày hương án và lễ vật khi cúng kỵ. Hai bên tả hữu là mộ vua Dục Đức và Hoàng hậu Tư Minh nằm đối xứng nhau. Tấm bình phong trước mộ vua có đắp nổi hai chữ “hỷ” ghép lại với nhau, đối xứng với “song hỷ” là hình ảnh chữ “thọ”.

Điện Long Ân: ở trung tâm khu vực tâm, được xây dựng theo khuôn mẫu của các ngôi điện ở Huế. Bên trong có ba án thờ bài vị các vua: Dục Đức (và vợ thờ ở giữa), Thành Thái (bên trái) và Duy Tân (bên phải).

Phía sau điện Long Ân là nơi yên nghỉ của hai ông vua Thành Thái, Duy Tân. Trong khu vực này còn có nhiều ngôi mộ của những người trong quyền thuộc các vị vua trên. Lăng Dục Đức cũng mang quy cách kiến trúc chung của các lăng khác nhưng có một số nét nghệ thuật cá biệt riêng. Lăng Dục Đức làm phong phú thêm cho sắc thái và chất lượng của quần thể kiến trúc lăng tẩm.

#### *Lăng Gia Long (Thiên Thọ Lăng)*

Lăng Gia Long là một quần thể nhiều lăng tẩm trong hoàng quyền. Kiến trúc lăng có vẻ đơn sơ nhưng hoành tráng, nằm trong dãy núi Thiên Thọ, thuộc xã Hương Thọ, huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên - Huế, cách trung tâm Tp. Huế 16km. Đến thăm lăng Gia Long, du khách có thể đi thuyền theo sông Hương khoảng 18km rồi cập bến lăng, hoặc đi theo đường bộ chừng 16km, xuống bến đò Kim Ngọc, đi thêm vài cây số nữa thì tới. Toàn bộ khu lăng này là một quần sơn với 42 đồi, núi lớn, nhỏ, trong đó có Đại Thiên Thọ là ngọn núi lớn nhất được chọn làm tiền án của lăng và là tên gọi của cả quần sơn này.

Lăng bắt đầu được xây dựng từ năm 1814 và đến năm 1820 mới hoàn tất. Từ bờ sông Hương đi vào lăng có con đường rộng, hai bên trồng thông và sàu đông cao vút, xanh um, tạo ra một không khí trong mát, tĩnh mịch. Hai cột trụ biểu uy nghi nằm ở ngoài cùng, báo hiệu khu vực lăng. Lăng tẩm nhà vua nằm trên một quả đồi bằng phẳng, rộng lớn. Trước có ngọn Đại Thiên Thọ án ngữ, sau có 7 ngọn núi làm hậu án. Bên trái có 14 ngọn núi làm "tả thanh long" và bên phải có 14 ngọn làm "hữu bạch hổ". Tổng thể lăng được chia làm 3 khu vực: Chính giữa là lăng mộ vua và Thừa Thiên Cao Hoàng Hậu. Qua khỏi sân châu có các hàng tượng đá uy nghiêm và bảy cấp sân tế là Bửu Thánh ở đỉnh đồi. Trong Bửu Thánh có 2 ngôi mộ đá được sáng tác theo quan niệm "Càn Khôn hiệp đức" biểu tượng cho hạnh phúc và thủy chung. Bên phải là khu tẩm điện mà điện Minh Thành là trung tâm nơi thờ Hoàng đế và Hoàng hậu thứ nhất. Trước đây trong điện Minh Thành có thờ nhiều kỷ vật gắn bó với cuộc đời chinh chiến của Gia Long. Bên trái khu lăng là Bi Đình, nay chỉ còn tấm bia lớn ghi bài "Thánh Đức Thần Công" của vua Minh Mạng soạn, ca ngợi vua cha được chạm khắc tinh tế, sắc sảo.

Ngoài ra còn có các lăng phụ cận trong khu vực này như lăng Quang Hưng (bà vợ thứ hai của chúa Hiền Vương Nguyễn Phúc Tần), lăng Vĩnh Mậu (vợ chúa Ngãi vương Nguyễn Phúc Trấn); lăng Toại Thánh (vợ thứ hai của Nguyễn Phúc Luân và là thân mẫu của Gia Long),...lăng Thiên Thọ Hữu của bà Thuận Thiên Cao Hoàng Hậu, thân mẫu của vua Minh Mạng, bên cạnh có điện Gia Thành dùng để thờ. Lăng Gia Long là một bức tranh tuyệt vời giữa thiên nhiên và kiến trúc đã tạo nên nét hùng vĩ hoành tráng của cảnh quan.

Nguyễn Phúc Ánh, tên húy là Chủng, sinh năm Nhâm (1762), con thứ ba của Nguyễn Luân. Năm 1773, Tây Sơn khởi nghĩa, Nguyễn Phúc Ánh 12 tuổi, theo chúa Nguyễn Phúc Thuận vào Quảng Nam. Mùa thu năm Đinh Dậu (1777) Nguyễn Phúc Thuận tử trận, Nguyễn Phúc Ánh một mình chạy thoát ra đảo Thổ Chu, rồi sau chạy sang ẩn náu nhờ bên đất Xiêm. Tháng 7/1792, vua Quang Trung mất, con là Quang Toản còn ít tuổi, Nguyễn Ánh tổ chức tấn công và đến tháng 7/1802, Nguyễn Ánh diệt xong nhà Tây Sơn lên ngôi hoàng đế, niên hiệu là Gia Long đóng đô tại thành Phú Xuân (Huế) và đặt tên nước là Việt Nam. Lần đầu Gia Long quản lý một nước Việt Nam thống nhất từ Bắc chí Nam, từ Lạng Sơn đến Hà Tiên, Gia Long chia cả nước làm 23 trấn, 4 doanh. Từ Ninh Bình trở ra gọi là Bắc thành gồm 11 trấn (5 nội trấn và 6 ngoại trấn); từ Bình Thuận trở vào gọi là Gia Định thành gồm 5 trấn; ở quãng giữa là các trấn độc lập: Thanh Hoá, Nghệ An, Quảng Nghĩa,



Bình Định, Phú Yên, Bình Hoà, Bình Thuận, đất kinh kỳ đặt 4 doanh: Trục Lê Quảng Đức Doanh (tức Thừa Thiên), Quảng Trị doanh, Quảng Bình doanh, Quảng Nam doanh.

Để tránh lộng quyền, Gia Long không đặt chức Tể tướng, triều đình chỉ có 6 bộ: Lại, Hộ, Lễ, Binh, Hình, Công do các thượng thư đứng đầu và có tả hữu tham tri, tả hữu thị lang giúp việc. Ở trong cung, không lập ngôi Hoàng hậu, chỉ có Hoàng Phi và các cung tần. Năm 1815, bộ “Quốc triều hình luật” gồm 22 quyển với 398 điều luật đã được ban hành. Ngày Đinh Mùi tháng 12 năm Kỷ Mão (1819), Gia Long mất, thọ 59 tuổi, ở ngôi chúa 25 năm, ở ngôi vua 17 năm.

### *Lăng Khải Định (Ứng Lăng)*

Lăng Khải Định có diện tích nhỏ hơn so với lăng của các vua tiền nhiệm nhưng công phu, lộng lẫy hơn; kết hợp tinh xảo hai nền kiến trúc, văn hoá Đông – Tây, thuộc xã Thủy Bằng, huyện Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên - Huế, cách Tp. Huế 10km.

Vua Khải Định (1916 - 1925) là vị vua thứ 12 của triều Nguyễn, bước lên ngai vàng vào giữa tuổi 31. Khải Định tên là Nguyễn Phúc Bửu Đảo, là con trai duy nhất của vua Đồng Khánh. Sau khi vua Duy Tân bị đày đi Phi Châu, Bửu Đảo lên ngôi và lấy niên hiệu là Khải Định. Từ khi lên ngôi, ông đã say sưa với việc xây dựng cung điện, dinh thự, lăng tẩm của bản thân và Hoàng tộc như điện Kiến Trung, cung An Định, cửa Trường An, cửa Hiển Nhơn, cửa Chương Đức. Đặc biệt là Ứng lăng (lăng của Khải Định). Khải Định trị vì được 9 năm thì băng hà (1925), thọ 40 tuổi. Lên ngôi năm 1916, vua Khải Định chọn triền núi Châu Chử (còn gọi là Châu Ê) cách Huế 10km để xây dựng lăng mộ. Lăng khởi công ngày 04/9/1920 và kéo dài 11 năm mới hoàn thành.

So với lăng của các vua tiền nhiệm, lăng Khải Định có diện tích nhỏ hơn nhiều (117m x 48,5m) nhưng rất công phu và tốn nhiều thời gian. Nó là kết quả hội nhập của nhiều dòng kiến trúc Á - Âu, Việt Nam cổ điển và hiện đại. Tổng thể của lăng là một khối nổi hình chữ nhật vươn cao tới 127 bậc và được chia ra: Vào lăng phải vượt qua hệ thống cửa 37 bậc với thành bậc đắp rồng to lớn nhất cả nước, trên sân có hai dãy Tả - Hữu tòng tự, ở hai bên xây kiểu chông diêm hai lớp, tám mái, song các vì kèo lại bằng xi măng cốt thép. Vượt 29 bậc nữa lên tầng sân bái đình, ở giữa có nhà bia Bát giác xây bê tông cốt thép hoà trộn cổ kim, trong đó có bia đá. Hai bên sân, mỗi bên có 2 hàng tượng cùng nhìn vào giữa sân. Ngoài tượng như ở các lăng khác, còn có thêm 6 cặp tượng linh túc vệ, từng đôi tượng cùng loại ở cạnh nhau được làm đối xứng và cùng đối xứng với đôi tượng phía đối diện. Các tượng này làm bằng chất liệu đá hiếm trong lăng Khải Định và đều có khí sắc. Hai cột trụ biểu cao to. Qua 3 lớp nền là đến điện thờ. Từ sân lên cửa điện còn phải qua 15 bậc nữa. Điện Khải Thành là phòng chính của cung Thiên Định, có nhiều phòng liên hoàn. Các điện tường phẳng được trang trí dày đặc bằng nghệ thuật khảm kính sứ. Cùng với tranh trên tường, dưới nền lát gạch men hoa và trên trần vẽ Cửu long ẩn hiện trong mây. Cả không gian 6 mặt đã tạo nên một thế giới nghệ thuật. Phòng sau của điện Khải Thành là chính tẩm có đặt tượng vua Khải Định, mộ phần ở phía dưới. Trong cùng là khán thờ với bài vị của vị vua đã quá cố. Lăng Khải Định thực sự là một công trình có giá trị nghệ thuật và kiến trúc. Nó làm phong phú và đa dạng thêm quần thể lăng tẩm ở Huế.

### *Lăng Minh Mạng*

Vua Minh Mạng tên húy là Nguyễn Phúc Đảm, sinh ngày 23 tháng giêng năm Kỷ Dậu (1789), là con thứ của Gia Long. Tháng giêng năm Canh Thìn (1820), Thái tử Đảm lên ngôi Vua, niên hiệu là Minh Mạng. Minh Mạng có tư chất thông minh, hiếu học, năng động và quyết đoán. Minh Mạng đặt ra lệ: các quan ai được thăng điện, bổ nhiệm...đều phải đến

kinh đô gặp Vua, để Vua hỏi han công việc, kiểm tra năng lực và khuyên bảo... Là người tinh thâm nho học, sùng đạo Khổng Mạnh, Minh Mạng rất quan tâm đến học hành, khoa cử, tuyển chọn nhân tài, năm 1821 cho dựng Quốc Tử Giám, đặt chức Tế Tửu và Tư Nghiệp, mở lại thi Hội và thi Đình, trước 6 năm một khoa thi, nay rút xuống 3 năm.

Minh Mạng cũng rất quan tâm đến võ bị, nhất là thủy quân, nên đã sai người tìm hiểu cách đóng tàu của châu Âu và ước vọng làm sao cho người Việt đóng được tàu kiểu Tây Âu và biết lái tàu vượt đại dương. Minh Mạng đã hoàn chỉnh hệ thống đê điều ở Bắc Bộ, đặt quan khuyến nông, khai hoang ven biển Bắc Bộ lập thêm hai huyện Kim Sơn và Tiền Hải.

Về đối ngoại, Minh Mạng đặc biệt chú ý thân phục nhà Thanh, nhưng lại lạnh nhạt và nghi kỵ đối với các nước phương Tây do vậy đã kìm hãm sự phát triển của đất nước. Minh Mạng có rất nhiều vợ nên đã có 78 hoàng tử và 64 công chúa, tổng cộng 142 người con. Tháng 12 năm 1840, Minh Mạng ốm nặng rồi mất, trị vì được 20 năm, thọ 50 tuổi.

Lăng Minh Mạng thuộc địa phận núi Cẩm Kê, xã Hương Thọ, huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên - Huế, gần ngã ba Bằng Lăng, nơi hợp lưu nguồn Tả Trạch và Hữu Trạch tạo thành sông Hương chảy qua Tp. Huế. Lăng cách Tp. Huế 12km.

Lăng Minh Mạng là một tổng thể kiến trúc quy mô gồm khoảng 40 công trình lớn nhỏ. Lăng Minh Mạng toát lên vẻ đường bệ, uy nghiêm nhưng rất hài hòa giữa các công trình kiến trúc và thiên nhiên.

Tháng 4/1840, vua Minh Mạng đổi tên núi Cẩm Kê thành Hiếu Sơn và gọi tên lăng là Hiếu Lăng. Lăng được khởi công xây dựng vào tháng 9/1840. Đến tháng 1/1841 công trình đang xúc tiến thì Minh Mạng lâm bệnh mất, vua Thiệu Trị lên nối ngôi và tiếp tục cho xây dựng lăng theo đúng thiết kế cũ. Tháng 8/1841, thi hài vua Minh Mạng được đưa vào chôn ở Bửu Thành. Đến năm 1843 thì việc xây lăng mới hoàn tất. Lăng Minh Mạng là một tổng thể kiến trúc qui mô gồm khoảng 40 công trình lớn nhỏ gồm Cung điện, Lâu đài, Đình tạ... được bố trí cân đối trên một trục dọc từ Đại Hồng Môn (ở ngoài cùng) tới chân tường của La Thành sau mộ vua. Các công trình được phân bố trên ba trục lớn song song với nhau mà đường Thần Đạo là trung tâm. Tổng thể của lăng được chia ra:

Đại Hồng Môn là cổng chính vào lăng. Cổng có 3 lối đi với 24 mái lô nhô cao thấp và các trang trí rất đẹp. Cổng chính chỉ mở một lần để đưa quan tài của vua vào lăng, muốn ra vào phải qua hai cổng phụ là Tả Hồng Môn và Hữu Hồng Môn.

Bi Đình, sau Đại Hồng Môn là sân rộng, có 2 hàng tượng quan viên, voi ngựa. Bi Đình nằm trên đồi Phụng Thần Sơn, bên trong có bia "Thánh Đức Thần Công" do vua Thiệu Trị viết về tiểu sử và công đức của vua cha.

Khu vực tẩm điện (nơi thờ cúng vua): đi tiếp là sân triều lễ được chia làm 4 bậc. Mở đầu khu vực tẩm điện là Hiếu Đức Môn; điện Sùng Ân nằm ở trung tâm thờ bài vị của vua và bà Tá Thiên Nhân Hoàng hậu. Hoàng Trạch Môn là công trình kết thúc khu vực tẩm điện và ngát thơm hoa đại.

Lầu Minh Lâu: đi tiếp qua ba cây cầu Trung Đạo (giữa), Tả Phụ (trái), Hữu Bật (phải) bắc qua hồ Trường Minh là đến lầu Minh Lâu (lầu sáng) xây dựng trên quả đồi có tên là Tam Đài Sơn. Toà nhà có hình vuông, hai tầng, tám mái. Hai bên Minh Lâu về phía sau là hai trụ biểu dựng trên hai quả đồi Bình Sơn và Thành Sơn. Phía sau Minh Lâu là hai vườn hoa hình chữ Thọ đối xứng nhau qua đường Thần đạo.

Bửu Thành (thành quanh mộ): hồ Tân Nguyệt hình trăng non ôm lấy Bửu Thành hình tròn nằm ở giữa. Qua cầu Thông Minh Chính Trục bắc qua hồ Tân Nguyệt có 33 bậc đá

thanh là đến nơi yên nghỉ của nhà vua nằm giữa trung tâm quả đồi mang tên Khai Trạch Sơn được giới hạn bởi Bửu Thành hình tròn.

Lăng Minh Mạng với Bi Đình, Hiếu Đức Môn, điện Sùng Ân và Minh Lâu và gần 60 ô chữ chạm khắc các bài thơ trên đó là một bảo tàng thơ chọn lọc của nền thi ca Việt Nam đầu thế kỷ 19... Ngoài tính cách đăng đối uy nghi, đường bệ, lăng Minh Mạng còn có những nét quyền rũ của thiên nhiên đã được cải tạo để làm bối cảnh cho các công trình kiến trúc.

*Lăng Tự Đức (Khiêm Lăng)*

Lăng được xây dựng vào năm 1864 và hoàn thành vào năm 1867 trên diện tích 475ha, được tọa lạc tại xã Thủy Biều, Tp. Huế. Khác với các lăng được xây dựng cân đối, lăng Tự Đức được xây dựng phóng khoáng, hài hoà với thiên nhiên có sẵn phản ánh tâm hồn lãng mạn của vị vua thi sĩ này.

Lăng Tự Đức là một bài thơ tuyệt tác, một bức tranh sơn thủy hữu tình, gọi cho du khách một “hồn êm thơ mộng” (une douce rêve). Lăng vua Tự Đức được xây dựng trong một bối cảnh lịch sử cực kỳ khó khăn của đất nước và của chính bản thân nhà vua.

Vua sinh năm 1829, lên ngôi năm 20 tuổi (1848). Sau đó 10 năm, vì triều đình Huế áp dụng chính sách đối ngoại hẹp hòi, thực dân Pháp tấn công Đà Nẵng (1858) rồi vào đánh chiếm Gia Định (1859) và một số tỉnh khác ở Nam Kỳ (1862)... vua Tự Đức đã là người hấp thụ khá đầy đủ nền văn hóa và triết học Đông phương với một mâu thuẫn nội tại của nó giữa cái tích cực lúc trẻ và tiêu cực lúc già, giữa sự sống và cái chết. Càng thất bại trước việc nước nhà khi càng luống tuổi, ông càng bi quan yếm thế. Nhà vua nghĩ đến cái chết tất nhiên sẽ đến với đời mình, và để vơi bớt những đau khổ trong những quãng đời còn lại, cho nên hạ lệnh xây dựng lăng tẩm như một hoàng cung thứ hai để thỉnh thoảng lên đây tiêu khiển, nghỉ ngơi, và cũng để làm "ngôi nhà lâu đài của trăm" (vi ngô vĩnh vũ, trích bài Khiêm Cung Ký).

Đứng trong thời đại ngày nay nhìn lại hoàn cảnh khó khăn bấp giờ của đất nước, qui mô kiến trúc lớn lao tốn kém của lăng vua, và các danh xưng Khiêm cung, Khiêm Lăng được dùng để đặt tên cho nó, chúng ta thấy đó cũng là một mâu thuẫn nội tại khó biện minh được của chính nhà vua. Nhưng dù sao sau khi xây lăng xong, vua Tự Đức cũng còn sống thêm 16 năm nữa, cho đến năm 1883, thọ 55 tuổi.

Sau khi các quan chuyên môn về địa lý đi coi đất và chọn được vị trí ở làng Dương Xuân Thượng, vua Tự Đức đã “chuẩn định” đồ án kiến trúc lăng tẩm theo sở thích của mình vào tháng 10/1864. Nhưng còn phải coi ngày cho tốt nữa, nên đến tháng 12 năm ấy mới khởi công xây dựng.

Toàn bộ công tác kiến trúc lăng tẩm này được dự liệu sẽ thi công trong 6 năm với 3.000 lính và thợ, và họ sẽ được thay phiên về nghỉ 3 tháng một lần. Nhưng viên Biện lý bộ Công bấp giờ là Nguyễn Văn Chất tâu xin thực hiện trong 3 năm mà thôi. Triều đình cử ông và thống chế Lê Văn Xa ở bộ Binh đứng ra coi sóc việc thi công. Đã không được thay phiên nhau về nghỉ lại bị cưỡng chế, tăng cường sức lao động đến mức tối đa trong những điều kiện tối thiểu, 3.000 lính và thợ bất mãn ấy đã nghe theo tiếng gọi nổi dậy của Đoàn Trung. Đêm 16 rạng ngày 17/9/1866 họ dùng chiếu bài tôn phò "Ngũ đại hoàn tôn" kéo về Kinh thành để lật đổ ngai vàng của vua Tự Đức nhằm đưa Ứng Đạo, cháu nội 5 đời của vua Gia Long lên ngôi, nhưng khi vào đến được điện Thái Hòa thì bị quân của triều đình phản ứng mạnh, nên thất bại. Cuộc nổi loạn bị dập tắt hoàn toàn. Một tai nạn của vua Tự Đức đã qua đi, nhưng uy tín của nhà vua bị tổn thương không ít, vì đây không phải là một cuộc ngoại xâm, mà là một cuộc nổi biến ngay giữa lòng triều đình Trung ương.

Trong số 13 vua Nguyễn, vua Tự Đức là người uyên thâm nhất về nền học vấn Đông Phương, nhất là Nho học. Vua giỏi về cả sử học, triết học, văn học nghệ thuật và đặc biệt là rất sành thơ. Vua đã để lại 600 bài văn và 4.000 bài thơ văn chữ Hán và khoảng 100 bài thơ chữ Nôm. Thơ văn nhà vua phản ánh một con người nhân hậu, một tâm hồn đa cảm, một tư chất hâm mộ nghệ thuật. Tư chất ấy cũng biểu lộ rõ trên nghệ thuật kiến trúc của lăng vua. Sử cho biết chính nhà vua đã "chuẩn định" (décider) mô thức xây dựng nó. Trong vòng La thành rộng khoảng 12ha, gần 50 công trình kiến trúc lớn nhỏ dàn trải thành cụm trên những thềm đất phức tạp cao thấp hơn nhau chừng 10m. Nhưng, các hệ thống bậc cấp lát đá thanh, các lối đi quanh co lát gạch Bát Tràng đã nối tất cả các công trình kiến trúc lại thành một thể thống nhất, tương quan, gần gũi. Qua khỏi Khiêm Cung Môn, cửa tam quan hai tầng dựng trên một thềm đất cao, người ta bước vào một hệ thống cung điện gồm vài chục tòa nhà lớn nhỏ và các công trình kiến trúc phụ thuộc. Tòa ngang dãy dọc nơi đây đã được dành cho vua và đoàn cung nữ tùy tùng thỉnh thoảng lên ở lại vui chơi. Minh Khiêm Đường - nhà hát cổ xưa và mang giá trị nghệ thuật kiến trúc trang trí. Điện Hòa Khiêm - nơi thờ đế và hậu, hiện còn chứa nhiều đồ ngự dụng và các tác phẩm mỹ thuật đương thời. Nếu nhà cửa ở Khiêm Cung đều làm bằng gỗ thì tất cả các công trình kiến trúc ở khu vực lăng mộ bên kia đều được xây bằng gạch, đá. Đáng để ý nhất là tấm bia lớn nhất Việt Nam cao chừng 5m, được bảo vệ bằng một tòa nhà đồ sộ kiên cố với cột to, vách dày và xây cửa cuốn. Các nhà kiến trúc đã cho xây Bi đình bằng vật liệu và kiểu thức như vậy là dùng để chống chọi với thời gian. Trên ngọn đồi nằm bên kia hồ bán nguyệt Tiểu Khiêm Trì là Bửu Thành xây bằng gạch và chính giữa có ngôi nhà nhỏ xây bằng đá thanh, nơi vua yên nghỉ. Bửu thành được bao phủ bởi một rừng thông xanh ngắt, reo vi vu suốt bốn mùa.

Ngoài ra, hệ thống thoát nước trong toàn lăng tẩm đã được thiết kế, xây dựng một trình độ cao, và lưu thông rất tốt. Nhìn chung, mỗi công trình kiến trúc trong lăng Tự Đức đều mang một đường nét khác nhau về nghệ thuật tạo hình: không trùng lặp và rất sinh động. Cách phân bố các khu vực và bố cục các công trình kiến trúc trong từng khu vực ở lăng Tự Đức đã phá bỏ hệ thống lệ giữ gìn sự đối xứng từng cổ điển ở một số lăng khác. Tại đây còn có những lối đi uốn lượn mềm mại theo thềm đất tự nhiên hoặc do bàn tay con người tạo dáng. Đường nét kiến trúc thật phóng khoáng, hài hòa thiên nhiên có sẵn, hoặc cải tạo lại cho phù hợp với nghệ thuật kiến trúc phong cảnh.

Nếu phá vỡ sự đối xứng cũng là một nét đẹp trong nghệ thuật thì lăng Tự Đức có thêm nét đẹp đó. Kiến trúc và thiên nhiên ở đây gây được nhiều cảm xúc thẩm mỹ mới lạ cho người đến tham quan, và phản ánh được tâm hồn lãng mạn trữ tình của một ông vua thi sĩ. Lăng Tự Đức là một bài thơ tuyệt tác, một bức tranh sơn thủy hữu tình, gợi cho du khách một "hồn êm thơ mộng" (une douce rêve).

#### *Lăng Thiệu Trị (Xương Lăng)*

Đây là lăng duy nhất quay mặt về hướng tây bắc, một hướng ít được dùng trong kiến trúc cung điện và lăng tẩm thời Nguyễn, lăng đặt ở địa phận làng Cư Chánh, xã Thủy Bằng, huyện Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên - Huế, cách kinh thành Huế chừng 8km. Ngày 11/02/1848, lăng bắt đầu được khởi công xây dựng và chỉ 10 tháng sau đã hoàn thành. Tổng thể lăng gồm có hai khu vực: lăng và tẩm.

Khu lăng: nằm ở bên phải, trước có hồ Nhuận Trạch thông với hồ Điện. Sau hồ Nhuận Trạch là Nghi Môn bằng đồng dẫn vào Bái Đình (sân chầu) rộng lớn. Hai hàng tượng đá ở hai bên tả, hữu của sân là tiêu biểu của nghệ thuật tạc tượng nửa đầu thế kỷ 19 ở Huế. Bi Đình và Lầu Đức Hình tọa lạc trên quả đồi cong dạng mai rùa. Bi Đình còn gọi là

Phượng Đình có tấm bia khắc 2.500 chữ của vua Tự Đức ca ngợi công đức của vua cha. Qua hồ Ngưng Thủy có 3 cây cầu là Chánh Trung (giữa), Đông Hoà (Phải), Tây Đình (trái) là đến tam cấp vào Bửu Thành, chỗ đặt thi hài vua Thiệu Trị. Khu tâm (điện thờ): xây dựng riêng, cách Lầu Đức Hình 100m về phía trái. Qua Nghi Môn bằng đá cẩm thạch, bước lên 3 bậc tam cấp qua Hồng Trạch Môn là đến điện Bửu Đức. Điện Bửu Đức là nơi thờ bài vị của vua và bà Từ Dũ (vợ vua). Trong chánh điện trên những cỗ diêm ở bộ mái và ở cửa Hồng Trạch có khắc trên 450 ô chữ chạm khắc các bài thơ có giá trị văn học và giáo dục. Các công trình phụ thuộc như Tả Hữu Phối điện (trước), Tả và Hữu tòng viện (sau) vây quanh xung quanh điện Bửu Đức càng tăng thêm vẻ tôn nghiêm của chính điện. Lăng Thiệu Trị còn đó với vẻ đẹp giản đơn, gần gũi, dựa lưng vào chân núi Thuận Đạo, gần trước mặt lăng là cả một vùng đất bằng phẳng cây cối xanh tươi, ruộng đồng mơn mớn trải dài từ bờ sông Hương tới tận cầu Lim.

Tiểu sử vua Thiệu Trị (Miên Tông) (1841 - 1847), hiệu Trị tên húy là Dong sau đổi là Miên Tông, là con trưởng của Minh Mạng. Tháng Giêng, năm Tân Sửu (1841) Miên Tông lên ngôi Vua đặt niên hiệu là Thiệu Trị, lúc đó đã 34 tuổi. Thiệu Trị có 29 hoàng tử, 25 công chúa, tổng cộng 54 người con. Thiệu Trị lên ngôi Vua cứ theo qui chế được sắp đặt từ thời Minh Mạng mà làm theo di huấn của cha. Thiệu Trị cho đắp đê, đập chắn ngang cửa sông Cửu An. Vua Thiệu Trị rất giỏi về ngoại giao, Vua Thiệu Trị dàn xếp mối bang giao với Chân Lạp, cấm người ngoại quốc giảng đạo và trị tội người trong nước đi đạo. Tháng 9 năm 1847, Thiệu Trị bị bệnh rồi mất, ở ngôi được 6 năm, thọ 41 tuổi.

### *Ngọ Môn*

Ngọ Môn là một trong những công trình kiến trúc cổ tiêu biểu của miền núi Ngự sông Hương, là công chính vào Đại Nội trong kinh thành Huế. Mặc dù đã trải qua hơn một thế kỷ rưỡi với bao cơn bão táp của thiên nhiên và chiến tranh tàn phá, nhưng nhờ có kỹ thuật xây dựng khéo léo và nhất là nghệ thuật kiến trúc rất thành thạo, cho nên, Ngọ Môn vẫn còn đứng vững với thời gian để trở thành một trong những công trình kiến trúc cổ tiêu biểu của miền núi Ngự Sông Hương. Ngọ Môn xây dựng vào năm 1833, khi vua Minh Mạng cho quy hoạch lại mặt bằng và hoàn chỉnh hóa tổng thể kiến trúc trong Đại Nội. Vì Kinh Dịch quy định, ông vua bao giờ cũng quay mặt về phía nam để cai trị thiên hạ, cho nên, ngay từ thời Gia Long (1802 - 1810), khi xây dựng Kinh đô Huế, các nhà kiến trúc đã cho hệ thống thành quách và cung điện ở vào vị trí thế “tọa càn hướng tốn” (tây bắc đông nam). Hướng này cũng được xem như hướng bắc - nam. Đối với ngai vàng trong Điện Thái Hòa được xem như vị trí trung tâm của mặt bằng tổng thể, Ngọ Môn nằm ở phía nam của nó. Căn cứ trên la kinh (la bàn) của khoa địa lý phong thủy Đông Phương, phía nam thuộc hướng "ngọ" trên trục "tý ngọ" (nghĩa là bắc - nam). Do đó, triều Minh Mạng đã đặt tên cho cái công mới xây ở chính giữa mặt trước Hoàng Thành là Ngọ Môn, thay cho tên cũ là Nam Khuyết Đài. Chúng ta nên hiểu Ngọ Môn là cổng phía nam với ý nghĩa mang tính không gian, chứ không nên cho rằng chữ "ngọ" ở đây mang tính thời gian là giờ "ngọ", lúc mặt trời đứng bóng giữa ngày. Thành thử không thể dịch chữ Ngọ Môn ra thành "Noon time gate" như có người đã dịch. Có hiểu đúng ý nghĩa của người xưa khi đặt tên, mới thấy rõ hơn vị trí của Ngọ Môn trong tổng thể kiến trúc Đại Nội. Ngày xưa, cổng này thường đóng chặt quanh năm, chỉ được mở khi vua ra vào Hoàng Thành có đoàn ngự đạo đi theo, và trong những dịp tiếp kiến các sứ ngoại quốc quan trọng trong hoàng cung...

Về mặt kết cấu kiến trúc, có thể chia tổng thể Ngọ Môn ra làm hai hệ thống: hệ thống nền đài ở dưới và hệ thống Lầu Ngũ Phụng ở trên, mặc dù cả hai đều đã được thiết kế ăn

khớp nhau một cách chặt chẽ và hài hòa với nhau từ tổng thể đến chi tiết. Hệ thống nền đài: Cao gần 5m, nền đài Ngọ Môn xây trên một mặt bằng hình chữ U vuông góc, đáy dài 57,77m và cánh 27,06m. Vật liệu kiến trúc chính là gạch vồ, đá thanh và đồng thau. Ở phần giữa của nền đài trở ra ba lối đi song song nhau: Ngọ Môn (dành cho vua đi), Tả Giáp Môn và Hữu Giáp Môn (dành cho quan văn võ theo hầu trong đoàn Ngự Đạo). Ở trong lòng mỗi cánh chữ U có trở một lối đi như đường hầm chạy xuyên suốt từ trong ra ngoài, rồi thẳng góc vào phía đường Dũng đạo. Hai lối đi này được gọi là Tả Dịch Môn và Hữu Dịch Môn (dành cho lính tráng và voi ngựa theo hầu trong đoàn Ngự đạo). Ở phần trên của 5 lối đi đều xây cuốn thành vòm cao, nhưng ở riêng ở hai đầu 3 lối đi giữa thì các kiến trúc thời Minh Mạng lại kết cấu những hệ thống xà ngang và xà dọc bằng đồng thau với tiết diện 15x12 để gia cố cho sự chịu lực từ Lầu Ngũ Phụng nằm trên đài. Nơi nào chịu đựng trọng lượng càng lớn thì số lượng xà ngang càng nhiều và khoảng cách giữa chúng càng thu hẹp lại, nghĩa là mật độ xà càng cao. Và để giữ vẻ thẩm mỹ, họ đã bọc thêm một lớp đồng lá dát mỏng ở ngoài mặt các hệ thống xà đồng này. Họ đã tỏ ra rất thành thạo trong việc tính toán tải trọng, sức bền vật liệu, cũng như trong việc sử dụng thích hợp các phương thức và các loại vật liệu xây dựng.

Còn ở tầng trên thì mặt trước nhà giữa dựng cửa lá sách, chung quanh nong ván, nhưng có trở nhiều cửa sổ với những dạng khác nhau: hình tròn, hình cái quạt, hình cái khánh... Có thể chia 9 bộ mái của Lầu Ngũ Phụng ra làm 3 dãy, mỗi dãy gồm 3 nóc: dãy chính chạy ngang theo đáy hình chữ U và hai dãy phụ chạy dọc theo hai cánh hình chữ U. Hai dãy này được gọi là Tả Dực Lâu và Hữu Dực Lâu. Từ mặt đất thường, người ta đi lên trên nền đài bằng hai hệ thống bậc cấp xây bằng đá thanh ở hai bên, nằm lộ thiên nhưng rất kín đáo. Quanh trên nền đài là hệ thống nữ tường (tường hoa, lan can) được trang trí bằng nhiều kiểu gạch hoa đúc rồng tráng men ngũ sắc.

Tuy nhiên, Ngọ Môn không phải chỉ là một cái cổng, mà nó là cả một tổng thể kiến trúc khá phức tạp: bên trên còn có Lầu Ngũ Phụng được xem như một lễ đài, dùng để tổ chức một số cuộc lễ hàng năm của triều đình, như lễ Truyền Lô (đọc tên các sĩ tử thi đỗ tiến sĩ), lễ Ban Sóc (phát lịch), lễ Duyệt Binh... và đây cũng là nơi diễn ra cuộc lễ thoái vị của vua Bảo Đại vào ngày 30/8/1945.

*Hệ thống Lầu Ngũ Phụng* : Lầu Ngũ Phụng có hai tầng, dưới lớn trên nhỏ. Bộ sườn làm bằng gỗ lim. Lầu gồm chín bộ mái ngói ống tráng men vàng và xanh lá cây, gọi là ngói hoàng lưu ly và ngói thanh lưu ly. Ngói được lợp theo kiểu âm dương. Lầu dựng ở một nền cao 1,14m xây trên đài. Tòa nhà lầu có 100 cây cột chẵn, trong đó có 48 cột ăn suốt cả hai tầng. Mái tầng dưới đơn giản, nối liền nhau chạy quanh một vòng khắp tất cả các phía để che mưa nắng cho các dãy hồi lang của tầng này. Nhưng ở tầng trên thì mái lầu chia ra thành 9 bộ khác nhau, trong đó, bộ mái ở giữa cao hơn 8 bộ mái ở hai bên. Quanh các phía tầng dưới đều để trống chỉ trừ chính giữa có hệ thống cửa gương ở mặt trước, dựng đỡ bản ở hai bên và mặt sau chỗ thiết Ngự tọa để vua ngồi dự lễ. Sở dĩ tổng thể Ngọ Môn được xây dựng trên một mặt bằng hình chữ U và hệ thống Lầu Ngũ Phụng được chia ra thành 9 bộ mái lớn nhỏ, cao thấp, nằm nhấp nhô trông vui mắt như thế là vì để tránh sự nặng nề của một công trình kiến trúc hình khối tương đối đồ sộ. Hệ thống nền đài đều xây bằng các loại vật liệu cứng (đá, gạch, đồng), nhưng nhờ tạo dáng mềm mại, bố trí hài hòa và trau chuốt khéo léo, nên trông vẫn rất nhẹ nhàng. Đá thanh mài nhẵn, gạch vồ nung kỹ, vừa trộn mật mía và nhựa cây với tỷ lệ cao, cho nên độ bền rất lớn. Các lối đi trở xuyên qua thân nền đài thành những đường hầm khá dài, nhưng ánh sáng thiên nhiên vẫn chiếu dọi vào đầy đủ nhờ

những cửa cửa được nâng cao và trở thêm các cửa sổ tròn trang trí hình chữ "thọ". Các hệ thống lan can con tiện bằng gỗ (ở tầng trên Lầu Ngũ Phụng) và bằng gạch hoa đúc rỗng (nữ tường quanh trên nền đài) càng làm cho tổng thể kiến trúc trở nên thanh tú. Ở các ô học trên bờ nóc, bờ quyết và các đầu hồi của tòa nhà lầu được trang trí nhiều hình ảnh rồng, giao, doi ngậm kim tiền, thơ văn, hoa lá, làm cho phần mái càng thêm xinh.

Căn cứ vào số đo của mọi kích thước mặt bằng, các mặt đứng và mặt cắt, cố họa sĩ Phạm Đăng Trí đã chứng minh rằng tổng thể cũng như từng bộ phận kiến trúc Ngọ Môn đều được thiết lập theo "tỷ lệ vàng" của nền mỹ học Tây phương; mặc dù các nhà kiến trúc vào nửa đầu thế kỷ 19 chỉ làm theo mỹ cảm trực giác của mình.

Mặt khác, những số đếm trên kiến trúc Ngọ Môn cũng được áp dụng theo nguyên tắc của Dịch học Đông phương, chẳng hạn như số 5, số 9, số 100. Năm lối đi tượng trưng cho "ngũ hành". Chín nóc lầu biểu hiện con số 9 trong hào "cửu ngũ" ở Kinh Dịch, ứng với mạng thiên tử. Một trăm cây cột nhà ở Lầu Ngũ Phụng cho thấy đó là số cộng của "Hà Đồ" và "Lạc Thư" trong sách ấy.

Số của "Hà Đồ" là 55 (do các số từ 1 đến 10 cộng lại :  $1+2+3+4+5+6+7+8+9+10$ ); số của "Lạc Thư" là 45 (do các số từ 1 đến 9 cộng lại:  $1+2+3+4+5+6+7+8+9$ ). Như vậy số thành của Hà Đồ và Lạc Thư cộng lại ( $55+45$ ) là 100. Và nói đến Dịch học là phải nói đến âm dương, vì "Nhất âm nhất dương chi vị Đạo". Số dương của Hà Đồ là 25 (do các số lẻ từ 1 đến 10 cộng lại:  $1+3+5+7+9$ ); số âm của Hà Đồ là 30 (do các số chẵn từ 1 đến 10 cộng lại:  $2+4+6+8+10$ ) và số dương của Lạc Thư là 25 (do các số lẻ từ 1 đến 9 cộng lại:  $1+3+5+7+9$ ); số âm của Lạc Thư là 20 (do các số chẵn từ 1 đến 9 cộng lại:  $2+4+6+8$ ). Hai số dương của Hà Đồ và Lạc Thư cộng lại là 50 (tức  $25+25$ ); hai số âm của chúng cộng lại cũng là 50 (tức là  $30+20$ ). Thành ra âm và dương của Dịch học là bằng nhau, đều 50. Nghĩa là :  $(25+25) + (20+30) = 100$ .

Trên thực địa, nếu dùng đường trục chính của Đại Nội là Dũng đạo để chia mặt bằng Lầu Ngũ Phụng ra làm hai phần thì chúng ta thấy mỗi bên có 50 cột đối xứng nhau. Đạo âm dương ngũ hành của nền triết học Đông Phương đã biểu hiện thật cụ thể trên kiến trúc Ngọ Môn. Cho hay, trong các công trình kiến trúc cổ của chúng ta, người xưa đã gửi gắm nhiều ẩn số, ẩn ngữ, ẩn ý rất sâu xa. Ngoài ra, sự để trống chung quanh tầng dưới Tả Dục Lâu và Hữu Dục Lâu làm lộ rõ các hàng cột thon nhỏ ở Lầu Ngũ Phụng gây cho người xem một cảm giác, một ấn tượng thanh thoát, nhẹ nhàng, dễ chịu.

Tổng thể Ngọ Môn tuy đồ sộ nguy nga, nhìn từ xa như một tòa lầu đài tráng lệ, nhưng khi tiếp cận, chúng ta thấy các kiến trúc sư thời Minh Mạng đã tỏ ra rất cao tay nghề trong việc thiết kế và trang trí, cho nên, nó trở thành một công trình kiến trúc xinh xắn đáng yêu, gần gũi với phong cảnh thiên nhiên và tâm hồn, tình cảm của con người xứ Huế. Ngọ Môn xứng đáng được liệt vào hàng những công trình kiến trúc nghệ thuật xuất sắc nhất của triều Nguyễn nói riêng và của nền kiến trúc cổ Việt Nam nói chung. Mặt bằng kiến trúc của hệ thống Lầu Ngũ Phụng ăn khớp với mặt bằng của hệ thống nền đài, như đã nói trên, tạo thành một vòng tay của chủ nhân dang ra phía trước để đón khách vào.

#### *Phu Văn Lâu*

Phu Văn Lâu là nơi niêm yết những chiếu thư của Vua thời Nguyễn hay bảng kết quả các cuộc thi Hội, thi Đình, nằm ngay trước Kỳ Đài sát đường quốc lộ 1A chạy qua kinh thành Huế, Tp. Huế. Đây là một cái lầu duyên dáng quay mặt về hướng nam. Ngay trước mặt Phu Văn Lâu có một sân rộng dẫn đến nhà Nghinh Lương đứng trên bờ sông Hương. Phu Văn Lâu làm từ thời Gia Long (1819), nhưng đến đời Minh Mạng mới định thể thức

làm nơi công bố những chiếu thư quan trọng của nhà vua. Sau khi đã được tuyên đọc ở điện Thái Hòa hay cửa Ngọ Môn, người ta đặt chiếu thư lên một cái long đình có long che để quân lính cung Nghinh ra yết tại lầu. Các quan tỉnh Thừa Thiên theo hàng hàng bô lão cung kính đến lạy các chiếu thư.

Từ năm 1821, sau khi truyền lô, danh sách các khoa danh tiến sĩ được đem niêm yết tại đây. Vì tính cách long trọng như vậy nên hai bên lầu có hai bia đá "khuynh cái hạ mã" nhắc nhở tất cả mọi người đi ngang qua Phu Văn Lâu phải "ngiên nón xuống ngựa".

Năm 1829 đã từng có một cuộc đấu giữa voi và cọp trước lầu để cho vua Minh Mạng ra xem. Vào các dịp tứ tuần, ngũ tuần của Minh Mạng có nhiều cuộc vui khác được tổ chức ở đây. Về sau các vua Thiệu Trị, Tự Đức cũng giữ cái lệ ấy nhân những ngày khánh thọ của mình. Vua Thiệu Trị xem sông Hương và lầu Phu Văn là một trong 20 cảnh đẹp ở chốn Thần Kinh. Năm 1843 Thiệu Trị cho dựng một nhà bia bên tay phải lầu để khắc bài thơ Hương Giang Hiểu Phiếm (buổi sớm bơi thuyền trên sông Hương). Bão năm Thìn (1904) thổi bay lầu Phu Văn, vua Thành Thái cho làm lại giống y như cũ.

### *Thế Miếu*

Thế Miếu là nơi thờ cúng các vua Nguyễn, nằm trong kinh thành Huế. Đây là một trong những công trình to lớn bậc nhất so với các miếu, điện ở Việt Nam. Năm 1804, Gia Long cho xây dựng miếu Hoàng Khảo ở vị trí của Thế Miếu ngày nay để thờ cha mình là Nguyễn Phúc Luân. Sau khi vua Gia Long mất, Minh Mạng lên nối ngôi, năm 1821 ông đã cho dời miếu Hoàng Khảo lui về phía sau vài chục mét, đổi thành Hưng Miếu, còn xây Thế Miếu vào vị trí ấy vào năm 1821 - 1822 để thờ vua Gia Long, và các vua kế vị về sau. Thế Miếu được xây dựng trên mặt bằng 1.500m<sup>2</sup>, cũng là toà nhà kép theo kiểu "trùng thiềm, trùng lương" như Điện Thái Hoà. Tiền doanh (nhà trước) có 11 gian và chính doanh (nhà sau) có 9 gian. Hai doanh nối với nhau bằng trần võ cưa. Tất cả có chung một đường mà ngăn riêng từng thất tức là cùng một toà nhà mà chia ra nhiều ngăn, một gian thiết trí, một án thờ giành cho một vị vua. Nền Thế Miếu cao, ngày xưa lát gạch men Bát Tràng màu vàng và lục. Qua các lần tu sửa trước năm 1975, nền tiền doanh được lát lại bằng gạch hoa trắng men vàng, nền chính doanh trắng xi măng. Các cột kèo, đòn tay, liên ba, đồ bản đều sơn thép nhưng màu sắc nay đã phai úa đi nhiều... Chỉ có các khám thờ và án thờ còn giữ được màu sơn son thếp vàng. Trước mỗi khám thờ đều treo một bức sáo để che. Bộ mái trước kia lợp ngói ống men vàng (hoàng lưu ly) nay đã thay bằng ngói thường. Trên nóc nhà trước chắp bằng pháp lam ngũ sắc. Các bờ nóc, bờ quyết đều đắp hình rồng nhưng đơn giản...Nội thất Thế Miếu, cho đến giữa thế kỷ 20 (1954) chỉ có 7 án thờ, mỗi án một gian, các gian thừa để trống.

### *Trường Quốc học Huế*

Trường Quốc học Huế ra đời trong âm mưu nô dịch văn hoá của thực dân Pháp và tồn tại hơn một thế kỷ, tọa lạc bên bờ Sông Hương, trên đường Lê Lợi, thuộc phường Vĩnh Ninh, Tp. Huế. Trường từng là nơi học tập của nhiều chiến sĩ cách mạng, nhiều nhà hoạt động văn hóa xuất sắc.

Sau khi tốt nghiệp Trường Tiểu học Pháp - Việt Đông Ba, trò Nguyễn Sinh Cung (hay Nguyễn Tất Thành, tên gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh khi ấy) thi đậu vào học tại trường Quốc học Huế. Hồi ấy, trường có hai dãy nhà lợp tranh, tường gạch, cột gỗ, nhìn ra sông Hương và nằm song song với đường Jules Ferry, nay là đường Lê Lợi. Công trường xây hai tầng, tầng trên treo tấm bảng khắc chữ Trường Quốc Học sơn son thếp vàng, hai bên



đắp nổi hai con rồng bằng mảnh sứ... Nay trên bức tường rào phía phải cổng chính còn tám “bình phong”...

Trường Quốc Học thành lập nhằm đào tạo lớp người phục vụ cho chính quyền thực dân phong kiến, nên trong chương trình khi ấy, Pháp văn là môn học chính; giáo viên phần lớn là người Pháp. Trường đặt dưới quyền kiểm soát của viên Khâm sứ Trung Kỳ. Trong nghị định của Phủ Toàn quyền Đông dương cũng quy định rõ điều kiện của học sinh được nhận vào trong trường Quốc Học là: Công tử con các Hoàng thân; Tôn sinh con các Hoàng gia; Ám tử con các quan. Học sinh các trường Thành nhơn và Quốc tử giám

Năm 1915 khi có sắc lệnh bãi bỏ các kỳ thi hương hội ở Bắc Kỳ thì trường Quốc học được xây dựng lại. Những dãy nhà tranh được phá bỏ, thay thế vào đó là hai dãy lầu xây gạch, lợp ngói kiên cố đầy đủ tiện nghi theo kiểu Tây Âu. Về cơ bản các kiến trúc đó được duy trì đến ngày nay. Năm 1932 trường mở các lớp chuyên khoa và đổi tên là Trường Trung học Khải Định. Khi cuộc kháng chiến chống Pháp bùng nổ (19/12/1946), trường phân tán thành hai nơi, đi theo kháng chiến:

Một chi nhánh đệ nhất cấp lấy tên là trường Bình Trị Thiên đóng tại Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh. Một chi nhánh đệ nhị cấp tức là bộ phận chính của trường mang tên trường Huỳnh Thúc Kháng đóng tại Đức Thọ (Hà Tĩnh). Bộ phận ở lại Huế sau 10 năm bị gián đoạn. Thực dân Pháp chiếm trường làm đồn bốt. Ngày 29/4/1955 trường mới khôi phục hoạt động bình thường cho đến ngày nay.

Ngày nay trường Quốc học Huế vẫn tiếp tục phát triển truyền thống tốt đẹp trong việc chăm lo đào tạo thế hệ trẻ. Từ nhiều năm nay, trường đã mở các lớp chuyên thu hút các học sinh có năng khiếu cả tỉnh về học tập và bồi dưỡng, góp phần chăm lo đào tạo tài năng cho tỉnh và đất nước.

#### *Chùa Thiên Mục*

Chùa Thiên Mục nằm trên đồi Hà Khê, xã Hương Long, Tp. Huế, tỉnh Thừa Thiên - Huế. Chùa là một trong những kiến trúc tôn giáo cổ nhất và đẹp nhất ở Huế.

Tên của ngôi chùa bắt nguồn từ một huyền thoại. Chuyện kể rằng, từ xa xưa, dân địa phương đêm đêm thường thấy một bà già mặc áo đỏ, quần lục xuất hiện trên ngọn đồi nơi chùa tọa lạc ngày nay và nói: rồi sẽ có chân chúa đến lập chùa ở đây để tụ khí cho bền long mạch. Khi nói xong, bà biến mất. Sau khi vào trấn Thuận Hoá, chúa Nguyễn Hoàng một lần đi qua, nghe kể chuyện đã cho xây chùa và đặt tên là Thiên Mục Tự.

Năm 1601, chùa được xây dựng. Năm 1665, chúa Nguyễn Phúc Tần cho trùng tu. Năm 1710, chúa Nguyễn Phúc Chu cho đúc quả đại hồng chung cao 2,5m nặng 3.285kg, và năm 1715, chúa lại cho xây dựng tám bia cao 2,58m đặt trên lưng con rùa bằng cẩm thạch. Vào thời Nguyễn, các vua Gia Long, Minh Mạng, Thiệu Trị, Thành Thái đều cho trùng tu chùa.

Tháp Phước Duyên (ban đầu được đặt tên là tháp Từ Nhân) được vua Thiệu Trị cho xây vào năm 1844. Tháp hình bát giác cao 7 tầng (21m). Điện Đại Hùng là ngôi chính điện trong chùa, một công trình kiến trúc đồ sộ nguy nga. Trong điện, ngoài những tượng phật bằng đồng sáng chói còn treo một khánh đồng được đúc năm 1677 và một bức hoành phi bằng gỗ sơn son thếp vàng do tự tay chúa Nguyễn Phúc Chu đề tặng năm 1714. Hai bên chùa có nhà trai, nơi các sư tĩnh dưỡng và nhà khách để đón khách đến văn cảnh chùa.

Trước các điện, quanh chùa là các vườn hoa cây cảnh xanh tươi, rực rỡ. Phía sau cùng là vườn thông tĩnh mịch, phong cảnh nên thơ. Chùa bị hư hỏng nặng năm 1943. Từ năm 1945, Hoà thượng Thích Đôn Hậu đã tổ chức công cuộc đại trùng tu kéo dài hơn 30

năm. Ngày nay chùa vẫn được tiếp tục chỉnh trang ngày càng huy hoàng, tráng lệ, luôn hấp dẫn và thu hút đông đảo du khách gần xa.

### *Chùa Từ Hiếu*

Chùa được xây theo kiểu chữ “khâu”, chùa chính ba căn, hai chái. Chính điện phía trước thờ Phật, phía sau thờ Tổ, tọa lạc tại núi Dương Xuân, xã Thủy Xuân, Tp. Huế. Năm 1843, hoà thượng Nhất Định nguyên tăng cang chùa Giác Hoàng đã đến đây khai sơn thảo am nhỏ để tịnh tu và nuôi dưỡng mẹ. Năm 1848, hòa thượng Cương Kỳ bắt đầu xây dựng qui mô bởi sự hỷ tự của triều đình và các quan thái giám, các phật tử, chùa Từ Hiếu trở thành một ngôi chùa lớn.

Chùa được xây theo kiểu chữ khâu, chùa chính ba căn, hai chái. Chính điện phía trước thờ Phật, phía sau thờ Tổ. Nhà hậu là Quảng Hiếu Đường, ở giữa thờ Đức Thánh Quan, bên trái thờ Hương Linh Phật Tử tại gia, bên phải thờ các vị thái giám..., bên tả sân hậu là Tả Lạc Thiên (nhà tăng) và bên hữu là Hữu Ái Nhật (nhà khách).

Cổng chùa xây theo kiểu vòm cuốn hai tầng, phía trên chính giữa thờ tượng Hộ pháp. Trong cổng tam quan có hồ bán nguyệt thả hoa sen, hoa súng và cá cảnh. Hai bên sân có hai lầu bia để ghi lịch sử xây dựng chùa.

Năm 1894, hoà thượng Cương Kỳ tiếp tục trùng tu và kiến thiết toàn cảnh với sự giúp đỡ của vua Thành Thái, các giám quan và nhiều phật tử. Năm 1931, hoà thượng Huệ Minh tiếp tục trùng tu và xây hồ bán nguyệt. Năm 1962, hòa thượng Chơn Thiết tiếp tục trùng tu chùa. Chùa được Thượng tọa Chí Niệm cho trùng tu cửa tam quan, hồ bán nguyệt và những nhà cửa bị hư hỏng. Chùa là một trong những ngôi cổ tự lớn ở cố đô Huế.

### *Đàn Nam Giao*

Đàn Nam Giao là đàn tế lộ thiên, mô thức kiến trúc mang ý nghĩa vừa tôn giáo vừa chính trị của nền quân chủ phương Đông, nằm trên địa bàn xã Thủy Xuân, Tp. Huế. Ngay sau khi lên ngôi (1802), vua Gia Long cho lập đàn ở làng An Ninh vào năm 1803. Sau đó ít năm, triều đình lại bỏ vị trí ấy, cho xây dựng đàn tế khác ở đất làng Dương Xuân phía nam kinh thành Huế (di tích nay đang bảo lưu).

Đàn tế trời được khởi công xây dựng vào ngày 25/3/1806. Đầu năm 1807, triều đình Gia Long đã cử hành lễ tế Giao lần đầu tiên tại đây. Đàn Nam Giao là đàn tế lộ thiên. Mô thức kiến trúc này mang ý nghĩa vừa tôn giáo vừa chính trị của nền quân chủ phương Đông. Đàn Nam Giao gắn với thuyết Thiên mệnh của đạo Nho. Cấu trúc đàn diễn tả quan niệm vũ trụ còn hạn chế của bao triều đại trước: Trời tròn, đất vuông.

Ngay sau khi lên ngôi (1802), vua Gia Long cho lập đàn ở làng An Ninh vào năm 1803. Sau đó ít năm, triều đình lại bỏ vị trí ấy, cho xây dựng đàn tế khác ở đất làng Dương Xuân phía nam kinh thành Huế (di tích nay đang bảo lưu). Mô thức kiến trúc này mang ý nghĩa vừa tôn giáo vừa chính trị của nền quân chủ phương Đông. Đàn Nam Giao gắn với thuyết Thiên mệnh của đạo Nho. Cấu trúc đàn diễn tả quan niệm vũ trụ còn hạn chế của bao triều đại trước: Trời tròn, đất vuông.

### *Bảo tàng Mỹ thuật Cung đình Huế*

Bảo tàng Mỹ thuật Cung đình Huế là nơi trưng bày các bộ sưu tập đồ đồng, đồ sành, đồ sứ, đồ đá, đồ pháp lam, áo mão và đồ ngự dụng của vua chúa đời nhà Nguyễn, ở tại số 3, đường Lê Trực, Tp. Huế, tỉnh Thừa Thiên - Huế. Tòa nhà chính để trưng bày các cổ vật tiêu biểu có diện tích gần 1.200m<sup>2</sup>. Tòa nhà này nguyên là điện Long An được kiến trúc vào năm 1845 dưới thời vua Thiệu Trị. Bản thân tòa nhà này là một công trình bằng gỗ tuyệt mỹ, có tới 128 cây cột gỗ quý. Trên toàn bộ các bộ phận bằng gỗ của tòa nhà chạm trổ hàng trăm

bức tranh cổ điển, các con vật thiêng liêng: rồng, lân, rùa, phụng... và trên 1.000 bài thơ bằng chữ Hán. Nhiều nhà nghiên cứu đã đánh giá đây là một trong những cung điện đẹp nhất ở Việt Nam. Trong cung điện này, hiện trưng bày khoảng 300 hiện vật cổ quý hiếm bằng vàng, bạc, ngọc, sành, sứ, gỗ... Tại đây, bạn có thể trông thấy bàn, ghế, kiệu, giường, tủ của nhà vua; giày, hia, y phục của vua, hoàng hậu, công chúa, hoàng tử...

Tất cả những cổ vật được trưng bày tại bảo tàng là những tác phẩm nghệ thuật có giá trị được các nghệ nhân thực hiện một cách công phu và tài tình. Ngày nay, Đan viện vẫn tiếp tục cố gắng tạo nên một khung cảnh trầm lắng, yên tĩnh để giúp cho các thành viên của mình đi vào chiều sâu của đời tu trì, cũng như tạo điều kiện cho những ai đến đây để tĩnh tâm, cầu nguyện và tìm kiếm sự bình an.

### *Vườn quốc gia Bạch Mã*

Vườn quốc gia Bạch Mã có cảnh quan thiên nhiên đẹp, khí hậu trong lành, mát mẻ với hệ động thực vật phong phú, đa dạng, thuộc huyện Phú Lộc và Nam Đông Từ TP. Huế, theo quốc lộ 1A khoảng 40km về phía nam đến thị trấn Cầu Hai (huyện Phú Lộc), sau đó rẽ phải khoảng 19km, du khách sẽ đến vườn quốc gia Bạch Mã. Nằm ở phần cuối cùng của dãy Trường Sơn Bắc kéo dài từ biên giới Việt – Lào ra tận biển Đông, ở độ cao 1.450m so với mực nước biển, khu vực núi Bạch Mã có khí hậu trong lành, mát mẻ và được các chuyên gia nước ngoài đánh giá là một trong những vùng núi có khí hậu dễ chịu nhất ở Đông Dương.

Trong 22.031ha diện tích tự nhiên, vườn quốc gia Bạch Mã có tới 16.900ha rừng nguyên sinh che phủ. Trong rừng có 1406 loài thực vật, trong đó có nhiều loại gỗ quý như: trỏ chỉ, kiền, giẻ hương, gỗ, tùng... (nhiều cây đường kính 80 - 100cm) và trên 300 loài cây thuốc quý như: ba gạc, bình vôi, lá khô, cây 7 lá 1 hoa...

Hệ động vật ở Bạch Mã có tới 931 loài, bao gồm 83 loài thú, trong đó có nhiều loài quý hiếm như: gấu, báo, hổ, sao la...; 333 loài chim, 31 loài bò sát, 21 loài ếch nhái, 39 loài cá, 218 loài bướm, 178 loài côn trùng cánh cứng ăn lá, 28 loài mối. Đặc biệt, Bạch Mã là nơi cư trú của loài chim quý như trĩ sao và gà lôi lam mào trắng.

Đến với vườn quốc gia Bạch Mã, du khách sẽ có dịp khám phá những tuyến đường mòn thiên nhiên kỳ thú, như đường mòn Trĩ Sao dẫn đến thác Trĩ Sao - nơi có nhiều chim trĩ sao sinh sống; đường mòn Đỗ Quyên dẫn đến thác Đỗ Quyên, quanh năm tung bọt trắng xóa xuống các khe suối; đường mòn Ngũ Hồ dẫn đến 5 hồ nước nằm nối tiếp nhau được hình thành từ một con suối lớn; đường mòn Vọng Hải Đài dẫn đến đài ngắm cảnh trên đỉnh Bạch Mã. Đứng từ đây, du khách có thể ngắm toàn cảnh đèo Hải Vân, núi Túy Vân, đầm Cầu Hai, cửa Tư Hiền, vịnh Chân Mây sát bờ biển Đông và cả không gian huyền ảo, lãng động của thành phố Huế và thành phố Đà Nẵng lúc đêm về. Ngoài ra, du khách có thể khám phá đường mòn dài 300m xuyên qua rừng chò đen, nơi có khá nhiều cây cổ thụ, nhiều cây có đường kính trên 1m và cao tới hơn 30m. Không chỉ có vậy, vườn quốc gia Bạch Mã còn có khu vườn sưu tập lan – nơi tập trung hàng trăm loài hoa lan với nhiều màu sắc và kiểu dáng độc đáo.

Trước đây, vào năm 1932, người Pháp đã cho xây dựng tại Bạch Mã một khu nghỉ mát lớn nằm ở độ cao từ 1.000 - 1.444m so với mực nước biển. Khu nghỉ mát có 139 biệt thự, chợ, ngân hàng, bưu điện, hồ bơi, sân quần vợt và một hệ thống đường dài 19km nối quốc lộ 1A với khu trung tâm Bạch Mã.

Hiện nay, khu biệt thự cổ đã được Ban Quản lý vườn quốc gia Bạch Mã cho trùng tu, tôn tạo thành khu nghỉ dưỡng cho du khách, mang tên Đỗ Quyên, Sao La, Kim Giao...

Những ngôi biệt thự này vẫn lưu giữ nét kiến trúc kiểu Pháp, thường chỉ cao 2 tầng, có cầu thang vòng và hành lang khá rộng, cửa sổ lớn hướng ra phía đỉnh núi tạo không gian thoáng đãng, vừa cổ kính vừa hiện đại.

Thời gian đẹp nhất để du khách đến thưởng ngoạn Bạch Mã là vào mùa hạ và đầu mùa thu bởi thời điểm này, không khí mát mẻ, thậm chí hơi se lạnh của Bạch Mã sẽ khiến cho hành trình khám phá, chinh phục của du khách trở nên thi vị hơn. Ở đây, thắng cảnh và di tích hòa quyện vào nhau tạo thành một nét duyên riêng vô cùng hấp dẫn.

### *Bãi biển Lăng Cô*

Bãi biển Lăng Cô dài khoảng 10km, thuộc thị trấn Lăng Cô, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên - Huế, nằm cạnh quốc lộ 1A, gần đèo Hải Vân. Lăng Cô là thành viên thứ 30 của Câu lạc bộ “Các vịnh biển đẹp nhất thế giới” vào tháng 6/2009. Lăng Cô là nơi lý tưởng cho những du khách yêu biển. Nằm trên dải đất duyên hải miền Trung với nhiều bãi biển đẹp nổi tiếng, Lăng Cô với bờ biển thoải, cát trắng, nước biển trong xanh, và nhiệt độ trung bình khoảng 25°C vào mùa hè, đang là điểm đến hấp dẫn của du khách trong và ngoài nước.

Với phong cảnh thiên nhiên quyến rũ, trải dài trên bờ cong đẹp nhất của đất nước, Lăng Cô chứa đựng gần như tất cả những gì mà thiên nhiên có thể ban tặng: màu xanh của núi rừng nhiệt đới, những dải cát trắng mịn, ánh nắng tràn đầy và biển xanh mát mẻ, trong suốt như pha lê. Đây là vịnh biển thứ 3 của Việt Nam, sau Hạ Long và Nha Trang có tên trong danh sách 30 vịnh biển đẹp nhất thế giới.

Lăng Cô có cảnh quan tuyệt đẹp và rất thích hợp với du lịch nghỉ dưỡng. Trong quá khứ, vua Khải Định (triều Nguyễn) cho xây dựng một hành cung với tên gọi là “Hành cung Tịnh Viên” (làm dịu sự nóng nực) để nhà vua và các hoàng thái hậu nghỉ mát vào mùa hè. Người Pháp cũng lưu lại dấu vết của mình ở đây, liên quan đến tên gọi của miền đất này. Lăng Cô, có thể bắt nguồn từ "Làng Cò" hoặc L'An Cư do người Pháp phát âm chệch mà thành. Ngày nay, Lăng Cô hấp dẫn rất nhiều nhà đầu tư du lịch lớn trong và ngoài nước, nhiều khu nghỉ dưỡng hiện đại đã và đang được xây dựng.

Đến đây dường như không ai có thể cưỡng lại được trước vẻ đẹp thiên nhiên thanh bình quyến rũ của thị trấn Lăng Cô. Thị trấn nhỏ và yên bình này mang lại cho du khách thời gian thư giãn tuyệt vời và nhiều trò chơi bãi biển. Ngoài ra, du khách có thể tận hưởng những món ăn hải sản quý và đến thăm một số thắng cảnh như: Chân Mây, làng chài Lăng Cô gần bãi biển.

Nằm trên “Con đường Di sản miền Trung”, Lăng Cô rất gần với các thắng cảnh nổi tiếng như Cố đô Huế, Phố cổ Hội An, bán đảo Sơn Trà - nơi có Khu bảo tồn thiên nhiên Sơn Trà và nhiều bãi biển đẹp. Cảnh đẹp của vịnh Lăng Cô, đèo Hải Vân, vườn quốc gia Bạch Mã và làng chài cổ ở đây luôn hấp dẫn du khách bởi sự kết hợp hài hòa tuyệt vời giữa con người và thiên nhiên. Lăng Cô cách trung tâm thành phố Huế 60km nhưng chỉ cách sân bay quốc tế Phú Bài 40km. Nếu du khách đến Lăng Cô từ thành phố Đà Nẵng qua hầm đường bộ đèo Hải Vân thì chỉ khoảng 25km. Tuy nhiên, con đường dài hơn nếu vượt qua đèo Hải Vân vẫn được nhiều khách du lịch, nhất là khách ưa mạo hiểm lựa chọn. Họ sẽ có dịp chiêm ngưỡng, chụp những cảnh đẹp ngoạn mục, hùng vĩ và đặc biệt là ngắm vịnh Lăng Cô thơ mộng từ trên đèo cao.

### *Khu nghỉ dưỡng suối nước khoáng nóng Thanh Tân*

Khu nghỉ dưỡng suối nước khoáng nóng Thanh Tân, là một khu nghỉ dưỡng hết sức lý tưởng ở xã Phong An, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên - Huế. Ở đầu nguồn, nước

khoáng nóng đến 68°C, luộc chín trứng gà. Trong những năm chống Mỹ cứu nước, bộ đội bị thương được đưa về khu suối nước khoáng nóng này để điều trị vết thương rất mau lành. Bác sĩ Dương Quát, một trong những người từng chữa trị vết thương cho bộ đội bằng nước khoáng nóng đã kể lại như vậy

Bây giờ, trên cơ sở suối nước nóng đó, Công ty nước khoáng thiên nhiên Thanh Tân đã đưa vào khai thác loại hình du lịch nghỉ dưỡng này. Những ngày hè, có lúc du khách đông đến hàng nghìn người, trên khắp mọi miền đất nước đều đến đây nghỉ dưỡng. Ngoài hệ thống ao, suối nước nóng thiên nhiên, còn có hệ thống hồ bơi, hồ tắm nằm ẩn mình giữa những giàn phong lan rất thơ mộng. Trên hồ tắm có hệ thống nhà nghỉ được xây dựng bằng nhà tranh, nhà xây kiên cố phục vụ theo nhu cầu của du khách. Sau khi ngâm tắm xong, du khách có nhu cầu thì được tham gia chương trình luyện tập thể dục dưỡng sinh, thể dục dụng cụ, xông hơi nước khoáng... hết sức hấp dẫn. Một hệ thống nhà bếp phục vụ nhu cầu ẩm thực ngay tại chỗ cũng như dài ngày cho du khách có nhu cầu ở lại nghỉ ngơi và điều dưỡng.

### *Núi Ngự Bình*

Ngự Bình có dạng hình thang, đỉnh bằng phẳng, có thể bình phong che chở cho kinh thành Huế, cách kinh thành Huế khoảng 3km. Sách “Đại Nam Nhất Thống Chí” của Quốc Sử Quán Triều Nguyễn viết “Phía Đông bắc Hương Thủy, nổi vọt lên ở quãng đất bằng” như hình bức bình phong làm lớp án thứ nhất trước kinh thành Huế, tục gọi là núi Bằng, đời Gia Long đặt cho tên hiện nay (Ngự Bình), đỉnh núi bằng phẳng, khắp nơi trồng thông”. Núi Ngự Bình cao 105m, dáng cân đối, uy nghi. Hai bên Bằng Sơn có hai ngọn núi nhỏ chầu vào gọi là Tả Bất Sơn và Hữu Bất Sơn. Vương triều Nguyễn được thành lập, quyết định xây dựng kinh thành Huế, thấy Bằng Sơn như một bức bình phong án ngữ trước mặt, Gia Long chấp nhận đồ án của các thầy địa lý: chọn núi này làm tiền án của hệ thống phòng thành đô sộ, kiên cố và đổi tên cho ngọn núi này là Ngự Bình.

### *Phá Tam Giang*

Phá Tam Giang giới hạn phía bắc là cửa sông Ô Lâu, phía nam là cửa sông Hương thông với biển qua cửa Thuận An, thuộc địa phận 12 xã của ba huyện Quảng Điền, Phong Điền và Hương Trà. Phá Tam Giang và Cầu Hai là 2 đầm phá nước lợ lớn nhất, tiêu biểu nhất ở Việt Nam. Đồng bằng ven biển Thừa Thiên - Huế có nhiều đầm phá, vũng như phá Tam Giang, đầm Thanh Lam, đầm Thủy Tú, đầm Cầu Hai, vũng Lập An. Đây là tụ hội của hầu hết các con sông trước khi đổ ra biển. Phá Tam Giang và Cầu Hai có chiều dài gần 70km đã án ngữ hầu hết chiều dài của tỉnh Thừa Thiên - Huế và là vùng nước lợ lý tưởng cho nhiều loại thủy sản sinh sống.

Phá Tam Giang có độ sâu từ 2 đến 4m, có nơi sâu tới 7m, mặt nước rộng mênh mông là địa bàn hoạt động kinh tế quan trọng mang lại những giá trị tài nguyên to lớn. Hàng năm, người dân khai thác trên vùng đầm phá hàng nghìn tấn hải sản, cá, tôm các loại. Những năm gần đây, trên vùng đầm phá đã phát triển nghề nuôi trồng thủy sản, nhất là nuôi tôm và trồng rau câu. Dự án xây dựng cầu Thuận An bắc qua Phá Tam Giang đã hoàn tất, tạo điều kiện phát triển kinh tế và du lịch tại vùng này.

### **6.3. Tuyến điểm du lịch xuyên vùng du lịch vùng Bắc Trung bộ**

Tuyến trục quan trọng nhất kết nối Hà Nội - TP Hồ Chí Minh, từ đó chia ra các nhánh ngang liên kết quốc lộ 1A với đường Hồ Chí Minh cũng như với các điểm du lịch và các cửa khẩu.

Trục quốc lộ 1A: Hà Nội - TP Thanh Hóa - Vinh - TP Hà Tĩnh - Đồng Hới - Đông Hà - Huế - Đà Nẵng - TP Hồ Chí Minh.

Trục đường Hồ Chí Minh: Hà Nội - Cẩm Thủy, Yên Cát (Thanh Hóa) - Thái Hòa, Tân Kỳ (Nghệ An) - Phố Châu, Hương Khê (Hà Tĩnh) - Xóm Mít, Liêm Phú, Phúc Trạch (Quảng Bình) - từ vị trí này, đường chia thành 2 nhánh Đông và Tây:

+ Nhánh Đông: từ Phúc Trạch chạy gần QL1A và dừng tại Cam Lộ (Quảng Trị), có đoạn chỉ cách QL1A khoảng 3km.

+ Nhánh Tây: từ Phúc Trạch - Tăng Ký (Quảng Bình) - Khe Sanh - Li Tôn (Quảng Trị) - A Lưới, Phú Lộc (TT-Huế) - Đà Nẵng - Quảng Nam - Tây Nguyên - TP Hồ Chí Minh: đây là tuyến chính đường Hồ Chí Minh ở khu vực này.

Vùng Bắc Trung Bộ nằm trên hành lang giao thông Bắc Nam nên các tuyến du lịch quan trọng nhất của vùng là các tuyến du lịch quốc gia trên quốc lộ 1A và đường Hồ Chí Minh cũng như tuyến đường sắt Bắc Nam.

Các tuyến du lịch đường bộ, đường liên vùng của vùng Bắc Trung Bộ là: Quốc lộ 1A: Hà Nội - Bắc Trung Bộ - TP Hồ Chí Minh: trên tuyến này, cảnh quan ven biển là một đặc điểm vô cùng hấp dẫn, đặc biệt là các tuyến đèo như đèo Hải Vân, đèo Ngang... mặc dù hiện các đường hầm đã và đang được xây dựng, tuy nhiên đối với du lịch, các chuyến đi vượt đèo tại những khu vực có cảnh quan hấp dẫn như vậy vẫn cần được duy trì hợp lý.

Đường Hồ Chí Minh: Hà Nội - Bắc Trung Bộ - Tây Nguyên - TP Hồ Chí Minh: đây cũng là tuyến có cảnh quan đẹp, hấp dẫn và khác biệt so với tuyến ven biển theo Quốc lộ 1A. Quốc lộ 10: Quảng Ninh - Hải Phòng - Thái Bình - Nam Định - Ninh Bình - Thanh Hóa.

#### *Các tuyến du lịch đường thủy*

Vùng Bắc Trung Bộ không có các tuyến du lịch đường thủy kéo dài. Trong vùng chỉ có thể phát triển các tuyến ngắn, có tính chất cục bộ gắn với những đặc thù tài nguyên riêng của từng địa phương như: sông Hương, sông Thạch Hãn, sông Bến Hải, sông Gianh, sông Lam và sông Mã.

#### *Các tuyến du lịch chuyên đề xuyên vùng Bắc Trung bộ*

Với đặc thù có nhiều thành cổ, cố đô, và di sản, vùng Bắc Trung Bộ có thể xây dựng các tuyến du lịch chuyên đề:

+ Con đường di sản miền Trung (QL1A)

+ Hành trình đến kinh đô Việt cổ (Đền Hùng - Cổ Loa - Hoàng thành Hà Nội - Hoa Lư - Thành nhà Hồ - Lam Kinh - Phụng Hoàng Trung Đô - Huế - Kinh đô Trà Kiệu - Thành Hoàng Đế) (QL 2 và 1A)

+ Tuyến du lịch sinh thái tại khu vực miền núi phía Tây (trục chính bám theo đường Hồ Chí Minh)

+ Tuyến du lịch mạo hiểm, du lịch tìm hiểu lịch sử - cách mạng trên đường Trường Sơn (trục chính bám theo QL 9 và đường Hồ Chí Minh)

+ Tuyến du lịch tìm hiểu truyền thống văn hóa các dân tộc ít người (trục chính bám theo đường Hồ Chí Minh).

### **2.2.2. Các tuyến du lịch xuyên vùng quốc tế**

#### *Tuyến đường bộ quốc tế*

Quốc lộ 9: Sa Van Na Khệt - Xe Pôn - Quảng Trị, Huế, Đà Nẵng.

Quốc lộ 8: Thà Khếch - Lạc Xao - Vinh, Hà Tĩnh (Hoặc Viêng Chăn - Pak Xan - Lạc Xao - Vinh, Hà Tĩnh).

Quốc lộ 12A: Thà Khếch - Na Phau - Đồng Hới.

Quốc lộ 7: Viênng Chăn (hoặc Luông Prabăng) - Phôn Xa Vẳn – Vinh.

#### *Tuyến đường hàng không quốc tế*

Với Quốc tế, hiện vùng Bắc Trung Bộ có 7 cửa khẩu đường bộ là Na Mèo (Thanh Hóa), Nậm Cắn (Nghệ An), Cầu Treo (Hà Tĩnh), Cha Lo (Quảng Bình), Lao Bảo (Quảng Trị) và A Đớt và Hồng Vân (Thừa Thiên - Huế). Tuy nhiên lưu lượng qua lại cao nhất là cửa khẩu Cầu Treo và Lao Bảo. Trong đó Lao Bảo có vị trí đặc biệt là cửa ngõ vào Việt Nam của hành lang Đông Tây kết nối Việt Nam với các nước trong tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng. Ngoài ra vùng Bắc Trung Bộ còn các cửa khẩu khác tại sân bay Phú Bài và cảng Chân Mây (Thừa Thiên - Huế).

Sân bay Phú Bài (Huế) đã là cảng hàng không quốc tế, tuy nhiên chưa có các đường bay thường xuyên tới đây. Thực tế này có lẽ vẫn chưa được thay đổi trong tương lai gần, do sân bay Đà Nẵng mới được nâng cấp và cần được tăng cường khai thác. Tuy nhiên từ Huế, với vị trí của một cố đô, có thể hình thành các tuyến du lịch đường không hấp dẫn kết nối với các cố đô khác trong khu vực như Luông Prabăng (Lào), Ayutthaya (Thái Lan), Bagan (Myanmar) hoặc Kyoto (Nhật).

#### *Tuyến đường thủy quốc tế*

Hiện nay đã có một số chuyến tàu du lịch quốc tế đến cảng Chân Mây. Đây là một loại hình hấp dẫn, có tiềm năng có thể kết nối Bắc Trung Bộ với các trọng điểm du lịch biển đảo khác của Việt Nam như Hạ Long, Đà Nẵng, Nha Trang hoặc Phú Quốc và với các quốc gia khác trong khu vực.

## TÓM TẮT CHƯƠNG 6

*Trong bài này, sinh viên nắm được các nội dung sau:*

*Khái quát chung về tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch nhân văn thuộc vùng du lịch Bắc Trung bộ.*

*Khái quát chung về cơ sở vật chất – kỹ thuật phục vụ hoạt động du lịch thuộc vùng Bắc Trung bộ.*

*Sinh viên sẽ hiểu và nắm rõ hơn về các loại hình du lịch ở các tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh và Thừa Thiên Huế.*

*Giới thiệu tóm tắt đôi nét về điều kiện tự nhiên, điều kiện kinh tế, dân số, văn hóa và các dân tộc cư trú tại mỗi tỉnh, thành phố thuộc vùng du lịch Bắc Trung bộ.*

*Đồng thời, mỗi tỉnh, thành phố sẽ giới thiệu khái quát về các điểm đến tham quan bao gồm những danh lam thắng cảnh, nghệ thuật, lễ hội, phong tục tập quán của các dân tộc cùng cư ngụ tại đây.*

*Khái quát một số tài nguyên du lịch tự nhiên có thể khai thác các tuyến du lịch trên sông, biển của các tỉnh.*

*Giới thiệu một số tuyến điểm xuyên vùng du lịch của các tỉnh, thành phố, cũng như các tuyến, điểm du lịch bằng hàng không, đường sắt.*

## CÂU HỎI ÔN TẬP

Câu 1: Vùng du lịch Bắc Trung bộ có bao nhiêu tỉnh?

Câu 2: Theo anh/chị các tỉnh, thành phố vùng du lịch Bắc Trung bộ có những loại tài nguyên du lịch gì? Mỗi loại tài nguyên du lịch cho ví dụ minh họa?

Câu 3: Đặc điểm chung của vùng du lịch Bắc Trung bộ là loại hình du lịch gì? Giải thích tại sao?

Câu 4: Tuyến du lịch Bắc Trung bộ có các cửa khẩu quốc tế nào?

Câu 5: Hãy kể tên các cửa khẩu quốc tế? Các cửa khẩu đó thuộc địa phận tỉnh nào?

Câu 6: Giới thiệu đôi nét về di tích Cố đô Huế (được tổ chức UNESCO công nhận) cho du khách trong nước nghe?

Câu 7: Anh/Chị hãy nêu cho biết các tỉnh, thành phố trong vùng có bao nhiêu sân bay nội địa? Bao nhiêu sân bay quốc tế? Hãy kể tên các sân bay đó?

Câu 8: Anh/Chị hãy nêu cụ thể một tour du lịch biển trong vùng du lịch Bắc Trung bộ?

Câu 9: Anh/Chị hãy cho biết các tỉnh thuộc vùng du lịch Bắc Trung bộ có bao nhiêu di sản đã được UNESCO công nhận.

Câu 10: Anh/Chị hãy cho biết rừng quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng thuộc những tỉnh nào? Giới thiệu đôi nét về rừng quốc gia trên.



## CHƯƠNG 7: TUYẾN ĐIỂM DU LỊCH VÙNG DU LỊCH ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG VÀ DUYÊN HẢI ĐÔNG BẮC

Sau khi học xong chương này, sinh viên có các kiến thức sau:

- *Hiểu được các loại tài nguyên du lịch tự nhiên được khai thác vào du lịch đường sông, biển, đường bộ và hàng không thuộc các tỉnh, thành phố vùng du lịch đồng bằng sông Hồng và duyên hải Đông bắc.*

- *Hiểu được các tuyến du lịch tiêu vùng Nam sông Hồng*

- *Hiểu được các tuyến du lịch tiêu vùng đồng bằng sông Hồng*

- *Hiểu được các tuyến du lịch tiêu vùng duyên hải Đông Bắc*

- *Hiểu được tài nguyên du lịch nhân văn được khai thác vào du lịch đến với các lễ hội, nghệ thuật, các di tích lịch sử văn hóa của các địa phương các đồng bằng sông Hồng và duyên hải Đông bắc.*

- *Hiểu được các tuyến du lịch nội tỉnh và vùng du lịch đồng bằng sông Hồng và duyên hải Đông bắc.*

- *Nắm được các loại du lịch tiêu biểu được khai thác trong hoạt động du lịch thuộc vùng.*

### 7.1. Khái quát chung về vùng du lịch đồng bằng sông Hồng và duyên hải Đông Bắc

#### 7.1.1. Tài nguyên du lịch tự nhiên

Vùng đồng bằng sông Hồng (VĐBSH&DHĐB), trong đó có vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc có tọa độ địa lý từ 20<sup>00'</sup> đến 21<sup>40'</sup> vĩ độ Bắc; từ 105<sup>25'</sup> đến 108<sup>05'</sup> kinh độ Đông. Phía Bắc vùng giáp Lạng Sơn, Thái Nguyên, Tuyên Quang; phía Tây giáp với Phú Thọ, Hoà Bình (thuộc vùng Trung du miền núi Bắc Bộ); phía Đông và Đông Bắc giáp với Trung Quốc và biển Đông; phía Nam giáp với Thanh Hoá (thuộc vùng Bắc Trung Bộ). Tổng diện tích tự nhiên toàn vùng xấp xỉ 21.063,1 km<sup>2</sup>, vùng ĐBSH&DHĐB là một khu vực trải dài từ Tây sang Đông với các miền địa hình khác nhau như rừng núi, trung du, đồng bằng, biển và hải đảo. Do đó vùng ĐBSH&DHĐB cũng là một khu vực chứa đựng nguồn tài nguyên du lịch đa dạng, phong phú là yếu tố thuận lợi phát triển du lịch.

Vùng ĐBSH&DHĐB có đặc điểm khí hậu và thời tiết đa dạng, độc đáo và có nhiều biến động nhất ở nước ta với đầy đủ các tính chất của khí hậu vùng. Vùng chịu ảnh hưởng sâu sắc của chế độ gió mùa tạo nên một mùa hè nóng ẩm, mưa nhiều với hướng gió chủ yếu là gió Đông Nam và đặc biệt là có mùa đông lạnh, ít mưa với hướng gió chính là hướng Bắc và Đông Bắc. Đặc điểm này đã chi phối mạnh mẽ đến tính chất thời vụ của hoạt động du lịch. Thêm vào đó, khí hậu, thời tiết của vùng có nhiều biến động với những diễn biến phức tạp

Vùng ĐBSH&DHĐB là một trong những lãnh thổ chịu ảnh hưởng sâu sắc nhất của gió mùa Đông Bắc ở nước ta, trung bình mỗi năm có 20 - 25 đợt gió mùa Đông Bắc. Đây cũng là khu vực chịu nhiều ảnh hưởng của bão, tập trung từ tháng 6 – 9, đặc biệt là ở vùng

ven biển Ninh Bình, Nam Định, Thái Bình. Những ngày gió mùa Đông Bắc hoặc bão thời tiết xấu chuyển có ảnh hưởng không tốt đến hoạt động du lịch.

Vùng ĐBSH&DHĐB có mạng lưới sông ngòi khá dày đặc, các sông lớn chảy qua vùng có diện tích lưu vực trên 1.000 km<sup>2</sup> như sông Hồng, sông Đà, sông Lô, sông Cầu, sông Thương, sông Lục Nam. Các sông này có khả năng rất lớn về cung cấp nước, làm thủy lợi, giao thông và cung cấp thủy sản đồng thời cũng là tiềm năng du lịch. Đáng kể nhất trong các sông trên là sông Hồng với chiều dài hơn 200 km chảy qua địa phận của vùng. Lượng nước và phù sa của sông lớn nhất miền Bắc. Tổng lượng nước trung bình lên tới 114.000 m<sup>3</sup> và tổng lượng phù sa trung bình là 100 triệu tấn/năm. Về tới khu vực vùng ĐBSH&DHĐB, sông phân thành nhiều nhánh nên mới kịp thoát nước khi mùa lũ ập đến.

Hệ động, thực vật phong phú với các loài động vật sống trong rừng, các loài động vật sống ở đáy biển, cá biển, các loài thực vật trên cạn, thực vật ngập mặn, rong biển, san hô, các loài cây dược liệu, các cây gỗ quý... Đặc biệt, tại đây còn có nhiều loài đặc hữu quý hiếm được đưa vào sách đỏ Việt Nam như voọc đầu trắng, voọc quần đùi trắng (Cát Bà, Cúc Phương), cây vắn, báo hoa mai (Cúc Phương), quạ khoang, sóc đen (Cát Bà), gà lôi trắng, khỉ, báo, gấu, sóc bay (Ba Vì), cu li, khỉ mặt đỏ, khỉ vàng, khỉ mốc, khỉ đuôi lợn, voọc má trắng, sóc bay lông chân, doi tay sọ cao v.v...(Tam Đảo), Tê tê vàng, khỉ vàng, rái cá lông mượt, cá heo trắng Trung Hoa, cá Ông Chuông, tu hài, trai ngọc, bào ngư, sá sùng và đặc biệt là 2 loài rùa biển vịch và đồi mồi..( Bái Tử Long); thực vật có thể phục linh, lát hoa, kim giao, sên mật, rừng kim giao (Cát Bà), bách xanh, thông, dẻ, lát hoa (Ba Vì). Nhiều loài gần như tuyệt chủng trong sách đỏ quốc tế có rẽ mỗ thìa, bò nông, cò thìa, chơi chơi mỗ thìa, mòng biển, diệp đầu đỏ (Xuân Thủy). Nhiều loài cây gỗ lớn như chò xanh, chò chỉ hay đấng, loài thực vật có mạch đặc hữu, loài đặc hữu đối với vùng núi đá vôi (Cúc Phương). Một số cây đặc hữu được đặt tên gắn với Vườn quốc gia như Lan hải và Hoàng thảo Tam Đảo.

Vùng ĐBSH&DHĐB có đường bờ biển tương đối dài với nhiều bãi biển đẹp có thể khai thác cho hoạt động du lịch như bãi biển Trà Cổ, Quan Lạn, Ngọc Vũng, Bãi Cháy (Quảng Ninh), Cát Cò 1,2,3, Đồ Sơn (Hải Phòng), Đông Châu (Thái Bình), Thịnh Long, Giao Lân (Nam Định)...Tuy nhiên các bãi biển có giá trị tắm biển nằm ở khu vực phía Bắc và các đảo như Trà Cổ, Quan Lạn. Vịnh Hạ Long có giá trị cảnh quan đặc biệt, nhưng giá trị tắm biển không cao. Các bãi biển như Đồ Sơn, Quất Lân, Thịnh Long..nước đục nên cũng ít có giá trị đối với du lịch tắm biển.

Hệ thống đảo ven bờ là những tài nguyên du lịch giá trị. Các đảo Cô Tô, Ngọc Vũng, Quan Lạn (Quảng Ninh), Cát Bà, Bạch Long Vĩ (Hải Phòng) có những bãi tắm đẹp, môi trường trong lành là tài nguyên du lịch tắm biển, thể thao và khám phá.

Các đặc sản từ biển gồm những loại thực phẩm cao cấp như bào ngư, tôm hùm, mực.v.v.ở khu vực này rất sẵn và rẻ. Bên cạnh đó, các sản phẩm khác từ biển như hàng hàng mỹ nghệ, đồ lưu niệm cũng rất có giá trị đối với du lịch.

*Tài nguyên du lịch hang động:* Trong số rất nhiều hang động đã được phát hiện ở vùng ĐBSH&DHĐB có rất nhiều hang đẹp, rộng có khả năng khai thác phục vụ mục đích du lịch tham quan, nghiên cứu như Tràng an - Tam Cốc - Bích Động, Địch Lộng (Ninh Bình), Hương Tích (Hà Nội); Bò Nâu, Sừng Sốt (Quảng Ninh).v.v..

*Tài nguyên du lịch thuộc sông, hồ, suối nước nóng, nước khoáng:* Sông, hồ, suối nước nóng, nước khoáng là những tài nguyên du lịch rất phong phú ở vùng ĐBSH&DHĐB. Những tài nguyên này được khai thác phục vụ mục đích tham quan, nghỉ dưỡng, vui chơi

giải trí, thể dục thể thao và chữa bệnh. Điển hình có hồ Đại Lải, Đàm Vạc (Vĩnh Phúc); Đồng Mô, hồ Tây, Quan Sơn, Suối Hai (Hà Nội); Tam Chúc (Hà Nam) v.v...; các suối nước nóng Kênh Gà (Ninh Bình), Quang Hanh (Quảng Ninh), Tiền Hải (Thái Bình) và các sông thuộc hệ thống sông Hồng và sông Thái Bình.

*Tài nguyên du lịch thuộc các khu rừng đặc dụng:* Vùng ĐBSH&DHĐB có 32 khu bảo tồn chiếm xấp xỉ 29%, trong đó có 6 vườn quốc gia; 14 khu dự trữ động thực vật và 12 khu rừng văn hóa - môi trường. Đặc biệt trên lãnh thổ có một số khu bảo tồn đất ngập nước có giá trị du lịch cao như Xuân Thủy (Nam Định) và Vân Long (Ninh Bình) trong đó Xuân Thủy là 1 trong 4 khu Ramsar của cả nước, 2 khu dự trữ sinh quyển là đảo Cát Bà (Hải Phòng) và vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng (gồm vùng ven biển cửa sông Đáy thuộc huyện Kim Sơn, Ninh Bình và Nghĩa Hưng, Nam Định; vùng ven biển cửa sông Ba Lạt thuộc huyện Giao Thủy, Nam Định và Tiền Hải, Thái Bình và vùng ven biển cửa sông Thái Bình thuộc huyện Thái Thụy, Thái Bình).

Các vườn quốc gia Bái Tử Long (Quảng Ninh); Cát Bà (Hải Phòng); Cúc Phương (Ninh Bình); Tam Đảo (Vĩnh Phúc); Ba Vì (Hà Nội) và Xuân Thủy (Nam Định) còn bảo tồn được nhiều diện tích rừng nguyên sinh với nhiều loại thực, động vật nhiệt đới điển hình. Đây là nơi lưu giữ tốt nhất nguồn gen động thực vật, bảo tồn sinh thái và đa dạng sinh học vì thế có ý nghĩa rất lớn về khoa học, về kinh tế, giáo dục và du lịch. Các khu dự trữ động, thực vật và đặc biệt là các khu rừng văn hóa - lịch sử môi trường như Côn Sơn, Hương Tích, Chùa Thầy.v.v. đều nằm trong các khu vực được quy hoạch để phục vụ mục đích du lịch cần sớm có sự kết hợp để đạt hiệu quả cao trong việc bảo vệ, khai thác sử dụng.

### **7.1.2. Tài nguyên du lịch nhân văn**

Dân số Vùng đồng bằng sông Hồng và Duyên hải Đông Bắc hiện có hơn 19.770 ngàn người, chiếm 23% dân số cả nước. Đây là vùng dân cư đông đúc nhất cả nước (939 người/km<sup>2</sup>). Mặc dù tỷ lệ gia tăng tự nhiên của dân số trong vùng giảm mạnh nhưng mật độ dân số vẫn cao, gấp 3,5 lần mật độ trung bình cả nước. Đây là một thuận lợi về nguồn lực lao động. Tuy nhiên, dân số đông cũng đem đến những khó khăn nhất định gây sức ép lên sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng.

Những nơi đông dân cư nhất vùng là Hà Nội (1.962 người/km<sup>2</sup>), Bắc Ninh (1.257 người/km<sup>2</sup>), Hải Phòng (1.221 người/km<sup>2</sup>), Hưng Yên (1.226 người/km<sup>2</sup>), Thái Bình (1.140 người/km<sup>2</sup>), Nam Định (1.107 người/km<sup>2</sup>). Ở những nơi khác, chủ yếu thuộc rìa phía Bắc và Đông Bắc nên mật độ dân cư thưa hơn

Đa số dân số là người Kinh, một bộ phận nhỏ là các dân tộc thiểu số như dân tộc Mường (Ba Vì – Hà Nội, Nho Quan, Ninh Bình, Quảng Ninh), các dân tộc Dao, Tày, Sán Dìu, Hoa (Vĩnh Phúc, Quảng Ninh), dân tộc Cao Lan, Ngái (Vĩnh Phúc), dân tộc Sán Chỉ, Nùng (Quảng Ninh). Yếu tố dân tộc không phải là tiềm năng du lịch nội bật của vùng, nhưng bản sắc văn hóa của các dân tộc thiểu số ở Quảng Ninh, Vĩnh Phúc và ngay cả ở Thủ đô Hà Nội cũng là những chủ đề có thể khai thác phát triển du lịch. Sự phân bố dân cư quá đông ở khu vực liên quan tới nhiều yếu tố như nền nông nghiệp thâm canh cao với nghề trồng lúa nước là chủ yếu đòi hỏi phải có nhiều lao động. Trong vùng còn có nhiều trung tâm công nghiệp quan trọng và một mạng lưới các đô thị khá dày đặc. Ngoài ra, khu vực đã được khai thác từ lâu đời và có các điều kiện tự nhiên khá thuận lợi cho hoạt động sản xuất và cư trú của con người. Tại đây, tốc độ tăng dân số chưa phù hợp với nhịp độ kinh tế - xã hội. Điều này gây khó khăn cho phát triển kinh tế - xã hội của khu vực. Hàng loạt các vấn

đề xã hội như việc làm, nhà ở, y tế, văn hóa, giáo dục vẫn còn gây bức xúc. Đời sống của người dân vẫn còn nhiều khó khăn do kinh tế dịch chuyển chậm, dân số quá đông.

Vùng có hệ thống tài nguyên du lịch phong phú, đa dạng, nổi trội hấp dẫn khách du lịch:

*Thứ nhất:* Tài nguyên du lịch nhân văn gắn với các giá trị nền văn minh lúa nước sông Hồng. Vùng tập trung nhiều di tích quốc gia (2.232/3.150), đặc biệt cấp quốc gia (12/44) và Di sản văn hóa thế giới nhất (8/16) trong cả nước. Đây là thế mạnh nổi bật để phát triển hệ thống sản phẩm du lịch văn hóa thu hút khách du lịch. Là nôi của văn minh sông Hồng vì vậy vùng ĐBSH&DHĐB có hệ thống tài nguyên du lịch nhân văn nổi bật thể hiện qua các Di tích lịch sử - văn hóa, kiến trúc nghệ thuật, khảo cổ; Lễ hội văn hóa dân gian; Ca múa nhạc; Ẩm thực; Làng nghề thủ công truyền thống, làng Việt cổ; Các bảo tàng và cơ sở văn hóa nghệ thuật; Yếu tố con người và bản sắc văn hóa dân tộc đều gắn liền với các giá trị của văn minh sông Hồng. Đây là cơ sở để phát triển các loại hình và sản phẩm du lịch du lịch đặc trưng mang thương hiệu vùng và có sức hấp dẫn khách du lịch cao.

*Các di tích lịch sử - văn hóa, kiến trúc nghệ thuật, khảo cổ:* Vùng ĐBSH&DHĐB là nôi của nền văn minh sông Hồng nên tập trung nhiều di tích lịch sử - văn hóa, kiến trúc nghệ thuật, khảo cổ..gắn với các giá trị văn minh sông Hồng. Toàn vùng có 2.232 di tích cấp quốc gia so với cả nước có 3.125 di tích trong đó có 12 di tích cấp quốc gia đặc biệt với 2 Di sản văn hóa vật thể (Di sản văn hóa và các danh hiệu khác được UNESCO vinh danh). Đây là hệ thống tài nguyên đặc biệt giá trị phục vụ du lịch của vùng.

Hà Nội, Thủ đô nghìn năm văn hiến, trung tâm của vùng với hơn 1.000 di tích văn hóa-lịch sử cấp quốc gia có nguồn tài nguyên nổi bật. Những di tích nổi tiếng trong và ngoài nước như Hoàng thành Thăng Long, Văn Miếu Quốc Tử Giám, Cổ Loa, chùa Trấn Quốc, chùa Một Cột, phủ Tây Hồ, lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh, phố cổ Hà Nội.v.v... kết hợp văn hóa ẩm thực, văn hóa phi vật thể luôn thu hút khách du lịch.

Các di tích lịch sử - văn hóa, kiến trúc nghệ thuật khác của vùng như cố đô Hoa Lư, nhà thờ đá Phát Diệm (Ninh Bình), đền Đô, chùa Phật Tích, chùa Bút Tháp... (Bắc Ninh), Côn Sơn-Kiếp Bạc (Hải Dương), di tích chiến thắng Bạch Đằng (Quảng Ninh), đền Trần, tháp Phổ Minh (Nam Định), đền thờ các vua Trần, chùa Keo (Thái Bm).v.v...thể hiện sâu sắc tư tưởng triết học phương Đông và bản tay tài hoa của nhân dân lao động Việt Nam từ ngàn xưa. Hệ thống di tích trên cùng với các giá trị văn hóa phi vật thể khác, các di tích danh thắng, ẩm thực.v.v.của vùng là đặc trưng của nền văn minh lúa nước sông Hồng, văn hóa Việt Nam không nơi nào có được.

*Lễ hội văn hóa dân gian:* Vùng ĐBSH&DHĐB là miền đất của lễ hội. Các lễ hội ở vùng gắn liền với nền văn minh lúa nước sông Hồng nên mang tính khái quát cao, phản ánh sinh động đời sống tâm linh, tư tưởng triết học và bản sắc văn hóa Việt Nam. "Đồng bằng sông Hồng là quê hương của hội làng, hội vùng, hội của cả nước; là cái nôi của lễ hội nông nghiệp và lễ hội mang nội dung lịch sử - văn hóa ở tầm quốc gia". Cho nên dù có những khác biệt nhất định, song các loại hình lễ hội Bắc Bộ ít nhiều đều mang tính đại diện cho cả nước. Đây chính là một trong những điểm chủ yếu hấp dẫn du khách đến với vùng ĐBSH&DHĐB. Tuy nhiên, dưới góc độ du lịch cần thiết phải nghiên cứu chọn lọc, có kế hoạch khôi phục hay phát triển một số hình thức lễ hội có giá trị phục vụ du lịch. Trong số các lễ hội có hội Gióng được UNESCO công nhận Di sản văn hóa phi vật thể là tài nguyên du lịch tầm vóc quốc tế, ngoài ra còn các lễ hội nổi tiếng như chùa Hương (Hà Nội), Yên Tử

(Quảng Ninh), hội Lim (Bắc Ninh).v.v.thu hút khách du lịch trong và ngoài nước. (Danh mục lễ hội quan trọng của vùng xem phụ lục).

*Ca múa nhạc:* Đối với phát triển du lịch vùng ĐBSH&DHĐB, ca múa nhạc dân tộc cũng là một loại tài nguyên du lịch giá trị. Hầu hết các loại dân tại vùng ĐBSH&DHĐB như ngâm thơ, hát ru, hát vè, trống quân, hát đám, quan họ... đều rất phổ biến. Tuy nhiên, có giá trị hấp dẫn khách du lịch nhất gồm Ca trù, Quan họ và Chèo. Hát ả đào vốn là hát cửa đình, người hát lĩnh thường bằng thẻ tre nên cũng gọi là hát thẻ (tiếng Hán gọi là trụ) nên tục cũng gọi lối hát đó là Ca trù. Tiêu biểu là hát cửa đình Lỗ Khê (Liên Hà, Đông Anh) nơi có đền thờ Ca Công - ông tổ nghề hát. Ca trù sau này phát triển thành lối hát thính phòng, một thú chơi tao nhã của đất kinh thành. Ngày nay ca trù vẫn được ưa chuộng, đặc biệt là khách nước ngoài. Ca trù được UNESCO công nhận là di sản văn hóa phi vật thể cần được bảo vệ khẩn cấp (2009). Đây là tài nguyên du lịch đặc biệt giá trị. Hát Quan họ có thể hát tại nhà trong các dịp cưới hỏi, giỗ, khao; hay sau khi hát ở hội đình, hội chùa mời nhau về nhà. Hát quan họ được UNESCO công nhận là di sản phi vật thể đại diện cho nhân loại (2009), trở thành tài nguyên du lịch hấp dẫn. Chèo là loại hình nghệ thuật sân khấu dân gian Việt Nam được xuất phát từ kinh đô Hoa Lư và phát triển mạnh ở đồng bằng Bắc Bộ. Chèo là loại hình nghệ thuật giàu tính dân tộc, mang tính quần chúng và được coi là một loại hình sân khấu của hội hè với đặc điểm sử dụng ngôn ngữ đa thanh, đa nghĩa kết hợp với cách nói ví von giàu tính tự sự, trữ tình. là đại diện tiêu biểu nhất của sân khấu truyền thống Việt Nam. Hát xẩm, một loại hình dân ca đặc trưng của miền Bắc Việt Nam, phổ biến ở đồng bằng sông Hồng, thường được thể hiện bằng những người khiếm thị đi hát rong. Hiện nay, tỉnh Ninh Bình, nơi có nghệ nhân hát xẩm nổi tiếng cuối cùng đang đệ trình UNESCO công nhận là di sản văn hóa thế giới cần được bảo vệ khẩn cấp. Đây cũng là tiềm năng phát triển du lịch gắn với các giá trị văn minh sông Hồng.

*Ẩm thực:* Dân tộc Việt Nam, đặc biệt là vùng ĐBSH&DHĐB rất coi trọng cách thức ăn uống và đã chăm chút nâng lên đến tầm nghệ thuật. Ngoài các món ăn ở hàng vương giả cầu kỳ, tinh tế còn có hàng trăm món ăn dân dã hấp dẫn lại rẻ. Có những món ăn dân gian đã nổi tiếng trong và ngoài nước như chả cá Lã Vọng, bánh cuốn Thanh Trì, bánh tôm hồ Tây, cốm làng Vòng, bánh cuốn chả Phủ Lý, bánh phu thê Đình Bảng, cỗ chay Đào Xá, bánh nhũ Hải Hậu, bánh cáy làng Nguyễn, canh cá Quỳnh Côi.v.v. Đồ uống tuy không phong phú song cũng nhiều loại độc đáo. Rượu dân gian Bắc Bộ nổi tiếng với rượu làng Vân (Bắc Ninh). Nghệ thuật pha trà, có thể sánh ngang với nghệ thuật pha trà cầu kỳ của Trung Hoa, Nhật Bản là cảm hứng của nhiều du khách

*Làng nghề thủ công truyền thống, làng Việt cổ:* Nghề thủ công truyền thống ở vùng ĐBSH&DHĐB có lịch sử phát triển từ lâu đời. Có thể nói vùng ĐBSH&DHĐB là nơi xuất phát các nghề thủ công truyền thống trong cả nước, tiêu biểu là vùng Hà Nội xưa. Ngạn ngữ có câu "khéo tay hay nghề, đất lành kẻ chợ" là để ca ngợi tài hoa của người xứ Kinh kỳ. Nhiều phường nghề, làng nghề nổi tiếng từ xưa của vùng trải qua thăng trầm của thời gian vẫn còn phát triển cho tới ngày nay như đúc đồng, khảm trai, chạm bạc, sơn mài... Các làng nghề tiêu biểu có giá trị khai thác du lịch như dệt lụa tơ tằm Vạn Phúc, gốm sứ Bát Tràng (Hà Nội), mộc Bích Chu, rèn Lý Nhân (Vĩnh Phúc), mộc Tiên Sơn, đúc đồng Đại Bái, tranh Đông Hồ (Bắc Ninh), dệt cói Kim Sơn (Ninh Bình), tương Bần (Hưng Yên), gốm Chu Đậu (Hải Dương), đúc đồng La Xuyên (Nam Định), chạm bạc Đồng Xâm (Thái Bình) và một số làng chài ở Hải Phòng, Quảng Ninh... Đây là nguồn tài nguyên du lịch nhân văn độc đáo,

hấp dẫn khách du lịch. Diên hình, có thể kể đến làng Đường Lâm, làng Láng, Đông Ngạc (Hà Nội), Trường Yên (Ninh Bình), Vạn Xuyên (Hưng Yên).

*Bảo tàng:* Hà Nội là nơi tập trung đầy đủ nhất những tinh hoa văn hóa nghệ thuật của cả nước. Ở Thủ đô Hà Nội có những bảo tàng thuộc loại lớn nhất nước: Bảo tàng Hồ Chí Minh, Bảo tàng Lịch sử, Bảo tàng Quân đội, Bảo tàng Phụ nữ, Bảo tàng Mỹ thuật, Bảo tàng Địa chất, Bảo tàng Dân tộc học, Làng văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam... Khách du lịch đặc biệt là khách nội địa khi đến Hà Nội thường không quên đến thăm khu lưu niệm về Bác Hồ, một quần thể gồm Lăng, nơi ở và làm việc của Người và Bảo tàng. Ngoài ý nghĩa là một khu di tích lịch sử có tầm quan trọng bậc nhất, đây còn là một quần thể kiến trúc nghệ thuật đặc sắc của Thủ đô. Bảo tàng Dân tộc học là bảo tàng khá hiện đại của cả nước về dân tộc học, nơi trưng bày đầy đủ hình ảnh của 54 dân tộc anh em trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam hiện đang rất được du khách khen ngợi.

*Yếu tố con người và bản sắc văn hóa dân tộc:* Con người Việt Nam nói chung và vùng ĐBSH&DHĐB nói riêng vốn mang đậm nét những cư dân nông nghiệp thuần phác, chân thật và hiếu khách. Trong quá trình lịch sử lâu dài, trước một thiên nhiên hào phóng nhưng cũng khắc nghiệt con người đã phải cố kết lại với nhau để bám trụ và tồn tại. Do vậy khó có nơi nào có thể thấy rõ hơn tính cộng đồng vững chắc như ở người Việt. Đặc trưng nổi bật của tính cộng đồng là văn hóa làng xã thể hiện ở sự thống nhất của chế độ ruộng công, hương ước, ở những nét riêng biệt trong văn hóa dân gian, trong tập tục và luật lệ, trong tình làng nghĩa xóm và nhất là ở quần thể thống nhất đình chùa miếu mạo.

### **7.1.3. Cơ sở vật chất kỹ thuật – cơ cấu hạ tầng phục vụ du lịch**

*Đường bộ:* Vùng ĐBSH&DHĐB có Hà Nội là thủ đô của cả nước, Hải Phòng là một trong năm Trung tâm quốc gia và nhiều đô thị lớn nên mạng lưới giao thông đường bộ phát triển gồm các đường quốc lộ và đường tỉnh. Phần lớn hệ thống đường bộ đã được hình thành và xây dựng từ thời Pháp thuộc. Tuy nhiên, cùng với quá trình phát triển kinh tế của cả nước, hệ thống giao thông đường bộ được đầu tư nâng cấp và phát triển không ngừng. Các tuyến quốc lộ đều chủ yếu được bắt đầu từ thủ đô Hà Nội nối với các trung tâm hành chính của các tỉnh trong vùng. Ngoài ra, hệ thống đường tỉnh, đường huyện đi hầu hết các điểm dân cư trên địa bàn tạo nên mật độ giao thông dày đặc. *Quốc lộ 1A (AH 1):* Con đường huyết mạch nối Hà Nội với các tỉnh Bắc Ninh, về phía Bắc và nối Hà Nội với các tỉnh Hà Nam, Ninh Bình, và các tỉnh miền Trung, miền Nam. Mặt đường rộng 10 - 12 m, thảm bê tông nhựa, chất lượng khá tốt, hiện đang được mở rộng, phát triển thành đường cao tốc Bắc – Nam. *Quốc lộ 2 (AH 14):* Nối Hà Nội với tỉnh Vĩnh Phúc và đi các tỉnh phía Bắc là Phú Thọ, Tuyên Quang, Yên Bái, Lào Cai. Đoạn từ Km0 (Phù Lỗ) đến Km 109 (Đoan Hùng) thuộc tuyến AH 14 (Hải Phòng - Cửa khẩu Lào Cai/Hà Khâu - Côn Minh) trong các Hiệp định đường bộ GMS và ASEAN. Mặt đường rộng 10 - 12 m, thảm bê tông nhựa, chất lượng khá tốt, hiện đang được mở rộng, nâng cấp. *Quốc lộ 5A (AH 14):* Nối Hà Nội, Hưng Yên, Hải Dương, Hải Phòng. Đường cấp 1 đồng bằng, nền đường 26 - 35 m, mặt đường 18 - 23 m (từ km 0 đến km6+600 mặt đường 6 làn xe băng 30 m) thảm bê tông nhựa. Từ km 6+600 (Phú Thụy - Gia Lâm - TP Hà Nội) đến cảng Chùa Vẽ - Hải Phòng, mặt đường phổ biến từ 18 đến 23 m (4 làn xe) có dải phân cách cứng rộng 1,2 - 1,5 m.

*Đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng (còn gọi là Quốc lộ 5B)* là một trong 6 tuyến cao tốc được xây dựng theo quy hoạch tại miền Bắc Việt Nam. Đây là dự án đường ô-tô cao tốc loại A dài 105,5 km từ Thủ đô Hà Nội qua Hưng Yên, Hải Dương tới thành phố cảng Hải

Phòng. *Quốc lộ 2, Quốc lộ 5A (AH 14)*: là trục xuyên Á thuộc hành lang kinh tế Hải Phòng-Hà Nội-Lào Cai-Côn Minh, một trong hai hành lang kinh tế quan trọng giữa Việt Nam và Trung Quốc có ý nghĩa quan trọng đối với phát triển du lịch vùng. Trên cơ sở không gian hành lang kinh tế các địa phương trong vùng có thể hợp tác phát triển du lịch với các địa phương của Trung Quốc thông qua hệ thống giao thông, cửa khẩu đường bộ, hệ thống sân bay, cảng biển.v.v...

*Đường nối thành phố Hạ Long với đường cao tốc 5B Hà Nội - Hải Phòng*: Đường nối Hạ Long với đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng có tổng chiều dài tuyến hơn 25 km, điểm đầu tại Km 0+000 giao với Km 102+400 Quốc lộ 18 thuộc phường Đại Yên (Hạ Long) và điểm cuối tại Km 25+214 giao với dự án đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng, chiều rộng đường 4 làn xe. *Quốc lộ 6 (AH13)*: Nối Hà Nội với các tỉnh vùng núi Tây Bắc là Hòa Bình, Sơn La và Điện Biên. *Quốc lộ 10*: Là tuyến đường chạy dọc theo vùng duyên hải qua 6 tỉnh và thành phố: Quảng Ninh, Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình và Thanh Hóa, tổng chiều dài 228 km. Mặt đường rộng 12 m, chất lượng tốt, bảo đảm lưu thông thuận tiện. *Quốc lộ 18*: Nối 2 cực của tam giác tăng trưởng kinh tế phía Bắc là Hà Nội và Quảng Ninh, đây là một tuyến quan trọng nối sân bay quốc tế Nội Bài và khu công nghiệp tập trung Nội Bài với khu du lịch nổi tiếng Hạ Long và cảng nước sâu Cái Lân, cửa khẩu quốc tế đường bộ Móng Cái (Quảng Ninh) *Quốc lộ 21*: Nối Nam Định - Hà Nam - Hà Nội (nối với đường Hồ Chí Minh); Quốc lộ 21B, trục đường nối trung tâm thủ đô (tiếp giáp quốc lộ 6) với khu thắng cảnh Hương Sơn (Mỹ Đức). *Quốc lộ 32*: Nối Hà Nội với vùng Tây Bắc qua Phú Thọ, từ đó có thể kết nối các tuyến QL 32B, 32C, QL 37 và QL 4D. Hiện nay đoạn chạy qua Hà Nội đang được đầu tư nâng cấp, thuận lợi cho việc giao lưu từ Hà Nội lên các tỉnh Tây Bắc

Ngoài ra còn tuyến đường Hồ Chí Minh, chạy qua phía Tây vùng liên hệ trực tiếp

*Đường sắt*: Vùng ĐBSH&DHĐB hội tụ của nhiều tuyến đường sắt với các nhánh đi và về qua thủ đô Hà Nội. Hầu hết các tuyến đường sắt được xây dựng từ thời Pháp thuộc nên hệ thống đường và hạ tầng kỹ thuật đã lạc hậu. Gần đây Chính phủ rất quan tâm đầu tư nâng cấp hệ thống đường sắt, tuy nhiên vẫn chưa đáp ứng nhu cầu đi lại và vận chuyển hàng hóa.

- Hà Nội - Hải Dương - Hải Phòng nối liền các địa phương trong vùng theo hướng Đông - Tây.

- Hà Nội - Đồng Đăng qua cửa khẩu Hữu Nghị đi Nam Ninh (Trung Quốc).

- Hà Nội - Thái Nguyên nối với vùng Trung du miền núi Bắc Bộ.

- Hà Nội - Việt Trì - Yên Bái - Lào Cai qua Côn Minh (Trung Quốc).

- Hà Nội - Nam Định - Ninh Bình nối với các tỉnh phía Nam, một phần của tuyến đường sắt xuyên Á.

Giao thông đường sắt là phương tiện vận chuyển quan trọng, một trong những điều kiện để liên kết vùng và liên kết quốc tế phát triển du lịch. Đặc biệt là tuyến đường sắt xuyên Á, với định hướng phát triển mới sẽ tạo điều kiện thuận lợi để kết nối du lịch vùng ĐBSH&DHĐB với các nước trong khối ASEAN và Trung Quốc.

*Đường không*: Sân bay quốc tế Nội Bài (Hà Nội) cách trung tâm thủ đô Hà Nội khoảng 30 km với khả năng chuyên chở 2-3 triệu khách và 20.000 tấn hàng hóa/năm. Sân bay Gia Lâm cách trung tâm Hà Nội khoảng 4 km, dùng cho máy bay vận tải và máy bay nhỏ. Sân bay Cát Bi (Hải Phòng) hiện đã đi vào hoạt động và tháng 8/2006 đã được phép tổ chức các chuyến bay quốc tế nối Hải Phòng với Ma Cao (Trung Quốc) đang tiếp tục được đầu tư nâng cấp đón các chuyến bay quốc tế. Ngành hàng không nói chung và các sân bay ở

vùng ĐBSH&DHĐB nói riêng đã có những bước tiến bộ và phát triển đáng kể. Các tuyến bay trong nước và quốc tế được mở rộng, các chuyến bay được tăng cường. Những tiến bộ nói trên đã đáp ứng kịp thời yêu cầu phát triển du lịch của vùng và tạo ra tiền đề mở rộng khai thác các nguồn khách du lịch quốc tế đến Việt Nam.v.v...

Việc mở rộng Cảng hàng không quốc tế Nội Bài, đủ khả năng phục vụ 25 triệu hành khách mỗi năm vào năm 2020; hoàn thành nâng cấp sân bay Cát Bi theo quy hoạch, đến năm 2015, Cảng hàng không quốc tế Cát Bi sẽ đón 2 triệu hành khách một năm và xây dựng mới sân bay Vân Đồn năm 2015 với năng lực vận chuyển khoảng 6 triệu khách/ năm là những cơ hội đối với phát triển du lịch vùng.

*Giao thông đường sông:* Vùng ĐBSH&DHĐB có nhiều tuyến đường sông quốc gia được đưa vào danh sách hệ thống đường sông Việt Nam như: Sông Hồng, sông Đuống, sông Luộc, sông Đáy, sông Hoàng Long, sông Nam Định, sông Ninh Cơ, sông Vạc, sông Thái Bình, sông Cầu, sông Kinh Thầy, sông Kinh Môn, sông Kênh Khê, sông Lai Vu, sông Mạo Khê, sông Cầu Xe, sông Gù, sông Mía, sông Hoá, sông Trà Lý, sông Cấm, sông Lạch Tray, sông Phi Liệt, sông Văn Úc,... Sông Hồng là con sông lớn nhất vùng Bắc Bộ dài 500 km chảy qua nhiều tỉnh của vùng. Phạm vi thông thương bằng đường sông từ Hà Nội đến các tỉnh, các vùng trong cả nước là rất lớn không chỉ bởi con sông dài chảy qua nhiều tỉnh mà còn được nối nhiều mạng sông nhỏ với sông Hồng như sông Đà, sông Lô, sông Thái Bình... và cả vùng ven biển Việt Nam. Chính vì vậy vận chuyển hàng hóa, hành khách từ Hà Nội bằng đường sông trong tới các tỉnh trong vùng rất thuận lợi. Từ lợi thế này từ lâu Hà Nội đã có cảng sông và thường xuyên được đầu tư nâng cấp và góp phần tích cực vào việc vận chuyển hàng hóa và hành khách. Các cảng sông quan trọng gồm: Cảng Hà Nội, cảng Diêm Điền (Thái Bình), cảng Ninh Cơ (Nam Định).

*Giao thông đường biển:* Vùng ĐBSH&DHĐB có hệ thống cảng biển nối liền với các cảng biển miền Trung và miền Nam trong hệ thống biển của cả nước, đồng thời cũng có nhiều cảng biển quốc tế. Đây chính là một lợi thế cơ bản để phát triển du lịch bởi vì hiện nay du lịch bằng tàu biển ngày càng được ưa chuộng. Thực tế trong những năm qua Việt Nam đã đón nhiều tàu du lịch lớn cập các cảng Hạ Long, Hải Phòng.

Các cảng biển quan trọng bao gồm cảng Hải Phòng, cảng Cái Lân, cảng Hòn Gai, trong đó cảng Hải Phòng và cảng Cái Lân là cảng biển nước sâu, quốc tế, có khả năng cập được tàu trọng tải lớn. Cảng tàu du lịch Hòn Gai (Hạ Long) hiện đã quá tải và đang được nâng cấp. Cảng tàu du lịch Tuần Châu hiện đón được 100 tàu thuyền cùng một lúc và đã được quy hoạch thành cảng tàu hiện đại nhất thế giới.

*Hệ thống cửa khẩu:* Vùng ĐBSH&DHĐB có thuận lợi lớn có nhiều cửa khẩu quan trọng để đưa đón khách du lịch nước ngoài. Sân bay quốc tế Nội Bài (Hà Nội) là cửa khẩu hàng không quốc tế đã được xây dựng hiện đại, quy mô có thể vận chuyển 2 - 3 triệu lượt khách/năm. Cảng Hải Phòng là cảng lớn thứ hai trong cả nước, sau cảng Sài Gòn, dư sức tiếp nhận và tiễn đưa hàng chục ngàn khách du lịch vận chuyển bằng đường biển. Cửa khẩu biên giới đường bộ Móng Cái nằm trên tuyến đường liên vận quốc tế (AH14) nối liền giữa Việt Nam và Trung Quốc. Bên cạnh đó, do tiếp giáp với vùng Trung du miền núi Bắc Bộ nên vùng có sự ảnh hưởng của hệ thống cửa khẩu biên giới đường bộ với Trung Quốc, trong đó có hai cửa khẩu quan trọng là Lào Cai (Lào Cai) và Hữu Nghị (Lạng Sơn).

*Cung cấp điện:* Đây là vùng tập trung các nhà máy điện lớn như nhiệt điện Phả Lại, nhà máy nhiệt điện Ninh Bình,... Những năm gần đây sản lượng điện được tăng lên không ngừng và chất lượng điện cung cấp cũng tốt hơn, cùng với việc phát triển mạng lưới điện



rộng khắp đã đảm bảo vững chắc nguồn điện phục vụ cho các ngành và các địa phương trong vùng, trong đó có hoạt động du lịch. Vùng ĐBSH&DHĐB có diện tích hẹp, đồi núi không nhiều, kinh tế phát triển vì vậy điện lưới quốc gia đến hầu hết các địa phương trong vùng, trừ một số đảo của Quảng Ninh và Hải Phòng như Cô Tô, Quan Lạn, Bạch Long Vĩ. Tuy nhiên các đảo đều có nguồn điện tại chỗ và đến cuối năm 2012, mạng điện lưới quốc gia sẽ cung cấp cho các đảo Cô Tô, Quan Lạn.

*Nguồn nước:* Do điều kiện địa lý tự nhiên có nhiều sông ngòi, lượng mưa hàng năm lớn... nên vùng ĐBSH&DHĐB có nguồn nước mặt và nước ngầm phong phú đủ điều kiện và khả năng giải quyết tốt nhu cầu nước phục vụ du lịch.

*Nguồn nước mặt:* Với diện tích không lớn nhưng vùng ĐBSH&DHĐB có nhiều sông lớn nhỏ, nhiều hồ chứa nước đa chức năng tự nhiên và nhân tạo. Hệ thống sông được hình thành và đi qua hầu hết các tỉnh. Đây là nguồn cung cấp nước dồi dào cho sinh hoạt và sản xuất.

*Nguồn nước ngầm:* Theo kết quả khảo sát nghiên cứu thì vùng ĐBSH&DHĐB có nguồn nước ngầm cũng rất phong phú. Xét về nguồn nước cung cấp vùng ĐBSH&DHĐB có thể sử dụng cả hai nguồn nước mặt và nước ngầm, trữ lượng và chất lượng đủ khả năng cung cấp lâu dài cho nhu cầu sinh hoạt của dân cư, khách du lịch và sản xuất.

*Mạng cấp nước và vệ sinh môi trường:* Phổ biến mạng lưới cấp nước của các thành phố đã quá cũ, số lượng các trạm phân phối chưa đủ, đến nay chỉ có thành phố Hà Nội mới được cải tạo một phần do dự án hợp tác của Phần Lan nhưng chưa được cải thiện nhiều.

*Hiện trạng và khả năng cung cấp các dịch vụ thông tin truyền thông:* Trong mấy năm gần đây ngành Thông tin và truyền thông Việt Nam sớm hòa nhập vào trình độ của khu vực và quốc tế đồng thời đó đạt đến trình độ tiên tiến và hiện đại hóa. Hà Nội một trong những trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa lớn nhất được ưu tiên đầu tư trang bị sớm hoàn thiện. Điều đó có ý nghĩa quan trọng đối với công cuộc phát triển kinh tế - xã hội của Hà Nội, của cả nước nói chung và đặc biệt đối với ngành du lịch. Cùng với mạng điện thoại cố định, các mạng điện thoại di động Mobiphone và Vinaphone, Viettel đã phủ sóng tới hầu hết các địa danh du lịch thuộc vùng ĐBSH&DHĐB, góp phần giúp thông tin thông suốt, nhanh chóng và tiện lợi. Số thuê bao của 3 mạng di động này ngày một tăng nhanh, tuy nhiên do sự tăng đột biến nên thường dẫn đến hiện tượng nghẽn mạch, đòi hỏi có sự đầu tư đồng bộ hơn nữa.

#### **7.1.4. Các tuyến điểm du lịch và loại hình du lịch vùng du lịch ĐBSH&DHĐB**

Vùng ĐBSH&DHĐB cũng là nơi có đội ngũ trí thức đông đảo và đội ngũ lao động có trình độ kỹ thuật và tay nghề cao. Đây là những yếu tố đang dần thu hút các nhà đầu tư trong nước và quốc tế đầu tư mạnh mẽ vào khu vực công nghiệp của vùng, đặc biệt là các ngành công nghiệp công nghệ cao.

Sự phát triển nền kinh tế thị trường đã dần dần làm thay đổi bộ mặt xã hội vùng theo hai xu hướng trái ngược nhau:

Thứ nhất: Kinh tế phát triển, đời sống được cải thiện đã đưa các yếu tố mới hiện đại vào lối sống của người dân.

Thứ hai: Xu hướng khôi phục các nét sinh hoạt văn hóa truyền thống, đặc trưng của văn hóa nông nghiệp và văn hóa làng xã đang được phục hồi.

*Loại hình du lịch* tham quan, nghiên cứu, tìm hiểu nền văn minh sông Hồng, văn hóa Việt Nam

Vùng Đồng bằng sông Hồng cần được tập trung nghiên cứu, phát triển là du lịch văn hóa gắn với các giá trị của nền văn minh sông Hồng, trong đó chú trọng khai thác các giá trị

văn hóa đã được quốc tế công nhận là các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể của nhân loại như Hoàng thành Thăng Long, bia Tiến sỹ Văn Miếu, Hội Gióng, Quan họ Bắc Ninh, Ca trù; các di tích lịch sử văn hóa nổi trội cấp quốc gia đặc biệt như khu di tích Cổ Loa, Phủ Chủ tịch, Côn Sơn Kiếp Bạc, cố đô Hoa Lư, Đền Trần và tháp Phổ Minh, Chùa Keo, phố Hiến.v.v....; phố cổ Hà Nội kết hợp văn hóa ẩm thực; các bảo tàng, nhà trưng bày và các di tích khác; các lễ hội truyền thống (Chùa Hương, Hội Lim, hội Gióng, Yên Tử, Đền Trần- Phủ Dày.); các làng nghề và làng Việt Cổ: Đường Lâm, Vạn Phúc, Đông Ngạc, Bát Tràng, Đông Hồ, Trường Yên, Mạn Xuyên.v.v.). Qua đó hướng khai thác sản phẩm đặc trưng gồm:

+ Các di sản lịch sử văn hóa, nghệ thuật truyền thống cội nguồn của cộng đồng người Việt và nhiều dân tộc khác.

+ Các di tích lịch sử-văn hóa dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam.

+ Phố cổ kết hợp mua sắm và ẩm thực.

+ Các lễ hội và sinh hoạt tâm linh thuộc các nền văn minh, văn hóa các dân tộc.

+ Các làng Việt cổ và các làng nghề truyền thống ở vùng.

#### *Loại hình du lịch biển, đảo*

Du lịch biển đảo là thế mạnh của vùng, phát triển mạnh hệ thống sản phẩm du lịch biển có khả năng cạnh tranh được trong khu vực về nghỉ dưỡng biển, tham quan thắng cảnh biển - đảo; xây dựng khu du lịch biển có chất lượng cao cùng với các khu giải trí cao cấp. Hình thành cơ sở và dịch vụ du lịch hỗ trợ cho các sản phẩm du lịch thể thao và sinh thái biển, các sự kiện văn hóa, thể thao gắn với biển, đảo. Xây dựng năng lực đáp ứng nhu cầu nghỉ dưỡng biển - đảo dài ngày. Sử dụng các lợi thế về tài nguyên tự nhiên và các nét văn hóa đặc trưng vùng biển - đảo để thiết kế phát triển các sản phẩm biển có sức hấp dẫn cao.

+ Du lịch du thuyền: Gắn với biển Đông Bắc khai thác các giá trị đã được UNESCO vinh danh như di sản và kỳ quan thế giới Hạ Long, khu dự trữ sinh quyển Cát Bà, các bãi tắm Trà Cổ, Cô Tô, Quan Lạn, Bạch Long Vĩ, v.v..., gồm các loại hình sau:

+ Vui chơi giải trí, thể thao khám phá.

#### *Loại hình du lịch sinh thái, tham quan cảnh quan*

Du lịch gắn với các giá trị hệ sinh thái vườn quốc gia, khu bảo tồn tự nhiên, các giá trị cảnh quan thiên nhiên, hang động như Ba Vì, Tam Đảo, Cúc Phương, Tràng An-Tam Cốc-Bích Động, Vân Long, Xuân Thủy, với các loại hình sau:

+ Tham quan cảnh quan, hang động.

+ Tham quan cảnh quan, hệ sinh thái biển, đảo

+ Nghiên cứu hệ sinh thái tự nhiên.

Đẩy mạnh phát triển các sản phẩm du lịch sinh thái, du lịch có trách nhiệm đi kèm với bảo vệ môi trường văn hóa, xã hội, cộng đồng tại các địa phương. Phát huy các hình thái nông nghiệp, các hoạt động du lịch cộng đồng hấp dẫn đối với các thị trường du lịch trong nước và quốc tế

#### *Du lịch công vụ*

+ Du lịch MICE ở các trung tâm lớn như Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh.

+ Du lịch thương mại, mua sắm: Gắn với các đô thị lớn, cửa khẩu Móng Cái.

#### *Loại hình du lịch đô thị, giáo dục*

+ Du lịch đô thị: Gắn với các đô thị lớn, cổ như Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định.

+ Du lịch giáo dục: gắn với các di tích, bảo tàng, nhà trưng bày ...

+ Du lịch thể thao: Gắn với khu vực núi cao và biển.

#### *Loại hình du lịch chữa bệnh, nghỉ dưỡng*

+ Nghỉ dưỡng biển.

+ Du lịch nghỉ dưỡng núi, dưỡng bệnh: Gắn với các suối nước nóng, các khu vực có khí hậu tốt như Ba Vì, Tam Đảo, Kênh Gà.v.v...

+ Du lịch làm đẹp: Gắn với các khu nghỉ dưỡng biển, khu nước khoáng nóng ...

### *Lễ hội-tín ngưỡng*

Phát triển các sản phẩm du lịch văn hoá gắn với di sản, lễ hội, tham quan và tìm hiểu văn hoá, lối sống địa phương; phát triển du lịch làng nghề và du lịch cộng đồng kết hợp nghỉ tại nhà dân. Hệ thống di sản văn hóa vật thể và phi vật thể được UNESCO công nhận là các điểm nhấn tạo sức hấp dẫn của sản phẩm du lịch. Sản phẩm du lịch cần chú trọng phát triển và bảo tồn các giá trị tài nguyên du lịch, cần tổ chức quản lý hoạt động du lịch phù hợp với yêu cầu về bảo tồn đồng thời phát huy các giá trị di sản. Bảo tồn, phục dựng và phát huy các tập tục, giá trị truyền thống, các nét sinh hoạt cộng đồng, văn hóa lối sống của từng địa phương để thiết kế, xây dựng sản phẩm du lịch tìm hiểu văn hóa phong phú, hấp dẫn. Khuyến khích và tạo thuận lợi cho phát triển các sản phẩm du lịch cộng đồng, du lịch nông thôn... Giới thiệu và phát triển các làng nghề cùng các sản phẩm làng nghề truyền thống qua hoạt động du lịch.

### *Loại hình du lịch ẩm thực*

Ẩm thực là thế mạnh của vùng, cần phát triển mạnh dịch vụ ẩm thực đặc sắc mang phong cách Việt, giới thiệu rộng rãi văn hóa ẩm thực đến thị trường khách du lịch quốc tế; đây là một trong những sản phẩm du lịch văn hóa quan trọng, là loại hình du lịch đặc sắc, có tính đặc trưng cao cần có chiến lược phát triển và bảo tồn.

## **7.2. Một số tuyến điểm du lịch chủ yếu vùng du lịch lịch đồng bằng sông Hồng và duyên hải Đông Bắc**

### **7.2.1. Một số tuyến điểm du lịch nội vùng đồng bằng sông Hồng và duyên hải Đông Bắc**

#### **7.2.1.1. Các tuyến du lịch tiểu vùng đồng bằng sông Hồng**

Bao gồm Thủ đô Hà Nội và các tỉnh Bắc Ninh, Hải Dương, Hưng Yên, Vĩnh Phúc, Hà Nam với Thủ đô Hà Nội là trung tâm hạt nhân và là địa bàn trọng điểm phát triển du lịch. Tiểu vùng có diện tích tự nhiên khoảng 8.833 km<sup>2</sup>; dân số hơn 12.235,8 nghìn người; mật độ trung bình xấp xỉ 1.468,5 người/ km<sup>2</sup>.

*Khái quát chung:* Tiểu vùng Trung tâm gắn liền với Thủ đô Hà Nội, vùng Thủ đô, vùng ĐBSH và với một cực của vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc.

Tiểu vùng được sự quan tâm đầu tư nhiều của Nhà nước và nước ngoài. Có trình độ phát triển kinh tế-xã hội cao nhất vùng, có nguồn lao động dồi dào, nhiều kinh nghiệm và truyền thống trong sản xuất, chất lượng lao động cao, thị trường có sức mua lớn. Cơ sở vật chất kỹ thuật cho các ngành (trong đó có du lịch) ngày càng hoàn thiện.

*Đặc điểm tài nguyên:* Tiểu vùng du lịch Trung tâm với đại bộ phận diện tích là đồng bằng và đồi núi có địa hình thấp. Một phần lãnh thổ phía Tây Vĩnh Phúc, Hà Nội là vùng núi trung bình có nhiều đỉnh cao trên 1.000 m. Khu vực phía Đông là trung tâm của vùng châu thổ sông Hồng với địa hình bằng phẳng, sông ngòi chằng chịt, những cánh đồng phì nhiêu. Địa hình đa dạng đã tạo nên nguồn tài nguyên du lịch tự nhiên phong phú. Tiểu vùng cũng là nơi có lịch sử khai phá lâu đời, nôi của nền văn minh lúa nước, tập trung nhiều di tích, lễ hội, làng nghề truyền thống đặc sắc.với trung tâm quốc gia là Thủ đô Hà Nội.

+ Hệ thống di tích lịch sử - văn hóa gắn với văn minh sông Hồng và lịch sử ngàn năm Thăng Long-Đông Đô-Hà Nội.

+ Cảnh quan thiên nhiên gắn với các vườn quốc gia, khu bảo tồn, dự trữ sinh quyển, đồng bằng châu thổ sông Hồng.

Các điểm tài nguyên nổi bật: Chùa Hương, Ba Vì-Suối Hai, Sóc Sơn, Hoàng Thành Thăng Long và các di tích lịch sử văn hóa nội thành Hà Nội; phố cổ Hà Nội kết hợp mua sắm và ẩm thực (Hà Nội); Tam Đảo, Đại Lải (Vĩnh Phúc), hệ thống di tích thành phố Bắc Ninh (Bắc Ninh), Côn Sơn-Kiếp Bạc (Hải Dương), Phố Hiến (Hưng Yên) và cảnh quan các sông Hồng, sông Đà.v.v..

Đặc biệt hơn cả, tiểu vùng là nơi có 3 Di sản văn hóa vật thể và phi vật thể của thế giới: Hoàng Thành Thăng Long, Ca trù và Quan họ Bắc Ninh là những tài nguyên du lịch đặc biệt giá trị được thế giới vinh danh.

*Hệ thống giao thông:* Tiểu vùng có hệ thống giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy và đường không phát triển.

+ *Đường bộ:* Các QL 1, QL 2, QL 3, QL 5 (a,b), QL 6, QL 18 từ Hà Nội đi các tỉnh trong vùng và với vùng khác trên lãnh thổ du lịch Việt Nam. Ngoài ra còn đường Hồ Chí Minh qua phía Tây tiểu vùng.

+ *Đường sắt:* Bắc - Nam, Hà Nội - Lạng Sơn, Hà Nội - Hải Phòng, Hà Nội - Thái Nguyên, Hà Nội - Lào Cai.

+ *Đường không:* Sân bay Nội Bài với Nội Bài là cửa khẩu sân bay quốc tế quan trọng hàng đầu của đất nước.

+ *Đường sông:* Hệ thống sông Hồng, sông Đuống, sông Đáy...

*Hệ thống đô thị:* Tiểu vùng có Hà Nội là Đô thị đặc biệt, thành phố trực thuộc Trung ương là các trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa-xã hội của quốc gia. Các thành phố đô thị loại 2 và 3 như Vĩnh Yên, Bắc Ninh, Hải Dương, Hưng Yên, Phủ Lý.

*Sản phẩm du lịch đặc trưng của vùng:* Với đặc điểm nổi trội về tài nguyên du lịch nhân văn, hướng khai thác chủ yếu là du lịch văn hóa gắn với các giá trị nền văn minh sông Hồng, các nét sinh hoạt truyền thống của vùng Đồng bằng Bắc Bộ;

+ Du lịch tham quan, nghiên cứu (các di tích, làng nghề, phố cổ. kết hợp văn hóa dân gian và ẩm thực).

+ Du lịch lễ hội, tâm linh.

+ Du lịch cuối tuần (nghỉ dưỡng núi, VCGT cao cấp, thể thao.v.v...).

+ Du lịch sinh thái nông nghiệp nông thôn.

+ Du lịch MICE.

*Hệ thống khu, điểm, đô thị du lịch:* Căn cứ đặc điểm tài nguyên du lịch và thực tế nhu cầu phát triển, định hướng quy hoạch phát triển các khu du lịch quốc gia, điểm du lịch quốc gia và đô thị du lịch như sau:

*5 khu du lịch quốc gia*

1. Khu du lịch Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam (Hà Nội): Phát triển du lịch tham quan, tìm hiểu nghiên cứu bản sắc văn hóa các dân tộc ở Việt Nam, vui chơi giải trí, sự kiện.

2. Khu du lịch Ba Vì - Suối Hai (Hà Nội): Phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng và vui chơi giải trí cuối tuần.

3. Khu du lịch Tam Đảo (Vĩnh Phúc): Phát triển du lịch nghỉ dưỡng núi, nghỉ cuối tuần, sinh thái, hội nghị hội thảo.

4. Khu du lịch Tam Chúc (Hà Nam): Phát triển du lịch sinh thái hồ và văn hóa
5. Khu du lịch Côn Sơn - Kiếp Bạc (Hải Dương): Phát triển du lịch tham quan di tích lịch sử - văn hóa, nghỉ dưỡng, sinh thái.

*4 điểm Du lịch quốc gia:*

1. Điểm du lịch Hoàng thành Thăng Long gắn với Quần thể các di tích nội thành Hà Nội (Văn Miếu, Cổ Loa, di tích phố cổ, Hồ Hoàn Kiếm và Đền Ngọc Sơn, Đền Quán Thánh, Đền Hai Bà Trưng, Hồ Tây, Chùa Một Cột, Chùa Trấn Quốc, Chùa Bộc, Bảo tàng lịch sử, Bảo tàng Cách mạng, Bảo tàng Phụ nữ, Bảo tàng Mỹ thuật, Bảo tàng Quân đội, Bảo tàng Hồ Chí Minh, Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh...) : Tham quan, nghiên cứu di sản văn hóa, di tích, phố cổ kết hợp ẩm thực.

2. Điểm du lịch thành phố Bắc Ninh và phụ cận (Bắc Ninh): Tham quan di tích gắn với dân ca Quan họ.

3. Điểm du lịch Chùa Hương (Hà Nội): Lễ hội kết hợp tham quan di tích.

4. Điểm du lịch Phố Hiến (Hưng Yên): Tham quan di tích lịch sử-văn hóa gắn với du lịch sinh thái đường sông.

*Các khu, điểm du lịch địa phương:*

+ Khu du lịch Sóc Sơn (Hà Nội): Du lịch văn hóa, lễ hội.

+ Khu du lịch Đại Lải (Vĩnh Phúc): Du lịch sinh thái hồ.

+ Khu du lịch An Dương-đảo cò Chi Lãng Nam (Hải Dương): Du lịch sinh thái.

*Các điểm du lịch địa phương phụ trợ:* Ngoài các điểm du lịch chính, hệ thống các điểm du lịch phụ trợ cùng tiểu vùng gồm các di tích lịch sử văn hóa, các giá trị cảnh quan..

**7.2.1.2. Các tuyến du lịch tiểu vùng duyên hải Đông Bắc**

Gồm thành phố Hải Phòng và tỉnh Quảng Ninh với Hạ Long - Cát Bà - Bái Tử Long - Vân Đồn là địa bàn trọng điểm phát triển du lịch. Diện tích tự nhiên tiểu vùng 7.621,1 km<sup>2</sup>; dân số: 3.017,3 nghìn người; mật độ trung bình khoảng 396 người/ km<sup>2</sup>.

*Khái quát chung:* Tiểu vùng có vị trí thuận lợi trong giao lưu về đường thủy, đường bộ và đường không trong nước và quốc tế là cửa ngõ Đông Bắc của du lịch Việt Nam với cửa khẩu quốc tế đường bộ (Móng Cái) và các cửa khẩu đường biển (Quảng Ninh, Hải Phòng), vì vậy đóng vai trò quan trọng đối với sự nghiệp phát triển du lịch vùng nói riêng và cả nước nói chung. Tiểu vùng Duyên hải Đông Bắc là nơi tập trung nhiều tiềm năng kinh tế quan trọng của vùng như khai thác than, vật liệu xây dựng, đánh bắt và nuôi trồng hải sản, giao thông và cảng biển.

*Đặc điểm tài nguyên:* Tiểu vùng du lịch duyên hải Đông Bắc là nơi tập trung nhiều tài nguyên du lịch tự nhiên phong phú và đặc sắc mà tiêu biểu nhất phải kể đến là Vịnh Hạ Long-di sản thiên nhiên thế giới, một trong bảy kỳ quan thế giới mới với gần 3.000 hòn đảo lớn nhỏ, trong đó có nhiều hang động đẹp vốn đó nổi tiếng từ lâu đời như hang Đầu Gỗ, hang Bò Nâu, hang Trinh Nữ, hang Sừng Sốt... Bãi Cháy với đảo Tuần Châu là nơi nghỉ mát lý tưởng có tiếng từ những năm cuối thế kỷ XVI. Đảo Cát Bà thuộc huyện Cát Hải (Hải Phòng) nơi có vườn quốc gia Cát Bà với các hệ sinh thái rừng-biển phong phú, khu dự trữ sinh quyển thế giới.

Với chiều dài bờ biển trên 200 km, tiểu vùng du lịch duyên hải Đông Bắc có nhiều bãi tắm có giá trị như Trà Cổ, Quan Lạn, Ngọc Vũng, Bãi Cháy, Đồ Sơn... Các bãi cát trên các đảo ven bờ vịnh Hạ Long và Cát Bà tuy nhỏ nhưng trong sạch, cát mịn và kín đáo nên đặc biệt hấp dẫn đối với du khách.

Tiểu vùng du lịch duyên hải Đông Bắc còn là nơi tập trung nhiều di tích lịch sử- văn

hóa, đặc biệt nổi bật trong số có chùa Yên Tử, chùa Long Tiên và núi Bài Thơ, đền Cửa Ông, đình Trà Cổ, bãi cọc Bạch Đằng... (Quảng Ninh), chùa Dur Hàng, đình Hàng Kênh, di tích Trạng Trình... (Hải Phòng). Ngoài ra ở khu vực này còn bảo tồn được nhiều lễ hội, sinh hoạt truyền thống có sức hấp dẫn lớn mà tiêu biểu là hội đền Cửa Ông (Quảng Ninh), hội Chọi Trâu (Đồ Sơn), hội đua thuyền (Cát Bà)...

*Hệ thống giao thông:* Trên địa bàn tiểu vùng có hệ thống giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy và đường không phát triển.

+ Đường bộ: Các QL 5, QL 10, QL 18 đi các tỉnh trong vùng và với vùng khác trên lãnh thổ Việt Nam. QL 10 là tuyến hành lang ven biển, điểm đầu của các quốc lộ 4B, 279 đi các tỉnh vùng Trung du miền núi Bắc Bộ. Quốc lộ 18 nối Thủ đô Hà Nội với cửa khẩu quốc tế Móng Cái là tuyến đường bộ quan trọng.

+ Đường sắt: Hải Phòng - Hà Nội.

+ Đường không: Sân bay Cát Bi là sân bay nội địa, trong tương lai sẽ là sân bay quốc tế có thể đón khách du lịch trực tiếp từ các nước trong khu vực. Ngoài ra, tương lai cũng sẽ phát triển sân bay Vân Đồn nơi có các chuyến bay quốc tế.

+ Đường sông: Hệ thống sông Bạch Đằng, sông đổ ra biển.

+ Đường biển: Có các cảng biển quan trọng Hạ Long, Hải Phòng.

Cảng Hải Phòng, cảng Hạ Long, cảng Cửa Ông là những cảng biển hết sức quan trọng trong hệ thống các cảng biển Việt Nam. Cảng tàu du lịch Nam Tuần Châu tương lai là cảng du lịch hiện đại.

*Hệ thống đô thị:* Tiểu vùng có Hải Phòng là trung tâm quốc gia và các thành phố khác như Hạ Long, Cẩm Phả, Uông Bí, Móng Cái.

*Hướng khai thác sản phẩm du lịch đặc trưng của vùng:* Với đặc điểm nổi trội về tài nguyên du lịch tự nhiên, hướng khai thác chủ yếu là du lịch biển gắn với Hạ long và các bãi biển Quảng Ninh.

+ Tham quan, nghiên cứu các giá trị di sản thiên nhiên, cảnh quan vịnh Hạ Long, Cát Bà, vịnh Bái Tử Long.

+ Nghỉ dưỡng tắm biển, nghỉ cuối tuần.

+ Thể thao khám phá, vui chơi giải trí gắn với biển, đảo.

+ Tham quan các di tích lịch sử-văn hóa, làng nghề chài, khu nuôi trồng thủy hải sản.v.v....

+ Du lịch MICE.

*Hệ thống khu, điểm, đô thị du lịch:* Căn cứ vào tiềm năng tài nguyên và các điều kiện phát triển có liên quan, tiểu vùng duyên hải Đông Bắc bao gồm:

*Khu du lịch quốc gia*

1.Khu du lịch Hạ Long - Cát Bà (Quảng Ninh, Hải Phòng): Du lịch nghỉ dưỡng biển, tham quan thắng cảnh, khám phá biển, đảo

2.Khu du lịch Vân Đồn (Quảng Ninh): Du lịch nghỉ dưỡng biển, tham quan thắng cảnh, khám phá biển, đảo

3.Khu du lịch Trà Cổ (Quảng Ninh): Du lịch nghỉ dưỡng biển, tham quan thắng cảnh, khám phá biển, đảo kết hợp thương mại cửa khẩu biên giới.

*1 điểm Du lịch quốc gia:* Điểm du lịch Yên Tử (Quảng Ninh): Du lịch văn hóa lễ hội tâm linh kết hợp cảnh quan.

- 2 đô thị du lịch: Thành phố Hạ Long (Quảng Ninh), Đồ Sơn (Hải Phòng).

- Các khu, điểm du lịch địa phương:

+ Khu du lịch Bạch Long Vĩ (Hải Phòng): Du lịch biển, đảo.

- + Khu du lịch Cô Tô (Quảng Ninh): Du lịch biển, đảo.
- + Điểm du lịch Di tích chiến thắng Bạch Đằng (Quảng Ninh)

*Các khu, điểm du lịch địa phương phụ trợ* : Ngoài các điểm du lịch chính, hệ thống các điểm du lịch phụ trợ cùng tiểu vùng gồm các di tích lịch sử văn hóa, các giá trị cảnh quan..

### **7.2.1.3. Các tuyến du lịch tiểu vùng Nam sông Hồng**

Gồm các tỉnh Ninh Bình, Nam Định, Thái Bình với Ninh Bình là một trong những địa bàn trọng điểm phát triển du lịch của cả nước. Diện tích tự nhiên tiểu vùng khoảng 4.609 km<sup>2</sup>; dân số 4.616,3 nghìn người; mật độ trung bình 1.001,6 người/ km<sup>2</sup>.

*Khái quát chung*: Tiểu vùng Nam sông Hồng là cửa ngõ phía Nam của vùng với du lịch cả nước. Tiểu vùng gắn với với Ninh Bình-Tràng An là địa bàn trọng điểm du lịch quốc gia và thành phố Nam Định, trung tâm kinh tế-xã hội tiểu vùng Nam đồng bằng sông Hồng.

*Đặc điểm tài nguyên*: Dãy núi đá vôi Hòa Bình-Thanh Hóa ngăn cách đồng bằng Sông Hồng và đồng bằng Sông Mã có địa hình tuy thấp nhưng khá hiểm trở, có nhiều núi sót nổi bật lên giữa vùng đồng bằng tạo nên các cảnh quan với dáng dấp như một "Hạ Long trên cạn" mà điển hình là các thắng cảnh Tam Cốc-Bích Động, Tràng An, Địch lộng, Vân Long,... trong đó Tràng An-Tam Cốc- Bích Động được xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt. Cũng nhờ địa hình hiểm trở, nhiều khu rừng nhiệt đới nguyên sinh còn được bảo tồn, hạn chế tác động của con người, đặc biệt ở các khu vực vườn quốc gia như Cúc Phương, Xuân Thủy, khu dự trữ sinh quyển châu thổ sông Hồng có giá trị du lịch cao ...

Tiểu vùng có phía Đông Nam giáp biển với các bãi tắm và các giá trị sinh thái gắn với châu thổ sông Hồng phục vụ du lịch cuối tuần. Về văn hóa, tiểu vùng có hệ thống di tích văn hóa, lịch sử, tôn giáo nổi tiếng có giá trị du lịch tham quan, nghiên cứu, tâm linh. Tiểu vùng có khí hậu tương đối thuận lợi đối với các hoạt động du lịch. Tuy nhiên ở khu vực ven biển từ Thái Bình, Nam Định chịu ảnh hưởng trực tiếp của bão, gió mùa đông bắc và các yếu tố bất lợi của thời tiết khác, đặc biệt là biển đổi khí hậu.

+ Cảnh quan thiên nhiên, các giá trị sinh thái gắn với các vườn quốc gia, khu bảo tồn, dự trữ sinh quyển hang động, rừng ngập mặn biển: Tràng An - Tam Cốc-Bích Động; Cúc Phương, khu bảo tồn Vân Long, Côn Mờ (Ninh Bình); Xuân Thủy, Quất Lâm, Thịnh Long (Nam Định), khu bảo tồn Tiền Hải, Cồn Vành (Thái Bình).

+ Hệ thống di tích lịch sử-văn hóa: Hoa Lư, Bái Đính (Ninh Bình), Đền Trần, Phủ Dầy, tháp Phổ Minh (Nam Định), chùa Keo, đền Trần (Thái Bình).

*Hệ thống giao thông*: Vùng có hệ thống giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy:

+ Đường bộ: Các QL 1, QL 10, QL 21, QL 38 nối các tỉnh trong vùng. Quốc lộ 10 là tuyến hành lang ven biển và trong tương lai thêm tuyến giao thông chạy sát bờ biển nối với vùng Bắc Trung Bộ.

+ Đường sắt: Bắc-Nam (Hà Nội- Phủ Lý-Nam Định).

+ Đường sông: Hạ lưu của hệ thống sông Hồng, sông Đáy.

Ngoài ra cửa Đáy và cửa Ba Lạt là các cửa ngõ ra biển của tiểu vùng.

*Hệ thống đô thị*: Tiểu vùng có Nam Định là đô thị loại 1 và các đô thị loại 3 như Ninh Bình, Thái Bình.

*Hướng khai thác sản phẩm du lịch đặc trưng của vùng*: Với đặc điểm nổi trội về cảnh quan thiên nhiên, hướng khai thác gồm:

- + Du lịch sinh thái gắn với vườn quốc gia, tham quan cảnh quan.
- + Du lịch lễ hội, tâm linh, tham quan nghiên cứu;
- + Du lịch sinh thái nông nghiệp nông thôn

+ Du lịch cuối tuần.

*Hệ thống khu, điểm, đô thị du lịch:* Căn cứ đặc điểm tài nguyên du lịch và thực tế nhu cầu phát triển, định hướng quy hoạch phát triển các khu du lịch quốc gia, điểm du lịch quốc gia và đô thị du lịch như sau:

*1 khu du lịch quốc gia:* Khu du lịch Tràng An (Ninh Bình): Tham quan cảnh quan, tìm hiểu văn hóa, lịch sử kết hợp lễ hội tâm linh.

*3 điểm du lịch quốc gia:*

1. Điểm du lịch Cúc Phương: Du lịch sinh thái.

2. Điểm du lịch Vân Long: Du lịch sinh thái đất ngập nước.

3. Điểm du lịch Đền Trần - Phủ Giầy (Nam Định); Đền Trần - Chùa Keo (Thái Bình): Du lịch văn hóa, tâm linh.

*Các khu, điểm du lịch địa phương:*

+ Khu du lịch vườn quốc gia Xuân Thủy (Nam Định): Du lịch sinh thái.

+ Khu du lịch Quất Lâm (Nam Định): Du lịch biển.

+ Khu du lịch Thịnh Long (Nam Định): Du lịch biển

+ Khu du lịch Cồn Vành (Thái Bình): Du lịch biển, sinh thái.

*Các điểm du lịch địa phương phụ trợ khác:* Ngoài các điểm du lịch chính, hệ thống các điểm du lịch phụ trợ cùng tiểu vùng gồm các di tích lịch sử văn hóa, các giá trị cảnh quan..

### **7.2.2. Các tuyến du lịch nội vùng thành phố Hà Nội**

Thành phố Hà Nội có diện tích: 3.324,92 km<sup>2</sup>; dân số toàn tỉnh là 6.448.837 nghìn người, có các quận Hoàn Kiếm, Ba Đình, Đống Đa, Hai Bà Trưng, Tây Hồ, Thanh Xuân, Cầu Giấy, Long Biên, Hoàng Mai, Hà Đông, 1 thị xã Sơn Tây và các huyện như Đông Anh, Sóc Sơn, Thanh Trì, Từ Liêm, Gia Lâm, Ba Vì, Chương Mỹ, Đan Phượng, Hoài Đức, Mỹ Đức, Phú Xuyên, Phúc Thọ, Quốc Oai, Thạch Thất, Thanh Oai, Thường Tín, Ứng Hòa và Mê Linh. Thành phố Hà Nội có các dân tộc cùng sinh sống như Việt (Kinh), Hoa, Mường, Tày, Dao...

Hà Nội là Thủ đô của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

*Điều kiện tự nhiên:* Hà Nội nằm ở đồng bằng Bắc bộ, tiếp giáp với các tỉnh: Thái Nguyên, Vĩnh Phúc ở phía bắc; phía nam giáp Hà Nam và Hoà Bình; phía đông giáp các tỉnh Bắc Giang, Bắc Ninh và Hưng Yên; phía tây giáp tỉnh Hoà Bình và Phú Thọ. Hà Nội nằm ở phía hữu ngạn sông Đà và hai bên sông Hồng, vị trí và địa thế thuận lợi cho một trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá, khoa học và đầu mối giao thông quan trọng của Việt Nam.

Khí hậu Hà Nội khá tiêu biểu cho kiểu khí hậu Bắc bộ với đặc điểm của khí hậu nhiệt đới gió mùa ẩm, mùa hè nóng, mưa nhiều và mùa đông lạnh, mưa ít. Nằm trong vùng nhiệt đới, Hà Nội quanh năm tiếp nhận được lượng bức xạ mặt trời rất dồi dào và có nhiệt độ cao. Lượng bức xạ tổng cộng trung bình hàng năm ở Hà Nội là 122,8 kcal/cm<sup>2</sup> và nhiệt độ không khí trung bình hàng năm là 23,6°C. Do chịu ảnh hưởng của biển, Hà Nội có độ ẩm và lượng mưa khá lớn. Độ ẩm tương đối trung bình hàng năm là 79%. Lượng mưa trung bình hàng năm là 1.800mm và mỗi năm có khoảng 114 ngày mưa. Đặc điểm khí hậu Hà Nội rõ nét nhất là sự thay đổi và khác biệt của hai mùa nóng, lạnh. Từ tháng 5 đến tháng 9 là mùa nóng và mưa. Nhiệt độ trung bình mùa này là 29,2°C. Từ tháng 11 đến tháng 3 năm sau là mùa đông thời tiết khô ráo. Nhiệt độ trung bình mùa đông 15,2°C. Giữa hai mùa đó lại có hai thời kỳ chuyển tiếp (tháng 4 và tháng 10) cho nên Hà Nội có đủ bốn mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông. Bốn mùa thay đổi làm cho thời tiết Hà Nội mùa nào cũng có vẻ đẹp riêng. Mùa tham



quan du lịch thích hợp nhất ở Hà Nội là mùa thu. Phần địa hình của Hà Tây (cũ) sáp nhập với Hà Nội, có những đặc điểm riêng nên hình thành những tiểu vùng khí hậu: vùng núi, vùng gò đồi và đồng bằng. Nhưng nói chung sự khác biệt thời tiết và chênh lệch về nhiệt độ giữa các địa phương của Hà Nội hiện nay không lớn.

Hà Nội có hai dạng địa hình chính là đồng bằng và đồi núi. Địa hình đồng bằng chủ yếu thuộc địa phận Hà Nội cũ và một số huyện phía đông của Hà Tây (cũ), chiếm khoảng 3/4 diện tích tự nhiên, nằm bên hữu ngạn sông Đà, hai bên sông Hồng và chi lưu các sông. Phần lớn địa hình đồi núi thuộc địa phận các huyện Sóc Sơn, Ba Vì, Quốc Oai, Mỹ Đức. Một số đỉnh núi cao như: Ba Vì 1.281m; Gia Dê 707m; Chân Chim 462m; Thanh Lanh 427m; Thiên Trù 378m; Bà Tượng 334m; Sóc Sơn 308m; Núi Bộc 245m; Dục Linh 294m...

Hà Nội nằm cạnh hai con sông lớn ở miền Bắc: sông Đà và sông Hồng. Sông Hồng dài 1.183km từ Vân Nam (Trung Quốc) xuống. Đoạn sông Hồng qua Hà Nội dài 163km (chiếm khoảng 1/3 chiều dài trên đất Việt Nam, khoảng 550km. Ngoài hai con sông lớn, trên địa phận Hà Nội còn có các sông: Đuống, Cầu, Cà Lò, Đáy, Nhuệ, Tích, Tô Lịch, Kim Ngưu, Bưởi.

Hồ đầm ở địa bàn Hà Nội có nhiều. Những hồ nổi tiếng ở nội thành Hà Nội như hồ Tây, Trúc Bạch, Hoàn Kiếm, Thiên Quang, Bảy Mẫu. Hàng chục hồ đầm thuộc địa phận Hà Nội cũ: hồ Kim Liên, hồ Liên Đàm, đầm Vân Trì... và nhiều hồ lớn thuộc địa phận Hà Tây (cũ): Ngải Sơn - Đồng Mô, Suối Hai, Mèo Gù, Xuân Khanh, Tuy Lai, Quan Sơn...

Từ thủ đô Hà Nội, có thể đi khắp mọi miền đất nước bằng các loại phương tiện giao thông đều thuận tiện.

Đường không: sân bay quốc tế Nội Bài (nằm ở địa phận huyện Sóc Sơn, cách trung tâm Hà Nội chừng 35km). Sân bay Gia Lâm, vốn là sân bay chính của Hà Nội từ trước những năm 70 thế kỷ 20. Bây giờ là sân bay trực thăng phục vụ bay dịch vụ, trong đó có dịch vụ du lịch.

Đường bộ: Xe ô tô khách liên tỉnh xuất phát từ các bến xe Phía Nam, Gia Lâm, Lương Yên, Nước Ngâm, Mỹ Đình toả đi khắp mọi miền trên toàn quốc theo các quốc lộ 1A xuyên Bắc - Nam; quốc lộ 2 đi Vĩnh Phúc, Phú Thọ, Tuyên Quang, Hà Giang; quốc lộ 3 đi Thái Nguyên, Cao Bằng; quốc lộ 5 đi Hải Phòng, Quảng Ninh; quốc lộ 6 đi Hoà Bình, Sơn La, Lai Châu...

Đường sắt: Hà Nội là đầu mối giao thông của 5 tuyến đường sắt trong nước. Có đường sắt liên vận sang Bắc Kinh (Trung Quốc), đi nhiều nước châu Âu.

Đường thủy: Hà Nội là đầu mối giao thông quan trọng với bến Phà Đen đi Hưng Yên, Nam Định, Thái Bình, Việt Trì; bến Hàm Tử Quan đi Phả Lại.

*Tiềm năng phát triển du lịch:* Hà Nội hiện có trên 4.000 di tích và danh thắng, trong đó được xếp hạng quốc gia trên 1.000 di tích và danh thắng (hàng trăm di tích, danh thắng mới được sáp nhập từ Hà Tây và Mê Linh) với hàng trăm đền, chùa, công trình kiến trúc, danh thắng nổi tiếng. Hà Nội là một trung tâm du lịch lớn ở Việt Nam. Du khách có dịp khám phá nhiều công trình kiến trúc văn hóa - nghệ thuật xây dựng qua nhiều thế hệ, trong suốt quá trình dựng nước và giữ nước. Những danh thắng tự nhiên đẹp và quyến rũ; những làng nghề thủ công tồn tại hàng trăm năm; những lễ hội truyền thống - sản phẩm văn hóa kết tinh nhiều giá trị tinh thần... sẽ là những sản phẩm du lịch hấp dẫn.

**Một số điểm tham quan du lịch tại thành phố Hà Nội**

*Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh*

Lăng được chính thức khởi công ngày 2/9/1973 và được khánh thành vào ngày 29/8/1975 tại vị trí của lễ đài cũ giữa quảng trường Ba Đình, Quận Ba Đình, Hà Nội nơi Bác Hồ đã từng chủ tọa các cuộc mít tinh lớn. Lăng gồm 3 lớp với chiều cao 21,6 mét, lớp dưới tạo dáng bậc thềm tam cấp, lớp giữa là kết cấu trung tâm của lăng gồm phòng thi hài và những hành lang, những cầu thang lên xuống. Quanh bốn mặt là những hàng cột vuông bằng đá hoa cương, lớp trên cùng là mái lăng hình tam cấp. Ở mặt chính có dòng chữ: "Chủ tịch Hồ Chí Minh" bằng đá hồng màu mận chín. Trong lăng là thi hài Bác đặt trong hòm kính được ghép bằng đá đen huyền lấp lánh muôn ngàn hạt sáng. Qua lớp kính trong suốt, Bác Hồ yên nghỉ trong bộ quần áo ka ki bạc màu, dưới chân Bác vẫn là đôi dép cao su giản dị của người. Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh là nơi an nghỉ vĩnh hằng của người lãnh tụ vĩ đại của dân tộc Việt Nam.

### *Nhà sàn Bác Hồ*

Đây là ngôi nhà Bác ở và làm việc từ năm 1958 đến khi qua đời. Nằm trong khuôn viên Phủ Chủ tịch, thuộc quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Trong khu vườn rộng sau Phủ Chủ tịch, có một con đường hẹp trải sỏi, hai bên trồng xoài dẫn tới một ngôi nhà sàn nhỏ nhắn bình dị, nằm giữa những vòm cây. Hàng rào dâm bụt bao quanh nhà, cổng vào kết bằng cành cây đan xen nhau. Đó là ngôi nhà Bác Hồ ở và làm việc từ ngày 17/5/1958 cho tới khi Người qua đời. Sau nhà là vườn quả với hàng trăm loài cây quý do các địa phương đưa về trồng, như cây vú sữa của đồng bào miền Nam gửi biếu Bác năm 1954, bưởi Phúc Trạch, Biên Hòa, Mê Linh; cam Hải Hưng, Xuân Mai, Vân Du, Xã Đoài; quýt Hương Cầm, Lý Nhân; táo Thiện Phiến, Ngọc Hồ; song mai Đông Mỹ; hồng Tiên Điền. Trong vườn còn có cả những loại cây từ nước ngoài như ngàn hoa, cây bụt mọc quanh ao, cây cau vua gốc từ Caribê... Tầng dưới nhà sàn là nơi Bác thường họp với Bộ Chính trị. Tầng trên là 2 phòng nhỏ, nơi Bác làm việc và phòng ngủ với những vật dụng đơn sơ giản dị. Trước nhà là ao cá Bác nuôi, bên bờ ao là các loài hoa phong lan nở quanh năm. Nhân dân ta từ mọi miền đất nước cũng như du khách quốc tế đến thủ đô Hà Nội, ai cũng muốn đến viếng Lăng, thăm nhà ở của Bác và đi dạo quanh quảng trường Ba Đình lịch sử.

### *Quảng trường Ba Đình*

Quảng trường Ba Đình là nơi diễn ra những sự kiện trọng đại của cả nước tọa lạc tại quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Quảng trường Ba Đình vốn là khu vực cửa Tây của thành cổ Hà Nội. Phía tây Quảng trường Ba Đình giáp Lăng Hồ Chủ tịch, phía bắc giáp Văn phòng Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, phía đông giáp Hội trường Ba Đình, nơi diễn ra các cuộc họp của Quốc hội, Trung ương Đảng và những buổi họp hoặc mít tinh lớn. Đặc biệt, tại góc tây bắc Quảng trường là Phủ Chủ tịch và tại góc đông nam là trụ sở Bộ Ngoại giao.

Quảng trường Ba Đình hiện nay là quảng trường lớn nhất Việt Nam, có chiều dài 320m, rộng hơn 100m, đủ chỗ cho 20 vạn người dự mít tinh. Quảng trường có 240 ô cỏ bốn mùa xanh tươi, là hình tượng những chiếc chiếu trải trên sân đình ở các làng quê Việt Nam xưa, nằm ở trung tâm quảng trường là cột cờ cao 30m. Đây là nơi chứng kiến rất nhiều sự kiện trọng đại của đất nước.

Trước đây, năm 1894, khi chiếm đóng Hà Nội, thực dân Pháp đã phá thành, Quảng trường Ba Đình lúc đó chỉ là một bãi đất hoang và hồ ao mới san lấp rộng tới hàng chục hecta cạnh Phủ Toàn quyền Pháp. Người Pháp cho xây một vườn hoa nhỏ và khu vực này được gọi là Quảng trường Tròn hay còn gọi là Quảng trường Puginier (tên của một Linh mục người Pháp).

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, Quảng trường Tròn được đặt tên là Vườn hoa Ba Đình hay Quảng trường Ba Đình để tưởng nhớ cuộc khởi nghĩa chống Pháp của nghĩa quân Phạm Bành và Đinh Công Tráng cuối thế kỷ 19, ở vùng Ba Đình, huyện Nga Sơn, Thanh Hoá. Sau đó, Quảng trường Ba Đình đã được Bác Hồ chọn là nơi tổ chức lễ Tuyên bố độc lập ngày 2/9/1945. Tại đây hàng vạn nhân dân thủ đô Hà Nội đã lắng nghe Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản “Tuyên ngôn độc lập”, tuyên bố trước toàn thể quốc dân đồng bào và thế giới sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á. Sau đó, Quảng trường Ba Đình còn có tên là Quảng trường Độc Lập.

Trong thời gian Pháp tạm chiếm Hà Nội (1947-1954), Phủ Toàn quyền Pháp đổi tên quảng trường là Vườn hoa Hồng Bàng. Năm 1954, quân ta về tiếp quản thủ đô và nơi đây lại được trả lại tên Quảng trường Ba Đình; cạnh đó Phủ Toàn quyền trở thành Phủ Chủ tịch. Ngày 9/9/1969, bảy ngày sau khi Hồ Chủ tịch qua đời, lễ truy điệu Người đã được cử hành trọng thể tại Quảng trường Ba Đình lịch sử. Hàng vạn đồng bào thủ đô và các địa phương cùng 34 đoàn đại biểu quốc tế đã tới đây dự lễ. Sau đó không lâu, Đảng và Nhà nước ta đã quyết định chọn Quảng trường Ba Đình làm nơi yên nghỉ vĩnh hằng của Người và quyết định xây Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh. Quảng trường Ba Đình còn là nơi chứng kiến cuộc mít tinh của 400 nghìn người ngày 2/9/1975 mừng đất nước thống nhất với cuộc diễu binh vô cùng long trọng của các lực lượng vũ trang và nhân dân thủ đô. Trong suốt những năm qua, Quảng trường Ba Đình lịch sử cũng là nơi thường xuyên được chọn để tổ chức các cuộc mít tinh, lễ kỷ niệm lớn mang tính lịch sử của đất nước. Đặc biệt, ngày 10/10/2010, nhân dịp kỷ niệm Đại lễ 1000 năm Thăng Long – Hà Nội, Quảng trường Ba Đình lại là nơi diễn ra lễ mít tinh, diễu binh, diễu hành có qui mô lớn.

Bên cạnh những kiến trúc cũ, một số công trình được xây dựng thêm xung quanh khu vực Quảng trường Ba Đình đó là: Hội trường Ba Đình (hoàn thành năm 1963) và hiện đang được xây dựng lại, Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh (hoàn thành năm 1975), Bảo tàng Hồ Chí Minh (hoàn thành năm 1990), Đài tưởng niệm các Anh hùng liệt sỹ hy sinh vì Tổ Quốc (hoàn thành năm 1994). Ngoài các công trình lớn như trên, trong quần thể kiến trúc ở Quảng trường Ba Đình có một số công trình cũng rất quan trọng và ý nghĩa như Chùa Một Cột, khu di tích Phủ Chủ tịch. Những công trình này đã góp phần làm cho quần thể kiến trúc khu Quảng trường Ba Đình có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Với việc phát lộ Hoàng Thành Thăng Long ngay gần Quảng trường Ba Đình khiến cho khu vực này càng trở nên thiêng liêng và có giá trị hơn bao giờ hết. Trải qua bao biến cố lịch sử, Quảng trường Ba Đình đã trở thành một cái tên gần gũi và thiêng liêng, trở thành niềm tự hào của nhân dân thủ đô và nhân dân cả nước; đó cũng là nơi mà mỗi người dân Việt Nam và khách quốc tế đều mong được một lần đến thăm.

### *Chùa Một Cột*

Chùa Một Cột có tên chữ là Diên Hựu (phúc lành dài lâu) được xây dựng vào năm 1049 thời vua Lý Thái Tông, có kiến trúc độc đáo, được tạo dáng như một bông sen cách điệu từ dưới nước vươn lên. Tương truyền khi ấy vua Lý Thái Tông đã cao tuổi mà chưa có con trai nên nhà vua thường đến các chùa để cầu tự. Một đêm ông chiêm bao thấy Đức Phật Quan Âm hiện lên đài hoa sen ở một hồ nước hình vuông phía tây thành Thăng Long, tay bế đứa con trai trao cho nhà vua. Ít lâu sau hoàng hậu sinh con trai. Nhà vua cho dựng chùa Một Cột có dáng dấp như đã thấy trong giấc mơ để thờ Phật Quan Âm.

Chùa Một Cột là một Quốc tự, liên quan tới vua sáng lập triều Lý, được xây dựng gần khu vực Tử Cấm thành, hàng tháng cứ rằm, mồng một vua đèn đặt lễ cầu phúc. Theo sử sách, chùa được xây lần thứ nhất năm 1049: "Mùa đông tháng 10 dựng chùa Diên Hựu. Trước đây vua chiêm bao thấy Phật Quan Âm ngồi trên toà sen, dắt vua lên toà. Khi tỉnh dậy vua nói với bề tôi, có người cho là điềm không lành. Có nhà sư Thiên Tuệ khuyên vua làm chùa, dựng cột đá ở giữa đất, làm toà sen của Phật Quan Âm như đã thấy ở trong mộng. Cho các nhà sư đi xung quanh tụng kinh cầu nhà vua sống lâu. Vì thế gọi là chùa Diên Hựu (phúc lành dài lâu). Năm 1070 mùa xuân tháng giêng năm Thân Võ thứ 2, vua viết chữ Phật dài 1 trượng 6 thước khắc vào phiến đá". Lần xây dựng thứ hai vào năm 1105, vua tu bổ chùa Diên Hựu: "Mùa thu tháng 9 làm hai ngọn tháp chỏm trắng ở chùa Diên Hựu... Bấy giờ vua chữa lại chùa đẹp hơn chùa cũ, đào hồ Liên Hoa Đài gọi là hồ Linh Chiểu. Ngoài hồ có hành lang chạm vẽ chung quanh, ngoài hành lang lại đào hồ". Bích trì đều bắc cầu vòng để đi qua. Trước sân chùa xây Bảo Tháp. Trước khi vào chùa còn có một phương đình bằng đá xanh cao 8 trượng (khoảng 26m) trước cổng chùa. Chùa là một cụm kiến trúc bề thế, có ý tưởng độc đáo và thẩm mỹ đẹp đã bị chiến tranh tàn phá, trở thành um tùm rậm rạp thời giặc Minh".

Thông qua nhiều tài liệu cổ cho biết chiếc cột thần kỳ cao tới 20m, trong đó có bia Sùng Diện Linh ở chùa Long Đọi Nam Hà do Binh bộ thượng thư Nguyễn Công Bật viết đã mô tả và ghi chép tỉ mỉ việc xây tiếp chùa Một Cột: "Mở cửa chùa Diên Hựu tại vườn tây. Dấu vết theo quy mô thửa trước, lo toan Thánh ý ngày nay. Đào hồ thơm Linh Chiểu, giữa hồ trôi lên cột đá. Trên cột đá có một cánh hoa sen ngàn cánh xoè ra. Trên hoa dựng ngôi đèn đỏ sẫm. Trong đèn đặt pho tượng sắc vàng, ngoài hồ có hành lang bao bọc. Ngoài hành lang lại có hồ Bích Trì, bắc cầu cong đi lại, ở sân trước hai cầu bên tả hữu xây bảo tháp lưu ly...". Đây là một công trình kiến trúc sáng tạo kết hợp không gian kiến trúc có nhịp điệu cao thấp gồm điêu khắc đá, hội họa, chạm vẽ hành lang, mặt nước là biểu tượng văn hoá, nghệ thuật cao, tính dân tộc đậm nét. Chùa đã bị huỷ hoại, xây dựng lại nhỏ hơn so với nguyên mẫu, nhắc lại ở đây một thời đã có một cụm kiến trúc độc đáo. Hiện nay chùa Một Cột được khách thập phương trong và ngoài nước tới cầu nguyện và tham quan.

#### *Khu trung tâm Hoàng thành Thăng Long – Hà Nội*

Đây là kinh đô của Việt Nam thời Lý, Trần, Lê và chứa đựng nhiều di tích lịch sử - văn hóa vô giá về kinh thành Thăng Long cổ xưa, tọa lạc tại Phường Điện Biên và phường Quán Thánh, quận Ba Đình. Kinh thành Thăng Long xưa có ba vòng (tam trùng thành quách). Thành nhỏ nhất ở trong cùng là Tử Cấm thành, nơi chỉ dành cho vua, hoàng hậu và số ít cung tần mỹ nữ. Phần thành này có nhiều tên gọi qua các triều đại: Cung Thành (thời Lý), Long Phượng Thành (thời Trần) và Cấm Thành (thời Lê). Cửa duy nhất của Tử Cấm thành là Đoan Môn. Vòng thành thứ hai (ở giữa) là Hoàng thành, là khu triều chính, nơi ở và làm việc của các quan lại trong triều. Thời Lý, Trần, Lê, Hoàng thành có 4 cửa là Tường Phù ở phía đông, Quảng Phúc ở phía tây, Đại Hưng ở phía nam và Diệu Đức ở phía bắc. Thời Nguyễn, kinh đô được chuyển vào Huế, vua Gia Long đã cho phá bỏ tường của Hoàng thành Thăng Long cũ vì cho rằng đây chỉ còn là Trấn Bắc Thành và cho xây thành mới lấy tên là Thành Hà Nội với quy mô nhỏ hơn nhiều. Thành mở ra 5 cửa là: cửa Đông, cửa Tây, cửa Bắc, cửa Tây Nam và cửa Đông Nam, đến nay chỉ còn lại một cửa Bắc (Bắc Môn), hiện thuộc địa phận phố Phan Đình Phùng. Vòng thành ngoài cùng gọi là Kinh thành, bao quanh toàn bộ kinh đô và men theo 3 con sông: sông Hồng, sông Tô Lịch, sông Kim Ngưu, có tác dụng như một con đê ngăn nước. Kinh thành là nơi ở và sinh sống của dân cư. Thời Lê,

Kinh thành Thăng Long có 16 cửa ô, đến thời Nguyễn có 12 cửa ô. Đầu thế kỷ 20 vẫn còn năm cửa ô là: ô Chợ Dừa, ô Đông Mác, ô Cầu Dền, ô Cầu Giấy và ô Quan Chưởng. Đến nay chỉ còn lại cửa ô Quan Chưởng (tên cũ là Đông Hà Môn, nghĩa là cửa sông phía đông). Sau hơn một nghìn năm lịch sử, Hoàng thành Thăng Long đồ sộ và những lầu son gác tía tuy đã không còn nữa, song một số di tích và di vật hiện vẫn còn tồn tại cũng đã tái hiện phần nào diện mạo của Hoàng thành Thăng Long xưa. Qua đó, chúng ta có thể hiểu rõ hơn được sự tồn tại và phát triển của miền đất rồng bay qua hơn 10 thế kỉ.

*Đoan Môn* là cửa duy nhất của Tử Cấm Thành, quay về hướng nam vì hướng nam là hướng quan trọng nhất trong các công trình kiến trúc cổ truyền xưa của người Việt. Vào thời Nguyễn, Đoan Môn được trùng tu và cho xây dựng thêm hai cửa ở hai bên làm lối đi lại cho dân chúng. Năm 1998, di tích Đoan Môn đã được Bộ Quốc Phòng bàn giao cho UBND thành phố Hà Nội với tổng diện tích quản lý là 3681,5m<sup>2</sup>. Công trình được mở cửa đón khách tham quan từ tháng 10/ 2001.

*Bắc Môn* là công duy nhất còn lại của thành Hà Nội thời nhà Nguyễn, nằm trên đường Phan Đình Phùng. Trên mặt tường phía ngoài cửa Bắc Môn có 1 tấm biển đá khắc ngày 25/04/1882 với 2 vết lõm ngay cạnh, là dấu tích hai vết đại bác do pháo thuyền Pháp bắn từ sông Hồng khi Pháp phá thành. Hai cánh cổng bằng gỗ của Bắc Môn nay đã được trùng tu, diện tích mỗi cánh 12m<sup>2</sup>, trọng lượng khoảng 16 tấn, chạy trên bánh xe bằng đồng nặng chừng 80kg. Trên cổng thành là nơi thờ hai vị tổng đốc Hà Nội là Nguyễn Tri Phương và Hoàng Diệu, những anh hùng đã tỏ rõ khí tiết kiên trung của mình trước thế lực xâm lăng của thực dân Pháp trong 2 lần đánh phá thành Hà Nội.

*Rồng đá điện Kính Thiên* là dấu tích còn lại duy nhất của điện Kính Thiên, bao gồm 4 con rồng được tạc vào giữa thế kỉ 15, chia thêm điện thành ba lối lên. Bốn con rồng này tiêu biểu cho nghệ thuật điêu khắc thời Lê Sơ, được chạm trổ bằng đá xanh, đầu rồng nhô cao, đầu to, mắt tròn lồi, sừng dài có nhánh, bờm lượn ra sau, miệng há nhỏ, ngậm hạt ngọc. Thân rồng uốn lượn mềm mại thành nhiều vòng cung, nhỏ dần về phía nền điện, trên lưng có đường vây dài nhấp nhô như vân mây, tia lửa. Rồng đá điện Kính Thiên đã phần nào phản ánh được quy mô hoành tráng của điện Kính Thiên xưa.

*Nhà con Rồng* được thực dân Pháp xây dựng năm 1886 trên nền điện Kính Thiên. Điện Kính Thiên chiếm vị trí trung tâm của Hoàng thành Thăng Long, nằm trên núi Long Đỗ (rón rồng), được coi là huyết đạo của Kinh thành Thăng Long xưa. Năm 1010, Lý Thái Tổ sau khi định đô ở Thăng Long đã chọn đỉnh núi này để xây dựng chính điện của kinh đô mang tên Càn Nguyên, là nơi tiến hành các nghi lễ long trọng nhất của triều đình. Năm 1029, vua Lý Thái Tông cho xây dựng trên nền cũ của điện Càn Nguyên tòa chính điện mang tên Thiên An, đến thời Lê được đổi thành điện Kính Thiên. Thời nhà Nguyễn, khi kinh đô được chuyển vào Huế, điện Kính Thiên được đổi thành hành cung Kính Thiên nơi đón các vua quan nhà Nguyễn tuần du ra Bắc. Năm 1886, thực dân Pháp đã phá hành cung Kính Thiên để xây dựng nhà con rồng gồm 2 tầng 7 phòng làm sở chỉ huy pháo binh Pháp. Từ năm 1954, khi bộ đội ta tiếp quản giải phóng Thủ đô, nhà con rồng trở thành tổng hành dinh của Quân đội Nhân dân Việt Nam.

*Hậu Lâu* (còn gọi là Lầu Tỉnh Bắc) là một toà lầu xây phía sau hành cung điện Kính Thiên, hiện nằm trên đường Hoàng Diệu. Tuy ở sau hành cung, nhưng lầu lại được xây ở phía bắc với ý đồ phong thủy, giữ yên bình cho phía bắc hành cung, nên được gọi là Lầu Tỉnh Bắc hay Hậu Lâu (lầu phía sau). Lầu còn được gọi là lầu Công chúa do đây là nơi nghỉ ngơi của các cung tần mỹ nữ trong đoàn hộ tống vua Nguyễn ra ngự giá Bắc thành. Hậu

Lâu đã bị phá hủy vào năm 1870, sau đó được người Pháp dựng lại với kiến trúc mang đậm phong cách thế kỷ 18 để làm nơi đóng quân của quân đội Pháp. Hiện nay Hậu Lâu đang được sử dụng để trưng bày một số hiện vật tìm thấy trong cuộc khai quật khu vực xung quanh vào 10/1998 và cũng là nơi trưng bày giới thiệu một số hình ảnh về Hà Nội qua một số thời kì lịch sử.

*Khu khảo cổ 18 Hoàng Diệu* nằm cách điện Kính Thiên 87m, là nơi xuất hiện dày đặc các dấu tích cung điện thời Lý, Trần, Lê. Khu di tích này có tầng dưới cùng là một phần phía đông của thành Đại La dưới thời Cao Biền, nhà Đường; tầng trên là cung điện nhà Lý và nhà Trần; tiếp theo là một phần trung tâm của đông cung nhà Lê và trên cùng là một phần của trung tâm Thành Hà Nội thế kỷ 19. Trong lịch sử, Hoàng thành Thăng Long trải qua khá nhiều thay đổi, nhưng trung tâm của Hoàng thành, đặc biệt là Tử Cấm Thành thì gần như không thay đổi. Chỉ có kiến trúc bên trong là đã qua nhiều lần xây dựng, tu sửa. Chính đặc điểm này giải thích tại sao trên khu khảo cổ 18 Hoàng Diệu, các lớp di tích kiến trúc và di vật nằm chồng lên nhau qua các thời kỳ lịch sử. Tại đây, các nhà khảo cổ học đã khai quật được rất nhiều những dấu tích kiến trúc quan trọng cùng một số lượng lớn đồ gốm sứ là những vật dụng dùng hàng ngày trong Hoàng cung qua nhiều thời kỳ. Những khám phá này đã thực sự mở ra một cánh cửa mới cho việc nghiên cứu về gốm Thăng Long và gốm dùng trong Hoàng cung Thăng Long qua các triều.

*Cột cờ Hà Nội* (còn được gọi là Kỳ đài Hà Nội) nằm ở phố Điện Biên Phủ, là một kết cấu dạng tháp được xây dựng cùng thời với Thành Hà Nội dưới triều nhà Nguyễn (bắt đầu năm 1805, hoàn thành năm 1812). Kiến trúc cột cờ bao gồm ba tầng đế, thân cột và đỉnh. Các tầng đế hình chóp vuông cụt, nhỏ dần, chồng lên nhau, xung quanh ốp gạch. Thân cột hình khối lục lăng, có cầu thang xoáy ốc bên trong dẫn lên tới đỉnh. Đỉnh cột cờ hình khối bát giác có trụ để cắm cờ. Sau ngày giải phóng Thủ đô (10/10/1954), cột cờ Hà Nội được treo cờ đỏ sao vàng và đón các du khách đến tham quan.

Vào lúc 20h30 ngày 31/7/2010 tại thủ đô Brasilia của Braxin, Ủy ban di sản thế giới của UNESCO đã thông qua Nghị quyết công nhận khu di tích trung tâm Hoàng thành Thăng Long - Hà Nội là di sản văn hóa thế giới dựa trên 3 tiêu chí nổi bật: (ii) là minh chứng đặc sắc về quá trình giao lưu văn hóa lâu dài, là nơi tiếp nhận nhiều ảnh hưởng văn hóa từ bên ngoài, nhiều học thuyết, tư tưởng có giá trị toàn cầu của văn minh nhân loại để tạo dựng nên những nét độc đáo, sáng tạo của một trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa của quốc gia, (iii) là minh chứng duy nhất về truyền thống văn hóa lâu đời của người Việt ở vùng châu thổ sông Hồng qua các thời kỳ lịch sử, (vi) có liên hệ trực tiếp với nhiều sự kiện lịch sử trọng đại của quốc gia trong mối quan hệ với khu vực và thế giới.

### *Văn Miếu - Quốc Tử Giám*

Văn Miếu được xây dựng tháng 10 năm 1070, thờ Khổng Tử, các bậc Hiền triết của Nho giáo và Tư nghiệp Quốc Tử Giám Chu Văn An, người thầy tiêu biểu đạo cao, đức trọng của nền giáo dục Việt Nam. Năm 1076, nhà Quốc Tử Giám được xây kế sau Văn Miếu, ban đầu là nơi học của các hoàng tử, sau mở rộng thu nhận cả các học trò giỏi trong thiên hạ, với cổng chính là đường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Hà Nội. Văn Miếu có tường bao quanh xây bằng gạch. Bên trong có những lớp tường ngăn ra làm 5 khu. Khu thứ nhất bắt đầu với cổng chính, trên cổng có chữ Văn Miếu, dưới cổng là đôi rồng đá mang phong cách thời Lê sơ (thế kỷ 15). Lối đi ở giữa dẫn đến cổng Đại Trung Môn mở đầu cho khu thứ hai. Hai bên còn hai cổng nhỏ. Vẫn lối đi ấy dẫn đến Khuê Văn Các (gác vẽ đẹp của sao Khuê, chủ đề văn học). Hai bên gác cũng có hai cổng nhỏ. Khu thứ ba là từ gác

Khuê Văn tới Đại Thành Môn, ở giữa khu này có một hồ vuông gọi là Thiên Quang Tinh (giếng trời trong sáng) có tường bao quanh. Hai bên hồ là hai khu vườn bia tức nơi dựng các tấm bia ghi tên những người đỗ tiến sĩ (năm 1993 với sự tài trợ một phần của tổ chức doanh nghiệp Mỹ, Ban Quản lý Văn Miếu đã dựng được tám ngôi nhà che cho các bia này). Tiến sĩ là người đỗ cao nhất trong kỳ thi Đình. Ngày trước, người đi học sau khoảng 10 năm đèn sách đủ vốn chữ để dự thi Hương tức khoa thi tổ chức liên tỉnh, cứ ba năm mở một khoa. Đạt điểm cao của kỳ thi này đạt học vị Cử nhân. Năm sau các ông Cử tới kinh đô dự kỳ thi Hội. Những người đủ điểm chuẩn sẽ dự kỳ thi Đình (thi Hội và thi Đình thực ra là hai giai đoạn của một cuộc thi). Trúng tuyển kỳ thi này được gọi là Tiến sĩ. Đỗ Tiến sĩ có thể được bổ làm quan. Hiện có 82 bia, xưa nhất là bia ghi về khoa thi năm 1442, muộn nhất là bia khoa năm 1779. Đó là những di vật quý nhất của khu di tích. Bước qua cửa Đại thành là tới khu thứ tư. Một cái sân rộng, hai bên là dãy nhà Tả Vu, Hữu Vu, vốn dựng làm nơi thờ các danh nho. Cuối sân là nhà Đại bái và Hậu cung, kiến trúc đẹp và hoành tráng. Tại đây có một số hiện vật quý: bên trái có chuông đúc năm 1768, bên phải có một tấm khánh đá, trên mặt có khắc bài văn nói về công dụng của loại nhạc khí này. Bó cục của toàn thể Văn Miếu như vậy muộn nhất là cũng có từ đời Lê (thế kỷ 15 - thế kỷ 18). Riêng Khuê Văn Các mới được dựng khoảng đầu thế kỷ 19, nhưng cũng nằm trong quy hoạch tổng thể vốn có của những Văn Miếu (như Văn Miếu ở Khúc Phụ, Trung Quốc, quê hương của Khổng Tử, có đủ Đại Trung Môn, Khuê Văn Các, Đại Thành Môn, Đại Thành Điện, bia tiến sĩ...). Khuê Văn Các ở Văn Miếu Hà Nội thường là nơi tổ chức bình các bài văn thơ hay của các sĩ tử. Sau khu Đại Bái vốn là trường Quốc Tử Giám đời Lê, một loại trường đại học đương thời. Khi nhà Nguyễn rời trường này vào Huế thì nơi đây chuyển làm đền Khải Thánh thờ cha và mẹ Khổng Tử, nhưng đền này đã bị hư hỏng trong chiến tranh. Văn Miếu là quần thể di tích đa dạng và phong phú hàng đầu của thành phố Hà Nội.

#### *Khuê Văn Các*

Khuê Văn Các được xây dựng năm 1805 do Tổng trấn Bắc thành là Nguyễn Văn Thành chủ sự. Khuê Văn Các là một lầu vuông 2 tầng được làm bằng gỗ và gạch soi bóng xuống Thiên Quang tinh (giếng trời trong sáng). Tầng một của Khuê Văn Các có 4 cột trụ bằng gạch chạm hình các đám mây. Đế cột hình vuông được làm bằng gạch Bát Tràng. Tầng hai làm bằng gỗ được trụ bằng 4 cột và có 4 cửa sổ với các tia như tia nắng mặt trời tỏa ra 4 hướng. Tầng này tượng trưng cho chòm sao Khuê - sao chủ đề văn học - đang tỏa sáng lấp lánh. Khuê Văn Các đã trở thành một công trình kiến trúc nghệ thuật độc đáo - biểu tượng của văn học Việt Nam.

#### *Thành Cổ Loa và đền thờ An Dương Vương*

Đây là toà thành cổ vào bậc nhất Việt Nam được vua Thục An Dương Vương xây từ thế kỷ thứ 3 trước Công nguyên để làm kinh đô nước Âu Lạc (tên nước Việt Nam thời đó), tại xã Cổ Loa, huyện Đông Anh, ngoại thành Hà Nội. Thành được xây dựng kiểu vòng ốc (nên gọi là Loa thành) tương truyền có tới 9 vòng, dưới thành ngoài là hào sâu ngập nước thuyền bè đi lại được. Ngày nay ở Cổ Loa còn lại 3 vòng thành đất: thành ngoài (chu vi 8km), thành giữa (hình đa giác, chu vi 6,5km) và thành trong (hình chữ nhật, chu vi 1,6km). Thân thành ngày nay còn có chiều cao trung bình từ 4-5m, có chỗ còn cao tới 12m, chân thành rộng tới 20-30m. Các cửa của 3 vòng thành cũng được bố trí rất khéo, không hề nằm cùng trên một trục thẳng mà lệch chéo đi rất nhiều. Do đó đường nối hai cửa thành ở cùng một hướng đều là một đường quanh co, lại có ụ phòng ngự ở hai bên nên gây rất nhiều trở ngại cho quân địch khi tiến đánh thành. Từ trung tâm thành phố Hà Nội đi khoảng 18km

đến xã Cổ Loa thuộc huyện Đông Anh, bạn sẽ tìm thấy vết tích còn lại của ba vòng thành xưa bằng đất và nơi các nhà khảo cổ tìm được hàng vạn mũi tên đồng, lưỡi cày, rìu sắt, xương thú vật... Qua cổng làng, cũng là cổng thành trong là tới đình làng Cổ Loa. Theo truyền thuyết thì đó là nền cũ của điện ngự triều, nơi bá quan triều hội ngày xưa, nên trong đình còn tấm hoành phi "Ngự triều di quy".

Cạnh đình là Am Bà Chúa tức là miếu thờ công chúa My Châu, nằm nép dưới gốc đa già cổ thụ. Miếu am bé bỏng như cuộc đời ngắn ngủi của nàng công chúa đáng thương "trái tim lầm chỗ để lên đầu". Trong am có một tảng đá hình người cụt đầu. Ai cũng bảo đó là tượng My Châu. Qua am My Châu tới đền Thượng, tức đền An Dương Vương, tương truyền là dựng trên nền nội cung ngày trước. Đền này mới được làm lại hồi đầu thế kỷ 20, có đôi rồng đá ở bậc tam cấp cửa đền là di vật đời Trần hoặc Lê sơ. Trong đền có tượng An Dương Vương bằng đồng mới đúc cùng dịp làm lại đền. Trước đền là giếng Ngọc, tương truyền là nơi Trọng Thủy tự tử vì hối hận. Nước giếng này mà đem rửa ngọc trai thì ngọc sáng bội phần!

### *Phủ Tây Hồ*

Phủ Tây Hồ là Phủ thờ bà chúa Liễu Hạnh – một trong tứ bất tử của tín ngưỡng dân gian Việt Nam nằm trên một bán đảo nhô ra giữa Hồ Tây thuộc phường Quảng An, quận Tây Hồ, Hà Nội. Hồ Tây có hình giống như chiếc cang cua, nơi bán đảo nhô ra mặt nước, mồm xa nhất, đẹp nhất, quanh năm dập dềnh sóng nước, êm ả mây trời, lãng bãng sương lam. Đây chính là nơi tọa lạc của Phủ Tây Hồ hay còn gọi là Phủ Mẫu Tây Hồ. Tục truyền rằng, bà chúa Liễu Hạnh tên thật là Quỳnh Hoa - con gái thứ hai của Ngọc Hoàng, bị đày xuống trần gian vì tội làm vỡ cái ly ngọc quý. Xuống hạ giới, nàng chu du, khám phá khắp mọi miền, qua đảo Tây Hồ dừng lại, phát hiện ra đây là nơi địa linh sơn thủy hữu tình, bèn lưu lại mở quán nước làm cố vui thú văn chương giữa thiên nhiên huyền diệu. Như tiền duyên xui khiến, Trạng nguyên Phùng Khắc Khoan trong lần đi thuyền dạo chơi trên hồ, thấy cảnh đẹp, bèn ghé vào quán Tiên chúa. Tâm đầu ý hợp, họ cùng vịnh bài thơ “Tây Hồ ngự quán” mà nay vẫn còn lưu truyền mãi. Tiên chúa ở đây trong bao lâu không ai biết, chỉ biết khi Phùng Khắc Khoan trở lại tìm thì nàng không còn. Để người ngoài nổi nhớ, ông cho lập đền thờ người tri âm.

Phủ Tây Hồ có quy mô không lớn lắm, nhưng ở vào vị trí mây nước hữu tình tuyệt đẹp, tạo ra cảm giác lâng lâng, thanh thoát cho khách hành hương mà trong lòng mang niềm tục lụy cần được giải bày, cảm thông và giải tỏa. Phủ thờ Ngọc Hoàng Thượng đế có Nam Tào Bắc Đẩu hầu hai bên, có tam Mẫu, đệ nhất là Mẫu Liễu Hạnh, đệ nhị là Mẫu Thượng Ngàn, đệ tam là Mẫu Thoải (tức là bà Chúa rừng và Bà chúa nước). Vào đến sân, qua cái cổng có vòm cong, thấy ngay cây vối cổ thụ nằm nghiêng đã mấy trăm năm như con kỳ lân ngóng ra sóng gợn, còn trong phủ là vàng son, nhang khói, tượng Mẫu, tượng Bà Chúa Sơn Trang, tượng Cô, tượng Cậu, các quan... Đến Phủ, không những là để tỏ lòng thành kính, thực hiện một ý nguyện cầu xin và giải tỏa nỗi niềm, thực hiện một nghi thức tâm linh... mà còn là để thư giãn tinh thần, thăm một cảnh đẹp, có nước mây thoát tục, một danh thắng hiếm có ngay giữa lòng Thủ đô Kẻ Chợ, gặp một chút xưa giữa nay, và tạm lắng nay lại để man mác cùng xưa, ru hồn mình vào mong ước tốt đẹp.

Cũng không hiểu từ đâu và từ bao giờ, trên đường vào Phủ và ngay trước cổng, mọc lên hàng trăm quán hàng ăn uống và các thứ hàng mua bán khác, trong đó có món ăn Hà Nội: bún ốc. Nói đến Phủ, người ta nghĩ ngay đến bún ốc quá quen, cũng như nói đến bún ốc, người ta hỏi nhau ngay: Phủ Tây Hồ chẳng? Đã hình thành một dãy phố dài ngay trên



bán đảo, trước khi dẫn đến nơi đất thiêng này. Nó chẳng khác nào miếng vá trên tấm áo thiên tiên, cần u huyền thanh tao cho tâm linh bay bổng, nhưng lại níu kéo về mặt đất. Vào các ngày 7-8-9 tháng 3 âm lịch và những ngày rằm, mùng một âm lịch hàng tháng, không chỉ những người Hà Nội, mà khách hành hương từ nhiều nơi khác cũng kéo nhau về, vừa đi lễ Mẫu ban cho điều an lành và mọi sự may mắn, vừa đi thưởng ngoạn cảnh đẹp hữu tình hồ Tây.

### *Đền Ngọc Sơn*

Đảo Ngọc Sơn xưa được gọi là Tượng Nhĩ (tai voi). Vua Lý Thái Tổ dời đô ra Thăng Long đặt tên đảo là Ngọc Tượng và đến đời Trần thì đảo được đổi tên là Ngọc Sơn nằm trên đảo Ngọc Sơn thuộc hồ Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội. Tại đây đã có một ngôi đền được dựng lên để thờ những người anh hùng liệt sĩ đã hy sinh trong kháng chiến chống quân Nguyên Mông. Về sau lâu ngày ngôi đền bị sụp đổ. Đến thời Vĩnh Hựu nhà Lê (1735 - 1739), chúa Trịnh Giang đã dựng cung Thụy Khánh và đắp hai quả núi đất ở trên bờ phía đông đối diện với Ngọc Sơn gọi là núi Đào Tai và Ngọc Bội. Cuối đời Lê, cung Thụy Khánh bị Lê Chiêu Thống phá huỷ. Một nhà từ thiện tên là Tín Trai đã lập ra một ngôi chùa gọi là chùa Ngọc Sơn trên nền cung Thụy Khánh cũ. Năm Thiệu Trị thứ ba (1843), một hội từ thiện đã bỏ gác chuông, xây lại các gian điện chính, các dãy phòng hai bên, đưa tượng Văn Xương để quân vào thờ và đổi tên là đền Ngọc Sơn (Văn Xương là nhân vật đời Kiến Vũ, năm 25 - 55 sau công nguyên bên Trung Quốc, sau khi chết được phong là thần chủ về văn chương khoa cử). Theo sách "Hà Thành linh tích cổ lục" thì ngay từ đời Lê, trên đảo Ngọc Sơn đã có đền thờ Quan Công, người nổi tiếng trung nghĩa đời Tam Quốc (Trung Quốc). Khi vua Lê và chúa Trịnh dùng hồ là nơi duyệt thủy quân thì đền được coi như một võ miếu. Dân Hà thành đã đem tượng Đức thánh Trần thờ phối hưởng bên cạnh Quan Công. Nhưng "Khâm định Việt sử thông giám cương mục" lại cho đó là tượng Lê Lai, công thần khai quốc đời Lê đã xả thân cứu chúa. Năm Tự Đức thứ mười tám (1865), nhà nho Nguyễn Văn Siêu đứng ra tu sửa lại đền. Đền mới sửa được đắp thêm đất và xây kè đá xung quanh, xây đình Trấn Ba, bắc một cây cầu từ bờ đông đi vào gọi là cầu Thê Húc. Trên núi Ngọc Bội cũ, ông cho xây một tháp đá, đỉnh tháp hình ngọn bút lông, thân tháp có khắc ba chữ "Tả Thanh Thiên" (viết lên trời xanh), ngày nay thường gọi đó là tháp Bút. Tiếp đến là một cửa cuốn gọi là đài Nghiên, trên có đặt một cái nghiên mực bằng đá hình nửa quả đào bỏ đôi theo chiều dọc, có hình ba con éch đội. Trên nghiên có khắc một bài minh nói về công dụng của cái nghiên mực xét về phương diện triết học. Người đời sau ca ngợi là: Nhất đài Phương Đình bút. Từ cổng ngoài đi vào có hai bức tường hai bên, một bên là bằng rỗng, một bên là bằng hỏ, tượng trưng cho hai bằng cao quý nêu tên những người thi đỗ, khiến cho các sĩ tử đi qua càng gắng công học hành.

Tên cầu Thê Húc nghĩa là giữ lại ánh sáng đẹp của mặt trời. Cầu Thê Húc dẫn đến cổng đền Ngọc Sơn. Đền chính gồm hai ngôi đền nối liền nhau, ngôi đền thứ nhất về phía bắc thờ Trần Hưng Đạo và Văn Xương. Tượng Văn Xương đứng, tay cầm bút được đặt ở hậu cung trên bệ đá cao khoảng 1m, hai bên có hai cầu thang bằng đá. Phía nam có đình Trấn Ba (đình chấn song - ngụ ý là cột trụ đứng vững giữa làn sóng không lành mạnh trong nền văn hoá đương thời). Đình hình vuông có tám mái, mái hai tầng có 8 cột chống đỡ, bốn cột ngoài bằng đá, bốn cột trong bằng gỗ. Các nhân vật được thờ trong đền ngoài Văn Xương Đế Quân, Lã Động Tân, Quan Vân Trường, Trần Hưng Đạo, còn thờ cả phật A Di Đà. Điều này thể hiện quan niệm Tam giáo đồng nguyên của người Việt. Sự kết hợp giữa đền Ngọc Sơn và hồ Hoàn Kiếm đã tạo thành một tổng thể kiến trúc Thiên - Nhân hợp nhất,

tạo vẻ đẹp cổ kính, hài hoà, đăng đối cho đền và hồ, gợi nên những cảm giác chan hoà giữa con người và thiên nhiên. Đền và hồ đã trở thành những chứng tích gợi lại những kỷ niệm xưa về lịch sử dân tộc, thức tỉnh niềm tự hào, yêu nước chính đáng cũng như tâm linh, ý thức mỗi người Việt Nam trước sự trường tồn của dân tộc.

### *Thành cổ Sơn Tây*

Từ trung tâm thành phố Hà Nội, xuôi theo quốc lộ 32 khoảng hơn 40km về phía tây, du khách sẽ đến thị xã Sơn Tây. Thành cổ Sơn Tây nằm tại trung tâm thị xã, được xây dựng vào năm 1822 và đã từng là thủ phủ của vùng Tam Tuyên, bao gồm 3 tỉnh: Sơn Tây, Hưng Hóa, Tuyên Quang, dưới thời vua Minh Mạng, triều Nguyễn. Đây là một ngôi thành cổ với công trình kiến trúc về quân sự và hệ thống tường, công thành được xây dựng hoàn toàn bằng đá ong. Mảnh đất Sơn Tây được du khách biết đến bởi nơi đây có nhiều danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử nổi tiếng như: hồ Đồng Mô, thành cổ Sơn Tây, làng cổ Đường Lâm, đền Và, chùa Mía... trong đó, thành cổ Sơn Tây nổi tiếng không chỉ là một tòa thành cổ với công trình kiến trúc đặc biệt về quân sự mà còn là một tòa thành cổ với hệ thống tường, công thành được xây dựng bằng đá ong rất vững chắc, kiên cố (đá ong là một loại vật liệu xây dựng đặc trưng của vùng Sơn Tây trước kia).

Thành hình tứ giác, chu vi khoảng 1.304m với 4 cổng vòm ra vào: Đông, Tây, Tiền, Hậu; mỗi cổng có vọng lâu cao 18m để có thể lên đó quan sát mọi vật ở dưới và có hệ thống tường thành được xây dựng bằng gạch đá ong cao 5m rất vững chắc, xung quanh thành còn có hào nước sâu 3m, rộng 20m, dài 1.795m. Phía bên trong có 4 khẩu súng thần công được đặt ở 4 góc thành, có điện Kính Thiên (tức tòa nhà 5 gian, là nơi làm việc và nghỉ ngơi của nhà vua mỗi khi đi kinh lý), có dinh thự và công đường của các quan Tổng đốc, Án sát, Đề đốc, Đốc học... Ngoài ra còn có giếng nước, cột cờ, trại lính...Điểm đáng chú ý của thành cổ Sơn Tây là tòa thành này được xây dựng theo kiến trúc của thành vô-băng của Pháp. Theo sử sách ghi lại, thành cổ Sơn Tây là do kỹ sư S.P.de Vauban – một nhà quân sự người Pháp, thiết kế. Ông là người đã cách mạng hóa nghệ thuật phòng thủ dưới thời vua Lu-I XIV (Louis XIV), chỉ huy xây dựng nhiều thành quan trọng ở nước Pháp như: thành ở Lin (Lille, 1667), ở Na mui (Namur, 1692). Kiểu thành Vô-băng có dạng hình học rõ ràng, có những phần nhô ra góc cạnh, phù hợp với điều kiện quân sự đã phát triển. Tại Việt Nam, kiểu thành này được xây dựng ở một số nơi như: Gia Định (Sài Gòn), thành phố Huế (Thừa Thiên – Huế), Sơn Tây (Hà Nội), Vinh (Nghệ An), Đồng Hới (Quảng Bình)...Trải qua gần 200 năm với bao thăng trầm lịch sử, tòa thành cổ này đã bị xuống cấp. Năm 1994, Bộ Văn hóa Thông tin (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) đã công nhận thành cổ Sơn Tây là di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia. Năm 2003, tòa thành cổ này đã được tu sửa với công trình kiến trúc phần nào tái hiện được diện mạo của nó trước đây. Để du khách có dịp vừa chiêm ngưỡng công trình kiến trúc độc đáo vừa có dịp thư giãn, tham quan, ngắm cảnh nơi đây, bên cạnh việc tu bổ những công trình kiến trúc, người ta còn cho xây dựng khuôn viên với những hàng cây xum xuê, xanh tốt và một số công trình khác. Ngày 16/2/2009, UBND thành phố Hà Nội đã ra quyết định tiếp tục cải tạo, chỉnh trang di tích lịch sử văn hóa thành cổ Sơn Tây để phục vụ cho Đại lễ kỷ niệm 1.000 năm Thăng Long – Hà Nội.

### *Làng cổ Đường Lâm*

Chùa Mía còn có tên chữ là Sùng Nghiêm Tự. Chùa Mía tọa lạc tại làng Mía, xã Đường Lâm, thị xã Sơn Tây, Hà Nội. Chùa được xây dựng vào thời Trần. Đến thế kỷ 17, chùa đã bị đổ nát, hoang phế nhiều. Năm Đức Long thứ tư (năm 1632), bà Nguyễn Thị Dong, vợ chúa Trịnh Tráng (1632 - 1657), đứng ra hưng công để xây dựng lại. Bà đã được

tạc tượng đưa vào thờ ở chùa, được nhân dân tôn kính gọi là Bà Chúa Mía. Toàn bộ ngôi chùa được xây bằng gỗ quý, có kiến trúc hình chữ “Mục”. Trong chùa có nhiều pho tượng Phật độc đáo, thể hiện tính nghệ thuật cao siêu của các nghệ nhân về đúc, nặn, chạm khắc thời xưa. Chùa nằm trên một ngọn đồi đá ong, có quy mô lớn, được tách ra làm ba khoảnh tách bạch. Phía ngoài cùng là gác chuông, tiếp đó là mảnh sân, ở phía bên góc phải là một cây đa vài trăm tuổi, tán lá sum suê che mát cả một khoảng rộng, tạo cho khu chùa Mía một cảnh yên tĩnh mát mẻ và linh thiêng. Qua một cổng gạch là đến dãy nhà thụ trai (nơi ở của các nhà sư). Tiếp đến là khu nhà chính gồm: Nhà bái đường, chùa hạ, chùa trong và thượng điện. Ở nhà bái đường có một tấm bia đá được dựng vào năm bắt đầu làm chùa (1632). Tấm bia đá này có chiều cao hơn 1,6m, chiều rộng là 1,2m đặt trên một con rùa đá đồ sộ làm chúng ta nhớ đến những con rùa đội bia đá trong Khuê Các Văn Miếu. Nội dung của tấm bia ghi lại công đức Bà Chúa Mía xây chùa. Đây là một trong những tấm bia to đẹp còn lưu giữ đến ngày nay. Chùa hạ và chùa trong nối với nhau bằng hai dãy hành lang bao quanh lấy khu thượng điện, kiến trúc được làm theo kiểu chuỗi vồ. Tại đây, tất cả những chỗ làm bằng gỗ đều được chạm trổ rất đẹp.

Gần gác chuông và cây đa cổ thụ là tòa bảo tháp Cửu phẩm Liên Hoa cao 13m thờ vọng Xá Lợi đức Phật. Tòa gác chuông làm theo kiểu kiến trúc chồng diêm hai tầng tám mái. Các góc mái đều gắn đao triện. Sàn nhà bằng gỗ, ở tầng gác có hàng lan can tiện. Các ván long, xà nách đều được bào xoi cạnh và chạm trang trí đề tài hoa lá. Ở đây có một tấm bia năm 1621, một tấm bia năm 1750. Trên gác treo một quả chuông đồng đúc năm Cảnh Hưng thứ tư (1745) một khánh đồng đúc năm Thiệu Trị thứ sáu (1846). Trong chùa Mía có rất nhiều tượng, có 287 pho tượng lớn nhỏ, trong đó có 6 pho tượng đồng, 106 pho tượng gỗ và 174 pho tượng bằng đất luyện được sơn son thếp vàng. Các pho tượng này dù được đúc, nặn, hay được chạm khắc cũng đều thể hiện tính nghệ thuật cao qua sự khéo léo, tài hoa của những người thợ xưa. Nhiều pho tượng được xem như những tác phẩm nghệ thuật tạo hình ở Việt. Điển hình nhất là ở tòa thượng điện có một bộ tám pho tượng Bát Bộ Kim Cương làm bằng đất luyện. Mỗi pho tượng là hình tượng một võ tướng đang trong tư thế chuẩn bị chiến đấu để trừ tà bảo vệ Phật pháp. Hình khối, bố cục vững chắc, thân hình cân đối, đường nét thoải mái và khỏe. Nếu ở chùa Tây Phương có các pho tượng La Hán diễn tả hết nội tâm của con người thì ở chùa Mía các pho tượng Bát Bộ Kim Cương cũng được coi như những điển hình nghệ thuật, đã miêu tả ngoại hình, dung mạo những con người giàu tinh thần thượng võ. Ngoài ra, ở hai dãy hành lang còn có các pho tượng tuyệt tác như: Tượng Tuyết Sơn (cao 0,76m), trông không lớn như tượng Tuyết Sơn ở chùa Tây Phương.

Nổi bật nhất trong chùa Mía là tượng Quan Âm Tống Tử (cao 0,76m), thường được gọi là tượng Bà Thị Kính. Tượng này diễn tả một người phụ nữ thùy mị, có duyên, vẻ mặt hơi buồn nhưng rất hiền từ nhân hậu, ẵm một đứa bé bụ bẫm kháu khỉnh. Đường nét chạm khắc mềm mại, trau trốt. Với những tác phẩm nghệ thuật điêu khắc và kiến trúc độc đáo, với quy mô bề thế và đẹp, chùa Mía đã được Bộ Văn hóa - Thông tin xếp hạng là di tích kiến trúc nghệ thuật.

### *Chùa Thầy*

Chùa được xây dựng từ đời vua Lý Nhân Tông (1072 - 1128). Ban đầu chùa chỉ là một thảo am nhỏ gọi là Hương Hải am, nơi thiền sư Từ Đạo Hạnh trụ trì. Sau đó, vua Lý Nhân Tông đã cho xây dựng lại thành hai cụm chùa: chùa Cao (Đỉnh Sơn Tự) trên núi và chùa Dưới (Thiên Phúc Tự). Đầu thế kỷ 17, Dĩnh Quận Công cùng hoàng tộc chăm lo việc trùng tu, xây dựng điện Phật, điện Thánh, nhà hậu, nhà bia và gác chuông. Theo thuyết

phong thủy, chùa được xây dựng trên thế đất hình con rồng, quay mặt về hướng nam, trải dài theo một triền núi. Chùa Thầy được dựng ở chân núi Sài Sơn quanh co, uốn lượn như đuôi rồng, phía trước là hồ Long Trì (ao rồng). Chùa nằm trên khu đất hàm rồng, sân cỏ trước là hàm trên của rồng, bờ hồ bên trái là hàm dưới, miệng rồng há ra đón hòn ngọc là Thủy Đình; hai dải đất rộng ra hai bên là hai chân trước của rồng ôm lấy chùa; hai cầu Nhật Tiên Kiều và Nguyệt Tiên Kiều là răng nanh của rồng; hai bên có giếng tượng trưng cho mắt rồng; hai cây gạo khúc khuỷu vươn lên trời trước chùa là râu rồng; ba lớp chùa Hạ, Trung, Thượng là đầu rồng; hành lang hai bên chùa có gác chuông, gác trống là tai rồng.

Chùa Thầy được xây dựng theo kiến trúc tiền Phật hậu Thánh, thể hiện sự hội nhập giữa tín ngưỡng bản địa với tín ngưỡng Phật giáo. Chùa Thầy có cấu trúc hoàn chỉnh theo bố cục “nội công ngoại quốc”, chông đường kèm giá chiêng, bao gồm ba tòa song song với nhau là chùa Hạ, chùa Trung và chùa Thượng. Giữa chùa Hạ và chùa Trung có tòa Thiêu hương (ống muống) nối với nhau, không có ván cột, chỉ có lan can gỗ chạm chần song con tiện ở hai bên, tạo thành thế hạ công thượng nhất. Xung quanh chùa có hai dãy hành lang dài nối gác chuông, gác trống thành một khung hình chữ nhật, tạo cho chùa một không gian thoáng bên trong nhưng lại kín đáo bên ngoài.

Chùa Thượng tách biệt hẳn, ở vị trí cao nhất, biển đề Đại hùng Bảo điện, đồng thời là điện Thánh. Trong điện Thánh có cung Thánh với diện tích nhỏ, khép kín tạo nên vẻ huyền bí, linh thiêng. Ngoài ra, tại đây còn xây dựng những miếu thờ Thần để Phật hóa Thần càng thể hiện rõ nét hơn sự hội nhập tín ngưỡng.

Những tòa chính của chùa được xây trên nền rất cao, thấp nhất là hành lang và nhà hậu cũng được làm trên nền cao 1m, tiền đường (chùa Hạ) cao hơn 1m, điện Phật (chùa Trung) cao 1,76m, cao nhất là điện Thánh (chùa Thượng) cao 2,2m. Phía trước chùa là một sân rộng nhìn ra hồ Long Trì. Nằm giữa hồ nước xanh Long Trì là nhà Thủy Tạ kiểu phương đình, gồm hai tầng tám mái chông diêm xoè ra bốn phía tựa bông sen khổng lồ mọc lên từ hồ nước. Nghệ thuật điêu khắc được thể hiện rõ nhất ở hệ thống tượng trong chùa. Các nghệ nhân đã phối hợp giữa hai chất liệu gỗ và đất để tạo hình cho những pho tượng. Ở chùa Thầy có hai hệ thống tượng chính: hệ thống tượng Phật và hệ thống tượng Thánh.

Chùa Hạ là nhà tiền tế, bày các tượng Đức Ông, Thánh hiền. Tòa Thiêu hương để tượng Bát bộ Kim Cương. Hệ thống tượng Phật được đặt chủ yếu ở chùa Trung. Các pho tượng được bố trí trên hai trục chính: Trục ngang (thời gian) là bộ tượng Tam Thế (quá khứ, hiện tại, tương lai) và trục dọc (không gian) gồm tượng Tuyết Sơn - Di Lặc - Thích Ca sơ sinh. Mỗi nhóm tượng đều được các nghệ nhân chú trọng lột tả thần thái, cách tạo hình ứng với chức năng của tượng. Hai bên hành lang là hệ thống tượng 18 vị La Hán, hiện thân của những người tu hành xuất thân từ nhiều tầng lớp có tiểu sử, cá tính, lối tu khác nhau do vậy cũng là nhóm tượng sinh động, hiện thực, tạo nhiều cảm hứng.

Tượng Từ Đạo Hạnh ở ba kiếp khác nhau (Tăng, Phật và Đế vương) được thờ trong điện Thánh. Bên trái thờ tượng toàn thân thiền sư bằng gỗ bạch đàn, đặt trên ngai, sau lưng ngai chạm trở hình đầu rồng, lưỡi búa, sừng tê, ngọc báu... Chính giữa là tượng thiền sư khi đã thành Phật, đội mũ hoa sen, tay chấp trước ngực, khoác áo cà sa vóc vàng, đặt trên một bệ tượng bằng đá thời nhà Lý, có hình sư tử đội toà sen. Bên phải là tượng thiền sư sau khi đã hóa thân, đầu thai làm con trai của Sùng Hiền Hầu và trở thành vua Lý Thần Tông. Chùa Thầy còn thờ tượng cha mẹ thiền sư Từ Đạo Hạnh là ông Từ Vinh và bà Tăng Thị Loan cùng hai người bạn đồng đạo thân thiết của thiền sư là thiền sư Minh Không và thiền sư Giác Hải. Hội chùa Thầy diễn ra từ ngày mùng 5 đến ngày mùng 7/3 âm lịch hàng năm thu

hút nhiều tăng ni từ các nơi khác trong vùng cùng về đây dự lễ. Lễ cúng Phật và trai đàn - một điển xưng có tính chất tôn giáo - được thực hiện có sự phối hợp của các nhạc cụ dân tộc. Đến nay, chùa Thầy vẫn cuốn hút khách hành hương đến văn cảnh, cầu phúc, cầu tài, và hấp dẫn các nhà nghiên cứu tìm hiểu về giá trị nghệ thuật, thẩm mỹ, lịch sử, tôn giáo nơi đây.

### *Chùa Trăm Gian*

Từ quận Hà Đông theo quốc lộ 6, qua cầu Mai Lĩnh, đến thị trấn Chúc Sơn, đi thêm khoảng 2km thì rẽ phải, rồi men theo chân núi Sở khoảng 3km, du khách sẽ tới chùa Trăm Gian. Ngôi chùa tọa lạc ở thôn Tiên Lữ, xã Tiên Phương, huyện Chương Mỹ, Hà Nội. Ngôi chùa có 104 gian, là ngôi cổ tự nổi tiếng ở Việt Nam. Chùa có tên chữ là chùa Quảng Nghiêm, được lập từ thời vua Lý Cao Tông, niên hiệu Trịnh Phù thứ 10 (1185). Đến thời nhà Trần, chùa là nơi tu học của hoà thượng Bình An, tên thật là Nguyễn Lữ, quê ở Bối Khê. Tương truyền, hoà thượng là người tinh thông kinh sách, có nhiều phép lạ nên sau khi ông mất, dân làng xây tháp để gìn giữ hài cốt và tôn là Đức Thánh Bối. Chùa vừa thờ Phật vừa thờ Đức Thánh Bối. Chùa Trăm Gian là một quần thể kiến trúc độc đáo gồm 104 gian. Công chùa được xây hai trụ lớn tạo một lối đi ở giữa, hai bên là hai tường nối với hai trụ nhỏ. Bước qua cổng chùa vào bên trong là một khuôn viên rộng lớn có sân chùa được lát gạch sạch sẽ, có hai dãy hàng lang ở hai bên, hành lang bên trái dẫn đến tam quan và gác chuông, hành lang bên phải dẫn lên nhà bia tưởng niệm. Ở giữa là ngôi chính điện cổ kính, trang nghiêm. Tam quan nằm trên trục tâm của khu Tam bảo. Qua tam quan chùa, du khách sẽ được chiêm ngưỡng một trong những gác chuông cổ còn lại cho đến nay. Đó là một tòa gác 2 tầng 8 mái, có lan can chạy quanh bốn mặt. Các ván bằng gỗ đều có chạm hình hoa đao uốn hất lên như một bông sen khổng lồ tỏa hương. Tại đây treo một quả chuông cao 1,1 m, đường kính 0,6 m, đúc năm 1794. Trên chuông có khắc một bài minh của Phan Huy Ích.

Khu trung tâm chùa bao gồm tòa tiền đường, thiên hương và thượng điện kết nối với nhau thành một nội thất theo hình chữ “công”. Hai hành lang dài ở hai bên thông với tiền đường ở phía trước và hậu đường ở phía sau tạo thành một kiến trúc đóng hình chữ “quốc”. Tòa tiền đường gồm 7 gian, thượng điện chỉ có 3 gian nhưng mái trước kéo dài, có tường bên kéo thẳng sang tiền đường, trong khi đó hậu đường được bố trí thành 9 gian. Ở giữa thượng điện có một bệ đất nung đỏ hình khối chữ nhật, giống các kiểu bệ đá thời Trần. Trên bệ là đài sen, xung quanh có trang trí nhiều hình động vật, hoa lá, bốn góc có hình chim thần. Trên đài đặt các tượng Phật tam thế. Ngoài ra, khoảng sân sau thượng điện trước hậu đường dựng tòa Phương đình treo cả trống và khánh, cũng là chỗ cho du khách nghỉ chân ngắm cảnh xung quanh. Tất cả các công trình ở hai khu chính và phụ gắn bó với nhau theo hai không gian đạo và đời, khác nhau nhưng lại hòa quyện thống nhất dàn khắp đình đài.

Hiện chùa còn lưu giữ bộ sưu tập tượng gồm 153 pho tượng, hầu hết bằng gỗ, một số ít bằng đất nung trong đó đặc biệt quý là tượng Tuyết Sơn, tượng Quan Âm Bồ Tát và tượng Đô đốc Đặng Tiến Đông, một tướng lĩnh nhà Tây Sơn. Ngoài ra, chùa còn có tượng thờ Đức Thánh Bối được đặt trong khám gỗ. Pho tượng này được rút cốt bằng mây đan ngoài bọc vải sơn, tương truyền là tượng bô hài cốt của ông. Chùa Trăm Gian còn có một số hiện vật thuộc loại quý hiếm. Đó là đôi rồng đá thời Trần được dùng làm lan can lên cửa chùa, có thân dài mập nhưng ghép đầu rồng thời Nguyễn. Đó là những viên gạch thời Mạc được dùng xây bệ tượng Tam thế, nhiều viên chạm chim thần và các con thú rất sinh động. Đó cũng là bộ tranh La hán và tranh Thập điện được chạm nổi có kết hợp vẽ... Trong chùa còn

nhiều hoành phi, câu đối, đặc biệt là có hai câu đối được khảm trai, tương truyền là có từ thời nhà Hồ.

Lễ hội chùa Trăm Gian được tổ chức từ ngày 4 - 6 tháng Giêng âm lịch hằng năm nhằm tưởng nhớ Đức Thánh Bối. Trong lễ hội có rước kiệu thánh, thi cỗ chay và trình rối cạn; ngoài ra còn các trò vui như đánh cờ người, đấu vật, múa rối nước, đốt pháo hoa... Chùa đã được công nhận là Di tích Lịch sử cấp quốc gia.

### *Chùa Tây Phương*

Chùa Tây Phương nằm trên ngọn núi Câu Lậu, thuộc xã Thạch Xá, huyện Thạch Thất, Hà Nội. Chùa Tây Phương được ví như một bảo tàng tượng Phật với nhiều pho tượng cổ độc đáo, sống động, có hồn. Chùa được xây dựng từ lâu đời và đã được trùng tu nhiều lần vào các thế kỷ 16, 17, 18. Năm 1554, chùa được xây lại trên nền cũ. Năm 1632, chùa xây dựng thượng điện 3 gian và hậu cung cùng hành lang 20 gian. Năm 1660, Tây Đô Vương Trịnh Tạc cho xây lại chùa mới. Đến năm 1794 dưới thời nhà Tây Sơn, chùa lại được đại tu hoàn toàn với tên mới là "Tây Phương Cổ Tự" và hình dáng kiến trúc còn để lại như ngày nay. Chùa Tây Phương còn có tên gốc là Sùng Phúc Tự và Hoàng Sơn Thiếu lâm tự. Chùa được đặt trên đỉnh núi cao hơn 100 mét. Để lên đến cổng chùa, du khách phải vượt qua 239 bậc lát đá ong. Dựa vào thế núi từ thấp lên cao, kiến trúc chùa Tây Phương được xây dựng theo kiểu chữ Tam, gồm ba ngôi chùa song song với nhau dọc theo sườn núi, mỗi chùa cách nhau 1,6m: chùa Hạ, chùa Trung và chùa Thượng. Mặc dù mỗi ngôi chùa mang một kiến trúc riêng biệt nhưng lại nằm trong một chỉnh thể hài hòa, thống nhất giữa không gian núi rừng trầm tịch và thoáng đãng.

Mỗi tòa nhà có hai tầng mái kiểu chồng diêm: mái trên có mũi in nổi hình lá đề, lớp dưới là ngói lốt hình vuông sơn ngũ sắc như màu áo cà sa xếp trên những hàng rui gỗ làm thành ô vuông vắn đều đặn. Mái chùa có những góc đao cong vút được kết hợp bởi hai loại vật liệu chính là gỗ và đất nung, với những đường nét nổi lên hình hoa, lá, rồng phượng rất sống động, vươn cao tới 2,2m. Xung quanh diêm mái của ba tòa nhà đều được chạm trổ tinh tế theo hình lá triện cuốn rất công phu. Tường chùa xây toàn bằng gạch Bát Tràng, các cột gỗ đều kê trên đá tảng xanh, khắc hình cánh sen. Không chỉ nổi bật với kiến trúc độc đáo, chùa Tây Phương còn là nơi tập trung những tác phẩm đặc sắc của nghệ thuật điêu khắc tôn giáo bao gồm chạm trổ, phù điêu và tạc tượng. Hầu hết các đầu bẩy, các bức cốn, xà nách, ván long... làm bằng gỗ trong chùa đều được bàn tay của các nghệ nhân chạm trổ những hình ảnh quen thuộc của dân tộc Việt Nam như: hình lá dâu, lá đề, hoa sen, hoa cúc, rồng, phượng, hổ phù... Tác giả của những tác phẩm điêu khắc tinh xảo này chính là các nghệ nhân làng mộc trong vùng Tổng Nửa, làng truyền thống Chàng Sơn – làng mộc nổi tiếng nhất xứ Đoài thời bấy giờ. Điểm nổi bật nhất ở chùa Tây Phương là các bộ tượng. Trong chùa có hơn 70 pho tượng cùng với các bức phù điêu, chủ yếu được tạc bằng gỗ mít sơn son thếp vàng, như các bộ tượng Tam Thế Phật, bộ tượng Di Đà Tam Tôn, tượng Tuyết Sơn, tượng Bồ tát Di Lặc, tượng Bồ tát Văn Thù, tượng Bồ tát Phổ Hiền, ... Nhiều pho được tạc cao hơn người thật như 8 pho tượng Kim Cương và Hộ Pháp, cao chừng 3 m, trang nghiêm phúc hậu. Phần lớn các tượng này đều được coi là có niên đại cuối thế kỷ 18. Một số tượng khác được tạc vào giữa thế kỷ 19.

Chùa Tây Phương hiện nay còn có 18 tượng vị La Hán được thờ ở chùa Thượng. Đó là 18 vị Sư tổ của Phật giáo. 18 bức tượng là 18 cá thể, mỗi người một dạng vẻ, một tư thế, ai nấy đều có nét riêng biệt, chân thực.

### *Chùa Quán Sứ*

Chùa Quán Sứ được xây dựng vào thế kỷ 15 nằm trên địa phận thôn An Tập, phường Cổ Vũ, tổng Tiên Nghiêm (sau đổi là tổng Vĩnh Xương), huyện Thọ Xương; ngày nay là phố Quán Sứ, quận Hoàn Kiếm, Thủ đô Hà Nội. Chùa Quán Sứ tọa lạc tại số 73 phố Quán Sứ, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Nay Chùa Quán Sứ cũng là trụ sở của Trung ương hội Phật giáo Việt Nam. Theo sách Hoàng Lê Nhất Thống Chí, vào thời vua Lê Thế Tông, các nước Chiêm Thành, Ai Lao thường cử sứ giả sang triều cống nước ta. Nhà vua cho dựng một tòa nhà gọi là Quán Sứ để tiếp đón các sứ thần đến Thăng Long. Vì sứ thần các nước này đều sùng đạo Phật nên lại dựng thêm một ngôi chùa cũng nằm trong khuôn viên Quán Sứ để họ có điều kiện hành lễ. Thời gian đã xóa đi dấu tích khu nhà Quán Sứ nhưng ngôi chùa thì vẫn tồn tại.

Năm 1934, Tổng hội Phật giáo Bắc Kỳ thành lập, chùa Quán Sứ được chọn làm trụ sở. Năm 1942 chùa đã được xây dựng lại theo bản thiết kế của hai kiến trúc sư Nguyễn Ngọc Ngoạn và Nguyễn Xuân Tùng do chính Tổng Vĩnh Nghiêm duyệt. Nghệ thuật kiến trúc và trang trí kết hợp tất cả tinh hoa các đại gia lam miền Bắc. Chùa Quán Sứ có lẽ là một trong rất ít ngôi chùa ở nước ta mà tên chùa cũng như nhiều câu đối đều được viết bằng chữ quốc ngữ. Phải chăng vì ngôi chùa được xây dựng lại vào giữa thế kỷ 20 và vì chùa đã trở thành trụ sở trung tâm của Tổng hội Phật giáo Bắc Việt, nay là của Giáo hội Phật giáo Việt Nam, ngôi Quốc tự chung của các thiện nam tín nữ trên đất Việt.

Tam quan chùa kiêu ba tầng mái, chính giữa là lầu chuông. Đi qua một sân gạch nhỏ, bước lên 11 bậc thềm là tới chính điện, hình vuông, có hành lang bao quanh. Điện Phật được bài trí trang nghiêm, các pho tượng đều khá lớn và thếp vàng lộng lẫy. Phía trong cùng, thờ ba vị Tam Thế Phật trên bậc cao nhất. Bậc kế tiếp thờ tượng Phật A-di-đà ở giữa, hai bên có tượng Quan Thế Âm và Đại Thế Chí. Bậc dưới đó, ở giữa thờ Phật Thích-ca, hai bên là A-nan-đà và Ca-diếp. Bậc thấp nhất, ở ngoài cùng có tòa Cửu Long đứng giữa tượng Quan Âm và Địa Tạng. Gian bên phải chánh điện thờ Lý Quốc Sư (tức Thiền sư Minh Không) với hai thị giả, gian bên trái thờ tượng Đức Ông và tượng Châu Sương, Quan Bình. Các nhà chính và nhà phụ chùa Quán Sứ đều rộng rãi. Nơi đây từng là trụ sở báo Đuốc Tuệ. Hiện nay chùa có giảng đường, thư viện, là nơi đặt văn phòng Phân viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam và văn phòng tổ chức Phật giáo Châu Á vì hòa bình (ở Việt Nam).

### *Đình Tây Đằng*

Đình được biết đến là một trong số những ngôi đình cổ của Việt Nam với nghệ thuật điêu khắc chạm trổ đạt đến trình độ điêu luyện. thuộc thị trấn Tây Đằng, huyện Ba Vì, Hà Nội, cách trung tâm Hà Nội khoảng 50km về phía tây. Đình Tây Đằng được dựng vào khoảng đầu thế kỷ 16, nhưng hiện nay tại đình vẫn còn lại một số hoa văn từ thế kỷ 11 - 13, nên có giả thiết đình Tây Đằng có thể được xây dựng từ trước thế kỷ 16. Ngôi đình thờ Tản Viên, là một trong tứ bất tử của tín ngưỡng dân gian Việt Nam, một trong những nhân vật hàng đầu của thần thoại Việt – Mường cổ. Đình quay hướng nam. Theo quan niệm của người xưa thì hướng của đình nhằm đề cao thánh Tản Viên, coi ông là vua tinh thần của làng xã, góp phần gìn giữ cuộc sống bình yên cho chúng dân. Đình Tây Đằng là một công trình kiến trúc độc đáo. Đình chỉ có mỗi một nếp nhà kiêu chữ “nhất”, không có hậu cung, cũng không có tiền tế. Vật liệu xây dựng ban đầu hoàn toàn bằng gỗ mít, trong quá trình tu bổ sau này có dùng một số gỗ lim Trường Sơn. Phía trước đình là mảnh đất rộng làm nơi sinh hoạt cộng đồng trong ngày hội. Tiếp đó là hồ bán nguyệt đặt ngay phía trước nghi môn trụ. Đây là một dạng nghi môn phổ biến của thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20, cùng niên đại này còn hai tòa tả hữu vu nằm ở hai bên một sân rộng. Đại đình được dựng trên một nền hình chữ

nhật cao bó đá vữa. Đình có 5 gian, 4 mái. Bên trong đình dựng kiểu chông rường với 48 cột lớn nhỏ, chia thành 3 gian chính, 2 gian chái, có hàng hiên bao quanh. Đình Tây Đằng không có bưng ván và không xây tường xung quanh mà chỉ có hệ thống cột chống dàn mái tạo nên một không gian thoáng đãng, tràn đầy ánh sáng. Cột đình thấp, tạc theo kiểu thượng thu hạ thách (trên nhỏ dưới to), đôi vì nóc qua một đầu vuông thót đáy lớn. Vì nóc làm theo kiểu giá chiêng với con rường trên mặt, vòng lên để đỡ lực về đầu cột và tạo không gian cho ván lá đề ở trung tâm.

Đình Tây Đằng hấp dẫn du khách không phải ở khung cảnh thiên nhiên mỹ lệ, cũng không phải ở quy mô đồ sộ mà là ở nghệ thuật điêu khắc chạm trổ, trang trí còn lưu lại trên các cột, vì kèo, xà, đầu, ván long, lá gió... Tại đây, du khách được chiêm ngưỡng tài năng tuyệt vời của những người thợ mộc đã đạt tới trình độ điêu luyện. Sự tài tình của các bậc tiền nhân chính là ở chỗ toàn bộ hơn 1.300 chi tiết chạm khắc gỗ trong đình không hề trùng nhau một chi tiết nào và được bố trí rất hài hòa, không mang tính đối xứng như các chi tiết kiến trúc ở nhiều ngôi đình khác... Các bức chạm khắc ở đình Tây Đằng mang đậm nét văn hóa dân gian, đề tài thiên về hoạt động của con người trong làng xã Việt Nam thế kỷ 16 như bơi thuyền, gánh con, đốn củi, múa hát... thể hiện tư duy, trí tuệ của người Việt cổ về cuộc sống, lao động.

Đình Tây Đằng có cách bài trí hiếm thấy trong di sản kiến trúc Việt Nam: một dải trang trí gồm tượng các tiên nữ cưỡi ở danh con sơn, được kết nối bằng rèm hoa văn đặt cài dưới mái; các tiên nữ thổi sáo, tiêu, gảy đàn đáy, đàn nguyệt... Hình hoa lá có hoa sen, hoa cúc cùng các mô típ hoa văn xoáy tròn, chạm trên các bẩy hiên, đường nét rất tinh túy. Các đầu đao đều uốn cong có gắn long, ly, quy, phượng bằng đất nung; xà, đầu, kèo, cốn đều có chạm khắc tinh xảo. Nét độc đáo nhất ở đình Tây Đằng là các hình chạm khắc rồng mang phong cách thời Trần. Thăm Tây Đằng, du khách có thể bị thu hút, mê hoặc bởi hàng chục, hàng trăm hình thái rồng được chạm khắc và đục đẽo thành tượng tròn, đặt ở các ván bưng, búc cốn, giữ vai trò đầu dư, con sơn. Chưa một ngôi đình, đền nào có sự thiên biến vạn hóa hình rồng đa dạng và tinh tế như vậy. Với những giá trị kiến trúc chạm khắc độc đáo, đình Tây Đằng được ví như một bảo tàng nghệ thuật dân gian của thế kỷ 16.

### *Đền Quán thánh*

Đền Quán Thánh còn được gọi là Trấn Vũ Quan, thờ thần Huyền Thiên Trấn Vũ – trấn hướng bắc của kinh thành Thăng Long, nằm ở góc đường Cổ Ngư (nay là đường Thanh Niên) và phố Quán Thánh (đời Lê thuộc đất phường Thụy Chương, huyện Vĩnh Thuận, phía nam Hồ Tây). Đền được xây dựng vào năm 1010 dưới triều vua Lý Thái Tổ. Sau khi dời Đô về Thăng Long, vua cho rước bài vị của thần về ở phía tây bắc thành, gọi là Huyền Thiên Trấn Vũ Đại Đế Quán – phúc thần của kinh thành. Đền là một trong Thăng Long tứ trấn (4 vị thần trấn thành Thăng Long): thần Huyền Thiên trấn phía bắc, thần Bạch Mã trấn phía đông (đền Bạch Mã), thần Linh Lang trấn phía tây (đền Voi Phục), thần Cao Vương trấn phía nam (đền Kim Liên).

Trải qua đời Trần, đền có tu sửa nhiều lần. Năm 1677, đời vua Lê Hy Tông, chúa Trịnh Tạc sai đình thần là Nguyễn Đình Luân trùng tu đền. Năm 1842, vua Thiệu Trị đến thăm và tặng một đồng tiền vàng cùng với một số vàng do các hoàng thân dâng cúng để đúc lại thành một cái vòng treo ở cổ tay tượng thần. Năm 1856, bố chánh Sơn Tây, bố chánh Hà Nội, tri huyện Vĩnh Thuận đã tổ chức quyên góp trùng tu, sửa lại chính điện, đình điều hương, bái đường và gác chuông, làm thêm hai dãy hành lang bên phải và bên trái, đắp lại 4 pho tượng đại nguyên soái. Năm 1893 đền được tu sửa lớn như diện mạo ngày nay. Đền



Quán Thánh được xây dựng theo kiểu kiến trúc Trung Quốc, bao gồm: tam quan, sân, ba lớp nhà tiền đế, trung đế, hậu cung. Cổng ngoài của đền nằm trên lề đường Thanh Niên. Cổng có bốn cột trụ với tượng bốn con phượng hoàng đầu lưng với nhau và con nghê trên đỉnh. Ở hai bên là hai bức bình phong đắp nổi hình mãnh hổ hạ sơn. Phía trên là tượng đắp nổi hình cá hóa rồng. Ở các mặt trước và sau của bốn cột trụ được trang trí bởi những cặp câu đối đỏ trông rất nổi bật. Sau cổng ngoài là tam quan có cấu tạo như một phương đình. Điều đặc biệt, phía trên cổng giữa của tam quan đắp nổi tượng thần Rahu. Đây là vị thần trong thần thoại Ấn Độ, đã nuốt Mặt Trăng và Mặt Trời nên gây ra hiện tượng nhật thực và nguyệt thực. Một số đền ở Hà Nội cũng có sự hiện diện của thần Rahu bên ngoài cổng như đền Bạch Mã. Điều này nói lên phần nào sự hội nhập tín ngưỡng của người Việt Nam. Tam quan của đền có ba cửa và hai tầng. Trên gác tam quan có quả chuông đồng cao 1.5m, nặng 1 tấn, được đúc vào năm 1677, triều đại vua Lê Hy Tông.

Qua sân bãi rộng – nơi sắp xếp đội ngũ chuẩn bị cho nghi thức lễ đền – là đến cửa bãi đường. Ở bậc tam cấp trước bãi đường có hai lu hương lớn. Tiếp đến là bàn để chuẩn bị đồ tế lễ. Ngoài hiên bãi đường, bên trái đắp nổi tượng cạp xuống núi, bên phải đắp nổi tượng cá hóa rồng. Ngoài ra, ở bên phải có bảng giới thiệu lịch sử tượng đồng Huyền Thiên Trấn Vũ. Trước kia tượng Huyền Thiên Trấn Vũ được làm bằng gỗ, đến năm 1677 được đúc lại bằng đồng đen. Tượng cao 3,07m, chu vi 8m, nặng 4 tấn. Tượng thần được đặt ở hậu cung. Tượng có khuôn mặt vuông, râu dài, tóc xoắn, mặc áo đạo sĩ, ngồi trên bục đá, tay trái bắt quyết, tay phải chống gươm có rún quán và chống lên lưng một con rùa. Tượng Trấn Vũ là một công trình nghệ thuật đúc đồng duy nhất tại Việt Nam, khẳng định nghệ thuật đúc đồng và tạc tượng của người Hà Nội cách đây hơn ba thế kỷ.

Tại nhà bãi đường còn một pho tượng nhỏ hơn, cũng bằng đồng đen, nhiều người cho rằng đây là tượng ông Trùm Trọng, người thợ cả đã chỉ huy việc đúc pho tượng Trấn Vũ. Tượng này do các học trò của ông đúc để ghi nhớ công ơn của thầy. Ngoài ra, trong đền còn có chiếc khánh bằng đồng được đúc vào thời chúa Trịnh (thế kỷ 17 – 18) do đô đốc Lê Văn Ngũ quyên tiền để đúc thành. Chiếc khánh có chiều ngang 1,25m, chiều cao 1,1m. Ngoài nghệ thuật đúc đồng, đền Quán Thánh còn có nhiều tác phẩm nghệ thuật được chạm khắc trên cửa, cột, xà và hơn 60 bài thơ hoành phi câu đối viết bằng chữ Hán. Tác giả của các bài thơ này là những người đạt khoa bảng cao như: Thám hoa, Bảng nhãn, Bồi chánh, Đốc học,... trong đó có cả thơ của vua Minh Mạng. Trên các bộ phận kiến trúc bằng gỗ của ngôi đền, các đề tài như tứ linh, doi, cá, tùng, trúc, cúc, mai, lẵng hoa, bầu rượu, thanh gươm, cảnh sinh hoạt của trần gian và thượng giới... được chạm khắc một cách tinh xảo, mang đậm phong cách nghệ thuật thời Lê.

### *Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam*

Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam nằm trên đường Nguyễn Văn Huyền, quận Cầu Giấy, Hà Nội. Nơi đây lưu giữ các hiện vật, tài liệu phản ánh mọi mặt đời sống, sinh hoạt, phong tục tập quán của 54 dân tộc trên khắp cả nước. Nằm trên một khu đất rộng 3ha, bảo tàng Dân tộc học Việt Nam được khai trương vào cuối năm 1997. Ngay từ khi ra đời, nơi đây đã thực sự thu hút sự quan tâm của nhiều khách du lịch và các nhà nghiên cứu văn hoá, dân tộc học trong nước và quốc tế. Giờ mở cửa: 8:30 - 17:30 vào các ngày trong tuần; trừ thứ 2 và các ngày lễ, Tết trong năm. Du khách đến Bảo tàng Dân tộc học phải mua vé vào cửa với các mức giá vé khác nhau như: Vé thường: 20.000 đồng/lượt; Vé giảm giá: 5.000 đồng/lượt dành cho sinh viên các trường cao đẳng và đại học, và giá 3.000 đồng/lượt dành cho học sinh tiểu học và phổ thông trung học; Vé miễn phí: Trẻ em dưới 6 tuổi và người

dân tộc thiểu số Việt Việt Nam.

Bảo tàng Dân tộc học lưu giữ 10.000 hiện vật, 15.000 ảnh đen trắng, hàng trăm băng video, băng cát-sét phản ánh mọi mặt đời sống, sinh hoạt, phong tục, tập quán của 54 dân tộc trên khắp đất nước Việt Nam. Hiện vật trưng bày được sắp xếp, bố trí một cách khoa học, dễ hiểu, dễ cảm thụ.

Khu trưng bày thường xuyên trong nhà có diện tích 2.500m<sup>2</sup> (bao gồm 2 tầng) được chia làm 9 phần: Giới thiệu chung; Giới thiệu dân tộc Việt (Kinh); Các dân tộc nhóm ngôn ngữ Tày, Thái và Ka dai; Các dân tộc nhóm ngôn ngữ Môn – Khmer; Các dân tộc nhóm ngôn ngữ Nam Đảo; Các dân tộc Chăm, Hoa, Khmer; Các dân tộc nhóm ngôn ngữ H' Mông, Dao, Tạng, Sán Dìu, Ngái; Giao lưu, hội nhập giữa các dân tộc.

Khu trưng bày ngoài trời giới thiệu những phong cách kiến trúc đặc trưng nhất của các dân tộc Việt Nam. Hiện tại đã có trưng bày về ngôi nhà dài Ê-Đê, nhà sàn Tày, ngôi nhà nửa sàn và nửa trệt của người Dao, nhà mái lợp bằng gỗ pơ-mu của người H'Mông, ngôi nhà Việt với mái lợp ngói, ngôi nhà mồ Gia-Rai, nhà Rông của người Ba-Na, ngôi nhà Chăm và ngôi nhà đất trình tường của người Hà Nhì.

Trong tương lai, Bảo tàng dự định trưng bày ngôi nhà mồ của dân tộc Cơ-Tu và khuôn viên hoàn thiện của ngôi nhà Việt. Một số loại cây thuộc địa phương của mỗi ngôi nhà cũng được mang đến và trồng tại đây. Bảo tàng đang dần hoàn thiện hẳn không gian trưng bày ngoài trời. Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam là một địa chỉ hấp dẫn du khách trong và ngoài nước.

### *Đền Sóc*

Đền thờ Thánh Dóng, một trong tứ bất tử của tín ngưỡng dân gian Việt Nam nằm trong quần thể di tích Đền Sóc trải từ chân núi lên đến đỉnh núi Vệ Linh, nằm trong địa bàn thôn Vệ Linh, xã Phù Linh, huyện Sóc Sơn, Hà Nội. Nằm cách thủ đô Hà Nội 40km về phía Tây Bắc, Sóc Sơn là vùng đất gắn liền với truyền thuyết về cậu bé Dóng huyền thoại, lên ba tuổi mà vẫn chưa biết nói biết cười rồi bỗng vụt lớn thành tráng sỹ đánh đuổi giặc bảo vệ quê hương làng xóm. Tương truyền, chân núi Sóc là nơi Thánh Dóng sau khi đánh đuổi quân xâm lược khỏi bờ cõi nước Nam, đã để lại áo giáp sắt ở lưng chừng núi trước khi bay về trời. Đền Sóc được xây dựng từ năm 980, thời Tiền Lê (980 - 1009) đến nay đã trải qua 13 lần trùng tu, lần gần nhất diễn ra năm 1992 nhưng vẫn giữ được kiểu dáng kiến trúc, quy mô, vị trí của các công trình. Đền Sóc có quy mô đồ sộ, kiến trúc theo kiểu chuôi vồ. Bên ngoài ngôi đền gồm 5 gian hai chái, phía trong là hậu cung, ngôi đền có cách bài trí sắp xếp mang đậm dấu ấn văn hóa Việt, tạo ra sự linh thiêng nơi thờ cúng thần linh. Trong đền còn có đôi ngựa gỗ tượng trưng cho ngựa sắt năm xưa Đức Thánh cưỡi để dẹp giặc Ân. Đền này cũng được bài trí lộng lẫy, uy nghiêm với hoành phi, câu đối sơn son thếp vàng. Đây là ngôi đền lớn, mang đậm lối kiến trúc cổ của nhà Phật.

Nói đến kiến trúc của đền Sóc phải kể tới 4 ngôi đền nằm ẩn mình dưới chân núi Vệ Linh. Từ ngoài cổng bước vào là đền Trình, tiếp đến là đền Mẫu, chùa Đại Bi và đền Thượng. Ngoài ra, trên đỉnh núi Vệ Linh còn có nhà bia đá tồn tại hàng trăm năm. Vì mỗi công trình không nằm gần nhau nên du khách phải đi qua những hàng cây, tán lá cỏ thụ mới thấy được hình dáng của ngôi đền hoặc chùa tiếp theo. Đền Trình mở đầu cho một thế giới linh thiêng bằng những góc đa xù xì, với những pho tượng cổ và thoang thoang mùi hương. Đặc biệt trên gác đền có viên tường chạy theo hình bậc thang, lượn sóng với những họa tiết cầu kỳ, đẹp mắt. Đi mấy bước qua con đường lát gạch hai bên là chùa Đại Bi. Ngôi chùa nhỏ có lối kiến trúc độc đáo từ mái vòm uốn cong hai đầu, đến những cánh cửa còn nguyên

màu sơn son. Bên trong đèn được trang trí bởi hoành phi, câu đối đẹp lộng lẫy và uy nghiêm. Đối diện với chùa Đại Bi là đèn Mẫu thanh tịnh, nghi ngút khói hương. Phía sau bức tường đèn được phủ bởi những lớp đá cuội lồi lõm, gợi cảm giác huyền bí, cổ xưa. Tâm điểm của tập hợp các di tích này là Đèn Sóc (còn gọi là Đèn Thượng), nơi thờ đức Thánh Dóng. Đèn Sóc nằm trong một vùng rừng núi bao la, bốn mùa cây cối xanh tươi với những khóm tre ngà vàng óng, tương truyền được người tráng sỹ xưa kia dùng làm vũ khí đánh đuổi kẻ thù.

Nếu leo lên đỉnh núi Vệ Linh, du khách sẽ có dịp tới thăm nhà bia. Nếu các nhà bia thường gặp trong đình chùa thường quét vôi thì nhà bia này được xây dựng hoàn toàn bằng đá phiến. Phần thân nhà vữa chãi gắn liền với đỉnh hình chóp nón, trông tựa như một chiếc mũ sắt của Đức Thánh Dóng năm xưa. Đến Đèn Sóc, du khách còn có thể tham quan tượng Thánh Dóng. Tượng được đúc bằng đồng nguyên chất, nặng 85 tấn, vươn chéo lên trời với độ dài 16 m, đặt trên đỉnh núi Đá Chồng - đỉnh cao nhất của khu di tích, nơi cậu bé Dóng đã cỡi giáp, vẫy chào quê hương, thăng thiên hoá thánh. Tại khu vực di tích đèn Sóc, vào ngày 6 tháng Giêng âm lịch hàng năm, nhân dân trong vùng lại tung bừng bước vào lễ hội 3 ngày để tưởng nhớ người anh hùng Thánh Dóng (còn tại quê hương của người anh hùng, làng Phù Đồng, Gia Lâm, thì lễ hội diễn ra vào ngày 09/4).

Đèn Sóc không chỉ là quần thể di tích linh thiêng thờ vị thánh của dân tộc, mà còn là một khu du lịch văn hóa - sinh thái đặc biệt của thủ đô. Đến nay, Khu di tích lịch sử đèn Sóc vẫn giữ được nhiều giá trị lịch sử văn hóa vô giá, góp phần vào công cuộc bảo tồn và phát huy văn hóa Việt Nam, được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận là Di sản Văn hóa cấp quốc gia

#### *Nhà hát lớn Hà Nội*

Nhà hát Lớn Hà Nội là một công trình lớn mà người Pháp đã xây dựng tại Việt Nam trong những năm đầu thế kỷ 20, là một trong các trung tâm văn hóa của thủ đô Hà Nội, nơi diễn ra thường xuyên các hoạt động văn hóa, biểu diễn nghệ thuật, ca múa nhạc, hòa nhạc, giao lưu và tạo lạc tại số 1 phố Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Nhà hát Lớn được khởi công xây dựng ngày 7/6/1901 và hoàn thành năm 1911 theo mẫu của “Nhà hát Opera Paris” (Pháp), do hai kiến trúc sư Harlay và Broyer thiết kế nhưng tầm vóc nhỏ hơn, các vật liệu sử dụng được thay đổi theo những điều kiện kinh tế và khí hậu địa phương, đồng thời mang nhiều màu sắc, đường nét kiến trúc của các Nhà hát ở miền Nam nước Pháp. Cách tổ chức mặt bằng, loại hình móng ngựa cho phòng lớn, lối vào sảnh, cầu thang chính và việc tổ chức các không gian phục vụ sân khấu của Nhà hát lớn Hà Nội đều giống như các nhà hát ở châu Âu đầu thế kỷ 20. Kết cấu kiến trúc và cả những họa tiết trang trí trong Nhà hát Lớn đều là phong cách kiến trúc phổ biến ở Pháp cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20. Kiểu mái hai mảng lợp ngói đá, đỉnh mái nhọn, mang yếu tố cân xứng hai bên, họa tiết trang trí trên vòm trần, các vòng nguyệt quế và huy chương trên tường đã mang lại một nét độc đáo của kiến trúc nhà hát phương Tây hiện đại giữa những công trình kiến trúc truyền thống của Việt Nam. Nhà hát lớn Hà Nội có diện tích 2.600m<sup>2</sup>, chiều dài 87m, chiều rộng 30m, điểm cao nhất của công trình so với mặt đường là 34m. Nhà hát Lớn Hà Nội còn là nơi diễn ra nhiều sự kiện chính trị trọng đại của đất nước. Đó là nơi đã chứng kiến những giây phút hoà bình đầu tiên trên đất nước, là một nhân chứng cách mạng của Thủ đô Hà Nội nghìn năm văn hiến. Kể từ đó đến nay, Nhà hát Lớn luôn là trung tâm của các cuộc hội nghị, mít tinh quan trọng và các buổi biểu diễn nghệ thuật của các đoàn nghệ thuật trong và ngoài nước. Trải qua những biến cố thăng trầm của lịch sử, cũng như nhiều công trình kiến trúc khác và

cả những loại hình văn hoá phi vật thể, Nhà hát Lớn Hà Nội đã trở thành minh chứng cho một thời kỳ mà các nền văn hoá giao thoa nhau, giúp Việt Nam hội nhập với thế giới. Chính vì thế, việc bảo tồn, gìn giữ di sản này, làm cho ý nghĩa công trình có giá trị sâu sắc hơn, phong phú hơn là những gì mà cả nước và nhân dân Thủ đô luôn hướng tới.

### *Hồ Trúc Bạch*

Hồ Trúc Bạch nằm cách hồ Tây bởi con đường Thanh Niên, cùng với hồ Tây đã tạo nên một thắng cảnh đẹp cho thủ đô Hà Nội thuộc phường Quán Thánh, quận Ba Đình, Hà Nội. Theo sách "Tây Hồ chí", hồ Trúc Bạch có từ thế kỉ 17 khi nhân dân hai làng Yên Hoa (nay là Yên Phụ) và Yên Quang (nay là phố Quán Thánh) đắp một con đê ngăn góc phía đông nam của hồ Tây để nuôi cá. Đến thời chúa Trịnh Giang (1729 - 1740), chúa đã lấy một khu đất nằm phía nam hồ ở làng Trúc Yên để xây cung điện làm nơi tĩnh dưỡng, gọi là Trúc Lâm Viện. Tuy nhiên, chỉ vài năm sau, cung điện trở thành lãnh cung giam giữ các cung nữ có tội. Các cung nữ phải dệt lụa để mưu sinh kiếm sống và lụa họ dệt ra nổi tiếng khắp vùng, được gọi là "lụa làng Trúc", tức "Trúc bạch". Từ đó, phần hồ bị ngăn ra nằm phía làng Trúc Yên cũng được gọi là hồ Trúc Bạch. Đến năm Chiêu Thống thứ hai (1788), vua Lê Chiêu Thống cho đốt hết cung điện của chúa Trịnh, Trúc Lâm Viện cũng bị đốt thành tro. Phần lớn du khách khi đến Hà Nội đều ghé thăm hồ Trúc Bạch bởi xung quanh hồ có rất nhiều di tích lịch sử và công trình kiến trúc đặc sắc. Góc phía tây nam hồ có đền Quán Thánh (đường Thanh Niên) – một trong Thăng Long tứ trấn; phía đông có chùa Thần Quang (phố Ngũ Xã) và chùa Châu Long (phố Châu Long) được xây từ thời Trần, là nơi tu hành của công chúa Khiết Cô – con gái vua Trần Nhân Tông (1279-1293), phía đông bắc có đền An Trì (phố Phó Đức Chính), thờ Uy Đô – một vị anh hùng đã có công lãnh đạo nhân dân chống quân Nguyên; nằm trên một đảo nhỏ phía bắc hồ có tấm bia đá ghi lại sự tích đền Cầu Nhi.

Xung quanh hồ Trúc Bạch trồng nhiều loại cây, điểm xuyết những vườn hoa xinh xinh và những thảm cỏ xanh mát mắt. Đến hồ Trúc Bạch, du khách có thể ngồi nhâm nhi ly cà phê tại các quán ven hồ; bơi thuyền, đạp vịt ngắm cảnh hồ hay đi dạo trên con đường Thanh Niên rợp bóng phượng hồng và bằng lăng tím để thả hồn miên man với nước hồ và gió trời.

### *Hồ Tây*

Hồ Tây có diện tích rộng hơn 500ha với một bề dày lịch sử mấy nghìn năm. Đường vòng quanh hồ dài tới 17km, thuộc quận Tây Hồ, phía tây bắc trung tâm thành phố Hà Nội. Ngành địa lý lịch sử đã chứng minh rằng hồ Tây là một đoạn sông Hồng cũ còn sót lại sau khi sông đã đổi dòng... Có thể do sông hồ biến đổi như vậy mà đã xuất hiện nhiều truyền thuyết về hồ và tên gọi của hồ. Ví như theo truyện "Hồ Tinh" thì có tên là hồ (hoặc đầm) Xác Cáo, vì truyện kể là có một con cáo chín đuôi ẩn nấp nơi đây làm hại dân. Long Quân mới dâng nước lên phá hang cáo, hang sập thành ra hồ. Theo truyện "Khổng lồ đúc chuông" thì hồ lại có tên là Trâu Vàng. Theo thư tịch thì thế kỷ 11, hồ này đi vào lịch sử với tên là Dâm Đàm (Đầm mù sương), tới thế kỷ 15 thì đã gọi là Tây Hồ. Hồ còn có tên là Lăng Bạc, trùng với tên nơi diễn ra những trận đánh ác liệt giữa quân của Hai Bà Trưng và quân Hán ở vùng Tiên Sơn tỉnh Bắc Ninh.

Hồ Tây từ lâu lắm đã là thắng cảnh. Thời Lý - Trần, các vua chúa lập quanh hồ nhiều cung điện làm nơi nghỉ mát, giải trí, như cung Thủy Hoa thời Lý, điện Hàm Nguyên thời Trần nay là khu chùa Trấn Quốc, cung Từ Hoa thời Lý nay là khu chùa Kim Liên, điện Thụy Chương thời Lê nay là khu trường Chu Văn An. Nếu làm một cuộc đi dạo quanh hồ

thì đồng thời cũng được thăm khá nhiều di tích và thắng cảnh. Làng Nghi Tâm, quê hương nhà thơ "Bà huyện Thanh Quan" với chùa Kim Liên có kiến trúc độc đáo; làng Nhật Tân nguồn hoa đào mỗi độ xuân về, tương truyền là nơi Lạc Thị đời Hồng Bàng sinh ra một bọc trứng nở thành bảy con rồng. Rồi làng Xuân Tảo với đền Sóc thờ Thánh Gióng, làng Trích Sài có chùa Thiên Niên thờ bà tổ nghề dệt lĩnh, sang làng Kẻ Bưởi có nghề làm giấy cổ truyền và đền Đồng Cổ nơi bách quan hội thề thời Lý, làng Thụy Khuê có chùa Bà Đanh nổi tiếng một thời.

#### *Khu du lịch và vườn Quốc gia Ba Vì*

Từ trung tâm thành phố Hà Nội đi khoảng 42km đến thị xã Sơn Tây, đi tiếp 16km đến suối Hai. Khu du lịch và vườn Quốc gia Ba Vì thuộc vùng núi Ba Vì, huyện Ba Vì, Hà Nội. Là khu du lịch nghỉ dưỡng hấp dẫn du khách. Tại đây, du khách có dịp dạo chơi trên hồ bằng thuyền, ghé lên các đảo trồng cây dược liệu, đảo chim, đảo cò... để hít thở bầu không khí trong lành giữa cảnh sắc thiên nhiên tươi đẹp. Du khách đi tiếp đến sườn phía bắc của núi Ba Vì, thăm thác Ao Vua. Một dòng nước từ trên cao đổ xuống tạo thành ba tầng thác. Tầng thác cuối cùng đổ ào ạt xuống một hồ nhỏ, nước xanh như ngọc, đó là Ao Vua. Du khách có thể leo lên cả ba tầng thác theo những bậc đá, nơi có những cây cỏ mọc bên sườn núi. Du khách tiếp tục hành trình đến độ cao 400m để tìm dấu vết còn lại của khu nghỉ mát có từ năm 1940 do người Pháp xây dựng. Tại đây du khách có thể dạo quanh công viên bao quanh một hồ bơi, chụp ảnh lưu niệm hoặc ngồi nghỉ trong các nhà hàng, xây dựng kiểu nhà sàn, uống các món giải khát hay sữa được chế biến từ sữa bò nuôi ở dưới chân núi. Ôtô đưa du khách đi tiếp lên cao. Đường càng ngày càng dốc hơn, mây mù có lúc đặc quánh lại. Lên độ cao 1.200m du khách thấy nhẹ nhõm vì đó là đỉnh núi Ba Vì. Phong cảnh thật ngoạn mục, sương mù lãng bâng tượng như đang ở chốn bồng lai tiên cảnh. Sau khi thưởng thức không khí mát mẻ trong lành, du khách leo tiếp 779 bậc đá phía tây lên viếng đền thờ Chủ tịch Hồ Chí Minh và leo 225 bậc đá phía đông lên đền Thượng, nơi thờ Thánh Tản Viên. Nếu còn sức du khách có thể leo thêm mấy chục bậc đá nữa để lên đến tận đỉnh Vọng Cảnh bốn bề mây mù dày đặc bao phủ. Vào những ngày quang mây nắng đẹp, đứng ở đây bằng mắt thường du khách có thể nhìn thấy cảnh trí của thủ đô Hà Nội mà rõ nhất là khu chung cư hiện đại Linh Đàm, hàng loạt cao ốc ở khu trung tâm và không khỏi thốt lên "tuyệt vời". Thật thú vị biết bao khi du khách được hưởng cái thú nghỉ lại một đêm ở nhà khách đầy trời sao nơi đây. Ngày hôm sau, xuống núi, du khách hãy thám hiểm rừng nguyên sinh Ba Vì có diện tích quản lý là 7.377ha, phân bố rải rác ở độ cao từ 200m đến 1.300m so với mặt nước biển. Khí hậu ôn hòa, thảm thực vật phong phú với 450 loài, nhiều loài quý, 128 loài thực vật bậc cao, cây thuốc có 250 loài. Động vật có 45 loài thú, 113 loài chim thuộc 40 họ và 7 bộ. Lưỡng cư có 15 loài, côn trùng có 86 loài thuộc 17 họ và 9 bộ. Những loài động vật quý hiếm như chồn bạc má bắc, gấu ngựa, cầy vằn, sóc bay, trĩ, gà lôi trắng... Động vật thủy sinh gồm thực vật nổi và các loài tảo lục.

#### **7.2.3. Các tuyến du lịch nội vùng tỉnh Bắc Ninh**

Tỉnh Bắc Ninh có diện tích khoảng 822,7 km<sup>2</sup>, dân số toàn tỉnh là 1.034,2 nghìn người (2010), tỉnh có 1 thành phố Bắc Ninh, 1 thị xã Từ Sơn và các huyện như Quê Võ, Yên Phong, Tiên Du, Thuận Thành, Gia Bình, Lương Tài..Toàn tỉnh Bắc Ninh có các dân tộc cùng sinh sống như Việt (Kinh), Nùng, Mường, Tày...

*Điều kiện tự nhiên* : Bắc Ninh là một tỉnh thuộc vùng đồng bằng và trung du Bắc bộ. Phía bắc giáp tỉnh Bắc Giang, phía đông và đông nam giáp tỉnh Hải Dương, phía tây giáp thành phố Hà Nội, phía nam giáp tỉnh Hưng Yên. Tỉnh có nhiều sông lớn, vì vậy hệ thống

giao thông đường bộ, đường sắt và đường sông đều thuận lợi, lại nằm giáp thủ đô Hà Nội nên có nhiều thuận lợi trong việc phát triển kinh tế và văn hoá. Địa hình chủ yếu là đồng bằng, có nhiều địa danh đẹp đã nổi tiếng trong thơ ca: sông Cầu, núi Thiên Thai... Nhiệt độ trung bình năm khoảng 24°C. Tỉnh có đường sắt Bắc Nam và quốc lộ 1A chạy xuyên qua, cách Hà Nội hơn 30km, Bắc Giang 20km, theo quốc lộ 1A. Từ thành phố Bắc Ninh theo quốc lộ 38 tới Cẩm Giàng (Hải Dương).

*Tiềm năng phát triển kinh tế và du lịch:* Theo các kết quả nghiên cứu khảo cổ học thì người Việt cổ đã cư trú tại Bắc Ninh từ mấy ngàn năm trước đây. Những dấu vết còn lại về đô thị cổ Luy Lâu đã chứng minh rằng Bắc Ninh từng là một trong những đô thị cổ, một trung tâm thương mại khá phồn thịnh của người Việt từ thế kỷ thứ 2 tới thế kỷ 10. Kinh Bắc là vùng đất đạo Phật sớm thâm nhập ngay từ những thế kỷ đầu công nguyên. Đến đời nhà Lý, Phật giáo đã đạt đến độ cực thịnh. Nhiều chùa, tháp được xây dựng ở đất Kinh Bắc và đã trở thành di tích kiến trúc - văn hoá. Bắc Ninh là tỉnh có nhiều di sản vật thể và phi vật thể thu hút khách thập phương đến tham quan, tìm hiểu. Bắc Ninh là một vùng đất hội tụ của nhiều dấu tích văn hoá và tôn giáo lớn; vùng đất đã hình thành nhiều huyền thoại đi vào tâm linh của cư dân người Việt; vùng đất đã sản sinh ra vương triều Lý - một triều đại đã khai mở nền văn minh Đại Việt và phát triển rực rỡ trong suốt hơn 200 năm. Bắc Ninh là nơi sinh ra nhiều nhân tài trong lịch sử đất nước như tám vị vua nhà Lý; thời Lê triều đình có 6 vị thượng thư thì 5 người quê ở Bắc Ninh; Ngô Gia Tự, một chiến sĩ cộng sản kiên cường... Bắc Ninh còn là vùng đất tổ của những làn điệu dân ca *Quan họ* đặc sắc, tiêu biểu cho loại hình dân ca trữ tình Bắc Bộ, mang đậm bản sắc vùng miền. Quan họ Bắc Ninh ngày nay đã trở thành di sản văn hoá quý của Việt Nam.

Bắc Ninh còn là quê hương của chùa tháp, lễ hội và các sinh hoạt văn hoá cổ truyền. Mỗi lễ hội đều thể hiện những vẻ đẹp, tinh hoa văn hoá của địa phương và dân tộc là dịp ôn cố, tri ân những anh hùng. Bắc Ninh ngày nay là một địa phương có nhiều ngành nghề thủ công nổi tiếng cả nước: gỗ Đồng Kỵ, tranh Đông Hồ, đồng Đại Bái... đó là các điều kiện cho du lịch phát triển. Trên vùng đất cổ thắm đẫm bề dày văn hoá, cứ mỗi độ xuân về, người Kinh Bắc lại rộn ràng vui trải hội.

### **Các điểm du lịch tỉnh Bắc Ninh**

#### *Đình làng Đình Bảng*

Đình làng Đình Bảng là một ngôi đình cổ kính và nổi tiếng nhất của đất Kinh Bắc thuộc thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, là quê hương của Lý Công Uẩn (tức Lý Thái Tổ) người lập ra triều Lý và khai sáng kinh đô Thăng Long (năm 1010). Đình Bảng có cụm di tích văn hóa, nhất là những di tích về thời Lý, tạo thành một khu lưu niệm độc đáo, âm vang lịch sử, có tầm cỡ quốc gia, đủ cả: Đình, đền, chùa, lăng, tẩm,... đặc trưng của một văn hóa làng Việt Nam.

Đình làng Đình Bảng được xây dựng năm 1700 và đến năm 1736 mới được hoàn thành, do công đầu của của quan Nguyễn Thạc Lương. Đình thờ 3 vị thành hoàng: Cao Sơn đại vương (Thần Đất), Thủy bá đại vương (Thần Nước) và Bạch lệ đại vương (Thần Trông Trọt). Toà Bái Đường của đình có hình chữ nhật, dài 20m, rộng 14m, chia làm bảy gian, hai chái nằm trên nền cao bó đá xanh có bậc cấp. Vẻ đồ sộ của đình thể hiện qua phần mái toả rộng và những cột lim hiếm thấy ở những ngôi đình khác. Có khoảng 60 cột lim lớn nhỏ có đường kính từ 0,55 - 0,65m. Hoa văn trang trí trên các cấu kiện kiến trúc rất đa dạng, chạm trổ tinh vi, chau chuốt, hài hoà. Kết cấu bộ khung đình khá vững chắc, gắn với nhau bằng các loại mộng. Mỗi bức chạm khắc ở đình là một tác phẩm nổi tiếng độc nhất vô nhị. Càng

chiêm ngưỡng, càng thêm bị cuốn hút: Bức Bát mã quân phi, tám con ngựa nhón nhờ chơi trên đồng cỏ, đất nước thanh bình, con vật cũng vui. Bức lưỡng nghê phục châu, con đực, con cái, mỗi con một vẻ. Những bức chạm rồng tuyệt xảo: Long vân đại hội, Ngũ long tranh châu, Lục long ngự thiên... từng bức, từng bức gọi tả bao điều.

### *Đền Đô*

Đền Đô nằm ở làng Đình Bảng, xã Đình Bảng, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Đặc điểm: Là nơi thờ 8 vị vua nhà Lý. Đó là: Lý Công Uẩn tức Lý Thái Tổ (1009 - 1028); Lý Thái Tông (1028 - 1054); Lý Thánh Tông (1054 - 1072); Lý Nhân Tông (1072 - 1128); Lý Thần Tông (1128 - 1138); Lý Anh Tông (1138 - 1175); Lý Cao Tông (1175 - 1210) và Lý Huệ Tông (1210 - 1224). Đền Đô - còn gọi là Cổ Pháp Điện hay đền Lý Bát Đế, đền được xây dựng vào thế kỷ 11 (1030), trên khu đất phía đông nam Hương Cổ Pháp, Châu Cổ Pháp (làng Đình Bảng). Khu đất này theo Thiền sư Lý Vạn Hạnh cho rằng nơi hội tụ của thiên khí, nơi có thể 8 đầu rồng châu về. Tương truyền, xưa kia phía trước cửa đền là một khu rừng Báng, có dòng Tiêu Tương uốn khúc chảy qua. Đền được dựng trên nền đất. Khi vua Lý Công Uẩn đăng quang và trở lại thăm quê hương vào tháng 2 năm Canh Tuất (1010), tại đây, nhà vua đã dừng thuyền rồng để đi thăm các bậc kỳ lão, yết lãng Thái Hậu và đo vài mươi dặm đất làm “Sơn Lãng cấm địa”. Dân làng Đình Bảng đã xây dựng một ngôi nhà lớn làm nơi nghênh tiếp nhà vua. Khi vua Lý Công Uẩn băng hà (1028), Lý Thái Tông lên ngôi kế vị vua cha, Ông đã cho sửa sang lại ngôi nhà xưa và chọn làm nơi thờ tự vua cha và cũng từ đó đền trở thành nơi thờ tự các vị vua nhà Lý sau khi băng hà.

Trải qua các triều đại Lý, Trần, Lê, đền Đô đều được quan tâm tu sửa và mở rộng, đặc biệt, đền được mở rộng nhất vào thế kỷ 17 (1602) với quy mô của 21 hạng mục công trình được sắp xếp theo kiểu “Nội công ngoại quốc”, xung quanh có tường thành vây bọc. Kiến trúc của đền có sự kế thừa phong cách cung đình và phong cách dân gian, tổng thể kiến trúc được kết hợp hài hoà, chạm khắc tinh xảo, thể hiện một công trình kiến trúc bề thế vững chắc nhưng không cứng nhắc trong khung cảnh thiên nhiên. Năm 1952, đền Đô bị giặc Pháp chiếm và phá huỷ hoàn toàn. Từ năm 1989 trở lại đây, được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, sự cố gắng của nhân dân Đình Bảng và tâm lòng công đức của nhân dân thập phương, Đền Đô đã từng bước được khôi phục, tìm lại dáng vẻ xưa của đợt trùng tu, mở rộng đền năm 1602 với các hạng mục công trình như: Nhà Hậu cung (80m<sup>2</sup>), nhà Chuyền Bồng (80m<sup>2</sup>), nhà Kiệu (130m<sup>2</sup>), nhà để Ngựa (130m<sup>2</sup>), Thủy đình, Phương đình... Căn cứ vào các dấu tích, các nguồn tài liệu và các hạng mục công trình đã được dựng lại cho phép chúng ta hình dung tổng thể kiến trúc di tích đền Đô như sau: Đền Đô có diện tích 31.250m<sup>2</sup>, gồm 21 hạng mục công trình lớn nhỏ. Trung tâm là điện thờ, nơi đặt bài vị và tượng của Tám vị vua nhà Lý, xung quanh có nhà Chuyền Bồng, nhà Tiền tế, nhà Phương Đình, nhà để kiệu, nhà để ngựa, nhà Thủy Đình... Kiến trúc Đền đô được chia làm hai khu vực nội thành và ngoại thành.

Khu vực nội thành có diện tích 4.320m<sup>2</sup>, bố trí theo kiểu “Nội công ngoại quốc” bao quanh là tường gạch cao. Nội thất bao gồm các công trình: Nhà Hậu cung- Nơi đặt ngai và bài vị thờ Tám vị vua Nhà Lý (Lý Thái Tổ, Lý Thái Tông, Lý Thánh Tông, Lý Thần Tông, Lý Anh Tông, Lý Cao Tông và Lý Huệ Tông). Nhà Chuyền Bồng có kiến trúc chông diêm tám mái, các đầu đao uốn cong mềm mại. Ngoài ra còn có nhà để bia, nhà để ngựa, nhà để kiệu,... tất cả đều được xây dựng công phu, đắp, chạm khắc tinh xảo. Ngoại thất gồm nhà vuông, kiến trúc kiểu chông diêm tám mái, 8 đầu đao cong vút mềm mại. Khu vực này có nhà chủ tế, nhà kho, nhà khách và đền vua bà (thờ các hoàng thái hậu triều Lý).

Đền Đô với kiến trúc độc đáo mang tính giá trị nghệ thuật, cảnh trí hữu tình và mang trong mình một giá trị lịch sử văn hoá đậm nét của Vương Triều Lý nói riêng và lịch sử dân tộc nói chung. Đền Đô đã được Nhà nước công nhận xếp hạng di tích lịch sử văn hoá cấp quốc gia theo Quyết định số 154 ngày 25/01/1991 của Bộ Văn hoá Thông tin. Đền Đô xứng đáng với lời ngợi ca.

*“Đền Đô kiến trúc tuyệt vời*

*Thăng Long đẹp nhất, đẹp người ngàn năm”*

#### *Chùa Dâu*

Chùa Dâu là ngôi chùa đầu tiên của Việt Nam, được khởi dựng vào đầu thế kỷ thứ 3, thuộc thôn Khương Tự (còn gọi là làng Dâu), xã Thanh Khương, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh. Từ những thế kỷ đầu công nguyên, chùa Dâu đã là một trung tâm Phật giáo nổi tiếng trong nước và ngoài nước. Từ cuối thế kỷ thứ 4, Thiền sư Tỳ-ni-đa-lưu-chi đã mở đạo tràng thuyết pháp tại chùa, lập nên thiền phái đầu tiên ở Việt Nam. Từ những thế kỷ đầu công nguyên, chùa Dâu đã là một trung tâm Phật giáo nổi tiếng trong nước và ngoài nước. Từ cuối thế kỷ thứ 4, Thiền sư Tỳ-ni-đa-lưu-chi đã mở đạo tràng thuyết pháp tại chùa, lập nên thiền phái đầu tiên ở Việt Nam. Chùa được ông Mạc Đĩnh Chi đứng ra dựng lại với qui mô lớn vào thế kỷ 14, và trùng tu nhiều lần ở các thế kỷ tiếp theo. Hiện nay ở sân chùa có tháp Hòa Phong 3 tầng cao khoảng 17m. Trong tháp có chuông lớn đúc dưới triều Cảnh Thịnh (1793), khánh lớn bằng đồng đúc năm Minh Mạng 18. Ngoài ra, còn có tượng Bà Pháp Vân, tượng Kim Đồng và Ngọc Nữ.

#### *Chùa Phật Tích*

Chùa Phật Tích còn gọi là chùa Vạn Phúc xưa kia là nơi có nhiều nhà tu hành tu luyện, nằm ở sườn núi Lạn Kha (Riêu Mộc), xã Phật Tích, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh. Theo sử sách để lại thì chùa Phật Tích chính là nơi Phật ngự được xây dựng vào khoảng thế kỷ 7 đến thế kỷ 10. Chùa được hoàn chỉnh vào triều Lý Thánh Tông (1057) và tu bổ khang trang vào năm 1686. Vào năm 1057, vua Lý Thánh Tông đã cho dựng cây tháp báu và đúc pho tượng Phật mình vàng. Chùa được xây dựng đại qui mô vào thế kỷ thứ 17. Năm 1947, do chiến tranh, chùa bị phá huỷ hoàn toàn. Năm 1958, chùa được dựng lại sơ sài. Năm 1991, chùa được xây dựng dần theo qui mô kiến trúc cổ. Hiện tại di vật của chùa còn lại là bức tượng Phật A-di-đà bằng đá, ngôi thiền định trên toà sen, cao 1,85m (tính cả bệ đá là cao 3m). Chân cột chùa chạm trổ hoa sen và đàn nhạc, các nghệ nhân chơi sáo, tiêu, nhị, đàn tranh, đàn bầu, trống cơm,...

#### *Hội Đại Bái*

Là nơi thờ Ông tổ nghề đúc đồng, chạm bạc - Nguyễn Công Truyền, Xã Đại Bái, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh được tổ chức vào ngày 29/9 âm lịch hàng năm. Lễ vật thường được các trưởng họ mang sản phẩm đồng, bạc chạm dâng lên bàn thờ, dâng hương tổ sư, thắp hương của người đồng niên (49 tuổi), hát ả đào, ném cướp cây bông.

#### *Hội đình Đình Bảng*

Được tổ chức từ ngày 14 - 15/2 âm lịch, nhằm tôn thờ các Thờ núi, thần nước, thần đất và 6 nhân thần có công dựng lại làng sau cuộc tàn phá của quân Minh tại làng Đình Bảng, xã Đình Bảng, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Trong lễ hội còn có các hoạt động nghệ thuật như Tế thần, đấu vật, chọi gà..

### **7.2.4. Các tuyến du lịch nội vùng tỉnh Hải Dương**

Toàn tỉnh Hải Dương có diện tích khoảng 1.650,2 km<sup>2</sup>, dân số toàn tỉnh là 1.712,8 nghìn người (2010), tỉnh có 1 thành phố Hải Dương, thị xã Chí Linh và các huyện như Nam



Sách, Thanh Hà, Kinh Môn, Kim Thành, Gia Lộc, Tứ Kỳ, Cẩm Giàng, Bình Giang, Thanh Miện, Ninh Giang. Toàn tỉnh Hải Dương có các dân tộc cùng sinh sống như Việt (Kinh), Hoa, Sán Dìu, Mường..

*Điều kiện tự nhiên* : Hải Dương là một tỉnh nằm ở trung tâm châu thổ sông Hồng, phía bắc và tây bắc giáp tỉnh Bắc Ninh và Bắc Giang, phía đông giáp Hải Phòng, Quảng Ninh, phía tây giáp Hưng Yên, phía nam giáp Thái Bình. Tỉnh có địa hình tương đối bằng phẳng, có hệ thống sông phong phú như sông Thái Bình, sông Rang, sông Kinh Thầy, sông Đào... tạo thuận lợi cho giao thông đường thủy. Nhiệt độ trung bình năm khoảng 23,4°C. Hệ thống giao thông đường bộ, đường sông, đường sắt đều thuận lợi. Tỉnh nằm trên trục đường sắt và đường quốc lộ 5: Hà Nội - Hải Dương - Hải Phòng, trục đường quốc lộ 18: Bắc Ninh - Hải Dương - Quảng Ninh. Thành phố Hải Dương cách Hà Nội 58km.

*Tiềm năng phát triển kinh tế và du lịch*: Hải Dương là một tỉnh có tiềm năng du lịch dồi dào. Hải Dương, một miền đất trù phú có phong cảnh thiên nhiên hữu tình, có di tích thắng cảnh Côn Sơn - Kiếp Bạc được nhiều người biết đến. Nhiều di tích lịch sử đã được nhà nước công nhận và xếp hạng. Hải Dương là một trong những cái nôi của nền văn hoá lâu đời của dân tộc Việt Nam. Lịch sử hàng ngàn năm của dân tộc đã để lại cho vùng đất này một tài sản vô giá với hàng trăm di tích lịch sử văn hóa. Là vùng đất gắn bó với tên tuổi và sự nghiệp của nhiều danh nhân như Trần Nguyên Đán, Nguyễn Trãi, Mạc Đĩnh Chi, Phạm Sư Mạnh, nơi sinh ra và lớn lên của đại danh y Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác. Hải Dương là mảnh đất đã tạo nên những làng nghề truyền thống với những sản phẩm tinh xảo đã từng nổi tiếng từ nhiều thế kỷ. Hải Dương cũng chính là nơi có nền văn hoá dân gian đặc sắc của vùng đồng bằng châu thổ Sông Hồng với các loại hình nghệ thuật: ca trù, hát chèo.

## **Các điểm du lịch tỉnh Hải Dương**

### *Đền Kiếp Bạc*

Đền Kiếp Bạc được dựng vào đầu thế kỷ 14, thờ Đức Thánh Trần (Trần Hưng Đạo), thuộc địa phận hai thôn Vạn Kiếp và Dược Sơn, xã Hưng Đạo, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương, cách Hà Nội khoảng 80km, và cách khu di tích danh thắng Côn Sơn 5km. Khu vực đền Kiếp Bạc nằm trong một thung lũng trù phú, xanh tươi, ba phía có dãy núi Rồng hình tay ngai với hai nhánh Nam Tào và Bắc Đẩu bao bọc, phía còn lại là Lục Đầu Giang (nơi hội tụ của sáu con sông: sông Cầu, sông Thương, sông Lục Nam, sông Đuống, sông Kinh Thầy và nhánh chính của sông Thái Bình). Núi tạo thành thế rồng chầu, hổ phục, sông tạo thành minh đường rộng rãi. Đây cũng là đầu mối huyết mạch giao thông thủy bộ trấn giữ cửa ngõ phía đông Kinh thành Thăng Long xưa (Hà Nội ngày nay). Nơi đây trời bầy đất dựng, vị trí đặc địa về phong thủy, có vị trí hiểm yếu về quân sự, có tứ linh quần tụ chung đúc khí thiêng. Bởi thế, sau cuộc kháng chiến chống quân Nguyên Mông lần thứ nhất (1258), Quốc công Tiết chế Trần Hưng Đạo đã chọn khu vực này làm trung tâm chỉ huy của phòng tuyến quân sự vùng Đông Bắc, kéo dài từ biên giới Lạng Sơn qua ải Chi Lăng, Nội Bàng theo sông Lục Nam, qua Lục Đầu Giang, Bạch Đằng ra biển Đông, nhằm tạo trận đồ “thủy bộ hợp thành, tiến thế công, thoái thế thủ” để chống giặc Nguyên Mông lần thứ 2 (1285) và lần thứ 3 (1288). Sau khi Trần Hưng Đạo mất, để tưởng nhớ công lao to lớn của ông đối với đất nước, nhân dân địa phương đã lập đền thờ trên vị trí trung tâm chỉ huy xưa kia, đặt tên là Kiếp Bạc và tôn ông làm Đức Thánh Trần.

Phía trước đền có cổng lớn nguy nga, đồ sộ, với ba cửa ra vào. Trên mặt ngoài cổng có 9 chữ lớn: phía trên là 4 chữ "Hưng thiên vô cực", phía dưới là 5 chữ "Trần Hưng Đạo

Vương từ" và hai cột câu đối "*Kiếp Bạc hữu sơn giai kiếm khí/ Lục Đầu vô thủy bất thu thanh*", nghĩa là "*Kiếp Bạc muôn ngọn núi đều có hùng khí của kiếm thiêng/ Lục Đầu không còn nước nào chẳng vọng tiếng thu*". Qua cổng lớn, bên trái có Giếng Ngọc mát rờng. Theo con đường đá đi đến khu vực lễ hội trong mùa lễ hội, phía trước có một án thờ.

Đền có 3 tòa điện lớn. Tại vị trí trang trọng nhất – tòa điện ở giữa đặt tượng thờ Trần Hưng Đạo đường bệ, uy nghi. Tòa điện ngoài cùng đặt tượng thờ tướng quân Phạm Ngũ Lão (con rể Trần Hưng Đạo). Tòa điện trong cùng đặt tượng thờ Quốc mẫu Thiên Thành công chúa (phu nhân của Trần Hưng Đạo) và hai con gái là Đệ nhất Khâm từ Hoàng hậu Quyên Thanh công chúa (vợ vua Trần Nhân Tông), Đệ nhị Nữ hoàng Anh Nguyên quận chúa (phu nhân của tướng quân Phạm Ngũ Lão). Trong đền còn đặt 4 bài vị thờ 4 con trai của Trần Hưng Đạo.

Lễ hội đền Kiếp Bạc kéo dài từ 15/8 đến 20/8 âm lịch. Du khách gần xa đến trải hội Kiếp Bạc, tưởng nhớ Đức Thánh Trần, từ nhiều thế kỷ qua, đã là tập quán của người Việt Nam. Ngày 20/8 âm lịch mới là chính hội nhưng một vài ngày trước đó khách thập phương đã nô nức kéo về, thuyền đậu chật bến sông. Lễ hội được tổ chức rất long trọng vào ngày 20/8 âm lịch. Sau lễ dâng hương là đại lễ với nghi thức tế uy nghiêm. Sau lễ tế là đến lễ rước. Bài vị Đức Thánh Trần được rước trên Kiệu sơn son thiếp vàng, đi qua Tam Quan hướng tới bờ sông. Từ đây kiệu được rước lên thuyền rồng. Cuộc rước kéo dài khoảng 2 giờ, sau đó lại rước Ngài trở lại đền để làm lễ tạ - đồng thời kết thúc ngày hội lớn. Một trong những trò diễn hấp dẫn của lễ hội Kiếp Bạc là đua thuyền trên sông Lục Đầu với hàng trăm chiếc thuyền lướt như tên bắn cùng trống thúc, chiêng dồn và tiếng hò reo dậy đất náo nức lòng người. Trải hội Kiếp Bạc được sống lại không khí ra trận năm xưa của Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn, mỗi người dân Việt Nam càng thấy tự hào hơn về lịch sử vẻ vang của dân tộc mình.

#### *Khu di tích danh thắng Côn Sơn*

Khu di tích danh thắng Côn Sơn thuộc xã Cộng Hòa, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương, cách Hà Nội khoảng 70km. Khu di tích này gắn liền với cuộc đời của nhiều danh nhân trong lịch sử, và là một trong ba trung tâm của thiền phái Trúc Lâm vào thời Trần. Khu di tích nằm giữa hai dãy núi Phượng Hoàng - Kỳ Lân. Khu di tích, danh thắng này gồm có núi non, chùa, tháp, rừng thông, khe suối và các di tích nổi tiếng gắn liền với cuộc đời của nhiều danh nhân trong lịch sử. Ngay từ thời Trần, chùa Côn Sơn là một trong ba trung tâm của thiền phái Trúc Lâm (Côn Sơn - Yên Tử - Quỳnh Lâm). Mảnh đất này đã gắn bó với tên tuổi và sự nghiệp của nhiều danh nhân đất Việt như Trần Nguyên Đán, Huyền Quang và đặc biệt là anh hùng dân tộc - danh nhân văn hoá thế giới Nguyễn Trãi. Côn Sơn đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh đến thăm và đọc bia về Nguyễn Trãi.

#### *Chùa Côn Sơn*

Chùa có tên chữ là Thiên Tư Phúc tự, hay còn gọi là chùa Hun, tọa lạc ở ngay dưới chân núi Côn Sơn, có từ trước thời Trần. Vào đời Lê, chùa được trùng tu và mở rộng rất nguy nga đồ sộ. Trải qua biến thiên về lịch sử và thời gian, chùa Côn Sơn ngày nay chỉ còn là một ngôi chùa nhỏ ẩn mình dưới tán lá xanh của các cây cổ thụ. Chùa được kiến trúc theo kiểu chữ công gồm Tiền đường, Thiêu hương, Thượng điện. Thượng điện thờ Phật, có những tượng Phật từ thời Lê cao 3m. Phía sau chùa là nhà Tổ, có tượng Trúc Lâm tam tổ (Trần Nhân Tông - Pháp Loa - Huyền Quang), tượng ông bà Trần Nguyên Đán, hai pho tượng Nguyễn Trãi và Nguyễn Thị Lộ. Sân chùa có cây đại 600 tuổi, 4 nhà bia, đặc biệt là bia "Thanh Hư động" tạo từ thời Long Khánh (1373 - 1377) với nét chữ của vua Trần Duệ

Tông và bia hình lục lăng, "Côn Sơn thiện tư bi phúc tự" đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc khi Người về thăm di tích này(15/2/1965).

### *Giếng Ngọc*

Giếng nằm ở sườn núi Kỳ Lân, bên phải là lối lên Bàn Cờ Tiên, phía dưới chân Đấng Minh Bảo Tháp. Tương truyền đây là giếng nước do Thiên sư Huyền Quang được thần linh báo mộng ban cho chùa nguồn nước quý. Nước giếng trong vắt, xanh mát quanh năm, uống vào thấy khoan khoái dễ chịu. Từ đó có tên là Giếng Ngọc và nước ở giếng được các sư dùng làm nước cúng lễ của chùa.

### *Bàn Cờ Tiên*

Từ chùa Côn Sơn leo khoảng 600 bậc đá là đến đỉnh núi Côn Sơn (cao 200m). Đỉnh Côn Sơn là một khu đất bằng phẳng, tại đây có một phiến đá khá rộng, tục gọi là Bàn Cờ Tiên. Hiện nay Bàn Cờ Tiên có dựng nhà bia theo kiểu Vọng Lâu đình, hai tầng cổ các tám mái. Đứng từ đây, du khách có thể nhìn bao quát cả một vùng rộng lớn.

### *Thạch Bàn*

Bên suối Côn Sơn có một phiến đá gọi là Thạch Bàn, nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh dừng chân nghỉ khi Người tới thăm di tích này. Từ chân núi đi theo lối mòn có kê đá xuống phía chân núi có một tảng đá lớn, mặt phẳng và nhẵn nằm kề ven suối gọi là Thạch Bàn lớn. Tương truyền khi xưa Nguyễn Trãi lấy làm "chiếu thảm" nghỉ ngơi, ngắm cảnh, làm thơ và suy tư việc nước.

Ngoài hai lễ hội trên, đền Kiếp Bạc còn gắn với lễ hội đền Trần Thương (thôn Trần Thương, xã Nhân Đạo, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam) diễn ra từ ngày 18 - 20/8 âm lịch cùng tôn vinh Đức Thánh Trần Hưng Đạo. Tham gia lễ hội này, du khách sẽ có dịp hành hương chiêm bái theo lộ trình: đền Kiếp Bạc - đền Trần Thương - đền Bảo Lộc (Nam Định) để cầu Đức Thánh Trần ban cho nhiều phước lành và may mắn.

### *Đền Nguyễn Trãi*

Đền nằm trong khu di tích danh thắng Côn Sơn thờ Anh hùng dân tộc, Danh nhân văn hóa thế giới Nguyễn Trãi (1380-1442). thuộc phường Cộng Hòa, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương, cách Hà Nội khoảng 80 km về phía đông. Đền Nguyễn Trãi có tên chữ là Úc trai linh từ, được khởi công xây dựng ngày 14/12/2000 và hoàn thành vào ngày 22/9/2002. Đền tọa lạc trên một vị trí đặc địa có diện tích 10.000m<sup>2</sup> dưới chân núi Ngũ Nhạc nằm trong khu vực Thanh Hư Động và gần nơi ngày xưa từng có đền thờ bà Trần Thị Thái – than mẫu của Nguyễn Trãi, với lưng tựa vào Tổ Sơn, hai bên tựa vào hai dãy núi Ngũ Nhạc và Kỳ Lân tạo thế tả Thanh long, hữu Bạch hổ. Minh đường của đền nhìn ra hồ Côn Sơn, nơi có núi Phượng Hoàng, Chúc Thôn châu vào. Đền bao gồm 15 hạng mục công trình như: đền chính, nhà Tả vu, nhà Hữu vu, nghi môn nội, nghi môn ngoại, cầu Thấu Ngọc, miếu Giải oan, hồ Nhân Nghĩa, nhà bia, am hoá vàng, hệ thống sân vườn... Trong đó, đền chính được xây dựng trên diện tích khoảng 200 m<sup>2</sup>, theo hình chữ công (工), gồm 3 gian tiền tế, trung từ và hậu cung. Tiền tế bài trí ban thờ Công Đồng ở chính giữa, bên trái là ban thờ Sơn Thần, bên phải là ban thờ Thổ Địa. Trung từ có ban thờ tôn vinh đạo học. Trong hậu cung đặt tượng thờ Nguyễn Trãi bằng đồng cao 1,4 m, nặng 600 kg cùng hai tượng song thân phụ mẫu của ông. Các bức cột, đầu dư ở đền chính mang phong cách kiến trúc thời hậu Lê, được làm từ những vật liệu quý như gỗ lim, đá xanh Thanh Hóa...

Cùng với kiến trúc đặc sắc, đền chính còn lưu giữ những bức hoành phi, câu đối do Viện Nghiên cứu Hán Nôm sưu tầm, tuyển chọn mang nội dung thể hiện tâm hồn, cốt cách cao đẹp, tài năng, công đức lớn lao của Nguyễn Trãi và tấm lòng thành kính, biết ơn của

nhân dân đôi với ông. Đền Nguyễn Trãi là công trình kiến trúc bề thế góp phần tô điểm thêm cho không gian thiên nhiên đầy thơ mộng, hữu tình của khu di tích danh thắng Côn Sơn.

### *Đền thờ Chu Văn An*

Đền mang đậm phong cách kiến trúc thời Nguyễn, thờ thầy giáo Chu Văn An (1292 - 1370), tọa lạc trong khu di tích Phụng Hoàng, thuộc địa phận xã Văn An, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương, cách Hà Nội khoảng hơn 80 km về phía đông. Vùng đất Chí Linh được người xưa coi là một vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng, với thế đất “Lục thủy tứ linh”, sáu con sông giao hoà một mối gọi là Lục Đầu Giang. Bốn dãy núi trùng điệp xếp lại thành một bức tranh tuyệt hảo gọi là tứ linh: Long-Ly-Quy-Phụng. Nơi đây còn có dãy núi Phụng Hoàng bao gồm 72 ngọn, tượng trưng cho 72 con chim phụng hoàng tung cánh. Phụng Hoàng là biểu tượng cho trí tuệ và tài năng, còn gọi là “Tiêu ấn cổ bích” (tường nhà cổ), nơi ở ẩn của thầy giáo Chu Văn An mà theo sách “Phụng Sơn từ chí lược” của Nguyễn Định Phủ viết “Chu Văn Trinh tiên sinh ẩn cư sử”.

Chu Văn An quê gốc ở làng Văn Thôn, xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, Hà Nội. Ông là người có công lớn đầu tiên trong việc truyền bá, giáo dục tư tưởng đạo đức Khổng Giáo ở Việt Nam. Năm 16 tuổi, ông đã đỗ “Đình Thí” (khoa Thi đình) nhưng không ra làm quan mà mở trường dạy học ở làng Huỳnh Cung nằm gần làng Văn Thôn. Ngoài 20 tuổi, ông được Vua Trần Minh Tông (1314 – 1329) mời làm tư nghiệp Quốc tử giám dạy học cho Thái tử. Đến đời Vua Trần Dụ Tông (1341 – 1369), vì không chịu nổi bọn gian thần ác bá, ông đã trao ấn từ quan về ở ẩn trên núi Phụng Hoàng, lấy hiệu là “Tiêu ấn” (tiêu phu), chỉ chuyên dạy học, viết sách, làm thơ, nghiên cứu y dược cho tới khi mất.

Sau khi Chu Văn An qua đời (1370), tại nơi thầy làm nhà dạy học đã được dựng ngôi đền thờ thầy. Tuy nhiên, trải qua sự nghiệt ngã của thời gian, sự khốc liệt của bom đạn chiến tranh, đến những năm 80 của thế kỷ trước đền đã bị phá hủy gần như hoàn toàn. Trước thực trạng đó, những năm 90 của thế kỷ trước, được sự nhất trí của chính quyền các cấp, Bảo tàng Hải Dương, UBND phường Văn An và ngành Giáo dục cùng bà con địa phương đã tiến hành một cuộc đại trùng tu và tôn tạo lại đền. Kết quả sau 2 giai đoạn trùng tu, năm 2008 đền thờ Chu Văn An đã trở thành quần thể kiến trúc bề thế trang nghiêm bao gồm: tam quan nội, tam quan ngoại, sân hạ, sân trung, sân thượng, vườn cây, hai nhà giải vũ, hai nhà bia, đền thờ chính cùng những bức phù điêu chạm Long Phụng vờn mây và 112 bậc đá dẫn lên đền thờ chính.

Đền thờ chính tọa lạc trên thế đất cao, rộng, theo phong thủy, đây chính là mắt của chim Phụng. Phía trước đền có núi Ngọc làm tiền án, phía sau có núi Phụng làm hậu trảm, hai bên là núi Kì Lân và núi Phụng Hoàng châu về. Đền được xây dựng theo hình chữ Nhị (二), kiểu chồng diêm 2 tầng 8 mái, ngói liệt với 8 góc đao cong, bao gồm 5 gian tiền tế và 1 gian hậu cung. Chính giữa tiền tế đặt ban thờ công đồng, ngay phía sau là ban thờ gia tiên họ Chu, bên phải là ban thờ sơn thần núi Phụng Hoàng, bên trái là ban thờ các môn sinh của thầy. Trong hậu cung đặt tượng thờ thầy bằng đồng, nặng 100kg. Nghệ thuật trang trí trong đền theo đề tài tứ linh (Long, Ly, Quy, Phụng), tứ quý (Tùng, Cúc, Trúc, Mai). Các bức y môn sơn son thếp vàng trang trí mỹ thuật theo hình tượng “rồng châu hoa cúc mãn khai”. Phía trước đền là đôi rồng đá mang phong cách kiến trúc thời Trần...

Trong không gian quần thể đền Chu Văn An uy nghi, thanh tịnh nằm ẩn mình giữa khu rừng thông xanh ngút ngàn, nổi bật lên hàng chữ “Vạn thế sư biểu”, đặc biệt là bảng khắc chữ “Học” rất lớn theo nét bút thư pháp ở trên con đường vào đền. Đây là sự thể hiện

tâm lòng tri ân của bao thế hệ người Việt đối với người thầy giáo mẫu mực Chu Văn An. Một điểm rất khác biệt nữa ở đền Chu Văn An, mỗi khi du khách vào đền, ngoài việc dâng lễ chay, lễ mặn còn dâng cả bút, sách, vở để cầu công danh, thi cử, học hành. Đền thờ Chu Văn An là điểm du lịch tâm linh và giáo dục truyền thống của rất nhiều du khách, cán bộ, giáo viên, học sinh, sinh viên trên cả nước. Hàng năm, tại đây diễn ra lễ khai bút đầu xuân (nét đẹp văn hóa được gìn giữ từ khi thầy Chu Văn An về đây mở lớp dạy học) vào ngày 6 tháng Giêng với 4 chữ thư pháp Hán Nôm: Chính-Học-Thuần-Hành, với 10 chữ Quốc ngữ: Tâm-Đức-Chí-Nghĩa-Trung/Tài-Minh-Trí-Thành-Vinh; lễ hội mùa thu từ 1 – 25/8 âm lịch (chính hội ngày 25); lễ kỷ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11 dương lịch; lễ hội về nguồn từ 24 – 26/11 âm lịch (chính hội ngày 26). Đền đã được Nhà nước xếp hạng di tích lịch sử quốc gia năm 1998.

#### *Chùa Thanh Mai*

Chùa Thanh Mai được khởi dựng dưới thời nhà Trần vào năm 1329 do Thiền sư Pháp Loa tôn giả - vị tổ thứ hai của Thiền phái Trúc Lâm sáng lập và đây cũng là nơi Thiền sư Pháp Loa tôn giả tu hành, tọa lạc trên sườn núi Phật Tích, nay là núi Tam Bảo (cao khoảng 200m) thuộc địa phận xã Hoàng Hoa Thám, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Chùa gồm một hệ thống các công trình kiến trúc rất độc đáo, đó là: Viên Thông Bảo Tháp, tháp Phổ Quang, tháp Linh Quang... Trải qua bao thăng trầm của lịch sử, chùa đã bị hư hại nặng. Từ năm 1980 trở đi, chùa đã được khôi phục dần dần theo từng hạng mục. Căn cứ theo tấm bia “*Thanh Mai Viên Thông tháp bi*”, du khách khi đến chùa Thanh Mai sẽ có dịp biết về Thiền sư Pháp Loa, nguyên là Đồng Kim Cương sinh ngày 7 tháng 5 năm Giáp Thân, niên hiệu Thiệu Bảo thứ 6 (1284) tại thôn Đồng Hoà, hương Cửu La, Nam Sách Giang, nay là xã Ái Quốc, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

Theo sử sách ghi lại, năm 1304, Thiền sư Pháp Loa đã xuất gia theo Điều Ngự đầu đàn Trần Nhân Tông và trở thành vị tổ thứ 2 kế thừa sự nghiệp của Thiền phái Trúc Lâm. Có thể nói, Thiền sư Pháp Loa đã có đóng góp rất lớn cho Thiền phái Trúc Lâm, đó là: Ngài đã đào tạo ra cả một thế hệ học trò rất xuất sắc - khoảng trên 30 người; nuôi dạy hơn chục nghìn các tăng ni, Phật tử; đúc ra rất nhiều các pho tượng; xây dựng hàng trăm chùa tháp, tiêu biểu là chùa Thanh Mai, chùa Côn Sơn và Viện nghiên cứu Phật giáo Quỳnh Lâm...

Thiền sư Pháp Loa viên tịch vào ngày 3 tháng 3 năm 1330. Theo di chúc của ông, các Phật tử đã đưa xá ly của ông về đặt tại Viên Thông Bảo Tháp nằm phía sau chùa Thanh Mai. Cảm mến công đức của Thiền sư Pháp Loa, vua Trần Anh Tông đã sắc phong cho ông danh hiệu Đại Tuệ Tịnh Tri Đức Thiền sư. Lễ hội chùa Thanh Mai (được tổ chức từ ngày 1 đến ngày 3 tháng 3 âm lịch hàng năm) với nhiều nghi lễ tôn nghiêm như: giảng kinh, mộc dục, chay đàn,... Năm 1992, chùa Thanh Mai đã được Bộ Văn hóa, Thông tin công nhận là di tích lịch sử văn hóa cấp Quốc gia.

#### *Hội đền Gốm*

Lễ đền Gốm được tổ chức từ ngày 13 - 21/8 âm lịch hàng năm tại xã Cỗ Thành, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Dân làm thờ Tướng Trần Khánh Dư, người có công lớn đánh chìm toàn bộ đoàn thuyền lương của quân Nguyên ở cửa biển Quảng Ninh 1288. Trong quá trình làm lễ gồm các phần như rước thần ra đình, tế lễ, đua thuyền.

#### *Hội Côn Sơn*

Hội Côn Sơn được tổ chức một năm 2 lần vào mùa thu thời gian từ ngày 16 - 20/8 âm lịch hoặc hội xuân từ ngày 18 - 22/1 âm lịch, tại xã Cộng Hòa, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Đối tượng suy tôn tại hội Côn Sơn là Nguyễn Trãi - nhà quân sự, chính trị thiên tài

và là nhà văn lớn của dân tộc Việt Nam thế kỷ 15, sư Huyền Quang, (một trong ba vị sáng lập thiền phái Trúc Lâm). Côn Sơn là một khu di tích lịch sử nổi tiếng của tỉnh Hải Dương, một trung tâm của Thiền phái Trúc Lâm và cũng là nơi Nguyễn Trãi đã về ở ẩn vào thế kỷ 15. Ở đó có chùa Côn Sơn, giếng Ngọc, bàn cờ tiên và đá Thạch Bàn. Chùa được xây từ đời Trần ở chân núi Côn Sơn, nơi tu luyện của trạng nguyên Lý Đạo Tái, pháp danh Huyền Quang, khi ông cáo quan về ở ẩn. Chùa có tượng Di Đà Tam Tôn, tượng Trúc Lâm Tam tổ (Trần Nhân Tông, Huyền Quang, Pháp Loa), tượng Trần Nguyên Đán và phu nhân. Hàng năm hội Côn Sơn mở 2 lần: hội xuân và hội thu luôn thu hút đông đảo dân địa phương và khách thập phương về dự hội tưởng niệm, tham quan di tích.

#### *Đảo Cò Chi Lăng Nam*

Đến Đảo Cò với hàng vạn chú cò, vạc đậu san sát trên các ngọn tre, cành cây, trông xa như những cánh hoa điểm đầy bông trắng. Người dân Chi Lăng Nam vẫn truyền cho nhau nghe về truyền thuyết vùng đất này. Truyền kể rằng vào đầu thế kỷ 15, những trận đại hồng thủy đã làm dải đê lớn ven sông Hồng trải qua 3 lần vỡ đê liên tiếp. Đến lần vỡ đê thứ hai thì tạo thành hòn đảo nổi giữa hồ. Rồi "đất lành chim đậu", từng đàn cò, vạc, chim nước đủ loại từ khắp nơi đổ về đây cư trú. Theo nhịp thời gian, cò, vạc sống trên đảo ngày càng đông về số lượng cá thể và đa dạng về thành phần loài. Hiện nay, với diện tích hơn 3.000m<sup>2</sup>, đảo Cò đã tập trung tới 15.000 con cò và hơn 5.000 con vạc. Khách du lịch đến với đảo Cò để được thỏa mắt ngắm nhìn những chú cò. Cả một đảo với những chú cò trắng muốt mang đến cho người xem một sự vui thích thực sự. Cò bay về làm tổ từ tháng 9 cho đến tận tháng 4 rồi đi, và những ngày này, khách du lịch càng thích thú hơn khi được ngắm những chú cò con vừa mới sinh ra đời, đôi chân vẫn còn chưa vững khi đứng trên những cành tre mềm mại. Sáng sớm và chiều tối là khoảng thời gian nhộn nhịp nhất của đảo Cò. Đó là lúc cò bay đi kiếm ăn và kéo về tổ để nghỉ ngơi sau một ngày làm việc vất vả. Những chú cò bay kín cả mặt hồ, bay kín cả đảo, những chiếc cánh trắng muốt trao lượn tạo nên một khung cảnh thật tuyệt vời nhưng cũng thật hoang dã. Tiếng kêu của chúng vang xa, lúc trầm lúc bổng tạo thành một bản hoà tấu tuyệt vời như để khởi động một ngày mới hoặc kết thúc một ngày làm việc mệt mỏi.

Du khách đến đảo Cò vào mùa cò về chỉ cần đi một ngày là có thể thăm quan hết đảo. Một chiếc xuồng cỡ nhỏ để không làm náo động không gian sống của cò sẽ chậm chậm đưa du khách đi vòng quanh hồ và ngắm cuộc sống của những chú cò. Nhưng nếu du khách muốn quan sát cuộc sống của cò một cách tỉ mỉ thì hãy ở một đêm bên đảo Cò. Đêm lúc 9-10h tối là lúc cò về nhiều nhất, sự đoàn tụ gia đình cũng bắt đầu từ lúc này cho đến sáng hôm sau. Lúc ấy du khách sẽ có nhiều thời gian hơn để nghiên cứu cuộc sống của những chú cò trên đảo và sẽ phải ngỡ ngàng vì phát hiện: cùng với cò, vạc, trên đảo còn có vô số loài chim nước khác như: chim chẫu, bói cá, cuốc, cú mèo. Riêng trong tập đoàn cò, vạc cũng có vô số loài khác nhau. Được biết, hiện hòn đảo tập trung 7 loại cò (cò trắng, cò ruồi, cò nghênh, cò ngang, cò bợ, cò diệc, cò lửa) và 3 loại vạc (vạc lưng xanh, vạc xám, vạc sao). Đảo Cò thực sự sẽ mang đến cho du khách những khoảng khắc sống cùng thiên nhiên.

#### **7.2.5. Các tuyến du lịch nội vùng tỉnh Hưng Yên**

Tỉnh Hưng Yên có diện tích là 923,5 km<sup>2</sup>, dân số toàn tỉnh là 1.132,3 nghìn người (2010), tỉnh lỵ là thành phố Hưng Yên và các huyện như Mỹ Hào, Văn Lâm, Yên Mỹ, Khoái Châu, Văn Giang, Ân Thi, Kim Động, Phù Cừ, Tiên Lữ. Tỉnh có các dân tộc sinh sống như Việt (Kinh), Tày, Nùng, Hoa.

*Điều kiện tự nhiên* : Hưng Yên là tỉnh nằm ở trung tâm đồng bằng Bắc bộ, phía bắc giáp tỉnh Bắc Ninh, phía đông giáp tỉnh Hải Dương, phía đông nam giáp tỉnh Thái Bình, phía tây và tây bắc giáp thành phố Hà Nội, phía nam và tây nam giáp tỉnh Hà Nam. Địa hình của tỉnh tương đối bằng phẳng. Khí hậu nhiệt đới gió mùa, chia làm hai mùa, mùa nóng và mùa lạnh. Nhiệt độ trung bình năm khoảng 23°C. Hưng Yên nằm trên trục đường sắt và quốc lộ 5: Hà Nội – Hưng Yên – Hải Dương – Hải Phòng. Có quốc lộ 39 nối từ quốc lộ 5 tại huyện Mỹ Hào tới Tp. Hưng Yên và tới Thái Bình. Có quốc lộ 38 qua Hải Dương và tới Bắc Ninh.

*Tiềm năng phát triển kinh tế và du lịch*: Hưng Yên có di tích Phố Hiến, là một thương cảng sầm uất từ thế kỷ 17. Nhiều di tích lịch sử, văn hoá độc đáo như chùa Kim Chung, đình Nam Hiến... đặc biệt có nhãn lồng là loại cây đặc sản nổi tiếng, từng được là loại quả quý để tiến vua.

### **Các điểm tham quan du lịch tại tỉnh Hưng Yên**

#### *Đền Đậu An*

Từ Hà Nội, theo quốc lộ 5 khoảng 28km về phía đông tới thị trấn Phố Nối rồi rẽ phải theo quốc lộ 39 khoảng 20km về phía nam, du khách sẽ tới chợ Gạo (TP Hưng Yên). Từ đây, rẽ trái vào phố Giác và đi khoảng 12km nữa là tới đền Đậu An. Đền Đậu An nằm ở thôn An Xá, xã An Viên, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên, cách TP. Hưng Yên khoảng 12 km về phía đông bắc. Đền được dựng theo phong cách kiến trúc đình, đền của vùng đồng bằng Bắc Bộ, thờ Ngọc Hoàng Thượng đế, Ngũ Lão Tiên ông cùng các vị Thiên tiên, Địa tiên. Theo thần tích lưu giữ tại đền, xưa kia, làng Chạ Xá (An Xá ngày nay) là một vùng đất sinh lầy, hoang vu, có nhiều thú dữ. Vào năm thứ hai trước Công Nguyên, Ngọc Hoàng đã phái Thiên tiên, Địa tiên và Ngũ Lão Tiên ông xuống hạ giới hướng dẫn dân lành diệt thú dữ, khai phá vùng sinh lầy này để trồng lúa nước, đồng thời dựng đền Thụy Ứng Quán (Quán điềm lành) để cầu Trời cho mưa thuận, gió hòa, mùa màng bội thu. Để tưởng nhớ công ơn của Ngọc Hoàng, Ngũ Lão Tiên ông cùng các vị Thiên tiên, Địa tiên, người dân địa phương đã trùng tu, mở rộng đền thành đền Đậu An để thờ phụng các bậc tiền bối.

Đền hình chữ Đinh, tọa lạc trên thế đất hình rồng với diện tích khoảng 2,2ha, xung quanh có cây xanh, hồ nước tạo thành nơi Thủy tụ. Đền gồm 3 kiến trúc chính: đền Thượng (đền chính), đền Hội đồng và đền Thánh mẫu. Trong đó, đền Thượng là công trình kiến trúc đặc sắc hình chữ Đinh, gồm 3 tòa: Tiền tế, Thượng điện và Hậu cung. Phần lớn kiến trúc của đền được làm bằng gỗ lim, riêng hai cung Đệ nhất và Đệ nhị của tòa Thượng điện được xây dựng bằng đá tảng nguyên khối có chạm khắc họa tiết rồng, phượng tinh xảo.

Ngoài kiến trúc cổ kính, đặc sắc, đền Đậu An còn lưu giữ nhiều di vật cổ có giá trị nghệ thuật và tín ngưỡng, điển hình là: tòa tháp Cửu trùng cao 9 tầng bằng đất nung được xây dựng vào thời Lý - Trần với những họa tiết mang đậm văn hóa Chăm như: hình cánh sen, chim thần Garuda... Đây là biểu tượng của chín tầng mây ở chốn Thiên Đàng, là nơi giao hòa giữa trời và đất, là con đường "thăng thiên, giáng trần" của Ngọc Hoàng Thượng đế và các vị tiên. Ngoài tòa tháp cổ, đền còn có nhang án (bệ hoa sen) bằng đất nung cũng được dựng vào thời Lý - Trần, chuông đồng niên hiệu Cảnh Hưng thứ 35 (1774), khánh đá cổ thời Lê và hai tấm bia đá thời Lý, Nguyễn ghi lại thời điểm dựng đền và những người có công tôn tạo, trùng tu đền. Hàng năm, từ ngày 6 – 12/4 âm lịch, nhân dân thôn An Xá lại tổ chức lễ hội truyền thống đền Đậu An để tri ân công đức các vị tiền bối. Ngoài các nghi thức tế lễ chính (dâng hương, rước kiệu), lễ hội còn có nhiều trò chơi hấp dẫn như: chọi gà, cờ tướng, hát quan họ..., trong đó có trò chơi “đánh hổ” hay còn gọi là “đánh bệt” mang đậm màu sắc

dân gian truyền thống. Đền Đậu An đã được Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) xếp hạng di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia vào năm 1998.

#### *Đền Chử Đồng Tử*

Đền Chử Đồng Tử bao gồm 2 đền: đền Đa Hòa thuộc thôn Đa Hoà, xã Bình Minh, và đền Dạ Trạch thuộc thôn Yên Vĩnh, xã Dạ Trạch, Huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên. Cả hai ngôi đền đều thờ Đức Thánh Chử Đồng Tử và nhị vị phu nhân. cách Hà Nội chừng 25km theo đê sông Hồng, có hai ngôi đền thờ Đức thánh Chử Đồng Tử, một ngôi đền nằm ở địa phận thôn Đa Hoà, xã Bình Minh, bên dòng sông Hồng nhìn ra bãi Tự Nhiên nơi nàng công chúa Tiên Dung xinh đẹp, con gái vua Hùng thứ 18 kỳ ngộ và nên duyên với chàng Chử nghèo khó; ngôi đền thứ hai thuộc địa phận thôn Yên Vĩnh, xã Dạ Trạch, nơi chàng Chử cùng nhị vị phu nhân hoá về trời.

Tuy hai ngôi đền đều thờ đức thánh Chử Đồng Tử và nhị vị phu nhân, kiểu dáng kiến trúc truyền thống nhưng có sự khác biệt đáng kể. Ngôi đền Đa Hoà (được nhà nước xếp hạng di tích văn hoá năm 1962) nằm trên một khu đất cao, rộng, bằng phẳng hình chữ nhật có diện tích 18.720m<sup>2</sup>, cảnh quan đẹp, mặt quay hướng chính tây nhìn thẳng sang bãi Tự Nhiên. Tổng thể kiến trúc có 18 ngôi nhà mái ngói cổ như 18 con thuyền mũi cong tượng trưng cho 18 đời vua Hùng. Ngọ môn gồm 3 cửa. Cửa chính là toà nhà 3 gian cao rộng, trên đỉnh nóc đắp lưỡng long châu nguyệt (chỉ mở cửa vào đại lễ). Hai cửa bên để đón khách gần xa. Qua sân Đại là đền Đại tế, toà Thiêu hương, cung Đệ Nhị, cung Đệ Tam và cuối cùng là Hậu cung. Toà Thiêu hương có kiến trúc cao, thoáng, trang nghiêm. Các đầu đao, bờ nóc chạm trổ tinh vi, đắp gọt tỉ mỉ, màu sắc rực rỡ cùng nhiều hình trang trí khác như rồng, sư tử. Cửa vông ở cung Đệ nhị đều được chạm hình chim phượng, hoa cúc mãn khai và các hoa quả được sơn son thiếp vàng lộng lẫy. Đặc biệt các pho tượng đức thánh Chử Đồng Tử và phu nhân được đúc bằng đồng rất đẹp.

Đền Dạ Trạch nằm trong không gian thoáng đãng cạnh đầm Dạ Trạch (được nhà nước xếp hạng di tích năm 1989). Kết cấu chính từ ngoài vào trong gồm có lầu chuông, hồ bán nguyệt, qua sân là đền điện thờ gồm ba toà nhà. Toàn bộ nội, ngoại thất, kiến trúc ngôi đền toát lên nét cổ kính, linh thiêng. Lễ hội Chử Đồng Tử được tổ chức từ ngày 10 đến 12 tháng hai âm lịch hàng năm ở cả hai ngôi đền này.

#### *Đền Ghênh*

Đền Ghênh thờ Bà Hoàng Thái hậu Ý Lan, nằm ở thôn Ngọc Quỳnh, xã Như Quỳnh, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên được xây dựng vào năm Ất Mùi (1115). Hoàng Thái Hậu Ý Lan, tên thường gọi là Lê Thị Khiết, sinh ngày mùng 7 tháng 3 năm 1044 (Giáp Thân) quê làng Thổ Lỗi (còn gọi là làng Ghênh Sủi), phủ Thuận An, sứ Kinh Bắc xưa, nay là thôn Ngọc Quỳnh, xã Như Quỳnh. Tuy xuất thân trong gia đình lao động, nhưng Bà đã sớm nổi tiếng là một người thông minh xinh đẹp. Năm bà 18 tuổi, nhân vua Lý Thánh Tông đi tuần du qua vùng này, gặp bà đang làm cỏ ở nương dâu, qua đối đáp, thấy bà là người nét na thông minh xinh đẹp và hiền dịu, vua bèn đưa Bà về Thăng Long và phong làm Ý Lan phu nhân. Bà sinh cho nhà Vua hai hoàng nam là Lý Càn Đức và Lý Minh Nhân, sau này Lý Càn Đức nối ngôi Vua hiệu là Lý Nhân Tông. Vua phong cho Ý Lan Phu nhân là Thần phi và đổi tên làng từ Thổ Lỗi sang Siêu Loại. Bà là người phụ nữ duy nhất của đất nước đã hai lần nhiếp chính thay vua trị vì đất nước.

Đó là vào năm 1069, Bà mới 25 tuổi, vua Lý Thánh Tông bận chinh chiến ngoài biên ải, Bà đã cùng các đại thần đề ra những kế sách quyết đoán, táo bạo để khắc phục nạn đói, đẩy mạnh sản xuất, trừng trị bọn phản loạn định nhân cơ hội nhà vua đi đánh giặc để tranh



giành ngôi báu. Đến năm 1072, Vua Lý Thánh Tông đột ngột qua đời, Thái tử nối ngôi còn nhỏ tuổi, Bà là Hoàng Thái hậu lại một lần nữa thay Vua cùng Thái úy Lý Thường Kiệt giữ vững kỷ cương triều chính, đập tan âm mưu xâm lược của quân Tống. Bà đã có công đưa ca múa dân gian vào cung đình, đắp đê chống lụt, khuyến khích phát triển nông nghiệp, làm thủy lợi, phát triển nghề thủ công, ra sắc lệnh cấm giết trâu bò cày. Chủ trương phát triển nghề nuôi tằm, dệt vải. Bà quan tâm đến tầng lớp dân nghèo, lấy tiền trong kho của triều đình chuộc các cô gái nhà nghèo đã bán mình đê ở đợ, rồi lập gia đình cho họ. Vào năm 1115, thấy mình tuổi đã cao, Bà về quê lập đền ngay trên nền nhà cũ. Khi về đến làng, Bà cho đổi tên là thôn Ngọc Kinh, xã Như Kinh, tổng Như Kinh, để người dân được hưởng mọi quyền lợi như người dân kinh đô. Bà qua đời vào ngày 25 tháng 7 năm 1117 (Đinh Dậu) hưởng thọ 73 tuổi, Bà được rước về Kinh đô, sau đó hỏa táng, tro đưa về quê hương nhà Lý ở phủ Thiên Đức (nay là huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh). Đế tướng nhớ công ơn của Bà, nhân dân làng Như Quỳnh vẫn tổ chức các lễ vào ngày sinh và ngày mất của Bà.

Đền Ghênh được xây theo kiểu nội công ngoại quốc, chia làm ba phần gồm có chính tiền tế, bái đường và hậu cung, chính điện quay về hướng nam, nhìn xuống Tam giao thủy. Từ phía xa đã nhìn thấy tam quan của đền được xây dựng theo kiến trúc cổ, đi vào trong sân đền có một phiến đá rất lớn để nhân dân đặt đồ tế lễ. Toàn bộ ba tòa ở đền được xây dựng trên nền cao có 9 bậc lên xuống bằng đá hoa cương (gọi là cử trùng) ở hai bên cửa lên xuống có hai phỗng đá quỳ khoanh tay, đánh dấu sự quy hàng của vua Chiêm Thành. Tiền tế là nơi tế lễ, biểu diễn văn nghệ trong những ngày lễ hội. Trong bái đường với những lễ khí lộng lẫy, còn treo những bức hoành phi câu đối cổ. Hai bên nhà tiền tế mới được xây dựng thêm hai dãy nhà để làm nơi đón tiếp khách thập phương đến dâng hương. Hậu cung còn bức đại tự: “Mẫu nghi thiên hạ” và đôi hàng câu đối cổ nói về công đức của Bà. Tượng của đức Thái Hậu Ý Lan được đặt trong long kiệu sơn son thiếp vàng có 6 vị nữ đứng hầu cùng nhiều đồ thờ bằng gỗ và gốm sứ. Sau đền có hai giếng nước trong xanh quanh năm không bao giờ cạn gọi là mắt rồng, trên bờ có hai cây đa cổ thụ lớn nhất vùng gọi là mi rồng, bên phải đền có một cái ao to là nơi biểu diễn múa rối vào những ngày hội lớn. Chính giữa hai hồ nước là nhà điện Mẫu, thờ Tam tòa Thánh Mẫu, công đồng và hội đồng các quan. Sát bên phải đền là chùa, trước cửa trồng cây hoa ngọc lan, tượng trưng cho tên của Bà. Cạnh cây hoa Ngọc Lan là mô hình tháp Kính Thiên được xây bằng đá. Đền còn có bia đá ghi lại những năm xây dựng, trùng tu tôn tạo đền. Đền Ghênh là một công trình kiến trúc mang phong cách triều đại nhà Lý, là nơi lưu dấu ấn lịch sử của Hoàng Thái Hậu Ý Lan, một người phụ nữ tài đức vẹn toàn, một bậc mẫu nghi thiên hạ đã suốt đời vì dân, vì nước.

#### *Đền Mẫu*

Đền Mẫu thờ Bà Dương Thiên Hậu (Quý phi họ Dương) tọa lạc trên đường Bãi Sậy, phường Quang Trung, thành phố Hưng Yên, là một danh lam thắng cảnh đẹp của Phố Hiến “Đệ nhất danh lam Phố Hiến”. Đền được xây trên thế đất “Ngọa Long” nhìn ra hồ Bán Nguyệt với một không gian rộng rãi, tạo nên thế “Sơn Diểu Thủy”. Đền thờ bà Dương Quý Phi, được tán xưng là Dương Thiên Hậu. Theo sử sách và Ngọc Phả lưu truyền lại, thì bà là vợ vua Tống Đế Bính. Năm 1279, quân Nguyên xâm lược nước Tống, Vua và hoàng tộc xuống thuyền chạy về phương Nam. Trên đường chạy, họ bị tướng nhà Nguyên là Trương Hoàng Phạm bắt được. Vua Tống cùng một số phi tần không chịu khuất phục đã nhảy xuống biển tận tiết, xác của Dương Quý Phi trôi vào bãi cát, được nhân dân chôn cất chu đáo và lập đền thờ.

Trải qua các triều đại, đền được sửa sang và phong tặng nhiều lần. Đến năm Thành Thái thứ 8, đền được trùng tu với quy mô lớn và có kiến trúc như ngày nay. Cổng Tam quan của đền được xây dựng theo lối kiến trúc chồng diêm hai tầng, tám mái với các đầu đao uốn cong mềm mại. Cửa xây vòm cuốn, hai cột trụ trên đỉnh đắp hai con sấu chầu vào cửa. Trên vòm cuốn có mấy bức đại tự “Đương Thiên Hậu – Tống Triều” kiểu chữ triện và bốn chữ “Thiên Hạ mẫu nghi”. Phía trong Tam quan còn có mấy chữ lớn “Hoa Dương Động” và “Vạn Cổ Hương”.

Từ Tam quan đi vào tới sân, nơi có cây đa và cây si cổ thụ đã có 700 năm tuổi, quần lấy nhau rủ bóng um tùm làm tăng thêm vẻ trang nghiêm, u tịch. Tòa Đại Bái kiến trúc theo kiểu tám mái lợp ngói vẩy rồng, các đao mái uốn cong mềm mại kiểu rồng chầu. Các con rường, đầu sen, trụ chạm hình lá hoa, rồng, phượng, các bẩy chạm hình đầu rồng. Hai bên tòa đại bái là điện Lưu Ly và cung Quảng Hàn. Tòa Tiên đường gồm 3 gian với lối kiến trúc kiểu chồng rường đầu sen, lộng lẫy với hoành phi, câu đối, đồ tế tự, tán lọng, cờ, y môn, giá cắm đồ binh khí, kiệu bát cống, long đình được sơn son thiếp vàng rực rỡ. Nóc được đắp hình “Lưỡng long chầu nguyệt”, đao rồng chầu, phượng múa rất đẹp và tinh xảo.

Nối Tiên đường là Hậu cung, với 5 gian kiến trúc theo kiểu chồng rường con nhị với 12 cột cái, 6 cột quân, các bức cốn chạm bông hoa, lá mềm mại, bộ cửa bức bàn chạm lộng mai cúc. Dưới ánh sáng mờ ảo của đèn nến, khói hương làm cho không gian vốn tĩnh lặng nơi đây trở nên linh thiêng huyền bí hơn.

Đền Mẫu thực sự là một tác phẩm kiến trúc đẹp, một di tích lịch sử văn hóa vừa uy nghi vừa cổ kính và gần gũi với nhân dân. Lễ hội đền Mẫu được tổ chức rất long trọng từ ngày 10 đến 15 tháng 3 âm lịch hàng năm, được nhân dân trong và ngoài vùng nô nức tham dự. Đền Mẫu đã được xếp hạng di tích văn hóa lịch sử - cấp quốc gia ngày 30/03/1990.

#### *Đền Kim Đẳng*

Đền Kim Đẳng thờ tướng quân Đinh Điền (một trong những công thần khai quốc Đại Cồ Việt) và phu nhân Phan Thị Môi Nương ở thôn Kim Đẳng, phường Lam Sơn, TP. Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên. Theo "Đại Nam nhất thống chí", Đinh Điền là người làng Đại Hữu (nay là xã Gia Phương, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình). Thuở nhỏ, ông thường cùng Đinh Bộ Lĩnh và những đứa trẻ cùng làng đi chăn trâu ở Thung Lau (nay là động Hoa Lư, xã Gia Hưng, huyện Gia Viễn) và chơi trò "cờ lau tập trận". Lớn lên, ông cùng Nguyễn Bặc, Lu Cơ, Trịnh Tú phò tá và giúp Đinh Bộ Lĩnh dẹp loạn 12 sứ quân. Sau khi giang sơn thống nhất một mối, Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi hoàng đế, xưng là Đinh Tiên Hoàng, đặt Quốc hiệu là Đại Cồ Việt, đóng đô tại Hoa Lư. Đinh Điền được Đinh Tiên Hoàng giao chỉ huy 10 đạo quân đi thu phục các sứ quân khác. Trên đường đi, qua trang Đẳng Man, tổng An Tảo, phủ Khoái Châu, trấn Sơn Nam Thượng (nay là thôn Kim Đẳng, phường Lam Sơn, TP. Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên), thấy thế đất tựa "Thanh Long, Bạch Hổ chầu về", Đinh Điền liền cho dựng doanh trại và lấy người con gái tên Môi Nương làm vợ. Đinh Điền mất ngày 17/11 âm lịch năm Kỷ Mão (979). Sau khi ông mất, người dân địa phương đã lập đền thờ trên nền doanh trại để tưởng nhớ công ơn to lớn của ông.

Kiến trúc đền mang đậm phong cách thời Lê Trung Hưng (1533 - 1789), gồm Tiên tế và Hậu cung, được xây theo hình chữ đình. Không gian đền khá rộng, trồng nhiều cây xanh tạo vẻ mát mẻ, thanh tịnh cho toàn bộ kiến trúc. Tiên tế được làm theo kiểu chồng diêm 2 tầng, 8 mái ngói vẩy rồng với 4 góc đao cong đắp nổi đầu rồng. Kết cấu các bộ vì kèo kiểu quá giang đơn giản, được nâng đỡ bằng hệ thống cột gỗ lim vững chắc. Trên đường bờ nóc đắp hình lưỡng long chầu nhật, 2 đầu kìm đắp "lưỡng ngư" (2 con cá chép).

Phần cổ diềm giữa hai mái đắp 4 chữ Hán "Đinh Đại Linh Từ". Kế tiếp Tiền tế là Hậu cung với mái lợp ngói mũi hài, gồm 3 gian. Kết cấu các vì kèo kiểu con chông, đầu sen. Trên các con rường được chạm nổi hình hoa lá cách điệu. Tại gian giữa Hậu cung đặt bức tượng tướng quân Đinh Điền và phu nhân Phan Thị Môi Nương trong tư thế ngồi tọa thiền. Ngoài kiến trúc đặc sắc, đền còn lưu giữ một số bức hoành phi, câu đối ca ngợi những người có công với triều đại nhà Đinh cùng nhiều cổ vật có giá trị như: tượng thờ mang phong cách kiến trúc thế kỷ 17 - 18, 4 đạo sắc phong thời Lê, ngai thờ thời Lê.

Nhằm phát huy truyền thống uống nước nhớ nguồn, tri ân công lao của tướng quân Đinh Điền cũng như đáp ứng nhu cầu văn hóa, tâm linh của người dân địa phương và du khách, lễ hội đền Kim Đằng được tổ chức từ ngày 15 - 17/11 âm lịch hàng năm. Trong những ngày diễn ra lễ hội, ngoài các nghi thức như lễ dâng hương, rước kiệu, còn có nhiều trò chơi dân gian truyền thống khu vực đồng bằng Bắc Bộ như: chọi gà, múa lân, hát nói, hát trống quân, múa rối nước. Đền Kim Đằng đã được Bộ VH-TT-DL xếp hạng Di tích lịch sử cấp quốc gia ngày 20/12/1997.

### *Chùa Chuông*

Từ Hà Nội, theo quốc lộ 5 khoảng 28km về phía đông, du khách sẽ tới thị trấn Phố Nối. Từ đây, đi tiếp theo quốc lộ 39 khoảng 34km về phía nam sẽ tới chùa Chuông. Chùa Chuông có tên chữ là "Kim Chung Tự", tức chùa Chuông Vàng. Chùa đã từng được mệnh danh là "Chùa Chuông - Phố Hiến đẹp nhất danh lam", ở thôn Nhân Dục, phường Hiến Nam, thành phố Hưng Yên.

Tương truyền, vào một năm có trận đại hồng thủy, một chiếc bè gỗ bị cuốn theo dòng nước trôi vào bãi sông của thôn Nhân Dục, thuộc tổng An Tảo, huyện Kim Động, phủ Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên xưa (nay thuộc phường Hiến Nam, Tp. Hưng Yên). Trên bè có một quả chuông vàng rất đẹp. Người dân trong vùng tìm mọi cách mang chuôn vào bờ nhưng cuối cùng chỉ có dân thôn Nhân Dục là làm được. Cho là trời Phật muốn giúp đỡ, người dân trong thôn bèn góp công, góp của dựng chùa, xây lầu treo chuông. Từ đó trở đi, chùa có tên gọi là Kim Chung Tự (chùa Chuông Vàng).

Chùa Chuông được khởi dựng vào thời Hậu Lê (thế kỷ 15). Qua nhiều lần trùng tu, tôn tạo, hiện nay chùa mang kiến trúc kiểu "Nội công ngoại quốc", mặt quay về hướng nam, theo quan niệm của đạo Phật là hướng gắn liền với hạnh phúc và điều thiện. Quần thể kiến trúc trong chùa được bố trí cân xứng, nằm trải dài theo một trục đường thẳng tính từ cổng Tam quan đến nhà Tổ. Cổng Tam quan có các họa tiết, hoa văn trang trí mang ảnh hưởng phong cách mỹ thuật của Trung Quốc, đặc trưng như: hình rồng được đắp nổi trên bề mặt cổng, bức phù điêu về bốn thầy trò Đường Tăng đi lấy kinh ở Tây Trúc... Qua cổng Tam quan là tới cây cầu đá xanh được dựng vào năm 1702, bắc ngang qua ao mắt rồng. Đi tiếp qua khoảng sân rộng sẽ đến nhà Tiền đường 5 gian 2 chái, được kiến trúc theo kiểu con chông đầu sen. Nối giữa Tiền đường và Thượng điện là khoảng sân nhỏ có cột đá 4 mặt khắc chữ Hán ghi công đức của nhân dân tu sửa chùa. Thượng điện cũng có 5 gian 2 chái, kết cấu giống Tiền đường. Bên trong Thượng điện có nhiều pho tượng đẹp như: tượng Tam Thế, các vị Bồ Tát: Văn Thù, Phổ Hiền, Ngọc Hoàng, Nam Tào, Bắc Đẩu, Phật Thích Ca, Phật A Di Đà... Qua Thượng điện là tới hai dãy hành lang đối xứng nhau dẫn tới nhà Mẫu, nhà Tổ và lầu chuông. Ở hai dãy hành lang đó, có đặt rất nhiều bức tượng được xếp theo thứ tự. Đầu tiên là nhóm tượng phác họa về động "Thập điện Diêm Vương" - diễn tả cảnh ngục hình mà con người phải trải qua nơi âm giới. Tiếp đến là Bát Bộ Kim Cương, rồi đến "Thập

Bát La Hán" (18 vị La Hán), Đức Ông, đứng cạnh có Già Lan - Chân Tể và cuối cùng là Đức Thánh Hiền, bên cạnh có Diệm Nhiên - Đại Sỹ.

Ngoài kiến trúc đẹp, bề thế, chùa Chuông còn lưu giữ nhiều hiện vật có giá trị như: hoành phi, câu đối..., đặc biệt là tấm bia đá "Kim Chung Tự thạch bi ký" được dựng vào năm Vĩnh Thịnh thứ 7 (1711). Trên bia có ghi tên những người công đức tu sửa chùa và mô tả cảnh đẹp, phố phường của Phố Hiến xưa. Năm 1992, chùa Chuông đã được Bộ Văn hóa, Thông tin (nay là Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch) xếp hạng là di tích kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia.

#### *Chùa Hiền*

Chùa Hiền thuộc địa phận Phố Hiến Hạ, nay là đường Phố Hiến, phường Hồng Châu, thị xã Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên. Tương truyền chùa được xây dựng từ thời Trần do Tô Hiến Thành, quan đại thần nhà Lý hưng công xây dựng. Chùa Hiền có tên chữ Hán là "Thiên Ứng tự" theo niên hiệu Thiên Ứng của vua Trần Thái Tông (1232-1250). Chùa có bố cục kiến trúc kiểu "*nội công ngoại quốc*", gồm tiền đường, thiên hương, thượng điện và ba mặt là hành lang. Giữa thượng điện là tượng Quan Âm Nam Hải ở thế ngồi, có tám đôi tay, bố trí đăng đối. Đầu tượng đội mũ chạm hoa cúc, sen, phù dung. Phía trước là tượng tứ vị Bồ Tát ngồi trên tòa sen, khuôn mặt đầy đặn, trang nghiêm. Các pho tượng này đều có niên đại thế kỷ 19. Việc thượng điện đặt ban thờ nổi bật tượng Quan Âm cùng tứ vị Bồ Tát thể hiện tâm lý sùng bái vị thần có nhiều phép cứu giúp chúng sinh trên sông, biển. Đây là đặc điểm khác biệt trong bố cục thờ tự của chùa Hiền so với các chùa khác. Phía trước sân chùa Hiền có hai tấm bia đá lưu giữ nhiều tư liệu lịch sử nói lên quá trình tụ cư của thương cảng Phố Hiến. Tấm bia "*Thiên ứng tự - Tân tự trùng tu thạch bi ký*" niên đại Vĩnh Tộ thứ 7 (1625) và tấm bia "*Thiên ứng tự - bia ký công đức trùng hưng*" dựng năm Vĩnh Thịnh thứ 5 (1709). Chùa Hiền còn nổi tiếng có cây nhãn Tô, chính xác ra tên gọi là cây nhãn tiến, nằm phía trước cửa chùa. Đây là cây nhãn đường phèn có dáng hình đẹp, mã lựa, quả to, cùi dày, hương vị thơm ngon đặc sắc nhất. Mỗi mùa nhãn chín, nhãn thường được chọn hái để dâng đức phật, cúng thần thành hoàng và để quan lại địa phương tiến vua. Thân cây chính đã già cỗi, bọ ruỗng, bị đổ chỉ còn một nhánh được đắp vun gốc, chăm sóc phát triển thành cây "hậu duệ", hiện diện như một biểu tượng của giống nhãn đặc sản Phố Hiến - Hưng Yên.

#### *Văn Miếu Hưng Yên*

Văn Miếu Hưng Yên hay còn gọi là Văn Miếu Xích Đằng, tọa trên một khu đất cao, rộng gần 4.000m<sup>2</sup>, thuộc làng Xích Đằng, phường Lam Sơn, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên. Đây là nơi minh chứng cho truyền thống hiếu học của người Hưng Yên và là nơi lưu danh tên tuổi của các nhà khoa bảng của hai tỉnh Hưng Yên và Thái Bình, thuộc các triều đại Trần, Mạc, Lê, Nguyễn. Văn Miếu Hưng Yên được khởi dựng vào thế kỷ 17, trên nền của chùa làng Xích Đằng, xã Nhân Dục, tổng An Tảo, huyện Kim Động xưa, nay là phường Lam Sơn, Tp. Hưng Yên. Văn Miếu được trùng tu, tôn tạo nhiều nhất vào năm Kỷ Hợi, niên hiệu Minh Mệnh thứ 20 (1839).

Văn Miếu có kết cấu kiến trúc kiểu chữ Tam, bao gồm: Tiền tế, Trung từ và Hậu cung. Hệ thống mái của các tòa được làm liên hoàn kiểu "Trùng thiềm điệp ốc". Văn Miếu có mặt tiền quay hướng Nam, cổng Nghi Môn được xây dựng đồ sộ, bề thế, mang dáng dấp cổng Văn Miếu Hà Nội. Phía trong cổng có sân rộng, ở giữa sân là đường thập đạo, hai bên sân có lầu chuông và lầu khánh cùng 2 dãy tả vu, hữu vu.

Khu nội tự gồm: Tiền tế, Trung từ và Hậu cung, kiến trúc giống nhau, được làm theo kiểu vì kèo trụ tròn. Toàn bộ khu nội tự Văn Miếu tỏa sáng bởi hệ thống đại tự, câu đối, cửa võng và hệ thống kèo cột đều được sơn thếp phủ hoàn kim rất đẹp.

Hiện vật quý giá nhất của Văn Miếu là 9 tấm bia đá có ghi danh các nhà khoa bảng (của hai tỉnh Hưng Yên và Thái Bình) thuộc các triều đại Trần, Mạc, Lê, Nguyễn. Văn Miếu cũng là di tích minh chứng cho truyền thống hiếu học của người Hưng Yên. Văn Miếu xưa có 2 mùa lễ hội, trọng hội là ngày 10/2 và ngày 10/8 hàng năm. Vào các ngày trọng hội, các vị nho học và quan đầu tỉnh phải đến Văn Miếu để tế lễ, thể hiện nề nếp nho phong, tôn sư trọng đạo, cầu mong sự nghiệp giáo dục ngày càng tiến bộ. Ngày nay, vào mỗi dịp đầu xuân, tại Văn Miếu Xích Đằng lại diễn ra các sinh hoạt văn hóa, đó là: lễ dâng hương, triển lãm thư pháp, hát ca trù... Để gìn giữ những giá trị văn hóa của dân tộc, Văn Miếu Hưng Yên đang từng bước được trùng tu, quy hoạch như vốn có của nó.

### *Phố Hiến*

Phố Hiến nổi tiếng là một thương cảng từ thế kỷ 13, nhiều người Việt Nam biết câu "Thứ nhất kinh kỳ, thứ nhì Phố Hiến". Kinh kỳ là thủ đô Hà Nội ngày nay. Phố Hiến nay là thị xã Hưng Yên của tỉnh Hưng Yên, cách Hà Nội gần 60km. Từ Hà Nội đi theo đường số 5, đến phố Nôi, rẽ theo đường 39A qua những cánh đồng ngô lúa, những rặng nhãn um tùm là đến Phố Hiến. Ngày nay, phố Hiến còn gìn giữ được một quần thể kiến trúc cổ và đặc sản nổi tiếng là nhãn lồng phố Hiến - Hưng Yên. Thế kỷ 15 trở đi những tàu buôn của Trung Quốc, Nhật Bản, Thái Lan, Ma-lai-xi-a, In-đô-nê-xi-a, Anh, Pháp đã cập bến Phố Hiến. Nhưng vì sông Hồng ngày càng lùi xa, Phố Hiến nhường dần vị trí thương cảng cho Hải Phòng, mà giữ lại cho mình những giá trị văn hoá lâu đời. Phố Hiến ngày nay còn gìn giữ được một quần thể kiến trúc cổ gồm 60 di tích lịch sử, 100 bia ký và nhiều đền chùa. Phố Hiến có một đặc sản nổi tiếng cả nước là nhãn lồng (gọi là nhãn lồng vì cây nhãn rất nhiều quả, người ta phải làm lồng bảo vệ cho chùm quả để chim chóc không ăn được). Nhãn lồng cùi dày, vỏ mỏng, hạt nhỏ, ăn ngọt mát như chè đường. Xưa kia nhãn lồng Phố Hiến đã được chọn để tiến vua. Cây nhãn tổ có từ thế kỷ thứ 16, nay vẫn xum xuê cành lá. Đến thăm Phố Hiến, du khách không nên quên vào chợ Phố Hiến, một chợ quê hoàn toàn yên ả như mặt nước hồ bán nguyệt ở trung tâm Phố Hiến.

### **7.2.6. Các tuyến du lịch nội vùng tỉnh Quảng Ninh**

Tỉnh Quảng Ninh có diện tích là 6.099,0 km<sup>2</sup>, dân số toàn tỉnh là 1.159,5 nghìn người (2010), tỉnh lỵ là thành phố Hạ Long, các thành phố Móng Cái, Uông Bí, Cẩm Phả, 1 thị xã Quảng Yên và các huyện như Ba Chẽ, Bình Liêu, Hải Hà, Đàm Hà, Tiên Yên, Vân Đồn, Hoàn Bò, Đông Triều, Cô Tô. Tỉnh có 21 thành phần dân tộc, song chỉ có 6 dân tộc có số dân trên một nghìn người là Kinh, Dao, Tày, Sán Dìu, Sán Chỉ, Hoa, tiếp đến là hai dân tộc có trên trăm người là Nùng và Mường, mười bốn dân tộc còn lại có số dân dưới 100 người. Trong các dân tộc đông người, người Việt (Kinh) chiếm 89% tổng số dân. Trong số các dân tộc thiểu số có nguồn gốc lâu đời, người Dao có hai nhóm chính là Thanh Y, Thanh Phán, thường cư trú ở vùng núi cao. Họ còn giữ được bản sắc dân tộc trong ngôn ngữ, y phục, lễ hội và phong tục tập quán truyền thống. Người Tày, người Sán Dìu, Sán Chỉ ở vùng núi thấp và chủ yếu sống bằng nông nghiệp với nghề thủ công ở các thị trấn miền đông, một số khác sống ở nông thôn, sản xuất nông nghiệp, đánh cá, làm nghề rừng.

Đạo Phật du nhập vào Quảng Ninh từ rất sớm, từ hàng ngàn năm trước đây và phần lớn dân chúng ở Quảng Ninh hiện nay theo đạo Phật. Thế kỷ 14, khu Yên Tử và Quỳnh Lâm (Đông Triều) là trung tâm Phật giáo của Việt Nam. Nhiều thế kỷ sau đó đạo Phật tiếp

tục được duy trì với hàng trăm ngôi chùa ở Quảng Ninh, trong đó có những ngôi chùa nổi tiếng như chùa Lôi Âm (Hoành Bồ), Linh Khánh (Trà Cỏ), Hồ Thiên (Đông Triều), Linh Quang (Quan Lạn). Trải qua nhiều biến cố của lịch sử, sự tàn phá của thiên nhiên và cả của con người, hiện nay ở Quảng Ninh chỉ còn lại trên 30 ngôi chùa nằm rải rác ở 8 huyện thị, thành phố. Đạo Thiên Chúa vào Quảng Ninh từ cuối thế kỷ 17, hiện nay có 27 nhà thờ của 9 xứ gồm 41 họ đạo nằm ở 8 huyện và thị xã của tỉnh. Đạo Cao Đài có ở thị xã Yên Hưng và thị xã Cẩm Phả từ những năm 1940, sau tàn lụi dần, hiện nay chỉ còn vài chục người theo.

*Điều kiện tự nhiên* : Quảng Ninh là một tỉnh ở địa đầu Đông Bắc Việt Nam, nằm giữa các kinh độ đông 106°26'-108°31'3'' và các vĩ độ bắc 20°40'-21°40', khoảng dài nhất từ đông sang tây là 195km, từ bắc xuống nam là 102km. Phía bắc giáp Quảng Tây (Trung Quốc) với đường biên giới dài 132,8km và tỉnh Lạng Sơn. Phía tây giáp tỉnh Bắc Giang, Hải Dương, phía nam giáp thành phố Hải Phòng. Phía đông nam giáp biển Đông với 250km bờ biển. Là một tỉnh miền núi duyên hải, Quảng Ninh có 80% diện tích đất đai là đồi núi. Hơn 2.000 hòn đảo nổi trên mặt biển phần lớn đều là núi, với tổng diện tích là 620km<sup>2</sup>. Địa hình được chia ra thành các vùng đồi núi, vùng trung du đồng bằng và vùng biển đảo. Vùng núi miền đông gồm hai dãy núi chính là Quảng Nam Châu và Cao Xiêm có độ cao trên dưới 1.400m. Miền tây là những dãy núi thuộc cánh cung Đông Triều với hai đỉnh Yên Tử và Am Váp cao trên 1.000m. Vùng trung du và đồng bằng ven biển: gồm những dải đồi thấp và những cánh đồng ven các triền sông và bờ biển, trong đó đồng bằng Yên Hưng và Đông Triều là màu mỡ nhất và là những vựa lúa chính của tỉnh. Khí hậu Quảng Ninh một năm có 4 mùa xuân, hạ, thu, đông. Đây là vùng biển nhiệt đới gió mùa. Mùa hạ nóng, ẩm, mưa nhiều, gió thịnh hành là gió nam. Mùa đông lạnh, khô hanh, ít mưa, gió đông bắc. Nhiệt độ trung bình hàng năm khoảng 21°C. Độ ẩm trung bình hàng năm là 84%. Lượng mưa hàng năm lên đến 1.700 - 2.400mm, số ngày mưa trung bình là 90-170. Hệ thống giao thông có đường bộ, đường thủy đi từ Hải Phòng - Hạ Long và ngược lại.

*Tiềm năng phát triển du lịch*: Địa hình đáy biển Quảng Ninh không bằng phẳng, độ sâu trung bình là 20m, có những lạch sâu là di tích các dòng chảy cổ và có những dải đá ngầm làm nơi sinh trưởng các rạn san hô rất phong phú đa dạng. Đặc biệt vùng biển Quảng Ninh có Vịnh Hạ Long, di sản thiên nhiên thế giới với hàng ngàn đảo đá nguyên là vùng địa hình karts bị nước bào mòn tạo nên cảnh đẹp độc đáo, kỳ vĩ độc nhất vô nhị trên thế giới. Vùng ven biển và hải đảo Quảng Ninh ngoài những bãi bồi phù sa còn có những bãi cát trắng, bãi biển tuyệt đẹp, như Trà Cỏ, Quan Lạn, Minh Châu, Ngọc Vũng...

Tỉnh Quảng Ninh có gần 500 di tích lịch sử, văn hoá, nghệ thuật... gắn với nhiều lễ hội truyền thống, trong đó có những di tích nổi tiếng của quốc gia như chùa Yên Tử, đền Cửa Ông, di tích lịch sử Bạch Đằng, chùa Long Tiên, đình Quan Lạn... đây là những điểm thu hút khách thập phương đến với các loại hình du lịch văn hoá, tôn giáo, nhất là vào những dịp lễ hội.

Đền Quảng Ninh, du khách còn có cơ hội để thưởng thức các món ăn được chế biến từ các loài hải sản của biển Quảng Ninh, trong đó có những đặc sản giá trị như hải sâm, bào ngư, tôm, cua, sò, ngán, hàu hà, sá sùng, rau câu...

### **Các điểm tham quan du lịch tỉnh Quảng Ninh**

#### *Bánh gât gù Tiên Yên*

Bánh được làm bằng gạo. Chọn loại gạo ngon ngâm rồi xay thành bột, bí truyền là phải xay lẫn với một ít com nguội. Sau đó đem tráng bột, không mỏng như bánh cuốn, không dày như bánh đa. Bánh tráng xong cuộn lại, dài bằng gang tay, to như ngón tay cái

xếp trên đĩa sứ. Tắm bánh trong, mềm, dẻo mà không dính. Bánh Gật gù chấm nước mắm cốt lẫn hành khô, tỏi, ớt và đặc biệt không thể thiếu là đĩa hến và mỡ gà. Lợn Móng Cái, gỏi Đầm Hà, gà Tiên Yên. Gà Tiên Yên là loại gà nuôi thả, mỏ nhỏ, chân vàng, thịt rất thơm. Thịt một chú gà sống thối, bóc hai lá mỡ đem rán lên, đổ mỡ đun sôi cùng nước mắm và các thứ gia vị. Người ăn ngồi quanh bàn, cầm bánh gặt gù chấm nước mắm, ăn vào thấy người râm ran nóng, má hồng, mắt sáng, miệng xuýt xoa, rồi tự nhiên vừa ăn, vừa gặt gù, tấm tắc. Người Tiên Yên bảo bánh gặt gù chẳng những ngon, bổ mà còn là thứ thuốc giải cảm.

#### *Đình Lưu Khê*

Đình Lưu Khê được xây dựng từ năm 1822, để thờ hai vị tiên công của làng là Đỗ Độ và Đào Bá Lệ đã có công chiêu tập người về vùng bãi bồi của sông Bạch Đằng để khai khẩn, lấn biển lập nên xã Lương Quy vào năm 1434. Đình Lưu Khê thuộc thôn Lưu Khê, xã Liên Hoà, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh. Đình kết cấu theo kiểu chữ Đinh, các mảng chạm khắc ở đây mang đậm nét điêu khắc dân gian đình làng cuối thế kỷ 17 đầu thế kỷ 18 với hình rồng ngậm hạt ngọc, hình long quần vũ, long vờn mây, long, li, quy, phượng. Lễ hội Đình Lưu Khê diễn ra vào ngày 7 tháng giêng âm lịch cùng với lễ hội đền Thập Cửu Tiên Công.

#### *Đình Phong Cốc*

Đình Phong Cốc nằm ở trung tâm phường Phong Cốc trên đảo Hà Nam thuộc thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh, cách bến phà Chanh 5 km. Đình được xây dựng từ cuối thế kỷ 17, đầu thế kỷ 18 thờ Thành Hoàng làng và tứ vị Thánh Nương. Đây là một công trình kiến trúc được chạm khắc tinh xảo, thể hiện cảnh sinh hoạt rất sinh động trên gỗ. Đình Phong Cốc kiến trúc theo kiểu chữ “đình” (J) gồm bảy gian hai chái tiền đường, năm gian hai chái bái đường và hai gian hậu cung, với tổng chiều dài tới 35m và rộng 15m. Những cột cái của đình có chu vi hơn 1m. Tám hàng cột chính và hai hàng cột trái đỡ một hệ thống mái lợp ngói cổ, rộng tới trên 600m<sup>2</sup>, diềm mái lượn cong dần về hai góc mái hợp với đầu đao cong vút làm cho dáng đình thanh thoát, bay bổng. Hai cánh cửa chính bằng gỗ lim chạm hình rồng phượng bay trong mây. Qua nghệ thuật chạm khắc tinh xảo mà các nghệ nhân đã để lại trên các cột, các bẩy và đặc biệt là các cảnh sinh hoạt rất sinh động bằng gỗ cho thấy đây là một công trình được dựng lên trong thời kỳ rực rỡ của nền kiến trúc Việt Nam. Đình Phong Cốc vừa là điểm dừng chân hấp dẫn của du khách bốn phương và còn cung cấp nhiều tư liệu quý cho các nhà nghiên cứu về kỹ thuật chạm khắc từ xa xưa.

#### *Đình Quan Lạn*

Đình Quan Lạn là một ngôi đình cổ nằm trên một hòn đảo rất xa bờ, hiện còn lưu giữ pho tượng Trần Khánh Dư và 18 sắc phong của các vua triều Nguyễn phong cho Thành hoàng làng Trần Khánh Dư, thuộc xã đảo Quan Lạn, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh. Đình được xây dựng từ thời hậu Lê (khoảng thế kỷ 17) và được tu sửa nhiều lần vào thời Nguyễn để thờ thành hoàng làng là các vị Tiên Công đã có công lập ra xã Quan Lạn và thờ Trần Khánh Dư, một vị tướng giỏi thời nhà Trần. Đình xây theo kiểu chữ công, gồm 5 gian 2 chái tiền đường, 3 gian ống muống và 1 gian chái hậu cung. Đề tài trang trí chủ yếu ở đây là hình tượng rồng, phượng và hoa lá, được thể hiện với các sắc thái khác nhau trên mỗi bức cột, đầu bẩy, đầu dư, câu đầu, cửa võng. Đây là một chứng tích cho đời sống làng xã lâu đời của người dân.

#### *Đình Trà Cỏ*

Đình Trà Cỏ là một công trình kiến trúc độc đáo thể hiện qua nghệ thuật trạm khắc công phu, tinh xảo mang đậm nét văn hoá truyền thống dân tộc, thuộc phường Trà Cỏ, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh. Đình được xây dựng vào năm Quang Thuận thứ 2 (1462) và được sửa chữa nhiều lần về sau, nhưng vẫn giữ được những nét đặc trưng về phong cách kiến trúc và nghệ thuật chạm khắc như lúc khởi dựng. Đình thờ Thành hoàng làng là 6 vị Tiên Công người Đồ Sơn, Hải Phòng đã có công lập nên xã Trà Cỏ (nay là phường Trà Cỏ). Đình xây dựng theo kiểu chữ "đình" (J) gồm năm gian hai chái tiền đường và ba gian hậu cung. Đề tài trang trí ở đây rất phong phú và đa dạng như long, ly, quy, phượng, lưỡng long châu nguyệt, long hoá vân, cá chép hoá long, long mã, hổ phù, hoa văn dạng hoa lá, mây xoắn... Tất cả được thể hiện rất công phu, tài nghệ, mang đậm nét văn hoá cổ truyền của người Việt Nam. Diện tích xây dựng đình 05m<sup>2</sup>. Đình có 48 cột gỗ lim, cột cái cao 4,65m; chu vi 1,5m do các hiệp thợ ở Thanh Hoá dựng. Nóc đình hơi võng, bốn đầu đao uốn cong, các đầu bẩy mái hiên được chạm hình đầu rồng. Sân đình cao 0,40m. Hậu cung có diện tích khoảng 72m<sup>2</sup>. Tại đây có bức chạm bông sen ở giữa giải hoa vuông, trước hậu cung có tấm y môn bằng lụa điều thêu rồng phượng. Đình Trà Cỏ đã được Bộ Văn hoá Thông tin cấp bằng công nhận là di tích kiến trúc nghệ thuật.

#### *Đền Trà Cỏ*

Đền thờ tượng bà Thiên Hậu Thánh Mẫu, thuộc phường Trà Cỏ, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh. Đây là ngôi đền cổ xuất hiện cùng với đình Trà Cỏ, tương truyền là một pho tượng từ biển vào. Lúc đầu đền chỉ là một lán nhỏ trong rừng chầy, dần dần đền đã được tu bổ, trở nên khang trang và tọa lạc trên một khu đất rộng. Trong đền có một cây chầy cổ thụ có tuổi khoảng 700 năm. Đền có tiếng là linh thiêng nên hàng năm vào dịp lễ hội (ngày 23/3 âm lịch), đền thu hút rất đông du khách từ nhiều vùng đến tham dự.

#### *Làng chài Cửa Vạn*

Làng chài Cửa Vạn có 176 hộ gồm 733 nhân khẩu hầu hết đều sinh sống bằng nghề chài lưới thuộc xã Hùng Thắng, thành phố Hạ Long, cách bến tàu du lịch khoảng 20km. Làng nằm trong một vịnh biển lặng sóng, xung quanh là núi đá bao bọc có tên Vạn Giá - Cửa Vạn. Khu vực này là một địa điểm lý tưởng cho các loại tàu neo đậu.

Tất cả nhà ở của họ đều nổi trên biển nhưng rất khang trang sạch sẽ. Những gia đình khá giả có nhà lợp ngói trên những bè phao nổi, trong nhà có đủ tiện nghi như đài, ti vi, bàn ghế... Tiếng gọi nhau í ới, tiếng mái chèo khua nhộn nhịp làm xao động cả một vùng nước vốn tĩnh lặng trong vịnh. Những chiếc thuyền nan bé tí tẹo được điều khiển bằng những mái chèo xinh xắn lao đi vun vút, những khuôn mặt hớn hờ đến lớp cho bạn thấy cả một tương lai tươi sáng đang đến với xóm chài định cư trên biển này.

Làng chài Cửa Vạn hiện đang là điểm hấp dẫn thu hút khách du lịch nước ngoài. Hầu hết các tour thăm vịnh của các hãng du lịch đã chọn làng chài để đưa khách tới thăm.

#### *Lễ hội Bạch Đằng (Giỗ Trận)*

Lễ hội được tổ chức nhằm suy tôn các vị anh hùng dân tộc Ngô Quyền, Lê Hoàn, Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn đã có công chống giặc ngoại xâm với trận địa cọc gỗ trên sông Bạch Đằng. Ngô Quyền đã đánh tan quân Nam Hán - năm 938; Lê Hoàn - đánh thắng quân Tống - năm 981, Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn cùng các tướng lĩnh nhà Trần đánh thắng quân Nguyên Mông (1288). Lễ rước Đức Thánh Trần từ đền Bạch Đằng Linh Từ về đình Yên Giang, rồi quay về. Trò chơi ôn lại những chiến công hiển hách trên sông Bạch Đằng như đua thuyền chài, diễn xướng về chiến trận Bạch Đằng: lễ dâng lịch con nước triều, kế phát hoả, cắm cọc trên sông Bạch Đằng... Tại đền Trần Hưng Đạo, miếu Vua



Bà vào ngày chính hội (giỗ tháng trận mừng 8/4) gồm có: diễn trò tái hiện cuộc tập trận của quân dân nhà Trần, lễ tế, lễ rước tượng Trần Hưng Đạo, hội bơi truyền thống Bạch Đằng, diễn xướng truyền thống Bạch Đằng, đấu vật, cờ người... Lễ hội Bạch Đằng là hội lớn và thiêng liêng, nhiều vị lãnh đạo nhà nước đến dự. Lễ được tổ chức vào ngày 8/3 âm lịch hàng năm tại đền Trần Hưng Đạo - miếu Vua Bà và các đền đình khác thuộc thị xã Quảng Yên như Đình Yên Giang (phường Yên Giang); Đình Trung Bản (phường Liên Hoà); Đền Trung Cốc (phường Nam Hoà); Đình Điền Công (xã Điền Công).

#### *Lễ hội Yên Tử*

Yên Tử là trung tâm Phật giáo của nước Đại Việt thuở trước, nơi phát tích của thiền phái Trúc Lâm, tổ chức từ ngày 10 tháng giêng đến hết tháng 3 âm lịch, trên núi Yên Tử, phường Yên Công, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Du khách đến lễ hội chùa Yên Tử để được tách mình khỏi thế giới trần tục, thực hiện cuộc hành hương tôn giáo giữa thiên nhiên hùng vĩ.

Ca dao có câu:

*”Trăm năm tích đức, tu hành  
Chưa đi Yên Tử, chưa thành quả tu”*

Trong quần thể di tích Yên Tử hiện có 11 chùa và hàng trăm am tháp. Chùa Đồng ở trên đỉnh cao nhất (1.068m so với mặt nước biển). Du khách lên đến chùa Đồng cảm giác như đi trong mây (“nói cười ở giữa mây xanh” - Nguyễn Trãi). Yên Tử có ngọn tháp cổ cao ba tầng bằng đá, niên đại ”Cảnh Hưng thập cửu niên - 1758”, khu Tháp Tổ ở Yên Tử gắn liền với những sự tích huyền thoại về ông vua nhà Trần và phái Thiền Trúc Lâm. Lên đến đỉnh cao sau khi thấp nén nhang, ai nấy đều cảm thấy như mình đang đứng giữa trời, lòng lâng lâng thoát tục. Khi trời quang mây tạnh, từ nơi đây có thể phóng tầm mắt dõi nhìn khắp vùng Đông Bắc.

#### *Nghề thủ công mỹ nghệ gốm sứ*

Cách đây trên dưới 4.500 năm, những đồ gốm sứ Hạ Long đã nổi tiếng bởi kiểu dáng, hoa văn trang trí hình sóng nước, hình móc câu, hình quả trám và hoa văn tro thừng. Đó là các loại men chảy, men tổng hợp, các họa tiết hoa văn trang trí khéo léo, sinh động... Sản phẩm gốm sứ Quảng Ninh được khách hàng ưa chuộng, đã có mặt ở nhiều nước trên thế giới: Pháp, Italia, Nga, Hồng Kông, Trung Quốc. Trung Quốc vốn là nước có bề dày và nổi tiếng về gốm sứ, nhưng gốm sứ Quảng Ninh vẫn có chỗ đứng trong thị trường Trung Quốc bởi sự độc đáo của nó.

#### *Nghề nuôi cấy Ngọc Trai*

Nghề nuôi cấy Ngọc trai ra đời cách đây khoảng 40 năm thuộc huyện đảo Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh. Ở đây có rất nhiều các loại trai quý và có giá trị xuất khẩu cao như: trai Mã Thị, trai Võ Dày, trai Cánh Dài và loài Jamson. Đây được xem là làng nghề nuôi cấy ngọc trai trên biển đầu tiên của vùng Đông Bắc Việt Nam thuộc huyện đảo Vân Đồn, cách thành phố Hạ Long khoảng 60km. Huyện đảo Vân Đồn có diện tích các bãi triều ngập nước là 10.969ha, cùng hàng vạn ha đất có mặt nước tại các vụng, tùng, vịnh... ẩn khuất trong trùng điệp núi đá, núi đất thuộc vịnh Bái Tử Long là những nơi lý tưởng để phát triển nghề này. Vân Đồn là nơi tập trung tới bốn loài trai ngọc có giá trị, gồm trai Mã Thị, trai Võ Dày, trai Cánh Dài và loài Jamson. Đây là những loài trai ngọc rất quý và có giá trị xuất khẩu cao. Với diện tích mặt nước hàng vạn ha, cùng với khí hậu, môi sinh rất thuận lợi cho việc nuôi trai cấy ngọc, tạo nên một vùng nuôi cấy ngọc trai rất lớn ở Vân Đồn. Khi đến Vân Đồn, du

khách có dịp tới thăm các "ngư trường" nuôi trai cấy ngọc trên biển của "làng" trai ngọc Vân Đồn. Dưới ánh nắng ban mai lấp lánh những giàn phao, lưới lồng nhấp nhô trải dài theo con sóng, chắc bạn sẽ cảm thấy ngỡ ngàng, thích thú bởi cảnh vật nơi này.

Ngày xưa, nghề nuôi trai, cấy ngọc được làm theo phương pháp thủ công. Lồng nuôi trai, cấy ngọc được treo lên đầu sào tre, số lượng ít, hiệu quả kinh tế không cao. Ngày nay nhờ áp dụng kỹ thuật nuôi trai lồng bè với phao dây theo phương pháp khoa học kỹ thuật tiên tiến như treo lồng ở độ sâu không quá 2,5m để khi triều rút, lồng nuôi không được nổi lên mặt nước biển hoặc không được chạm đáy, loài khác sẽ ăn trai hoặc con trai sẽ hớp phải bùn... Một phương pháp nữa cũng được áp dụng, đó là ghép bè thành giàn bằng các cây tre dài và thẳng, diện tích vài trăm mét vuông/khu, mỗi lồng cách nhau 0,5m. Những bè nuôi như vậy có thể nuôi trai theo nhiều lứa tuổi, việc di chuyển chăm sóc trai cũng dễ dàng hơn.

#### *Nghề mỹ nghệ than đá*

Nghề thủ công mỹ nghệ bằng than đá ở Quảng Ninh đến nay đã trở thành một nghề thủ công truyền thống khá nổi tiếng. Sản phẩm mỹ nghệ bằng than đá ngày càng được đông đảo khách trong nước và quốc tế ưa thích bởi vẻ đẹp và sự độc đáo về chất liệu, tính thẩm mỹ và bàn tay khéo léo của người thợ thủ công tài hoa. Từ những cục than bình thường, qua con mắt và bàn tay người thợ đã trở thành sản phẩm hàng hoá có giá trị thẩm mỹ và giá trị kinh tế rất lớn. Có sản phẩm trị giá một vài chục ngàn đồng, có sản phẩm trị giá vài triệu đồng. Kiểu loại cũng rất phong phú, đa dạng từ những con trâu, con nai, gạt tàn thuốc lá quen thuộc trước đây, đến những tác phẩm điêu khắc đạt trình độ cao. Nơi đây vừa trở thành những địa chỉ tham quan du lịch hấp dẫn vừa góp phần bảo tồn và phát huy truyền thống bản sắc văn hoá vùng công nghiệp mỏ, đồng thời tạo thêm mặt hàng xuất khẩu có giá trị cao.

#### *Đảo Đầu Bê*

Đảo Đầu Bê cách đảo Hang Trai 500 m về phía đông, nằm ở phía đông nam vịnh Hạ Long cách cảng tàu du lịch Bãi Cháy khoảng 28 km, trong một quần đảo nằm ở tuyến ngoài vịnh Hạ Long (cửa biển vịnh Lan Hạ), đứng giữa hai đảo là hòn Trà Ngư và hòn Đá Lẻ. Đảo có diện tích 22.863 m<sup>2</sup> với đỉnh cao nhất 139 m, vách đảo dựng đứng như bức tường thành chắn những con sóng lớn từ phía đông đổ vào vịnh. Những núi đảo được thiên nhiên mài gọt tạo nên nhiều cảnh đẹp kỳ thú. Nhắc đến đảo Đầu Bê không thể không nói đến hồ Ba Hầm vì đây là một điểm tham quan du lịch nổi tiếng đã được nhiều người biết đến từ xưa.

#### *Đảo Đầu Gõ*

Đảo Đầu Gõ xưa còn có tên là đảo Canh Độc, nằm ở phía tây nam vịnh Hạ Long cách bến tàu du lịch 4km. Sách Đại Nam nhất thống chí ghi: Đảo Canh Độc có hang rộng rãi, chứa hàng ngàn người, gần đó là hòn cặp Gà, hòn La, hòn Mèo,... Sau này khi hang Đầu Gõ được nhiều người biết đến nên gọi tên đảo theo tên hang Đầu Gõ. Đảo Đầu Gõ có đỉnh cao 189 mét, nhìn từ xa, dáng đảo giống một chiếc ngai vàng ôm trọn lòng mình một trũng biển xanh, dãy đảo có 3 hành động to và đẹp vào hạng nhất Vịnh Hạ Long đó là hang Đầu Gõ, được mệnh danh là động của các kỳ quan, động Thiên Cung to đẹp bề thế nhất Vịnh hạ Long, động Thiên Long là một di chỉ khảo cổ học thuộc nền văn hoá Hạ Long thời kỳ hậu đồ đá mới rất có giá trị và vừa được phát hiện trong những năm gần đây. Phía tây đảo là khu vực Ba Hang đẹp như hồ Ba Hầm vậy, đây cũng là khu sinh sống của người dân vịnh Hạ Long. Đảo núi ở đây vách dựng đứng như bức tường thành phong cảnh sơn thủy hữu tình, trên đảo hiện có rất nhiều loài muông thú sinh sống như chim, bò sát, đặc biệt nơi đây có giống khỉ lông vàng sống thành bầy đàn từ 10-15 con. Những hôm đẹp trời chúng xuống

tận chân đảo kiếm ăn. Phía trong trũng biển là rừng cây ngập mặn xanh tốt, nơi đây là điểm quần cư của các loài chim biển, động thực vật đáy, sò, ngán...

#### *Đảo Bồ Hòn*

Đảo Bồ Hòn nằm trong Vịnh Hạ Long có phong cảnh tuyệt đẹp trong những dãy đảo lớn nhất vịnh Hạ Long, tập trung nhiều hang động nổi tiếng. Tại đảo Bồ Hòn có nhiều hang động nổi tiếng như: động Sừng Sốt, hang Luồn, hồ Động Tiên, hang Trinh Nữ, hang Trống... Nơi đây có những đỉnh núi cao, vách đá dựng đứng như bức tường thành, núi liền núi, vẽ lên mặt biển xanh một bức tranh thủy mặc không lồ tuyệt mỹ. Người Pháp gọi đảo này là đảo *Les surprises* (đảo Sừng Sốt). Trên đảo là nơi sinh sống của rất nhiều loài thực vật như si, vạn tuế, phong lan... Động vật có khí, hươu, sơn dương... Nhưng có lẽ đảo Bồ Hòn được nhiều người biết đến chính là nhờ hệ thống hang động ẩn chứa trong mình, mỗi hang mang một vẻ đẹp kỳ diệu riêng, đồng thời gắn liền với những câu chuyện truyền thuyết rất cảm động.

#### *Đảo Cống Đỏ*

Đảo Cống Đỏ có diện tích 23.363km<sup>2</sup> với đỉnh núi cao 172m, nằm ở phía đông nam vịnh Hạ Long, cách cảng tàu du lịch Bãi Cháy 25km, thuộc vịnh Bái Tử Long, trong khu vực Di sản thiên nhiên thế giới. Đây là một trong những hòn đảo đẹp có nhiều trũng biển quanh co uốn khúc, tạo nên những hồ tự nhiên kỳ thú, là nơi sinh sống của nhiều loài sinh vật biển như tôm, cua, cá, mực, rong, tảo... Biển phía tây nam của đảo có rạn san hô rộng lớn với muôn ngàn sắc màu Hệ sinh thái rạn san hô ở đây dài tới hơn 700m, chiều ngang tới 300m với nhiều loài san hô quý hiếm như san hô đỏ, san hô sừng... Rạn san hô nơi đây được bảo tồn hầu như nguyên vẹn, có các loài cá cảnh, cá ngựa... cùng sinh sống quần tụ. Trong tương lai nơi đây sẽ phát triển thành khu du lịch sinh thái ngầm. Phía đông nam đảo còn lưu dấu vết của di tích thương cảng cổ Vân Đồn xưa, tuy mờ nhạt nhưng điều đó khẳng định đảo Cống Đỏ xưa kia giữ vị trí quan trọng trong thương mại, buôn bán với nước ngoài.

#### *Đảo và bãi tắm Ngọc Vũng*

Đảo Ngọc Vũng là đảo đất rộng 12km<sup>2</sup>, có người ở, có bến cảng cổ Cống Yên thuộc hệ thống thương cảng cổ Vân Đồn từ thế kỷ XI, có di tích thành cổ nhà Mạc và nhà Nguyễn thuộc huyện Vân Đồn cách cảng tàu du lịch 34km. Xung quanh đảo có nhiều bãi biển đẹp, có núi Vạn Xuân cao 182m, có di chỉ khảo cổ thuộc văn hoá Hạ Long rộng 45.000m<sup>2</sup>. Trước kia người dân trên đảo có nghề khai thác ngọc trai dưới đáy biển. Ngọc trai ở đây nổi tiếng là đẹp và sáng, người xưa đồn rằng vào ban đêm tàu thuyền từ xa thường nhìn thấy cả ánh hào quang của trai biển trong một vùng sáng quanh đảo, vì thế mà có cái tên là Ngọc Vũng. Ngày nay ở quanh vùng này người ta vẫn còn mò trai lấy ngọc, đồng thời nghề nuôi trai lấy ngọc cũng đang phát triển mạnh ở đây. Từ trên tàu du lịch, các bạn có thể nhìn thấy các trại nuôi trai dập dềnh trên mặt biển. Nằm ở phía nam của đảo là bãi tắm Ngọc Vũng, với bãi cát dài khoảng 3km vàng óng dưới ánh mặt trời. Đến đây du khách được tắm biển, được ngắm cảnh. Hải sản ở đây tươi ngon và rẻ, được cung cấp bởi những người dân chài địa phương.

#### *Đảo và bãi tắm Ti Tốp*

Đảo Ti Tốp này được Bác Hồ đặt theo tên của nhà du hành vũ trụ Giéc Man Ti Tốp người Nga, nhân dịp Bác cùng ông tới thăm vịnh Hạ Long vào năm 1962. Hòn Ti Tốp nằm cách hang Bồ Nâu chừng 1km về phía bắc, là hòn núi có bờ dốc đứng, một bờ nghiêng với một bãi cát trắng, phẳng ngay dưới chân. Các tàu du lịch thường ghé vào đây. Du khách lên bờ để tắm biển hoặc leo lên một chiếc lầu ở lưng chừng và một chiếc khác ở trên đỉnh núi để ngắm cảnh từ trên cao.

Bãi tắm Ti tốp có hình vàng trắng ôm tròn lấy chân đảo, bãi cát tuy nhỏ nhưng rất thoáng đãng và yên tĩnh, bốn mùa nước sạch và trong xanh. Hiện nay tại bãi tắm này đã có một quầy bar, có dịch vụ cho thuê áo tắm, phao bơi, tắm nước ngọt. Có dịch vụ cho thuê mô tô nước, dù bay. Nước ngọt được Ban Quản lý Vịnh cho vận chuyển từ đất liền ra. Bãi tắm này hiện đang thu hút rất nhiều khách ra tắm biển và thăm đảo.

#### *Đảo và bãi tắm Tuần Châu*

Đảo Tuần Châu cách cảng tàu du lịch Bãi Cháy 4km về phía tây nam, thuộc vịnh Hạ Long, là một đảo đất rộng gần 3km<sup>2</sup>, gần bờ có làng mạc, dân cư thưa thớt. Năm 2001, một con đường lớn đã được xây, nối đảo với đất liền. Hiện nay có một tổ hợp dịch vụ: vui chơi, biểu diễn hoành tráng vào loại nhất miền Bắc, một quần thể khách sạn, nhà hàng, bãi tắm sang trọng đã đưa vào phục vụ góp phần làm thay đổi bộ mặt của Hạ Long trong năm Du lịch 2003. Bãi tắm Tuần Châu tắm đẹp nằm ở khu du lịch đảo Tuần Châu cách cảng tàu du lịch khoảng 8km, đây là một bãi tắm nhân tạo với thảm cát trải dài 2km. Có khu vui chơi giải trí, thể thao, và nhiều hoạt động du lịch. Tới khu du lịch đảo Tuần Châu, sau khi tắm biển du khách có thể ngắm cảnh, tham gia các hoạt động vui chơi giải trí, thể thao, như leo núi, cắm trại trên khu du lịch sinh thái đồi thông hoặc nghỉ ngơi trong các nhà nghỉ từ sang trọng đến bình dân, xem biểu diễn của cá heo, sử tử biển, thăm công viên nhạc nước...

#### *Bãi Cháy*

Bãi Cháy là một bãi tắm nhân tạo với bãi cát dài hơn 500m, rộng 100m. Theo truyền thuyết xưa, Bãi Cháy chính là nơi đoàn thuyền lương của quân Nguyên Mông do Trương Văn Hổ cầm đầu vào xâm lược Việt Nam đã bị Trần Khánh Dư cùng quân dân nhà Trần thiêu cháy và bị dạt vào bờ. Do nhiều thuyền giặc bị cháy, gió Đông Bắc lại thổi tạt lửa vào bờ phía tây Cửa Lục làm cháy luôn khu rừng đang xanh tươi. Khu rừng bị cháy đó thành Bãi Cháy ngày nay.

Một truyền thuyết dân gian lại cho rằng trước đây tàu thuyền thường neo đậu vào bãi biển phía tây Cửa Lục. Dưới đáy và bên sườn thuyền thường có con hà bám vào rất chắc có thể ăn hỏng thuyền vì thế dân chài phải lấy lá phi lao đốt xung quanh.

Từ bên phía Hòn Gai và các nơi khác nhìn vào đó luôn luôn thấy lửa cháy rực lên nên gọi nơi này là Bãi Cháy. Bãi Cháy quanh năm đón gió biển từ ngoài vịnh thổi vào. Đặc điểm địa hình là một dải đồi thấp chạy thoải thoải về phía biển, kéo dài hơn 2km ôm lấy hàng thông cổ thụ, nằm xen là những khách sạn, những biệt thự nhỏ kiến trúc riêng biệt. Tắm biển xong du khách có dịp thưởng thức các món đặc sản chế biến từ hải sản.

#### *Động Thiên Cung*

Động Thiên Cung là một trong những hang động đẹp nhất ở Hạ Long nằm ở phía bắc đảo Đầu Gỗ, cách cảng tàu du lịch 4km về phía nam. Hang rộng, có nhiều cấp nhiều ngăn với vô vàn nhũ đá, măng đá mang những hình thù kỳ lạ. Hang này nằm ngay gần hang Đầu Gỗ, cửa hang ở trên độ cao 25m. đây là một hang động vào loại đẹp nhất ở Hạ Long mà con người biết tới. Hang rộng gần 10.000m<sup>2</sup> có cấu trúc rất phức tạp, gồm nhiều cấp, nhiều ngăn với các trần và bờ vách rất cao, rộng. Đặc biệt trong hang, ở đâu đâu ta cũng thấy vô vàn các khối nhũ, măng đá với các hình dáng kì lạ. Vì vậy người ta đã hình dung ra cả một huyền thoại về cuộc tình và sự chia tay của Rồng bố, Rồng mẹ đã diễn ra trên vách đá hoặc nghĩ rằng đây là hình ảnh của các mê cung của Hoàng đế Ba Tư trong chuyện *Nghìn lẻ một đêm*.

#### *Động Tam Cung*

Động Tam Cung nằm trên đảo Mây Đền - một hòn đảo nằm gần như tách biệt với các đảo khác và cách động Sừng Sốt 5km về hướng đông bắc. Động có 3 ngăn, luôn lách qua

từng khe đá, nhiều nhũ đá có hình người, hoa và các con vật rất đẹp, sống động với hòn Mây Đền vách đá dựng đứng chênh vênh, rừng cây xanh tốt. Ở cả ba ngăn động, nhũ đá tạo ra những hình thù tự nhiên sống động như tiên ông với chòm râu bạc phơ, ba ông tam đa trầm mặc, nụ hoa quỳnh trắng muốt, rồi nào là hình sư tử, hải cẩu, tượng thủy thần... Vào ngăn thứ nhất, bất chợt ta dừng bước lắng nghe đâu đó vang lại những âm thanh như tiếng đàn T'rung hoặc đàn đá thánh thót. Chưa hết ngạc nhiên, du khách bỗng gặp một "ông tiên" đang chống gậy leo núi, chòm râu trắng phơ bay trong gió. Và đây nữa, ba "ông tam đa" đang đứng trầm mặc trên vách động nhìn cảnh trần xuôi ngược. Từ trần động một nhũ đá giống hệt nụ hoa quỳnh trắng muốt đang chúm chím nở giữa rừng hoa nhũ đá. Từ ngăn thứ nhất đến ngăn thứ hai qua một khe cửa nhỏ, bước đi gặp ghềnh, nơi đây như là một bảo tàng tự nhiên sống động, nào là sư tử đá, hải cẩu, tượng thủy thần... Và chính giữa ngăn thứ hai là một dòng suối tiên quanh năm nước ngọt tràn trề, hai bên vách động là những bức rèm đá buông rủ từ trần xuống thướt tha, tất cả dường như đang lay động. Đến ngăn trong cùng du khách sẽ được xem một bức phù điêu hoành tráng trên đó chạm trổ những hình thù kỳ dị nhưng lại rất công phu, tầng tầng lớp lớp trong một chỉnh thể chung cân đối, hài hoà, những bông hoa, gậy trúc xinh xắn, những bức rèm đá tự nhiên, những chú voi hiền từ đang ngủ...

#### *Khu di tích danh thắng Yên Tử*

Khu di tích danh thắng Yên Tử thuộc phường Thượng Yên Công, TP. Uông Bí, là một quần thể chùa, am, tháp, tượng, rừng cây cổ thụ và cảnh vật thiên nhiên nằm rải rác từ dốc Đồ theo chiều cao dần đến đỉnh núi. Khu di tích danh thắng Yên Tử là một quần thể chùa, am, tháp, tượng, rừng cây cổ thụ. Là cái nôi của Thiền phái Trúc Lâm từ cuối thế kỷ 13. Nằm trong cánh cung núi trùng điệp của khu Đông Bắc, đỉnh núi Yên Tử có chùa Đồng ở độ cao 1.068m so với mặt nước biển. Từ xưa, núi rừng Yên Tử đã nổi tiếng là nơi ngoạn mục và được liệt vào *Danh sơn đất Việt*. Ngay từ thế kỷ thứ 10, đạo sĩ Yên Kỳ Sinh đã đến tu hành và đắc đạo ở đây, nhưng Yên Tử chỉ thực sự nổi tiếng khi Vua Trần Nhân Tông - một ông vua đang thời thịnh trị (cuối thế kỷ 13) đã từ bỏ ngai vàng đến đây tu hành, nghiên cứu Phật pháp và trở thành vị Tổ thứ nhất của Thiền phái Trúc Lâm với Phật danh Điều Ngự Giác Hoàng; Vị Tổ thứ hai và thứ ba kế tục sự nghiệp của ông là Pháp Loa Đồng Kiên Cương và Huyền Quang Lý Đạo Tái. Từ đó, Yên Tử trở thành kinh đô tư tưởng của Phật giáo Việt Nam, đánh dấu sự phát triển triết học và tư tưởng của dân tộc đương thời. Ngày nay qua nhiều thăng trầm, các di tích còn lại ở Yên Tử đã tìm thấy gồm 11 chùa và hàng trăm am, tháp, bia, tượng, hội tụ của nhiều phong cách kiến trúc, điêu khắc của các thời đại. Hiện nay hệ thống cáp treo ở Yên Tử đã đi vào hoạt động, đưa du khách tới chùa Hoa Yên ở độ cao 534m so với mực nước biển, nơi có hai cây đại 700 năm tuổi. Quần thể di tích Yên Tử nằm gần đường 18A, cách thị xã Uông Bí 14km và là một điểm du lịch rất hấp dẫn

#### *Khu du lịch đảo Cống Tây*

Đảo Cống Tây nằm ở vịnh Bái Tử Long, cách Cảng tàu du lịch Bãi Cháy khoảng 40km được ví như nàng Lọ Lem trong câu chuyện thần thoại. Công ty Cảng và Xây dựng than Cẩm Phả đã xây dựng thành khu du lịch cuối tuần phục vụ khách tham quan và nghỉ ngơi. Tàu thường chạy từ Cẩm Phả ra đảo khoảng 90 phút, tàu cao tốc khoảng 30 phút. Một hệ thống nhà nghỉ, nhà ăn đủ tiện nghi phục vụ khách du lịch nằm sát bãi biển. Từ nhà nghỉ tới bãi tắm là một hệ thống đường lát gạch đỏ au, hai bên là những hàng dừa thẳng tắp. Đó đây, dưới các tán cây đã mắc sẵn võng, du khách có thể đến thư giãn, ngắm biển, đọc sách. Hiện nay Cống Tây đã và đang trở thành điểm du lịch khá hấp dẫn khách du lịch. Hệ thống

nhà nghỉ tiếp tục được nâng cấp, sửa sang khang trang cùng với hệ thống dịch vụ ngày càng được hoàn thiện hơn để đáp ứng nhu cầu của du khách.

### *Móng Cái - Trà Cổ*

Thành phố Móng Cái nằm ở bên dòng sông Ka Long xinh đẹp, cách thành phố Hạ Long khoảng 180km. Thành phố Móng Cái có cửa khẩu quốc tế Bắc Luân nối với tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc. Chợ cửa khẩu Móng Cái là nơi diễn ra các hoạt động thương mại kinh tế, giao lưu văn hoá giữa hai tỉnh Quảng Ninh - Quảng Tây và hai nước Việt Nam - Trung Quốc. Bên cạnh chức năng giao lưu kinh tế, cửa khẩu còn là cầu nối các trung tâm du lịch lớn giữa Việt Nam và Trung Quốc. Trà Cổ cách Móng Cái 7km đường bộ có khí hậu mát mẻ, trong lành, không gian thoáng đãng, tĩnh mịch. Ở đây có những đình, chùa, nhà thờ cổ kính, bãi tắm rộng và bằng phẳng, cát mịn và chắc, chạy dài tới 17km, được xếp vào những bãi tắm đẹp nhất ở Việt Nam. Hàng năm bãi tắm Trà Cổ thu hút hàng nghìn du khách tắm biển. Cách bãi tắm không xa có những cồn cát cao 3 - 4 m, những làng chài êm đềm, rừng phi lao xanh mướt và một hệ sinh thái rừng ngập mặn phong phú. Lễ hội đình Trà Cổ hàng năm diễn ra tưng bừng từ ngày 30 tháng 5 đến ngày 6 tháng 6 (âm lịch) thu hút khách trải hội từ nhiều địa phương trong và ngoài nước. Móng Cái - Trà Cổ một trung tâm thương mại - du lịch vùng biên sầm uất nhưng không mất đi vẻ đẹp cổ kính nên thơ.

### *Vườn quốc gia Bái Tử Long*

Vườn quốc gia Bái Tử Long nằm trong quần thể vịnh Bái Tử Long, thuộc huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh, cách Hà Nội gần 200km về phía đông bao gồm hệ sinh thái biển với diện tích mặt biển chiếm 2/3 diện tích vườn quốc gia và là nơi lưu giữ nhiều mẫu gen động thực vật quý hiếm nhiều loài được ghi vào sách đỏ.

Với tổng diện tích 15.783 ha, trong đó diện tích rừng và đất rừng là 6.125 ha với hơn 40 hòn đảo lớn nhỏ và 9.650ha diện tích mặt nước biển, vụng áng, bãi triều ngập nước. Trong đó khu sinh thái đảo Ba Mùn, xã Minh Châu là vùng lõi của vườn quốc gia. Các loài động thực vật sinh sống trong vườn rừng và vùng biển tại khu vực Vườn Quốc gia Bái Tử Long rất phong phú, quý hiếm, có giá trị cao về bảo tồn nguồn gen. Theo khảo sát Vườn Quốc gia có trên 178 loài thực vật thủy sinh 119 loài cá, 132 loài động vật không xương sống, 106 loài san hô trú ngụ, sinh trưởng tại vùng biển, bãi triều, vụng áng và hàng chục loài chim săn mồi đặc hữu như: diều hâu Miến Điện, chim ưng Nhật Bản, diều hâu đen, chích chòe lửa, bìm bịp lớn, đớp ruồi Hải Nam... Cấu tạo địa chất của Vườn quốc gia Bái Tử Long bao gồm những đảo đất nằm xen kẽ với đảo đá như: Ba Mùn, Trà Ngộ Lớn, Trà Ngộ Nhỏ, Sâu Nam, Sâu Động, Đông Ma, Hòn Chính, Lò Hố, Máng Hà Nam, Máng Hà Bắc, Di To, Chày Cháy, Đá Ấy, Soi Nhụ, có những dãy núi đá vôi vây quanh những thung lũng rộng lớn tạo thành những thung áng tạo ra môi trường sống phong phú của nhiều loại động thực vật khác nhau. Nổi bật là Thung áng Hang Dơi nằm ở khu vực Cái Lim, thuộc đảo Trà Ngộ Lớn, đây là khu rừng ngập mặn rộng khoảng 10ha, địa hình của thung áng Hang Dơi là không trực tiếp tiếp xúc với nước biển. Nước biển chảy qua những hang ngầm hay những khe hốc đá, cộng với nước ngọt chảy trên sườn núi xuống tạo ra sự đa dạng của các loài động thực vật. Ở đây có nhiều loài sinh sống như ếch, nhái, rắn, xen kẽ với những loài nước mặn như tôm, ngán, sam... Nằm ở phía cuối rừng ngập mặn này là Hang Dơi, đây là nơi trú ngụ của hàng ngàn con dơi. Hiện tại Hang Dơi còn là nơi cư trú cho nhiều loài động vật như dái cá, cầy, cáo. Đặc biệt là loài khỉ xuất hiện khá nhiều, bao gồm giống khỉ ức trắng lông vàng sống tồn tại tự nhiên ở đây.

Đây còn là khu bảo tồn về cảnh quan thiên nhiên, bảo tồn văn hóa lịch sử với các di chỉ khảo cổ như hang Soi Nhụ nơi phát hiện sự tồn tại của người Việt cổ cách đây khoảng 14 nghìn năm với dấu tích một thương cảng Vân Đồn sầm uất trước đây. Nằm trong quần thể Vườn quốc gia Bái Tử Long có xã Minh Châu, nơi sở hữu bãi biển tự cát trắng mịn dài khoảng 2 km được đánh giá là một trong những bãi biển đẹp nhất Vịnh Bắc Bộ. Phía trên bãi biển là khu rừng tràm nguyên sinh trải dài trên diện tích 14ha rất phù hợp với phát triển du lịch sinh thái.

#### *Công viên Hoàng Gia*

Khu công viên Quốc tế Hoàng Gia là một khu vui chơi giải trí liên hợp, diện tích khoảng 8 ha, nằm dọc theo bãi biển Bãi Cháy, chạy dài từ Cảng tàu du lịch Bãi Cháy đến sát khu chợ đêm Hạ Long. Tại đây có các nhà hàng chuyên phục vụ các món ăn Âu, nhà hàng chuyên các món ăn Trung Quốc, nhà hàng Cơm Việt Nam với các món ăn đặc sản biển. Dịch vụ vui chơi giải trí rất đa dạng: bãi tắm tự do bằng cát nhân tạo, chiều dài khoảng 400m; quán giải khát; trung tâm dịch vụ tắm biển; trạm cấp cứu; khu công viên có: vườn chim thú quý, vườn hoa lan, bãi bắn cung, xương rồng cảnh, tàu lắc cảm giác mạnh, nhà ma, sàn nhảy disco, phòng karaoke, ô tô điện tử, phòng tranh mỹ thuật; khu biểu diễn có: sân khấu ngoài trời, biểu diễn múa rối nước và ca múa nhạc dân tộc; bảo tàng; cầu tàu du lịch để đón và đưa khách thăm vịnh...

Cách Cảng tàu du lịch Bãi Cháy khoảng 400m là đảo Rều - khu du lịch sinh thái hấp dẫn, nhiều loài chim thú quý hiếm: trăn, đà điểu, ngựa lùn...; cá biển, cây cảnh; nhiều dịch vụ du lịch: nhà hàng, bar ngoài trời. Công viên sẵn có ca nô đưa bạn ra đảo tại cầu tàu ở đây. Trong tương lai, Công ty liên doanh quốc tế Hoàng Gia (Đài Loan) tiếp tục đầu tư xây dựng tại khu công viên này nhiều hạng mục công trình để phục vụ du khách đến với Hạ Long.

#### **7.2.7. Các tuyến du lịch nội vùng thành phố Hải Phòng**

Thành phố Hải Phòng có diện tích là 1.522,1 km<sup>2</sup>, dân số toàn tỉnh là 1.857,8 nghìn người (2010), các quận Hồng Bàng, Ngô Quyền, Lê Chân, Kiến An, Hải An, Dương Kinh, Đồ Sơn và các huyện như Thủy Nguyên, An Dương, An Lão, Kiến Thụy, Tiên Lãng, Vĩnh Bảo, Cát Hải, Bạch Long Vĩ. Thành phố có các dân tộc sinh sống như Việt (Kinh), Hoa, Tày, Nùng...

*Điều kiện tự nhiên:* Thành phố biển Hải Phòng, một trong những trung tâm du lịch lớn của Việt Nam, nằm bên bờ biển Đông - Thái Bình Dương; phía bắc giáp tỉnh Quảng Ninh, phía đông giáp biển Đông, phía tây giáp tỉnh Hải Dương, phía nam giáp tỉnh Thái Bình. Hải Phòng nằm trong khu vực nhiệt đới gió mùa, nhiệt độ trung bình 23°C - 24°C, lượng mưa hàng năm 1.600 - 1.800mm, quanh năm thời tiết ẩm áp, bốn mùa cây trái xanh tươi. Hải Phòng có một cảng biển lớn nằm trên đường hàng hải quốc tế Đông - Tây, Bắc - Nam. Là một đầu mối giao thông quan trọng với hệ thống giao thông thủy có tuyến tàu thủy Hải Phòng - Hạ Long - Cát Bà - Móng Cái; đường bộ cách Hà Nội 102km theo quốc lộ 5. Hải Phòng nằm trong trục đường quốc lộ 10 Thái Bình - Hải Phòng - Quảng Ninh; đường sắt đều có các chuyến tàu Hà Nội - Hải Phòng - Hà Nội hàng ngày; hàng không có chuyến bay Tp. Hồ Chí Minh - Hải Phòng

*Tiềm năng phát triển du lịch:* Với di chỉ khảo cổ Cái Bèo (Cát Bà) chứng tỏ mảnh đất này cách đây trên 6.000 năm đã có người sinh sống. Hiện nay, Hải Phòng còn giữ được nhiều di tích lịch sử, nhiều danh lam thắng cảnh, nhiều đền, chùa, lăng miếu và lễ hội Chọi trâu, một lễ hội độc đáo, nổi tiếng của Đồ Sơn. Hải Phòng nằm trong tuyến du lịch Hà Nội - Hải Phòng - vịnh Hạ Long. Hải Phòng có khu nghỉ mát Đồ Sơn vươn ra biển tới 5km. Từ

Đồ Sơn bằng tàu cao tốc, du khách có thể tới thăm đảo và vườn quốc gia Cát Bà, thăm vịnh Bái Tử Long và vịnh Hạ Long (Quảng Ninh).

### **Các điểm tham quan du lịch thành phố Hải Phòng**

#### *Chùa Dư Hàng*

Chùa Dư Hàng (tên chữ là Phúc Lâm tự) tọa lạc ở số 121 phố Dư Hàng, phường Hồ Nam, quận Lê Chân, được xây dựng từ thời Tiền Lê (980-1009) theo kiến trúc cổ với tam quan, Phật điện, nhà Tổ, nhà thờ Mẫu, nhà phương trượng, tầng xá. Chùa Dư Hàng là ngôi danh lam cổ tự bậc nhất Hải Phòng.

Cuối thời Vua Lê Đại Hành đã có vị sư tổ đến đây thuyết pháp, khai sáng giáo lý nhà Phật. Đến thời Trần (1225-1400), các vị sư tổ thiền phái Trúc Lâm Yên Tử do Trần Nhân Tông sáng lập cũng đã có mối quan hệ với chùa. Vào các đời Vua Lê Gia Tông (năm 1672) và Vua Thành Thái nhà Nguyễn (năm 1899), chùa được trùng tu lại, bổ sung thêm gác chuông. Năm 1917, chùa được xây thêm thư các, vườn tượng, sửa sang vườn tháp và kiến trúc chùa được duy trì cho tới ngày nay.

Chùa Dư Hàng có kiến trúc theo kiểu chữ “Đinh”, hai bên là nhà tổ, đằng trước có tam quan rất đẹp. Qua tam quan chùa sẽ tới tòa Phật điện 7 gian với những hàng cột lim lớn đã ngả màu. Bên trong tòa Phật điện được trang trí bởi nhiều bức hoành phi, câu đối, cửa võng sơn son, thếp vàng rực rỡ. Gian tiền đường của tòa Phật điện được trang trí bằng nhiều mảng chạm khắc nổi trên cửa võng với nhiều mảng đề tài quen thuộc mang phong cách nghệ thuật triều Nguyễn cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20 như: mai điều, ngũ phúc, rồng mây, hộp hình khắc gỗ mô tả cảnh thầy trò Đường Tăng trên đường sang Tây Trúc thỉnh kinh. Tại đây hiện còn lưu giữ được nhiều pho tượng Phật cổ có giá trị với tạo hình chuẩn xác và kỹ thuật tinh xảo như: bộ Tam thế, tòa Cửu long - Thích ca sơ sinh, hộ thiện, trừ ác, bộ tượng “Thập điện minh vương”, tượng Hộ Pháp, tượng Trúc Lâm Tam Tổ...

Chùa có một gác chuông 5 gian 3 tầng, mái đao cong vút, bên trong treo một quả chuông đồng cỡ lớn có đề chữ “Phúc Lâm tự chung” (chuông chùa Phúc Lâm). Từ gác chuông qua 1 cái sân rộng, bên phải là 5 gian nhà Tổ, nhà thọ trai, nhà ngang và bên trái là 5 gian nhà hậu sẽ tới Tiền đường 7 gian dựng theo kiểu vì kèo giá chiêng. Ở sân trước Tiền đường có đặt một đỉnh lớn bằng đồng hun. Năm gian Thượng điện cũng được dựng bằng gỗ, có những vì kèo chạm trổ tinh tế. Năm phía bên phải tam quan, vườn tượng của chùa chính là một tuyệt tác nghệ thuật với 12 pho tượng được chạm khắc tinh xảo, bố trí đẹp mắt quanh một hồ nước rộng. Nổi bật nhất là tượng Phật Tổ màu vàng ngồi trên tòa sen dưới cây bồ đề cao lớn tỏa bóng mát và tượng Phật Di Lặc trong tư thế đang đứng được đặt đối diện nhau ở hai bên hồ. Cả hai pho tượng đều được đúc bằng đồng. Xung quanh hồ đặt tượng của 10 vị Tôn giả được tạc bằng đá trắng trong các tư thế và hình dáng khác nhau. Khu vườn tháp của chùa bao gồm 11 tháp được xây bằng đá và gạch, là nơi đặt di thể của các vị sư tổ đã viên tịch tại chùa, các vị tổ thiền phái Trúc Lâm Yên Tử và nhiều vị hòa thượng đã từng trụ trì tại chùa.

#### *Đền Bà Đẻ*

Đền thờ bà Đẻ - vợ chúa Trịnh Giang. Đền bà được vua Tự Đức về thăm và ban sắc phong “Đông Nhạc Đẻ Bà - Trịnh chúa phu nhân”, nằm ở chân núi Độc, thuộc phường Ngọc Hải, Quận Đồ Sơn. Đền Bà Đẻ là một trong những đền nổi tiếng về danh thắng và linh thiêng. Đền có cấu trúc giản dị nhưng thanh thoát và trang nhã, nép mình vào lưng núi, trước mặt là biển khơi bao la, tạo nên một kỳ quan thiên nhiên độc đáo không thua gì “Nam thiên đệ nhất động - Chùa Hương”. Bà Đẻ rất khéo tay, siêng năng mọi việc. Hàng ngày bà



đi chẵn trâu, cắt cỏ, tay làm, miệng hát, tiếng hát ngân vang cả núi rừng. Người ta nói rằng, tiếng hát của bà làm chim ngừng hót, sóng ngừng vỗ, đất trời lặng đi để lắng nghe. Vào năm 1736, chúa Trịnh Giang về kinh lý Đồ Sơn. Chúa cùng đoàn người dạo thắng cảnh bằng thuyền rồng trên núi Độc. Xúc động trước tiếng hát mượt mà, chúa truyền cho quân lính đi tìm người hát. Khi gặp được bà với vẻ đẹp nghiêng nước nghiêng thành, chúa yêu mến và quyến luyến không rời. Khi về kinh đô, chúa có hẹn ngày về đón bà. Bà mang thai, trong lòng rất lo sợ, ngày đêm trông ngóng thuyền hoa của chúa. Hàng Tổng biết chuyện đòi phạt tiền. Nhà nghèo không có tiền nộp phạt, hàng tổng đem bà ra khu núi Độc rồi đìm bà xuống biển. Trước khi chết, bà ngửa mặt lên trời khóc than rằng: "Phận gái thân cô, gặp chúa yêu thương tôi đâu dám chống, nhìn mẹ cha, hàng xóm tôi đâu dám quên. Xin trời phạt chúng giám cho lòng con. Khi con bị đìm xuống nước, nếu có oan ức, trời phạt cho con nổi lên ba lần". Quả nhiên bà nổi lên ba lần, mọi người ai nấy đều kinh sợ. Sau một tháng, thuyền hoa của chúa về rước bà về kinh. Biết chuyện oan khuất, chúa Trịnh Giang cho xây đền, lập đàn giải oan cho bà. Đền bà được vua Tự Đức về thăm ban sắc phong: Đông Nhạc Đế Bà - Trịnh chúa phu nhân. Người đời sau thương tiếc và khâm phục lòng thủy chung của bà. Nhiều danh nhân đã đề thơ ca ngợi:

*"Lòng sáng như băng trời đất biết  
Nổi niềm thành kính quý thân hay  
Đế Bà hương lửa nghìn thu ấy  
Đề giải hồn oan cõi thế này"*

### *Đền Nghè*

Đền Nghè thờ nữ tướng Lê Chân – vị tướng tài ba trong cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng thế kỷ 1 (40 - 43), thuộc phường An Biên, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng. Tương truyền, khi nữ tướng Lê Chân gieo mình xuống sông tự vẫn thì hoá đá trôi trên mặt sông. Từ đoạn sông vùng Đông Triều (Quảng Ninh) - quê cũ của Bà - đến bến Đá (nay là bến Bính) thì bập bồng xoay tròn trên mặt nước. Nhân dân làng An Biên biết Bà đã hiển thánh, liền khiêng đá thiêng về thờ, đến khu vực đền Nghè hiện nay thì trời bỗng nổi cơn giông gió làm đá rơi. Dân làng bèn chọn khu đá rơi ấy để dựng đền thờ Bà và hàng năm tổ chức lễ hội tưởng nhớ ngày sinh (8/2 âm lịch) và ngày hóa (25/12 âm lịch) của Bà.

Lúc đầu, đền thờ chỉ là một gian miếu nhỏ, mái lợp tranh. Từ năm 1919 đến 1926, đền được xây dựng khang trang hơn, bổ sung thêm một số hạng mục kiến trúc. Trải qua quá trình tu bổ, tôn tạo, hiện nay, đền Nghè là một quần thể di tích mang phong cách kiến trúc thời Nguyễn thế kỷ 20, bao gồm: tam quan, tòa hậu cung, bái đường, thiêu hương, giải vũ, nhà bia - nơi đặt tượng voi đá, ngựa đá, sập đá, bia đá; phía sau làm thêm tòa tứ phủ. Hậu cung của đền gồm 3 gian được thiết kế theo kiểu 2 tầng mái, bên trong thờ tượng nữ tướng Lê Chân ngồi trên ngai, đặt trong một khám lớn sơn son, thếp vàng với dáng vẻ uy nghi, đôn hậu, xinh đẹp; hai bên thờ song thân Bà. Tòa bái đường 5 gian được nâng đỡ bởi 16 cột gỗ lim, kê trên 16 viên đá tảng đục đẽo công phu, tỉ mỉ; chính giữa đắp nổi hàng chữ Hán lớn "An Biên cổ miếu". Giữa hậu cung và bái đường là nhà thiêu hương 2 tầng với mái tam đầu đao. Đến thăm đền Nghè, ngoài việc tham quan quần thể kiến trúc độc đáo của đền, du khách còn được chiêm ngưỡng nhiều tác phẩm điêu khắc đá có giá trị, điển hình là khánh đá và sập đá. Khánh được làm từ một tấm đá nguyên khối dày 5cm, cao 1m, rộng 1,6m. Mặt trước khánh khắc nổi 2 con rồng châu mặt nguyệt và mây bay xung quanh; mặt sau khắc hình mây bay và sóng nước. Khi gõ, tiếng khánh đá ngân vang, trong trẻo, hướng ta tới cõi

tâm linh huyền ảo, linh thiêng. Sập đá đồ sộ, tạo bằng khối đá liền, chạm nổi hình chim, thú, hoa, lá rất công phu thể hiện kỹ thuật chạm khắc vô cùng tinh xảo của các nghệ nhân xưa. Ngoài ra, ở đền còn lưu giữ tấm bia đá có kích thước lớn được tạc vào thời Nguyễn, ghi tiểu sử của nữ tướng Lê Chân.

Cách đền Nghè khoảng hơn 100m về phía tây bắc là tượng đài nữ tướng Lê Chân được đúc bằng đồng, cao 7,5m, nặng 19 tấn, đặt tại vườn hoa trung tâm thành phố. Tượng được khởi công xây dựng vào tháng 11/1999 và khánh thành vào ngày 31/12/2000. Năm 1975, đền Nghè đã được Nhà nước xếp hạng di tích văn hóa lịch sử cấp quốc gia.

#### *Khu di tích Nguyễn Bình Khiêm*

Nguyễn Bình Khiêm (1491 – 1585) có tên chữ là Hanh Phủ, tên hiệu là Bạch Vân cư sĩ, sinh ra trong một gia đình vọng tộc tại thôn Cổ Am, huyện Vĩnh Lại, tỉnh Hải Dương (nay là huyện Vĩnh Bảo, Tp. Hải Phòng). Năm 1535, ông thi đỗ Trạng nguyên và ra làm quan cho nhà Mạc, giữ chức Tả thị lang. Năm 1543, trước cảnh quan lại lộng quyền, Nguyễn Bình Khiêm đã dâng trăm sớ đối với 18 đình thần biến chất, mưu phản song không được nhà vua chấp thuận. Ông bèn cáo quan về ở ẩn nơi quê nhà, lập am Bạch Vân, mở trường dạy học, làm thơ, nghiên cứu kinh sử. Học trò của ông nhiều người trở thành danh tướng, Trạng nguyên như: Phùng Khắc Khoan, Lương Hữu Khánh, Nguyễn Quyền... Nguyễn Bình Khiêm còn là nhà triết học lớn của Việt Nam. Ông cũng tinh thông về thuật số, được dân gian truyền tụng và suy tôn là “nhà tiên tri” số một của Việt Nam với hàng loạt những lời tiên tri cho hậu thế mà người đời gọi là “Sám Trạng Trình”.

Để tưởng nhớ và khắc ghi những đóng góp của Nguyễn Bình Khiêm, con cháu và dân làng đã xây dựng một khu di tích gồm nhiều hạng mục công trình để thờ cúng và trưng bày hiện vật về thân thế, sự nghiệp của ông. Qua cổng tam quan với 3 chữ Hán “Trung Am từ” (đền Trung Am) là khu đền chính thờ Nguyễn Bình Khiêm. Đền được xây sau khi Trạng Trình mất (1585) với diện tích hơn 4ha, gồm 3 gian được lập trên nền nhà cũ của Trạng Trình, nơi đặt tượng và bài vị của Nguyễn Bình Khiêm. Tượng Nguyễn Bình Khiêm được làm bằng gỗ, trong thế ngồi trên ngai, mình mặc áo rồng vua ban, đầu đội mũ cánh chuồn, tay phải cầm cuốn tập giờ lên như đang giảng đạo thơ cho các học trò. Phía trước đền là hồ Thái Nhâm rộng khoảng 1.000m<sup>2</sup>, trên khoảng đất giữa hồ có cầu bắc qua còn tấm bia đá làm năm Vĩnh Hựu nhà Lê (1736) ghi lại quá trình và tên những người đã đóng góp xây dựng đền. Phía sau đền là 3 gian nhà lợp cói, mô phỏng am Bạch Vân, nơi Nguyễn Bình Khiêm sau khi từ quan đã về dạy học, làm thơ. Gắn am Bạch Vân là tượng Nguyễn Bình Khiêm cao 5,7m, nặng 8,5 tấn được làm bằng chất liệu đá Granit, trong tư thế ngồi tay cầm bút, tay cầm sách, y phục nhà Nho, cốt cách giản dị. Ngoài ra còn có hai bức phù điêu được thiết kế khá công phu, hoàn chỉnh, mỗi bức cao khoảng hơn 5m, dài hơn 20m. Bức thứ nhất diễn tả lại cuộc đời, sự nghiệp của Trạng Trình từ lúc còn bé đến cuối đời; bức thứ hai diễn tả một giai đoạn lịch sử của địa phương từ khi thực dân Pháp xâm lược cho đến nay.

Cách không xa đền thờ Nguyễn Bình Khiêm là phần mộ cụ Nguyễn Văn Định, thân sinh Nguyễn Bình Khiêm; tháp Bút Kinh Thiên, tương truyền do học trò tạo dựng để ca ngợi tài năng của Trạng Trình; chùa Song Mai; đền thờ bà Minh Nguyệt (vợ thứ của Trạng Trình); di tích Quán Trung Tân... Đặc biệt, trong khuôn viên khu di tích còn có vườn tượng diễn tả lại cuộc đời, cảnh dạy học khi xưa của Nguyễn Bình Khiêm, tạo nên một khung cảnh gần gũi và sống động.

Ngày nay, khu di tích Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm được xây dựng khá khang trang, là nơi tổ chức các lễ hội lớn kỷ niệm ngày sinh (10/4 âm lịch) và ngày mất (28/11 âm

lich) của danh nhân văn hóa Nguyễn Bình Khiêm, thu hút rất đông du khách trong và ngoài nước đến dâng hương tưởng niệm. Cách không xa đền thờ Nguyễn Bình Khiêm là phần mộ cụ Nguyễn Văn Định, thân sinh Nguyễn Bình Khiêm; tháp Bút Kinh Thiên, tương truyền do học trò tạo dựng để ca ngợi tài năng của Trạng Trình; chùa Song Mai; đền thờ bà Minh Nguyệt (vợ thứ của Trạng Trình); di tích Quán Trung Tân... Đặc biệt, trong khuôn viên khu di tích còn có vườn tượng diễn tả lại cuộc đời, cảnh dạy học khi xưa của Nguyễn Bình Khiêm, tạo nên một khung cảnh gần gũi và sống động.

#### *Đảo Cát Bà*

Cát Bà là một quần đảo có tới 366 đảo lớn, nhỏ. Đảo chính là Cát Bà rộng khoảng 100km<sup>2</sup>, cách cảng Hải Phòng 30 hải lý, tiếp nối với vịnh Hạ Long, tạo nên một quần thể đảo và hang động trên biển làm mê hồn du khách. Đến đây du khách sẽ được tận hưởng không khí trong lành và hoà mình vào với thiên nhiên tươi đẹp. Đây là một trong những khu bảo tồn sinh quyển thế giới nằm trên đảo Cát Bà, thuộc thị trấn Cát Bà, huyện Cát Hải, Tp. Hải Phòng.

Diện tích vườn quốc gia Cát Bà được quy hoạch bảo vệ là 15.200ha, trong đó có 9.800ha rừng và 4.200ha biển. Địa hình vườn đa dạng, chủ yếu là dãy núi đá vôi với nhiều hang động kỳ thú và xen kẽ là những bãi cát trắng phau, mịn màng, nơi du khách tắm biển. Các ngọn núi đá vôi có độ cao trung bình 150m, cao nhất là đỉnh Cao Vọng cao 322m so với mặt biển. Đảo Cát Bà khi xưa vốn là hậu cung của người đàn ông đầu tiên đến khai sơn phá thạch ở vùng này. Khi ông phát hiện ra cái vịnh quý giá với nhiều hòn đảo đẹp mà sau này có tên là Hạ Long, thì cũng là lúc ông phải cưu mang cùng lúc nhiều số phận nhi nữ đơn cô, mà chồng của họ đã vĩnh viễn không trở về sau những chuyến đi biển đầy bất trắc. Rồi để rảnh tay khai phá vùng Hòn Gai, Bãi Cháy, ông đã tập hợp tất cả các bà ra sống tại hòn đảo xinh đẹp, trù phú, biệt lập giữa biển khơi, nằm trong vịnh Lan Hạ. Vì thế, sau này vùng đất Bãi Cháy, Hòn Gai có tên là Đất Của Ông, còn hòn đảo kia thì có tên là Đảo Các Bà. Trải bao biến đổi, thăng trầm, bây giờ còn lại hai địa danh Cửa Ông (Quảng Ninh) và Cát Bà (Hải Phòng) là do gọi chệch đi mà thành.

Cát Bà là một cụm du lịch thiên nhiên, sinh thái không thể tách rời. Ở đây đã phát hiện được nhiều di tích khảo cổ học thuộc thời kỳ đồ đá mới, những di tích văn hoá Hạ Long và dấu vết của người Việt cổ. Ngày nay Cát Bà trở thành vườn quốc gia, bảo tồn trong lòng mình hệ sinh thái rừng nhiệt đới nguyên sinh. Biển Cát Bà có tới 300 loài cá biển, 500 loài thân mềm và giáp xác, trong đó nhiều loại có thể dùng làm nguyên liệu sản xuất hàng mỹ nghệ quý như đồi mồi, tôm rồng, trai ngọc, san hô, vỏ trai, ốc biển...

Vườn Quốc gia Cát Bà vừa có rừng, vừa có biển với nguồn tài nguyên phong phú, cảnh quan đẹp và nhiều loại động thực vật quý hiếm. Tổng diện tích của vườn là 15.200ha, trong đó diện tích rừng núi là 9.800ha và diện tích biển là 4.200ha. Địa hình đa dạng, chủ yếu là núi đá vôi có nhiều hang động. Với độ cao trung bình là 150m, trong vườn còn có nhiều đèo nhỏ như đèo Đá Lát, đèo Eo Bùa, đèo Khoăn Cao... và nhiều suối lớn quanh năm có nước như suối Thuồng Luồng, suối Treo Cơm, suối Việt Hải... Rừng Cát Bà thuộc loại rừng nhiệt đới với các kiểu phụ thổ nhưỡng đặc biệt. Rừng trên núi đá vôi chiếm diện tích lớn nhất, xen kẽ là những khu rừng mọc tự nhiên trên núi đất, đặc biệt ở khu vực Trung Trang có khu rừng Kim Giao mọc tự nhiên. Hệ thực vật ở đây có 620 loài, thuộc 123 họ có giá trị như Chó Đái, Trai Lý, Lát Hoa, Đinh, Kim Giao... Đây là những loại cây cần được bảo vệ và phát triển. Hệ động vật ở đây cũng rất phong phú với 20 loài thú, 69 loài chim, 20 loài bò sát và lưỡng cư, đặc biệt có loài Voọc đầu trắng thường sống ở các vách đá cheo leo

ven biển - đây là một loài thú rất quý hiếm mà bây giờ chỉ còn thấy ở Cát Bà. Hang động trên đảo Cát Bà cũng rất phong phú, mỗi hang có một vẻ đẹp khác nhau, tạo ra những bức tranh thiên nhiên kỳ vĩ, sống động khiến người xem như lạc vào cõi tiên. Tiêu biểu nhất là hang Luồn, động Trung Trang, động Gia Luận, động Thiên Long... với những nhũ đá muôn hình, muôn vẻ, rất đẹp mắt.

### *Đồ Sơn*

Bãi biển Đồ Sơn là khu nghỉ mát và tắm biển nổi tiếng ở miền Bắc, nằm ở quận Đồ Sơn. Là một bán đảo nhỏ do dãy núi Rồng vươn dài ra biển, với hàng chục mỏm cao từ 25 đến 130m, nơi đây có bãi cát mịn, bên bờ biển rợp bóng phi lao. Sau là những ngọn núi và đồi thông. Đồ Sơn hội tụ các điều kiện: cơ sở vật chất là nhà cửa, khách sạn, nhà hàng, đường xá, điện nước khá hoàn chỉnh. Trước đây Đồ Sơn là nơi lui tới nghỉ ngơi, hưởng thụ của vua chúa quan lại đô hộ. Nơi đây còn ngôi nhà bát giác kiên cố của Bảo Đại - ông vua cuối cùng của chế độ phong kiến Việt Nam.

Bãi tắm Đồ Sơn chia làm 3 khu chính: khu 1 nằm ngay đầu quận Đồ Sơn, khu 2 có nhiều khách sạn hiện đại, khu 3 yên tĩnh và kín đáo. Vào ngày hè, Đồ Sơn thật sống động. Du khách khắp mọi miền đất nước cũng như khách quốc tế về đây tắm biển, nghỉ ngơi và leo núi, ngắm nhìn ba thế biển đẹp.

### *Núi Voi*

Núi Voi là một ngọn núi cao nhất ở phía bắc Kiến An, bên bờ sông Lạch Tray, là một quần thể thiên nhiên đa dạng, cách trung tâm thành phố Hải Phòng 20km về phía tây nam. Ngay dưới chân núi có động Long Tiên. Trong động thờ bà Lê Chân, một nữ tướng của cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng, người đã lập ra làng An Biên, Hải Phòng ngày nay. Núi Voi có nhiều hang động đẹp như hang Họng Voi, hang Chiêng, hang Cá Chép, hang Bể... Phía nam núi Voi có động Nam Tào, phía bắc có động Bắc Đẩu. Trong hang động có nhiều nhũ đá, măng đá với muôn hình kỳ lạ như rồng châu, hổ phục, đầu voi... Trên đỉnh núi Voi có một khoảng đất tương đối bằng phẳng gọi là bàn cờ cõi tiên. Trên núi còn nhiều dấu vết đền chùa và vết tích thành nhà Mạc được xây dựng vào thế kỷ 16. Đặc biệt các nhà khảo cổ còn tìm thấy nhiều di vật của người xưa như rìu, đục bằng đá, đồng cách đây gần 3.000 năm.

### *Thắng cảnh Tràng Kênh*

Thắng cảnh Tràng Kênh là một quần thể đồi núi đá vôi hang động, sông, nước với cảnh trí thiên nhiên nên thơ, thuộc huyện Thủy Nguyên cách trung tâm thành phố Hải Phòng 20km về phía đông bắc. U Bò là một ngọn núi trong quần thể đồi núi này, tương truyền đây là nơi Trần Hưng Đạo đã đứng để chỉ huy trận thủy chiến chống quân xâm lược Nguyên - Mông. Đứng trên núi U Bò, du khách có thể ngắm nhìn toàn cảnh sông Bạch Đằng. Sông núi tĩnh lặng, trời nước mênh mang với nhiều huyền thoại làm cho cảnh sắc nơi đây càng thêm hấp dẫn. Quanh Tràng Kênh có nhiều động kỳ thú. Hang Vua thuộc xã Minh Tân, cao 18m, rộng 10m. Trong hang có nhiều ngách, có suối nước quanh năm trong mát. Gọi là hang Vua vì tương truyền rằng vua Hùng thứ 18 đã lập li cung ở đây. Đền thờ vua Hùng được đặt ở chính giữa hang, tượng vua được tạc bằng đá, trông rất sinh động. Tràng Kênh đã được các nhà khảo cổ phát hiện ra nơi đây là xưởng chế tác đồ trang sức của người xưa cách nay trên 4000 năm. Trong cuộc kháng chiến chống Pháp, đây còn là một căn cứ cách mạng của quân và dân Hải Phòng.

### *Suối khoáng Tiên Lãng*

Cách trung tâm thành phố Hải Phòng khoảng 19 km về phía nam có nguồn nước khoáng nóng tự nhiên dồi dào, giàu khoáng chất thuộc thị trấn Tiên Lãng, huyện Tiên Lãng.

Là một trong những Năm 1965, khi các chuyên gia Nga đặt mũi khoan 14b tại thị trấn Tiên Lãng, huyện Tiên Lãng, Hải Phòng để khảo sát địa chất thì phát hiện tại độ sâu 850m dòng nước nóng 54<sup>0</sup>C dâng trào phun lên mặt đất. Nhưng đến năm 1982, nguồn nước này mới được đưa vào khai thác và sử dụng. Đây là 1 trong 5 mỏ nước khoáng của Việt Nam (cùng với suối khoáng Bình Châu - Bà Rịa - Vũng Tàu, suối khoáng Tháp Bà – Khánh Hòa, suối khoáng Kim Bôi - Hòa Bình, suối khoáng Mỹ Lâm - Tuyên Quang) đã được Tổ chức Du lịch thế giới (UNWTO) công nhận có hàm lượng khoáng chất cao, có tác dụng chữa bệnh, phục hồi sức khỏe, cùng loại với một số nguồn nước khoáng nổi tiếng trên thế giới như: Mirgorod của Nga, Darkov của CH Séc, Baisov của Bungari, E`laruc và Sallivs de Jura của Pháp.

Để phát huy tác dụng của nguồn nước khoáng nóng Tiên Lãng, năm 2004, Công ty TNHH Phú Vinh đã xây dựng tại đây một khu du lịch suối nước khoáng nóng hiện đại để phục vụ nhu cầu nghỉ dưỡng của khách du lịch trong và ngoài nước. Với khuôn viên rộng gần 10ha, khu du lịch suối khoáng nóng Tiên Lãng cung cấp đầy đủ các dịch vụ chất lượng cao cho du khách như: ngâm, tắm nước khoáng nóng nguyên chất trong nhà bằng hệ thống bồn tắm hiện đại; tắm bể bơi chứa gần 1.000m<sup>3</sup> nước với hệ thống massage thủy lực; xông hơi khô, ướt tập thể bằng hệ thống thiết bị nhập ngoại từ Pháp giúp giảm stress, tiêu hao năng lượng thừa; ngâm, tắm bùn khoáng trên đồi Tiên... Bên cạnh đó, hệ thống phòng nghỉ hiện đại trong khuôn viên yên tĩnh và thoáng mát sẽ đem đến cho du khách những giây phút thư giãn thoải mái nhất. Đến với khu du lịch, du khách còn có dịp thưởng thức những sản vật địa phương như: bánh đa cua, bún tôm, rượu mực, ốc xào..., đặc biệt là thuốc lá Tiên Lãng nổi tiếng cả nước. Khu du lịch suối khoáng nóng Tiên Lãng đang ngày càng khẳng định được thương hiệu của mình, là điểm đến lý tưởng cho những du khách có nhu cầu nghỉ ngơi, thư giãn, phục hồi sức khỏe sau những ngày làm việc căng thẳng.

Từ Thủ đô Hà Nội, đi theo Quốc lộ 5 khoảng 90km đến ngã tư Quán Toan (quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng), rẽ phải đi theo quốc lộ 10 khoảng 10km, sau đó rẽ trái đi theo tỉnh lộ 25 khoảng 7km tới thị trấn Tiên Lãng, du khách sẽ đến khu du lịch suối khoáng nóng Tiên Lãng. Nếu đi theo đường Tứ Kỳ - Hải Dương, du khách chỉ phải đi khoảng 85km là đã tới khu du lịch.

#### **7.2.8. Các tuyến du lịch nội vùng tỉnh Hà Nam**

Tỉnh Hà Nam có diện tích là 860,2 km<sup>2</sup>, dân số toàn tỉnh là 786,3 nghìn người (2010), tỉnh lỵ là thành phố Phủ Lý và các huyện như Duy Tiên, Kim Bảng, Lý Nhân, Thanh Liêm, Bình Lục. Tỉnh có các dân tộc sinh sống như Việt (Kinh), Hoa, Tày, Mường...

*Điều kiện tự nhiên* : Hà Nam là tỉnh ở phía nam châu thổ sông Hồng, cửa ngõ phía nam của thủ đô Hà Nội. Phía bắc tỉnh Hà Nam giáp Hưng Yên và Hà Tây, phía đông giáp Thái Bình, phía tây giáp Hoà Bình, phía đông nam và nam giáp Nam Định và Ninh Bình. Địa hình của tỉnh đa dạng bao gồm chủ yếu là vùng đồng bằng chiêm trũng, vùng đồi núi, nửa đồi núi. Tỉnh có hai con sông lớn chảy qua đó là sông Đáy và sông Châu Giang. Đất đai của tỉnh phần lớn là đất phù sa, độ phì nhiêu cao, thuận tiện cho việc phát triển canh tác cây trồng, đặc biệt là cây lương thực và cây hoa màu. Khí hậu nhiệt đới, chia làm hai mùa: mùa khô từ tháng 11 năm trước đến tháng 4 năm sau, mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10. Nhiệt độ trung bình năm khoảng 23<sup>0</sup>C. Thành phố Phủ Lý cách Hà Nội khoảng 60km. Giao thông đường sắt, đường bộ, đường thủy đều thuận lợi. Thành phố Phủ Lý nằm trên tuyến đường giao thông đường sắt, đường bộ Bắc Nam.

*Tiềm năng phát triển kinh tế và du lịch* : Tỉnh Hà Nam có nhiều tiềm năng về trồng cây lương thực, cây hoa màu. Hà Nam là địa phương có nền văn hiến lâu đời. Trong các cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, thị xã đã bị san phẳng tới ba lần. Ngày nay, thị xã Phủ Lý là trung tâm văn hoá, chính trị, kinh tế của tỉnh. Tỉnh tuy nhỏ nhưng có khá nhiều di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh như Núi Cấm, Ngũ Động Sơn, chùa Bà Đanh, hang Luồn, động Cấm Khả Phong... Tỉnh cũng có nhiều lễ hội truyền thống trong đó hội vật võ Liễu Đồi đã nổi tiếng cả nước.

### **Các điểm tham quan du lịch tỉnh Hà Nam**

#### *Chùa Long Đọi Sơn*

Chùa Long Đọi Sơn có tên chữ là Sùng Thiên Diên Linh tọa lạc trên đỉnh núi Long Đọi, thuộc xã Đọi Sơn, huyện Duy Tiên, cách thị trấn Đồng Văn 15km (qua thị trấn Hoà Mạc), cách quốc lộ 1A chừng 6km. Chùa được tạo dựng thời nhà Lý (khoảng năm 1121), hiện còn giữ được nhiều di vật quý. Mặt bằng chùa rất rộng, lưng tựa vào núi Điep với ba dòng sông uốn khúc bao quanh. Ngôi chùa đã được trùng tu nhiều lần, hiện nay chùa còn giữ được nhiều di vật quý như tượng Phật Di Lặc bằng đồng ở chính điện; 6 pho tượng Kim Cương bằng đá, cao 1,60m; bia đá Diên Linh (dựng năm 1121), cao 2,88m, rộng 1,40m và dày 0,29m, đặt trên đế đá chạm rồng, hình chạm khắc và hoa văn trang trí trên bia mang đậm phong cách thời Lý; 4 pho tượng hình người có cánh cao 40cm, bề ngang 30cm.

#### *Chùa Bà Đanh- núi Ngọc*

Chùa Bà Đanh - núi Ngọc thờ Bà Chúa Đanh (thần Pháp Vũ) nổi tiếng linh thiêng thuộc thôn Đanh Xá, xã Ngọc Sơn, huyện Kim Bảng, cách thị xã Phủ Lý 10km, nằm ở phía hữu ngạn sông Đáy. Khu danh thắng này có diện tích khoảng 10ha, với phong cảnh trời mây sông nước hữu tình, ở xa làng xóm nên tĩnh mịch. Ngôi chùa hướng chính nam nhìn ra dòng sông Đáy nên thơ.

Tương truyền chùa có từ thế kỷ thứ 7, ban đầu nơi đây là một ngôi đền nhỏ thờ tứ pháp (Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lô, Pháp Điện). Đến đời vua Lê Hy Tông (1675-1705), đền được xây dựng lại to đẹp khang trang hơn. Người dân thấy phong cảnh đẹp, đền linh thiêng nên chuyển ngôi đền ở vị trí thường bị ngập lụt và rước tượng Phật về phối thờ, từ đó gọi là chùa Bà Đanh. Một trong số báu vật ở đây là bức tượng Bà Chúa Đanh (thần Pháp Vũ) tư thế ngồi trên ngai, toàn bộ đặt trên một gốc cây to; nhiều di vật khác được lưu giữ mang phong cách thời Lý - Trần. Sau khi thắp hương ở chùa, du khách đi tiếp lên đỉnh núi Ngọc, qua khu vườn cây trái xum xuê, trong đó có cây si già ngàn năm tuổi. Với cảnh quan trời mây sông nước hữu tình, lại có chùa Bà Đanh rất linh thiêng, điểm du lịch này ngày càng thu hút đông đảo khách thập phương đến lễ Phật và văn cảnh.

#### *Đền Trúc - Ngũ Động Sơn*

Đền Trúc - Ngũ Động Sơn thờ người anh hùng dân tộc Lý Thường Kiệt, thuộc thôn Quyển Sơn, xã Thi Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Khu danh thắng này có phong cảnh thiên nhiên hữu tình, núi non trùng điệp, có đền Trúc nằm giữa rừng Trúc nên thơ, có hệ thống hang động độc đáo. Cách thị xã Phủ Lý 8km, ngay bên đường 21A, có quả núi nhỏ hình dáng con sư tử, mang tên Núi Cấm. Ngọn núi chứa đựng một huyền tích nên đã trở thành địa danh được nhiều người biết đến. Xưa kia nơi đây bạt ngàn trúc mọc: Trúc xanh như tóc, trĩu xuống khắp miền. Năm 1089, đoàn chiến thuyền của Lý Thường Kiệt khi chinh phạt phương nam đi qua thôn Quyển Sơn. Bỗng một trận gió lớn ào ào thổi tới, bẻ gãy cả cột buồm rồi cuốn lá cờ lớn của đoàn quân lên đỉnh núi.

Lý Thường Kiệt bèn cho thuyền dừng lại, cùng quân sĩ lên bờ sửa lễ tế trời đất cầu đại thắng. Lần đó, thắng lớn trở về, Lý Thường Kiệt đã cùng đoàn quân lên đây làm lễ tạ ơn, khao thưởng ba quân và mở hội cho dân làng mừng chiến thắng. Lễ hội kéo dài hàng tháng với đủ mọi trò vui. Sự kiện lá cờ bị gió cuốn đã khiến Lý Thường Kiệt đặt tên cho ngọn núi là Cuốn Sơn. Về sau, để tưởng nhớ công lao của vị tướng tài, dân làng Cuốn Sơn đã lập đền thờ Lý Thường Kiệt ở chính nơi ông đã mở hội. Ngôi đền được dựng giữa khu rừng trúc rộng hàng chục mẫu, nên mang tên đền Trúc. Sau ngót ngàn năm, rừng trúc giờ không còn nguyên như xưa nữa, nhưng xung quanh đền, vẫn muôn ngàn bóng trúc. Những cây trúc thân vàng óng, thướt tha trong gió càng tôn cho phong cảnh nơi đây thêm thơ mộng. Với sự biến đổi của thời gian ngôi đền chỉ còn giữ được một số nét căn bản.

Ngôi đền được dựng bằng gỗ lim, cao trên 6m. Nhà tiền đường là một công trình 5 gian. Hệ thống vì kèo biến thể kiểu giá chiêng đồng rường con nhị xuất hiện vào cuối thế kỷ 17 và phổ biến vào cuối thế kỷ 19. Ba gian hậu cung được xây dựng cùng một phong cách với nhà tiền đường, có 2 đầu bít đốc, lợp ngói nam, xây bằng gạch thât, bắt mạch để trần. Trên hệ thống cửa có trạm trổ theo các đề tài tứ quý. Trên đỉnh núi Cẩm có một bàn cờ thiên tạo bằng đá- nơi các vị tiên thường rủ nhau về mở hội, uống rượu chơi cờ và ngắm cảnh trần thế. Ngay cạnh bàn cờ còn có một ô vuông được gọi là huyết đế vương. Núi Cẩm còn có hệ thống hang động độc đáo: 5 hang nối liền nhau, tạo thành động liên hoàn, gọi là Ngũ Động sơn. Cấu trúc các động vô cùng đa dạng với nhiều loại thạch nhũ muôn hình vạn trạng, gọi cho du khách sức tưởng tượng phong phú: hình bầu sữa mẹ, nôi cơm mở vung, hình con voi, con rùa... Màu sắc, độ xốp, da nhũ... cũng khác nhau. Có nhũ ẩn sâu trong bóng tối, gặp ánh đuốc rọi vào bỗng rực lên như châu ngọc. Có nhũ mang hình chiếc trống nằm, trống treo, đàn mõ, mà thật đặc biệt, khi đánh lên, âm vang như thật. Phong cảnh nên thơ, đặc sắc của núi Cẩm đã từng làm nao lòng bao mặc khách tao nhân để làm nên sự lưu luyến bằng những bài thơ hay để lại cho đời. Ngày nay, đến thăm đền Trúc, ghé Ngũ Động Sơn, du khách sẽ như lạc vào chốn bồng lai tiên cảnh để sang năm, lại muốn lạc bước tìm về.

### *Đền Trần Thương*

Đền thờ Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn cùng gia quyến và các Bộ tướng có công trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên Mông thế kỷ 13, ở thôn Trần Thương, xã Nhân Đạo, huyện Lý Nhân cách thành phố Phủ Lý khoảng 20km về phía đông theo tỉnh lộ 483 là đến đền Trần Thương. Đền tọa lạc trên gò Miếu với thế “Hình nhân bái Tướng” (ở giữa là một gò nổi tựa mai rùa, hai bên tạo thành hai tay ngai), thờ Đức Thánh Trần (Trần Hưng Đạo). Trần Thương là miền đất trù phú như câu thơ tả cảnh được khắc trên bức chạm tại đền: “Đất Trần Thương dư phúc địa, trà thảo tứ thời xuân” (đất Trần Thương lắm phúc, hoa trái nở bốn mùa). Nơi đây còn là điểm giao của “Lục đầu khê” (6 con mương) nên rất thuận lợi về giao thông đường thủy, có thể ra sông Châu (Hà Nam), ra sông Hồng rồi qua Phố Hiến (Hưng Yên) để ngược lên Thăng Long (Hà Nội ngày nay) hoặc xuống cửa Tuần Vường (ngã ba sông Hồng và sông Trà Lý) ra biên. Bằng nhãn quan của một nhà quân sự lỗi lạc, Trần Hưng Đạo (1232-1300) đã chọn khu vực này để cất giữ lương thảo, khí giới phục vụ quân đội trong cuộc kháng chiến chống giặc Nguyên - Mông lần thứ 2 (1285). Sau khi cuộc chiến giành thắng lợi, Trần Hưng Đạo đã trở về điểm đặt kho lương chính (Trần Thương) để cấm sinh phần, miễn tô thuế cho dân. Với công đức to lớn, khi ông mất, người dân địa phương đã lập đền thờ trên vị trí kho lương chính và tôn ông làm Đức Thánh Trần. Hiện xã Nhân Đạo vẫn còn những tên cổ gắn với quân đội nhà Trần như Trần Thương, Đội Xuyên, Khu Mật, Hoàng Xá... Đặc biệt, xung quanh khu vực đền Trần Thương đã tìm thấy

nhiều mảnh bát, đĩa bằng gốm sứ men nâu, vàng cùng nhiều vỏ chóc hoa than với họa tiết trang trí mang phong cách nghệ thuật thời Trần.

Đền Trần Thương có kiến trúc kiểu “Tứ thủy quy đường”, gồm các công trình chính: nghi môn ngoại, nghi môn nội, cung Đệ nhất, Đệ nhị, Đệ tam và hai dãy giải vũ. Xung quanh đền bố trí nhiều tiểu cảnh trồng cây xanh nhằm tạo không gian thanh tịnh, thoáng mát. Đền có kiến trúc kiểu chồng diêm hai tầng tám mái với các góc đao uốn cong, nghi môn ngoại gồm 3 cửa: cửa chính (lớn) nằm giữa và hai cửa phụ (nhỏ) nằm hai bên. Tầng dưới cửa chính uốn hình vòm cuốn, trang trí họa tiết hoa sen, hoa cúc... Tầng trên cũng uốn hình vòm cuốn nhưng nhỏ hơn, bên trong đặt một quả chuông. Hai bên cổng phụ có đắp nổi đôi ngựa rất đẹp. Nối với nghi môn ngoại là con đường lát gạch đỏ dẫn vào nghi môn nội và sân đền. Trong khu vực sân đền có hai giếng nước được kê đá xanh. Qua sân đền là cung Đệ nhất gồm 5 gian với kiến trúc kiểu chồng rường, hai đầu xây bít đốc dật cấp, mái lợp ngói nam, mặt trước là dãy cửa bức bàn. Phía trước gian giữa cung Đệ nhất có tòa cổ lâu 2 tầng, bên trong đặt một đỉnh hương bằng đá, trên mái treo bức đại tự “Phong vân trường hộ”. Cung Đệ nhị được xây dựng cao hơn cung Đệ nhất, gồm 5 gian, mái lợp ngói ống; trên bờ nóc hai đầu hồi đắp hai con rồng lớn. Nằm kế tiếp cung Đệ nhị là cung Đệ tam với 5 gian, mái lợp ngói ống, trước mặt là dãy cửa bức bàn sơn son thếp vàng lộng lẫy. Tại gian giữa của cung Đệ Tam đặt bức tượng thờ Trần Hưng Đạo. Nối hai đầu hồi của 3 cung là hai dãy giải vũ (mỗi dãy 3 gian) tạo thành hai hành lang thông từ cung Đệ nhất đến Đệ tam. Năm 1989, đền đã được Bộ Văn hóa – Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) xếp hạng là di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia.

#### **7.2.9. Các tuyến du lịch nội vùng tỉnh Nam Định**

Tỉnh Nam Định có diện tích là 1.652,5 km<sup>2</sup>, dân số toàn tỉnh là 1.830,0 nghìn người (2010), tỉnh lỵ là thành phố Nam Định và các huyện như Vụ Bản, Mỹ Lộc, Ý Yên, Nam Trực, Trực Ninh, Xuân Trường, Giao Thủy, Nghĩa Hưng, Hải Hậu. Tỉnh có các dân tộc sinh sống như Việt (Kinh), Hoa, Tày, Mường...

*Điều kiện tự nhiên* : Nam Định là một tỉnh phía nam châu thổ sông Hồng. Phía bắc và đông bắc giáp tỉnh Hà Nam, Thái Bình, phía tây giáp tỉnh Ninh Bình, phía đông nam giáp biển Đông với bờ biển dài 72km. Nam Định cách thủ đô Hà Nội 90km về phía đông nam. Giao thông đến Nam Định tương đối thuận tiện: trên tuyến đường sắt Bắc- Nam và quốc lộ 21 nối từ quốc lộ 1A đến trung tâm thành phố; quốc lộ 10 từ thành phố Ninh Bình qua Nam Định sang Thái Bình, Hải Phòng, Quảng Ninh.

**Tiềm năng phát triển kinh tế và du lịch** : Nam Định nằm trong vùng trọng điểm sản xuất lương thực - thực phẩm của đồng bằng Bắc bộ không những đủ cho tiêu dùng trong tỉnh mà còn xuất khẩu. Đồng thời, nơi đây còn có sản xuất công nghiệp phát triển tương đối sớm với nhiều ngành nghề truyền thống, trong đó có công nghiệp Dệt - May là một trong những trung tâm dệt may của cả nước. Tỉnh có rất nhiều làng nghề thủ công mỹ nghệ, tiềm năng du lịch đa dạng và phong phú với nhiều di tích lịch sử, văn hoá; nhiều điểm tham quan du lịch. Nam Định là tỉnh có bề dày lịch sử và văn hoá, nơi phát tích của vương triều Trần, một triều đại hưng thịnh vào bậc nhất trong lịch sử phong kiến Việt Nam với các di tích như: khu di tích nhà Trần, chùa Tháp, chùa Cổ Lễ, chùa Keo Hành Thiện, Phủ Dày... Nam Định còn là quê hương của các bậc võ tướng anh hùng, đồng thời cũng là quê hương của nhiều nhà văn, nhà thơ nổi tiếng như Trần Tế Xương (Tú Xương), Nguyễn Bính...

Nằm trong vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng, Nam Định có bề dày văn hoá truyền thống. Kho tàng văn hoá này bắt nguồn từ đời sống của cư dân, được lưu truyền và phát



triển dưới nhiều hình thức, sinh hoạt đa dạng như loại hình hát chèo, hát văn, rỗi nước, hát xẩm...nhiều lễ hội cổ truyền, nhiều trò vui dân gian như bơi thuyền, hầu bóng...

### **Các điểm tham quan du lịch tỉnh Nam Định**

#### **Chợ Viềng**

Chợ Viềng còn có tên là chợ chơi du xuân (du xuân thị) là phiên chợ "Cầu May thuộc thôn Trung Thành, xã Kim Thái, huyện Vụ Bản. Bao quanh, là cả một quần thể di tích thờ Thánh mẫu Liễu Hạnh - Thần chủ Đạo Mẫu Việt Nam, nên cùng với việc đi chơi chợ là hoạt động lễ Mẫu để Người ban cho sức khoẻ và tài lộc. Đây là chợ phiên mỗi năm chỉ họp có đúng một phiên kéo dài từ nửa đêm mùng 7 đến sáng mùng 8 tết âm lịch hàng năm. Người dân Nam Định thường nói nếu lỡ một phiên chợ Viềng là lỡ cả một năm, và cũng có thể là lỡ cả một đời người. Phiên chợ còn có nhiều người tứ xứ từ Hà Nội vào, Thanh - Nghệ ra, Hải Phòng - Quảng Ninh lên, ai cũng cố đi chợ Viềng một lần để mong có lộc cho cả năm buôn may bán đắt; để chơi, để kiếm món đồ có giá hời, thậm chí chỉ để lấy tiếng là đã đi chợ Viềng.

Chợ là hai dãy quán chủ yếu là tre, nứa dựng tạm ở bên lề đường, chạy dài suốt 5km với đầy đủ sắc màu. Chợ cũng bày bán đủ mọi thứ hàng hoá, nhưng điều đặc biệt ở đây là cả người bán lẫn người mua đều không đặt mục đích lợi ích kinh tế lên trên hết. Đến chợ Viềng vào xuân, mục đích chính là để cầu mong phát tài phát lộc. Đó chính là lợi ích tinh thần, chỉ cần tham dự chợ là đã được xem là có may mắn trong cả năm. Tiếng là chợ nhưng ở đây người ta không mua, bán những nhu yếu phẩm cần thiết cho cuộc sống con người như gạo, thịt, quần áo, giày dép... càng không phải là các thứ hàng cao cấp, xa xỉ. Chúng đơn giản chỉ là những sản phẩm mang tính chất phục vụ sản xuất tiểu nông như cái cày, cái cuốc, cái dao, cái liềm, cái thúng, cái mủng... hoặc là một số giống cây trồng, vật nuôi như cây chanh, cây ớt, các loại cây cảnh, cây ăn trái... bạn cũng có thể tìm thấy ở đây những bộ tế khí, những chiếc lư hương bằng đồng... Những người buôn bán ở các tỉnh lân cận như Thái Bình, Hà Nam, Ninh Bình cũng cõm nắm cõm đùm đi từ sáng sớm để kịp buổi chợ. Những người ở tỉnh xa hơn như Thanh Hóa, Lạng Sơn, Hà Giang phải đến từ chiều hôm trước tìm nhà nghỉ trọ. Suốt cả vùng từ đêm trước phiên chợ ánh điện chan hoà. Những người buôn bán đến Viềng dù xa hay gần, thuận lợi hay cách trở, đến đây mọi người đều mang thứ đặc sản của quê hương mình tham gia phiên chợ.

Chợ Viềng dù chỉ một ngày phiên nhưng hàng hóa thì ngàn vạn, quán ăn hàng quà rải suốt ba cây số. Dân trong vùng và xung quanh mang các thứ cần dùng cho đời sống, công việc và học tập của con cháu hàng ngày để mua, bán, trao đổi. Từ các loại cuốc, xẻng đến bát, đĩa, rổ, rá, áo quần, giày dép cho tới quyển sách, cái bút tòi cây kim, sợi chỉ càng có mặt trong ngày phiên chợ. Trong chợ còn có bán cả các sản phẩm đặc trưng, nổi tiếng của từng vùng như rau cần Thiệu Vĩnh, bò, đó Văn Tập, vó lưới Bồng Làng. Chợ còn 12 nơi bán các loại đồ dùng cũ, ai đến chợ cũng phải mang một vài thứ gì đó, từ một chiếc nồi cũ hay một chiếc cuốc để mòn đều có thể đem bày bán. Bên cạnh những món hàng truyền thống vài chục năm gần đây chợ còn bán cây giống lấy gỗ như bạch đàn, phi lao, xà cừ, cây giống ăn quả như vải thiều, nhãn Hưng Yên, táo Thiện Phiến. Phiên chợ mà người bán không cần bán đắt, người mua chẳng thiết tha lắm với giá rẻ, đắt, chỉ cần " bán", " mua" lấy được cho phát tài quanh năm. Chợ còn là nơi giới thiệu làng nghề, tay nghề ở những vùng quanh đó. Nhiều đôi nam thanh nữ tú tay trong tay vẫn cảnh chợ Viềng, cầu mong cho hạnh phúc lứa đôi. Hội chợ Viềng đầu xuân thật vui vẻ nhộn nhịp với tiếng chiêng, trống hòa lẫn với tiếng gò

mâm, gò nôi, hàng búa thợ rèn cùng với âm thanh của hàng ngàn, hàng vạn người mua, kẻ bán, người xem đã tạo nên thứ âm thanh ồn ào, rất đặc trưng của phiên chợ Viềng xuân.

Nếu nói đến chợ Viềng mà chỉ nói đến những thứ vừa nêu trên thì chưa thật đầy đủ, vì điểm nổi bật và gây ấn tượng nhất đối với mỗi du khách chính là những miếng thịt bê được thui vàng ruộm. Người ta quan niệm đi chợ Viềng mà không mua bán một thứ gì đó cũng như không có một miếng thịt bê mang về lấy lộc thì coi như chưa đến chợ Viềng, chưa được may mắn. Phải chăng cũng chính vì mang ý nghĩa tâm linh ấy nên hầu như mọi hoạt động trong chợ đều diễn ra theo kiểu "nói sao, mua vậy". Nghĩa là, người bán không cần nói thách và người mua cũng chẳng phải mặc cả, bởi người xưa cho rằng nếu còn chút gì đó "băn khoăn" về giá cả thì sẽ làm mất hết lòng thành kính và sự tôn nghiêm. Cũng vì mong vận đỏ nên chợ Viềng mới có một đặc sản nữa là thịt bò. Vào phiên chợ Viềng tràn ngập thịt bò. Người ta quan niệm thịt bò mang lại vận son cho cả năm vì có màu đỏ. Một phiên chợ Viềng người ta thui đến vài trăm con bò. Khắp xung quanh khu chợ khói rơm thui bò nghi ngút, đặc quánh như sương. Nhà làm hàng thịt mỡ bò đã đành, nhà bình thường cũng đi mua vài con bò về mỡ, chất rơm thui và bày bán như ai. Suốt một ngày một đêm chợ ngậy ngát mùi thịt bò với hai món "bá chủ" là phở bò và thịt bò xào. Ai không ăn được ráng chịu vì không còn thứ gì khác.

Muốn đi được cả hai chợ Viềng thì phải từ Viềng Phủ ra đi vào giữa đêm. Trời tối như mực. Đường sang Viềng Nam Trục phải đi qua hai quãng đồng rộng mênh mông, gió thổi ù ù lạnh buốt. Viềng Nam Trục cách Viềng Phủ 30km nhưng dân chơi đồ cổ đã chực sẵn ở đó từ chập tối hôm trước. Viềng Nam Trục còn được gọi là Viềng Chùa vì chợ phiên nằm sát chùa Đại Bi, thậm chí cái đuôi chợ còn ăn lấn cả vào sân chùa và cái đuôi ấy cũng chính là phần hấp dẫn nhất của Viềng Chùa: đồ cổ thứ thiệt nằm lẫn trong vô số đồ gia dụng cũ kỹ.

Viềng Chùa cũng có cây cảnh, có thịt bò, nhưng trừ dân sở tại, còn thì người tứ xứ về đây chỉ cốt để tìm kiếm, sục sạo trong những nồi niêu, xoong chảo, bát mẻ, đĩa vỡ, bếp dầu, phích Rạng Đông, đến Hoa Kỳ để kiếm một món đồ cổ thứ thiệt nào đó mà chủ nhân của nó lơ ngơ bán với giá đồng nát. Thật ra đồ cổ trong dân gian còn lại không nhiều, cái nào ra tằm ra món thì các đại gia đã quăng tiền tán ra để cất vào kho từ lâu. Đồ cổ thật còn lại trong mỗi phiên chợ Viềng lại càng ít, cũng chỉ là những món tầm tầm, vừa mắt, vừa túi tiền những người có ít nhiều kiến thức đồ cổ và ít tiền... Rất nhiều gốm Bát Tràng, gốm Phù Lãng, nhất là gốm Đông Triều niên đại 1999-2000 đã được trộn trong đồng đồ gia dụng hồ lớn kia mong có người nhìn nhầm, nhạt nhầm và trả giá nhầm. Mỗi người đi chợ một đên pin, mỗi người bán lại một đên pin, cả chợ cứ chớp chớp nhoáng nhoáng, cũ cũ mới mới chẳng biết đâu mà lẫn. Trời sáng đồ nào lại vào giá ấy. Nhưng vẫn không thiếu người hiếu kỳ đi tìm vận may, mua một chiếc bình mới giá 300.000-400.000 đồng giữa thanh thiên bạch nhật.

### *Chùa Cổ Lễ*

Chùa Cổ Lễ có từ lâu thuộc thị trấn Cổ Lễ, huyện Trực Ninh. Chùa còn có tháp Cửu Phẩm Liên Hoa 12 tầng được xây dựng vào năm 1926 - 1927. Từ thành phố Nam Định, qua cầu treo trên sông Đào, đi theo đường 21 khoảng 15km là tới thị trấn Cổ Lễ, qua một cây cầu nhỏ rẽ phải khoảng 200m là đến chùa. Chùa Cổ Lễ vốn có từ rất lâu đời. Tương truyền chùa do thiền sư Nguyễn Minh Không thời Lý sáng lập. Ngôi chùa hiện nay do hoà thượng Phạm Quang Tuyên xây dựng vào tháng 11 năm 1920. Trước chùa có tháp Cửu Phẩm Liên Hoa 12 tầng được xây dựng vào năm 1926 - 1927. Tầng đế tháp có 8 mặt, đặt trên lưng một

con rùa lớn hướng vào chùa. Trong lòng tháp có một cột trụ rất lớn, có 60 bậc thang từ đế tháp lên đỉnh tháp theo đường xoay tròn ốc. Từ đây du khách có thể ngắm nhìn toàn bộ phong cảnh vùng này.

Qua một cây cầu cong là tới khu "Phật giáo hội quán" xây dựng năm 1936. Từ khu này qua hai cầu giữa núi là tới chùa chính. Giữa sân chùa có chuông lớn nặng 9 tấn, cao 3,2m được đúc vào năm 1936. Trên thượng điện có tượng Phật Thích Ca cao 4m, rộng 3,5m, bằng gỗ sơn son thiếp vàng. Nhà Tổ có pho tượng Phạm Quang Tuyên. Chùa Cổ Lễ ngoài thờ Phật, còn thờ thần sư Nguyễn Minh Không. Chùa Cổ Lễ còn nhiều di vật văn hoá quý hiếm như đại hồng chung, một trống đồng thời Lý và một túi đựng đồng. Chùa Cổ Lễ đã được nhà nước công nhận là di tích kiến trúc văn hoá.

#### *Tháp Phổ Minh,*

Chùa Phổ Minh thuộc phường Lộc Vượng, thành phố Nam Định, cách Hà Nội khoảng 94km, cách trung tâm thành phố Nam Định 4km về phía tây bắc. Đặc điểm: Đây là nơi lễ bái tụng niệm của các quan lại, quý tộc cao cấp nhà Trần, được bố trí theo kiểu nội công ngoại quốc và thể hiện rất rõ dấu ấn sự hoà đồng của ba tôn giáo Nho - Phật - Lão, tam giáo đồng nguyên.

Ngôi chùa nguyên được xây dựng từ thời Lý đã được vương triều Trần mở rộng vào năm 1262. Trong chùa có nhà Thủy Tạ, có hồ sen, có nhiều cây cổ thụ sum sê. Trước cửa chùa có đỉnh đồng nặng trên 7 tấn, có chuông lớn khắc chữ "Phổ Minh đỉnh tự". Chùa vốn có một vạc lớn ở trước cửa (vạc Phổ Minh), là một trong bốn báu vật "An Nam tứ đại khí", nay không còn nữa. Trong chùa có tượng Trần Nhân Tông nhập Niết Bàn, tượng Trúc Lâm tam tổ (Trần Nhân Tông, Pháp Loa, Huyền Quang) và gần 60 tượng Phật, Thánh khác được sơn son thếp vàng rất đẹp. Qua nhiều lần tu sửa đến nay quy mô của chùa đã bị thu hẹp nhiều so với trước. Tuy vậy kiến trúc đời Trần ở đây còn lại khá nhiều: 96 chân tảng đá chạm hoa sen, nhiều đôi sóc đá, hai đôi rồng chạm đá trước bái đường. Đặc biệt còn có cây tháp được xây dựng trước cửa bái đường vào năm 1305. Đây là loại tháp hình hoa sen có 13 tầng cao 21m. Bộ và tầng một xây bằng các phiến đá xanh trang trí tinh vi, các tầng trên xây bằng gạch, trên cùng là bút tháp bằng đá. Tháp có hình chóp, đáy vuông, mỗi cạnh dài 5,2m. Các tầng tháp đều có mái cong ở 4 phía. Trọng lượng tháp nặng khoảng 700 tấn trên một tiết diện nhỏ 30m<sup>2</sup> tại vùng chiêm trũng nhưng vẫn đứng vững suốt 7 thế kỷ qua.

#### *Di tích nhà Trần*

Di tích Nhà Trần là quê hương của nhà Trần, nơi sinh ra Trần Hưng Đạo, vị anh hùng dân tộc. Khu di tích rộng tới hàng chục héc ta với đền Thiên Trường, Cỗ Trạch thờ các vua Trần và Trần Hưng Đạo, chùa tháp Phổ Minh hiện thuộc phường Lộc Vượng, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định, cách trung tâm thành phố 3km.

Sử cũ cho biết, vào năm 1239, nhà vua cho xây hành cung ở làng quê mình để lúc thư nhàn về thăm. Đến năm 1262, Thượng Hoàng đến chơi hành cung ở Tức Mặc, ban yến tiệc cho dân và thăng làng Tức Mặc lên là phủ Thiên Trường, dựng tiếp cung Trùng Quang để cho các vua đã nhường ngôi (Thái Thượng hoàng) về ở. Phía tây cung đình là chùa Phổ Minh, lại dựng một cung riêng cho các vua đương triều mỗi khi về thăm Thái Thượng hoàng thì về nghỉ tại đó 700 năm trôi qua, cung điện cũ không còn nữa, nay có ngôi đền Thiên Trường thờ 14 vị vua Trần, đền Cỗ Trạch thờ Trần Hưng Đạo, chùa Phổ Minh với tháp Phổ Minh nổi tiếng.

#### *Khu di tích Phủ Dày*

Phủ Dày thờ bà chúa Liễu Hạnh, một trong Tứ Bất Tử của điện thần Việt Nam

(Thánh Tản Viên, Thánh Dóng, Chử Đồng Tử, bà chúa Liễu Hạnh) nằm tại xã Kim Thái, huyện Vụ Bản. Phủ Dày là một quần thể di tích gồm ba di tích chính: phủ Tiên Hương (phủ chính), phủ Vân Cát và lăng bà Chúa Liễu. Phủ Tiên Hương là một công trình đẹp được xây dựng từ thời Lê - Cảnh Trị (1663 - 1671) và đã qua nhiều lần trùng tu. Phủ Tiên Hương có 19 toà với 81 gian lớn nhỏ, mặt phủ quay về phía tây nam nhìn về dãy núi Tiên Hương. Trước phủ có hồ và một sân rộng, có 3 toà nhà dàn hàng ngang hai tầng, tách mái đó là phượng du nơi đón khách tới hành hương. Phủ Tiên Hương là một công trình đẹp được xây dựng từ thời Lê - Cảnh Trị (1663 - 1671) và đã qua nhiều lần trùng tu. Phủ Tiên Hương có 19 toà với 81 gian lớn nhỏ, mặt phủ quay về phía tây nam nhìn về dãy núi Tiên Hương. Trước phủ có hồ và một sân rộng, có 3 toà nhà dàn hàng ngang hai tầng, tách mái đó là phượng du nơi đón khách tới hành hương. Di tích Phủ Dày có giá trị rất cao về trình độ kiến trúc nghệ thuật cuối thế kỷ 19 đến đầu thế kỷ 20. Đến với Phủ Dày vừa để thưởng ngoạn cảnh đẹp, vừa là dịp Mẫu ban cho điều lành và sự may mắn.

### *Lễ khai ấn đền Trần*

Phủ Thiên Trường xưa (nay thuộc tỉnh Nam Định) là nơi phát tích của Vương triều nhà Trần và được coi là kinh đô thứ hai của nước Đại Việt sau kinh thành Thăng Long. Năm 1258, khi quân Nguyên Mông xâm lược nước ta lần thứ nhất, vua Trần Thái Tông ra lệnh thực hiện chính sách “vườn không nhà trống” tại kinh thành Thăng Long và rút lui chiến lược về phủ Thiên Trường để huy động sức mạnh toàn dân. Sau khi đánh bại quân Nguyên Mông, vào ngày 14 tháng Giêng, tại phủ Thiên Trường, vua Trần Thái Tông đã mở tiệc chiêu đãi và thưởng công, phong tước cho các quan, quân có công trong việc đánh giặc. Kể từ đó, cứ vào ngày này, các vua Trần lại tổ chức nghi thức “khai ấn” để tế lễ trời đất, tổ tiên; phong chức tước cho những người có công, đồng thời mở đầu cho một năm làm việc mới của bộ máy chính quyền nhà Trần. Sau này, tại nền phủ Thiên Trường, nhân dân Nam Định đã xây dựng Khu di tích đền Trần bao gồm 3 công trình kiến trúc chính là: đền Thiên Trường (hay đền Thượng) thờ 14 vị vua Trần, đền Cổ Trạch (hay đền Hạ) thờ Trần Hưng Đạo và đền Trùng Hoa thờ 14 vị vua Trần cùng các quan văn, võ; đồng thời duy trì nghi thức khai ấn để tưởng nhớ công đức của các vua Trần, giáo dục con cháu truyền thống yêu nước chống giặc ngoại xâm, bảo vệ non sông xã tắc. Hiện nay, lễ khai ấn đền Trần với những nghi thức truyền thống vẫn được bảo tồn, thu hút đông đảo du khách thập phương về tham dự.

Trước khi lễ khai ấn được tổ chức, vào ngày mùng 2 tháng Giêng, Ban quản lý Khu di tích đền Trần thực hiện nghi lễ xin mở ấn để in các lá ấn phục vụ cho lễ khai ấn. Nội dung lá ấn bao gồm các chữ: “Trần miếu tự điển tích phúc vô cương” (có nghĩa là “đền Trần ban phúc lộc đầu năm”). Đến 22h ngày 14 tháng Giêng, lễ khai ấn được bắt đầu với nghi thức rước hòm ấn từ nội cung đền Cổ Trạch sang đền Thiên Trường. Sau khi lễ khai ấn được thực hiện bởi 14 cụ cao niên thôn Túc Mặc (phường Lộc Vượng) kết thúc, khách thập phương vào đền Thiên Trường để tế lễ, xin lá ấn với mong muốn một năm mới thành đạt và phát tài.

Phần hội diễn ra nhiều hoạt động văn hoá phong phú, độc đáo như: chọi gà, diễn võ 5 thế hệ, đấu vật, múa lân, chơi cờ thẻ, đi cầu kiều, hát văn, múa Bài Bông. Trong những ngày diễn ra lễ hội, trước sân đền Thiên Trường luôn pháp phối lá cờ truyền thống với 5 màu biểu trưng cho ngũ hành cùng hình vuông biểu tượng cho đất (âm) và rìa tua hình lưỡi liềm biểu tượng cho trời (dương). Chính giữa lá cờ thêu chữ "Trần" được ghép lại bởi hai chữ "Đông" và "A". Lễ khai ấn đền Trần là một hoạt động văn hóa mang tính nhân văn sâu sắc, có ý

nghĩa giáo dục thế hệ sau truyền thống yêu nước và đạo lý uống nước nhớ nguồn; đồng thời cũng là niềm tự hào của người dân Nam Định từ bao đời nay.

### ***Vườn quốc gia Xuân Thủy***

Vườn quốc gia Xuân Thủy là một điểm du lịch sinh thái lý thú cho những ai thích tìm hiểu đời sống những loài chim di trú và sống với thiên nhiên hoang dã, với tổng diện tích là 12.000 ha thuộc vùng cửa sông Hồng, nằm hầu hết ở địa phận xã Giao Thiện, huyện Giao Thủy, Nam Định, trải dài qua Cồn Lu, Cồn Ngạn, Cồn Xanh. Là khu quản lý theo Công ước Ramsar đầu tiên của Việt Nam. Nơi đây, hàng ngàn con chim nhiều giống, loài trên đường tìm về phương nam khi mùa đông về cuối tháng 11 âm lịch và khi chúng từ phương nam quay lại vào khoảng cuối tháng 2, đầu tháng 3 hàng năm đã chọn làm trạm dừng chân di trú của chúng. Rừng sú vẹt Xuân Thủy là nơi cư ngụ của nhiều loài chim, mèo biển, cáo biển, rái cá... Dưới nước là các loại tôm, cá, cua, rấn, ngao, sò... là nguồn thức ăn phong phú của các loài chim. Vào mùa hoa sú vẹt, hương thơm tỏa mát là dịp hội tụ của những đàn ong mật.

Đến Xuân Thủy du khách được sống trong không gian bao la của đất trời, mây nước; hít thở không khí trong lành, ngắm nhìn giang sơn của những đàn chim trời: sếu, cò, giang, bồ nông, ngỗng, vịt trời và nhiều loài chim khác đang cần mẫn kiếm mồi hoặc bay lượn tung tăng. Xuân Thủy cách Hà Nội khoảng 160km, một điểm du lịch sinh thái lý thú cho những ai thích tìm hiểu đời sống những loài chim di trú và sống với thiên nhiên hoang dã.

### **7.2.10. Các tuyến du lịch nội vùng tỉnh Ninh Bình**

Tỉnh Ninh Bình có diện tích là 1.389,1 km<sup>2</sup>, dân số toàn tỉnh là 900,6 nghìn người (2010), tỉnh lỵ là thành phố Ninh Bình, 1 thị xã Tam Điệp và các huyện như Nho Quan, Gia Viễn, Hoa Lư, Yên Mô, Yên Khánh, Kim Sơn. Tỉnh có các dân tộc sinh sống như Việt (Kinh), Mường, Thái, Tày.

*Điều kiện tự nhiên* : Ninh Bình là tỉnh ở phía nam của vùng đồng bằng Bắc bộ, nơi tiếp giáp và ngăn cách miền Bắc với miền Trung bởi dãy núi Tam Điệp hùng vĩ. Phía bắc và đông bắc giáp tỉnh Hòa Bình và Hà Nam, phía nam giáp tỉnh Thanh Hoá và biển Đông, phía đông giáp tỉnh Nam Định, phía tây giáp Thanh Hóa. Địa hình phân bố khá phức tạp. Vùng đồi núi, vùng nửa đồi núi phân bố rải rác theo các vùng đồng bằng xen kẽ, Ninh Bình có 18km bờ biển. Khí hậu của tỉnh thuộc vùng tiểu khí hậu của đồng bằng sông Hồng. Nhiệt độ trung bình năm là 23,4°C. Thời tiết trong năm chia làm 2 mùa rõ rệt; mùa khô và mùa mưa. Giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy đều thuận lợi. Thành phố Ninh Bình nằm trên đường sắt Bắc Nam, quốc lộ 1A, cách Hà Nội hơn 90km. Tỉnh có quốc lộ 10 đi Nam Định, Thanh Hóa, quốc lộ 12B đi Hòa Bình.

*Tiềm năng phát triển kinh tế và du lịch*: Về kinh tế, Ninh Bình có đủ điều kiện phát triển một nền nông nghiệp đa dạng, có thể mạnh về trồng các loại cây công nghiệp, cây ăn quả, trồng rừng, chăn nuôi các loại gia súc. Ninh Bình là một tỉnh giàu tiềm năng về du lịch. Thiên nhiên đã ban tặng cho vùng đất này nhiều danh lam thắng cảnh kỳ thú, nhiều hang động nổi tiếng như Tam Cốc - Bích Động, Địch Lộng, động Tiên, động Hoa Sơn... Vườn quốc gia Cúc Phương nổi tiếng với hệ động thực vật phong phú đặc biệt là cây chò 1.000 năm tuổi. Mảnh đất này từ xa xưa đã từng là kinh đô của nước Đại Cổ Việt (tên của Việt Nam xưa) từ năm 968 đến 1010. Vì vậy, vùng đất này có rất nhiều di tích lịch sử như cố đô Hoa Lư, quần thể nhà thờ Phát Diệm, chùa Non Nước... Tất cả những di tích và danh lam thắng cảnh này đã trở thành những điểm du lịch rất hấp dẫn khách trong và ngoài nước.

Các điểm du lịch tại tỉnh Ninh Bình

## ***Cố đô Hoa Lư***

Kinh đô Hoa Lư trở thành kinh đô từ năm 968, khi Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi hoàng đế tồn tại 41 năm (968 - 1009), trong đó 12 năm là triều đình đại Đinh (Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi hoàng đế hiệu là Đinh Tiên Hoàng, đặt tên nước là Đại Cồ Việt), và 29 năm kế tiếp là triều đại Lê (người đầu tiên là Lê Hoàn lên ngôi Hoàng Đế hiệu là Lê Đại Hành), thuộc xã Trường Yên, Huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình. Hơn ngàn năm trước, Hoa Lư là đế đô thật nguy nga, tráng lệ. Những núi đồi trùng điệp xung quanh vòng đại kinh đô như tám bình phong; sông Hoàng Long uốn khúc và cánh đồng Nho Quan, Gia Viễn mênh mông là hào sâu thiên nhiên rất thuận lợi về mặt quân sự.

Khu thành Hoa Lư có quy mô rộng lớn, có nhiều tuyến liên hoàn, rộng đến 300ha. Thành gồm hai khu là khu trong và khu ngoài, thông với nhau bằng một lối đi nhỏ hẹp và hiểm trở. Mỗi khu gồm có nhiều vòng, nhiều tuyến nhỏ. Theo truyền thuyết, cung điện được xây ở thành ngoài. Ở phía Đông có lối đi chính vào thành. Đến năm 1010 Lý Thái Tổ dời đô từ Hoa Lư ra Thăng Long. Kinh đô Hoa Lư trở thành cố đô.

Ngày nay trên nền cung điện năm xưa là hai ngôi đền cách nhau chừng 500m. Một đền thờ Đinh Tiên Hoàng và một đền thờ Lê Đại Hành. Cũng vì hai ngôi đền thờ hai vị hoàng đế rất gần nhau nên nhân dân quen gọi là đền Đinh - Lê. Về thăm lại đất Hoa Lư lịch sử là dịp để chúng ta chiêm ngưỡng các công trình kiến trúc, những nét đẹp hoành tráng của toàn bộ khu di tích, ghi dấu thời kỳ mở nước huy hoàng, độc lập, tự chủ của đất nước Đại Cồ Việt từ ngàn năm về trước.

## ***Chùa Bái Đính***

Chùa Bái Đính là một trong những ngôi chùa lớn nhất Việt Nam với kiến trúc hoành tráng, đồ sộ nhưng mang đậm bản sắc Á Đông. Chùa tọa lạc tại vùng đồi núi thuộc thôn Sinh Dược, xã Gia Sinh, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, cách thành phố Ninh Bình 12km và cách cố đô Hoa Lư 5km, bên cạnh khu Du lịch Sinh thái Tràng An. Khu quần thể kiến trúc Phật giáo Chùa Bái Đính có diện tích rộng 700ha, bên trên triền núi Bái Đính, các hạng mục kiến trúc có kết cấu mô phỏng ban thờ Phật trong một ngôi chùa truyền thống. Các hạng mục xây dựng trên địa hình từ thấp lên cao, 5 cấp theo đường chính đạo: Tam quan nội, tháp chuông, điện thờ Quan Thế Âm Bồ Tát, điện thờ Pháp Chủ và trên cùng là tòa Tam Thế.

Từ cổng chính vào du khách sẽ đến với Tam quan nội. Tam quan nội có 3 tầng mái uốn cong ở bốn phía lợp bằng ngói men óng Bát Tràng màu nâu sẫm, hai hồi ở cửa Vô và cửa Hữu đặt hai pho tượng Hộ Pháp, cao 5m nặng 10 tấn. Đặc biệt trong Tam quan nội có 4 cột bằng gỗ tứ thiết, mỗi cột cao 13,85m đường kính 0,85m. Hai phía trái, phải của Tam quan nội là hai dãy hành lang, tất cả có 230 gian bao quanh khu kiến trúc điện tam thế, tổng chiều dài hành lang là 1.052m. Trong hai dãy hành lang đặt 500 pho tượng La Hán bằng đá nguyên khối, không tượng nào giống nhau, mỗi tượng cao 2,3m. Tiếp đến là Tháp chuông có hình khối bát giác theo kiểu chông diêm, gồm 3 tầng mái cong. Trong tháp chuông treo một quả chuông nặng 36 tấn được đúc tại Huế, được xây dựng toàn bằng gỗ tứ thiết, 100% kiến trúc bằng gỗ. Kết cấu gồm 7 gian, một tầng mái, cao 14,8m, dài 41,8m, rộng 17,4 m. Gian giữa của điện, trên bệ cao đặt tượng Quan Thế Âm Bồ Tát, nhiều mắt, nhiều tay, đúc bằng đồng, nặng 40 tấn, cao 9,57m. Kế đến là điện Pháp Chủ xây dựng toàn bằng bê tông cốt thép giả gỗ rất đồ sộ, hoành tráng 2 tầng mái cong, cao 30m, dài 47,6m, rộng 43,3m. Điện có 5 gian, gian giữa rất rộng dài đến 13,5m, 4 gian hai bên, mỗi gian dài 8m. Trong điện thờ pho tượng Phật Tổ Như Lai (Pháp Chủ) đúc bằng đồng rất lớn, nặng khoảng 100

tán và ở gian giữa điện còn đặt một sập thờ bằng gỗ, có chiều dài 8,7m, rộng 4,7m, cao 0,8m, theo kiểu chân quỳ dạ cá. Tòa Tam Thế tọa lạc trên đồi cao so với mặt nước biển là 76m. Đây là một tòa cao rộng đồ sộ, hoành tráng, với lối kiến trúc có 3 tầng mái cong, gồm 12 mái ở 4 phía, cao 34m, dài 59m, rộng hơn 40m, diện tích trong tòa khoảng 3.000m<sup>2</sup> gồm có 7 gian; trong điện thờ ba pho tượng Tam Thế (quá khứ, hiện tại, và vị lai), đúc bằng đồng, mỗi pho tượng nặng khoảng 50 tấn, cao 7.2m. Ba tầng mái có hai hàng cổ lâu có tác dụng nâng độ cao của tòa Tam Thế lên, đồng thời vừa lấy ánh sáng vừa để thông khí. Bốn phía nền của tòa Tam Thế đều xây các tường đá thấp, tam cấp theo độ dốc của đồi và xây nhiều bậc đá để đi lên, tạo cho không gian tòa Tam Thế hoành tráng, trang trọng.

Ngoài các hạng mục kể trên, tại quần thể này còn có nhiều hạng mục khác như: giếng Ngọc được xây lại từ giếng Ngọc của chùa Bái Đính cũ, hình mặt nguyệt, rất rộng có đường kính 30m, độ sâu 6m, miệng giếng xây lan can đá; Tháp bồ đề 9 tầng, Vườn tượng Phật tích bằng đá...Chùa Bái Đính không chỉ là nơi thu hút nhiều tăng ni phật tử khắp nơi mà còn là điểm đến thu hút nhiều du khách hành hương, văn cảnh.

#### *Đền vua Đinh*

Đền vua Đinh thờ vua Đinh Tiên Hoàng ở làng Trường Yên Thượng, xã Trường Yên, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình. Đền tọa lạc trên khuôn viên diện tích chừng 5ha, thờ vua Đinh Tiên Hoàng. Đền được xây dựng vào khoảng thế kỷ thứ 17, theo kiểu "nội công, ngoại quốc". Lớp ngoài là Ngọ môn quan (cổng ngoài) có 3 gian lợp ngói. Qua một sân ngấn vào đến lớp thứ hai là đến Nghi môn (cổng trong) 3 gian dựng bằng gỗ lim kiến trúc theo 3 hàng chân cột. Bốn góc ngoài của Nghi môn nội có xây bốn cột trụ cao. Đi hết chính đạo, qua hai cột trụ lớn là đến sân rồng. Giữa sân rồng có một long sàng bằng đá xung quanh chạm nổi, dài 1,8m, rộng 1,4m. Hai bên sập rồng có 2 con nghê đá chầu, được tạc trên hai tảng đá xanh nguyên khối đẹp.

Từ sân rồng bước lên là Bái đường 5 gian, kiến trúc độc đáo. Tiếp đến là Thiêu hương, kiến trúc theo kiểu ống muống, nơi thờ tứ trụ triều đình nhà Đinh. Đi hết tòa Thiêu hương du khách bước vào chính cung 5 gian. Gian giữa thờ tượng vua Đinh được đúc bằng đồng đặt trên bệ thờ bằng đá xanh nguyên khối. Hai bên bệ đá có hai con rồng chầu bằng đá, tạc theo kiểu yên ngựa. Gian bên phải thờ tượng Đinh Phụng Lang (ngoài), Đinh Đế Toàn (trong) đều quay mặt về phía bắc, là hai con thứ của vua Đinh Tiên Hoàng. Gian bên trái thờ tượng Đinh Liễn quay mặt về phía nam là con trưởng của vua Đinh Tiên Hoàng. Đền Đinh Tiên Hoàng là một kiến trúc độc đáo trong nghệ thuật chạm khắc gỗ và đá của các nghệ sĩ dân gian Việt Nam ở thế kỷ 17 - 19. Đền vua Đinh nằm giữa các tán cây đại thụ, các vườn cây ăn quả, cây cảnh đan xen nhau càng tạo nên vẻ bề thế, hoành tráng tôn nghiêm của ngôi đền.

#### *Đền vua Lê*

Đền vua Lê thờ vua Lê Đại Hành ở làng Trường Yên Hạ, xã Trường Yên, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình. Cách đền vua Đinh chừng 500m là đến đền thờ vua Lê Đại Hành. Đền nằm ở làng Trường Yên Hạ nên còn gọi là đền Hạ. Đền soi bóng xuống mặt nhánh sông Hoàng Long. Trước mặt đền là núi Đền, sau lưng là núi Đìa. Đền được xây theo kiểu "nội công ngoại quốc" nhưng qui mô nhỏ hơn đền vua Đinh. Qua Nghi môn ngoại (cửa ngoài) theo đường chính đạo lát gạch, phía bên trái là một hòn non bộ lớn, cao 3m tượng hình chim phượng múa, mỏ quay vào đền, hai cánh như đang bay.

Bên tay phải là nhà Tiền bái, ở mặt tiền có hòn non bộ "Hổ phục" gồm gốc cây duối thân to có 9 núi, tuổi thọ trên 300 năm. Bên trái nhà Tiền bái có hòn non bộ có dáng "voi

quỳ" được khắc hai chữ Hán "Bất di". Theo đường chính đạo bên phải còn có hồ nước rộng. Qua Nghi môn nội (cửa trong) cũng 3 gian, theo chính đạo kiến trúc đăng đối là hai vườn hoa, tiếp đó là hai dãy nhà vọng. Ở giữa vườn hoa bên phải có hai non bộ "Phượng ấp", bên trái là hòn non bộ "Long Mã". Ở sân rồng gần gian giữa của Bái đường có long sàng bằng đá. Đền có ba toà: toà ngoài là Bái đường, toà giữa là Thiêu hương thờ Phạm Cự Lượng, người có công với vua Lê Đại Hành đặt ở chính giữa. Bên trái là tượng Lê Ngọc Triều tức Lê Long Đĩnh (con thứ 5 của vua Lê Đại Hành). Bên phải là tượng hoàng hậu Dương Văn Nga. Đền thờ vua Lê Đại Hành là nghệ thuật chạm khắc gỗ ở thế kỷ 17 đã đạt đến trình độ điêu luyện, tinh xảo. Đền được xây dựng để tỏ lòng biết ơn của nhân dân đối với ông vua đã có công lớn lao trong việc xây dựng đất nước vào thế kỷ thứ 10.

### *Đền Thái Vy*

Đền thờ Trần Nhân Tông, hoàng hậu Thuận Thiên và Trần Thánh Tông - ông vua có công rất lớn đối với làng Văn Lâm, được xây dựng ở phía tây thôn Văn Lâm, xã Ninh Hải, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình. Đền Thái Vy được xây dựng theo kiểu "nội công, ngoại quốc". Trước đền có giếng Ngọc xây bằng đá xanh. Qua nghi môn phía bên phải là gác chuông hai tầng, tám mái, xây theo kiểu chồng diêm. Gác chuông làm bằng gỗ lim, mái lợp ngói mũi hài, các đầu đao cong vút như đuôi chim phượng. Bên hông có quả chuông đúc năm 1698. Từ sân rồng bước theo các bậc đá có độ cao 1,2m là đến Ngũ Đại môn (5 cửa lớn), có 6 cột đá tròn song song đều được chạm khắc nổi chầu và chính điện. Qua 5 cửa lớn là đến Bái Đường 5 gian uy nghi cũng có 6 cột đá vuông chạm khắc câu đối ở mặt ngoài, các mặt khác chạm khắc nổi: long, ly, quy, phượng, cá chép hoá long. Tiếp theo 4 hàng cột, đều được chạm khắc nổi long vân. Qua Trung đường vào 5 gian Chính tẩm cũng có 8 cột đá tròn được chạm khắc nổi: cầm, kỳ, thi, hoạ. Trong cung khám của Chính Tẩm giữa là tượng Trần Thánh Tông, bên trái là tượng Trần Thái Tông, bên phải là tượng hoàng hậu Thuận Thiên. Ngoài ra, trong Chính Tẩm còn phối thờ Trần Nhân Tông (bài vị thờ), Trần Anh Tông. Từ xưa, hàng năm cứ đến ngày 14 tháng 3 (âm lịch), lễ hội đền Thái Vy được tổ chức, gọi là quốc lễ. Đây là dịp để nhân dân Ninh Bình và nhân dân cả nước tưởng nhớ công lao các vua Trần - những người có công lớn với dân, với nước. Hình thức tổ chức lễ hội gồm hai phần: phần lễ và phần hội. Phần lễ được tiến hành hai hình thức: rước kiệu và tế. Phần hội ở đền Thái Vy thực sự là phần vui chơi giải trí của nhân dân và những người đến dự. Có các trò múa lân, múa rồng, đánh cờ người, đấu vật, bơi thuyền. Đến dự lễ hội đền Thái Vy là dịp chúng ta đi thăm các danh thắng ở đây, ngắm nhìn cảnh núi non, mây nước bao la, cũng là dịp thả bay trong gió những lo toan trần tục để hướng về cội nguồn, tưởng nhớ công lao các vua Trần.

### *Nhà thờ Phát Diệm*

Nhà thờ Phát Diệm là nhà thờ mang đậm kiến trúc phương Đông, thuộc thị trấn Phát Diệm, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình. Nhà thờ Phát Diệm cách Hà Nội 120km về phía nam, được xây dựng vào những năm 1875 - 1898. Phát Diệm có nghĩa là phát sinh ra cái đẹp, tên Phát Diệm do Nguyễn Công Trứ đặt. Nhà thờ được xây dựng trong suốt thời gian 24 năm liên tục, với trình độ kỹ thuật và điều kiện giao thông của những năm cuối thế kỷ 19 thì chỉ việc vận chuyển hàng nghìn tấn đá, có những phiến nặng 20 tấn, hàng trăm cây gỗ lim về tới Phát Diệm để xây nhà thờ cũng là một kỳ công. Kim Sơn vốn là vùng đất mới khai khẩn, trước đây rất lầy lội, để xử lý độ lún của khu đất trước khi xây dựng người ta đã chuyển cả một quả núi nhỏ cách 40km về Phát Diệm, khách về thăm nhà thờ còn thấy núi Sọ, đây chính là một phần của trái núi đã được dân rời về Phát Diệm. Đây là một quần thể



kiến trúc phương Đông gồm có (từ hướng nam đi vào): Ao hồ, Phương Đình, Nhà thờ lớn với bốn nhà thờ cạnh ở hai bên, ba hang đá nhân tạo, nhà thờ đá.

Phương Đình là khu vực đầu tiên trong quy hoạch kiến trúc của nhà thờ Phát Diệm. Đây là một công trình kiến trúc cao 25m, rộng 17m, dài 24m gồm ba tầng được xây dựng bằng đá phiến, lớn nhất là tầng dưới cùng được xây dựng bằng đá xanh. Nghệ thuật xây dựng Phương Đình rất đáng khâm phục, với kỹ nghệ thủ công những người thợ địa phương đã ghép những phiến đá nặng hàng nghìn cân, mức độ chính xác rất cao. Các vòm cửa bằng đá được lắp ghép đến trình độ tinh xảo. Giữa Phương Đình đặt một sập làm bằng đá nguyên khối, phía ngoài và bên trong là những bức phù điêu được khắc chạm trên đá hình ảnh chúa Giêsu và các vị thánh rất đẹp với những đường nét thanh thoát. Tầng thứ hai của Phương Đình treo một trống lớn. Tầng ba treo một quả chuông cao 1,4m, đường kính 1,1m, nặng gần 2000 kg, quả chuông lớn ở Phương Đình được đúc vào năm 1890. Mái của Phương Đình có năm vòm, bốn vòm ở bốn góc thấp hơn, vòm cao nhất là vòm ở giữa tầng ba. Mái của Phương Đình ở nhà thờ Phát Diệm không cao vút kiểu ngọn tháp như những nhà thờ khác mà là mái cong thấp cổ kính như mái đình, mái chùa.

*Nhà thờ lớn:* Nhà thờ lớn là nhà thờ chính được xây dựng năm 1891, có năm lối vào vòm đá được chạm trổ. Nhà thờ lớn dài 74m, rộng 21m, cao 15m, có bốn mái. Trong nhà thờ có 6 hàng cột gỗ lim nguyên khối, hai hàng cột giữa cao tới 11m, chu vi 2,35m, mỗi cột nặng khoảng 10 tấn. Gian thượng của thánh đường có một bàn thờ lớn làm bằng một phiến đá nguyên khối dài 3m, rộng 0,9m, cao 0,8m, nặng khoảng 20 tấn. Mặt trước và hai bên được chạm trổ các loài hoa đặc trưng của bốn mùa làm cho bàn thờ như được phủ một chiếc khăn màu thạch sáng. Hai phía bên nhà thờ có bốn nhà thờ nhỏ được kiến trúc theo một phong cách riêng.

*Nhà thờ đá:* nhà thờ đá còn được gọi là nhà thờ dâng kính trái tim Đức Mẹ. Gọi là nhà thờ đá vì tất cả mọi thứ ở nhà thờ này đều được làm bằng đá, từ nền, tường, cột, chân song cửa... Phía trong được chạm nhiều bức phù điêu đẹp, đặc biệt là bức chạm tứ quý: tùng, mai, cúc, trúc, tượng trưng cho thời tiết và vẻ đẹp riêng của bốn mùa trong một năm. Đường nét khắc họa những con vật như sư tử, phượng sống động đến lạ thường.

*Hang đá nhân tạo:* ở phía bắc khu nhà thờ Phát Diệm có 3 hang đá được tạo bằng những khối đá lớn nhỏ khác nhau giữ nguyên dáng vẻ tự nhiên. Trong đó, hang Lộ Đức là đẹp nhất.

Nhà thờ Phát Diệm, một công trình kiến trúc độc đáo có một không hai ở Việt Nam Các công trình kiến trúc nguy nga, tráng lệ nhưng hài hòa với cảnh vật thiên nhiên, mang đậm phong cách kiến trúc Á Đông.

### **Núi Non Nước**

Núi Non Nước (tên cổ là Dục Thúy Sơn), là một ngọn núi đẹp nằm ngay bên ngã ba sông Vân và sông Đáy, từng được ví là "cửa biển có non tiên" trong thơ Nguyễn Trãi. Núi Non Nước nằm ở phía đông bắc thành phố Ninh Bình. Nơi đây lưu giữ nhiều sự kiện lịch sử của các thời đại và những bài thơ cổ của các danh nhân nổi tiếng đã đến văn cảnh và vịnh thơ, khắc thơ trên núi. Núi cao trên 100m, đường lên đỉnh phải qua 72 bậc đá, chia làm 5 cấp. Đỉnh núi tương đối bằng phẳng, phía trước nhô cao hơn phía sau. Phía đông bắc là cửa sông Vân mở ra bao bọc ba mặt núi Dục Thúy, chỉ còn một mặt nối với đất liền. Hàng ngàn năm trước chân núi bị sóng biển bào mòn tạo thành một mái đá vòm cuốn rộng trên mặt sông xanh. Đây trở thành địa điểm tránh mưa cho tàu thuyền trên sông. Đứng trên núi, có cây cối xanh mát rất thuận tiện nghỉ ngơi, giải trí. Du khách có thể nhìn thấy toàn cảnh núi

Ngọc Mỹ Nhân (núi Cánh Diều) nằm cách đó không xa hoặc phóng tầm mắt bao quát toàn bộ thành phố Ninh Bình đang trên đường đổi mới và phát triển. Dưới chân núi có đền thờ danh sĩ Trương Hán Siêu đời Trần. Ông là người có công đầu phát hiện và khai thác vẻ đẹp của núi Non Nước. Ông đặt tên núi là Dục Thúy Sơn và là người đầu tiên lưu bút tích một bài thơ cho các thi sĩ đến thưởng ngoạn, ngắm cảnh làm những bài thơ khắc vào đá. Sách “Đại Nam nhất thống chí” có ghi: “Phía bắc núi có động, trong động có đền thờ Tam Phủ, sườn núi có một tảng đá gần sông có khắc ba chữ “Hám Giao Đình”, phía tây nam núi có đền thờ Sơn Tinh và Thủy Tinh”. Ngọn núi này đã từng là dấu tích của nhiều thời kỳ lịch sử. Phía đông có chùa Non Nước thờ Phật và Mẫu được xây dựng bằng đá với kiến trúc cổ vào đời vua Lý Nhân Tông. Trong thời kỳ này tháp Linh Tế cũng được xây ở trên đỉnh núi, trải qua mưa nắng tháp bị đổ, đến thời Trần Hiến Tông, nhà sư Trí Nhu đã xây lại tháp Linh Tế. Các vua nhà Hậu Lê cũng đặt hành cung ở trên núi này để đến nghỉ ngơi. Nhà Nguyễn cũng cho xây tường bao quanh, chòi canh thời Pháp, xưởng đúc súng ở trên núi. Núi Thúy còn là đề tài của các thi nhân xưa và nay. Hiếm có ngọn núi nào có trên 30 bài thơ văn khắc vào núi như núi Thúy và còn đến hàng trăm bài thơ vịnh cảnh của các nhà thơ qua các triều đại: Trần Anh Tông, Phạm Sư Mạnh, Trương Hán Siêu, Nguyễn Trãi, Lê Thánh Tông, Ngô Thì Nhậm, Ninh Tôn, Cao Bá Quát, Nguyễn Khuyến, Phạm Văn Nghị... Núi Dục Thúy còn là một chứng nhân lịch sử, một minh chứng cho tinh thần quật cường của quân và dân ta. Nơi vào thời nhà Đinh, Hoàng hậu Dương Vân Nga đã trao áo Long Bào cho tướng quân Lê Hoàn cầm quân đánh đuổi quân xâm lược nhà Tống lần thứ nhất, làm nên chiến thắng vang dội trong lịch sử dân tộc.

*Nước non Non Nước như thơ  
Ai về Dục Thúy chẳng ngơ ngẩn lòng  
Trên thì núi, dưới thì sông  
Cúc vàng còn đó, hương nồng còn đây*

Trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, quân giặc luôn tìm cách tiếp cận vị trí này để trấn giữ địa hình hiểm yếu. Dọc đường lên núi vẫn còn lộ cốt vôi vết tích của bom đạn thời chiến tranh. Trên đỉnh núi có bức tượng của người chiến sỹ cách mạng trẻ tuổi Lương Văn Tụy khi ấy mới 15 tuổi, đã nhận nhiệm vụ cùng hai đồng chí cộng sản khác giả người đi cầu, bí mật trèo lên đỉnh núi để treo cờ búa liềm vượt qua rào vây của kẻ thù để cắm cờ trên núi Thúy vào năm 1929. Cũng trên núi này, thượng tá quân đội Giáp Văn Khương đã liều mình nhảy xuống sông Đáy để trốn thoát khỏi sự truy bắt của quân Pháp. Núi Non Nước lắng đọng bề dày trầm tích gắn với lịch sử hình thành vùng đất Ninh Bình. Núi Thúy - sông Vân ngày nay là công viên Thúy Sơn và trở thành hình ảnh biểu tượng độc đáo đặc trưng của thành phố Ninh Bình, là một địa chỉ du lịch lý thú cho du khách mỗi lần có dịp về thăm Ninh Bình.

### **Lễ hội Trường Yên**

Hội Trường Yên thờ Vua Đinh Tiên Hoàng và vua Lê Đại Hành diễn ra hàng năm từ ngày 9-11/3 âm lịch, chính hội ngày mùng 10 tháng ba, tại xã Trường Yên, huyện Hoa Lư, Ninh Bình. Tại mảnh đất cổ đô Hoa Lư của nước Đại Cồ Việt xa xưa - nơi có đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng và vua Lê Đại Hành. Tương truyền, ngày 10/3 là ngày vua Đinh lên ngôi Hoàng đế. Đúng giờ phút thiêng liêng trong ngày 10 tháng 3, đoàn rước nước khởi hành từ đền vua Đinh Tiên Hoàng, đi đầu là cờ ngũ hành, cờ hành thủy (màu đen) đi giữa, sau đến đoàn múa rồng biểu hiện cho ý thức cầu nước và là biểu tượng vật thiêng (rồng vàng) từng cứu Đinh Tiên Hoàng thuở hàn vi; rồi tới phường bát âm đi hàng đôi, tiếp theo đến kiệu

long đình do bốn chàng trai khiêng, trên đặt một cái ché để đựng nước Thánh, đoàn rước tiến về phía sông Hoàng Long. Khi đoàn rước đến sông Hoàng Long, xuống thuyền. Đoàn rước có một thuyền rồng (thuyền chính) chèo ra giữa sông làm lễ, sau đó thả đồ vàng mã và đồ lễ xuống sông tạ ơn Hà Bá. Tiếp đó người chủ tế thả một chiếc vòng tròn vải đỏ xuống dòng sông, nước được múc từ trong vòng tròn này, đổ vào ché qua một lớp vải đỏ trên miệng. Nước trong vòng tròn vải đỏ là được lọc qua lớp vải sẽ càng tinh khiết hơn. Khi nước đã đầy ché, các thuyền tản ra, quay mũi về bến, riêng thuyền rước ché nước còn quay sang bên trái rồi mới trở lại bến cũ và tiếp tục cuộc rước nước về đền.

Lễ tế diễn ra vào ban đêm cùng lúc ở hai đền vua Đinh và đền vua Lê. Bài văn tế chia thành chín đoạn (cử khúc). Sau khi chủ tế xướng xong một đoạn có hai người phường nhà trò (một nam - đàn; một nữ - hát) diễn giải lại nội dung đoạn văn tế bằng điệu ca trù. Kết thúc lễ tế, khách hành hương trải hội vào điện thờ ở hai đền dâng hương làm lễ và chiêm bái di tích. Du khách trải hội có thể tham dự các trò vui, cuộc đấu như: võ, vật, đua thuyền, đu bay, hát chầu văn, bình thơ, thi thơ, trò kéo chữ, múa gậy, múa rồng, múa lân hoặc chơi cờ người...Độc đáo nhất của hội Trường Yên là trò "Cờ lau tập trận", diễn lại sự tích quãng đời chăn trâu thuở nhỏ của Đinh Bộ Lĩnh trên đất Trường Yên. Mùa xuân trải hội Trường Yên cũng là dịp du khách đi thăm di tích đền vua Đinh, đền vua Lê, thăm lăng vua Đinh trên đỉnh núi Mã Yên, độ cao khoảng 150m, tưởng nhớ về nguồn cội, tổ tiên - một vùng đất "địa linh nhân kiệt".

### ***Tam cốc- Bích Động***

Bích Động được mệnh danh là "Nam Thiên đệ nhị động" (động đẹp thứ nhì ở trời Nam) nằm trong dãy núi Ngũ Nhạc Sơn thuộc địa phận thôn Đạm Khê, xã Ninh Hải, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình. Năm 1773, cụ Nguyễn Nghiễm (thân sinh của đại thi hào Nguyễn Du) đã đến thăm động. Nhìn toàn cảnh núi, động, sông nước, đồng ruộng, bầu trời ở đây đều phủ một màu xanh ngọc mát nên cụ đã đặt cho động một cái tên rất đẹp và mộng mơ "Bích Động" (có nghĩa là Động Xanh). Đến đây du khách sau khi viếng thăm chùa, con thuyền nhỏ sẽ đưa du khách đi quanh co trong hang núi huyền ảo. Bích Động đã được mệnh danh là "Nam Thiên đệ nhị động" (động đẹp thứ nhì ở trời Nam). Thời gian đi và trở lại khoảng 2 giờ. Từ Bích Động du khách tiếp tục ngồi thuyền đi thăm Tam Cốc. Tam Cốc nghĩa là ba hang: hang Cả, hang Hai và hang Ba. Lúc thuyền luồn vào ba hang, du khách sẽ cảm thấy mát lạnh. Thạch nhũ từ trần hang rủ xuống lơ lửng ánh như những khối châu ngọc kỳ ảo. Hang Cả dài 127 m, xuyên qua một quả núi lớn, cửa hang rộng trên 20 m. Trong hang khí hậu khá mát và có nhiều nhũ đá rủ xuống với muôn hình vạn trạng. Hang Hai, cách hang Cả gần 1 km, dài 60 m, trần hang có nhiều nhũ đá rủ xuống rất kỳ lạ. Hang Ba, gần hang Hai, dài 50 m, trần hang như một vòm đá, thấp hơn so với hai hang kia.

### ***Động Tiên***

Động còn có tên gọi là động Móc ở thôn Đạm Khê, xã Ninh Hải, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình, cách Bích Động gần 1km. Du khách vào động giống như lạc bước vào chốn bồng lai, tiên cảnh, được khám phá và hoà mình vào khung cảnh tự nhiên kỳ thú. Động gồm có ba hang lớn, rộng, và cao vợi vợi. Đường vào động phải đi qua một khe hang nhỏ, mấp mô. Trần động là vân đá, nhũ đá rủ xuống lấp lánh nhiều sắc màu. Nhiều khối nhũ đá từ trên trần rủ xuống nền động cao hơn chục mét tựa như những rễ cây đa cổ thụ. Nhiều nhũ đá được đặt tên như: cây tiên, cây thóc, ông tiên, cô tiên, con voi, con hổ, kỳ đà... Xung quanh vách động và trên nền cũng có rất nhiều măng đá, nhũ đá. Những nhũ đá được thiên nhiên chạm trổ vừa phóng khoáng, vừa tinh xảo mà sống động. Đứng từ bên ngoài nhìn vào, dưới

ánh sáng kỳ ảo động Tiên như một lâu đài nguy nga tráng lệ trong huyền thoại.

### *Suối khoáng Kênh Gà*

Suối nước nóng Kênh Gà chảy ra từ lòng một quả núi nằm ở làng nổi Kênh Gà, thuộc địa phận thôn Kênh Gà, xã Gia Thịnh, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, cách Tp. Ninh Bình 15km về phía bắc. Đây là điểm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng và chữa bệnh thu hút nhiều du khách. Từ Hà Nội, theo quốc lộ 1A về phía nam khoảng 84 km đến ngã ba Gián Khâu, xã Gia Trấn, rẽ phải theo đường 477 qua thị trấn Me, du khách dừng chân tại bến Đồng Chùa (xã Gia Thịnh). Bắt đầu từ đây du khách sẽ được ngồi thuyền đi qua các nhánh sông Hoàng Long, vào làng nổi Kênh Gà, len lỏi giữa không gian lồng lộng gió núi, ngọt ngào hương lúa đồng chiêm để đến với suối nước nóng Kênh Gà. Suối nước nóng Kênh Gà đã có từ rất lâu, nhưng mãi đến năm 1940 mới được người Pháp nghiên cứu và biết đến. Suối cung cấp nước khoáng chứa hàm lượng muối natriclorua, kali clorua, canxi, magie clorua, và muối bicacbonat. Nước suối trong không màu, không mùi, nhiệt độ ổn định là 53°C. Mỗi giờ nguồn nước chảy ra hàng nghìn lít nước. Đến với Kênh Gà du khách không những được chiêm ngưỡng vẻ đẹp non nước hữu tình, mà còn được thả mình để tắm khoáng nóng nghỉ dưỡng, chữa bệnh quên đi những tất bật, bộn bề của cuộc sống. Nước khoáng Kênh Gà hiện nay còn được xử lý, đóng chai để cung cấp thêm nguồn nước khoáng quý từ thiên nhiên cho du khách. Tại đây, với hệ thống nghỉ dưỡng phong phú, cùng với dịch vụ ăn uống, vui chơi, giải trí... sẽ đem đến cho du khách những phút giây thư giãn thoải mái. Hệ thống lưu trú với: khu nhà sàn bao gồm phòng ngủ riêng biệt và tập thể thoáng đãng, khách sạn đạt chuẩn 2 sao; nhà hàng phục vụ trên 200 chỗ ngồi với nhiều món ăn đặc sản, truyền thống; các dịch vụ giải trí, thư giãn đa dạng, phong phú như: bể bơi tập thể chứa trên 50 người, phòng massage, karaoke, đặc biệt có khu vực đốt lửa trại. Suối nước nóng Kênh Gà là một điểm du lịch đồng quê độc đáo, một điểm nghỉ dưỡng khá lý thú, luôn níu kéo du khách.

### *Vườn quốc gia Cúc Phương*

Vườn Quốc gia Cúc Phương là vườn quốc gia đầu tiên của Việt Nam, thành lập vào tháng 7/1962, thuộc huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình, giáp ranh giữa ba tỉnh Ninh Bình, Hoà Bình và Thanh Hoá, cách Hà Nội hơn 100km về phía tây nam. Vườn quốc gia Cúc Phương có một quần thể hệ động thực vật vô cùng phong phú, đa dạng và độc đáo với diện tích 22.000ha, trong đó 3/4 là núi đá vôi cao từ 300 đến 600m so với mặt biển. Tại đây có đỉnh Mây Bạc cao 648,2m. Khí hậu ở Cúc Phương thuộc loại khí hậu nhiệt đới gió mùa, nhiệt độ trung bình năm khoảng 24,7°C. Địa hình phức tạp, rừng ở dạng nguyên sinh chứa nhiều bí ẩn, và cảnh quan độc đáo. Tại đây có rất nhiều hang động với cảnh quan kỳ thú và ẩn chứa những chứng tích văn hoá lịch sử lâu đời như động Trăng Khuyết, động Chúa, động Thủy Tiên, động Người Xưa, hang Con Moong, động San Hồ... Trong vườn còn có suối nước nóng 38°C. Hệ thực vật rất phong phú với 1.944 loài thuộc 908 chi và 229 họ. Đặc biệt có cây chò xanh, cây sấu cổ thụ đều trên dưới 1.000 năm tuổi, cao từ 50-70m. Riêng hoa phong lan có tới 50 loài, có loài cho hoa và hương thơm quanh năm. Hệ động vật đa dạng bao gồm 71 loài thú, hơn 300 loài chim, 33 loài bò sát và 16 loài lưỡng cư. Nhiều loài thú quý như: gấu, ngựa, lợn lòi, hổ, báo, chồn, sóc, khỉ... Khu chăn nuôi nửa tự nhiên với các loài hươu sao, nai, khỉ vàng, voọc quần đùi, sóc bay... là nơi phục vụ công tác nghiên cứu của các nhà khoa học và du khách có dịp chiêm ngưỡng như khi sống trong rừng tự nhiên. Cúc Phương còn là quê hương của hàng trăm loài chim, bướm đẹp và lạ.

Hiện nay, vườn quốc gia Cúc Phương đã trở thành một trung tâm cung cấp các loài

thực vật quý hiếm, có giá trị kinh tế cao phục vụ cho các chương trình trồng rừng trong khu vực và trên cả nước. Nơi đây đã có những khu gây giống tự nhiên đạt kết quả cho các loài chò chỉ, chò xanh, kim giao... Trong tương lai vườn còn xây dựng và mở rộng thêm cơ sở thực nghiệm để cung cấp giống nhiều loài cây thuốc, cây cảnh quý hiếm cho những nơi có nhu cầu. Đến Cúc Phương đẹp nhất vào mùa khô từ tháng 12 đến tháng 4, khi những cơn mưa rừng dữ dội đã đi qua. Đường tới Vườn Quốc gia Cúc Phương rất thuận tiện. Một khu rừng nguyên sinh với hệ sinh thái rừng nhiệt đới đa dạng, phong phú được bảo vệ nghiêm ngặt lại nằm trên tuyến đường du lịch với những điểm du lịch hấp dẫn như Bích Động, cố đô Hoa Lư, bãi biển Sầm Sơn... đang cuốn hút khách du lịch đến tham quan và các nhà khoa học đến nghiên cứu. Tại vườn còn có một số chương trình du lịch cho khách lựa chọn như đi bộ, du lịch mạo hiểm, leo núi.

#### *Khu du lịch Tràng An*

Khu du lịch sinh thái Tràng An được ví như một “Hạ Long cạn”, thuộc địa phận các xã Trường Yên, Ninh Vân, Ninh Hải (huyện Hoa Lư), Gia Sinh (huyện Gia Viễn), xã Ninh Nhất, phường Tân Thành (Tp. Ninh Bình) cách Hà Nội hơn 90km về phía nam. Diện tích khoảng 2000ha và nhiều tiềm năng du lịch lịch sử, sinh thái, văn hoá tâm linh, Tràng An là một điểm du lịch thu hút nhiều du khách trong và ngoài nước. Nơi đây có hệ thống núi đá vôi và hang động tự nhiên hết sức đa dạng. Nhiều dãy núi đá vôi vách dựng đứng ôm trọn cả thung lũng, dưới chân các dãy núi đá vôi có rất nhiều hàm ếch, cửa hang là dấu tích sự xâm thực của nước biển. Đến Tràng An, du khách sẽ không khỏi ngỡ ngàng với núi đá chon von, cỏ cây xanh ngắt cùng những thung nước trong vắt dưới chân vách đá và nhiều hang động kỳ bí.

Tràng An có chừng 50 hang động có nước trong khoảng 100 hang động, được nối với nhau bởi gần 30 thung, các thung lại thông với nhau qua các hang thủy động tạo nên hệ thống xuyên thủy động như một trận đồ bát quái vừa kỳ ảo vừa biến hóa khôn lường. Như sự sắp đặt vô tình của tạo hóa khiến cho chặng đi chặng về không lặp lại như con đường độc đạo trên nước. Cùng với cảnh quan thiên nhiên sơn thủy hữu tình, nên thơ, đặc điểm này tạo cho Tràng An một nét độc đáo mà hiếm nơi nào có được. Các thung ở đây đều mang một vẻ đẹp riêng, mây trời, non xanh, nước bạc hoà quyện vào nhau, thoát ản, thoát hiện giống như bức tranh thủy mặc khác nhau về núi và nước. Thung lớn nhất là thung Bạc Bài (366.000 m<sup>2</sup>), thung nhỏ nhất là thung Sáng (15.400 m<sup>2</sup>). Du khách xuống thuyền để khám phá sự kỳ bí của Tràng An. Không gian mở ra cả một vùng non nước mây trời khoáng đạt. Đáy nước trong xanh in sắc núi. Điểm dừng đầu tiên trong cuộc hành trình của du khách là đền Trình - tương truyền rằng ngôi đền đã được xây dựng từ rất lâu rồi và là nơi mà nhân dân trong vùng thờ hai vị giám quan nhà Đinh, các ông là những người bảo hộ khu vực này. Rời đền Trình, du khách bắt đầu cuộc hành trình khám phá các hang. Điều làm nên sự hấp dẫn trong hang là hệ thống nhũ đá tự nhiên cùng dòng nước mát lạnh, men theo những lối mòn hằn sâu trên vách hang, tạo thành những dòng chảy uốn lượn. Mỗi hang ở đây lại có những đặc trưng thể hiện ngay từ tên gọi của hang và gắn với những truyền thuyết riêng. Hang Tỏi dài khoảng 315m, đúng như nghĩa đen của nó, nếu như không có đèn du khách sẽ cảm thấy như đang trôi qua bóng đêm đặc quánh, nhiều chỗ hẹp và tối đến nỗi phải cúi người xuống thấp thuyền mới lách qua được, thì thoảng những giọt nước lạnh nhỏ xuống từ những nhũ đá khiến du khách không khỏi giật mình. Hang Nấu rượu dài 260m, có mạch nước ngầm sâu 10m. Tương truyền rằng xưa kia để nấu rượu tiến vua, các bậc tiền bối đã vào hang lấy nước. Khi nạo vét lòng hang có nhiều bình gốm, hũ, vại và các dụng cụ để nấu rượu đã được

phát hiện. Hang Sáng, mọi thứ đều sáng long lanh với những nhũ đá pha cát óng ánh kỳ lạ. Hang Ba Giọt không chỉ đẹp với vẻ kỳ lạ của sắc màu nhũ đá mà còn được gắn với một câu chuyện tình cảm động. “Một chàng trai không thể lấy được người con gái mình yêu, đã đến hang này, thắp nến trên lưng chú rùa nhỏ. Chàng khóc ba ngày ba đêm rồi sang hang Si để trầm mình. Cái tình của chàng khiến cho tất cả nhũ đá trong hang cũng phải nhỏ lệ thành những giọt nước mắt đá mê hồn. Khi đi qua Hang Ba Giọt du khách hứng lấy ba giọt nước trong lòng bàn tay thì sẽ công thành danh toại, hứng tiếp ba giọt nữa để uống thì tình yêu sẽ viên mãn”. Tiếp tục cuộc hành trình, du khách tới thung đền Trần, xuống thuyền lên thăm ngôi đền cổ được xây dựng từ đời Trần, bằng đá xanh nguyên khối, trạm trổ hoa văn tinh xảo. Đền Trần là nơi thờ trung vương tướng Trần Quý Minh, viên tướng trấn ải Sơn Nam thời Hùng Vương thứ 18. Sau khi thăm đền Trần, du khách sẽ được thuyền đưa đi qua hang Seo Lớn - chỉ có 98m nhưng lại chính là một chữ W phóng lớn của tự nhiên, qua hang Seo Bé để tới Phủ Khổng - là nơi thờ 7 vị quan trung thần triều Đinh, gắn với các truyền thuyết khi vua Đinh Tiên Hoàng băng hà. Đền tựa lưng vào núi, mặt nhìn ra thung nước trong xanh, phong cảnh sơn thủy hữu tình. Nơi đây còn có cây Thị mà người đời vẫn truyền nhau rằng dễ đến nghìn năm tuổi. Nhưng điều hết sức lạ lùng ở cây Thị này là quả của nó thường có hai loại khác nhau, đó là một loại quả hình tròn và một loại quả hình dẹt rất lạ mắt.

Khu du lịch sinh thái Trảng An còn là nơi có hệ sinh thái động thực vật đa dạng mà các nhà khoa học đã ví như một “bảo tàng địa chất ngoài trời” với khoảng hơn 310 loại thực vật bậc cao, nhiều loại rêu tảo và nấm. Trong đó, một số loài gỗ thuộc diện quý hiếm như: sưa, lát, nghiến cùng nhiều loài cây có giá trị cao được sử dụng làm thực phẩm, làm thuốc chữa bệnh như: hoài sơn, kim ngân, bách bộ, rau sắng, ... Ngoài ra, còn có khoảng 30 loài thú, hơn 50 loài chim, hàng chục loài bò sát, có một số loài thú quý hiếm như: sơn dương, báo gấm, chim phượng hoàng... Đến với Khu du lịch sinh thái Trảng An để được thưởng ngoạn một bức tranh thủy mặc mê đắm lòng người với non nước, mây trời, khám phá những hang động kỳ ảo và có những phút giây thanh tịnh, thư giãn với văn hóa tâm linh riêng có của nơi đây.

### ***Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Vân Long***

Vân Long không chỉ là khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước mà nơi đây còn có các di tích văn hóa, thuộc huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, cách Hà Nội 90km về phía Nam. Đến đây, du khách sẽ được ngồi trên thuyền đi thăm non nước mây trời Vân Long. Một vùng không gian rộng lớn với những dãy núi sừng sững tạo thành bức tường thành thiên nhiên hùng vĩ bao quanh những đầm nước mênh mông phẳng lặng, mang lại phong cảnh một miền quê yên ả. Với diện tích gần 3000ha, Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Vân Long có 32 hang động đẹp như: hang Cá, hang Bống, hang Rùa, hang Chanh, mỗi hang mang một vẻ đẹp độc đáo riêng nhưng đẹp nhất vẫn là hang Cá dưới chân núi Hoàng Quyền. Hang dài 250m, cao 8m, rộng 10m, cấu tạo nửa chìm nửa nổi, trần hang là những vòm đá cao rủ xuống nhiều thạch nhũ lấp lánh, dáng hình kỳ lạ giống như các con vật ở dưới nước và trên rừng, trong hang có rất nhiều cá trê, cá rô, cá chuối to.... Người dân ở đây kể lại, thời xưa có người bắt được một con cá chuối nặng 45kg, nên từ đó hang được gọi là hang Cá.

Trong số các hang động ở Vân Long, Thung Dơi có độ cao lớn nhất so với mặt đất (210m); hang có chiều rộng lớn nhất là hang Bống (16m). Rồi các dãy núi với những cái tên nghe thật thú vị như: núi Nghiên, núi Hòm Sách, núi Đá Bàn, núi Mèo Cào; hay núi Cô Tiên, núi Voi Dựng, núi Cánh Cổng, núi Mồ Côi... Trong khu rừng Vân Long có 457 loài

thực vật bậc cao. Đặc biệt, có 8 loài được ghi trong sách Đỏ Việt Nam: kiềng, lát hoa, tuế lá rộng, cốt toái bối, sắng, bách bộ, mã tiền hoa tán. Động vật có 39 loài, có 12 loài động vật quý hiếm như: Voọc quần đùi trắng chiếm số lượng lớn nhất ở Việt Nam, gấu ngựa, sơn dương, cu li lớn, khỉ mặt đỏ... Trong các động vật bò sát có 9 loài được ghi trong sách Đỏ Việt Nam như: rắn hổ chúa, kỳ đà hoa, trăn đất, rắn ráo trâu, tắc kè... Ngoài ra, khu vực ngập nước Vân Long có loài cà cuống thuộc chân bơi, một loài côn trùng quý hiếm đã được đưa vào sách Đỏ. Vào mùa khô, Vân Long là địa điểm trú đông của nhiều loài chim di cư từ phương bắc. Có tới hàng chục con gà lôi, diệc xám, hàng trăm con cò ngàng lớn, mòng két, và hàng nghìn con cò bợ, cò trắng, vạc tới kiếm ăn. Đến Khu bảo tồn thiên nhiên Vân Long, du khách không thể không đến thăm cây thị 600 năm tuổi, thăm chùa Chi Lê, đền chùa Mai Trung, đền thờ Lê Khả Lãng, đền Đức Thánh Nguyễn, khu danh thắng chùa và động Dịch Lộng, di tích đền thờ Đinh Tiên Hoàng, đền đức Thánh Ngộ, đền Thánh Mẫu thờ tứ vị Hồng Nương, thăm chùa Thanh Sơn Tự ở lưng chừng núi, chùa Tập Ninh, thăm bức tranh đá ở vách núi Mèo Cào... Cùng với cố đô Hoa Lư, Tam Cốc - Bích Động, rừng Cúc Phương..., Vân Long được mệnh danh là “vịnh Hạ Long cạn”.

### **7.2.11. Các tuyến du lịch nội vùng tỉnh Thái Bình**

Tỉnh Thái Bình có diện tích là 1.567,4 km<sup>2</sup>, dân số toàn tỉnh là 1.786,3 nghìn người (2010), tỉnh lỵ là thành phố Thái Bình và các huyện như Hưng Hà, Quỳnh Phụ, Thái Thụy, Đông Hưng, Vũ Thư, Kiến Xương, Tiền Hải. Tỉnh có các dân tộc sinh sống như Việt (Kinh), Thái, Ngái, Tày, Ra Glai.

*Điều kiện tự nhiên:* Thái Bình là tỉnh thuộc đồng bằng sông Hồng, là một trong những vựa lúa của miền Bắc. Phía bắc và đông bắc giáp tỉnh Hải Dương và Hải Phòng, phía đông giáp biển Đông, phía tây và tây bắc giáp Hà Nam và Hưng Yên, phía nam giáp tỉnh Nam Định. Thái Bình không có rừng núi, bốn phía là sông biển bao quanh (một mặt là biển, ba mặt là sông Hồng, sông Luộc, sông Hóa). Tỉnh có bờ biển dài 53km và có cảng biển Diêm Điền. Những khoáng sản trầm tích tiến xa ra biển, những mỏ dầu, khí đốt hấp dẫn giới khoa học và các nhà kinh tế, có trên 200 loài thủy sản có giá trị kinh tế cao, gần 2.500 đầu chim quý hiếm. Thái Bình chịu ảnh hưởng của khí hậu nhiệt đới gió mùa. Nhiệt độ trung bình năm khoảng 23°C- 24°C. Mùa đông thường ấm hơn so với các tỉnh nằm sâu trong đất liền. Mùa hè nóng nhưng có gió biển mát mẻ. Thành phố Thái Bình cách Hà Nội khoảng 110km, cách thành phố Hải Phòng 70km và cách thành phố Nam Định 18km. Hệ thống cầu được xây dựng trên tất cả các tuyến đường chính gồm cầu Tân Đệ, cầu Thái Bình, cầu Triều Dương.

*Tiềm năng phát triển du lịch:* Đến với Thái Bình, là đến với các công trình văn hóa lịch sử và sinh hoạt văn hoá dân gian. Toàn tỉnh có 82 công trình kiến trúc đã được nhà nước xếp hạng, nổi tiếng nhất vẫn là chùa Keo, đền Đồng Bằng, đền Tiên Ca, cung Long Hưng, với những gác chuông chạm khắc đá, các di vật quý hiếm và tài nghệ. Thái Bình có gần 30 lễ hội khác nhau như hội Keo, Tiên Ca, Đồng Bằng, hội Du xuân, hội thi nghề... Nơi đây cũng có nhiều làng nghề thủ công truyền thống như chạm bạc, thêu ren, dệt dũi, dệt chiếu. Các hình thức sinh hoạt văn hóa ở Thái Bình hết sức phong phú với 16 thể loại hát, múa, đặc trưng như múa rối nước Nguyên Xá, chèo làng Khuốc, kéo chũ Phụng công, múa bát đập, hát ổng Lộng Khê, hát trẻ khói Cốc mỗ... nhiều trò chơi độc đáo: Thi pháo đất, bắt cá, bắt trạch, bắt vịt, nấu cơm, dệt chiếu, rước ông Đùng - bà Đà, chọi trâu, chọi gà... Thái Bình còn có các bãi biển Đồng Châu, có các đảo cồn Vành, cồn Thủ và có làng vườn Bách Thuận bốn mùa ngát thơm hoa trái. Đó chính là tiềm năng du lịch của tỉnh.

## Các điểm du lịch tỉnh Thái Bình

### *Chùa Keo*

Chùa Keo là một trong những ngôi cổ tự nổi tiếng bậc nhất ở Việt Nam, tọa lạc tại xã Duy Nhất, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình. Gác chuông chùa Keo là một công trình nghệ thuật bằng gỗ độc đáo. Từ thành phố Nam Định, qua cầu Tân Đệ, rẽ phải, theo đê sông Hồng, đi khoảng 10km là đến chùa. Nằm ở chân đê sông Hồng giữa vùng đồng bằng, chùa Keo với gác chuông như một hoa sen vươn lên giữa biển lúa xanh rờn. Theo sách Không Lộ Thiền sư ký ngữ lục, chùa ban đầu có tên là Nghiêm Quang, được Không Lộ xây dựng từ năm 1067 tại làng Giao Thủy (tên nôm là làng Keo) bên hữu ngạn sông Hồng. Sau khi Thiền sư Không Lộ qua đời, chùa Nghiêm Quang được đổi tên là Thần Quang Tự. Theo thời gian, nước sông Hồng xói mòn dần nền chùa và đến năm 1611, một trận lũ lớn đã cuốn trôi cả làng mạc lẫn ngôi chùa. Dân làng Keo phải bỏ quê cha đất tổ ra đi: một nửa dời về đông nam hữu ngạn sông Hồng, về sau dựng lên chùa Keo - Hành Thiện (nay thuộc tỉnh Nam Định); một nửa vượt sông đến định cư ở phía đông bắc tả ngạn sông Hồng, về sau dựng lên chùa Keo - Thái Bình. Việc dựng chùa mới được bắt đầu từ năm 1630, hoàn thành năm 1632, chùa được dựng theo phong cách kiến trúc thời Lê, nhờ sự vận động của bà Lại Thị Ngọc, vợ Tuần Thọ Hầu Hoàng Nhân Dũng, và Đông Cung Vương phi Trịnh Thị Ngọc Thọ. Chùa được trùng tu nhiều lần vào các thế kỷ 17, 18 và năm 1941.

Chùa có quy mô kiến trúc rộng lớn trên một khu đất khoảng 58.000m<sup>2</sup>. Hiện nay toàn bộ kiến trúc chùa còn lại 17 công trình gồm 128 gian xây dựng theo kiểu "Nội công ngoại quốc". Từ cột cờ bằng gỗ chò thẳng tắp cao 25m ở ngoài cùng, đi qua một sân lát đá, khách sẽ đến tam quan ngoại, hồ sen, tam quan nội với bộ cánh cửa chạm rồng châu (thế kỷ 16). Điện Phật được bài trí tôn nghiêm. Sau chùa Phật có đền thờ Thiền sư Không Lộ, người khai sơn ngôi chùa vào thời Lý. Công trình kiến trúc nổi tiếng của chùa là gác chuông. Gác chuông chùa Keo là một công trình nghệ thuật bằng gỗ độc đáo, tiêu biểu cho kiến trúc cổ Việt Nam thời hậu Lê. Được dựng trên một nền gạch xây vuông vắn, gác chuông cao 11,04m, có 3 tầng mái, kết cầu bằng những con sơn chồng lên nhau. Tầng một có treo một khánh đá dài 1,20m, tầng hai có quả chuông đồng cao 1,30m đường kính 1m đúc vào thời Lê Hy Tông năm 1686, tầng ba và tầng thượng treo chuông nhỏ cao 0,62m, đường kính 0,69m đúc năm 1796. Đến thăm chùa, du khách có thể nhìn thấy những đồ thờ quý giá tương truyền là đồ dùng của Thiền sư Không Lộ như một bộ tràng hạt bằng ngà, một bình vôi to và ba vỏ ốc lóng lánh như dát vàng mà người ta kể lại rằng chính do Không Lộ nhặt được thỏ còn làm nghề đánh cá và giữ làm chén uống nước trong những năm tháng tu hành. Chùa đã được Bộ Văn hóa Thông tin công nhận là Di tích lịch sử - văn hóa quốc gia.

### *Hội chùa*

Hàng năm vào ngày mùng bốn tháng giêng âm lịch, nhân dân làng Keo xã Duy Nhất lại mở hội xuân ngay ở ngôi chùa. Hơn chín tháng sau, vào các ngày 13, 14, 15 tháng chín âm lịch, chùa Keo lại mở hội mùa thu. Đây là hội chính, kỷ niệm ngày Thiền sư Không Lộ (1016-1094), người sáng lập ngôi chùa, qua đời (Ngài qua đời ngày 3 tháng 6 âm lịch). Trong ngày hội, người ta tổ chức lễ rước kiệu, hương án, long đình, thuyền rồng và tiểu đình. Trên con sông Trà Lĩnh ngang trước chùa chảy ra sông Hồng, người đi hội đổ về xem cuộc thi bơi chải, thi kèn trống, thi bơi thuyền và biểu diễn các điệu múa cổ. Trong chùa thì có cuộc thi diễn xướng về đề tài lục cúng: hương, đăng, hoa, trà, quả, thực, thật sinh động.

### *Thánh tượng*



Chùa Keo không chỉ lưu giữ nhiều di vật quý giá mà còn chứa đựng những điều huyền bí gắn liền với cuộc đời Thiền sư Không Lộ. Theo sách Trùng san Thân Quang Tự Phật tổ bản hành thiền uyển ngữ lục tập yếu, Thiền sư Không Lộ vốn họ Dương, sinh ra trong một gia đình ngư phủ, xuất gia theo Thiền sư Lô Hà Trạch. Tương truyền rằng từ khi đắc đạo, Thiền sư Không Lộ có khả năng bay trên không, đi trên mặt nước và thuần phục được rắn, hổ. Truyền thuyết còn kể rằng trước khi viên tịch, Ngài hóa thành khúc gỗ trầm hương, lấy áo đắp lên và khúc gỗ biến thành tượng. Thánh tượng này nay còn lưu giữ trong hậu cung quanh năm khóa kín cửa.

Cứ 12 năm một lần, làng Keo lại cử ra một người hội chủ và bốn viên chấp sự để làm lễ trang hoàng tượng Thánh. Những người này phải ăn chay, mặc quần áo mới, họ rước thánh tượng từ cấm cung ra rồi dùng nước dừa pha tinh bưởi để tắm và tô son lại cho tượng Thánh. Công việc này phải làm theo một nghi thức được quy định rất nghiêm ngặt, những người chấp sự phải tuyệt đối giữ kín những gì đã thấy trong khi trang hoàng tượng Thánh.

### ***Khu du lịch biển Đồng Châu***

Biển Đồng Châu thuộc huyện Tiên Hải, cách thành phố Thái Bình 35km theo tỉnh lộ đi Kiến Xương - Tiên Hải. Du khách sẽ được tận hưởng bầu không khí trong lành của biển, của bãi tắm luôn lồng gió. Diện tích toàn khu du lịch rộng hàng chục km<sup>2</sup>, trung tâm của khu du lịch là bãi biển Đồng Châu dài 5km, nơi đây đã hình thành hệ thống các khách sạn, nhà nghỉ cao tầng phục vụ du khách đến với Đồng Châu tắm biển, nghỉ dưỡng. Điều thú vị là từ bãi tắm Đồng Châu, du khách có thể đi tàu, xuống gấn máy ra thăm và tắm biển ở Cồn Thủ, Cồn Vành. Cách đất liền 7km, Cồn Thủ và Cồn Vành nổi lên như hai ngọn sóng xanh giữa biển khơi. Cồn Thủ có bãi cát trắng mịn, có rừng thông, rừng phi lao xanh ngắt, có bãi tắm nhỏ thơ mộng là địa điểm lý tưởng cho du khách đi tắm biển, tổ chức các cuộc picnic và nghỉ dưỡng bằng tàu thuyền với các trò vui chơi, giải trí trên biển như câu cá, lướt ván, bóng chuyền bãi biển ... Cồn Vành rộng 15km<sup>2</sup>, có khu bảo tồn rừng ngập mặn là điểm dừng chân của các loài chim quý hiếm như cò thìa, bồ nông, mòng biển ... Hằng năm nơi đây đã thu hút rất nhiều du khách là các nhà nghiên cứu, khách du lịch tới thăm cồn đảo. Đến với khu du lịch biển Đồng Châu, du khách sẽ được tận hưởng bầu không khí trong lành của biển, của bãi tắm luôn lồng gió, được thăm quan đền Nhà Bà thờ vợ một vị vua đời Tống bên Trung Quốc đã có công giúp nhà Trần đánh quân Nguyên Mông và đây cũng là cơ sở hoạt động của xứ uỷ Bắc Kỳ trước cách mạng tháng Tám.

### ***Làng chạm bạc Đồng Xuân***

Làng nghề chạm bạc Đồng Xuân (tên cũ là Đường Thâm) nằm ở bên hữu ngạn sông Đồng Giang, thuộc xã Hồng Thái, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình. Những ghi chép trong sách sử cho biết: làng này hình thành vào cuối thời Trần-Hồ, cách chúng ta ngày nay trên 600 năm. Làng hiện còn một am thờ và một tấm bia đá ở trong khu chùa Đường (thôn Thượng Gia ngày nay). Đó là một *văn bia Tổ nghề* (dựng năm 1689). Trên văn bia có ghi: "*Hoàng triều Chính Hoà thập niên, Tổ phụ Nguyễn Kim Lâu (...) Bảo Long tự lạc học nghệ, đảo Đồng Xuân xứ kiến lập thập nhị phường kim hoàn truyền nghệ.*" Tạm dịch: Năm thứ mười dưới triều vua Chính Hoà (1689), vị tổ sư Nguyễn Kim Lâu vốn làm nghề vàng bạc ở Châu Bảo Long, tới xứ Đồng Xuân lập ra mười hai phường để truyền nghề.

Nguyễn Kim Lâu sống vào khoảng đầu thế kỷ 17. Và như vậy nghề chạm bạc Đồng Xuân đã tồn tại gần 400 năm nay. Buổi đầu là nghề hàn đồng, gò thùng chậu, đánh dao kéo, chữa khoá, làm quai và vòi ấm tích, điều bát... về sau mới làm đồ kim hoàn, chuyên sâu về chạm bạc. Cũng như nhiều nghề thủ công cao cấp khác, như đúc đồng, luyện kim... nghề

kim hoàn mang lại thu nhập cao cho người thợ, kỹ thuật lại hết sức phức tạp, nên suốt mấy trăm năm người Đồng Xâm luôn giữ bí mật nghề. Đến nay, kỹ thuật này không còn là độc quyền của thợ Đồng Xâm nữa, nhưng một số thủ pháp kỹ thuật và nghệ thuật tinh xảo nhất vẫn được giữ bí truyền. Phường chạm bạc xưa đã qui định chặt chẽ trong hương ước của làng rằng: người nào đem bí quyết nghề truyền dạy cho nơi khác, cho người làng khác, hay làm đồ giả để lừa người khác, gây sự bất tín thì phải phạt thật nặng...hoặc đem đánh đòn trước nhà thờ Tổ, hoặc phải xoá tên trong phường.

Hàng chạm bạc Đồng Xâm khác hẳn và nổi trội so với hàng bạc của các nơi khác ở các kiểu thức lạ về hình khối, dáng vẻ sản phẩm, ở các đồ án trang trí tinh vi mà cân đối, lộng lẫy mà nổi rõ chủ đề chính, ở thủ pháp xử lý sáng-tối nhờ tận dụng đặc tính phản quang của chất liệu bạc. Đặc trưng của sản phẩm Đồng Xâm là sự điêu luyện tế nhị và hoàn hảo tới mức tối đa. Có thể nói rằng tài năng và tính cẩn trọng của nghệ nhân bạc Đồng Xâm đã và đang có thể đáp ứng được mọi yêu cầu sử dụng đồ chạm bạc của những khách hàng khó tính và am tường nghệ thuật nhất.

### ***Làng vườn Bách Thuận***

Làng vườn Bách Thuận là làng vườn trù phú với những vườn cây ăn quả và cây cảnh thuộc huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình. Làng nằm cách thành phố Thái Bình 20km theo hướng cầu Tân Đệ đi Nam Định. Đây là một làng vườn trù phú, rìa làng là bãi phù sa nơi trồng dâu nuôi tằm và chuối, mía. Trong làng là những vườn cây ăn quả, cây cảnh. Đến Bách Thuận, du khách như lạc vào một công viên thu nhỏ với đủ các gam màu đậm nhạt... Dọc hai bên đường làng là màu xanh thẫm của ngô và màu xanh tươi của hoè. Thiên nhiên đã ưu đãi cho Bách Thuận phát triển nghề vườn truyền thống. Ở đây có đủ các loại hoa, quả bốn mùa: táo, ổi, roi, mận, chanh, nhãn, vải, hồng xiêm, cam, quýt, chuối, mít...Bách Thuận còn là một làng quê cổ, tiêu biểu cho các làng quê ở vùng đồng bằng Bắc Bộ. Nơi đây có chùa Từ Vân và Bách Tính đã được Nhà nước xếp hạng di tích cần được bảo vệ, là một điểm du lịch để du khách tới thập hương, văn cảnh. Du khách trong và ngoài nước rất thích thú với cảnh quan, môi trường sinh thái ở làng vườn Bách Thuận.

### ***Khu di tích các vua Trần***

Khu di tích các Vua Trần thuộc xã Tiến Đức và xã Liên Hiệp, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình đã được Nhà nước xếp hạng là di tích lịch sử văn hóa di tích khảo cổ học cấp quốc gia, là một điểm du lịch có giá trị đặc biệt, là nơi liên quan đến cội nguồn dân tộc luôn luôn hấp dẫn du khách trong và ngoài nước về thăm.

Mảnh đất Hưng Hà - Thái Bình là nơi chứa đựng những dấu ấn lịch sử gắn chặt với triều đại nhà Trần (1226 - 1400), các vua khai sáng nhà Trần đều được sinh ra tại đây, gia tộc nhà Trần dựa vào đây dựng nghiệp. Khi đã thành vương triều Trần, vùng đất này được chọn làm nơi xây dựng các đền thờ, lăng tẩm của Hoàng tộc nhà Trần. Nơi đây có di chỉ khảo cổ mộ các vua Trần (xã Tiến Đức); khu lăng mộ thái sư Trần Thủ Độ, đình Khuốc, đình Ngừ thờ thái sư, mộ và đền thờ Linh từ quốc mẫu Trần Thị Dung (xã Liên Hiệp); Tam đường - là nơi lưu giữ hài cốt của các tổ tiên triều Trần như: Thủy tổ Trần Kinh, thái tổ Trần Hấp, nguyên tổ Trần Lý, thái thượng hoàng Trần Thừa ... Các hoàng đế nhà Trần như Trần Thánh Tông, Trần Thái Tông, Trần Nhân Tông cùng các hoàng hậu sau khi qua đời đều được quy về hợp táng tại các lăng mộ có tên Thọ lăng, Chiêu lăng, Dự lăng, Quy đức lăng...Cùng với lăng mộ, nhà Trần còn cho xây dựng các cung điện như điện Tịnh Cương, điện Hưng Khánh, điện Thiên An, điện Diên Hiền.

Lịch sử Việt Nam thế kỷ 13, 14 (từ 1226 - 1400) gắn liền với công lao và sự phát triển rực rỡ của vương triều nhà Trần. Những chiến công lừng lẫy của 3 lần đánh thắng quân xâm lược Nguyên Mông, cùng với các cuộc chinh phạt quân Chiêm Thành phía Nam đã làm cho khoa học và nghệ thuật quân sự của triều Trần đạt được những thành tựu vượt bậc. Dưới đời Trần, các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội đều phát triển cao, tạo nên nền văn hóa đặc sắc của nước Đại Việt thời Trần. Tên tuổi của các vị vua Trần cùng các chiến thắng Đông Bộ Đầu, Chương Dương, Hàm Tử, Tây Kết, Bạch Đằng ... mãi mãi là niềm tự hào của dân tộc Việt Nam.

### **7.3. Các tuyến du lịch xuyên vùng các tỉnh**

#### **7.3.1. Các tuyến du lịch xuyên tỉnh**

**Tuyến 1: Ninh Bình - Nam Định - Thái Bình - Hải Phòng - Quảng Ninh**

**Tuyến 2: Hà Nội - Bắc Ninh - Hưng Yên - Hà Nam - Ninh Bình.**

**Tuyến 3: Hà Nội – Hải Dương – Hưng Yên – Quảng Ninh – Hải Phòng**

#### **7.3.2. Các tuyến du lịch phụ trợ**

Được xác định từ trung tâm tiêu vùng đi các điểm du lịch phụ cận trong không gian tiêu vùng.

*Các tuyến xuất phát từ Hà Nội*

- + Hà Nội - Đông Mô - Ba Vì - Suối Hai
- + Hà Nội - Chùa Hương.
- + Hà Nội - Sóc Sơn - Lim - thành phố Bắc Ninh.
- + Hà Nội - Đại Lải - Tam Đảo.
- + Hà Nội - Côn Sơn - Kiếp Bạc.
- + Hà Nội - Phố Hiến

*Các tuyến từ Ninh Bình*

- + Ninh Bình - Kim Sơn.(Nhà thờ đá, cồn Nổi, cồn Mò).
- + Ninh Bình - Nam Định (qua Phủ Giầy, Đền Trần, tháp Phổ Minh...).
- + Ninh Bình - Thái Bình (Đền Trần, chùa Keo, khu sinh thái Cồn Vành).

*Các tuyến từ Hạ Long, Hải Phòng*

- + Hạ Long-Yên Tử.
- + Hạ Long - Vân Đồn - Trà Cổ.
- + Hạ Long - Quan Lạn - Cô Tô.
- + Hải Phòng - Đồ Sơn - Bạch Long Vĩ.

#### **7.3.3. Các tuyến du lịch chuyên đề**

**Tuyến 1:** Tuyến du lịch tham quan các di tích lịch sử - văn hóa theo các triều đại của lịch sử Việt Nam: Đinh, Lý, Trần, Lê.

**Tuyến 2:** Tham quan các làng nghề, làng Việt cổ: Đường Lâm - Bát Tràng - Đông Hồ - Mạn Xuyên - Hoa Lư - La Xuyên.v.v....

**Tuyến 3:** Lễ hội, tâm linh: Chùa Hương - Tam Chúc - Bái Đính - Đền Trần - Phủ Giầy - Yên Tử. (Tuyến này kết nối với Đền Hùng, Phú Thọ).

**Tuyến 4:** Du khảo đồng quê các tỉnh vùng châu thổ sông Hồng.

**Tuyến 5:** Tham quan phố cổ: Hà Nội- Hải Phòng - Nam Định.

**Tuyến 6:** Sinh thái, khám phá biển, đảo, ở các tỉnh ven biển.

**Tuyến 7:** Khám phá nghiên cứu hệ thống vườn quốc gia, khu bảo tồn tự nhiên.

**Tuyến 8:** Tham quan hang, động (Khu vực Tràng An và khu vực vịnh Hạ Long).

**Tuyến 9:** Tuyến đường sông: Theo sông Hồng, sông Thái Bình.

## **TÓM TẮT CHƯƠNG 7**

*Trong chương này, sinh viên nắm được các nội dung sau:*

*Khái quát chung về tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch nhân văn thuộc vùng du lịch đồng bằng sông Hồng và duyên hải Đông Bắc*

*Khái quát chung về cơ sở vật chất – kỹ thuật phục vụ hoạt động du lịch thuộc vùng đồng bằng sông Hồng và duyên hải Đông Bắc.*

*Sinh viên sẽ hiểu và nắm rõ hơn về các loại hình du lịch ở các tỉnh Hải Dương, Nam Định, Thái Bình và thành phố Hà Nội.*

*Giới thiệu tóm tắt đôi nét về điều kiện tự nhiên, điều kiện kinh tế, dân số, văn hóa và các dân tộc cư trú tại mỗi tỉnh, thành phố thuộc vùng du lịch đồng bằng sông Hồng và duyên hải Đông Bắc*

*Đồng thời, mỗi tỉnh, thành phố sẽ giới thiệu khái quát về các điểm đến tham quan bao gồm những danh lam thắng cảnh, nghệ thuật, lễ hội, phong tục tập quán của các dân tộc cùng cư ngụ tại đây.*

*Khái quát một số tài nguyên du lịch tự nhiên có thể khai thác các tuyến du lịch trên sông, đồng bằng của các tỉnh, thành phố.*

*Giới thiệu một số tuyến điểm xuyên vùng du lịch của các tỉnh, thành phố, cũng như các tuyến, điểm du lịch bằng hàng không, đường sắt.*

*đồng bằng sông Hồng và duyên hải Đông Bắc, trong đó hai thành phố trực thuộc Trung ương là hai điểm có số lượng khách du lịch quốc tế đến bằng đường biển ngày một nhiều hơn.*

*Khái quát chung về các tuyến du lịch tiêu vùng Nam sông Hồng*

*Khái quát chung về các tuyến du lịch tiêu vùng đồng bằng sông Hồng*

*Khái quát chung về các tuyến du lịch tiêu vùng duyên hải Đông Bắc*

*Hiểu được tài nguyên du lịch nhân văn được khai thác vào du lịch đến với các lễ hội, nghệ thuật, các di tích lịch sử văn hóa của các địa phương các đồng bằng sông Hồng và duyên hải Đông bắc.*

## **CÂU HỎI ÔN TẬP**

Câu 1: Vùng du lịch đồng bằng sông Hồng và duyên hải Đông Bắc có bao nhiêu tỉnh, thành phố?

Câu 2: Theo anh/chị các tỉnh, thành phố vùng du lịch đồng bằng sông Hồng và duyên hải Đông Bắc có những loại tài nguyên du lịch gì? Mỗi loại tài nguyên du lịch cho ví dụ minh họa?

Câu 3: Đặc điểm chung của vùng du lịch đồng bằng sông Hồng và duyên hải Đông Bắc là loại hình du lịch gì? Giải thích tại sao?

Câu 4: Tuyến du lịch Hà Nội đến vịnh Hạ Long?

Câu 5: Giới thiệu khái lược về tuyến du lịch vịnh Hạ Long?

Câu 6: Tại sao thành phố Hà Nội và Hải Phòng là địa điểm trung chuyển khách du lịch lớn của cả nước?

Câu 7: Anh/Chị hãy nêu cho biết các tỉnh, thành phố trong vùng có bao nhiêu sân bay nội địa? Bao nhiêu sân bay quốc tế? Hãy kể tên các sân bay đó?

Câu 8: Anh/Chị hãy nêu cụ thể một tour du lịch biển trong vùng du lịch đồng bằng sông Hồng và duyên hải Đông Bắc

Câu 9: Anh/Chị hãy cho biết rừng Cúc Phương thuộc các tỉnh nào? Giới thiệu khái quát một điểm trên?

Câu 10: Anh/Chị hãy giới thiệu về một tour du lịch Hạ Long thuộc tỉnh Quảng Ninh 2 ngày 1 đêm đi từ Hà Nội?

## CHƯƠNG 8: TUYẾN ĐIỂM DU LỊCH VÙNG DU LỊCH TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ

Sau khi học xong chương này, sinh viên có các kiến thức sau:

- Hiểu được các loại tài nguyên du lịch tự nhiên được khai thác vào du lịch đường sông, biển, đường bộ và hàng không thuộc các tỉnh Trung du và miền núi Bắc bộ.
- Hiểu được tài nguyên du lịch nhân văn được khai thác vào du lịch đến với các lễ hội, nghệ thuật, các di tích lịch sử văn hóa của các địa phương các tỉnh Trung du và miền núi Bắc bộ.
- Hiểu được các tuyến du lịch nội tỉnh và vùng du lịch Trung du và miền núi Bắc bộ
- Nắm được các loại du lịch tiêu biểu được khai thác trong hoạt động du lịch thuộc vùng..

### 8.1. Khái quát chung về vùng du lịch Trung du và miền núi Bắc bộ

#### 8.1.1. Tài nguyên du lịch tự nhiên

Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ bao gồm 14 tỉnh: Hòa Bình, Sơn La, Điện Biên, Lai Châu, Yên Bái, Phú Thọ, Lào Cai, Tuyên Quang, Hà Giang, Bắc Kạn, Thái Nguyên, Cao Bằng, Lạng Sơn và Bắc Giang. Diện tích 95.338,8 km<sup>2</sup>, dân số 11.169,3 nghìn người, mật độ dân số 117 người/km<sup>2</sup>.

*Về tự nhiên:* nổi bật là hệ sinh thái núi cao gắn với dãy Hoàng Liên Sơn phía Tây Bắc, hang động gắn với hệ sinh thái karst ở Đông Bắc và hệ sinh thái vùng trung du khu vực trung tâm.

*Tài nguyên khác:* Biên giới đường bộ với Trung Quốc dài 1.240km, với Lào 610 km gắn với hệ thống cửa khẩu và khu kinh tế cửa khẩu quan trọng như Pa Háng (Sơn La), Tây Trang (Điện Biên), Ma Lù Thàng (Lai Châu), Hà Khẩu (Lào Cai), Thanh Thủy (Hà Giang), Tà Lùng (Cao Bằng), Hữu Nghị, Tân Thanh (Lạng Sơn).

Các điểm tài nguyên nổi bật: hồ Hòa Bình, Mai Châu (Hòa Bình); Mộc Châu, Hồ Sơn La (Sơn La); Điện Biên Phủ, Pá Khoang (Điện Biên Phủ); Sìn Hồ (Lai Châu), hồ Thác Bà (Yên Bái), đền Hùng (Phú Thọ), Sa Pa, Phan Xi Phăng (Lào Cai), Đồng Văn, Mèo Vạc (Hà Giang), hồ Ba Bể (Bắc Kạn), hang Pác Pó, thác Bản Giốc (Cao Bằng), Tân Trào, hồ Nà Hng (Tuyên Quang), Định Hóa, hồ Núi Cốc (Thái Nguyên), Tp. Lạng Sơn, Đồng Đăng, núi Mẫu Sơn (Lạng Sơn), hồ Cẩm Sơn (Bắc Giang),v,v...

Hệ thống giao thông

*Đường bộ:* Vùng có các quốc lộ nối với thủ đô Hà Nội., với Lào, Trung Quốc và nối khu vực phía Đông và Tây của vùng đó là QL 1, QL2, QL3, QL6, QL 70, QL 279, QL 4 (A,B,C,D), QL 12... Đường Hồ Chí Minh từ Pắc Pó (Cao Bằng) qua Bắc Cạn, Tuyên Quang, Phú Thọ nối với thủ đô Hà Nội và các tỉnh phía Nam.

*Đường sắt:* vùng có hai tuyến liên vận quốc tế từ Hà Nội là Hà Nội – Lào Cai – Côn Minh (Trung Quốc), và Hà Nội – Đồng Đăng – Nam Ninh (Trung Quốc).

*Đường không:* vùng có các sân bay nội địa Điện Biên Phủ (Điện Biên), Nà Sản (Sơn La) và trong tương lai sẽ phát triển thêm sân bay Lào Cai (Lào Cai).

*Đường sông:* là đầu nguồn của các con sông lớn như sông Đà, sông Hồng, sông Lô, sông Chảy, sông Cầu, sông Kỳ Cùng... Sự phát triển vùng gắn với sự phát triển hai hành lang với một vành đai giữa Việt nam và Trung Quốc (Côn Minh – Lào Cai – Hà Nội – Hải

Phòng.. và hành lang Nam Ninh – Lạng Sơn – Quảng Ninh – Hải Phòng) với hợp tác với các tiểu vùng sông Mêkông.

*Hệ thống đô thị:* vùng có các thành phố đô thị loại 1 (Thái Nguyên, Việt Trì), loại 3 (Hòa Bình, Sơn La, Điện Biên Phủ, Yên Bái, Lào Cai, Tuyên Quang, Lạng Sơn, Bắc Giang, Cao Bằng) và các thị xã tỉnh lỵ (Lai Châu, Bắc Kạn).

### **8.1.2. Tài nguyên du lịch nhân văn**

Vùng có hệ thống tài nguyên du lịch phong phú, đa dạng, nổi trội hấp dẫn khách du lịch với những bản làng dân tộc với nhiều phong tục tập quán văn nguyên sơ như bản Sin Hồ. Đây là hội chơi nển hái hoa thuộc hai tỉnh Sơn La và Lai Châu. Mọi người đến tham dự lễ với mong muốn chúc cầu mùa, cầu phúc cho mọi người. Thanh niên nam nữ cùng nhau đi hái hoa mừng xuân, vui thơ, ca hát, đánh đàn thổi kèn...; Tết cơm mới của người La Hủ được tổ chức vào tháng 10 và tháng 11 âm lịch. Trong lễ hội thường có múa xèo và người dân nơi đây kiêng không được đi rừng hái rau, chặt củi, chặt cây, phát cỏ để cầu mong cây cỏ tươi tốt quanh năm; Lễ hội Cắm Mường là lễ hội mùa xuân của người Lào ở Lai Châu.

Du lịch về nguồn tìm hiểu bản sắc văn hóa các dân tộc Việt Nam, tham quan, nghiên cứu hệ sinh thái núi cao, hang động, hệ sinh thái trung du, nghỉ dưỡng núi, nghỉ cuối tuần, thể thao khám phá, du lịch biên giới gắn với thương mại các cửa khẩu.

- Các địa bàn trọng điểm phát triển du lịch vùng. Du lịch về nguồn tìm hiểu bản sắc văn hóa các dân tộc Việt Nam, tham quan, nghiên cứu hệ sinh thái núi cao, hang động, hệ sinh thái trung du, nghỉ dưỡng núi, nghỉ cuối tuần, thể thao khám phá, du lịch biên giới gắn với thương mại các cửa khẩu.

Tìm hiểu văn hóa, lối sống cộng đồng dân tộc thiểu số (Sa Pa). Tour du lịch sinh thái, văn hóa lịch sử Pá Khoang – Mường Phăng – Điện Biên Phủ (Điện Biên). Tour du lịch lịch sử - văn hóa, nghiên cứu văn hóa các dân tộc vùng Tây – Bắc và các tour du lịch chuyên đề.

*Du lịch tìm hiểu văn hóa – lịch sử:* tìm hiểu văn hóa các dân tộc thiểu số vùng Tây Bắc, Khám phá các di chỉ khảo cổ, thưởng thức các tiết mục cồng, chiêng, trống đồng, hát ví Mường, thưởng thức món cơm Lam, ngủ nhà sàn, hòa nhập với người ân vào đêm hội xèo. Nghiên cứu văn hóa các dân tộc Thái, Mường, H'Mông, lễ hội hoa ban của dân tộc Thái, bản Hìn, danh thắng yên Châu, hang Thảm Tết Tòong.

### **8.1.3. Cơ sở vật chất kỹ thuật – Cơ cấu hạ tầng phục vụ du lịch**

Hệ thống giao thông đường bộ: Vùng có các quốc lộ nối với thủ đô Hà Nội., với Lào, Trung Quốc và nối khu vực phía Đông và Tây của vùng đó là QL 1, QL2, QL3, QL6, QL 70, QL 279, QL 4 (A,B,C,D), QL 12... Đường Hồ Chí Minh từ Pắc Pó (Cao Bằng) qua Bắc Cạn, Tuyên Quang, Phú Thọ nối với thủ đô Hà Nội và các tỉnh phía Nam.

Đường sắt: vùng có hai tuyến liên vận quốc tế từ Hà Nội là Hà Nội – Lào Cai – Côn Minh (Trung Quốc), và Hà Nội – Đồng Đăng – Nam Ninh (Trung Quốc).

Đường không: vùng có các sân bay nội địa Điện Biên Phủ (Điện Biên), Nà Sản (Sơn La) và trong tương lai sẽ phát triển thêm sân bay Lào Cai (Lào Cai).

Đường sông: là đầu nguồn của các con sông lớn như sông Đà, sông Hồng, sông Lô, sông Chảy, sông Cầu, sông Kỳ Cùng...

Sự phát triển vùng gắn với sự phát triển hai hành lang với một vành đai giữa Việt Nam và Trung Quốc (Côn Minh – Lào Cai – Hà Nội – Hải Phòng. và hành lang Nam Ninh – Lạng Sơn – Quảng Ninh – Hải Phòng) với hợp tác với các tiểu vùng sông Mêkông.

Hệ thống đô thị: vùng có các thành phố đô thị loại 1 (Thái Nguyên, Việt Trì), loại 3 (Hòa Bình, Sơn La, Điện Biên Phủ, Yên Bái, Lào Cai, Tuyên Quang, Lạng Sơn, Bắc Giang, Cao Bằng) và các thị xã tỉnh lỵ (Lai Châu, Bắc Kạn).

Cửa khẩu biên giới và khu kinh tế cửa khẩu: Đồng Đăng (Lạng Sơn), Tà Lùng (Cao Bằng), Thanh Thủy (Hà Giang), Hà Khẩu (Lào Cai), Ma Lò Thành (Lai Châu), Tây Trang (Điện Biên), Pa Háng (Sơn La). Nổi bật là hệ sinh thái núi cao gắn với dãy Hoàng Liên Sơn phía Tây bắc, hạng động gắn với hệ sinh thái karst ở Đông Bắc và hệ sinh thái vùng trung du khu vực trung tâm.

#### **8.1.4. Các tuyến điểm du lịch và loại hình du lịch vùng du lịch Trung du và miền núi Bắc Bộ**

*Du lịch sinh thái:* Khu du lịch cao nguyên đá Đồng Văn phát triển du lịch nghiên cứu, khám phá, tìm hiểu các giá trị địa chất, cảnh quan và văn hóa bản địa; Khu du lịch sinh thái hồ Ba Bể là loại hình du lịch sinh thái trên biển và lân cận kết hợp tham quan tìm hiểu văn hóa bản địa. Khu du lịch sinh thái hồ Hòa Bình và phục vụ là du lịch nghỉ dưỡng, chữa bệnh, tắm suối khoáng, sinh thái. Khu du lịch sinh thái văn hóa thác Bản Giốc (Cao Bằng) là loại hình du lịch tham quan kết hợp với văn hóa, thương mại. Khu du lịch sinh thái, chinh phục đỉnh núi Fansipan (Lào Cai)

*Du lịch nghỉ dưỡng núi:* Khu du lịch nghỉ dưỡng Mộc Châu (Sơn La) là khu du lịch nghỉ dưỡng kết hợp với tham quan. Khu du lịch nghỉ dưỡng núi Sa Pa là du lịch nghỉ dưỡng núi kết hợp với tham quan bản văn hóa các dân tộc, và du lịch mạo hiểm và các hình thức dã ngoại. Khu du lịch nghỉ dưỡng núi Mẫu Sơn (Lạng Sơn) là loại hình du lịch kết hợp nghỉ dưỡng, tham quan bản sắc văn hóa và các hình thức dã ngoại...

*Tìm hiểu văn hóa, lối sống:* Tour du lịch tìm hiểu văn hóa cộng đồng dân tộc thiểu số (Sa Pa). Tour du lịch sinh thái, văn hóa lịch sử Pá Khoang – Mường Phăng – Điện Biên Phủ (Điện Biên). Tour du lịch lịch sử - văn hóa, nghiên cứu văn hóa các dân tộc vùng Tây – Bắc và các tour du lịch chuyên đề

*Du lịch tìm hiểu văn hóa – lịch sử:* tìm hiểu văn hóa các dân tộc thiểu số vùng Tây Bắc, Khám phá các di chỉ khảo cổ, thưởng thức các tiết mục công, chiêng,, trống đồng, hát ví Mường, thưởng thức món cơm Lam, ngủ nhà sàn, hòa nhập với người ân vào đêm hội xòe. Nghiên cứu văn hóa các dân tộc Thái, Mường, H'Mông, lễ hội hoa ban của dân tộc Thái, bản Hìn, danh thắng yên Châu, hang Thảm Tét Tòng.

*Du lịch khám phá cuộc sống thiên nhiên hoang dã và mạo hiểm:* văn hóa các dân tộc vùng cao và bản Choan Choan trên cao nguyên Mao Xoa Phing. Thắng cảnh như suối Mường Lai, hang Tiên Sơn, động Quang Yun Ngai..

Du lịch sinh thái kết hợp với du lịch tham quan, du lịch nghiên cứu hệ sinh thái núi cao và du lịch nghỉ dưỡng núi.

Du lịch mạo hiểm, nghỉ cuối tuần, thể thao khám phá, du lịch làng nghề

Du lịch biên giới gắn với du lịch mua sắm tại một số cửa khẩu.

*Hệ thống khu, điểm, đô thị du lịch:* Căn cứ đặc điểm tài nguyên du lịch và thức tế nhu cầu phát triển, định hướng quy hoạch phát triển các khu du lịch quốc gia, điểm du lịch quốc gia và đô thị du lịch:

*12 khu du lịch quốc gia:*

1. Khu du lịch quốc gia Cao nguyên đá Đồng Văn;
2. khu du lịch quốc gia Thác Bản Giốc;
3. khu du lịch quốc gia Mẫu Sơn;



4. khu du lịch quốc gia Hồ Ba Bể
5. khu du lịch quốc gia Tân Trào
6. khu du lịch quốc gia Hồ Núi Cốc
7. khu du lịch quốc gia Sa Pa
8. khu du lịch quốc gia hồ Thác Bà
9. khu du lịch quốc gia Đền Hùng
10. khu du lịch quốc gia Mộc Châu
11. khu du lịch quốc gia Điện Biên Phủ - Pú Khoang
12. khu du lịch quốc gia Hồ Hòa Bình

*4 điểm du lịch quốc gia*

1. Điểm du lịch quốc gia thành phố Lào Cai
2. điểm du lịch quốc gia Pác Pó
3. Điểm du lịch quốc gia TP. Lạng sơn
4. điểm du lịch quốc gia Mai Châu

*1. Đô thị du lịch: Sa Pa*

## **8.2. Một số tuyến điểm du lịch nội vùng và loại hình du lịch vùng du lịch Trung du và miền núi Bắc Bộ**

### **8.2.1. Một số tuyến du lịch nội vùng tỉnh Hòa Bình**

Tỉnh Hòa Bình có diện tích: 4.595,2 km<sup>2</sup>; dân số toàn tỉnh là 793,5 nghìn người, tỉnh lỵ là thành phố Hòa Bình, và các huyện như Đà Bắc, Mai Châu, Kỳ Sơn, Cao Phong, Lương Sơn, Kim Bôi, Tân Lạc, Lạc Sơn, Lạc Thủy, Yên Thủy. Các dân tộc sinh sống tại tỉnh bao gồm Việt (Kinh), Mường, Thái, Tày, Dao...

Điều kiện tự nhiên: Hoà Bình là một tỉnh miền núi, cách Hà Nội trên 70km về phía tây nam theo quốc lộ 6. Phía bắc Hoà Bình giáp tỉnh Phú Thọ và thành phố Hà Nội, phía nam giáp tỉnh Ninh Bình và tỉnh Thanh Hoá, phía đông giáp thành phố Hà Nội và tỉnh Hà Nam, phía tây giáp tỉnh Sơn La. Địa hình tỉnh Hoà Bình chủ yếu là núi rừng, xen kẽ giữa các sườn núi là các thung lũng hẹp. Khí hậu nóng ẩm, mưa theo mùa với nhiệt độ trung bình năm khoảng 22,9°C - 25°C. Hệ thống giao thông đường bộ, đường thủy của tỉnh đều thuận tiện đi với các tỉnh khác như đường quốc lộ 6 từ Hà Nội đến Hòa Bình, đi Sơn La; quốc lộ 12B đi Nho Quan (Ninh Bình); từ Mai Châu theo quốc lộ 15 đi Thanh Hóa từ đó đến các tỉnh khác trong cả nước.

**Tiềm năng phát triển kinh tế và du lịch :** Sức hấp dẫn du khách đến tỉnh Hoà Bình là một vùng đất đa dân tộc, là giá trị nhân văn đa dạng, phong phú của cộng đồng cư dân. Đến tỉnh Hòa Bình du khách sẽ được thưởng thức món ăn dân tộc, đặc sản cơm lam, thịt nướng rượu cần và xem các tiết mục công, chiêng, trống đồng, hát ví Mường, hát Khắp Thái, hòa nhập vào đêm Hội xòe, ngủ nhà sàn dân tộc, mua hàng dệt thổ cẩm và các lâm thổ sản quý... tại những bản Thái cổ, bản lạp của đồng bào Dao. Địa hình đồi núi trùng điệp với các động Thác Bờ, hang Rét, động Hoa Tiên, vùng rừng nhiệt đới nguyên sinh Pù Noọc mở ra những tuyến du lịch mạo hiểm leo núi, đi bộ, săn bắn, tắm suối. Sức người và thiên nhiên đã tạo cho Hòa Bình một vùng hồ sông Đà thơ mộng cho phép phát triển du lịch vùng lòng hồ và ven hồ có đầy đủ vịnh, đảo và bán đảo mà ở đó động thực vật quý hiếm được bảo tồn. Thấp thoáng các bản Mường, bản Dao, bản Tày rải rác ven hồ, ven thung lũng tạo nên bức tranh sơn thủy hữu tình. Nói đến tài nguyên thiên nhiên của Hoà Bình không thể quên nhắc đến những bãi tắm đẹp bên hồ sông Đà và suối nước khoáng Kim Bôi đích thực là chén thuốc vàng phục hồi sức khỏe cho du khách.

## **Một số điểm tham quan du lịch tại tỉnh Hòa Bình**

### *Bản dân tộc Mường*

Bản dân tộc Mường nằm trong những thung lũng chung quanh là các cánh đồng cây lúa nước, thuộc tỉnh Hoà Bình. Đến Thung Mây ở độ cao 1.200m so với mặt biển, du khách có thể thấy rõ hơn bức tranh đẹp của xứ Mường, đặc biệt nền văn hoá và đời sống của xứ Mường. Nền văn hoá xứ Mường được biểu hiện qua trang phục như cạp váy Mường, qua những nghi lễ trong đời sống như cưới xin, ma chay, trong những trường ca vĩ đại như "Đề đất, đề nước". Trong âm nhạc Mường, trống và chiêng vẫn giữ vai trò quan trọng. Đến xứ Mường vào những ngày "hội xuân", lễ "xuống đồng", lễ "mừng nhà mới"... du khách sẽ được thưởng thức dàn chiêng Mường đủ mùi hai chiếc. Trong khung cảnh xứ Mường, giữa thung lũng, trong tiếng suối chảy róc rách và tiếng rì rào của rừng cây, tiếng chiêng có âm hưởng trầm bổng sâu lắng đến khó quên. Đến với bản Mường, người lạ thường được coi là khách quý. Tại đây du khách có dịp biết thêm nét đẹp trong sáng của văn hoá xứ Mường

### *Bản Lác ở Mai Châu*

Bản Lác thuộc thung lũng Mai Châu, tỉnh Hoà Bình. Là bản dân tộc ở tỉnh Hoà Bình với những phong tục tập quán đặc sắc. Nếu quý khách từ Hà Nội đi 70km đến thành phố Hoà Bình. Đi tiếp 60km nữa đến Mai Châu. Ở chặng thứ hai du khách sẽ vượt qua dốc Cun dài 12km. Đoạn đường này trước đây quanh co, uốn lượn rất nguy hiểm nhưng hiện nay đã được đầu tư xây dựng mở rộng hơn và dễ dàng cho du khách qua lại. Khi lên đến đỉnh dốc, du khách qua đây lần đầu thường dừng lại ngắm cảnh. Đi tiếp đến đèo Thung Nhuổi, từ trên đèo cao bạn đã thấy thung lũng Vàng, huyện lỵ Mai Châu xinh đẹp hiện ra dưới tầm mắt, một thung lũng với màu xanh của ruộng đồng, những nếp nhà của một thị trấn xinh xắn. Tới thăm bản Lác, nhà sàn ở đây cao ráo, sạch sẽ. Sàn nhà cách mặt đất khoảng 2m bằng những cột gỗ chắc chắn. Khách đến nhà xin mời múc nước rửa chân trước khi bước lên cầu thang. Sàn nhà bằng tre hoặc bương. Mái nhà lợp lá gồi hoặc lá mây. Các cửa sổ trong nhà có kích thước khá lớn để đón gió mát và cũng là nơi để chủ nhà treo các giò hoa phong lan, lồng chim cảnh. Một khung dệt vải thổ cẩm được đặt cạnh một ô cửa sổ. Đây là nơi làm việc của cô con gái lớn. Người con trai hỏi vợ chỉ cần nhìn lên giá xếp chăn đệm gói sạch sẽ với những màu sắc hoa văn trang trí là biết được sự chăm chỉ và tài nữ công của người vợ tương lai. Còn cô gái, muốn biết về người con trai sắp làm chồng mình thì hãy nhìn lên các cột nhà, nếu thấy vô số vẩy cá to và nhất là nhiều đuôi cá dán lên cột thì hãy yên tâm là người con trai trong nhà này lao động giỏi, bắt được nhiều cá. Bạn là khách, sẽ được ông chủ nhà trải chiếu hoa mời ngồi, rồi bày ra giữa chiếu một vò rượu cần bằng nếp cẩm. Còn bà chủ nổi lửa đồ xôi trong cái chõ cao lênh khênh của người Thái. Nhìn qua cửa sổ bạn sẽ thấy ở dưới đất có một ao cá nhỏ hình vuông sát chân cột nhà, những con cá đang bơi lặn ăn môi trong nước ao trong vắt. Ông chủ sẽ dành cho bạn quyền chỉ vào con cá nào, ông sẽ bắt đúng con đó cho vào nồi cháo cá. Một đêm nghỉ lại ở nhà sàn Mai Châu, bạn sẽ được xem múa, hát, nghe nhạc công chiêng.

*Hội Cầu Phúc:* Hàng năm lễ hội được tổ chức vào tháng 8 âm lịch tại huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình. Hội cầu phúc của người Thái tại Mai Châu, theo phong tục các nhà đều sắm cỗ cúng bày ở miếu thờ chung theo nguyên tắc: Năm trước cúng gà, năm sau cúng lợn. Đến chiều, mỗi nhà mổ 2 con gà để cúng Thổ công (để trong nhà) và cúng Thổ địa (đặt ngoài ruộng) để mong cho năm sau làm ruộng.

*Hội chùa Kè:* được tổ chức vào ngày 16/2 âm lịch tại xã Phú Vinh, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình. Đây là lễ hội cúng thần Đá, mọi người ở đây suy tôn cho rằng những tảng đá

nơi đây chính là những tàn dư tín ngưỡng vạn vật hữu linh đã được Phật hóa. Trong thời gian diễn ra lễ hội có một số trò chơi như ném còn, đánh quay, thi bắn cung.

*Lễ cơm mới của người Mường:* Lễ cơm mới tổ chức vào tháng 10 âm lịch tại Xã Mường Bi, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình. Lễ hội được tổ chức sau khi thu hoạch vụ mùa. Lễ vật là bánh chưng và cá để cúng vía lúa. Cũng trong lễ cơm mới này, người Mường cúng giỗ cha mẹ, ông bà.

*Lễ hội đền Vua Bà:* Lễ hội diễn ra vào ngày 8/1 âm lịch hàng năm, tại xã Lạc Thịnh, huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình. Đối tượng suy tôn là Bà Âu Cơ - Người đã có công dạy dân ca hát, săn bắt. Lễ vật được cúng tại đền chủ yếu là những sản vật của địa phương như cúng thịt chim, thịt thú rừng, múa chèo, múa mặt nạ.

*Lễ hội cầu mưa của người Mường:* Lễ cầu mưa được tổ chức ở vào tháng 4 âm lịch tại bãi Têch Lìm, xã Mỹ Hòa, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình. Chủ lễ chính là người chủ xóm dọn mâm lễ. Xóm Đon và Chuông bày binh diễn trận giả và khẩn cầu vua nước làm mưa.

*Lễ hội cầu mưa của người Thái:* Hội cầu mưa của người Thái ở Mai Châu được mở vào những đêm trăng quầng đỏ của tháng 3, tháng 4 âm lịch tại huyện Mai Châu. Mọi người đi hát cầu mưa ở khắp các nhà trong bản, rồi rước đuốc vòng quanh bản.

*Lễ rửa lá lúa:* Lễ rửa lá lúa của người Mường vào khoảng tháng 7, tháng 8 âm lịch hàng năm tại xã Mường Bi, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình. Lễ hội được tổ chức đúng kỳ lúa ra hạt để tưởng nhớ những người mở đất cho bản Mường. Mâm cúng đặt ngay ở đầu ruộng của các gia đình, để cho thầy cúng (thầy Mo) đọc lời khẩn cầu, mong cho mùa màng ít bị sâu bệnh

### *Động Đá Bạc*

Động Đá Bạc thuộc xã Liên Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình. Du khách đến đây cảm giác mình đang xem một tác phẩm nghệ thuật tạo hình kỳ lạ của tạo hóa, là sự kết hợp tinh tế giữa điêu khắc và hội họa, giữa tính hoành tráng khêu khắc với sự duyên dáng thơ mộng. Cách thị trấn Xuân Mai không xa có một thắng cảnh đã làm say lòng các du khách tới tham quan, đó là động Đá Bạc, với chiều dài gần 70m, nhiều cung phòng nhỏ, động Đá Bạc chứa đựng những giá trị tiềm tàng và nhiều điều bí ẩn của thiên nhiên. Truyền thuyết dân gian trong vùng kể rằng, thuở xưa, các nàng tiên ở thượng giới vì chán cảnh thần tiên nên rủ nhau xuống trần văn cảnh xem đời. Cảnh đẹp dưới gầm trời làm các nàng say mê thích thú và lạc vào động Đá Bạc Liên Sơn. Cảnh đẹp trong động làm các tiên nữ sững sờ ngạc nhiên, không ngờ dưới vòm trần có nơi bỗng lai đến thế. Các dải nhũ đá lung linh. Các vòm đá uốn lượn cong cong... Tất cả như níu áo giữ chân các nàng, khiến các nàng không muốn về thượng giới nữa. Ngọc Hoàng hay tin giận lắm, liền đóng cửa nhà trời không cho các nàng tiên về trời. Năm này qua năm khác quần tiên đã hóa thân vào vách núi. Từ đó động Đá Bạc còn được gọi là Động Tiên.

Động Đá Bạc được phát hiện năm 1990 do sự tình cờ của người dân đi lấy củi. Ban đầu cửa động là một khe nhỏ vừa một người chui vào, sau dân địa phương mở rộng cửa động để dễ bề đi lại. Bước vào trong động theo đường lát gạch khoảng 6m, du khách sẽ đến động Cô Tiên. Động có 2 ngăn. Ngăn ngoài thoáng rộng, vòm trần có nhiều nhũ đá rủ xuống kết thành nhiều dải uốn lượn mềm mại như bức màn nhung. Dưới chân các khối nhũ đá, theo năm tháng, những giọt nước không ngừng nhỏ xuống tạo thành hai bể nước thiên tạo đầy ắp. Phía sau bể nước là hệ thống các ruộng bậc thang được đá uốn lượn, đèo gọt chạm khắc kỳ phu tạo nên những bức chạm nổi thiên nhiên sinh động. Ngăn trong nhỏ nhắn,

kín đáo và thanh thoát như buồng ngủ. Những dải đá rỗng phía trong thanh mảnh mềm mại buồng xuống như tấm ri đô. Chỉ chừng đó thôi cũng khiến ta bất chợt thấy mình gần gũi với đá, với thiên nhiên. Khi ta gõ vào những dải đá mỏng rỗng ấy như vang lên tiếng cồng, tiếng chiêng, tiếng trống đồng, tiếng đàn tơ rung... Du khách có thể ngồi hàng giờ bình tâm tĩnh trí để trái tim trò chuyện với đá, cho hơi thở con người phập phồng với đá để khi ra về không khỏi luyến tiếc băng khuâng. Rồi động Cô Tiên, du khách sang động Long Tiên. Tại đây du khách sẽ thấy nửa vách động là một vành đá được thiên nhiên đẽo gọt giống như hình vành khăn buồng trên vai thiếu nữ.

Vào mùa mưa, ban công mênh mông nước. Nhũ từ vòm trần rủ xuống, các cột đá từ nền "ban công" mọc lên như các tòa lâu đài cổ nguy nga dưới thủy cung. Các cột trụ đều được chạm khắc công phu. Mỗi vòm, mỗi cung nhỏ là một tác phẩm nghệ thuật kỳ lạ làm du khách không khỏi ngỡ ngàng... Động Long Tiên thông ra cửa phụ có ánh sáng ban ngày hắt vào dịu mát như ánh đèn ne-ong, hoặc chập chờn như ánh trăng hư ảo. Tạm biệt động Long Tiên, du khách rẽ trái khoảng mười bước là đến động Mẫu. Đặt chân vào cửa động, ta như bị choáng ngợp trước rừng thạch nhũ rủ xuống từng chùm đang ánh lên các tia xanh, đỏ, tím, vàng... như những chiếc đèn màu trong ngày hội. Dưới vòm động cao rộng, hình ảnh nàng tiên ngả lưng trên vách đá, bên cạnh là hình ảnh chàng Thạch Sanh ngồi dưới gốc đa cổ thụ. Xa xa thấp thoáng bóng thuyền cập bến có đôi trai gái ngồi tâm sự bên nhau. Phía đối diện có hình Thánh Gióng cưỡi ngựa sắt cắp cây tre ngà bay lên trời. Ngang bên đực Thánh Gióng là hình Tôn Ngộ Không giơ gậy thần đánh yêu quái... Động Đá Bạc là tác phẩm nghệ thuật tạo hình kỳ lạ của tạo hóa. Nó kết hợp tinh tế giữa điêu khắc và hội họa, giữa tính hoành tráng khỏe khắn với sự duyên dáng thơ mộng.

#### *Hang Mỏ Luông (Hang Bộ Đội)*

Nằm trong hệ thống dãy núi Pù Kha, Thị trấn Mai Châu. Tỉnh Hòa Bình, cách bản Lác khoảng 2 km đường bộ. Hang Mỏ Luông là một địa điểm du lịch lý tưởng cho những du khách thích khám phá và tìm cảm giác lạ khi đến với Mai Châu.

Hang Mỏ Luông còn có một tên gọi khác do người Thái Trắng đặt là Bó Luông. Bó Luông có nghĩa là mỏ nước lớn. Theo truyền thuyết vào mỗi dịp Tết Nguyên Đán, người Thái lại cùng nhau đến bắt cá ở những dòng suối sâu ở trong vùng. Trong một lần bắt cá có một người đàn bà ở bản Bó bắt được một quả trứng đến 3 lần. Sau mỗi lần thì bà lại vớt đi, đến lần thứ 4 thì bà quyết định mang quả trứng về nhà để ấp, sau đó quả trứng nở ra một con rắn. Từ khi có con rắn mọi người thấy mực nước trên những cánh đồng dâng lên. Lấy làm lạ, dân làng đem con rắn vào trong khu rừng, đi đến đâu nước dâng lên đến đấy, tạo điều kiện cho dân làng có thể khai hoang đất thành những cánh đồng phì nhiêu. Để tỏ lòng biết ơn con rắn, dân làng đã đưa rắn lên hang Mỏ Luông và con rắn hóa rồng ở đấy. Hàng năm vào rằm tháng Bảy âm lịch người ta thấy có hàng đàn cá bơi ra từ trong hang cho dân làng bắt. Dân làng tin rằng đàn cá chính là do con rồng đưa lại để trả ơn cho dân làng. Hang có 4 động với độ sâu khoảng 500 m. Động thứ nhất là nơi rộng nhất với chiều dài 60 m và chiều rộng 16 m. Sau khi leo lên một chiếc thang sắt cao khoảng 10 m, du khách sẽ bước vào động thứ hai, nơi mà người dân địa phương cho là ngôi nhà của các vị thần tiên. Hình thù của các tảng đá, nhũ đá giống như các nhân vật trong câu chuyện thần thoại đã tạo nên một dải kỳ quan trong lòng núi, kỳ bí và ngoạn mục, hấp dẫn lạ thường.

Đi qua khu động thứ hai, du khách sẽ bước vào khu động thứ 3. Đây là một động lớn với diện tích khoảng 400m<sup>2</sup> và mát mẻ hơn các động khác. Thạch nhũ từ trên vòm buồng xuống như những chiếc răng cực lớn, nơi đây rất yên tĩnh. Động cuối cùng rất rộng với

chiều cao 25 m, chiều dài 15 m và chiều rộng 12 m. Trong động này có rất nhiều nhũ đá, cột đá với các hình thù độc đáo. Đi xuống dưới cùng của hang có một suối nước ngầm ngày đêm đổ ra hồ Mỏ Luông. Trong cuộc chiến tranh chống Pháp và chống Mỹ, nơi đây đã từng là căn cứ của quân và dân ta dùng để họp bàn đánh giặc và làm kho chứa vũ khí và chất nổ. Vì thế dân làng đặt thêm cái tên cho hang là hang Bộ Đội.

#### *Suối nước nóng Kim Bôi*

Suối nước khoáng nóng thuộc huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình. Là suối khoáng nóng tự nhiên. Suối khoáng rất tốt cho sức khỏe con người. thị xã Hoà Bình đi tiếp 30km đến nhà nghỉ mang tên một bản của người Mường là nhà nghỉ Mỏ Đá, Kim Bôi. Nhà nghỉ được xây dựng ở bên cạnh nơi có mạch nước khoáng lớn nhất. Vì vậy, ngồi ở trong phòng vẫn nghe tiếng nước phun lên ào ào vô tận. Nước phun lên luôn luôn ở nhiệt độ 36<sup>0</sup>C. Qua kiểm nghiệm nguồn nước khoáng Kim Bôi có đủ tiêu chuẩn dùng làm nước uống, để tắm, ngâm mình chữa các bệnh viêm khớp, đường ruột, dạ dày, huyết áp. Nước suối Kim Bôi đã được đóng chai làm nước giải khát, nó cùng loại với nước khoáng Thạch Bích ở Quảng Ngãi, Kum-dua ở Nga và Paven Banis của Bungari.

#### *Thủy điện Hòa Bình*

Nằm ở thành phố Hòa Bình, trên dòng sông Đà, tỉnh Hòa Bình. Là công trình thủy điện lớn nhất của Việt Nam do Liên Xô (cũ) giúp xây dựng. Công trình được khởi công ngày 06/1/1979. Các hạng mục công trình gồm có: đập đất đá, tràn xả lũ, hồ chứa nước, nhà máy thủy điện ngầm trong lòng núi, âu thuyền và trạm phân phối điện ngoài trời. Theo thiết kế, nhà máy có 8 tổ máy hoạt động, công suất mỗi tổ máy 240.000kw. Ngày nay hồ chứa nước của công trình thủy điện này có bề mặt hàng trăm ki lô mét vuông, với sức chứa hàng tỷ mét khối nước, đã trở thành một tuyến du lịch lòng hồ sông Đà rất hấp dẫn du khách.

#### *Thung Nai*

Thung Nai có phong cảnh non nước hữu tình, đồng thời chứa đựng bản sắc văn hóa độc đáo của dân tộc Mường thuộc huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình. Du khách đi từ Hà Nội đến Hòa Bình theo quốc lộ 6 khoảng 76km về phía tây nam tới thành phố Hòa Bình, tiếp tục rẽ phải về phía thượng nguồn sông Đà khoảng 25km, du khách sẽ tới Thung Nai. Trước kia, Thung Nai là một thung lũng rộng lớn được bao quanh bởi rừng và các ngọn núi cao. Cái tên Thung Nai bắt nguồn từ việc có nhiều nai về đây gặm cỏ. Từ năm 1979 đến năm 1994, Nhà nước đầu tư xây dựng nhà máy thủy điện sông Đà nên Thung Nai được đắp đập để tích nước phục vụ cho công trình thủy điện.

Từ trên cao nhìn xuống, vẻ đẹp Thung Nai thật nên thơ, quyến rũ vô cùng. Vào những ngày mưa, mặt hồ trải rộng mang màu đỏ phù sa. Vào những ngày nắng, mặt hồ trong xanh in bóng núi non, mây trời. Với khung cảnh thiên nhiên tuyệt đẹp, trên núi dưới hồ hòa quyện làm một, Thung Nai đã được ví như "Hạ Long trên cạn" thứ hai ở miền Bắc, sau Tam Cốc-Bích Động (Ninh Bình). Mùa xuân là thời điểm lý tưởng nhất để chiêm ngưỡng vẻ đẹp Thung Nai. Ngoài đi thuyền thưởng ngoạn phong cảnh sơn thủy hữu tình, du khách còn có thể khám phá các điểm du lịch quanh Thung Nai như: đền và động Thác Bờ, chợ Thác Bờ, nhà nghỉ Cối Xay Gió, bản dân tộc Mường...

Từ bến thuyền Thung Nai, đi thuyền máy mất khoảng 15 phút, du khách sẽ đến đền bà chúa Thác Bờ nổi tiếng linh thiêng. Tương truyền, năm 1431, Vua Lê Thái Tổ đem quân đi đánh giặc ở Đèo Cát Hãn (Sơn La), nhưng khi đến khu vực Thác Bờ (đoạn sông Đà chảy qua xã Thung Nai có dòng nước chảy xiết, nhiều mỏm đá lớn nhấp nhô), quân sĩ của nhà vua không thể vượt qua. Lúc đó, hai người đàn bà dân tộc Mường và Dao đã cùng vận động

người dân địa phương lên rừng xẻ gỗ đóng thuyền, bè giúp quân sĩ của nhà vua. Sau khi mất, 2 bà còn hiển linh giúp dân vượt sông an toàn nên người dân địa phương đã lập hai ngôi đền thờ và tôn hai bà làm bà chúa Thác Bờ. Đền thờ bà người Dao nằm trên đỉnh đồi Hang Thần (xóm Phố Bờ, xã Vây Nưa, huyện Đà Bắc) có kiến trúc theo hình chữ Đinh, gồm hai tòa: Đại bái và Hậu cung. Hiện nay, đền vẫn còn lưu giữ 1 quả chuông đồng được đúc vào tháng 2 năm Thành Thái thứ 6 (1895). Đền thờ bà người Mường tọa lạc trên sườn đồi Sầm Long (xóm Đền, xã Thung Nai, huyện Cao Phong), gồm hai tầng: tầng 1 dùng làm nơi tiếp khách hành hương, tầng hai làm nơi thờ tự. Năm 2009, đền bà chúa Thác Bờ đã được tỉnh Hòa Bình công nhận là di tích lịch sử văn hoá cấp tỉnh. Từ đền bà chúa Thác Bờ, mất 10 phút đi thuyền, du khách sẽ đến động Thác Bờ sâu hơn 100m, với nhiều nhũ đá muôn hình vạn trạng, đặc biệt, khi gõ tay vào đá sẽ tạo nên những âm thanh nghe như tiếng cồng chiêng của người Mường Hòa Bình. Trong động còn có ban thờ Phật, các vị thần linh và Bác Hồ. Động đã được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận là di tích danh thắng cấp quốc gia vào năm 2008.

### **8.2.2. Một số tuyến du lịch nội vùng tỉnh Lai Châu**

Tỉnh Lai Châu có diện tích là 9.112,3 km<sup>2</sup>, dân số toàn tỉnh là 382,4 nghìn người (2010), tỉnh có 1 thị xã Lai Châu và các huyện: Mường Tè, Tam Đường, Phong Thổ, Sìn Hồ, Than Uyên, Tân Uyên. Toàn tỉnh có các dân tộc Thái, H'Mông, Việt (Kinh), Dao, Giáy và một số dân tộc khác cùng sinh sống trên mảnh đất Lai Châu.

Điều kiện tự nhiên : Lai Châu là tỉnh miền núi cao, Thị xã Lai Châu cách Hà Nội khoảng 406km (qua Lào Cai) nằm ở phía bắc sông Đà. Phía bắc giáp tỉnh Vân Nam (Trung Quốc), phía đông bắc giáp tỉnh Lào Cai, phía đông nam giáp tỉnh Yên Bái, phía nam giáp tỉnh Sơn La, phía tây và tây nam giáp tỉnh Điện Biên. Khí hậu mang tính chất gió mùa chí tuyến. Nhiệt độ trung bình năm khoảng 21°C - 23°C chia làm 2 mùa, mùa mưa và mùa khô. Địa hình tỉnh Lai Châu được cấu tạo bởi những dãy núi chạy dài theo hướng tây bắc - đông nam, có nhiều đỉnh núi cao, đỉnh Pu Sa Leng cao 3.096m. Núi đồi cao và dốc, xen kẽ nhiều thung lũng sâu và hẹp, có nhiều cao nguyên, sông suối. Sông có nhiều thác ghềnh, dòng chảy lưu lượng lớn nên tiềm năng thủy điện rất lớn. Giao thông đi lại trong tỉnh chủ yếu là đường bộ. Tỉnh có quốc lộ 12 chạy qua nối từ Tp. Điện Biên Phủ tới Trung Quốc (qua cửa khẩu Ma Lu Thàng), có quốc lộ 4D nối tới thị trấn Sa Pa (Lào Cai).

Tiềm năng phát triển du lịch: Lai Châu là một tỉnh có phong cảnh thiên nhiên hữu tình, giàu tiềm năng du lịch. Nơi đây còn có những bản làng dân tộc với nhiều phong tục tập quán vẫn nguyên sơ như bản Sìn Hồ. Các thắng cảnh của tỉnh là suối Mường Lai, hang Tiên Sơn, Pu Sam Cáp; Động Tà Phìn; Bản Pú Dao; suối khoáng Hua Pe, lễ hội Hoa Ban được tổ chức vào ngày 13/2 âm lịch hàng năm. Đây là hội chơi nển hái hoa thuộc hai tỉnh Sơn La và Lai Châu. Mọi người đến tham dự lễ với mong muốn chúc cầu mùa, cầu phúc cho mọi người. Thanh niên nam nữ cùng nhau đi hái hoa mừng xuân, vui thơ, ca hát, đánh đàn thổi kèn...; Tết cơm mới của người La Hủ được tổ chức vào tháng 10 và tháng 11 âm lịch. Trong lễ hội thường có múa xèo và người dân nơi đây kiêng không được đi rừng hái rau, chặt củi, chặt cây, phát cỏ để cầu mong cây cỏ tươi tốt quanh năm; Lễ hội Cắm Mường là lễ hội mùa xuân của người Lào ở Lai Châu. Lễ hội được tổ chức vào 30/12 và 5/1 âm lịch hàng năm. Đến với lễ hội mong cầu khẩn thần sông, thần núi, ông bà, tổ tiên phù hộ cho con cháu làm ăn thuận lợi trong năm mới. Lễ cúng do thầy cúng đảm nhiệm, lễ rước mâm cúng từ làng ra rừng. Từ mùng 1 đến mùng 5 tết vui chơi múa hát tại bản, chơi trò ném còn, đánh quay, uống rượu cần.

## **Một số điểm tham quan du lịch tại tỉnh Lai Châu**

### *Bản Sìn Hồ*

Đây là bản gồm nhiều dân tộc khác nhau cư trú, thường có phiên chợ đầy màu sắc họp vào chủ nhật mỗi tuần, cách thị xã Lai Châu khoảng 40 km theo đường 4D. Nếu đứng dịp, du khách được chiêm ngưỡng một bức tranh đầy sắc màu trong phiên chợ của người dân vùng núi cao, có điều kiện giao lưu với những cô gái duyên dáng và các chàng trai khỏe khoắn, rục rờ trong các trang phục nhiều màu sắc với những nét văn hóa tinh tế, khuôn mặt rạng rỡ, nụ cười đầm thắm; đến với những ngày lễ hội, ngày vui, ngất ngây, đắm say trong lời hát đối giao duyên và men rượu nồng say bên bếp lửa...

### *Bản Pú Dao*

Pú Dao là một xã vùng cao thuộc huyện Sìn Hồ, Lai Châu, cách thị trấn Mường Lay 13 km và Hà Nội hơn 560 km về phía Tây Bắc, với địa thế xa xôi, heo lánh nhưng với cảnh quan thiên nhiên hoang sơ, thuần khiết, Pú Dao giống như “thỏi nam châm” hút bất cứ ai đam mê khám phá những vùng đất mới. Đó là lý do mà hãng du lịch Gecko Travel của Anh năm 2006 bầu chọn Pú Dao là một trong 5 điểm đến hấp dẫn nhất Đông Nam Á. Dân số ở đây khoảng gần 1.000 người. Pú Dao theo tiếng H'Mông có nghĩa là “điểm cao nhất”, nằm chót vót trên núi cao, vắt ngang mình trên những con đèo ngoằn ngoèo, hiểm trở. Du khách muốn đến Pú Dao phải đi qua cầu Lai Hà bắc ngang một phụ lưu của sông Đà. Bên kia bờ là những ngôi nhà sàn người Thái ẩn mình dưới hàng dừa, khói bốc lên từ mái nhà, len lỏi qua các tán lá và tản mát vào làn sương mờ ảo. Từ cầu Lai Hà đến Pú Dao còn khoảng 24 km đường mòn xoắn ốc với những khúc cua nghệt thờ, xuyên giữa khu rừng đầy những chồi tre và bụi rậm đan xen dày đặc. Cách cây cầu Lai Hà khoảng 5km, du khách sẽ thăm dinh thự vua Thái Đèo Văn Long được xem là một dinh thự lớn lộng lẫy xa xưa, nét kiến trúc đặc trưng, mang bản sắc văn hoá Thái nay đã trở thành một phế tích lịch sử.

Xã Pú Dao có 4 bản người Mông đó là bản Hồng Ngải, Nậm Đoong, Nậm Đắc và Hồng Tý. Bản Hồng Ngải nằm ở trung tâm xã Pú Dao. Nơi đây có sân bay dã chiến do người Pháp xây dựng và những con đường bê tông kiên cố, sạch sẽ giúp ô tô, xe máy đi lại dễ dàng hơn. Du khách đi tiếp đến bản Nậm Đoong bằng xe máy cùng với nhịp sống của những trai bản người Mông chạy ào ào trên con đường mòn lượn quanh vách núi, điểm trekking lý tưởng đi qua những thung lũng chân mây, hoa dại hai bên đường bạt ngàn được xem là có độ cao nhất, đẹp nhất của Pú Dao của du khách gần xa bằng những nụ cười hồn nhiên, ánh mắt thơ ngây hòa với váy xòe của các thiếu nữ người Mông dập dìu trong nắng sớm tạo khoảng cách giữa trời và đất như xích lại gần hơn, khiến du khách ngẩn ngơ như chôn thiên đường hoang dại.

Từ bản Nậm Đoong đến bản Nậm Đắc, bản Hồng Tý phải đi thêm vài km nữa du khách sẽ tận hưởng vẻ đẹp hoang sơ cùng cảm giác mạo hiểm khi uốn lượn theo cung đường lên xuống dốc, ngoắt ngoéo đến mê hồn ở Pú Dao. Nơi đây được xem là nơi nghỉ đêm tuyệt vời bên bếp than hồng, đón cơn gió lạnh của núi rừng Tây Bắc, trong tay bập ngô lùi và trò chuyện rôm rả đến tận đêm khuya, bạn mới hiểu vì sao nơi đây lại hút khách du lịch nước ngoài đến ở bản người Mông được xem là đẹp nhất Đông Nam Á.

### *Chợ rừng Đào San*

Chợ rừng Đào San thuộc xã biên giới Đào San, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu, cách Tx. Lai Châu khoảng 60km. Du khách đến với chợ Đào San sẽ có cảm giác thú vị, khoan khoái trước cảnh quan thiên nhiên và con người vùng đất này. Từ ngã ba Mường So, ta thấy tỉnh lộ 132 chạy dài giống như một dải lụa vắt ngang qua mấy trăm sườn núi và điểm

cuối cùng là đỉnh cao gần 2.000m, và hiện ra một khung cảnh đầy màu sắc với không khí vô cùng sôi nổi, náo nhiệt, vạn vật như hòa lẫn vào nhau...Chợ Đào San là phiên chợ của đồng bào dân tộc sống tại 8 xã vùng biên giới huyện Phong Thổ - Lai Châu. Chợ họp chủ yếu vào các ngày giáp Tết. Du khách có dịp đến chợ Đào San, du khách không những được ngắm nhìn phong cảnh núi rừng hoang sơ và hùng vĩ, trao đổi và mua sắm các mặt hàng như: vải vóc, quần áo, nông sản..., thưởng thức các món đặc sản của người dân tộc như: lợn cắp nách... mà còn được hòa nhập vào không khí sôi nổi, vui tươi ở đây: Hình ảnh các cô gái Mông với những trang phục đặc trưng của dân tộc mình nô nức kéo nhau vào chợ, hình ảnh các cô gái Dao với những chiếc vòng cầu hôn nơi cổ tay đang chờ đón các chàng trai người Dao trao gửi tình yêu... tất cả chắc hẳn sẽ để lại nhiều ấn tượng sâu sắc trong lòng du khách.

### *Động Tiên Sơn*

Động Tiên Sơn Động có tên xưa gọi là động Đán Đón (động Đá Trắng), ngày nay người ta thường gọi là động Tiên Sơn (động Bình Lư), nằm kề đường 4D – con đường nối liền từ thị xã Lào Cai, thị trấn Sa Pa (Lào Cai), Thị xã Lai Châu đến với Điện Biên Phủ. Khu vực động có cảnh đẹp hùng vĩ của dãy Hoàng Liên Sơn, với đỉnh Phan Xi Păng nổi tiếng quanh năm ẩn hiện trong mây trắng, hợp cảnh cùng dòng Nậm Giê uốn lượn quanh co luồn khuất trong những dãy núi. Động thuộc địa phận xã Bình Lư, huyện Tam Đường cách Sa Pa 50 Km. Động bao gồm 49 khoang (49 cung) nối tiếp nhau chạy dài thông qua hai sườn núi, càng vào sâu các cung càng lớn. Trong Động có nhiều thạch nhũ muôn hình muôn vẻ, màu sắc huyền ảo. Nét đặc trưng là lòng Động có dòng suối trong vắt chảy qua, luồn lách qua các cung động suốt bốn mùa.

### **8.2.3. Một số tuyến du lịch nội vùng tỉnh Sơn La**

Tỉnh Sơn La có diện tích là 14.174,4 km<sup>2</sup>, dân số toàn tỉnh là 1.092,7 nghìn người (2010), tỉnh lỵ là thành phố thành phố Sơn La và các huyện như Quỳnh Nhai, Mường La, Thuận Châu, Phù Yên, Bắc Yên, Mai Sơn, Sông Mã, Yên Châu, Mộc Châu, Sốp Cộp, Vân Hồ. Tỉnh Sơn La có 12 dân tộc anh em, trong đó chủ yếu là dân tộc Thái có truyền thống bản sắc văn hóa dân tộc độc đáo, du khách có điều kiện khám phá nhiều điều mới mẻ về giá trị văn hóa của các dân tộc Tây Bắc có những điệu xoè, ngâm ngâm men rượu cần làm say đắm lòng người.

Điều kiện tự nhiên : Tỉnh Sơn La nằm ở phía tây bắc Việt Nam, có nhiều núi cao, phía bắc giáp tỉnh Yên Bái, Lào Cai, Lai Châu, phía tây giáp tỉnh Điện Biên, phía đông giáp tỉnh Phú Thọ và Hoà Bình, đông nam giáp tỉnh Thanh Hoá và Hoà Bình, phía nam giáp nước CHDCND Lào. Thành phố Sơn La cách Hà Nội 328km theo quốc lộ 6. Địa hình của tỉnh Sơn La chủ yếu là núi và cao nguyên. Mạng lưới sông suối ở đây khá dày đặc, nguồn nước dồi dào, có tiềm năng về thủy điện. Tài nguyên khoáng sản của tỉnh khá đa dạng và phong phú vì vậy công nghiệp Sơn La có nhiều triển vọng. Nhiệt độ trung bình năm khoảng 21°C, khí hậu chia làm 2 mùa rõ rệt: mùa đông lạnh và khô, ít mưa; mùa hè mưa nhiều và không có bão. Du khách có thể đến Sơn La bằng đường quốc lộ 6 từ Hòa Bình, quốc lộ 37 từ Yên Bái, quốc lộ 279 từ Lào Cai, bằng đường hàng không Nội Bài - Nà Sản, hoặc theo đường thủy tuyến lòng Hồ Hòa Bình - Sơn La (qua Cảng Tà Hộc) để được ngắm nhìn một vùng núi non hùng vĩ sơn thủy hữu tình của vùng phía tây Tổ quốc

Tiềm năng phát triển kinh tế và du lịch : Sơn La, một địa bàn lý tưởng để chăn nuôi bò sữa trên cao nguyên Mộc Châu, phát triển cây dâu, nuôi tằm, ương tơ dệt lụa, là vùng đất có nhiều ưu thế phát triển cây cà phê, cây chè và nhiều loại cây ăn quả. Một vùng đất có thể



phát triển công nghiệp khai khoáng, chế biến chè và nông, lâm sản khác. Sơn La có lễ hội Hoa ban của dân tộc Thái, có bản Hìn, danh thắng Yên Châu, hang Thẩm Tét Toòng.

### **Một số điểm tham quan du lịch tại tỉnh Sơn La**

#### *Nhà tù và Bảo tàng Sơn La*

Nhà tù và Bảo tàng Sơn La nằm ở thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La do người Pháp xây dựng năm 1908 trên đồi Khau Cỏ. Nhà tù Sơn La là nơi giam giữ nhiều chiến sỹ cách mạng Việt Nam. Ban đầu là một nhà tù nhỏ hàng tỉnh, được mở rộng quy mô vào những năm 1930 - 1940. Giai đoạn từ 1930 - 1945 tại đây giam cầm hơn một ngàn tù nhân, trong đó có nhiều vị là cán bộ chủ chốt của cách mạng Việt Nam như Lê Duẩn, Trường Chinh, Văn Tiến Dũng, Lê Thanh Nghị, Nguyễn Lương Bằng, Song Hào, Xuân Thủy...Đền với di tích Nhà tù Sơn La, du khách có cơ hội thăm lại các xà lim ngầm, xà lim chéo, trại ba gian cùng với hàng trăm hiện vật. Nơi đây du khách sẽ chứng kiến hoàn cảnh sống cơ cực của tù nhân, và càng khâm phục ý chí kiên cường của họ trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù dân tộc. Du khách sẽ không khỏi xúc động đứng trước cây đào mang tên Tô Hiệu, bên tường đá nhà ngục cây đào luôn xanh tươi – biểu tượng cho ý chí bất khuất của người cộng sản. Bên cạnh khu di tích nhà tù là Nhà Bảo tàng tổng hợp của tỉnh Sơn La, nơi trưng bày nhiều hiện vật quý giới thiệu truyền thống lịch sử, văn hoá của cộng đồng 12 dân tộc đoàn kết cùng nhau xây dựng Sơn La thành tỉnh giàu có của Việt Nam. Di tích nhà tù Sơn La được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng năm 1962. Hàng năm đón hơn trăm nghìn lượt du khách đến tham quan.

#### *Bản Hìn của người Thái*

Bản Hìn thuộc xã Chiềng An, cách thị xã Sơn La khoảng 3km. Đây là một bản của dân tộc Thái với những nét truyền thống văn hóa đặc sắc của họ như uống rượu cần, múa xòe...Bản Hìn nằm giữa 2 dãy núi dài với những vườn cây ăn quả và những nếp nhà sàn xinh xắn. Những làn khói lam uốn nhẹ theo triền núi dưới ánh nắng chiều hiện ra một Bản Hìn với hơn 200 hộ gia đình sinh sống bằng nông nghiệp và dệt thô cầm. Nét đặc sắc trong văn hóa truyền thống của Bản Hìn là múa xòe và uống rượu cần. Du khách đến với Bản Hìn sẽ được đắm chìm trong tiếng hát của các cô gái Thái làm say đắm lòng người, cuốn hút với những câu chuyện kể về cuộc sống bình dị của người dân tộc nơi đây. Du khách đến với Bản Hìn vào các dịp lễ tết hay các ngày vui, du khách sẽ được tham gia vào vòng múa xòe truyền thống. Múa xòe là một điệu múa cộng đồng, dành cho tất cả mọi người, không phân biệt già trẻ, trai gái. Vòng xòe rộng, có thể có nhiều vòng xòe và càng đông người, càng nhiều vòng xòe thì càng vui. Trong tiếng trống, tiếng cồng, chiêng những điệu xòe dạt dào thể hiện tín ngưỡng cầu mùa và tình yêu đôi lứa của người Thái và cùng nhau quay quần bên chén rượu cần cũng là một nét đẹp văn hóa nơi Bản Hìn.

#### *Cao nguyên Mộc Châu*

Cao nguyên Mộc Châu nằm ở địa bàn huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, cách Hà Nội gần 200km về phía tây bắc theo quốc lộ 6 và nằm ở độ cao 1050m so với mặt nước biển. Cao nguyên Mộc Châu trải rộng ngút ngàn tầm nhìn với những đồi chè, đồng cỏ mênh mông, những đàn bò sữa của thảo nguyên nhả hơi bước trong rừng chiều. Đây là cao nguyên lớn trải dài khoảng 80km, rộng 25km với 1600ha đồng cỏ, là nơi tập trung nhiều nhất tài nguyên du lịch của Sơn La và vùng núi Tây Bắc - Bắc Bộ. Khí hậu là tài nguyên du lịch đặc biệt có tính đặc thù của Mộc Châu. Ở giữa cao nguyên Mộc Châu là một vùng tiểu khí hậu với mùa hè mát mẻ có nhiệt độ trung bình là 20°C và mùa đông khô ráo hơn các vùng khác.

Du khách có dịp đến với Mộc Châu một lần dù mùa hạ hay đông, ngày nắng trải vàng trên rừng mơ mùa xuân hay ngày đông sương mù trắng núi... đều có ấn tượng đẹp về vùng đất cao nguyên này qua các di tích lịch sử như động Sơn Mộc Hương, rừng thông, chùa Chiền Viên, thác Dải Yếm, đỉnh Phiêng Luông, và các bản văn hóa của người Mông, người Dao ở Vân Hồ với những câu hát điệu múa khèn, các món ăn đặc sản dân tộc và các sản phẩm thủ công mỹ nghệ mang đậm bản sắc văn hoá lâu đời. Hãy đến với thảo nguyên Mộc Châu mệnh mông cỏ và hoa để tìm được sự tĩnh lặng của hồn mình và niềm yêu cuộc sống.

### *Hang Thảm Tét Toòng*

Hang Thảm Tét Toòng cách trung tâm thị xã Sơn La khoảng 2km nằm ở xã Chiềng An, thị xã Sơn La, tỉnh Sơn La. Hang dài trên 150m, phân ra nhiều khúc đoạn với thế giới thạch nhũ muôn hình muôn vẻ. Phía trên hang là những dãy núi trùng điệp trải dài có những rừng cây xanh ngát. Lòng hang là dòng nước trong xanh ngày ngày tuôn trào đổ thác trắng xóa, những hàng cột đá chen chúc nhau, nép mình dọc hai bên vách thẳng đứng như những thân cây trúc. Vào mỗi buổi sáng, khi có ánh nắng ban mai, từ cửa hang nhìn vào là cả thế giới huyền ảo những màu sắc lấp lánh của thạch nhũ nhấp nhô muôn hình, muôn vẻ.

### *Thác Dải Yếm*

Thác Dải Yếm còn có tên gọi khác như thác Nàng, thác Bản Vật, xã Mường Sang, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, cách thị trấn nông trường Mộc Châu 3km. Thác Dải Yếm được ví vẻ đẹp của thác nước như xuân sắc của người con gái tuổi trăng tròn. Từ ngã ba cửa khẩu Pa Háng, đi bằng ô tô theo đường chính hoặc dọc theo suối khoảng 4 km đến chỗ hợp lưu hai con suối sẽ đến thác Dải Yếm hùng vĩ. Thác Dải Yếm – cái tên mềm mại, gọi hình như sinh ra từ một truyền thuyết đẹp và buồn về tình yêu. Tương truyền, tên Dải Yếm bắt nguồn từ truyền thuyết dòng thác là dải yếm của người con gái cứu chàng trai thoát khỏi dòng nước lũ. Thác ngày đêm đổ xuống trắng xóa, ào ào, không chỉ mang đến cho du khách sự thích thú trước một khung cảnh vừa huyền bí vừa kỳ vĩ của đất trời mà còn cảm giác sảng khoái khi được hòa mình vào những ngọn gió mang hơi nước mát lành. Thác khởi nguồn từ hai khe nước Bó Co Lắm và Bó Tá Cháu ở đầu bản Vật. Nước từ trong suối chảy ra tạo thành suối Vật, chạy được khoảng 5km bị chặn lại bởi một bức tường đá vôi, nước tràn ứ lên, chảy ngược lại, lượng nước ở đây cứ dâng lên và tràn về phía bờ thấp hơn và đổ xuống phía dưới tạo thành thác nước và hòa vào dòng chảy của suối Bó Sập giáp với biên giới Việt Lào chảy về Yên Châu.

Theo dòng suối ngược lên du khách bắt gặp con thác thứ nhất. Dưới lòng suối Bó Sập là hàng ngàn viên đá, tảng đá có hình dáng khác nhau, trông thật lạ mắt. Thác nước thứ hai, cách thác nước thứ nhất 150m về phía dưới càng làm cho du khách ngạc nhiên và thú vị hơn. Chạy khó trèo lên đến đỉnh thác, du khách sẽ gặp thảm thực vật vô cùng phong phú, tạo nên khung cảnh rất hùng vĩ. Thác Dải Yếm đẹp nhất là vào những tháng 4 đến tháng 9 hằng năm bởi trong những tháng này nước nhiều nên toàn bộ thác rộng 70m bao phủ một màn nước trắng xóa, vừa hùng vĩ vừa thơ mộng. Nhìn từ xa, thác như một “dải yếm” vắt ngang qua triền đồi được ánh nắng nhuộm vàng màu mật ong.

Khi đến thăm thác Dải Yếm xong, đi ngược trở lại quốc lộ 43 khoảng 600m, rẽ phải khoảng 300m du khách sẽ đến Bản Vật, một địa danh gắn liền với lịch sử cư trú từ rất xa xưa của tộc người Thái ở Mộc Châu. Đây là một bản thuần Thái với các dòng họ: Sa, Hà, Hoàng.. cư dân trong bản vẫn lưu giữ được các yếu tố tộc người truyền thống như: nhà sàn và cách bài trí trong nhà, trang phục truyền thống; kinh tế ruộng nước và nương dẫy, nghề dệt thổ cẩm và văn hóa ẩm thực.

#### **8.2.4. Một số tuyến du lịch nội vùng tỉnh Yên Bái**

Tỉnh Yên Bái có diện tích khoảng 6.899,5 km<sup>2</sup>, dân số toàn tỉnh là 746,4 nghìn người (2010), tỉnh có 1 thành phố Yên Bái, 1 thị xã Nghĩa Lộ và các huyện như Lục Yên, Văn Yên, Mù Cang Chải, Trấn Yên, Yên Bình, Văn Chấn, Trạm Tấu. Các dân tộc sinh sống tại tỉnh bao gồm Việt (Kinh), Tày, Dao, H'Mông...

Điều kiện tự nhiên: Yên Bái là tỉnh nằm sâu trong nội địa nhưng lại là cửa ngõ của miền Tây Bắc, là đầu mối giao thông giữa đông bắc và tây bắc, giữa cửa khẩu Lào Cai và Hà Nội. Phía bắc tỉnh Yên Bái giáp tỉnh Lào Cai và Hà Giang, phía tây nam giáp tỉnh Sơn La, phía đông giáp tỉnh Tuyên Quang, phía nam giáp tỉnh Phú Thọ. Địa hình của tỉnh gồm có núi, đồi và thung lũng. Hệ thống sông suối chằng chịt lắm thác ghềnh. Khí hậu chia làm hai vùng, vùng thấp và vùng cao. Nhiệt độ trung bình năm từ 18°C – 28°C. Thành phố Yên Bái cách Hà Nội khoảng 180km. Tỉnh nằm trên tuyến đường sắt Hà Nội – Yên Bái – Lào Cai. Tỉnh có quốc lộ 32 đi Lào Cai, Phú Thọ và quốc lộ 37 đi tỉnh Tuyên Quang.

Tiềm năng phát triển kinh tế và du lịch: Yên Bái là tỉnh có nhiều dải rừng lớn. Rừng có nhiều gỗ quý như pomu, lát hoa, chò chi... Nhiều cây dược liệu và nhiều loại động vật quý hiếm. Sản vật của tỉnh Yên Bái là quế Văn Yên, chè Suối Giàng, nếp Tú Lệ. Yên Bái có mỏ đá quý nổi tiếng Lục Yên. Thành phố Yên Bái là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá của tỉnh. Tỉnh Yên Bái có nhiều di tích lịch sử văn hóa đặc biệt là hồ Thác Bà, một trung tâm sinh thái, giải trí, leo núi, khám phá rừng tự nhiên. Thắng cảnh Yên Bái còn giữ được nhiều vẻ hoang sơ, môi trường sinh thái chưa bị ô nhiễm rất hấp dẫn đối với khách du lịch

#### **Một số điểm tham quan du lịch tại tỉnh Yên Bái**

##### *Đền Đông Công*

Đền Đông Công hay còn gọi là đền thờ thần Vệ quốc vì bên cạnh việc thờ Mẫu Thượng Ngàn nằm ở huyện Văn Yên, cách thành phố Yên Bái khoảng 50 km. Đền được xây dựng ở nơi có phong cảnh sơn thủy hữu tình, núi sông hoà hợp nên vừa là di tích, vừa là thắng cảnh đẹp của tỉnh Yên Bái. Đền Đông Công thờ các vị có công với nước chống giặc Nguyên - Mông (thế kỷ 13), đó là một số tướng người dân tộc ở địa phương. Theo truyền thuyết từ thời phong kiến, Chư thần Đông Công được bốn đời vua phong sắc về công lao bảo vệ đất nước, che chở nhân dân và xã Đông Công được đặc cách chuẩn y cho phụng thờ các vị chư thần tại đền. Trải qua những thăng trầm của lịch sử, đền Đông Công chịu nhiều sự tàn phá khắc nghiệt của thiên nhiên và chiến tranh. Sau nhiều năm tôn tạo, tu bổ, đền Đông Công toạ lạc khang trang trên nền cũ. Kiến trúc đền Đông Công mang dáng dấp kiến trúc đền chùa thời Lý Trần với mái ngói cong và hình lưỡng long châu nhật. Các cột đền làm bằng gỗ tứ thiết được sơn son thếp vàng hình rồng cuốn trang nghiêm. Trên các đầu dư, đầu bẩy, xà ngang, cốn nách, câu đầu... được trạm khắc tỹ mỹ hình tứ linh và hoa lá. Các bức trạm khắc tinh vi đạt trình độ cao cả về kỹ thuật phục chế và mỹ thuật. Khuôn viên của đền được mở rộng, cây xanh toả bóng mát sum xuê, điểm xuyết những vạt rừng đào, rừng mận đang mùa hoa nở rộ. Mặt đền quay về hướng Nam, địa thế tựa vào hình sông thế núi với cảnh sắc thiên nhiên hữu tình đẹp như bức tranh thủy mặc. Con đường dốc độc đạo chạy từ phía Đông lên đền uốn mình quanh co mềm như dải lụa vắt ngang lưng chừng núi khiến khung cảnh càng thêm thâm nghiêm, tĩnh mịch. Với tín ngưỡng thờ mẫu và các anh hùng có công với đất nước, đền Đông Công mang ý nghĩa giáo dục truyền thống lịch sử, văn hoá sâu sắc. Đây là di tích lịch sử văn hoá lâu đời, điểm du lịch văn hoá, sinh thái lý tưởng dành cho du khách trong chuyến hành hương về nguồn.

##### *Đền Đại Cại - núi Hắc Y*

Quần thể di tích đền Đại Cại tọa lạc bên tỉnh lộ 134, thuộc xã Tân Lĩnh, huyện Lục Yên, cách thành phố Yên Bái 80km. Cụm di tích này bao gồm có đền Đại Cại, thành Nhà Bàu, núi Hắc Y. Đền Đại Cại nằm dưới chân núi Vua áo đen, bên hữu là sông Chảy, trước mặt là suối Đại Cại. Tương truyền đền được xây dựng hơn 300 năm trước, thờ bà Vũ Thị Ngọc Anh - một nữ tướng văn võ song toàn dưới thời hậu Lê. Bà được triều đình phong chức Tổng binh, sau này được nhà vua phong sắc nữ tướng. Bà là người đắp lũy xây thành chống lại giặc nhà Mạc và cũng là người lập ra chợ búa cho nhân dân vùng này. Đền có kiến trúc đẹp, có đủ các đồ thờ tự như bát nhang đồng, ngai thờ sơn son thếp vàng. Đặc biệt, những tảng đá kê cột đình, cột đền được chạm trổ hình mặt trăng, hoa sen, lá đề, mỗi tảng nặng hơn 100kg. Đền có chuông đồng, chuông đồng, có sắc phong của vua Cảnh Phong và vua Tự Đức.

Năm 2001 đền được xếp hạng di tích cấp quốc gia. Hàng năm cứ vào ngày 16 tháng riêng, lễ hội đền Đại Cại được tổ chức. Đứng ở đền Đại Cại có thể nhìn thấy núi Hắc Y, trên núi có vườn cây, ao cá, bàn cờ tiên... Tương truyền thần Hắc Y là tướng thời Trần, có công đánh giặc bị thương rồi về “hóa” tại đây. Nằm trong cụm di tích còn có thành Nhà Bàu là phần thành đất, bãi quần ngựa,... nơi luyện quân một thời oanh liệt trong lịch sử dân tộc.

#### *Khu chùa tháp Hắc Y*

Chùa tọa lạc trên đỉnh đồi Hắc Y thuộc xã Tân Lĩnh, huyện Lục Yên, cách thành phố Yên Bái 80 km. Chùa được xây dựng mang kiến trúc độc đáo thời Trần. Khu di tích này còn có tháp Hắc Y, đình Bến Lăn, núi thần áo Đen, đền Đại Cại. Các di tích này phần lớn đã bị đổ nát đang được phục chế. Đình Bến Lăn hiện chỉ có những tảng đá kê chân cột đình đường kính 0,72 m. Núi thần áo Đen là một dãy núi đá cao, trên đỉnh có ao cá, vườn cây, dấu tích của công trình tôn giáo thời Lý - Trần. Đền Đại Cại dựng cạnh bờ sông Chảy, mặt chính của đền nhìn ra ngã ba sông và đồi Hắc Y. Đền được dựng trong một khuôn viên rộng, có nhiều cây xanh và đường ven sông tạo vẻ đẹp thâm nghiêm, cổ kính. Tại khu vực Đại Cại, Bến Lăn còn tìm được nhiều công cụ đá cuội có đặc trưng văn hoá Sơn Vi. Hiện nay, trên đồi Hắc Y có tháp Hắc Y, du khách thấy có những thành đất, bãi quần ngựa, dấu đóng quân,...được xem là những dấu ấn một thời oanh liệt trong lịch sử đấu tranh giữ nước.

#### *Hồ Thác Bà*

Hồ Thác Bà là một trong ba hồ nước nhân tạo rộng nhất Việt Nam có diện tích là 23.400ha, trong hồ có 1.331 đảo được hình thành khi xây dựng nhà máy thủy điện Thác Bà. Hồ Thác Bà nằm trên địa phận thuộc 2 huyện Lục Yên và Yên Bình. Hồ Thác Bà là hồ nước nhân tạo với thảm thực vật và cảnh quan sinh thái đa dạng, nước hồ trong xanh, in bóng những vạt rừng già bao quanh hồ. Hàng ngàn đảo trên hồ với các hang động như hang Hùm, hang Cầu Cuôi, động Bạch Xà, đền Thác Bà và dãy núi Cao Biền soi bóng ven hồ luôn tạo nên sự cuốn hút đối với du khách. Hồ Thác Bà còn là một di tích lịch sử vì nơi đây vào năm 1285 đã diễn ra trận Thu Vật do Trần Nhật Duật chỉ huy đánh tan một đạo quân Nguyên Mông. Ở vùng thượng hồ còn có một số nơi là cơ sở hoạt động của các cơ quan trung ương thời kỳ kháng chiến chống Pháp. Giữa hồ Thác Bà có động Mông Sơn là nơi Tỉnh ủy Yên Bái làm việc trong cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ. Hồ Thác Bà là một thắng cảnh đẹp, nơi đang có kế hoạch phát triển thành một trung tâm du lịch sinh thái, kết hợp giữa giải trí trên hồ và leo núi, thám hiểm rừng.

#### *Ruộng bậc thang Mù Cang Chải*

Mù Cang Chải là một huyện miền tây tỉnh Yên Bái, cách Hà Nội khoảng 300km về phía Tây Bắc, phía bắc giáp huyện Văn Bàn của tỉnh Lào Cai, phía nam giáp huyện Mường

La của tỉnh Sơn La, phía tây giáp huyện Than Uyên của tỉnh Lai Châu, phía đông giáp huyện Văn Chấn cùng tỉnh Yên Bái. Từ Hà Nội đến huyện Mù Cang Chải đi theo quốc lộ 32, vượt qua đèo Khau Phạ dài 27km vào những ngày tháng 10 du khách không khỏi ngạc nhiên khi trước mắt hiện ra một màu vàng của lúa trải dài trên các triền núi, lớp nọ gối tiếp lớp kia như bất tận đó là những thửa ruộng bậc thang Mù Cang Chải thuộc ba xã La Pán Tẩn, Chế Cu Nha và Dế Xu Phình huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái. Ruộng bậc thang Mù Cang Chải là những thửa ruộng trải trên các triền núi lớp nọ gối tiếp lớp kia. Du khách lên đến bản Trống Tông xã La Pán Tẩn nhìn xuống mới phần nào cảm nhận được sự diệu kỳ của ruộng bậc thang nơi đây. Các thửa ruộng bậc thang được xếp thành lớp gối tiếp nhau giống như những mâm xôi vàng của lúa hiện lên hoành tráng giữa núi rừng xanh ngắt; từng bậc ruộng nối tiếp nhau đổ từ trên cao xuống như chiếc cầu thang vàng mời gọi người trần gian lên trời. Đồng bào Mông ở đây làm ruộng bậc thang vào vụ xuân và vụ mùa. Trong đó, tháng 10 dương lịch là thời điểm đẹp nhất khi du khách đến Mù Cang Chải. Do độ dốc lớn, ruộng bậc thang có chiều ngang hẹp (chỉ được vài đường bừa), độ chênh từ thửa ruộng trên với thửa ruộng dưới từ một đến một mét rưỡi, trong khi đòi hỏi mặt bằng ruộng và nguồn nước ngâm chân lúa phải đồng đều, sao cho khi có nước vào thì một bậc thang đều có cân bằng sóng. Hệ thống tưới tiêu, san ruộng cho các thửa ruộng được người Mông dùng cuốc bướm cào thành bờ đất, dùng chân dẫm và dùng gậy cuốc đập mạnh nén chặt bờ. Các điểm đón nước cho ruộng được lấy từ các nguồn khe phía trên, nếu vượt qua điểm trũng thì dùng cây to bỏ đôi, khoét ruột làm máng dẫn nước. Để tạo đường đồng mức cho từng mảnh ruộng, đồng bào dùng nước làm một đường cân bằng sóng, chỗ trũng thì dùng cuốc bướm cào bằng thêm, chỗ cao thì san bớt lên bờ, vì vậy cả thửa ruộng quanh quả đồi đều có nước và độ cao giống nhau, tạo ra các bậc thang đều khắp. Ngay trong cách chia nước, đồng bào Mông chỉ sẻ nước từ bờ trên xuống bờ dưới theo cách không nối liền mạch (thửa đầu sẻ đầu bờ thì thửa dưới phải sẻ ở giữa bờ, thửa kế tiếp sẻ đường nước thoát ở cuối bờ) nhằm hạn chế tối đa khi mưa lũ tạo dòng chảy mạnh gây vỡ bờ và rửa trôi hết màu.

Những năm gần đây, Ruộng bậc thang Mù Cang Chải là điểm du lịch thu hút nhiều du khách trong và ngoài nước. Ngày 18/10/2007 Ruộng bậc thang ở Mù Cang Chải đã được Bộ Văn hóa, Thể Thao và Du lịch cấp bằng xếp hạng di tích quốc gia.

#### **8.2.5. Một số tuyến du lịch nội vùng tỉnh Lào Cai**

Toàn tỉnh Lào Cai có diện tích khoảng 6.383,9 km<sup>2</sup>, dân số toàn tỉnh là 626,2 nghìn người (2010), tỉnh có 1 thành phố Lào Cai và các huyện như Mường Khương, Bát Xát, Bắc Hà, Bảo Thắng, Sa Pa, Bảo Yên, Văn Bàn, Si Ma Cai; Toàn tỉnh Lào Cai có 27 dân tộc anh em sinh sống. Dân tộc kinh, H'Mông, Tày, Dao, Thái, Giáy, Nùng, Phù Lá, Hà Nhì, Lào, Kháng, LaHa, Mường, Bó Y, Hoa, La Chí, Sán Chay, Sán Dìu, Khmer, Lô Lô, Cà Doong, Pa Cô, Ê Đê, Giẻ Triêng, Gia Rai, Chăm, Cà Tu. Lào Cai có số dân tộc chiếm 50% tổng số dân tộc toàn quốc nên đặc điểm nổi bật trong văn hóa các dân tộc Lào Cai là văn hoá đa dân tộc, giàu bản sắc. Ở vùng thấp, người Tày, Thái, Giáy, Nùng, khai khẩn các thung lũng ven sông, ven suối, sáng tạo truyền thống văn hoá lúa nước. Ở rẻo giữa, người Kháng, La Ha, Phù Lá... tạo nên văn hoá nương rẫy với nhiều tri thức bản địa phù hợp với kinh tế đồi rừng. Ở vùng cao, người H'Mông, Hà Nhì, Dao khai khẩn các sườn núi thành ruộng bậc thang bắc lên trời hùng vĩ.

Điều kiện tự nhiên : Lào Cai là một tỉnh vùng cao biên giới, phía bắc giáp tỉnh Vân Nam (Trung Quốc), phía tây giáp tỉnh Lai Châu, phía đông giáp tỉnh Hà Giang, phía nam giáp Yên Bái và Sơn La. Địa hình Lào Cai khá phong phú gồm nhiều loại hình, có địa hình

thung lũng, có địa hình vùng núi thấp, địa hình vùng núi cao và các đỉnh núi rất cao như đỉnh Phanxiphăng – nóc nhà của tổ quốc cao 3.143m. Lào Cai có 107 sông suối chạy qua tỉnh, với 3 hệ thống sông chính là sông Hồng, (có chiều dài chạy qua địa phận Lào Cai là 120km), sông Chảy (có chiều dài chạy qua tỉnh là 124km), sông Nậm Mu (có chiều dài chạy qua tỉnh là 122km). Khí hậu nhiệt đới gió mùa đặc trưng miền núi, mùa đông lạnh khô, ít mưa, mùa hè nóng mưa nhiều. Lào Cai là một tỉnh cửa ngõ biên cương phía Tây Bắc của Tổ quốc, có 203km đường biên giới với Trung Quốc, có vị trí chiến lược quan trọng cả về kinh tế - chính trị - an ninh - quốc phòng. Lào Cai nằm ở vị thế “đầu cầu” nối liền tỉnh Vân Nam và cả vùng Tây Nam rộng lớn của Trung Quốc với đồng bằng Bắc bộ. Lào Cai có điều kiện thuận lợi về giao thông, có cả đường thủy, đường bộ và đường sắt. Trên địa phận tỉnh Lào Cai có 3 tuyến quốc lộ, 6 tuyến tỉnh lộ, đường ô tô đã về đến xã, phường, thị trấn. Đường sông Hồng là tuyến đường huyết mạch thời cổ đại và phong kiến. Lào Cai hiện có cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu quốc gia và nhiều cửa khẩu phụ thông thương với Trung Quốc.

Tiềm năng phát triển kinh tế và du lịch: Các dân tộc Lào Cai đã sáng tạo, lưu giữ hàng trăm di tích lịch sử văn hoá. Nổi bật là các di tích về khu trạm khắc đá cổ, với các hình khắc về bản đồ, chữ viết, hình người có niên đại cách ngày nay hàng nghìn năm ở thung lũng Mường Hoa (Sa Pa). Di tích thờ ông Hoàng Bảy một vị tướng có công bảo vệ biên giới thời Hậu Lê được tôn thờ là “Thần vệ Quốc”, di tích Đền Thượng - thờ Quốc công tiết chế Trần Hưng Đạo được xây dựng từ thời Lê Trung Hưng với niên hiệu Chính Hoà (1680-1705), di tích chiến thắng Phố Ràng... đặc biệt Lào Cai còn có hệ thống các hang động kỳ ảo trở thành các danh thắng tuyệt đẹp, thu hút đông đảo khách du lịch tham quan như động Thủy Tiên (Bát Xát), động Tả Phời (Cam Đường), hang Tiên- Trung Đô (Bắc Hà), động Xuân Quang (Bảo Thắng)... Lào Cai có các thắng cảnh đẹp như khu Hàm Rồng - một “tiểu Thạch Lâm” ở Sa Pa, có bãi đá cổ hàng vạn năm với hàng trăm phiến đá muôn hình muôn vẻ, đỉnh Phan Xi Păng hùng vĩ – nóc nhà của Tổ quốc là bảo tàng sống về động, thực vật đặc hữu, với trên 31 loại khoáng sản phân bố ở 130 điểm mỏ. Hiện nay, Lào Cai được đánh giá là tỉnh giàu có về khoáng sản, có trữ lượng apatit, đồng, sắt vào loại lớn của khu vực và thế giới.

Đặc điểm nổi bật của sinh vật Lào Cai là tính đa dạng sinh học với hơn 2.000 loài thực vật, 442 loại chim, thú, bò sát, ếch nhái. Trong đó có 60 loại động vật chỉ tìm thấy ở Lào Cai, 9 loại thực vật chỉ tìm thấy ở Sa Pa. Lào Cai có kho tàng quỹ gen đặc biệt quý hiếm (chiếm tới gần 50% số loại thực vật đặc biệt quý hiếm ở nước ta).

### **Một số điểm tham quan du lịch tại tỉnh Lào Cai**

#### *Đá vợ đá chồng*

Đá vợ đá chồng nằm trong khu di tích Bãi đá cổ Sa Pa, thuộc thung lũng Mường Hoa, xã Hầu Thào, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai. Đá vợ đá chồng là một cặp đá có tư thế đang hướng về nhau, đang tìm đến nhau. Hai tảng đá có liên quan đến truyền thuyết về mối tình thủy chung của đôi trai gái vượt lên mọi gian nan, thử thách, mong tìm đến với nhau và được sống hạnh phúc, nhưng khi sắp sửa gặp nhau thì họ đều đã bị hóa đá. Phía đầu bãi đá khắc cổ cạnh con đường trục chính liên xã (cũ) có một tảng đá nằm dưới vùng sinh lầy. Hòn đá có hình người nằm phủ phục, đầu quay xuống phía hạ huyện. Ở cuối bãi đá đó, cách chừng 2km, có tảng đá lớn cũng hình người nằm phủ phục, đầu quay lên, hai tảng đá có hình dáng giống nhau. Ở phía phải và trái của hai tảng đá vẫn tồn tại hai cánh rừng nhỏ, cả hai cánh rừng đều có những cây cổ thụ và có hai miếu thờ, một của đồng bào Giáy, một của đồng bào H'Mông thờ mối tình chung thủy của chàng trai, cô gái.

## *Đền Bảo Hà*

Ngôi Đền thờ thần vệ quốc Hoàng Bấy, một anh hùng miền sơn cước đánh giặc phương Bắc bảo vệ bản làng. được xây dựng dưới chân đồi Cẩm, bên cạnh dòng sông Hồng chảy vào miền đất Việt, thuộc xã Bảo Hà, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai và cách Tp. Lào Cai khoảng 60km về phía nam; cách ga xe lửa Bảo Hà khoảng 800m. Vào cuối đời Lê niên hiệu Cảnh Hưng (1740 - 1786 ) khắp vùng Quy Hóa gồm Châu Thủy Vĩ và Châu Văn Bàn (thuộc Lào Cai bây giờ) luôn bị giặc vùng phương Bắc tràn sang cướp phá, giết hại dân lành. Trước cảnh đau thương tang tóc ấy, tướng Nguyễn Hoàng Bấy được triều đình giao trọng trách khởi binh dẹp loạn vùng biên ải. Đội quân của ông tiến dọc sông Hồng đánh đuổi quân giặc, giải phóng Châu Văn Bàn và cùng cố xây dựng Bảo Hà thành căn cứ lớn. Trong một trận chiến không cân sức với quân giặc, ông đã anh dũng hy sinh, thi thể ông trôi theo sông Hồng tới Bảo Hà thì dạt vào bờ. Nhân dân trong vùng đã vớt, an táng thi thể ông và lập đền thờ tại đây để ghi nhớ công đức to lớn của ông. Ngôi đền được xây dựng rất uy nghi, tĩnh mặc. Phong cảnh thiên nhiên nơi đây cũng thật hữu tình: trên bến, dưới thuyền, xung quanh là núi rừng bao la, rộng lớn xanh mướt một màu. Đền Bảo Hà có lưng tựa vào núi, mặt hướng theo dòng nước sông Hồng và nơi đây còn có sự kết hợp hài hoà giữa cảnh quan thiên nhiên với kiến trúc văn hóa truyền thống của dân tộc Việt Nam theo thuyết phong thủy. Hàng năm, vào ngày 17 tháng 7 âm lịch (ngày giỗ tướng Hoàng Bấy), được tổ chức lễ hội thu hút đông đảo du khách trong và ngoài vùng đến dự. Trong lễ hội có tổ chức rước kiệu, tế thần, dâng hương tưởng niệm, thắp hương tưởng niệm, cầu an, cầu lộc. Du khách đến thăm di tích đền Bảo Hà bằng nhiều phương tiện giao thông bằng đường bộ, đường thủy hay đường sắt và ngôi đền đã được công nhận là khu di tích lịch sử văn hóa quốc gia. Nếu đi bằng đường sắt, từ Hà Nội, du khách sẽ lên tàu LC1 xuất phát từ ga Hà Nội lúc 22:05 hoặc tàu LC3 xuất phát từ ga Hà Nội lúc 06:10.

## *Bãi đá cổ Sa Pa*

Bãi đá cổ Sa Pa nằm trong thung lũng Mường Hoa, xã Hầu Thào, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai, cách thị trấn Sa Pa khoảng 8km về phía đông nam. Đây là di sản của cư dân người Việt cổ, gồm những khối đá với các hình chạm khắc từ xa xưa, nằm rải rác trên những thửa ruộng bậc thang của người dân bản Phò. Năm 1925, một nhà khảo cổ người Pháp gốc Nga Glubev của trường Viễn Đông Bắc Cổ phát hiện ra. Bãi đá trải rộng khoảng 8km<sup>2</sup> với gần 200 khối đá có kích thước, hình khắc khác nhau như: tranh vẽ tả thực, hoa văn trang trí, hình người đang toả hào quang, hình người cách điệu và một số mô tuýp khác về hình người, hình kiểu bản đồ mô tả thung lũng Mường Hoa... Đặc biệt, có các tảng đá được khắc trên đó những khối chữ vuông giống với chữ Nôm Dao. Các nhà khoa học đã đưa ra rất nhiều cách giải mã khác nhau, có nhiều giả thiết cho rằng đó là hình bản đồ cổ của người Mông hoặc cuốn sách cổ giới thiệu về những trận đánh ngày xưa... nhưng những cách giải mã đó mới chỉ dừng lại ở giả thiết. Từ tháng 10/1994, Bãi đá cổ Sa Pa được Bộ VHTT công nhận là di tích lịch sử văn hoá quốc gia. Hiện nay, di tích này đang được nhà nước đề nghị UNESCO công nhận là di sản văn hoá thế giới.

## *Dinh Hoàng A Tưởng (Lâu đài Hoàng Yên Chao)*

Dinh Hoàng A Tưởng được xây dựng từ năm 1914 và hoàn thành năm 1921, chủ nhân là Hoàng Yên Chao dân tộc Tày, bố đẻ của Hoàng A Tưởng. Dinh này hiện nằm ở trung tâm huyện lỵ Bắc Hà, tỉnh Lào Cai, được xây dựng với lối kiến trúc theo phong cách Á - Âu kết hợp, tạo nên sự hài hoà, bố cục hình chữ nhật liên hoàn khép kín. Trong suốt thời gian trị vì, được thực dân Pháp ủng hộ, cha con Hoàng Yên Chao - Hoàng A Tưởng đã ra

sức bóc lột nhân dân, chiếm giữ các vùng đất màu mỡ, bắt dân bản phục dịch hầu hạ nộp các hiện vật có giá trị, đồng thời độc quyền bán muối, hàng tiêu dùng, khai thác lâm thổ sản, thuốc phiện và lương thực, thực phẩm cho các đồn binh Pháp và bọn tay sai. Dựa vào tiềm lực kinh tế, thổ ti Hoàng Yên Chao cho xây dựng một dinh thự bề thế và mời thầy địa lý chọn đất, hướng nhà với hai kiến trúc sư người Pháp và Trung Quốc thiết kế và trực tiếp thi công. Địa điểm được chọn theo thuyết phong thủy trên một quả đồi rộng hướng đông nam, đằng sau và hai bên phải trái có núi, phía trước có suối và núi "mẹ bồng con". Địa hình tổng thể có thể "son thủy hữu tình" đẹp, hợp với cảnh quan khí hậu Châu Á nhiệt đới. Ở giữa sâu vào trong là nhà chính. Hai bên tả, hữu là nhà phụ, trước là bức bình phong, giữa là sân trời. Muốn vào trong dinh phải bước lên mấy bậc cầu thang từ hai bên lại, rồi tới phòng chờ, sau đó mới bước vào khoảng sân rộng để hành lễ và múa xòe. Nhà chính hai tầng có diện tích 420m<sup>2</sup>. Các cửa nhà hình vòm, các cửa cao thấp không đều, nhưng cân đối, hành lang có lan can.

Trước các cửa đều đắp pháo nổi. Cả hai tầng nhà chính đều có ba gian. Bốn gian hai bên phải trái của cả hai tầng là nơi sinh hoạt gia đình. Gian giữa cả hai tầng dùng làm nơi hội họp. Mặt chính trang trí bằng nhiều hoạ tiết công phu. Hai bên phải và trái có đắp nổi hai câu đối với nội dung chúc gia đình dòng họ hiển vinh...Hai bên tả hữu là hai dãy nhà ngang có bố cục và kiến trúc giống nhau. Mỗi dãy đều hai tầng nhưng thấp hơn nhà chính, mỗi tầng cũng có ba gian với tổng diện tích 300m<sup>2</sup> mỗi gian đều có chức năng sử dụng riêng. Tiếp giáp với hai dãy nhà còn có hai nhà phụ cũng gồm hai tầng nhưng kiến trúc đơn giản và dùng làm nhà kho, cho lính và phu ở, tổng diện tích mỗi nhà khoảng 160m<sup>2</sup>. Toàn bộ vật liệu xây dựng ngôi dinh này đều là gạch ngói sản xuất tại chỗ, khi làm gạch họ đã mời các chuyên gia Trung Quốc và các nguyên liệu khác như sắt, thép và xi măng được mua từ dưới xuôi chở bằng máy bay. Xung quanh có tường xây bao gồm ba công (một chính, hai phụ) trở nhiều lỗ châu mai và có lính gác với số lượng hai trung đội. Tổng diện tích toàn khu nhà lên tới 4.000m<sup>2</sup>. Khu biệt thự này đang được gìn giữ, bảo quản và tôn tạo để khách tham quan có thể tìm hiểu về lịch sử xã hội vùng dân tộc miền núi một thời đã qua. Trải qua hơn 80 năm tồn tại cùng thời gian, phủ bao lớp rêu phong cổ kính vẫn đứng uy nghi nổi trội giữa một nơi dân cư đông đúc, phố xá tấp nập.

### *Thành cổ Nghị Lang*

Thành nằm ở thung lũng Phó Ràng, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai. Thành cổ Nghị Lang được xây dựng vào những năm 1527 – 1533 là một trung tâm kinh tế, chính trị lớn của cả vùng sông Chảy đầu thế kỷ XVI, dấu tích oanh liệt một phương chống nhà Mạc, bảo vệ biên cương của các chúa Bầu vẫn luôn in đậm trong truyền thống người dân. Phía bắc thành một bên dựa vào núi cao hiểm trở, chân núi là ngòi Ràng - một con suối rộng từ 6 – 8m làm chiến hào chõ che. Ngang bờ chiến hào, các chúa Bầu còn cho trồng lũy tre theo hình tam giác ken chặt bờ thành. Phía nam và tây thành đều dựa vào các dãy núi cao. Trong thành có lâu đài, có xưởng rèn vũ khí, sản xuất gạch ngói, có trại lính và hệ thống chợ búa trường học. Khi vào thành, chúng ta còn thấy ngôi chùa Phúc Khánh quy mô lớn nhất vùng nằm trên một ngọn đồi, nền ngôi chùa được kê nhiều tầng đá kê cột chùa vẫn còn và vẫn còn lưu giữ một bia đá lớn hình chữ nhật khổ 33x55mm có con rùa đội bia, trên bia nổi bật hàng chữ "Phúc Khánh Tự". Phía tây bắc thành có hệ thống hồ sen du ngoạn của chúa Bầu với phong cảnh "son thủy hữu tình" khá đẹp. Cảnh hồ là quần thể các lò gốm, lò gạch cổ. Suốt trên vạt đồi rộng hàng ngàn m<sup>2</sup> còn ngổn ngang các hiện vật gốm cổ, nhiều nhất là ngói cổ thời Lê Trung Hưng. Ở hàng Cắm Véo – một điểm chốt tiền tiêu phía tây thành tìm thấy một khẩu



súng lệnh bằng đồng dài 40cm , đường kính dài 12cm, trên thân khẩu súng còn khắc hai hàng chữ “Nghị Lang thủ ngự”. Đây là khẩu súng lệnh mang số hiệu 29 của vị thủ lĩnh đơn vị bảo vệ thành Nghị Lang.

### *Động Cốc San*

Cốc San cách thành phố Lào Cai khoảng 7km, là một hệ thống các thác nước và các hang động to nhỏ khác nhau, vì vậy người ta có thể gọi đây là động Cốc San hoặc thác Cốc San, nó nằm xã Cốc San, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai. Đường vào Cốc San rất ngoằn ngoèo, tối và bị lấp bởi những tảng đá, vẻ đẹp của Cốc San vẫn hoàn toàn mang tính chất tự nhiên, hoang sơ. Du khách đến động Cốc San biết đến như một điểm du lịch lý tưởng của người dân thị xã. Từ quốc lộ 4D, một con đường đất nhỏ có chiều dài khoảng hơn 1km dẫn vào Cốc San, nằm giữa hai đồi thấp. Khe đồi tạo thành một con suối có độ dốc trung bình, ở đó có những thác nước xếp từ thấp lên cao tựa như những bậc thang. Các hang động ở Cốc San được phân bố ở rất nhiều nơi, và có một điều rất đặc biệt là hầu như ở mỗi gầm một con thác, sau làn nước cong đổ từ trên cao xuống lại có một hang động. Phong cảnh Cốc San hài hoà và khoáng đạt. Mọi người mỗi khi đến đây đều cảm nhận được sự huyền bí diệu kỳ toát lên từ những ngọn thác, những mô đá và những hang động. Cứ độ vài chục mét lại có thác đổ, khoảng cách giữa các thác là những đoạn suối bằng phẳng trong xanh chảy giữa hai bờ cát. Khí hậu ở Cốc San rất trong lành và mát mẻ khiến ta có cảm giác thật dễ chịu. Vào những ngày hè hoặc những ngày nghỉ lễ, rất nhiều người đến với Cốc San. Đa số họ là thanh niên, học sinh... Khi đến Cốc San ngoài việc thăm thú các phong cảnh, chụp ảnh... họ còn được tắm mình trong làn nước trong xanh mát lạnh.

### *Bản phố*

Bản Phố là địa danh quần cư lâu đời của người Mông, có khoảng hơn 500 hộ gia đình với trên 3.000 nhân khẩu. Theo tiếng Quan Hoả - thứ ngôn ngữ chung của một số dân tộc sống trên dải biên cương phía bắc, từ “Phố” dùng để chỉ nơi tập trung dân cư và có hàng quán. Bản Phố là một xã vùng cao thuộc huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai. Từ thị trấn Bắc Hà, theo con đường quanh co, uốn lượn bám vào sườn núi Hoàng Liên Sơn khoảng 4km, phía dưới là thung lũng xanh mướt một màu của ngô và lúa non, hai bên đường là những cánh rừng mận Tam hoa ngút tầm mắt đang mùa trĩu quả, du khách sẽ tới xã Bản Phố. Bản Phố giống như một bức tranh đẹp và sinh động hòa lẫn trong màu xanh bạt ngàn của núi rừng trùng điệp, là những nếp nhà của người Mông giống như những tổ chim bám vào sườn núi.

Kiến trúc nhà của người Mông Bản Phố thường dạng nhà trệt với cấu trúc theo lối xừ lạnh, làm nhà ở trên cao, bám vào vách đá hay sườn núi, nên nhà thường thấp hơn và kín gió, nguyên liệu làm nhà chủ yếu là bằng gỗ; trong nhà luôn có lò sưởi, có thịt sấy ăn quanh năm, có món "mèn mèn", món "thăng cố" độc đáo.

Văn hóa của người Mông thích sử dụng nhiều loại nhạc cụ như khèn và đàn môi, những câu hát giao duyên.

Trang phục của người Mông được may bằng vải lanh tự dệt, nữ giới mặc váy xoè rộng, áo xẻ ngực với những họa tiết hoa văn sinh động, tạp dề trước và sau, xà cạp quấn chân. Nam mặc quần, áo chủ yếu là màu đen.

Về canh tác người Mông sống nhờ vào nghề làm nương rẫy du canh, trồng lúa nước trên những ô ruộng bậc thang, trồng lanh lấy sợi dệt vải và trồng cây dược liệu, và đã sở hữu một loại sản phẩm thủ công đặc trưng nổi tiếng trong và ngoài nước. Để có một sản phẩm rượy ngô Bản Phố phải trải qua các bước như sau; Trước tiên, ngô phải được trồng và phát triển nhờ vào khí hậu nơi đây, Thứ hai, giai đoạn làm rượy phải lấy nước từ dòng suối Hang

Đê và ngâm ngô trong sương lạnh nơi Bản Phố; Thứ ba, khi ngâm ngô phải dùng hạt Hồng my (loại hạt có hình thù giống hạt kê và có mùi thơm đặc biệt, được trồng xen kẽ trên các nương ngô, dùng để làm men rượu); Thứ tư, dụng cụ dùng để nấu rượu là một chảo gang lớn, được quay xung quanh bằng chiếc thùng gỗ đóng đai rất kín, đặt trên lò đất đắp rộng chừng 3m<sup>2</sup> và lửa phải cháy liên tục nhằm đảm bảo được chất lượng của rượu; Thứ năm, Cứ 3kg ngô thì chung cất được khoảng 1 lít rượu khoảng 40-45° (có thể được loại rượu 60°), mỗi nhà mỗi phiên chợ thường nấu khoảng 20 lít. Hơn nữa, du khách có dịp vào bếp của người Mông trong lúc họ đang nấu rượu, du khách sẽ thấy ở trên trần bếp treo lủng lẳng nhiều xâu thịt đủ loại: trâu, bò, dê, lợn... Đây là thứ thịt xông khói rượu có hương vị cực kỳ đặc biệt mà có lẽ không đâu có được. Ngoài ra, nơi đây còn có mận Tam Hoa, lê, đào, rượu ngô Bản Phố đã theo chân du khách khắp mọi miền đất nước, dù chỉ uống một lần hẳn nhớ mãi không quên khi tham gia vào mỗi dịp chợ phiên Bắc Hà, Cán Cấu vào mỗi ngày cuối tuần.

### *Hang động Tà Phìn*

Hang động Tà Phìn nằm bản Tả Phìn cách thị trấn Sa Pa 12km, chéch về phía bắc, nơi có hai dân tộc Dao và H'Mông cư trú thuộc xã Tà Phìn, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai. Hang động Tả Phìn là nơi có nhiều giá trị nghiên cứu, khảo cổ, có dãy núi đá vôi, là một nhánh của dãy Hoàng Liên Sơn và là điểm tham quan du lịch. Trong dãy núi này có một quả núi nhỏ, dưới chân núi nứt ra một cửa hang, chiều cao khoảng 5m, rộng khoảng 3m, mở ra một lối đi xuyên xuống đất. Đi khoảng hơn 30m trong tối tăm, gập ghềnh sẽ gặp một hang động được chia thành nhiều ngã chỉ vừa đủ một người chui lọt, nhiều đoạn cheo leo phải bám vào những tai đá, đu người mà lên xuống, chỗ phình to chỗ giống người thiếu phụ đang bồng con, chỗ giống các nàng tiên đang tắm, chỗ giống mâm xôi khổng lồ với những mảng nham thạch xù xì phớt trắng, hết những mảng san hô bám viền xung quanh, có chỗ giống như những dãy cột nhà trắng mịn buông từ trên nóc xuống... Đặc biệt chỗ rộng nhất lòng động trên vòm cao khoảng 8m, các nhũ đá rủ xuống, đan thành dãy “đăng ten” uốn lượn, nhấp nhô, long lanh màu ngọc bích, những giọt nước từ đỉnh núi thấm dần rồi đọng lại nơi chóp của nhũ đá thánh thót nhỏ giọt, như điểm từng nhịp trong không gian hư ảo.

Vào sâu ta gặp một tảng đá lớn nằm hơi nghiêng, trên nền đá in hình những vết chân gà, ngay chóp đá bên phải còn hằn lên những vết lõm hết như móng chân ngựa. Một vách đá đối diện, những dòng chữ Pháp được khắc bằng vật cứng, cho đến ngày nay mặc dù bụi thời gian phủ lên ta vẫn còn đọc được. Nơi đây trở thành điểm đến hấp dẫn cho du khách thích khám phá tự nhiên và tìm hiểu đời sống văn hóa của người Dao đỏ sinh sống gần khu vực này.

### **8.2.6. Một số tuyến du lịch nội vùng tỉnh Điện Biên**

Tỉnh Điện biên có diện tích khoảng 9.562,9 km<sup>2</sup>, dân số toàn tỉnh là 504,5 nghìn người (2010), tỉnh gồm có 1 thành phố Điện Biên Phủ, 1 thị xã Mường Lay và các huyện : Tủa Chùa, Tuần Giáo, Điện Biên Đông, Mường Nhé, Mường Chà, Điện Biên, Mường Ảng ; Toàn tỉnh có các dân tộc Việt (Kinh), Thái, H'Mông, Dao, Giáy và một số dân tộc khác cùng sinh sống trên mảnh đất Điện Biên.

Điều kiện tự nhiên: Điện Biên là tỉnh được tách ra từ tỉnh Lai Châu cũ, nằm ở phía nam sông Đà. Địa hình Điện Biên có nhiều dãy núi chạy dài theo hướng tây bắc - đông nam. Lòng chảo Mường Thanh ở Điện Biên lớn nhất vùng Tây Bắc. Phía bắc tỉnh Điện Biên giáp tỉnh Lai Châu, phía đông và đông bắc giáp tỉnh Sơn La, phía tây giáp CHDCND Lào, phía tây bắc giáp tỉnh Vân Nam (Trung Quốc). Đây là tỉnh duy nhất của Việt Nam có chung

đường biên giới với 2 quốc gia Trung Quốc (chiều dài đường biên giới 38,5km) và Lào (chiều dài đường biên giới 360km). Địa hình chủ yếu là rừng, núi cao và dốc, xen với nhiều thung lũng hẹp, những cao nguyên nhỏ, sông suối. Khí hậu tính là khí hậu nhiệt đới núi cao, chia làm 2 mùa, mùa mưa và mùa khô. Nhiệt độ trung bình năm khoảng 21°C – 23°C.

Tiềm năng phát triển du lịch : Từ Hà Nội lên Điện Biên Phủ khoảng 478km theo quốc lộ 279 và rẽ sang quốc lộ 6. Nếu từ thành phố Điện Biên Phủ đến các cửa khẩu Ma Lu Thàng (Lai Châu) khoảng 195km theo con đường quốc lộ 12 và nếu đi con quốc lộ 279 thì nối Tuần Giáo qua thành phố Điện Biên Phủ đến cửa khẩu Tây Trang dài 117km. Nếu đi đường không sân bay Mường Thanh tại thành phố Điện Biên Phủ phục vụ tuyến Hà Nội - Điện Biên Phủ, du khách chỉ mất khoảng một giờ bay du khách đã có mặt ở Điện Biên. Nếu du khách đi theo đường bộ phải đi hàng trăm ki lô mét đường đèo dốc đó là đèo Pha Đin dài 32km. Độ cao của đèo trên 1.000m so với mực nước biển. Địa hình đèo hiểm trở, khi lên dốc, lúc xuống dốc, có những quãng đường ngoằn ngoèo, chênh vênh vách núi dựng đứng, một bên là vực sâu thăm thẳm, dốc, nhiều khúc cua tay áo hiểm trở.

Tinh có phong cảnh thiên nhiên hữu tình, giàu tiềm năng du lịch, đặc biệt là cụm di tích lịch sử Điện Biên Phủ, với chiến thắng chấn động địa cầu năm 1954.

### **Một số điểm tham quan du lịch tại tỉnh Điện Biên**

#### *Khu di tích chiến thắng Điện Biên*

Chiến trường Điện Biên Phủ thuộc tỉnh Điện Biên, cách Tp. Hà Nội khoảng 500km về phía tây. Nếu đi từ Hà Nội theo quốc lộ 6 qua Sơn La, Thuận Châu, vượt đèo Pha Đin sang Tuần Giáo rồi rẽ theo quốc lộ 279 vào Điện Biên. Thung lũng Điện Biên bốn bề là núi bao bọc với nhiều ngọn đồi ở phía đông và cánh đồng Mường Thanh dài 20km, rộng 6km, có sông Nậm Rốm chảy qua nên vùng đất Điện Biên này rất màu mỡ. Chiến trường Điện Biên là một di tích lịch sử ghi lại chiến công oanh liệt của quân và dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến anh dũng chống thực dân Pháp. Từ cuối năm 1953 thực dân Pháp đã đổ quân chiếm đóng Điện Biên và thành lập ở đây một tập đoàn cứ điểm quân sự mạnh được trang bị nhiều vũ khí hiện đại. Tại thung lũng Điện Biên đã diễn ra cuộc chiến đấu cực kỳ anh dũng của quân dân Việt Nam suốt 55 ngày đêm với đội quân viễn chinh xâm lược của thực dân Pháp (13/3/1954 - 7/5/1954), bắt sống tướng Đờ Catri (De Castries) và toàn bộ ban chỉ huy, loại khỏi vòng chiến đấu 16.000 quân địch. Chiến thắng Điện Biên Phủ đã gây một tiếng vang lớn chấn động địa cầu, khắp năm châu đều biết đến Điện Biên Phủ - Việt Nam.

Các di tích nổi bật của chiến trường Điện Biên năm xưa là đồi A1, C1, C2, D1, cứ điểm Hồng Cúm, Him Lam, đồi Độc Lập, cầu và sân bay Mường Thanh, hầm chỉ huy của tướng Đờ Catri.

Quần thể di tích Sở chỉ huy Chiến dịch ở xã Mường Phăng, cách Tp. Điện Biên Phủ gần 30km, bên cạnh khu du lịch hồ Pá Khoang cảnh đẹp như trong thần thoại. Nổi hai lán làm việc của Đại tướng Võ Nguyên Giáp và Tham mưu trưởng Hoàng Văn Thái là một đường hầm dài 96m, đào xuyên qua đồi để tránh bom và đạn đại pháo. Những bậc cấp dẫn lên miệng hầm (cũng là lán của Đại tướng) nay đã phủ rêu phong của thời gian.

Từ xưa đến nay, Điện Biên Phủ là nơi giao lưu văn hóa và kinh tế của các dân tộc vùng biên ải Việt - Lào – Hoa, vừa là vùng tranh chấp thế lực giữa các lãnh chúa phong kiến qua nhiều thế kỷ trên cánh đồng Mường Thanh. Mãi đến năm 1777, phủ Điện Biên mới chính thức được thành lập, cuộc sống yên bình trở lại, dân cư bắt đầu tụ tập, ổn định và xây dựng cuộc sống. Do vị trí địa lý độc đáo, nơi "một tiếng gà gáy ba nước đều nghe thấy", trong vùng lòng chảo khá phồn thịnh, nơi buôn bán, trao đổi hàng hóa giữa bản địa, người

Lào, người Myanmar và cả các dân tộc miền nam tỉnh Vân Nam, Trung Quốc. Hàng hoá nơi đây chủ yếu là hàng nông thổ sản của vùng Tây Bắc, được vận chuyển qua cửa khẩu Tây Trang, cách thành phố 30 km về phía Tây, để sang Lào, Thái Lan và Myanmar, đổi lấy hàng tiêu dùng.

Nơi đây, có nhiều dân tộc cùng sinh sống như người Kinh, người Thái, người H' Mông... mỗi dân tộc có lối sống riêng, có nền văn hoá đặc sắc, trang phục riêng thật thuần khiết và rất mến khách ở bất cứ nơi nào trong buổi chợ sớm bên cầu Mường Thanh, ven lối mòn về bản, trong phòng đợi của sân bay Điện Biên... Những con người ấy, cùng với thiên nhiên nguyên sơ tươi đẹp in đậm dấu ấn lịch sử, là thứ tài nguyên vô giá có sức hấp dẫn riêng đối với du khách mà không thể có ở nơi khác.

#### *Sở chỉ huy chiến dịch Điện Biên Phủ*

Nằm trong một khu rừng nguyên sinh tại địa phận xã Mường Phăng, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên, cách thành phố Điện Biên Phủ 25km về phía đông. Đây là nơi làm việc của các đồng chí Võ Nguyên Giáp, Hoàng Văn Thái... trong những năm tháng đầu tranh chống thực dân Pháp nơi đây. Du khách có thể đi bằng ô tô, vượt qua dốc Tà Lơi hiểm trở và nhiều đoạn đường quanh co, khúc khuỷu. Sở chỉ huy đặt đài quan sát trên đỉnh núi cao hơn 1.000 m, từ đài quan sát này, ta có thể nhìn thấy bao quát toàn bộ các hoạt động và diễn biến ở thung lũng Mường Thanh. Sở chỉ huy được chia thành nhiều khu như: Chòi canh gác số 1; Hầm thông tin liên lạc; Đài quan sát; Lán ở và làm việc của Đại tướng Võ Nguyên Giáp; Lán ở và làm việc của Tham mưu trưởng Hoàng Văn Thái; Đường hầm xuyên núi dài 96m nối liền lán của Đại tướng Võ Nguyên Giáp với Tham mưu trưởng Hoàng Văn Thái; Hội nhà trường và Hầm ban chính trị.

#### *Đồi A1*

Đồi A1 nằm ở phường Mường Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên, là căn cứ điểm quan trọng nhất trong tập đoàn cứ điểm của thực dân Pháp ở Điện Biên Phủ. Đồi A1 nằm dọc theo hướng Tây Bắc – Đông Nam. Đỉnh hướng Tây Bắc cao hơn 490m, và đỉnh Đông Nam cao hơn 493m. Đồi A1 là ký hiệu mà quân đội Việt Nam đặt cho quả đồi. Sau nhiều trận chiến vô cùng ác liệt đã diễn ra ở đây thì đến 4h sáng ngày 7/5/1954 quân đội Việt Nam đã chiếm được đồi A1. Ngày nay, đến với Điện Biên Phủ, du khách sẽ thấy trên đỉnh Tây Bắc của đồi A1 có đài kỷ niệm được xây cao ở giữa theo kiểu “Tam sơn”, hai bên thấp và đều có hình mái đầu đao. Phía trước là lư hương, ở giữa là tấm bia, phù hiệu Quốc kỳ, sao vàng nền tròn đỏ, xung quanh là vòng tường hoa. Bên cạnh đài kỷ niệm còn có một số di tích như xác một trong hai chiếc xe tăng nặng 18 tấn mà tên Quan Ba Hécvuê đưa từ trung tâm Mường Thanh lên để phản kích quân đội Việt Nam, và một hồ hình phễu lớn như cái “ao đình” cạn là dấu tích trận nổ khối bộc phá nghìn cân của quân ta trong trận chiến đồi A1. Du khách đến thăm đồi A1 chính là đến với những chiến công hiển hách, khí phách đấu tranh ngoan cường của dân tộc trong chiến thắng thực dân Pháp.

#### *Hầm chỉ huy tướng Đờ Cát*

Hầm chỉ huy của tướng Đờ Cát nằm ở trung tâm tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, thuộc cánh đồng Mường Thanh, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Cấu trúc và cách bố trí, sắp xếp của căn hầm vẫn còn nguyên vẹn. Đứng trên một ngọn đồi cao có thể nhìn thấy nóc hầm Đờ Cát. Xung quanh hầm là hàng rào phòng thủ với hệ thống dây kẽm gai dày đặc và bốn chiếc xe tăng. Hầm Đờ Cát dài 20m và rộng 8m, bao gồm bốn gian dùng cho cả nơi ở và làm việc. Hiện nay, khi du khách đến tham quan đồi A1, ta thấy mái vòm sắt và các bao cát trên nóc hầm mà trước đây có một đường hào có mái che nối liền hầm tướng Đờ Cát với

lô cốt trên đồi A1. Nguyên liệu để làm đường hầm được quân Pháp dùng các bao cát và ván gỗ để dựng nên đường hào này. Bên trong căn hầm, tướng Đờ Cát đã tiếp đón nhiều quan chức cấp cao như: thủ tướng Pháp Joseph Laniel, tổng thống Mỹ Dwight Eisenhower, thủ tướng Anh Winston Churchill cũng như các nhà báo nổi tiếng thế giới đã đến đây. Vào lúc 17h30 ngày 7/5/1954, Tạ Quốc Luật, chỉ huy trưởng đại đội 360, trung đoàn 209, sư đoàn 312 đã bắt sống tướng Đờ Cát tại bàn làm việc, kết thúc những trận chiến đấu vô cùng anh dũng suốt 55 ngày đêm mới chiếm được hầm Đờ Cát.

#### *Tượng đài chiến thắng Điện Biên Phủ*

Tượng đài được đặt trên đỉnh đồi D1, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên với quần thể tượng đài chiến thắng Điện Biên Phủ gồm 3 anh bộ đội đứng quay lưng vào nhau, nâng một em bé Thái, trên cùng là lá cờ quyết chiến quyết thắng. Bức tượng có chiều cao là 16,6m, bề tượng cao 3,6 m với trọng lượng của toàn bức tượng là 220 tấn. Toàn bộ chất liệu làm bức tượng trên được làm bằng đồng thau, trong ruột kết cấu bê tông cốt thép. Bên ngoài ốp đá mỹ nghệ, gồm 3 tầng hình chữ nhật xếp chéo lên nhau. Tượng đài chiến thắng Điện Biên Phủ được khánh thành nhân dịp kỷ niệm 50 năm chiến thắng Điện Biên Phủ (7/5/1954 – 7/5/2004).

#### *Sân bay Mường Thanh*

Đây là sân bay của tập đoàn cứ điểm, nơi tiếp nhận viện trợ cho quân đội viễn chinh Pháp ở Điện Biên Phủ. Hiện nay sân bay đã được cải tạo, nâng cấp và đưa vào sử dụng, và trở thành một trong những cụm cảng hàng không nội địa của Hàng không Việt Nam.

#### *Đèo Pha Đin*

Đèo Pha Đin nằm trên đường từ Hà Nội lên Điện Biên, ở ranh giới giữa tỉnh Sơn La và Điện Biên. Đèo có chiều dài khoảng 32km, địa thế rất hiểm trở, chênh vênh. Pha Đin tiếng địa phương nghĩa là Trời Đất và là nơi tiếp giáp giữa trời và đất. Với độ cao trên 1.000m khi lên dốc, lúc xuống dốc, con đường ngoằn ngoèo, chênh vênh, một bên là vách núi dựng đứng, một bên là vực sâu thăm thẳm, lại nhiều "cua" hiểm trở. Được vượt đèo Pha Đin là một cuộc du lịch đầy thú vị của du khách trước cảnh thiên nhiên hùng vĩ. Nơi đây có nhiều câu chuyện kể về sự tranh chấp ranh giới giữa hai tỉnh Sơn La và Lai Châu (cũ). Họ chia đèo giữa hai tỉnh bằng một cuộc đua ngựa. Từ hai phía đèo, cùng một lúc ngựa hai bên phi hướng về nhau. Nơi gặp gỡ sẽ là ranh giới. Ngựa Lai Châu phi nhanh hơn, nên phần đèo thuộc về Lai Châu (nay thuộc tỉnh Điện Biên) dài hơn phần đèo của Sơn La.

#### *Hang Thẳm Báng*

Hang Thẳm Báng còn gọi là hang Thẳm Púa, thuộc xã Búng Lao, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên. Đây là hang đá có vẻ đẹp tự nhiên và còn nguyên vẹn, lòng hang rộng và sâu, có nơi cao gần 100m, có nhiều ngách. Giữa hang có phiến đá to bằng phẳng như mặt bàn. Nhìn lên các vách, trần đá, nhiều măng đá, nhũ đá tạo thành những hình thù những con rồng, con phượng, sư tử, voi quì hoặc những đoá phong lan tuyệt đẹp tạo nên vẻ đẹp huyền ảo, lung linh hấp dẫn..

Hang Thẳm Báng không chỉ là một hang đá đẹp mà tại đây còn có một số loại riu, chàay nghiền thức ăn bằng đá, một số mẫu xương động vật hoá thạch cổ xưa để lại cho thấy nơi đây cũng là nơi có di chỉ khảo cổ học lâu đời của người Việt.

#### *Hang Động Pa Thơm*

Động Pa Thơm nằm ở phía Tây huyện Điện Biên, thuộc địa phận 2 xã Na Ú và Pa Thơm, cách trung tâm thành phố Điện Biên Phủ hơn 30km. Đây là danh lam thắng cảnh cấp quốc gia động Pa Thơm hay còn có các tên gọi khác như Thẳm Nang Lai (hang nhiều vàng),

động Tiên Hoa được cấp bằng công nhận năm 2009 theo Quyết định số 309 và 310/QĐ-BVHTTDL của Bộ Văn hóa, Thể Thao và Du lịch, được đánh giá là một điểm du lịch sinh thái hấp dẫn, hiếm có ở tỉnh Điện Biên.

Đường lên thăm động Pa Thơm là cả một hành trình thám hiểm hồi hộp mà thú vị. Du khách sẽ đi khoảng một giờ ngồi xe hơi từ TP Điện Biên Phủ, qua các triền thung lũng với những thảm lúa và hoa bao bọc làng xóm ấm áp, đến chân núi đá được phủ kín bởi rừng già âm u, mây mù bàng lảng, đầy vẻ hoang sơ và huyền bí. Du khách sẽ vượt qua suối Nậm Róm bằng bè mảng, và bắt đầu cuộc hành trình leo núi thử thách sức dẻo dai. Hai bên đường lên động mùi hương rừng thoảng thoảng và tiếng chim tiếp sức, dẫn lối du khách lên độ cao trên 1.500 m so với mực nước biển.

Động Pa Thơm được bao bọc khu rừng nguyên sinh rậm rạp, với thảm thực vật và sự đa dạng sinh học phong phú, hít thở khí trời trong lành, ngắm cảnh núi non trùng điệp, ngắm những nếp nhà sàn phía xa xa ở lưng chừng núi của người dân tộc thiểu số, nghe tiếng chim hót líu lo, suối chảy róc rách... Cửa động hình vòm cao hơn 10 m, rộng gần 20 m, có mái đá nhô ra ngoài hơn 5 m, một nhũ đá khổng lồ hình một con voi đang thủ phục. Du khách đi sâu vào khoảng 20 m, có 3 khối nhũ đá (tổng chiều dài khoảng 15 m) nằm chắn ngang trên đường, đứt thành ba đoạn tạo thành hai lối dẫn vào động. Muốn đi vào sâu trong động với chiều dài khoảng 350 m, mọi người phải mang theo nến, đèn pin thấp sáng và đi qua 9 cung vòm có diện tích lớn nhỏ khác nhau với những nhũ đá tự nhiên rất đẹp, lấp lánh mang những hình dáng lạ mắt, kỳ thú; tiếng nước rơi tí tách từ thành động và các nhũ đá, các hình khắc thạch nhũ muôn hình muôn vẻ: tả gợn về đất trời, cỏ cây, muông thú, thiên thần và ác quỷ..., còn những hình khắc mang tính trừu tượng nhiều ẩn dụ thì triền miên không dứt; tất cả như là một kho mật mã chất chùng, khiến du khách phải dừng chân mãi mê nhìn ngắm, tưởng tượng và suy ngẫm lẽ huyền vi trời đất.

#### *Tháp cổ Mường Luân*

Tháp Mường Luân là công trình kiến trúc nghệ thuật có giá trị tham quan nghiên cứu, thuộc bản Mường Luân, xã Mường Luân, huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên. Từ thành phố Điện Biên Phủ theo quốc lộ 279 về phía Nam, đến ngã ba Pom Lót rẽ tay trái đi đến Na Sang, vượt qua dốc Keo Lôm (thung gió), qua Suối Lư rồi thẳng đường đến bản Mường Luân khoảng 90 km là đến nơi. Tháp Mường Luân được dựng ngay đầu bản dưới chân núi Hua Ta (núi đầu nguồn). Kiến trúc của tháp theo hình vuông, dưới to, trên nhỏ dần, bệ tháp cao 1m, mỗi cạnh là 5,50m, xung quanh không trang trí hoa văn, được trát một lớp vữa từ dưới lên tạo thành một tòa sen cách điệu, có 6 lớp chồng lên nhau đội lấy cả tòa tháp. Tháp cao 15m được bố cục trang trí thành hai phần: *Phần thân tháp* từ bệ trở lên có nhiều bệ tròn vai được làm nhẵn, chồng lên nhau kết hợp với những đường nét hoa văn khắc chìm, khắc nổi thể hiện bằng những hình chim cách điệu, hình hoa lá được bố cục hài hòa và nổi bật nhất là hình rồng được đắp nổi chạy quanh thân cây tháp, tạo thành hình số tám kép. Bốn mặt của tháp đều thể hiện năm cặp rồng tạo cho cây tháp một dáng vẻ bề thế, vừa vững chãi, vừa có độ bền chắc khỏe. *Phần thứ hai* của cây tháp có hai tầng và một ngọn tháp, các mặt của mỗi tầng không trang trí hoa văn mà được trát vữa, vôi cát và mật mía. Mỗi phần xây phình to ở giữa, hai đầu thóp lại giống như hình quả trám. Ở giữa phần tiếp giáp của mỗi tầng được trang trí hoa văn và các họa tiết được làm sẵn bằng đất nung như đầu chim, hình cánh sen, hình lá đề, lá nhọn và hình mặt trời. Các họa tiết trang trí được kết nối với nhau tạo thành một đồ án trang trí hài hòa, bố cục chặt chẽ. Bên trong các cánh sen, lưỡi mác có gắn những mảnh gương nhỏ. Đặc biệt hình mặt trời có gắn ở giữa bốn mặt tháp cũng được

gắn gương để mỗi khi ánh mặt trời chiếu vào tháp tỏa ánh hòa quang ra cả bốn phương. Giữa tầng hai và ngọn tháp cũng được thể hiện trang trí như tầng một và tầng hai nhưng chỉ khác nhau là thu nhỏ để tạo nên vẻ đẹp nhẹ nhàng, mềm mại. Màu đất nung của các họa tiết trang trí đỏ tươi, xen lẫn với màu xám trắng, xám nâu và xám đen tạo cho tháp thêm cổ kính, nổi bật trên nền xanh thẫm của núi Tây Bắc. Đây là công trình kiến trúc nghệ thuật biểu trưng cho tình đoàn kết các dân tộc, tình hữu nghị Việt – Lào đã gắn bó keo sơn từ lâu đời và là di tích kiến trúc nghệ thuật ở Điện Biên đã được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định công nhận xếp hạng là di tích quốc gia.

#### *Điểm du lịch sinh thái Uva và Hue Pe*

Uva thuộc xã Noong Luông, huyện Điện Biên cách trung tâm thành phố Điện Biên Phủ khoảng 15 km. Nơi đây có nguồn suối khoáng quanh năm với nhiệt độ từ 60 -65oC. Nơi đây có cảnh quan thiên nhiên hùng vĩ, du khách đến đây có thể tìm hiểu, thưởng thức các món ăn, văn hóa của người Thái. Điểm du lịch Uva có diện tích 7.300m<sup>2</sup>, có các dịch vụ bơi thuyền, câu cá, vật lý trị liệu, tắm nước khoáng.

Suối nước nóng Hue Pe thuộc xã Thanh Lương, huyện Điện Biên cách thành phố Điện Biên Phủ khoảng 5 km về hướng tây bắc. Nước suối nóng khoảng 60 oC, suối nằm gần hồ nhân tạo Pê Luong, tạo phong cảnh rất hấp dẫn, và là nơi du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, chữa bệnh bằng nước khoáng.

### **Tuyến 2: Hà Nội – Thái Nguyên – Bắc Kạn – Cao Bằng – Lạng Sơn**

#### **8.2.7. Một số tuyến du lịch nội vùng tỉnh Thái Nguyên**

Toàn tỉnh Cao Bằng có diện tích khoảng 3.526,2km<sup>2</sup>, dân số toàn tỉnh là 1.131,3 nghìn người (2010), tỉnh có 1 thành phố Thái Nguyên, 1 thị xã và các huyện như Định Hóa, Đại Từ, Võ Nhai, Đồng Hỷ, Phú Lương, Phú Bình, Phổ Yên. Thái Nguyên là tỉnh có nhiều dân tộc cùng sinh sống như Việt (Kinh), Tày, Nùng, Sán Dìu, vì vậy truyền thống văn hoá của tỉnh khá phong phú. Mỗi dân tộc có bản sắc riêng. Người Nùng có kho tàng văn hoá dân gian phong phú và có nhiều làn điệu dân ca đặc sắc như hát sli, hát then. Người Tày có hát lượn, hát đám cưới, ru con... Nơi đây còn là kho tàng lưu giữ nhiều loại nhạc cụ truyền thống của các dân tộc.

Điều kiện tự nhiên: Thái Nguyên là tỉnh miền núi và trung du nằm ở phía đông bắc Việt Nam. Phía bắc giáp tỉnh Bắc Kạn, phía tây và tây nam giáp tỉnh Tuyên Quang và Vĩnh Phúc, phía đông và đông nam giáp tỉnh Lạng Sơn và Bắc Giang, phía nam giáp thành phố Hà Nội. Địa hình của tỉnh chủ yếu là đồi núi, có hệ thống sông ngòi dày đặc. Khí hậu chia làm hai mùa rõ rệt: mùa lạnh từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau, mùa nóng từ tháng 5 đến tháng 10. Nhiệt độ trung bình năm khoảng 25°C. Thành phố Thái Nguyên nằm trên quốc lộ số 3 (Hà Nội - Cao Bằng). Đường sắt từ đây nối liền với hệ thống đường sắt của cả nước. Thành phố Thái Nguyên cách trung tâm Hà Nội là 80km.

Tiềm năng phát triển du lịch: Thái Nguyên là địa phương có truyền thống cách mạng, có nhiều di tích lịch sử như di tích núi Vặn, núi Võ, di tích ATK Định Hóa, di tích đền Đuôm... Tỉnh có nhiều thắng cảnh đẹp như hồ Núi Cốc, chùa Hang, hang Phượng Hoàng... rất hấp dẫn khách du lịch.

#### **Một số điểm tham quan du lịch tại tỉnh Thái Nguyên**

##### *Bảo tàng Văn hoá các Dân tộc Việt Nam*

Bảo tàng văn hóa các dân tộc tại Việt Nam được xây dựng vào năm 1960 trên một khuôn viên rộng, có nhiều cây cổ thụ, nằm ở trung tâm thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Bảo tàng đã trưng bày, giới thiệu nhiều hiện vật là di sản văn hoá truyền thống của

đại gia đình 54 dân tộc Việt Nam. Bảo tàng có tổng diện tích khoảng 39.000m<sup>2</sup> với hơn 3.000m<sup>2</sup> sử dụng cho khu trưng bày, kho bảo quản hiện vật và các hoạt động khác. Hiện nay, Bảo tàng lưu giữ hơn 20.000 đơn vị tài liệu hiện vật gốc quý hiếm thuộc di sản văn hoá của 54 dân tộc Việt Nam.

Hệ thống trưng bày gồm 6 phòng, mỗi phòng sử dụng gần 2.000 đồ vật gồm các đơn vị hiện vật gốc, ảnh và tài liệu khoa học bổ trợ.

- Phòng mở đầu: khái quát đặc trưng văn hoá các dân tộc Việt Nam.

- Phòng Việt - Mường gồm dân tộc: Việt, Mường, Thổ, Chứt.

- Phòng Tày - Thái gồm các dân tộc: Tày, Nùng, Thái, Lào, Lự, Sán Chay, Bố Y.

- Phòng Mông - Dao và nhóm Nam á khác gồm dân tộc: H'Mông, Dao, Pà Thẻn, La Chí, La Ha, Cờ Lao, Pu Páo.

- Phòng Môn - Khmer gồm các dân tộc: Khơ Mú, Mảng, Kháng, Xinh Mun, Ô Đu, Khmer, Ba Na, Xơ Đăng, Cơ Ho, Hrê, M;Nông, Xtiêng, Bru-Vân Kiều, Cờ Tu, Giẻ Triêng, Mạ, Co, Tà Ôi, Chơ Ro, Brâu, Rơ Măm.

- Phòng Hán - Hoa, Tạng Miến, Mạ, Ô-Pô-li-nê-di gồm các dân tộc: Hoa, Ngái, Sán Diu, Hà Nhì, La Hủ, Phù Lá, Lô Lô, Cống, Si La, Gia Rai, Ê Đê, Chăm, Ra Glai, Chu Ru. Ngoài ra, bảo tàng còn có một khu trưng bày ngoài trời hấp dẫn. Bảo tàng đã thu hút nhiều du khách trong nước, ngoài nước và kiều bào đến thăm quan, tìm hiểu bản sắc văn hoá các dân tộc Việt Nam.

#### *Đền Đuổm*

Đền được xây dựng từ thời nhà Lý, thờ phò mã Dương Tự Minh và hai người vợ là Diên Bình Công chúa và Thiệu Dung Công chúa. Đền được xây dưới chân dãy núi Đuổm Sơn, thuộc xã Động Đạt, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên. Trên đường quốc lộ 3, Đền sát với quốc lộ 3, cách thành phố Thái Nguyên 24km về phía tây bắc. Toàn bộ quần thể di tích gồm có đền Thượng, đền Trung và đền Hạ. Các công trình trong cụm di tích đền Đuổm được xây dựng trên một vùng thiên nhiên đẹp. Đây là nơi thác của phò mã Dương Tự Minh khi về già. Ba chỏm núi ở giữa cánh đồng trông như những cánh nhọn bay. Phía trước đền là cánh đồng rộng, có sông Phú Lương chảy qua và xa xa là những dãy núi trùng điệp. Đền Đuổm vừa là di tích lịch sử, vừa thắng cảnh của Thái Nguyên.

#### *ATK - an toàn khu kháng chiến*

ATK là nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh và các nhà lãnh đạo Đảng, Nhà nước đã sống và làm việc từ 1947 - 1954 để lãnh đạo cuộc kháng chiến 9 năm chống thực dân Pháp Phú Đình, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên. Di tích di tích lịch sử ATK này đã được Nhà nước xếp hạng quốc gia năm 1981. Hiện nay, ATK còn nhiều di tích về nơi ở và làm việc của Bác như nền nhà, hầm làm việc, cây râm bụt Bác trồng, phiến đá Bác thường nằm nghỉ trưa... ATK là nơi ghi lại nhiều sự kiện lịch sử trọng đại của dân tộc. Ngày 6/12/1953, tại đồi Tin Keo, Bộ Chính trị BCH TW đã họp thông qua kế hoạch tác chiến - tấn công chiến lược Đông Xuân 1953- 1954 để làm nên chiến thắng Điện Biên Phủ lẫy lừng, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến trường kỳ, gian khổ của dân tộc. Nhiều sắc lệnh quan trọng của Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà được ký ban hành tại đây, trong đó có luật về nghĩa vụ quân sự, sắc lệnh tổng động viên... về giảm tô và cải cách ruộng đất... Thủ đô ATK cũng là nơi diễn ra các hoạt động ngoại giao của nước ta thời ấy.

Năm 1990 tại đồi Tin Keo, tỉnh Thái Nguyên đã xây bia tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh, phòng trưng bày di tích lịch sử, nhà khách... Tại trung tâm xã Phú Đình cũng đã xây dựng nhà truyền thống, giới thiệu trưng bày nhiều hiện vật quý. Bên cạnh các di tích chính



như đôi Tin Keo, Khuôn Tát, Nà Nom... cụm di tích ATK còn nhiều địa danh đi vào lịch sử như: đèo De, núi Hồng, nhà ông Cao Nhật - một trong những cơ sở cách mạng đầu tiên của Xứ uỷ Bắc Kỳ thời kỳ 1939 -1945; rừng Mán - nơi đặt trạm liên lạc của Xứ uỷ Bắc Kỳ và là nơi mở lớp huấn luyện chính trị, quân sự của Đảng, đồng chí Trường Chinh, Tổng bí thư của Đảng khi đó và đồng chí Hoàng Quốc Việt từng qua lại hoạt động ở đây; chùa Mai Sơn - nơi Xứ uỷ Bắc Kỳ đặt nhà in đặc biệt, in báo Cờ giải phóng và nhiều tài liệu quan trọng; đình Kha Sơn - nơi thành lập chính quyền cách mạng đầu tiên của xã... Tất cả những di tích lịch sử này đều đã được xếp hạng quốc gia. Đến với ATK, du khách có thể trở về với một vùng chiến khu xưa, để có thể hiểu biết thêm về hoạt động của những người con đất Việt đã hiến dâng cho sự nghiệp bảo vệ đất mẹ yêu quý.

### *Hội Lồng Tồng*

Lồng Tồng (Hội xuống đồng) đã từng là lễ hội lớn nhất, vui nhất của người Tày, người dân tộc thiểu số đông nhất ở tỉnh Thái Nguyên. Những người cao niên kể lại rằng, trước đây người Tày năm nào cũng tổ chức lễ hội ở những đám ruộng to nhất, đẹp nhất do dân bản chọn. Ngày tổ chức do từng nơi ấn định cho phù hợp. Các địa phương ở gần nhau thì thoả thuận chọn các ngày khác nhau để có điều kiện giao lưu. Trước ngày hội, các gia đình đều quét dọn nhà cửa, xóm bản sạch sẽ, chuẩn bị lương thực để đón khách. Khách đến quê nhà dù quen dù lạ đều được đồng bào mời về nhà ăn nghỉ qua đêm chờ dự hội. Trong ngày diễn ra lễ hội, phần lễ và phần hội đều diễn ra trang trọng, vui tươi. Phần lễ là hoạt động tín ngưỡng cầu trời cho mưa thuận gió hoà, cây cối tốt tươi, mùa màng bội thu, đời sống ấm no. Để chuẩn bị lễ ở ngoài đồng, mỗi gia đình chuẩn bị một mâm cỗ theo khả năng, có nhiều nhà làm từ vài chục đến một trăm món.

Việc làm cỗ còn mang hàm ý phô bày một cách kín đáo sự khéo léo của người phụ nữ trong việc nội trợ, nấu nướng các món ăn truyền thống như bánh chưng, bánh dày, chè lam, bánh bồng... Có những gia đình dâng mâm cao đến 5 tầng lễ vật, ngoài các loại bánh kẹo còn có các món ăn được chế biến công phu, trên mỗi mâm đều có một chiếc bánh hình bông hoa nhiều màu sắc. Mỗi mâm cỗ còn có thêm hai đôi quả còn được làm bằng vải màu, trong nhồi cát, bông, có tua rua nhiều màu sắc sặc sỡ. Khi cỗ được bày xong, người được dân làng tín nhiệm tiến cử thực hiện nghi lễ cầu cúng cầu mong đất trời, thần linh phù hộ cho bản làng. Phần cúng lễ cũng chỉ diễn ra trong một thời gian ngắn, còn dành thời gian cho phần hội. Mở đầu là hội tung còn. Đây là hoạt động vui nhất, thu hút nhiều người tham gia nhất. Để chuẩn bị cho hội tung còn, ở giữa đám ruộng lớn được chọn làm địa điểm lễ hội, người ta dựng một cây mai cao từ 20-30cm làm cột. Trên đỉnh cột có uốn vòng tròn đường kính 50 - 60 cm dán giấy hai bên, đề chữ Nhật- Nguyệt tượng trưng cho mặt trăng và mặt trời. Tung còn đòi hỏi cả sức khoẻ và sự khéo léo. Nếu ở lễ hội nào không có ai tung còn trúng vòng tròn thì dân bản không vui, vì theo quan niệm của họ, phải có người tung còn trúng vòng tròn làm rách giấy thì năm đó làm ăn mới thuận lợi, mưa thuận gió hoà. Trong trò chơi này, nam nữ thanh niên còn thi tung còn cho nhau. Ngoài ra còn có các hoạt động múa sư tử, múa võ, kéo co... Đặc biệt, đêm về, nam nữ thanh niên thi hát lượn đối đáp suốt canh dài...

### *Hang Phượng Hoàng, Suối Mỏ Gà*

Hang Phượng Hoàng là một quần thể thắng cảnh đẹp vào bậc nhất của tỉnh Thái Nguyên bởi phong cảnh thiên nhiên hùng vĩ, hang động đẹp nằm ở trên núi Phượng Hoàng ở huyện Võ Nhai, cách thành phố Thái Nguyên 45km theo quốc lộ 1B (Thái Nguyên - Lạng Sơn). Dưới chân núi Phượng Hoàng là hang Suối Mỏ Gà. Từ chân núi lên tới cửa hang

Phượng Hoàng phải leo qua một chặng đường dài toàn là đá tai mèo, mất khoảng hơn nửa giờ. Từ dưới nhìn lên, núi có hình hai con chim phượng hoàng nằm áp nhau. Sở dĩ núi mang tên Phượng Hoàng vì theo huyền thoại ngày xưa trên núi có một đôi chim phượng hoàng sống rất hạnh phúc và chúng đã sinh được hai quả trứng. Ngày ngày, chim bố đi kiếm mồi cho chim mẹ nằm ấp trứng. Một ngày kia mãi theo đàn chim mái mới, chim bố đã quên nhiệm vụ và không trở về. Rồi một hôm chợt nhận ra, nó quay trở về nhưng chim vợ đã hoá đá. Quá ân hận, chim bố nằm ở ngọn núi đối diện ngóng sang để mong người vợ trở lại trạng thái bình thường, nhưng đợi mãi nó cũng hoá đá, Từ đó núi mang tên Phượng Hoàng. Lên tới cửa hang, từ đây du khách có thể phóng tầm mắt bao quát được phong cảnh ở vùng này. Hang gồm có 3 tầng: tầng thượng là hang Dơi, tầng giữa gọi là hang Sáng, tầng cuối gọi là hang Tối. Hang Sáng rộng và thoáng, ánh sáng ở cả 3 cửa hang chính chiếu vào những nhũ đá trong hang lung linh, huyền ảo. Đứng trước những nhũ đá muôn hình vạn trạng, du khách thoả sức tưởng tượng: nào là hình người mẹ cõng con lên nường, nào là từng bầy người nguyên thủy đang săn đuổi thú, nào là hình đèn lồng ngàn tấn... Tất cả đều rất hấp dẫn đối với du khách. Dưới chân núi có hang Suối Mỏ Gà. Cửa hang rộng chừng 10m, có khe nước chảy từ trong hang ra. Phía trước hang có nhiều thác nước nhỏ nhiều bên tắm, nhiều mô đá hình ghế ngồi, đảo đá, nước mát trong, phong cảnh hữu tình. Sau khi du khách ngắm cảnh trên núi Phượng Hoàng, suối nước và bên tắm hang Mỏ Gà là nơi dừng chân nghỉ ngơi, rửa chân tay, tắm mát nhất là những ngày hè, thời tiết nóng bức.

#### *Thắng cảnh hồ Núi Cốc*

Hồ Núi Cốc thuộc huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên, cách trung tâm thành phố Thái Nguyên 15km về hướng tây nam. Nơi đây nổi tiếng bởi nét đẹp thiên tạo tự bao năm nay và bởi cả sắc màu huyền thoại của truyền thuyết nàng Công - chàng Cốc. Hồ Núi Cốc là hồ nhân tạo, chắn ngang dòng sông Công, nằm trên địa phận huyện Đại Từ, ở trên cao lưng chừng núi. Hồ được khởi công xây dựng năm 1993, hoàn thành cơ bản năm 1994. Hồ gồm một đập chính dài 480m và 6 đập phụ. Diện tích mặt hồ khoảng 25km<sup>2</sup>. Trên mặt hồ rộng mênh mông có tới hơn 89 hòn đảo, có đảo là rừng cây xanh, có đảo là nơi trú ngụ của đàn cò, có đảo là quê hương của loài dê, có đảo có đền Bà chúa Thượng Ngàn, lòng hồ sâu trung bình 35m, dung tích nước hồ khoảng 175 triệu m<sup>3</sup>. Hồ có khả năng khai thác từ 600 - 800 tấn cá/năm.

Du khách đi theo tỉnh lộ Đán - Núi Cốc trải nhựa phẳng phiu, uốn lượn qua những cánh rừng bạt ngàn, tít tắp là tới khu du lịch Núi Cốc. Hồ nằm giữa một khung cảnh thiên nhiên kì thú sơn thủy hữu tình. Nơi đây đã nổi tiếng bởi nét đẹp thiên tạo tự bao năm. Núi Cốc tên gọi một vùng đất, vùng hồ nên thơ, lung linh sắc màu huyền thoại của câu chuyện tình thủy chung trong truyền thuyết Nàng Công - Chàng Cốc. Hồ Núi Cốc là danh thắng và là nơi nghỉ mát đẹp. Hiện nay hệ thống nhà nghỉ và bên tắm đã được quy hoạch và xây dựng tương đối tốt, phục vụ khách du lịch đến thăm quan nghỉ ngơi, vui chơi giải trí.

#### **8.2.8. Một số tuyến du lịch nội vùng tỉnh Bắc Kạn**

Toàn tỉnh Bắc Kạn có diện tích khoảng 4.859,4 km<sup>2</sup>, dân số toàn tỉnh là 296,5 nghìn người (2010), tỉnh có 1 thị xã Bắc Kạn và các huyện như Ba Bể, Ngân Sơn, Chợ Đồn, Na Rì, Chợ Mới, Bạch Thông, Pác Nặm. Toàn tỉnh Bắc Kạn có các dân tộc cùng sinh sống như Việt (Kinh), Tày, H'Mông, Dao....

Điều kiện tự nhiên: Bắc Kạn là tỉnh thuộc miền núi và trung du, phía bắc giáp tỉnh Cao Bằng, phía đông nam giáp tỉnh Lạng Sơn, phía tây giáp tỉnh Tuyên Quang, phía nam giáp tỉnh Thái Nguyên. Địa hình của tỉnh chủ yếu là đồi núi, trung du, hệ thống sông ngòi

dày đặc. Khí hậu của tỉnh chia làm 2 mùa: mùa mưa và mùa khô. Nhiệt độ trung bình năm khoảng 25°C.

Tiềm năng phát triển kinh tế và du lịch : Bắc Kạn có tiềm năng khoáng sản đa dạng và tiềm năng về rừng, đặc biệt là các khu rừng nguyên sinh với hệ thống động thực vật rất phong phú. Thế mạnh kinh tế là lâm nghiệp và khoáng sản (chủ yếu là than ở Ngân Sơn). Bắc Kạn là tỉnh được thiên nhiên ban tặng cho nhiều phong cảnh thơ mộng, hữu tình với tiềm năng để khai thác du lịch rất lớn. Trong đó hồ Ba Bể tập trung nhiều thế mạnh phát triển du lịch sinh thái, văn hoá, cảnh quan. Ba Bể đang trở thành một trung tâm du lịch của vùng trung du và miền núi phía bắc. Bắc Kạn là một tỉnh có truyền thống cách mạng. Đặc biệt trong cuộc kháng chiến chống Pháp, Bắc Kạn là một cái nôi của cách mạng Việt Nam. Trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn có rất nhiều di tích cách mạng đã được Bộ Văn hoá công nhận. Bắc Kạn là một trong những tỉnh có nhiều dân tộc cư trú, vì vậy nền văn hoá cũng mang nhiều sắc thái, nhiều lễ hội truyền thống của cư dân địa phương thường được tổ chức vào sau tết Nguyên Đán với những trò chơi mang đậm bản sắc dân tộc.

### **Một số điểm tham quan du lịch tại tỉnh Bắc Kạn**

#### *Đền Thắm*

Đền thờ một vị nữ tướng có tên là Thắm - người có công lớn trong công cuộc chống giặc Cờ Đen vào nửa cuối thế kỷ 19. Đền có địa thế dựa vào chân núi nhìn ra ngã ba con sông Cầu (xưa gọi là khúc sông Tràng Cổ), thuộc thị trấn Chợ Mới, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn. Trước đây đền là nơi thờ Sơn thần, Thủy thần để cầu cho thuyền bè được qua lại bình yên. Cho đến cuối thế kỷ 19 đền được tu bổ để thờ phụng vị nữ tướng có công lớn đánh giặc Cờ Đen là cô Thắm. Sự tích kể lại rằng: ngày xưa có một cô gái rất xinh đẹp là con ông lão đánh cá nghèo ở làng chài ven sông Tràng Cổ tên là Thắm. Vừa xinh đẹp lại chăm chỉ, nết na, hiền dịu nên cô Thắm được các chàng trai quanh vùng rất yêu mến, ai cũng muốn được kết duyên cùng cô. Nhưng không may tên chúa Mùong trong vùng đã dùng quyền lực bắt cô về làm vợ. Sống trong khổ cực trăm bề, tên chúa Mùong lại làm tay sai cho giặc, cô liền tìm cách trốn thoát và đứng lên tập hợp dân nghèo đánh giặc. Được tin cô Thắm trở thành vị nữ tướng chống giặc Cờ Đen, vì muốn lập công nên tên chúa Mùong đã dẫn quân giặc đến đánh. Một trận kịch chiến đã diễn ra tại ngã ba sông Tràng Cổ. Thật không may cô Thắm đã bị trúng mũi tên thuốc độc và anh dũng hy sinh. Tức giận quân lính của cô quyết chiến đánh tan quân giặc trả thù và để tưởng nhớ vị nữ tướng dũng cảm nhân dân đã lập đền thờ cô Thắm. Quần thể đền gồm có đền chính, miếu cô Thắm và miếu Sơn Thần. Đền chính là một toà nhà ba gian trong đó hai gian Tiền Tế và Hậu Cung có treo các bức hoành phi câu đối và thờ: ngũ vị tôn ông, Bách Linh, đức thánh Trần Hưng Đạo, mẫu Thượng Thiên, Phật Quan Âm. Bên trái đền chính là miếu cô Thắm với kiến trúc bê tông cuốn vòm. Trên bệ thờ là tượng cô Thắm mặc áo xanh, phía trước và hai bên có bát hương, đặc biệt phân dưới bệ thờ có đôi chim phượng được tạc bằng đá có hoa văn mang phong cách Hậu Lê (thế kỷ 18).

#### *ATK Bắc Kạn*

Khu di tích lịch sử ATK Bắc Kạn thuộc quần thể di tích Việt Bắc, nơi ghi dấu ấn hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh và các vị lãnh đạo Trung ương trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp (1946 - 1954), Nó thuộc các huyện Chợ Đồn và Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn. Sau ngày toàn quốc kháng chiến, Trung ương Đảng cử đội công tác đặc biệt do đồng chí Trần Đăng Ninh dẫn đầu lên Việt Bắc tìm địa điểm để xây dựng khu căn cứ an toàn cho các cơ quan của Trung ương Đảng, gọi tắt là ATK. Sau thời gian khảo sát, đội quyết định chọn một số địa điểm có địa hình hiểm trở, mạng lưới giao thông là những đường mòn tạo thành

khu liên hoàn rộng trên 3.000km<sup>2</sup> trên vùng giáp ranh của ba tỉnh Thái Nguyên, Tuyên Quang và Bắc Kạn. Vì vậy, trong suốt cuộc kháng chiến chống Pháp, các cơ quan Trung ương Đảng, Chính phủ và Bác Hồ đã làm việc tại nhiều nơi trong khu ATK. Trong đó riêng tại ATK Bắc Kạn, Bác Hồ đã sống và làm việc ở ba nơi là bản Ca, xã Bình Trung (năm 1947), bản Pèò, xã Bình Trung (năm 1949) và Nà Pậu, xã Lương Bằng (năm 1951). Đồng chí Phạm Văn Đồng cũng đã sống và làm việc ở đồi Khau Mạ, xã Lương Bằng năm 1950-1951 và đồng chí Trường Chinh sống và làm việc tại bản Nà Quân, xã Bình Trung năm 1951-1952. Tất cả các địa điểm trên đã được xếp hạng di tích lịch sử cấp quốc gia. Ngoài ra, còn có rất nhiều cơ quan đóng tại Bắc Kạn như Bộ Tài chính, Xưởng Quân giới đóng tại xã Bản Thi (huyện Chợ Đồn)...Đến với khu di tích ATK – Bắc Kạn, ngoài việc tham quan các di tích lịch sử truyền thống, du khách còn có cơ hội tìm hiểu đời sống người dân địa phương, khám phá những nét đẹp văn hoá, đồng thời chứng kiến nhiều đổi thay trên mảnh đất giàu truyền thống cách mạng. Thái Nguyên, Tuyên Quang và Bắc Kạn. Vì vậy, trong suốt cuộc kháng chiến chống Pháp, các cơ quan Trung ương Đảng, Chính phủ và Bác Hồ đã làm việc tại nhiều nơi trong khu ATK. Trong đó riêng tại ATK Bắc Kạn, Bác Hồ đã sống và làm việc ở ba nơi là bản Ca, xã Bình Trung (năm 1947), bản Pèò, xã Bình Trung (năm 1949) và Nà Pậu, xã Lương Bằng (năm 1951). Đồng chí Phạm Văn Đồng cũng đã sống và làm việc ở đồi Khau Mạ, xã Lương Bằng năm 1950-1951 và đồng chí Trường Chinh sống và làm việc tại bản Nà Quân, xã Bình Trung năm 1951-1952. Tất cả các địa điểm trên đã được xếp hạng di tích lịch sử cấp quốc gia. Ngoài ra, còn có rất nhiều cơ quan đóng tại Bắc Kạn như Bộ Tài chính, Xưởng Quân giới đóng tại xã Bản Thi (huyện Chợ Đồn)...Đến với khu di tích ATK – Bắc Kạn, ngoài việc tham quan các di tích lịch sử truyền thống, du khách còn có cơ hội tìm hiểu đời sống người dân địa phương, khám phá những nét đẹp văn hoá, đồng thời chứng kiến nhiều đổi thay trên mảnh đất giàu truyền thống cách mạng.

### *Chùa Thạch Long*

Thạch Long được coi là ngôi chùa nằm trong hang núi đá rộng, sạch và thoáng bậc nhất Việt Nam. Hang có thể chứa tới hàng ngàn tăng ni Phật tử tới dự hội. Chùa nằm trong một động đá lớn của núi Thạch Long song song với đường quốc lộ 3 thuộc xã Cao Kỳ, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn. Chùa Thạch Long, còn được gọi là con rồng đá vì chùa nằm trong hang đá, cổng hang có hình miệng con rồng đang há. Chuyện kể rằng, ngày xưa người dân xã Vi Hương- Bạch Thông xuôi sông Cầu rước tượng Phật Thích Ca về thờ ở làng mình là Hoa Sơn, trên đỉnh dãy núi Phja Bjoóc. Tượng Phật bằng vàng rất nặng nên khi kéo ngược lên dân làng phải dùng mủng. Đến xã Cao Kỳ thì mủng cứ xoay tròn không sao đi được. Trời đã tối nên đêm ấy người đi rước tượng phải căng lều ngủ để hôm sau tính tiếp. Sáng hôm sau tỉnh dậy, họ hốt hoảng không thấy Đức Phật đâu. Người đi rước tượng đành thấp một bó nhang to và khẩn cầu xin Đức Phật chỉ đường đến chỗ ngài đang thượng tọa. Dứt lời, bó nhang cuộn khói bay sang bên kia bờ sông, luôn mãi vào trong núi. Người rước tượng cứ đi theo khói nhang ấy và phát hiện ra một hang động tuyệt đẹp, rộng thênh thang. Đức Phật Thích Ca đã ngự tọa ở chôn cao nhất. Biết hang đá thiêng, từ đó dân làng lập chùa ngay tại hang đá. Chùa Thạch Long được chia làm hai phần: Phần thứ nhất là chùa Thiên nằm ở trên cao, có các bậc đá xếp từ chân núi dẫn lên thẳng cửa động. Tầng cao nhất (Thượng điện) biểu tượng cho thiên đình thờ Đức Phật Thích Ca. Tầng giữa (Trung điện) biểu tượng cho thế gian có ảnh thờ Bác Hồ. Trong lòng động, vách đá tự chia thành từng múi như những chiếc lọng cao và sang trọng che cho các vị chư Phật ngôi dưới. Có thể coi đây như một kiệt tác kiến trúc của thiên nhiên tuyệt mỹ. Phần thứ hai là chùa Âm (Hạ điện).

Đường đến chùa Âm phải đi vòng quanh sườn núi khoảng 80 m. Cửa vào chùa Âm hẹp hơn chùa Thiên một chút, lòng hang cũng không rộng bằng, ước chừng cao khoảng 6m, rộng 6m và có ngách ăn sâu vào bên trong.

### *Lễ hội Lồng Tồng*

Lễ hội lồng tồng là lễ hội hàng năm của người dân địa phương, nó được tổ chức vào ngày 10/1 âm lịch, Xã Nam Mẫu, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn. Lễ hội mùa xuân hàng năm của bà con dân tộc ở địa phương thường được tổ chức ở bên hồ Ba Bể thu hút rất đông người tham dự. Các trò chơi dân gian tiêu biểu cho hội xuân của các dân tộc ít người miền núi Đông Bắc: đẩy gậy, thi kéo co, ném còn, hát giao duyên. Những năm gần đây còn tổ chức thi làng vui chơi làng ca hát giữa hai thôn người Tày và người Dao.

### *Lễ hội mùa xuân hồ Ba Bể*

Hồ Ba Bể nằm ở trung du phía Bắc thuộc tỉnh Bắc Kạn, cách Hà Nội 240km. Nơi đây tập trung 7 dân tộc gồm dân tộc Tày, Nùng, Dao và H'Mông..., trong đó dân tộc Tày chiếm 61%. Phong tục và văn hóa truyền thống của các dân tộc này đã thu hút rất nhiều du khách từ khắp các nơi trong nước cũng như khách quốc tế.

### *Động Nàng Tiên*

Động là một hang đá tự nhiên có từ lâu đời và đã được Bộ văn hóa- Thông tin xếp hạng di tích cấp quốc gia từ năm 1999. Động nằm trong núi Phja Trạng, thuộc xã Lương Hạ, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn. Theo truyền thuyết kể lại, ngày xưa có 7 nàng tiên từ trên trời xuống hạ giới để vãn cảnh ở con suối dưới chân núi Phja Trạng. Do mãi ngắm cảnh sơn thủy hữu tình, hái hoa bắt bướm nên trời tối lúc nào không biết, các nàng tiên không kịp bay về trời liền chạy về phía bìa rừng trú ẩn. Thấy vậy trời rủ lòng thương đã tạo ra một cái động để các cô tiên trú ngụ qua đêm. Từ đó người dân đã đặt tên cho động đó là động Nàng Tiên. Nhìn từ xa, động Nàng Tiên như một nàng thiếu nữ đang nằm ngủ. Động ăn sâu xuống lòng núi khoảng 60m, cửa động cao 6m, rộng 6m, trần động cao khoảng 30-50m. Bước chân vào bên trong động du khách sẽ được chiêm ngưỡng nhiều cảnh đẹp do các nhũ đá, cột đá và măng đá tạo nên. Cảnh tiên nữ, cảnh rồng bay, phượng múa bằng nhũ đá huyền ảo lung linh ánh bạc thật hấp dẫn. Những thửa ruộng bậc thang có dòng nước mát chảy xung quanh gọi là ruộng tiên, suối tiên trông thật thích mắt. Trong động còn có nhiều ngách nhỏ có chiều dài từ chục mét đến hàng nghìn mét thông ra sườn núi làm cho động Nàng Tiên thêm huyền bí và thơ mộng. Du khách có thể đến Phja Trạng, vào động Nàng Tiên nghỉ ngơi, tận hưởng không khí trong lành, mát dịu và thưởng thức những món ăn mang đậm hương vị quê nhà như thịt lợn quay (được ướp tẩm những hương vị rất đặc biệt), miến dong Côn Minh (loại nguyên chất có màu hơi sẫm được chế biến từ những cây dong trồng trong núi đá), bánh khảo...

### *Hồ Ba Bể*

Ba Bể là hồ tự nhiên lớn nhất miền Bắc Việt Nam giữa vùng đá phiến và đá vôi nằm gần thị trấn Chợ Rã, thuộc huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn, cách thị xã Bắc Kạn 70km. Từ Hà Nội theo đường số 3 qua Thái Nguyên, đến thị xã Bắc Kạn và đi tiếp 35km đến thị trấn Nà Phặc, sau đó rẽ trái sang quốc lộ 279, đến thị trấn Chợ Rã và tiếp tục khoảng 10km là đến hồ Ba Bể. Gọi là hồ Ba Bể bởi hồ được tạo thành bởi ba hồ lớn là Pé Lầm, Pé Lù và Pé Lềng thông nhau bởi dòng sông Năng. Hồ dài hơn 8km, sâu khoảng 20m đến 30m. Đoạn giữa hồ hơi eo lại. Có hai đảo nhỏ nổi lên giữa hồ, một đảo giống như con ngựa đóng cương đang lội nước (nên còn gọi là đảo An Mã). Hồ Ba Bể ở độ cao 145m so với mặt nước biển, diện tích mặt hồ khoảng 500ha được bao bọc bởi những dãy núi đá vôi có nhiều suối ngầm và

hang động. Những ngày nắng đẹp, toàn cảnh hồ như một bức tranh thủy mặc làm mê lòng những du khách khó tính nhất. Mặt nước hồ phẳng lặng, lúc nào cũng xanh trong như một tấm gương in đậm bóng núi, mây trời. Thỉnh thoảng trên hồ lại xuất hiện những cô gái Tày trong bộ đồ màu đen tay khua nhẹ mái chèo đưa đón khách đi về trên những chiếc thuyền độc mộc. Năm 1995, hồ Ba Bể đã được hội nghị "hồ nước ngọt thế giới" công nhận là một trong 20 hồ nước ngọt đặc biệt của thế giới cần được bảo vệ.

#### *Thác Đầu Đẳng*

Thác Đầu Đẳng cách thị trấn Chợ Rã (huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn) 16km. Thác dài 2km, hòa cùng với phong cảnh rừng nguyên sinh, tạo thành ấn tượng khó quên.

Thác Đầu Đẳng nằm trên dòng sông Năng, là nơi tiếp giáp giữa Bắc Kạn với tỉnh Tuyên Quang. Thác Đầu Đẳng nằm giữa hai dãy núi đá vôi, có độ dốc lớn, là nơi con sông Năng bị chặn lại bởi những tảng đá lớn, nhỏ xếp chồng lên nhau với độ dốc chừng 500m, tạo thành một thác nước ngoạn mục kỳ vĩ, hoà với phong cảnh rừng nguyên sinh tạo ra một ấn tượng khó quên. Không những vậy, tại đây còn xuất hiện loại cá chiên (có những con nặng trên 10kg) là loại cá hiếm thấy hiện nay.

#### **8.2.9. Một số tuyến du lịch nội vùng tỉnh Cao Bằng**

Toàn tỉnh Cao Bằng có diện tích khoảng 6.724,6 km<sup>2</sup>, dân số toàn tỉnh là 513,1 nghìn người (2010), tỉnh có 1 thành phố Cao Bằng và các huyện như Bảo Lạc, Bảo Lâm, Hà Quảng, Thông Nông, Trà Lĩnh, Trùng Khánh, Nguyên Bình, Hoà An, Phục Hoà, Quảng Uyên, Hạ Lang, Thạch An. Toàn tỉnh Lào Cai có các dân tộc cùng sinh sống như Tày, Nùng, Dao, H'Mông, Việt (Kinh), Sán Chay... Là một tỉnh có nhiều dân tộc sinh sống, Cao Bằng có nền văn hoá truyền thống rất phong phú. Người Tày chiếm số lượng khá lớn trong tỉnh, sống ở hầu hết các huyện. Họ có truyền thống văn hoá lâu đời, có chữ viết riêng (nhóm ngôn ngữ Tày - Nùng). Nét đặc sắc về văn hoá của người Tày được thể hiện trong các hội làng, ca hát đối đáp, hát ví, hát then.

Điều kiện tự nhiên : Cao Bằng là một tỉnh miền núi ở phía bắc Bắc bộ. Phía bắc và phía đông Cao Bằng giáp Trung Quốc, phía tây giáp tỉnh Tuyên Quang và Hà Giang, phía nam giáp tỉnh Bắc Kạn và Lạng Sơn. Địa hình của tỉnh tương đối phức tạp vì vậy giao thông giữa các huyện trong tỉnh bị hạn chế. Cao Bằng có khí hậu ôn đới. Một năm có 4 mùa xuân, hạ, thu, đông. Nhiệt độ trung bình mùa hè là 25°C – 28°C, mùa đông là 16°C – 17°C. Một số vùng núi cao như Trùng Khánh, Trà Lĩnh về mùa đông có tuyết rơi. Tỉnh có quốc lộ 4B đi tỉnh Lạng Sơn, quốc lộ 3 đi tỉnh Bắc Kạn, sang Trung Quốc, quốc lộ 34 đi tỉnh Hà Giang và nếu du khách đi từ Hà Nội lên thị xã Cao Bằng khoảng 272km theo quốc lộ 3.

Tiềm năng phát triển du lịch : Nhìn chung khí hậu Cao Bằng mát mẻ quanh năm lại có nhiều núi cao, phong cảnh thiên nhiên hữu tình rất thích hợp cho nghỉ ngơi, du lịch. Lễ hội truyền thống của tỉnh Cao Bằng là nét đặc trưng của các dân tộc sinh sống trong vùng đặc biệt là lễ hội Lồng Tồng. Tỉnh cũng có nhiều di tích thắng cảnh như di tích Bắc Bó, khu di tích Kim Đồng, hồ trên núi Thang Hen, thác Bản Giốc (huyện Trùng Khánh) là một thác nước vào loại đẹp nhất ở Việt Nam...

#### **Một số điểm tham quan du lịch tại tỉnh Cao Bằng**

##### *Đền Kỳ Sầm*

Đền Kỳ Sầm được xây dựng để thờ danh nhân lịch sử Đại Vương Nùng Trí Cao, người dân tộc Tày, đời vua Lý Thái Tông (thế kỷ 11), thuộc xã Vĩnh Quang, huyện Hoà An, cách trung tâm TP. Cao Bằng theo đường Pác Bó 5km. Đền Nùng Trí Cao được vua phong Thái Bảo và cho trấn giữ châu Quảng Nguyên. Sau khi ông mất vua lại phong cho là Khâu

Sầm Đại Vương. Câu chuyện về Nùng Trí Cao đã trở thành huyền thoại, liên quan đến sự nghiệp mở nước ở thời Lý. Công lao của ông đã được người đời sau tưởng nhớ và lập đền thờ. Hàng năm lễ hội được tổ chức vào ngày mùng 10 tháng giêng âm lịch, đây là một lễ hội lớn thu hút mọi tầng lớp nhân dân trong tỉnh đến trải hội, vui xuân, với nhiều trò chơi như: tung còn, đấu vật, đấu võ, đá bóng, múa sư tử, múa rồng, múa lân...

#### *Đền Vua Lê*

Đền Vua Lê là thờ vua Lê Thái Tổ (tức Lê Lợi Cao Hoàng Đế) nằm ở phía Tây Bắc, cách trung tâm TP. Cao Bằng khoảng 11km, thuộc làng Đền, xã Hoàng Tung, huyện Hoà An. Đền được xây dựng trên một gò đất cao phía bắc thành Nà Lữ. Trong thành Nà Lữ có bốn gò đất nổi lên được các triều đại phong kiến đặt tên cho 4 gò là Long, Ly, Quy, Phượng. Giữa thành có ao sen và ruộng bàn cờ. Dưới triều đại phong kiến đền vừa là cung điện, vừa là trung tâm hoạt động kinh tế - văn hoá, quân sự của các vua quan. Trước Cách mạng Tháng tám và trong kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, đền vua Lê cũng là một di tích lịch sử gắn liền với những hoạt động của Đảng ta trong thời kỳ vận động cách mạng dân tộc, dân chủ. Tại đây đồng chí Hoàng Đình Giọng đã đứng ra thành lập “Đoàn thanh niên phản đế” (năm 1936). Hiện nay, đền Vua Lê được xem là một di tích có giá trị đặc biệt về mặt kiến trúc nghệ thuật và là nơi tập trung lễ hội, sinh hoạt văn hoá, văn nghệ của nhân dân nơi đây. Hàng năm, lễ hội đền vua Lê được tổ chức vào ngày mùng 6 tháng Giêng âm lịch.

#### *Đền Xuân Lĩnh*

Đền thờ Trần Quyết, thuộc xã Xuân Lĩnh, huyện Thạch An. Ông là người huyện Thạch An. Năm 1682, ông làm tướng tiên phong đi đánh nhà Mạc (đời Lê Hy Tông) và khi đuổi quân Nhà Mạc đến biên giới ông đã bị trọng thương và tử trận. Ông đã được phong là Phúc thần, tên hiệu là Kỳ Lịch Đại Vương và dân bản đã dựng đền thờ để tưởng nhớ công lao của ông.

#### *Đền Phai Khắt*

Đền Phai Khắt thuộc xã Tam Kim, huyện Nguyên Bình. Trận đánh đền Phai Khắt vào lúc 17 giờ ngày 25/12/1944 là trận đánh đầu tiên của đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân - tiền thân của Quân đội nhân dân Việt Nam đã đi vào lịch sử như một trang vàng đầu tiên của quân đội.

#### *Chùa Đà Quận*

Chùa Đà Quận Chùa mang tên Đà Quốc công Mạc Ngọc Liễu, một danh tướng của nhà Mạc, được xây dựng từ thời vua Mạc Kính Cung (1594 - 1625) thờ Phật bà Quan Âm nằm ở làng Đà Quận, xã Hưng Đạo, huyện Hoà An, xưa là thôn Đà Quận. Trong chùa có hai quả chuông treo ở hai bên lầu gác đền thờ Hồng Liên công chúa cao bốn thước, năm tấc, chu vi tám thước chín tấc, ước nặng nghìn cân. Mỗi kỳ tế lễ xuân thu thì gõ chuông, chuông vang như sấm, chấn động trăm dặm. Trên chuông thân có đúc bài minh bằng chữ Hán ca ngợi vẻ đẹp của châu Thạch Lâm lúc bấy giờ và sự phục hồi của chùa Viên Minh sau khi nhà Lê khôi phục lại đất Cao Bằng. Chuông chùa Đà Quận là một di sản văn hoá quý báu của dân tộc, một di tích xứng đáng được gìn giữ và lưu truyền. Hàng năm nhân dân Cao Bằng đều đi trải hội chùa Đà Quận vào mùng 9 tháng Giêng.

#### *Chùa Giang Động*

Chùa Giang Động là một nơi rất linh thiêng, thờ thần đá và thần sông được xây dựng vào khoảng năm 1429 cách trung tâm TP. Cao Bằng khoảng 20km, thuộc xã Hồng Việt, huyện Hoà An. Trong chùa có một cái trống và một cái chuông to. Lễ hội chùa Giang Động

diễn ra vào ngày 15 tháng giêng âm lịch, đây là dịp để nhân dân trong vùng đến cầu may, cầu phước mỗi độ xuân về.

### *Di tích Pắc Bó*

Di tích Pắc Bó là di tích cách mạng nổi tiếng, nơi Bác Hồ làm việc và trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Tên Pắc Bó còn có nghĩa đen là “miệng nguồn” nằm ở địa phận xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng, cách TP. Cao Bằng 55km về phía bắc. Pắc Bó có hang Cốc Bó được Chủ tịch Hồ Chí Minh chọn làm nơi ở sau hơn 30 năm bôn ba ở nước ngoài trở về Tổ quốc (08/02/1941) để trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

Các di tích ở khu này gồm có: Hang Bo Bam, bãi Cò Rạc, Hang Cốc Bó; Suối Lê-nin, núi Các Mác; Suối Nậm: Nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh trực tiếp huấn luyện cán bộ và tổ chức nhiều cuộc họp quan trọng của Trung ương. Đi trên những tảng đá nhám rêu phong dọc bờ suối là nơi Bác Hồ thường ngồi làm việc và câu cá sẽ đến một chiếc cầu gỗ bắc ngang cửa khe Cốc Bó. Đây là nơi khởi nguồn của suối Lê-nin. Hang Pắc Bó hiện ra bên sườn núi đá lởm chởm. Đứng ngoài cửa hang nhìn xuống, trên vách đá tranh tối tranh sáng còn thấy được dòng chữ của Người: "Ngày 8 tháng 2 năm 1941". Đây là ngày Bác đến ở hang này, một cái hang nhỏ, ẩm và lạnh, nằm sâu trong khe núi, chẳng mấy ai để ý tới.

Phía trước cửa hang Pắc Bó khoảng 1.000m, có một lán nhỏ bên sườn núi Khuổi Nậm. Nơi đây Bác Hồ triệu tập Hội nghị Trung ương lần thứ Tám, ra nghị quyết chuẩn bị vũ trang khởi nghĩa, thành lập Việt Minh và Chiến khu cách mạng. Cách cái lán nhỏ này vài bước chân là đường biên giới Việt Trung - cột mốc 108. Nơi đây, Bác Hồ đã cúi xuống ôm hôn mảnh đất Tổ quốc thân thương sau bao năm xa cách. Khi đó Bác đã 50 tuổi, mái tóc đã pha sương. Thăm khu di tích lịch sử này, du khách hiểu sâu sắc hơn về cuộc đời vĩ đại của Chủ tịch Hồ Chí Minh, để rồi trong ký ức họ sống mãi những vần thơ lạc quan cách mạng của Người:

*"Sáng ra bờ suối, tối vào hang  
Cháo bẹ rau măng vẫn sẵn sàng  
Bàn đá chông chênh dịch sử Đảng  
Cuộc đời cách mạng thật là sang".*

### *Khu di tích Đông Khê*

Tháng 8 năm 1950, Bác Hồ đã trực tiếp ra mặt trận chỉ huy trận đánh đồn Đông Khê, mở màn cho chiến thắng chiến dịch Biên giới thu - đông năm 1950, tạo tiền đề cho cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc. Khu di tích Đông Khê thuộc huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng. Chiến dịch đồn Đông Khê vang dội cùng những tấm gương dũng cảm đã vào sử sách như Lý Việt Muru, La Văn Cầu, Trần Cừ... thể hiện sức mạnh tổng hợp của toàn Đảng, toàn dân ta trong kháng chiến. Cụm di tích Đông Khê, đường số 4 có một điểm di tích đặc biệt là núi Báo Đông, nơi đây Bác Hồ trực tiếp quan sát chỉ huy mặt trận biên giới. Đường lên núi có 845 bậc đá chắc chắn được chia thành 79 cung bậc, tượng trưng cho 79 mùa xuân của Bác. Trên đỉnh là tượng đài Bác ngồi quan sát trận đánh. Tượng Bác cao 2,8m, nặng 418 kg, toàn bộ bức tượng đặt trên bệ đá ốp gạch lát hoa. Đứng trên núi Báo Đông có thể nhìn thấy phong cảnh thị trấn Đông Khê.

### *Khu di tích anh hùng liệt sỹ Kim Đồng*

Khu di tích nằm tại làng Nà Mạ, xã Trường Hà, huyện Hà Quảng. Đây là nơi ghi nhớ anh hùng liệt sỹ Kim Đồng, người có công bảo vệ cán bộ cách mạng trong thời kỳ chống Pháp. Kim Đồng (tên thật là Nông Văn Dền) sinh năm 1929. Ngày 15/5/1941, đồng chí Đức Thanh là cán bộ cách mạng quyết định thành lập Đội nhi đồng cứu quốc tại làng Nà Mạ,



gồm có 4 đội viên: Kim Đồng, Cao Sơn, Thanh Thủy, Thủy Tiên do Kim Đồng làm đội trưởng. Tháng 8/1942, Kim Đồng vinh dự được gặp Bác Hồ tại hang Nộc Ến ở trên núi sau làng Nà Mạ. Bác khen ngợi đội trưởng Kim Đồng mưu trí, nhanh nhẹn, dũng cảm. Bác khuyên Kim Đồng cùng đội viên hãy giúp đỡ, tích cực bảo vệ cách mạng, vừa hoạt động vừa học văn hoá, chính trị để sau này nước nhà giành được độc lập, góp phần xây dựng đất nước. 5 giờ sáng ngày 15/2/1943, trong lúc đang làm nhiệm vụ canh gác cuộc họp của ban Việt Minh, khi phát hiện giặc lùng sục đến gần, Kim Đồng đã nhanh trí đánh lạc hướng để bảo vệ cán bộ cách mạng, địch nổ súng, Kim Đồng bị trúng đạn và đã hy sinh, khi đó vừa tròn 14 tuổi. Kim Đồng đã được Đảng và nhà nước phong tặng anh hùng liệt sỹ năm 1997. Khu di tích Kim Đồng được xây dựng ngay trên quê hương anh gồm có mộ anh Kim Đồng và tượng đài khang trang tại chân rặng núi đá cao đồ sộ, bên cạnh rừng cây nghiêng xanh biếc, luôn toả bóng mát với những làn gió vi vu, như ru anh yên nghỉ. Tượng đài anh Kim Đồng với bộ quần áo nùng và tay nâng cao con chim bồ câu đưa thư, trước tượng đài có 14 bậc đá và 14 cây lát vươn cao xanh ngắt. Nơi đây có một khoảng sân rộng, hàng năm thiếu niên và nhi đồng của tỉnh Cao Bằng, cả nước thường tụ hội tại đây cắm trại, vui chơi ca hát.

*Khu di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh với chiến dịch Biên giới 1950*

Khu di tích tại Nà Lạn, xã Đức Long huyện Thạch An, cách TP. Cao Bằng 60 km đi theo đường quốc lộ số 4. Đây là một khu di tích gắn liền với sự nghiệp hoạt động cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, với chiến thắng Chiến dịch Biên giới năm 1950, do Bộ Tư lệnh Quân khu, Quân khu I, Quân khu II và tỉnh Cao Bằng phối hợp xây dựng.

Khu di tích được đưa vào sử dụng ngày 19/05/2004, thể hiện đạo lý cao cả "Uống nước nhớ nguồn" đối với vị lãnh tụ thiên tài, vị cha già kính yêu của dân tộc. Khu gồm có: Nhà tưởng niệm được thiết kế với kiến trúc nhà sàn hiện đại, trưng bày những hình ảnh, hiện vật liên quan tới hoạt động của Bác trong chiến dịch và Cụm tượng đài Bác Hồ ngồi quan sát trận đánh trên núi Báo Đông. Tượng đài Bác Hồ được mô phỏng theo bức ảnh của nghệ sỹ Vũ Năng An chụp, làm bằng vật liệu composit giả đồng, cao 2,8 m, nặng 418 kg, cột bê tông cốt thép, toàn bộ bức tượng đặt trên bệ đá ốp gạch lát hoa. Đi qua 845 bậc đá, được chia thành 79 cung bậc, tượng trưng cho 79 mùa xuân của Bác là đến tượng đài. Tại đây du khách được ngắm nhìn tư thế ung dung, lạc quan của vị Chủ tịch trực tiếp ra mặt trận chỉ huy trận đánh đồn Đông Khê thắng lợi vẻ vang trên đường số 4 Cao Bằng – Lạng Sơn, ngày 16/09/1950, mở màn cho chiến thắng Chiến dịch Biên giới năm 1950, tạo tiền đề cho cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc. Tại đài quan sát, Bác đã làm một bài thơ nổi tiếng về khí thế và niềm tin tất thắng của dân tộc:

*Chống gậy lên non xem trận địa  
Vạn trùng núi đỡ vạn trùng mây  
Quân ta khí mạnh nuốt ngưu đầu  
Thề diệt xâm lăng lũ sói cày*

Tại khu di tích còn có đôi rồng bằng đá quý (dài 3,93m, cao 1,15m, đường kính 0,393m, nặng gần 9 tấn) đặt trên bệ đá cao 1,20m do những đôi bàn tay nghệ nhân từ vùng đất cổ đô Hoa Lư (Ninh Bình) thực hiện. Đôi rồng mang sinh khí từ đất thiêng Nghĩa Lĩnh, cội nguồn của dân tộc - biểu tượng cho sức mạnh đoàn kết, gắn bó không ngừng lớn mạnh của con cháu Rồng Tiên; thể hiện tình cảm thành kính của nhân dân tỉnh Phú Thọ đối với Bác Hồ.

*Khu di tích rừng Trần Hưng Đạo*

Khu di tích lịch sử rừng Trần Hưng Đạo thuộc xã Tam Kim, huyện Nguyên Bình, nằm ở hướng Tây Nam cách TP. Cao Bằng 50km. Khu rừng là khu di tích nơi đây đã ghi dấu ấn truyền thống trong lịch sử dân tộc, đó là nơi thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân - tiền thân của Quân đội Nhân dân Việt Nam (22/12/1944). Đội gồm 34 chiến sỹ được chọn lọc trong hàng ngũ các đội du kích Cao - Bắc - Lạng, đó là những chiến sỹ kiên quyết, hăng hái, đội do đồng chí Võ Nguyên Giáp chỉ huy. Đây là một bước ngoặt quan trọng trên con đường đấu tranh cách mạng của dân tộc và của Quân đội Nhân dân Việt Nam. Ngay khi mới thành lập, đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân đã dành thắng lợi trận Phai Khắt ngày 25/12/1944 và trận Nà Ngần ngày 16/12/1944, mở đầu truyền thống đánh thắng trận đầu, chỉ sau một tuần đội đã nhanh chóng phát triển thành đại đội. Từ đó đến nay dưới sự lãnh đạo của Đảng và của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, quân đội ta ngày càng lớn mạnh lập nên những chiến công hiển hách, sát cánh cùng nhân dân chiến đấu giải phóng hoàn toàn đất nước và bảo vệ thành quả cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Từ Phai Khắt vào Khu di tích rừng Trần Hưng Đạo chỉ mất một quãng đường ngắn. Ngay dưới chân núi đã dựng một nhà bia tưởng niệm. Một số cứ liệu lịch sử về “Lễ thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân” và tên của 34 đội viên được khắc lên tấm bia bốn mặt, đặt chính giữa nhà tưởng niệm... Từ chân núi, có những bậc xi măng leo lên đỉnh Slam Cao - là đỉnh cao nhất trong dãy Khau Giáng. Hai bên đường lá khô rụng dày thành thảm. Khu rừng này vẫn giữ được vẻ hoang sơ. Lên đến đỉnh là vạt đất bằng phẳng, có dựng một cột cờ và tấm bia ghi dấu nơi đã từng đặt đài quan sát đồn Phai Khắt của Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân. Rừng Trần Hưng Đạo là khu rừng nguyên sinh vẫn giữ được vẻ hoang sơ, khí hậu mát mẻ quanh năm, nhiệt độ trung bình hàng năm khoảng 15-20 độ C. Khung cảnh thiên nhiên nơi đây rất lý tưởng cho các chương trình nghiên cứu, du lịch sinh thái đối với du khách trong và ngoài nước.

### *Động Ngườm Ngao*

Động Ngườm Ngao thuộc địa phận bản Gun, xã Đàm Thủy, huyện Trùng Khánh, cách Thác Bản Giốc 3km. Động Ngườm Ngao với vẻ hoang sơ, quyến rũ mang đậm sắc thái Việt Bắc. Theo số liệu khảo sát của đội khảo sát Hoàng gia Anh năm 1995, động Ngườm Ngao có chiều dài 2.144m, gồm 3 cửa chính: cửa Ngườm Lồm quanh năm mát lạnh nằm ẩn mình dưới những khối đá dưới chân núi; cửa Ngườm Ngao cách chân núi vài trăm bậc thang và cửa Bản Thuôn phía sau núi, kề cận bản Thuôn của người Tày. Động Ngườm Ngao là một động lớn được hình thành từ sự phong hoá lâu đời của đá vôi. Ngườm Ngao (tiếng dân tộc Tày có nghĩa là hang Cọp hay còn gọi “hang giữa thung lũng đá”) do người dân địa phương phát hiện năm 1921, nhưng đến 1996 mới được tình khai hoang, đầu tư cơ sở hạ tầng khai thác du lịch.

Hiện nay tỉnh đưa vào khai thác du lịch khoảng hơn 900m. Thông thường, khi đón khách tham quan hang động, hướng dẫn viên địa phương khởi hành từ cửa Ngườm Lồm và trở ra bằng cửa Ngườm Ngao, qua đó khách sẽ chiêm ngưỡng hầu hết cảnh đẹp tuyệt vời trải khắp chiều sâu hang động. Bước vào động ta như bước vào một thế giới kỳ ảo, choáng ngợp trước những dải thạch nhũ muôn màu muôn sắc từ trên các vòm đá cao rủ xuống. Những tượng đá quyến rũ với nhiều kiểu dáng khác nhau mang dáng dấp hình người, cây rừng, súc vật, nhiều nơi giống như một căn phòng “trông rừ màn che” với nàng tiên đang nghiêng mình chải tóc, và cả dáng vẻ của một ông tiên hiền từ, rồi búp sen khổng lồ, cột chống trời... Vòm động khép lại rồi lại mở ra, tạo cho người xem một sự thích thú bất ngờ. Nhũ đá

mọc từ dưới lên, thả từ trên xuống, nhũ trắng đứng, nhũ to, nhũ nhỏ...tất cả đan xen tạo thành một mê cung kỳ diệu.

Du khách đi từ Hà Nội đến thị xã Cao Bằng (khoảng 272km) theo quốc lộ 3 đến thị trấn Quảng Uyên thì rẽ sang tỉnh lộ 206 là đến động Ngườm Ngao trên con đường tráng nhựa nối từ tỉnh lộ 206 vào khu du lịch Ngườm Ngao. Ngoài ra, du khách có thể đi theo một con đường bê tông tỏa khắp thung lũng, hang động đi cùng hệ thống chiếu sáng cũng đã được hoàn tất từ đầu năm 2006. Động Ngườm Ngao đã được Bộ Văn hoá - Thông tin công nhận là danh thắng quốc gia đã và đang thu hút rất nhiều du khách trong và ngoài tỉnh đến tham quan.

#### *Hồ Thang Hen*

Hồ Thang Hen là một hồ đẹp trong số 36 hồ nằm ở trên núi của nước ta, độ cao so với mặt biển 1.000m thuộc địa phận xã Quốc Toản, huyện Trà Lĩnh, tỉnh Cao Bằng. Hồ Thang Hen ở giữa một vùng núi non và màu xanh của cây vượn mình trên các vách đá cheo leo soi bóng xuống mặt nước trong, uốn lượn theo lòng lũng lấp mờ những mỏ đá ngầm. Hồ Thang Hen có hình thoi chiều rộng chừng từ 100m đến 300m, chiều dài từ 500m đến 1.000m tùy theo mực nước, giữa rừng trám trắng, trám đen nhô lên những khối đá tai mèo. Phía đầu nguồn là một cái hang rộng, từ trong hang nguồn nước chảy ra suốt ngày đêm. Đặc biệt nước hồ Thang Hen hàng ngày lại có hai đợt “thủy triều” lên và xuống. Vào mùa lũ trong khi các hồ khác nước đỏ lựng thì nước hồ Thang Hen vẫn luôn trong xanh. Mùa cạn nước sâu chừng 10m.

#### *Phja Đén*

Huyện Nguyên Bình là một huyện miền núi vùng cao nằm ở phía tây của tỉnh Cao Bằng, cách Hà Nội 240km có nguồn tài nguyên du lịch giá trị với tổng diện tích tự nhiên của toàn vùng là 24.631ha. Vùng Phja Đén – Phja Oắc bao gồm các xã Thành Công, xã Phan Thanh, xã Quang Thành và thị trấn Tĩnh Túc huyện Nguyên Bình. Phja Đén nằm ở vị trí giao lưu của nhiều tuyến đường giao thông và là nơi đầu nguồn của nhiều con sông, có địa hình núi cao, nhiều hang động, và vẫn còn giữ được diện tích rừng nguyên sinh. Là vùng sinh thái đặc thù với nhiều tiềm năng chưa được khai thác đã tạo cho Phja Đén - Phja Oắc nhiều lợi thế để phát triển kinh tế, du lịch đặc biệt là du lịch sinh thái. Hệ sinh thái đa dạng có tính sinh học rất cao với nhiều loại động thực vật quý hiếm như hà thủ ô đỏ, tam thất, gà đen, các loại rau quả ôn đới, các loại côn trùng dùng cho nghiên cứu khoa học và sưu tập... Thiên nhiên đã ban tặng cho vùng Phja Đén-Phja Oắc một môi trường khí hậu mát mẻ trong lành, với độ cao từ 1500m -2500m so với mặt biển, nhiệt độ trung bình từ 18-25°C, thảm thực vật phong phú lại có rất nhiều sản vật quý hiếm đã tạo tiền đề quan trọng cho phát triển nhiều loại hình du lịch khác nhau như: du lịch sinh thái, du lịch văn hoá...

Nơi đây vẫn còn lưu giữ một số địa danh nghỉ mát của người Pháp được nhiều người biết đến như: khu nhà nghỉ mát cuối tuần của người Pháp (Tài Soong), khu nhà Đỏ (Tatsloom). Đồng bào dân tộc sinh sống nơi đây chủ yếu là dân tộc Dao có nền văn hóa phong phú, đậm đà bản sắc dân tộc, có cấu trúc nhà ở và ngành nghề riêng biệt. Đến với Phja Đén-Phja Oắc chúng ta được tận mắt chứng kiến nét hùng vĩ, được thưởng thức và thăm thú phong cảnh thiên nhiên, mang đậm nét hoang sơ của vùng núi tươi đẹp này.

#### *Thác Bản Giốc*

Thác Bản Giốc là một thác nước cao hùng vĩ và đẹp nhất của Việt Nam thuộc địa phận xã Đàm Thủy, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng. Nơi đây không chỉ là điểm du lịch

hấp dẫn mà còn là nguồn thủy điện lớn trong tương lai. Thác Bản Giốc cũng đã đi vào nghệ thuật tạo hình với những tác phẩm hội họa và nhiếp ảnh đặc sắc. Một số người cũng cho rằng thác Bản Giốc là thác nước đẹp nhất của quốc gia.

Ngay từ xa du khách đã nghe thấy tiếng thác nước réo ào ào. Từ độ cao trên 30m những khối nước lớn đổ xuống qua nhiều bậc đá vôi. Giữa thác có một mô đất rộng phủ đầy cây đã xẻ dòng sông thành 3 luồng nước như ba dải lụa trắng. Ngày đêm thác nước cuộn cuộn đổ xuống những tảng đá phẳng làm tung lên vô vàn hạt bụi trắng toả mờ cả một vùng rộng lớn. Vào những ngày nắng, làn hơi nước còn tạo thành cầu vồng lung linh huyền ảo. Dưới chân thác Bản Giốc là mặt sông rộng, phẳng như gương. Hai bên bờ là những thảm cỏ, vạt rừng xanh ngắt, lác đác điểm những chùm hoa phong lan, những đàn trâu, bò ung dung gặm cỏ làm cho cảnh sắc càng thêm sinh động.

Động Ngườm Ngao ở ngay bên cạnh thác, dài khoảng 3km được đánh giá là một trong những hang động đẹp của Việt Nam, giữa thác có một mô đất rộng phủ đầy cây, xẻ dòng sông thành ba luồng nước. Vào những ngày nắng, làn hơi nước bắn ra từ thác tạo thành cầu vồng. Dưới chân thác là mặt sông rộng với hai bên bờ là những thảm cỏ và vạt rừng. Thác Bản Giốc đã đi vào nghệ thuật tạo hình với những tác phẩm hội họa và nhiếp ảnh đặc sắc. Cùng với núi, sông và các hang động kỳ thú ở xung quanh, thác Bản Giốc không chỉ là một điểm du lịch hấp dẫn mà còn là một nguồn thủy điện lớn trong tương lai. Theo thống kê của Sở Văn hóa - Thể thao - Du lịch của tỉnh Cao Bằng, mỗi năm Việt Nam có khoảng 30.000 người đến thăm Bản Giốc. Ngày 8 tháng 12 năm 2012, Tổng công ty du lịch Sài Gòn (Saigontourist) đã làm lễ động thổ xây dựng khu nghỉ dưỡng Sài Gòn - Bản Giốc tại xã Đàm Thủy và nơi đây sẽ có khu nghỉ dưỡng Sài Gòn-Bản Giốc với tổng kinh phí đầu tư khoảng 170 tỉ đồng, đạt tiêu chuẩn 4 sao và đã đưa vào khai thác cuối năm 2013.

### *Hội Lồng Tồng*

Hội Lồng Tồng hay còn gọi hội Xuống Đòng là lễ hội văn hóa của dân tộc Tày Nùng để mở đầu mùa gieo trồng mới. Hội diễn ra trong phạm vi một bản (làng), thông thường một số bản gần nhau liên kết cùng tổ chức, có khi mở rộng ra một vùng vài chục bản. Lễ hội tổ chức vào ngày Mùng 2 đến 30/1 âm lịch. Hội tổ chức ngoài trời, trên một thửa ruộng lớn gọi là ruộng xuống đòng. Chủ trì hội là ông thại đình (người coi đình) hay người coi việc thờ cúng thần Nông của bản. Tất cả gia đình dự hội đều mang theo cỗ để làm lễ vật cúng thần Đất, thần Núi, thần Nông và Thành Hoàng. Lễ hội bắt đầu khi chiêng trống nổi lên, rồi các bô lão và tráng đinh rước thần Nông và Thành Hoàng từ đình ra ruộng, còn các gia đình thì rước cỗ bày ra trên bãi hội. Người chủ trì hội xướng bài mo cúng chư thần rồi tuyên bố phá cỗ. Gia đình nào có cỗ thịnh soạn và mời được nhiều khách dự hội đến thưởng thức cỗ nhà mình thì xem đó là điều may mắn cho cả năm. Ăn cỗ xong, mọi người tiếp tục ca hát và tham gia các trò chơi dân gian như: ném còn, kéo co, đánh quay, đánh yến, đánh đu, múa kỳ lân, múa sư tử, múa võ, múa giáo... Trong khi chơi trò ném còn, gái trai chia làm hai phe để hát sli, hát lượn, là hai hình thức đối ca giao duyên nam nữ thể hiện tục cầu mùa. Còn trò chơi kéo co giữa các cô gái chàng trai Tày Nùng mang tính chất cầu mùa, cầu mưa, cầu nước như một nghi lễ tín ngưỡng nông nghiệp lâu đời.

### *Hội mời Mẹ Trăng*

Đây là lễ hội của dân tộc Tày mang mục đích cầu Mẹ Trăng ban điều lành, điều tốt cho dân bản, mùa màng bội thu, gia súc sinh sôi, không bị dịch bệnh... được tổ chức vào đầu mùa xuân sau tết Nguyên Đán kéo dài từ 10 đến 15 ngày. Hội chỉ mở riêng trong từng bản, hoặc có mời thêm một số người thân từ các bản lân cận cùng tham gia. Mọi nhà trong bản

đều nô nức tham gia lễ hội bắt đầu bằng lễ dâng hoa rồi đến “lượn hai” (ca hát) để tiễn hồn đoàn người trần gian lên cung trăng đón mời Mẹ Trăng xuống đất. Không khí hội như trộn lẫn giữa thực tại và huyền ảo trong mối giao lưu tình cảm giữa người trần tục và người cõi tiên của tiết trời xuân. Trong thời gian diễn ra lễ hội có nhiều trò chơi dân gian như chọi gà, đánh quay, đánh yến... Kết thúc lễ hội là lễ tiễn trăng về trời diễn ra ngoài đồng. Cuối cùng, mọi người cùng nhau dùng bữa cơm vui hội của bản làng.

#### *Làng rèn Phúc Sen*

Làng rèn Phúc Sen là một làng nghề truyền thống, có cách đây khoảng hơn 1.000 năm, xã Phúc Sen, huyện Quảng Uyên, tỉnh Cao Bằng. Phúc Sen là một vùng sơn cước, vùng núi đá. Bước chân vào làng, ở đâu cũng thấy lò rèn. Những lò rèn đã góp phần đáng kể trong đời sống hàng ngày không những cho người dân nơi đây mà còn phục vụ cho cư dân ở nhiều vùng lân cận. Sản phẩm nghề rèn của làng làm ra là các công cụ cầm tay có chất lượng cao phục vụ cho cuộc sống hàng ngày. Điều đặc biệt, những công cụ bằng sắt thép được tạo nên ở đây, không phải bằng những lò luyện kim cao tần mà chỉ sử dụng các lò rèn thủ công, bằng mắt, bằng đôi bàn tay cùng kinh nghiệm lâu năm trong nghề. Người thợ rèn có thể xác định được độ chín của từng sản phẩm trong lò than để kịp đem nhúng vào chậu nước bên cạnh để thật hơi. Chỉ như vậy mà những con dao quắm, cái rìu, cái kéo đều đạt độ cứng, độ dẻo cần thiết phù hợp với công dụng của nó. Những công cụ cầm tay của làng nghề Phúc Sen có mặt ở nhiều chợ trong và ngoài tỉnh Cao Bằng, được bà con trong vùng rất tin dùng.

#### **8.2.10. Một số tuyến du lịch nội vùng tỉnh Lạng Sơn**

Toàn tỉnh Lạng Sơn có diện tích khoảng 8.323,8 km<sup>2</sup>, dân số toàn tỉnh là 735,6 nghìn người (2010), tỉnh có 1 thành phố Lạng Sơn và các huyện như Tràng Định, Văn Lãng, Văn Quan, Bình Gia, Bắc Sơn, Hữu Lũng, Chi Lăng, Cao Lộc, Lộc Bình, Đình Lập. Là một trong những nơi phát hiện ra các di chỉ của người Việt thời sơ sử, tiền sử, Lạng Sơn in đậm dấu ấn của các nền văn hoá truyền thống của nhiều dân tộc ở Việt Nam. Những dân tộc có đông cư dân ở Lạng Sơn như Nùng, Tày, Việt, Dao. Họ có nhiều phong tục tập quán và lễ tết rất độc đáo.

Điều kiện tự nhiên :Lạng Sơn là một tỉnh nằm ở biên giới phía bắc có đường biên giới với Trung Quốc dài 253km. Phía bắc tỉnh Lạng Sơn giáp tỉnh Cao Bằng, phía nam giáp tỉnh Bắc Giang, phía đông giáp tỉnh Quảng Tây (Trung Quốc), phía đông nam giáp tỉnh Quảng Ninh, phía tây, tây nam giáp tỉnh Bắc Kạn và Thái Nguyên

Địa hình của tỉnh chủ yếu là rừng núi. Hệ thống sông suối tương đối dày đặc đã tạo nên những cánh đồng thung lũng màu mỡ thuận lợi cho việc phát triển nông nghiệp. Qua địa phận tỉnh có các sông chính là sông Kỳ Cùng, Ba Thín, Bắc Giang... Khí hậu ôn hòa mát mẻ, nhiệt độ trung bình năm 21,5°C.

Hệ thống giao thông của tỉnh có đường bộ, đường sắt đều thuận tiện. Quốc lộ 1A nối liền Hà Nội - thành phố Lạng Sơn dài 154km, Hà Nội - Lạng Sơn - Đồng Đăng dài 170km. Ngoài ra còn quốc lộ 1B tới tỉnh Thái Nguyên 60km, quốc lộ 4B qua Tiên Yên tới Quảng Ninh 48km, quốc lộ 4A tới Cao Bằng 55km, quốc lộ 279 qua huyện Bình Gia tới Bắc Kạn 73km. Đường sắt liên vận quốc tế Hà Nội – Trung Quốc chạy qua địa phận tỉnh khoảng trên 100km.

Tiềm năng phát triển kinh tế và du lịch : Lạng Sơn có tiềm năng về khoáng sản, nông lâm sản mà nổi bật là hoa hồi, tiềm năng du lịch và thương mại. Là địa đầu của Tổ quốc,

Lạng Sơn là tỉnh có nhiều danh lam thắng cảnh, non nước hữu tình, có nhiều di tích lịch sử với nền văn hoá đậm đà bản sắc dân tộc, nơi có di tích văn hoá Bắc Sơn, văn hoá Mai Pha, tất cả tạo ra những tiềm năng to lớn cho việc phát triển du lịch của tỉnh Lạng Sơn, làm cho Lạng Sơn có sức cuốn hút lạ kỳ với du khách.

Từ xa xưa, trong ca dao của người Việt đã có hai câu thơ liệt kê những danh thắng di tích nổi tiếng ở Lạng Sơn.

*Đông Dăng có phố Kỳ Lừa  
Có nàng Tô Thị, có chùa Tam Thanh.*

### **Một số điểm tham quan du lịch tại tỉnh Lạng Sơn**

#### *Động Tam Thanh*

Động Tam Thanh tọa lạc tại phường Tam Thanh thành phố Lạng Sơn, phía tây phố Kỳ Lừa trong một dãy núi có hình đàn voi phủ phục trên mặt cỏ xanh. Hang động Tam Thanh ở lưng chừng núi. Cửa hang nhìn về hướng đông cao chừng 8m có lối lên là 30 bậc đá đục vào sườn núi, có nhiều cây cối um tùm che khuất ánh nắng. Vách động bên phải có khắc bài thơ của Ngô Thì Sĩ (1726-1780) khi ông làm đốc trấn Lạng Sơn, ca ngợi vẻ đẹp thiên nhiên hùng vĩ. Ý của bài thơ là: "Suối trong tuôn chảy trên hàng trăm mỏm đá như đang trò chuyện. Quay lưng lại nhìn sang ngọn núi phía trước thấy hòn Vọng Phu". Trong động có tượng Phật A - di - đà và nhiều nhũ đá ngoạn mục.

#### *Ái Chi Lăng*

Ái Chi Lăng - vùng đất địa linh nhân kiệt và rục rờ chiến công ở miền biên ải phía Bắc của Tổ quốc thuộc xã Chi Lăng, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn trên quốc lộ 1A từ Hà Nội đi Lạng Sơn. Với quy mô hoành tráng, đồ sộ, địa thế hiểm yếu, Ái Chi Lăng được coi là bức tường thành của Thăng Long xưa kia trước những cuộc viễn chinh của quân xâm lược phương Bắc. Địa thế hiểm yếu, ải Chi Lăng được coi là bức tường thành của kinh thành Thăng Long trong việc chặn đứng các cuộc viễn chinh khét tiếng từ phương Bắc tràn sang. Chi Lăng là ải có quy mô hoành tráng và đồ sộ chạy dài gần 20km, rộng 3km nối liền hai huyện Chi Lăng và Hữu Lũng của tỉnh Lạng Sơn. Ái Chi Lăng là thắng cảnh được bao bọc bởi dãy núi đá Kai Kinh ở phía tây và dãy núi Bảo Đài ở phía đông. Hai đầu ải có những ngọn núi đá độc lập, cao chót vót tạo thành thế hiểm. Lịch sử oai hùng của Chi Lăng gắn liền với những hoạt động của các nhà quân sự thiên tài như Lý Thường Kiệt, Trần Quốc Tuấn và những thủ lĩnh tài năng của xứ Lạng: Phò mã Thân Cảnh Phúc, Thế Lộc, Hoàng Đại Huệ...

Ngược dòng lịch sử xa xăm, con người còn để lại ở Chi Lăng những vết tích của nền văn hóa Bắc Sơn - Mai Pha nổi tiếng với những hang động đẹp như trong huyền thoại và những rìu đá, mảnh gốm... minh chứng cho những giai đoạn sơ sử, tiền sử của con người sinh sống ở nước ta.

Năm 1077, phụ quốc Thái úy Lý Thường Kiệt đi thân hành về Chi Lăng gặp phò mã Thân Cảnh Phúc bàn bạc việc binh. Với chiến tuyến Quyết Lý và Giáp Khẩu (Chi Lăng), Thân Cảnh Phúc và quân dân xứ Lạng đã góp sức đánh tan bọn xâm lược Tống lần thứ hai. Thế kỷ 13, cả thế giới kinh hoàng trước vó ngựa của đế quốc Nguyên Mông. Tuy nhiên, năm 1284, khi cánh quân Nguyên qua ải Chi Lăng đã bị quân ta chặn đánh kịch liệt và tướng Nguyên là Nghê Nhuận bị giết chết tại chỗ. Chính Hưng Đạo Đại vương Trần Quốc Tuấn đã thể hiện thiên tài quân sự của ông ở đây: bằng hồ bẫy ngựa, phục binh của ta từ dưới hồ dùng mã tấu phạt đứt chân ngựa, tách bọn Nguyên Mông thiện chiến ra khỏi ngựa mà tiêu diệt chúng...

Thế kỷ 15, ả Chi Lăng lại ghi vào lịch sử Việt Nam một trang chói lọi, đó là chiến thắng 1427, giết chết Nguyên soái An Viễn hầu Liễu Thăng - chủ tướng của giặc cùng 1 vạn quân Minh, góp phần quyết định kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống quân Minh, giải phóng đất nước. Thế kỷ 18, dưới thời Hoàng đế Quang Trung - một nhà quân sự thiên tài, Chi Lăng lại một lần nữa cùng quân dân cả nước đánh tan tành quân xâm lược nhà Thanh... Vào các thế kỷ 19 và 20, ả Chi Lăng lại chứng kiến những chiến công đánh Pháp, đuổi Nhật của quân dân ta.

Ải Chi Lăng đã được nhiều quan khách quốc tế, các nguyên thủ quốc gia, các tướng lĩnh, nhà sử học, khách du lịch... đến thăm với một sự trân trọng đặc biệt. Slôvácxôc - nhà dân tộc học nổi tiếng Tiệp Khắc trước đây trong chuyến đi thăm ả Chi Lăng đã từng đánh giá: "Có lẽ đây là chiến lũy hình thang độc nhất trên thế giới, nó thể hiện đầu óc thông minh và tài trí quân sự tuyệt vời của một dân tộc luôn phải chống trả với một đội quân xâm lược mạnh hơn mình gấp trăm lần trong quá trình lâu dài dựng nước và giữ nước. Thể hiện một tầm nhìn chiến lược nổi tiếng: "Lấy ít địch nhiều, lấy yếu thắng mạnh".

#### *Chợ Kỳ Lừa*

Chợ Kỳ Lừa cũng là nơi giao lưu văn hóa của các dân tộc ít người, và đã có từ hàng trăm năm nay. Chợ nằm ở trung tâm thành phố Lạng Sơn, là một trung tâm mua bán sầm uất của nhân dân trong vùng cũng như khách ngoài tỉnh và các vùng lân cận vào các ngày phiên chợ. Thanh niên các dân tộc Tày, Nùng, Dao nô nức về đây để mua sắm hàng hóa, tìm bạn gặp gỡ, trao đổi tâm tình. Chợ Kỳ Lừa nổi tiếng từ xưa đến nay, vì vậy du khách đến Lạng Sơn ai cũng rẽ vào chợ Kỳ Lừa để biết, để chiêm ngưỡng và mua vài món quà kỷ niệm cho chuyến đi.

#### *Hội chùa Tà Và*

Hàng năm nơi đây tổ chức lễ suy tôn Đức Phật, Thần Nông, Quan Công và Lưu Bị vào ngày 12 - 15/4 âm lịch tại xã Chi Lăng, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn. Dân làng đến chùa chủ yếu là làm lễ cầu mùa, cúng lễ, và tham gia một số trò chơi dân gian như chơi cờ người.

#### *Lễ hội đền Kỳ Cùng - Tả Phủ*

Lễ hội suy tôn Thân Công Tài, quan đầu phủ có công khai phá mở chợ Kỳ Lừa giao thương buôn bán với người Hoa vào ngày 22 - 27/1 âm lịch hàng năm tại thành phố Lạng Sơn. Đây là lễ hội được xem là lễ hội lớn nhất Lạng Sơn. Lễ rước kiệu ông Tuần Tranh (đền Kỳ Cùng) lên tạ nghĩa với ông Thân Công Tài (đền Tả Phủ) với cả đoàn người trang phục lộng lẫy cùng đủ loại cờ quạt, võng lọng, và có hát sli (dân tộc Nùng), hát lượn (dân tộc Tày). Lễ hội có nhiều trò vui dân gian như thi đấu cờ người, múa sư tử, thi hát sli, hát lượn (dân tộc Nùng, Tày, hát chúc thọ cha mẹ, tạ ơn trời đất. Lễ hội thu hút nhiều khách thập phương về dự.

#### *Động Nhị Thanh*

Nằm ở thành phố Lạng Sơn, gần động Tam Thanh, là một hang đá tự nhiên từ cửa trước ra cửa sau dài hơn 500m, với nhiều cảnh đẹp kỳ vĩ. Động Nhị Thanh gắn liền với danh nhân Ngô Thi Sĩ ông là người phát hiện ra động Nhị Thanh và cho tu sửa tôn tạo thành nơi du ngoạn vào tháng 5/1779. Động Nhị Thanh khá rộng, có nhiều góc ngách, nhiều nhũ đá rơi xuống muôn hình vạn dạng. Từ cửa động chính nhìn lên là ngôi chùa Tam Giác thờ cả Khổng Tử, Lão Tử, Thích Ca. Trong động có tượng truyền thần Ngô Thi Sĩ tạc vào vách đá và trên vách động còn ghi nhiều bài ký phú của ông và các danh nhân khác.

#### *Núi Mẫu Sơn*

Núi Mẫu Sơn cách thành phố Lạng Sơn 30km về phía đông, nằm ở độ cao 1.541m so với mặt biển, khí hậu trên núi ôn hòa, thích hợp cho việc nghỉ dưỡng được bao bọc bởi hàng trăm quả núi nhỏ. Khí hậu ở đây ôn hòa. Mùa đông, trên núi Mẫu Sơn luôn bị mây mù bao phủ. Về mùa hè, nắng vàng rực rỡ. Còn khi vào xuân, cả vùng Mẫu Sơn đỏ rực sắc hoa đào. Đào trái Mẫu Sơn vừa to, vừa ngọt. Mẫu Sơn có loại chè tuyết rất ngon, đượm nước. Và rượu Mẫu Sơn thơm nồng do chính người nơi đây nấu bằng men có thành phần của một số cây thảo mộc chỉ có ở Mẫu Sơn. Chỉ ở độ cao ấy, với nguồn nước chảy ra từ lòng núi Mẹ, mới có hương vị rượu ngon nồng đến thế. Đến Mẫu Sơn chẳng những để thưởng ngoạn cảnh sắc, không khí trong lành, mà còn được hòa mình vào cuộc sống con người, nền văn hóa của các dân tộc ít người nơi đây. Trước đây, Mẫu Sơn vốn là khu nghỉ mát với nhiều biệt thự khang trang chẳng thua kém mấy so với Sa Pa, Tam Đảo. Núi Mẫu Sơn được xây dựng lại thành khu nghỉ dưỡng và phát triển ngành du lịch leo núi.

### **8.2.11. Một số tuyến du lịch nội vùng tỉnh Bắc Giang**

Toàn tỉnh Bắc Giang có diện tích khoảng 3.827,8 km<sup>2</sup>, dân số toàn tỉnh là 1.560,3 nghìn người (2010), tỉnh có 1 thành phố Bắc Giang và các huyện như Sơn Động, Lục Ngạn, Lục Nam, Yên Thế, Lạng Giang, Yên Dũng, Việt Yên, Tân Yên, Hiệp Hoà. Toàn tỉnh có các dân tộc Việt (Kinh), Nùng, Sán Chay, Sán Dìu, Hoa, Tày...

Điều kiện tự nhiên : Bắc Giang là tỉnh ở miền trung du và giáp với châu thổ đồng bằng Bắc bộ. Phía bắc và đông bắc giáp tỉnh Lạng Sơn, phía tây và tây bắc giáp thành phố Hà Nội, Thái Nguyên, phía nam và đông nam giáp tỉnh Bắc Ninh, Hải Dương và Quảng Ninh. Địa hình gồm có đồng bằng, trung du, miền núi. Khí hậu một năm chia làm 2 mùa: mùa đông từ tháng 10 đến tháng 3; mùa hè từ tháng 4 đến tháng 9. Nhiệt độ trung bình năm 24°C. Hệ thống giao thông đường sắt đi từ Bắc Giang có thể về thủ đô Hà Nội, lên Lạng Sơn, sang Thái Nguyên và vùng công nghiệp mở Quảng Ninh. với đường bộ đi từ thành phố Bắc Giang cách trung tâm Hà Nội 51km, có quốc lộ 1A chạy qua và nhiều tuyến tỉnh lộ và huyện lộ. Đối với đường thủy do tỉnh Bắc Giang có nhiều sông lớn (sông Cầu, sông Thương, sông Lục Nam) chảy qua tỉnh, thuận tiện cho vận tải đường sông, góp phần tưới tiêu nước phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, du lịch.

Tiềm năng phát triển kinh tế và du lịch : Bắc Giang là một vùng có nhiều cảnh đẹp và di tích lịch sử như rừng cấm nguyên sinh Khe Rỗ, khu di tích Suối Mỡ, di tích thành Xương Giang... Nhiều hồ chứa nước lớn tạo nên phong cảnh kỳ vĩ, phát triển được tiềm năng du lịch như hồ Cẩm Sơn, Khuôn Thần. Bắc Giang là một tỉnh vừa có truyền thống lễ hội văn hoá của đất Kinh Bắc, vừa có hội xuân của các dân tộc ít người.

### **Các điểm tham quan du lịch tỉnh Bắc Giang**

#### *Đình Lỗ Hạnh*

Đình Lỗ Hạnh là một trong những ngôi đình cổ của vùng Kinh Bắc với tên gọi “Đệ nhất Kinh Bắc”, là ngôi đình chung của 5 làng: Chằm, Chúng, Khoát, Chùa và Hạnh, nên còn có tên gọi là đình Cả, xã Đông Lỗ, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang. Đình được xây dựng vào năm Sùng Khang thứ 11 (1576), thờ Cao Sơn Đại Vương và Phương Dung Tiên Chúa – 2 vị thần có công với nước, với dân thời Vua Hùng. Ban đầu, đình Lỗ Hạnh chỉ có một tòa đại đình hình chữ “nhất”. Qua nhiều lần tu sửa vào các năm 1694, 1850 và 1910, đình được xây thêm hậu cung và hai dãy tả vu, hữu vu. Nền tòa đại đình dài 23,5m, rộng 12,3m, chiều cao từ xà nóc xuống là 6,6m, từ diềm mái xuống là 2,1m; bao gồm 5 gian, 2 chái với 8 vì kèo, 4 hàng cột chính và 2 hàng cột hiên đỡ dưới các bẩy. Các vì kèo có kết cấu không giống nhau, các vì gian giữa đều theo lối “chồng rường giá chiêng”, các vì gian



bên làm theo lối “kẻ chuyền giá chiêng”. Đình Lỗ Hạnh mang giá trị văn hóa đặc sắc với nghệ thuật chạm khắc tinh xảo và độc đáo các đề tài rồng, phượng, hươu, hoa lá, cảnh sinh hoạt của con người. Hiện đình còn lưu giữ được nhiều di vật quý như: hai bức tranh sơn mài “Bát tiên” ở gian giữa trước cửa hậu cung, đôi ghế gỗ sơn son thếp vàng từ thế kỷ 17, tượng Phương Dung Tiên Chúa cùng bài vị Cao Sơn Đại Vương..., đặc biệt là bức chạm tiên gậy đàn đáy – một minh chứng cho sự ra đời và phát triển sớm của ca trù ở nước ta. Ngày 24/12/1982, đình Lỗ Hạnh đã được Bộ Văn hoá (Nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp Quốc gia.

#### *Thành cổ Xương Giang*

Thành cổ Xương Giang là tên ngôi thành cổ do quân Minh xây dựng vào thế kỷ thứ 15, nằm ở xã Xương Giang, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang. Các dấu tích còn lại cho biết thành hình chữ nhật, chiều dài theo hướng Đông - Tây đo được 600m, chiều rộng theo hướng Bắc - Nam 450m, diện tích 27ha, tường đắp đất cao dày, bốn góc có pháo đài, hào rộng bao quanh, mở 4 cửa, cửa chính trông về phía Tây. Đây là nơi diễn ra trận công thành của nghĩa quân Lam Sơn ngày 28/9/1427 và trận diệt viện oanh liệt ngày 3/11/1427 mà Lê Quý Đôn đánh giá: Từ triều Trần bắt được Tích Lệ Cơ, Ô Mã Nhi cho đến lúc ấy, nước Nam thắng giặc phương Bắc chưa có trận nào lớn như vậy (theo Đại Việt thông sử). Để kỷ niệm lịch sử chiến thắng của nghĩa quân Lam Sơn tại thành Xương Giang, hàng năm tỉnh Bắc Giang tổ chức lễ hội kéo dài trong 2 ngày mùng 6 và mùng 7 tháng giêng.

#### *Đình Thổ Hà*

Đình thờ Thành hoàng làng Thái thượng lão quân, nằm ở làng Thổ Hà, xã Vân Hà, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang. Tương truyền, Thái thượng lão quân vốn mang họ Lý tên Đàm, là người phương Bắc sống vào thời Vua An Dương Vương. Vì có công giết giặc Xích Quỷ, mở trường dạy học tại làng Thổ Hà nên các triều đại phong kiến đã sắc phong ông làm Thượng Đẳng Thần và Thành Hoàng Thái Thượng, đồng thời cho phép dân làng lập đình thờ phụng.

Đình được khởi dựng từ năm 1686, theo hình chữ Công, trên diện tích 3.000m<sup>2</sup>. Trước đình là dòng sông Cầu thơ mộng; xung quanh là những cây cổ thụ cành lá xum xuê. Sau nhiều lần tu sửa, kiến trúc hiện nay của đình gồm có nhà Tiền tế, Đại đình và Hậu cung. Nhà Tiền tế có 3 gian 2 chái, mái lợp ngói mũi hài, bờ nóc và bờ dải gắn hình hoa chanh. Bộ khung nhà được kết cấu bởi 4 hàng cột thân nhỏ. Tại gian giữa, vì nóc được làm theo kiểu giá chiêng, vì nách theo kiểu kẻ ngói dưới, kẻ có bẩy đưa ra đỡ mái hiên. Hai gian còn lại, vì nóc được làm theo kiểu chông rường. Ở hai chái, vì nách cũng được làm theo kiểu chông rường. Đại đình có chiều dài 27m, rộng 16m, gồm 5 gian 2 chái. Thành phần chịu lực chính của nhà là 48 chiếc cột, trong đó có 8 cột cái, 16 cột quân và 24 cột hiên. Liên kết ngang của ba gian giữa là các bộ vì nóc, vì nách (vì nóc làm theo kiểu giá chiêng, vì nách làm theo kiểu chông rường), hai gian còn lại là hai bộ vì lững và hai chái là bộ vì theo kiểu chông rường. Dọc theo nhà có ba hàng xà kép là xà thượng, xà trung, xà hạ. Giữa các hàng xà được bung ván gió. Mái nhà được lợp ngói mũi hài với bốn góc mái uốn cong hình đầu đao và có gắn tượng rồng, phượng, nghê... bằng sành nung. Trên bộ khung mái cũng được chạm trổ tinh vi nhiều cảnh trí sinh động. Nền nhà được lát đá xanh. Bộ cửa võng được thếp vàng và chạm trổ các hoa văn tinh xảo. Hậu cung gồm 3 gian, được làm theo kiểu “tường hồi bít đốc”, hai đầu hồi nhà có đắp hình hổ phù; bờ dải làm theo kiểu “long đình”. Đây là lối kiến trúc có niên đại muộn, phổ biến vào cuối thế kỷ 19.

Ngoài nét kiến trúc đặc sắc tiêu biểu cho nền nghệ thuật điêu khắc từ thế kỷ 16 đến thế kỷ 18, hiện đình Thổ Hà còn lưu giữ một số câu đối sơn son thiếp vàng, nhiều tấm bia, trong đó điển hình là bia “*Thủy tạo đình miếu bi*” nói về việc xây dựng đình; “*Cung sao sự tích thánh*” nói về sự tích Thái thượng lão quân và “*Bia sao sắc phong*” sao chép lại các đạo sắc phong của các triều đại phong kiến phong tặng cho Thành hoàng làng. Ngày 13/1/1964, đình Thổ Hà được Bộ Văn hoá - Thông tin nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ra quyết định công nhận là di tích kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia.

#### *Chùa Bồ Đà*

Chùa Bồ Đà là một trong những trung tâm Phật giáo của phái Trúc Lâm Tam Tổ, nằm ở phía bắc chân núi Phượng Hoàng thuộc thôn Thượng Lát, xã Tiên Sơn, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang. Chùa có từ thời nhà Lý - thế kỷ 11 và được xây lại vào đầu thế kỷ 18, chùa Bồ Đà là một tập hợp di tích gồm chùa chính (Tứ Ân Tự) cùng hai đền thờ Đức Thánh Hóa và Thạch Tướng Đại Vương. Chùa Bồ Đà rất đẹp và u tịch, xung quanh là tường đất bao phủ, phía xa có núi sông bao bọc. Nhiều người vẫn gọi Bồ Đà là chùa đất bởi không gian trong chùa man mác một màu nâu của đất, từ bể nước, tường, gạch cũ rêu phong... Về đây, du khách sẽ được chiêm ngưỡng tượng thờ Trúc Lâm Tam Tổ (gồm Trần Nhân Tông, Pháp Loa và Huyền Quang). Đặc biệt trong chùa còn lưu giữ bộ kinh Phật cổ nhất Việt Nam được khắc trên gỗ thị.

Bộ kinh được hình thành xuất phát từ ý tưởng của các vị tổ sư, cũng là những người xây dựng ra ngôi chùa muốn có một bộ kinh để truyền dạy đạo Phật, đồng thời là một di vật Phật học đặc biệt để lại cho đời sau. Bộ kinh mang những tư tưởng của hai dòng Phật giáo lớn nhất Châu Á xưa là Ấn Độ và Trung Hoa. Bộ kinh được xếp trên 8 giá, mỗi giá có 4 tập sách kinh gồm 240 tấm ván gỗ hợp thành, tất cả có khoảng gần 2.000 tấm. Mỗi tấm gỗ dùng để khắc kinh dài trung bình 50cm, rộng 25cm và dày khoảng 2,5cm. Nếu muốn xem đồng loạt toàn bộ kho kinh cổ ở đây thì phải có khoảng đất rộng 250m<sup>2</sup> để rải các tấm ván kinh ra. Bộ kinh được khắc trên gỗ thị, một loại cây gỗ mọc phổ biến ở vùng rừng núi này. Gỗ thị không những bền mà còn rất nhẹ, đây cũng là một đặc điểm thuận lợi để khắc cũng như vận chuyển kinh. Trải qua gần 300 năm, bộ kinh hiện nay vẫn còn khá nguyên vẹn. Đặc biệt là những tấm gỗ thị dùng để khắc kinh đều rất bền, đẹp, không bị mối mọt, dù không dùng một loại thuốc bảo quản nào. Kinh được khắc nổi bằng chữ Hán, nét chữ tinh xảo, đều đặn vẫn còn rất sắc, rõ nét.

Đặc biệt, bộ kinh gỗ này có nói đến những đặc trưng của Phật giáo Trung Hoa khi được truyền vào Việt Nam với 3 tông phái (Thiền tông, Tịnh độ tông và Mật tông). Trọng tâm của bộ kinh nói đến nỗi khổ của con người và sự giải thoát. Trong đó tiêu biểu nhất là Tứ Diệu Đế - 4 chân lý kỳ diệu của đạo Phật - gồm: Khổ Đế, Nhân Đế, Diệt Đế và Đạo Đế. Bộ kinh còn nói đến cõi niết bàn, những vòng luân hồi chuyển kiếp của một đời người, giải thích thế nào là sự tu nhân tích đức, cõi vô vi... Bộ kinh cũng thể hiện những tư tưởng của Phật giáo Việt Nam, đặc biệt là sự ảnh hưởng của dòng Phật giáo thiền phái Trúc Lâm Tam Tổ. Sự độc đáo của bộ kinh đặc biệt này đã thu hút hàng nghìn khách thập phương về đây tham quan, tế lễ mỗi năm.

#### *Chùa Vĩnh Nghiêm*

Chùa Vĩnh Nghiêm được xây dựng vào thời Vua Lý Thái Tổ (1009 – 1028) với tên gọi là Chúc Thánh. Đến thời Vua Trần Nhân Tông (1278 – 1293), chùa được mở mang, trùng tu lại và đổi tên thành Vĩnh Nghiêm. Cuối thế kỷ 19, chùa thuộc địa phận thôn Đức La nên nhân dân trong vùng còn gọi là chùa La hay chùa Đức La. Chùa được xây dựng tại thôn

Đức La, xã Trí Yên, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, cách thành phố Bắc Giang 18km về phía đông nam. Chùa là nơi lưu giữ kho mộc bản gốc và duy nhất của Thiên phái Trúc Lâm. Chùa từng là nơi thuyết pháp của Trúc Lâm Tam Tổ (Trần Nhân Tông, Pháp Loa, Huyền Quang) và là nơi đào tạo, định chức danh cho các tăng sĩ thời Trần. Nơi đây được coi là chốn tổ của thiên phái Trúc Lâm, có vị trí đặc biệt trong lịch sử Phật giáo thời Trần nói riêng và Phật giáo Việt Nam nói chung.

Nằm trên một quả đồi thấp, sau lưng là dãy núi Cô Tiên, mặt hướng ra nơi tụ hội của sông Thương và sông Lục Nam, chùa Vĩnh Nghiêm có tổng diện tích khoảng 10.000m<sup>2</sup> với lối kiến trúc đăng đối, cân xứng, hài hòa, bao gồm 5 tổ hợp chính là: Tam quan, Tam bảo, Nhà Tổ đệ nhất, gác chuông và Nhà Tổ đệ nhị.

*Tam quan* chùa được xây bằng gạch, khung cột gỗ, có kiến trúc 1 gian 2 chái với mái chông diêm 2 tầng. Qua Tam quan, theo con đường lát gạch dài hơn 100m, du khách sẽ đến sân trước cửa tòa Tiền đường. Bên trái sân là một tấm bia đá xanh lục giác, đặt trên bệ sen, khắc chữ Hán ghi lại công đức tu sửa chùa vào năm Hoàng Định thứ 6 (1606). Bên phải sân là khu vườn tháp với 8 ngọn bảo tháp cổ kính, đặt xá lị của các vị sư tổ trụ trì chùa.

*Tam bảo* - khối kiến trúc chính thứ 2 của chùa - được thiết kế theo kiểu chữ công (工), bao gồm: Bái đường (chùa Hộ), tòa Thiêu hương và Thượng điện. Bái đường được thiết kế theo lối tàu bẩy, đao lá, mái 4 đao, 8 vì kèo kiểu chông rường, thượng tam hạ tứ. Bên ngoài Bái đường đắp nổi hình cuốn thư được bao quanh bởi những đường viền hồi văn và hoa lá. Tòa Thiêu hương có kiến trúc theo kiểu 3 vì kèo, trang trí lộng lẫy bởi 3 lớp cửa võng cùng các bức hoành phi, câu đối thếp vàng. Các tượng Phật trong tòa Thiêu hương được bài trí trang nghiêm, cao dần từ ngoài vào trong. Đi hết Thiêu hương là đến Thượng điện gồm 3 gian 2 dĩ, có 4 mái đao cong với bờ nóc, bờ chày gắn gạch hoa chanh hộp rồng.

Qua Tam bảo, du khách sẽ đến *Nhà Tổ đệ nhất* với lối kiến trúc cũng theo kiểu chữ công nhưng thấp và nhỏ hơn tòa Tam bảo, với 3 nếp nhà: Đại bái, ống muống và Hậu cung. Bên trong Hậu cung đặt tượng thờ ba vị Tổ khai sáng ra thiên phái Trúc Lâm (ở giữa là Trần Nhân Tông, bên phải là thiền sư Pháp Loa Đổng Kiên Cương (1284 – 1330) và bên trái là thiền sư Huyền Quang Lý Đạo Tái (1254 – 1334)). Tại đây còn có một tấm bia lớn nói về việc trùng tu, tôn tạo chùa Vĩnh Nghiêm do Hòa thượng Thích Thanh Hanh (1840 – 1936) soạn năm Bảo Đại thứ 7 (1932).

Khối kiến trúc chính thứ tư là *gác chuông* cao 2 tầng mái, tầng dưới dùng làm nơi tiếp khách, tầng trên treo một quả chuông đồng lớn đúc năm Minh Mạng thứ 11 (1830). Bộ khung tầng trên thiết kế theo kiểu vì giá chiêng với 4 mái đao cong. Hàng bẩy tiền và hậu được chạm khắc đơn giản, chủ yếu là hình lá cuốn. Gác chuông là chốn nghỉ ngơi thanh tịnh cho các tín đồ Phật tử cũng như du khách hành hương.

Khối kiến trúc cuối cùng là *Nhà Tổ đệ nhị* với kết cấu kiểu chữ đinh (丁), gồm 14 gian với 72 cột gỗ các loại. Nhà Tổ dài 27,8m, rộng 14m, có kết cấu khung gỗ kiểu vì kèo tam giác, thờ các vị sư Tổ trụ trì chùa và những người đã có công gìn giữ, tu bổ chùa. Với công trình kiến trúc đồ sộ, chùa Vĩnh Nghiêm còn được biết đến bởi các giá trị điêu khắc tinh tế, điêu luyện thể hiện qua hệ thống tượng Phật sắp xếp bài bản ở 3 khối nhà chính: Tam bảo, Nhà Tổ đệ nhất và Nhà Tổ đệ nhị. Ngoài ra, chùa còn có nhiều bức hoành phi - câu đối; hệ thống văn bia với 8 tấm ghi lại toàn bộ tiến trình lịch sử và phát triển của Trung tâm Phật giáo Vĩnh Nghiêm...

Đặc biệt, chùa Vĩnh Nghiêm là nơi lưu giữ kho mộc bản với 3.050 bản ván khắc, trong đó hầu hết là kinh, sách, luật giới nhà Phật, trước tác của Tam thế tổ và một số vị cao tăng dòng thiền Trúc Lâm Yên Tử (thơ, phú, nhật ký...). Bộ mộc bản được khắc bằng chữ Hán và chữ Nôm không chỉ là tác phẩm thư pháp nghệ thuật tuyệt mỹ mà còn hàm chứa những giá trị tư tưởng, giáo lý sâu sắc của Phật phái Trúc Lâm, đồng thời đánh dấu quá trình phát triển của hệ thống văn tự Nôm qua các thời đại. Ngày 16/5/2012, mộc bản chùa Vĩnh Nghiêm đã được UNESCO công nhận là di sản tư liệu thế giới thuộc chương trình Ký ức thế giới khu vực châu Á – Thái Bình Dương.

#### *Cây Dã hương*

Cây dã hương thuộc địa phận thôn Giữa, xã Tiên Lục, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Cây dã hương được công nhận là di tích cấp quốc gia vào năm 1989 và là biểu tượng thiêng của trời đất, của nước non. Cho đến nay chưa thấy tài liệu nào xác định chính xác cây dã hương đại thụ này có từ bao giờ. Tuy nhiên, theo thần phả của làng thì cây dã hương đã nhận được sắc phong của vua ban tặng: “quốc chúa đô mộc dã đại vương” (cây dã lớn nhất nước Nam) vào đời vua Lê Cảnh Hưng. Cây cũng được ghi tên, in ảnh trong Từ điển Bách khoa Larousse của Pháp và giới thiệu ảnh tại Hội chợ Marseille năm 1932... Cây dã hương đại thụ có gốc và thân xù xì, tán vươn rộng bóng, uy nghi đứng trên bãi đất khá rộng, ngay sau đình Viễn Sơn cổ kính. Cây cao khoảng 30 mét. Thân cây có chu vi chỗ nhỏ nhất là 8,4 mét, chỗ lớn nhất là 17,4 mét, phải 8 người ôm mới kín. Trải qua một lần bị cháy trong ruột hồi đầu thập niên 80 của thế kỷ trước, giờ thân cây bị rỗng, 10 người đứng trong thân cây vẫn vừa. Cũng theo lời người quản lý, hiện phần đất bồi tôn cao giữ an toàn cho cây phủ mất gốc cũ có chu vi khoảng 30 mét. Cây dã hương luôn là niềm tự hào của người dân Tiên Lục. Ngàn năm đã qua, cây dã hương đã chứng kiến biết bao biến cố ở làng: lễ hội, đình đám; bao thế hệ người dân sinh ra... Dưới tán cây sum suê, đây thường là nơi dừng chân, nghỉ mát, trò chuyện của dân làng. Vào những đêm trăng thanh, lại là nơi hò hẹn của biết bao đôi lứa. Dấu ấn của bao thế hệ người dân thôn Giữa luôn gắn bó với gốc dã hương này. Theo các cụ có tuổi trong làng thì cây dã hương còn là biểu tượng thiêng của trời đất, của nước non. Cây dã hương ngang đứng đó, vượt qua những khắc nghiệt của thời tiết, chứng kiến bao thăng trầm của đất nước. Trong cuốn sách ghi chép của làng, kể từ năm 1945 đến nay, các cành dã to nếu tự nhiên bị gãy là điềm báo liên quan đến các sự kiện lớn của đất nước. Chính vì lẽ đó mà trong tâm thức của người dân địa phương, cây dã luôn là một báu vật thiêng liêng, không thể tách rời xóm làng và quê hương.

Nằm trong cụm di tích chùa Quang Phúc, đền Tiên Lạc, đình Thuận Hòa, đình Viễn Sơn, cây dã hương ngàn năm tuổi đã được công nhận là di tích cấp quốc gia vào năm 1989, hiện đang là một điểm du lịch hấp dẫn du khách khi có dịp đến Bắc Giang. Vẻ đẹp của điểm di tích này được tôn thêm bởi ngôi đình Viễn Sơn cổ kính hơn 300 năm tuổi (1705), trầm mặc nép dưới tán cây dã đại thụ, thờ sáu vị Thành Hoàng làng. Hội đình Viễn Sơn diễn ra trong hai ngày 19 và 20/3 âm lịch hàng năm thu hút rất đông khách thập phương đến dự lễ hội, cũng là dịp chiêm ngưỡng cây dã hương lớn thứ hai trên thế giới (sau cây dã ở Ấn Độ).

#### *Rừng nguyên sinh Khe Rồ*

Khe Rồ là khu rừng nguyên sinh tiêu biểu của vùng Đông Bắc Việt Nam với nhiều loài động, thực vật phong phú, đa dạng, nằm ở xã An Lạc, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang. Từ thành phố Bắc Giang, theo quốc lộ 31 khoảng 80km, đến thị trấn An Châu của huyện Sơn Động rồi đi theo con đường rừng khoảng 20km, du khách sẽ đến khu rừng nguyên sinh Khe Rồ. Do ở địa hình núi cao nên vùng rừng Khe Rồ có khí hậu trong lành, mát mẻ. Vào

mùa hè, nhiệt độ trung bình chỉ khoảng 24 - 28<sup>0</sup>C; đến mùa đông, khu rừng lại như khoác trên mình chiếc áo ấm áp từ sự đan xen của những tán cây rừng rậm rạp.

Với diện tích 7.153ha trong đó có 5.092ha là rừng tự nhiên, rừng nguyên sinh Khe Rỗ có thảm động thực vật phong phú, đa dạng với 236 loài thực vật và cây lấy gỗ; 255 loài dược liệu quý; 73 loài chim; 18 loài bò sát; 37 loài thú, trong đó có 7 loài thuộc loại động vật quý hiếm có tên trong Sách Đỏ Việt Nam, đặc biệt có loài lừng chó mà trên thế giới hiện đã gần như bị tuyệt chủng...

Đến rừng nguyên sinh Khe Rỗ, du khách sẽ được chiêm ngưỡng phong cảnh thiên nhiên hùng vĩ với những dãy núi trùng điệp nối tiếp nhau. Trong khe núi có nhiều mạch nước ngầm tuôn chảy tạo thành những dòng suối, trong đó có 2 con suối lớn là suối nước Vàng và Khe Đin. Sở dĩ gọi là suối nước Vàng vì nước ở con suối này vàng quanh năm như mật ong; trong khi đó, suối Khe Đin lại chảy dài tạo thành những đoạn thác cao. Nơi thác nước đổ xuống tạo thành những hồ nước trong vắt nhìn thấu đáy, thích hợp cho bơi lội hay tắm mát. Qua một vài con suối nhỏ, men theo sườn núi đi sâu vào trong rừng, du khách sẽ ngỡ ngàng trước một bức tranh thiên nhiên muôn màu sắc được tạo nên bởi những cánh rừng già rậm rạp, um tùm.

Khu vực rừng nguyên sinh Khe Rỗ là nơi sinh sống của nhiều cộng đồng dân tộc như: Tày, Dao, Hoa, Kinh... Mỗi dân tộc có những phong tục tập quán độc đáo tạo nên nét văn hóa riêng biệt. Đến đây, ngoài dịp khám phá bản sắc văn hóa các dân tộc, du khách còn có cơ hội thưởng thức những đặc sản địa phương, đặc biệt là món cá trôi mắt đỏ và ốc hương suối. Người dân nơi đây gọi những đặc sản này là “hải sản của rừng”. Rừng nguyên sinh Khe Rỗ có đầy đủ các yếu tố thuận lợi để phát triển các loại hình du lịch như: du lịch sinh thái, du lịch mạo hiểm, du lịch nghiên cứu, du lịch nghỉ dưỡng... Nơi đây cũng chính là một trong những điểm nhấn của du lịch Bắc Giang, thu hút rất đông khách du lịch tới tham quan, tìm hiểu

#### *Khu du lịch Suối Mỡ*

Khu du lịch Suối Mỡ thuộc địa phận xã Nghĩa Phương, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang, cách thành phố Bắc Giang 30km theo quốc lộ 31 và đường tỉnh lộ 293 về phía đông bắc. Đến khu du lịch Suối Mỡ, du khách sẽ cảm nhận được sự linh thiêng, huyền bí của những ngôi đền pha lẫn trong cảnh sắc hữu tình, không khí trong lành, mát mẻ. Suối Mỡ từ lâu đã trở thành một trong những điểm du lịch hấp dẫn du khách. Đến đây, du khách không chỉ được ngắm nhìn những con suối chảy róc rách mà còn được khám phá khung cảnh thiên nhiên kỳ thú được bao bọc bởi những dãy núi trải dài trùng điệp. Men theo con đường uốn lượn dẫn vào suối, du khách có thể chiêm ngưỡng cả một dãy núi non hùng vĩ với những loại cây như tùng, bách, thông được trồng xen kẽ nhau. Đường đến suối Mỡ được lát bê tông phẳng phiu tạo thành những bậc thang rất dễ đi. Song song với con đường này, một lối đi khác được tạo ra bởi nhiều vách đá rất thích hợp với những du khách ưa mạo hiểm. Trên sườn núi, những mái nhà lá được xây dựng rất đơn sơ nhưng là điểm dừng chân thú vị. Tại đây, du khách sẽ được uống những ngụm nước vối thơm mát, được thưởng thức những loại hoa quả đặc sản nơi đây như mít, vải, dưa hấu..., và đặc biệt là được ngắm nhìn vạn vật từ trên cao, bao quát toàn bộ núi rừng của suối Mỡ. Vượt qua hết những dãy núi, tiếp bước du khách sẽ là những con suối rất trong và mát càng khiến du khách quên đi cái nắng nóng gay gắt của những ngày hè oi ả. Suối có khúc như dải lụa trắng trải trên đá, khúc thì như đàn trâu nước đen bóng ngủ vùi tắm tấp... Rồi bất chợt vách đá dựng đứng cho thác xối ào phả ra màn hơi nước lấp lánh bảy sắc cầu vồng. Lên cao, lên cao nữa, du khách sẽ gặp ngọn

"Thác Chúa", còn gọi là thác "Thùm Thùm" bởi tiếng nước đổ từ độ cao trăm mét xuống, hùng vĩ đến choáng ngợp, như tiếng sấm rền, tiếng trống trận vạn năm không dứt vang vọng thung lũng. Ngoài việc thưởng ngoạn phong cảnh do thiên nhiên ban tặng, đến tham quan khu du lịch suối Mỡ, du khách còn như lạc vào cõi bồng lai tiên cảnh với những ngôi đền, chùa nằm tĩnh tại trên mỏm núi. Đền Suối Mỡ bao gồm đền Hạ, Trung, Thượng, nằm dọc theo dòng suối Mỡ đều thờ Thánh mẫu Thượng ngàn – công chúa Quế Mị Nương, con gái vua Hùng Vương thứ 16.

Ngoài đền Suối Mỡ, tại đây còn có đền thờ Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn (người đã có công lãnh đạo quân dân ta chặn đứng mũi tiến quân của giặc Nguyên Mông từ Ai Chi Lăng kéo về), chùa Hòn Trứng, chùa Hồ Bắc, đình Xoan... Ngay bây giờ, bạn hãy đến với khu du lịch Suối Mỡ để được đắm mình trong cảnh sắc hùng vĩ thiên nhiên và khói hương miếu thiêng huyền ảo, để thấy mình như trút nhẹ bụi trần, thanh thản...

### **Tuyên 3: tuyến du lịch Hà Nội – Tuyên Quang – Hà Giang**

#### **8.2.12. Một số tuyến du lịch nội vùng tỉnh Tuyên Quang**

Toàn tỉnh Tuyên Quang có diện tích khoảng 5.870,4 km<sup>2</sup>, dân số toàn tỉnh là 728,9 nghìn người (2010), tỉnh có 1 thành phố Tuyên Quang và các huyện như Nà Hang, Chiêm Hoá, Hàm Yên, Yên Sơn, Sơn Dương, Lâm Bình. Những dân tộc có đông cư dân ở Lạng Sơn như Việt (Kinh), Tày, Dao, Sán Chay...

Điều kiện tự nhiên: Tuyên Quang là một tỉnh ở vùng cao phía Bắc với nhiều ngọn núi cao hơn 2.000m. Rừng ở Tuyên Quang rộng lớn và chủ yếu là rừng nguyên sinh có rất nhiều cây gỗ và hơn 1.000 loại thuốc quý. Tỉnh có hai con sông lớn chảy qua là sông Lô và sông Gâm.

Khí hậu nhiệt đới, chịu ảnh hưởng của khí hậu lục địa Bắc Á trung hoà. Có 2 mùa là mùa mưa và mùa khô. Mùa hè nóng ẩm, mưa nhiều. Nhiệt độ trung bình năm là 22°C - 24°C. Hệ thống giao thông toàn tỉnh có đường bộ, đường thuỷ thuận lợi. Thành phố Tuyên Quang nằm bên bờ phải con sông Lô cách Hà Nội 165km. Tỉnh nằm trên tuyến đường quốc lộ 2: Hà Nội - Việt Trì - Tuyên Quang - Hà Giang.

Tiềm năng phát triển du lịch: Tuyên Quang có hơn 300 di tích lịch sử văn hoá, di tích cách mạng. Trong đó nổi tiếng là di tích Tân Trào - thủ đô kháng chiến thuộc huyện Sơn Dương. Đây là nơi ở và làm việc của các vị lãnh đạo, cơ quan Trung ương Đảng và Chính phủ Việt Nam trong những năm kháng chiến chống Pháp. Tỉnh còn có khu rừng nguyên sinh Nà Hang, thác Mơ, suối khoáng Mỹ Lâm.

#### **Một số điểm tham quan du lịch tại tỉnh Tuyên Quang**

##### *Khu di tích lịch sử Tân Trào*

Tân Trào là căn cứ địa của cách mạng Việt Nam trước cách mạng tháng Tám. Tân Trào thuộc huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang, cách thành phố Tuyên Quang khoảng 41km về phía tây bắc, và cách Hà Nội 200km. Tân Trào là một thung lũng nhỏ, thủ đô lâm thời của khu giải phóng, nơi Đảng cộng sản Việt Nam tiến hành hội nghị toàn quốc của Đảng (13/8/1945) quyết định tổng khởi nghĩa. Đại hội quốc dân họp ngày (16/8/1945) thông qua 10 chính sách lớn của Việt Minh, bầu ra Chính phủ lâm thời do Bác Hồ làm Chủ tịch và nơi quân giải phóng Việt Nam làm lễ ra quân. Những di tích chính ở Tân Trào:

- + Đình Tân Trào: nơi họp đại hội quốc dân ngày 16/8/1945.
- + Đình Hồng Thái: nơi đón tiếp các đại biểu về dự đại hội.
- + Cây đa Tân Trào: cách đình Tân Trào khoảng 100m về phía bắc.
- + Lán của Chủ tịch Hồ Chí Minh ở Nà Lừa. Lán do đơn vị giải phóng quân dựng để

Người ở và làm việc từ tháng 6/1945 đến cuối tháng 8/1945, Người về Hà Nội.

### *Lễ hội đền Hạ*

Lễ hội đền Hạ hàng năm tổ chức vào ngày 11-12/2 âm lịch, tọa lạc tại phường Tân Quang, thị xã Tuyên Quang. Đối tượng được người dân nơi đây suy tôn và thờ chính là thờ Mẫu thần (công chúa Ngọc Lan và Phương Dung). Trong thời gian diễn ra lễ hội có một số lễ hội như tước mẫu, tế lễ, cờ tướng, hát trầu vắn.

### *Khu du lịch sinh thái Nà Hang*

Khu du lịch sinh thái Nà Hang cách trung tâm thị xã Tuyên Quang 105km về phía bắc, là một điểm đến lý tưởng cho những du khách ưa mạo hiểm, thích khám phá những hang động kỳ thú, những khu rừng nguyên sinh. Toàn bộ diện tích 15.000ha trong đó diện tích mặt nước là 8.000ha tại 12 xã thị trấn và vùng lòng hồ thủy điện Tuyên Quang, Nà Hang nơi có những cánh rừng nguyên sinh, dòng sông con suối và những thác nước tuyệt đẹp mà thiên nhiên ưu ái ban tặng cho nơi đây. Dòng sông Gâm, sông Năng, những đỉnh núi cao Khuổi Tong, Loong Noong, Bản Luốc, Pịa, Pắc Tạ... đã từng đi vào thơ, vào nhạc, gắn với các câu chuyện huyền thoại đậm tính nhân văn. Khu bảo tồn đặc dụng Tác Kê - Bản Bung, rộng gần 42km<sup>2</sup>, ôm gọn trong lòng cả 5 xã: Côn Lôn, Khau Tinh, Sơn Phú, Vĩnh Yên, Thanh Tương, với hàng nghìn loài thực vật, động vật quý hiếm. Đặc biệt là loài voọc mũi hếch được ghi trong sách đỏ thế giới. Ngoài ra, Nà Hang còn rất phong phú bởi nét văn hóa dân tộc, các bản làng với những nếp nhà sàn bằng gỗ, mái lợp lá cọ, đồng bào dân tộc còn lưu giữ được các lễ hội mang đậm bản sắc như: lễ hội Lòng Tồng, mừng lúa mới, lễ cấp sắc. Vào mùa xuân không gian tràn ngập màu sắc của thổ cẩm và tiếng khèn Mèo, tiếng đàn tính.

### *Suối khoáng Mỹ Lâm*

Suối khoáng Mỹ Lâm cách trung tâm thành phố Tuyên Quang khoảng 13km về phía đông nam thuộc huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Nơi đây có nguồn nước khoáng ngầm rất hữu hiệu cho việc chữa bệnh, có cả dịch vụ tắm nước khoáng và tắm bùn rất được du khách ưa thích.

Từ thành phố Tuyên Quang 13km về phía đông nam, con đường quanh co uốn lượn bên sườn núi dẫn vào khu nghỉ dưỡng suối khoáng Mỹ Lâm thật bình yên, thơ mộng. Du khách có dịp đến Tuyên Quang đều mong muốn được một lần đến suối khoáng Mỹ Lâm để đắm mình trong làn nước trong trẻo, ấm áp mà thiên nhiên ban tặng, có nguồn nước khoáng sunfua ngầm trong lòng đất, được phát hiện từ thập niên 60. Năm 1965, khu nghỉ dưỡng suối khoáng Mỹ Lâm được xây dựng trên ngọn đồi thoải thoải nơi có dòng suối Mỹ Lâm chảy qua thật hữu hiệu cho việc chữa bệnh.

Hiện nay, khu nghỉ dưỡng suối khoáng Mỹ Lâm mở rộng phục vụ du khách tắm nước khoáng và tắm bùn; du khách sẽ cảm nhận được rằng thiên nhiên thật ưu ái con người khi ngâm mình trong bồn tắm ngập tràn nước khoáng ấm áp và được ngắm nhìn những khóm hoa rực rỡ đang khoe hương sắc trong ánh ban mai. Nước tắm luôn điều hòa và giữ ấm ở nhiệt độ 40 - 42°C luôn mang đến cho cơ thể du khách cảm giác khoan khoái, dễ chịu. Tắm và ngâm bùn khoáng sunfua đã chữa khỏi bệnh đau khớp, đau dây thần kinh, mang lại niềm vui và sức khỏe cho biết bao người bệnh. Du khách trong và ngoài nước đến suối khoáng Mỹ Lâm không những cảm thấy sảng khoái, thư giãn sau những ngày làm việc căng thẳng khi được tắm, ngâm nước khoáng nóng, bùn khoáng mà còn thích thú với phong cảnh thiên nhiên yên ả và những con người hiền hậu, mến khách nơi đây. Du khách cũng đặc biệt thích thú khi thưởng thức hương vị ngọt ngào, thơm dịu của lúa nếp nướng cùng vị đậm đà của

vùng đen trong những ống cơm lam. Vài năm trở lại đây, suối khoáng Mỹ Lâm đang ngày càng trở nên hấp dẫn đối với du khách.

### *Thác Mơ*

Thác Mơ là thác nước hùng vĩ phối hợp với khung cảnh núi rừng trùng điệp đang chờ đón những du khách ưa phiêu lưu, mạo hiểm thuộc thị trấn Nà Hang, huyện Nà Hang, tỉnh Tuyên Quang, nằm giữa khu bảo tồn thiên nhiên Nà Hang, cách thị xã Tuyên Quang khoảng 100km. Đường vào thác Mơ tương đối thuận tiện. Từ xa đã nghe thấy tiếng nước đổ ào ào. Càng đến gần thác, khí hậu càng lạnh. Tới thác, du khách dường như đang bước vào chốn bồng lai tiên cảnh. Thác ẩn dưới chân ngọn núi mà dưới đó là một hồ nước trong veo. Du khách sẽ lên một con xuống nhỏ để tới thác. Ngồi trên xuống, du khách được dịp thư giãn, thoả sức ngắm nhìn bức tranh thiên nhiên "núi ôm mây, mây áp núi". Một khối nước bạc khổng lồ sẽ hiện ra trước mắt du khách. Thác gồm có 3 tầng, muốn lên tầng thác thứ 2, du khách phải leo khoảng hơn 10m thang dây. Tại chân tầng thác thứ 2 có một hồ nước nhỏ, trong vắt. Lên tầng này, du khách được đắm mình trong khung cảnh kỳ vĩ với những hang động nhũ đá lung linh huyền ảo. Tại tầng thác này nước chảy êm ả hơn, luôn qua những kẽ đá, trên những khối đá to rêu phủ xanh rì trông như những tấm thảm nhung. Bám tiếp thang dây, du khách sẽ tới đỉnh tầng thứ 3 của thác. Nước từ trên cao đổ xuống ào ào như một màng nước khổng lồ. Hơi nước toát ra lạnh lạnh đã xua tan mệt mỏi, tạo cho du khách niềm cảm hứng mới khi đứng trên đỉnh ngọn thác hùng vĩ này để chiêm ngưỡng toàn cảnh thị trấn Nà Hang với 99 ngọn núi trùng điệp bao quanh. Nếu thích, xin mời du khách tiếp tục tản bộ vào khu rừng nguyên sinh để khám phá những điều kỳ diệu ở nơi đây. Tiếng thác nước ào ào, tiếng chim kêu vượn hú, ánh nắng bàng bạc xuyên qua tán lá rừng rậm rạp khiến cho du khách như được sống lại thời tiền sử.

### *Thác Pác Ban*

Thác Pác Ban nằm giữa Khu Bảo tồn thiên nhiên Nà Hang, thuộc địa phận thôn Nà Pài, xã Vĩnh Yên, huyện Nà Hang, tỉnh Tuyên Quang, cách thị trấn Nà Hang 4km. Thác Pác Ban hấp dẫn du khách bởi vẻ đẹp tự nhiên hoang sơ kỳ vĩ tựa như một dải mây trắng giữa rừng đại ngàn. Thác đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng là thắng cảnh quốc gia năm 2006.

Du khách từ Hà Nội đi xe Tuyên Quang - Nà Hang theo quốc lộ 2 khoảng hơn 160km là đến với thác Pác Ban. Trước đây, nếu muốn vào thác, bạn phải đi vòng phía tả ngạn sông Gâm chừng 4km, sau đó, đi thuyền trên hồ nước trong xanh, ngắm cảnh non nước hữu tình và rừng nguyên sinh với hệ động thực vật phong phú xung quanh. Hoặc cũng có thể men theo con đường nhỏ quanh cơ dưới chân núi qua những cây cầu tre xinh xắn để đến thăm thác... Còn bây giờ, khi đập thủy điện Tuyên Quang đã được xây dựng xong, nước tích thành hồ rộng mênh mông và con đường vào thác thuận lợi nhất là đi thuyền thẳng từ đập thủy điện vào tới tầng thác thứ hai. Đến với thác Pác Ban, du khách có thể đắm mình trong khung cảnh thiên nhiên trong trẻo, lắng nghe tiếng thác đổ và tiếng hót của chim rừng, mơ màng nghe kể về huyền thoại của thác. Tương truyền rằng, làng Pác Ban xưa có bà then rất giỏi, đã ba lần bà chữa khỏi bệnh cho thường luồng - con trai vua Thủy Tề. Để trả công cho bà, vua Thủy Tề đã tặng 3 túi đựng vàng, bạc, ngọc trai, đồng thời cho đắp một cái phai và đào một cái ao ở khu vực này. Phai đó nay gọi là phai Hin, hay còn gọi là Đập Đá; còn chiếc ao ở phía trong lòng hồ gọi là Thôn Phạ - nghĩa là "ao Trời". Trong lần đào ao, con gái vua Thủy Tề đã theo đàn thường luồng lên trần gian. Nàng gặp một chàng trai nghèo nhưng khoẻ mạnh, đẹp trai, sống bằng nghề đốn củi. Hai người đem lòng yêu mến nhau và



cùng sống ở gần ao. Vào năm trời hạn hán, dân làng Pác Ban lấy một quả bí đỏ và cắm một con dao cùn vào, bỏ xuống vũng nước giả làm quân thường luồng cô đỏ đánh nhau với thường cô trắng để cầu mưa. Mưa lớn như trút, kéo xác thường luồng cô đỏ và con gái vua Thủy Tề biến mất. Chàng trai đốn củi mất vợ than khóc đêm ngày. Tình yêu thương mãnh liệt của chàng trai trẻ khiến nước mắt chàng chảy thành thác Pác Ban. Thác Pác Ban còn có tên gọi khác là thác Tát Tóc (tiếng Tày có nghĩa là thác Roi) nằm ở độ cao khoảng 700m so với mực nước biển, phân cấp thành chín tầng (năm tầng thác lớn, bốn tầng thác nhỏ). Thác Pác Ban bắt nguồn từ Bó Nặm (mỏ nước), dồn từ nhiều khe nhỏ chảy ngầm qua 3 hang Nặm Pan, Nặm Chang rồi đến Bản Chủ và bất ngờ lộ ra thành dòng nước lớn. Vào mùa mưa, nước từ đỉnh thác chảy xối xả thành dòng trắng xoá. Mùa khô, thác trở nên hiền dịu với nhiều tầng nước chảy mềm mại trên những phiến đá xanh rêu phủ mượt như những tấm thảm. Khi có những tia nắng xuyên qua tán lá rừng chiếu xuống, dòng nước trở nên lung linh huyền ảo. Tầng thác thứ nhất, thứ hai có độ cao khoảng từ 10 đến 15m, chiều rộng khoảng 20m. Đây là hai tầng thác có dòng chảy lớn, tạo nên vẻ đẹp hùng vĩ. Tầng thác thứ ba, thứ tư có độ cao khoảng từ 10 đến 12m, chiều rộng khoảng 15m. Hai bên thác, trên các phiến đá là những khóm cỏ xanh, những cây phay, cây ôzô cổ thụ ngả bóng tạo nên một màu êm dịu khiến du khách có thể cảm nhận, hoà mình vào khung cảnh thiên nhiên mơ mộng. Đến tầng thác thứ năm, địa hình đột ngột phân cấp, dòng thác chia thành hai nhánh chảy xuống một trũng nước sâu khoảng 3m, rộng 20m có chiều dài từ 10 đến 15m. Bên trong là một hang động rộng khoảng 4m, sâu 6m có nhiều nhũ đá tuyệt đẹp. Tầng thác thứ sáu, thứ bảy thấp và hẹp hơn các tầng khác một chút. Tầng thác này được chia thành hai dòng chảy, một dòng chảy nối tiếp với các tầng thác phía dưới và một dòng chảy qua cánh rừng nguyên sinh. Nếu có thời gian du khách còn có thể thăm quan khu bảo tồn thiên nhiên Nà hang có độ che phủ của rừng trên 83%, với thảm thực vật phong phú, hơn 100 loài, trên 300 loài động vật quý. Khi chiều xuống, bạn có thể ghé thăm các bản người Tày, người Dao với những ngôi nhà sàn gỗ mái lợp lá cọ, ngắm nhìn các chị, các cô tay thoăn thoắt cán bông, xe sợi và dệt thổ cẩm, lắng nghe những làn điệu then, sli, lượn, thưởng thức món ăn cơm lam muối vừng, rau rừng, canh đắng, cá dầm xanh, anh vũ và rượu ngô nấu bằng men lá nổi tiếng đất Tuyên Quang.

### **8.2.13. Một số tuyến du lịch nội vùng tỉnh Hà Giang**

Toàn tỉnh Hà Giang có diện tích khoảng 7.945,8 km<sup>2</sup>, dân số toàn tỉnh là 735,8 nghìn người (2010), tỉnh có 1 thành phố Hà Giang và các huyện như Đồng Văn, Mèo Vạc, Yên Minh, Quản Bạ, Bắc Mê, Hoàng Su Phì, Vị Xuyên, Xín Mần, Bắc Quang, Quang Bình. Hà Giang là nơi có nhiều di sản văn hoá đặc sắc với truyền thống lâu đời của hơn 20 dân tộc, một địa danh du lịch đáng nhớ bởi cảnh quan thiên nhiên và con người ở đây không giống với bất kỳ một nơi du lịch nào trong nước.

Điều kiện tự nhiên : Hà Giang, mảnh đất địa đầu cực Bắc của Việt Nam, nơi có những ngọn núi cao lưng trời và nhiều sông suối. Phía bắc tỉnh Hà Giang giáp Trung Quốc (chiều dài đường biên 274km), phía đông giáp tỉnh Cao Bằng, phía tây giáp tỉnh Yên Bái và Lào Cai, phía nam giáp tỉnh Tuyên Quang

Địa hình của tỉnh Hà Giang khá phức tạp, có thể chia làm 3 vùng. Vùng cao núi đá phía bắc nằm sát chí tuyến bắc, có độ dốc khá lớn, thung lũng và sông suối bị chia cắt nhiều. Khí hậu mang nhiều sắc thái ôn đới, chia làm 2 mùa, mùa mưa và mùa khô. Vùng cao núi đất phía tây thuộc khối núi thượng nguồn sông Chảy, sườn núi dốc, đèo cao, thung lũng và lòng suối hẹp. Khí hậu vùng này chia làm 2 mùa: mùa mưa và mùa khô. Vùng thấp trong

tỉnh gồm vùng đồi núi, thung lũng sông Lô và thành phố Hà Giang. Nhiệt độ trung bình năm khoảng 24°C – 28°C, mùa đông nhiệt độ có khi xuống -5°C. Thành phố Hà Giang cách Hà Nội khoảng 320km. Hà Giang có quốc lộ 2 tới Yên Bái, quốc lộ 34 tới Cao Bằng, quốc lộ 279 tới Lào Cai.

Tiềm năng phát triển kinh tế và du lịch: Hà Giang có nhiều núi non hùng vĩ, có đỉnh Tây Côn Lĩnh cao tới 2.419m, có nhiều khu rừng nguyên sinh, rừng có nhiều gỗ quý, có tới 1.000 loại cây dược liệu quý hiếm. Động vật có hổ, công, trĩ, phượng, tê tê... và hàng trăm loại chim thú khác.

Hà Giang có cao nguyên Đồng Văn nên thơ hùng vĩ, có chợ tình Khâu Vai hấp dẫn du khách trong và ngoài nước. Đến với Hà Giang, du khách được tiếp cận với những sản phẩm kết tinh từ truyền thống văn hoá độc đáo của cư dân miền núi, đó là các loại khăn thêu, túi vải, áo váy với các loại hoa văn rực rỡ, tinh tế. Du khách có dịp tham dự những phiên chợ vùng cao của cư dân địa phương và khám phá nhiều điều mới lạ.

### **Một số điểm tham quan du lịch tại tỉnh Hà Giang**

#### *Bãi đá cổ Nám Dẩn*

Bãi đá cổ Nám Dẩn có giá trị đặc biệt về văn hoá, lịch sử, tín ngưỡng và nghiên cứu khoa học thuộc địa phận xã Nám Dẩn, huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang. Bãi đá cổ Nám Dẩn được phát hiện vào năm 2004 bởi các nhà khoa học Viện Khảo cổ học và Bảo tàng Hà Giang. Nhân dân trong vùng gọi khu vực này là Nà Lai (ruộng nhiều chữ) vì trên một số tảng đá có khắc hình, chữ. Các hình khắc vẽ rất đa dạng, mang vẻ đẹp riêng trong phong cách tạo hình của nghệ thuật cổ. Ngoài hơn 80 hình khắc vẽ, trên bề mặt tảng đá còn có khoảng 80 lỗ vーム, được khoét với đường kính trung bình 5 - 6cm, sâu 1 – 2cm, các vーム phân bố chủ yếu ở đầu phía tây của tảng đá. Mỗi tảng đá là một điều bí ẩn, gắn với những câu chuyện ly kỳ mang dấu ấn tín ngưỡng, thể hiện sự linh nghiệm cầu ứng các đấng thần linh của nhân dân các dân tộc thiểu số trong vùng. Khu di tích đá cổ chạm khắc các hình vẽ có cách đây cả nghìn năm nằm trong một thung lũng rộng thuộc địa phận xã Nám Dẩn. Khác với di tích đá cổ ở Sa Pa (Lào Cai), bãi đá cổ Nám Dẩn còn được ít người biết đến nhưng vẻ đẹp của các hình vẽ và những điều bí ẩn xung quanh các phiến đá thì không kém phần hấp dẫn và lôi cuốn. Các di tích cự thạch này nằm giữa dãy núi Tây Đản và dãy núi đồi Nám Dẩn, ngay gần sát với con suối Nậm Khoòng. Nhiều tảng đá trầm tích lớn nằm dọc bờ suối với hình thù đa dạng và độc đáo. Có tảng đá như một bàn cờ phẳng, có tảng lại giống tấm phản nằm hay một chiếc ghé ngồi. Trên bề mặt và ở các rìa cạnh của tấm đá vẫn giữ được nguyên trạng phong hóa tự nhiên.

Theo các nhà khoa học, di tích cự thạch Nám Dẩn có niên đại khoảng 2000 năm. Đây có thể là di tích mộ của thủ lĩnh cộng đồng hoặc là khu đất thiêng, thờ cúng thần linh, tổ tiên và các nhân vật lỗi lạc của cộng đồng dân cư. Ngoài ra, di tích cự thạch Nám Dẩn còn có khả năng liên quan đến tục thờ thần đá của các cư dân tiền sử. Bãi đá cổ Nám Dẩn có giá trị đặc biệt về văn hoá, lịch sử, tín ngưỡng và giá trị nghiên cứu khoa học cao. Nơi đây chứa đựng tiềm năng du lịch rất lớn và là một địa điểm tham quan rất thú vị cho du khách. Thời gian tới, đang có khá nhiều hãng lữ hành có ý định đưa di tích này trở thành điểm đến trọng điểm trong chương trình du lịch đi bộ, thăm các bản làng ở Hà Giang.

#### *Dinh họ Vương*

Dinh họ Vương (Vương Chí Sinh) nằm trên địa bàn xã Xà Phìn, huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang, cách huyện lỵ Đồng Văn chừng 24km. Đây là một công trình kiến trúc đẹp, hiếm có và rất độc đáo của vùng cao nguyên này. Đoạn đường dẫn vào dinh chỉ dốc thoải

thoải, được lát bằng những phiến đá lớn, vuông vức, bằng phẳng. Dinh được bao bọc bởi hai bức tường thành xây bằng đá, dày khoảng 60cm đến gần 1m, cao từ 2,5 đến 3m. Vòng thành trong dày và kiên cố hơn vòng thành ngoài. Cả hai vòng thành đều bố trí nhiều lỗ châu mai. Khoảng đất giữa hai tường thành rộng khoảng 50m được trồng cây. Khuôn viên Dinh gồm có 10 ngôi nhà, 6 ngôi nhà nằm cùng một hướng, 4 ngôi nhà kia nằm theo hướng khác, trong đó ngôi nhà chính quay mặt ra phía cổng. Nguyên vật liệu của các ngôi nhà đều được làm bằng gỗ quý từ cột, kèo, sàn, vách và mái nhà thì lợp bằng ngói máng.

Tại ngôi nhà chính còn lưu bức hoành phi với bốn chữ "Biên chinh khả phong" được vua Nguyễn ban cho. Các bức chạm trên đá, trên gỗ cho thấy sự tinh xảo và tài nghệ của người thợ. Công trình toát lên vẻ thâm nghiêm trong khung cảnh tĩnh mịch nơi vùng cao biên giới, đáng để bạn dừng chân và quên đi mọi vất vả sau những chặng đường cheo leo hiểm trở. Dinh họ Vương đã được xếp hạng di tích cấp quốc gia năm 1993.

### *Chợ tình Khau Vai*

Chợ tình Khau Vai là một phiên chợ tình độc đáo của Việt Nam nói riêng và thế giới nói chung nằm trong làng người Nùng, trong một thung lũng khá rộng và bằng phẳng tại xã Khau Vai, huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang. Phiên chợ Khau Vai thường tổ chức vào ngày từ chiều ngày 26/3 (âm lịch). Từ ngày hôm trước, lều quán đã được dựng khắp thung lũng, nhưng nhiều nhất vẫn là những quán rượu ngô, thắng cố, nơi dừng chân đầu tiên của các cặp tình nhân trẻ cũng như già, mới cũng như cũ. Và cũng ngay từ chiều hôm trước, nhiều cặp vợ chồng, tình nhân vì đường xa, đã “xôi đùm, ngô nắm” lên yên ngựa, hoặc thông thả theo đường núi cho kịp chợ tình trong tiếng khèn, tiếng hát réo rắt suốt ngày đêm không tắt trên các triền núi xa xa dẫn đến Khau Vai ngày chợ. Đến với chợ tình Khau Vai, du khách được chiêm ngưỡng đủ màu sắc phục trang của các dân tộc H'Mông, Dao, Giáy, Tày, Nùng... khiến cả phiên chợ cứ rực lên như rừng hoa chuối. Các cô gái, chàng trai thậm chí cả người già, người trung tuổi ai nấy đều không giấu nổi được nét rạo rức, bồn chồn trên khuôn mặt, trong bộ quần áo mới phẳng phiu, có lẽ đã được giành cất cả năm đến phiên chợ... trọng đại này mới đem ra dùng. Cuộc sống ở vùng núi cao thường là rất buồn tẻ. Cả năm mới có một phiên chợ, lại là phiên chợ tình, bởi vậy, có nhiều gia đình cả bố, mẹ, con dâu, con trai dắt díu nhau đến chợ vui như chảy hội. Thậm chí có nhiều cặp vợ chồng lấy nhau từ hơn chục năm nay, đã có với nhau bốn mặt con và sống cách chợ Khau Vai gần hai ngày đường cũng lặn lội đến đây tìm niềm vui.

Những người già nhất xã Khau Vai bây giờ cũng không ai biết chợ tình Khau Vai có tự bao giờ. Chỉ biết rằng, từ lúc còn trẻ chỏm họ đã thấy có chợ tình rồi. Truyền thuyết bắt nguồn phiên chợ là câu chuyện tình của một người con trai H'Mông và một người con gái Giáy yêu nhau. Song, tình yêu của họ đã gây ra ra hiềm khích giữa hai bộ tộc. Để tránh cuộc đối đầu đẫm máu, họ buộc phải xa rời nhau. Tuy nhiên, chàng trai và cô gái thề nguyện rằng, dù không lấy được nhau và phải lập gia đình với người khác thì mỗi năm họ sẽ gặp nhau một lần vào đêm 26/3 tại chợ Khau Vai bây giờ. Chợ tình Khau Vai được hình thành từ đó, mới đầu chỉ là nơi hẹn hò của những người đã lỡ dở tình duyên với nhau và là đêm chợ truyền thống của người dân tộc H'Mông, nhưng sau đó được các dân tộc khác hưởng ứng. Đến bây giờ Khau Vai đã trở thành phiên chợ hẹn hò, tìm kiếm tình yêu của tất cả mọi người từ thanh niên cho đến người đã có gia đình. Phiên chợ tình Khau Vai càng về đêm càng trở nên sâu lắng, chỉ có tiếng trò chuyện thì thầm và tiếng khèn, tiếng hát réo rắt gọi bạn tình vang lên từ những ngọn núi, đồi xa xa. Du khách đầu một lần đến với chợ tình Khau Vai hẳn sẽ không quên được những giây phút đầy thi vị này.

### *Chợ vùng cao Đồng Văn*

Chợ Đồng Văn thuộc xã Đồng Văn, huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang. Chợ Đồng Văn là nơi giao thương của đồng bào các dân tộc như: Tày, Nùng, Hán, Mông, Hoa, Dao, Kinh... Chợ họp vào ngày chủ nhật hàng tuần và các ngày lễ, tết trong năm. Chợ nằm dưới chân núi Đồn Cao, ngay bên cạnh khu phố cổ Đồng Văn. Toàn khu chợ được thiết kế theo lối kiến trúc Việt - Hoa và có sự giao thoa rất tinh tế hợp với phong thủy miền cao nguyên: những dãy cột đá ba bốn người ôm được đục đẽo rất đẹp; khu chợ bề thế, vững chãi giữa lòng chảo thung lũng cao nguyên Đồng Văn như một nét chấm phá đầy ấn tượng. Đến đây, du khách sẽ có dịp được chiêm ngưỡng phong cảnh núi rừng trùng điệp ngút tầm mắt và tìm hiểu thêm về lối kiến trúc Việt - Hoa của ngôi chợ cổ Đồng Văn.

Từ Tp. Hà Giang, theo quốc lộ 4C, ngược lên phía đông bắc khoảng trên 150km, du khách sẽ tới chợ Đồng Văn. Đồng Văn là huyện địa đầu cực bắc của tỉnh Hà Giang, nằm trong khu vực cao nguyên đá tai mèo độc đáo vào bậc nhất của nước ta. Tới đây, du khách sẽ có dịp được chiêm ngưỡng phong cảnh núi rừng trùng điệp ngút tầm mắt, được biết thêm về đời sống sinh hoạt thường ngày của người dân Đồng Văn. Công trình chợ Đồng Văn với kết cấu hình chữ U thật tráng lệ, thâm trầm lối kiến trúc trên đá được xây dựng trong khoảng thời gian từ 1925 - 1928.

Nhìn từ xa, du khách sẽ thấy khung cảnh của phiên chợ vùng cao thật là đẹp và sinh động. Từng đoàn người nô nức, dạt díu nhau về chợ: người đi bộ thì mang theo gùi rau, quả, lồng gà, lồng chim, con trâu, con bò; người đi xe đạp, xe máy thì ở đằng sau xe là những tải hàng hóa hay những chú lợn... còn những người khác thì xúng xính trong những bộ trang phục dân tộc từ các bản làng xa xuống chơi chợ. Tất cả có vẻ như đều rất phấn khởi, hồ hởi vì sau những ngày làm việc mệt mỏi, đến cuối tuần, họ lại được tụ họp tại đây để cùng trao đổi, thưởng thức những sản phẩm của vùng quê mình. Không khí chợ Đồng Văn càng náo nhiệt, đông vui hơn khi du khách đến gần chợ. Ngay từ ngoài cổng, người bán, kẻ mua vui vẻ trao đổi mua bán với nhau bằng ngôn ngữ riêng của từng dân tộc. Bên trong chợ, từng dãy hàng hóa bày đủ các loại mặt hàng cùng những khu bán gia súc, gia cầm được sắp xếp rõ ràng để phục vụ nhu cầu khách mua. Các mặt hàng ở đây chủ yếu là các loại rau quả, gia vị, lương thực, sản phẩm thổ cẩm nhiều màu sắc, vật dụng gia đình cùng một số loại gia súc, gia cầm như: lợn, trâu, bò, chim, gà....

Cũng như một số phiên chợ vùng cao khác, chợ Đồng Văn cũng phục vụ các món ẩm thực của người dân tộc như: Món thắng cố, bánh bột tam giác mạch, rượu ngô... Nếu có dịp tới thăm Hà Giang, mời du khách hãy ghé thăm chợ Đồng Văn. Tới đây, du khách sẽ có dịp được hòa mình vào không khí sôi động, đông vui của một khu chợ cổ và cũng là tìm hiểu thêm về khu phố cổ Đồng Văn.

### *Công viên địa chất Cao nguyên đá Đồng Văn*

Cao nguyên đá Đồng Văn là công viên địa chất đầu tiên của Việt Nam được tổ chức GGN công nhận là thành viên của Mạng lưới Công viên địa chất Toàn cầu. Nằm trên địa bàn 4 huyện của tỉnh Hà Giang, bao gồm: Quản Bạ, Yên Minh, Mèo Vạc, Đồng Văn. Từ TP. Hà Giang, du khách đi theo quốc lộ 4C khoảng 43km là tới Quản Bạ. Tiếp tục theo con đường quốc lộ này qua đèo Cán Tỷ hiểm trở, qua những cánh rừng thông đại ngàn, những con dốc quanh co, uốn lượn như những dải lụa, du khách sẽ lần lượt tới Yên Minh, Đồng Văn và Mèo Vạc để khám phá cao nguyên đá. Nằm ở độ cao trung bình 1.000 - 1.600m so với mực nước biển trên diện tích gần 2.350km<sup>2</sup>, cao nguyên đá Đồng Văn là một trong những vùng đá vôi đặc biệt của cả nước, chứa đựng những dấu ấn tiêu biểu về lịch sử phát

triển của vỏ trái đất. Đồng Văn có tới 80% diện tích đá vôi, được tạo thành từ những điều kiện môi trường và giai đoạn phát triển rất khác nhau.

Theo khảo sát của các nhà khoa học ở Viện khoa học Địa chất và Khoáng sản thì cao nguyên đá Đồng Văn đã trải qua tất cả các giai đoạn phát triển của vỏ trái đất, từ Đại cổ sinh, Đại trung sinh đến Đại tân sinh với 13 hệ tầng địa chất đã được phân chia, bao gồm Chang Pung, Lut Xia, Si Ka, Bắc Bun, Mia Lé, Si Phai, Tóc Tát, Lũng Nậm, Bắc Sơn, Đồng Đăng, Hồng Ngài, Sông Hiến và Lân Pảng, trong đó Chang Pung là hệ tầng cổ nhất có niên đại khoảng 540 triệu năm.

Đến nay, các nhà khoa học đã xác định được ở Đồng Văn 139 biểu hiện Di sản địa chất (DSDC) thuộc đủ loại, trong đó có 15 DSDC cấp quốc tế, 68 cấp quốc gia và 56 cấp địa phương. Tại các trầm tích đá có tuổi khác nhau ở Đồng Văn, các nhà cổ sinh vật cũng đã phát hiện rất nhiều hóa thạch thuộc 19 nhóm: Tay cuộn, San hô vách đáy, San hô 4 tia, Lỗ tầng, Bọ ba thùy, Cá cổ, Trùng lỗ, Vỏ nón, Răng nón, Chân rìu, Chân bụng, Chân đầu, Động vật dạng rêu, Huệ biển, Vỏ cứng, Giáp xác cổ, Thực vật thủy sinh, Tảo cổ và Chitinozoa. Các cổ sinh vật hóa thạch này đã giúp các nhà khoa học hoàn chỉnh bức tranh lịch sử phát triển địa chất vùng cao nguyên đá Đồng Văn nói riêng và địa chất khu vực đông bắc Việt Nam – nam Trung Quốc nói chung.

Cao nguyên Đồng Văn có sự đa dạng địa chất cao cùng với sự thay đổi của khí hậu nên quá trình tiến hóa karst đã tạo ra các “vườn đá”, “rừng đá” rất đa dạng và phong phú như: vườn đá Khâu Vai (Mèo Vạc) có các chóp đá hình bông hoa, nụ hoa, nhành hoa muôn hình muôn vẻ; vườn đá Lũng Pù (Mèo Vạc) có các chóp đá, tảng đá, tháp đá hình rồng cuộn, hổ ngồi...; vườn đá Vân Chải (Đồng Văn) có các phiến đá tròn nhẵn xếp gối lên nhau, trông tựa như đàn hải cẩu hàng nghìn con nằm nghỉ trên bãi biển... Tuy nhiên, những dãy núi có dạng kim tự tháp đỉnh nhọn, sườn dốc nối tiếp nhau cao ngất trời mới là phổ biến nhất, tạo cho cao nguyên đá Đồng Văn một sự uy nghi hùng vĩ. Hệ thống hang động trên cao nguyên đá Đồng Văn cũng là sản phẩm của quá trình tiến hóa karst và là những điểm tham quan du lịch rất kỳ thú như: hang Ròng ở Sảng Tùng (Đồng Văn), hang Khố Mỹ ở Tùng Vài (Quản Bạ), động Én ở Vân Chải (Đồng Văn)...

Cao nguyên đá Đồng Văn còn được các nhà khoa học đánh giá là vùng có hệ địa – sinh thái núi đá độc đáo và đa dạng. Quần xã rừng nguyên sinh ở đây còn tương đối nguyên vẹn, có nhiều gỗ, lâm sản và các loài thuốc quý như: nghiến, thông đỏ, dẻ tùng sọc nâu, đỉnh tùng, thông tre lá ngắn, hoàng đàn rủ... Đặc biệt, trên những hoang mạc đá ở cao nguyên Đồng Văn có tới trên 40 loài lan, điển hình là lan hải. Cao nguyên Đồng Văn còn là môi trường sống của các loài động vật hoang dã với trên 50 loài thú, chim, bò sát như: sơn dương, voọc mũi hếch, hoẵng, lợn rừng, cây hương, sóc, gà rừng, chim, khướu, hoạ mi... tạo nên nét đẹp tự nhiên, sinh động của vùng cao nguyên đá.

Bên cạnh những giá trị về địa chất, địa mạo, cảnh quan... cao nguyên đá Đồng Văn còn chứa đựng những giá trị văn hoá truyền thống của cộng đồng 17 dân tộc thiểu số như: Mông, Dao, Lô lô, Tày, Nùng... Người dân vùng cao Đồng Văn sống quây quần cùng với đá: dọn đá để dựng nhà, để có đất trồng trọt; khoét đá để tìm dòng nước ngọt... Đá dựng thành tường rào bao quanh làng xóm, đá giữ nước, giữ đất để có ruộng bậc thang, đá dựng thành rừng, thành lũy để bảo vệ biên cương Tổ quốc. Ở nơi đây, cúi xuống thấy đá tai mèo, ngẩng lên trời lại thấy đá - một màu đá xám bao phủ. Nhưng xen lẫn với màu xám ngắt của đá là màu xanh của những ruộng ngô, màu vàng của những nương lúa. Ngô trồng trên đá, len lỏi bám chặt vào đá mà ra bắp. Bên cạnh đó, những phiên chợ vùng cao như Phố Bả, Đồng

Văn, Lũng Cú, Sà Phìn... cùng với các phong tục tập quán, các lễ hội đặc sắc của đồng bào dân tộc đã làm bao du khách say đắm khi đến với nơi đây.

Đền Đồng Văn đẹp nhất là vào mùa xuân, khi hoa cải rực vàng chân núi, hoa đào đỏ thắm những mái ngói rêu phong. Từ thung lũng sâu, tiếng khèn Mông lạnh lốt gọi hoa lê, hoa mận thức dậy nở trắng xóa một vùng rừng. Những ngọn núi đá trùng trùng điệp điệp, những cánh đồng đá trải dài bất tận thường ngày xám đen lạnh lẽo nay bỗng trở nên rực rỡ bởi những sắc màu tươi mới của mùa xuân. Tất cả cứ tràn vào nhau, hoà quyện vào nhau thành một bức tranh tuyệt đẹp nơi cực bắc Tổ quốc. Ngày 3/10/2010, tại Lesvos (Hy Lạp), Hội đồng tư vấn Mạng lưới Công viên Địa chất toàn cầu (GGN) đã chính thức công nhận cao nguyên đá Đồng Văn là thành viên của Mạng lưới Công viên Địa chất toàn cầu, dựa trên những giá trị nổi bật về: cảnh quan; cổ sinh địa tầng; lịch sử phát triển địa chất - địa mạo và truyền thống văn hoá phong phú của cộng đồng cư dân bản địa.

### *Lũng Cú*

Lũng Cú - mảnh đất địa đầu của Tổ quốc, thuộc huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang. Nếu du khách đi từ thành phố Hà Giang theo quốc lộ 4C ngược lên phía đông bắc khoảng 160km, du khách sẽ đến xã Đồng Văn, huyện Đồng Văn. Từ đây, tiếp tục xuôi theo con đường trải nhựa nối liền hai xã Lũng Cú - Đồng Văn khoảng 40km, du khách sẽ đến với đỉnh Lũng Cú. Đến đây, du khách sẽ có dịp được tận hưởng bầu không khí trong lành, tìm hiểu về những nét văn hóa truyền thống đặc sắc của một số dân tộc. Lũng Cú hiện ra thật sinh động với một vùng đất với 3/4 là đá, nổi bật lên là cột cờ Tổ quốc có hình dáng giống cột cờ Hà Nội, trông xa giống như một ngọn tháp, xung quanh là phong cảnh núi rừng hùng vĩ, trùng điệp... Khi tới gần, vẻ đẹp nơi đây càng rõ nét hơn, với một cột cờ được dựng trên đỉnh núi Rồng (Long Sơn), dưới chân cột có khắc phù điêu mang rõ nét hoa văn của trống đồng Đông Sơn, lá cờ Tổ quốc tung bay phát phơ trong gió và in bóng xuống mặt hồ Lô Lô xanh biếc. Quan sát kỹ hơn một chút, du khách sẽ thấy giữa lưng chừng núi Rồng có một cái hang khá rộng và đẹp, đồng bào ở đây gọi là hang Sì Mần Khan. Xã Lũng Cú có tổng diện tích tự nhiên là 3.460 ha với chín thôn, bản, đó là: Lô Lô Chải, Sáo Lũng, Tả Giá Khâu, Cản Tằng, Thèn Ván, Thèn Pả, Sì Mần Khan, Sán Chồ, Sán Sà Phìn và có đường biên giới tiếp giáp với nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa hơn 16km. Tại đây, khi vào mùa đông thời tiết rất lạnh và thi thoảng có tuyết rơi. Trong số chín thôn, bản của Lũng Cú thì Sáo Lũng thuộc phần đất thượng cùng cực bắc với bên trái là thung lũng Thèn Ván sâu thẳm thăm, bên phải là dòng sông Nho Quế - dòng sông bắt nguồn từ Mù Căng - Vân Nam - Trung Quốc đổ về Đồng Văn, Mèo Vạc (Hà Giang). Bà con dân tộc ở Lũng Cú chủ yếu là làm nương rẫy và làm ruộng bậc thang. Riêng đồng bào dân tộc Mông và Lô Lô vẫn bảo tồn nghề dệt truyền thống với các công đoạn làm sợi lanh, dệt vải. Nơi đây còn bảo lưu được những hiện vật lịch sử, văn hóa quý giá tiêu biểu từ thời Hùng Vương. Theo sử sách ghi lại, vào thời Tây Sơn, Hoàng đế Quang Trung đã cho đặt ở nơi biên ải này một chiếc trống lớn, thời đó tiếng trống là phương tiện thông tin nhanh nhất, vị trí đặt trống của nhà vua là trạm biên phòng tiền tiêu Lũng Cú bây giờ. Chính vì vậy, người Lô Lô ở Lũng Cú bây giờ sử dụng thành thạo trống đồng có nguồn gốc từ trống đồng Đông Sơn.

Nơi đây là vùng đất của chè Shan, rượu mật ong, rượu ngô, đào phai, hoa lê, tuyết trắng và món thắng cố trong buổi chợ phiên... cùng những nét văn hóa truyền thống đặc sắc của các dân tộc như: Mông, Lô Lô, Giáy... Lũng Cú thật sự mang trong mình nét đẹp mê hồn hấp dẫn biết bao du khách. Quả thật, nếu du khách có dịp đến đây vào mùa xuân, du khách vừa được tận hưởng bầu không khí trong lành, vừa được nghe tiếng đàn môi tâm tình

gọi bạn, tiếng khèn của người Mông say mê, quyến rũ và tiếng trống đồng âm vang bên bếp lửa bập bùng.

#### *Núi đôi Quán Bạ*

Núi đôi Quán Bạ nằm bên quốc lộ 4C, cách thành phố Hà Giang chừng 40km, thuộc địa phận huyện Quán Bạ, tỉnh Hà Giang. Du khách qua đây đều có dịp chiêm ngưỡng “tác phẩm nghệ thuật” của tạo hoá ban tặng cho vùng đất này Đó là hai quả núi trông như hai trái đào tiên. Giữa những núi đá trùng điệp và ruộng bậc thang nổi lên hai trái núi có hình dáng, thể đứng ngồ ngộ khiến du khách không khỏi ngỡ ngàng trước vẻ đẹp kỳ vĩ của tạo hoá. Hai trái núi gắn với truyền thuyết “Núi Cô Tiên” rất thi vị cùng với địa thế đẹp, thời tiết trong lành của vùng cao, vùng núi đôi Quán Bạ đang trở thành khu du lịch nghỉ dưỡng hấp dẫn của tỉnh Hà Giang.

#### *Suối Tiên và Động Tiên*

Thắng cảnh Suối Tiên và Động Tiên cách thành phố Hà Giang 2km. Phong cảnh ở đây rất nên thơ, nước suối trong xanh, rất thích hợp cho du khách đến nghỉ ngơi thư giãn, tắm mát, ngắm cảnh. Trong Động Tiên có Suối Tiên rất đẹp. Tương truyền xưa kia các tiên nữ trên trời vẫn thường xuống đây vui chơi vào dịp Tết nên được đặt tên là Động Tiên. Nhân dân quanh vùng vẫn thường đến Động Tiên lấy nước thiêng cầu may mắn vào lúc giao thừa.

## **TUYẾN 4: HÀ NỘI – VINH PHÚC – PHÚ THỌ - SAPA**

### **8.2.14. Một số tuyến du lịch nội vùng tỉnh Vĩnh Phúc**

Toàn tỉnh Vĩnh Phúc có diện tích khoảng 1.231,8 km<sup>2</sup>, dân số toàn tỉnh là 1.008,3 nghìn người (2010), tỉnh có 1 thành phố Vĩnh Yên, 1 thị xã Phúc Yên và các huyện Lập Thạch, Tam Dương, Bình Xuyên, Vĩnh Tường, Yên Lạc, Sông Lô, Tam Đảo. Vĩnh Phúc có nhiều dân tộc như Việt (Kinh), Sán Dìu, Sán Chay, Tày...

Điều kiện tự nhiên : Vĩnh Phúc là tỉnh thuộc miền núi trung du Bắc bộ, cách thủ đô Hà Nội 60km về phía bắc, tiếp giáp các tỉnh Tuyên Quang và Thái Nguyên về phía bắc; phía đông và nam giáp thành phố Hà Nội, phía tây giáp tỉnh Phú Thọ. Địa hình của tỉnh chủ yếu là trung du và đồng bằng, đồi núi thấp. Nhiệt độ trung bình năm khoảng 23,4°C. Vùng núi Tam Đảo khí hậu mát mẻ, nhiệt độ trung bình năm khoảng 21°C, là nơi nghỉ mát lý tưởng của miền Bắc. Chảy qua Vĩnh Phúc có 4 dòng chính: sông Hồng, sông Lô, sông Phó Đáy và sông Cà Lồ. Hệ thống giao thông của tỉnh đa dạng và tương đối phát triển, có hệ thống đường bộ, đường thủy, đường sắt từ Hà Nội đi qua tỉnh đến Lào Cai. Tỉnh là điểm đầu của quốc lộ 18 đi cảng Cái Lân (Quảng Ninh) và có đường quốc lộ 2 chạy dọc tỉnh. Tỉnh Vĩnh Phúc nằm gần kề ngay sân bay quốc tế Nội Bài, là điều kiện thuận lợi cho việc phát triển kinh tế đối ngoại.

Tiềm năng phát triển kinh tế và du lịch: Năng suất cây trồng khá, chăn nuôi gia súc, thủy sản phát triển ở hầu hết các địa phương của tỉnh. Thiên nhiên đã tạo cho Vĩnh Phúc nhiều cảnh quan kỳ thú như Tam Đảo, Tây Thiên, hồ Đại Lải... trong đó vùng núi Tam Đảo khí hậu mát mẻ, là nơi nghỉ mát lý tưởng của miền Bắc. Tỉnh có nhiều di tích lịch sử đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng.

### **Một số điểm tham quan du lịch tỉnh Vĩnh Phúc**

#### *Tháp Bình Sơn*

Tháp Bình Sơn là một di sản của kiến trúc độc đáo thời Lý - Trần còn được bảo tồn nguyên vẹn đến ngày nay, thuộc địa phận thôn Bình Sơn, thị trấn Tam Sơn, huyện Sông Lô,

tỉnh Vĩnh Phúc. Tháp nằm cạnh chùa Vĩnh Khánh (chùa Then), cách Hà Nội khoảng 150km. Tháp cao gần 16m, được xây dựng vào đời Lý - Trần. Tháp có 11 tầng, mỗi tầng có mái nhô ra. Lòng tháp rỗng, bệ tháp hình vuông mỗi cạnh là 4,45m. Tháp được thu nhỏ dần đến đỉnh. Tầng trên cùng của tháp mỗi cạnh 1,55m. Tháp được xây bằng gạch nung già, màu đỏ sậm, rắn chắc như sành, bệ tháp được xây bằng gạch vồ. Mặt ngoài ở các tầng tháp ốp gạch mịn mặt, màu vàng sậm, hoa văn trang trí và đường nét rất tinh xảo, hài hoà tạo thành khối kiến trúc hoàn hảo ở mọi góc độ. Trải qua nhiều thế kỷ, tháp đã bị nghiêng lệch và sụt lở một số chỗ và đã được trùng tu năm 1972, kiến trúc vẫn được bảo tồn như nó vốn có. Chùa Vĩnh Khánh được xây dựng từ thời vua Tự Đức (1883), là ngôi chùa nhỏ trong không gian khoáng đạt. Phía trước chùa, gần tháp Bình Sơn có một cây đại cổ thụ, các nhà khoa học cho biết cây đại này đã có 500 tuổi.

### *Chùa Hà Tiên*

Phố Chùa Hà là nơi thờ Phật, vừa là Phật học đường – nơi truyền bá tri thức giáo pháp cho nhiều thế hệ tăng ni, cư sĩ qua hàng trăm năm. Chùa nằm trên một quả đồi có vị trí rất đẹp với thế “long hàm ngọc” (rồng ngậm ngọc) trên trục đường 2B đi Tam Đảo với diện tích hơn 6,2ha. Chùa được xây dựng từ năm Quý mùi (1703), niên hiệu Chính Hoà thứ 24, đời vua Lê Hy Tông Duy Hiệp.

Tương truyền, xưa Quốc Mẫu Tây Thiên Lăng Thị Tiêu trên đường hội quân với vua Hùng Vương thứ 6 đánh giặc, đã dùng nơi đây làm nơi chiêu binh tụ kiệt. Khuôn viên chùa cổ nay còn 5 cây bảo tháp (loại 3 tầng) cùng cây si cổ thụ buông hàng rề phụ ôm trọn trong mình một cây Bảo tháp với 300 tuổi là những nhân chứng lịch sử về nơi hoằng hoá Phật pháp của một thời kỳ hưng thịnh Phật giáo cách nay gần thế kỷ.

Qua Tam quan từ phía Đông nam tới tả hữu môn, vòng quanh hành lang tới Tam Bảo, kiến trúc không gian mô phỏng toà Bảo tháp 3 tầng. Từ sân lên đến hiên chùa, phải bước qua 9 bậc thềm, gọi là cửu trùng. Mái chùa uốn cong 4 góc, trên nóc có Lưỡng long châu nguyệt. Phía sau là nhà thờ tổ, đôi xứng hai bên có nhà tiếp khách và phòng trưng bày. Các công trình khác bao gồm: thư viện, trai đường, vườn tháp, giếng ngọc. Các ngôi tượng đại diện cho quá trình khai mở, tu luyện đến thành tựu viên mãn và trở lại hoằng hoá đạo pháp cho thập đại chúng sinh của Đức Phật Tổ Thích Ca Mâu Ni và hàng Bồ Tát thừa, Thanh Văn thừa. Nơi đây còn có khuôn viên dành để kiến trúc mô phỏng những ngôi chùa nổi tiếng trên thế giới và vùng Đông Nam Á, để Phật tử thập phương có cơ hội chiêm ngưỡng và tịnh tâm, hoà mình vào không gian thực thực, hư hư như cõi bồng lai tiên cảnh ở thế giới Sa Bà cực lạc với rừng trúc, rừng thông, hồ nước như khai nguyên cho dòng chảy đưa thuyền Bát Nhã trở con người thoát khỏi cảnh trần thế để đến với cõi Phật, cõi tiên chính tại ngay cõi Sa Bà này. Phật đường và nhà mẫu cao lồng lộng, uy nghi, thể hiện sự vĩnh cửu và quảng bá, thanh tịnh và thiêng liêng. Mặt tiền sảnh là toàn bộ cánh cửa bức bàn bằng gỗ tứ thiết, chạm trổ rất công phu. Phía trên cửa đặt chấn song con tiện. Bên dưới tạc phù điêu tứ quý cách điệu. Ván bung áp mái, chạy suốt mặt tiền đại điện, có 5 khuôn chữ lớn, nét khắc tinh xảo và mẫu mực. Ba mặt tiền sảnh, tả vu và hữu vu chùa đều có hành lang và dựng cột đá lập phương liền khối, chạm trổ hoa văn uyển chuyển. Dưới chân cột có ghi tên người công đức một cách khiêm tốn. Cả 10 cột đá đều khắc câu đối. Cung Thánh mẫu có 3 bậc thềm rải rộng. Ngoài tiền sảnh có 2 câu đối ở 4 cột 2 gian giữa. Chữ khắc lối khải thư, chân phương mà mềm mại. Sự đan xen hài hoà của một môi trường cảnh quan, không gian trong lành, tinh mịch với những thành phần kiến trúc riêng biệt tạo nên một tổng thể khối kiến trúc hoành tráng nhưng vô cùng thanh thoát với toàn bộ nguyên liệu truyền thống, kiểu



dáng truyền thống và kỹ thuật truyền thống của các nghệ nhân thời hiện đại, đã từ trí tuệ và bàn tay tài hoa của mình để chuyển tải dòng văn hoá truyền thống của cha ông, của dân tộc cho các thế hệ trẻ hôm nay và mai sau được hưởng thụ mà ghi tâm gìn giữ. Ngày 13/12 năm Ất Dậu, tức là ngày 20/01/2006, phật lịch 2/549, chùa được khởi công trùng quang để có quy mô hoành tráng và to đẹp hơn. Chùa Hà Tiên xứng đáng là một danh lam lớn của thành phố Vĩnh Yên tỉnh Vĩnh Phúc.

#### *Thiền viện Trúc Lâm Tây Thiên*

Thiền viện Trúc Lâm Tây Thiên cùng với Thiền viện Trúc Lâm Đà Lạt và Thiền viện Trúc Lâm Yên Tử là một trong 3 thiền viện lớn nhất của Việt Nam, thuộc xã Đại Đình, huyện Tam Đảo, cách Hà Nội khoảng 85km về phía tây. Đến với Thiền viện Trúc Lâm Tây Thiên du khách đều bị hút hồn bởi cảnh quan thiên nhiên hoang sơ kỳ thú. Núi cao vút tận trời được phủ lên một lớp rừng già xanh thẫm với nhiều cây cổ thụ, những con suối khi tỏa ra khi thu lại, chảy quanh co, lúc ào ào trên vách đá, lúc lững lờ trôi dưới chân núi, nước suối trong suốt nhìn thấu những tảng đá nhỏ li ti... Thiền viện Trúc Lâm mọc lên ngay giữa ngàn cây như mở rộng con đường thiền đưa con người tìm về với thế giới tâm linh.

Được xây dựng trên nền ngôi chùa Thiên Ân cổ, với diện tích rộng khoảng 4,5ha, và rừng ngoại vi rộng 50 ha, nằm trên độ cao khoảng 300m so với mực nước biển. Từ chánh điện, nhà tổ, nhà khách, nhà trung bày, công tam quan, lầu chuông, lầu trống... đến khu nội viện gồm: tầng đường, thiền đường, trai đường và các thất chuyên tu được xây dựng rất kỳ công và độc đáo mang đậm dấu ấn của kiến trúc Á Đông. Thư viện hình bát giác nằm trên đồi và một tượng phật cao 35m. Tất cả các tranh tượng, phù điêu trên vách tháp chuông, tháp trống trong và ngoài chánh điện đều ẩn chứa những tích xưa thiền sử thu hút du khách ra về rồi còn muốn trở lại. Đến Thiền Viện, du khách sẽ được thả hồn trong không gian trong lành mát mẻ với những đồi thông cao vút, những vườn hoa đang nở rộ. Đường lên núi được xây bằng bê tông nên du khách nếu đi bằng xe máy hay ô tô đều có thể đi lên đến tận cổng. Nếu muốn ngắm Thiền Viện từ dưới lên, có thể đi bộ như leo núi du khách sẽ thấy Thiền Viện đồ sộ đến mức nào. Thiền Viện chỉ cách khu nghỉ mát và sân golf Tam Đảo khoảng chừng 16-17km nên du khách có thể kết hợp hai chuyến du lịch này làm một vừa thăm quan vừa nghỉ mát, dã ngoại để có những giây phút thư giãn tuyệt vời.

#### *Hồ Đại Lải*

Hồ Đại Lải là một hồ nước nhân tạo, là một điểm du lịch nghỉ dưỡng hấp dẫn, nằm trên địa bàn hai xã Ngọc Thanh và Cao Minh của thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, cách thủ đô Hà Nội 50 km về phía bắc. Từ Hà Nội, theo quốc lộ 2 đến thị xã Phúc Yên, sau đó rẽ phải đi khoảng 12km, du khách sẽ đến với khu du lịch hồ Đại Lải. Hồ Đại Lải là điểm du lịch nghỉ dưỡng hấp dẫn cho du khách. Hồ Đại Lải là một hồ nước rộng 525 ha. Phía bắc hồ là dãy núi Tam Đảo trùng điệp, xa xa là những cánh rừng xanh biếc ngút ngàn, xen lẫn những thung lũng tự nhiên, các triền đồi bát úp cùng các hẻm núi nhô ra tạo nên các eo, các bán đảo hoang sơ. Sự kết hợp hài hòa giữa hồ và núi tạo nên một không gian khoáng đạt và một phong cảnh nên thơ, hữu tình cho toàn khu du lịch. Khi mùa mưa đến thì các con sông, con suối trong lưu vực phía nam của dãy núi Tam Đảo với sông Vực Tuyên, sông Tôn, sông Bá Hạ, suối Đòng Câu, Đòng Chảo... đều dồn nước vào hồ, khiến mực nước của hồ có thể lên cao tới 21m. Những gò đồi bát úp áp sát triền núi được xâu chuỗi nối dài bởi những đập đất kiên cố đã tạo thành bức tường thành vững chắc giữ nước cho hồ.

Đến khu du lịch hồ Đại Lải vào mùa đông hay mùa hè, du khách cũng đều được tận hưởng khí hậu ôn hòa, mát mẻ. Do ngọn gió bắc lạnh lẽo đã được dãy núi Tam Đảo che

chấn, nên nhiệt độ của khu du lịch Đại Lải trung bình vào mùa hè chỉ 28,9<sup>0</sup>C, mùa đông 16,8<sup>0</sup>C. Nhiệt độ này tạo điều kiện thuận lợi cho du khách có những kì nghỉ dưỡng cuối tuần thư giãn, thoải mái.

Sau khi tắm hồ và ngắm cảnh xung quanh hồ Đại Lải, du khách theo những con đường nhựa đến với hang dơi và rừng thông cao vút vi vu trong gió. Điều kỳ thú là ngay giữa hồ nước rộng mênh mông mọc lên một đảo chim rộng tới 4,8 ha, cây cối um tùm. Vào mùa đông, hàng trăm loài chim từ khắp mọi nơi hội tụ về đây tạo thành một bức tranh thiên nhiên phong phú và sống động. Đảo chim thực sự cuốn hút du khách bởi những nét tự nhiên mang đậm màu sắc của sự sống. Tại đây, chủ nhân của khu du lịch này đã khéo léo bố trí những ghế ngồi bằng gỗ, chim công bằng hoa, những hồ nước nhân tạo, tượng đá... Mấy năm gần đây, ở đảo chim có rất nhiều đàn chim quý bay về quần tụ, đó chính là dấu hiệu khẳng định thêm cho sự trong lành của môi trường sinh thái nơi đây. Qua đảo chim, du khách có thể thưởng thức nhiều món ngon đậm chất dân dã như gà đồi, cơm lam, cá nướng... Đến khu du lịch hồ Đại Lải, du khách còn có thể liên kết tour với một số điểm du lịch lân cận. Du khách có thể tổ chức cuộc lữ hành lên phía bắc, luồn rừng qua đèo Nhe sang đất Thái Nguyên hoặc rẽ sang núi Mỏ Quạ thử sức leo lên những vách đá dựng đứng cao vút tầng mây. Từ trên nhìn xuống thấy thấp thoáng giữa rừng xanh có hồ Xạ Hương, hồ Làng Hàm, hồ Gia Khau..., cạnh đó là dấu tích lâu đài thành quách cổ kính của Quận hợp Nguyễn Danh Phương – người đã từng xây dựng giang sơn riêng một cõi, suốt mười năm trời đương đầu với triều đình thời vua Lê chúa Trịnh.

Đề hồ Đại Lải trở thành điểm đến ngày càng thu hút nhiều khách du lịch, và xây dựng các khách sạn ba sao, bốn sao tại đây bên cạnh những ngôi biệt thự thơ mộng, hấp dẫn các văn nghệ sĩ về đây dự các trại sáng tác. Ngoài ra, cũng sẽ có sân golf 18 lỗ với đường đua ngựa hiện đại, có các vũ trường lớn, các nhà hàng bán đồ lưu niệm phục vụ khách tham quan.

### *Khu danh thắng Tây Thiên*

Danh thắng Tây Thiên cách Hà Nội khoảng hơn 70km với hơn 1 h đi xe ô tô, nằm tại xã Đại Đình, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc là một khu du lịch với đa dạng sinh học và có hệ thực vật phong phú. Khu danh thắng này đã được đông đảo nhân dân biết đến và nổi lên như một điểm du lịch thu hút một số lượng lớn khách đến Vĩnh Phúc. Với diện tích khoảng 148ha, nằm trên sườn ngọn núi Thạch Bàn thuộc dãy Tam Đảo, Khu danh thắng Tây Thiên có một vùng đa dạng sinh học. Theo nghiên cứu của các nhà khoa học, hệ thực vật Tây Thiên có 130 họ, 344 chi và 490 loài, một số loài có giá trị khoa học và giá trị kinh tế đáng kể như: pơ mu, la hán, sam pông. Rừng Tây Thiên có những cây thông đã sống đến ngàn năm tuổi. Hệ động vật Tây Thiên cũng khá phong phú, có 4 lớp, 26 bộ, 86 họ và 281 loài, trong đó có những loài động vật quý hiếm như rùa vàng, gà lôi trắng, voọc đen má trắng, voọc mũi hếch, cá cóc Tam Đảo. Sự đa dạng sinh học cùng với hệ thống các đình chùa có giá trị văn hóa và khảo cổ khiến Tây Thiên thu hút khách du lịch và nhiều nhà nghiên cứu.

Từ thế kỷ 18, Tây Thiên đã là một vùng danh thắng và được Lê Quý Đôn mô tả lại trong "Kiến văn tiểu lục": "...bên dưới sắc nước như chàm, sâu thẳm không thấy đáy; sườn núi có chùa Tây Thiên Cổ Tự, tre xanh, thông tốt, cảnh sắc thanh nhã, rộng rãi, trên đỉnh núi cao lại có chùa Đồng Cổ, vừa lên vừa xuống phải mất hai ngày, từ phía tả khe Giải Oan trèo lên núi đến hồ sen, nước xanh biếc, trong hồ có thứ đá lạ và có sen đỏ, hoa nở bốn mùa. Hai bên ngoài hồ, suối từ sườn núi chảy ra, bên tả là suối Bạc, phát nguyên từ khe đá đỉnh núi chảy xuống trông như tấm lụa; bên hữu là suối Vàng”.

Đền Tây Thiên thờ Quốc Mẫu Tây Thiên Năng Thị Tiêu. Tương truyền, bà sinh ra là do linh khí núi cao rừng thẳm vùng Tam Đảo tụ lại mà thành. Là người xinh đẹp, giỏi giang, có tài thao lược, bà đã ra giúp vua Hùng Duệ Vương đánh giặc giữ nước Văn Lang. Giặc tan, bà từ chối những tước lộc Vua ban để lại lui về với núi rừng Tây Thiên. Cũng có sách nói do cảm mến sắc và tài của bà nên Hoàng tử Lang Liêu đã cưới bà làm vợ và những chiếc bánh chưng - bánh dày ra đời trong truyền thuyết cũng nhờ công sức rất lớn của bà. Khi bà mất, nhân dân đã tôn vinh bà là Quốc Mẫu Tây Thiên và lập nhiều đền thờ. Có một chi tiết khá thú vị là nhân dân trong vùng do kỵ húy tên Bà nên thường tránh nói "tiêu tiên" mà nói thành "pha tiên". Ngoài những di tích thờ phụng Quốc Mẫu Tây Thiên, khu danh thắng này còn có nhiều ngôi chùa thờ Phật như chùa Phù Nghi, Thiên Ân, Đồng Cổ... Một số di vật như tượng đồng, chuông khánh đã có hơn 1.000 năm tuổi còn được lưu giữ cho đến ngày nay. Khách du lịch về Tây Thiên các năm rất đông và có đủ các đối tượng, độ tuổi. Từ trẻ nhỏ đi theo bố mẹ đến các cụ già "chóng gậy leo núi" và đông nhất vẫn là du khách tuổi thanh niên, sinh viên, học sinh. Mỗi người đều có một dáng vẻ, một tâm nguyện, một ước muốn. Nhưng dù ở mục đích, hoàn cảnh hay điều kiện nào họ cũng làm lễ, dâng nén nhang thơm để cầu mong điều mình ước muốn với tấm lòng thành kính trước trời Phật Quốc Mẫu Tây Thiên. Mỗi người già đều mong đến được dòng Bát Nhã, suối Giải Oan, Thác Bạc, Sông Vàng và thấp nhang ở cõi Niết Bàn (Đền Thượng). Dù với đối tượng nào, thắng cảnh Tây Thiên cũng như một chốn "bồng lai tiên cảnh", giữa đại ngàn làm tiêu tan những mệt mỏi, những bận bịu, toan tính đời thường. Năm 1991, Khu danh thắng Tây Thiên được xếp hạng di tích Quốc gia

#### *Khu du lịch Tam Đảo*

Khu du lịch Tam Đảo thuộc thị trấn Tam Đảo, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc cách thành phố Hà Nội 86km. Khí hậu ở đây rất độc đáo, bốn mùa trong ngày; khung cảnh thơ mộng, hùng vĩ. Mùa du lịch đẹp nhất trong năm ở Tam Đảo là vào mùa hè. Thiên nhiên và dấu vết thời gian đã ban tặng cho Tam Đảo một khung cảnh tuyệt vời vừa thơ mộng, u tịch, vừa hùng vĩ, huyền ảo trong cảnh mây gió, sương khói vờn trên đỉnh núi rồi sà xuống những thảm cỏ, những ngôi nhà ven sườn núi. Hè về, Tam Đảo vào mùa du lịch đẹp nhất trong năm.

Tam Đảo là một dãy núi dài khoảng 80km theo hướng tây bắc - đông nam, rộng từ 10 - 15km, là khu nghỉ mát ở núi lý tưởng của miền Bắc. Tam Đảo có diện tích 253ha nằm trên độ cao 900m so với mặt biển. Từ thị xã Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc sau 1 giờ xe chạy là lên tới Tam Đảo. Thêm 20km đường dốc, lượn qua các sườn núi thông mọc thẳng tắp nhìn lên cao vút, mờ mờ ẩn hiện Tam Đảo trong sương. Núi Tam Đảo có 3 đỉnh nổi lên như 3 hòn đảo: đỉnh giữa có tên Bàn Thạch cao 1.388m; bên trái là đỉnh Thiên Nhị (chợ trời) cao 1.375m, trên có tháp truyền hình cao 93m, bên phải là đỉnh Phù Nghi cao 1.400m. Thị trấn Tam Đảo rộng hơn 300ha, nằm gọn trong một thung lũng nhỏ của dãy Tam Đảo, đồng thời cũng là một trong những vườn quốc gia lớn nhất miền Bắc. Khí hậu ở đây rất độc đáo, bốn mùa trong một ngày. Buổi sáng se se gió xuân, buổi trưa nóng ẩm mùa hạ, buổi chiều lã lã đặng heo may mùa thu, buổi tối lạnh giá của đông. Thị trấn bé xíu, xinh xắn với những con đường lên xuống ngoằn ngoèo, quanh co nhỏ nhỏ, một dòng suối như vệt nước cắt ngang chảy suốt bốn mùa.

Đầu thế kỷ 20, người Pháp đã "tấn công" lên Tam Đảo, xây dựng ở nơi đây thành khu nghỉ mát với hơn 200 biệt thự, khách sạn, nhà hàng, sân chơi thể thao, bể bơi, săn nhày. Đường đi lên núi Tam Đảo tuy hơi vất vả nhưng rất đẹp. Hoa phong lan, hoa cúc quỳ và các

loài hoa dại không tên khác nở đầy lối đi, toả hương thơm rất lạ, màu sắc rực rỡ... cộng thêm không biết bao nhiêu là bướm đủ loại rập rờn trên hoa lá, đậu trên tóc người, bay theo người hàng đàn như các sứ giả Tam Đảo đón khách lên chơi. Lên tới đỉnh, phóng tầm mắt ra bốn phía là mênh mông trời, đất, gió, mây... Từ trung tâm thị trấn, rẽ bên phải theo một con đường mòn, hút xuống thung lũng sâu, thác Bạc giấu mình trong núi, bí ẩn đổ xuống dòng nước trắng bạc, lóng lánh ánh mặt trời phản chiếu sắc cầu vồng. Một dòng suối nhỏ từ trên cao 30m ào ào tuôn nước, thả vào gió tiếng suối, tiếng rừng, tiếng lá dội vào vách đá nghe thâm u như tiếng ngàn xưa... Nếu thích mạo hiểm, hãy đi xa chút nữa tới đỉnh Rừng Rình, ở đây cây cối, núi non đẹp như trong cổ tích, có nhiều cây to mấy người ôm phủ đầy hoa phong lan, tiếng chim hót ríu rít vang động, bướm bướm bay rợp trời. Xa hơn nữa là Tam Đảo 2, nơi mà vào thời Pháp cũng là điểm du lịch nghỉ mát lý tưởng, nhưng nay bị bỏ hoang mang vẻ đẹp hoang dã, cô liêu.

#### *Vườn Quốc gia Tam Đảo*

Vườn quốc gia Tam Đảo Vườn Quốc gia Tam Đảo có diện tích 36.883 ha nằm trọn trong dãy núi Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc. Đây là vườn quốc gia có thảm thực vật ở đây đặc trưng cho 5 kiểu rừng. Hệ thực vật có 904 loài thuộc 478 chi, 213 họ thực vật bậc cao, trong đó có 64 loài thực vật quý hiếm được ghi vào Sách Đỏ Việt Nam. Động vật gồm có 307 loài, trong đó 56 loài động vật quý hiếm có tên trong Sách Đỏ Việt Nam (gồm 22 loài thú, 9 loài chim, 17 loài bò sát, 7 loài lưỡng cư và 1 loài côn trùng). Vườn quốc gia Tam Đảo là tài sản quý của quốc gia, có nhiều lợi ích cho cộng đồng cư dân trong khu vực. Vườn còn đem lại giá trị to lớn trong việc bảo vệ môi trường, điều tiết và cung cấp nước, phục vụ nghiên cứu khoa học và phục vụ cho du lịch và nghỉ dưỡng, cung cấp lâm sản, dược liệu...

#### **8.2.14. Một số tuyến du lịch nội vùng tỉnh Phú Thọ**

Toàn tỉnh Phú Thọ có diện tích khoảng 3.532,5 km<sup>2</sup>, dân số toàn tỉnh là 1.322,1 nghìn người (2010), tỉnh có 1 thành phố Việt Trì, 1 thị xã Phú Thọ và các huyện Hạ Hòa, Thanh Ba, Đoan Hùng, Lâm Thao, Yên Lập, Thanh Sơn, Tam Nông, Thanh Thủy, Phù Ninh, Cẩm Khê, Tân Sơn. Các dân tộc cư trú tại tỉnh Phú Thọ có nhiều dân tộc như Việt (Kinh), Mường, Dao, Sán Chay...

Điều kiện tự nhiên: Phú Thọ là tỉnh thuộc miền núi trung du Bắc bộ. Phía bắc giáp Tuyên Quang và Yên Bái; phía đông giáp Vĩnh Phúc; phía đông nam giáp Hà Nội; phía tây giáp Sơn La; phía nam giáp Hoà Bình. Địa hình của tỉnh chủ yếu là đồi núi. Phú Thọ có 3 con sông lớn chảy qua: sông Hồng (sông Thao), sông Lô và sông Đà. Nhiệt độ trung bình năm khoảng 23,4°C. Giao thông bằng đường bộ, đường sắt và đường thủy đều thuận lợi. Thành phố Việt Trì cách Hà Nội 80km.

Tiềm năng phát triển du lịch: Phú Thọ là vùng đất tổ cội nguồn của dân tộc Việt Nam. Nơi đây các vua Hùng đã dựng nước Văn Lang - quốc gia đầu tiên của Việt Nam, thủ đô là Phong Châu. Phú Thọ có nền văn hoá rực rỡ từ lâu đời. Những di chỉ khảo cổ văn hoá Sơn Vi, Đông Đậu, Làng Cả và nhiều đình, chùa, lăng, tẩm còn lại quanh vùng núi Nghĩa Lĩnh cho thấy đất Phong Châu là một trung tâm văn hoá của dân tộc. Đây là vùng đất có nhiều lễ hội, đáng kể nhất là lễ hội Giỗ tổ Hùng Vương (10/3 âm lịch). Các dân tộc ít người cũng có những đặc trưng văn hoá riêng của mình: Người Mường có nhiều truyện thơ, ca dao, tục ngữ, hát *xéc bùa*, hát *ví*, hát *đúm*. Người Việt có hát *xoan*, hát *ghẹo*...

#### **Một số điểm tham quan du lịch tỉnh Phú Thọ**

##### *Đền Quốc mẫu Âu Cơ*

Đền được xây trên núi Ốc Sơn, còn gọi là núi Vắn cao trên 147m so với mặt biển. Nằm trong khu di tích đền Hùng, xã Hy Cương, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ. Đền Quốc mẫu Âu Cơ được thiết kế dựa trên nền kiến trúc độc đáo mang đậm dấu ấn văn hóa của thời kỳ Đông Sơn. Đền thờ Mẹ Âu Cơ, người mẹ huyền thoại, linh thiêng, huyền diệu có công đầu trong việc khai hoang, mở cõi của dân tộc. Tổng thể kiến trúc gồm có: nhà Tả vu, nhà Hữu vu, nhà bia, trụ biểu, tứ trụ, cổng tam quan, nhà đón tiếp, nhà hành lễ, sân, vườn, hệ thống đường bậc, bãi quay xe.

Đường từ chân núi lên đền cửa đền gồm 553 bậc đá, trên đường đi có nhà đón khách và chỗ dừng chân. Cổng tam quan xây cao 5,8m có ba lối vào, lối chính cao 2,2m, mái cổng lợp dán ngói mũi hài, các đao góc, các họa tiết chạm khắc mô phỏng hình chim Lạc. Điềm nhân của tiền cảnh đền là bia và trụ bia làm bằng đá một mặt khắc chữ nôm, mặt kia khắc chữ quốc ngữ ghi lại thời kỳ xây dựng đền với sự đóng góp công đức của đồng bào cả nước. Đền được dựng theo kiến trúc truyền thống với cột, khung, sườn, mái, vách ngăn bằng gỗ lim; mái lợp ngói mũi hài, tường xây bằng gạch bát. Khu đền chính gồm một đền thờ chính và hai nhà Tả vu, Hữu vu nằm hai bên, kiến trúc kiểu chữ đình. Riêng thành lan can được chạm khắc các họa tiết hình chim Lạc và các hoạt động văn hóa dân gian thời kỳ Đông Sơn. Nội thất trong đền gồm tượng Mẫu và hai tượng Lạc Hầu, Lạc Tướng được đúc bằng đồng với khối lượng khoảng 2 tấn. Tượng Mẫu Âu Cơ cơ bản lấy theo mẫu tượng đang thờ ở đền Mẫu Âu Cơ tại xã Hiền Lương (huyện Hạ Hòa - Phú Thọ), chỉ điều chỉnh đôi chút.

Vật liệu được lựa chọn công phu, đạt tiêu chuẩn chất lượng cao. Các nhang án, đại tự, câu đối, bệ đặt trống đồng, giá treo chuông, treo chiêng, y môn... được sơn son thiếp vàng trên chất liệu gỗ quý. Hai bên Tả vu là hai bức phù điêu khắc họa cảnh 50 người con theo cha xuống biển, 50 người con theo mẹ lên núi bằng chất liệu gò đồng.

Do đặc thù nằm trên núi cao có độ chênh cốt lớn nên hệ thống sân vườn được xây dựng khá kỳ công, xung quanh đền chính được xây kè bằng 3 lớp, lớp trong cùng là tường chắn bằng bê tông cốt thép, lớp giữa xây bằng đá hộc, lớp ngoài ốp bằng đá ong lấy từ vùng làng cổ Sơn Vi, Thanh Đình huyện Lâm Thao (Phú Thọ). Công trình đã sử dụng hơn 8.000m<sup>3</sup> đá, 5.300 tấn cát sỏi, 68.000 tấn xi măng, 250m<sup>3</sup> gỗ lim. Đền Quốc mẫu Âu Cơ được hoàn thành đúng vào dịp lễ hội Đền Hùng - Quốc lễ năm 2005.

### *Bảo tàng Hùng Vương*

Bảo tàng Hùng Vương nằm trên đường Trần Phú, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Đây là bảo tàng tổng hợp mang tính chất đặc trưng của bảo tàng khảo cứu địa phương nhằm giới thiệu về lịch sử Phú Thọ từ thời khai sơn lập địa, dựng nước của thời đại các vua Hùng cho tới thời đại Hồ Chí Minh thông qua các bộ sưu tập, tài liệu, hiện vật quý hiếm. Qua đó tái hiện không gian địa văn hóa hào hùng, vẻ vang của đất nước trên Đất tổ. Bảo tàng Hùng Vương khánh thành vào ngày 4/4/2010, sau 2 năm xây dựng trên diện tích đất khoảng 15.000 m<sup>2</sup>, trong đó có khu nhà bảo tàng 3 tầng, mô phỏng kiến trúc nhà sàn Bắc Bộ, với mái dốc 4 phía dán ngói đỏ, kiến trúc hoa văn Đông Sơn kết hợp kiến trúc hiện đại, diện tích sàn 9000 m<sup>2</sup>... Bảo tàng Hùng Vương hiện trưng bày gần 10 nghìn hiện vật qua các thời kỳ xây dựng và phát triển đất nước cùng các tư liệu khảo cứu hiện vật của các triều đại lịch sử Việt Nam từ tiền sử, sơ sử đến ngày nay. Đặc biệt, Bảo tàng Hùng Vương còn lưu trữ được những hiện vật, cổ vật, bảo vật quốc gia, nhất là những hiện vật bảo vật thời Lý, Trần. Ngoài ra, Bảo tàng còn lưu giữ các chiến tích lịch sử chiến tranh trong các trận chiến của quân và dân ta trong các thời kỳ chống giặc ngoại xâm, từ Bắc thuộc đến thời kỳ chống Mỹ và chống Pháp. Các hiện vật được trưng bày của Bảo tàng Hùng Vương gồm 3 phần:

*Phần 1:* Trưng bày cố định, có 49 cụm mỹ thuật theo 5 chủ đề: Thiên nhiên, con người Phú Thọ; Phú Thọ thời kỳ tiền sử và sơ sử; Phú Thọ trong thời kỳ Bắc thuộc và xây dựng quốc gia phong kiến tự chủ; Lịch sử chống ngoại xâm của nhân dân Phú Thọ và Phú Thọ trong công cuộc đổi mới từ năm 1986 đến nay.

*Phần 2:* trưng bày chuyên đề. Đây là phần trưng bày có tính chất động, theo chuyên đề gắn liền với những yêu cầu của nhiệm vụ chính trị.

*Phần 3:* Trưng bày ngoài trời. Khu vực này trưng bày cố định các hiện vật có kích thước lớn như xe tăng của Pháp; tàu chiến của Pháp trong chiến thắng Tu Vũ - Đá Chông; máy bay... và những đề tài có tính chất minh họa như trưng bày dân tộc học, khảo cổ học và lịch sử cách mạng.

Ngoài ra còn có gian trưng bày trang phục các dân tộc, bản đồ phân bố 54 dân tộc của nước ta và phòng trưng bày tranh ý tưởng của các kiến trúc sư về xây dựng Tháp Hùng vương do tỉnh Phú Thọ cùng Viện Kiến trúc Việt Nam tổ chức. Cùng với Khu di tích lịch sử Đền Hùng, Bảo tàng Hùng Vương sẽ là điểm đến hấp dẫn với du khách khi về quê hương đất Tổ.

### *Khu di tích đền Hùng*

Khu di tích đền Hùng là một quần thể kiến trúc thâm nghiêm trên núi Nghĩa Lĩnh xã Hy Cương, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Từ Hà Nội theo quốc lộ số 2 đến thành phố Việt Trì (84km) đi tiếp khoảng 10km đến ngã ba Hàng rẽ về bên trái 3 km là đến khu di tích. Khu di tích lịch sử đền Hùng gồm có đền Hạ và chùa, đền Giếng, đền Trung, đền Thượng, lăng vua Hùng. Đền được xây vào thế kỷ 15, tương truyền nơi đây người con trưởng của Lạc Long Quân và Âu Cơ lên làm vua lấy hiệu Hùng Vương, đặt tên nước là Văn Lang.

*Đền Hạ:* Từ chân núi Hùng rẽ qua Đại môn (cổng đền) leo qua 225 bậc thang xây bằng gạch lên đến đền Hạ và chùa (Thiên Quang tự). Đền được xây vào thế kỷ 15, tương truyền nơi đây bà Âu Cơ sinh bọc trăm trứng, nở thành trăm người con. Âu Cơ dẫn 50 người con lên núi, Lạc Long Quân dẫn 49 người con xuống biển, để lại người con trưởng làm vua hiệu là Hùng Vương, đóng đô ở Phong Châu, đặt tên nước là Văn Lang. Trước cửa đền Hạ có cây thiên tuế, nơi đây chủ tịch Hồ Chí Minh trên đường về tiếp quản thủ đô có nói chuyện với chiến sĩ của đại đoàn quân tiên phong "Các vua Hùng đã có công dựng nước, bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước".

*Đền Trung:* Từ đền Hạ leo thêm 168 bậc đá nữa là tới đền Trung. Tương truyền nơi đây các vua Hùng lập quán xá để nghỉ ngơi và bàn việc với các lạc hầu. Cũng ở nơi đây hoàng tử Lang Liêu đã dâng bánh chưng, bánh giầy lên cho vua cha nhân dịp tết

*Đền Thượng:* Từ đền Trung đi tiếp 102 bậc đá là đến đền Thượng, nơi các vua Hùng làm lễ tế Trời Đất, Thần Núi và Thần Lúa. Đây cũng là nơi Thục Phán sau khi được vua Hùng thứ 18 truyền ngôi, dựng cột đá thề sẽ trông nom ngôi đền và giữ gìn cơ nghiệp nhà Hùng.

*Lăng vua Hùng:* Tương truyền là mộ vua Hùng Vương thứ 6. Sau khi Thánh Dóng đánh giặc Ân bay lên trời, vua Hùng đã hoá ở đây.

*Đền Giếng:* Từ lăng đi xuống, đền ở chân núi phía Đông Nam. Trong đền có giếng Ngọc, bốn mùa đầy nước, trong vắt soi gương được. Đền thờ Ngọc Hoa và Tiên Dung là con gái yêu của vua Hùng thứ 18 thường hay chải tóc và soi gương ở giếng này. Ngày nay, ở gần Công Quán (nơi để tiếp khách thập phương) có Bảo tàng Hùng Vương được xây dựng tương đối lớn trưng bày nhiều hiện vật thời kỳ Hùng Vương dựng nước qua nền văn hoá thời đại đồ đá, đồ đồng, đồ sắt...

## *Đầm Ao Châu*

Đầm Ao Châu nằm trên địa bàn thị trấn Hạ Hòa và các xã Y Sơn, Âm Hạ và Phụ Khánh thuộc huyện Hạ Hoà cách thị xã Phú Thọ 50km, cách thành phố Việt Trì 70km. Đầm Ao Châu được coi là một Hạ Long trên đất Phú Thọ. Đây là một tiềm năng du lịch hấp dẫn và đầy triển vọng của đất tổ Vua Hùng. Du khách có thể đi bằng đường bộ, đường sắt hoặc đường thủy tới Ao Châu đều thuận lợi. Theo đường sắt, Ao Châu nằm trên tuyến đường Hà Nội - Lào Cai và sẽ là trục đường sắt xuyên Á, nối liền các nước trong khu vực với tỉnh Vân Nam, Trung Quốc. Theo đường bộ, nằm trên trục quốc lộ số 2 - tuyến đường quan trọng nhất nối thủ đô Hà Nội với các tỉnh phía Tây Bắc. Theo đường thủy, có nhiều con sông lớn chảy qua như sông Hồng, sông Đà, sông Lô... Ao Châu có diện tích mặt nước khoảng 2km<sup>2</sup> và có tới khoảng 100 hòn đảo lớn nhỏ được bao phủ một thảm thực vật đa loài dày đặc và phong phú, đỉnh cao nhất cao tới 177m so với mặt biển, cùng với 99 ngách nước đan cài vào các khe núi. Đáng chú ý là mực nước trong hồ luôn có độ sâu khoảng 3m, có nơi sâu tới 35m và quanh năm không bị cạn. Nhờ vậy, mặt nước Ao Châu trong xanh, không bị ô nhiễm và có nhiều thủy tộc sinh sống: giải, rùa vàng, ba ba... Đặc biệt, nhân dân địa phương còn trồng nhiều loại cây ăn quả như: mít, bưởi, nhãn, vải... khiến cho Ao Châu càng trở nên hấp dẫn.

Ao Châu có điều kiện rất thuận lợi để phát triển thành khu du lịch sinh thái với các loại hình du lịch như: nghỉ dưỡng, bơi thuyền, câu cá, leo núi..., đáp ứng nhu cầu của du khách trong và ngoài nước, nhất là khách du lịch Trung Quốc. Cùng với khu du lịch này, các tài nguyên du lịch thuộc các địa phương khác như: các lễ hội truyền thống, các di tích lịch sử văn hóa, hệ thống hang động của vườn quốc gia Xuân Sơn, Ao Giời - Suối Tiên, khu nghỉ dưỡng nước khoáng nóng Thanh Thủy, sinh hoạt văn hóa của đồng bào các dân tộc thuộc huyện Thanh Sơn, Yên Lập... sẽ tạo nên một tam giác du lịch mang những sắc thái khác nhau với các loại hình du lịch đặc sắc, phong phú, đa dạng. Khu du lịch Ao Châu đang trở thành điểm du lịch sinh thái hấp dẫn, thúc đẩy sự phát triển của cả một vùng về các mặt kinh tế, văn hóa, xã hội. Ngoài ra, sự hình thành và phát triển của khu du lịch này còn thúc đẩy sự phát triển các làng nghề truyền thống, các ngành sản xuất, tiêu thụ hàng hóa, nhất là xuất khẩu tại chỗ nhiều loại hàng hoá, hàng lưu niệm cũng như các dịch vụ khác.

## *Vườn quốc gia Xuân Sơn*

Vườn quốc gia Xuân Sơn đa dạng sinh thái, đa dạng sinh học cao, đa dạng địa hình kiến tạo nên đa dạng cảnh quan nằm ở điểm cuối cùng của dãy Hoàng Liên Sơn thuộc địa bàn xã Xuân Sơn, huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ. Vườn quốc gia Xuân Sơn có tổng diện tích 15.048 ha, vùng đệm 18.639 ha. Trong đó, khu bảo vệ nghiêm ngặt là 9.099 ha, là vườn quốc gia duy nhất có rừng nguyên sinh trên núi đá vôi (2.432ha). Theo thống kê ban đầu, Xuân Sơn có 726 loài thực vật bậc cao, hệ thực vật có các loài: re, dẻ, sồi và mộc lan chiếm ưu thế. Ngoài ra, còn có các loài tiêu biểu cho khu vực Tây Bắc như: tấu muối, tấu lá duối, sao mặt quỷ và chò chỉ, chò vẩy, nghiến, dòi, vầu đắng, kim giao (rừng chò chỉ ở Xuân Sơn là một trong những rừng chò chỉ đẹp và giàu nhất miền Bắc). Tại đây hiện có 365 loài động vật, trong đó có 46 loài ghi trong sách đỏ Việt Nam và 18 loài ghi trong sách đỏ Thế giới. Các loài đặc trưng cho hệ động vật Tây Bắc như Voọc xám, vượn chó, cầy bạc má, sóc bụng đỏ đuôi trắng, gấu, báo,... về chim có gà lôi, gà tiền, đại bàng đất,... và là nơi có nhiều sơn dương nhất toàn quốc. Nằm trong quần thể vườn quốc gia Xuân Sơn có ba đỉnh núi cao trên 1.000m là: núi Voi, núi Ten và núi Cẩn với hàng trăm hang động; sông suối như: suối Lập, suối Thang; và nhiều thác nước có độ cao trên 50m, che phủ hang, hốc đá, hoà quyện màu

thác bạc với màu xanh của rừng già làm cho phong cảnh vừa hùng vĩ vừa thơ mộng. Do quá trình phong hoá, thuỷ hoá tạo thành Xuân Sơn có 16 hang động đá vôi thạch nhũ đẹp, đa dạng, tạo nên muôn hình vạn trạng. Vào thăm hang động ở đây, du khách không khỏi ngỡ ngàng trước vẻ đẹp của các nhũ đá rủ xuống thành muôn hình kỳ lạ. Động Tiên là một hang ngầm trong lòng núi đá cẩm thạch dài 10km. Trong hang có đường thông gió lên thẳng đỉnh núi, làm cho không khí trong lành mát dịu. Hồ nước có nhiều loài cá lạ hấp dẫn.

Đặc biệt, ở Xuân Sơn có khí hậu thay đổi 4 mùa trong một ngày với buổi sáng thì mát mẻ, trong lành như mùa xuân; buổi trưa thì ấm áp như mùa hè; buổi chiều thì hiu hiu như mùa thu; buổi tối thì trời se lạnh. Nơi đây có nhiều tiềm năng du lịch để phát triển nhiều loại hình du lịch, là điểm thu hút du khách trong và ngoài nước.

#### *Khu du lịch nước khoáng nóng Thanh Thủy*

Khu du lịch nước khoáng nóng Thanh Thủy cách Hà Nội khoảng 80km về phía tây bắc thuộc địa phận xã La Phù, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. Nơi đây là một trong những khu du lịch có nguồn suối khoáng nóng tự nhiên vừa mới được đưa vào khai thác phục vụ cho việc nghỉ ngơi thư giãn sau những ngày làm việc mệt mỏi. Với diện tích khoảng 87ha, qua nghiên cứu cho thấy nước khoáng Thanh Thủy có nhiệt độ trung bình khoảng 37<sup>0</sup>C đến 43<sup>0</sup>C, trong nước khoáng có nhiều hàm chất vi lượng như: natri, canxi, magiê, đặc biệt có chứa nhiều hàm chất radon - một loại nước radon quý hiếm rất thích hợp cho việc tắm ngâm, phục hồi sức khoẻ và chữa bệnh. Đến với Thanh Thủy du khách được ngâm mình trong những bồn nước khoáng nóng tự nhiên từ trong lòng đất, thỏa sức vùng vẫy, bơi lội trong bể bơi có mái che ngoài trời hoặc ngồi thư giãn ngâm chân để tận hưởng những giây phút thư thái, hòa mình vào thiên nhiên khoáng đãng, trong lành. Hệ thống nhà sàn nằm sát bên hồ có phòng ngủ khép kín, khu vui chơi giải trí phục vụ nhu cầu của du khách và thưởng thức những món ăn mang đậm phong cách ẩm thực Phương Đông, những món ăn đặc sản mà chỉ có ở Thanh Thủy như: dê núi đá, cá Sông Đà, nếp nương Thanh Thủy.

### **8.3. Một số tuyến tham quan du lịch liên vùng**

+ Hòa Bình-Sơn La-Điện Biên (Điện Biên Phủ)-Lai Châu-Lào Cai (Sa Pa)-Yên Bái-Hà Giang-Cao Bằng-Lạng Sơn.

+ Hòa Bình-Sơn La-Điện Biên (Điện Biên Phủ)-Yên Bái (Yên Bình)-Bắc Kạn (Ba Bể)-Lạng Sơn (Đông Mỏ).

+ Thái Nguyên-Ba Bể-Cao Bằng (Bản Giốc) - Lạng Sơn.

+ Bắc Giang - Lạng Sơn - Cao Bằng - Bắc Kạn - Thái Nguyên - Tuyên Quang - Hà Giang.

+ Sơn La-Điện Biên (Điện Biên Phủ)-Lai Châu-Lào Cai (Sa Pa).

+ Phú Thọ (Việt Trì)-Yên Bái-Lào Cai (Sa Pa).

+ Phú Thọ (Việt Trì)-Sơn La-Điện Biên (Điện Biên Phủ)-Lào Cai (Sa Pa).

*Các khu du lịch quốc gia (có vai trò động lực thúc đẩy phát triển du lịch vùng TDMNBB):*

Pác Bó, Bản Giốc (Cao Bằng); Ba Bể (Bắc Kạn); Điện Biên Phủ-Pá Khoang-Mường Phăng (Điện Biên); Sa Pa (Lào Cai); Thác Bà (Yên Bái); Hồ Hòa Bình (Hòa Bình), Đền Hùng (Phú Thọ); ATK (Thái Nguyên, Tuyên Quang, Bắc Kạn); Định Hóa (Thái Nguyên); Mộc Châu (Sơn La).

### **8.4. Các tuyến du lịch quốc gia và quốc tế**

#### **8.4.1. Các tuyến du lịch quốc gia**



- Lạng Sơn-Hà Nội-các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ (sau đây viết tắt là các tỉnh ĐBBB).
- Cao Bằng-Bắc Kạn-Thái Nguyên-Hà Nội-các tỉnh ĐBBB.
- Hà Giang-Tuyên Quang-Phú Thọ-Hà Nội-các tỉnh ĐBBB.
- Tây Bắc-Hà Nội-các tỉnh ĐBBB.
- Hà Nội – Bắc Ninh – Lạng Sơn
- Hà Nội – Phú Thọ - Thái Nguyên
- Hà Nội – Hòa Bình – Mai Châu
- Hà Nội – Lai Châu – Sơn La – Điện Biên
- Hà Nội – Tuyên Quang – Cao Bằng – Bắc Kạn
- Hà Nội – Phú Thọ - Thái Nguyên – Yên Bái – Lào Cai (Sapa)
- Hà Nội – Lào Cai – Hà Giang – Bắc kạn..

#### **8.4.2. Các tuyến du lịch quốc tế**

- Côn Minh (Trung Quốc) - Lào Cai - Hà Nội-Hải Phòng-Quảng Ninh.
- Nam Ninh (Trung Quốc) - Lạng Sơn-Hà Nội-Hải Phòng-Quảng Ninh.

### **TÓM TẮT CHƯƠNG 8**

*Trong bài này, sinh viên nắm được các nội dung sau:*

*Khái quát chung về tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch nhân văn thuộc vùng du lịch Trung du và miền núi Bắc bộ.*

*Khái quát chung về cơ sở vật chất – kỹ thuật phục vụ hoạt động du lịch thuộc vùng Trung du và miền núi Bắc bộ.*

*Sinh viên sẽ hiểu và nắm rõ hơn về các loại hình du lịch ở các tỉnh miền núi Bắc bộ về du lịch sinh thái, du lịch văn hóa các dân tộc.*

*Giới thiệu tóm tắt đôi nét về điều kiện tự nhiên, điều kiện kinh tế, dân số, văn hóa và các dân tộc cư trú tại mỗi tỉnh thuộc vùng du lịch Trung du và miền núi Bắc bộ.*

*Đồng thời, mỗi tỉnh sẽ giới thiệu khái quát về các điểm đến tham quan bao gồm những danh lam thắng cảnh, nghệ thuật, lễ hội, phong tục tập quán của các dân tộc cùng cư ngụ tại đây.*

*Khái quát một số tài nguyên du lịch tự nhiên về khí hậu, đồi núi có thể khai thác các tuyến du lịch về thời tiết lạnh, leo núi, khám phá mạo hiểm của các tỉnh.*

*Giới thiệu một số tuyến điểm xuyên vùng du lịch của các tỉnh cũng như các tuyến, điểm du lịch bằng đường sắt quốc tế với hai cửa khẩu thuộc tỉnh Lạng Sơn và Lào Cai.*

*Đồng thời, Khám phá loại hình mạo hiểm leo núi chính phục nóc nhà Đông Dương đỉnh Phanxipăn..*

### **CÂU HỎI ÔN TẬP**

Câu 1: Vùng du lịch Trung du và miền núi Bắc bộ có bao nhiêu tỉnh?

Câu 2: Theo anh/chị các tỉnh vùng du lịch Trung du và miền núi Bắc bộ có những loại tài nguyên du lịch gì? Mỗi loại tài nguyên du lịch cho ví dụ minh họa?

Câu 3: Đặc điểm chung của vùng du lịch Trung du và miền núi Bắc bộ là loại hình du lịch gì? Giải thích tại sao?

Câu 4: TUYẾN du lịch Trung du và miền núi Bắc bộ có các cửa khẩu quốc tế nào?

Câu 5: Hãy kể tên các cửa khẩu quốc tế? Các cửa khẩu đó thuộc địa phận tỉnh nào?

Câu 6: Hãy kể tên một số chợ tình thuộc tỉnh nào? thời gian họp chợ?

Câu 7: Anh/Chị hãy nêu cho biết các tỉnh trong vùng có bao nhiêu sân bay nội địa? Hãy kể tên các sân bay đó?

Câu 8: Anh/Chị hãy nêu cụ thể một tour du lịch biển trong vùng du lịch Trung du và miền núi Bắc bộ?

Câu 9: Anh/Chị hãy cho biết núi Đồi Quán Bạ nằm ở tỉnh nào? Giới thiệu khái quát điểm trên?

Câu 10: Anh/Chị hãy cho biết một số điểm du lịch của các bản dân tộc thiểu số ở vùng du lịch Trung du và miền núi Bắc Bộ?

## KẾT LUẬN

Ngày nay, du lịch là ngành công nghiệp không khói đóng vai trò kinh tế mũi nhọn. Du lịch tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập, tăng ngân sách, là nguồn thu ngoại tệ quan trọng và đối với các quốc gia đang phát triển trong đó có Việt Nam. Du lịch đã tác động lớn đến kinh tế, đời sống xã hội, văn hóa tinh thần và văn hóa vật chất của người dân nói chung và người dân có những điểm, khu du lịch, tuyến du lịch và các sản phẩm du lịch đưa vào khai thác thông qua các chương trình du lịch của các công ty lữ hành nội địa và quốc tế.

Giáo trình Tuyến điểm du lịch Việt Nam đi sâu vào nghiên cứu, xem xét cơ sở lý luận về tuyến điểm, khu du lịch và khái quát chung về du lịch Việt Nam trên tất cả các lĩnh vực như: Tài nguyên du lịch tự nhiên, tài nguyên du lịch nhân văn, cơ sở hạ tầng, điểm tham quan, cơ sở lưu trú, dịch vụ ăn uống, mua sắm và các loại hình vui chơi giải trí... tại tất cả các tỉnh, thành phố trong cả nước.

Đồng thời, giáo trình đã giới thiệu khái quát về lịch sử hình thành và phát triển tuyến điểm du lịch vùng du lịch đồng bằng sông Cửu Long; Tuyến điểm du lịch vùng du lịch Đông Nam bộ; Tuyến điểm du lịch vùng du lịch Tây Nguyên; Tuyến điểm du lịch vùng du lịch duyên hải Nam Trung bộ; Tuyến điểm du lịch vùng du lịch duyên hải Bắc Trung bộ; Tuyến điểm du lịch vùng du lịch đồng bằng sông Hồng và duyên hải Đông Bắc; Tuyến điểm du lịch vùng du lịch Trung du và miền núi Bắc bộ. Bài này cung cấp các kiến thức về tài nguyên du lịch của vùng, cơ sở vật chất – kỹ thuật phục vụ du lịch. Đồng thời giới thiệu chi tiết về các điểm tham quan thuộc các tỉnh trong vùng du lịch Trung du và miền núi Bắc bộ, các tuyến, điểm du lịch liên vùng giữa trong nước và quốc tế.

Tuyến điểm du lịch Việt Nam là cuốn sách khái quát chung về Kinh doanh dịch vụ du lịch nói chung và kinh doanh dịch vụ lữ hành nói riêng đã trở thành một lĩnh vực giữ vị trí ngày càng quan trọng trong nền kinh tế của nhiều quốc gia. Với nước ta, phát triển lĩnh vực kinh doanh dịch vụ du lịch càng trở nên cấp thiết và cần phải có những chiến lược, chính sách khuyến khích đầu tư phát triển du lịch ở những địa phương có nhiều tiềm năng về tài nguyên du lịch. Hiện nay, đứng trước yêu cầu phát triển kinh tế du lịch với quy mô lớn, tốc độ nhanh, làm cho các doanh nghiệp lữ hành nội địa và quốc tế đối phó với nhiều vấn đề nan giải, tồn tại mâu thuẫn, rủi ro về tài chính ngày càng gay gắt nên mỗi doanh nghiệp lữ hành cần phải biết tận dụng và nắm bắt những cơ hội phát triển và tạo ra những

dòng sản phẩm dịch vụ du lịch mới nhằm đáp ứng nhu cầu khách du lịch. Quá trình kinh doanh và phục vụ trong lĩnh vực lữ hành là quá trình đổi mới và hoàn thiện liên tục, đây chính là điều mà nhóm tác giả muốn gửi đến bạn đọc khi kết thúc công trình nghiên cứu này.

Với mong muốn đóng góp một phần trong việc định hướng cho các nhà làm công tác nghiên cứu, giảng dạy ở bậc đại học, cao đẳng và ứng dụng thực tiễn trong công tác hướng dẫn viên du lịch, điều hành, quản lý đội ngũ hướng dẫn viên thuộc lĩnh vực kinh doanh du lịch nói chung và hướng dẫn viên nói riêng ở mức độ tổng quát. Nhóm tác giả đã cố gắng hệ thống hóa các kiến thức nền tảng kết hợp đúc kết từ kinh nghiệm thực tiễn, trình bày một cách súc tích, dễ hiểu cho bạn đọc, nhưng chắc chắn quyển giáo trình này sẽ không tránh khỏi những thiếu sót nhất định, nhóm tác giả rất mong nhận được những góp ý quý báu của Hội đồng Khoa học Khoa Du lịch, Hội đồng Khoa học trường đại học Tài Chính – Marketing và những đồng nghiệp cùng bạn đọc gần xa để chúng tôi hoàn thiện hơn.

Xin trân trọng cảm ơn!

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Huy Bá, 2006, *Du lịch sinh thái*, Nxb Khoa học và Kỹ thuật, HN
2. Luật Du lịch số 44/2005/QH11 ngày 14/6/2005;
3. Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/06/2017;
4. Luật Di sản văn hoá số 28/2001/QH10 ngày 29/6/2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18/06/ 2009;
5. Luật Bảo vệ Môi trường số 52/2005/QH11 ngày 29/11/2005;
6. Bửu Ngôn, 2010, *Tuyển điểm du lịch Việt Nam*, Nxb. Thanh Niên, HN. Tập 1.
7. Bửu Ngôn, 2010, *Tuyển điểm du lịch Việt Nam*, Nxb. Thanh Niên, HN. Tập 2
8. Bửu Ngôn, 2010, *Tuyển điểm du lịch Việt Nam*, Nxb. Thanh Niên, HN. Tập 3
9. Tổng cục Du lịch, 2010, *Non nước Việt Nam*, NXB Lao động xã hội, HN
10. Tổng cục Thống kê Việt Nam, *Diện tích, dân số và mật độ dân số năm 2012 phân theo vùng*, 2012
11. Tổng cục Thống kê Việt Nam, *Diện tích, dân số và mật độ dân số năm 2019 phân theo vùng*, 2019
12. Tổng Cục Du lịch, báo cáo chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030
13. Quyết định số 191/2006/QĐ-TTg ngày 17/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ triển khai thực hiện Chương trình Hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 54-NQ/TW ngày 14/9/2005 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế-xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng ĐBSH và vùng Kinh tế trọng điểm đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020;
14. Quyết định số 2473/QĐ-TTg ngày 30/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “*Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030*”;
15. Quyết định 201/QĐ-TTg ngày 22/1/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “*Quy hoạch tổng thể phát triển Du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030*”;
16. Quyết định số 1059/QĐ-BVHTTDL ngày 22/3/2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc giao nhiệm vụ lập “*Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch vùng Đồng bằng sông Hồng và Duyên hải Đông Bắc đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030*”.
17. Quyết định số 1058/QĐ-BVHTTDL ngày 22/3/2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc giao nhiệm vụ lập “*Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch vùng Tây Nguyên đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030*”.
18. Quyết định số 2798/QĐ-BVHTTDL ngày 15/8/2013 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc phê duyệt đề án “*Phát triển du lịch biển, đảo và vùng ven biển Việt Nam đến năm 2020*”.
19. Quyết định số 1694/QĐ-BVHTTDL ngày 9/5/2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc giao nhiệm vụ lập “*Quy hoạch phát triển du lịch vùng Bắc Trung bộ đến năm 2020 và tầm nhìn 2030*” .
20. Võ Văn Sen, 2014, *Làng nghề và phát triển du lịch*, Nxb. ĐHQG TP.HCM
21. Võ Văn Sen, 2014, *Tín ngưỡng thờ ấu ở Nam bộ bản sắc và giá trị*, Nxb. ĐHQG TP.HCM
22. Lê Bá Thảo, 2008, *Thiên nhiên Việt Nam*, NXB Giáo dục, HN
23. Nguyễn Minh Tuệ, 2009, *Địa lý du lịch Việt Nam*, Nxb. GDVN

24. Bùi Thị Hải Yến, 2009, *Tài nguyên du lịch*, Nxb. Giáo dục Việt Nam, HN.
25. Bùi Thị Hải Yến, 2009, *Quy hoạch du lịch*, Nxb. Giáo dục, HN
26. Bùi Thị Hải Yến, 2009, *Tuyến điểm du lịch Việt Nam*, Nxb. Giáo dục Việt Nam, HN.
27. Bùi Thị Hải Yến (Chủ biên), 2012, *Du lịch cộng đồng*, Nxb. GDVN, HN.
28. Viện nghiên cứu phát triển du lịch, *Báo cáo tổng hợp đề án phát triển du lịch ĐBSCL đến năm 2020*, HN, T 1/2010
29. <http://www.tourism.gov.vn>
30. <http://www.dulichvietnam.com.vn>
31. <http://www.diemvangdulich.com>
32. <http://www.svhttdl.hochiminhcity.gov.vn>
33. <http://tapchidulich.com.vn>
34. <http://www.tdt.gov.vn>
35. <http://www.svhttdl.binhthuan.gov.vn>
36. [www.sotaydulich.com](http://www.sotaydulich.com)
37. [www.webtretho.com/.../ca-bien-la-gi-binh-thuan-khon](http://www.webtretho.com/.../ca-bien-la-gi-binh-thuan-khon)
38. [www.pandanusresort.com/vi...lang...mui-ne/294](http://www.pandanusresort.com/vi...lang...mui-ne/294)
39. [www.citypassguide.com](http://www.citypassguide.com)